LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 182

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

SỐ 2037
( QUYỂN 2 →4 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2037

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

*Ô Trình Chức Lý, Bảo Tướng Tỳ-kheo Thích Giác Ngạn, Hiệu Bảo Châu biên tập, chỉnh sửa.*

## QUYỂN 2

+ ***Đông Tấn:*** Họ Tư mã, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Nguyên Đế, Minh Đế, Thành Đế, Khang Đế, Mục Đế, Ai Đế, Hải Tây Công, Giản Văn Đế, Vũ Đế, An đế, Cung Đế.

- ***Trung Tông Nguyên Hoàng Đế:*** Tên là Duệ, con của Lang Da Vương Cận, tằng tôn của Tuyên Đế. Năm mười lăm tuổi ông được tự phong làm Lang Da Vương. Hoài Đế niên hiệu Vĩnh Gia năm đầu, ông làm An Đông tướng quân trấn giữ Kiến Nghiệp. Mẫn Đế năm Kiến Hưng năm thứ tư, Trường An thất thủ, Mẫn Đế lưu lạc trong dân gian, ông đem binh chinh phạt phía Bắc. Tháng hai năm Đinh Sửu, ông lên ngôi Tấn Vương ở Kiến Khang, đặt ra trăm quan, lập ra tông miếu, xã tắc, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Kiến Vũ. Tháng mười hai, Mấn Đế bị hại. Tháng ba năm Mậu Dần, tin dữ đến Kiến Khang, ông mặc đồ tang, ở nhà tranh chịu tang, sau đó lên ngôi Hoàng Đế, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Đại Hưng, lập Vương Thái tử Thiệu làm Hoàng Thái tử. Lúc này nhân lúc có tang, loạn lạc, giặc Giang Đông nổi lên, Điêu Hiệp vốn là hoạn quan trong triều đã lâu, thấu rành chuyện cũ, Hạ là kẻ theo đạo Nho, Tông Minh giỏi lễ nhạc, phàm việc gì họ đều tự quyết. Đế ở ngôi sáu năm, thọ bốn mươi bảy tuổi. Đế dựng hai chùa Ngõa quan và Long Hưng ở Kiến Khang, cúng cả ngàn tăng ở Đan Dương, Kiến Nghiệp. Niên hiệu Kiến Vũ một năm, Thái Hưng bốn năm, Vĩnh Xương một năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Sửu: Tấn: Kiến Vũ năm đầu* | *Hán: Lân Gia năm thứ 2* | *Đại Thành: Ngọc Hành năm thứ 7* | *Tiền Lương Trương Thật* |
| *Mộ Dung* | *Đại: Bình văn* | *Ngọc Hoành* | *Khang Lương* |
| | *Đế Uất Luật năm đầu* | *năm thứ 8* | |
| *Mậu Dần: Đại Hưng năm đầu* | *Thông Mất, Lưu Diệu lên ngôi, Quang Sơ năm đầu* | | |
| | *Đại năm thứ 2* | | |

+ Hán Chủ Lưu Thông: Mất năm Mậu Dần, Thái tử Xán lên ngôi, sau bị Cận Chuẩn giết, Thừa Tướng Lưu Diệu lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Quang Sơ, dời đô về Trường An, đổi quốc hiệu là Triệu, Thạch Lặc được tấn phong tước Triệu Vương.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Ất Mão: Tấn Đại Hưng năm thứ 2* | *Triệu: Lưu Diệu Quang Sơ năm thứ 2* | *Thành: Ngọc Hoành năm thứ 9* | *Hậu Triệu: Thạnh Lặc năm đầu* | *Tiền Lương* |
| *Tiền Yên: Mộ Dung Hội* | *Đại: năm thứ 3* | | | |
| *Canh Thìn: Đại Hưng năm thứ 3* | *Quang Sơ năm thứ 3* | *Ngọc Hành năm thứ 10* | *Thạnh Lặc năm thứ 2* | *Tiền Lương* |
| *Yên* | *Đại: năm thứ 4* | | | |
| *Tân Tỵ: Đại Hưng năm thứ 4* | *Quang Sơ năm thứ 4* | *Ngọc Hành năm thứ 11* | *Thạnh Lặc năm thứ 3* | *Tiền Lương Trương Mậu soán ngôi* |
| *Yên* | *Đại: Hạ Nhục năm đầu* | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Nhâm Ngọ: Tấn Vĩnh Xương năm đầu, năm năm thứ bảy Đế mất* | *Quang Sơ năm thứ 5* | *Ngọc Hành năm thứ 12* | *Thạnh Lặc năm thứ 4* | *Tiền Lương* |
| *Tiền Yên* | *Đại: Năm thứ 2* | | | |

***+ Khổng Tước Kinh:*** Tôn giả Thi-lê Mật-đa-la (Hán dịch là Kiết Hữu) người Thiên Trúc, bỏ ngôi xuất gia (giống Ngô Thái Bá). Tây Tấn, Hoài Đế trong năm Vĩnh Gia, ngài đến Hoa Hạ, ở tại chùa Kiến Sơ thuộc Kiến Khang. Thừa Tướng Vương Đạo gặp ngài liền nói: "Người của bọn ta!" Thái úy Dữu Lượng, Quang Lộc Chu Nghỉ, Đình Úy Hoàn Di, danh công của một thời đến kết bạn. Thanh danh ngài vang khắp kinh thành. Ngài rất giỏi diễn thuyết pháp yếu, người đương thời gọi ngài là Cao Tòa Pháp Sư, đồng thời ngài giỏi tán tụng, giọng ngài trong vắt, cao tận mây xanh, ngài còn dịch các kinh như Khổng Tước v.v...

**Túc Tông Minh Đế:** Tên là Thiệu, con trưởng của Nguyên Đế, từ nhỏ đã tỏ ra thông minh. Được vài tuổi, nhân có lần sứ ở Trường An đến, Đế hỏi: "Con nói xem, mặt trời và Trường An cái nào gần hơn? Thiệu đáp: "Trường An gần hơn, chỉ nghe người ta từ Trường An đến chứ chưa ai từ mặt trời đến." Nguyên đế lấy làm lạ.

Hôm sau, Đế mở tiệc đãi các quan, Đế hỏi lại, Thiệu đáp: "mặt trời gần hơn!" Nguyên Đế thất sắc hỏi: "Sao hôm qua trả lời một đàng, nay lại trả lời một nẻo?" Thiệu đáp: "Vì mở mắt thì thấy ngay mặt trời mà không thấy Trường An!".

Từ đó, Nguyên Đế càng thấy lạ. Đế lập ông làm hoàng Thái tử. Ông tánh tình chí hiếu, văn võ song toàn, có tài mưu lược, kính hiền mến khách, rất giỏi văn chương. Những danh thần đương thời từ Vương Đạo, Dữu Lượng, Ôn Kiêu, Hoàn Di, Nguyễn Phóng đều được ông đích thân tiếp đãi. Ông tập võ nghệ, khéo phủ dụ tướng sĩ, đương thời đông triều hưng thịnh, xa gần đều quy phục. Tháng giêng niên hiệu Vĩnh Xương năm đầu, Vương Đôn dâng sớ ở Vũ Xương kể tội trạng của Điêu Hiệp, Lưu Ngôi, Nguyên Đế khuyên Hiệp và Ngôi đi tránh họa. Hiệp đi nhưng bị người ta giết, đem đầu về cho Đôn. Ngôi chạy sang Hậu Triệu Thạnh Thị, làm quan đến chức Thái tử Thái phó rồi mất. Đôn tiến binh chiếm Thạch Đầu, Nguyên Đế cho Đôn làm Thừa Tướng, Đôn bàn mưu

phế Thái tử nhưng không thành, không triều kiến Thiên Tử mà về Vũ Xương. Tháng mười một Nguyên Đế lo buồn thành bệnh rồi mất. Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu Thái Ninh. Tháng ba, Vương Đôn mưu đồ soán ngôi nên khởi binh tiếp, Đế đem binh đánh Đôn. Tháng năm thứ hai, Đôn bệnh nặng, Vương Hàm thua trận, sau đó Đôn chết. Bè đảng của Đôn giấu kín không phát tang mà dùng chiếu gói xác, bôi sáp bên ngoài rồi đem chôn tại Sảnh Sự Trung ở Giang Ninh. Bè đảng của Đôn được dẹp yên, Hữu Ty đào mộ của Đôn lên, lôi xác ra đốt hết áo mão, dựng thây quỳ lên rồi chém. Ông ở ngôi ba năm, thọ hai mươi bảy tuổi. Đế thích ăn chay làm phước, ông dựng hai ngôi chùa Hoàng Hưng và Đạo Tràng. Niên hiệu Thái Ninh có ba năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Quý Mùi: Tấn Thái Ninh năm đầu* | *Triệu: Lưu Diệu Quang Sơ năm thứ 6* | *Thành: Ngọc Hành năm thứ 13* | *Hậu Triệu Thạch Lặc, năm thứ 5* | *Tiền Lương* |
| *Tiền Yên* | *Đại: Thạch Bạt năm thứ 3* | | | |
| *Giáp Thân: Thái Ninh năm thứ 2* | *Quang Sơ năm thứ 7* | *Ngọc Hành năm thứ 14* | *Thạch Lặc năm thứ 6* | *Tử Tuấn cướp ngôi* |
| | *Đại Vương Hạ Nhục năm thứ 4* | | | |
| *Ất Dậu: Thái Ninh năm thứ ba, tháng bảy Đế mất* | *Quang sơ năm thứ 8* | *Ngọc Hành năm thứ 15* | *Thạnh Lặc năm thứ 7* | |

+ Sa-môn Trúc Pháp Thừa là bậc dĩnh ngộ phi phàm, tài trí xuất chúng, ngài lạy Pháp Hộ làm thầy, Pháp Hộ rất tâm đắc ngài. Về sau, ngài đến Đôn Hoàng dựng chùa chiêu mộ học chúng, phía tây được hưng hóa đều nhờ sức của ngài.

***Tổ Năm thứ 25:* Tôn giả Bà-xá-tư-đa.**

Ngài họ Bà-la-môn, người nước Kế Tân, cha là Tịch Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Trưởng thành, ngài theo Tôn giả Sư Tử xuất gia thọ cụ túc. Sau khi đắc pháp, ngài muốn đến vùng Nam Ấn. Đầu tiên, ngài đến Trung Thiên Trúc, quốc vương nước này tên là Ca Thắng đến đảnh lễ nghinh đón ngài. Lúc đó trong cung điện bỗng có mùi hương lạ, Tôn giả bùi ngùi nói: "Thầy ta quy tịch rồi!" và ngài hướng về phía Bắc đảnh lễ, và từ biệt quốc vương. Quốc vương nói: Xin Tôn giả ở lại giây lát, tôi có điều muốn hỏi, trong vườn này có con suối nóng, tôi không hiểu nguyên nhân do đâu, xin Tôn giả giải thích cho.

Ngài đáp:

Đó là suối nước nóng, có ba nguyên nhân khiến nó phải vậy, một là thần nghiệp, hai là quỷ nghiệp, ba là đá nung. Nếu đá nung thì màu nó như vàng, tính nó thường tỏa nhiệt, nên suối chảy ra phải nóng. Nếu là quỷ nghiệp, nghĩa là quỷ mới thoát tội qua lại trong nhân gian, do nghiệp lực của nó còn nên khiến cho suối nóng, nhằm trả nợ oan trái đời trước. Còn như thần nghiệp, nghĩa là thần không lo giữ đạo lại gây việc họa phước để được người ta cúng tế, ác nghiệp đầy rẫy, cõi u minh đuổi họ, họ đốt nóng suối này để lạm nhận người ta cúng tế.

Quốc vương hỏi:

Rất may được Tôn giả chỉ rõ ba nguyên nhân, chẳng biết suối này do nguyên nhân gì mà nóng như vậy.

Ngài đáp:

Do Thần nghiệp.

Ngài liền sai người đến suối thắp hương, sám hối thay cho Thần, giây lát bờ suối bỗng xuất hiện một người cao to, đến đảnh lễ ngài và nói:

Con có chút phước mỏng nên mới được gặp Tôn giả, con sắp được sinh trong loài người nên đến đây từ biệt".

Nói xong người ấy mất dạng. Bảy ngày sau, suối ấy bỗng dưng mát mẻ như những suối khác. Tôn giả từ biệt, quốc vương đích thân dẫn quan quân ra tiễn ngài. Ngài đến Nam Ấn, quốc vương nước này tên là Thiên Đức, cũng ra nghinh đón ngài. Vương có hai người con là Đức Thắng và Bất-như-mật-đa. Đức Thắng sau đó nối ngôi, nhưng tin theo ngoại đạo khiến ngài lâm nạn. Đức Thắng hỏi ngài: "

Ta nghe Tỳ-kheo Sư Tử không tránh khỏi hành hình, làm sao truyền pháp cho ông?"

Ngài đáp:

"Lúc chưa bị nạn thầy tôi đã truyền tín y, pháp kệ cho tôi để minh chứng cho việc truyền thừa."

- Y lấy ở đâu?

Ngài liền lấy trong túi vải đưa cho vua xem, vua sai đem đốt, Ngũ sắc sáng rực, lửa tàn nhưng y còn nguyên. Vua thấy vậy liền đảnh lễ nói:

Quả là truyền nhân của Tôn giả Sư Tử.

Em Quốc Vương là Bất-như-mật-đa xin ngài xuất gia, theo hầu ngài sáu năm, ngài truyền giới cụ túc cho Mật-đa ngay trong cung. Trong lúc tác pháp Yết-ma, đại địa rung chuyển. Ngài nói với Mật-đa:

Ta già yếu rồi, đâu thể trụ thế mãi, ông phải gắng hộ trì Chánh pháp nhãn tạng độ khắp hữu tình, nghe ta nói kệ:

*Thánh nhân nói tri kiến*
*Ngay cảnh không phải, quấy*
*Nay ta ngộ bản tánh*
*Không đạo cũng không lý.*

Bất-như-mật-đa nghe kệ xong, thưa:

"Thế còn pháp y sao Thầy không truyền?"

Ngài nói:

"Do bị nạn mới mượn pháp y làm minh chứng, nay thân ông không bị nạn thì mượn pháp y làm gì, chỉ cần ông giáo hóa khắp mười phương thì ai nấy đều tự tin quy hướng."

Ngài hiện thần biến, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân, xá-lợi cao đến một thước. Quốc vương Đức Thắng dựng tháp an trí xá-lợi, bấy giờ nhằm đời Đông Tấn Minh Đế. (theo Chánh Tông ký)

**Hiển tông thành đế:** Tên là Diễn, con trưởng của Minh Đế, ông lên ngôi vào tháng tám năm Thái Ninh năm thứ ba, lúc ấy mới năm tuổi, Dữu Thái hậu lâm triều. Năm Hàm Hòa năm thứ hai, quan quân Tô Tuấn chống mệnh làm phản. Tháng tư năm thứ ba, Tô Tuấn cướp Đế chạy đến Thạch Đầu, cung thất ở kinh thành đều bị thiêu rụi, chỉ còn bức vách ở điện Thái Ninh trên ấy có tượng Phật do Minh Đế tự tay vẽ còn nguyên, ai nấy đều cho là việc thần dị. Đào Huống, Ôn Kiêu đánh phá Thạch Đầu, Tuấn rơi xuống ngựa bị chém đầu, róc thịt, đốt xương. Bè đảng của Tuấn lập em Tuấn là Tô Dật lên ngôi vương, Dật đóng chặt cửa thành. Tháng hai năm thứ tư, quan quân đánh phá Thạch Đầu, Kiến Uy Trưởng sử Đằng Hàm đánh và phá được Tô Dật, quân phía Tây bắt được Dật đem chém. Bộ tướng của Hàm là Tào Cứ ôm Đế nhảy xuống thuyền của Ôn Kiêu, quần thần gặp được Đế liền gào khóc

xin trị tội. Lúc này cung khuyết đã cháy sạch, đành lấy vườn Kiến Bình làm cung. Ôn Kiêu muốn dời đô về Dự Chương, hào kiệt ở Tam Ngô thì muốn dời về Cối Kê, hai bên tranh luận, chưa đi đến quyết định, Tư Đồ Vương Đạo bàn không nên dời đô. Tháng giêng niên hiệu Hàm Khang năm đầu, mồng một năm Canh Ngọ, Đế chính thức nhận ngôi, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Tháng năm thứ tám, Đế không được khỏe, hai con của ông là Phi Và Dịch còn nằm trong nôi, trung thư giám Dữu Băng tự cho anh em của mình nắm quyền chánh trong triều đã lâu, sợ rằng nếu thay đổi tất có loạn, nên lúc nào cũng nói với Đế rằng nước có giặc mạnh, nên cần phải có vua lớn, và xin em cùng mẹ với mình là Lang Da Vương Nhạc làm người nối dõi. Đế đồng ý. Tháng sáu, Đế mất, thọ hai mươi hai tuổi, ở ngôi mười bảy năm. Đế dựng hai chùa là Trưng Hưng và Lộc Uyển, tụ tập cả ngàn vị Tăng có công dịch kinh, giảng dạy. Niên hiệu Hàm Hòa chín năm, Hàm Khang tám năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Bính Tuất: Tấn Hàm Hòa năm đầu* | *Triệu: Quang Sơ năm thứ 9* | *Thành: Ngọc Hành năm thứ 16* | *Hậu Triệu: Thạnh Lặc: Năm thứ 8* | *Tiền Lương* |
| *Tiền Yên* | *Đại: Năm thứ 2* | | | |

**+ *Phi Lai Phong:*** Năm này Pháp sư Tuệ Lý người Thiên Trúc đến Chấn Đán. Ngài đến Triết Tây, Hàng châu, thấy ngọn núi hùng vĩ tráng lệ bèn nói: “Đây là ngọn núi nhỏ trong dãy Linh Thứu của nước Thiên Trúc ta, chẳng biết bay đến đây vào năm nào. Lúc Phật tại thế, có rất nhiều Tiên nhân tu ở trong ấy, ngày nay chẳng biết có còn không!”

Trong hang động vốn có con vượn trắng, ngài gọi, con vượn nghe tiếng đi ra, từ đó người ta tin núi bay đến thật và đặt tên núi là Phi Lai. Ngài dựng hai ngôi chùa trên núi này, ngôi phía trước là Linh Thứu, ngôi phía sau là Linh Ẩn, hang động ngài ngồi thiền được gọi là Lý Công Nham (động của ông Lý), ngày nay bảo tháp hiện vẫn còn. (theo văn bia khắc ở chùa).

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Đinh Hợi: Tấn Hàm Hòa năm thứ 2* | *Triệu: Họ Lưu Quang Sơ năm thứ 10* | *Thành: Họ Lý Ngọc Thành năm thứ 17* | *Hậu Triệu: Thạnh Lặc năm thứ 9* | *Tiền Lương họ Trương* |
| *Tiền Yên* | *Năm thứ 3* | | | |
| *Mậu Tý: Hàm Hòa năm thứ 3* | *Lưu Diệu bị Thạch Lặc diệt, tổng cộng hai mươi sáu năm* | *Ngọc Hành năm thứ 18* | *Thạch Lặc chiếm Trung Nguyên, Thái Hòa năm đầu* | *Tiền Lương* |
| *Tiền Yên* | *Năm thứ 4* | | | |

+ Hán Triệu: Lưu Uyên tự Nguyên Hải, người Hung Nô, Tân Hưng, nhà Hán đem con gái trong Tông thất gả cho Mạo Đốn, bởi vậy con cháu họ Mạo đều mang họ Lưu. Tây Tấn Tuệ Đế năm Giáp Tý niên hiệu Vĩnh Hưng năm đầu, lập Thành Đô Vương Tư mã Dĩnh làm Hoàng thái đệ, Dĩnh dâng biểu xin Hung Nô Tả Hiền Vương Lưu Uyên làm quan quân tướng quân, coi việc quân của Ngũ bộ, đóng binh ở đất Nghiệp (nay là Chương Đức lộ Lân quận). Con của Uyên là Thông vốn sức mạnh hơn người, làu thông kinh sử, rất giỏi văn chương, xách nổi cây cung ba trăm cân. Từ nhỏ, ông thường lui tới kinh sư, danh sĩ đều kết giao với Thông. Dĩnh cho Thông làm Tích Hỗ Tướng Quân. Anh cùng ông nội với Uyên là Hữu Hiền Vương Lưu Tuyên, nói với thân tộc: Từ khi nhà Hán mất đến nay, Thiền Vu ta chỉ có danh hão mà không có lấy một thước đất, nay người của ta tuy suy nhưng vẫn không dưới hai vạn, lẽ đâu cứ khoanh tay chịu sự sai khiến, bỏ lỡ cả trăm năm? Tả Hiền Vương là bậc anh hùng cái thế, nếu trời không cho Hung Nô hưng thịnh thì ắt chẳng sinh ra người đó làm gì. Nay dòng họ Tư mã cốt nhục tương tàn, bốn biển điêu linh, khôi phục cơ nghiệp của Hô Hàn Tà chính là lúc này. Ông bàn bạc suy tôn Uyên làm Đại Thiền Vu, sai thuộc hạ Hô Diên Du đến đất Nghiệp nói cho Uyên biết. Uyên thưa với Dĩnh xin về, nhưng gặp phải tang ma nên Dĩnh không đồng ý. Đến khi Vương Tuấn, Doanh Công Đằng đánh Dĩnh, Uyên nói với Dĩnh: “Tôi xin giúp điện hạ nói lại Ngũ bộ để tránh nạn nước”, Dĩnh vui mừng bái Uyên làm Bắc Thiền Vu nắm việc Thừa Tướng. Uyên đến Tả Quốc Thành. Bọn Lưu Tuyên tung hô danh hiệu Đại Thiền Vu, chỉ hai mươi ngày binh

dân theo về đến năm vạn người. Uyên đóng đô tại Tả Quốc Thành rồi nói với quần thần: “Xưa, nhà Hán có thiên hạ, có ân với dân, ta là cháu ngoại nhà Hán”. Ông liền dựng nước lấy hiệu là Hán, lên ngôi Hán Vương, lấy niên hiệu Nguyên Hy, dùng Hữu Hiền Vương Tuyên làm Thừa Tướng. Tấn Tuệ Đế năm Vĩnh Gia năm thứ hai, Hán Vương Uyên chiếm Sơn Tây, Bình Dương Thái thú Tống Trừu bỏ quận chạy. Uyên dời đô về Bồ Tử Thượng ở Bình Dương rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vĩnh Phụng. Đời Tấn năm Vĩnh Gia năm thứ tư, tháng bảy Uyên bệnh nặng, dùng Sở Vương Lưu Thông làm đại Tư mã Đại Thiền Vu. An Xương Vương Thạnh, An Ấp Vương Khâm, Tây Dương Vương Tuệ, đều lĩnh chức vũ vệ tướng quân, nhận mệnh cầm binh. Uyên mất Thái tử Hòa lên ngôi Hoàng Đế, Tây Xương Vương Duệ xấu hổ vì không được phong nên bàn mưu với Hòa rằng: “Tiên đế không cân nhắc kỹ nên sai tam vương dồn binh mạnh bên trong, đại Tư mã đem mười binh đóng ở Tân Giao, bệ hạ nên lo liệu trước”.

Hòa gọi Thạnh vào nói lại, Thạnh nói: “Bệ hạ tin lời của kẻ sàm tấu rồi nghi ngờ anh em. Duệ nổi giận sai Tả hữu đâm Thạnh, rồi dẫn binh đánh Sở Vương Thông ở Thiền Vu Đài (nay là Tây Lương lộ, tức Đại Đồng lộ, Vân Trung quận, Thông phản công, Tây Minh Môn bị diệt, giết Hòa ở tây đường Quang Cực, bắt Duệ nhém đầu bêu ở ngã tư đường, Thông lên ngôi Hoàng Đế đổi niên hiệu Quang Hưng, dùng Bắc Hải Vương Ngãi làm hoàng thái đệ, phong con ông ấy là Xán làm Hà Nội vương, Thạch Lặc làm Tinh châu Thứ sử (Thí Nguyên, sau đổi thành Ký Ninh lộ). Năm Tân Mùi tức Hán Gia Bình năm đầu, Thông sai tiền quân đại tướng quân Hô Diên Yến, Thỉ An Vương Lưu Diệu, Vương Di, Thạch Lặc đánh Lạc Dương chiếm Tuyên Dương Môn. Tấn Hoài Đế muốn chạy đến Trường An nhưng bị quân Hán đuổi bắt được, đưa ông và ngọc tỷ về lại Bình Dương. Thông cho Đế làm Đặc Tiến Tả Quang Lộc đại phu, phong tước Bình A Công. Năm Nhâm Thân tức Gia Bình năm thứ hai của Thông, Thông phong Hoài Đế làm Cối Kê quận công, tháng hai năm sau, Hoài Đế bị hại. Tháng tư tin dữ của Hoài Đế lan tới Trường An, Tấn Mẫn Đế lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hưng. Tháng chín năm Kiến Hưng năm thứ tư, Hán Đại Tư mã Lưu Diệu đánh Trường An. Tháng mười một, Tấn Đế nói: “Phải nhịn nhục ra hàng để cứu sống muôn dân”. Diệu đưa Tấn Đế về Bình Dương. Hán chủ Lưu Thông cho Tấn Đế làm Quang Lộc đại phu, phong tước Hoài An Hầu. Tháng mười hai năm Đinh Sửu, Tấn Đế bị hại. Năm Mậu Dần, Hán chủ Lưu Thông mất, Thái tử Xán Lên Ngôi, sau bị Cận Phong giết. Thừa

Tướng Lưu Diệu lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Quang Sơ, dời đô về Trường An, đổi quốc hiệu là Triệu, tôn Thiền Vu Lâm Tổ, Thạch Lạc được phong tước TriệuVương. Đến Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ ba, Triệu chủ Lưu Diệu vây lấy Lạc Dương. Tháng mười một, Thạch Lặc dẫn binh đến cứu Lạc Dương, đánh nhau và bắt sống Lưu Diệu chở về Tương quốc rồi giết. Tháng giêng năm Kỷ Sửu, Triệu Thái tử Hy nghe Diệu bị bắt liền dẫn trăm quan chạy lên Thượng Khuê (Thiểm Tây, Củng Xương lộ, xưa là đất Khuê Nhung), Quan Trung đại loạn. Tướng quân Tưởng Anh Tân chiếm Trường An, sai sứ ra hàng Thạch Lặc. Tháng chín, hậu Triệu Trung Sơn Công Thạch Hổ đại phá quân Triệu ở Nghĩa Cừ, thừa thắng đuổi bắt Triệu Thái tử Lưu Hy cùng tướng lĩnh vương công trở xuống, có đến hơn ba ngàn người đều bị giết, đất Tần Lũng được bình định. Hán, Triệu họ Lưu bắt đầu từ Tấn Tuệ Đế năm Đại Hưng Giáp Tý, kết thúc năm Thành Đế, Hàm Hòa Kỷ Sửu, tổng cộng hai mươi sáu năm.

| *Kỷ Sửu: Tấn Hàm Hòa năm thứ 4* | *Thành: Ngọc Hành năm thứ 19* | *Hậu Triệu: Thái Hòa năm thứ 2* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên* |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Đại: Ế Hòe năm đầu, truy tôn là Liệt Đế* | | | | |
| *Canh Dần: Hàm Hòa năm thứ 5* | *Ngọc Hành năm thứ 20* | *Thạch Lặc lên ngôi Hoàng Đế* | | |
| *Đại: Năm thứ 2* | | | | |
| *Tân Mão: Hàm Hòa năm thứ 6* | *Ngọc Thành năm thứ 21* | *Kiến bình năm thứ 2* | | |
| *Đại: Năm thứ 3* | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Nhâm Thìn: Hàm Hòa năm thứ 7* | *Ngọc Hành năm thứ 22* | *Kiến Bình năm thứ 3* | | |
| *Đại: Năm thứ 4* | | | | |
| *Quý Tỵ: Hàm Hòa năm thứ 8* | *Ngọc Hành năm thứ 23* | *Kiến Bình năm thứ 4. Tháng 7, Lặc mất* | | *Yên: Mộ Dung Hoàng lên ngôi* |
| *Đại: năm thứ 5* | | | | |
| *Giáp Ngọ: Hàm Hòa năm thứ 9* | *Ngọc Hành năm thứ 24, Hùng mất* | *Hải Dương Vương lên ngôi, Diên Hy năm đầu* | | |
| *Đại: Năm thứ 6* | | | | |
| *Ất Mùi: Hàm Khang năm đầu* | *Hán đổi thành Hán Kỳ, Ngọc Hằng năm đầu.* | *Hổ lên ngôi, Kiến Vũ năm đầu* | | |
| *Đại: năm thứ 7* | | | | |
| *Bính Thân: Hàm Khang năm thứ 2* | *Ngọc Hằng năm thứ 2* | *Kiến Vũ năm thứ 2* | | |
| *Đại: Năm thứ 8* | | | | |
| *Đinh Dậu: Hàm Khang năm thứ 3* | *Ngọc Hằng năm thứ 3* | *Kiến Vũ năm thứ 3* | | *Tiền Yên: Hoàng xưng vương* |
| *Đại: Hậu năm đầu* | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Mậu Tuất: Hàm Khang năm thứ 4* | *Lý Thọ lên ngôi, Hán Hưng năm đầu* | *Kiến Vũ năm thứ 4* | | |
| *Thát Bạt Thập Dục Kiến Quốc năm đầu được truy tôn là Thành Đế.* | | | | |

***+ Học Châm:*** Tấn Tư mã Vương Đạo cho Lý Sung là bậc rường cột trong chức Thừa Tướng, Sung cho rằng con người ta chỉ ưa cái dối trá nên ông soạn Học châm, dẫn lời Lão Tử rằng: Dứt nhân bỏ nghĩa dân mới sinh hiếu từ, lẽ đâu đạo nhân nghĩa dứt rồi sau hiếu từ mới sinh? Bởi người lo nhân nghĩa thì ít, mà người lợi do nhân nghĩa thì nhiều, dựa vào đó rồi trách Thánh nhân bị lệ thuộc vào sự nghiệp giáo hóa. Phàm người thấy được hình thì nhiều, đạt được đạo thì ít, đuổi theo dấu tích càng gấp thì lìa gốc càng xa, bởi vậy ông soạn Học châm, nhằm trừ bỏ cái tệ ấy. Ông viết: Danh càng rỡ ràng thì đạo càng mai một, làm mất sự hưng thọ, ưa cái thay đổi, không có nhân thì không thể nuôi lớn muôn vật, không có nghĩa thì không nuôi lớn hổ thẹn, bởi vậy chắc chắn không thể lìa nhân nghĩa, mà chỉ xa những kẻ làm hại nhân nghĩa mà thôi (Tấn Thư, Lý Sung truyện).

Tấn, Quang Lộc Huân Nhan Hàm cáo lão nhường ngôi, ông làm quan hơn hai mươi năm, mất tháng mười năm này, thọ chín mươi ba tuổi. Quách Phác từng ngang qua nhà Hàm muốn bói quẻ cho ông. Hàm nói: Tuổi tác ở trời, ngôi vị ở người, sửa mình mà trời không cho đó là mệnh, giữ đạo mà người không biết đó là tánh, ai nấy đều có tánh mệnh cần gì phải bói quẻ!

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Kỷ Hợi: Tấn Hàm Khang năm thứ 2* | *Hán: Họ Lý Hán Hưng năm thứ 2* | *Hậu Triệu: Kiến Vũ năm thứ 2* | *Tiền Lương: Họ Trương* | *Tiền Yên* |
| *Đại: Kiến Quốc năm thứ 2* | | | | |

**+ *Tấn***: Tư Đồ Vương Đạo mất, Đạo có người em là Đạo Bảo bỏ vinh hoa xuất gia làm tăng, nhờ học hạnh mà nổi tiếng.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Tý: Hàm Khang năm thứ 6* | *Hán Hưng năm thứ 3* | *Kiến Vũ năm thứ 6* |
| *Đại năm thứ 3* | | |
| *Tân Sửu: Hàm Khang năm thứ 7* | *Hán Hưng năm thứ 4* | *Kiến Vũ năm thứ 7* |
| *Đại năm thứ 4* | | |
| *Nhâm Dần: Hàm Khang Năm thứ 8, Tháng sáu Khang Đế lên ngôi* | *Hán Hưng năm thứ 5* | *Kiến Vũ năm thứ 8* |
| *Đại năm thứ 5* | | |

**+ *Khang Đế:*** Tên là Nhạc, em cùng mẹ với Thành Đế, từ Lang Da Vương lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi hai năm, thọ hai mươi ba tuổi. Dữu Lượng chuyên quyền, giấu kín mọi việc, ủy thác chánh sự cho Dữu Băng, phong con Thành Đế là Thừa làm Lang Da Vương, phong Dịch làm Đông Hải Vương, niên hiệu Kiến Nguyên có hai năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Quý Mão: Kiến Nguyên năm đầu* | *Hán Hưng năm thứ 6* | *Kiến Vũ năm thứ 9* | *Tiền lương* | |
| *Đại: năm thứ 6* | | | | |
| *Giáp Thìn: Kiến Nguyên năm thứ hai, tháng chín đế mất.* | *Thái Hòa năm đầu* | *Kiến Vũ năm thứ 10* | | *Tiền Yên* |
| *Đại: năm thứ 7* | | | | |

**Hiếu Tông Mục Đế:** Tên là Đam, Thái tử của Khang Đế, lên ngôi năm hai tuổi, Chử Thái hậu lâm triều thính chính, trong ngoài đều yên. Ngày một tháng giêng niên hiệu Thăng Bình năm đầu, ông chính thức nắm quyền chánh, thọ mười chín tuổi. Niên hiệu Vĩnh Hòa mười hai năm, Thăng Bình năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Ất Tỵ: Vĩnh Hòa năm đầu* | *Lý Chấp: Thái Hòa năm thứ 2* | *Kiến Vũ năm thứ 11* | *Tiền Lương xưng Vương* | *Tiền Yên: Hoàng* |
| *Đại* | | | | |
| *Bính Ngọ: Vĩnh Hòa năm thứ 2* | *Gia Ninh năm đầu* | *Kiến Vũ năm thứ 12* | *Trùng Hoa lên ngôi* | |
| *Đại* | | | | |
| *Đinh Mùi: Vĩnh Hòa năm thứ 3* | *Hoàn Thang tiêu diệt, trị vì tổng cộng 45 năm* | *Kiến Vũ năm thứ 13* | | |
| *Đại* | | | | |

***+ Đại Thành:*** Đổi thành Hán, Lý Đặc người Ba Tây, thiếu thời làm quan cho nhà Tấn. Tây Tấn Tuệ Đế năm Thái An năm thứ hai, ông chiếm Ích châu (Tứ Xuyên, Tây đạo, Thành Đô lộ, quận Cẩm Thành của Dương châu) lấy quốc hiệu là Thành, niên hiệu Kiến Sơ, Đặc mất, con là Hùng lên thay. Tháng mười, đời Tấn Tuệ Đế niên hiệu Vĩnh Hưng năm đầu, Hùng lên ngôi Thành Đô Vương, đổi niên hiệu Kiến Hưng, phong thúc phụ là Ly làm Thái phó, truy tôn cha là Đặc làm Thành Đô Cảnh Vương. Tấn Tuệ Đế niên hiệu Quang Hy năm đầu, Thành Đô Vương Hùng lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Yến Bình, lấy quốc hiệu Đại Thành, tôn Đặc làm Cảnh Hoàng Đế. Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ chín, Hùng mất, Thái tử Ban nối ngôi, em Ban là An Đông tướng quân Lý Kỳ mưu phản, nhân lúc Ban than khóc ở Tẩm Cung, đêm ấy Kỳ vào giết Ban rồi lên ngôi Hoàng Đế, phong thụy cho Hùng là Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tông. Tấn Thành Đế niên hiệu Hàm Khương năm đầu, U Công Kỳ đổi niên hiệu Ngọc Hằng, lấy quốc hiệu là Hán. Tấn, năm Hàm Khương năm thứ tư, Hán Trung Mục Văn Lý Đế Thọ giết Kỳ rồi tự lập, đổi niên hiệu Hán

Hưng. Tấn Hàm Khang năm thứ bảy, Hán chủ Lý Thọ cho con là Chấp làm đại tướng quân nắm việc Thượng thư. Tấn Khang Đế năm Kiến Nguyên năm thứ hai Lý Chấp lên ngôi, lấy niên hiệu Thái Hòa, đến Tấn năm Vĩnh Hòa năm thứ hai tức niên hiệu Gia Ninh của Hán, tháng mười một Tấn An Tây Tướng Quân Hoàn Ôn đánh nhà Hán. Tháng ba năm Vĩnh Hòa năm thứ ba, quân của Ôn đến Thành Đô phóng lửa đốt của thành, quân Hán khiếp sợ mất chí khí đánh nhau. Lý Chấp tự giữ Lạc Dương, các đạo quân khác đều ra hàng. Ôn tha chấp và hơn mười người trong tông thất. Lúc này là năm Kiến Khang, Chấp được phong là Quy Nghĩa Hầu, đất nước diệt vong. Đại Thành bắt đầu từ Tây Tấn Tuệ Đế năm Thái An năm thứ hai, Quý Hợi, kết thúc Đông Tấn Mục Đế niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ ba, Đinh Mùi, tổng cộng năm chủ, trị vì bốn mươi lăm năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Mậu Thân:<br>Tấn: Vĩnh Hòa năm thứ 4* | *Hậu Triệu: Năm Kiến Vũ năm thứ 14* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Mộ Dung Hoàng mất, Tuyển lên ngôi* |

* ***Đại Hòa thượng Phật Đồ Trừng:*** Người nước Thiên Trúc, ngài đến Lạc Dương vào thời Tây Tấn Hoài Đế năm Vĩnh Gia năm thứ tư, tự xưng mình đã hơn một trăm tuổi. Ngài hít khí trời tự sống, nhịn ăn trong nhiều ngày, giỏi trì chú sai khiến quỷ thần. Ngay hông ngài có một lỗ hổng, ngài lấy lụa nhét lại, ban đêm rút mảnh lụa ra thì ánh sáng chiếu khắp. Mỗi khi xuống suối ngài lôi cả ruột ra rửa sạch rồi nhét lại vào trong bụng. Gặp lúc giặc cướp ở Lạc Dương nổi loạn, ngài ẩn cư ngoài đồng hoang. Lúc này quân của Thạch Lặc đóng binh ở Cát Pha giết hại muôn dân vô kể, ngài chống tích đến gặp Lặc. Lặc sai ngài thử trổ phép thuật. Ngài lấy một bát nước rồi chú nguyện, bỗng nhiên một đóa sen xanh mọc ngay trong bát, Lặc khâm phục giữ ngài lại trong quân.

Đông Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ ba, Lưu Diệu vây lấy Lạc Dương. Lặc đích thân đến ngài cầu cứu. Ngài nói: “Tháp Phật không có gió, chỉ một cái linh phát tiếng. Và ngài nói: Tú chi thế lệ cương, bộc cốc cù ngốc đương. Đó là mật ngữ, hễ ra quân tất bắt sống được Lưu Diệu”. Lặc đánh, quả nhiên bắt được Lưu Diệu rồi đưa về Tương quốc. Năm Hàm Hòa năm thứ năm, Lặc tự xưng Đại Triệu Thiên Vương, thi hành những nghi vệ của Hoàng Đế, lại càng kính trọng ngài hơn, tôn xưng ngài là đại Hòa thượng. Con của Lặc là Bân bị bệnh chết

sắp liệm, Lặc than rằng: "Trẫm nghe, Thái tử Quắc chết, Biển Thước có thể làm sống lại, nay có ai làm được như ông ấy chăng? Rồi Lặc sai người báo với ngài, ngài cầm cành dương nhúng vào nước rồi rảy, sau ngài nắm tay của Bân nói: "Có thể dậy được rồi!" Bân quả nhiên sống lại. Từ đó con của Lặc hầu hết được nuôi dưỡng trong chùa của ngài. Tháng bảy năm Hàm Hòa năm thứ tám, Lặc mất. Em ông là Hổ, tự Quý Long lên ngôi. Long dời đô về đất Nghiệp (nay là Bành Đức lộ, Ký châu), Long càng dốc tâm thờ phụng ngài. Đến Tấn niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ tư, ngài sắp thị tịch nên đến từ biệt Quý Long. Long thất kinh nói: Đại Hòa Thượng đi vội nước ta có gặp nạn không? Ngài đáp: Vào sinh ra tử là lẽ thường của đạo, sửa điều xấu, phân định điều tốt, đạo chẳng vì thế mà tăng hay giảm. Cái quý của đạo là hạnh phải chu toàn, cái quý của đức là không ngừng nghỉ. Nếu đạo không thiếu thì dù chết cũng như sống, bằng không, dẫu sống đến ngàn năm nhưng nào có ích gì. Điều đáng tiếc là, đất nước noi theo lý Phật, dựng chùa độ tăng, đáng lý phải cầu phước cho xã tắc, nhưng nhà vua lại ban bố chính sách bạo ngược, thưởng phạt không công minh, đó là điều trái với Thánh giáo khiến cho vận nước không lâu bền.

Quý Long khóc than rất thảm. Ngày tám tháng mười hai, ngài an nhiên thị tịch, thọ một trăm bảy mươi tuổi, tăng lạp một trăm lẻ chín hạ, đệ tử ngài là Pháp sư Đạo An v.v... và hơn bảy ngàn người khác. Từ khi Phật giáo truyền sang phía Đông, đến đời ngài mới hưng thịnh.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Dậu: Tấn: Vĩnh Hòa năm thứ 5* | *Hậu Triệu: Đại Ninh năm đầu, Hổ chết, nước loạn* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Mộ Dung Tuyển năm đầu* |
| *Đại* | | | |

**** Hậu Triệu:*** Thạch Lặc người Thượng Đảng (nay là Tấn Ninh lộ, Lộ châu Thượng Đảng). Ban đầu Lặc cùng Bát Kỵ về với họ Lưu nhà Hán. Tây Tấn Hoài Đế năm Vĩnh Gia năm thứ tư, Hán chủ Lưu Thông lên ngôi Hoàng Đế, dùng Lặc làm Tinh châu Thứ sử (tức Thái Nguyên, nay thuộc Ký Ninh lộ, Ký châu). Lặc giết Hán tướng là Lưu Di, Thông rất giận nhưng vẫn gia phong Lặc làm trấn Đông đại tướng quân. Đông Tấn Nguyên Đế niên hiệu Đại Hưng năm đầu, Hán chủ Lưu Thông mất, Thừa Tướng Lưu Diệu lên ngôi Hoàng Đế, gia phong Lặc làm Triệu Vương. Năm Đại Hưng năm thứ hai, Lặc chiếm cứ lấy Yên, Tô,

lấy quốc hiệu là Tương lập ra năm đầu. Tấn Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ ba, Lặc lấy niên hiệu Thái Hòa, Triệu chủ Lưu Diệu vây Lạc Dương. Tháng mười một, Lặc cứu Lạc Dương, Diệu bị tướng của Lặc là Thạch Kham bắt đưa về Tương Quốc rồi giết. Tấn năm Hàm Hòa năm thứ năm, Lặc xưng là Đại Triệu Thiên Vương, thi hành nghi vệ của Hoàng Đế. Tháng chín, ông lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Bình. Tháng tư năm Kiến Bình năm thứ hai, Lặc đến đất Nghiệp mở mang dựng đô mới. Tháng bảy năm Kiến Bình năm thứ tư, Lặc mất, Thái tử Hoằng lên ngôi, đó là Hải Dương Vương, đổi niên hiệu Diên Hy. Ban đêm Hoằng ngầm đem Lặc an táng trong hang núi, không ai biết đích xác nơi ấy, rồi sắm đủ nghi vệ hư táng (an táng giả) Lặc ở Cao Bình Lăng, tôn thụy là Minh Đế, niên hiệu Cao Tổ. Tháng tám, Triệu chủ Hoằng phong Trung Sơn Vương Hổ làm Thừa Tướng rồi làm Ngụy Vương, gia phong Cửu Tích, quản lý trăm quan. Hoằng ở ngôi một năm. Tháng chín năm sau, Triệu Ngụy Vương Hổ lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Vũ, đóng đô ở đất Nghiệp. Đến Tấn Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ năm, tháng giêng Triệu Chủ Hổ đổi niên hiệu Thái Ninh, sau đó bị bệnh rồi mất. Thái tử Thế, con của Hổ lên ngôi. Bành Thành Vương Thạch Tuân (con trưởng của Hổ) phế Thế xuống làm Tiếu Vương sau đó giết luôn. Tuân lên ngôi, cho Nghĩa Dương Vương Giám làm thị trung, Vũ Hưng Công Mẫn làm Đô đốc nắm giữ việc quân. Ban đầu Triệu Vương Tuân hứa cho Vũ Hưng làm Thái tử, tháng mười Tuân lập Thái tử Diễn, Vũ Hưng Công Mẫn càng uất hận. Tháng mười một, Mẫn dẫn giáp sĩ đến bắt Tuân ở Nam Đài rồi giết, lập Nghĩa Dương Vương Giám, Mẫn làm đại tướng quân được phong làm Vũ Đức Vương. Tháng giêng năm Tấn Vĩnh Hòa năm thứ sáu, Vũ Đức Vương Nhiễm Mẫn lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vĩnh Hưng, lấy quốc hiệu là Đại Ngụy. Hậu triệu bắt đầu từ Đông Tấn Nguyên Đế năm Đại Hưng năm thứ hai, Kỷ Mão, kết thúc vào Mục Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ bảy, Tân Hợi, gồm sáu chủ, trị vì tổng cộng ba mươi ba năm.

*** *Nhiễm Mẫn:*** Người huyện Nội Hoàng, Cối châu, Đại Danh lộ. Triệu chủ Thạch Lặc nhặt được ông, sai em là Hổ nhận làm con nuôi. Lúc này Mẫn lấy họ Nhiễm, tháng ba năm Canh Tuất, Hậu Triệu Thạch Kỳ nghe Nhiễm Mẫn soán ngôi ở đất Nghiệp, liền lên ngôi Hoàng Đế ở Tương Quốc. Năm sau tướng của Kỳ là Lưu Hiển giết Kỳ rồi tự mình xưng đế. Năm Nhâm Tý, Nhiễm Mẫn đánh giết Lưu Hiển. Mẫn ở ngôi ba năm. Tiền Yên Mộ Dung Tuyển dẫn binh đánh và giết Mẫn, đất nước diệt vong. Nhiễm Ngụy không nằm trong mười sáu nước chiếm

cứ.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Canh Tuất: Tấn: Vĩnh Hòa năm thứ 6* | *Tần Phù Hồng, là tướng Triệu chiếm Trường An.* | *Ngụy:Nhiễm Mẫn năm Vĩnh Hưng năm đầu* | *Tiền Lương* | *Tiển Yên: Mộ Dung Tuyển* |

Tháng hai, có tượng Phật bằng vàng xuất hiện ở Kinh châu, Tư mã Hoàng Ôn nghênh đón nhưng tượng không nhúc nhích. Lúc này Đằng Tuấn ở Giang Lăng đổi nhà làm chùa thỉnh pháp sư Đàm Dực trụ trì. Dực dẫn đồ chúng ra lễ lạy rồi nghinh tượng vào thờ. Tượng bỗng nhẹ như không, Dực an trí tượng tại chùa này.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tân Hợi: Tấn Vĩnh Hòa năm thứ 7* | *Hồng mất, con là Kiện xưng Thiên Vương, niên hiệu Hoàng Thỉ năm đầu* | *Vĩnh Hưng năm thứ 2* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên* |
| *Đại* | | | | |
| *Nhâm Tý: Tấn Vĩnh Hòa năm thứ 8* | *Kiện lên ngôi Hoàng Đế, niên hiệu Hoàng Thỉ năm đầu* | *Vĩnh Hưng năm thứ 3* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Mộ Dung Tuyển lên ngôi nguyên tỷ năm đầu* |
| *Đại* | | | | |

* Phương Ngoại Giao (kết giao bên ngoài): Pháp sư Chi Độn tự Đạo Lâm là người tinh thông Bát-nhã. Thời bấy giờ Thái phó Tạ An, hữu quân Vương Hy Chi rất thân với ngài. Tạ An làm Thái thú Ngô Hưng có lần gửi thư cho ngài, trong ấy ghi: "Xa cách lâu ngày, nhớ Thầy không nguôi, biết thầy muốn về lại Diêm sơn ẩn mình tiến tu, tôi thật bùi ngùi. Đời người chẳng khác sự gởi gắm tạm bợ. Từ dạo bôn ba, gặp nhau chốc lát, nghĩa tình chừng như vơi cạn, trọn ngày tôi mong Thầy đến, dù chỉ một lần được Thầy gội rửa rối rắm trong lòng, một

ngày thôi mà tôi tưởng như ngàn năm."

Tháng mười năm Hưng Ninh năm thứ hai đời Tấn Ai Đế, Sa-môn Trúc Tiềm cáo từ vua về lại Diệm sơn, vua xuống chiếu mời ngài kế thế việc giảng pháp trong cung. Danh sĩ đương thời như Ân Hạo, Khích Siêu, Tôn Xước, Hoàn Ngạn Biểu, Vương Kính Nhân, Hà Sung, Vương Thản Chi, Viên Ngạn Bá đều rất thân giao với ngài. Thiên hạ đều mong được thấy ngài nêu cao Thánh triết.

Tấn Phế Đế năm Thái Hòa năm thứ hai, ngài dâng biểu cáo từ về núi, vua hạ chiếu ban cấp tiền của cho ngài, lại sai công khanh thiết tiệc tiễn đưa ngài ở Chinh Lỗ đình. Ngài trở về Diệm sơn, lập chùa hoằng hóa trên ngọn núi nhỏ ở Ốc châu, Tăng chúng đều theo ngài học. Lúc này có một số người giải đãi, ngài soạn bài minh khuyên tấn họ. Trong đó có đoạn: "Gắng lên, gắng lên, chí đạo chẳng xa trùm khắp ba cõi, dõng mãnh đi hoài, giữ kỹ cấm giới, đạt chí vô vi, v.v..."

Có người tặng ngài con ngựa, ngài nhận nuôi và nói: "Ta yêu mến con tuấn mã này." Có người tặng ngài con hạc, ngài thả bay đi và nói: Con vật vùng vẫy giữa trời xanh lẽ đâu bắt nó làm vui tai mắt mình! Người quân tử phải thấu đạt nhiêù lẽ."

Về sau, ngài xuống núi, lặng lẽ giảng kinh Duy-ma. Lúc này Hứa Tuân giảng kinh ở kinh đô có đến gạn hỏi ngài nhiều lần, ngài đối đáp ai nấy đều kính phục. Ngài thọ năm mươi ba. Đới Quỳ có lần ngang qua tháp ngài, rồi than: Âm đức chưa vang xa mà cổ thụ trên mộ đã sum suê thế này rồi! Mới hay lý mầu rạng rỡ đâu mất theo khí vận.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Quý Sửu: Tấn, năm Vĩnh Hòa năm thứ 10* | *Tiền Tần: Họ Phù, năm Hoàng Thỉ năm thứ 3* | *Tiền Lương: Tộ lên ngôi, niên hiệu Hòa Bình năm đầu* | *Tiền Yên năm thứ 2* | *Đại* |
| *Giáp Dần: Tấn, năm Vĩnh Hòa năm thứ 10* | *Tiền Tần: Họ Phù năm Hoàng Thỉ năm thứ 4* | *Tiền Lương xưng vương năm Hòa Bình năm thứ 2* | *Tiền Yên năm Nguyên Tỷ năm thứ 3* | *Đại* |

* Sa-môn Bạch Pháp Kiều tụng kinh tắt tiếng, sám hối bảy ngày đêm cầu Quan Âm Bồ-tát hiển báo. Đến ngày năm thứ bảy, cổ họng ngài bỗng thông, từ đó ngài ngày đêm tụng niệm, âm thanh vang xa đến hơn một dặm. Tuổi ngoài chín mươi nhưng giọng đọc của ngài vẫn không thay đổi.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Ất Mão: Vĩnh Hòa năm thứ 11* | *Kiện mất, Sinh lên ngôi, Thọ Quang năm đầu* | *Tĩnh lên ngôi, Kiến Hưng năm đầu* | *Nguyên Tỷ năm thứ 4* | |
| *Bính Thìn: Vĩnh Hòa năm thứ 12* | *Thọ Quang năm thứ* | *Kiến Hưng năm thứ 2* | *Nguyên Tỷ năm thứ 5* | |
| *Đinh Tỵ: Thăng Bình năm đầu, Đế cho Kiên lập Nguyên phục* | *Sinh mất, Vĩnh Hưng năm đầu* | *Kiến Hưng năm thứ 3* | *Dời đô về đất Nghiệp* | *Đại* |
| *Mậu Ngọ: Thăng Bình năm thứ 2* | *Vĩnh Hưng năm thứ 2* | *Kiến Hưng năm thứ 4* | *Quang Thọ năm thứ 2* | |
| *Kỷ Mùi: Thăng Bình năm thứ 3* | *Cam lộ năm đầu* | *Kiến Hưng năm thứ 5* | *Quang Thọ năm thứ 3* | |
| *Canh Thân: Thăng Bình năm thứ 4* | *Cam lộ năm thứ 2* | *Kiến Hưng năm thứ 6* | *Tuyển mất, Húy lên ngôi, Kiến Hy năm đầu* | *Đại* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tân Dậu: Thăng Bình năm thứ năm, tháng năm Đế mất* | *Cam lộ năm thứ 3* | *Huyền Tĩnh theo Chánh Sóc của Tấn* | *Kiến Hy năm thứ 2* | |

* Ai Đế: Tên là Phi, con trưởng Thành Đế, được phong làm Lang Da Vương. Mục Đế không có con nối dõi, hoàng Thái hậu đưa ông lên nắm quyền và cho lên ngôi. Ông uống thuốc trường sinh, thuốc phát tác đến nỗi không lâm triều được, Chử Thái hậu lâm triều, ông thọ hai mươi lăm tuổi. Niên hiệu Long Hòa một năm, Hưng Ninh ba năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Nhâm Tuất: Đế ở ngôi bốn năm* | *Cam lộ năm thứ 4* | | *Kiến Hy năm thứ 3* | *Đại* |
| *Quý Hợi: Hưng Ninh năm đầu* | *Cam lộ năm thứ 5* | *Thiên Tích* | *Kiến Hy năm thứ 4* | |
| *Giáp Tý: Hưng Ninh năm thứ 2* | *Cam lộ năm thứ 6* | | *Kiến Hy năm thứ 5* | |
| *Ất Sửu: Hưng Ninh năm thứ hai, tháng hai Đế mất* | *Kiến Nguyên năm đầu* | | *Kiến Hy năm thứ 6* | *Đại* |

Tấn, Vương Thản Chi sửa nhà, vườn thành chùa An Lạc, Thích Tuệ Thọ nhận trụ trì.

* Phế Đế: Tên là Dịch, em cùng mẹ với Ai Đế, Ai Đế không có con, Thái hậu cho ông nối dõi và lên ngôi. Hoàn Ôn có ý không phục nên nói khích với Thái hậu, Thái hậu phế ông xuống làm Đông Hải Vương, rồi phong làm Hải Tây Công, ông thọ bốn mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thái Hòa năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Bính Dần: Đế ở ngôi sáu năm. Thái Hòa năm đầu* | *Tiền Tần: Kiến Nguyên năm thứ 2* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Vỹ, Kiến Hy năm thứ 7* | *Đại* |

* Thập Tụng Giới Bản ba bộ, do, Sa-môn Đàm Ma Trì người tây vực(Hán dịch Pháp Hải) dịch vào đời Tần.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Đinh Mão: Tấn, Thái Hòa năm thứ 2* | *Tiền Tần: Kiến Nguyên năm thứ 3* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Kiến Hy năm thứ 8* | *Đại* |

* Sa-môn Trúc Đạo Du tức Bạch Đạo Du, đầu tiên ngài dừng chân ở núi Thạch Thành, Diệm sơn, năm ấy ngài lại dời qua Thai châu. Ngài ngồi thiền trong hang núi Xích Thành (nay là núi Thiên Thai), có bầy hổ ngồi xổm trước hang. Ngài tụng kinh, có một con hổ ngủ gục, ngài lấy gậy Như Ý gõ đầu nó và nói: “Tại sao không nghe kinh.” Tụng kinh xong, bầy hổ đi hết. Lát sau, có một con rắn to đến mười vi bò đến cuộn tròn rồi ngóc đầu về phía ngài. Nằm đến nửa ngày, con rắn bò đi. Ngày nọ có một thanh niên đến và nói với ngài: “Đệ tử là con của nhà vua Hạ ở đây đã hơn hai ngàn năm, hôm nay xin qua núi Hàn Thạch.” Nói xong người thanh niên ấy cúng dường hang đá của mình cho ngài, rồi hú lên, đầu mọc sừng và đằng vân đi mất. Đạo Du tịch vào năm Thái Nguyên năm thứ tám đời Đông Tấn Vũ Đế.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Mậu Thìn: Thái Hòa năm thứ 3* | *Kiến Nguyên năm thứ 4* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Kiến Hy năm thứ 9* | *Đại* |

* Thích Tuệ Thường dịch Tỳ-kheo ni truyện sáu quyển. Tấn An Tây tướng quân Hoàn Ôn, chủ bạ Vương Tuân và em là Dân đổi nhà thành chùa, đó là ngôi chùa ở Hổ Khâu, Bình Giang lộ.

* Y thuật: Sa-môn Vu Pháp Khai thị tịch trong năm này. Khai là đệ tử của Lan Công, ngài tinh thông kinh Phóng Quang Bát-nhã lại rất rành

y thuật. Mục Đế có lần triệu ngài vào cung chữa bệnh, ngài xem mạch biết ông ta không qua khỏi nên không chữa. Có người hỏi: Y thuật của thầy cao minh, đơn giản sao không lấy đó làm nghề? Ngài đáp: Thấu tỏ lục độ, trừ các bệnh của bốn ma, điều tiết cửu hầu để trị các chứng phong hàn, lợi mình lợi người, như thế không đáng chăng!

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Tỵ: Thái Hòa năm thứ 4* | *Kiến Nguyên năm thứ 5* | *Tiền Lương* | *Kiến Hy năm thứ 10* |
| *Canh Ngọ: Tấn Thái Hòa năm thứ 5* | *Tiền Tần Kiến Nguyên năm thứ 6* | *Tiền Lương* | *Tiền Yên: Vỹ, Kiến Hy năm thứ 11, đất nước diệt vong* |
| *Đại* | | | |

Tháng mười một năm Tân Mùi, Hoàn Ôn từ Quảng Lăng đến Kiến Khang xin Chử Thái hậu phế vua, lập Thừa Tướng Cối Kê Vương Dục. Vua có chiếu tấn phong Thừa Tướng Hoàn Ôn làm Đại Tư mã rồi giữ lại kinh sư để phụ chánh. Ôn chối từ xin về giữ Cô Thục.

* Tiền Yên: Mộ Dung Hội là người Tiên Ty, Xương Lê, nhiều đời được nhà Tấn phong hiệu. Đông Tấn Nguyên Đế năm Đại Hưng năm thứ hai, Hội làm Đô đốc, đặc trách ở Đông Di. Tấn, Thành Đế năm Hàm Hòa năm thứ tám, Mộ Dung Hoàng lên ngôi, đến năm Đinh Dậu, Hoàng xưng vương. Hoàng rất giỏi văn chương, biết kính trên nhường dưới, giỏi giảng dạy tra cứu. Tháng mười một đời Tấn Mục Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ tư, Hoàng mất, thế tử Tuyển lên ngôi liền sai sứ đến Kiến Khang báo tang. Tấn Đế hạ chiếu sai sứ giả Trần Quang đến bái phong Tuyển làm Yên Vương. Tuyển lấy năm Mậu Thân làm năm đầu. Năm Nhâm Tý Tuyển diệt Thạch Triệu, tháng mười một, Tuyển lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Nguyên Tỷ. Năm Đinh Tỵ, Tuyển dời đô về đất Nghiệp, đó là quốc đô Thạch Hổ, đổi niên hiệu Quang Thọ. Tháng giêng năm Canh Thân, Chiêu Đế Tuyển mất, đại Tư mã Mộ Dung Khác nhận di chiếu giúp Thái tử Vỹ lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hy, Vỹ chính là U Đế. Năm Kỷ Tỵ tức Kiến Hy thứ mười, Yên Thái phó Thượng Dung Vương, Mộ Dung Bình hiềm khích uy danh của Ngô Vương Mộ Dung Thùy, lại vì tranh nhau mà gây oán với Bình. Thái hậu

Khả Túc Hỗn thị ngầm bàn mưu với Bình để giết Thùy. Thùy đem vợ con em cháu chạy sang Tần. Tần Vương Phù Kiên vui mừng ra biên giới đón Thùy rồi cho Thùy làm quan quân tướng quân và phong hiệu Tân Tùng Hầu. Hồi ấy, Tấn đánh Yên, Yên cầu cứu với Tần, Bình cắt đất từ Hổ Lao về Tây để hối lộ cho Tần. Đến khi quân Tấn rút lui, dân Yên muốn lấy đất lại, Tần chủ nổi giận dẫn binh đánh Yên. Tháng mười hai, Tần đến Lạc Dương. Tháng giêng năm Kiến Hy mười một Yên Kinh châu Thứ sử Vũ Uy Vương Trúc đem Lạc Dương hàng Tần. Tháng sáu Tần lại đánh Yên, Yên thua. Tháng mười một, Tần chủ Phù Kiên vào đất Nghiệp, Yên chủ Vỹ đem binh ra hàng. Tháng mười hai, Phù Kiên đưa Mộ Dung Vỹ cùng hậu phi, vương công và trăm quan của Yên về Trường An, phong Vỹ làm Tân Hưng Hầu, những người còn lại đều được phong. Mộ Dung Hội bắt đầu từ Tấn Tuệ Đế năm Thái An năm thứ hai, Quý Hợi kết thúc vào Đông Tấn Phế Đế năm Thái Hòa năm thứ năm Canh Ngọ, gồm bốn chủ, trị vì sáu mươi tám năm.

* **Thái Tông Giản Văn Đế:** Tên là Dục, con út của Nguyên Đế, được phong làm Cối Kê Vương. Khang Đế mất, Thái hậu sai ông nắm giữ mọi việc rồi phong ông làm Tư Đồ Thừa Tướng nắm việc của Thượng thư. Hoàn Ôn phế Hải Tây Công, theo lệnh Thái hậu, ông lên ngôi Hoàng Đế. Hoàn Ôn chuyên quyền, Đế lấy lòng khoan dung đối xử với Ôn. Ông thọ năm mươi ba tuổi, từng dựng chùa, đúc tượng, độ tăng. Ông dựng chùa Trường Can ở Kiến Khang, xây tháp Phật nguy nga, tráng lệ. Niên hiệu Hàm An có hai năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Mùi: Tấn, tháng mười một, Đế lên ngôi, đổi niên hiệu Hàm An* | *Tiền Tần Phù Kiên thôn tính Trung Nguyên. Năm Kiến Nguyên năm thứ 7* | *Tiền Lương* |

* ***Sa-môn Trúc Pháp Thải:*** Sư ở chùa Ngõa Quan thuộc Kiến Khang, vua rất kính trọng. Sư giảng kinh Phóng Quang Bát-nhã, vua đích thân đến nghe, công khanh đều đến dự, tăng tục thảy kính ngưỡng. Đời Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ mười hai, Sư quy tịch, thọ sáu mươi tám tuổi. Vũ Đế hạ chiếu rằng: Pháp sư Thải đạo bủa tám phương, vội vàng quy tịch, nay cấp mười vạn tiền, mọi việc tang lễ do Hữu Ty lo liệu.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Nhâm Thân: Hàm An năm thứ hai, tháng 7, Đế mất.* | *Tiền Tần: Năm Kiến Nguyên năm thứ 8* | *Tiền Lương* | | *Đại* |

* Hứa Tuân: Tự Huyền Độ, Đế rất kính trọng, thường đàm đạo huyền với ông. Hậu thân của ông là vị Tăng tên là Đàm Ngạn. Tháp của Đàm Ngạn ở Thiệu Hưng, Chiết Đông, Ngạn thọ một trăm hai mươi tuổi.

**Liệt Tông Hiếu Vũ Đế:** Tên là Diệu, con năm thứ ba của Giản Văn Đế. Ông lên ngôi năm mười một tuổi, tháng giêng niên hiệu Thái Nguyên năm đầu ông lên ngôi Hoàng Đế, Thái hậu giao lại quyền chánh cho ông. Ông ở ngôi hai mươi bốn, thọ ba mươi lăm tuổi. Niên hiệu Ninh Khang ba năm, Thái Nguyên hai mươi mốt năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Quý Dậu: Tấn, niên hiệu Ninh Khang năm đầu* | *Tần: Năm Kiến Nguyên năm thứ 9* | *Tiền Lương* | | *Đại* |

Tháng bảy, Nam quận Tuyên Vũ Công Hoàn Ôn bệnh nặng, sai em là Xung nhận lãnh mọi việc. Xung theo di mệnh đưa con út của Ôn là Huyền làm người kế thừa. Lúc này Huyền mới năm tuổi được tập phong làm Nam quận công. Xung thay Ôn gánh vác mọi việc, tận trung với vương thất. Tháng tám, Thái hậu lại lâm triều nhiếp chính.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Giáp Tuất: Kiến Khang năm thứ 2* | *Kiến Nguyên năm thứ 10* | *Tiền Lương* | | *Đại* |

* ***Sắc lệnh an táng Sa-môn:*** Đời Ai Đế năm Kiến Khang năm thứ hai, vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Trúc Tiềm vào giảng kinh Bát-nhã trong cấm thành. Tiềm mang cả dép vào điện, mọi người xúm nhau xem rồi khen đạo đức và phong thái cao vời của ngài. Có lần vua ép ngài làm quan, Tiềm từ chối trở về Diệm sơn. Sau đó Chi Độn gởi thư

muốn tìm mua một ngọn núi nhỏ ở Ốc châu để ở ẩn. Tiềm trả lời rằng: "Muốn đến thì cho ngay chứ chưa nghe việc mua núi làm tổ rồi mới về ở ẩn." Pháp Tiềm thị tịch trong năm này, Vũ Đế hạ chiếu rằng: "Pháp sư tỏ ngộ sâu xa, phong thái thanh cao, bỏ cái vinh Tể tướng, học cái hạnh Sa-môn, ở trên núi cao, vượt xa thế tục, dốc chí tu hành, chưa từng giãi đãi, một lòng nêu đạo, giáo hóa quần sinh, nay đột nhiên quy tịch Trẫm đau xót vô cùng. Nay ban tặng cho mười vạn quan tiền, trợ giúp việc xây tháp". Những Sa-môn Trung Quốc được vua ban lễ vật tống táng bắt đầu từ ngài.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất Hợi: Tấn, năm Ninh Khang năm thứ 3* | *Tiền Tần: Năm Kiến Nguyên năm thứ 11* | *Tiền Lương* | *Đại* |
| *Bính Tý: Tấn năm Thái Nguyên Năm đầu, mồng một tháng giêng Đế lên ngôi* | *Kiến Nguyên năm thứ 12* | *Tần diệt Lương. Lương tồn tại được 74 năm* | *Đại: Thác Bạt Khuê dựng thành ấp trong năm này.* |

***Tiền Lương:*** Trương Quỹ tự Sĩ Ngạn, người An Định (nay là Thiểm Tây, Trang Lãng lộ thuộc Ung châu, Kinh châu). Ông làm quan nhà Tấn giữ chức Tán kỵ thường thị. Tuệ Đế tháng giêng niên hiệu Vĩnh Ninh năm đầu, ông làm Lương châu Thứ sử. Gặp lúc thời buổi nhiễu nhương, Quỹ ngầm nuôi chí chiếm cứ Hà Tây nên mới xin làm Thứ sử Lương châu. Năm Quý Hợi, Quỹ chiếm Lương châu. Mẫn Đế năm Kiến Hưng năm thứ hai, Quỹ xưng Lương châu mục Tây Bình công. Kiến Hưng năm thứ tư, Trương Thật kế ngôi. Đông Tấn Nguyên Đế năm Đại Hưng năm thứ tư em là Mậu kế ngôi. Tấn Minh Đế năm Thái Ninh năm thứ hai, con là Tuấn kế ngôi. Tấn Mục Đế niên hiệu Vĩnh Hòa năm đầu, Tuấn xưng vương. Tháng năm Vĩnh Hòa năm thứ hai, Tây Bình Trung Thành Vương Trương Tuấn mất, các quan đưa Thế tử Trùng Hoa làm Lương châu mục Tây Bình công giả Lương Vương. Tháng mười một năm Vĩnh Hòa năm thứ chín, Tây Bình Kính Liệt công Trương Hoa mất. Thế tử Diệu Linh lúc này mới mười tuổi, bọn Hữu Trường Sử, Triệu Trường kiến nghị lập Trường Ninh Hầu Tộ vốn là anh kế của Trùng

Hoa, phế Diệu Linh xuống làm Lương Ninh Hầu, đưa Tộ làm Lương châu mục, đổi niên hiệu Hòa Bình. Tháng giêng năm Vĩnh Hòa thứ mười, Trương Tộ tự xưng là Lương Vương, đặt ra trăm quan, tế giao tế tự, tế trời đất, dùng lễ nhạc của Thiên Tử. Vĩnh Hòa năm thứ mười một, Xung Công Trương Tịnh lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hưng, đến Tấn Ai Đế niên hiệu Hưng Ninh năm đầu, Lương Điệu Công Trương Thiên Tích giết Tịnh rồi tự lập. Đến lúc này là Vũ Đế năm Thái Nguyên năm đầu, bị Phù Tần tiêu diệt. Nhà Lương tồn tại bảy mươi bốn năm. Lương châu thuộc Ung châu tỉnh Cam Túc ngày nay.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Sửu: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 2* | *Tiền Tần năm Kiến Nguyên 13* | *Tấn Thư ghi: Đến lúc này đất trong chín châu thì Tần đã có đến 8, nhà Tấn chỉ còn một dải ở Đông Nam mà thôi.* | *Đại* |

+ Thích Tuệ Vĩnh ở chùa Tây Lâm, Lô Sơn: Ban đầu ngài cùng Pháp sư Tuệ Viễn tham học với Pháp sư Đạo An, đến lúc này ngài đến Tầm Dương trước, Thứ sử Đào Phạm giữ ngài ở lại Lô Sơn. Phạm cải gia vi tự cho ngài ở, đó là chùa Tây Lâm, trên núi có một cái thất tên là Hương Cốc.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Dần: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 2* | *Tiền Tần: Năm Kiến Nguyên năm thứ 14* | *Đại* |

* Đô Duy Na: Sa-môn Trúc Đạo Nhất theo học Pháp sư Thải, Tấn Giản Văn Đế rất kính trọng hai ngài. Sau đó, Đạo Nhất qua tại Hổ Khâu, Bình Giang, rồi qua trụ ở Nhã Da Khê ở Việt Châu. Mấy hôm sau, quận thú Vương Hội xây chùa Gia Tường thỉnh ngài trụ trì. Thời bấy giờ, người ta gọi ngài là Cửu Châu Đô Duy Na. Luật Tỳ-nại-da mười quyển do Pháp sư Trúc Pháp Niệm dịch hoàn tất trong năm này.

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Mão: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 4* | *Tiền Tần: Kiến Nguyên năm thứ 14. Tần lấy được Tương Dương của Tấn và có được Pháp sư Đạo An, Tập Tạc Xỉ.* | *Đại* |
| *Canh Thìn: Thái Nguyên năm thứ 5* | *Kiến Nguyên năm thứ 16* | *Đại* |

* Sa-môn Trúc Pháp Nghĩa là người mở mang vương đạo, kế thừa tông phong, kính trọng bạn bè. Vua từng sai sứ mời ngài vào điện giảng thuyết kinh điển, mỗi khi giảng thuyết Vũ Đế đều đến nghe. Ngài thị tịch trong năm này, vua ban mười vạn tiền, xây tháp an táng ở sườn núi Tân Đình, nay là chùa Thiên An.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Tân Tỵ: Tháng giêng năm Thái Nguyên năm thứ sáu vua lập điện trong Tịnh Xá thỉnh Sa-môn giảng đạo* | *Kiến Nguyên năm thứ 17* | | *Đại* |
| *Nhâm Ngọ: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 7* | *Kiến Nguyên năm thứ 18* | *Lã Quang chiếm Cô Tang, tức Lương Châu* | *Đại* |

Tiền Tần chủ Phù Kiên sai tả tướng quân Lã Quang đánh Quy Tư, đón Pháp sư Cưu-ma-la-thập. Lã Quang chiếm cứ Cô Tạn, tức Lương châu, lấy hiệu Hậu Lương.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Quý Mùi: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 8* | *Tiền Tần: Kiến Nguyên năm thứ 19* | | | *Lã Quang* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Đại: Thát Bạt Khuê* | | | | |
| *Giáp Thân: Năm Thái Nguyên năm thứ 9* | *Kiến Nguyên năm thứ 20* | *Hậu Tần Diêu Trành, niên hiệu Bạch Tước năm đầu* | *Tây Tần: Khất Phục Quốc Nhân chiếm Kim Thành* | |
| *Hậu Lương Mộ Dung Thùy năm đầu* | | *Đại* | | |

Pháp sư Viễn Công ở Nhạn môn đến Lô Sơn, Giang châu trong năm này.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Ất Dậu: Năm Thái Nguyên năm thứ 10* | *Kiên bị giết, con là Phi lên ngôi, Thái Bình năm đầu* | *Bạch Tước năm thứ 2* | *Tây Tần: Kiến Hy năm đầu* | *Lã Quang* |
| *Thùy chiếm cứ Trung Sơn, niên hiệu Kiến Hưng năm đầu* | | *Đại: Thát Bạt Khuê* | | |
| *Bính Tuất: Năm Thái Nguyên năm thứ 11* | *Phi mất, Đăng lên ngôi, niên hiệu Thái sơ năm đầu* | *Trành vào Trường An và lên ngôi, niên hiệu Kiến Sơ năm đầu* | *Kiến Hy năm thứ 2* | *Tam Hà Vương Lã Quang, niên hiệu Thái An năm đầu* |
| *Kiến Hưng năm thứ 2* | | *Khuê lên ngôi Ngụy Vương, Đăng Quốc năm đầu* | | |
| *Đinh Hợi: Thái Nguyên năm thứ 12* | *Thái Sơ năm thứ 2* | *Kiến Sơ năm thứ 2* | *Kiến Hy năm thứ 3* | *Lân Gia năm đầu* |
| *Kiến Hưng năm thứ 3* | | *Ngụy Vương Khuê: Đăng Quốc năm thứ 2* | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Mậu Tý: Thái Nguyên năm thứ 13* | *Thái Sơ năm thứ 3* | *Kiến Sơ năm thứ 3* | *Kiến Hy năm thứ 4* | *Lân Gia năm thứ 2* |
| *Kiến Hưng năm thứ 4* | | *Đăng Quốc năm thứ 3* | | |

***Tổ năm thứ 26:*** **Tôn giả Bất-như-mật-đa.**

Ngài là con thứ của vua Thiên Đức ở Nam Ấn. Sau khi xuất gia đắc pháp, ngài đến Đông Ấn hoằng hóa. Quốc vương xứ này tên là Kiên Cố, thờ ngoại đạo Trường Trảo Phạm chí. Nhà vua bỗng thấy luồng khí trắng xuyên suốt từ trên xuống dưới mới hỏi:

- Đây là điềm gì?

Phạm chí đáp:

Là điềm ma đến.

Phạm chí nhóm họp đồ chúng và hỏi:

Bất-như-mật-đa sắp vào thành đô, ai có thể chiết phục được ông ấy?

Đệ tử ông ta đáp:

Bọn đệ tử đều có chú thuật có thể làm chấn động trời đất, vào trong nước lửa thì còn lo gì!

Ngài đến, vua hỏi:

Thầy đến làm gì?

Ngài đáp:

Đến để độ sinh.

- Dùng pháp gì độ?

- Tùy theo mỗi loại mà độ họ.

Bấy giờ Phạm chí dùng huyễn thuật hóa ra một trái núi lớn đè trên đỉnh đầu ngài. Ngài lấy tay chỉ, quả núi bay qua đè bọn Phạm chí. Phạm chí khiếp sợ lạy ngài xin tha. Ngài xót thương bọn họ, lấy tay chỉ, quả núi biến mất. Ngài diễn nói pháp yếu cho vua nghe, ai nấy đều quy hướng Chân thừa.

Lúc ấy có một thanh niên con Bà-la-môn, khoảng hai mươi tuổi, chẳng biết tên họ là gì, có khi tự xưng mình là Anh Lạc, cho nên người ta gọi cậu là Đồng tử Anh Lạc. Một hôm vua cùng ngài xa giá đi ra thì gặp Anh Lạc. Ngài chỉ Anh Lạc và nói với nhà vua: chàng trai trẻ này chính lá Bồ-tát Đại Thế Chí. Sau vị Thánh này sẽ xuất hiện hai người, một người giáo hóa ở Nam Ấn, một người có duyên với nước Chấn Đán. Do nguyên nhân xưa nên ngài đặt tên cho Anh Lạc là Bát-nhã Đa-la

và ngài nói: Nay ta đem Chánh pháp nhãn tạng giao phó cho ông. Ngài nói kệ:

*Kho chân tánh tâm địa*
*Không đầu cũng không đuôi*
*Ứng duyên mà hóa vật*
*Phương tiện gọi là trí.*

Phó pháp xong, ngài từ biệt vua và nói: "Tôi sẽ quy tịch, mong nhà vua đừng quên ngoại hộ giáo pháp Tối Thượng thừa". Nói xong ngài kiết già quy tịch, dùng lửa tự đốt thân. Nhà vua thâu lấy xá-lợi dựng tháp an táng. Bấy giờ là đời Đông Tấn Vũ Đế.

<table>
<tr><td>Kỷ Sửu: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 14</td><td>Tiền Tần: Năm Thái Sơ năm thứ 4</td><td>Hậu Tần: Năm Kiến Sơ năm thứ 4</td><td>Tây Tần Càn Quy Thái Sơ năm đầu</td><td>Lã Quang: Lân Gia năm thứ 3</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hậu Yên: Thùy, năm Kiến Hưng năm thứ 5</td><td colspan="2">Ngụy Vương: Năm Đăng Quốc năm thứ 4</td><td></td></tr>
</table>

* ***Pháp sư Thích Đạo An:*** ngài họ Vệ, người Phù Liễu, Thường Sơn. Vốn theo nghiệp Nho, từ nhỏ mồ côi cha mẹ, được anh họ nuôi nấng. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia, thờ Phật Đồ Trừng làm thầy. Ngài đọc sách, mỗi ngày thuộc cả vạn lời, biện tài lưu loát, bẩm tánh thông minh nhưng mặt mày rất xấu, bấy giờ có câu ngạn ngữ: "Đạo nhân đen như than, làm kinh động bốn phía."

Đến khi Phật Đồ Trừng thị tịch, ngài dẫn đồ chúng vượt sông vào núi Lục Hồn, ăn rau cỏ, uống nước khe. Niên hiệu Ninh Khang năm đầu, đời Vũ Đế, ngài dựng chùa Đàn Khê ở Tương Dương, xây tháp, đúc tượng Phật bằng đồng. Vũ Đế nghe danh ngài liền hạ chiếu rằng: "Pháp sư đem đạo đức soi sáng trời người, làm cho đại pháp lưu hành, làm chỗ dựa cho sinh linh, nên mỗi ngày nhận bổng lộc như vương công, quan lại địa phương theo mùa mà cung cấp phẩm vật cho ngài vậy." Nhưng ngài kiên quyết chối từ, không nhận.

Năm Kỷ Mão, tức Tấn Thái Nguyên năm thứ tư, tháng hai, Tần chủ Phù Kiên đánh chiếm Tương Dương, rước được ngài nên lòng vô cùng vui mừng. Kiên nói với Tả hữu: "Ta dùng mười vạn binh lấy Tương Dương, được một người rưỡi mà thôi." Tả hữu hỏi đó là ai, Kiên đáp:

"An Công là một người, Tập Tạc Xỉ là nửa người."

Ngài đến Trường An, có hơn một vạn Sa-môn đều lấy họ của ngài. Ngài nói: Bậc thầy không ai bằng Phật Thế Tôn, Sa-môn nên lấy họ Thích làm họ của mình. Kinh Tăng Nhất A-hàm có ghi: "Bốn sông đổ ra biển, không còn tên gọi khác, bốn họ khi xuất gia đều gọi là họ Thích", hễ phù hợp kinh điển, đời càng thêm kính trọng.

Ngày ba mươi tháng giêng năm Kỷ Sửu, ngài sai đồ chúng chuẩn bị tắm rửa cho mình, bỗng có một dị tăng xuất hiện đi tới đi lui nơi kẽ tường. Ngài hỏi vị Tăng mình sẽ sinh ở đâu, vị Tăng chỉ hướng Tây Bắc, nơi ấy bỗng nhiên mây trời rẽ ra, lâu đài nguy nga hiện ra như trong mộng. Vị Tăng nói: "Đó là trời Đâu-suất, đêm nay sẽ có vài trăm đồng tử tắm xong thì đi đến đó, ông cần biết trước để sau này kết duyên cùng những bạn bè Ứng Chân đó.

Ngày tám tháng hai, ngài kiết già mà tịch. Mỗi lần chú sớ nghĩa kinh, ngài đều cầu Thánh chứng minh. Cánh tay trái của ngài có cục thịt vuông vức một tấc nổi cao như cái ấn, nên người đương thời gọi ngài là Ấn Thủ Bồ-tát. Ngài trước tác Tăng ni Quỹ Phạm và Pháp Môn Thanh Thức gồm hai mươi bốn điều, ai nấy đều tuân theo.

Trong Biên Niên Luận của Tú Tử Chi ghi: "Sự hưng thịnh của Phật giáo từ Phật Đồ Trừng có được Đạo An, do Đạo An có được Viễn Công, hóa nghi của ba đại sĩ ấy đều dị kỳ, lớn lao.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Canh Dần: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 15* | *Tiền tần, năm Thái Sơ năm thứ 5* | *Hậu Tần, năm Kiến Sơ năm thứ 5* | *Tây Tần khất Phục, Thái Sơ năm thứ 2* | *Lã Quang, năm Lân Gia năm thứ 4* |
| *Hậu Yên: Kiến Hưng năm thứ 6* | | *Ngụy: Đăng Quốc năm thứ 5* | | |

Đạo tràng niệm Phật Tịnh độ ở Lô Sơn bắt đầu từ năm này (xem hành trạng của Pháp sư Tuệ Viễn).

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tân Mão: Thái Nguyên năm thứ 16* | *Thái Sơ năm thứ 6* | *Kiến Sơ năm thứ 6* | *Thái Sơ năm thứ 3* | *Lân Gia năm thứ 5* |
| *Kiến Hưng năm thứ 7* | | *Đăng Quốc năm thứ 6* | | |
| *Nhâm Thìn: Thái Nguyên năm thứ 17* | *Thái Sơ năm thứ 7* | *Kiến Sơ năm thứ 7* | *Thái Sơ năm thứ 4* | *Lân Gia năm thứ 6* |
| *Kiến Hưng năm thứ 8* | | *Đăng Quốc năm thứ 7* | | |
| *Quý Tỵ: Thái Nguyên năm thứ 18* | *Thái Sơ năm thứ 8* | *Trường mất, Thái tử Hưng lên ngôi* | *Thái Sơ năm thứ 5* | *Lân Gia năm thứ 7* |
| *Kiến Hưng năm thứ 9* | | *Đăng Quốc năm thứ 8* | | |
| *Giáp Ngọ: Thái Nguyên năm thứ 19* | *Phù Sùng diệt, Diên Hòa năm đầu* | *Hậu Tần Hưng, Hoàng Sơ năm đầu* | *Thái Sơ năm thứ 6* | *Lân Gia năm thứ 8* |
| *Kiến Hưng năm thứ 10* | | *Đăng Quốc năm thứ 9* | | |

* ***Tiền Tần:*** Phù Kiện: Ông vốn họ Lược Dương, cha là Hồng, làm quan cho hậu Triệu giữ chức Đô đốc. Nhân họ Thạch nổi loạn, Hồng chiếm cứ Quan Hữu. Đông Tấn Mục Đế năm Vĩnh Hòa năm thứ sáu, Hồng mất, tháng mười một con năm thứ ba của ông là Phù Kiện vào Trường An, dân Di, Hạ của Ung châu, Tần châu đều về với Kiện. Tháng giêng năm sau, Kiện lên ngôi thiên vương, lấy quốc hiệu Đại Tần, xưng là đại Thiền Vu, lấy niên hiệu Hoàng Thỉ, sai sứ giả đi thăm hỏi dân tình, tiến cử bậc hiền tài, giảm nhẹ tô thuế, bãi bỏ những thứ vô dụng. Những chính sách hà khắc mà dân không kham nổi của nhà Triệu ông đều bỏ hết. Tháng giêng năm Nhâm Tý, Kiện lên ngôi Hoàng Đế. Năm Giáp Dần, Đông Hải Vương Hùng mất, con Hùng là Kiên lên kế vị. Kiên hiếu thảo, học rộng, đa tài. Tháng sáu năm Ất Mão, Kiện mất, thụy là Cảnh Minh Hoàng Đế, miếu hiệu Cao Tổ. Thái tử Sinh lên nối ngôi, đổi niên hiệu Thọ Quang. Sinh là kẻ bạo ngược, uống rượu quên ngày đêm, nhân lúc say giải quyết mọi việc nên giết hại rất nhiều người. Quần thần giữ được mạng sống trong một ngày cứ như trải qua mười năm. Tháng sáu năm Đinh Tỵ, Thái tử Lệnh Khang Quyền nói với Sinh: “Đêm qua xuất hiện ba mặt trăng, sao chổi nhập vào Thái Vi kéo

dài đến giếng phía Đông, sắp có họa kẻ dưới giết người trên." Sinh nổi giận cho là nói gở liền đâm chết Khang Quyền. Đêm ấy Sinh nói với đám thị tỳ: "Anh em thằng Pháp cũng không đáng tin, ngày mai phải giết sạch đi!" Thị tỳ báo với Kiên và anh của Kiên là Thanh Hà Vương Pháp. Pháp cùng Đặc Tiến Lương Bình lão, Đặc Tiến Cường Uông dẫn mấy trăm tráng sĩ lén vào Vân Long Môn, Kiên và Thượng thư Lã Bà Lâu dẫn hơn ba trăm thuộc hạ thúc trống theo sau. Túc vệ, tướng sĩ đều bỏ binh khí quy hàng Kiên. Binh của Kiên dẫn Sinh nhốt trong nhà riêng, lúc ấy Sinh còn chưa tỉnh rượu. Kiên phế Sinh làm Việt Vương rồi giết, thụy là Lệ Vương. Kiên nhường ngôi cho anh là Pháp, Pháp nói: "Em là dòng chính, lại hiền tài, nên lên ngôi." Kiên bỏ hiệu Hoàng Đế, xưng là Đại Tần Thiên Vương, đổi niên hiệu Vĩnh Hưng, truy tôn cha là Hùng làm Văn Hoàn Hoàng Đế, mẹ là Cẩu thị làm Hoàng Thái hậu, thế tử Hoằng làm hoàng Thái tử, phong anh là Thanh Hà Vương Pháp làm Đô đốc nắm giữ việc quân cơ, Thừa Tướng nắm việc Thượng thư, các vương đều giáng xuống tước công, phong em là Dung làm Dương Bình công, con là Phi làm Đương Lạc công, đưa bậc tài giỏi giữ những chức bị bãi. Ông dạy cách làm nông, thương kẻ khốn cùng, tế lễ trăm thần, mở ra trường học, nêu cao nghĩa tiết, kế tục muôn đời, muôn dân hân hoan. Năm Kỷ Mùi, ông đổi niên hiệu Cam Lộ. Năm Kỷ Sửu, đổi niên hiệu Kiến Nguyên. Năm Quý Mùi nhằm Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ tám, tức Tần năm Kiến Nguyên năm thứ 19, ông dốc binh đánh Tấn, Kiên thua to dẫn tàn quân về. Tháng năm Kỷ Dậu, Tây Yên Mộ Dung Xung đánh Trường An, Kiên đích thân đốc chiến. Kiên bị tên cắm đầy người, máu me đầm đìa, Xung cho quân tàn phá Quan Trung, đường xá vắng ngắt, ngàn dặm chẳng thấy một ngôi nhà. Kiên chạy đến núi Ngũ Tướng, Hậu Tần Vương Diêu Trành sai phiêu kỵ tướng quân Ngô Chí Trung đến bắt Kiên, phong thụy cho ông trong ngôi chùa ở Tân Bình. Con của Kiên là Phi từ đất Nghiệp chạy đến Trường An, đến Tấn Dương thì mới biết Trường An thất thủ, Kiên đã chết, Phi bèn phát tang rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thái Bình, truy tôn Kiên thụy là Tuyên Chiêu Hoàng Đế, miếu hiệu Thế Tổ. Tháng chín năm Bính Tuất, Mộ Dung Vĩnh của Yên sai sứ qua Phi mượn đường đi về Đông, Phi không cho. Phi và Vĩnh đánh nhau ở Tương Lăng, Phi thua mới bàn đánh úp Lạc Dương. Bấy giờ ông bị Dương Uy tướng quân Bằng Cai từ đất Thiểm vây đánh và giết. Tháng mười một, Tần Nam An Vương Phù Đăng phát tang cho Phi rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thái Sơ, phong Phi thụy là Ai Bình Hoàng Đế, bấy giờ là năm

Giáp Ngọ tức Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ mười chín. Tháng bảy Hậu Tần chủ Diêu Hưng từ Thiểm Tây, Kinh châu đi Kinh Dương đánh nhau với Đăng ở Sơn Nam, bắt Đăng rồi giết. Thái tử của Đăng là Sùng chạy đến Hoàng Trung, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Diên Hòa, truy Đăng thụy là Cao Hoàng Đế. Sùng bị Hậu Tần họ Diêu tiêu diệt. Tiền Tần tồn tại cả thảy bốn mươi lăm năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất Mùi: Tấn, năm Thái Nguyên năm thứ 20* | *Hậu Tần họ Diêu, năm Hoàng Sơ năm thứ 2* | *Tây Tần khất phục, năm Thái Sơ năm thứ 7* | *Tam Hà Vương Lã Quang năm Lân Gia năm thứ 9* |
| *Hậu Yên Mộ Dung, Kiến Hưng năm thứ 11* | | *Ngụy: Đăng Quốc năm thứ 10* | |
| *Bính Thân: Thái Nguyên năm thứ 21, tháng sáu vua bị giết* | *Hoàng Sơ năm thứ 3* | *Tây Tần khất phục* | *Hậu Vương lên ngôi Đại Vương, niên hiệu Long Phi năm đầu* |
| *Mộ Dung Bảo, Vĩnh Khang năm đầu* | | *Ngụy: dựng cờ Thiên Tử, Hoàng Thỉ năm đầu* | |

* **An Đế:** Húy Đức Tông, Thái tử của Vũ Đế. Ông lên ngôi vào tháng chín năm Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, ở ngôi hai mươi hai năm, thọ ba mươi bảy tuổi. Niên hiệu Long An năm, Nguyên Hưng ba năm, Nghĩa Hy mười bốn năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Đinh Dậu: Tấn, niên hiệu Long An năm đầu* | *Nam Yên: Mộ Dung Đức* | *Nam Lương: Ngốc-Phát-Ô-Co* | *Hậu Tần: họ Diêu, Hoàng Sơ năm thứ 4* | *Tây Tần khất phục* |
| *Tây Lương: Lý Cao* | *Hậu Lương: Lã Quang, Phi Long năm thứ 2* | *Hậu Yên: Vĩnh Khang năm thứ 2* | *Bắc Lương: Thư Cừ, Thần Tỷ năm đầu* | *Ngụy: Năm Hoàng Thỉ năm thứ 2* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Mậu Tuất: Long An năm thứ 2* | *Vũ Đế: năm Đức Quang năm đầu* | *Chiếm cứ Quảng Vũ, Thái Sơ năm đầu* | *Hoàng Sơ năm thứ 5* | *Tây Tần* |
| *Tây Lương: chiếm đất Châm* | *Hậu Lương: họ Lã, Long Phi năm thứ 3* | *Hậu Yên: năm Kiến Bình năm thứ 3* | *Bắc Lương: năm Thần Tỷ năm thứ 2* | *Ngụy lên ngôi Vua, niên hiệu Thiên Hưng năm đầu* |

***Ngụy:*** Thái Tổ khi hạ chiếu rằng: Từ Phật pháp hưng thịnh đến nay rất là sâu xa, công lao cứu đời bủa khắp kẻ còn người mất, dấu tích thần kỳ của đạo pháp lưu lại đáng để muôn dân tin tưởng, cậy nhờ. Trẫm nay ban lệnh quan Hữu Ty phải nghiêm sức tượng Phật. Sửa sang chùa viện trong kinh thành để người tín tâm có nơi nương tựa.” Thái tổ dựng tháp cao mười lăm tầng ở đất Ngu, dựng hai chùa Khai Thái và Định Quốc, chép nhiều Kinh Luận, đúc ngàn tượng vàng, mỗi ngày thết cúng ba trăm danh tăng.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Kỷ Hợi: Long An năm thứ 3* | *Chiếm cứ Quảng Cố* | *Nam Lương: Thái Sơ năm thứ 2* | *Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm đầu* | *Tây Tần Khất Phục* |
| *Tây Lương* | *Hậu Lương: Toản, Hàm Ninh năm đầu* | *Hậu Yên: Trường Lạc năm đầu* | *Bắc Lương: Thiên Tỷ năm đầu* | *Ngụy: Thiên Hưng năm thứ 2* |
| *Canh Tý: Long An năm thứ 4* | *Nam Yên lên ngôi, Kiến Bình năm đầu* | *Nam Lương: Lợi Lộc Cô, Kiến Hòa năm đầu* | *Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm thứ 2* | *Tây Tần Khất Phục* |
| *Tây Lương: Lý Cảo* | *Hậu Lương: Hàm Ninh năm thứ 2* | *Hậu Yên: Trường lạc năm thứ 2* | *Bắc Lương: Năm Thiên Tỷ năm thứ 2* | *Ngụy: Thiên Hưng năm thứ 3* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tân Sửu: Tấn, Long An năm thứ 5* | *Nam Yên: Kiến Bình năm thứ 2* | *Nam Lương: Kiến Hòa năm thứ 2* | *Hậu Tần: Họ Diêu Hoàng Thỉ năm thứ 3* | *Tây Tần Khất Phục năm thứ 3* |
| *Tây Lương: Lý Cảo năm thứ 2* | *hậu Lương: Long, Thần Đỉnh năm đầu* | *Hậu Yên: Hy, Quang Thỉ năm đầu* | *Bắc Lương: Mông Tống, Vĩnh An năm đầu* | *Ngụy: Thạch Bạt, Thiên Hưng năm thứ 4* |

* ***Hậu Lương:*** Lã Quang, vốn họ Lược Dương, làm quan cho Phù Tần, giữ chức tả tướng quân. Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ mười một, Nguyên có tướng là Vương Mục chiếm cứ Tửu Tuyền của Túc châu, tự xưng là Lương châu mục. Quang tiến đánh lấy được Tửu Tuyền và ông lên ngôi làm Tam Hà Vương, lấy niên hiệu Thái An, rồi ông chiếm cứ Cô Tạng (Lương châu tỉnh cam Túc ngày nay), đổi niên hiệu là Lân Gia. Tháng sáu năm Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, Tam Hà Vương Lã Quang lên ngôi Thiên vương, đó là Vũ Đế, lấy quốc hiệu Đại Lương, đổi niên hiệu Long Phi, đưa thế tử Thiệu làm Thái tử. Đến tháng mười hai ăm Long An năm thứ ba đời Tấn, Quang mất, Thái tử Thiệu lên ngôi bị Đại Nguyên Công Toản giết. Toản lên ngôi Thiên Vương, đó là Linh Đế, đổi niên hiệu Hàm Ninh. Toản uống rượu, ưa đi săn, năm Long An năm thứ năm Lã Siêu giết ông rồi lập Lã Long, đổi niên hiệu Thần Đỉnh. Năm sau, Long hàng Hậu Tần, họ Diêu gồm ba chủ, trị vì cả thảy mười bảy năm.

* ***Pháp sư Cưu-ma-la-thập:*** Ngài người nước Quy Tư. Năm Đông Tấn Vũ Đế, niên hiệu Thái Nguyên năm thứ bảy, Tiền Tần Phù Kiên sai phiêu kỵ tướng quân Lã Quang đánh nước Quy Tư rước ngài về. Về đến nửa đường, Quang nghe Tần bị loạn, liền chiếm cứ Cô Tạng. Đến khi Hậu Tần Diêu Hưng diệt Lã Long xong mới đón ngài về. Thuở nhỏ, ngài mỗi ngày đọc thuộc ba vạn hai ngàn lời, rồi theo mẹ xuất gia, vân du khắp Tây Vực, thông suốt sử sách, rất giỏi Đại thừa. Khi còn ở Quy Tư, các quốc vương láng giềng họp nhau lại thỉnh ngài thuyết pháp. Mỗi lần như vậy, họ đều quì trước tòa thỉnh ngài bước trên vai họ mà thăng tòa. Ở Hậu Tần, ngài đại xiển dương Kinh Luận. Tần chủ tôn ngài làm Quốc sư, thờ ngài như thờ Thần. Ông đích thân dẫn đại thần, Sa-môn đến nghe ngài giảng, sau lại thỉnh ngài phiên dịch Kinh Luận của Tây Vực. Phàm Kinh Luận ở Chấn Đán do ngài dịch ra đến ba trăm

tám mươi quyển, dựng nhiều chuà tháp, người tọa thiền thường đến hơn ngàn người. Từ công khanh trở xuống ai nấy đều thờ Phật, các châu quận cũng vậy. Năm Quý Sửu, tức Tấn Đế năm Nghĩa Hy năm thứ chín, nhằm Tần niên hiệu Hoàng Thỉ năm thứ mười lăm, ngày mười ba tháng tư, ngài nhập diệt, thọ bảy mươi tuổi. Đệ tử của ngài gồm: Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ được gọi là Tứ thánh, thêm Đàm Ảnh, Tuệ Nghiêm,Tuệ Quán, Tăng Khế, Đạo Thường, Đạo Tiêu, đây gọi là Thập Triết. lại có Tăng Đạo, Tăng Nhân đều là những người nổi tiếng đương thời. Lúc sắp nhập diệt, ngài nói với đồ chúng: Kinh Luật ta dịch, chỉ có Thập Tụng Luật là chưa san định, nếu nghĩa lý khế hợp tâm Phật thì lúc trà-tỳ lưỡi ta không cháy," Nói xong, ngài quy tịch. Lúc trà-tỳ, quả nhiên lưỡi ngài không hoại, sáng đẹp như sen hồng. Ngài tên là Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Thọ.

* ***Thần Núi Cầu Giới:*** Thích Đàm Ung ban đầu làm quan cho Phù Tần giữ chức vệ tướng quân, Kiên đánh phía nam bị bại, ngài theo Pháp sư Đạo An xuất gia, sau thờ Lô sơn Viễn Công, dựng am tranh tu tập ở phía Tây Lô Sơn, cùng đệ tử Đàm Quả tham thiền nhập định. Ngày nọ bỗng có một thanh niên phong độ tuấn tú dẫn theo hai mươi người đến xin ngài truyền Ngũ giới. Ngài biết đó là Thần núi, liền đốt hương truyền trao Tam quy, Ngũ giới, đồng thời diễn nói pháp yếu cho họ nghe. Thần dâng tặng ngài muỗng đũa của ngoại quốc, lạy tạ rồi xin đi. Phút chốc ngài chẳng thấy bóng dáng họ đâu nữa.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Nhâm Dần: Tấn, năm Nguyên Hưng năm đầu* | *Nam Yên: Kiến Bình năm thứ 3* | *Nam Lương: Hoàng Xương năm đầu* | *Hậu Tần: Hoằng Thỉ năm thứ 4* | *Tây Tần Khất Phục* |
| *Tây Lương: Cảo năm thứ 3* | | *Hậu Yên: Quang Thỉ năm thứ 2* | *Bắc Lương: Vĩnh An năm thứ 2* | *Ngụy: Thiên Hưng năm thứ 5* |
| *Quý Mão: Tấn, năm Nguyên Hưng năm thứ 2* | *Nam Yên: Năm Kiến Bình năm thứ 4* | *Nam Lương: Hoàng Xương năm thứ 2* | *Hậu Tần: Hoằng Thỉ năm thứ 5* | *Tây Tần: Khất Phục* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tây Lương: Năm thứ 4* | | *Hậu Yên: Quang Thỉ năm thứ 3* | *Bắc Lương: Vĩnh An năm thứ 3* | *Ngụy: Thiên Hưng năm thứ 6* |
| *Giáp Thìn: Tấn Nguyên Hưng năm thứ 3* | *Nam Yên: Kiến Bình năm thứ 5* | *Nam Lương: Hoằng Xương năm thứ 3* | *Hậu Tần: Hoằng Thỉ năm thứ 6* | *Tây Tần: Khất Phục* |
| *Tây Lương năm thứ 5* | | *Hậu Yên: Quang Thỉ năm thứ 4* | *Bắc Lương: Vĩnh An năm thứ 4* | *Ngụy: Thiên Tứ năm đầu* |

Tấn năm Long An năm thứ ba, Nam quận công Hoàn Huyền (con đại Tư Đồ Hoàn Ôn) tung hoành chiếm được Kinh, Ung, dâng biểu xin lãnh hai châu là Kinh châu và Giang châu. Triều đình không thể trái ý. Niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu, triều đình sai Thượng thư Lệnh Nguyên Hiển, Trấn Bắc tướng quân Lưu Lao Chi Tiếu Tam Thượng Chi đem binh đánh Huyền ở Giang Lăng. Huyền thất kinh. Trưởng sử Biện Phạm Chi bàn bạc với Huyền, chỉnh đốn binh mã kéo đến Tân Đình. Binh của Nguyên Hiển tan vỡ, Huyền vào kinh tổng quản trăm quan, chém bọn Nguyên Hiển. Tháng hai năm thứ hai, triều đình phong Huyền làm đại tướng quân. Tháng chín thị trung Ân Trọng Văn, tán kỵ Thường Phạm Chi ngầm soạn văn cửu tích và sách mệnh đưa Huyền làm tướng quốc tổng quản trăm quan, phong cho mười quận, tước hiệu Sở Vương, gia phong cửu tích. Tháng mười một, hạ chiếu cho Sở Vương Huyền thực hành lễ nhạc của Thiên Tử. Biên Phạm Chi soạn chiếu nhường ngôi, sai Lâm Xuyên Vương Bảo ép Đế phải ký vào chiếu lệnh. Tư Đồ Vương Mật trao ngọc và đế vị cho Sở Đế rồi ra ở tại cung Vĩnh An, trăm quan đến Cô Thục (Giang Đông Đạo, Thái Bình lộ, Dương Châu). Tháng mười hai, Huyền lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu là Sở, lấy niên hiệu Vĩnh Thỉ, phong Đế làm Bình Cố Vương. Huyền vào cung Kiến Khang lên ngự tòa, ngự sàng bỗng bị ngã. Thị trung Ân Trọng Văn nói: “Do bệ hạ Thánh đức sâu nặng, đất không thể chở nổi.” Huyền rất vui. Huyền dời Đế vào Tầm Dương (Giang châu). Tháng hai năm Nguyên Hưng năm thứ ba, Thái thú Hạ Phì Lưu Dụ, Hà Vô Kỵ, Lưu Nghị, Thanh châu chủ bạ Mạnh Sưởng khôi phục lại nhà Tấn và đem quân vây Lạc Kiều. Huyền ngầm sai Ân Trọng Văn chuẩn bị thuyền

ở Thạch Đầu rồi trốn sang Giang Nam. Dụ vào Kiến Khang dẫn trăm quan đi tiếp xa giá, giết tông tộc của Huyền tại Kiến Khang. Huyền chạy đến Tầm Dương ép Đế lên phía tây. Tháng tư, Lưu Nghị, Hà Vô Kỵ đánh úp thành Tầm Dương, Huyền cấp Đế một mình một thuyền chạy về tây vào Giang Lăng rồi muốn trốn đến Hán Trung. Trong thành nổi loạn, Huyền chỉ kịp đến được thuyền, Kinh châu biệt giá Vương Khang Ngạn đưa Đế vào phủ xá ở Nam quận. Thái thú Vương Đằng Chi thống lãnh văn võ làm thị vệ. Huyền vào đất Thục, đến Mai Hồi châu, gặp phải Ninh châu Thứ sử Mao Phiên Tang đón đánh, tên rơi như mưa. Ích châu Đốc Hộ Phùng Thiên rút đao đánh và chém Huyền. Tháng hai niên hiệu Nghĩa Hy năm đầu Lưu Đài chuẩn bị xa giá đón Đế từ Giang Lăng đến Kiến Khang. Đế phong Lưu Dụ làm Đô đốc trung quân sự, Lưu Nghị làm tả tướng quân, Hà Vô Kỵ làm Dự châu Thứ sử, Lưu Đạo Quy làm Kinh châu Thứ sử. Tháng tư, Dụ trở về giữ trấn Kinh Khẩu. Tháng mười hai năm Nghĩa Hy năm thứ mười hai, Đế hạ chiếu cho Lưu Dụ làm Tướng quốc, tổng quản trăm quan, phong làm Dương châu mục cai quản mười quận, tước hiệu là Tống công, nhận đủ lễ Cửu tích, nhưng Dụ không nhận.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Ất Tỵ: Tấn, năm Nghĩa Hy năm đầu* | *Nam Yên: Siêu, Thái Thượng năm đầu* | *Nam Lương: Năm Hoằng Xương năm thứ 4* | *Hậu Tần: Năm Hoằng Thỉ năm thứ 7* | *Tây Tần: Khất Phục* |
| *Tây Lương: Lý Cảo, Kiến Sơ năm đầu* | *Hậu Yên: Quang Thỉ năm thứ 5* | *Bắc Lương: Năm Vĩnh An năm thứ 5* | *Ngụy: Năm Thiên Tứ năm thứ 2* | |

* ***Tăng Chánh, Duyệt Chúng, Tăng Lục:*** Đời Hậu Tần, Pháp sư Đạo Khế là đệ tử của La-thập phụng trì giới luật tinh nghiêm được Tần chủ rất kính trọng. Từ khi La-thập vào Quan Trung, lúc này Tăng ni lên đến hơn một vạn, nên đặt ra Tăng chánh. Đế hạ chiếu rằng: “Đại pháp truyền về đông, đến nay rất thịnh, Tăng ni vô kể nên đặt ra người đứng đầu, tuyên dạy phép tắc sâu xa để cứu những mối tệ. Pháp sư Khế từ nhỏ có học thức, về già lại có đức cao, đáng làm tăng chánh cho đất nước, cấp phát bổng lộc, chức quan ngang bằng quan thị trung, truyền

cho hai người kéo xe ngựa, hai người kéo xe dê. Lại cử Tăng Thiên, Thiền Tuệ làm duyệt chúng; Pháp Khâm, Tuệ Bân làm tăng lục, phẩm dật khác nhau, cấp cho mỗi vị ba mươi người ngày ngày hầu hạ cho đến lúc già yếu.”

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Bính Ngọ: Nghĩa Hy năm thứ 2* | *Thái Thượng năm thứ 2* | *Hoàng Xương năm thứ 5* | *Hoằng Thỉ năm thứ 8* | *Tây Tần: Khất Phục* |
| *Kiến Sơ năm thứ 2* | *Hạ: Hách Liên, Long Thăng năm đầu* | *Hậu Yên: Quang Thỉ năm thứ 6* | *Bắc Lương: Vĩnh An năm thứ 6* | *Ngụy: Thiên Tư năm thứ 3* |

* ***Kinh Hoa Nghiêm:*** Tôn giả Phật-đà Bạt-đà (Hán dịch Giác Hiền) người nước Kế Tân, Bắc Ấn, Thiên Trúc vân du đến Hoa Hạ. Năm Bính Ngọ, ngài đến Trường An. Cưu-ma-la-thập nghe tin vội vàng ra đón. Thập hận vì gặp ngài quá trễ. Tần Thái tử Diêu Hoằng mời ngài đến Đông Cung cùng luận nghị Phật pháp với La-thập. La-thập hỏi ngài:

Pháp thế nào là Không?

Ngài đáp: Nhiều vi trần tạo thành sắc, sắc không có tự tánh, nên sắc tức là không.

Lại hỏi: Phải dùng nhiều vi trần phá sắc không, sao lại nói phá một vi trần?

Đáp: Dùng một vi trần nên nhiều vi trần tức không, do nhiều vi trần nên một vi trần tức không.

Sa-môn Bảo Vân dịch mấy lời này nhưng không hiểu nghĩa lý, nên cho rằng vi trần mà Bạt-đà nói ấy vốn là thường và xin ngài giải thích. Bạt-đà nói: Pháp không tự sinh, duyên hợp nên sinh, duyên một trần cho đến có nhiều trần, vi trần không có tự tánh, như vậy pháp vốn không, lẽ đâu phải nói: “Chẳng phá một vi trần sao!” Bảo vân vẫn không khế ngộ.

Sau đó ngài vượt sông vào Khuông sơn gặp Viễn Công và hai ngài cùng nghị luận. Viễn công thỉnh ngài dịch mấy bộ kinh về Thiền, năm Mậu Ngọ tức Nghĩa Hy năm thứ mười bốn, ngài vừa đến Giang Lăng, Tống Vương Lưu Dụ thỉnh ngài về tại chùa Đạo Tràng của quan tư không họ Tạ ở kinh đô. Tháng ba Ngô quận nội sử Mạnh Khải v.v...

thỉnh ngài dịch Kinh Hoa Nghiêm thành 60 quyển ở ngay chùa này. Ngài dịch xong vào tháng sáu năm Canh Thân tức Tống Cao Tổ niên hiệu Vĩnh Sơ năm đầu. Lúc dịch kinh thường có hai đồng tử mặc áo xanh cứ sáng sớm từ trong ao trước đình đi ra, đốt hương đèn, hầu nước, chẳng lìa chỗ ngài ngồi. Tối thì hai đồng tử ấy lại vào trong ao. Dịch kinh xong chẳng ai còn thấy hai đồng tử ấy nữa.

* ***Kinh Pháp Hoa:*** Tháng năm này, Pháp sư La-thập dịch xong bộ Pháp Hoa gồm bảy quyển, kinh Duy-ma ba quyển, kinh Hoa Thủ mười ba quyển, lại dịch kinh Phạm Võng hai quyển tại chùa Thảo Đường.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Đinh Mùi: Tấn, Nghĩa Hy năm thứ 3* | *Nam Yên: Năm Thái Thượng năm thứ 3* | *Nam Lương: Hoằng Xương năm thứ 6* | *Hậu Tần: Hoằng Thỉ năm thứ 9* | *Tây Tần: Khất Phục* |
| *Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 3* | *Hạ: Bột Bột, năm Long Thăng năm thứ 2* | *Hậu Yên: Chánh Thỉ năm đầu* | *Bắc Lương: Vĩnh An năm thứ 7* | *Ngụy: Thiên Tư năm thứ 4* |

* ***Hậu Yên:*** Mộ Dung Thùy là con năm thứ năm của Tiền Yên Chủ Mộ Dung Hoàng, được phong Ngô Vương ở Yên. Ông thông minh trí dũng ngày một vang danh. Thái phó Mộ Dung Bình vốn vì tranh cãi và hiềm khích ông, Thái hậu ngầm bàn mưu với Bình để giết Thùy. Đông Tấn Phế Đế năm Thái Hòa năm thứ tư, Thùy cùng em, con, cháu chạy trốn sang Tần. Tần chủ Phù Kiên mừng rỡ ra tận biên giói đón họ, cho Thùy làm Quán quân tướng quân, phong tước Tân Tùng Hầu. Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ tám, Tần Chủ Phù Kiên bị quân Tấn đánh bại. Kiên về đến Thằng Trì, Thùy nói với Kiên: “Ngu dân phía Bắc nghe binh nhà vua không thắng tất xem thường mà nổi loạn, Thần xin mang chiếu thư đến trấn giữ, vỗ an họ.” Thùy đến An Dương (Nghiệp quận, Tương châu ngày xưa) ngầm cùng bề tôi cũ của Yên bàn mưu khôi phục nhà Yên. Gặp lúc Đinh Linh, Địch Bân phản Tần, tháng giêng năm sau, bọn Bân tôn Thùy làm minh chủ. Năm Ất Dậu, Ngô Vương Thùy mới định đô ở Trấn Định, Phủ Trung Sơn (xưa là Định Châu) rồi lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Kiến Hưng. Lúc này Thát Bạt Ngụy phản Yên, xâm chiếm các bộ tộc nằm ở biên giới của

Yên. Bính Thân, Tấn Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, tháng ba Yên chủ Mộ Dung Thùy đích thân đánh Ngụy. Tháng tư, ông mất ở Thư Dương, Thượng Cốc nhưng về đến Trung Sơn mới phát tang. Thái tử Bảo lên ngôi lấy hiệu Mẫn Đế, đổi niên hiệu Vĩnh Khang. Năm Mậu Tuất, Vũ Đế Mộ Dung Thạnh lên ngôi, lấy niên hiệu Kiến Bình, năm sau đổi niên hiệu Trường lạc. Năm Tân Sửu tức Chiêu Đế Hy niên hiệu Quang Thỉ năm đầu. Lúc này là năm Đinh Mùi, Ý Đế Cao Vân lấy niên hiệu Chánh Thỉ, nước loạn, bị Phùng Bạt soán diệt. Hậu Yên tồn tại hai mươi bốn năm, Phùng Bạt lên ngôi lấy quốc hiệu Bắc Yên.

* ***Phật-đà Da-xá:*** Tôn giả là người Thiên Trúc, (Phật-đà Da-xá, Hán dịch là Giác Minh), ngài đến Cô Tạng (nay là Túc châu lộ, Ung châu), Hậu Tần năm Hoàng Thỉ năm thứ chín, Tần chủ sai sứ mời ngài Đến Trường An. Ông đích thân ra biên cương đón và dựng riêng Tịnh Viện cho ngài ở, cúng dường, hầu hạ chẳng khác kính vua, nhưng ngài chẳng nhận gì cả. Cứ đến giờ ngọ, ngài ôm bát khất thực mà thôi. Ngài tinh thông Tỳ-bà-sa Luận, hơn nữa râu ngài màu đỏ, nên người ta gọi ngài là Xích Tu Tỳ-bà-sa. Sau, ngài qua đất Tấn, vân du ở Khuông Sơn, Viễn Công rất kính trọng ngài. Năm Giáp Dần, tức Tấn Nghĩa Hy thứ mười, Tôn giả tự vác sắt lên đỉnh Tử Tiêu Phong rồi dựng tháp, đem xá-lợi Chân thân Như Lai an trí trong đó. Lúc này, Tôn giả Phật-đà Bạt-đà cũng dựng tháp ở phía Bắc chùa Đông Lâm, Lô Sơn an trí năm hạt xá-lợi Phật. Tháp và xá-lợi đến nay vẫn còn.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Mậu Thân: Tấn, năm Nghĩa Hy năm thứ 4* | *Nam Yên: Thái Thượng năm thứ* | *Nam Lương: Gia Bình năm đầu* | *Hậu Tần: Hoàng Thỉ năm thứ 10* | *Tây Tần* |
| *Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 4* | *Hạ Hách Liên: Năm Long Thăng năm thứ 3* | *Bắc Yên, Bắc Lương chiếm cứ Xương Lê, năm Vĩnh An năm thứ 8* | *Ngụy: Thiên Tứ năm thứ 5* | |

* ***Luật sư:*** Tôn giả Tỳ-ma La-xoa (Hán dịch Vô Cấu Nhãn) người Thiên Trúc đến Tần được mấy năm. Lúc này ngài vân du sang Quan Tả xiển dương Tỳ-ni. Thập Tụng Luật, Giới Bổn Luật Tạng mà Cưu-ma-

la-thập dịch sở dĩ được truyền rộng là nhờ công sức của ngài. Trong ấy Nội Ngoại Cấm Khinh Trọng gồm hai quyển lưu hành ở đời. Tôn giả vốn mắt xanh, nên người ta gọi ngài là Thanh Nhãn Luật Sư.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tấn: Năm Nghĩa Hy năm thứ 5* | *Nam Yên bị diệt vong* | *Nam Lương: Năm Gia Bình năm thứ 2* | *Hậu Tần: Năm Hoằng Thỉ năm thứ 11* | *Tây Tần: Năm Canh Thỉ năm đầu* |
| *Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 5* | *Hạ Hách Liên: Long Thăng năm thứ 4* | *Bắc Yên: Phùng Bạt, Thái Bình năm đầu* | *Bắc Lương: Năm Vĩnh An năm thứ 9* | *Ngụy: Tự, năm Vĩnh Hưng năm đầu* |

* ***Nam Yên:*** Mộ Dung Đức là con út của Tiền Yên chủ Mộ Dung Hoàng. Ông chiếm cứ Quảng Cố (xưa là Biện Nhật, nay là Thanh châu), lấy năm Mậu Tuất làm năm đầu. Năm Canh Tý, Đức lại lấy tên là Bị Đức rồi lên ngôi Hoàng Đế (tức Vũ Đế), lấy niên hiệu Kiến Bình. Năm Ất Tỵ, là niên hiệu Thái Thượng năm đầu của Nam Yên chủ Mộ Dung Siêu. Năm Kỷ Dậu tức Tấn Nghĩa Hy năm thứ năm, Tấn Từ châu Thứ sử Lưu Dụ dâng biểu xin đánh Nam Yên. Tháng giêng năm sau, Yên Thượng thư Duyệt Thọ khuyên Siêu hàng nhưng Siêu không nghe. Duyệt Thọ mở cổng thành nộp thành cho quân Tấn. Siêu trốn chạy, bị bắt đưa về Kiến Khang, Nam Yên được bình định, tồn tại mười ba năm.

* ***Ngụy:*** Thái Tổ Đạo Vũ Đế Khuê bị con út là Thiệu giết chết, Thái Tông Minh Nguyên Đế lên nối ngôi. Đế ra lệnh cho kinh, ấp khắp nước dựng tượng Phật, mời Sa-môn dạy dỗ muôn dân.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Canh Tuất: Nghĩa Hy năm thứ 6* | | *Gia Bình năm thứ 3* | *Hoằng Thỉ năm thứ 12* | *Cánh Thỉ năm thứ 12* |
| *Kiến Sơ năm thứ 6* | *Long Thăng năm thứ 5* | *Thái Bình năm thứ 2* | *Vĩnh An năm thứ 10* | *Vĩnh Hưng năm thứ 2* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tân Hợi: Nghĩa Hy năm thứ 7* | | *Gia Bình năm thứ 4* | *Hoằng Thỉ năm thứ 13* | *Cánh Thỉ năm thứ 13* |
| *Kiến Sơ năm thứ 7* | *Long Thăng năm thứ 6* | *Thái Bình năm thứ 3* | *Vĩnh An năm thứ 11* | *Vĩnh Hưng năm thứ 3* |
| *Nhâm Tý: Nghĩa Hy năm thứ 8* | | *Gia Bình năm thứ 5* | *Hoằng Thỉ năm thứ 14* | *Xí Bàn: Vĩnh Khang năm đầu* |
| *Kiến Sơ năm thứ 8* | *Long Thăng năm thứ 7* | *Thái Bình năm thứ 4* | *Dời đô, Nguyên Thỉ năm đầu* | *Vĩnh Hưng năm thứ 4* |

* ***Thiền định trong cổ thụ:*** Thích Tuệ Trì là em của Tuệ Viễn ở Lô sơn. Nhà Tấn năm Long An năm thứ hai, ngài từ biệt Viễn Công vào đất Thục, dừng lại ở chùa Long Uyên thuộc Gia châu. Tăng tục rất cung kính ngài, bước lên chỗ ngài ở, người ta đều nói là lên Long Môn. Năm Nghĩa Hy năm thứ tám, ngài dặn dò môn nhân rồi nhập định trong hốc cây ở chùa Long Uyên. Đến nhà Tống, năm Chánh Hòa năm thứ ba, gió đánh gãy cây, ngài mới xuất định. Huy Tông có ba bài kệ tán thán ngài (xem trong năm Chánh Hòa)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Quý Sửu: Tấn, Nghĩa Hy năm thứ 9* | | *Nam Yên: Gia Bình năm thứ 6* | *Hậu Tần: Hoằng Thỉ năm thứ 15* | *Tây Tần Khất Phục, Vĩnh Khang năm thứ 2* |
| *Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 9* | *Hạ Hách Liên: Phụng Tường năm đầu* | *Bắc Yên: Thái Bình năm đầu* | *Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 2* | *Ngụy: Vĩnh Hưng năm thứ 5* |

* ***Dựng đá nghe giảng:*** Đạo Sinh là đệ tử của Pháp sư La-thập, hồi ấy phẩm sau của kinh Niết-bàn chưa có ở Trung Quốc, nhưng ngài đã đọc thuộc từ lâu và nói: "Nhất-xiển-đề cũng sẽ thành Phật", chỉ là kinh ấy có mặt ở đây chưa trọn bộ. Lúc này những giảng sư khác đều công kích ngài, cho ngài là đem tà thuyết tuyên truyền, dựa vào luật tẩn xuất ngài. Đạo Sinh từ biệt đến đất Tấn, ngài vào Hổ Khâu, Bình Giang dựng đá làm thính chúng rồi giảng kinh Niết-bàn. Đến đoạn "Xiển-đề có Phật tánh". Ngài hỏi: Nghĩa mà ta giảng có khế hợp tâm Phật không? Cả dãy đá đều gật đầu đồng ý. Về sau, ngài vân du đến Khuông Sơn, ở ngọn Tỏa Cảnh, nghe ngài Đàm-vô-sấm dịch lại phẩm sau của kinh Niết-bàn ở Bắc Lương, ngài đến Nam Kinh, quả nhiên trong phẩm ấy có nói "Xiển-đề đều có Phật tánh" ngài hoan hỷ vô cùng.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Giáp Tần: Năm Nghĩa Hy năm thứ 10* | | *Nam Lương bị diệt vong* | *Hoằng Thỉ năm thứ 16* | *Vĩnh Khang năm thứ 3* |
| *Kiến Sơ năm thứ 10* | *Phụng Tường năm thứ 2* | *Thái Bình năm thứ 6* | *Nguyên Thỉ năm thứ 3* | *Thần Thụy năm đầu* |

* ***Nam Lương:*** Ngốc Phát Ô Cô người Tiên Ty, Hà Nam, lúc này là đời Tấn Đế niên hiệu An Nguyên năm đầu, ông chiếm cứ Quảng Vũ, lấy hiệu là Nam Lương (nay là Tây, Củng Xương lộ, Lan Châu, xưa là đất của Ung châu). Năm Mậu Tuất, lấy niên hiệu Thái Sơ. Năm Canh Tý, Lợi Lộc Cô vào niên hiệu Kiến Hòa năm đầu, tháng giêng, ông muốn xưng Đế, An quốc tướng quân Thâu Vật Du nói: "Nước ta từ trước đến nay để tóc dài, áo choàng qua vai trái, không đội mão mang đai, dọn đất dời đô không có thành quách nhà cửa, nên hay hùng cường, nhìn sa mạc mà chống chọi với Trung Hạ". Lợi Lộc Cô nghe theo, liền xưng lại Hà Tây Vương, lấy niên hiệu Kiến Hòa, cho Quảng Vũ Công Nốc Đàn làm Đô đốc trung ngoại chư quân sự Lương châu mục. Năm Nhâm Dần, Cảnh Vương Nốc Đàn lên ngôi, lấy niên hiệu Hoằng Xương. Tháng tư năm Mậu Thân, Hậu Tần chủ Diêu Hưng muốn bắt Nốc Đàn nên sai Thượng thư Lang Vy Tông qua dò xét. Nốc Đàn luận về thời cuộc đương thời, ngang dọc vô cùng. Tông trở ra than rằng: "Bậc kỳ tài anh hùng đâu cần phải là Hoa Hạ, kẻ thông minh bác học

đâu cần phải đọc sách, ngày nay ta mới biết ngoài chín châu, ngoài năm kinh lại có người như thế này!” Tông trở về cho Hưng biết, rằng chưa thể tính chuyện thôn tính Lương châu. Hưng không nghe bèn kéo quân đánh úp Nốc Đàn. Binh của Hậu Tần thua to. Tháng mười một, Nốc Đàn xưng là Lương Vương, đại xá thiên hạ, lấy niên hiệu Gia Bình, đặt ra trăm quan. Năm Giáp Dần, tức Tấn Nghĩa Hy thứ mười, Nốc Đàn bị Tây Tần Khất Phục Sí Bàn giết, Nam Lương diệt vong, cả thảy ba chủ, trị vì mười tám năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Ất Mão: Tấn, Nghĩa Hy năm thứ 11* | | | *Hậu Tần: Hoằng Thỉ năm thứ 17* | *Tây Tần: Năm Vĩnh Khang năm thứ 4* |
| *Tây Lương: Năm Kiến Sơ năm thứ 11* | *Hạ: Phụng Tường năm thứ 2* | *Bắc Yên: Năm Thái Bình năm thứ 7* | *Bắc Lương: Năm Nguyên Thỉ năm thứ 14* | *Ngụy: Năm Thần Thụy năm thứ 2* |

* ***Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn:*** Ngài húy là Tuệ Viễn, họ Giả, người Nhạn Môn, thuở nhỏ là Nho sinh, đọc khắp sách sử, rất rành Chu Dịch Trang, Lão, từng cùng em là Tuệ Trì đến nghe Pháp sư Đạo An giảng pháp xuất thế. Nghe xong, ngài vui mừng và than: “Chín phái của Nho gia chỉ là trấu cám”, Thế rồi ngài xuất gia. Đồ chúng của Đạo An đến vài ngàn người, ngài là bậc thượng thủ. Đạo An từng nói: “Làm cho dòng đạo chảy tràn nước phía đông có phải là Viễn này chăng!” Năm Giáp Thân, tức Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ chín, nước Tiền Tần loạn, ngài qua Tấn. Khi đến Gianh Tây, thấy Lô sơn cảnh đẹp, ngài dừng lại dựng Long Tuyền tịnh xá ở Giang châu. Sau ngài qua trú ngụ ở chùa Tây Lâm của Tuệ Vĩnh, rồi về Sơn Đông dựng chùa Đông Lâm. Trong lúc khởi công, thần núi giáng điềm linh, nguyện giúp sức để người người dốc lòng tin. Đêm ấy sấm chớp mù trời, mưa lớn trút xuống. Sáng hôm sau, ngài nhìn xem thì thấy không biết bao cây gỗ tốt ngổn ngang trên đất. Lúc ấy, Tấn tướng quân Hoàn Y vừa đến nhậm chức, thấy việc như vậy kinh ngạc cho là thần dị, nên tấu xin lập chùa. Năm Bính Tuất, chùa dựng xong. Đời nhà Tấn, những bậc kỳ tài trong thiên hạ phần nhiều mai danh ẩn tích không ra làm quan, khi nghe Lô Sơn Viễn Công mở đạo, họ đều tiến tu học theo ngài. Năm Canh Dần

ngài nói với những người như Lưu Trình Chi rằng: Nếu các ông dụng tâm vân du ở Tịnh độ thì cần phải gắng sức. Thế rồi ngài cùng họ đối trước tượng Phật Vô Lượng Thọ phát chí nguyện, trai giới lập thệ quyết chí cầu sinh Tịnh độ. Lúc này Tăng tục đã lên đến một trăm hai mươi ba người. Họ cùng phát nguyện đặt tâm ngoài vật. Tạ Linh Vận đã đào hai mươi ba cái ao ở Đông Lâm và thả sen. Mỗi khi tiễn khách, ngài không đi ra quá Hổ Khê. Năm Canh Tuất tức Nghĩa Hy năm thứ sáu, Đạo sĩ Lục Tu Tĩnh rủ Đào Uyên Minh vào núi gặp ngài. Lúc đưa về, ba người cầm tay nói chuyện đến nỗi vượt quá Hổ Khê. Ba người nhìn nhau rồi cười vang, ngày nay người ta vẽ lại cảnh ấy lấy tên là Tam Tiếu Đồ. Uyên Minh vốn rất mê uống rượu, chịu không nổi đành xuống núi. Ngày sáu tháng tám năm Ất Mão, ngài chấp tay, quay mặt về Tây mà tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, Tạ Linh Vận soạn văn bia. Đồ chúng trong Liên xã đến vài ngàn người, trong đó có mười tám người rất nổi tiếng.

* ***Liên Hoa Lậu:*** (Dùi thủng hoa sen cho nước xuống chầm chậm, nước đầy thì thẻ tre ghi thời khắc nổi lên, xem mực nước cao thấp mà biết giờ giấc sớm hay muộn): Tăng Tuệ Yếu là đệ tử của Viễn Công. Yếu lo trong núi này không có khắc lậu để biết giờ giấc nên sư mới dựng một hoa sen gồm mười hai cánh ngay trong ao, nhờ sóng làm nó di chuyển để ấn định mười hai giờ (tức hai mươi bốn giờ đồng hồ). Nó quay rất chính xác so với bóng mặt trời. Ngày nay người ta gọi cái này là Viễn công liên hoa lậu.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Bính Thìn: Năn Nghĩa Hy năm thứ 12* | | | *Hoằng lên ngôi, năm Vĩnh Hòa năm đầu* | *Tây Tần: Vĩnh Khang năm thứ 5* |
| *Tây Lương Tán, Gia Hưng năm đầu* | *Hạ: Phụng Tường năm thứ 4* | *Bắc Yên: Thái Bình năm thứ tám* | *Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 5* | *Ngụy: Thái Thường năm đầu* |
| *Đinh Tỵ: Nghĩa Hy năm thứ 13* | | | *Vĩnh Hòa năm thứ 2* | *Vĩnh Khang năm thứ 6* |
| *Gia Hưng năm thứ 2* | *P h u ̣ n g Tường năm thứ 5* | *Thái Bình năm thứ 9* | *Nguyên Thỉ năm thứ 6* | *Thái Thường năm thứ 2* |

* ***Hậu Tần:*** Họ Diêu, tên Trành, tự Cảnh Mậu, con năm thứ hai mươi bốn của Dặc Trọng, người ở Xích Đình. Anh ông là Tương đánh trận chết, Trành dẫn hết em sang đầu hàng Tần rồi làm tướng của Tần. Đông Tấn Vũ Đế năm Thái Nguyên năm thứ tám, Tần chủ Phù Kiên đánh Tấn, phong Duyện châu Thứ sử Diêu Trành làm Long kỵ tướng quân nắm giữ việc quân của Ích châu, Lương châu. Kiên thua trận, Mộ Dung Thùy bàn mưu khôi phục nhà Yên. Tháng ba năm sau, Trưởng sử Mộ Dung Hoằng trấn ở đất Bắc của Tần nổi lên làm phản rồi trốn đến Quan Đông, Tần sai Tả tướng quân Đậu Xung làm Trưởng sử, Long kỵ tướng quân Diêu Trành làm Tư mã khởi binh đánh Hoằng và đánh Bình Dương Thái thú Mộ Dung Xung. Binh Tần thua to. Trành hoảng sợ chạy lên Vị Bắc. Bọn Mã Mục, Thiên Thủy, Y Vy, Y Tường, Nam An, Bàng Diễn kêu gọi dân giàu ở đất Khương, quản lý hết số người này, có đến hơn năm vạn nhà về với Diêu Trành, suy tôn Trành làm minh chủ, Trành tự xưng là Hậu Tần Vương, lấy niên hiệu Bạch Tước. Tháng tư năm Bính Tuất, tức Đông Tấn Thái Nguyên năm thứ mười một, Trành từ Thiểm Tây Phụng Tường Trang lãng lộ, Kinh châu vào Trường An, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Sơ, lấy quốc hiệu Đại Tần, đặt chức quan khác với Hậu Tần, lập con là Hưng làm Thái tử, đặt ra trăm quan. Tháng hai năm Quý Tỵ, Kiến Sơ năm thứ tám, Trành mất, Thái tử Hưng giấu kín không phát tang, tự xưng đại tướng quân, dẫn quân đánh Tần. Tần chủ Phù Đăng thua to. Tháng năm sau, Hưng mới phát tang rồi lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Hoàng Sơ, truy phong Trành thụy là Chiêu Hoàng Đế. Năm Kỷ Hợi, tức Tấn An Đế năm Long An năm thứ ba, tháng chín, Hưng thấy tai hoạn xảy ra hoài nên giáng xuống làm Tần Vương, đổi niên hiệu Hoằng Thỉ. Tháng giêng năm Bính Thìn tức Hoằng Thỉ năm thứ mười tám, Hưng mất. Thái tử Hoằng lên ngôi, lấy niên hiệu Vĩnh Hòa. Tấn đánh Tần, tháng năm Nghĩa Hy năm thứ mười ba, Hoằng đem vợ con, quần thần đầu hàng Tấn, Hậu Tần gồm ba chủ, trị vì ba mươi bốn năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Mậu Ngọ: Tấn Nghĩa Hy năm thứ 14* | | | | *Tây Tần Khất Phục Vĩnh Khang bảy năm* |
| *Tây Lương: Gia Hưng năm thứ 3* | *Hạ: Xương Vũ năm đầu* | *Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 10* | *Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 7* | *Ngụy: Thái Thường năm thứ 3* |

* ***Cung Đế:*** Húy Đức Văn, tự Đức Văn, em cùng mẹ với An Đế, được phong làm Lang Da Vương. Tháng mười hai năm Nghĩa Hy năm thứ mười bốn, Tống Công Lưu Dụ sửa di chiếu đưa ông lên ngôi. Ông ở ngôi hai năm, nhường ngôi cho Tống, thọ ba mươi bảy tuổi. Niên hiệu Nguyên Hy hai năm.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Kỷ Mùi: Nguyên Hy năm đầu* | | | | *Vĩnh Khang năm thứ 8* |
| *Gia Hưng năm thứ 4* | *Chân Hưng năm đầu* | *Thái Bình năm thứ 7* | *Nguyên Thỉ năm thứ 8* | *Thái Thường năm thứ 4* |

* ***Sa-môn Pháp Quả:*** Ngụy Thái Tông rất kính trọng ngài, phong cho chức quốc phụ Nghi Thành tử Trung Tín Hầu, hiệu là Tăng Thống nhưng ngài cố tình không nhận. Thái Tông xa giá đến nơi ngài ở, thấy cửa ngõ chật hẹp, vua liền cho mở rộng ra. Ngài nhập diệt năm Kỷ Mùi, thọ tám mươi ba tuổi. Thái Tông đến viếng ba lần, truy tặng hiệu lão thọ tướng quân Triệu Hồ Linh Công.

\+ Tháng bảy, Tống Công Lưu Dụ được phong tước vương, năm sau, Đế nhường ngôi cho Tống Vương. Dụ đưa Đế xuống làm Linh Lăng Vương, sau sai người giết.Tây Tấn, Đông Tấn cả thảy mười lăm Đế Vương, trị vì một trăm năm mươi lăm năm. Riêng Đông Tấn có mười một chủ, trị vì một trăm lẻ ba năm, vận nước về nhà Tống.

* ***Nam Bắc triều:***

\+ Tống: Họ Lưu, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Cao Tổ Vũ Hoàng Đế, Thiếu Đế, Thái Tổ Văn Đế, Vũ Đế, Phế đế, Thái Tổ Minh Đế, Phế Đế, Thuận Đế, cả thảy tám chủ rồi nhường ngôi cho Tề.

* Cao Tổ Vũ Đế: Húy là Dụ, tự Đức Dư, người Bành Thành (Từ châu) hậu duệ của Hán Sở Nguyên Vương Lưu Giao. Tháng sáu năm Canh Thân, ông nhận ngôi từ nhà Tấn, ở ngôi ba năm, thọ sáu mươi bảy tuổi. Niên hiệu Vĩnh Sơ ba năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Canh Thân: Tống, Vĩnh Sơ năm đầu. Tháng sáu đổi niên hiệu* | *Tây Tần: Thái Tổ, Kiến Thỉ năm đầu* | *Tây Lương: Vĩnh Kiến năm đầu* | *Hạ: Chân Hưng năm thứ 2* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bắc Yên: Thái bình năm thứ 13* | *Bắc Lương: Thà Cừ, Nguyên Thỉ năm thứ 9* | *Ngụy: Thái Thường năm thứ 5* | |
| *Tân Dậu: Vĩnh Sơ năm thứ 2* | *Kiến Thỉ năm thứ 2* | *Vĩnh Kiến năm thứ 2* | *Chân Hưng năm thứ 3* |
| *Thái Bình năm thứ 13* | *Nguyên Thỉ năm thứ 10* | *Thái Thường năm thứ 6* | |
| *Nhâm Tuất: Vĩnh Sơ năm thứ ba, Đế mất, Thiếu Đế lên ngôi* | *Kiến Thỉ năm thứ 3* | *Vĩnh Kiến năm thứ 3* | *Chân Hưng năm thứ 4* |
| *Thái Bình năm thứ 14* | *Nguyên Thỉ năm thứ 11* | *Thái Thường năm thứ 7* | |

* ***Tây Lương:*** Lý Cảo, tự Huyền Thạnh. Năm Bính Thân (Tấn Vũ Đế Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt), ông chiếm Cô Tạng (nay là tỉnh Cam Túc, Tây Lương châu). Năm Canh Tý (Tấn An Đế, Long An năm thứ tư), Cảo lấy làm năm đầu. Năm Ất Tỵ (Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm đầu), Tây Lương Công Lý Cảo dời đô về Tửu Tuyền (nay là tỉnh Cam Túc, Túc Châu lộ) lấy niên hiệu Kiến Sơ. Năm Bính Thìn (Tấn Nghĩa Hy năm thứ mười hai) Lương chủ Lưu Hâm lên ngôi, đổi niên hiệu Gia Hưng. Tống Cao Tổ, Vĩnh Sơ năm đầu, Lương chủ Lý Tuân lấy niên hiệu Vĩnh Kiến năm đầu. Đến Vĩnh Kiến năm thứ ba, ông bị Bắc Lương tiêu diệt ở ngôi cả thảy hai mươi hai năm. Lý Cảo từng tự tay viết lệnh dạy các con ông rằng: "Kẻ làm theo chánh sự phải thận trọng trong thưởng phạt chớ vì yêu ghét, gần người trung chánh xa kẻ gian nịnh, chớ để Tả hữu trộm làm mưa làm gió vì đó là nguyên nhân phá hủy danh dự. Gặp khen chê, phải xét rõ hư thực; nghe kiện cáo, áp dụng hình phải nhu hòa mà quyết định, cẩn thận chớ trái nghịch với nhiều người, chớ coi thường thanh sắc, cần phải hỏi han, chớ tự chuyên quyền. Ta lo việc năm, tuy chưa thể lo yên cho dân, nhưng chôn được cái tệ, giấu được cái xấu, sớm vì giặc loạn, chiều lo xã tắc, bên ngoài không cô phục kẻ mới người cũ, làm việc công bình, đối xử như nhau. Trước không lo thì điều hay tất mất, tính gần thì hay thiếu hụt, lo xa thì

hay dư thừa. Được vậy mới ngõ hầu không hổ thẹn với tiền nhân.

* ***Thiếu Đế:*** Doanh Dương Vương tên Nghĩa Phù, con trưởng của Vũ Đế, có tang nhưng không biết giữ lễ, Tư không Từ Tiện phế ông rồi giết. Ông ở ngôi một năm, thọ mười chín tuổi. Niên hiệu Cảnh Bình một năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Quý Hợi: Tống, Cảnh Bình năm đầu* | *Tây Tần: Kiến Thỉ năm thứ 4* | *Hạ: Hách Liên, Chân Hưng năm thứ 5* | *Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 15* |
| *Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 5* | *Ngụy xây trường thành, Thái Tông mất* | | |

* ***Ngụy:*** Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi ở Tung Sơn tu theo thuật của Trương Thiên Sư, tự nói mình từng gặp Lão Tử giáng xuống trao cho thuật tích cốc khinh thân và Khoa giới hai mươi quyển, sai ông làm trong sạch lại Đạo giáo. Khiêm Chi mang sách này dâng cho Ngụy chủ. Trong triều, ngoài dân chưa ai dám tin, chỉ một mình Tả quang lộc đại phu Thôi Hạo tôn thờ Khiêm Chi, đi theo học thuật này. Hơn nữa Thượng thư tán thán việc đó, nên Ngụy chủ vui mừng sai sứ đem vàng ngọc lụa trâu bò đến tế ở Trung Nhạc rồi rước Khiêm Chi về.

* ***Thái Tổ Văn Đế:*** Tên Nghĩa Long, con năm thứ ba của Vũ Đế, được phong làm Nghi Đô Vương. Thiếu Đế bị phế xong, bọn Từ Tiện Chi đưa ông lên ngôi ở Giang Lăng, ông ở ngôi ba năm, thọ bốn mươi bảy tuổi. Niên hiệu Nguyên Gia ba mươi năm. Ông lập chùa Thiền Linh cúng dường ngàn tăng. Sa-môn Bôi Độ thị tịch vào tháng tám năm Bính Dần, an táng ở Phú Chu Sơn, Kiến Khang. Bôi Độ sinh trưởng ở Ký Châu, hoằng hóa hơn bốn mươi năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Giáp Tý: Tống, Nguyên Gia năm đầu* | *Tây Tần: Kiến Thỉ năm thứ 5* | *Hạ: Hách Liên, Chân Hưng năm thứ 6* | *Bắc Yên: Năm Thái Bình năm thứ 16* |
| *Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 13* | *Ngụy: Thọ lên ngôi, Thỉ Quang năm đầu* | | |

* Tháng tám, Thổ Cốc Hỗn Uy Vương A Sài mất. Ông có hai mươi người con, lúc bị bệnh ông gọi hết hai mươi người con lại và dặn: Ta chết rồi, các ngươi phải đưa Mộ Khôi lên làm chủ. (Khôi là em cùng mẹ với A Sài). Ông bảo các con ông mỗi người đưa ra một mũi tên, ông lấy một mũi đưa cho em là Mộ Lợi Diên và sai bẻ, sau lấy mười chín mũi bó lại thành một bó sai bẻ thì chẳng ai bẻ được. A Sài nói: Đơn độc thì dễ gãy, hợp lại thì khó bẻ, các ngươi phải dốc hết sức đồng lòng mới có thể giữ yên được nước nhà. Nói xong thì ông mất. Mộ Khôi vỗ yên, thu nhận số dân thất nghiệp của Tần, Lương, bộ lạc trở nên hùng mạnh. Tục Hậu Hán Thư chép: A Sài là hậu duệ ba đời của họ Khương là họ khác của họ Khương (không phải rợ Khương).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất Sửu: Tống, Nguyên Gia năm thứ 2* | *Tây Tần: Năm Kiến Thỉ năm thứ 6* | *Hạ: Xương, Thừa Quang năm đầu* | *Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 17* |
| *Bắc Lương: Nguyên Thỉ năm thứ 14* | *Ngụy: Thái Vũ Đế, Thỉ Quang năm thứ 2* | | |
| *Bính Dần: Nguyên Gia năm thứ 3* | *Kiến Thỉ năm thứ 7* | *Thừa Quang năm thứ 2* | *Thái Bình năm thứ 18* |
| *Nguyên Thỉ năm thứ 15* | *Thỉ Quang năm thứ 3* | | |
| *Đinh Mão: Nguyên Gia năm thứ 4* | *Kiến Thỉ năm thứ 8* | *Thừa Quang năm thứ 3* | *Thái Bình năm thứ 19* |
| *Nguyên Thỉ năm thứ 16* | *Thỉ Quang năm thứ 4* | | |

* ***Tĩnh Tiết Tiên Sinh:*** Đào Nguyên Lượng ở đất Tấn có tên là Uyên Minh, ở Tống tên là Tiềm, đời gọi ông là Tĩnh Tiết Tiên Sinh. Ông là tằng tôn của Khản, bên nhà ông có trồng năm cây liễu, và ông soạn Ngũ Liễu Tiên Sinh truyện để tự kể về mình. Ông làm huyện lệnh ở Bành Trạch, mất trong năm này, thọ sáu mươi ba tuổi. Ông ở làng Lật,

núi Sài Tang, huyện Đức Hóa, lộ Giang châu. Ông từng soạn Sưu Thần Lục ghi lại những dấu tích linh diệu của Phật. Ông có năm người con là Nghiễm, Sĩ, Phần, Dật, Đồng. Ông nội ông tên Mậu làm Vũ Xương Thái thú, cha ông làm Tư Thành Thái thú, sử hay chép nhầm tên ông.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Mậu Thìn: Tống, năm Nguyên Gia năm thứ 5* | *Tây Tần: Vĩnh Hoằng năm đầu* | *Hạ: Xương, năm Định Thắng năm đầu* | *Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 20* |
| *Bắc Lương: Thừa Huyền năm đầu* | *Ngụy: Thái Vũ Đế Thần Gia năm đầu* | | |

* ***Tây Tần:*** Khất Phục Quốc Nhân, người Tiên Ty, làm quan cho Phù Tần. Tháng bảy, Đông Tấn Vũ Đế, Thái Nguyên năm thứ tám, Quý Mùi, Tần chủ Phù Kiên thua Tấn, dùng Quốc Nhân làm tiền tướng quân, gặp lúc thúc phụ của Quốc Nhân là Bộ Đồi làm phản ở Lũng Tây, Kiên sai Quốc Nhân trở lại đánh họ. Quốc Nhân, Bộ Đồi cùng chiếm một phương, binh đông đến hơn mười vạn. Năm Giáp Thân, Quốc Nhân chiếm kinh thành (Lan châu, Củng Xương lộ, Thiểm Tây). Năm Ất Dậu lấy quốc hiệu là Tần (Tây Tần), lấy niên hiệu Kiến Nghĩa. Năm Kỷ Sửu, Tây Tần Vũ Nguyên Vương Càn trở về, lấy niên hiệu Thái Sơ. Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ mười lăm, Kỷ Dậu, Tây Tần lấy niên hiệu Cánh Thỉ. Năm Nhâm Tý, Tây Tần chủ là Thái Tổ Sí Bàn lấy niên hiệu Vĩnh Khang. Tống Cao Tổ niên hiệu Vĩnh Khang năm đầu, Tây Tần lấy niên hiệu Kiến Thỉ. Lúc này là Nguyên Gia năm thứ năm, Toản Mạt lấy niên hiệu Vĩnh Hoằng, và bị Hách Liên nhà Hạ diệt, gồm bốn chử, trị vì bố mươi lăm năm.

* ***Đại Hạ:*** Hậu duệ của Hung Nô Tả Hiền Vương tên là Bột Bột. Năm Bính Ngọ (Đông Tấn An Đế Nghĩa Hy năm thứ hai) Ông chiếm Sóc Phương lấy quốc hiệu Đại Hạ. Năm sau lấy niên hiệu Long Thăng. Năm Quý Sửu, Hạ chủ Bột Bột dùng Thác Can A Lợi lãnh tướng làm Đại giám phát động mười vạn dân Di Hạ ở Lĩnh Bắc dựng Đô Thành ở Sóc Châu (thuộc Hà Đông, Sơn Tây đạo, Tây Kinh lộ, tên quận là Mã Ấp). Ông nói: “Trẫm mới thống nhất thiên hạ, làm vua vạn bang, nên gọi thành mới xây là Thống Vạn”, đổi niên hiệu Phụng Tường. Bột Bột tự nghĩ, ông nội mình lấy họ mẹ là họ Lưu là không đúng lễ, tộc họ từ xưa chưa từng đổi họ Hách Liên. Ông cho rằng Đế Vương là con trời,

đó là Hách nối liền với Thiên.

Đến Tống Nguyên Gia năm thứ hai (Ất Sửu), Xương lên ngôi, lấy niên hiệu Thừa Quang. Thừa Quang năm thứ ba, Nguyên Ngụy Hề Cân và Hạ Bình Nguyên Công Định cùng giữ Trường An. Năm Mậu Thìn, Xương đổi niên hiệu Định Thắng. Ngụy Đế Thọ thừa lúc sơ hở đánh Thống Vạn thành. Binh của Hạ chủ Xương tan vỡ, Xương chạy lên Thượng Khuê. Ngụy chủ vào Thống Vạn bắt công khanh, hậu phi, cung nhân của nhà Hạ đến hơn vạn người, trâu ngựa bò dê đến mấy vạn con, của báu kho đụn thì không đếm xiết. Tháng hai, Tống Nguyên Gia năm thứ năm, Ngụy Bình Bắc tướng quân úy Quyến đánh Xương ở Thượng Đô và bắt sống đưa về Bình Thành. Ngụy chủ cho Xương ở trong Tây Cung, chu cấp ngựa xe vật dụng, gả em là Sơ Bình công chúa cho Xương, phong tước Cối Kê công. Nhà Hạ tồn tại hai mươi bốn năm thì mất nước. Họ hách Liên chính là Khuất Tín.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Tỵ: Nguyên Gia năm thứ 6* | | | |
| *Bắc Yên: Thái Bình năm thứ 21* | *Bắc Lương: Thừa Huyền năm thứ 2* | *Ngụy: Thần Gia năm thứ 2* | |
| *Canh Ngọ: Nguyên Gia năm thứ 7* | | | |
| *Thái Bình năm thứ 22* | *Thừa Huyền năm thứ 3* | *Thần Gia năm thứ 3* | |
| *Tân Mùi: Nguyên Gia năm thứ 8* | | | |
| *Bắc Yên: Hoằng, Đại Nhã năn đầu* | *Bắc Lương: Nghĩa Hòa năm đầu* | *Thần Gia năm thứ 4* | |

* Tống Đế hạ chiếu đón Tôn giả Cầu-na Bạt-đề vào kinh. Tháng giêng ngài đến Kiến Khang gặp Đế. Văn Đế ân cần hỏi thăm sức khỏe ngài và hỏi Phật pháp. Một hôm Đế hỏi:

- Quả nhân thường muốn trì trai không sát sinh, nhưng bản thân gặp việc thường sinh trở ngại, mong thầy chỉ dạy phải làm sao?

Tôn giả đáp:

Đạo ở nơi tâm chứ không phải ở việc làm, pháp do chính mình chứ không phải do người khác. Vả lại cách tu của Đế vương không giống kẻ thất phu. Thất phu nếu không khắc khổ hành trì thì làm sao dùng được. Còn như đế vương lấy bốn biển làm nhà, lấy muôn dân làm chính, phát ngôn một lời hay thì quan dân đều vui mừng, ban bố một việc tốt thì người thần đều hân hoan, dùng hình nhưng không lấy mạng họ, sai dịch nhưng không vét sức họ thì mưa thuận gió hòa, lúa trái sum suê. Cứ thế mà trì trai đã lợi ích lắm rồi, do không sát sinh, lợi lạc vô kể, chứ đâu phải đợi ngay trong bữa ăn, bảo toàn được một mạng sống, rồi sau mới cứu tế cùng khắp? Thế nhưng phải thật cần kiệm.

Đế nghe xong vỗ ghế khen:

Thế tục mê diệu lý, tăng ngưng trệ trong giáo điều trước mắt, còn những lời của thầy thật đáng cùng trời người đàm luận.

Từ đó Đế tôn ngài làm thầy, thỉnh ngài ở chùa Kỳ Hoàn, cung cấp rất hậu hỷ. Ngài giảng kinh Pháp Hoa, Thập Địa Phẩm tại chùa, ngày nào Đế cũng dẫn công khanh đến dưới tòa nghe giảng. Pháp tịch hưng thịnh như thế này chưa từng có.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nhâm Thân: Tống, Nguyên Gia năm thứ 9* | *Bắc Yên: Đại Nhã năm thứ 2* | *Bắc Lương: Nghĩa Hòa năm thứ 2* | *Ngụy: Thái Vũ Đế, Diên Hòa năm đầu* |
| *Quý Dậu: Nguyên Gia năm thứ 10* | *Đại Nhã năm thứ 3* | *Mục Kiền: Thừa Hòa năm đầu* | *Diên Hòa năm thứ 2* |
| *Giáp Tuất: Nguyên Gia năm thứ 11* | *Đại Nhã năm thứ 4* | *Thừa Hòa năm thứ 2* | *Diên Hòa năm thứ 3* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất Hợi: Nguyên Gia năm thứ 12* | *Đại Nhã năm thứ 5* | *Thừa Hòa năm thứ 3* | *Thái Diên năm đầu* |
| *Bính Tý: Nguyên Gia năm thứ 13* | *Đại Nhã năm thứ sáu diệt vong* | *Thừa Hòa năm thứ 4* | *Thái Diên năm thứ 2* |

* ***Bắc Yên:*** Phùng Bạt, người Ký châu (Yên Nam, Hà Bắc đạo, Chân Định lộ, Ký châu, Tín quận) làm quan cho Hậu Yên. Năm Đinh Mùi (Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ ba) nước Hậu Yên loạn, Bạt liền soán diệt rồi chiếm Xương Lê, lấy hiệu Bắc Yên (nay là Bình Loan lộ, quận Bắc Bình) Năm Kỷ Dậu, là niên hiệu Thái Bình năm đầu. Đến Tống Đế Nguyên Gia năm thứ tám, Bắc Yên Chiêu Đế Hoằng lên ngôi, lấy niên hiệu Đại Nhã. Đại Nhã năm thứ sáu, bị Nguyên Ngụy diệt. Bắc Yên tồn tại hai mươi tám năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Sửu: Nguyên Gia năm thứ 14* | | *Bắc Lương: Thừa Hòa năm thứ 5* | *Ngụy: Thái Diên năm thứ 3* |
| *Mậu Dần: Nguyên Gia năm thứ 15* | | *Thừa Hòa năm thứ 6* | *Thái Diên năm thứ 4* |

* ***Tống:*** Văn Đế bảo bề tôi của mình là Đoan Dương Doãn Hà Thượng Chi rằng: “Vừa rồi trẫm thấy Nhan Diên Chi, Tông Bính soạn luận, phát huy pháp Phật rất có nghĩa lý, đồng thời khuyến hóa lòng người. Nếu làm cho những người làm quan cảm nhận sự giáo hóa này thì Trẫm khoanh tay mà thiên hạ cũng thái bình rồi, ta còn lo việc gì nữa!”

Hà Thượng Chi nhân đó tâu: Một làng có trăm nhà, mười người giữ Ngũ giới thì mười người ấy là những người thuần lương. Trong ấp có ngàn nhà trăm người tu Thập thiện thì trăm người ấy hòa kính, hiếu

thuận. Nếu đem lề lối ấy truyền dạy khắp nước thì trong ức ngàn nhà sẽ có trăm vạn người có nhân đức. Hễ làm một việc lành thì bỏ đi một việc ác, bỏ được một việc ác thì dứt được một hình phạt. Một nhà dứt một hình phạt thì cả nước dứt được vạn hình phạt. Đó là điều mà hoàng thượng gọi là ngồi yên mà khiến thiên hạ thái bình là thế.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Mão: Nguyên Gia năm thứ 16* | | *Bắc Lương: Thừa Hòa năm thứ bảy, diệt vong* | *Thái Diên năm thứ 3* |

* ***Bắc Lương:*** Giả Mông người Hồ, Đông Tấn An Đế niên hiệu Long An năm đầu (Đinh Dậu), ông chiếm Trương Dịch, lấy quốc hiệu là Bắc Lương, xưng là Hà Tây Vương, lấy niên hiệu Thần Tỷ. Năm Kỷ Hợi đổi niên hiệu Thiên Tỷ. Năm Tân Sửu, Vũ Tuyên Vương Thư Cừ Mông Tốn lên ngôi, đổi niên hiệu Vĩnh An. Năm Nhâm Tý ông dời đô về Cô Tạng, đổi niên hiệu Nguyên Thỉ, năm Mậu Thìn đổi niên hiệu Thừa Huyền. Năm Canh Ngọ, Mông Tốn sai người sang triều cống Nguyên Ngụy, năm Tân Mùi đổi niên hiệu Nghĩa Hòa. Năm Nhâm Thân, Nguyên Ngụy sai Tây an tướng Quân Lý Thuận đi sứ nước Lương rồi về, Ngụy chủ hỏi việc của Lương thế nào, Thuận đáp: Mông Tốn trải qua gian nan, am tường quyền biến. Nhưng lễ là sự hưng thịnh của đức, kính là gốc của thân, Mông Tốn không có lễ kính, theo Thần thấy, không tồn tại bao lâu nữa. Năm Quý Dậu, Mông Tốn mất, con là Thái thú Đôn Hoàng Mục Kiền lên ngôi là Hà Tây Vương, đổi niên hiệu Thừa Hòa. Mục Kiền bên ngoài tuy tu chỉnh lễ của bề tôi, nhưng trong lòng thì trái nghịch. Tháng ba năm Kỷ Mão, Ngụy chủ đánh Lương. Tháng sáu Ngụy chủ đến Cô Tạng. Tháng chín, con người anh Mục Kiền là Vạn Niên đem quân ra hàng Ngụy, thành Cô Tạng thất thủ. Mục Kiền dẫn hơn nửa vạn văn võ tự trói xin hàng. Ngụy chủ mở trói tiếp đãi họ. Trương Dịch ngày nay là Cam Châu lộ. Cô Tạng là Lương châu. Đôn Hoàng là Lương Châu lộ, thuộc tỉnh Cam Túc, Ung châu.

| | |
|---|---|
| *Canh Thìn: Tống, năm Nguyên Gia năm thứ 17* | *Ngụy: Thế Tổ Thái Vũ Hoàng Đế, Thái Bình Chân Quân năm đầu.* |
| *Tân Tỵ: Nguyên Gia năm thứ 18* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 2* |

| | |
|---|---|
| *Nhâm Ngọ: Nguyên Gia năm thứ 19, Tây Vực dâng cho vua Ca-sa, vua tự mặc* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 3* |
| *Quý Mùi: Nguyên Gia năm thứ 20* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 4* |
| *Giáp Thân: Nguyên Gia năm thứ 21, Thái tử sai Hà Thừa Thiên soạn lịch mới* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 5* |
| *Ất Dậu: Nguyên Gia năm thứ 22* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ sáu, Ngụy tàn diệt Phật giáo* |
| *Bính Tuất: Nguyên Gia năm thứ 23* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 7* |
| *Bính Tuất: Nguyên Gia năm thứ 23* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 7* |
| *Đinh Hợi: Nguyên Gia năm thứ 24* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 8* |
| *Mậu Tý: Nguyên Gia năm thứ 25* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 9* |
| *Kỷ Sửu: Nguyên Gia năm thứ 26* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 10* |
| *Canh Dần: Nguyên Gia năm thứ 27* | *Thái Bình Chân Quân năm thứ 11* |
| *Tân Mão: Nguyên Gia năm thứ 28* | *Chánh Bình năm đầu, tháng hai năm Chánh Bình năm thứ hai, Thái Vũ bị giết.* |

* ***Bạch Túc Sa-môn:*** Sư húy Đàm Thỉ, còn có tên là Tuệ Thỉ. Trong Ngụy Thư Phật Lão Chí ghi: Sa-môn Tuệ Thỉ họ Trương, người Thanh Hà, thầy sư là Pháp sư Cưu-ma-la-thập. Lưu Dụ nhà Tấn tiêu diệt Hậu Tần, lại Hạ Hách Liên Khuất Tín đuổi đến Trường An, tăng tục bị giết hại, nhưng sư dao chém chẳng bị thương. Khuất Tín nổi giận, triệu sư đến rồi cầm gươm đeo bên mình tự tay chém, nhưng vẫn chẳng làm tổn thương sư. Khuất Tín thất kinh lạy tạ, sám hối. Trăm dân nhờ sức từ của Sư nên tránh được tai họa. Ngụy Thái Vũ bình định Hách Liên Xương, Sư về với Ngụy. Ngụy năm Chân Quân Thái Bình năm thứ sáu, Thái Vũ Đế thảo phạt giặc loạn Cái Ngô, đến Trường An thấy trong chùa có binh khí, Vũ Đế nổi giận. Tư Đồ Thôi Hạo nhân đó khuyên Thái Vũ Đế giết hết Sa-môn, hủy đốt kinh tượng. Thái Bình Chân Quân năm thứ

mười một, Thôi Hạo cậy mình tài lược liền soạn Quốc sử ghi những việc đời trước của Ngụy rồi dựng ở ngã tư đường, khắc bia đá ở Giao Đàn. Người phương Bắc đều phẫn nộ. Thái Vũ cho Hạo cả gan phơi cái xấu của đất nước, nổi giận sai Hữu Ty định tội Hạo và các quan bí thư lang lại, gồm một trăm hai mươi tám người phải bị tru di năm họ. Lúc này Sư đến gặp Thái Vũ Đế, Vũ nổi giận sai người chém nhưng Sư chẳng hề tổn thương, Vũ Đế rút kiếm đeo bên mình ra chém, cũng không làm Sư bị thương. Vũ Đế sai nhốt Sư vào chuồng cọp, bầy cọp thấy Sư đều phủ phục xuống. Vũ Đế thất kinh, mời Sư lên điện lạy tạ sám hối, hết lòng tôn kính. Trước đây, Thái tử Cảnh Mục là người trị chánh rất sáng suốt, trung thường thị Tông Ái bản tánh xấu xa, không theo phép nước, gièm pha Thái tử. Thái tử lo buồn mà chết. Thái Vũ Đế dần dần biết được việc này, hối hận vô cùng. Tông Ái sợ bị giết, nên tháng hai năm Chánh Bình năm thứ hai, Ái giết Vũ Đế. Thượng thư Nguyên Hạ Lục Lộc dẫn quân truy giết Ái, đưa hoàng tôn Duệ lên ngôi, đổi niên hiệu. Sư đi trên bùn nhưng chân vẫn sáng sạch, nên người ta gọi ngài là Bạch Túc Sa-môn.

| | |
|---|---|
| *Nhâm Thìn: Tống, năm Nguyên Gia năm thứ 29* | *Ngụy: Cao Tông Văn Thành Hoàng Đế Duệ con của Thái tử Cảnh Mục. Niên hiệu Hưng An năm đầu* |

***Ngụy:*** Niên hiệu Hưng An năm đầu, quần thần đều khuyên vua khôi phục lại Phật giáo, vua hạ chiếu: Phàm là đế vương phải noi theo phép tắc sáng suốt, tỏ rõ được nhân nghĩa. Vua phải thường ban huệ cho muôn dân, làm lợi ích cho mọi loài. Tuy ngày xưa vẫn còn những chính sách hà khắc, vì vậy mà Xuân Thu thích lễ tôn sùng sự sáng suốt, Tế điển ghi những dòng tộc có công, huống gì Phật giáo! Công Đức của Như Lai trùm khắp đại thiên, ân huệ của Như Lai chảy tràn đại địa. Những người truy nguyên nguồn gốc sinh tử đều khen là pháp quán thấu đáo, những người đọc văn nghĩa thì quý bởi cửa ngõ nhiệm mầu. Luật cấm nhằm giúp vua thống trị, tánh thiện nhằm lợi ích kẻ trí người nhân, bài bác tà ngụy, khai diễn chánh giác. Bởi vậy từ xưa đến nay không ai mà chẳng tôn sùng ưa chuộng. Hơn nữa, Phật giáo là tôn giáo mà nước ta tôn thờ. Nay lệnh cho khắp châu quận, nơi nào có dân ở phải xây một ngôi chùa. Những ai, mến mộ Phật pháp thích làm Sa-môn thì cho phép xuất gia. Châu lớn cho phép năm mươi người, châu nhỏ cho phép bốn

mươi người xuất gia.”

Bấy giờ khắp nước những chùa tháp trước đây bị đập phá đều được trùng tu lại. Đế còn lệnh cho Hữu Ty phải đúc tượng Phật bằng đồng trong những chùa lớn năm cấp do Thái Tổ trở xuống đến năm Đế Vương đã xây dựng. Mỗi tượng cao một trượng sáu thước. Đế đích thân xuống tóc cho Sa-môn Sư Hiền cùng năm người khác, phong Sư Hiền làm người quản lý Tăng (Đạo nhân thống).

| | |
|---|---|
| *Quý Tỵ: Tháng hai năm Nguyên Gia năm thứ 30, Thái tử Thiệu bàn mưu giết Vũ Đế, Vũ Lăng Vương đánh và giết Thiệu* | *Ngụy: Hưng An năm thứ 2* |

* ***Thế Tổ Hiếu Vũ Đế:*** Tên là Tuấn, con năm thứ ba của Văn Đế, được phong làm Vũ Lăng Vương, Thứ sử Giang châu. Tháng ba ông họp binh đánh Nguyên hung Thiệu. Tháng tư ông lên ngôi Hoàng Đế ở Tân Đình, ở ngôi mười một năm, thọ ba mươi lăm tuổi. Ông là người học rộng, xét đọc thư tấu rất kỹ. Niên hiệu Hiếu Kiến ba năm, Đại Minh tám năm.

| | |
|---|---|
| *Giáp Ngọ: Hiếu Kiến năm đầu (tháng giêng đổi niên hiệu)* | *Ngụy: Hưng Quang năm đầu* |

Tống: Chia Dương châu, Triết Đông thành năm quận, đặt Đông Dương Châu để cai quản Cối Kê, phân Kinh, Tương, Giang, Dự châu thành tám quận, đặt Trình Châu để cai quản Giang Hạ.

| | |
|---|---|
| *Ất Mùi: Hiếu Kiến năm thứ hai, chiếu thỉnh Sa-môn Đạo Tù làm Pháp chủ chùa An Trấn* | *Thái An năm đầu* |
| *Bính Ngọ: Hiếu Kiến năm thứ 3* | *Thái An năm thứ 2* |

* ***Hoa Nghiêm Kinh Thích Sớ:*** Nhà Ngụy diệt Phật giáo, Thích Nguyên Sướng về với Tống. Ngài đến Dương châu, ngụ ở chùa Minh Nhân, soạn Hoa Nghiêm Kinh Thích Sớ, truyền giảng đến ngày nay đều bắt đầu từ ngài.

| | |
|---|---|
| *Đinh Dậu: Đại Minh năm đầu* | *Ngụy: Thái An năm thứ 3* |

***Tổ năm thứ 27:*** Tôn giả Bát-nhã-đa-la.

Ngài sinh trưởng ở Đông Ấn, sau khi đắc pháp với Tôn giả Bất-như-mật-đa, ngài hoằng hóa đến vùng Nam Ấn. Quốc vương xứ này tên là Hương Chí, là vị vua rất sùng kính Phật pháp, đón ngài về cung kính cúng dường, dâng ngài bảo châu vô giá. Nhà vua có ba người con, là Nguyệt Tịnh Đa-la, Công Đức Đa-la và Bồ-đề-đa-la.

Một hôm ngài đưa bảo châu ra và hỏi ba vương tử:

- Hạt châu này tròn sáng, có vật gì sánh bằng nó không?

Vương tử thứ nhất và năm thứ hai đều đáp:

Hạt châu này quý nhất trong tất cả châu báu, không vật gì hơn nó được.

Vương tử năm thứ ba là Bồ-đề-đa-la đáp:

Hạt châu này là bảo trân thế gian nhưng chưa phải là tối thượng. Trong các năm thứ báu thì Pháp mới là tối thượng. Hạt châu này là ánh sáng thế gian, chưa phải là ánh sáng tối thượng. Trong các thứ ánh sáng, ánh sáng của trí mới là tối thượng. Hạt châu này là thứ ánh sáng sạch của thế gian chưa phải là thứ ánh sáng sạch tối thượng. Trong các thứ sáng sạch thì sáng sạch của tâm mới là tối thượng. Ánh sáng của hạt châu không thể tự soi, mà phải nhờ ánh sáng của trí mới phân biệt được. Khi phân biệt được thì mới biết đó là hạt châu, biết được hạt châu mới thấy sự quý giá của nó. Khi thấy rõ sự quý giá của nó, thì vật báu ấy chẳng tự biết nó quý báu. Khi phân biệt được hạt châu, thì hạt châu này chẳng tự biết nó là hạt châu. hạt châu chẳng tự biết mình là hạt châu mà phải nhờ hạt châu của trí để phân biệt được hạt châu của thế gian. Vật báu chẳng tự biết nó là vật báu mà phải nhờ vật báu của trí để thấy rõ vật báu của pháp. Bởi vậy, Thầy có đạo, có của báu thì nó liền hiện, chúng sinh có đạo thì vật báu của tâm cũng vậy.

Tổ khen tài trí biện luận của vương tử và hỏi tiếp:

- Trong tất cả các vật, vật gì không tướng?
- Trong tất cả các vật, không khởi là không tướng.
- Trong tất cả các vật, vật gì là tối cao?
- Trong tất cả các vật, nhân ngã là tối cao.
- Trong tất cả các vật, vật gì là tối đại?
- Trong tất cả các vật, pháp tánh là tối đại.

Đến khi phụ vương Hương Chí băng hà, mọi người gào khóc thảm thiết, chỉ có Bồ-đề-đa-la ngồi nhập định suốt bảy ngày trước linh cửu.

An táng vua cha xong, vương tử xuất gia và thọ đại giới. Ngài nói với Vương tử: Như Lai đem chánh pháp nhãn giao phó cho Đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta. Nay ta giao phó cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

*Đất tâm sinh các giống*
*Từ sự lại sinh lý*
*Quả mãn Bồ-đề viên*
*Hoa nở, sinh thế giới.*

Phó pháp xong, ngài đứng thẳng trên tòa, duỗi thẳng hai tay, từ mỗi cánh tay phóng hai mươi bảy đạo hào quang ngũ sắc, quang minh sáng lòa. Toàn thân ngài bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân mình. Từ trên không, xá-lợi của ngài tuôn xuống như mưa, tứ chúng thâu lấy dựng tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Tống Hiếu Vũ Đế.

Ngài từng được quốc vương Đông Ấn thỉnh cúng dường, nhân đó quốc vương hỏi ngài: Ai nấy đều đọc kinh, thầy tại sao không đọc? Ngài đáp: Bần đạo thở ra thì không theo muôn duyên, hít vào thì không ở trong cảnh trói buộc, thường chuyển trăm ngàn vạn ức quyển kinh như vậy, chứ không phải một, hai quyển.

| | |
|---|---|
| *Mậu Tuất: Tống, năm Đại Minh năm thứ 2* | *Ngụy: Thái An năm thứ tư, cấm uống rượu, ai phạm liền bị chém, hai việc kiết hung nổi lên rầm rộ.* |
| *Kỷ Hợi: Đại Minh năm thứ 3* | *Thái An năm thứ 5* |
| *Canh Tý: Đại Minh năm thứ tư, Lộ Chêu Hoàng Thái hậu dựng xong tượng Phổ Hiền* | *Hòa Bình năm đầu* |
| *Tân Sửu: Đại Minh năm thứ 5* | *Hòa Bình năm thứ 2* |
| *Nhâm Dần: Đại Minh năm thứ 6* | *Hòa Bình năm thứ 3* |
| *Quý Mão: Đại Minh năm thứ 7* | *Hòa Bình năm thứ 4* |
| *Giáp Thìn: Đại Minh năm thứ tám, tháng năm Đế mất, Thái tử lên ngôi* | *Hòa Bình năm thứ 5* |

* ***Phế Đế:*** Tống Thái tử húy Tử Nghiệp, mười sáu tuổi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Cảnh Hòa, sau lại đổi thành Vĩnh Quang. Tháng

mười một năm Ất Tỵ ông bị bọn Chủ Y Nguyễn Điền Phu, Khương Sản Chi giết. Ông ở ngôi một năm, Tương Đông Vương Hoặc lên ngôi.

*** *Thái Tông Minh Đế:*** Tên là Hoặc, con năm thứ mười một của Văn Đế, được phong làm Tương Đông Vương. Sau khi bọn Thọ Tịch giết Phế Đế, họ đưa ông lên ngôi. Ông ở ngôi bảy năm, thọ ba mươi bốn tuổi. Thái Thỉ bảy năm, Thái Dự một năm.

| | |
|---|---|
| *Ất Tỵ: Tống, Thái Thỉ năm đầu, tháng mười một đổi niên hiệu tức năm Vĩnh Quang của Phế Đế* | *Ngụy: Hòa Bình năm thứ sáu, tháng năm Đế mất. Ông độ hơn 3.000 Tăng ni, chấn hưng Phật giáo, trùng tu chùa cũ.* |
| *Bính Ngọ: Thái Thỉ năm thứ 2* | *Hiển Tổ Hiến Văn Hoàng Đế Hoằng, con trưởng Cao Tông, lên ngôi lúc mười hai tuổi, Phùng Thái hậu lâm triều thính chính. Thiên An năm đầu, tháng sáu lệnh hết cấm uống rượu.* |

Sau khi Tương Đông Vương lên ngôi Hoàng Đế, Viên Khải dâng biểu khuyên Tấn An Vương Tử Huân lên ngôi. Kiến Nha ở Tang Vĩ truyền hịch về Kiến Khang. Lúc này Lưu Uyển thống lãnh các tướng giúp ông lên ngôi, và Tấn An Vương Tử Huân lên ngôi Hoàng Đế ở Tầm Dương, đổi niên hiệu Nghĩa Gia. Bốn phương hào sĩ đều theo về Tầm Dương, triều đình chỉ còn mấy quận ở Đan Dương, Hoài Nam. Triều đình sai Kiến An Vương Hưu Nhân Đô đốc nắm giữ việc quân, Thẩm Du Chi làm Tầm Dương Thái thú đem quân đánh Tử Huân. Sau đó Lưu Uyển bị Kinh châu tiến quân trưởng sử Trương Duyệt phản trắc giết ông. Các đạo quân đến Tầm Dương, chém Tấn An Vương Tử Huân, đem đầu về Kiến Khang, lúc đó Huân mới mười một tuổi.

* ***Đại sĩ Bảo Công:*** Ngài húy là Bảo Chí, người đời gọi Bảo Công là tỏ ý kính trọng ngài. Móng tay móng chân ngài giống như móng chim ưng. Hồi ấy vợ một người dân họ Dương là Chu thị ở phía Đông Kiến Khang nghe trong tổ chim có tiếng con nít khóc, bà leo lên nhặt về nuôi, coi như con ruột. Đứa trẻ ấy chính là ngài. Năm bảy tuổi ngài theo Tăng Kiện ở Chung Sơn xuất gia, chuyên tu Thiền quán, đến năm này ngài bắt đầu du hóa. Ngài buộc phất tử dài hơn một thước vào đầu gậy rồi vác đi vào trong xóm làng. Có lần gặp người ăn nem cá, ngài xin ăn,

người kia vẫn cho nhưng tỏ ý khinh bỉ. Ngài liền mửa vào trong nước, nem cá bỗng biến thành cá sống bơi lội, nay chính là loài cá Hồi ở các sông. Cuộc đời của ngài có rất nhiều điều thần dị. Ngày tám tháng mười hai năm Thiên Giám năm thứ mười ba đời Lương Vũ Đế, ngài thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi. Lương Vũ Đế đem hai mươi vạn lượng vàng đổi gò Độc Long ở Chung sơn, Kiến Khang để an táng ngài, dựng tháp năm tầng bên trên, ban lệnh cho Vương Quân soạn bia. Ngày an táng vua xa giá đến cúng, tăng tục đều thờ ngài. Ngài là người có điềm lành ứng hiện đứng vào bậc nhất thiên hạ. Tất cả thi kệ ngài trước tác phần nhiều được chép trong Nam Sử. Ngài soạn Đại Thừa Tán mười thiên, Khoa Tụng mười bốn thiên, cùng những bài ca về mười hai thời, rất thịnh hành ở đời. Tống Thái Tông năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy, Đế sai sứ đến thiết trai cúng dường ở Chung sơn, vua đích thân soạn văn tán tưởng niệm, trong ấy có câu: "Từ nay phải nêu cao Thánh tích của ngài, ban hiệu Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát."

* ***Pháp sư Đàm Tông thị tịch:*** Ngày một tháng Giêng năm Đại Minh năm thứ hai, Tống Vũ Đế hỏi Đàm Tông: Trẫm có tội gì mà phải nhọc khanh sám hối? Đàm Tông đáp: Vua Thuấn nói: "Ta trái với sự giúp đỡ của ông." Vua Vũ nói: "Muôn phương có tội đều do mình ta." Lẽ đâu bệ hạ khác hai vua ấy chăng? Vũ Đế nghe xong rất vui.

| | |
|---|---|
| *Đinh Mùi: Thái Thỉ năm thứ 3* | *Hoàng Hưng năm đầu* |

***Ngụy:*** Năm Đinh Mùi: Phùng Thái hậu giao lại triều chính, Ngụy chủ mới đích thân nắm chánh sự, đổi niên hiệu, chăm lo quốc sự, thưởng phạt công minh, đề bạt người liêm khiết, loại trừ bọn tham ô, nước Ngụy thái bình. Ông dựng chùa Vĩnh Ninh ở Bắc Đài, Trường An, tháp đến bảy tầng, cao ba mươi trượng, lại đúc tượng Phật ở chùa Thiên Cung, cao đến bốn mươi ba thước, dùng hết bảy vạn cân đồng, sáu trăm cân vàng ròng.

| | |
|---|---|
| *Mậu Thân: Thái Thỉ năm thứ tư, Đế dựng xong chùa Thiên Cung* | *Hoàng Hưng năm thứ 2* |
| *Kỷ Dậu: Thí Thỉ năm thứ 5* | *Hoàng Hưng năm thứ 3* |
| *Canh Tuất: Thái Thỉ năm thứ 6* | *Hoàng Hưng năm thứ 4* |

| | |
|---|---|
| *Tân Hợi: Thái Thỉ năm thứ 7* | *Ngụy: Cao Tổ Hiếu Văn Hoàng Đế Hoằng, con trưởng Hiến Văn đế, năm tuổi nhận ngôi, Diên Hưng năm đầu.* |

***Ngụy:*** Tháng sáu năm Tân Hợi, Hiển Tổ Hiến Văn Hoàng Đế Tên là Hoằng là người thông tuệ, mưu lược, cương nghị, quyết đoán, rất thích học thuyết của Nho, Lão, Phật, thường có tâm để lại cho đời, muốn nhường ngôi cho thúc phụ trung đô đại quan Kinh Triệu vương tử Thôi, nhậm thành ương Vân vốn là em của Tử Thôi. Vân nói: Cha truyền cho con, là phép xưa nay, nếu giao cho người trong tộc, sợ rằng trái với ý của Tiên đế. Thế rồi, ông đem ngọc tỷ của Tiên đế truyền ngôi cho Thái tử Hoằng. Lúc này Thái tử năm tuổi, đổi niên hiệu Diên Hưng. Quần thần tâu: "Xưa Hán Cao Tổ xưng Hoàng Đế, phong cha làm Thái Thượng hoàng, không còn cai quản thiên hạ. Nay Hoàng Đế còn trẻ nhỏ, muôn việc chánh sự vẫn do bệ hạ nắm, chỉ truy tôn hiệu Thái Thượng hoàng Đế". Ông dời về ở trong cung Sùng Quang. Cung này nằm phía Bắc Uyển Trung, dựng tháp Lộc Dã ở Tây sơn của Uyển Trung, ông cùng với tăng, ngày ngày luận lý Thiền.

| | |
|---|---|
| *Nhâm Tý: Thái Dự năm đầu, tháng tư Đế mất, Thái tử lên ngôi, lúc này mới mười tuổi.* | *Diên Hưng năm thứ hai, Thượng hoàng chinh phạt rợ Nhuyễn Nhuyễn.* |

* Tống Minh Đế đúc tượng Phật vàng cao một trượng sáu, buổi sáng thường ăn chay, ngày tụng kinh Bát-nhã, cảm được xá-lợi hiện, ông dựng chùa Hoằng Phổ.

* ***Thương Ngô Vương:*** Tên là Dục, Thái tử của Minh Đế, mười tuổi lên ngôi, trị vì năm, nhiều lần xuất cung du hành. Từ nhỏ ông đã có tính ngỗ nghịch lại thích giết hại. Một ngày không giết hại thì ông bực không vui, lên điện xét việc thường hoảng hốt, ăn xong thường ói mửa. Đêm Mậu Tý tháng bảy năm Đinh Tỵ, ông sai Tả hữu Dương Ngọc Phù rình xem hễ có cô thợ dệt qua sông là lập tức về báo cho mình, nếu không gặp tất bị ông giết. Đêm đó Ngọc Phù rình xem ông ngủ say mới cùng Dương Vạn Niên giết ông. Ông thọ mười lăm tuổi. Hữu vệ tướng quân Tiêu Đạo Thành theo lệnh Hoàng Thái hậu truy phong ông làm Thương Ngô Vương, đón An Thành Vương Chuẩn lên ngôi Hoàng Đế,

lúc này Chuẩn mới chín tuổi. Niên hiệu Nguyên Huy năm.

| | |
|---|---|
| *Quý Sửu: Nguyên Huy năm đầu* | *Ngụy: Diên Hưng năm thứ 3* |
| *Giáp Dần: Nguyên Huy năm thứ 2* | *Diên Hưng năm thứ 4* |

***Ngụy:*** Có người bị cầm tù trong ngục nhiều năm, Quần thần thắc mắc, Thượng hoàng nói: Giam trong ngục thật ra không phải khéo trị, nhưng không phải hơn vội vàng định tội bừa bãi đó ư? Con người hễ lo khổ thì nghĩ đến điều thiện, người trí lấy nhà tù làm nhà phước, Trẫm lao tâm khổ tứ vì họ, muốn cho họ hối cải, càng thêm thương xót, tha thứ cho họ mà thôi.

| | |
|---|---|
| *Ất Mão: Nguyên Huy năm thứ 3* | *Diên Hưng năm thứ 5* |
| *Bính Thìn: Nguyên Huy năm thứ 4* | *Vĩnh Minh Năm Đầu, Tháng hai Thái Thượng hoàng mất, Phùng Thái hậu lâm triều thính chính* |

***Ngụy:*** Hiển Tổ Hiến Văn Hoàng Đế dựng chùa Kiến Minh ở Vân Trung, chùa viện bốn phương đến hơn ngàn ngôi, độ bảy mươi bảy vạn Tăng ni.

* ***Thuận Đế:*** Tên là Chuẩn, tự Trọng Mưu, con năm thứ ba của Minh Đế, được phong làm An Thành Vương. Ông lên ngôi lúc chín tuổi, dùng Tiêu Đạo Thành làm tư không nắm việc Thượng thư. Ông ở ngôi ba năm, thọ mười hai tuổi, niên hiệu Thăng Minh ba năm.

| | |
|---|---|
| *Đinh Tỵ: Tống, Thăng Minh năm đầu, Nguyên Huy năm thứ năm, tháng bảy đổi niên hiệu Thăng Minh* | *Ngụy: Thái Hòa năm đầu* |
| *Mậu Ngọ: Thăng Minh năm thứ 2* | *Thái Hòa năm thứ 2* |

Thăng Minh năm thứ hai, hữu trưởng sử Vương Kiệm biết ý của Tiêu Đạo Thành nên bảo nghị sứ trung thư xá nhân Ngu Chỉnh soạn chiếu, phong Đạo Thành làm Hoàng Việt đại Đô đốc trung ngoại chư quân sự Thái phó Lĩnh Dương châu mục. Tháng ba năm Kỷ Mùi phong Thái phó Tiêu Đạo Thành làm tướng quốc, thống lãnh trăm quan, ban

cho mười quận, phong làm Tề Công, sau lại ban cửu tích, tứ hộ (một trong bốn xá nhân, mỗi người ở một tỉnh) phong tước Vương, hạ chiếu phải nhường ngôi cho Tề vương. Tống Đế không chịu ra khỏi cung, Vương Kính Tắc dẫn binh vào điện đường đưa xe tù vào rước Đế. Đế khóc mà nhường ngôi và thề rằng, nguyện kiếp sau, đời đời, chớ sinh lại vào nhà Thiên vương. Trong cung ai nấy gào khóc. Đế ngồi Họa luân xa đến Đông Để. Bọn tư không Chữ Uyên đem ngọc tỷ đến Tề Cung, khuyên Tề Vương lên ngôi Hoàng Đế ở Nam Giao, đưa Tống Thuận Đế xuống làm Nhữ Âm Vương, dựng cung Đan Dương đặt quân canh giữ, tin vệ sĩ giết ông mau chóng lan xa. Nhà Tống gồm tám chủ, trị vì năm mươi chín năm rồi nhường ngôi cho Tề.

* ***Nhà Tề:*** Họ Tiêu, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Thái tổ Cao Hoàng Đế, Vũ Đế, Uất Lâm Vương, Hải Lăng Vương, Minh Đế, Đông Hôn Hầu, Hòa Đế, cả thảy bảy chủ, trị vì hai mươi ba năm.

- ***Thái tổ Cao Hoàng Đế:*** Húy Đạo Thành, tự Thiệu Bá, người Lan Lăng, là cháu hai mươi bốn đời của Tiêu Hà nhà Hán. Ông nhận ngôi từ nhà Tống, trị vì bốn năm, thọ năm mươi sáu tuổi, Niên hiệu Kiến Nguyên bốn năm.

| | |
|---|---|
| *Kỷ Mùi: Tề, Kiến Nguyên năm đầu, tức Tống Thăng Minh năm thứ ba, tháng sáu đổi niên hiệu.* | *Ngụy: Thái Hòa năm thứ 3* |
| *Canh Thân: Kiến Nguyên năm thứ 2* | *Thái Hòa năm thứ 4* |
| *Tân Dậu: Kiến Nguyên năm thứ ba* | *Thái Hòa năm thứ 5* |
| *Nhâm Tuất: Kiến Nguyên năm thứ tư, tháng ba Đế mất* | *Thái Hòa năm thứ 6* |

Tề Đế trì tụng Bát-nhã, biên chép kinh Pháp Hoa, ngày tám tháng tư ông đúc tượng Phật bằng vàng, rằm tháng bảy ông cúng dường chư tăng khắp các chùa, dựng hai chùa Trắc Dĩ và Chánh Quán.

* ***Thế Tổ Vũ Đế:*** Húy là Di, tự Tuyên Viễn, con trưởng Cao Đế. Tháng ba năm Nhâm Tuất, ông lên ngôi, trị vì mười một năm, thọ năm mươi bốn tuổi. Niên hiệu Vĩnh Minh mười một năm.

| | |
|---|---|
| *Quý Hợi: Vĩnh Minh năm đầu* | *Thái Hòa năm thứ 7* |
| *Giáp Tý: Vĩnh Minh năm thứ 2* | *Thái Hòa năm thứ 8* |

Tề phong Cánh Lăng Vương Tử Lương làm hộ quốc tướng quân kiêm chức Tư Đồ, lãnh binh trấn giữ Tây châu. Tử Lương là người liêm khiết lại còn dốc lòng tìm cầu nhân tài, sùng kính Phật giáo. Hằng ngày ông thường mời Tăng chúng đến luận bàn Phật pháp, vô cùng kính tín Phật pháp. Xưa nay ở Giang Tả chưa từng có ai như ông. Ông từng tự mình nấu cơm, gánh nước cho Tăng chúng.

| | |
|---|---|
| *Ất Sửu: Tề, Vĩnh Minh năm thứ 3* | *Ngụy: Thái Hòa năm thứ 9* |
| *Bính Dần: Vĩnh Minh năm thứ 4* | *Thái Hòa năm thứ 10* |
| *Đinh Mão: Vĩnh Minh năm thứ 5* | *Thái Hòa năm thứ 11* |
| *Mậu Thìn: Vĩnh Minh năm thứ 6* | *Thái Hòa năm thứ 12* |
| *Kỷ Tỵ: Vĩnh Minh năm thứ 7* | *Thái Hòa năm thứ 13* |
| *Canh Ngọ: Vĩnh Minh năm thứ 8* | *Thái Hòa năm thứ 14* |
| *Tân Mùi: Vĩnh Minh năm thứ 9* | *Thái Hòa năm thứ 15, Văn Minh Phùng Thái hậu mất, Đế theo lễ xưa để tang ba năm* |
| *Nhâm Thân: Vĩnh Minh năm thứ 10* | *Thái Hòa năm thứ 15* |

* Ngụy Đế sai quần thần luận về năm thứ tự của Ngũ hành, Trung thư giám Cao Gián Nghị cho rằng, “Đế vương đều lấy Trung Nguyên làm chánh thống, không theo số vận ở đời, lấy việc đoạt thiện ác làm thị phi. Bởi vậy Kiệt Trụ vô cùng bạo ngược nhưng vẫn không bỏ lịch của nhà Hạ nhà Thương; Lệ, Tuệ là hôn quân nhưng vẫn không hại sách mệnh của Chu, Tấn. Tấn nối nghiệp Ngụy là Kim, Triệu nối nghiệp Tấn là Thủy, Yên nối nghiệp Triệu là Mộc, Tần nối nghiệp Yên là Hỏa. Tần diệt vong, Ngụy mới khởi nghiệp, lập ra Chánh Sóc, hơn nữa Ngụy được mang họ vốn xuất phát từ Hiên Viên. Thần ngu muội cho rằng nên lấy Thổ đức.” Bí thư thừa Lý Bưu, trứ tác lang Thôi Quang v.v... cho rằng, “Thần Nguyên và Tấn Vũ xưa nay kết thân với nhau, đến đời Hoàn, Mục, có chí phụ giúp nhà Tấn, bởi vậy Tư mã Tộ mất ở Giáp Nhục thì Thát Bạt nhận ngôi ở Vân Đại. Xưa Tần thôn tính thiên hạ,

Hán vẫn còn họ Cung Công để sách, cuối cùng kế nghiệp nhà Chu, lấy hiệu Hỏa Đức, huống gì họ Lưu, Thạch, Phù đất hẹp vận ngắn, Ngụy cũng vướng phải cái tệ này, lẽ đâu bỏ Tấn mà lấy Thổ Đức chăng!"

Tư không Mục Lượng v.v... đều xin Ngụy Đế theo lời bàn của bọn Bưu, và Ngụy Đế hạ chiếu theo nhà Tấn lấy hiệu Thủy Đức. Năm Bính Tý, Ngụy Thái Hòa năm thứ hai mươi, đế hạ chiếu cho rằng người phương Bắc bảo Thổ Đức là họ Thát họ Bạt, tiên tổ của Ngụy xuất phát từ Hoàng Đế, theo Thổ Đức Vương nên là họ Thát Bạt. Phàm Thổ là màu trong màu vàng (Hoàng) là cội nguồn của vạn vật, nên đổi thành họ Nguyên. Các công thần cựu tộc mang họ từ đời trước hoặc họ kép nay đều đổi hết. Thế rồi Ngụy Đế bắt đầu đổi họ Bạt Bạt thành họ Trường Tôn, đổi Lệ Hề thành họ Hề, đổi Ất Chiên thành Thúc Tôn, Khâu Mục Lăng thành họ Mục, Bộ Lục Cô thành họ Lục, Hạ Lại thành họ Hạ, Độc Cô thành họ Lưu, Hạ Lâu thành họ Lâu, Vật Nữu Vu thành họ Vu, Uất Trì thành họ Uất, những họ còn lại đều được đổi nhiều không kể hết. Đến Tây Ngụy Cung Đế Quách bỏ niên hiệu chỉ đọc lấy năm, lấy lại họ Thát Bạt, chín mươi chín họ trước đây được đổi thành họ đơn (chỉ lấy một chữ) nay đều khôi phục lại như cũ. Năm Giáp Tuất, Ngụy Đế về Nam, ngang qua mộ của Tỷ Can, dùng lễ Thái lao tế, tự soạn văn tế trong đó có câu: "Than ôi! Giới Thất lẽ đâu chẳng phải bề tôi của ta!"

| | |
|---|---|
| *Quý Dậu: Tề: Vĩnh Minh năm thứ 11, tháng bảy Đế mất* | *Ngụy: Thái Hòa năm thứ mười bảy, Đế thấy Bình Thành lạnh, tháng sáu lại có tuyết rơi; tháng mười một ông đến đất Nghiệp bàn việc dời đô. Lạc Dương Bình Thành nay là Tây Lương lộ.* |

Tề: Uất Lâm Vương húy Chiêu Nghiệp, cháu Hoàng Thái Tổ, con trưởng của Thái tử Văn Tuệ. Tháng bảy năm Quý Dậu, ông lên ngôi, tháng giêng năm Mậu Tuất ông đổi niên hiệu Long Xương. Ông không lo liệu triều chính, phóng túng vô độ, Tây Xương Hầu Loan can gián nhưng ông không nghe lại còn muốn giết Loan. Tháng bảy Loan dẫn quân vào Vân Long Môn giết ông ở Tây Lộng, theo lệnh Thái hậu truy phế ông xuống chức Uất Lâm Vương, đón con năm thứ hai của Văn Tuệ là Tân An Vương Chiêu Văn lên ngôi Hoàng Đế. Lúc này văn mười lăm tuổi, đổi niên hiệu Diên Hưng, phong Loan làm Tuyên Thành quận

công, tước Thái phó Tuyên Thành Vương. Tháng mười, Thái hậu ra lệnh, Thái phó Tuyên Thành Vương nên vào nhận ngôi báu, phế Văn làm Hải Lăng Vương. Tháng mười một, Hải Lăng Vương Mất.

* ***Cao Tông Minh Đế:*** Tên là Loan, anh của Thái Tổ. Hồi ấy con của An Chân Vương từ nhỏ mồ côi, Cao Đế nuôi nấng coi như con mình, phong ông làm Tây Xương Hầu, ông ở ngôi năm, thọ bốn mươi tuổi. Niên hiệu Kiến Vũ bốn năm, Vĩnh Thái một năm.

| | |
|---|---|
| *Giáp Tuất: Kiến Vũ năm đầu, tháng mười đổi niên hiệu* | *Thái Hòa năm thứ 18, tháng mười một Đế đến Lạc Dương* |
| *Ất Hợi: Kiến Vũ năm thứ 2* | *Thái Hòa năm thứ 19* |

Ngụy Đế đi Lỗ cúng tế Khổng Tử, chọn một người trong con cháu Khổng Tử phong làm Sùng Thánh Hầu để tế tự Khổng Tử. Vua xa giá đến chùa Bạch Tháp ở Từ Châu. Chùa có pháp sư Đạo Đăng nhập diệt, đế hạ chiếu viếng tang, ban cấp ngàn tấm lụa, cúng dường tất cả tăng, mở đạo tràng kỳ siêu bảy ngày ở kinh thành.

| | |
|---|---|
| *Bính Tý: Kiến Vũ năm thứ 3* | *Thái Hòa năm thứ 20, Ngụy đổi họ Nguyên* |

Tề: Thích Tuệ Cơ được Minh Hoàng Đế hai lần hạ chiếu thỉnh nhưng ngài không vào cung mà đến Quy Sơn, Hội Ấp dựng tinh xá Bảo Lâm. Ngài từng soạn Pháp Hoa Sớ Nghĩa cho Văn Tuyên Vương. Tháng mười một, ngài nhập diệt, thọ tám mươi lăm tuổi.

| | |
|---|---|
| *Đinh Sửu: Kiến Vũ năm thứ 4* | *Thái Hòa năm thứ 21, Đế lập con là Kháp làm hoàng Thái tử* |

Ngụy: Thiền sư Phật-đà (Hán dịch Giác Thủ) người Trung Ấn, Tây Trúc. Sư rất thích cảnh trí Tung nhạc, Đế liền cho dựng chùa Thiếu Lâm trên Thiếu Thất sơn để Sư ở. Đệ tử của Sư có Tăng Trù, Tuệ Quang.

| | |
|---|---|
| *Mậu Dần: Vĩnh Thái năm đầu, tháng bảy Đế mất* | *Thái Hòa năm thứ 22* |

Tề Đế khi còn ở ngôi thường trì trai, tu Thập thiện, tụng kinh Pháp Hoa, Bát-nhã, dựng chùa Quy Y, đúc ngàn tượng Phật bằng vàng, chép kinh Phật

* ***Đông Hôn Hầu:*** Tên Bảo Quyển, con năm thứ ba của Minh Đế. Tháng mười, niên hiệu Kiến Vũ năm đầu, ông được lập làm hoàng Thái tử rồi lên ngôi Hoàng Đế, nhưng ông không có đức, ở ngôi hai năm, sau bị giết, thọ mười chín tuổi. Niên hiệu Vĩnh Nguyên hai năm.

| | |
|---|---|
| *Kỷ Mão: Vĩnh Nguyên năm đầu* | *Thái Hòa năm thứ hai mươi ba, tháng tư Hiếu Văn Đế mất* |

Ngụy Đế dựng chùa An Dưỡng ở đất nghiệp, cúng dường trai tăng. Trong Lục cung những thị tỳ giữ lục trai, tinh tấn tụng kinh, mến mộ Phật đạo đều cho xuất gia. Đế độ cả thảy một vạn bốn ngàn người.

| | |
|---|---|
| *Canh Thìn: Tề: Vĩnh Nguyên năm thứ hai, tháng mười hai Đế bị giết* | *Ngụy: Thế Tông Tuyên Vũ Đế Kháp, con năm thứ hai của Hiếu Văn Đế lên ngôi. Cảnh Minh năm đầu.* |

Lúc này Thôi Tuệ cảnh chiếm cứ Quảng Lăng và làm phản, Kinh châu Thứ sử Tiêu Ý đem quân đến đánh giết Tuệ Cảnh. Đế phong Ý làm Thượng thư lệnh. Bọn sủng thần Nhự Pháp Trân ghét quyền uy của Ý nên gièm pha Ý với Đế. Tháng mười, Đế ban cho Ý phải chết. Ý nói: “Em của thần ở Ung châu, rất lo lắng cho triều đình”. Em của Ý là Tiêu Diễn làm Thứ sử trong Ung châu, hôm đó tại Tương Dương nghe tin anh chết, liền triệu tập quân ở Kiến Nha, Đế sai Tiêu Dĩnh Vị đem quân đến đánh họ. Dĩnh Vị liền kết hợp với Diễn, tháng ba năm sau, họ đưa Nam Khang Vương lên ngôi Hoàng Đế ở Giang Lăng, đổi niên hiệu Trung Hưng, phong Tiêu Diễn làm chinh Đông đại tướng quân Đô đốc chinh thảo chư quân sự, cầm cờ tiết búa việt đến thẳng Kiến Khang. Tháng mười hai, Đế bị giết. Diễn theo lệnh Tuyên Đức Thái hậu phế đế xuống làm Đông Hôn Hầu.

* ***Hòa Đế:*** Húy Bảo Dung, con năm thứ tám của Minh Đế được làm Nam Khang Vương, ra làm Kinh châu Thứ sử. Tháng ba năm Tân Tỵ, ông lên ngôi Hoàng Đế. Tháng giêng năm Nhâm Ngọ, ông hạ chiếu cử đại Tư mã Tiêu Diễn làm tướng quốc quản lý trăm quan, rồi được

phong Dương châu mục ban mười quận, tước Lương Công, lại ban cho cửu tích. Tháng giêng Diễn được phong Vương. Đế về đông, đến Cô Thục (Giang Đông, Thái Bình lộ) hạ chiếu nhường ngôi cho Lương Vương. Lương Vương lên ngôi Hoàng Đế, đưa Đế xuống làm Ba Lăng Vương. Sau đó thì giết. Ông ở ngôi một năm, thọ mười sáu tuổi.

| | |
|---|---|
| *Tân Tỵ: Trung Hưng năm đầu, tháng ba Đế lên ngôi, tháng hai năm sau nhường ngôi cho Lương* | *Ngụy: Cảnh Minh năm thứ 2* |

Nhà Tề gồm bảy chủ, trị vì tổng cộng hai mươi ba năm rồi nhường ngôi cho Lương.

* Lương: Họ Tiêu, đóng đô ở Kiến Khang, gồm Cao Tổ Vũ Đế, Thái Tông Giản Văn Đế, Thế Tổ Nguyên Đế, Kính Đế.

* ***Cao Tổ Vũ Đế:*** Húy là Diễn, tự Thúc Đạt người Lan Lăng, làm quan cho Tề, được phong Lương Vương, nhận ngôi từ Tề, ở ngôi bốn mươi tám năm thọ tám mươi sáu tuổi. Niên hiệu Thiên Giám mười tám năm, Phổ Thông bảy năm, Đại Thông hai năm, Trung Đại Thông sáu năm, Đại Đồng mười một năm, Trung Đại Đồng một năm, Thiên Thanh ba năm.

| | |
|---|---|
| *Nhâm Ngọ: Lương, Thiên Giám năm đầu, tháng hai đổi niên hiệu, hạ chiếu cho Đại Sĩ Bảo Công hoằng hóa, không ngăn cấm nữa* | *Ngụy: Cảnh Minh năm thứ 3* |
| *Quý Mùi: Thiên Giám năm thứ 2* | *Cảnh Minh năm thứ 4* |

* Pháp sư Vân Quang ở chùa Pháp Vân, Kiến Khang, lúc giảng kinh thường có hoa trời tuôn xuống như tuyết. Đế đốt sớ trong trận Hàm Quang để thỉnh Vân Quang Chí Công. Sáng hôm sau, Chí Công đến. Đế hạ chiếu gọi ngài là Đại sĩ Bảo Chí và nói: Dấu tích còn trong trần ai nhưng thần thức dạo chơi trong cõi minh tịch, nước chẳng nhận chìm, lửa chẳng đốt cháy, rắn cọp không thể tổn hại ngài được. Bàn về Phật lý thì từ Thanh văn trở lên, luận về kẻ ẩn thì từ độn tiên lên nữa, lẽ đâu có thể đem thế tục pháp, tình tầm thường mà nghi kỵ ngài chăng! Từ nay cho phép ngài mặc tình hoằng hóa.

* ***Từ Bi Sám Pháp:*** Lương Đế lúc còn làm Ung châu Thứ sử, phu

nhân Hy thị là người tánh hay đố kỵ, sau khi chết, bà hóa thành con mãng xà to bò vào trong hậu cung, báo mộng cho Đế tìm cách cứu thoát mình. Đế đọc kinh Phật, chế Đạo Tràng Từ Bi Sám Pháp mười quyển thỉnh tăng sám lễ. Phu nhân thoát ác báo thiên sinh, từ trong không bà tạ ơn Đế rồi đi. Sám pháp ấy lưu hành ở đời, đó là Lương Hoàng Sám.

| | |
|---|---|
| *Giáp Thân: Thiên Giám năm thứ 3* | *Ngụy: Chánh Thỉ năm đầu* |

Ngày tám tháng tư, Lương Đế triệu tập đạo tục trong điện Trùng Vân bày tỏ ý nguyện cầu sám của mình. Ông tự tay soạn văn phát nguyện, phụng Phật Tam bảo, dựng chùa Quang Trạch ngay phủ đệ này, đúc tượng Phật lớn bằng vàng, đồng phụng thờ ở đây.

| | |
|---|---|
| *Ất Dậu: Lương, Thiên Giám năm thứ 4* | *Ngụy: Chánh Thỉ năm thứ 2* |

* ***Đại trai đàn Thủy lục ở Kim Sơn:*** Hồi ấy, Lương Đế nằm mộng thấy vị Tăng đến nói với mình: “Bốn loài chúng sinh trong sáu đường chịu đại khổ não, sao ông chẳng mở đại trai đàn Thủy Lục để cứu vớt chúng nó?” Đế tỉnh dậy, hỏi chư Sa-môn, Bảo Chí nói:”Cứ tìm kinh mà đọc thì ắt biết cách.” Đế lật kinh ra đọc chí thành rồi soạn ra nghi thức bạt độ, ba năm mới xong. Đêm ấy ông cầm nghi thức đứng trước đèn rồi bạch Phật: “Nếu lý trong nghi này hợp với phép tắc của Thánh nhân thì nguyện khi con lạy xong, đèn này tự sáng. Nếu nghi thức chưa tinh tường, thì đèn vẫn tắt như cũ”. Nguyện xong ông lạy một lạy, quả nhiên đèn đuốc tự sáng. Đến ngày mười lăm tháng hai năm này, ông mở Đại trai đàn trong chùa Kim Sơn, Trấn Giang ngày nay. Đế ngồi dưới đàn tràng, tuyên chiếu thỉnh Luật sư Hựu đọc nguyện văn nghi thức. Lễ bạt độ lợi lạc khắp hữu tình trong u minh. Nghi thức ấy đến nay chư Tăng vẫn duy trì.

| | |
|---|---|
| *Bính Tuất: Thiên Giám năm thứ năm, Lương Thái tử Thống mới năm tuổi nhưng đã đọc khắp Ngũ Kinh* | *Chánh Thỉ năm thứ 3* |
| *Đinh Hợi: Thiên Giám năm thứ 6* | *Chánh Thỉ năm thứ 4* |

Lương Đế nhờ thần lực của Bảo Chí thấy được nỗi khổ trong địa ngục, ông hỏi Bảo Chí dùng cách gì để cứu khổ ấy, Bảo Chí đáp: "Chỉ khi nghe được tiếng chuông, nỗi khổ chúng sinh mới được tạm nghỉ." Thế rồi, ông hạ chiếu cho khắp tự viện trong nước đánh đại hồng chung phải thật chậm và lâu.

| | |
|---|---|
| *Mậu Tý: Thiên Giám năm thứ 7* | *Vĩnh Bình năm đầu* |
| *Kỷ Sửu: Thiên Giám năm thứ 8* | *Vĩnh Bình năm thứ 2* |

Ngụy: Ngụy Đế hạ chiếu thỉnh Tây Trúc Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi (Hán dịch là Giác Hy) ở trong điện Tử Cực để dịch luận. Ngụy Đế giảng kinh Duy-ma trong điện Thức Càn. Lúc này triều Ngụy rất kính tín Phật giáo. Ở Lạc Dương, ngoài Sa-môn Trung Quốc ra, còn có hơn ba ngàn Sa-môn từ Tây Vực sang. Đế dựng riêng chùa Vĩnh Minh lập hơn ngàn phòng ốc để họ ở. Trong niên hiệu Diên Xương, các châu quận có đến một vạn ba ngàn ngôi chùa, hai trăm vạn Sa-môn.

| | |
|---|---|
| *Canh Dần: Thiên Giám năm thứ chín, Đế thỉnh Sa-môn Bảo Xướng Soạn Danh tăng truyện gồm 81 quyển* | *Ngụy: Vĩnh Bình năm thứ 3* |

Lương Đế dựng chùa Đại Ái Kính ở Chung Sơn, cúng dường cả ngàn tăng để cầu phước cho Thái tử Văn Hoàng Đế. Hiến Thái hậu dựng chùa Đại Trí Độ ở bờ Tây Thanh Khê để chư ni giảng đọc Kinh Luận trong bốn mùa.

| | |
|---|---|
| *Tân Mão: Thiên Giám năm thứ 10* | *Vĩnh Bình năm thứ 4* |

Lương Vũ Đế sai Hác Khiên v.v... sang Tây Trúc rước tượng Phật bằng Chiên-đàn. Vua xứ này mô phỏng tượng rồi khắc cho Khiên một pho. Năm này Khiên về Kiến Khang, Đế nghinh tượng an trí trong điện Thái cực, lập trai đàn độ Tăng, đại xá tử tội. Từ đó Vũ Đế ăn chay, đoạn nghiệp dâm.

| | |
|---|---|
| *Nhâm Thìn: Thiên Giám năm thứ 11* | *Diên Xương năm đầu* |

* ***Phó Đại Sĩ:*** Ngài sinh trưởng trong nhà Phó Tuyên Từ ở làng Song Lâm huyện Ô Nghĩa, Vụ châu, vào ngày tám tháng năm niên hiệu Kiến Vũ năm thứ tư đời Tề Minh Đế. Ngài tên là Hấp, tự Huyền Phong, hiệu Thiện Tuệ. Năm Nhâm Thìn này ngài tròn mười sáu tuổi. Vợ ngài họ Lưu, có hai người con là Phổ Kiến và Phổ Thành. Nhà Lương, niên hiệu Phổ Thông năm đầu, ngài hai mươi bốn tuổi, một lần nhân xách nước bên bờ đê Khể Đình, Tây Vực Sa-môn Tung Đầu-đà dẫn ngài xuống bên sông soi mặt, ngài thấy mình có hào quang bao phủ, đệ tử rất đông, nhân đó tâm tỉnh ngộ bèn lên ngọn Tung sơn vào nơi rừng rậm dựng am mà ở, lấy tên là Song Lâm, lấy hiệu là Song Lâm Thọ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện Tuệ Đại Sĩ. Ngài trồng rau dưa, làm thuê cho người khác, ban đêm về cốc cùng vợ là Diệu Quang luận bàn Phật pháp, cứ thế khổ hạnh suốt bảy năm. Đến năm Đại Thông năm thứ hai, đệ tử mỗi ngày một đông, Đại sĩ muốn giáo hóa chúng sinh, nên giáo hóa vợ con bán mình để mở đại hội. Niên hiệu Trung Đại Thông năm thứ sáu, Đại Sĩ sai đệ tử Phó Vãng vào cung dâng thư. Lương Vũ Đế hạ chiếu mời ngài vào. Tháng mười hai nhuần, ngài đến Kiến Khang, Đế nghe Đại Sĩ là người thần dị, bèn ra lệnh khóa hết cửa. Đại Sĩ dùng chày gỗ gõ vào một cửa, các cửa khác đều mở toang ra, vào thẳng Thiện Ngôn điện. Đế hỏi:

- Thầy thờ thầy nào?

Ngài đáp:

Theo người chẳng có gì để theo, thầy chẳng có gì làm thầy, thờ chẳng có gì để thờ.

Đế đãi cơm ngài xong, lên chùa Định Lâm ở Chung sơn hạ chiếu chu cấp cho ngài. Đại Đồng năm thứ năm, Đại sĩ lại vào kinh đô. Tháng ba Đế triệu ngài vào điện Thọ Quang cùng luận chân đế. Đại sĩ nói: “Dứt mà không diệt”. Đế lại thỉnh ngài giảng kinh Kim Cang, Đại sĩ vỗ bàn một cái rồi đứng dậy. Đế không hiểu, thỉnh giảng tiếp. Đại sĩ liền đập bàn rồi thăng tòa xướng bốn mươi chín bài tụng rồi đi. Những bài tụng ấy nay vẫn còn lưu hành.

Một hôm Đại sĩ đội mũ, đắp y, mang giày. Đế hỏi: Ông là tăng ư? Ngài lấy tay chỉ lên mũ. Đế hỏi: Ông là đạo ư? Ngài lấy tay chỉ xuống giày. Đế hỏi: Ông là tục ư? Ngài lấy tay chỉ nạp y rồi cáo từ về núi. Đại Đồng thứ mười, Đại sĩ mở Đại pháp hội nhằm sám hối tội khổ cho hết thảy chúng sinh, mau được giải thoát. Đại sĩ cho rằng kinh Phật quá nhiều, phần đông khó ai xem hết, nên dựng một cái khám to, chính giữa là một trụ lớn, mở rộng tám phía (nhà Bát Giác) rồi chất đầy kinh trong

đó, lấy tên là Luân Tạng. Đại Sĩ lập nguyện: Người lên cửa tạng ta, đời đời kiếp kiếp không mất thân người, người phát tâm Bồ-đề hay xô ngã Luân Tạng thì công đức ngang bằng với người trì tụng kinh. Ngày nay trong Luân tạng dựng tượng Đại sĩ khởi nguyên từ đó.

Tháng tư niên hiệu Đại Kiến năm đầu, đời Trần Tuyên Đế, Đại Sĩ dặn dò hai Pháp sư Phổ Kiến, Phổ Thành: Ta từ cõi trời năm thứ tư xuống đây vì độ chúng sinh, các ông phải cẩn thận ba nghiệp, siêng tu lục độ, thực hành pháp sám hối, khỏi đạo trong tam đồ. Đến ngày hai mươi bốn, Đại sĩ nhập diệt, thọ bảy mươi ba tuổi, trà-tỳ thâu xá-lợi an táng ở Song Lâm, ngày nay thành Đại đạo tràng. Những kệ ngữ của ngài đều lưu hành ở đời. Ngài từng soạn bài minh nói về Tâm Vương. Trong ấy ghi:

*Quán tâm không vương*
*Mầu nhiệm khó lường*
*Không danh không tướng*
*Có đại thần lực.*
*Hay diệt ngàn ương*
*Thành tựu muôn đức*
*Thể tánh tuy không*
*Hay bày phép tắc.*
*Quán thì không hình*
*Gọi thì không tiếng*
*Là tướng đại pháp*
*Tâm giới truyền kinh.*
*Vị mặn trong nước*
*Màu xanh trong keo*
*Nhất định là có*
*Nhưng chẳng thấy hình.*
*Tâm vương cũng vậy*
*Ở ngay trong thân*
*Vào ra nơi mặt*
*Ứng vật tùy hình.*
*Tự tại không ngại*
*Làm nên mọi thứ*
*Rõ gốc tâm thức*
*Biết tâm thấy Phật.*
*Tâm này là Phật*
*Phật này là tâm*

*Niệm niệm Phật tâm*
*Phật tâm niệm Phật.*
*Muốn tâm thành tựu*
*Giới tâm tự luật*
*Tịnh luật tịnh tâm*
*Tức tâm là Phật.*
*Ngoài tâm vương này*
*Không có Phật khác*
*Muốn cầu thành Phật*
*Chớ nhiễm một vật.*
*Tâm tánh tuy không*
*Thể tham sân thật*
*Vào pháp môn này*
*Ngồi ngay thành Phật.*
*Đến bờ kia rồi*
*Được Ba-la-mật*
*Chân sĩ mộ đạo*
*Tự quán thân mình.*
*Biết Phật ở trong*
*Chẳng tìm bên ngoài.*
*Ngay tâm là Phật*
*Ngay Phật là tâm*
*Tâm sáng biết Phật*
*Biết rõ thức tâm.*
*Lìa tâm chẳng Phật*
*Lìa Phật phi tâm*
*Phi Phật chẳng lường*
*Chẳng gì gánh vác.*
*Chấp không trệ tịch*
*Vì thế trầm luân*
*Chư Phật Bồ-tát*
*Tỏ nên an tâm.*
*Đại sĩ sáng tâm*
*Ngộ huyền âm này*
*Tánh thân tâm diệu*
*Dùng không thể đổi.*
*Cho nên người trí*
*Buông tâm tự tại*

*Chớ nói tâm vương*
*Rỗng không thể tánh.*
*Hay khiến sắc thân*
*Tọa tà làm chánh*
*Chẳng có chẳng không*
*Ẩn hiển bất định.*
*Tâm tánh tuy không*
*Hay tạo phàm Thánh*
*Vì thế khuyên nhau*
*Gắng mà giữ gìn.*
*Sát-na tạo tác*
*Trở lại trầm luân*
*Thanh tịnh tâm trí*
*Chẳng khác vàng ròng.*
*Pháp tạng Bát-nhã*
*Đều trong thân tâm*
*Pháp tạng vô vi*
*Không sâu không cạn.*
*Chư Phật Bồ-tát*
*Rõ bản tâm này*
*Người có duyên gặp*
*Chẳng xưa, nay, sau.*

| | |
|---|---|
| *Quý Tỵ: Lương, Thiên Giám năm thứ 12* | *Ngụy: Diên Xương năm thứ 2* |
| *Giáp Ngọ: Thiên Giám năm thứ 13* | *Diên Xương năm thứ 3* |
| *Ất Mùi: Thiên Giám năm thứ 14* | *Ngụy: Diên Xương năm thứ tư, tháng giêng Đế mất, Thái tử Hủ lên ngôi mới sáu tuổi, mẹ tôn Hồ thị làm Hoàng Thái hậu lâm triều thính chính* |

* ***Tụng kinh kéo dài tuổi thọ:*** Pháp sư Thích Trí Tạng hồi ấy vân du đến Kiến Khang, Lương Đế cho triệu kiến rất kính lễ ngài. Lương Vũ Đế lập chùa tháp Khai Thiện cho Bảo Chí và mời ngài đến đó ở. Trí Tạng gặp dị nhân nói với mình: “Thầy chỉ thọ ba mươi mốt tuổi.” Tạng bèn dốc tâm tu tập, chuyên tụng kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Đến năm phải chết, ngài lại nghe trong hư không có tiếng nói: “Nhờ sức của Bát-nhã, Thầy thọ gấp đôi.” Quả nhiên Trí Tạng thọ sáu mươi hai tuổi. Lương Vũ Đế hạ chiếu an táng ngài bên trái chùa Bảo Công trên Độc Long Sơn. Từ đó, đạo tục ở Giang Tả đều trì tụng kinh Kim Cang Bát-nhã.

| | |
|---|---|
| *Bính Thân: Thiên Giám năm thứ 15* | *Ngụy: Túc Tông Hiếu Minh Đế Hủ con năm thứ hai của Tuyên Vũ Đế lên ngôi. Hy Bình năm đầu* |

***Ngụy:*** Thế Tông Tuyên Vũ Đế dựng chùa Diệu Quang chưa xong, năm này Hồ Thái hậu dựng chùa Vĩnh Ninh, cả hai chùa đều ở bên cung. Thái hậu lại dựng chùa Thạch Quật ở Y Khuyết Khẩu, đúc mười tượng vàng cao một trượng sáu, mười tượng cao bằng người thường, hai tượng bằng ngọc, lập tháp chín tầng, cao chín mươi trượng, trên có mái cao mười trượng đêm khuya tiếng kinh tiếng mõ vang xa đến mười dặm. Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, tháp miếu hưng thịnh chưa lúc nào bằng lúc này.

* ***Tượng Đá:*** Tượng Phật bằng đá cao mười trượng ở chùa Ẩn Nhạc, Việt châu nhà Lương. Hồi ấy trong năm Kiến Vũ đời Tề Minh Đế, Tăng, Hộ phát thảo làm, đục hoàn thành khuôn mặt thì ngài mất. Kế đó có Tăng Thục làm tiếp nhưng vẫn chưa hoàn thành. Đến năm này, Kiến An Vương bỏ vàng ra ủy thác cho Tăng Hựu hoàn thành pho tượng.

| | |
|---|---|
| *Đinh Dậu: Thiên Giám năm thứ 16* | *Ngụy: Hy Bình năm thứ 2* |

* ***Phật Danh:*** Lương Vũ Đế hạ chiếu thỉnh Pháp sư Tăng Thiệu soạn Chúng Kinh Mục Lục bốn quyển, thỉnh Sa-môn Bảo Xướng soạn Tỳ-kheo ni truyện bốn quyển, lại soạn Chúng Kinh Phật Danh ba quyển.

Tháng ba Lương Vũ Đế hạ chiếu cấm thợ may cuốn vải có hoa văn gấm, cấm cắt đứt hình người, thú, chim muông. Vì làm vậy là trái với đạo nhân thứ.

Cúng chay: Tháng tư Lương Vũ Đế hạ chiếu: Tông miếu dùng sinh vật cúng tế càng làm lụy thêm oan linh, nên dùng bột nặn hình mà cúng. Bát tòa trong triều đều bàn lấy đại bô (thịt luộc chín, nêm) để thay thế Nhất Nguyên Đại Vũ. Tháng mười Đế hạ chiếu cho Tông miếu còn dùng thịt chín cúng tế là không được phải đổi luôn, thế là dùng đại bỉnh (bánh bột) thay thế đại bô, còn các thứ khác đều dùng rau quả. Ngày nay ai muốn luận về ăn chay ăn mặn đều căn cứ ở đây.

| | |
|---|---|
| *Mậu Tuất: Thiên Giám năm thứ 17* | *Thần Quy năm đầu* |

* ***Hoằng Minh Tập:*** Nhà Lương, Luật sư Tăng Hựu hoằng hóa Luật tạng từ đời Tề, đến lúc này Đế rất cung kính ngài. Ngài cao tuổi chân bị bệnh, nên Đế sai người dìu ngài vào trong điện truyền giới cho Lục cung. Ngài tịch ngày hai mươi sáu tháng năm, thọ bảy mươi bốn tuổi. Những tác phẩm do ngài soạn gồm: Tam Tạng Ký, Pháp Uyển Ký, Thế Giới Ký, Thích-ca Phổ, Hoằng Minh Tập v.v... đều lưu hành ở đời.

| | |
|---|---|
| *Kỷ Hợi: Thiên Giám năm thứ 18* | *Thần Quy năm thứ 2* |

* ***Biệt hiệu của Pháp sư Tuệ Ước:*** Lương Đế nói: Đạo nhờ người hoằng hóa, lý không phải trao suông, giáo hóa phải tận tâm, dân tin mới đứng vững được. Pháp sư Tuệ Ước, đức vượt người đời, đạo trùm U Minh. Ngày tám tháng tư thỉnh Sư vào điện Đẳng Giác để truyền Bồ-tát giới, đồng thời mở vô giá pháp hội.

Từ khi thọ giới xong, Vũ Đế ngày ăn một bữa, chỉ ăn rau dưa, nơi ông ở ngủ thanh tịnh như Sa-môn. Năm Phổ Thông năm thứ tư, Đế ra lệnh cho mọi người không được gọi đích danh của ngài, mà vua ban cho một biệt hiệu là Trí Giả. Chư tăng có biệt hiệu bắt đầu từ ngài. Ngày sáu tháng chín niên hiệu Đại Đồng năm đầu, Trí Giả Tuệ Ước Quốc Sư thị tịch thọ tám mươi bốn tuổi, tăng lạp sáu mươi ba hạ. Đế mặc đồ tang đến điếu, khóc thương, không thiết triều bảy ngày. Ngày hai mươi chín tháng đó, Đế hạ chiếu an táng ngài bên trái mộ Bảo Chí ở Độc Long Sơn. Hơn bốn vạn tám ngàn người theo ngài thọ giới đã mặc tang phục

khóc than đưa tiễn. Năm Đại Đồng năm thứ hai, Đế hạ chiếu đổi nơi ngài ở là làng Trúc Sơn thành làng Trí Giả.

* ***Cao Tăng Truyện:*** Lương Vũ Đế sai ngự sử Bùi Tử Dã soạn Danh Tăng Truyện hai mươi quyển. Thích Tuệ Hạo ở Cối Kê soạn Cao Tăng Truyện mười bốn quyển, bắt đầu từ năm Vĩnh Bình nhà Hán kết thúc trong năm này cả thảy hơn bốn trăm năm mươi năm, có hai trăm năm mươi bảy người, thêm vào đó có thêm hai trăm người nữa, được nhập Đại Tạng lưu hành.

+ ***Ngụy:*** Hồ Thái hậu ra lệnh cho các châu, mỗi châu dựng tháp năm tầng, các vương hầu quý tộc mỗi người phải dựng chùa ở Lạc Dương. Thái hậu rất siêng năng lập hội trai cúng thí.

| | |
|---|---|
| *Canh Tý: Lương, Phổ Thông năm đầu* | *Chánh Quang năm đầu* |

Ngụy Đế: Đế đội mũ miện, thỉnh Sa-môn Đàm Vô Tối, Đạo sĩ Khương Bân giảng đạo trong cung.

***Tổ năm thứ hai mươi tám Tây Thiên, Sơ tổ của Đông bộ:*** Bồ-đề Đạt-ma.

Ngài thuộc dòng họ Sát-đế-lợi, con năm thứ ba của quốc vương Hương Chí người Nam Thiên Trúc. Ngài vốn tên là Bồ-đề-đa-la. Tổ năm thứ hai mươi bảy Bát-nhã Đa-la đến nước này, được phụ vương Hương Chí cúng dường một hạt châu. Tổ đem hạt châu này để nghiệm trí của ngài. Tổ bảo ngài: Đối với pháp, ông đã được thông lượng, phàm Đạt-ma có nghĩa là thông đại, nên đặt tên ông là Bồ-đề Đạt-ma.

Ngài hỏi Tổ:

Sau khi đắc pháp, con sẽ đến nước nào làm Phật sự? Tổ đáp: Tuy ông đắc pháp nhưng chưa thể đi xa, nên ở lại Nam Thiên đợi ta diệt độ sáu mươi bảy năm rồi hãy qua nước Chấn Đán mở đại pháp lạc, người được Bồ-đề thật không kể hết.

Thế rồi ngài theo Tổ thọ học giáo nghĩa, chuyên tâm hầu hạ suốt bốn mươi năm. Sau khi Tổ quy tịch, ngài hoằng hóa ở nước này. Bấy giờ có hai Đại sư, một người tên Phật Đại Tiên, người kia tên Phật Đại Thắng Đa đều theo học thiền quán Tiểu thừa với Phật-đà Bạt-đà. Phật-đà Tiên đã gặp Tôn giả Bát-nhã-đa-la, bỏ Tiểu thừa quy hướng Đại thừa, cùng hoằng hóa với Đạt-ma, được gọi là "Hai cửa Cam lồ." Nhưng Phật Đại Thắng Đa lại chia đồ chúng làm sáu tông là Hữu tướng

tông, Vô tướng tông, Định tuệ tông, Giới hạnh tông, Vô đắc tông, Tịch tĩnh tông. Mỗi tông đều đề cao kiến giải của mình, tự xiển dương giáo nghĩa của mình. Đạt-ma than sáu tông ấy rơi vào tà kiến, lần lượt đến từng tông khai hóa họ. Sáu chúng tỏ ngộ, phát nguyện quy y. Bấy giờ quốc vương Dị Kiến vốn là cháu ngài, ban đầu tin theo ngoại đạo, Đạt-ma giáo hóa khiến quốc vương cải tà quy chánh. Sau đó, ngài nghĩ nhân duyên qua Chấn Đán hoằng hóa đã đến, nên từ biệt quốc vương. Quốc vương sắm thuyền to, chất đầy trân bảo, thuyền vượt biển khơi. Qua ba lần chịu nóng chịu rét thuyền mới đến Nam Hải. Bấy giờ nhằm ngày hai mươi mốt tháng chín niên hiệu Phổ Thông năm đầu, nhà Lương. Quảng châu Thứ sử Tiêu Ngang đón tiếp ngài và tâu về triều. Lương Vũ Đế xem tấu biểu xong sai sứ đến thỉnh. Ngày một tháng mười năm sau, ngài đến Kiến Khang, Đế hỏi ngài:

Từ khi lên ngôi đến nay Trẫm dựng chùa, chép kinh, đông không kể hết, vậy có công đức gì?

Ngài đáp:

Đây chỉ là tiểu quả trời người, như bóng theo hình, tuy có nhưng không thật.

Đế hỏi:

Thế nào là công đức chân thật?

Ngài đáp:

Tịnh trí diệu viên, thể tự rỗng rang vắng lặng.

- Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?
- Rỗng rang không Thánh.
- Đối diện Trẫm là ai?
- Không biết.

Đế không lãnh ngộ, ngài biết căn cơ không khế hợp, nên ngày mười chín tháng đó, ngài lén đến Giang bắc, ngày hai mươi ba tháng mười một thì đến Lạc Dương, nhằm niên hiệu Chánh Quang năm thứ hai đời Ngụy Hiếu Minh Đế, ngụ ở chùa Thiếu lâm trên Tung Sơn, cả ngày ngồi quay mặt vào vách. Ngụy Minh Đế ba lần hạ chiếu thỉnh ngài nhưng ngài không đến. Đế sai người mang tặng ca-sa, ngài cũng không nhận, sứ đi đi về về đến ba lần, Đế ép ngài nhận.

Bấy giờ có tăng Thần Quang là người đọc khắp sách sử, giỏi luận lý mầu, nghe ngài ở đây liền đến tham học. Đêm chín tháng mười hai năm đó, tuyết phủ đầy trời, Quang đứng mãi trước sân, đến sáng tuyết ngập quá gối. Ngài thấy vậy xót thương hỏi:

Ông đứng mãi trong tuyết như vậy là muốn cầu việc gì?

Quang khóc thưa:

"Mong Hòa thượng Từ bi mở cửa Cam lồ độ khắp chúng sinh" Thần Quang đã chặt cánh tay mình tỏ ý tha thiết cầu pháp. Ngài nhân đó đổi tên Thần Quang thành Tuệ Khả.

Khả thưa:

Tâm con chưa an, xin thầy an tâm cho.

- Đem tâm ra đây ta an cho!

Khả im lặng giây lâu rồi thưa:

Con tìm hoài nhưng chẳng được.

Ngài nói:

Vậy là ta đã an tâm cho ông rồi đó!

Thế rồi ngài giảng nói sơ lược bốn hạnh để vào Đại thừa cho Tuệ Khả. Ngài nói: "Con đường vào đạo có nhiều lối, nhưng tóm lại không ngoài hai thứ là Lý nhập và Hạnh nhập.

Lý nhập nghĩa là nhờ giáo ngộ tông, tin chắc hàm linh đồng một chân tánh, chỉ vì bị khách trần vọng tưởng che khuất nên không thể hiển rõ được. Nếu bỏ vọng về chân, vắng lặng như tường vách, không mình không người, phàm thánh như nhau, trụ vững không dời, lại không chạy theo văn giáo. Đó là ngầm hợp với diệu lý, không có phân biệt vắng lặng vô vi, đó là Lý nhập.

***Hạnh nhập nghĩa là:*** Hạnh có bốn thứ:

***1. Báo oán hạnh:*** Phàm người tu tập nếu lúc chịu khổ phải nghĩ rằng trong vô lượng kiếp về trước ta bỏ gốc theo ngọn, trầm luân trong các nẻo, tạo bao oán ghét, gây hại vô cùng. Ngày nay tuy không phạm cấm giới nhưng vẫn chịu khổ là do túc nghiệp chín muồi, không phải trời người có thể thấy được, cam tâm nhẫn chịu, không chút oán hận. Lúc khởi tâm quán chiếu như thế, tương ứng với Lý, nhờ thấu hiểu oán mà tiến tu nên gọi là báo oán hạnh.

***2. Tùy duyên hạnh***: Chúng sinh vô ngã đều do duyên nghiệp đẩy đưa khổ vui đều nhận, đều từ duyên sinh. Nếu được phước báo thù thắng, những việc vinh dự, đều do nhân trong quá khứ chiêu cảm, duyên hết lại trở về không, có gì vui đâu! Được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt, gió vui chẳng động, thầm hợp với đạo, đó là Tùy duyên hạnh.

***3. Vô sở cầu hạnh***: Người thế tục u mê, cứ mãi tham đắm, người trí ngộ được lẽ chân, an tâm vô vị, vạn hữu đều không, chẳng chút hy vọng, ở mãi trong ba cõi giống như nhà lửa, có thân thì có khổ, ai được yên đâu! Thấu được điều này thì dứt niệm không cầu cho nên kinh ghi: "Có cầu đến khổ, không cầu mới vui", bởi vậy không cầu mới thật là

đạo hạnh, nên gọi là vô sở cầu hạnh.

***4. Xứng pháp hạnh:*** Lấy lý của tánh tịnh làm pháp, lý này các tướng đều không, không nhiễm không trước, không đây không kia. Kinh ghi: "Pháp không có ngã vì lìa ngã cấu." Người trí tin hiểu lý này, phải nên xứng pháp mà hành. Thể của pháp không tham tiếc, nên đối với thân mạng, tiền của thực hành xả thí ba-la-mật, tâm không hề tham tiếc, thấu tỏ tam luân vốn không (người bố thí, người nhận, vật bố thí) không nương không chấp, chỉ vì vô cấu xứng hóa chúng sinh chẳng hề chấp tướng. Đó là hạnh của mình mà cũng chính là làm lợi ích cho người khác trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bố thí đã như vậy thì năm độ còn lại cũng thế. Vì trừ vọng tưởng, tu hành Lục độ nhưng kỳ thực chẳng làm gì cả, đó gọi là Xứng pháp hạnh.

Sau đó, ngài lại muốn về lại Tây Trúc nên bảo với đồ chúng:

- Ta sắp đi rồi, các ông mỗi người hãy trình sở đắc ta xem!

Khi đó các đệ tử thân cận đều trình chỗ thấy của mình, sau cùng Tuệ Khả bước ra đảnh lễ ba lạy rồi lui về đứng im chẳng nói lời nào. Ngài nhìn Tuệ Khả và nói:

- Xưa Như Lai đem chánh pháp nhãn phó chúc cho Đại sĩ Ca-diếp truyền trao mãi đến ta, nay ta đem phó chúc cho ông, ông gắng hộ trì. Ta cũng trao cho ông ca-sa để làm pháp tín, mỗi vật có một tác dụng ông cần phải biết.

Tuệ Khả thưa:

Xin thầy chỉ dạy.

Ngài nói:

Trong truyền pháp ấn để khế chứng với tâm, ngoài trao ca-sa để định ra tông chỉ. Ta lo đời sau khởi tâm nghi ngờ bảo ta là người Tây Thiên, ông là người Trung Quốc dựa vào đâu mà đắc pháp, lấy gì làm bằng chứng. Nay ông nhận y pháp này, nếu ngày sau gặp trở ngại ấy thì chỉ cần đưa y và bài kệ truyền pháp của ta ra để làm minh chứng, lúc ấy chẳng còn trở ngại gì. Sau khi ta diệt độ hai trăm năm thì không truyền y nữa, vì lúc đó pháp đã lan rộng khắp nơi, người thấu đạo thì nhiều, người thông lý lại ít, có đến hơn ngàn vạn người thầm hợp ngầm chứng ông phải xiển dương chớ khinh người chưa ngộ, chỉ một niệm hồi tâm là đồng với tánh giác, nghe ta nói kệ:

*Ta vốn đến cõi này*
*Truyền pháp cứu kẻ mê*
*Một hoa nở năm cánh*
*Kết quả tự nhiên thành.*

Ngài nói tiếp: Bộ Lăng-già bốn quyển này là pháp yếu bậc nhất mà Như Lai diễn nói, có thể lấy đây khai thị cho hành giả ngộ nhập, nay ta cũng giao phó cho ông. Ta rời Nam Ấn qua đây mục đích là tìm người phó pháp, trong lúc chưa khế hợp, ta giả như người ngu người vụng, nay tìm được ông để truyền trao là ta đã mãn nguyện.

Thế rồi ngài dẫn đồ chúng qua Vũ Môn, trụ ở chùa Thiên Thánh ba ngày. Thái thú thành này là Dương Huyễn Chi hỏi ngài:

- Thầy kế thừa làm Tổ ở năm xứ Tây Thiên, vậy Tổ như thế nào?

Ngài đáp:

Rõ Phật tâm tông, hành giải tương ứng thì gọi là Tổ.

- Ngoài ra thì thế nào?

- Phải thấu tâm người, biết khắp xưa nay, chẳng chán có không, chẳng chấp thủ pháp, chẳng hiền chẳng ngu, chẳng mê chẳng ngộ, nếu hiểu được như vậy thì gọi là Tổ.

- Đệ tử quy y Tam bảo cũng nhiều năm rồi, vừa nghe Thầy nói mờ mịt chẳng hiểu, xin Thầy từ bi chỉ cho tông chỉ.

Ngài biết Thái thú khẩn cầu tha thiết, nên nói bài kệ:

*Cũng đừng thấy ác mà sinh ghét*
*Cũng đừng thấy thiện mà siêng làm*
*Lại đừng bỏ trí mà gần ngu*
*Cũng đừng bỏ mê mà đến ngộ.*
*Đạt đạo lớn chừ quá lượng*
*Thông Phật tâm chừ siêu xuất*
*Chẳng cùng phàm thánh đồng cõi*
*Siêu xuất thì gọi là Tổ.*

Huyễn Chi nghe bài kệ vui mừng không xiết thưa:

Xin thầy ở lâu nơi đời giáo hóa quần sinh.

Ngài nói:

Ta sắp đi, không thể ở lâu được.

Huyễn Chi nghe vậy lạy tạ lui về. Ngài an nhiên thị tịch. Lúc Ngụy ấu chủ Lưu Dụ lên ngôi, Hiếu Trang Đế bị phế chính là ngày năm tháng mười niên hiệu Đại Thông năm thứ hai, nhà Lương. Ngày hai mươi tám tháng mười hai năm đó, ngài được an táng ở núi Hùng Nhĩ, Tung Châu, Lạc Dương tháp dựng ở chùa Định Lâm. Ngụy báo tin ngài tịch cho Lương, Lương Vũ Đế liền ban gấm quý và triệu hết vương tôn tông tộc tế lễ cúng dường ngài. Thái tử soạn điếu văn, trong ấy ghi: "Lớn thay! Đại sư đứng đầu trong hàng Thánh, nhận lãnh trí ấn của Như

Lai, nương lục thông mà qua biển, vận bi trí ở đất Phạm, cứu tai nguy ở đất Hoa.”

Ba năm sau, Ngụy sứ Tống Vân phụng chiếu đi sứ Tây Vực về, gặp Tổ nơi ngọn Thông Lãnh, tay quảy chiếc dép, một mình đi thoăn thoắt, Vân hỏi đi đâu, Tổ đáp: “Về Tây Thiên”. Vân về triều thuật lại mọi việc, môn nhân mở tháp, thấy quan quách trống không, chỉ còn lại một chiếc hài. Đế hạ chiếu thỉnh chiếc hài ấy về an trí chùa Thiếu lâm mà cúng dường. Lương Đế Vũ nghe Tổ thị tịch thần dị như vậy, đích thân soạn văn bia. Đến thời Hoàng Đế Đường Đại Tông, vua ban ngài thụy Viên Giác Đại Sư, tháp hiệu Không Quán.

| | |
|---|---|
| *Tân Sửu: Phổ Thông năm thứ hai, tháng chín Đế dựng chùa Đồng Thái* | *Ngụy: Chánh Quang năm thứ hai, Đế dựng chùa Đại giác ở Nghiệp Đô* |
| *Nhâm Dần: Phổ Thông năm thứ 3* | *Chánh Quang năm thứ ba, ban hành lịch Chánh Quang* |

***Ngụy:*** Năm Bính Thân tức Bình Hy năm đầu, Hồ Thái hậu sai Tống Vân dẫn Tỳ-kheo Tuệ Sinh sang Tây Vực tìm những bộ kinh mà trong nước chưa có. Từ Lạc Dương, Tuệ Sinh đi về hướng Tây khoảng bốn ngàn dặm, đến Xích Lĩnh là ra khỏi nước Ngụy. Lại đi về Tây khoảng chừng ấy dặm thì đến nước Càn-la rồi trở về, tìm được một trăm bảy mươi bộ kinh. Tháng hai năm này Tuệ Sinh về đến Lạc Dương. Nước Ngụy có tất cả bốn trăm mươi lăm bộ một ngàn chín trăm mười chín quyển.

| | |
|---|---|
| *Quý Mão: Phổ Thông năm thứ 4* | *Chánh Quang năm thứ 4* |
| *Giáp Thìn: Phổ Thông năm thứ 5* | *Chánh Quang năm thứ 5* |
| *Ất Tỵ: Phổ Thông năm thứ 6* | *Hiếu Xương năm đầu* |
| *Bính Ngọ: Phổ Thông năm thứ 7* | *Hiếu Xương năm thứ 2* |

***Lương:*** Chiêu Minh Thái tử Thống dựng điện Tuệ Nghĩa ở Đông Cung, mời danh tăng khắp nước về đó. Đế ban tặng Pháp sư Tuệ Siêu làm Thọ Quang Học Sĩ.

| | |
|---|---|
| *Đinh Mùi: Lương, Đại Thông năm đầu, Đế xây xong chùa Đồng Thái* | *Ngụy: Hiếu Xương năm thứ ba, Hiếu Xương năm thứ tư, tháng ba Đế bị giết, đổi niên hiệu Vĩnh An* |
| *Mậu Thân: Đại Thông năm thứ 2* | *Ngụy: Kính Tông Hiếu Trang Đế Tử Du, Vĩnh An năm đầu* |

***Ngụy:*** Tháng giêng năm Mậu Thân, Đế ghét bọn Trịnh Nghiễm, Từ Hột nên ngầm hạ chiếu bảo Nhĩ Chu Vinh đem binh vào thành. Vinh dùng Cao Hoan làm tiên phong, dẫn binh đến Thượng Đảng, Đế lại hạ chiếu bảo dừng binh Trịnh Nghiễm, Từ Hột sợ họa vào thân nên bàn mưu chuốc độc Đế. Tháng ba Đế chết thảm. Thái hậu lập Hoàng nữ làm Đế, rồi hạ chiếu xưng là Thật Hoàng nữ, cải lập Cố Lâm Thao Vương Bảo Huy thế tử Lưu, lúc này mới ba tuổi. Nhĩ Chu Vinh nghe vậy nổi giận bảo Nguyên Thiên Mục: "Chúa Thượng lên ngôi mười chín tuổi, trong nước vẫn còn cho là ấu quân, huống gì nay lại đưa một đứa trẻ chưa biết nói lên làm Hoàng Đế, muốn mong trị quốc dân an mà được chăng!" Tháng ba Nhĩ Chu Vinh, Nguyên Thiên Mục nghênh con của Bành Thành Tuyên Vũ Vương là Trường Lạc Vương Tử Du lên ngôi Hoàng Đế ở Hà kiều, đó là Kính Tông, đổi niên hiệu Vĩnh An. Vinh sai tay chân giết Thái hậu và Ấu chúa ở Hà Âm. Nhĩ Chu là họ Phức, tiên tổ dòng họ này là người Thái thuộc bộ lạc Khế Hồ, vốn nhiều đời làm Tù Soái, cư ngụ tại sông Nhĩ Chu, nhân đó lấy họ là Nhĩ Chu.

| | |
|---|---|
| *Kỷ Dậu: Lương: Trung Đại Thông năm đầu* | *Ngụy: Vĩnh An năm thứ hai, tháng bảy Đế mới vào cung* |
| *Canh Tuất: Trung Đại Thông năm thứ 2* | *Ngụy: Tháng mười, lập Trường Quảng Vương, đổi niên hiệu Kiến Minh, tháng mười hai Nhĩ Châu Triệu giết Trang Đế* |

***Lương:*** ngày hai mươi bảy tháng ba, Pháp sư Pháp Vân thị tịch thọ sáu mươi ba tuổi, hai cung gào khóc thảm thương. Đế hạ chiếu cấp cho ngài cỗ quan của hoàng thất, quàng ở Đông Viên, mọi nghi thức an táng đều theo lễ nghi vương phủ. Đế hạ chiếu an táng ngài ở cạnh chùa Định Lâm, lập bài minh ghi lại hành trạng.

***Lương:*** Tháng chín Đế xa giá đến chùa Đồng Thái mở pháp hội Vô Giá bố thí thanh tịnh, quần thần tác bạch Tam bảo, xong việc thỉnh

Đế hồi cung.

***Ngụy:*** Hiếu Trang Đế ngoài bị Nhĩ Chu Vinh vây ép tức tối ra, lại gặp phải nạn ở Hà Âm, nên bàn mưu giết Vinh. Tháng 8, Chu Vinh và Nguyên Thiên Mục vào triều, Đế đâm chết Vinh, bọn Thiên Mục cũng vậy. Trong triều ngoài đường muôn dân reo vui náo động cả Lạc Dương, trăm quan cùng vào chúc mừng. Tháng mười, Phần Dương Thứ sử Chu Triệu nghe tin anh mình bị giết, từ phần Dương thống lãnh kỵ binh chiếm cứ Tấn Dương. Nhĩ Chu Thế Long Triệu cùng suy tôn Đại Nguyên Thái thú Trường Quảng Vương Hoa lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Minh. Tháng mười hai, Triệu cho khinh binh đi đường tắt lén đến gõ cửa cung và bắt Trang Đế đưa về Tấn Dương thắt cổ ông ấy!

| | |
|---|---|
| *Tân Hợi: Trung Đại Thông năm thứ ba, tháng tư Thái tử Thống chết* | *Ngụy: Tiết Mẫn Đế Cung, Phổ Thái năm đầu, An Định Vương Lãng, Trung Hưng năm đầu* |

***Ngụy:*** Tháng hai, Quảng Lăng Vương Cung là người hiếu học, có khí tiết. Quan Tây Đại Hành Đài Tích Hiếu Thông khuyên Nhĩ Chu Thế Long lập ông. Lúc này Thế Long trấn ở Lạc Dương mới lấy mệnh của Trường Quảng Vương nhường ngôi cho Quảng Lăng Vương Cung, vốn là cháu Hiến Văn Đế đó là Tiết Mẫn Đế, đổi niên hiệu Phổ Thái, phong Trường Quảng Vương Hoa làm Đông Hải Vương. Cao Hoan khởi binh đánh Nhĩ Chu Triệu, vì Triệu giết Trang Đế. Tôn Đằng nói với Hoan: Nay triều đình xa cách, hiệu lệnh chẳng ai làm theo, không có quyền hành mà tự lập thì các tướng sẽ bỏ đi". Hoan bèn lập Bột Hải Thái thú An Định Vương Nguyên Lãng lên ngôi Hoàng Đế ở Tín Đô (nay là Trấn Định lộ, Ký châu), đổi niên hiệu Trung Hưng, Hoan làm thị trung Thừa Tướng, Đô đốc trung ngoại chư quân sự. Hoan cho rằng An Định Vương Nguyên Lãng không thân thuộc với mình nên sai Bộc Xạ Ngụy Lan Căn đi phủ dụ Lạc Dương, xem Tiết Mẫn Đế là người như thế nào, vì Hoan muốn lập ông ấy. Lan cho rằng Tiết Mẫn thông thái cao minh hơn, sợ rằng ngày sau khó chế phục được, nhân đó cùng anh em Cao Càn là Thôi Lăng cùng Hoan phế truất, cầm tù Tiết Mẫn Đế ở Sùng Huấn Phật tự, lập cháu Hiến Trang Vương, con Quảng Bình Vương là Bình Dương Vương Tu, đó là Hiếu Vũ Đế, sai An Định Vương Nguyên Lãng soạn chiếu và nhường ngôi. Hoan chuốc độc Tiết Mẫn Đế ở Hạ Môn Tỉnh, dùng lễ đặc biệt để an táng, đồng thời giết luôn

Nguyên Lãng. Cao Hoan là người Tín Đô. Ban đầu từ Hiếu Minh Đế năm Hiếu Xương năm thứ ba, Lưu Bí tiến cử ông với thảo lỗ đại Đô đốc Nhĩ Chu Vinh. Vinh rất tin dùng ông. Hồi ấy, bộ chúng của Cát Vinh lưu nhập với người Tịnh Dĩnh đến hơn hai mươi vạn, do Khế Hồ Lăng bạo ngược, họ chẳng mong sống, mưu loạn không dừng. Nhĩ Chu Triệu rất lo, hỏi Cao Hoan phải làm thế nào, Hoan đáp: Nên chọn kẻ tâm phúc của Vương sai thống lãnh bọn họ. Triệu bèn giao cả bọn này cho Hoan. Hoan Nghĩ, Triệu nhân lúc say nói, sợ tỉnh ra sẽ hối hận, nên xuất tuyên ngôn nói nhận sự ủy thác mà trấn binh, mọi người nên tụ tập ở Phần Đông nhận hiệu lệnh. Quân sĩ ở Kiến Nha, Tứ Xuyên vốn ghét Triệu nên tất cả đều theo về với Hoan, và cùng Hoan đánh Triệu. Vĩnh Hy năm thứ hai, Triệu chạy trốn vào rừng ở núi Hàn Lăng, Chương Đức lộ, giết con bạch mã mà mình cỡi rồi thắt cổ tự vẫn. Cao Hoan đích thân đến hậu táng Triệu.

| | |
|---|---|
| *Nhâm Tý: Lương; Trung Đại Thông năm thứ 4* | *Ngụy: Hiếu Vũ Đế tu, sử gọi là Xuất Đế, Vĩnh Hy năm đầu, tháng tư đổi niên hiệu* |
| *Quý Sửu: Trung Đại Thông năm thứ 5* | *Vĩnh Hy năm thứ 2* |

Lương: Ngày hai mươi sáu tháng hai, Đế xa giá đến chùa Đông Thái giảng kinh Kim Cang đến hai mươi mốt ngày, mở đại pháp hội Vô giá cho Tăng tục, gồm ba mươi mốt vạn chín ngàn sáu trăm bốn mươi hai người.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Dần: Trung Đại Thông năm thứ 6* | *Tây Ngụy: Vĩnh Hy năm thứ ba, Đế chạy đến Trường An* | *Đông Ngụy Hiếu Tĩnh Đế Thiên Bình năm đầu* |

***Ngụy Hiếu Vũ Đế:*** Tháng giêng năm Vĩnh Hy năm thứ ba, Trung quân tướng quân Vương Tư Chánh nói với Vũ Đế rằng: “Tâm của Cao Hoan rõ ràng có thể biết, Lạc Dương không phải là đất dụng võ, nên đến với Vũ Văn Thái ở Trường An.” Đông Đô Thái thú Bùi Hiệp thống lãnh các bộ đến Lạc Dương, Vương Tư Chánh hỏi: Nay quyền thần chuyên mệnh, vương thất ngày càng yếu phải làm thế nào? Hiệp đáp: Vũ Văn Thái được ba quân suy tôn lại ở vào nơi lấy hai địch lại một

trăm (địa thế hiểm yếu), đó gọi là đã cầm can qua lại chịu trao cho người cái chuôi, dù muốn về với ông ấy nhưng sợ rằng chẳng khác nào tránh nước sôi lại vào lửa bỏng.Tư Chánh hỏi: Vậy phải làm sao? Hiệp đáp: Mưu toan với Hoan thì lo người này là kẻ lập chí, tuần lên phía tây thì có mối lo tương lai, vả lại đến Quan Hữu mối lo từ từ có cách giải quyết.

Tháng bảy, Hoan biết Đế thay đổi liền dẫn quân vượt sông, Hiếu Vũ Đế liền thống lãnh Nam Dương Vương Bảo Cự, Thanh Hà Vương Đàn, Quảng Dương Vương Trạm đem năm ngàn kỵ binh chạy về Tây. Vũ văn Thái sắm đủ nghi vệ đón Đế. Đế vào Trường An. Cao Hoan vào Lạc Dương ở tại chùa Vĩnh Ninh. Tháng mười, Ngụy Thừa Tướng Hoan lại dâng biểu cho Hiếu Vũ Đế, nói: “Nếu Bệ Hạ rộng lòng ban cho một đạo chỉ, hứa về lại kinh Lạc, thần sẽ kéo hết văn võ lau sạch cung cấm, nếu bệ hạ không có ngày quay lại thì thất miệu không thể không có chủ, muôn nước phải có nơi quy tụ, thần thà cô phụ bệ hạ chứ không cô phụ xã tắc.” Vũ Đế vẫn không đáp ứng. Cao Hoan liền triệu tập hết bá quan phụ lão lập thế tử của Thanh hà Vương Đàn là Thiệu Kiến lên làm Hoàng Đế. Kiến vốn là tằng tôn của Hiếu Văn Đế! Lúc này Kiến mười một tuổi, lên ngôi ở bắc Thành Đông, đổi niên hiệu Thiên Bình, dời đô về đất Nghiệp. Hiếu Vũ đóng đô ở Trường An. Đế có hiềm khích với Vũ Văn Thái. Tháng mười hai, ông uống rượu ngộ độc mà mất, thọ hai mươi lăm tuổi. Thái đưa thái tể Nam Dương Vương Bảo Cự lên ngôi Hoàng Đế.

* ***Nguyên Ngụy:*** Họ Thát Bạt, tiên tổ vốn là ngươi Hồ ở Tiên Ty, Bắc Địch. Trước đời Tần, Hán họ chưa từng qua lại với Trung Quốc. Trong năm Cảnh Sơ đời Ngụy Minh Đế, Trung Quốc mới bắt đầu kết thân với họ. Thời Tấn, ban đầu có Thát Bạt Y Lư, xuất cư ở Lâu Phiền. Tuệ Đế năm An Thái năm thứ hai là năm thứ chín của Thát Bạt Lộc Quan. Thát Bạt ở Đại Quận, từng giúp Lưu Côn chống lại Thạch Lặc, tấn phong cho làm Đại Vương, lúc này có nhà Đại phía Bắc và bộ lạc phân tán khắp hơn sáu mươi năm. Đến thời Đông Tấn, Tần chủ Phù Kiên đánh Đại bắt được Dực Kiện, Kiện bị Tử Thật giết, Thật cũng chết, cháu ông ấy là Khuê đến nương nhờ bộ lạc Độc Cô, đó là Lư Tôn. Đông Tấn Vũ Đế niên hiệu Thái Nguyên năm đầu, Lư Tôn bắt Dực Thiệp Khuê, (Ngụy thư ghi Khuê là Thái tử Đạo Vũ Hoàng Đế) đem quân chiếm Sóc Châu, dựng thành ấp khoảng ba trăm dặm về phía Đông lấy tên là Hằng An, vì ông là Hộ Quân của Tần nên bị lệ thuộc Tần. Tháng mười một năm Thái Nguyên năm thứ tám đời Tấn, Phù Kiên

thua Tấn. Tháng giêng năm Thái Nguyên năm thứ mười một, Khuê bèn mở đại hội bộ lạc tông tộc ở Ngưu Xuyên lên ngôi Đại Vương, lấy niên hiệu Đăng Quốc năm đầu, dời về định cư tại Thạnh Lạc của Định Tương (Định Tương là tên một quận ở Hân Châu, Ký Ninh lộ) lo làm nông, an dân. Cả nước vui mừng. Khuê liền cải xưng Ngụy Vương, năm Bính Thân tức Thái Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, Khuê mới bắt đầu lập tinh kỳ của Thiên Tử, đi ra có người mở đường, đi vào có người hầu hạ, đổi niên hiệu Hoàng Thỉ. Năm Mậu Tuất ông dời đô về Bình Thành (nay là Tây Kinh lộ, Đại Đồng, tên quận là Vân Trung) mới xây cung thất, lập tông miếu, dựng xã tắc. Mỗi năm có năm lần tế tông miếu được chia từ đầu năm đến tháng chạp. Tháng mười hai, Khuê lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thiên Hưng, lệnh cho trong triều ngoài dân búi tóc đội mão, truy tôn từ Viễn tổ Mao xuống đến hai mươi bảy người kế đó đều làm Hoàng Đế, bắt đầu phỏng theo phép xưa định ra lễ Giao, Miếu, Triêu, Hưởng, Lễ, Nhạc, đặt ra Ngũ Kinh Bác Sĩ, làm tăng thêm sinh viên đại học trong nước lên đến ba ngàn người. Tháng mười năm Kỷ Dậu, Khuê bị Thanh Hà Vương Thiệu vốn do phu nhân Hạ Lan thị sinh ra giết chết. Khuê ở ngôi hai mươi bốn năm, thọ ba mươi chín tuổi. Con trưởng của Khuê là Tự giết Thiệu rồi tự lập, đó là Minh Nguyên Đế! Thái Thường năm thứ tám, đánh dẹp Lạc Dương, bình định Duyện Châu, Dự châu. Lúc này thiên hạ chỉ có hai nước, đó là Nam Bắc Triều. Nhu Nhiên cướp phá biên cảnh của Ngụy. Ngụy xây Trường Thành, từ phía tây Xích Thành đến Ngũ Nguyên dài hai ngàn dặm, đặt đủ binh tướng để đề phòng bọn Nhu Nhiên. Tháng năm, Minh Nguyên Đế về lại Bình Thành. Tháng mười một thì mất. Ông ở ngôi mười lăm năm, thọ ba mươi hai tuổi. Thái tử Thế Tổ Thái Vũ Đế Thọ lên ngôi, tàn diệt Phật pháp, ở ngôi hai mươi chín năm thọ ba mươi lăm tuổi. Hoàng tôn Cao Tông Văn Thành Đế Duệ lên ngôi, xuống chiếu khôi phục Phật giáo, dốc lòng kính tín Phật pháp. Ông ở ngôi mười ba năm, thọ hai mươi sáu tuổi. Con trưởng Hiển Tổ Hiến Văn Đế Hoằng lên ngôi, ở ngôi năm, nhường ngôi cho con là Hoằng, quần thần truy tôn là Thái Thượng hoàng Đế, nắm hết việc quân việc nước. Cao Tổ Hiếu Văn Đế Hoằng lên ngôi, lúc này mới năm tuổi, ở ngôi hai mươi chín năm, dời đô về Lạc Dương, bỏ áo mão nhà Hồ, bỏ ngôn ngữ kẻ cướp, tôn sùng di phong Hoa Hạ. Ban đầu ông đội mũ cổn tế lễ Triêu lễ Hưởng, định lại hộ tịch, chế ra áo mão cho ngũ công, dựng Minh Đường Bích Ung (nơi cử hành lễ nhạc nêu cao đức giáo hóa). Thái Hòa năm thứ mười lăm, Phùng Thái hậu mất, Hiếu Văn Đế y lễ xưa để tang ba năm. Thái Hòa

năm thứ mười sáu, Đế sai quần thần luận về vị trí Ngũ hành, rồi làm theo nhà Tấn, lấy Thủy Đức. Thái Hòa năm thứ 20, Đế hạ chiếu cho rằng Thổ là màu trong màu vàng, là khởi nguyên của vạn vật, nên đổi họ Nguyên. Ông thọ ba mươi ba tuổi. Con năm thứ hai của ông là Thế Tông Tuyên Vũ Đế khác lên ngôi, ở ngôi mười sáu năm, thọ ba mươi ba tuổi. Con năm thứ hai của Tuyên Vũ là Túc Tông Hiếu Minh Đế Hủ lên ngôi, ở ngôi mười hai năm, thọ mười chín tuổi. Kính Tông Hiếu Trang Đế lên ngôi, ở ngôi ba năm, thọ hai mươi bốn tuổi. Tiết Mẫn Đế Cung, Bình An Định Vương Nguyên Lãng lên ngôi, cả hai đều bị giết. Hiếu Vũ Đế Tu tránh Cao Hoan chạy về phía Tây vào Trường An, từ đó chia ra Tây Ngụy, Đông Ngụy.

Nguyên Ngụy gồm mười hai chủ, trị vì một trăm bốn mươi chín năm chia thành hai nước: Tây Ngụy gồm ba chủ, trị vì hai mươi hai năm, nhường ngôi cho Chu. Đông Ngụy gồm một chủ, trị vì mười bảy năm, nhường ngôi cho Bắc Tề.

***Ngụy:*** Có mười chín Sa-môn dịch kinh, dịch tổng cộng bốn trăm mười chín bộ, gồm hơn một ngàn chín trăm quyển Kinh Luật luận, Tăng đến hai trăm vạn, trong nước chùa lớn bốn mươi bảy ngôi, chùa của Tam Công v.v... tám trăm bốn mươi ngôi, tự viện do bá tánh xây dựng ba vạn một ngàn ngôi (theo Ngụy Thư và Biện Chánh Lục).

Nhu nhiên là tên một nước của Di Địch, họ Uất Cửu Gian, cuối năm Thần Nguyên của Nguyên Ngụy, Ngụy bắt được một kỵ binh, tóc mới dài ngang mày, quên mất họ tên, chủ của gã tự là Mộc Cốt Lư. Mộc Cốt Lư đứng đầu bọn dân đen. Mộc Cốt Lư và Úc Cửu Gian phát âm gần giống nhau, nên lấy đó làm họ. Mộc Cốt Lư trong thời Đại Y Lư bị tội, sau đó bị chém, số người còn trốn khe núi ở Quảng Hán, đông đến hơn trăm người. Đến con ông ấy là Xa Lộc Hội Hùng Kiện mới có bộ chúng, tự lấy hiệu là Nhu Nhiên. Ngụy Thái Vũ Đế Thọ cho rằng họ như loài trùng vô tri, nên đổi bộ lạc này thành họ Nhuyễn Nhuyễn. (theo Bắc Sử).

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Mão: Lương, Đại Đồng năm đầu* | *Tây Ngụy Văn Đế Bảo Cự, Đại Thống năm đầu* | *Đông Ngụy, năm Thiên Bình năm thứ 2* |

Tây Ngụy Văn Đế dựng chùa Bát-nhã, Đế ngày ngày vận lòng từ bi, thường hành bố thí, giúp kẻ yếu người già, cung cấp cho Tăng bị bệnh, miệng tụng Pháp Hoa, thân trì tịnh giới. Thừa Tướng Vũ Văn

Thái chấn hưng kinh Phật, giảng Đại thừa, sai Thích Đàm Hiển soạn Chúng Kinh Yếu hai mươi hai quyển, và một trăm hai mươi môn. Tây Ngụy tiến cử Thừa Tướng Thái làm An Định Công.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Thìn: Đại Đồng năm thứ hai, Lương Thông Sự Xá Nhân Lưu Hiệp dâng biểu xin xuất gia, Đế vui mừng ban tặng Hiệp tên là Tuệ Địa* | *Đại Thống năm thứ 2* | *Đông Ngụy, năm Thiên Bình năm thứ 2* |

***Lương:*** Tháng ba, Đan Dương Đào Hoằng Cảnh mất, Hoằng Cảnh từng đến tháp thờ xá-lợi Phật của A-dục Vương tại Minh châu nguyện thọ năm giới.

Đông Ngụy sai Định châu Thứ sử Hầu Cảnh, Thượng thư hữu bộc xạ Nam Đạo Hành Đài thống lãnh các tướng xâm chiếm Kiến Khang.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Tỵ: Đại Đồng năm thứ 3* | *Đại Thống năm thứ 3* | *Thiên Bình năm thứ 4* |

* ***Cao Vương Quán Thế Âm Kinh:*** Người dân ở Định Châu của Đông Ngụy tên là Tôn Kính Đức thờ Bồ-tát Quán Thế Âm rất chí thành. Sau ông bị giặc hoành hành phải chịu tội oan. Đêm ấy ông mộng thấy vị Tăng dạy ông tụng kinh Cứu Khổ Quán Âm, ông tụng theo. Đến lúc Hữu Ty hành hình, dùng đao chém ông ba nhát nhưng đao gãy làm ba khúc. Giám ty tâu việc này với Thừa Tướng Cao Hoan, Hoan tra xét kỹ nguyên do hạ chiếu miễn tội chết, Kính Đức về nhà thấy trên cổ của tượng Quán Âm mình đang thờ bị xước bởi ba nhát đao. Nhân đó ông gọi bộ kinh mà vị Tăng dạy mình tụng là Cao Vương Kinh.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Ngọ: Đại Đồng năm thứ tư, Đế dựng lại chùa Trường Can, xa giá đến chùa mở pháp hội Vô Giá* | *Đại Thống năm thứ tư, co1 hơn 30.000 ngôi chùa, Tăng ni tổng cộng 200 vạn* | *Đại Tượng năm đầu* |
| *Kỷ Mùi: Đại Đồng năm thứ 5* | *Tây Ngụy: Đại Thống năm thứ 5* | *Đông Ngụy: Hưng Hòa năm đầu* |

***Tây Ngụy:*** Sa-môn Đạo Trăn là người tinh thông nghĩa kinh, Văn Đế rất kính trọng tôn ngài là Sư Phó. Đế dựng chùa Đại Trung Hưng ở Trường An thỉnh ngài ở, làm Đại Thống (Tăng Thống) của Ngụy. Ngài lập lại khoa điều, nhờ vậy Phật giáo được chấn hưng. Đế lại dựng hai chùa Đại Thừa và Trắc Hỗ. Ngài nhập diệt, Đế thương cảm, không thiết triều, mọi phí tổn và lễ nghi tống táng đều do Thiên phủ lo liệu.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Thân: Lương, Đại Đồng năm thứ 6* | *Đại Thống năm thứ 6* | *Hưng Hòa năm thứ hai, Đế hạ chiếu đổi cung cũ ở thành Nghiệp làm chùa Thiên Bình* |
| *Tân Dậu: Đại Đồng năm thứ 7* | *Đại Thống năm thứ 7* | *Hưng Hòa năm thứ ba, Tỳ Mục Trí Tiên dịch kinh ở Nghiệp Quận* |
| *Nhâm Tuất: Đại Đồng năm thứ 8* | *Đại Thống năm thứ 8* | *Hưng Hòa năm thứ 4* |
| *Quý Hợi: Đại Đồng năm thứ chín, Lương, Hoàng Môn Thị Lang Cố Dã Vương soạn xong Ngọc Thiên* | *Đại Thống năm thứ 9* | *Đông Ngụy, Vũ Định năm đầu* |
| *Giáp Tý: Đại Đồng năm thứ 10* | *Đại Thống năm thứ 10* | *Vũ Định năm thứ 2* |
| *Ất Sửu: Đại Đồng năm thứ 11* | *Đại Thống năm thứ 11* | *Vũ Định năm thứ 3* |

***Tây Ngụy:*** Thừa Tướng Vũ Văn Thái dựng sáu ngôi chùa ở Trường An gồm: Truy Viễn, Trắc Dĩ, Đại Thừa, Ngụy Quốc, An Định và Trung Hưng, độ một ngàn tăng, lại dựng chùa Thiên Bảo cúng dường Pháp sư Vỹ. Ở An Định ông lại dựng hai chùa Thọ Sơn và Phạm Vân, dựng chùa Đại Phước Điền cúng dường quốc sư Thật. Ông lại dựng chùa Đột Quyết cúng dường cho sư ni Đại Khả Hãn Đại Y.

Tháng ba năm Bính Dần tức Trung Đại Đồng năm đầu, Đế xa giá

đến chùa Đồng Thái giảng Tam Tuệ Kinh. Mùa hạ tháng tư ra chiếu đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Niên hiệu Đại Thống mười một năm, Vũ Đế bốn năm.

***Lương:*** Trong năm Thiên Giám, Lương Đế thờ Phật, ăn chay trường, không nghe âm nhạc, Đế dựng năm chùa gồm Quang Trạch, Đồng Thái v.v... thường cúng cả ngàn Tăng. Đế làm bài phú về Tịnh nghiệp, bài tựa ghi: "Trẫm không ăn cá thịt, không ngủ với thê thiếp đã hơn bốn mươi năm rồi. Đã không ăn thịt chúng sinh nên không chịu cái chướng sát hại, đã không đến nơi hậu cung nên không phải bị cái chướng tham dục xấu xa. Trừ được hai chướng ấy, ý thức dần sáng tỏ, mới làm bài phú về Tịnh nghiệp. Nay xin nêu sơ lược nội dung bài phú rằng:

Xem thiên tánh của con người, mang khí mầu mà lắng trong, cảm muôn vật nên ham muốn, tâm phan duyên nên tăm tối. Lỗi thường do ngoại trần, buộc bởi do nơi tiền cảnh, mang tâm tham mà không chán, buông tâm ý tự dong ruổi. Tai cứ chạy theo tiếng hay, mắt chuyển theo năm sắc, mùi thơm bốc lên mũi hít sinh ưa, lưỡi nếm mùi vị ham thứ ngon ngọt, thân thể xúc chạm sinh lòng ưa vui, eo nhỏ tay thon xương mềm da đẹp, thơm sạch dính thân chạm dính như keo, cuồng tâm mê hoặc điên đảo dối mình, cứ thế sáu trần chướng ngăn thiện đạo, muôn màu tranh nhau, như gió lay cỏ, ôm hoặc mà sinh theo mãi đến già, chạy theo vô minh đều là phiền não. Bởi vậy, ngoài sạch nhãn cảnh, trong tịnh tâm trần, phải noi theo đức, lấy đạo làm bạn, thấy Tịnh nghiệp phải đáng ưa, lấy không sát mà làm nhân, lìa dục xấu mà tự tu, nên tâm thân không chướng ngại, phiền lụy đã trừ, chướng ngại tự tịnh, như nước lắng yên, như mới lau kiếng, ngoài soi cảnh trong, trong thấy muôn bệnh, trừ khách trần rồi quay về tự tánh, tâm sạch như băng, chí trong như tuyết, trói buộc đã trừ, lo sợ cũng mất, mãi xa lìa ân ái rồi, vĩnh viễn giết sạch sinh tử".

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Mão: Thái Thanh năm đầu* | *Tây Ngụy: Đại Thống năm thứ 13* | *Đông Ngụy: Vũ Định năm thứ 5* |

Đông Ngụy, tháng giêng Bột Hải Hiến Vũ Vương Cao Hoan mất, thế tử Trừng nối ngôi. Hầu Cảnh và họ Cao vốn có hiềm khích, nên Cảnh bỏ Đông Ngụy về với Tây Ngụy. Tây Ngụy phong Cảnh làm Thái phó. Cảnh lại sai Đinh Hòa dâng biểu về Lương, Lương Đế thâu nạp

Cảnh, cho Cảnh làm đại tướng quân, phong Hà Nam Vương. Tháng hai năm Thái Thanh năm thứ hai, Đông Ngụy tướng quân Cao Trừng cầu hòa với Lương, bởi vậy Hầu Cảnh nghi ngờ nên làm phản. Lương Đế sai Lâm Hạ Vương Chánh Đức làm Bắc Bình tướng quân, Đô đốc kinh sư chư quân sự đóng quân ở quận Đan Dương, Chánh Đức ngầm đem mấy mươi thuyền lớn qua cho Cảnh, Đức giữ Tuyên Dương môn thống lãnh ba quân đón Hầu Cảnh đến cửa khuyết. Chánh Đức lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Chánh Bình, đại xá thiên hạ. Năm Thái Thanh năm thứ ba, Kỷ Tỵ, tháng giêng thành ở kinh sư bị vây hãm, Hầu Cảnh vào gặp Vũ Đế, thả quân vào cướp xa giá, lại đưa Lâm Hạ Vương Chánh Đức xuống làm thị trung đại Tư mã. Tháng năm, Lương Vũ Đế mất, thọ sáu mươi tám tuổi, Hầu Cảnh giấu kín không phát tang, bá quan văn võ chẳng ai hay biết, đến năm sau mới phát tang ở Thăng Tử Cung, Thái Cực điện. Hôm đó, Hầu Cảnh nghênh Thái tử Cương lên ngôi. Tháng sáu, Lâm Hạ Vương Chánh Đức oán Hầu Cảnh bán rẻ mình bèn ngầm đưa thư triệu Phan Dương Vương Phạm sai Phạm đem quân vào. Cảnh bắt được thư liền thắt cổ Chánh Đức chết. Tháng tám Đông Ngụy Bột Hải Văn Tương Vương Cao Trừng bị đầu bếp Lan Kinh giết, em ông là Thái Nguyên Công Cao Dương đánh giặc và chết trận. Tháng mười hai, Thỉ Hưng Thái thú Trần Bá Tiên liên kết hào kiệt trong quận đánh Hầu Cảnh. Hầu An Đô, Trương Tư v.v... mỗi người dẫn hơn ngàn thuộc hạ theo về, sai sứ cắt đường đến Giang Lăng nhận mệnh của Tương Đông Vương Dịch.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Thìn: Lương, Thái Thanh năm thứ 2* | *Tây Ngụy: Đại Thống năm thứ 14* | *Đông Ngụy: Vũ Định năm thứ 6* |
| *Kỷ Tỵ: Thái Thanh năm thứ ba, tháng năm Đế mất* | *Đại Thống năm thứ 15* | *Vũ Định năm thứ 7* |

* ***Thái Tông Giản Văn Hoàng Đế:*** Húy là Cương, con năm thứ ba của Cao Tổ Vũ Đế, ở ngôi hai năm, thọ bốn mươi chín tuổi. Niên hiệu Đại Bảo hai năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Ngọ: Đại Bảo năm đầu* | *Đại Thống năm thứ 16* | *Bắc Tề, họ Cao nhận ngôi. Thiên Bảo năm đầu* |

* ***Bắc Tề:*** Tháng giêng, Đông Ngụy phong Thái Nguyên Công Cao Dương ngôi Thừa Tướng, Tề Quận Vương. Tháng năm, Tấn phong Tề Vương làm tướng quốc nắm giữ trăm quan, lại phong cửu tích. Thị trung Trương Lượng v.v... bảo Đế nên nhường ngôi cho Tề Vương Dương. Đế ra Vân Long Môn, sai bọn Thái úy Bành Thành Vương Thiều dâng ngọc tỷ. Tề Vương lên ngôi ở Nam Giao, đổi niên hiệu Thiên Bảo, phong Ngụy Đế làm Trung Sơn Vương, tháng mười hai chuốc độc Ngụy Đế chết, ban thụy là Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, an táng ở Nghiệp Tây, Chướng Bắc. Tề Vương truy thụy phụ vương Hoan là Cao Tổ Thần Vũ Hoàng Đế (Hoan họ Cao, người Ký châu). Ban đầu Hoan thờ Nhĩ Chu Vinh. Em của Vinh là Triệu giao hết việc quân cho Hoan, và Hoan được phong đến chức Bột Hải Vương, ông thọ năm mươi mốt tuổi. Tề Vương truy thụy cho anh là Trừng (con của Thần Vũ) làm Thế Tông Văn Tương Hoàng Đế. Hiển Tổ Văn Tuyên Hoàng Đế Cao Dương (con thứ của Thần Vũ) lúc này nhận ngôi từ Đông Ngụy, lấy quốc hiệu là Tề, đổi niên hiệu Thiên Bảo, đóng đô ở đất Nghiệp (Chương Đức lộ, xưa là Tương Châu) ở ngôi mười năm, thọ ba mươi mốt tuổi. Thái tử Ân nối ngôi, đó là Phế Đế, thọ mười bảy tuổi. Túc Tông Hiếu Chiêu Đế Diễn (con năm thứ sáu của Thần Vũ) lấy niên hiệu Càn Minh năm đầu của Phế Đế đổi thành Hoàng Kiến. Hoàng Kiến năm thứ hai, Diễn đi săn té ngựa đứt gân chết, thọ hai mươi bảy tuổi. Thế Tổ Vũ Thành Đế Trạm (con năm thứ chín của Thần Vũ) lên ngôi, tháng mười năm Hoàng Kiến năm thứ hai, ông đổi niên hiệu Thái Ninh, ở ngôi bốn năm, nhường ngôi cho Thái tử, tự xưng là Thái Thượng hoàng (Hậu Chủ, Đại Thống năm thứ tư, ông mất, thọ bốn mươi hai tuổi). Hậu Chủ Vỹ (con trưởng Vũ Thành) ở ngôi mười ba năm, ông trốn đến Thanh châu, quân của Chu đuổi theo bắt sống rồi đưa ông, Thái hậu, ấu chủ Hằng về Trường An, phong làm Vỹ Ôn Công. Nhà Bắc Tề gồm năm chủ trị vì hai mươi tám năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Mùi: Đại Bảo năm thứ hai, Thế Tôn diệt độ 1.500 năm* | *Đại Thống năm thứ mười bảy, tháng ba Đế mất, Thái tử Khâm lên ngôi* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 2* |

***Lương:*** Tháng ba, Hầu Cảnh ép Đế nhường ngôi cho Dự Chương Vương Đống, đổi niên hiệu Thiên Chánh, phế Đế xuống làm Tấn An Vương, tháng chín thì giết. Đống gia phong cho Hầu Cảnh đủ cửu tích

(nhà Hán đặt quan từ Thừa Tướng trở xuống), Đống nhường ngôi cho Cảnh, Cảnh lên ngôi Hoàng Đế ở Nam Giao, lại lên Thái Cực điện, đổi niên hiệu Thái Thỉ. Tháng giêng năm Nhâm Thân, Lương Tương Vương Dịch sai Tăng Vương Biện v.v... đánh Hầu Cảnh phía đông. Tháng mười hai các đạo quân kéo đến Lạc Dương. Trần Bá Tiên thống lãnh quân giáp kỵ mười vạn, hai ngàn chuyến thuyền từ Nam Giang kéo ra Bồn Khẩu, hội họp với Tăng Biện ở eo biển Bạch Mao, cùng dựng đàn cắt máu uống thề. Hầu Cảnh sai Hầu Tử Giám đem quân chống đỡ quân phía tây, hợp chiến ở Trung Giang, Tử Giám thua to, chỉ kịp chạy thoát thân, nhặt tàn binh chạy về Kiến Khang. Cảnh thất kinh, nước mắt đầm đìa. Tăng Biện đôn đốc các đạo quân nhân lúc thủy triều lên vào thẳng sông Hoài tiến quân đến phía Bắc chùa Chiêu Đề. Hầu Cảnh thống lãnh đại quân dàn trận ở phía tây Tây Xuyên. Trần Bá Tiên, Vương Lâm, Đỗ Kham v.v... dùng thiết kỵ đánh tới, Tăng Biện đem đại quân tiếp ứng, quân Hầu Cảnh tan vỡ, chỉ còn hơn trăm kỵ binh chạy về đông. Bọn Tăng Biện nghinh Giản Văn Đế vào Tử Cung lên Triều Đường, dẫn trăm quan đến khóc lóc lễ lạy, sai Hầu Thiến đuổi Cảnh đến Tùng Giang. Thiến đánh tới. Cảnh một mình một thuyền trốn chạy, sau bị anh của vợ nhỏ là Dương Côn giết, lấy muối nhét đầy bụng Cảnh rồi đưa thi thể về Kiến Khang. Tăng Biện bêu đầu Cảnh ở Giang Lăng, rồi bêu ở chợ ba ngày, sau đó nướng rồi sơn lên, giao cho bọn giữ kho quân trang. Tháng mười một, Đế lên ngôi.

* ***Thế Tổ Hiếu Nguyên Hoàng Đế:*** Tên là Dịch, con năm thứ bảy của Vũ Đế, được phong Tương Đông Vương, làm Kinh châu Thứ sử. Khi Cao Tổ mất, ông từng xả cung dựng chùa Thiên Cung thỉnh cầu Thiền sư Pháp Thông trụ trì. Ông dốc tâm trong Phật sự. Tháng mười một năm Nhâm Thân, ông lên ngôi Hoàng Đế ở Giang Lăng, ở ngôi ba năm, thọ bốn mươi bảy tuổi. Niên hiệu Thừa Thánh ba năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Thân: Thừa Thánh năm đầu* | *Tây Ngụy: Phế Đế Khâm, Càn Minh năm đầu* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 3* |

Tháng ba, Ích Châu Thứ sử Vũ Lăng Vương Kỷ ở đất Thục, năm năm thứ mười bảy nghe Hầu Cảnh vây Đài Thành, Tương Đông Vương Dịch phát binh đánh Cảnh, Kỷ nói với Tả hữu: “Thất quan văn sĩ đâu có thể phò cứu!” Gặp lúc cây bá quấn quanh trụ trong tẩm cung của Kỷ sinh hoa, Kỷ cho là được điềm lành, tháng tư ông lên ngôi Hoàng Đế,

đổi niên hiệu Thiên Chánh, đưa con là Viên Chiếu làm Hoàng Thái tử. Tháng ba năm Thừa Thánh năm thứ hai, Nguyên Đế nghe Kỷ đến, bèn gởi thư xin Ngụy đánh Thục. Kỷ nghe có quân của Ngụy liền sai Tiền Lương châu Thứ sử Tiêu lén đem quân về cứu Thục. Tháng bảy Kỷ giữ không nổi Giáp Khẩu nên tháo lui, thuận dòng về đông. Lương du kích tướng quân Phàn Mãnh truy kích và chém Kỷ, con của Kỷ là Viên Mãn, Viên Chiếu, Viên Chánh bị nhốt trong ngục Đình Úy và chết. Tháng tám, Viên Túc đem thành đô ra hàng Ngụy.

Bắc Tề hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tăng Trù vào kinh. Tề Vương Dương ra biên giới đón Sư đưa về thành nội. Lúc ấy Sư đã bảy mươi tuổi, nhưng thần thái vẫn sáng suốt, Tề chủ lạy học đạo Thiền, thọ Bồ-tát giới, bỏ hẳn rượu thịt, phóng thả chim muông, bỏ chức quan săn bắt. Đế lại hạ lệnh khắp nước, ngày sáu tháng ba muôn dân không được sát sinh, khuyên dân trai giới, trong vườn quan các thứ hành hẹ đều phải bỏ. Đế giữ Sư ở kinh thành hơn bốn mươi ngày, cho dựng chùa Vân Môn ở Nghiệp Thành để Sư ở, đồng thời thỉnh Sư trụ trì Thạch Quật Đại Tự. Tề Vương Dương chuyên tâm Thiền học, sắc lệnh cho các châu lập riêng trường Thiền để người đạt được Định tuệ ở mà chuyên giảng dạy. Ông cho xây nhiều tháp chùa lớn, Tăng ni các châu vô số, từ khi Phật pháp truyền vào, đến lúc này thì cực thịnh.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Dậu: Lương, Thừa Thánh năm thứ 2* | *Tây Ngụy Phế Đế* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 4* |
| *Giáp Tuất: Thừa Thánh năm thứ 3. Tháng 12, Đế hàng Ngụy* | *Tây Ngụy: Cung Đế Quách* | *Thiên Bảo năm thứ 5* |

***Tây Ngụy:*** Không lập niên hiệu, bàn mưu giết Thái sư Thái, việc bại lộ, Thái phế Khâm đến Ung châu, lập em Khâm là Tề Vương Quách, đó là Cung Đế (con năm thứ tư của Văn Đế). Đế cũng bỏ niên hiệu, lấy họ Thát Bạt, chín mươi chín họ trước đây đổi thành họ đơn, nay đều lấy lại họ như cũ.

Tháng mười một, quân Tây Ngụy vây Giang Lăng, Đế cùng Thái tử, Vương Bao, Tạ Đáp Nhân, Chu Mãi Thần lui về giữ Kim Thành. Đế

vào Đông Cáp Trúc Đình, sai xá nhân Cao Thiện Bảo đốt hết mười bốn vạn quyển đồ thư cổ và kim, lại lấy bảo kiếm chém trụ đứt đôi mà than: “Đạo của Văn, Vũ đêm nay hết rồi!”. Ông bỏ vũ nghi, văn vật, bạch mã, xa giá ra hàng. Tháng 12, ông bị dân Ngụy giết, lập Lương Vương Sát làm Lương chủ, cai quản đất Kinh châu, đó là Hậu Lương.

* ***Kính Đế:*** Tên Phương Trí, con năm thứ chín của Vũ Đế, được phong Tấn An Vương. Nguyên Đế bị hại, Vương Tăng Biện, Trần Bá Tiên đưa ông làm Lương Vương. Tháng hai năm Ất Hợi, Lương Vương từ Tầm Dương đến và lên ngôi Vương, lúc này mới mười ba tuổi, đưa thái úy Vương Tăng Biện làm Đô đốc trung ngoại chư quân sự, gia phong Trần Bá Tiên làm chinh tây Đại tướng quân. Bắc Tề chủ gởi thư cho Vương Tăng Biện, cho rằng người nối nghiệp Xung Mạo Trinh Dương Hầu đủ tuổi về kham giữ Kim Lăng. Tháng năm Tăng Biện sai sứ báo với Trinh Dương Hầu Uyên Minh định lại lễ vua tôi. Năm Canh Tý sai lấy long chu pháp giá nghinh đón ông. Năm Quý Mão, Uyên Minh vào Kiến Khang, năm Bính Ngọ lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Nguyên Thành, phong Lương Vương làm hoàng Thái tử, Vương Tăng Biện làm Đại Tư mã, Trần Bá Tiên làm thị trung. Hồi ấy Tăng Biện, Bá Tiên cùng diệt Hầu Cảnh, hai bên rất thân nhau. Đến khi Tăng Biện thâu nạp Trinh Dương Hầu, Bá Tiên đã sai người qua lại mấy lần cật lực can ngăn nhưng Tăng Biện không nghe. Bá Tiên liềm đem quân đánh úp Tăng Biện, bắt rồi thắt cổ Biện. Trinh Dương Hầu thoái vị chạy đến đất Để, trăm quan dâng biểu cho Tấn An Vương khuyên ông lên ngôi. Tháng mười Tấn An Vương lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thiệu Thái, ở ngôi ba năm, đưa Trinh Dương Hầu Uyên Minh làm Tư Đồ. Niên hiệu Thiệu Thái một năm, Thái Bình hai năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất Hợi: Lương, Thiệu Thái năm đầu* | *Hậu Lương: Tuyên Đế Sát, Đại Định năm đầu* | *Tây Ngụy: Cung Đế năm thứ 2* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 6* |

* ***Hậu Lương:*** Tháng giêng, Lương Chủ Sát lên ngôi Hoàng Đế ở Giang Lăng, đó là Tuyên Đế, con năm thứ ba của Chiêu Minh. Ban đầu ông được phong Nhạc Dương Vương, nhưng bất bình với Nguyên Đế, nên tìm cách dựa vào Tây Ngụy, đến lúc này lấy quốc hiệu Lương, lấy niên hiệu Đại Định, truy tôn cha Thái tử là Châu Minh Hoàng Đế, miếu hiệu Cao Tông. Sát ở ngôi bảy năm, khi dâng sớ cho Ngụy thì

xưng thần, theo chánh sóc của Ngụy. Minh Đế Khuy ở ngôi hai mươi bốn năm, Thái tử Tông kế ngôi, đó là Cử Công, ở ngôi hai năm, đất nước về tay nhà Tùy.

+ Tháng tám Bắc Tề chủ đi Tấn Dương rồi về đất Nghiệp. Ông cho Phật giáo và Đạo giáo bất đồng muốn trừ đi bớt một đạo, mới triệu tập học giả của hai giáo, nghị luận trước mặt mình và ra lệnh cho Đạo sĩ phải thế phát làm Sa-môn. Chiếu rằng: Người được thành Tiên có thể bay cao bay xa, người nào chưa được đều phải cải tà quy chánh, đến Thượng Thống Chiêu Huyền thế phát xuất gia, nếu ai trái lệnh thì giết, bốn người đều phụng mệnh. Từ đó trong nước Tề không hề có Đạo sĩ. (Bắc Tề Kỷ).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bính Tý: Lương, Thái Bình năm đầu* | *Hậu Lương, Đại Định năm thứ 2* | *Tây Ngụy: Năm thứ ba, tháng mười hai nhường ngôi cho Chu* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 7* |

***Lương:*** Có bốn mươi hai Sa-môn dịch kinh, tổng cộng bảy trăm tám mươi quyển Kinh Luận, chùa viện đến hai ngàn tám trăm bốn mươi sáu ngôi, Tăng ni tám vạn ba ngàn người (Biện Chánh Lục).

Nhà Lương gồm bốn chủ, trị vì năm mươi lăm năm, nhường ngôi cho Trần.

* ***Nhà Trần:*** Họ Trần, đóng đô ở Kiến Khang gồm Cao Tổ Vũ Đế, Thế Tổ Văn Đế, Phế Đế, Cao Tông Tuyên Đế, Hậu Chủ, trị vì tổng cộng ba mươi ba năm.

- ***Cao Tổ Vũ Đế:*** Húy Bá Tiên, tự Hưng Quốc, người Trường Hưng Hồ châu, làm quan cho Lương, diệt Hầu Cảnh mà có công. Tháng tám năm Đinh Sửu, ông được tấn phong ngôi tướng quốc cai quản trăm quan. Tháng mười, ông được phong vương và nhận ngôi, phong Lương Kính Đế làm Giang Âm Vương. Ông ở ngôi ba năm, thọ năm mươi bảy tuổi. Niên hiệu Vĩnh Định ba năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Sửu: Trần, Vĩnh Định năm đầu, tháng mười đổi niên hiệu* | *Đại Định năm thứ 3* | *Chu: Vũ Văn Giác năm đầu, tháng tám phế Giác lập Dục* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 8* |

* ***Nhà Chu:*** Họ Vũ Văn, người Vũ Xuyên, Đại Quận, cha Vũ Văn Thái làm quan cho Ngụy được phong Chu Công, con năm thứ ba của Thái là Giác được Tập phong. Tháng mười hai năm Bính Tý nhận ngôi từ Ngụy, lúc này vào tháng giêng ông lên ngôi Thiên vương, lấy quốc hiệu Chu, truy tôn cha Vũ Văn Thái làm Thái Tổ Văn Hoàng Đế, đóng đô ở Trường An, không lập niên hiệu, chỉ xưng Nguyên niên, phong Ngụy Cung Đế làm Tống Công, lấy Mộc đức nối Thủy đức của Ngụy, theo nghi lễ nhà Hạ, phục sức chuộng màu đen. Giác tính tình quả quyết, cương trực, ghét đại Tư mã Tấn Công Vũ Văn Hộ chuyên quyền, tháng tám ông lập mưu giết Hộ. Việc bị bại lộ, Hộ phế ông xuống làm Lược Dương Công, được hơn một tháng thì giết đi, ở ngôi tám tháng, thọ mười sáu tuổi. Hộ đón Kỳ châu Thứ sử, Ninh Đô Công Dục lên ngôi thiên vương, đó là Thế Tông Minh Đế, con trưởng của Văn Đế. Ông ở ngôi bốn năm, hai năm trước không lập niên hiệu. Tháng giêng năm Kỷ mão, Thái sư Thái Tông Bá Vũ Văn Hộ dâng biểu giao quyền chính, Dục mới bắt đầu nắm chánh sự. Nhưng việc quân binh vẫn do Hộ nắm, chức vụ Đô đốc châu quân sự được đổi thành tổng quản. Tháng tám, ngự chánh trung đại phu Thôi Tà kiến nghị cho rằng, Thánh nhân theo sự đổi thay của thời thế mà đặt ra lễ nghi, nay Thiên Tử xưng vương thì không đủ để dương uy thiên hạ, xin noi theo pháp chế của Tần, Hán mà xưng Hoàng Đế, lập niên hiệu. Chu Vương bèn xưng Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vũ Thành. Đế thông minh uyên bác, vì vậy Tấn Công Hộ rất lo sợ. Tháng tư năm Vũ Thành năm thứ hai, Hộ chuốc độc vào trong chày giã đường, Đế ăn vào và chết, thọ hai mươi bảy tuổi. Vũ Đế Ung lên ngôi, là con năm thứ tư của Văn Đế, ở ngôi mười tám năm, phế bỏ Phật giáo, Đạo giáo, thọ ba mươi sáu tuổi. Tuyên Đế Bân là con trưởng Vũ Đế, ở ngôi hai năm, nhường ngôi cho hoàng Thái tử Xiển, tự xưng Thiên Nguyên Hoàng Đế, thọ hai mươi hai tuổi. Tĩnh Đế, sau đổi tên là Diễn, phong Tùy Công Dương Kiên làm tướng, ông khôi phục lại Phật giáo, Đạo giáo, ở ngôi một năm, nhường ngôi cho Tùy Vương Kiên.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Mậu Dần: Trần, Vĩnh Định năm thứ 2* | *Hậu Lương, Đại Định năm thứ 4* | *Chu: Thế Tông Minh Đế Dục, năm thứ 2* | *Bắc Tề: Thiên Bảo năm thứ 9* |

Tháng năm, Trần Đế xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm tập xuất gia, quần thần dâng biểu thỉnh Đế về cung. Đế mở pháp hội cúng Tăng, bố thí, phóng sinh, xá tội, dựng chùa Đông An ở Dương Châu, lại dựng

thêm bốn chùa như Hưng Hoàng, Thiên Cung v.v...

Chu Đế phụng Phật, khuyến hóa tông tộc, vì cầu phước cho tiên hoàng, ông đã dựng tượng Lô-xá-na, thêm hai tượng Bồ-tát, mỗi tượng cao hai trượng sáu thước, tạo mười hai tượng Chiên-đàn mỗi tượng có hai Bồ-tát Kim Cang, Sư Tử, uy nghiêm tráng lệ vô cùng.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Mão: Vĩnh Định năm thứ ba, tháng sáu Đế mất* | *Đại Định năm thứ 5* | *Chu: Tháng tám xưng Đế, Vũ Thành năm đầu* | *Thiên Bảo thứ mười, tháng mười Đế mất* |

+ Trần Đế chép mười hai tạng kinh, tạo trăm vạn tượng Phật bằng vàng, đồng, sửa ba mươi hai ngôi chùa cũ, độ bảy ngàn Tăng ni.

+ Bắc Tề Hiển Tổ Tuyên Đế Dương ở ngôi mười năm, Phật pháp cực thịnh, độ tám ngàn Tăng ni.

* ***Thế Tổ Văn Đế:*** Húy là Thiến, tự Tử Hoa, anh Vũ Đế, con trưởng của Chiêu Liệt Vương, được phong Lâm Xuyên Vương. Thái hậu hạ chiếu lập ông. Ông ở ngôi bảy năm, thọ bốn mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thiên Gia sáu năm, Thiên Khang một năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Canh Thìn: Thiên Gia năm đầu* | *Đại Định năm thứ 6* | *Chu: Vũ Thành năm thứ hai, tháng tư Đế mất* | *Bắc Triều: Càn Minh năm đầu, tháng mười một Hoàng Kiến năm đầu* |

***Bắc Tề:*** Tháng hai, Thái tử Ân lên ngôi, đổi niên hiệu Càn Minh. Tháng tám Thái hậu phế ông làm Tề Nam Vương. Thường Sơn Vương Diễn lên ngôi, tháng mười một đổi niên hiệu Hoàng Kiến năm đầu. Tháng mười năm Hoàng Kiến năm thứ hai, Đế đi săn té ngựa gãy lưng chết, di mệnh cho em là Trạm kế mình nắm chánh sự. Trạm đổi năm Hoàng Kiến năm thứ hai thành Thái Ninh năm đầu. Diễn và Trạm đều là em của Tuyên Đế.

***Tổ năm thứ 2:*** **Đại sư Tuệ Khả.**

Sư họ Cơ, người Vũ Lao, Lạc Kinh ban đầu có tên là Thần Quang. Sư học khắp thi thư, rất tinh thông nghĩa lý, từ nhỏ đã đến Long Môn

Hương Sơn ở Lạc Dương theo hầu Thiền sư Bảo Tĩnh xuất gia, thọ Cụ túc giới ở chùa Vĩnh Mục. Bảo Tĩnh dạy sư đến gặp Đạt-ma ở núi Thiếu Thất. Sư có cơ duyên đắc pháp, đứng vào hàng môn đệ thượng thủ và làm Tổ kế thừa xiển dương tông huyền của Đạt-ma. Sư đi khắp nơi tìm người nối pháp. Sư đến Bắc Tề, ở đây hiện có một cư sĩ tuổi hơn bốn mươi chẳng biết họ tên, đến lạy Sư và hỏi:

Đệ tử bị chứng bệnh phong, xin Hòa thượng sám tội giúp. Sư nói:

- Đem tội ra đây ta sám cho.

Người ấy im lặng giây lâu đáp:

- Tìm hoài nhưng chẳng thấy tội!

Sư nói:

Vậy là ta đã sám tội cho ông rồi, ông nên theo Phật Pháp Tăng mà tục.

- Nay gặp Hòa thượng đã biết là Tăng, chưa rõ cái gì gọi là Phật, Pháp?

- Tâm này là Phật, tâm này là Pháp, Pháp Phật chẳng hai, Tăng bảo cũng vậy.

Ông nói:

Ngày nay mới biết tánh tội chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, cũng như tâm ấy, Phật pháp chẳng hai.

Sư rất tâm đắc nói:

“Ông là của báu của ta!”

Sư liền thế phát và đặt cho tên Tăng Xán. Tăng Xán thọ Cụ túc ở chùa Quang Phước, hầu hạ sư suốt hai năm. Một hôm Sư nói với Tăng Xán: “Bồ-đề Đạt-ma từ nước Trúc Càn xa xôi đem Chánh pháp nhãn tạng và tín y mật truyền cho ta, nay ta trao cho ông, ông phải giữ gìn đừng để dứt mất: Nghe ta nói kệ:

*Xưa nay duyên có đất*
*Nhờ đất giống hoa sinh*
*Xưa nay không có giống*
*Hoa cũng chẳng từng sinh.*

Phó pháp và y xong, Sư nói: “Ông nghe ta dạy, hãy ở trong núi sâu, chưa nên ra hoằng hóa, sợ rằng vướng phải nạn đời, nhưng ta cũng có túc nghiệp nay phải trả cho xong”.

Nói xong, Sư đến Nghiệp đô tùy nghi nói pháp suốt ba mươi bốn năm. Sau, Sư luận vô thượng đạo ở chùa Khuông Cứu huyện Quản Thành, bấy giờ có Pháp sư Biện Hòa đang giảng kinh Niết-bàn trong chùa, học chúng dần dần đi theo Sư hết. Biện Hòa nổi giận gièm pha Sư

với Ấp Tể Địch Trọng Khản, Địch bắt tội Sư, Sư nhân đó diệt độ, thọ một trăm lẻ bảy tuổi, nhằm ngày mười sáu tháng ba năm Khai Hoàng năm thứ mười ba đời Tùy Văn Đế, môn nhân an táng Sư ở Tư Châu cách huyện Phủ Dương bảy mươi dặm về phía đông bắc. Đường Đức Tông ban Sư thụy là Thái Tổ Thiền Sư.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Tân Tỵ: Trần, Thiên Gia năm thứ 2* | *Hậu Lương: Đại Định năm thứ 7* | *Chu Vũ Đế Ung, Bảo Định năm đầu* | *Bắc Tề, Hoàng Kiến năm thứ hai, tháng mười một đổi niên hiệu Đại Ninh* |
| *Nhâm Ngọ: Thiên Gia năm thứ 3* | *Sát mất, con là Khuy lên ngôi nhận mệnh nhà Chu xưng Đế, Thiên Bảo năm đầu* | *Bảo Định năm thứ 2* | *Hà Thanh năm đầu* |
| *Quý Mùi: Thiên Gia năm thứ tư, Đế mở Vô Giá pháp hội ở điện Thái cực* | *Minh Đế Khuy, Thiên Bảo năm thứ 2* | *Bảo Định năm thứ 3* | *Hà Thanh năm thứ 2* |

* ***Pháp Sư Pháp Thượng:*** Bắc Tề Thế Tổ Thành Đế Trạm dựng đàn trong cung thỉnh Pháp sư Pháp Thượng truyền Tam quy, Ngũ giới. Đế trải tóc dưới đất thỉnh Pháp sư đạp qua mà thăng tòa. Đế thọ giới xong, sau đó truyền tám chức quan trọng thần trong triều, hậu phi, quốc thích thọ Bồ-tát giới. Đế dựng chùa Báo Đức để ngài ở. Ngạn ngữ có câu: "Nơi mà Tăng bốn biển trọng vọng là đạo tràng Pháp thượng".

* ***Thiền Sư Tăng Thật:*** Sư là người mà Chu Đế vương thần hết lòng tôn kính. Một hôm Sư nói với Tăng chúng: "Tu mau pháp sự tụng Quán Âm, cứu giảng đường ở Giang Nam bị ngã đổ". Khi ấy, giảng đường ở Dương Đô thính chúng vân tập, tăng tục đông nghẹt, bỗng nghe có mùi thơm lạ và tiếng kỷ nhạc hướng Tây bắc, cả giảng đường đều lạ lùng và ra ngoài xem xét, giảng đường bỗng nhiên ngã nhào nhưng đại chúng không ai bị thương tổn. Việc này truyền đến tai Lương Chủ, rồi vang đến tai Chu Đế, mới hay nhờ phước của Sư. Ngày mười tám

tháng bảy năm đó, Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi, Đế than khóc rất bi thảm, hạ chiếu họa tượng Sư an trí ở chùa Đại Phước Điền để phụng thờ, cúng dường.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Giáp Thân: Thiên Gia năm thứ 5* | *Thiên Bảo năm thứ 3* | *Nhà Chu bắt đầu lệnh cho các quan phải cầm Hốt. Bảo Định năm thứ 4* | *Bắc Tề: Hà Thanh năm thứ 3* |
| *Ất Dậu: Thiên Gia năm thứ 6* | *Thiên Bảo năm thứ 4* | *Bảo Định năm thứ 5* | *Đế nhường ngôi cho Thái tử Vỹ, Đại Thống năm đầu, tháng tư đổi niên hiệu* |
| *Bính Tuất: Thiên Khang năm đầu, Tháng tư Đế mất* | *Thiên Bảo năm thứ 5* | *Bảo Định năm thứ 6* | *Đại Thống năm thứ 2* |

* Tùy Văn Đế trùng tu sáu mươi ngôi chùa cũ, chép năm mươi tạng kinh, độ hai vạn Tăng ni.

* ***Lâm Hải Vương:*** Húy Bá Tông, sử gọi là Phế Đế, con trưởng của Văn Đế, ở ngôi hai năm. An Thành Vương Húc theo lệnh của Chương Thái hậu phế ông xuống làm Lâm Hải Vương, Húc lên ngôi. Ông thọ mười chín tuổi, niên hiệu Quang Đại hai năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Hợi: Quang Đại năm đầu* | *Thiên Bảo năm thứ 6* | *Thiên Hòa năm thứ 2* | *Bắc Tề: Đại Thống năm thứ 3* |

* ***Thích Vong Danh:*** Chu Vũ Đế sắc phong ngài là Hạ Châu Tam Tạng, rồi muốn phong chức quan cho. Tháng năm Thiên Hòa năm thứ hai, Trủng Tể Vũ Văn Hộ gởi thư khuyên ngài, ngài trả lời rằng: "Giấu mình trong núi, nhiếp tâm ngoại trần vốn là chí nguyện của tôi." Nhân đó, ngài soạn bài minh là Kim Nhân Châm Tức Tâm. trong ấy ghi: "Pháp giới có người tên Như Ý Bảo, trói thân mình, khắc ngực mình rằng: Biết nhiều, lắm việc chẳng bằng dứt ý, lo nhiều mất nhiều chẳng

bằng giữ một, nghĩ nhiều chí loạn, biết nhiều tâm loạn, tâm loạn sinh phiền, chí loạn chướng đạo, hiền tài đa nghệ chính là ngu tệ, một tài một năng riêng sáng dưới trời, một nghề một nghiệp tự tại trong đời.”

+ ***Thiền Sư Nam Nhạc Tuệ Tư:*** Sư họ Lý người Vũ Tân, xuất gia với Bắc Tề Thiền Sư Tuệ Văn, từng tìm tòi kinh tạng được bộ Trung Quán Luận. Sư tỏ ngộ được diệu chỉ, liền từ xa vọng về Thiên Trúc lễ Tổ năm thứ mười bốn là Luận chủ Long Thọ Đại sĩ làm thầy, khai mở luận Tam quán: Không, Giả, Trung. Nguyên văn rằng: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo.” Lương Nguyên Đế năm Thừa Thánh năm thứ ba, Sư theo Tuệ Văn tu tập và ngộ nhận Pháp Hoa Tam-muội, Tuyền Đà-la-ni Môn, hành trì Tam tụ tịnh giới của Bồ-tát, không mặc gấm lụa, lạnh thì cắt cỏ khô trải dưới tòa, đạo hạnh của Sư nổi tiếng thiên hạ, người đương thời gọi Sư là Tư Đại Hòa Thượng. Sư từng bị bệnh và tư duy rằng: “Bệnh là do nghiệp sinh, nghiệp do tâm khởi, tâm duyên chẳng khởi, ngoại cảnh sao có, nghiệp bệnh và thân đều như bóng mây”. Sư quán tưởng vậy xong, thấy thân an ổn nhẹ nhàng. Sư dẫn đồ chúng về nam, gặp phải nhà Lương loạn lạc, nên dừng tạm ở Thái Tô Sơn. Trần Phế Đế, niên hiệu Quang Đại năm đầu, Sư đến Nam Nhạc, và nói với đồ chúng: “Đời trước, ta từng ở đây” và Sư chỉ núi rừng nói “Đó là chùa xưa” Đồ chúng đào đất quả nhiên thấy nền chùa và vật dụng của chư tăng, đồng thời phát hiện ra di hài ở dưới hai phiến đá, họ dựng tháp lấy tên là Tam Sinh Pháp. Ngay giữa núi Nhạc họ dựng chùa Bát-nhã, thế đất hổ nhảy, đất tuôn suối ngọt để Tăng chúng dùng. Trần Tuyên Đế niên hiệu Đại Kiến năm đầu, Nhạc Từ Đạo Sĩ ngầm gièm pha Sư với Trần Đế: Tăng phương Bắc nhận thỏa ước của nước Tề đến cắt đứt mạch núi, đóng đinh vào đá trấn yểm để khơi động yêu ma. Trần Đế sai sứ đến đuổi Sư. Sư cầm trượng phi thân đến triều, Đế lấy làm lạ và nghênh đón cúng dường, thỉnh Sư ở chùa Thê Huyền, hỏi luận Phật lý. Đế bắt tội đạo sĩ vì khi quân vu khống, nhờ Sư tâu xin nên đạo sĩ được miễn tội chết. Đế lệnh cho đạo sĩ phải hầu hạ cúng dường Sư. Sư tâu xin về Nam Nhạc, Đế thiết tiệc để tiễn.

Về sau, Sư dạy chúng rằng: “Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh rất gần, chỉ tìm nơi mình, chớ tìm nơi người, tìm tức chẳng được, được cũng chẳng thật”. Ngày hai mươi hai tháng sáu Đại Kiến năm thứ chín, Sư thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. Những tác phẩm do Sư trứ tác đều lưu hành ở đời. Sư là Tổ năm thứ ba của Tông Pháp Hoa.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *MậuTý: Trần, Quang Đại năm thứ hai, tháng mười một Đế mất* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 7* | *Chu: Thiên Hòa năm thứ 3* | *Bắc Tề: Đại Thống năm thứ tư, tháng mười một Thượng hoàng mất* |

* ***Cao Tổ Tuyên Đế:*** Tên là Húc, con năm thứ hai của Chiêu Liệt Vương, được phong An Thành Vương, nhận di chiếu phụ chánh. Đến tháng mười một năm này phế Tiểu Đế và ông lên ngôi, ông ở ngôi mười bốn năm và thọ năm mươi hai tuổi. Ông sửa sang năm mươi ngôi chùa, dựng chùa Thái Hoàng ở Dương Châu, chùa có tháp bảy tầng, đúc hai vạn tượng Phật bằng đồng, vàng, dựng chùa Sùng Hoàng, phục hồi một triệu ba trăm ngàn tượng cũ, biên chép mười hai tạng kinh, độ một vạn Tăng ni. Niên hiệu Đại Kiến mười bốn năm.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Sửu: Trần, Đại Kiến năm đầu, tháng tư Phó Đại Sĩ mất* | *Thiên Bảo năm thứ 8* | *Thiên Hòa năm thứ 4* | *Đại Thống năm thứ 5* |

***Tổ năm thứ 3:*** Đại sư Tăng Xán.

Không ai biết tên họ, quê quán của Sư thế nào, chỉ biết Sư với hình thức kẻ sĩ ở ẩn gặp Tổ Tuệ Khả ở Bắc Tề, Sư đến núi Tư Không, rồi ở ẩn trong núi Hoàn Công, Thư châu, ngày nay là Sơn Cốc Sơn Tự. Ba mươi năm sau, dấu tích của Sư mới dần dần hiển lộ, học giả biết và đến cầu đạo. Đời Tùy trong niên hiệu Khai Hoàng, có ông Sa-di Đạo Tín đến lạy Sư và thưa:

- Xin Đại Sư ban cho con pháp môn giải thoát!

Sư hỏi:

- Ai trói buộc ông?

- Không ai trói buộc cả.

- Không ai trói buộc thì ông đã giải thoát rồi còn cầu giải thoát làm gì nữa!

Đạo Tín nghe xong, tỏ ngộ, xin làm đệ tử. Thời gian sau, Đạo Tín qua Gianh Tây, Kiết châu thọ cụ túc giới rồi trở về, Sư nói: Nay ông thọ giới rồi, đạo cũng hoàn bị, ta sắp đi đây. Đại Pháp Nhãn Tạng của Như Lai xưa, nay giao phó cho ông cùng y bát, ông phải nhận lấy, nghe

ta nói kệ:

*Giống hoa tuy nhờ đất*
*Từ đất giống hoa sinh*
*Nếu không người gieo trồng*
*Hoa, đất trọn không sinh.*

Sư nói tiếp: Ông phải truyền trao, chớ để đoạn dứt, ta qua nước La-phù không lâu sẽ về.

Hai năm sau, Sư về lại sơn cốc thuyết pháp cho đồ chúng ở đây hơn một tháng rồi đứng mà thị tịch dưới gốc cổ thụ, hôm đó là ngày rằm tháng mười niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ hai, đời Tùy. Lúc ấy nhân dân chưa yên nên chưa dựng tháp Sư. Đến Đường Huyền Tông năm Thiên Giám năm thứ năm, Triệu quận Lý Thường qua làm quan ở Thư châu bèn khai quật hỏa táng thâu lấy xá-lợi dựng tháp ngay nơi Sư tịch. Việc này truyền đến triều đình, Huyền Tông ban thụy cho Sư là Giám Trí Thiền Sư, tháp hiệu Giác Tịnh. Đến triều vua sau, tướng quốc Phòng Quản soạn văn bia ghi lại rõ ràng hành trạng của Sư. Sư trứ tác Tín Tâm Minh lưu hành ở đời.

+ ***Tín Tâm Minh:*** Trong ấy đại lược ghi: “Chí đạo không khó, chỉ hiềm chọn lựa, cần đừng thương ghét, thấu suốt rõ ràng, sai đi mảy may, đất trời cách tuyệt, muốn được hiện tiền, chớ còn thuận nghịch”. Lại ghi: “Tròn như thái hư, không thiếu không dư, bởi vì thủ xả, cho nên chẳng như”. (Lại ghi: “Hai do một có, một cũng chẳng giữ, một tâm không sinh, muôn pháp không lỗi.”). Lại ghi: “Chân Như pháp giới, không người không ta, phải gấp tương ưng, chỉ nói bất nhị. Bất nhị đều đồng, thảy đều bao dung, mười phương kẻ trí, đều vào tông này”. Lại ghi: “Một tức tất cả, tất cả tức một, chỉ cần như vậy, lo gì chẳng xong, tín tâm chẳng hai, chẳng hai tín tâm, đường ngôn ngữ dứt, chẳng xưa nay sau”.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Canh Dần: Trần, Thái Kiến năm thứ 2* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 9* | *Chu: Thiên Hòa năm thứ 5* | *Bắc Tề: Vũ Bình năm đầu* |

Tề: Chiêu Huyền Thượng Thống: Pháp sư Đàm Diên được vua Tề sắc phong làm Chiêu Huyền Thượng Thống.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Tân Mão: Trần, Thái Kiến năm thứ 3* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 10* | *Chu: Thiên Hòa năm thứ 6* | *Bắc Tề:Vũ Bình năm thứ 2* |

+ ***Luật Sư Tăng Chánh:*** Để cầu phước cho Hiếu Thái phi họ Vô, Trần Tuyên Đế lại xây Linh Sát ở chùa Thái Hoàng, Linh Sát cao mười lăm trượng phía dưới an trí móng tay Phật, được đặt trong rương báu. Đế hạ chiếu cho chư Tăng khắp nước, những người mới thọ giới chưa đủ năm hạ đều phải đến nghe học Luật, Đế dựng đạo tràng này ở chùa lớn tại Đô Ấp, mời Luật sư Viện làm giám luật tổng quản chư Tăng, ban bố khoa điều, quan Hữu Ty cung cấp đủ cơm ăn áo mặc. Đế lại sắc phong Luật sư Viện làm Tăng chánh của cả nước.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nhâm Thìn: Trần, Thái Kiến năm thứ 4* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 11* | *Chu: Kiến Đức năm đầu* | *Bắc Tề: Vũ Bình năm thứ 3* |
| *Quý Tỵ: Thái Kiến năm thứ 5* | *Thiên Bảo năm thứ 12* | *Kiến Đức năm thứ 2* | *Vũ Bình năm thứ 4* |

Tháng chín, Đế hạ chiếu cho Bộc xạ Từ Lăng soạn văn bia của Vụ châu Song lâm Phó Đại sĩ, lại hạ chiếu cho Bộc xạ Châu Hoằng Chánh soạn văn bia cho Xà-lê Tuệ Hòa. (theo Trần Kỷ tự ký).

Chu Đế hạ chiếu mời Thiền sư Tăng Vỹ vào kinh, Đế đích thân lãnh thọ giới pháp, lại lệnh cho hậu, phi, công khanh đều phải thọ Thập thiện, thỉnh Tăng Vỹ trụ trì chùa Thiên Bảo trong kinh thành. Đến khi Sư về Đông, Đế sắc phong Sư làm An Châu Tam Tạng. Chu Đế từng phụng Phật rất kính tín, dựng chùa, xây tháp, độ tăng, chép hơn ngàn bộ kinh, chợt bị đạo sĩ Trương Tân mê hoặc, ôm lòng hủy hoại Phật pháp. Ngày mười bảy tháng năm Giáp Ngọ, Đế hạ chiếu phế bỏ Phật giáo, rồi hạ chiếu phế luôn Đạo giáo. Pháp sư Tĩnh Ái vào cung gặp Đế, vạch rõ mọi điều không nên phá hủy chánh pháp và nói về thuyết họa phước báo ứng. Chu Đế có tâm hối cải, nhưng nhìn lại việc cũng đã làm, chiếu cũng đã ban ra, vả lại không thể làm trái được. Chu Đế tạ lỗi rồi đuổi ngài ra khỏi cung. Tĩnh Ái lui về vào núi Thái Ất soạn Tam Bảo Lục hai mươi quyển, lưu hành ở đời. (theo Phương Chí).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Giáp Ngọ: Trần, Thái Kiến năm thứ 6* | *Thiên Bảo năm thứ 13* | *Chu: Kiến Đức năm thứ 3* | *Bắc Tề: Vũ Bình năm thứ 5* |
| *Ất Mùi: Thái Kiến năm thứ 7* | *Thiên Bảo năm thứ 14* | *Kiến Đức năm thứ 4* | *Vũ Bình năm thứ 6* |

* Thích Tăng An ở trong núi Vương Ốc giảng kinh Niết-bàn, lúc ấy có con trĩ mái nằm nghe. Năm đó An đến Việt châu thấy nhà nọ có đứa con gái tóc như lông trĩ, gặp ngài cứ như đã biết nhau từ lâu. Ngài biết người con gái ấy chính là con chim trĩ từng nghe giảng.

+ ***Hậu Lương:*** Minh Đế Khuy dựng những chùa ở Kinh châu như: Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh, Bảo Quang, Tứ Vọng v.v...

+ ***Đại Sư Thiên Thai Trí Giả:*** Đến Kiến Khang trong năm này, Sư húy Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người Hoa Dung, Kinh châu. Sư xuất gia năm mười tám tuổi, đầu tiên đến núi Đại Tô yết kiến Thiền sư Tuệ Tư. Tuệ Tư mở đạo tràng Phổ Hiền tứ An lạc hạnh cho Sư. Sư tụng kinh Pháp Hoa đến câu "Chân tinh tấn ấy, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai" trong phẩm Dược Vương, Sư tỏ ngộ Pháp Hoa Tam-muội, chứng truyền Đà-la-ni, thấy pháp hội Linh Sơn còn nguyên chưa giải tán. Đến khi Sư từ giả Tuệ Tư lên đường du hóa, Tuệ Tư nói: "Ông có duyên với nước Trần, qua đó ắt có lợi ích".

Lúc này là năm Ất Mùi, Sư đến Kiến Khang, ngụ tại chùa Ngõa quan mở mang Thiền pháp. Bộc xạ Từ Lăng, Thượng thư Mao Hỷ v.v... kính trọng và theo sư học yếu chỉ Thiền. Sư từng nằm mộng thấy mình lên núi cao, gặp một vị Tăng đưa tay vẫy Sư đến. Tháng chín năm đó, Sư đến núi Thiên Thai. Đại sư Định Quang ra đón Sư và hỏi: "Còn nhớ người vẫy tay hôm qua chăng?" Sư thất kinh lấy làm lạ và đảnh lễ. Từ đó Sư dựng am hành đạo. Trần Tuyên Đế hạ chiếu thỉnh Sư về kinh đô ở tại chùa Quang Trạch. Tùy Văn Đế năm Khai Hoàng năm thứ chín, nước Tần bị diệt vong, Sư đến Lô sơn. Năm Khai Hoàng năm thứ mười một, Tấn Vương Quảng cai quản vùng Giang Hoài, ngày hai mươi ba tháng mười một, Vương cai quản Kim thành ở Dương châu, thỉnh Sư mở hội truyền Bồ-tát giới, truy phong Sư hiệu là Trí Giả. Thời gian sau, Sư về lại Lô Sơn, Tấn Vương lại thỉnh Sư hạ sơn để giải nạn cho Tiêu phi. Sư lập trai đàn hành Quang Minh sám bảy ngày, Tiêu Phi hết bệnh, Sư về lại Lô Sơn, qua hang núi Hoành ngụ tại chùa Vương Tuyền. Ngày hai mươi bốn tháng mười một năm Khai Hoàng năm thứ mười bảy, Sư quy

tịch tại chùa Thạch Thành, núi Thiên Thai, thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi hạ. Sư dựng cả thảy ba mươi sáu ngôi chùa lớn, sai chép mười lăm tạng kinh, trứ tác hơn trăm quyển kinh sớ, đúc tám mươi vạn tượng Phật bằng vàng, đồng, gỗ, đất; độ mười lăm ngàn tăng, tăng tục trong hơn năm mươi châu những người theo Sư thọ Bồ-tát giới không thể kể hết. Sư cho rằng, Pháp Hoa là kinh điển vi diệu của Nhất thừa, mở quyền môn của phương tiện, bày diệu lý chân thật, dung hợp hạnh nhỏ của muôn thiện, kết quy về Nhất thừa rộng lớn, Sư lập ra huyền nghĩa, đó là Ngũ trùng huyền nghĩa, gồm giải thích danh, Biện về Thể, nói rõ Tông, luận về Dụng, phân ra giáo tướng. Đời sau đều y theo cách phán giáo này và gọi đó là Thiên Thai giáo.

* ***Chín Tổ Của Thiên Thai:*** Đầu tiên, Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Văn tìm tòi kinh tạng, được bộ Trung Quán Luận do Long Thọ Đại sĩ trứ tác, Tuệ Văn tỏ ngộ yếu chỉ, lễ Long Thọ làm thầy. Tuệ Văn khai mở pháp môn Chỉ Quán, Tam quán Không Giả Trung, đem tông chỉ Pháp Hoa truyền cho Thiền sư Tuệ Tư. Tuệ Tư truyền lại cho Đại sư Trí Giả Trí Khải. Trí Khải truyền cho Chương An Quán Đảnh,Quán Đảnh truyền cho Tấn Vân Uy, Tấn Vân truyền cho Đông Dương Uy, Đông Dương truyền cho Tả Khuê Nguyên Lãng, Nguyên Lãng truyền cho Trạm Nhiên Kinh Khê, cả thảy chín tổ. Người học đều noi theo, gọi đó là Tứ giáo pháp tánh quán hạnh tông, Thiên Thai giáo. Tôn giả Kinh Khê thị tịch trong niên hiệu Hưng Nguyên năm đầu, đời Đường Đức Tông, Hàn Lương Túc soạn văn bia, Đế phong ngài là Á Thánh của đời.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bính Thân: Trần, Thái Kiến năm thứ 8* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 15* | *Chu: Kiến Đức năm thứ 5* | *Bắc Tề: Long Hóa năm đầu, đổi niên hiệu Đức Xương* |

***Nhà Chu:*** Tháng mười năm Kiến Đức năm thứ ba, Chu Đế đem quân đánh Tề, chiếm lấy Tấn châu. Tề chủ lo sợ từ Tấn Dương lại về Nghiệp Khẩu. Tướng soái trong châu xin với An Đức Vương Diên Tông rằng: “Đại Vương không lên ngôi Thiên Tử, mọi người thật không thể đem hết sức phò tá Đại Vương được”. Diên Tông bất đắc dĩ phải lên ngôi Hoàng Đế. Quân nhà Chu vây Tấn Dương, đánh chiếm Đông môn. Diên Tông đánh nhau, thua trận chạy đến Thành bắc, bị quân Chu bắt sống. Chu Đế xuống ngựa cầm tay Diên Tông nói: “Thiên Tử hai nước

chẳng có thù oán, tôi chỉ vì trăm họ mà đến đây thôi, trọn không làm hại ông, xin ông đừng sợ!” Chu Đế sai người trả lại áo mão và Tề chủ đi. Chu Đế đại xá thiên hạ, bỏ phép chế nhà Tề, giữ lễ với hào kiệt văn võ. Quân nhà Chu tiến đến đất Nghiệp. Tề Chủ dẫn tôi thần vào Chu Tước môn hỏi về kế sách chống lại quân Chu. Mỗi người một ý, cuối cùng Tề chủ chẳng biết nghe theo ai. Quan đoán vận mệnh nói sẽ có sự thay đổi, Tề chủ theo lời bàn của Thượng thư lệnh Cao Nguyên Hải, làm theo việc trong năm Đại Thống là nhường ngôi cho hoàng Thái tử Hằng. Ngày mùng một tháng giêng năm Đinh Dậu, Tề Thái tử Hằng lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Thừa Quang, tôn Tề chủ làm thái Thượng hoàng Đế. Năm Nhâm Thìn quân Chu đến vây Nghiệp hạ, quân Tề ra đánh bị thua to. Tề Thượng hoàng dẫn trăm kỵ binh chạy về đông. Tề Đế đem thành ra hàng. Năm Giáp Ngọ, Chu Đế vào đất Nghiệp. Năm Ất Mùi Tề Thượng hoàng vượt sông vào Tế Châu. Hôm đó Ấu chủ nhường ngôi cho đại Thừa Tướng Nhậm thành chủ Giai, Giai hạ chiếu tôn Thượng hoàng làm vô Thượng hoàng, tôn Ấu chủ làm Tống Quốc Thiên Vương. Năm Bính Thân, Tề Thượng hoàng để Hồ Thái hậu ở lại Tế Châu rồi cùng với Mục Hậu, Phùng Thục Phi, Ấu chủ, bọn Hàn Trường Loan cả thảy mấy mươi người chạy qua Thanh châu muốn vào đất Trần. Quân Chu lén đuổi theo, Thượng hoàng, hậu, phi, Ấu chủ cùng hơn mười kỵ binh chạy về Nam, Úy Trì Cần đuổi theo và bắt hết, đưa họ cùng Hồ Thái hậu về đất Nghiệp. Bắc Tề gồm năm chủ, trị vì hai mươi tám năm thì diệt vong. Tháng tư, Chu Đế về đến Trường An phong Tề chủ làm Ôn Công.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Dậu: Trần, Thái Kiến năm thứ 9* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 16* | *Chu: Kiến Đức năm thứ 6* | *Bắc Tề: Ấu chủ Hằng Thừa Quang năm đầu, đất nước bị diệt vong* |
| *Mậu Tuất: Thái Kiến năm thứ 10* | *Thiên Bảo năm thứ 17* | *Chu Đế mất, con trưởng Bân lên ngôi, Tuyên Chính năm đầu, sau truyền ngôi cho Thái tử, tự xưng Thiên Nguyên Hoàng Đế* | |

Bắc Tề có sáu Đại Sư dịch kinh, dịch năm mươi hai quyển Kinh Luận, có hơn hai trăm vạn tăng, dựng hơn bốn vạn chùa viện.

***Chu:*** Tháng ba năm Kiến Đức năm thứ bảy, Đột Quyết cướp U Châu, Chu Vũ Đế thống lãnh quân binh đánh Đột Quyết, đến tháng năm vẫn chưa dẹp xong. Tháng sáu Vũ Đế về Trường An rồi chết, thọ ba mươi sáu tuổi, Thái tử Bân lên ngôi Hoàng Đế.

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Hợi: Trần, Thái Kiến năm thứ 11* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 18* | *Chu Đế tên Xiển, đổi tên là Diễn. Đại Thành năm đầu. đổi thành Đại Tượng năm đầu.* |

Tháng giêng, Chu Tuyên Đế Bân nhận ngôi ở Lộ Môn, bắt đầu cho quần thần mặc áo mão của Hán Ngụy, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Đại Thành, đặt Tứ Phụ Quan, phong đại trủng tể Việt Vương Thạnh làm Đại Tiền Nghi, Tương châu Tổng Quản Thục Công Uy Trì Hướng làm đại Hữu bật, Trung Sơn Công Lý Mục làm đại Tả phụ, đại Tư mã Tùy Công Dương Kiên làm đại Hậu thừa. Tuyên Đế truyền ngôi cho Thái tử Xiển đổi tên là Diễn, đổi Đại Thành là Đại Tượng năm đầu, Tuyên Đế tự xưng Thiện Nguyên Hoàng Đế. Tháng mười, Đế khôi phục lại tượng Phật và tượng Thiên Tôn. Tháng giêng năm Đại Tượng năm thứ hai, Đế hạ chiếu cho tất cả mệnh phụ phải cầm Hốt vào bái Tông miếu và Thiên Đài, đều phải cúi lạy như đàn ông. Tháng năm, Thiện Nguyên Hoàng Đế bệnh nặng, triệu Lưu Phương, Nhan Chi Nghi vào giường muốn dặn dò hậu sự nhưng ông bị cấm khẩu nói không được. Phương thấy Tĩnh Đế Diễn còn thơ dại, Hậu phụ (cha Hoàng hậu) Dương Kiên là người nổi danh nên cho làm trụ quốc. Bọn bái công Trịnh Dịch, Liễu Cừu cùng bàn nên để Kiên làm phụ chánh. Hôm đó Thiên Nguyên mất, thọ hai mươi hai tuổi. Phương giấu kín không phát tang. Phương và Dịch sửa chiếu cho Kiên nắm giữ hết việc quân mã của triều đình. Kiên thay đổi chính sách hà khắc bạo ngược của Tuyên Đế, khoan dung nhân từ hơn. Thiên Nguyên đúc hơn vạn tượng Phật, sai chép ba ngàn bộ kinh Bát-nhã, ăn chay, giữ tám giới, niệm Phật chuyên cần.

***Trần:*** Năm này, Trần Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Trí Khải dời về ở tại chùa Quang Trạch. Tùy Văn Đế năm Khai Hoàng năm thứ mười một, Tổng trấn Giang Hoài là Tấn Vương Quảng, tức Dương Đế, ngày hai mươi ba tháng mười một, ở Dương châu tổng quản Kim Thành, vương thỉnh Sư lập đạo tràng truyền Bồ-tát giới. Sư đặt pháp danh cho vương là Tổng Trì, Vương truy tôn Sư hiệu Trí Giả. Danh xưng Đại sư

Trí Giả bắt nguồn từ đó. Trí Giả thường dùng Ngũ thời Bát giáo để phán thích Thánh giáo đương thời của Trung Quốc, thâu tóm tất cả. Ngũ thời gồm:

1. Thời Hoa Nghiêm.

2. Thời Lộc Uyển nói về bốn bộ A Hàm.

3. Thời Phương Đẳng nói về các kinh như: Duy-ma, Tư Ích, Lăng-già, Kim Quang Minh, Thắng Man v.v...

4. Thời Bát-nhã nói về các bộ kinh Bát-nhã như: Ma-ha Bát-nhã, Quang Tán Bát-nhã, Kim Cang Bát-nhã.

5. Thời Pháp Hoa, Niết-bàn.

Bát giáo gồm: Đốn, Tiệm, Bí mật, Bất định, Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đốn v.v... bốn giáo trước là Hóa Nghi, giống như phương thuốc ở đời. Tạng v.v... bốn giáo sau là Hóa Pháp, giống như biện về vị thuốc.

1. Đốn giáo: Kinh Hoa Nghiêm dụ như mặt trời mọc, trước tiên chiếu trên núi cao, đây là thời thứ nhất. Kinh Niết-bàn v.v... dụ như từ bò cho ra sữa, tức là từ Phật lưu xuất ra mười hai phần giáo.

2. Tiệm giáo: Ba thời từ đây trở xuống có ba vị, nên gọi chung là Tiệm. Đầu tiên là ở Lộc uyển, Phật nói giáo pháp của Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v... đứng về thời thì đây là lúc mặt trời rọi vào hang tối, tức thời năm thứ hai. Đứng về vị thì đây là từ sữa cho ra lạc (cao sữa) tức từ mười hai phần giáo cho ra chín bộ kinh. Kế đến nói về Phương Đẳng bộ gồm Tịnh Danh Kinh v.v... chê Thiên bài Tiểu, khen Đại khen Viên, nói đủ cả Tứ giáo.

Tạng là Bán tự giáo. Thông, Biệt, Viên là Mãn tự giáo. Đứng về thời thì đây là đúng Ngọ (giờ ăn) tức thời năm thứ ba. Đứng về vị thì đây là lạc cho ra sinh tô (váng sữa). Giai đoạn này từ chín bộ hình thành ra Phương Đẳng. Tiếp theo nói về Bát-nhã, đứng về thời thì đây gọi là Ngu Trung (bóng nắng lệch về Tây mười dặm so với giờ ngọ) tức thời năm thứ tư. Đứng về vị thì từ sinh tô cho ra thục tô (sữa chín). Giai đoạn này từ sau thời Phương Đẳng cho ra Ma-ha Bát-nhã.

3. Bí mật giáo: Ba thời kỳ thuyết giáo của Như Lai không thể nghĩ bàn, do người này nói là Đốn, người kia bảo là Tiệm, hai bên chẳng biết nhau, nhưng hay khiến cả hai bên đều lợi ích gọi là Bí mật.

4. Bất Định giáo: Từ trong bốn vị trước, Phật dùng Nhất âm diễn nói pháp, chúng sinh tùy chủng loại nghe hiểu. Sức chẳng nghĩ bàn ấy hay khiến cho chúng sinh trong Tiệm thuyết được lợi ích của Đốn, trong Đốn thuyết được lợi ích của Tiệm, do được lợi ích không đồng nên gọi là Bất định giáo. Kế đến nói về Pháp Hoa, khai mở Đốn Tiệm ấy mà

thể nhập vào chẳng Đốn chẳng Tiệm nên gọi là khai quyền hiển thật, hay còn gọi là phát quyền lập thật, hội tam quy nhất, kinh gọi là "Trong cõi Phật mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba." Đó chính là bỏ phương tiện, chỉ nói về Vô thượng đạo. Đứng về thời thì mặt trời đúng ngọ, không hề có bóng nghiêng, đây là thời năm thứ năm. Đứng về vị thì từ thục tô cho ra đề hồ (sữa đông đặc). Giai đoạn này từ Ma-ha Bát-nhã lưu xuất ra Pháp Hoa, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, trao Tam thừa cho con người và thọ ký tất cả chúng sinh sẽ thành Phật. Kế đến nói về Đại Niết-bàn. Có hai nghĩa:

1. Diễn nói Tứ giáo cho con người chưa chứng đắc, nói rõ về Phật tánh khiến họ viên mãn chân thường vào Đại Niết-bàn, nên gọi đây là Quấn thập giáo (nhặt nhạnh).

2. Vì để hàng độn căn trong đời sau ở trong Phật pháp khởi tâm đoạn diệt thấy biết sai lầm như hoại diệt tuệ mạng, đánh mất pháp thân, diễn nói ba loại Quyền giáo để dựng dậy Nhất thật viên giáo, nên gọi đây là phù luật đàm thường (dựng luật nói Thường). Luận về thời và vị thì nó đồng với Pháp Hoa.

Tứ giáo thuộc Hóa Pháp:

1. Tam Tạng giáo: Một là Tu-đa-la tạng (Tạng kinh) gồm các kinh như bốn bộ A-hàm v.v... Hai là Tỳ-đàm tạng (Luận Tạng) gồm các luận như Câu-xá, Tỳ-bà-sa v.v... Ba là Tỳ-ni tạng (Luật Tạng) gồm năm bộ luật. Tên gọi của Tam tạng thông cả Đại thừa, Tiểu thừa, nay chỉ nói đến Tam tạng của Tiểu thừa, đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

2. Thông giáo: Thông cả ba Tạng giáo trước và Biệt, Viên ở sau.

3. Biệt giáo: Là giáo giới ngoại chỉ có pháp của Bồ-tát. Về giáo, lý, tri, đoạn, hạnh, vị, nhân, quả của nó khác hẳn ba giáo trước, khác hẳn Viên giáo sau nên gọi là Biệt.

4. Viên giáo: Vì Viên danh, Viên diệu, Viên mãn, Viên túc, Viên đốn nên gọi là Viên giáo. Điều gọi là Viên phục, Viên tín, Viên hạnh, Viên đoạn, Viên vị, Viên tự tại trang nghiêm, Viên kiến lập chúng sinh, các Kinh Luận Đại thừa nói về cảnh giới Phật không chung cùng với thứ lớp của Tam thừa đều thuộc về giáo này. Nghĩa là Pháp Hoa là kinh vi diệu nhưng có lắm người chấp giáo theo kiểu hóa thành, trệ tình theo kiểu Thích Thảo Am, khai mở quyền môn phương tiện, bày diệu lý chân thật, dung hợp hạnh nhỏ của muôn thiện, kết quy về Nhất thừa rộng lớn, Sư lập ra Huyền nghĩa, lấy tên là ngũ trùng gồm giải thích danh, biện về thể, nói rõ tông, luận về dụng, phân ra giáo tướng. Danh thì nêu cả pháp và dụ, đó là diệu pháp Nhất thừa tức là bản tánh của chúng sinh ở trong

vô minh phiền não nhưng không bị nhiễm, giống như hoa sen trong bùn nhơ nhưng bản chất thường sạch nên lấy hoa sen đặt tên. Kinh này khai quyền hiển thật, phát quyền lập thật, hội quyền quy thật, giống như hoa sen có cái nghĩa hàm dung, khai, tàn; giống như hoa sen mang nghĩa ẩn hiện kết hạt, đó cũng chính là từ Bản bày Tích, từ Tích hiển Bản. Phàm đề kinh không ngoài bảy loại đơn phức của nhân, pháp, dụ. Đơn có ba loại, phức có ba loại và một loại Cụ túc thâu nhiếp tất cả. Danh là Diệu Pháp liên Hoa kinh đây là một trong ba loại phức, vì có cả Pháp và Dụ. Danh là để gợi đến Thể, Thể chính là Thật tướng, nghĩa là tất cả tướng nếu lìa Thật tướng thì không có Thể. Tông này là nhân quả Nhất Thừa, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật là trên hết. Dụng là lực dụng, lực dụng của nó nhằm khai mở và thể nhập. Sau cùng là phán giáo tướng để luận về pháp giáo cả một đời của Phật, phán chia thành Ngũ thời Bát giáo. Giáo lý đã rõ ràng nhưng không có quán hạnh thì không thể trở về lại với bản tánh, nên phải dựa vào lý không, giả, trung của tam đế hay tam chỉ tam quán, nhất nhất chỉ quán tâm, niệm niệm bất khả đắc. Trước không, kế là giả và sau là trung, lìa nhị biên mà quán Nhất tâm, giống như trăng ở ngoài mây, đây là hành tướng của Biệt giáo. Lại nói: "phá tất cả hoặc, không gì hơn không, lập tất cả pháp không gì hơn giả, rốt ráo tất cả tánh không gì hơn Trung. Một Trung thì tất cả Trung, không có Giả, không có Không nào mà chẳng Trung. Không và Giả cũng như vậy, đây là hành tướng của Viên giáo. Như ba con mắt của Ma-hê-thủ-la thiên, chẳng phải khác với ngang dọc. Tam quán viên thành thì pháp thân chẳng trống không. Vì lo người học đời sau mù mờ trong việc tu tánh, hoặc rơi vào Thiên chấp, nên ngài lại lập ra nghĩa của Lục tức để cắt đứt mối lo đó. Lục tức gồm:

1. Lý tức Phật: Chúng sinh trong mười pháp giới cho đến nhộng tằm đều bẩm thọ diệu tánh, từ xưa đến nay thường trụ trong giác thể thanh tịnh, trong tánh nhất lý viên mãn, bình đẳng.

2. Danh tự tức Phật: Tuy lý tánh bình đẳng nhưng do trôi lăn nên chẳng biết lực dụng hằng ngày, cần phải mượn ngôn giáo bên ngoài huân tập, được nghe danh tự, sinh lòng tin, phát tâm hiểu.

3. Quán hạnh tức Phật: Khi đã nghe danh xưng là hiểu biết rồi phải nhờ Tam quán để trở về cội nguồn.

4. Tương tợ tức Phật: Công năng quán hạnh sâu thì phát ra diệu dụng tương tợ.

5. Phần chứng tức Phật: Ba tâm đã khai phát thì chứng đắc diệu dụng của Chân như, ngôi vị dần dần thù thắng.

6. Cứu cánh tức Phật: Đoạn sạch vô minh, giác tâm viên mãn, chứng vô sở chứng.

Sáu giai vị trên đều đã tức Phật chẳng thiếu chẳng thừa, đủ cả ba thân Pháp, Báo, Hóa làm Chánh báo, tùy duyên ở bốn cõi làm Y báo. Bốn cõi ấy gồm: Thường tịch quang pháp tánh độ là nơi Pháp thân cư trú. Thật báo vô chướng độ nhiếp thọ hai thứ thọ dụng: Tự thọ dụng độ thì Báo Phật tự ở, tha thọ dụng độ thì Đăng Địa Bồ-tát ở. Phương tiện hữu dư và Tịnh uế đồng cư độ đều là Ứng hóa độ, là nơi Bồ-tát trước vị Thập địa, Nhị thừa, phàm phu cư trú. Kỳ thật thì chẳng phải thân, chẳng phải độ, không hơn không thua, vì đối với cơ duyên nên giả lập ra thân độ, rồi phân ra hơn kém. Ngài đã chứng đắc thân độ dung nhau, Quyền Thật vô ngại nên hơn ba mươi năm ngài ngày đêm diễn nói, sinh đủ bốn lợi ích, viên mãn bốn Tất-đàn. Tất có nghĩa biến khắp, Đàn được dịch là bố thí. Pháp của ngài ban thí cho khắp hữu tình, tùy căn cơ đều được lợi ích. Như nói: Thế giới Tất-đàn sinh Hoan hỷ ích. Hành trạng của ngài trong lúc bình sinh, xem trong năm Ất Mùi thì rõ. Trong bộ Thỉ Chung Tâm Yếu của Tổ Thiên thai năm thứ chín là Tôn giả Kinh Khê ghi: Tam đế là tánh đức tự nhiên. Trung đế là thống nhiếp tất cả pháp, Chân đế là mẫn diệt tất cả pháp, Tục đế kiến lập tất cả pháp, nêu một tức đủ ba, chẳng trước chẳng sau. Chúng sinh vốn đầy đủ không phải nhờ tạo tác mà được. Than ôi! Bí tàng không biểu hiện là do ba hoặc lấp che, nên vô minh che lấp pháp tánh, trần sa ngăn ngại hóa đạo, kiến tư hoặc trở ngại không tịch, thế nhưng bản chất của ba hoặc này đều là hư vọng. Vì thế Đại Giác từ tôn bùi ngùi than rằng: “Trong cõi Chân Như dứt sạch giả danh của sinh vật, trong tuệ bình đẳng không có hình tướng tự tha, chỉ vì chúng sinh vọng tưởng không tự chứng đắc nên không thể trở về.” Bởi vậy, ngài lập ra Tam quán để phá Tam hoặc, chứng Tam trí thành tựu Tam đức. Không quán phá kiến tư hoặc chứng Nhất thiết Trí thành tựu Bát-nhã đức. Giả Quán phá trần sa hoặc chứng Đạo chủng trí thành tựu Giải thoát đức. Trung Quán phá Vô minh hoặc chứng Nhất thiết chủng trí thành tựu Pháp thân đức. Nhưng Tam hoặc, Tam quán, Tam trí, Tam đức này chẳng phải khác nhau chẳng phải khác thời, vì lý tự nhiên đó đầy đủ các pháp. Nhưng tánh của Tam đế này nó vốn như vậy, mê Tam đế thì chuyển thành Tam hoặc, hoặc phá nhờ Tam quán, quán thành thì chứng Tam trí, Trí thành thì thành tựu Tam đức.Từ nhân đến quả không phải tiệm tu. Nói để mà biết thứ lớp chứ lý chẳng có thứ lớp, lưới lớn đã như vậy thì mắt lưới có thể tìm ra.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Tý: Trần, Thái Kiến năm thứ 12* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 19* | *Chu: Đại Tượng năm thứ 2* |

Tháng hai, Chu Đế hạ chiếu: "Phật pháp rộng lớn, xưa cùng tôn sùng, lẽ đâu nay chôn vùi phế bỏ mà không theo. Từ nay, vương công cho đến lê dân đều nên tu trì để tỏ rõ ý Trẫm."

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Tân Sửu: Trần, Thái Kiến năm thứ 13* | *Thiên Bảo năm thứ 20* | *Chu: Tháng giêng đổi niên hiệu Đại Định, tháng hai nhường ngôi cho Tùy* | *Tùy nhận ngôi nhà Chu. Khai Hoàng năm đầu* |

Tháng hai năm Đại Tượng năm thứ hai, Chu Tĩnh Đế cho đại Thừa Tướng Tùy Công Dương Kiên làm tướng quốc, tổng quản trăm quan, phong tước Vương, đem hai mươi quận như An Lục v.v... làm nước Tùy, khen lạy chẳng kêu tên, đủ lễ Cửu tích nhưng Kiên chỉ nhận tước và mười quận mà thôi. Tháng giêng năm Tân Sửu, Tĩnh Đế đổi niên hiệu Đại Định. Tháng hai, thông trực tán kỵ Dữu Quý Tài khuyên Tùy Vương nên thuận ý trời mà nhận ngôi Thái phó Lý Mục, đại tướng quân Lư Bí cũng khuyên Vương. Thế rồi Chu Đế hạ chiếu nhường ngôi và ra ở cung riêng, lệnh cho Kỷ Công Thung đem ngọc tỷ của Hoàng Đế và chiếu nhường ngôi cho Tùy. Nhà Chu gồm năm chủ, trị vì hai mươi lăm năm. Tùy Vương nhận ngọc tỷ, vào điện Lâm Quang, mặc áo đội mão giống như lễ nghi của Nguyên Ngụy, đại xá thiên hạ, lấy niên hiệu Khai Hoàng, bỏ lục quan của nhà Chu, theo phép cũ của Hán Ngụy, phong Chu Đế làm Giới Công, chín năm sau Giới Công mất.

* Tùy Đế họ Dương tên Kiên, người Hoa Âm, Hoằng Nông, là cháu mười bốn đời của Hán thái úy Dương Chấn. Cha ông là Trung ban đầu thờ Chu Văn Đế nhiều lần lập chiến công, làm quan đến chức Thái phó, Tùy Quốc Công Kiên được tập phong. Chu Đế cưới con gái của Kiên làm phi cho Thái tử. Thái tử tức Tuyên Đế. Tĩnh Đế lập Kiên làm phụ chánh, Kiên nhận ngôi nhà Chu, lấy hiệu Hỏa đức, đóng đô ở Trường An. Tháng ba niên hiệu Khai Hoàng năm đầu, Đế hạ chiếu: "Từ Ngũ Nhạc trở xuống đều phải dựng một ngôi chùa". Tháng bảy Đế hạ chiếu rằng: "Kính vâng, Thái Tổ Vũ Nguyên Hoàng Đế ba đời làm

quan tạo dựng đế nghiệp cho ta, ngưỡng vọng thần minh, sự ngầm chân tịch, nghĩ muốn rộng Sùng Bảo Sát, mở rộng Già-lam, tăng trưởng nhân phước, hầu giúp diệu chỉ. Tương Dương, Tùy Quận, Giang Lăng, Tấn Dương đều phải lập một ngôi chùa, dựng bia ca tụng đức, mỗi năm đến ngày quốc kỵ phải thiết trai hành đạo, thọ Bát quan trai, sám hối, thờ phụng thần linh.” Tháng tám, Đế lại hạ chiếu: “Năm xưa đạo nhà Chu suy, giặc giã nổi khắp, Trẫm tự tay luyện binh trừ hết yêu mị, những người tiết nghĩa liều mình quên thân dưới làn gươm giáo, nghe có người chết, Trẫm nghĩ đó là quần sinh phải chịu khổ binh đao, ôm lòng chí đạo, mang tâm độ thoát, nghĩ lập phước điền pháp lực giúp ngầm, mong thần dân chết trận căn lành tăng trưởng những kẻ phản nghịch từ tối vào sáng, đều thấu khổ không, đều cứu sinh tử. Trên chiến địa ở Tương Châu nên dựng một ngôi Già-lam.” Đối với những người dân phạm pháp đã mãn hạn, Đế dẫn dắt bọn họ thiết trai cúng dường. Mùa đông năm đó, Sa-môn Trí Châu v.v... từ Tây Vực về dâng 260 hai trăm sáu mươi Phạm bản kinh cho Đế. Đế lệnh giao cho Hữu Ty rồi mời người phiên dịch. Tùy Đế ở ngôi hai mươi bốn năm, thọ sáu mươi bốn tuổi. (theo Tùy Thư Đế Kỷ)

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Dần: Trần, Thái Kiến năm thứ mười bốn, tháng giêng Đế mất* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 21* | *Tùy: Khai Hoàng năm thứ 2* |

Tháng sáu, Tùy Đế hạ chiếu cho dựng đô ấp ở núi Long Thủ, Trường An. Thành lấy tên là Đại Hưng, điện cũng lấy tên là Đại Hưng, chùa lấy tên là Đại Hưng Thiện. Đế cho dân trong nước được phép xuất gia, nhưng phải tính theo nhân khẩu bỏ tiền ra để tạo dựng kinh tượng, phong Pháp sư Đàm Diên làm Chiêu Huyền Thượng Thống, sắc lệnh cho dịch kinh, lại sắc phong Pháp sư Tăng Mãnh trụ trì chùa Đại Hưng Thiện, sau tấn phong Tùy Quốc Đại Thống Tam Tạng Pháp Sư. Lúc chưa nhận ngôi, Đế đi qua hết bốn mươi châu, lúc này Đế dựng bốn mươi chùa Đại Hưng Quốc Tự trong các châu ấy.

Hậu Chủ: Húy Thúc Bảo, con trưởng Tuyên Đế, tháng giêng năm Nhâm Dần ông lên ngôi Hoàng Đế. Tháng chín, ông mở pháp hội Vô Ngại ở điện Thái cực, xả thân xuất gia, rồi xa giá về triều lại. Ông ở ngôi bảy năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Chí Đức bốn năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Mão: Trần, Chí Đức năm đầu* | *Hậu Lương: Thiên Bảo năm thứ 22* | *Tùy: Khai Hoàng năm thứ 3. Tháng ba dời về Tân Đô* |

***Tùy***: Tháng giêng, Đế hạ chiếu: "Trẫm sùng kính Thánh giáo, nghĩ giữ cơ đồ, những chùa chiền bị triều Chu phế bỏ, đều nên trùng tu". Đế lại ban sắc lệnh: "Hiếu sinh ghét sát là gốc của vương chính, Phật đạo ban giáo, nghiệp thiện đáng nương, súc dưỡng hàm linh, chỉ mạng là quan trọng, nên khuyến hóa thiên hạ đồng lòng cứu hộ." Các chùa viện trong kinh thành cho đến các châu do quan lại lập ra, trong tháng giêng, tháng năm, tháng chín thường tổ chức đạo tràng hành đạo từ mồng tám đến rằm. Trong ngày đó, muôn dân gần xa, hễ loài có sinh mạng thì không được giết." Đế lại ra chiếu thỉnh Pháp Sư Minh Thiệm phiên dịch kinh văn, trụ trì chùa Đại Hưng Thiện, lại sắc lệnh cho Thích Tuệ Viễn làm Lạc Châu Sa-môn Thống.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Thìn: Chí Đức năm thứ 2* | *Thiên Bảo năm thứ 23* | *Khai Hoàng năm thứ 4* |

Tháng ba, Tăng thống Bảo Quỳnh nước Trần thị tịch, thọ 81 tuổi, Đế lệnh cho Hữu Ty chu cấp lễ vật an táng, nhưng dùng nghi vệ trụ trượng của Thiên Tử để trang hoàng.

Do sinh ra từ nơi nền cũ của Bát-nhã ni tự, nên Tùy Đế dựng lại chùa Đại Hưng Quốc tự để cầu phước cho Thái Tổ Vũ Nguyên Hoàng Đế và Nguyên Minh Hoàng Thái hậu.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Tỵ:<br>Chí Đức năm thứ 3* | *Thiên Bảo năm thứ 24, tháng năm Khuy mất, Thái tử Tông nối ngôi* | *Khai Hoàng năm thứ 5* |

***Tùy Đế thỉnh Pháp sư Kinh để thọ Bồ-tát giới.*** Đế hạ chiếu rằng: "Trẫm xưa tu nhiều phúc, kính nối mệnh báu nên mới muốn về nương chánh giác, kính sùng quả Thánh. Nay thỉnh Pháp sư Kinh vào điện Đại Hưng Thiện để truyền Bồ-tát giới. Nhưng giáo lý của Bồ-tát lấy giải thoát làm đầu, gốc của giới hạnh lấy Từ bi làm trước, nay nhà tù tăm tối, trẫm thường áy náy, từ tội đày trở xuống đều được phóng thích."

Đế lại ban lệnh: “Phật đem chánh giáo phó chúc quốc vương, Trẫm là người kính nhận Phật phó chúc, từ nay về sau đến hết đời Trẫm, mỗi tháng thường mời mười bốn vị Tăng luân phiên đọc kinh, gồm bốn kinh sư, ba vị Đại đức, đọc tụng tất cả kinh văn tại điện Đại Hưng Thiện.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Ngọ: Chí Đức năm thứ 4* | *Hậu Lương: Tống, tức Cử Công, Quảng vận năm đầu* | *Khai Hoàng năm thứ sáu, Thục Vương Tú và Phi Cơ thỉnh Thích Pháp Tiến vào cung truyền giới* |
| *Đinh Mùi: Trinh Minh năm đầu* | *Quảng Vận năm thứ 2* | *Khai Hoàng năm thứ 7* |

+ Trần, năm Trinh Minh. Tống Tư Trị Thông Giám tránh tên húy miếu hiệu của Nhân Tông Hoàng Đế nên ghi là Tường Minh, nay theo bản cũ.

+ Tùy, tháng tám, triệu Lương chủ vào triều. Lương chủ dẫn quần thần của mình sang Giang Lăng, Tùy Đế thấy Lương chủ vẫn tại ngoại, nên sai Vũ Hương Công Thôi Hoằng Độ đem binh đánh Giang Lăng. Thúc phụ của Lương chủ là An Bình Vương Nham sợ Hoằng Độ đánh úp, nên đuổi hết văn võ, nam nữ hơn mười vạn người chạy qua Trần. Tùy Đế nghe tin phế bỏ nước Lương, bái phong Lương chủ Tông làm Trụ Quốc, ban cho tước Cử Công. Ba vua của Hậu Lương đều sùng kính Phật pháp, dựng nhiều chùa tháp, gồm một trăm lẻ tám ngôi chùa, độ ba ngàn hai trăm Tăng ni.

* Trần, trong năm Chí Đức, Pháp sư Tuệ Bố dựng chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, Kiến Khang. Trần Đế và các vương đều thọ giới với ngài tôn thờ ngài như Phật. Ngài thị tịch hai mươi ba tháng mười một năm này.

* ***Tùy Đế mời Pháp sư Đàm Thiên, Đế hạ chiếu:*** “Hoàng Đế kính thăm Từ Châu Đàm Thiên Pháp Sư, nhờ lòng tin cần giáo pháp lợi lạc vô biên, thừa phong thưởng đức, thật mong tưởng hoài, xin Pháp sư đến ngay cho, đáp lại mong cầu lao nhọc của Trẫm.” Đàm Thiên vào kinh hoằng dương rộng giáo pháp.

| | |
|---|---|
| *Mậu Thân: Trần, Trinh Minh năm thứ hai, tháng năm phế Thái tử Dận làm Ngô Hưng Vương, lập con của Trương Quý Phi là Thâm lên làm Thái tử* | *Tùy: Khai Hoàng năm thứ tám, tháng mười cử đại binh đánh Trần.* |
| *Kỷ Dậu: Trinh Minh năm thứ ba, diệt vong* | *Khai Hoàng năm thứ chín, Tùy Đế thống nhất thiên hạ* |

* ***Lý Sĩ Khiêm:*** Ông mất năm Khai Hoàng năm thứ tám. Sĩ Khiêm tự Tông Ước, thuở nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất kính hiếu. Tộc trưởng của ông là Bá Dương thường khen: “Đứa trẻ này là Nhan tử của ta”. Trong ngót ba mươi năm ông thường cho thuốc và giã ngũ cốc, rất ham Phật lý, động tĩnh đếu lấy giới định thúc liễm. Có người bảo ông tu âm đức, Khiêm cười đáp: “Phàm âm đức nó giống như tai nghe tiếng, chỉ mình biết mình, ngoài ra không ai biết được. Nay những gì tôi làm Nhân giả đều biết thì làm gì có âm đức”. Sĩ Khiêm rất giỏi về biện luận lý màu, có người nghi thuyết báo ứng của Phật, Sĩ Khiêm dẫn dụ rằng: “Ông nghe kinh Dịch ghi: Tích thiện thì vui mãi, tích ác tai ương hoài, đó lẽ đâu chẳng phải là minh chứng cho việc dứt lỗi đó ư!” Khách lại hỏi tam giáo hơn kém thế nào, Sĩ Khiêm đáp: “Phật là mặt trời, Đạo là mặt trăng, Nho là năm sao”. Khách nghe xong, tỉnh ngộ. Kỷ dậu: Trinh Minh năm thứ ba diệt vọng Khai hoàng năm thứ 9, Thiên hai thông nhất.

* Tháng giêng (năm Kỷ Dậu) Trần Đế có được Tùy Lô châu tổng quản Hàn Cầm Hổ, Tùy Đế hạ chiếu cho san bằng thành ấp cung thất ở Kiến Khang, lại Tưởng Châu Ban Sư ở thành Thạch Đầu, sai trưởng sử hữu bộc xạ Tư mã Vương Thiều trấn giữ Thạch Đầu. Tháng ba cùng vương công, bá quan đến Kiến Khang, tháng tư họ đến Trường An. Tùy Đế cấp tặng Trần chủ rất hậu, nhiều lần cho dẫn gặp, Ban đồng quan tam phẩm. Năm Nhân Thọ năm thứ tư, Trần chủ mất, Đế ban hiệu đại tướng quân Trường thành huyện công, thụy là Dương Đế.

Nước Tần có ba người dịch kinh, dịch hai trăm quyển Kinh Luận, dựng một ngàn hai trăm ba mươi hai ngôi chùa, đất nước có mười bảy ngôi chùa mới, trăm quan dựng cả thảy sáu mươi tám ngôi, ba trăm ngôi chùa lớn trong thành, ba vạn hai ngàn Tăng ni.

Nhà Trần gồm năm chủ, trị vì ba mươi ba năm, đất nước về nhà Tùy.

* ***Nhà Tùy:*** Họ Dương, lấy hiệu Hỏa Đức, đóng đô ở Trường An,

gồm Cao Tổ Văn Hoàng Đế, Dương Đế, Cung Đế, Việt Vương Đồng (em Cung Đế) đổi niên hiệu Hoàng Thái năm đầu.

+ ***Cao Tổ Văn Đế***: Húy là Kiên, nhận ngôi từ nhà Chu (xem trong năm Tân Sửu về sau). Khai Hoàng hai mươi năm, Nhân Thọ bốn năm.

Mùa Xuân năm Canh Tuất, tức Khai Hoàng thứ mười, Đế xa giá đến Tấn Dương ban sắc lệnh: "Từ năm Khai Hoàng thứ mười về trước những Tăng ni được độ riêng đều cho phép xuất gia. Từ nay về sau, lệnh cho hoàng tử năm thứ tư là Thục Vương Tú dựng chùa Thắng Quang ở kinh đô". Đế hạ chiếu thỉnh Pháp sư Đàm Thiên cùng đồ chúng ở đó, nhận sự cúng dường của Vương.

* ***Thiền sư Trí Thuấn:*** Hồi ấy, Sư thờ Thiền sư Trù ở núi Bạch Lộc, năm thứ mười Sư về bắc, vào núi Tán Hoàng, thanh danh vang xa. Năm ấy Đế hạ chiếu: "Hoàng Đế kính thăm Triệu châu, Chương Hồng Sơn, Trí Thuấn Thiền sư, đạo thể khinh an, dẫn dắt quần sinh, khiến mau thành tựu, Trẫm rất vui mừng. Trẫm mở rộng chánh pháp, đêm không giải đãi. Nay sai Khai phủ Lô Nguyên Thọ đến tuyên ý Trẫm, cùng tặng vật thơm." Tháng mười một, Đế hạ chiếu "Như Lai bày giáo, nghĩa lý bình đẳng, Bồ-tát dụng tâm vốn không sai khác, nên hay dìu dắt phàm tình, tế độ muôn loại. Trẫm ở ngôi nhân vương, nối tiếp Tam bảo, thường luận chí lý, hoằng dương Đại thừa, các pháp rỗng rang không thể bỉ ngã, huống gì là phước nghiệp lại có chung, riêng. Từ nay hễ bồi lập công đức khắp trong vòm trời, thầy cứ tự do thi thiết theo ý của mình, mong chớ sinh nghi, ngõ hầu tất cả pháp môn đồng về Bất nhị, mười phương thế giới đều đến Bồ-đề". Năm này Pháp sư Đàm Diên thị tịch, ngài là thầy của Đế ba triều. Trước khi lâm chung, ngài dâng biểu từ biệt Đế, phó thác Đế làm người ngoại hộ. Đế khóc rất bi thương, trăm quan mặc tang phục tống táng. Nội sử Tiết Đạo Hành soạn văn tế, đại lược ghi: "Xưa gặp đạo mất, lưới huyền rơi rụng, gởi tâm núi sâu, vững chắc chẳng lay, ngôi cao lộc hậu không thể thay đổi lòng, pháp chế nghiêm khắc không đủ sinh hoảng sợ. Thánh hoàng mở vận, tượng pháp lại hưng, đứng đầu chúng Tăng, tước cũng cao nhất, khép lòng kính của quân vương, mở đạo nghĩa thầy trò, Tam bảo nhờ đó được hộ khắp, Nhị đế nhờ vậy được tuyên dương, tin chắc ngài đủ để theo vết tích Đồ Trừng, La-thập, vượt xa Đạo An, Tuệ Viễn vậy".

Tháng hai mùa Xuân năm thứ mười ba, Đế hạ chiếu xây cung Nhân Thọ ở phía Bắc Chính châu, phủ Phụng Tường, Thiểm Tây. Thục Vương Tú đi săn ở đồng hoang Chính Châu, ngựa bỗng rớt vào cái lò nung cổ, trong lò đầy ắp tượng Phật, Bồ-tát. Đế nghe tin liền hạ chiếu,

các tượng ấy phải rước hết về quan phủ, kiểm soát chặt chẽ rồi đưa hết về chùa mới, nhân dân quanh vùng mỗi người góp một tiền giao cho quan để trang sức tượng. Đế soạn sớ văn rằng: "Ngày tám tháng mười hai, đệ tử Phật, Tùy Hoàng Đế Dương Kiên kính bạch mười phương Tam bảo, ngưỡng mong Như Lai hoằng đạo cứu độ hàm linh, đoạn nguồn tà ác, mở đường thiện nhân, để triều đình muôn dân có nơi nương tựa. Đời Chu loạn lạc, khinh miệt Thánh tích, phá hủy chùa tháp, đốt phá kinh tượng, làm cho người ngu không có người dẫn dắt, kẻ trí chẳng biết đâu tìm bậc linh Thánh. Đệ tử xưa nhờ nhân duyên Tam bảo, nay được vận thịnh, làm cha mẹ dân, cứu giúp bá tánh, nêu rõ dung tôn, kính sùng thần hóa, nền hư vách đổ đã được sửa sang, tượng gãy kinh hư đều cho khắc soạn. Đệ tử nay đối trước Tam bảo chí tâm sám hối. Nhà Chu đập tượng đốt kinh, khinh tăng phá chùa tội nặng như thế con xin sám hối kính cúng mười hai vạn tấm lụa để chuộc tất cả tội đập tượng đốt kinh, xin Tam bảo chứng minh cho con sám hối. Hoàng hậu cũng cúng ngần ấy lụa, từ vương công đến trưởng quan chủ tướng, tá sử châu huyện, Tăng ni các chùa, tôn túc trong kinh, cho đến lê dân mỗi người cúng tiền, hôm sau thiết trai kính trùng tu kinh tượng".

Đế lại hạ chiếu: "Dưới chân núi nổi tiếng của các châu mỗi nơi dựng một chùa Tăng, cấp cho trang điền". Năm thứ mười bốn, Đế ban lệnh: "Trong khắp nước chỉ cần có chùa núi từ một tăng trở lên đều được cấp tên chùa, những nơi tự xây lấy cùng tên đó". Đế lại mời Sa-môn Pháp Kinh và hai mươi Đại đức soạn Chúng kinh mục lục, bảy quyển, nêu chung chín bộ lục, phân ra phẩm loại. Pháp sư Đàm Sùng dựng tháp Phật cao mười một tầng. Ngày mười ba tháng mười, ngài không bệnh mà tịch. Tháng mười Đế hạ chiếu, những nơi tế tự do Bắc Tề, Hậu Lương, Trần phá hủy, lệnh cho Cao Nhân Anh Túc Tông, Trần Thúc Bảo theo mùa mà sửa sang cúng tế, mọi vật dụng chi phí do Hữu Ty chu cấp. Trần Thúc Bảo theo Đế lên Mang Sơn ở Lạc Dương hầu uống rượu ngâm thơ phú. Thơ rằng: "Nhật nguyệt soi đức trời, núi sông vững Đế ở, thái bình không vì báo, mong vua ghi Đông phong". Thúc bảo dâng biểu xin Phong Thiền, Đế vui mừng hạ chiếu đáp lời. Năm thứ mười lăm, Đế thấy Tăng ni thường bị lỗi lầm, luật do Phật chế không cho thế tục xem, mới lệnh cho Hữu Ty căn cứ kinh Đại tiểu thừa, lấy những lời cấm chế cho Sa-môn, rút ra chép hết lại lấy tên Chúng Kinh Pháp Thức mười quyển, khuyên nhắc xuất gia tránh ác làm lành. Đế và Hoàng hậu dựng Liên Cơ phù đồ ở Pháp Giới Ni Tự trong kinh thành, phía dưới an trí xá-lợi Phật. Tháng bảy tháp phóng Đại quang minh. Đế

thỉnh Thiền sư Pháp Thuần vào kinh truyền giới cho Hoàng hậu. (Tam Bảo Kỷ).

Đế gởi thư cho Sa-môn Tuệ Tắc v.v... ở chùa Song Lâm, Vụ châu. Thư ghi: "Trẫm làm vua thiên hạ, trùng hưng giáo pháp, muốn cho Tam bảo trường tồn, bốn loài nhờ phước, nghĩ đến các thầy tuyên dương đạo Thánh, rất xứng đức dày".

Năm thứ mười sáu, Đế thỉnh Luật sư Hồng Tuân giảng luật. Lúc này mọi người chỉ chuộng Luật Tăng-kỳ, Sư liền mở rộng Tứ phần, dần dần ai nấy đều thích học. Tháng giêng năm năm thứ mười bảy, Sa-môn Bảo Quý đem hết những bản kinh mới dịch từ Khai Hoàng Đến nay dâng lên Đế, Đế tự tay soạn bài tựa. Học sĩ dịch kinh Phí Trường Phòng, người Thành Đô, ban đầu làm tăng, đến khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, ông hoàn tục, Tùy lên nắm thiên hạ nhưng ông vẫn làm cư sĩ không xuất gia nữa, lúc này ông tham dịch làm Bút Thọ về Từ Nghĩa. Ngày hai mươi ba tháng mười hai năm này, ông dâng Đế bộ Lịch Đại Tam Bảo Kỷ mười lăm quyển do mình soạn, Đế hạ chiếu cho lưu hành. Bộ Kỷ này ghi đủ các kinh và dịch giả của nhiều đời. Năm này, nhóm họp hết Tăng ni được độ riêng trong cả nước cho thọ giới hết. Năm thứ mười tám, Đế lại gởi thư cho Sa-môn Tuệ Tắc v.v...ở chùa Song Lâm, Vụ châu, thư ghi: "Trẫm nhận mệnh trời, nuôi dưỡng lê dân, tôn sùng Tam bảo, hết mình cứu giúp, mong hàm linh mười phương nhờ phước nghiệp này đều lên nơi nhân thọ. Các thầy tuyên dương Thánh giáo cho khắp quần sinh, tinh cần khổ hạnh, rất vừa ý Trẫm, lợi lạc vô ngần, chớ từ lao nhọc".

Tháng hai năm thứ mười chín, Luật sư Trí Văn tịch. Năm năm thứ hai mươi, Đế hạ chiếu, những kẻ phá hủy tượng Phật bị ghép vào tội ác nghịch.

Năm Tân Dậu, tức Nhân Thọ năm đầu, khi Đế chưa lên ngôi từng gặp Phạm Tăng trao cho một bọc Xá-lợi Phật. Tháng ba năm đó, Đế ra sắc lệnh cho ba mươi châu như: Kỳ, Ung, Thái, Hoa, Tung, Hoành v.v... mỗi châu đều dựng tháp xá-lợi. Tháng sáu Đế hạ chiếu: "Ngưỡng mong Chánh giác Đại từ đại bi cứu hộ chúng sinh, dẫn dắt hàm thức. Trẫm quy y Tam bảo, trùng hưng Thánh giáo, muốn cùng bốn biển đồng tu phước nghiệp, mãi tạo nhân lành, đồng lên diệu quả. Nay thỉnh ba mươi tám Sa-môn am tường pháp tướng đủ sức hoằng hóa, mỗi vị dẫn hai thị giả một tản quan (quan có hàm nhưng không có chức) mang một trăm hai mươi cân Huân lục hương, chia đường để đưa xá-lợi qua khắp ba mươi châu để dựng tháp. Mỗi châu chọn ba trăm sáu mươi tăng cùng thần dân

trong nước vì Trẫm mà hành đạo bảy ngày, hạn chót đến giờ Ngọ ngày rằm tháng mười, rồi cùng hạ hòm đá, đọc văn sám hối. Bồ-tát giới đệ tử Hoàng Đế Kiên kính bạch Tam bảo. Kiên nhờ sức Tam bảo làm vua cha muôn dân, nay xin phân chia xá-lợi dựng tháp, nguyện vì chúng sinh sám hối tội nặng". Giờ Ngọ ngày rằm tháng mười, Đế ngự tại điện Đại Hưng, đứng quay mặt về phía Tây, tay cầm ngọc khuê, thỉnh tượng Phật và ba trăm sáu mươi Sa-môn cầm tràng phan, bảo cái, trỗi nhạc, từ Đại Hưng Thiện tự nghinh về đến điện, Đế đốt hương lễ lạy, tất cả bá quan văn võ đều ăn chay. Khi xá-lợi Phật đã nhập tháp xong, Đế nói: "Phật pháp trùng hưng tất có cảm ứng. Lúc đó sứ giả của ba nước Cao Ly, Bá tế, Tân La sắp về nước, họ đều xin thỉnh xá-lợi về nước mình dựng tháp cúng dường. Đế đồng ý cho. Ngày hai tháng mười hai, Đế nghinh ba mươi hột xá-lợi vào bình lưu ly để trong hộp vàng, đưa về Trường An, Đại Hưng Thiện tự dựng tháp. Tăng tục đến vạn ức người nghinh đón đến chùa, mở pháp hội Vô-giá. Đế Kiền thành sám hối.

Tháng giêng năm thứ hai, Đế lại phân chia xá-lợi cho năm mươi ba châu như: Kỳ, Thiểm, Hằng, Hàng v.v..., cách thức dựng tháp cũng giống như trước, kỳ hạn đến giờ Ngọ tháng Tư Đồng an trí hòm Xá-lợi. Rằm tháng năm, ở Ung Châu trời mưa hoa báu mạt vụn như vàng. Rằm tháng bảy, chùa Diên Hưng ở Trường An đúc tượng Phật bằng vàng đồng cao một trượng sáu, trời mưa hoa báu mạt vụn như bạc.

Tam tạng Xà-na-bạt-đa người Thiên Trúc dịch những bộ kinh như Hộ Quốc v.v... trong năm này. Ngài dịch tổng cộng ba mươi chín bộ, một trăm chín mươi hai quyển. Đế hạ chiếu thỉnh Phiên Kinh Học sĩ, Sa-môn ở chùa Hưng Thiện soạn Chúng Kinh Mục Lục năm quyển, gồm chung năm bộ lục rồi tùy loại phân ra.

Năm thứ ba, Hoàng hậu mất, Đế dựng tháp bảy tầng, dựng chùa Thiền Định ở Tây nam Kinh Ấp, ban sắc chỉ cho Hữu Ty thỉnh Thiền sư Thiên trụ trì, hạ chiếu thỉnh một trăm hai mươi Thiền sư danh đức trong cả nước cùng ở và hành đạo.

* Văn Trung Tử Vương Thông vân du về Tây, đến Trường An, gặp Đế trong điện Thái Cực, tâu lên mười hai điều khiến thiên hạ thái bình, nội dung tôn phò vương đạo, đẩy cao nghiệp bá, xét cổ bàn kim. Đế rất vui nói: "Ta già rồi cũng chẳng sống bao lâu nữa". Đế đưa sách lược đó xuống bàn với công khanh, công khanh không thích lắm. Thông biết mưu lược của mình không được dùng, bèn làm bài ca Đông Chinh rồi trở về, nối tiếp Thi Thư, sửa lại lễ nhạc, tu sửa Nguyên kinh, tán Dịch đạo, chín năm thì hoàn thành Lục kinh. Môn nhân từ xa đến học

gồm: Đổng Thường ở Hà Nam, Diêu Nghĩa ở Thái Sơn, Đỗ Như Hối ở Kinh Triệu, Lý Tĩnh ở Triệu quận, Trình Nguyên ở Nam Dương, Đậu Uy ở Phù Phong, Tiết Thâu ở Hà Đông, Giả Quỳnh ở Trung Sơn, Phòng Huyền Lịch ở Thanh Hà, Ngụy Trưng ở Cự Lộc; Vương Khuê, Ôn Ngạn Bác ở Thái Nguyên, Trần Thúc Đạt ở Dĩnh Xuyên, họ đều tôn ông làm thầy, quay mặt về bắc nhận đạo giúp đế vương, ngoài ra những người tới lui thọ học lên đến hơn ngàn người. Giả Quỳnh hỏi: Làm sao diệt phỉ báng? Ông đáp: Không biện luận. Làm sao dứt oán? Ông đáp: không tranh giành. Vương Thông nói tiếp: nghe phỉ báng mà giận là kẻ lừa bịp sàm tấu, kẻ được khen mà vui là thói môi giới gian nịnh. Dứt lừa bịp, bỏ môi giới, thì cách xa sàm tấu, dua nịnh vậy.

Hồi đó, Dương Đế nhiều lần mời nhưng ông không đến. Năm Đại Nghiệp năm thứ mười ba, ông bị bệnh, nghe Dương Đế bị hại, ông bùi ngùi rồi bất chợt nói: “Muôn dân ghét loạn lâu rồi! Có người muốn mở vận Nghiêu Thuấn nhưng ta không còn sống với họ được” sau đó ông mất, môn nhân truy thụy là Văn Trung Tử. Ông từng đứng ở giữa mà lập luận định nghị Luận ngữ. Trong thiên Chu Công ông nói: Thi Thư thịnh nhưng nhà Tần diệt vong, không phải lỗi của Khổng Tử; Huyền Hư phát triển nhưng nhà Tấn loạn, không phải tội của lão Trang; tu trai giới nhưng Lương diệt vong, không phải tội của Thích-ca. Kinh Dịch đâu chẳng nói: “Nếu không phải người ấy thì đạo chẳng hành suông”. Có người hỏi đến Phật, ông đáp: Thánh nhân. Hỏi: Đạo ấy thế nào? Ông đáp: Giáo của phương Tây, Trung Quốc lại chấp nê. Ông nói tiếp: Xem Hoàng Đế rất thích bàn luận, Tam giáo vì thế là một rồi.

Em ông là Vương Tích cũng viết sách, lấy hiệu là Đông Cao Tử. Văn Trung Tử giảng đạo ở Khe Bạch Ngọ, đệ tử cầm sách quay mặt về bắc sắp thành hàng xung quanh nhà học. Giảng xong, Trình Sinh lui ra nghiền ngẫm dưới gốc tùng, khi bàn đến Chu Dịch, Tiết Thâu than: Chẳng bằng họ Phục Hy thì nhiều lời làm gì! Lúc bấy giờ có một người vác cỏ linh thoăn thoắt đi tới vất cỏ xuống ngồi nghỉ rồi hỏi: Ông than cái gì? Tiết Thâu đáp: Ông là ai mà lại hỏi tôi than? Người vác cỏ đáp: Phàm lệ chu có màu đỏ, thêm mực thì đen, rồi dần dần thành đen. Nay cái ông uống vào là đạo mà vẫn còn than, thì lục phủ ngũ tạng không thể tiếp nhận, bởi vậy ta mới hỏi. Tiết Thâu nói: Thâu tôi nghe thầy mình dạy, Dịch là cái sâu xa của đạo, Phục Hy họa ra Bát quái rồi Văn Vương thêm vào, tôi không thấu đạt được văn nên than. Người vác cỏ Linh nói: “Văn vương nào có bệnh mà Phục Hy là người bệnh nặng. Xưa Phục Hy chưa họa Bát Quái thì Tam tài lẽ nào chẳng lập, Tứ tự lẽ đâu

chẳng vận hành, trăm vật lẽ đâu chẳng sinh, vạn tượng há chẳng sum suê? Vậy thì quần đi quần lại làm gì, họa thật uổng phí. Từ khi Phục Hy làm tiết lộ bí mật của đạo, làm lậu cơ thần, chia bày thái hòa, phân chẻ nguyên khí khiến người trí trong thiên hạ dối đạo nghịch xuất, rằng ta giỏi bàn tượng lại biết vật tình, âm dương giao thoa, xa gần cùng hội, lập ra thuyết cương nhu đồng dị để hù doạ chí người. Vì thế, biết nhưng chẳng biết lại phát tán hết rồi, cho nên Phục Hy mới là mầm loạn, ông đâu thể than hoài rồi trách cứ Văn Vương". Nói xong, người ấy vác cỏ đi. Thâu chạy theo hỏi tên họ, chỗ ở nhưng ông ta không đáp. Văn Trung Tử nghe được nói: "Ôi! Người ở ẩn!"

Tháng giêng năm Giáp Tý, tức Nhân Thọ năm thứ tư, Đế hạ chiếu: "Trẫm nay nhận mở vận, dưỡng dục muôn dân, tuân thờ Thánh giáo, trùng hưng pháp thiện. Như Lai đại Từ che chở hàm linh, đều thấy xá-lợi, dẫn dắt hàm thức. Trẫm đã phân bố cho khắp nơi đều dựng linh tháp. Trong số đó vẫn còn các châu chưa có xá-lợi, nay lại thỉnh chư Đại đức phụng nghinh xá-lợi đến các châu ấy, dựng tháp giống cách thức trước để cùng muôn dân đồng hưởng phước nghiệp". Đế hạ sắc lệnh cho Luật sư Pháp Tuân v.v.. nghinh xá-lợi đến hơn ba mươi châu khác như Bác châu, Giáng châu v.v.. tất cả đều theo cách thức trước, hạn chót là mồng tám tháng Tư Đồng loạt an trí xá-lợi. Đế sắp đi tránh nóng ở cung Nhân Thọ, Thuật Sĩ Chương Cừu Đại Dực can gián nhưng Đế không nghe, liền xa giá đến cung Nhân Thọ. Tháng tư Đế bị bệnh, tháng bảy thì mất, Thái tử Quảng lên ngôi. Đế từng chép bốn mươi sáu tạng kinh gồm một trăm ba mươi ngàn quyển, từng khắc bốn trăm bộ kinh cũ, đúc hơn sáu vạn tượng bằng vàng, đồng, chiên-đàn, sửa sang lại hơn một triệu năm trăm lẻ chín ngàn tượng cũ. Trong cung số tượng được thêu, dệt, vẽ đơm kết tràng ngọc năm màu thật không đếm xiết, trùng tu hơn năm ngàn ngôi chùa viện, đạo tục dịch kinh gồm hai mươi bốn người, dịch hơn năm trăm quyển Kinh Luận (Thính giáo lục).

*__*Dương Đế:*__* Tên là Quảng, con năm thứ hai của Cao Tổ Văn Đế, được phong Tấn Vương. Năm Khai Hoàng năm thứ hai mươi, phế Thái tử Dũng lập Quảng là Hoàng Thái tử. Tháng bảy năm Nhân Thọ năm thứ tư, ông lên ngôi, ở ngôi mười ba năm, bị Lịnh Cô Hành Đạt thất cổ ở Giang Đô, thọ ba mươi chín tuổi. Niên hiệu Đại Nghiệp mười bốn năm.

Tháng Giêng năm Ất Sửu, tức Đại Nghiệp năm đầu, Đế dựng Tây Thiền Định tự để cầu phước cho Cao Tổ, lại dựng chùa Giáng Thánh ở Cao Dương, gởi thư cho Song Lâm Phó Đại sĩ ở Vụ châu. Thư ghi:

“Trẫm kính thừa vận báu dưỡng dục muôn phương, muốn mở mang đức hóa lan khắp phương xa v.v...”. Bắt đầu đặt khoa Tiến sĩ. Tháng ba, Đế hạ chiếu: “Cho phép chọn người mưu lược được dân ngợi khen và thứ dân có tài sung vào phán định việc được mất của chánh sự, nay chuẩn bị đến khắp các vùng Hoài Hải để xem xét và thay đổi phong tục”. Lệnh cho bọn Vũ Văn Khải, nội sử xá nhân Phong Đức Nghệ dựng cung Hiển Nhân, Nam giáp Trác Tương, bắc đến Lạc Tân, đốn chở các thứ gỗ quý đá quý ở phía Nam Đại Giang, phía Bắc Ngũ Lĩnh về hết Lạc Tân. Lại tìm gỗ quý, hoa thơm cỏ lạ, thú hiếm chim quý khắp trong nước thả đầy trong thượng uyển. Lại sai Thượng thư hữu thừa Hoàng Phủ Nghi phát động dân chúng các quận Hoài Bắc trước sau hơn trăm vạn dân khai thông kênh ngòi. Từ Tây Uyển dẫn qua Lạc Thủy rồi đổ ra Hoàng Hà, lại từ Bản Chử dẫn nước qua đầm Lịch Vinh rồi vào sông Biện. Lại từ phía Đông Đại Lương dẫn nước sông Biện vào sông Tứ đến sông Hoài. Lại phát động hơn mười vạn dân ở Hoài Nam mở bờ cừ, thông kênh ngòi. Từ Sơn Dương đến Dương Tử vào Trường Giang, kênh rộng bốn mươi bộ, hai bên làm đường và trồng liễu. Từ Trường An đến Giang Đô đặt hơn bốn mươi Ly Cung. Lại sai bọn hoàng môn thị lang Vương Hoằng qua Giang Nam đóng thuyền rồng và mấy vạn thuyền lớn khác. Tháng năm, dựng Tây Uyển, chu vi hai trăm dặm, bên trong đào biển rộng hơn mười dặm, lập phương trượng, các núi Bồng Lai nhô khỏi mặt nước hơn một trăm thước, đài quán, cung điện mọc đầy trên núi, dựa lưng vững chãi. Phía bắc biển có kêng Long Lân uốn quanh chảy vào trong biển, trên bờ kênh cho xây mười sáu viện, cửa đều hướng ra kênh. Mỗi viện đều do phu nhân của quan tứ phẩm làm chủ. Điện đường, lầu quán cực kỳ tráng lệ. Cây cối trong cung, mùa Đông mùa thu điêu tàn thì cắt hái hoa lá nơi khác kết lên cành nhánh, ngả màu liền thay hoa mới, màu sắc tươi như sắc xuân. Trong kênh rạch cũng thường cắt tỉa sen, súng, lăng, ấu v.v... cỡi thuyền dạo chơi thì rẽ nước mà hái. Nhà vua càng thích dạo chơi đêm trăng đem theo cả mấy ngàn cung nữ, kỵ binh lên chơi Tây Uyển, soạn Thanh dạ du khúc lập tức tấu lên. Tháng tám, Đế xa giá đến Giang Đô phát động người trong cung Hiển Nhân ra Lạc Khẩu đón thuyền rồng. Thuyền rồng gồm bốn tầng, cao bốn mươi lăm thước, dài hai trăm thước. Tầng trên có chánh điện, nội điện, triều đường đông tây. Hai tầng giữa có một trăm hai mươi phòng đều trang sức bằng vàng ngọc. Tầng dưới cùng là bọn nội thị ở. Hoàng hậu cỡi thuyền Tường Ly, kích thước nhỏ hơn nhưng lộng lẫy không kém. Người chèo thuyền đều mặc gấm lụa. Lại có mấy ngàn thuyền khác như: Phù

Cảnh, Dạng Thái, Chu Ô, Thương Ly, đến hơn tám vạn người chèo, mái chèo nối nhau dài hơ hai trăm dặm, chiếu sáng cả bờ sông. Kỵ binh xếp hàng đi trên hai bờ sông, cờ xí rợp trời. Mỗi lần Đế xuất du, nghi trượng cờ xí thường xếp dài hơn hai mươi dặm.

Tháng ba năm thứ hai, Đế rời Giang Đô, tháng tư vào Đông Kinh, lập đạo tràng mở Vô Giá pháp hội, độ một trăm hai mươi sĩ nữ, làm Tăng ni, đúc tượng Phật Thích-ca ngồi bằng vàng đồng để cầu phước cho Văn Đế, dựng chùa Hoằng Thiện ở Tinh châu, tượng Di-đà ngồi cao một trăm ba mươi thước ở núi Bàng Long, lập đạo tràng Tuệ Nhật ở Dương Châu, chùa Thanh Thiền, Nhật Nghiêm, Hương Đài ở Trường An. Lại dựng hai chùa hai tháp, dựng riêng hai chùa nữa để cầu phước cho Văn Hoàng Hiến Hậu, tu sửa sáu trăm mười hai tạng kinh cũ, gầm chín trăm lẻ ba ngàn năm trăm tám mươi quyển, mười một ngàn pho tượng cũ, đúc ba ngàn tám trăm năm mươi sáu pho tượng mới, độ mười sáu ngàn hai trăm tăng. Mỗi lần tuần du, Đế thường đem theo Tăng ni, đạo sĩ, nữ quán, và gọi đó là Tứ đạo tràng.

Ngày hai mươi tám tháng giêng năm thứ ba, Đế thiết trai và dâng sớ rằng: Hoàng Đế Bồ-tát giới đệ tử bạch khắp Tam bảo, kính cẩn vì muôn dân trong nước dựng lập thắng duyên, thỉnh tăng hành đạo bảy ngày, độ một ngàn tăng, nguyện đem công đức này khắp vì chúng sinh làm thanh tịnh tội cấu, cùng đến Bồ-đề.

Tháng ba Đế về Trường An, do pháp lệnh những năm cuối của Cao Tổ quá khắt khe, Đế xuống chiếu chỉnh sửa lại luật lệnh. Từ lâu, dân quá chán ghét khắt khe nên rất vui với chính sách khoan dung. Lữ kỵ úy Lưu Huyễn tham dự chỉnh sửa pháp lệnh, sử bộ Thượng thư Ngưu Hoằng ôn tồn hỏi Huyễn:

- Chu lễ sự nhiều nhưng Phủ sử thì ít, nay Lệnh sử trước đã có nhiều gấp trăm lần giảm thì chẳng nên việc, phải làm thế nào?

Huyễn đáp: Người xưa giao trách nhiệm cả năm khảo xét Điện, Tối. (Công thấp thì gọi là Điện, Công cao thì gọi là Tối), án chẳng kiểm lại, văn chẳng rườm rà, trách nhiệm của Phủ sử cần phải nắm những mục chính. Thời nay Văn bộ thường lo sửa lại, nếu tập luyện không kỹ thì phải vượt vạn dặm tìm chứng cứ. Án cũ của trăm năm tồn đọng nguyên do là vậy.

Đế đổi châu thành quận, đổi phép đong lường, đo đếm theo phép chế thời xưa, đổi từ thượng trụ quốc đến hạ quan thành đại phu, đặt Điện Nội Tỉnh ở Thượng thư môn hạ. Nội sử bí thư thành Ngũ Tỉnh, tăng người yết kiến tư lệ đài và ngự sử thành tam đài, chia Thái phó

tự, đặt Thiếu phủ giám và Trường thu quốc tử tướng, đặt Đô thủy làm Ngũ Giám. Lại đổi thêm Tả hữu dực vệ thành mười sáu phủ. Phế bỏ tước Bá, Tử, Nam chỉ giữ lại ba tước Vương, Công, Hầu. Hạ chiếu phát động hơn trăm vạn tráng đinh xây Trường thành, Tây giáp Du Lâm, đông đến Tử Hà. Thượng thư tả bộc xạ Tô Uy can gián, Đế không nghe, xây hai mươi ngày thì xong. Tháng tám Đế xa giá đến Du Lâm, qua Vân Trung sông Xích Kim. Lúc này thiên hạ yên bình, trăm vật dồi dào, giáp sĩ hơn năm mươi vạn, ngựa mười vạn con. Tháng chín Đế đến Đông Đô. Năm thứ tư, Đế xuống chiếu cho phía Bắc Phần Dương, đầu nguồn Phần Châu xây Phần Dương Cung. Tháng giêng năm thứ năm, đổi Đông Kinh thành Đông Đô, hạ chiếu chia ruộng cho dân. Tháng ba Đế tuần du lên phía Tây. Năm thứ sáu, Đế ban lệnh đào thông Sông Giang Nam, từ Kinh Khẩu đến Dư Hàng hơn tám trăm dặm, rộng hơn mười trượng nhằm để thuyền rồng qua lại. Đế còn đặt Dịch quan muốn tuần du về Đông là Cối Kê. Tháng hai năm năm thứ bảy, Đế từ Giang Đô xa giá đến Trác quận. Năm Nhâm Ngọ hạ chiếu đánh Cao Ly, muôn dân nhiễu loạn. Dân ở Trâu Bình là Vương Bạc dồn dân chiếm lấy núi Trường Bạch, cát cứ hết vùng Tề, Tế, tự xưng là Tri Thế Lang, soạn Vô Hướng Liêu Đông Lãng Tử Ca để khích lệ mọi người, những người trốn chinh chiến đều đến quy tụ ông. Năm thứ tám, binh bốn phương kéo đến Cao Ly, Bình Nhưỡng lên đến một triệu một trăm ba mươi ba ngàn tám trăm người. Binh xa đến đất Liêu, các thành của Cao Ly đều giữ chặt không xuất binh. Ban đầu, chín đội quân sang đất Liêu gồm ba trăm lẻ năm ngàn người, đến khi Đế về đến thành Liêu Đông chỉ còn hai ngàn bảy trăm người, quân lương khí giới mất không kể xiết. Tháng tư năm thứ chín, Đế cho Vệ úy thiếu khanh Lý Uyên làm Lưu Thú của huyện Hoằng Hóa. Binh lính của mười ba quận ở Quan Hữu đều bị đi chinh chiến hết. Tháng hai năm thứ mười, Đế hạ chiếu cho bá quan bàn nghị đánh Cao Ly, đến mấy ngày nhưng chẳng ai dám lên tiếng. Năm Mậu Tý, Đế xuống chiếu trưng dụng hết quân trong nước chia đủ trăm đường cùng tiến binh. Cao Ly khốn đốn liền sai sứ xin hàng, Đế mới ban Sư về lại Tây Kinh. Tháng giêng năm thứ mười một, tăng số quan trong bí thư tỉnh lên đến một trăm hai mươi người, đồng thời bổ nhiệm học sĩ vào trong ấy, hạ chiếu cho Hữu Kiêu vệ tướng quân Đường Công Lý Uyên làm Thái Nguyên lưu thú, cho Vương Uy, Cao Quân Nhã làm phó tướng. Đế xa giá đến Giang Đô. Lúc này đói khổ, muôn dân phải ăn đến vỏ cây, lá cây., hoặc giã rơm rạ mà nấu ăn. Muôn thứ cũng hết sạch mới ăn thịt nhau. Đế bị giết ở Giang Đô.

Năm Đinh Sửu tức Đại Nghiệp năm thứ mười ba tháng mười một đổi niên hiệu Nghĩa Ninh năm đầu, Cung Đế lên ngôi.

* ***Cung Đế:*** Húy là Hựu, con của Nguyên Đức Thái tử Chiêu cháu của Dương Đế, được phong Đại Vương. Dương Đế đi tuần du sai Đại Vương ở lại giữ Trường An, lúc này ông mới mười ba tuổi. Tấn dương lưu thú Đường Công Lý Uyên khởi binh, Vương sai các tướng đánh chặn nhưng đều thua chạy. Tháng mười một, Uyên chiếm Trường An, đưa Đại Vương lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thiên hưng, đổi năm Đại Nghiệp năm thứ mười ba thành Nghĩa Ninh năm đầu, xa tôn Dương Đế thành thái Thượng hoàng. Uyên từ Trường lạc vào Trường An, do Uyên mượn cờ mao búa việt đại Đô đốc nội ngoại chư quân sự Thượng thư lệnh đại Thừa Tướng nên liền được phong đường vương, lấy điện Vũ đức làm phủ Thừa Tướng, lập ra các quan, dùng Bùi Tịch làm trưởng sử, Lưu Văn Tỉnh làm Trưởng mã, con Uyên là Kiến Thành làm Đường Thế tử, con thứ là Thế Dân làm Kinh Triệu Doãn Tần Công, con năm thứ ba là Nguyên Kiết là Tề Công.

| | | |
|---|---|---|
| *Ngụy Công Lý Mật chiếm Lạc Khẩu năm Vĩnh Bình đầu hàng Đường* | *Hạ, Đậu Kiến Đức (năm Đinh Sửu)* | *Lương: Lý Quỹ chiếm Lương Châu (năm An Tập)* |
| *Lương: Tiêu Tiễn chiếm Ba Lăng (năm Thiên Phụng)* | *Tần: Tiết Cử chiếm Kim Thành (năm Thái Hưng)* | *Định Dương Khả Hãn Lưu Vũ Chu chiếm Mã Ấp (năm Thiên Hưng)* |
| *Ngô: Lý Tử Thông chiếm Giang Đô.* | *Lương: Lương Sư Đô chiếm Sóc Phương (năm Vĩnh Long)* | *Sở: Chu Xán xưng đế.* |

Năm Mậu Dần, tức Nghĩa Ninh năm thứ hai, Đại Nghiệp năm thứ mười bốn, tháng giêng, Dương Đế ở Giang Đô thấy thiên hạ ngụy loạn nhưng chẳng để tâm mà muốn về bắc nên sai sửa lại cung Đan Dương muốn dời đô về đó. Lúc này Giang Đô hết lương, quân theo xa giá ở Kiêu Quả phần nhiều là người Quan trung, đã lâu làm khách nên nhớ quê hương, thấy Đế không có ý về Tây nên đa số bàn mưu làm phản để trở về. Tư mã Đức Kham, Nguyên Lễ Bùi Kiền Thông bàn rằng: "Kiêu Quả nếu mất, chẳng bằng hãy cùng đi với tôi." Họ cùng bàn với Vũ Văn Trí Cập, Trí Cập nói: "Nay trời đã thật bỏ Tùy, anh hùng nổi lên

khắp nơi, người đồng lòng làm phản đã đến mấy vạn rồi, nhân đây hãy làm việc lớn đế vương này đi!” Bọn Đức Kham đều cho là đúng, tôn Vũ Văn Hóa Cập làm chủ. Đức Kham triệu hết quan quân ở Kiêu Quả lại và phủ dụ họ biết ý định của mình, họ đều nói: “Xin nghe lệnh của tướng quân”. Ngày Bính Thìn tháng ba, trời chưa sáng, Đức Kham dẫn binh của Kiền Thông đánh vệ sĩ giữ các cửa, Kiền Thông dẫn mấy trăm kỵ binh từ cửa vào thẳng điện Thành Tượng. Bọn Đức Kham dẫn quân từ cửa Huyền Vũ vào. Đế nghe loạn, liền đổi y phục trốn đến Tây Các. Kiền Thông cùng Nguyên Lễ tiến binh. Hiệu úy lệnh Cô Hành Đạt vác đao vừa tới nhân đó đỡ đế xuống lầu đến tẩm điện. Bọn Kiến Thông, Đức Kham chống gươm đao đứng hầu. Đế than: “Ta có tội gì mà ra nông nỗi này!” Tặc Đảng Mã Văn Cử đáp: Bệ hạ trái bỏ tông miếu, tuần du không ngớt, ngoài siêng chinh phạt, trong quá xa sỉ, khiến tráng đinh chết sạch dưới cung tên. Nữ vùi đầy nơi hoang hốc. Bốn dân mất việc, giặc nổi như ong, chuyên dùng dua nịnh, bỏ người can ngăn, sao bảo không có tội”. Tặc muốn giết Đế, Đế xin uống rượu độc nhưng không được, Tặc sai Cô Hành Đạt thắt cổ ông. Tiêu Hậu và cung nhân đẽo gỗ sơn thành quan tài nhỏ tẩm liệm Đế ở Tây Viện, Lưu Châu Đường. Hóa Cập tự xưng đại thừa Tướng, tổng quản trăm quan, theo lệnh Hoàng hậu lập Tần Vương Hạo làm Đế, cho ở cung riêng, chỉ sai cho phát chiếu chỉ, viết sắc lệnh mà thôi. Vũ Văn Hóa Cập mất năm Đường Vũ Đức năm thứ hai. Vũ Văn Chí Cập và Phong Đức Di hàng nhà Đường. Tùy Cung Đế hạ chiếu lấy mười quận cho thêm nước Đường và cho Đường Vương làm Tướng quốc tổng quản trăm quan, nước Đường được đặt quan từ Thừa Tướng trở xuống, lại gia phong Cửu Tích, nhưng Đường Vương không nhận, chỉ đổi phủ Thừa Tướng thành phủ tướng quốc, còn cửu tích và những lễ khác đều trả lại cho Hữu Ty. Tháng tư tin dữ của Dương Đế Lan đến Trường An, tháng năm lan đến Đông Đô, quan lưu thú đưa Việt Vương Đồng (em Cung Đế) lên ngôi, đổi niên hiệu Hoàng Thái, cho Vương Thế Xung là Tả Bộc xạ, tổng đốc nội ngoại chư quân sự. Uy thế của Thế Sung chấn động trong ngoài, Hoàng thái chủ chỉ biết khoanh tay mà thôi. Thế Sung vốn theo Dương Đế ở Giang Đô, Lý Mật làm phản, Dương Đế sai Sung đem hùng binh của Giang Hoài đến Đông Đô đánh Mật, nhân đó giữ Sung lại Đông Đô. Tháng năm, Mậu Ngọ, Tùy Cung Đế nhường ngôi cho Đường Vương, lui về ở tại Đại Để. Tháng Giáp Tý, Đường Vương Uyên lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thái cực, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, đổi quận thành châu, đổi Thái thú thành Thứ sử. Tháng sáu, phụng Tùy Đế làm Huề quốc công. Đường

Vương hạ chiếu: “Những đời gần đây, thời vận thay đổi, thân tộc đời trước chẳng ai không bị tru di, hiệu lực của sự hưng vong đâu chỉ là sức người! Con cháu của Tùy Thái Vương Trí Tích đều giao cho Sở Ty xét tài năng mà tuyển dụng họ”.

Nhà Tùy gồm ba chủ, trị vì ba mươi bảy năm, thiên hạ hỗn loạn suốt hai mươi chín năm, đất nước cuối cùng về nhà Đường.

■

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

## QUYỂN 3

*__Nhà Đường:__* Họ Lý, lấy hiệu Thổ Đức, đóng đô Trường An, Huyền Tông đổi Trường An thành phủ Kinh Triệu, đến Túc Tông đổi thành Thượng Đô. Nhà Đường gồm: Cao Tổ, Thái Tông, Cao Tông, Tắc Thiên, Trung Tông, Duệ Tông, Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông, Văn Tông, Vũ Tông, Tuyên Tông, Ý Tông, Hy Tông, Chiêu Tông, Cảnh Tông (tức Ai Tông), Bộc Vương (do Chu Toàn Trung lập, sau đó chuốc độc ông, ở ngôi một năm, niên hiệu Thiên Thọ. Bản Kỷ không chép việc một năm của Bộc Vương).

*__Cao Tổ:__* Húy là Uyên, tự là Thúc Đức, người Thành Kỷ Lũng Tây. Ông nội ông là Hổ và tám người gồm Lý Bật v.v.. đều giúp Tây Ngụy và được phong Thượng trụ quốc. Chu Mẫn Đế nhận ngôi của Tây Ngụy, truy phong ông làm Đường quốc công. Hổ sinh ra Bính, Bính sinh ra Uyên, đều được tập phong Đường Công. Uyên làm quan cho nhà Tùy, đến Dương Đế năm Đại Nghiệp năm thứ chín, Đế phong vệ úy thiếu khanh Lý Uyên làm Lưu Thú của quận Hoằng Hóa, cấp cho mười ba quận thuộc Quan Hữu. Tháng giêng năm thứ mười hai, Đế hạ chiếu cho Hữu kiêu vệ tướng quân Đường Công Lý Uyên làm Thái Nguyên Lưu Thú. Tháng mười một năm thứ mười ba. Lý Uyên chiếm Trường An, lập Cung Đế. Tháng ba năm Mậu Dần, Tùy Cung Đế hạ chiếu cho Đường Vương lập quan từ Thừa Tướng trở xuống, gia phong Cửu Tích. Tin dữ của Tùy Dương Đế ở Giang Đô lan đến Trường An, tháng năm, Cung Đế nhường ngôi cho nhà Đường. Đường Vương lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi chín năm, thọ bảy mươi tuổi. Niên hiệu Vũ Đức chín năm.

Năm Mậu Dần: Vũ Đức năm đầu, tháng năm đổi niên hiệu, bỏ quận đặt ra châu, đổi Thái thú thành Thứ sử. Tháng năm, Đế dựng đạo tràng mở Vô Giá pháp hội ở Nam Cù, Chu Tước môn. Tháng sáu, lệnh Tăng, đạo mỗi bên sáu mươi chín người hành đạo bảy ngày tại điện Thái Cực, hết hạn thì thiết trai cúng dường cả ngàn Tăng. Tháng tám,

Tiết Cử ở Kim Thành mất, Thái tử Nhân Cảo lên kế ngôi. Đường Tần Vương Thế Dân đem binh vây, Nhân Cảo ra hàng, họ Tiết diệt vong. Tháng chín, Lý Mật hàng Đường. Hồi ấy, Lý Mật chiếm Sơn Đông lấy quốc hiệu là Ngụy, đến tháng mười hai thì làm phản, Hùng châu hành quân tổng quản Thạch Ngạn Sư vây đánh và chém Mật cùng Vương Bá Đáng.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Yên: Cao Khai Đạo chiếm Ngư Dương* | *Trịnh: Vương Thế Sung* | *Hạ: Đậu Kiến Đức xưng Vương* | *Lương: Lý Quỹ. An Tập năm thứ 2* | *Lương: Tiêu Tiễn xưng đế* | *Tần: Tiết Nhân Cảo* |
| *Định Dương Khả Hãn, Thiên Hưng năm thứ 2* | | *Ngô* | *Lương: họ Lương năm thứ 2* | | *Sở: họ Chu* |

Kỷ Mão: niên hiệu Vũ Đức năm thứ hai

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Yên* | *Trịnh: Khai Minh năm đầu* | *Hạ: Ngũ Phụng năm thứ 2* | *Lương: Đường tiêu diệt* | *Lương: họ Tiêu* | *Tần: Nhân Cảo bị Đường diệt* |
| *Định Dương: Ngô Hương năm thứ 3* | | *Ngô: Minh Chính năm đầu* | *Lương: Năm thứ 3* | | *Sở* |

Canh Thìn: Vũ Đức năm thứ ba

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Yên: Họ Cao* | *Thịnh: VươngThế Sung Khai Minh năm thứ 2* | *Hạ: Ngũ Phụng năm thứ 2* | *Lương: Tiêu Tiễn* |
| *Định Dương Khả Hãn bị Đường diệt* | *Ngô: Đỗ Phục Thành năm đầu* | *Lương: họ Lương Vĩnh Long năm thứ 4* | *Sở: họ Chu.* |

Đế dựng chùa Linh tiên, sai con thứ Lý Bá Dược soạn văn bia, hạ chiếu dựng Tứ Đại Tập Tiên Ni Tự gồm: Thiêm Xương, Thắng Nghiệp, Từ Bi, Chứng Quả, rồi chép kinh đúc tượng, bỏ Tấn Dương cựu phủ làm chùa Hưng Thánh, dựng chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, vì cầu phước cho thái tổ Nguyên Hoàng Đế, Nguyên Trinh hoàng Thái hậu, Đế tạc ba tượng chiên-đàn, đặt mười đại đức ở chùa Từ Bi để tổng quản Tăng ni.

- Tân Tỵ: Vũ Đức năm thứ tư, ban hành tiền Khai Nguyên Thông Bảo, học sĩ Âu Dương Tuân soạn văn và sách, văn ấy lưu thông ai cũng có thể đọc.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Yên:* | *Trịnh bị Đường diệt* | *Hạ bị Đường diệt* | *Lương bị Đường diệt* |
| *Hán Đông Vương* | *Ngô: họ Đỗ năm thứ 2* | *Lương* | *Sở* |

Tháng sáu, Thái sử Lệnh Phó Dịch dâng mười một điều phế bỏ Phật pháp, Pháp sư Pháp Lâm nghị luận với Đế, cáo trạng của Dịch bị bỏ.

- Nhâm Ngọ: Vũ Đức năm thứ năm

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Yên* | | | |
| *Hán: Thiên Tạo năm đầu* | *Ngô: năm thứ 3* | *Lương* | *Sở: Trương Thiệp An* |

- Quý Mùi: Vũ Đức năm thứ sáu.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Yên* | | | | |
| *Hán bị Đường diệt* | *Ngô: năm thứ 4* | *Lương bị Đường diệt* | *Sở bị Đường diệt* | |

- Giáp Thân: Vũ Đức năm thứ bảy

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Yên bị Đường diệt* | | | | |
| | *Ngô bị Đường diệt* | | | |

Tháng hai năm Vũ Đức năm thứ bảy đổi Đại Tổng quản thành Phủ Đại Đô đốc. Tháng ba, bắt đầu định lệnh, lấy thái úy, Tư Đồ, tư không làm tam công. Kế đến, Thượng thư môn hạ, trung thư, Bí thư, điện trung nội thị làm lục tỉnh, kế nữa, Ngự sử đài, rồi thái thường đến thái phủ làm cửu tự. Lại kết hợp với tác giám quốc tử học, thiên sách thượng tướng phủ, Tả hữu vệ đến Tả hữu lĩnh vệ thành mười bốn vệ. Đông cung đặt ra Tam sư, Tam thiếu chiêm sự và Lưỡng phường Tam tự đứng đầu phủ. Vương Công đặt ra quan đảm việc trong kinh thành. Châu huyện trấn nhung là quan ngoại chức sự. Từ Khai phủ nghi đồng tam ty đến Sĩ lang hai mươi tám chức đều là quan văn tán. Phiêu kỵ đại tướng quân đến bồi mậu phó úy cả thảy ba mươi mốt chức đều là quan võ tán. Từ thượng trụ quốc đến vũ kỵ úy cả thảy mười hai bậc đều là huân quan. Mồng một tháng tư bắt đầu ban hành luật lệ mới. So với pháp chế cũ của Tùy Khai Hoàng tăng thêm năm mươi ba điều mới. Bắt đầu ấn định việc chia ruộng, thu thuế. Phàm của cải của dân chia làm chín bậc. Trăm hộ là một làng, năm làng là một hương, bốn nhà là một lân, bốn lân là một bảo. Ở trong thành ấp thì gọi là phường, ở ngoài đồng nương thì gọi là thôn. Nhà hưởng bổng lộc không được giành quyền lợi với dân. Các ngành công thương được dự vào hàng kẻ sĩ. Nam nữ mới sinh thì gọi là hoàng, bốn tuổi gọi là tiểu, mười sáu tuổi gọi là trung, hai mươi tuổi gọi là đinh, sáu mươi tuổi gọi là lão. Một năm thì khai Kế Tràng, ba năm thì khai Hộ tịch.

Ất Dậu: Vũ Đức năm thứ tám, tháng hai, Đế bỏ cách thức ở quốc học, đặt ra Tam tòa, mở ra Tam tông, chiêu mộ học giả của tam Giáo hội tập. Thích Tuệ Thừa nêu cao nghĩa học, biện luận, vương thần vui vẻ thán phục, cả triều đều biết đến ngài.

Bính Tuất: Vũ Đức năm thứ chín, tháng hai, Thái sử lệnh là Phó Dịch cấu kết với Đạo sĩ Lý Trọng Khanh dâng vua "Thập Dị Cửu Mê Luận" nhằm chê bai Phật thánh. Dịch dâng sớ phỉ báng Phật pháp cả thảy bảy lần. Tể tướng Tiêu Vũ bài xích thẳng Phó Dịch. Tháng tư, Đế đem sớ tấu của Dịch ban phát cho chư tăng. Pháp sư Thích Minh Khái vạch ra tám điều mà dịch quyết phá Phật hủy Tăng. Pháp sư Pháp Lâm

soạn “Thập Dụ Cửu Châm” phá luận thuyết “Thập Dị Cửu Mê” của Lý Trọng Khanh. Môn Hạ Điển Nghi Lý Sư Chính soạn Nội Đức Luận ba thiên bày đủ sự lợi ích của nhà Phật. Tháng năm, Đế hạ chiếu sa thải những lời viễn vong của cả hai giáo phái.

Mồng bốn tháng sáu, Tần Vương Thế Dân đem binh phủ bình định nội loạn. Đế cho Tần Vương làm Hoàng Thái tử, đại xá thiên hạ, đình chỉ việc sa thải hai giáo phái, hạ chiếu tháng tám nhường ngôi cho Thái tử. Thái tử lên ngôi ở Đông Cung, Hiển Đức điện. Cao Tổ xưng Thái Thượng hoàng Đế.

**Thái Tông Văn Hoàng Đế:*** Húy Thế Dân, con năm thứ hai của Cao Tổ ở ngôi hai mươi ba năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Trinh Quán hai mươi ba năm.

Đinh Hợi: Trinh Quán năm đầu, mùa Xuân tháng giêng, Đế lệnh cho Tăng ni trong kinh cùng các nơi hành đạo bảy ngày tại các chùa, phẩm vật cúng trai do Hữu Ty xét cấp. Ngày hoàn mãn cùng nhóm họp tại chùa Đại Hưng Thiện để Đế cúng dường. Đế bảo Phó Dịch: Phật đạo huyền nhiệm, dấu Thánh đáng noi, hơn nữa báo ứng rõ ràng, nhiều lần ứng nghiệm, nhưng khanh vẫn chẳng tỏ ngộ lý này là tại sao vậy? Dịch đáp ngược ý, rất ghét, từ đó về sau Đế chẳng đếm xỉa đến ông.

***Bỏ sát sinh, dựng chùa:*** Năm này, Đế xả cung cũ Thái Hòa ở núi Chung Nam làm chùa Long Điền cầu phước cho Cao Tổ, sau lại dựng chùa Thúy Vi. Đế thấy Thích Minh Chiêm rất giỏi y thuật, nên triệu vào điện cúng dường. Nhân đó ngài bày tỏ cách chế ngự cho Đế vương, rằng lấy từ bi cứu khổ của nhà Phật làm nơi thú hướng. Đế vui mừng, và hạ lệnh ngày sáu tháng ba hằng năm cả nước không được sát sinh, nơi những chiến trận xưa đều dựng chùa Phật.

- Mậu Tý, tháng ba năm thứ hai, Đế nghĩ lại lúc mới bình định thiên hạ đã giết quá nhiều người, nên đã lấy ngự phục cúng các chùa, thỉnh Tăng lễ sám cầu siêu. Đế hạ chiếu: “Từ cuối nhà Tùy mở lòng nghĩa, chăm cứu vớt, đánh đông dẹp bắc, phàm người tử trận thật không ghi hết, tự tay chém tướng gần cả ngàn người. Thiết nghĩ Thánh giáo Như Lai thâm sâu nhân từ, trong các giới cấm, sát hại nặng nhất. Giao cho Hữu Ty, các chùa kinh thành hãy lập đàn tràng, hành đạo bảy ngày đêm, chí thành lễ sám, tất cả y phục đều đem cúng thí, mong nạn ba đường nhân đây giải thoát, thống khổ muôn kiếp nhờ đây hết sạch”.

Tháng chín, Đế hạ chiếu: Nay thóc lúa tốt tươi, muôn báu sắp thành, vẫn sợ mưa gió mất mùa, dân không nơi nương tựa, dám mong người thông minh, nhân từ nhiều phước, hãy vì điềm lành trời cao, ngưỡng

mong che chở, có thể trong kinh thành, hoặc tự quán các châu trong nước, Tăng ni đạo sĩ hãy đọc kinh hành đạo bảy ngày bảy đêm. Tháng giêng, tháng bảy hằng năm cứ theo lệ thường này mà hành đạo."

***Giới luật:*** Năm này, vua hạ chỉ mời Pháp Sư Huyền Uyển vào cung truyền trao Bồ-tát giới cho Phi tần, hoàng Thái tử và các vương. Huyền Uyển nhập diệt tháng mười hai năm Trinh Quán thứ mười. Ngài dâng biểu để lại rằng: "Thánh đế minh vương cung kính Tam bảo, nếu Sa-môn nào phạm pháp đừng nên xử phạt như thứ dân, xin giao cho chúng Tăng, dựa trên luật mà trị.". Ngài còn dâng Đế bộ An Dưỡng Luận và Tam Đức Luận, Đế vui mừng nhận. Đế hạ chiếu truy điệu, sai Thái tử viếng tang, lệnh Hữu Ty cung cấp phẩm vật an táng. Đời Đường, sắc lệnh Sa-môn khởi nguyên từ ngài. Đế còn cho dựng một tháp Phật ngay nơi mộ ngài, sai con thứ là Lý Bá Dược soạn văn bia.

Kỷ Dậu: Tháng ba năm thứ ba, Đế hạ chiếu cho Tăng ni trong kinh thành cứ ngày hai mươi bảy hàng tháng hành đạo ngay tại chùa mình đang ở, lấy các kinh như Nhân Vương, Đại Vân làm thời khóa thường lệ. Tháng ba, Đế hạ chiếu mở đạo tràng dịch kinh tại chùa Đại Hưng Thiện. Sa-môn Huyền Môn v.v.. dịch ngữ, Luật sư Quật-đa làm chứng dịch; Pháp Lâm, Tuệ Nguyệt v.v.. chấp bút; Tuệ Thừa v.v.. chứng nghĩa. Sai Bộc Xạ Phòng Huyền Lệnh, Cấp Sự Đỗ Chánh Luân, Thượng thư Lý Hiếu Cung tham gia trợ dịch san định. Quang lộc đại phu thái phủ Khanh Tiêu Cảnh làm Tổng giám hộ. Trăm quan cùng trợ giúp. Tháng sáu, Đế hạ chiếu thỉnh Minh Tịnh Thiền sư ở Mật cchâu vào kinh cầu mưa. Đế hạ chỉ độ ba trăm Tăng. Đế hạ chiếu đổi cung cũ của Hoàng gia là Thông Nghĩa Cung làm chùa ni, lấy tên là Hưng Thánh. Tháng mười một, Đế hạ chiếu thỉnh tượng thêu của Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Kim cang về chùa Thắng Quang để cúng dường. Tháng giêng năm thứ sáu, Đế thỉnh bốn mươi chín đại đức ở các chùa hành đạo suốt hai mươi mốt ngày để khánh thành các tượng thêu. Ngày hoàn mãn, Đế cúng dường cả ngàn Tăng, Vương công đều dâng hương.

- Xây chùa: Tháng mười hai nhuần, Đế nhớ nghĩ những u hồn trệ phách từ họ Tùy đến nay, nên hạ chiếu: "Nhà Tùy mất đạo, chín châu điêu linh, Trẫm đích thân tổng quản Nguyên nhung, đến nay quét sạch, rất lo sợ ở dưới chín suối vẫn còn kẻ chịu cột đồng, vạc sôi, nơi tám nạn mãi vướng trong băng giá, tro tàn. Bởi vậy, Trẫm gieo trồng ruộng phước cứu những hồn phách ấy. Có thể từ khi dấy nghĩa đến nay, những nơi giao tranh, anh hùng nghĩa sĩ, hung đồ bại trận bỏ mình, mỗi nơi ấy dựng một ngôi chùa nhằm kết thắng duyên với Tăng chúng, mong trống

pháp khua vang, biến lửa dữ thành sen xanh, nghe được lời kinh biến biển lửa thành cam lồ. Quan sở ty hãy kiểm định xứ sở và dựng khắp chùa, làm đủ mọi điều để tỏ tấc lòng bi ai của Trẫm."

Năm sau, trên khắp chiến hào đều dựng Già-lam. Nơi phá quân Tiết Cử dựng chùa Chiêu Nhân ở U châu, phá Vương Thế Sung dựng chùa Chiêu Giác ở Lạc châu, phá Lưu Vũ Chu dựng chùa Hoằng Tế ở Phần Châu, phá Tống Kim Cương dựng chùa Từ Vân ở Tấn Châu, phá Hoắc Lão Sinh dựng chùa Phổ Tế ở Lữ châu, phá Đậu Kiến Đức dựng chùa Đẳng Từ ở Trịnh Châu, phá Lưu Hắc Thát dựng chùa Chiêu Phước ở Lạc Châu, lệnh cho Ngu Thế Nam, Lý Bá Dược, Chử Toại Lương, Nhan Sư Cổ, Sầm Văn Bản, Hứa Kính Tông, Chu Tử Xa cùng chia nhau soạn văn bia cho các châu mỗi nơi dựng đó.

Năm Trinh Quán năm thứ hai mươi, Đế đánh Liêu trở về, lập đàn cầu siêu cho chiến sĩ, dựng chùa Mẫn Trung ở U châu. Năm Canh Dần, Đế cho rằng y phục chưa có khác biệt nên tháng tám hạ chiếu: "Từ nay y phục của tam phẩm trở lên màu tía, tứ phẩm ngũ phẩm màu lục đào, lục phẩm, thất phẩm màu xanh lục, bát phẩm màu xanh. Phụ nữ mặc y phục giống màu của chồng.

****Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang:*** Mùa Đông năm Trinh Quan năm thứ ba, ngài sang Tây Vực thỉnh những bộ kinh chưa truyền đến Trung Quốc. Ngài vào triều dâng biểu nhưng Đế không cho đi, thế là ngài trốn đi. Từ Nguyên Châu, ngài ra khỏi Ngọc Quan, qua các nước như Cao Xương, Diệp Hộ. Năm Trinh Quán năm thứ bảy, ngài đến Trung Ấn, gặp Đại Thừa Cư Sĩ nhận Du-già Sư Địa, vào Vương Xá thành, dừng ở chùa Na-lan-đà, theo Thượng Phương Giới Hiền Luận Sư thọ học tông chỉ Du-già, Duy Thức. Ngài ở đây mười năm và từ Vương xá thành trở về. Tháng giêng năm Trinh Quán năm thứ mười chín ngài về đến Kinh sư. Lưu thú Trường An Phòng Huyền Lệnh dâng biểu bẩm với Đế. Năm Nhâm Thìn ngài đến Lạc Dương. Tháng ba Kỷ Hợi, ngài gặp Đế ở điện Nghi loan. Đế hỏi: "Thầy đi sao không đến báo Trẫm?" Ngài đáp: "Lúc ấy thần ba lần dâng biểu, nhưng không được bệ hạ ưng chuẩn, mới tự đi." Đế nói: "Thầy hay cầu pháp quên thân, lợi ích hữu tình, Trẫm rất hài lòng." Nhân đó, ngài tâu vua những bản Kinh Luận tiếng Phạm do mình thỉnh về gồm sáu trăm năm mươi bảy quyển và xin đến chùa Thiếu Lâm ở Tung sơn, Lạc Dương vì nước tuyên dịch. Đế nói: "Trẫm vừa dựng chùa Hoằng Phước để cầu phúc cho Mục Thái hậu, thầy có thể để đến đó phiên dịch". Vua lệnh cho Huyền Chương Phòng Huyền Lệnh chuyên tâm giám hộ, mọi vật dụng cần thiết cho công việc

đều do quốc khố chu cấp. Tháng sáu năm Trinh Quán năm thứ hai mươi hai, Đế viết bài tựa cho Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo gồm những bộ kinh do ngài mới dịch. Lúc này Hoàng Thái tử xem Thánh tự xong liền soạn thuật Thánh ký. Đế hạ chiếu cho Hoàng Thái tử soạn lời bạt trong Bồ-tát tạng kinh. Tháng tám, Đế ban cho ngài trăm nén vàng, y phục và bảo đao. Ngài dâng biểu tạ ơn, đại khái nói: "Áo nhẫn nhục màu hợp mây trôi, đao trí tuệ lưỡi như ngọc dũa, kính mặc y để đoạn ma phiền não, đeo bảo đao cắt sạch lưới trần lao." Đời Cao Tông, năm Vĩnh Huy Năm thứ ba, ngài dựng tháp ở chùa Từ An để an trí số Kinh Luận bằng tiếng Phạm. Ngài dâng biểu, Đế ban tặng những y phục vật dụng của những người đã mất của bảy cung như đại nội, đông cung, dịch đình v.v.. Giúp ngài hoàn thành ngôi tháp. Ngài xây theo cách thức của Tây Vực, tháp hoàn thành, cao hai trăm thước. Tháng mười năm Hiển Khánh năm thứ tư, Đế đổi cung Ngọc hoa làm chùa để truy điệu Tiên đế và thỉnh ngài ở. Năm sau, ngài dịch kinh Bát-nhã tại chùa Ngọc Hoa. Tháng hai niên hiệu Long Đức năm đầu, ngài sai đệ tử Đại Thừa Quang sao chép những bộ Kinh Luận đã dịch gồm bảy mươi lăm bộ, một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển, lại triệu môn nhân dựng tượng thiết trai từ biệt đại chúng, sai Tả hữu niệm Phật Di-lặc. Nửa đêm mồng năm, ngài năm nghiêng bên phải an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi. Đế không thiết triều ba ngày, lệnh tẩm liệm ngài trong quan vàng quách ngọc. Tháng tư, dựng tháp ở Sản Đông Nguyên.

Đệ tử ngài như Thần Thái, Lâu Nguyên, Hội Ẩn, Tuệ Lập, Minh Duệ, Nghĩa Bao, Đại Thừa Quang đều là bậc long tượng trong pháp môn. Ngài đem tông chỉ Duy Thức, Du-già Sư Địa mà mình đã thọ học với Luận Sư Giới Hiền ở Tây Vực truyền trao cho Khuy Cơ.

*****Thiền sư Pháp Dung ở núi Nguy Đầu:*** Sư họ Vi, người Diên Lăng Nhuận Châu. Năm mười chín tuổi học thông kinh sử, sau xem đại bộ Bát-nhã hiểu thấu chân không. Ngày nọ, Sư chợt than: "Đạo Nho, sách đời không phải pháp rốt ráo. Bát-nhã chánh quán mới là thuyền bè xuất thế." Thế rồi, Sư ẩn cư ở Mao Sơn, theo thầy thế phát, sau vào hang núi phía Bắc chùa U Thê, núi Ngưu Đầu, Kiến Khang để tĩnh tọa quán tâm. Lúc này có những điềm lạ như chim muôn dâng hoa, cọp sói ở quanh Sư. Sau Tứ Tổ hóa độ Sư.

- Tân mão: Năm thứ năm, Đế dựng chùa Từ Đức ở cung Khánh Thiện, chùa Diêu Đài ở Chiêu Lăng cầu phước cho Mục Thái Hậu, hạ chỉ thỉnh Pháp sư Huyền Uyển vào chùa Đức nghiệp nơi Thượng uyển vì hoàng Thái hậu chép kinh Phật. Đế lại dựng tàng kinh ở chùa Diên

hưng, uỷ thác Uyển làm giám hộ.

- Nhâm Thìn: Năm thứ sáu, xuống chiếu sửa phủ cũ Thái Nguyên thành chùa Thiên Cung, truy phụng Mục Thái hậu, lại dựng chùa ở Đại Thành Tây, Trấn An Thành, cầu phước cho Mục Thái hậu, lấy tên là chùa Hoằng Phước.

- Quý Tỵ: Năm năm thứ bảy, ban lệnh cấm đánh bắt cá, sát sinh, độ ba ngàn Tăng ni.

- Tháng tư năm Trinh Quán năm thứ chín, Thái Thượng hoàng mất. Tháng mười một Đế hạ chiếu: "Tam thừa dung hòa, tế độ trên hết, Bát chánh quy y, từ bi làm đầu, khơi biển trí tuệ, phổ lợi quần sinh chặt rừng phiền não, lợi ích muôn vật. Trẫm kính phụng ngai vàng, cung thờ mệnh báu, giáo huấn chí đức xa mấy cũng tỏ, phép tắc đại Thánh sâu mấy cũng tường, muốn khiến người người thoát khỏi trói vây, nhà nhà gieo trồng nhân thọ. Thiện duyên tán loạn, Tăng chúng giảm thiểu, đài hoa tháp báu, nhà vắng người không, lông trắng sen xanh, gió lùa mưa thấm, lời mầu mai một, diệu ý chôn vùi. Các châu trong nước, chỗ nào có chùa thì hãy độ Tăng ni nhiều nhất là ba ngàn. Những châu lớn nhỏ, người có Hoa, Di, tùy nơi mà độ nhiều hay ít. Quan Hữu Ty xét kỹ, cốt phải nêu cao đức độ. Những người trước đây, do giảm Tăng số mà hoàn tục, hoặc những Cư sĩ tự tu nếu hạnh nghiệp đáng noi thì cũng cho độ ngần ấy, ắt không ai dư thừa cũng không được khuyết thiếu. Nếu có nhiều tăng đồ trôi theo thế tục, hoặc mượn uy quỷ thần làm trò yêu mị, hoặc dối xưng đồng bóng mượn đạo cầu lợi, hoặc đốt chích thân thể, hù tục doạ ngu, hoặc đến bọn quan nhận tiền đút lót, phàm những người này quá trái Thánh giáo, Trẫm dù nể tình hộ trì cũng không thể nhân nhượng. Từ nay lệnh cho sở ty dựa trên giới luật khuôn vàng thước ngọc, sáng suốt ngăn chặn."

- Bính Thân: Trinh Quán năm thứ mười, Hoàng Thái tử Thừa Càn hỏi Trương Sĩ Hành rằng: "Thờ Phật bồi phước, báo ứng thế nào?" Hành đáp: "Thờ Phật là ở lòng thanh tịnh nhân từ, nếu tham lam bạo ngược dù dốc hết của cải cúng Phật cũng không đổi hết tai họa. Vả lại thiện ác báo ứng như bóng theo hình. Thánh nhân nói rất rõ, nếu vua sáng suốt, tôi trung thành, con hiếu thuận thì phước độ lâu bền, bèn ngược lại thì chuốc họa". Sĩ Hành dùng những lời này nhằm sửa đổi tâm tính Thái tử. Về sau Thái tử Thừa Càn mất đức, Trinh Quán năm thứ mười bảy Đế phế Thừa Càn làm dân thường, lập Tấn Vương Trị làm Hoàng Thái tử.

+ Thị Tộc Chí: Tháng giêng năm Trinh Quán năm thứ mười hai,

Lại Bộ Thượng thư Cao Sĩ Liêm, huỳnh môn thị lang Vi Đĩnh, Lễ bộ thị lang Linh Cô Đức Tỷ, Trung thư thị lang Sầm Văn Bản soạn xong bộ Chí về tộc họ, lấy Huỳnh môn thị lang Thôi Dân Cán làm đệ nhất, Đế không bằng lòng, mới sai san định lại, phải lấy phẩm vật của đương triều để phân cao thấp. Cuối cùng lấy hoàng tộc đứng đầu, kế đến Ngoại thích, đưa Thôi Dân Cán xuống hàng năm thứ ba, gồm cả thảy hai trăm chín mươi ba họ, một ngàn sáu trăm năm mươi mốt nhà, ban hành khắp nước.

+ ***Hòa Thượng Đỗ Thuận:*** Ngài tên Pháp Thuận, họ Đỗ, người Ung Châu. Thiếu thời Tùy Văn Đế rất kính trọng, hằng tháng thường cúng dường ngài. Lúc này, Đế rất kính trọng, thường thỉnh ngài vào cung, thờ kính như Phật. Ngài gom tập Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, đệ tử Trí Nghiễm hoằng truyền giáo quán này. Ngài tịch tháng năm Trinh Quán năm thứ mười bốn.

- Nhâm Dần: Trinh Quán năm thứ mười sáu, tháng năm, Đế cầu phước cho Mục Hoàng Thái hậu ở chùa Hoằng Phước, tự tay viết sớ nguyện rằng: "Điều mà Thánh triết chuộng là hiếu đễ, điều mà người nhân ưa là thân thuộc. Trẫm từ nhỏ đội ơn nuôi nấng, lớn lên được dạy bảo khuyên răn, tấc lòng dầy sâu ấy ngày nào quên được. Tình cảm cao dày trời cao khó báo, mấy lời khâm kính da diết bi thương, muốn báo ân dày chỉ nhờ ngầm giúp. Kính dâng hai trăm tấm lụa, noi đại giáo Từ bi, nếu chí thành có cảm, mong tiêu trước lỗi trước, làm nhân lành từ đây, ngõ hầu được phước vui về sau vậy." Đế lại ban sắc chỉ vì Mục Thái hậu chép Đại tạng kinh, tuyển mười Pháp Sư hiệu đính.

- Quý Mão: Trinh Quán năm thứ mười bảy, tháng hai, Đế hỏi gián nghị đại phu Chử Toại Lương: "Vua Thuấn chế đồ Sơn, có hơn mười người can ngăn là tại sao vậy?" Lương đáp: "Xa xỉ là gốc của nguy vong, đồ sơn không đủ thì phải dùng đến vàng ngọc. Trung thần thương vua ắt phòng ngừa từ xa, nếu họa loạn đã thành thì đâu can ngăn được nữa!" Đế nói: "Đúng! Trẫm có lỗi, khanh cũng phải can ngăn từ xa" Đế nói tiếp: "Người chủ chỉ có một tấc lòng mà người công kích lại quá đông, có người dùng sức mạnh, có người dùng biện luận, hoặc có kẻ xu nịnh, kẻ gian trá, kẻ ham hố, hợp nhau công kích, ai nấy cũng muốn nhận được ân sủng bổng lộc, người chủ khinh suất nhận một lời họ thì liền kéo theo nguy vong. Đây mới thật là khó!

* ***Lăng Yên Các:*** Đế sai vẽ tượng các công thần gồm: Triệu Công Trường Tôn Vô Kỵ, Triệu Quận Nguyên Vương Lý Hiếu Cung Lai, Thành Công Đỗ Như Hối, Trịnh Văn Trinh Công, Ngụy Trưng, Lương

Công Phòng, Huyền Lệnh, Thân Công Cao Sĩ Liêm, Ngạc Công Úât Trì Kính Đức, Vệ Công Lý Tĩnh, Tống Công Tiêu Vũ Bao Trung, Tráng Công Doàn Chí Huyền, Quỳ Công Lưu Hoằng Cơ, Tưởng Trung Công Khuất Đột Thông, Vân Tiết Công Ân Khai Sơn, Tiếu Tương Công Sài Thiệu, Bi Trương Công Trường Tôn Thuận Đức, Vân Công Trương Lượng, Trần Công Hầu Quân Tập, Đàm Tương Công Trương Công Cẩn, Lô Công Trình Tri Tiết Vĩnh Hưng, Văn Y Công Ngu Thế Nam, Du Trương Công Lưu Chánh Hội, Cử Công Đường Kiệm, Anh Công Lý Thế Tích, Hồ Tráng Công Tần Phúc Bảo ở trong Lăng Yên Các.

* ***Thiền Sư Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc:*** Phong Can lưu dấu ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, dựng am ở góc Tây Bắc Tàng điện, cỡi con cọp đi tắt rừng tùng, ngài gặp đứa trẻ khoảng mười tuổi, hỏi ra nó không nhà, không họ ngài dẫn về nuôi trong nhà bếp, đặt tên là Thập Đắc. Có một lần bần sĩ Từ Hàn Nham đến xưng là Hàn Sơn Tử. ba người gặp nhau rất vui vẻ. Năm này Phong Can đi vân du, vừa lúc Lư Khâu Dận đến nhậm chức Thái thú Thái Châu. Lư Khâu bỗng bị chứng đau đầu, Phong Can tìm đến nhà bảo mình rất giỏi trị bệnh này. Lư Khâu ra gặp. Ngài cầm bình nước và vẩy, bệnh của Khâu khỏi ngay. Nhân đó Khâu hỏi ngài từ đâu đến. Ngài đáp:

- Chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai.
- Ở đấy có hiền tài không?
- Hàn Sơn là Văn-thù, Thập Đắc là Phổ Hiền, ông nên đến đó gặp họ.

Ba hôm sau, Lư Khâu đến chùa hỏi thăm tông tích Phong Can, gặp hai Đại sĩ, Lư Khâu vái chào. Hai Đại sĩ bỏ đi và nói: “Phong Can lắm lời, ông ấy là Di-đà, ông chẳng biết, lạy ta làm gì” và hai Đại sĩ trốn vào hang núi, hang ấy tự khép lại. Hàn Sơn, Thập Đắc có thơ đề khắp núi rừng, tăng trong chùa gom thành một quyển khắc bản lưu hành ở đời.

* ***Kinh Di Giáo:*** Trinh Quán năm thứ mười tám, Đế hạ chỉ: “Như Lai diệt độ, do mạt thế suy vi nên ngài phó chúc cho quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Tăng ni xuất gia giới hạnh phải hoàn bị. Nếu buông lòng phóng túng, vướng trong phiền não, trôi theo người đời làm trái Kinh Luật, là đánh mất ý chỉ vi diệu của Như Lai lại phụ cái nghĩa quốc vương nhận sự giao phó. Kinh Di Giáo là kinh Phật nói lúc sắp Niết-bàn, răn dạy đệ tử rất ư thiết yếu, tăng tục đời sau chẳng ai sùng phụng, đạo lớn sắp diệt, lời mầu sắp diệt. Trẫm trọn nhớ Thánh giáo mãi mong hoằng dương, nay lệnh cho sở ty sai mười người sao chép thật

nhiều kinh này cốt lưu hành khắp. Quan ngũ phẩm trở lên ở trong kinh và Thứ sử các châu, giao mỗi người một quyển. Nếu thấy Tăng ni nào đức hạnh không đúng như kinh văn thì nên cùng nhau khuyến tấn phải khiến họ tuân theo."

Tháng hai năm thứ mười chín, Đế dẫn quân đi đánh Cao Ly nhưng không thắng, tháng chín ban sư về. Tháng ba năm năm thứ hai mươi, Đế xa giá đến Trường An. Thích Trí Tắc ngụ tại chùa Biện Tài, phòng ốc đóng kín, chúng bảo ngài là người điên. Trí Tắc đáp: "Cho người ta điên mà không biết chính mình điên. Xuất gia lìa tục chỉ tham cơm áo, đi ở chướng ngại, khóa cửa khóa rương, thu gom muôn thứ, nơm nớp không yên. Đó không phải kẻ điên thì còn ai điên nữa!" Nói xong, ngài vỗ tay cười vang rồi đi mất.

* ***Cao Vương ở Phong Kinh:*** Thích Pháp Thông giảng pháp ở huyện Gia Hưng, Tô Hàng, thuộc Chiết Tây, có thần tên Cao Vương giáng xuống bảo rằng: "Hãy thỉnh Pháp Sư Thông đến truyền trao Bồ-tát giới cho ta." Người dân làm theo lời Thần đi thỉnh Pháp sư. Thần lại giáng xuống và bảo: "Từ nay về sau hãy bỏ rượu thịt và các thứ cay nồng, sau này nếu muốn cầu phước thì hãy thỉnh Tăng chúng thiết trai hành đạo ngay tại miếu này." Hai năm sau, tại huyện Hải Diêm ở Tú châu, Thần nói: Người trong Phiên Dương Phủ do thường cúng tế nên Thần giáng xuống bảo: "Hãy thỉnh Pháp Sư Thông giảng Kinh Niết-bàn cho ta!" Mọi người liền thỉnh ngài đến giảng. Thần lại bảo: "Thần mang nghiệp chướng chịu nhiều khổ não, từ khi được nghe pháp đến nay thân đã bớt khổ nhưng vẫn còn bị trùng nhỏ cắn rứt xin hãy thỉnh Pháp Sư Thông giảng Đại Phẩm cho ta!". Ngài lại giảng Kinh Thần nghe, Thần giáng xuống tạ ơn.

Trinh Quán năm năm thứ hai mươi hai, Đế từ khi đánh Liêu về khí lực không tốt nên lưu tâm đến giáo pháp. Tháng tám, Đế hỏi Pháp Sư Huyền Trang: "Muốn gieo lợi ích pháp môn, trước phải làm gì?" Huyền Trang đáp: "Chúng sinh mê hoặc, chẳng phải tuệ thì không khai mở được, mầm tuệ là vốn để gây dựng pháp; hoằng pháp phải nhờ con người, nên việc độ tăng là trên hết". Đế nói: "Trẫm ban y ca-sa và bảo đao cho Thầy". Huyền Trang dâng biểu tạ ơn. Tháng chín, Ất Mão Đế hạ chiếu: "Cuối đời Tùy mất nền cai trị, thiên hạ nhiễu loạn, bốn biển lầm than, tám phương điêu đứng, Trẫm ra tay dẹp loạn, tự đốc quân binh, nhiều lần bị gió sương, đêm ngủ trên lưng ngựa, vừa nhờ thuốc thang nhưng bệnh chưa dứt hẳn, mấy ngày gần đây mới được bình phục. Đó chẳng phải nhờ phước thiện đó ư! Kinh thành và các châu trong nước

nơi nào có chùa thì độ năm Tăng." Lúc này trong nước có hơn ba ngàn bảy trăm ngôi chùa, Tăng được độ đến hơn một vạn bảy ngàn người.

Hoàng Thái tử Trị ở Xuân cung, gặp tiết trời u ám, mệt mỏi buồn rầu, nhớ đến ân đức như trời cao khôn cùng của mẹ, ân từ vô biên, liền bỏ tiền của, chọn đất dựng chùa Đại Từ Ân để cầu phước cho Văn Đức Hoàng hậu. Đến tháng mười hai, công việc hoàn tất. Thái tử dựng thêm tháp, hạ chiếu tuyển chọn năm mươi đại đức tài đức trong kinh thành, mỗi người dẫn theo sáu thị giả cùng vào ở chùa mới. Tháng này, Thái tử sắm đủ năm mươi cỗ xe báu đi rước chư Đại đức, trang hoàng mấy trăm thứ trang sức trước chùa, thỉnh các kinh tiếng Phạm và thụy tượng xá-lợi ở An Tân, lệnh cho chín bộ nhạc Thái Thường, âm nhạc Vạn Niên ở Trường An, tràng phan bảo cái của các chùa trong kinh thành cùng dẫn vào chùa. Đế ngự trên cửa lầu An Phước kính cẩn bưng lò hương, kinh tượng đi qua hết mới thôi. Hoàng Đế rất hài lòng. Sau khi lên ngôi, Cao Tông tự tay soạn văn bia cho chùa Đại Từ Ân.

- Kỷ Dậu: Trinh Quán năm thứ hai mươi ba, mùa hạ tháng 4, Đế bệnh, tháng năm thì mất, tháng sáu Thái tử lên ngôi, tháng tám an táng Văn Hoàng Đế ở Chiêu Lăng, miếu hiệu Thái Tông.

* ***Cao Tông:*** Húy là Trị, tự Vi Thiện, con năm thứ chín của Thái Tông. Ban đầu ông được phong Tấn Vương, ở ngôi ba mươi bốn năm, thọ năm mươi sáu tuổi. Niên hiệu Vĩnh Huy sáu năm, Hiển Khánh năm, Long Sóc ba năm, Lân Đức hai năm, Càn Phong hai năm, Tổng Chương hai năm, Hàm Hanh bốn năm, Thượng Nguyên hai năm, Nghi Phụng ba năm, Điều Lộ một năm, Vĩnh Long một năm, Khai Diệu một năm, Vĩnh Thuần một năm, Hoàng Đạo một năm.

- Canh Tuất: Vĩnh Huy năm đầu. Tân Hợi:Vĩnh Huy năm thứ hai.

***Tổ năm thứ 4:*** **Tôn giả Đạo Tín.**

Sư họ Tư mã, vốn người Hà Nội, di cư sang huyện Quảng Tế, Kỳ Châu (nay là Hoài Tây). Sư sinh ra đã siêu dị, từ nhỏ mến mộ Không Tông, các môn giải thoát, cứ như đã quen từ trước. sau khi kế thế Tổ vị, sáu mươi năm lưng sư chẳng dính chiếu. Đường Cao Tổ, Vũ Đức năm thứ bảy, Sư ở núi Phá Đầu, Kỳ Châu (nay là Song Phong). Trong năm Trinh Quán, Thái Tông nghe tiếng tăm, ba lần hạ chiếu mời vào triều nhưng Sư không đến, Đế hạ chiếu tiếp và bảo sứ giả: "Nay ông ta không theo lệnh ta thì đem đầu về". Sứ thần truyền ý vua, Sư chìa cổ chờ chém. Sứ thần về tâu lại, Đế vui vẻ thán phục, uỷ dụ rất hậu. Đến lúc này, Sư đã ở hai mươi năm trên núi. Ngày nọ Sư đến huyện Hoàng

Mai, trên đường gặp đứa trẻ chừng hơn bảy tuổi. Sư hỏi:

- Con họ gì?

Đứa bé đáp:

- Họ thì có nhưng không phải họ thường!
- Là họ gì?
- Họ Phật.
- Con không có họ sao?
- Họ rỗng nên không.

Sư ngầm biết đây là bậc pháp khí nên sai đứa bé dẫn về nhà cha mẹ. Sư xin cho nó xuất gia. Mẹ đứa bé nghĩ nó vốn có túc duyên nên đồng ý cho đi. Sư thế phát và đặt pháp danh đứa bé là Hoằng Nhẫn. Về sau, Sư phó chúc: "Xưa Như Lai truyền chánh pháp nhãn, lần lượt đến ta, nay ta giáo phó pháp và y bát cho ông, nghe ta nói kệ:

*Giống hoa có tánh sinh*
*Nhờ đất hoa nảy mầm*
*Duyên lớn hợp với tín*
*Sẽ sinh, sinh chẳng sinh.*

Lúc này là năm Vĩnh Huy năm thứ hai, ngày bốn tháng chín nhuần, Sư dặn môn nhân: "Tất cả pháp đều giải thoát, các ông mỗi người giữ gìn và hoằng hóa đến đời sau." Nói xong, Sư ngồi yên và tịch, thọ bảy mươi hai tuổi. Môn nhân dựng tháp ngay núi này. Mồng tám tháng tư năm sau, cửa tháp tự mở, sắc diện của Sư tươi tỉnh như còn sống. Trong năm Đại Lịch, Đường Đại Tông ban Sư thụy Đại Giám Thiền Sư, tháp hiệu Từ Vân. Sư từng đến núi Ngưu Đầu ở Kiến Khang hóa độ Thiền sư Pháp Dung, về sau lưu xuất thêm một phái nữa.

- Giáp Dần: Vĩnh Huy năm thứ năm, Đế đặc biệt hạ chỉ độ Sa-di Khuy Cơ làm Tăng, cho vào chùa Đại Từ Ân tham dự dịch kinh sửa nghĩa. Khuy Cơ là con nuôi của Ngạc Trung Vũ Công Uất Trì Kính Đức. Ngài ở Trường An. Hồi ấy, Pháp Sư Huyền Trang đến nhà cha ngài xin cho ngài xuất gia. Sớ ký chỉ cần đọc qua là ngài nhớ vanh vách, nghĩa cũng hiểu ngay, rất tinh thông Đại thừa, Tiểu thừa. Ngài theo Pháp Sư Huyền Trang thọ học tông chỉ Du-già, Duy Thức, soạn cả trăm bộ luận, người đương thời gọi ngài là Bách Bản Luận Sư. Tánh ngài hào phóng, mỗi lần đi đâu đều sắm đủ ba cỗ xe, gồm kinh, sách và thức ăn, nên người ta thường gọi ngài là Tam Xa Pháp Sư. Ngài tịch vào niên hiệu Vĩnh Thuần năm đầu, thọ năm mươi mốt tuổi. Đế viết chiếu chỉ truy điệu, họa tượng làm bài tán, cho chôn ở kênh bắc Phàn Xuyên gần mộ Pháp Sư Huyền Trang.

Tuyên Luật Sư ở núi Chung Nam, Kinh Triệu là người trì luật tinh

nghiêm cảm được nhà bếp chư thiên cúng dường thường chê cung cách xa xỉ của Tam xa Khuy Cơ. Ngày nọ Khuy Cơ đến thăm Luật Sư, đã quá ngọ nhưng cơm chư thiên chưa mang đến. Khuy Cơ cáo từ về thì chư thiên đến. Luật sư trách sao mang cơm đến muộn, chư thiên đáp: "Vừa rồi Đại thừa Bồ-tát ở đây canh giữ nghiêm ngặt nên không thể vào được!" Luật sư nghe vậy thất kinh, từ đó dù xa hay gần đều rất kính. Khuy Cơ mở tông lấy tên là Từ Ân tông.

* ***Từ Ân Giáo:*** Hồi ấy Đại sĩ Vô Trước ở nước Thiên Trúc nhiều lần lên Tri Túc Thiên Cung tham học tông chỉ Duy Thức với Bồ-tát Di-lặc. Đến khi em ngài là Bồ-tát Thiên Thân đi về Tây qua nước La Duyệt, phát minh Đại thừa, hai người mới cùng nhau soạn luận. Thiên Trúc lúc này mới có Thánh hiền xuất thế hoằng dương giáo pháp này. Đến Chánh pháp Tạng Luật sư Giới Hiền người Trung Ấn, Tây Thiên, đã một trăm lẻ ba tuổi, ở tại chùa Na-lan-đà thuộc nước Vương xá thành, gặp Tam tạng Huyền Trang đến, Giới Hiền bèn đem tông chỉ Du-già Sư Địa, Duy Thức truyền trao cho Huyền Trang. Huyền Trang về đông, Ngài đem tông chỉ này truyền cho Khuy Cơ. Khuy Cơ là người mở mang thuyết cũ soạn nhiều sớ luận, học giả đều noi theo, và bảo đây là pháp tướng hiển lý tông, Từ Ân giáo của tam xa.

- Ất Mão: Vĩnh Huy năm thứ sáu, tháng mười, Đế sai Tư không Lý Trách bê ngọc tỷ tấn phong sủng phi Võ thị làm Hoàng hậu, phế Vương Hoàng hậu. Trước đây năm Trinh Quán năm thứ hai, Thái Tông triệu con gái Kinh châu Đô đốc Võ Sĩ Hoạch vào hậu cung làm tài nhân, lúc này mới mười bốn tuổi. Thái sử tâu có điềm nữ chủ xuất hiện, nên Đế đuổi đến chùa Cảm nghiệp làm ni. Vĩnh Huy năm thứ năm, Đế triệu Bà vào cung làm Chiêu Nghi, nay sách phong làm Hoàng hậu.

- Bính Thìn: Hiển Khánh năm đầu, tháng năm, Đế hạ lệnh: Tăng ni trong nước người nào phạm quốc pháp thì dùng luật tăng mà trị, không được xử đồng như dân. Tháng mười một, Thiên Hậu sinh con, đặt tên là Phật Quang Vương, tức Trung Tông. Ngày năm tháng mười hai, vì Phật Trung Quang đã độ bảy Tăng, thỉnh Pháp sư Huyền Trang thế phát xuất gia cho Phật Quang Vương.

+ ***Hòa Thượng Thiên Tuế Bảo Chưởng:*** Ngài người Trung Ấn, Tây Trúc, vừa sinh tay trái nắm chặt, bảy tuổi thế phát xuất gia mới mở tay ra, nhân đó ngài có tên là Bảo Chưởng. Đông Hán Hiến Đế năm Kiến An năm thứ hai mươi bốn, ngài đến xứ này. Ngài vân du phía đông qua nước Ngụy, Tấn rồi về Tây vào đất Thục lạy Phổ Hiền, trú ở Đại Từ, hàng ngày tụng kinh Bát-nhã, có lúc ngài ngâm nga: "Lao

nhọc răng ngọc lạnh, tợ trốn gấp suối lạnh, có khi nửa đêm ngồi, quỷ thần khóc trước thềm". Một hôm ngài nói với chúng: "Ta có nguyện trụ thế ngàn năm" nên người ta gọi ngài là Thiên Tuế. Sau ngài vân du đến Ngũ Đài, rồi ở các nơi như Hoa Nghiêm ở Chúc Dung Phong, Song Phong ở Hoàng Mai, Đông Lâm ở Lô Sơn, rồi đến Kiến Khang. Gặp lúc Đạt-ma vào đất Lương, ngài đến thưa hỏi và tỏ ngộ. Vũ Đế rất đề cao đạo lạp của ngài, giữ trong nội đình. Sau đó không lâu, ngài qua đất Ngô. Ngài có làm bài kệ:

*Thành Lương gặp Đại Sư*
*Tham thiền tỏ tâm địa*
*Trôi nổi nơi Nhị Chiết*
*Lại rạng rỡ núi sông.*

Ngài xuôi dòng về Đông, từ Thiên Khoảnh đến Thiên Trúc, qua Mậu Phong, lên Thái Bạch, đến Nhạn Đãng, đi khắp bảy mươi hai am ở Thúy Phong. Thái Tông năm Trinh Quán năm thứ mười lăm ngài ở lại ngọn Phi Lai Phong ở Hàng châu và ở đó (nay là chùa Trung Thiên Trúc), có câu "Đi khắp bốn trăm sông Chấn Đán, trong đây chỉ xứng Đạo nhân du". Sau ngài trụ tại Bảo Nham ở Phổ Giang. Bấy giờ là năm Đinh Tỵ, Hiển Khánh năm thứ hai, ngày Nguyên Đán, ngài tự tay đắp tượng Phật, chín ngày thì xong. Ngài hỏi đệ tử là Tuệ Vân: giống ai? Vân đáp: Giống y hòa thượng. Ngài liền tắm rửa ngồi ngay thẳng nói với Vân: "Ta trụ thế đã một ngàn bảy mươi hai năm rồi, nay phải đi". Nghe ta nói kệ:

*Xưa nay không sống chết*
*Nay cũng bày sống chết*
*Ta phải đi trụ tâm*
*Đời sau sinh lại đây.*

Nói xong, ngài quy tịch. Năm mươi bốn năm sau, Trưởng lão Thích Phù đến tháp ngài lạy và nói: "Xin cửa tháp mở ra chốc lát!" Quả nhiên cửa tháp mở ra, xương cốt ngài dính liền nhau như vàng ròng. Thích Phù liền đem hết về núi Tần Vọng dựng tháp. Đời Huyền Tông, trong năm Khai Nguyên môn nhân của Tuệ Vân là Tông Nhất từng khắc đá ghi lại hành trạng của ngài.

- Mậu Ngọ: Hiển Khánh năm thứ ba, ngài mười hai tháng sáu, Đế dựng xong chùa Tây Minh. Ngày mười ba, Đế thỉnh tượng thêu, tràng phan vào an trí trong chùa. Kế đó, triệu Tăng, Đạo mỗi bên bảy người vào điện Bách phước cùng luận về danh, lý để khai mở nghĩa sâu. Đế lại cho hai bên luận nghị. Toàn văn có ghi đủ trong Luận Hoành của

Đạo Tuyên Luận Sư. Tháng bảy, Đế hạ chiếu thỉnh Pháp Sư Huyền Trang vào ở chùa Tây Minh. Tháng mười năm thứ tư, Đế sửa cung Ngọc Hoa thành chùa để truy tiến Tiên đế, thỉnh Pháp Sư Huyền Trang đến ở. Năm thứ năm, Đế xa giá đến Đông Đô, hạ chiếu mời Tăng là Nghĩa Bao, Tuệ Lập đến Lạc Kinh yết kiến Đế ở điện Hợp Bích, luận bàn rất hợp ý, Đế giữ họ lại trong chùa Tịnh độ ở Đông Đô.

- Tân Dậu: Long Sóc năm đầu, tháng chín, Đế xa giá đến chùa Thiên Cung vốn là cựu đệ của Cao Tổ để thiết trai cúng dường chư Tăng.

- Thích Ngạn Tông soạn Đại Đường Kinh Tự Lục Truyện mười quyển nhằm nêu lại linh tích của Tam bảo.

- Minh Giải: Tăng Minh Giải ở chùa Phổ Quang, Trường An. Ông họ Diêu, bản tính thông minh, cầm kỳ thi họa tuyệt thế một thời, nhưng thích lưới tục chẳng ham cửa đạo, say sưa rượu chè, phóng tâm dục tình. Năm Hiển Khánh năm thứ ba, Đế dựng xong chùa Tây Minh mới nhờ Pháp sư Linh Nhuận chọn người vào ở. Lúc ấy có mấy quan đồng hàng cùng tiến cử Minh Giải. Pháp sư Linh Nhuận nói: "Các ông nên tìm học giới định tuệ để tăng trưởng ruộng phước, sao lại đưa khách rượu, thợ vẽ gánh vác sự ký thác lớn lao này!" Các quan xấu hổ lui ra, Minh Giải ôm hận. Sau đó không lâu, Đế mở tứ khoa, chẳng kể đạo tục, Minh Giải ứng thí. Nhờ tài bấn giỏi nên ông đỗ, không xiết vui mừng, liền hoàn tục và không quên phỉ báng chư Tăng. Không bao lâu, Giải nhiễm bệnh, thấy mấy mươi người cầm đuốc đến đón mình. Minh Giải thất kinh chưa kịp nói lời nào thì chết, đúng vào tháng tám năm này. Sau, Giải báo mộng cho Tăng là Trí Chỉnh ở chùa Tịnh độ thuộc Tương Châu rằng: "Minh Giải vốn không có phước, không tuân nội giáo, nay mắc tội lớn, đói khát khôn cùng, xin thầy niệm tình là cố nhân bố thí cho một bữa ăn được không?" Trí Chỉnh hứa cho. Đến lúc tỉnh dậy, Chỉnh bày thức ăn đến đêm mới nằm, liền thấy Minh Giải khúm núm đến tạ ơn. Hai năm sau, Giải lại báo mộng cho thợ vẽ Trương Sinh rằng: "Tôi vì không tin Phật pháp nay chịu đại thống khổ, ông hãy gắng sức vì tôi chép cho một vài quyển kinh". Giải ân cần nắm tay, ngâm thơ thay lời chia tay, bảo thợ vẽ đọc mười tám lần cho nhớ. Lúc thức dậy ông nhớ kỹ bài thơ rằng: "Vẫy tay chẳng nỡ lìa, vỗ ngực tự đau thương, xót thay thời gian ngắn, thương thay đường suối dài, rừng tùng nghe rùng rợn, gò hoang sương lạnh rơi, chia tay lấy gì tặng, để tâm trong điển chương". Người thợ vẽ này vốn không biết chữ mới nhờ người khác chép lại để thấy rõ ý của Minh Giải. Bạn bè đều nói: "Đây quả là văn phong của Minh Giải

không sai!" Kẻ thấy người nghe thảy bùi ngùi thương cảm.

- Nhâm Tuất: Long Sóc năm thứ hai, tháng hai, Đế đổi tên gọi các chức quan. Môn hạ tỉnh là Đông đài, Trung thư tỉnh là Tây đài, Thượng thư tỉnh là Trung đài, Thị trung là tả tướng, Trung thư lệnh là hữu tướng, bộc xạ là khuôn chánh, Tả hữu thừa là túc cơ, Thượng thư là Thái thường bá, Thị lang là Thiếu thường bá. ngoài ra, hai mươi bốn ty ngự sử đài, chín tự, bảy giám, mười sáu vệ đều lấy tên nghĩa huấn để thay. Chức vụ trách nhiệm vẫn như cũ.

- ***Tượng lớn ở Tinh châu:*** Tinh châu là Thái Nguyên Lộ nay đổi thành Ký Ninh lộ. Đế và Hoàng hậu đến chùa Đồng Tử ở Tinh châu, tượng lớn cao mười bảy trượng. Tháng bảy Đế sai Sứ cúng Ca-sa đắp tượng, tượng phóng quang minh, Đế rất vui mừng.

- ***Hòa thượng Thiện Đạo:*** Hòa thượng vào Kinh dạy người tu Tịnh độ, niệm Phật Di-đà. Ngài thuyết pháp ở chùa Quang Minh và quy tịch trong năm này.

- ***Đại sĩ Tăng-già ở Tứ Châu:*** Hồi ấy, ngài từ nước Toái Diệp vân du đến Tây Lương. Năm này ngài hoằng hóa ở Lạc Dương. Có người hỏi:

- Thầy họ gì?

Ngài đáp:

- Họ gì!

- Người nước nào?

- Người nước nào.

Tắc Thiên niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm đầu hạ chiếu "Những Phiên tăng người nào thích ở thì Sở tại cho họ ở". Lúc này Đại sĩ không muốn làm khác người nên ghi tên ở Sở Châu, chùa Long Hưng. Có lúc ngài lặng lẽ hoặc ngồi yên trong phòng kín. Có lúc chấn tích ở Trường Lộ. Trung Tông năm Cảnh Long năm thứ hai, Đế hạ chiếu mời Đại sĩ từ Chuẩn Tự vào cung, Đế xưng đệ tử, Tam Công hỏi pháp, trăm quan quy tâm. Đế mời ngài ở tại chùa Tiến Phước. Ở kinh thành được vài tháng, trời bỗng đại hạn, Đế thỉnh ngài vào nội điện cầu mưa, quả nghiệm tức thì. Đế liền cho Tuệ Nghiễm, Tuệ Ngạn và Mộc Xoa làm thị giả ngài. Đế sắc tứ nơi ngài ở là Phổ Quang Vương Tự, tiễn về đất Hoài. Duệ Tông niên hiệu của Cảnh Vân năm đầu, tháng ba, ngài quy tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Đế hạ chiếu phụng toàn thân về chùa Phổ quang Vương, Tứ Châu dựng tháp. Đế hỏi Thánh Sĩ Vạn Hồi:

- Tăng già là người thế nào?

Hồi đáp:

Là Quán Âm Đại sĩ hóa thân.

Ngài ở nước mình ba mươi năm, năm mươi ba năm hành hóa ở Trung Quốc, hiện thân độ người có duyên cả thảy hai mươi bảy nơi, thần tích linh dị, người người chiêm ngưỡng, điện chùa tháp miếu nơi nào người ta cũng thờ cúng.

- Ất Sửu: Lân Đức năm thứ hai, chùa Pháp Tụ ở Ích Châu có bức tượng Bồ-tát Địa Tạng do Trương Tăng Diêu vẽ. Tháng bảy năm này, tượng do Tăng vẽ lại bỗng phóng quang. Cứ thế vẽ thêm ra, tượng nào cũng phóng quang.

* ***Chín đời Đồng Cư:*** Lân Đức năm thứ hai, tháng mười, Đế xa giá đến Đông Đô tế trời ở Thái Sơn. Tháng mười một, Đế đến Thọ Trương, xa giá đến nhà Trương Công Nghệ. Công Nghệ vẽ bức họa "Cửu thế đồng cư" treo trên ngạch cửa (gồm Bắc Tề, Tùy, Đường), đế hỏi nguyên do sao lại đồng cư, Công Nghệ liền viết một lúc hơn cả trăm chữ Nhẫn. Đế khen và ban cho gấm lụa (Thọ Trượng thuộc Thái Nguyên, nay là Ký Ninh lộ)

+ ***Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung nam:*** Năm Đinh Mão, Càn Phong năm thứ hai, mồng ba tháng mười, ngài nhập diệt ở chùa Tây Minh, Trường An. Ngài họ Tiền, húy Đạo Tuyên, người Kinh Triệu. Cha là lại bộ Thượng thư Thân. Mẹ ngài mộng thấy mặt trăng chui vào bụng nhân đó mang thai. Bà lại mộng thấy vị Tăng Ấn Độ đến nói: "Người bà mang thai là Luật sư Tăng Hựu đời Lương". Lớn lên, ngài xuất gia, chuyên trì giới Luật, cảm được chư thiên cúng cơm, hầu hạ. Những năm về già, thấy giới đàn không hợp với Luật, nên ngài đích thân bạch với những người có trách nhiệm đàn tràng chiếu theo Luật mà sửa đổi lại. Đêm đến, ngài trì luật chí thành miên mật đến té xỉu, bỗng có một thiếu niên mặc áo giáp đội mũ trụ đến đỡ ngài dậy. Ngài hỏi: Ông là ai? Người ấy đáp: "Đệ tử là con của Bác Xoa Thiên Vương, tên Trương Quỳnh, do thầy có giới đức nên đến hầu hạ". Ngài hỏi những việc lúc Thế Tôn còn trụ thế và nhập diệt thế nào, Quỳnh đều thuật lại tường tận. Lúc chia tay, Quỳnh trao cho ngài răng của Phật và bài thuốc kết hợp giữa cháo với thuốc mà trị. Nay là loại thuốc "Thiên Vương Bổ Tâm Viên" mà khắp nơi bày bán, những hành giả lễ sám thường dùng hàng ngày. Thiên thần giáng linh vô số, cùng đến hỏi đáp. Ngài gom lại lấy tên "Cảm Thiên Thị Ứng Truyện". Ngài soạn Nội Điển Lục, Tam Bảo Cảm Ứng Lục, Phật Đạo Luận Hành, Thích-ca Phổ, Tứ Phần Yết-ma, Tục Cao Tăng Truyện, Quảng Hoằng Minh Tập. Cả thảy tám bộ, tám mươi mốt quyển, đều lưu hành ở đời. Ngài thị tịch, Cao Tông hạ

chiếu ai điếu, lệnh trong nước các chùa đều vẽ, đắp tượng ngài thờ cúng nhằm nêu cao tấm gương giới đức. Mục Tông làm bài tán rằng:

*Đời có bậc Giác, làm sứ Như Lai*
*Rồng ma quy hàng, Sơn thần hầu hạ*
*Tiếng vang Ngũ thiên, lời rền vạn cổ*
*Trời lặn non Tây, Phật nhật Đông mọc*
*Cúi đầu quy y, bậc khai tông Luật.*

Ý Tông, năm Hàm Thông năm thứ mười một, Đế ban ngài hiệu Trừng Chiếu Luật Sư.

* ***Nam sơn giáo:*** Khởi nguyên từ Tôn giả Ưu-ba-ly, sau Phật nhập diệt, ngài triệu tập bốn bộ chúng kết tập Luật tạng. Ưu-ba-ly khẩu tụng lời Phật mười lần, chứng thực không sai, sau đó tuyên bố. Thời Tam quốc, Ngụy Thiệu Lăng Lệ Công năm Gia Bình năm thứ hai, tây Trúc Sa-môn Đàm-kha-la đến Lạc Dương mới đưa ra bộ Tăng-kỳ Giới Bản. Đông Tấn An Đế năm Nghĩa Hy năm thứ ba, Thiên Trúc Sa-môn Phật-đà Da-xá đem Thập Tụng Luật đến, từ đó Luật nghi ở Trung Hoa mới có đủ. Từ đời Nguyên Ngụy, Luật sư Thông v.v..cứ thế truyền xuống. Đến lúc này có Đạo Tuyên Luật Sư là người trì Luật nghiêm cẩn, được chư Thiên dâng cơm, hầu hạ. Ngài hoằng truyền oai nghi, mở ra Luật tạng, nổi tiếng khắp nước, Tăng chúng gọi đây là tông "Hành sự phòng phi chỉ ác".

* ***Những Luật sư truyền Luật:*** gồm: Tôn giả Ưu-ba-ly người Trung Ấn Độ, Tôn giả Đàm-kha-la người Nam Thiên Trúc, Tôn giả Phật-đà Da-xá người Trung Ấn Độ, Luật sư Thông, Luật sư Quang Thống, Luật sư Đàm Huy Nguyện, Luật sư Lạc Hồng Vân, Luật sư Tùy Hồng Tuân được Văn Đế tôn làm thầy. Luật sư Trí Thủ, Luật sư Chung Nam Đạo Tuyên, Luật sư Văn Cương người Quang Châu, Luật sư Đạo Ngạn được Trung Tông tôn kính, vẽ hình tôn trí ở cung Lâm Quang, Đế viết lời tán. Luật sư Thái Lượng, Luật sư Đàm Nhất, họ Trương người Nam Dương, Luật sư Đạo Trừng đời Đường, được Đức Tông ban hiệu Đại Viên Luật Sư. Luật sư Tuệ Khâm họ Từ, người Hồng Châu.

- Mậu Thìn: Tổng Chương năm đầu. Kỷ Tỵ: Tổng Chương năm thứ hai.

- Canh Ngọ: Hàm Hưởng năm đầu. Tân Mùi: Hàm Hanh năm thứ hai.

* ***Thủy Lục Nghi Văn:*** Tháng ba năm Hàm Hanh năm thứ hai, bỗng có một dị nhân đến nói với Thiền sư Pháp Anh ở chùa Pháp hải, Trường Ann rằng: "Đệ tử biết có sám văn Thủy lục hay làm lợi ích oan

linh. Sau khi Lương Vũ Đế mất, sám văn mai một không lưu hành. Nay Tăng đất Ngô là Nghĩa Tế ở chùa Đại Giác cất giữ nghi văn này, mong thầy đến xin, ngày rằm tháng tới như pháp lập đàn ở chùa Sơn bắc, nếu được thoát khỏi gông cùm, lao ngục, không dám quên báo ơn". Pháp Anh liền đến Nghĩa Tế, quả nhiên thỉnh được sám văn, đúng kỳ hẹn, ngài lập đàn ở chùa Sơn Bắc. Chiều tối hôm sau, dị nhân ấy dẫn theo mười mấy tùy tùng đến tạ ơn rằng: "Đệ tử là Tần Trang Tương Vương", và chỉ những người đi theo nói: "Đây là Phạm Tuy, Nhương Hầu, Bạch Khởi, Vương Tiễn, Trương Nghi, Trần Chẩn đều là bề tôi nhà Tần, ai nấy đều tạo tội bị giam cầm nơi âm phủ, đêm dài mờ mịt, không ai cứu thoát. Xưa Lương Vũ Đế lập trai nghi này ở chùa Kim Sơn, những bề tôi của Trụ Vương đời trước đều được thoát khổ. Lúc ấy đệ tử tạm bớt khổ, nhưng do tội nghiệp chưa dứt nên không được thoát khỏi. Nay nhờ thầy lập trai đàn, đệ tử và tùy tùng cùng tất cả các chư hầu liệt quốc đều nhờ thiện lực sắp được sinh nhân gian, nghĩ đến đời khác nước lạ nên đến đây tạ ơn". Nói xong, dị nhân biến mất. Từ đó Nghi Văn này lưu hành khắp nước mang lại lợi ích lớn.

* ***Vạn Hồi Pháp Vân Công:*** Ông họ Trương, người Văn Hương, Quắc Châu, sinh mồng năm tháng năm Trinh Quán năm thứ sáu, đời Thái Tông. Lúc này là Hàm Hưởng năm thứ tư, ông được Đế độ làm Sa-môn. Thuở nhỏ,ông đưa thư cho anh, đi xa cả sáu ngàn dặm, sáng đi chiều về, nhân đó người ta gọi ông là Vạn Hồi. Tắc Thiên, năm Thùy Củng năm thứ tư, Thái hậu mời ông vào cung ban cho y gấm, sai cung nữ hầu hạ. Trường An năm thứ hai, ông đến đâu thì giáo hóa ở đó. Huyền Tông khi chưa lên ngôi, từng gặp riêng ông. Hồi vỗ lưng Huyền Tông nói: "Năm mươi năm thái bình, Thiên Tử tự vui vầy". Trung Tông năm Thần Long năm thứ hai, Đế ban ông hiệu Pháp Vân Công. Duệ Tông năm Cảnh Vân năm thứ hai, tháng mười, Đế mời ông vào Tập Hiền viện ở Cung Quán cấp cho hai mỹ nữ hầu hạ. Tháng 12, ông chợt bảo tìm Hà Thủy ở Văn Hương. Tả hữu tìm không có. Ông bảo: "Đến cái hang nơi miếng đất trước nhà thì có". Ông uống cạn nước và lặng lẽ quy tịch, thọ tám mươi tuổi. Đế ban ông chức Tư Đồ, hiệu Quắc Quốc Công, sắc lệnh vẽ hình ông tôn trí trong Tập Hiền Viện.

- Giáp Tuất: Thượng Nguyên năm đầu, Đế xưng Thiên hoàng, hậu xưng Thiên hậu. Mùa thu tháng tám, Đế lệnh các quan văn võ, tam phẩm trở lên mặc áo màu tía, thắt đai kim ngọc. tứ phẩm mặc áo lụa đào đậm, thắt đai vàng. Ngũ phẩm mặc lụa đào nhạt, đai vàng, Lục phẩm mặc màu xanh lục đậm, thất phẩm màu xanh lục nhạt đều thắt

đai bạc, bát phẩm mặc xanh đậm, cửu phẩm mặc xanh nhạt đều thất đai bằng thâu thạch. Thứ dân mặc màu vàng, đai đồng thiết. Nếu chẳng phải thứ dân thì không được phép mặc màu vàng.

***Tổ năm thứ 5:*** Đại Sư Hoằng Nhẫn.

Sư quê ở huyện Hoàng Mai, Kỳ Châu. Trước đây làm Tài Tùng Đạo Giả ở núi Phá Đầu, từng xin Tứ Tổ rằng: "Con có thể nghe đạo pháp được chẳng?" Tổ đáp: "Ông già rồi, giả như có nghe thì hoằng hóa cũng không kịp, nếu ông tái sinh thì ta gắng chờ". Đạo Giả nghe vậy đi ra bến sông, bỗng gặp cô gái đang giặt đồ, ông chào và hỏi: "Cô cho tôi ngủ nhờ được không?" Cô gái đáp: "Tôi còn cha mẹ ông có thể đến nhà xin" Đạo Giả nói: "Tôi sẽ đến xin". Cô gái gật đầu đồng ý. Đạo Giả chống gậy về núi và quy tịch. Cô gái con út họ Châu kia bỗng dưng có thai. Cha mẹ cô tức giận đuổi đi. Cô lưu lạc, bơ vơ, ngày đi kéo chỉ thuê, đêm ngủ các quán xá. Sau, cô sinh một đứa con trai, cô cho là điềm chẳng lành nên đem nó vứt trong sông nước đục. Hôm sau, thấy đứa con ngồi trên nước chảy xiết, cô thất kinh vớt về nuôi nấng. Ngày ngày cậu bé theo mẹ đi xin ăn, trong làng gặp một người trí than: "Đứa bé này chỉ thua Phật bảy tướng". Về sau, cậu bé ấy được Tứ Tổ hóa độ và truyền trao y pháp, tiếp bước giáo hóa ở núi Phá Đầu. Đến năm Hàm Hưởng năm thứ hai, có một cư sĩ tên Lư Tuệ Năng từ Tân Châu đến tham học. Tổ hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Năng đáp:

Từ Lãnh Nam.

- Muốn cầu việc gì?
- Chỉ cầu làm Phật.
- Người Lãnh Nam không có Phật tánh làm sao làm Phật?
- Người có Nam Bắc, Phật tánh há cũng vậy?

Tổ lớn tiếng bảo:

Xuống nhà giã gạo đi!

Tuệ Năng lạy Tổ và lui xuống nhà sau làm công việc giã gạo hơn tám tháng. Tổ biết lúc giao phó đã đến, nên bảo chúng mỗi người tùy chỗ thấy của mình mà viết một bài kệ. Lúc này pháp hội có hơn bảy trăm Tăng, Thượng tọa Thần Tú là người học thông nội điển ngoại điển được chúng kính ngưỡng. Họ đều suy tôn ông về nói: "Nếu chẳng phải ngài Tú thì chẳng ai làm nỗi việc này". Thần Tú nghe vậy mới viết bài kệ ở vách hành lang:

*Thân là cây Bồ-đề*
*Tâm như đài gương sáng*
*Thường thường siêng lau chùi*
*Chớ để bụi trần bám.*

Tổ thấy và khen: "Y như đây tu hành cũng được thắng quả". Tuệ Năng nghe vậy liền nói: "Hay thì có hay nhưng liễu ngộ thì chưa!" Đêm ấy, Tuệ Năng cầm đuốc mời quan Biệt Giá Trương Nhật Dụng viết hộ mình bài kệ bên cạnh kệ của Thần Tú.

*Bồ-đề vốn không cây*
*Gương sáng cũng không đài*
*Xưa nay không một vật*
*Bụi trần bám vào đâu!*

Tổ thấy bài kệ liền ngầm xuống nơi giã gạo hỏi:

- Gạo trắng chưa?

Năng đáp:

Trắng rồi nhưng chưa qua giần sàng.

Tổ lấy gậy gõ vào cối ba cái. Canh ba đêm ấy, Năng vào trượng thất. Tổ dạy: "Chư Phật xuất thế vì nhân duyên đại sự nên tùy cơ lớn nhỏ mà dẫn dắt, từ đó có tông chỉ đốn tiệm, Thập địa, Tam thừa, đó gọi là giáo môn. Thế nhưng Phật đem chánh pháp nhãn tạng viên minh chân thật bí mật mầu nhiệm vô thượng giao phó cho Thượng thủ Đại Ca-diếp Tôn giả. Cứ thế, chư tổ truyền trao cho đến đời năm thứ hai mươi tám là Bồ-đề Đạt-ma Đại Sư. Đạt-ma truyền pháp này về đông, lần lượt truyền trao đến ta. Nay ta đem đại pháp, y Tăng-già-lê và bảo bát giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn, chớ khiến pháp đoạn đứt, nghe ta nói kệ:

*Hữu tình đến gieo giống*
*Từ đất quả lại sinh*
*Không tình lại không giống*
*Không tánh cũng không sinh.*

Tuệ Năng thọ pháp xong đảnh lễ hỏi Tổ: "Pháp thì nghe rồi, còn y bát có truyền trao nữa không?"

Tổ đáp:

Xưa Đạt-ma từ nơi khác đến, sợ người đời không tin có thầy truyền thừa nên lấy y bát làm minh chứng, nay thiên hạ đã tin rồi nên y bát đến ông thì đừng truyền nữa. Hơn nữa, ông hãy ẩn cư thật xa, đợi lúc hợp thời hãy hoằng hóa. Đó gọi là "Nhận y bát chẳng khác nào thân mạng treo đầu sợi tơ.

Năng thưa:

Con phải đến đâu?

Tổ đáp:

Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn.

Tuệ Năng đảnh lễ Tổ và ngay đêm đó ra đi. Tổ không thượng đường ba ngày, đại chúng nghi và hỏi, Tổ đáp:

- Đạo của ta đi rồi!

Chúng hỏi:

Ai được y bát?

- Tuệ Năng được.

Chúng vỡ lẽ người họ Lư tên là Năng ấy ắt được y bát và đi rồi. Tổ truyền trao y pháp xong, bốn năm sau, vào năm Thượng Nguyên năm thứ hai, Tổ bảo chúng: Nay ta xong việc, đến lúc phải đi! Tổ vào thất ngồi yên quy tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, đồ chúng dựng tháp ở Đông Sơn thuộc Hoàng Mai. Đại Tông ban hiệu Đại Mãn Thiền Sư, tháp hiệp Pháp Vũ.

Bính Tý: Nghi Phụng năm đầu. Kỷ Mão: Điều Lộ năm đầu.

Canh Thìn: Vĩnh Long năm đầu. Tân Tỵ: Khai Diệu năm đầu.

Nhâm Ngọ: Vĩnh Thuần năm đầu, ẩn sĩ Tôn Tư Mạc mất. Ông rất giỏi thuật y dược, âm dương, Trang Lão, lại tinh thông Phật điển, được tôn xưng là Chân Nhân.

Quý Mùi: Hoằng Đạo năm đầu, tháng mười hai, Đế bệnh, mất năm Đinh Tỵ. Năm Giáp Thân Trung Tông lên ngôi, tôn Thiên hậu là hoàng Thái hậu. Mọi chánh sự đều do bà quyết định. Trung Tông lên ngôi xong bị phế, Thái hậu nắm triều chính.

* ***Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni:*** Sa-môn Phật Đà-ba-lợi người nước Kế Tân, Bắc Ấn, Tây Vực (Hán dịch Giác Hộ) vào năm Nghi Phụng năm đầu ngài đến núi Thanh Lương ở Ngũ Đài gặp một ông già. Ông già hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Ngài đáp:

Muốn lạy Văn-thù.

- Ông có đem Phật Đảnh Tôn Thắng chú qua không?

- Không.

- Chúng sinh cõi này có nhiều người phạm bốn nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, ông hãy về nước đem thần chú ấy qua đây làm lợi ích lớn, đệ tử sẽ chỉ cho ông chỗ của Văn-thù.

Nói xong, ông già biến mất. Ba-lợi quay về đem thần chú ấy sang.

Niên hiệu Hoằng Đạo năm đầu. Ngài đến Trường An. Đế hạ chiếu sai Đỗ Hành Khải và Tam Tạng Nhật Chiếu dịch xong. Ba-lợi lại đem Phạm bản này đến tăng Thuận Trinh ở chùa Tây Minh, Trinh tấu xin cùng ngài phiên dịch, lấy tên Tôn Thắng Đà-la-ni, đây là bản dịch năm thứ ba, so với bản dịch của họ Đỗ có vài chỗ khác nhau, so với các bảnkhác thì bản dịch này lưu hành nhiều nhất. Sau đó ngài vào Ngũ Đài và không ai biết ngài tịch lúc nào, ở đâu.

* ***Pháp Uyển Châu Lâm:*** Gồm một trăm quyển, Đế cho nhập tạng lưu hành. Sách do Pháp sư Huyền Huy soạn. Huyền Huy tự là Đạo Thế, thị tịch năm Hoằng Đạo năm đầu.

* Tắc Thiên: Húy là Chiếu, họ Võ, vợ Cao Tông, sinh ba người con là Trung Tông, Duệ Tông và công chúa Thái Bình. Cao Tông mất, Trung Tông lên ngôi, tôn bà là Hoàng Thái hậu. Trung Tông năm đầu, tháng hai, bà phế Trung Tông làm Lô Lăng Vương cho ở nơi riêng. Năm Kỷ Mùi, bà lập Dư Vương Đán làm Hoàng Đế, chánh sự do Thái hậu quyết định, cho Đế ở điện riêng. Mùa hạ tháng tư, dời Lô Lăng Vương về Phòng Châu, sau dời qua Quân Châu. Tháng chín, Giáp Dần bà đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Quang Trạch, cờ xí đều làm màu vàng. Quan Bát Phẩm xuống đến già trẻ đều đổi sắc phục xanh ngọc. Đông Đô đổi thành Thần Đô, cung gọi là Thái Sơ. Lại đổi Thượng thư tỉnh là văn xương đài, Tả hữu bộc xạ là Tả hữu tướng, Lục tào là Lục quan thiên địa tứ thời, Môn hạ tỉnh là loan đài, trung thư tỉnh là phụng các, thị trung là nạp ngôn, trung thư lệnh là nội sử, ngự sử đài là tả túc chính đài, đặt thêm chức hữu túc chính đài. Ngoài ra những tên đứng đầu trong tỉnh, tự giám đều theo nghĩa mà sửa đổi. Thái hậu nắm quyền hai mươi mốt năm, thọ tám mươi mốt tuổi. Niên hiệu Quang Trạch một năm, Thùy Củng bốn năm, Vĩnh Xương một năm, Thiên Thọ lại đổi Tái Sơ hai năm, Trường Thọ hai năm, Diên Tái một năm, Thiên Sách Vạn Tuế lại đổi Chứng Thánh một năm, Vạn Tuế Thông Thiên lại đổi Vạn Tuế Đăng Phong một năm, Thần Công một năm, Thánh Lịch hai năm, Cửu Thị một năm, Trường An năm.

- Giáp Thân: Tháng giêng, Trung Tông lấy niên hiệu Tự Thánh. Tháng hai, Dự Vương lên ngôi lấy niên hiệu Văn Minh. Tháng chín Giáp Dần đổi niên hiệu Quang Trạch.

- Ất Dậu: Thùy Củng năm đầu. Bính Tuất: Thùy Củng năm thứ hai, cây dâu trong vườn nhà Hoàng Thủ Cung ở Tuyền Châu bỗng sinh hoa sen trắng, nhân đó ông đổi nhà làm chùa, nay là chùa Khai Tiên.

- Thùy Củng năm thứ ba, Thiên Trúc Sa-môn Địa Bà-ha-la (Hán

dịch Nhật Chiếu) đến Trường An vào niên hiệu Nghi Phụng đời Cao Tông, dịch Kinh như Mật Nghiêm v.v... Đến lúc này ngài dịch tổng cộng mười tám bộ, ba mươi bốn quyển. Thái hậu tự tay viết lời tựa.

- Kỷ Sửu. Vĩnh Xương năm đầu. Canh Thìn: Thiên Thọ năm đầu.

* Đổi Quốc Hiệu: Tháng chín, Thiên Thọ năm đầu, thị ngự sử Phó Du Nghệ dẫn trăm quan vào cung dâng biểu xin đổi quốc hiệu là Chu, đổi họ Hoàng Đế là Võ. Thái hậu ưng chuẩn, ngự ở lầu Tắc Thiên đại xá thiên hạ, đổi Đường thành Chu, đổi niên hiệu. Đế lấy hiệu Thánh thần Hoàng Đế. Cho Hoàng tộc mang họ Võ, lập Thất miếu của họ Võ ở Thần Đô. Mồng một tháng mười một Canh Thìn Đế về Nam đến Thái hậu hưởng vạn tượng thần cung đại xá thiên hạ, bắt đầu dùng Chánh sóc nhà Chu. Lấy tháng mười một Vĩnh Xương năm đầu làm tháng giêng Tái Sơ năm đầu, lấy tháng mười hai làm tháng Chạp. Tháng đầu mùa hạ là tháng một. Tần Tông Khánh sửa đổi mười hai chữ như "Thiên, địa..." dâng lên, năm Đinh Sửu thi hành. Thái hậu tự lấy tên Chiếu, đổi chiếu thành Chế. Tháng hai Tân Dậu, Thái hậu triệu Cống Sĩ vào điện Lạc thành. Thể lệ Cống Sĩ thi điện phát xuất từ đó. Đến mùa Đông tháng mười Cửu Thị năm đầu, Đế hạ chế lại lấy tháng giêng làm tháng mười một, tháng một là tháng giêng. Trung Tông, Thần Long năm đầu, tháng hai, lại lấy quốc hiệu Đường, Giao Miếu, xã tắc, lăng tẩm, bá quan, cờ xí, sắc phục, văn tự đều theo pháp chế như năm Vĩnh Thuần trước đây, lại đổi Thần đô thành Đông Đô, Bắc đô là Tinh châu, tạo ra mười hai chữ mới (--đổi thành--, --đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--, lệnh cho Tể tướng soạn thời Chánh Ký, hàng tháng giao cho Lại quán. Thời Chánh Ký phát xuất từ đây.

- Nhâm Thìn: Trường Thọ năm đầu, tháng tư, chiếu thỉnh Thiền Sư Nhân Kiệm vào cung. Sư nhìn Thái hậu rất lâu và hỏi: "Hiểu không?" Hậu đáp: "Chẳng hiểu". Sư nói: Lão Tăng trì giới tịnh khẩu (không nói)". Nói xong Sư đi. Sáng hôm sau, Sư dâng Hậu mười chín bài Đoản ca. Hậu xem rất thích, ban thưởng cho Sư rất hậu. Nay chỉ còn một bài Liễu Nguyên Ca trong Truyền Đăng Ngọc Anh tập. Sư chính là Hòa thượng Đằng Đằng nối pháp với Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc, Quốc sư nối pháp của Ngũ tổ.

* ***Kinh Bảo Tích:*** Sa-môn Đạt-ma-lưu-chi (Hán dịch Pháp Hy) người nước Nam Thiên Trúc, Cao Tông nghe tài đức của ngài nên vào niên hiệu Khai Diệu năm đầu sai sứ mang chiếu sang Tây Vực thỉnh. Năm này, ngài đến Trường An, Thái hậu cho triệu kiến và đổi tên ngài

là Bồ-đề-lưu-chí (Hán dịch Giác Ái) sắc lệnh cho ngài dịch kinh tại chùa Phật thọ ký, cả thảy mười chín bộ, hai mươi tám quyển. Trung Tông, Thần Long năm thứ hai, Chí theo xa giá về kinh. Đế mời ngài dịch Kinh Bảo Tích tại Tây Sùng Phước Tự, Đế làm bút thọ. Duệ Tông, Cảnh Vân năm đầu, Đế lại cho mở riêng Bảo Tích hội tại Bắc Uyển, Bạch Liên Hoa đình, Đế cũng đích thân làm Bút thọ, Vương Tấn, Hạ Tri Chương v.v.. nhuận sắc, trung thư Lục Tượng Tiên, Ngụy Truy Cổ làm giám hộ. Đế ngự bút viết lời tựa ở đầu bộ kinh, Huyền Tông, Khai Nguyên năm đầu, ngài đem bộ kinh Bảo Tích mình dịch kết hợp bản dịch cũ thành một bộ gồm một trăm hai mươi quyển. Từ đó ngài không dịch nữa mà chuyên trì tụng, tu tập Thiền quán. Khai Nguyên năm thứ mười lăm, ngài tịch, thọ một trăm năm mươi sáu tuổi. Ngày an táng, Đế đặc biệt cấp đội nghi trượng, cờ xí của Thiên Tử, dựng tháp ở Tây Nguyên, Long Môn, truy tặng chiếc Hồng Lô Đại Khanh, ban thụy là Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng, những danh đức trọng vọng xưa nay chưa có ai bằng ngài. Ngài dịch cả thảy năm mươi ba bộ kinh, gồm một trăm mười tám quyển.

- Giáp Ngọ: Diên Tái năm đầu.

- Ất Mùi: Thiên Sách Vạn Tuế năm đầu, tháng giêng Tân Tỵ, Thái hậu gia hiệu là Từ Thị, đổi niên hiệu là Chứng Thánh, lại gia hiệu Thiên Sách Kim Luân Đại Thánh Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên.

- ***Pháp Sư Nghĩa Tịnh:*** Sư họ Trương, húy Nghĩa Tịnh, tự Văn Minh người Mang Dương. Ngài xuất gia từ nhỏ, thành niên thì thọ cụ túc. Cao Tông, Hàm Hưởng năm thứ hai, ngài ba mươi bảy tuổi, đến Tây Vực tìm kinh Phật, bôn ba một mình suốt hai mươi lăm năm, đi qua hơn ba mươi nước. Lúc này, tháng năm Ất Mùi, ngài về đến Hà Lạc, mang theo gần bốn trăm bộ cả thảy năm mươi vạn quyển Kinh Luật luận tiếng Phạm, một cái chân dung Kim Cang tòa, ba trăm hạt xá-lợi. Thái hậu ra tận ngoài đông môn đón xem an trí ở chùa Phật thọ ký, sắc lệnh ngài phiên dịch. Đầu tiên, ngài cùng Thật-xoa-nan-đà dịch kinh Hoa Nghiêm. Trường An năm thứ ba, ngài dịch những kinh như: Kim Quang Minh Tối Thắng Vương v.v... Bách Nhất Yết-ma v.v... Thành Quân Trợ Giáo Hữu Quán làm giám hộ. Thái hậu viết bài tựa cho Thánh giáo mới dịch. Trung Tông, Thần Long năm đầu, tại đạo tràng trong Đông Lạc, ngài dịch Khổng Tước Vương Kinh v.v.. Đế viết tựa, lấy hiệu Đại Đường Long Hưng Tam Tạng Thánh Giáo. Năm thứ hai, ngài theo xa giá về Trường An, Đế sắc lệnh lập riêng viện dịch

kinh trong chùa Đại Tiến Phước, dịch Kinh Nhất Thiết Trang Nghiêm Vương v.v... Binh bộ thị lang Thôi Thục, cấp sự trung Lô Xán nhuận văn, sữa chữ, bí thư giám phò mã đô úy Dương Thận Giao làm giám hộ. Trung Tông, Cảnh Long năm thứ hai, Đế triệu ngài vào cung cùng dịch kinh. Ba tháng kiết hạ, Đế nhớ lại hồi còn ở Phòng Châu mình từng cầu niệm Dược Sư nên thỉnh ngài dịch kinh Dược Sư hai quyển tại điện Phật quang. Duệ Tông, Cảnh Vân năm đầu, tại chùa Đại Tiến Phước, ngài dịch những Kinh Luận như Dục Tượng v.v... hai mươi bộ gồm tám mươi tám quyển. Học sĩ Lý Kiêu, Trương Thuyết nhuận sắc, bộc xạ Vi Cự Nguyên, Tô Hoài làm giám hộ. Huyền Tông, Khai Nguyên năm đầu, tháng bảy ngài quy tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ, Đế cấp phẩm vật an táng, dựng tháp ở Cao Nguyên phía Bắc Long Môn, Lạc Kinh. Ngài dịch tổng cộng năm mươi sáu bộ, gồm hai trăm ba mươi quyển Kinh Luật luận, lại soạn riêng nghi, truyện v.v... chín tuyển. Tuy dịch rộng ba tạng, nhưng ngài chuyên nghiên cứu luật bộ truyền dạy cho người học.

Năm này, Đế sắc lệnh Sa-môn Minh Toàng San định Kinh mục, soạn Lục mười lăm quyển nhập đại tạng lưu hành.

* ***Kinh Hoa Nghiêm:*** Thái hậu nghe nước Vu-điền có Đại Kinh Hoa Nghiêm tiếng Phạm nên sai sứ qua thỉnh, đồng thời mời học giả giỏi tiếng Phạm theo sứ về nước. Lúc ấy Vu-điền quốc chủ mời Tôn giả Thật-xoa-nan-đà (Hán dịch Giác Hỷ) là người tinh thông tông chủ Hoa Nghiêm theo sứ đi. Thái hậu rất hài lòng. Tháng ba năm ấy, Đế hạ chiếu mời ngài ở chùa Đại biến không cùng Bồ-đề-lưu-chí, Pháp sư Phục Lễ v.v.. dịch kinh. Sau thỉnh ngài qua chùa Phật thọ ký. Thái hậu xa giá đến chùa, đích thân giám sát việc phiên dịch, cúng dường trai tăng. Đến Thánh Lịch năm thứ hai, tháng mười, kinh được dịch xong gồm tám mươi quyển. Thái hậu viết tựa, ngự ở điện Thái cực tuyên cáo với trăm quan. Trường An năm thứ tư, Thật-xoa-nan-đà dịch xong kinh Lăng-nghiêm bảy quyển, so với các bản khác, bản dịch này sáng tỏ nhất. Nan-đà dịch tổng cộng mười chín bộ, một trăm lẻ bảy quyển Kinh Luận, rồi cáo từ về Vu-điền. Đế hạ chiếu cho ngự sử Hoặc Tự Quang đưa ngài về nước. Đến Trung Tông, Cảnh Long năm thứ hai, Đế lại triệu ngài sang, sắm đủ lễ nghi đích thân đón rước, đưa về ngụ tại chùa Tiến Phước diễn giảng ý chỉ của kinh. Duệ Tông, Cảnh Vân năm đầu, tháng mười, ngài quy tịch, trà-tỳ nhưng lưỡi còn nguyên, Đế hạ chiếu đưa về Vu-điền dựng tháp.

- Bính Thân: Tháng mười hai Giáp Thân Vạn Tuế Thông Thiên

năm đầu đổi niên hiệu Vạn Tuế Đăng Phong.

* ***Hiền Thủ Giáo:*** Thích Pháp Tạng họ Khương, hiệu Hiền Thủ, người nước Khương Cư, phong thái xuất chúng, tài trí tuyệt luân, ngài đến Trường An liền được chọn vào những bậc danh tăng nghĩa học, được tham dự trong dịch trường của Pháp sư Huyền Trang. Sau nhân thấy bút thọ, chứng nghĩa, nhuận văn kiến thức không đồng nên ngài ra khỏi dịch trường. Hồi ấy, Pháp sư Đỗ Thuận ở Đôn Hoàng rất được Tùy Văn Đế kính trọng, từng cùng đệ tử là Trí Nghiễm hoằng truyền pháp giới quán của Hoa Nghiễm (Đời Tấn dịch là Hoa Nghiêm). Pháp Tạng theo hầu Trí Nghiễm và học hết giáo quán này. Đến khi chuyển dịch, ngài đứng đầu dịch trường. Phạm bản Hoa Nghiêm của Vu-điền mà Thật-xoa-nan-đà dịch, ngài và Pháp sư Nghĩa Tịnh, Phục Lễ đều có tham dự. Vạn Tuế Thông Thiên năm đầu, Đế hạ chiếu thỉnh Sa-di Pháp Tạng khai thị tông chỉ Hoa Nghiêm tân dịch tại chùa Thái Nguyên, miệng ngài phóng ánh sáng trắng. Đế có chiếu chỉ thỉnh mười đại đức trong kinh thành truyền cụ túc cho ngài, ban hiệu là Hiền Thủ, triệu vào chùa Đại Biến không tham gia dịch thuật. Trường An năm đầu, đế mời ngài giảng kinh Hoa Nghiêm tân dịch tại chùa Phật Thọ Ký ở Đông Đô. Giảng đến phẩm Hoa Tạng Thế Giới thì đại địa rung chuyển, ngay hôm đó, Đế triệu ngài vào điện Trường sinh để hỏi về nghĩa của Lục Tướng, Thập Trùng Đế võng. Ngài trình bày thứ lớp về nghĩa của Thiên Đế Võng, Thập Trùng Huyền Môn, Hải Ấn Tam-muội Môn, Lục Tướng Hòa Hợp Nghĩa Môn, Phổ Nhãn Cảnh Giới Môn. Các nghĩa chương này đều là những nghĩa tổng biệt của Hoa Nghiêm. Thái hậu mờ mịt chẳng hiểu, ngài bèn chỉ con sư tử vàng ở góc điện để làm thí dụ, nhân đó soạn nghĩa môn thẳng tắt, dễ hiểu lấy tên là Kim Sư Tử Chương, liệt vào tướng tổng biệt của Thập môn. Thái hậu tỏ ngộ tông chỉ. Ngài lại dùng phương tiện khéo léo khai mở cho những người học nhưng chưa hiểu nghĩa. Ngài lấy mười tấm gương treo ở tám hướng cùng trên dưới, mỗi cái cách nhau một trượng các gương đối mặt vào nhau. Chính giữa ngài đặt một tượng Phật, đốt một cây đuốc để soi sáng, bóng và ánh sáng in hình khắp mặt gương. Nhờ vậy, người học hiểu ngay “sát hải” thể nhập nghĩa vô tận. Ngài từng soạn Bát-nhã tâm kinh sớ, đương thời rất quý trọng, lưu hành khắp nước. Ngài được ban hiệu Khương Tạng Quốc Sư. Thanh lương Đại Thống Quốc Sư Trừng Quán đem cả tài A Thánh siêu xuất mà truy tôn Hiền Thủ, soạn Hoa Nghiêm sớ luận cả mấy trăm vạn lời, Khuê Phong Tông Mật Kế Thừa, đó là Hoa Nghiêm Ngũ Tổ. Mạch nguồn đại pháp chảy tràn thiên hạ, lấy tên là Nhất Niệm Viên Dung Cụ

Đức Tông, Hiền Thủ Giáo.

* ***Quốc Sư Thanh Lương:*** Ngài họ Hạ Hầu, pháp danh Trừng Quán, người Sơn Âm, Việt Châu. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia với Thiền sư Bái ở chùa Bảo lâm núi Ứng thiên, tụng kinh Pháp Hoa. Năm mười bốn tuổi ngài gặp được Từ Ân hóa độ, nổi tiếng ở Thiền Lâm. Trong năm Càn Nguyên đời Túc Tông, ngài theo Luật sư Lễ ở chùa Thê hà, Nhuận Châu học Tướng Bộ Luật, theo Đàm Nhất học Nam Sơn Luật, đến Pháp sư Huyền Bích ở Kim lăng học Quan Hà Tam Luận. Tam Luận thạnh hành ở Giang biểu đều nhờ công sức của ngài. Năm Đại Lịch đời Đại Tông, ngài hoằng truyền Khởi Tín, Niết-bàn ở chùa Ngõa quan. Ngài lại theo Pháp Tạng ở Hoài nam học Hải Đông Khởi Tín Sớ Nghĩa, nghiên cứu Hoa Nghiêm, Tam Luận suốt hai mươi năm, theo Pháp sư Trạm Nhiên ở Tô châu học sớ nghĩa các kinh như Tạp Ma, Pháp Hoa, Thiên Thai Chỉ Quán. Lại yết kiến thiền sư Trung ở núi Ngưu Đầu, Thiền Sư Khâm ở Kính Sơn, Thiền Sư Vong Danh ở Lạc Dương để tham vấn Thiền pháp của Nam Tông. Ngài lại yết kiến Thiền Sư Tuệ Vân liễu ngộ huyền lý của Bắc Tông. Nhẫn đến dịch thuật các kinh, truyện, tử sử, tiểu học, thương nhã, Thiên Trúc tất đàm, chư bộ dị chấp, tứ vỹ, ngũ minh, bí chú, nghi quỹ, thiên tụng, thư tung, ngài đều đọc khắp. Đại Lịch năm thứ mười một, ngài đến Ngũ Đài Lễ Văn-thù, qua Nga Mi lạy Phổ Hiền rồi về Ngũ Đài ở tại chùa Đại Hoa Nghiêm chuyên hành sám pháp Phương Đẳng, cảm khái vì Sớ cũ của Hoa Nghiêm văn dài dòng, nghĩa tóm lược, nên bùi ngùi nghĩ ngợi hoài, huống gì Văn-thù là đại trí, Phổ Hiền là đại lý, hai Thánh hợp lại thành Tỳ-lô-giá-na, muôn hạnh đều thông, ngay đó mới là nghĩa của Đại Hoa Nghiêm. Ngài soạn Sớ hai mươi quyển. Đức Tông năm Trinh Nguyên năm thứ bảy, Hà đông Tiết độ sứ Lý Tự Lương thỉnh ngài giảng tân sớ tại chùa Sùng phước. Đức Tông nghe danh ngài liền sai Trung Sứ Lý Phụ Quang mang chiếu đến thỉnh vào triều, cùng Tam Tạng Bát-nhã người Kế Tân dịch bốn mươi quyển của phần sau Hoa Nghiêm do nước Ô Trà tiến cống. Tháng năm sau, Đế sai Trung Sứ Hoắc Tiên Minh tuyên chiếu thỉnh ngài vào cung. Đức Tông kính trọng, thỉnh ngài ở dịch trường để san định, chỉnh sửa, lại hạ chiếu thỉnh ngài soạn sớ. Ngài soạn mười quyển và dâng Đế. Thuận Tông lúc chưa lên ngôi từng đàm đạo với ngài và thỉnh ngài soạn Liễu Nghĩa một quyển, Tâm Yếu một quyển và nhân duyên ăn thịt mắc tội. Ngài soạn thuật rất nhiều sớ nghĩa cương yếu, đệ tử truyền pháp đến hơn trăm người (xem trong Hiến Tông Nguyên Hòa năm thứ mười một và Văn Tông, Khai Thành năm thứ 3)

* ***Thiền Sư Khuê Phong Tông Mật ở núi Chung nam:*** Ngài họ Hà, người Tây Sung, Quả Châu vốn theo nghiệp Nho. Hiến Tông năm Nguyên Hòa năm thứ hai, trên đường lên kinh ứng thí, chợt gặp Pháp tịch của Thiền sư Viên ở Toại Châu, thể nhận pháp vị và ngài liền cầu xin thế phát xuất gia, thọ cụ túc trong năm ấy. Ngày nọ, ngài theo chúng đi chứng trai tại nhà của phủ lại Nhậm Quán. Ngài nhỏ nhất pháp hội, theo năm thứ tự nhận được bản kinh Viên Giác, Thập Nhị Chương đọc chưa hết quyển nhưng ngài liền sáng tỏ. Ngài trình chỗ thấy với Viên, Viên nói: "Ông sẽ hoằng dương rộng giáo nghĩa của Viên đốn, đó là chư Phật giao phó cho ông vậy, hãy đi đi, đừng trói mình một chỗ!" ngài vâng lời từ biệt, đến yết kiến Thiền Sư Trung ở Kinh Nam, Thiền Sư Chiếu ở Lạc Dương đều được ấn khả. Ngài đến Tương Hán, nhân lúc bệnh, có vị Tăng trao cho ngài bộ Hoa Nghiêm sớ do Đại sư Trừng Quán ở Thượng Đô soạn. Ngài xem và mừng rỡ nói: "Thiền ta gặp Nam Tông, Giáo hợp Viên Giác". Ngay đó, tâm ngài khai mở, đọc đến nửa quyển, trời nghĩa sáng bừng. Không lâu sau đó, ngài vào Khuê Phong Lan-nhã ở núi Chung nam. Trong năm Thái Hòa đời Văn Tông, Đế mời ngài vào cung ban cho y tía, nhiều lần hỏi về pháp yếu. Văn sĩ trong triều đều quy ngưỡng nhưng chỉ có tướng quốc Bùi Hưu là người thấu triệt diệu nghĩa, thọ giáo làm người ngoại hộ. Ngài thấy học giả của Thiền Giáo thường công kích nhau, nhân đó soạn Thiền Nguyên Chư Thuyên, gom tập những văn tự, cú lệ nêu bày đạo lý căn nguyên của Thiền môn mà chư tôn túc soạn thuật, chép thành một tạng để lại cho đời sau. Mồng sáu tháng giêng niên hiệu Hội Xương năm đầu, đời Vũ Tông, tại viện Hưng Phước, ngài dặn đồ chúng: "Hãy đem thi thể cho muôn thú ăn, lượm xương đốt rồi rải tro đi!" Nói xong ngài quy tịch. Tăng tục đưa toàn thân ngài lên Khuê Phong, trà-tỳ thâu xá-lợi cất nơi thạch thất. Tuyên Tông truy tôn ngài thụy là Định Tuệ Thiền Sư, tháp hiệu Thanh Liên. Ngài thọ sáu mươi ba tuổi, nối pháp của Thiền Sư Viên ở Toại châu, thuộc phái Hà Trạch, đời năm thứ năm của Lục Tổ.

+Đế hạ chiếu thỉnh Thiền Sư Tuệ An ở Tung Nhạc và Thiền Sư Thần Tú vào triều, rước hai ngài lên điện. Thái hậu ra quỳ lạy, giữ nơi cấm cung, sớm tối hỏi đạo, tôn Tuệ An làm Quốc Sư. Lúc ấy, từ Vương Công trở xuống nghe danh ngài đều đến yết kiến, cung kính đảnh lễ.

* ***Bắc Tông Thiền Sư Thần Tú:*** Sư húy Thần Tú, họ Lý, người Khai Phong, nối pháp Ngũ Tổ nhưng dòng phụ. Từ nhỏ, Sư theo Nho học, học rộng nghe nhiều, chợt phát tâm xuất gia. Sư đến chùa Song Phong ở Kỳ Châu, gặp Ngũ Tổ, khâm phục và thờ Tổ gắng công gánh

nước, đốn củi, chấp lao phục dịch để cầu đạo, Tổ độ Sư. Sau khi Ngũ Tổ nhập diệt, sư trụ ở núi Đương dương, Giang Lăng. Thái hậu nghe tiếng liền thỉnh vào cung, cúng dường Sư và Quốc sư Tuệ An tại nội đạo tràng, đặc biệt tôn kính, lệnh dựng chùa Độ Môn ở Đương Dương để nêu cao đức của Sư. Trung Tông lên ngôi, càng rất tôn kính Sư. Đại thần Trương Thuyết từng nghe pháp yếu nhận lễ đệ tử. Sư dạy chúng: "Tất cả Phật pháp tự tâm sẵn có, ngoài tâm cầu pháp chẳng khác con bỏ cha trốn đi". Trung Tông Thần Long năm thứ hai, tháng hai, Sư tịch ở chùa Thiên Cung, Đông Đô. Đế ban Sư thụy Đại Thông Thiền Sư, lệnh an táng ở Long Môn, ngày an táng cấp cho nghi trượng, cờ xí của Thiên Tử, Đế đưa đến Tiện Kiều, lệnh cho trung thư lệnh Trương Thuyết soạn văn bia. Sư sinh cuối đời Tùy, thọ hơn trăm tuổi, tăng lạp tám mươi hạ. Khi ấy, Kỳ Vương Phạm, Trưng Quân Lư Hồng Nhất đều khắc bia làm bài tán. Cựu Đường Thư có chép truyện của Sư. Đế ban thụy hiệu bắt đầu từ Sư Môn Nhân Phổ Tịch, Nghĩa Phước v.v.. đều kế thừa pháp tịch.

* ***Quốc Sư Tuệ An ở Tung nhạc:*** Ngài họ Vệ, húy Tuệ An, người Chi Giang, Kinh châu, xuất gia từ nhỏ. Tùy Văn Đế, Khai Hoàng năm thứ mười bảy, Sư vào ở ẩn trong hang núi. Trong năm Đại Nghiệp đời Dương Đế, dân đinh đào kênh bị đói rách, ngài đi khất thực về nuôi họ. Dương Đế nghe tiếng triệu vào cung nhưng ngài không đi mà trốn vào núi Thái hòa, lên Hoành Nhạc hành hạnh Đầu-đà. Năm Trinh Quán đời Thái Tông, ngài đến Hoàng Mai, Kỳ Châu, yết kiến Ngũ Tổ và được tâm yếu. Cao Tông, Lân Đức năm đầu, ngài vân du đến Thạch Bích ở núi Chung nam và ở đó. Cao Tông hạ chiếu mời nhưng ngài không vào triều mà đến Thiếu Lâm ở Tung Sơn và nói: "Đây là nơi ta tịch". Thiền giả quy tụ với ngài rất đông. Thái hậu sai sứ đi thỉnh ngài vào triều, ngài và Thần Tú đều được Thái hậu kính lễ. Thái hậu tôn ngài làm Quốc Sư. Đến Trung Tông, Thần Long năm thứ hai, Đế ban ngài ca-sa tía và thỉnh mười bốn đệ tử ngài vào cung cúng dường. Lúc này, Trung Tông sai nội thị Tiết Giản đi thỉnh Lục Tổ nhưng Tổ không đến. Ba năm sau, Trung Tông ban ngài tăng y Ma-nạp. Ngài từ biệt trở về Tung Nhạc. Mồng ba tháng ba năm Cảnh Long năm thứ ba, ngài dặn môn nhân: "Ta mất hãy đem xác vào rừng đợi lửa của núi rừng thiêu ta" Mồng tám, ngài an nhiên thị tịch, thọ một trăm hai mươi tám tuổi. Môn nhân làm đúng lời dạy, quả nhiên tự nhiên có lửa của núi rừng hỏa thiêu ngài, được tám mươi xá-lợi. Trong đó năm hạt lớn màu tía, môn nhân dâng Đế tôn trí trong cung. Duệ Tông, Tiên Thiên năm đầu, môn nhân dựng

tháp. Người đời gọi ngài là Lão An Quốc Sư, đệ tử nối pháp có Nhân Kiệm, Phá Táo Đọa, Tung Nhạc Nguyên Khuê.

- Đinh Dậu: Thần Công năm đầu. Mậu Tuất: Thánh Lịch năm đầu.

+ Hoàng Tự (Duệ Tông) cố xin Đế nhường ngôi cho Lô Lăng Vương. Tháng chín, lập Lô Lăng Vương Triết làm hoàng Thái tử. Triết lại đổi tên là Hiển, đại xá thiên hạ. Kỷ Hợi: Thánh Lịch năm thứ 2.

- Canh Tý: Cửu Thị năm đầu, mùa Đông tháng mười, đế lại lấy tháng giêng làm tháng mười một, tháng một làm tháng giêng.

- Tân Sửu: Trường An năm đầu, Nhâm Dần là năm thứ hai, Quý Mão năm thứ ba, Giáp Thìn là Trường An năm thứ tư.

* **Trung Tông:** Húy là Hiển, con năm thứ bảy của Cao Tông được lập hoàng Thái tử. Hồi ấy, Cao Tông mất, Thái tử lên ngôi, tháng giêng, Đế tôn Thiên hậu làm Thái hậu, lập bà phi họ Vi làm Hoàng hậu, cất nhắc cha Hoàng hậu là Vi Huyền Trinh làm Dự Châu Thứ sử. Đế cho Huyền Trinh làm thị trung. Bùi Viêm cố can nhưng Đế không nghe, Viêm thưa Thái hậu và hai người ngầm bàn mưu. Tháng hai, Mậu Ngọ, Thái hậu phế Đế xuống làm Lô Lăng Vương cho qua Phòng Châu, lại dời về Quân Châu, đày Huyền Trinh đến Khâm Châu. Tắc Thiên, Thánh Lịch năm đầu lại lập ông làm Hoàng Thái tử. Lúc này tháng giêng năm Ất Tỵ, Thiên hậu truyền ngôi cho Thái tử. Năm Bính Ngọ Đế lên ngôi. Năm Đinh Mùi, Thái hậu dời về Chủ Dương cung, Đế thống lĩnh trăm quan, thượng tôn Thiên hậu là Tắc Thiên Đại Thánh Hoàng Đế. Tháng mười một Nhâm Dần, bà mất, Thần Long năm đầu, tháng hai, Đế lấy lại quốc hiệu Đường. Giao, miếu, xã tắc, cờ xí, trăm quan đều theo phép chế như năm Vĩnh Thuần trước kia, đổi Thần Đô là Đông Đô, Bắc Đô là Tinh châu. Đế ở ngôi sáu năm, thọ năm mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thần Long hai năm, Cảnh Long bốn năm.

- Ất Tỵ: Thần Long năm đầu, tháng tư, Đế giáng Ngự trát triệu Lục tổ Tào Khê vào cung. Ngự Trát ghi: “Trẫm mời hai thầy An, Tú vào cung cúng dường, mỗi lần hỏi đến pháp Nhất thừa, hai thầy ấy đều chối từ nói: “Thiền sư Năng ở phương nam mật nhận y pháp của Đại sư Nhẫn, bệ hạ nên đến đó hỏi”. Nay Trẫm sai nội thị Tiết Giản đem chiếu nghinh thỉnh, mong Thầy từ niệm mau vào thượng kinh”. Tổ dâng biểu lấy cớ bệnh mà từ chối. Tiết giản thưa:

- Chư Thiền đức trong kinh thành đều nói, muốn hiểu được Đạo phải tập Thiền định, nếu không nhờ Thiền định mà được giải thoát là điều chưa từng có. Không rõ pháp mà Thầy nói, ý chỉ thế nào?

Tổ đáp:

Đạo do tâm ngộ lẽ đâu ở nơi ngồi!

Giản thưa: Đệ tử về triều, chúa thượng tất hỏi, mong thầy chỉ bày tâm yếu để khiến vua tỏ đạo!

- Đạo không có sáng tối.

- Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, nếu không dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì dựa vào đâu ra khỏi sinh tử?

- Nếu dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì đó là Tiểu cơ Nhị thừa.

- Thế nào là Kiến giải Đại thừa?

- Minh và vô minh, tánh nó không hai. Tánh không hai ấy chính là thật tánh. Thật tánh thì ở phàm không giảm, ở Thánh không tăng, ở trong phiền não nhưng chẳng loạn, ở trong thiền định nhưng chẳng tịch. Tánh tướng như như, đó gọi là đạo.

- Thầy nói chẳng chẳng diệt đâu khác ngoại đạo?

- Ngoại đạo lấy diệt ngăn sinh, lấy sinh bày diệt. Diệt nhưng chẳng diệt, sinh nói không sinh, ta nói vốn tự chẳng sinh, nay cũng không diệt, nên không giống ngoại đạo. Ông muốn biết tâm yếu chỉ cần đừng suy nghĩ phân biệt tất cả thiện ác thì tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh, vắng lặng thường trụ, hằng sa diệu dụng.

Tiết Giản lạy tạ về cung thưa lại lời Tổ, Đế khen hay. Sau đó, sai Sứ mang tặng Tổ ca-sa Ma-nạp, Bình bát, năm trăm cây lụa để biểu thị lòng ngưỡng mộ của Thiên Tử.

* ***Kinh Lăng-nghiêm:*** Thiên Trúc Sa-môn Bát Thích Mật Đế (Hán dịch Cực Lượng) đến cư ngụ tại Chế Chỉ đạo tràng ở Quảng châu trong năm này. Tháng năm, ngài đọc ra một phẩm trong Quán Đảnh Bộ, đó là kinh Lăng-nghiêm, Di Già Xán Pháp (Hán dích Vân Phong) dịch thành một bộ mười quyển. Tể tướng Phòng Dung bút thọ. Lúc này Dung bị đày đến Cao châu, nhân đó được ngụ trong dịch trường. Sa-môn Hoài Địch chứng dịch. Chuyển dịch xong, triều đình trách tại sao dịch riêng. Mật Đế thấy vậy liền theo thuyền đem luôn Phạm bản về Thiên Trúc.

- Bính Ngọ: Thần Long năm thứ hai, Tăng Phạm v.v.. được gia phong Ngũ Phẩm.

* ***Thí Kinh Độ Tăng:*** Tháng tám, Đế hạ chiếu cho cả nước thí nghĩa của kinh Đồng Hành, ai thông thuộc không vấp thì độ làm Tăng. Việc thi kinh độ Tăng khởi nguyên từ đó.

* ***Sa-môn Trí Nghiêm:*** Ngài là con quốc vương nước Vu-điền, từ nhỏ làm quan nhà Đường, sớm hưởng vinh lộc, làm đại tướng quân,

được phong Quận Công. Tháng năm này, ngài xin đổi nhà thành chùa, Đế ưng chuẩn. Ngài lại cố xin xuất gia, ngày hai mươi bốn tháng mười hai, Đế viết chiếu "Con người ta không ai chẳng ham bổng lộc, tiếc ngôi vị, nhưng sở nguyện của khanh là muốn bỏ tục xuất gia, chợt xét mình đến tâu xin, Trẫm mến tiếc và ban thưởng, toại nguyện cho khanh hoàn thành chí lớn". Đế còn thỉnh ngài trụ ở chùa Chí Tướng núi Chung Nam nhiều lần tham gia phiên dịch.

+ Đinh Mùi: Cảnh Long năm đầu. Tháng ba năm thứ hai, ngày mồng một, Phương Đạo đại tổng quản Trương Nhân Nguyện xây Tam thọ giáng thành ở Hà Thượng, thuộc Phong Châu.

* ***Thần Núi xin giới:*** Thiền sư Tung Nhạc Nguyên Khuê, họ Lý Sinh ở Y Khuyết, xuất gia từ nhỏ. Trong năm Vĩnh Thuần đời Cao Tông, ngài thọ Cụ túc, học Tỳ-ni tại chùa Nhàn cư, yết kiến quốc sư Tuệ An đốn ngộ huyền chỉ, dựng am tu tập ở Bàng Ổ, Tung nhạc. Vào một ngày trong năm này, có một dị nhân, mặc áo tay rộng, đội mũ trụ cao đi đến, những người tùy tùng rất đông, tướng mạo kỳ vĩ cùng yết kiến ngài. Ngài thấy họ chẳng phải người thường bèn ôn tồn hỏi:

- Lành thay, Nhân giả! Vì sao đến đây?

Họ đáp:

Thầy biết tôi chăng?

- Ta quán Phật và chúng sinh bình đẳng, cùng một cách nhìn lẽ đâu phân biệt!

- Tôi là thần núi, nắm quyền sống chết người khác, thầylẽ đâu nhìn tôi như những người khác!

- Ta vốn chẳng sinh, ông đâu thể làm chết, ta xem thân như hư không, xem ta và ông như nhau, ông có thể hoại diệt hư không và ông chăng! Nếu hủy diệt được hư không và ông, nhưng ta chẳng sinh chẳng diệt, hư không và ông ông còn không thể hủy diệt thì làm sao hay làm ta sống hay chết được!

Thần lạy và nói:

Ta cũng thông minh chánh trực trong số các Thần, nhưng nào biết thầy có trí tuệ, biện tài rộng lớn thế này, mong thầy trao cho chánh giới để tôi độ thế.

Ngài nói:

Ông xin giới tức là đã được giới rồi. Vì sao? Vì ngoài giới không có giới, thì còn giới nào nữa!

- Lý này tôi nghe mờ mịt, chỉ xin thầy giới thôi, thân tôi xin làm môn nhân đệ tử.

Ngài lập tòa thiết bàn, cầm lò hương nói:

"Nay trao cho ông năm giới, giữ được thì đáp được, không giữ được thì đáp không được."

Thần nói:

Xin cung kính nghe dạy.

Ngài nói:

Không dâm, ông có giữ được không?

- Tôi có vợ được chứ!

- Ý không phải vậy mà là không tà dâm bừa bãi.

Thần đáp:

Giữ được.

- Không trộm cắp ông giữ được không?

- Thiếu tôi mới lấy chứ đâu có trộm cắp!

- Không phải như vậy mà là cúng tế thì ông ban phước bừa bãi, không cúng thì ông gây họa không lường.

Thần đáp:

Giữ được.

- Không giết hại, ông giữ được không?

- Tôi nắm quyền bính sao không giết?

- Không phải vậy, mà là lạm sát, ngộ nhận, nghi ngờ giết bừa bãi.

Thần đáp: Giữ được!

- Không nói dối, ông giữ được không?

- Tôi chánh trực làm gì có nói dối!

- Không phải vậy, mà là trước sau không hợp lòng trời.

Thần đáp:

Giữ được!

Ngài nói:

Ông không uống rượu say xỉn được không?

Thần đáp:

Giữ được!

Ngài nói:

Đó là giới của Phật, đem hữu tâm phụng trì mà không có tâm câu chấp, đem hữu tâm vì vật mà không có tâm nghĩ đến thân, hay giữ được như vậy, thì dù sinh trước trời đất nhưng chẳng phải trẻ, dù chết sau trời đất nhưng cũng chẳng già, trọn ngày biến hóa nhưng chẳng động, rốt ráo vắng lặng nhưng chẳng yên. Tín như vậy thì dù cưới vợ nhưng chẳng có vợ, dù hưởng phẩm vật nhưng chẳng lấy gì, dù nắm quyền uy nhưng

chẳng vì quyền, dù dối trá nhưng chẳng có tâm, tuy say nhưng chẳng hôn mê. Nếu không có tâm với vạn vật thì không có giới, không giới thì không tâm, không Phật, không chúng sinh, không ông cũng không có ta, ai giữ giới?

Thần nói:

Tôi thần thông đứng sau Phật!

Ngài nói: Thần thông của ông trong mười điều làm được năm và không làm được năm. Thần thông của Phật trong mười điều ngài làm được bảy và không làm được ba.

Thần thất kinh lui ra quỳ thưa:

Con nghe được chăng!

Ngài nói:

Ông có thể trái ý Thượng đế, đông đi đến trời, tây đến Thất tinh chăng?

Thần đáp:

Không thể.

- Ông có thể đoạt quả đất, trộn Ngũ nhạc, gom bốn biển chăng?

- Không thể.

- Đó là năm điều ông không làm được. Phật có thể làm rỗng không tất cả tướng thành trí vạn pháp nhưng không thể diệt ngay định nghiệp. Phật hay biết tánh của hữu tình, thấu triệt việc trong ức kiếp nhưng không thể hóa độ kẻ vô duyên. Phật có thể độ vô lượng hữu tình nhưng không thể độ tận cõi chúng sinh. Đó là ba điều Phật không làm được. Định nghiệp cũng không lâu bền, vô duyên rồi cũng có lúc, cõi chúng sinh vốn không tăng giảm, rõ ràng chẳng người nào làm chủ pháp đó, có pháp không chủ thì gọi là không pháp, không pháp không chủ thì gọi là không tâm. Theo ta hiểu thì Phật cũng không có thần thông, chỉ là hay lấy vô tâm mà thông đạt tất cả các pháp.

Thần nói:

Con thật ra nông cạn, tối tăm, chưa nghe nghĩa không, giới thầy truyền trao, con xin phụng hành, nay xin báo đáp đại ân đại dức theo khả năng của mình!

Ngài nói:

Ta quán thân không có vật, quán pháp vô thường, sừng sững như vậy còn muốn gì nữa.

- Thầy phải để con làm chút việc thế gian, thi thố chút sức thần của con để khiến cho những người đã phát tâm, mới phát tâm, chưa phát tâm, chưa tín tâm, đã tín tâm nhờ sức thần của con mà biết có Phật, có

Thần, có điều làm được, có điều không làm được, có tự nhiên, có phi tự nhiên.

- Thôi, đừng làm, đừng làm!

- Phật cũng sai Thần hộ pháp, lẽ đâu thầy làm trái lời Phật! Mong thầy tùy ý sai bảo!

Ngài bất đắc dĩ nói:

Chùa Đông Nghiễm cỏ rậm um tùm không có đại thụ, núi phía Bắc có đại thụ nhưng phía ấy là mặt lưng chẳng cần thế tựa, ông có thể dời cây phía Bắc ấy sang ngọn phía Đông này được không?

Thần đáp:

Con xin làm theo, nhưng đêm tối tất có chấn động mong thầy đừng sợ hãi!

Nói xong, Thần cúi lạy chào và đi. Ngài tiễn ra đến cửa chính và nhìn xem thì thấy nghi vệ ngút trời chẳng khác Đế vương, khí núi khói mây hòa quyện cờ xí, tràng phan, chuỗi ngọc, nghi vệ vụt thẳng lên không và ẩn mất. Đêm ấy, quả nhiên gió thét mưa gào, sấm vang chớp dậy, rường cột lung lay, chim thú hoảng hốt, ngài bảo chúng: "Đừng sợ, đừng sợ! Thần đã dặn ta trước rồi!"

Sáng ra trời đất lặng yên, tùng thông ở ngọn Bắc đều dời hết qua núi Đông, thẳng hàng xanh tốt, ngài nói với đồ chúng: "Sau khi ta mất, đừng ai nhắc lại chuyện này, nếu nói thật, thì mọi người sẽ cho ta làm trò yêu mị" Đến Huyền Tông, năm Khai Nguyên năm thứ tư, ngài dặn dò môn nhân: "Trước đây, ta ở ngôi chùa ở núi Đông, nay ta nhập diệt hãy đem hài cốt ta về an táng bên ấy". Dặn dòn xong, ngài mất. Ngài nối pháp của Quốc sư Tuệ An, Tuệ An nối pháp của Ngũ Tổ Đại Mãn Thiền Sư.

Kỷ Dậu: Cảnh Long năm thứ ba, Đế triệu Luật Sư Đạo Ngạn vào cung truyền Tam quy Ngũ giới cho Hoàng hậu, cung phi. Đế cho vẽ tranh minh họa giới cấm, treo trong cung Lâm Quang và đích thân làm bài tán: "Giới châu sáng sạch, dòng tuệ trong xanh, thân trong linh giới, tâm liền nhập định, học chân tông mầu, quán thông thật tánh, duy trì pháp sự, nắm giữ đức chính". Luật tạng nhờ ngài mà thịnh truyền, tượng Giáo nhờ ngài mà rạng rỡ. Huyền Tông, Khai Nguyên năm thứ năm, ngài tịch.

* **Duệ Tông:** Húy là Đán, con năm thứ tám của Cao Tông, ban đầu được phong làm Dự Vương, sau được phong Tương Vương. Tháng sáu năm Cảnh Long năm thứ tư, Trung Tông bị mưu sát, Vi hậu giấu kín không phát tang, lập Ôn Vương Trùng Mậu làm Hoàng Thái tử, phát

tang và Thái tử lên ngôi, lấy niên hiệu Đường Long. Con của Tương Vương là Long Cơ dẹp yên nội loạn, đưa Tương Vương phụ chánh cho Thiếu đế, Thiếu đế sau đó nhường ngôi cho Tương Vương. Tương Vương lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi ba năm, lập Long Cơ làm Hoàng Thái tử. Huyền Tông, Khai Nguyên năm thứ hai, tháng bảy, Trùng Mậu mất, thụy là Thương Hoàng Đế, thọ hai mươi tuổi. Tháng sáu năm Khai Nguyên năm thứ tư, Duệ Tông mất, thọ năm mươi lăm tuổi. Niên hiệu Cảnh Vân hai năm, Tiên Thiên một năm.

Canh Tuất: tháng sáu đổi niên hiệu Cảnh Vân. Năm đầu Tháng tám cho Tả Vũ vệ đại tướng quân Tiết Nội kiêm luôn chức U châu Đô đốc Tiết độ sứ. Tên gọi Tiết độ sứ bắt đầu từ Nột. Trăm quan được ban tước, độ hàng vạn Tăng sĩ, Đạo sĩ.

Nhâm Tý: Tiên Thiên năm đầu, tháng bảy Đế truyền ngôi cho Thái tử

* **Huyền Tông:** Húy Long Cơ, con năm thứ ba của Duệ Tông, ban đầu được phong Sở Vương, sau cải phong làm Lâm Truy Vương. Năm Cảnh Vân, ông được phong làm Hoàng Thái tử. Tiên Thiên năm đầu, tháng tám, ông lên ngôi, ở ngôi bốn mươi ba năm, thọ bảy mươi tám tuổi, tôn Duệ Tông làm thái Thượng hoàng, niên hiệu Khai Nguyên hai mươi chín năm, Thiên Bảo mười bốn năm.

Quý Sửu: Khai Nguyên năm đầu. Tháng bảy mùa Thu, Đế cùng Kỳ Vương Phạm, Tiết Vương Nghiệp, Quách Nguyên Chấn, Vương Mao Trọng, Cao Lực Sĩ giết Tể tướng, âm mưu phế lập những kẻ ác nghịch là Tiêu Chí Trung, Đậu Hoài Trinh, Sầm Hy, Thôi Thục Thường, Nguyên Khải, Lý Từ, thưởng quan tước cho Công thần, hoạn quan thịnh lên từ đó. Tháng mười hai đại xá thiên hạ, đổi chức Thượng thư. Tả hữu bộc xạ thành Tả hữu Thừa Tướng, trung thư tỉnh thành Tử vi tỉnh, Môn hạ tỉnh thành Hoàng môn tỉnh, Thị trung thành Giám, Ung châu là Kinh triệu phủ, Lạc châu là Hà nam phủ. Trưởng sử là Doãn, Tư mã là Thiếu doãn.

* ***Lục Tổ Tuệ Năng:*** Tổ họ Lư, tên Năng, tiên tổ vốn người ở Phạm Dương, cha là Hành Thao, trong năm Vũ Đức đời Cao Tổ, ông bị phế quan đày đến Tân châu và sinh ngài (nên ngài thành người Tân hưng. Năm lên ba tuổi, cha mất) mẹ thủ tiết nuôi con. Lớn lên, gia cảnh quá nghèo, ngài phải đốn củi đổi cháo nuôi mẹ. Ngày nọ, đi ngang chợ, nghe khách tụng kinh “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, ngài liền hỏi khách:

- Ông được pháp này từ ai?

Khách đáp:

Đây là kinh Kim Cang, nhận được từ Đại Sư Nhẫn ở Hoàng Mai.

Ngài liền về xin mẹ, đến yết kiến Ngũ Tổ ở Thiều châu. Có cô ni Vô Tận Tạng đọc kinh Niết-bàn, ni hỏi chữ Kinh, Tổ đáp:

- Chữ thì không biết, nghĩa thì xin cứ hỏi.

Ni nói:

Chữ còn không biết, làm sao hiểu được nghĩa?

Tổ đáp:

Diệu lý của chư Phật không đóng khung trong văn tự.

Ni thất kinh, bảo mọi người: "Năng là người có đạo, nên cúng dường ông ấy". Gần đó có nền cũ ngôi chùa cổ Bảo Lâm, mọi người xin dựng lại và mời ngài ở đó. Bốn chúng vân tập, không lâu nơi đây thành đạo tràng đông đúc. Tổ nghĩ đến đại pháp, nên đến thẳng Đông Sơn ở Hoàng Mai. Cao Tông năm Hàm Hưởng năm thứ hai, ngài đã đắc pháp, cơ phong ngữ thoại có chép trong chương của Ngũ tổ. Năm Bính Tý, Nghi Phụng năm đầu, mồng tám tháng giêng, ngài về ẩn cư ở chùa Pháp Tánh, Nam Hải. Có hai vị Tăng luận về gió động, phướn động, Tổ nói: "Không phải gió động, không phải phướn động mà tâm nhân giả động." Pháp Sư Ấn Tông nghe vậy lấy làm lạ, bèn đến gạn hỏi ngài học đạo ở đâu, mới biết ngài chính là cư sĩ họ Lư. Ngày rằm tháng giêng, Ấn Tông nhóm họp các danh tăng thạc đức thế phát cho ngài. Mồng tám tháng hai, thỉnh Trí Quang Luật Sư truyền cụ túc giới cho Tổ tại chùa Pháp tánh. Thọ giới xong, ngài khai pháp môn ở Đông sơn. Mồng tám tháng hai năm sau, ngài về lại chùa Bảo lâm. Thứ sử Thiều châu là Vi Cứ thỉnh ngài chuyển pháp luân tại chùa Đại Phạm và thọ nhận Vô Tướng Tâm Địa Giới. Môn nhân ghi chép lời ngài, lấy tên là Đàn Kinh. Sau, ngài về Tào Khê đại hoằng Phật pháp. Trung Tông, Thần Long năm đầu, tháng tư, Đế sai Nội Thị Tiết Giản đến thỉnh nhưng Sư không vào triều Giản đành xin pháp yếu về triều bẩm tấu. Đế khen hay, ban thưởng Ma-nạp ca-sa, bình bát, gấm lụa. Ngày mười chín tháng mười hai, Đế hạ chiếu đổi ngôi chùa cổ Bảo lâm ở Thiền châu thành chùa Trung hưng. Ngày mười tám tháng mười một năm Đinh Mùi, lại lệnh cho Thứ sử Thiều châu tu bổ trang nghiêm thêm, Đế sắc tứ tên chùa là Pháp tuyền, chỗ ở cũ của Tổ thuộc Tân Châu sắc tứ thành chùa Quốc ân. Duệ Tông, Tiên Thiên năm đầu, ngày nọ ngài chợt nói với đồ chúng "Ta đã nhận pháp yếu và y bát từ Đại Sư Hoằng Nhẫn, nay tín căn của các ông đã thuần thục, không ai nghi ngờ, nên ta chỉ nói pháp yếu, không truyền y bát nữa, nghe ta nói kệ:

*Đất tâm chứa các giống*
*Mưa khắp tất nảy mầm*
*Đốn ngộ hoa tình hết*
*Quả Bồ-đề tự thành.*

Ngày một tháng bảy năm sau, ta về lại chùa Quốc Ân ở Tân Châu". Lúc này, ngài thuyết pháp độ người ngót bốn mươi năm, ngày ba tháng tám niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, ngài tắm rửa, kiết già thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi. Ngày mười ba tháng mười một, môn nhân đưa về dựng tháp ở Tào Khê, nay là chùa Nam Hoa. Tiền Thứ sử Vi Cứ soạn văn bia. Túc Tông, Thượng Nguyên năm đầu, Đế mến mộ đạo của ngài, liền sai sứ đến thỉnh y bát của Thiên Trúc mà Ngũ Tổ truyền cho ngài đem vào cung chiêm ngưỡng lễ lạy. Đại Tông lên ngôi, ngày năm tháng năm niên hiệu Thừa Quang năm đầu, Đế mộng thấy Tổ đến xin y bát lại, Đế liền sai sứ thỉnh về lại Tào Khê. Hiến Tông, Nguyên Hòa thứ mười, Nam hải kinh lược Mã Tổng thấy Lục tổ Tào Khê chưa có thụy mới tâu xin, Đế ban ngài thụy là Giám Thiền Sư, tháp hiệu Linh Chiếu. Mã Tổng lại xin Liễu Tử Hậu khắc bia ghi lại hành trạng của Tổ.

* ***Đế hỏi ân Phật:*** Khai Nguyên năm thứ hai, Đế tuyên hỏi Tả Vệ Tăng Lục Thần Quang Pháp Sư:

"Phật đối với chúng sinh có ân đức gì khiến họ bỏ cả vua, cha mẹ, vợ con mà phụng thờ Phật. Nếu nói có lý thì Trẫm sẽ hoằng dương, còn như vô lý thì Trẫm sẽ dẹp bỏ".

Thần Quang đáp:

"Phật đối với chúng sinh, ân vượt trời đất, sáng lấp trời trăng, đức hơn cha mẹ, nghĩa vượt vua tôi."

Đế hỏi:

Trời, đất, mặt trời, mặt trăng có đủ công tạo hóa; cha, mẹ, vua, tôi đủ đức sinh thành, tại sao bảo Phật hơn những thứ ấy?

Quang đáp:

Trời có thể che nhưng không thể chở, đất có thể chở nhưng không thể che, mặt trời soi sáng ban ngày còn ban đêm thì không, mặt trăng chiếu sáng ban đêm còn ban ngày thì không, cha chỉ sinh mà không thể dưỡng, mẹ chỉ hay dưỡng mà không thể sinh, vua có đạo thì bề tôi trung, vua vô đạo thì bề tôi nịnh, từ đó mà suy, đức không hoàn bị. Phật đối với chúng sinh, ân ấy không như vậy. Luận về che thì che khắp bốn loài, bàn về chở thì chở hết sáu đường, nói về sáng thì soi chiếu mười phương, kể đến soi thì sáng loà ba cõi, nói đến từ thì cứu bạt biển khổ, luận về Bi thì độ thoát U minh, xét về Thánh thì vua trong các Thánh,

bàn về Thần thì Lục thông tự tại, bởi vậy kẻ còn người mất đều cứu khắp, kẻ sinh người hèn đều độ hết, ngưỡng mong bệ hạ lưu tâm kính ngưỡng".

Đế vui mừng nói:

Ân của Phật đã như vậy, chẳng phải thầy thì không ai nêu được, Trẫm nguyện hồi tâm, đời đời kính ngưỡng.

- Giáp Tý: Khai Nguyên năm thứ mười hai. Ất Sửu: Khai Nguyên năm thứ mười ba.

* ***Thiền Sư Phá Táo Đọa:*** Không ai biết tên họ của Sư. Sư đắc pháp với Quốc Sư Tuệ An, ẩn cư trong Tung Nhạc. Trong núi có ngôi miếu rất linh, giữa điện chỉ an trí một ông táo, xa gần đến cúng vái không ngớt. Ngày nọ, Sư dẫn thị giả vào miếu, lấy gậy gõ ông táo ba cái, nói: "Ôi! Ông táo này chỉ là bùn gạch hợp thành, Thánh từ đâu có, linh ở chỗ nào, sao lại hưởng sinh mạng cúng tế". Sư gõ ba cái nữa, ông táo đổ xuống. Lát sau có một người mặc áo xanh, đội mũ trụ đến trước Sư lạy tạ. Sư hỏi:

- Ông là ai?

Người ấy đáp:

Con vốn là thần táo ở miếu này, từ lâu chịu nghiệp báo ngày nay nhờ thầy nói pháp vô sinh, được thoát nơi này sẽ sinh lên cõi trời, nay đến đây lạy tạ.

Ngài nói:

Đó là do tánh vốn có của ông chứ không phải ta gượng nói.

Thần lạy hai lạy và ẩn mất. Bởi vậy người đương thời gọi Sư là Hòa thượng Phá Táo Đọa.

* ***Luật đến Nhật Bản:*** Khai Nguyên năm thứ mười bốn, Sa-môn Nhật Bản như Vinh Duệ v.v.. đến Dương châu, mang theo mười y Tăng-già-lê, trên y thêu hình núi sông và những vật khác. Y này là do Quốc chủ nước họ giao mang cúng dường Tăng Trung Quốc. Khi ấy Luật sư Giám Chân nhận y, và khen là người ngoại quốc có chủng tánh Phật, nên muốn qua đó giáo hóa. Gặp lúc Vinh Duệ khuyến thỉnh, Luật sư bèn theo thuyền về Đông đến Nhật Bản. Quốc chủ Xa-già nghinh đón, thỉnh ngài ngụ ở điện Tỳ-lô. Sau đó không lâu, Quốc chủ thỉnh ngài truyền Tam quy, Ngũ giới. Phu Nhân, quần thần lần lượt lãnh thọ. Nhật Bản có Luật tông từ đó.

* ***Thiền sư Nhất Hạnh:*** Cao Tăng truyện chép: "Thích Nhất Hạnh họ Trương, người Cự Lộc, vốn tên Toại là con cháu của Đàn quốc công công Cẩn dưới triều Thái Tông. Thuở nhỏ ngài xuất chúng, đọc khắp

ký, Tụng, đọc sách chẳng xem lại. Gặp Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn, ngài ngộ đời huyễn, liền lạy Phổ Tịch làm thầy, thế phát xuất gia, ngụ ở chùa Tung Dương, Trung Nhạc, chuyên cần tinh tấn. Sau, ngài qua núi Đương Dương, Kinh châu, theo Luật sư Tuệ Ngộ học Tỳ-ni. Ngài rất tinh thông các sách âm dương, sấm vỹ. Sau lại tìm học toán thuật. Chưa lên đến chùa Quốc thanh ở Thiên Thai nhưng ngài đã được chúng Tăng cả chùa biết tiếng. Từ đó thanh danh ngài chấn động gần xa. Duệ Tông, Cảnh Vân năm thứ hai, tháng ba, Đế triệu ngài vào cung, ngài lấy cớ bệnh từ chối không đi. Huyền Tông, năm Khai Nguyên năm thứ ba, tháng tám, Đế sai lễ bộ lang trung Trương Hiệp đem chiếu chỉ đến núi Đương dương, ngài vào cung. Đế hỏi:

- Thầy có tài năng gì?

Ngài đáp:

Đọc qua liền nhớ kỹ.

Đế sai Trung Quan đem sổ quan cho ngài xem. Ngài xem qua vừa hết, gấp sách lại, nhớ và đọc lại mới mấy tờ. Đế bất giác bước khỏi long sàng vái ngài nói: "Thầy thật là Thánh nhân". Khen ngợi một lúc, Đế giữ ngài lại trong điện Quang Thái, triệu hỏi liên tục, đoán việc họa phước như trong lòng bàn tay. Tháng tư năm Khai Nguyên năm thứ chín, triều đình cho rằng lịch Lân Đức không hiệu nghiệm, Đế triệu ngài đến sửa và soạn lịch mới. Ngài căn cứ lịch Đại Diễn lập cách tính so sánh cho phù hợp, đó là bộ lịch Khai Nguyên Đại Diễn gồm năm mươi hai quyển, được biên nhập trong Đường Thư Lịch Luật Chí. Hình Hòa Phát vốn là đạo thuật gia nói với Doãn Hâm: "Hòa thượng Nhất Hạnh thật là Thánh nhân đời Hán, Lạc Hạ Hoành soạn lịch Thái Sơ có nói, tám trăm năm sẽ sai một ngày, lúc ấy có Thánh nhân chuẩn định lại. Năm nay hết hạn, lịch Đại Điễn ra đời và chỉnh lại sự sai sót ấy, bởi vậy lời của Lạc Hạ Hoành thật đáng tin, chẳng phải Thánh nhân thì còn ai làm được việc này". Ngài học Đà-la-ni Bí Ấn với Tam tạng Kim Cang Trí. Tháng mười năm Khai Nguyên năm thứ mười một, ngài mượn sức nước đẩy chế xong hỗn thiên hoàng đạo nghi, cái mà từ xưa chưa từng có. Đế mừng rỡ đích thân soạn bài minh, hạ chiếu trong điện Vũ Thành cho bá quan xem.

* ***Hỗn Thiên Hoàng Đạo Nghi:*** cách thức này dựa hình tượng tròn như bầu trời, bày đủ túc xích đạo, độ số, dẫn nước xả vào bánh xe khiến nó tự quay. Một ngày một đêm thì quay giáp vòng. Bên ngoài nối hai bánh xe, làm mặt trời mặt trăng khiến nó vận hành. Mỗi lần bánh lớn quay sang Tây một vòng, thì mặt trời đi sang đông một độ, mặt trăng

quay mười ba độ. Lại dùng cái rương gỗ làm đất bằng, đặt hoàng đạo nghi ở dưới đất một nửa, sáng, tối, mồng một, rằm rất chính xác. Lại dựng hai người gỗ trên đất bằng, trước một người đặt một cái trống cứ đến một khắc (mười lăm phút) thì tự đánh trống. Trước một người đặt một cái chuông, cứ đến một giờ (hai tiếng) thì tự đánh chuông.

Đế ở cung Đại Minh, ôn tồn hỏi ngài về vận mệnh của xã tắc, ngài đáp: "Xe loan có cuộc đi vạn dặm (vạn lý), xã tắc rốt cuộc được tốt lành (kiết)". An Lộc Sơn làm phản, Đế phải xa giá đến đất Thục, cầu Vạn Lý, Thành đô rồi lại về. Hy Tông mất, em Đế là Kiết Vương là người hiền tài, quần thần đều ngưỡng vọng. Trung úy Dương Phục Cung xin lập em ông là Thọ Vương Kiệt, Lương thay đổi vận mệnh, lời ngài quả nhiên đúng. Ngày tám tháng mười một năm Khai Nguyên mười lăm, ngài thay áo, ngồi ngay thẳng và tịch, thọ bốn mươi lăm tuổi. Đế khóc rất bi ai, không thiết triều ba ngày, để kim quan hai mươi mốt n gày, nhưng sắc diện ngài vẫn tươi tỉnh. Đế hạ chiếu cho an táng ở cao nguyên Đồng Nhân, lấy quốc khố năm mươi vạn tiền để dựng tháp, ban thụy là Đại Tuệ Thiền Sư, Đế tự tay soạn văn bia, khắc vào đá, lệnh cho từ Đông cung trở xuống, quan Cửu phẩm trong kinh thành trở lên, đều phải di tống kim quan đến Đồng Nhân, thiết trai, cấp ruộng hương hỏa. Tháng ba năm Khai Nguyên năm thứ mười sáu, Đế xa giá đi Ôn, Thang. Lộ trình xuất phát từ tháp của ngài, Đế hạ giá sai các quan đến tháp ngài thưa ý định xa giá của mình, ban tặng năm mươi cây lụa để chi phí cho việc trồng tùng, bá trước tháp. Ngài nối pháp Thiền Sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, Phổ Tịch nối pháp Bắc Tông Thần Tú, Thần Tú nối pháp dòng phụ của Ngũ Tổ. Đời Tống, Tăng Thống Tán Ninh soạn truyện của ngài có ghi: "Ngài theo xa giá đến Tân Lễ, đứng trước xa giá từ tạ Đế và về Đông đến Tung Sơn, lễ lạy bổn sư Phổ Tịch Thiền Sư và nhập diệt ở chùa Võng cực".

* ***Xuân Du:*** Tháng hai năm Khai Nguyên năm thứ mười tám, Đế mới sai trăm quan soạn Thắng Hành Nhạc trong mười ngày nghỉ xuân, từ Tể tướng đến Viên Ngoại lang cả thảy mười hai chức, mỗi người được Đế ban cho năm mươi xâu tiền. Đế ngự tại Hoa ngạc lâu đón những người ra về mời họ ở lại uống rượu, lần lượt sai họ hát múa, vui chơi rồi mới đi. Lúc này cả nước chỉ có hai mươi bốn tử tội.

* ***Kinh Quyển:*** Sa-môn Trí Thăng soạn Khai Nguyên Thích Giáo Lục hai mươi quyển trình bày năm thứ tự của Kinh Luận gồm năm ngàn bốn mươi tám quyển. Ngài còn soạn Tục Nội Điển Lục một quyển, Tục Dịch Kinh Đồ Ký một quyển, Tục Phật Đạo Luận Hoành một quyển.

Đế ngự ở Hoa Ngạc lâu triệu hai phái Phật giáo và Đạo giáo đến luận nghĩa. Pháp sư Đạo Nhân cùng luận biện với Đạo sĩ Doãn Khiêm. Khiêm luận thua. Đế có chiếu biên hết luận nghĩa ấy cho nhập tạng, lấy tên là Khai Nguyên Phật Đạo Luận Hoành.

Pháp sư Đạo Nhân họ Trường Tôn, người Cao Lăng, Trường An. Cha ngài tên Dung làm chức điện trung thị ngư sử, mẹ ngài họ Mã. Khai Nguyên năm thứ mười tám tại Hoa Ngạc lâu, ngài biện luận trước Đế để phân định sự hơn kém của hai giáo. Ngài mạnh dạn hùng biện chẳng khác sông tuôn biển chảy, Đạo sĩ Doãn Khiêm đối đáp lộn xộn, lý kém từ thua, luận tông trái ngược. Đế hai, ba lần ngợi khen, ban ngài năm trăm tấm lụa để tỏ lòng báo ân pháp thí. Ngoài ra, Đế còn cho tập hợp lý lẽ cuộc luận này thành bộ Luận Hoành một quyển, thịnh hành ở đời. Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ngài có bệnh, dâng biểu và nhập diệt. Đế xem biểu tấu, vô cùng thương tiếc, sai trung sứ nội cấp sự giả Văn Hoài mang năm mươi cây lụa đến viện điếu tang. Ngài thọ bảy mươi ba tuổi, tăng lạp năm mươi ba hạ. Ngày mười ba tháng tám năm ấy, môn nhân an táng ngài bên cạnh vườn Tiêu dao ở Sơn Âm, Chung Nam.

*Chú Thích Kinh: Khai Nguyên năm thứ mười chín, Đế chú thích kinh Kim Cang và ban phát cho cả nước.

**Miếu Thái Công:** Tháng ba, Đế mới sai các châu ở Lưỡng Kinh mỗi nơi lập một miếu Thái Công, phối hợp tế tự luôn Trương Lương, tuyển đủ mười danh tướng xưa đứng hàng Thập Triết. Ngày Thượng tuất của tháng hai, tháng tám hàng năm tế tự như lễ của Khổng Tử. Niên hiệu Thượng Nguyên năm đầu, Túc Tông truy tôn Lã Vọng thụy là Vũ Thành Vương.

* ***Bí Mật Giáo:*** Tây Thiên, Đông độ hoằng truyền được bảy đời. Đầu tiên là Kim Cang Tát-đỏa ở trước Tỳ-lô-giá-na đích thân thọ nhận Du-già Ngũ Bộ Tô Tất Quỹ Phạm. Tát-đỏa truyền cho Đại sĩ Long Mãnh. Long Mãnh truyền cho Xà-lê Long Trí, đến đây nó tồn tại đã mấy trăm năm. Long Trí truyền cho Kim Cang Trí Bạt Nhật La Bồ-đề. Kim Cang Trí mới đem giáo pháp này sang Đông độ và truyền cho Tam tạng Bất Không. Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Huyền Tông, Bất Không lại sang Tây Thiên, vào nước Sư Tử theo A-xà-lê Phổ Hiền thọ học mười tám hội Kim cang quán đảnh và cách lập đàn Đại bi thai tạng. Năm Thiên Bảo năm thứ năm, ngài về lại Kinh đô, đem pháp đã học truyền cho Pháp sư Tuệ Lãng. Từ Tuệ Lãng, những người nối pháp ngài ở phương Nam ngày một ít, truyền đến đời sau này và gọi riêng là pháp

Du-già. Những Phật sự ấy ngày nay vẫn còn.

* ***Kim Cang Trí:*** Ngài ngụ cư chùa Quảng Phước, Lạc Dương, tên tiếng Phạm là Bạt-nhật-la Bồ-đề, Hán dịch là Kim Cang Trí, vốn người nước Ma-lại-da thuộc Nam Ấn, Thiên Trúc. Cha ngài dòng Bà-la-môn, rất giỏi Ngũ minh, làm thầy của Kiến Chi Vương. Chỉ mới vài tuổi nhưng mỗi ngày ngài đọc thuộc cả vạn lời, mười lăm tuổi khai ngộ Phật lý, theo thầy xuất gia, học A-tỳ Đạt-ma v.v... tại chùa Na-lan-đà ở Trung Ấn, đăng đàn thọ Cụ túc, nghe giảng mười tám bộ Luật. Ngài lại đến Tây Ấn học các luận của Tiểu thừa. Hơn mười năm, ngài đã thông suốt ba tạng Kinh Luật Luận. Nghe Phật pháp ở Chi Na rất thịnh ngài liền theo thuyền sang, năm Khai Nguyên năm thứ bảy, ngài đến Quảng Phủ, năm sau đến Kinh Đô, Đế nghinh đón và thỉnh ngài ngụ ở chùa Đại Từ Ân hoằng dương Bí Mật Giáo, lập pháp Mạn-trà-la, sau ngài về trụ ở chùa Tiến Phước. Thiền sư Đại trí Đạo Nhân, Đại tuệ Nhất Hạnh, Tam tạng Bất Không đều thờ ngài làm thầy. Những bộ kinh do ngài dịch, phần nhiều Nhất hạnh đều có tham gia. Nhất hạnh từng thọ học nghi chế của Đàn pháp. Ngày rằm tháng tám năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi, tại chùa Quảng phước ở Lạc Dương ngài nói với đồ chúng: "Lúc trăng tròn sáng ta sẽ đi". Ngài lễ Phật Tỳ-lô-giá-na, đi nhiễu bảy vòng, quay về bản viện, đốt hương phát nguyện, giao phó kinh Phạm và những bản dịch xong, ngài an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, tăng lạp năm mươi mốt hạ. Mồng bảy tháng mười một, đồ chúng an táng ngài bên phải Y Xuyên phía Nam Long môn. Đệ tử Bất Không bẩm tấu triều đình, Đế phong ngài thụy là Quán Đảnh Quốc Sư, sai trung thư thị lang Đỗ Hồng Tiệm soạn bia ghi lại tài đức của ngài.

* ***Tam tạng Bất Không:*** Ngài ngư cư chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh triệu, tên tiếng Phạm A-mục-chư Bạt-chiết-la, Hán dịch là Bất Không Kim Cang. Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn ở Bắc Thiên Trúc, từ nhỏ mồ côi, theo chú đến các nước phía Đông. Năm mười lăm tuổi, ngài theo thờ Kim Cang Trí và được truyền giáo pháp, đăng đàn thọ Cụ túc, học Nghi quỹ, rất giỏi Nhất Thiết Hữu Bộ. Sau khi Kim Cang Trí nhập diệt, tháng mười hai năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi lăm, ngài dẫn hai mươi mốt đệ tử theo thuyền ở Côn Lôn về lại Ngũ Thiên Ấn đi khắp các nước tìm Mật tạng và Kinh Luận cả thảy hơn năm trăm bộ. Năm Thiên Bảo năm thứ năm, ngài về Kinh, phụng chiếu ngụ cư ở Hồng Lô, năm sau, Đế triệu ngài vào cung lập đàn làm lễ quán đảnh cho Đế. Đế ban ngài hiệu Trí Tạng Quốc Sư, thỉnh qua ở chùa Tịnh ảnh. Mùa hạ, ngài cầu mưa linh nghiệm, Đế tự tay bưng hòm báu dâng ngài ca-sa tía.

Ở Mang sơn phía Bắc Lạc Dương có con mãng xà rất lớn, nhả khí độc khắp nơi, ai ngửi phải độc khí ấy sẽ chết ngay. Đế triệu ngài đến chú thuật giết nó. Năm Thiên Bảo năm thứ mười hai, binh của ba nước Tây Phiên, Đại Thạch, Khang Cư vây Lương châu, Đế thỉnh ngài cầu âm binh giải vây. Ngài lập đàn, tụng Nhân Vương mật ngữ, Đế đích thân dâng hương. Bỗng có vị thần mặc giáp trụ xuất hiện, Đế nhìn thấy và hỏi ngài:

- Đây là thần gì?

Ngài đáp:

Con trưởng của Bắc Phương Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Ngài tụng mật ngữ rồi sai đi. Ngày hai mươi bốn tháng tư Tây Kinh về cấp báo: Ngày mười một tháng hai cách Đông bắc thành khoảng ba mươi dặm, giữa mây mù thần binh xuất hiện oai phong, trên lầu cửa Bắc thành có Quang Minh Thiên vương phẫn nộ nhìn quân Phiên, thúc trống thổi tù và mà đến, Tây Phiên cuống cuồng cuốn giáp chạy trốn. Đế xem biểu tấu, nhân đó ra lệnh lầu thành các nơi dựng tượng Thiên Vương bắt đầu từ đó. Trong năm Càn Nguyên đời Túc Tông, Đế triệu ngài vào cung dựng pháp Đạo tràng hộ ma, truyền pháp Chuyển Luân Vương Vị, Thất Bảo Quán Đảnh cho Đế. Cuối năm Thượng Nguyên, ngài dâng biểu xin vào núi. Lý Phụ Quốc tuyên sắc lệnh thỉnh ngài ở tu tại chùa Trí cự, núi Chung Nam. Đại Tông lên ngôi, ân sủng càng hậu. Vĩnh Thái năm đầu, Đế thỉnh ngài dịch hai kinh Mật Nghiêm và Nhân Vương, Đế viết bài tựa. Mồng một tháng mười một, Đế đặc biệt phong ngài chức Hồng Lô Khanh. Năm Đại Lịch năm thứ ba, Đế thỉnh ngài lập đàn tại chùa Đại Hưng Thiện, trao pháp quán đảnh cho đại thần thân cận và tướng soái các trấn. Đế dự đàn, gia phong ngài hiệu Đại Quảng Trí Tam Tạng. Đại Lịch năm thứ sáu, ngài dâng các bộ kinh do mình dịch, cả thảy bảy mươi bảy bộ một trăm hai mươi quyển. Đại Lịch năm thứ chín, ngài quy tịch. Trước đó ngài dâng biểu từ tạ, Đế sai Sứ đến thăm hỏi, thuốc thang, gia phong ngài chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty, phong làm Tiêu Quốc Công, thực ấp ba ngàn hộ. Ngài cố chối từ không nhận và nói: “Lúc trăng tròn sáng, ta sẽ đi rồi, sắp lâm chung còn trộm nhận danh vị làm gì nữa!”. Ngài đem năm vòng kim cang, linh, chày, do thầy mình truyền lại và đặt trên mâm bạc xâu chuỗi hạt Bồ-đề thủy tinh thay lời từ biệt, giao cho trung sứ Lý Hiến Thành mang về dâng Đế. Rằm tháng sáu, ngài tắm nước thơm, nằm quay đầu về Đông, mặt quay về Bắc, nhìn về sân rồng, bắt đại ấn quy tịch trong Chánh định, thọ bảy mươi tuổi, tăng lạp năm mươi hạ. Đệ tử Tuệ Lãng kế thế

ngôi vị quán đảnh, ngoài ra người biết pháp này còn vài người nữa. Đế không thiết triều ba ngày, ban gấm lụa, vật dụng, bốn mươi vạn tiền, hơn hai trăm vạn tiền để xây tháp, sai công đức sứ Lý Nguyên Tông đảm trách việc an táng. Mồng sáu tháng bảy, làm lễ trà-tỳ, sai triều phẩm Lưu Tiên Hạc đến chùa tế tự, ban chức Tư không, ban thụy là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng, thâu mấy trăm viên xá-lợi, lấy tám mươi hạt lớn dâng về triều. Xương đỉnh đầu của ngài không cháy, bên trong có một viên xá-lợi nửa ẩn nửa hiện. Đế hạ chiếu cho chùa này dựng tháp ở viện riêng, Ngự sử đại phu Nghiêm Trình soạn bia, Từ Hạo khắc gỗ tại viện này.

Trong Hệ Truyền đời Tống ghi: "Truyền giáo nối nhau, Đông Hạ tôn Kim Cang Trí làm Thỉ tổ, Bất Không Kim Cang là Tổ năm thứ hai, Tuệ Lãng là tổ năm thứ ba. Về sau phân nhiều chi phái, nhưng họ đều hỏi "Truyền Du-già Đại Giáo thì rất nhiều, nhưng ít người chứng nghiệm là tại sao vậy?" Đó cũng giống như con Vũ Gia sinh ra Ứng Long, Ứng Long sinh ra Phượng Hoàng, Phượng Hoàng sinh xuống những loài chim khác, muốn thay đổi, lẽ đâu được ư!

- Quý Dậu: Khai Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, Đế chia thiên hạ thành Kinh Kỳ, Đô Kỳ, Quan Nội, Hà Nam, Hà Đông, Hà Bắc, Lũng Hữu, Sơn Nam Đông Đạo, Sơn Nam Tây Đạo, Kiếm Nam, Hoài Nam, Giang Nam Đông Đạo, Giang Nam Tây Đạo, Kiềm Trung, Lãnh Nam cả thảy mười lăm đạo. Mỗi nơi đều đặt thái phỏng sứ. Phương sĩ Trương Quả Lão tự nói mình đã mấy trăm tuổi, Đế triệu ông vào cung, ông khẩn thiết từ chối và về núi. Đế ban ông chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu, hiệu Thông Tuyền Tiên Sinh. Ông vào Thường Sơn và không rõ mất lúc nào.

* ***Hoa Nghiêm Hợp Luận:*** Khai Nguyên năm thứ hai mươi hai, Lý Trưởng giả ở Thái Nguyên, tên là Thông Huyền mỗi ngày ăn một cái bánh táo nhỏ bằng lá cây bá, nhân đó người ta gọi ông là Táo Bá Đại Sĩ. Trước đây, trong năm Khai Nguyên năm thứ bảy, ông từng soạn Luận trong Trai Đường của nhà Cao Tiên Nô ở huyện Mạnh, Thái Nguyên. Ba năm sau, ông dời về bên cạnh Cổ Phật Đường của người họ Mã. Đọc suốt mười năm, ông quảy kinh sách ra đi. Ông đi đường núi được hai mươi dặm bỗng gặp một con cọp, trưởng giả vỗ nó và nói: "Ta soạn Hoa Nghiêm Luận, ngươi có thể chọn cho ta một chỗ nghỉ chân được không?" Nói xong, ông đặt túi kinh lên lưng nó. Đi đến trước cái tháp bằng đất ở bãi đất núi Thần Phước, con cọp dừng lại. Trưởng Giả liền vào tháp soạn Luận. Mỗi đêm miệng ông phóng ánh sáng để thay đèn

đuốc, ban ngày có hai đồng tử một nam một nữ lấy nước, dâng hương. Đến giờ ăn, đồng tử dọn thức ăn, ăn xong đồng tử dọn bát. Cứ thế suốt năm, trưởng giả soạn xong luận, hai đồng tử ẩn tích đâu mất chẳng còn thấy nữa. Ông soạn xong luận gồm bốn mươi quyển. Tháng ba năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ông mất, hưởng thọ chín mươi lăm tuổi. Ông còn soạn những bộ như: Quyết Nghi Luận, Hội Thích, Thập Môn Huyền Nghĩa, Duyên Sinh Giải, Mê Thập Minh Luận, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, kệ, Tán, Ngữ v.v... đều lưu hành ở đời.

* ***Dược Vương:*** Họ Vi, tên Cổ, tự Lão Sư, người nước Sơ Lặc. Năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi lăm, ông đến Kinh đô, đầu đội khăn lụa, mặc áo vải the, chống gậy lê mà đi, lưng đeo đến mấy trăm cái hồ lô, đến đâu cũng cho thuốc bổ, thường có con chó đen đi theo ông. Hễ ai có bệnh hoạn, ông nhìn thì họ khỏi ngay. Đế kinh lễ, tôn ông là Dược Vương Bồ-tát. Hoàng hậu vẽ hình ông thờ tự cúng dường.

Khai Nguyên năm thứ hai mươi sáu, Đế hạ chiếu cho các châu quận trong nước mỗi nơi phải xây một chùa lớn, lấy niên hiệu đặt tên chùa, đó là chùa Khai Nguyên. Tháng sáu, lập Hoàng Thái tử Dư, sau đổi tên là Hanh.

+ **Văn Tuyên Vương:** Tháng tám năm năm thứ hai mươi bảy, Đế truy tôn Khổng Tử Thụy Văn Tuyên Vương. Trước đây tế tự như tiên Thánh, tiên Sư, Chu Công tế hướng nam, Khổng Tử tế hướng Đông. Đế ra lệnh chế từ nay tế tự Khổng Tử ở hướng Nam, mặc lễ phục của vương giả, truy tặng đệ tử ông làm công, hầu, bá.

* ***Thanh Nguyên:*** Thiền sư Hành Tư ở chùa Tĩnh Cư, núi Thanh Nguyên, Kiết châu. Sư họ Lưu, người An Thành, Kiết Châu, từ nhỏ xuất gia đắc pháp với Lục tổ, về trụ ở Thanh Nguyên. Đến lúc này vào ngày mười ba tháng mười hai năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, Sư thượng đường cáo biệt đại chúng rồi kiết già thị tịch. Hy Tông ban Sư thụy là Hoằng Tế Thiền Sư, tháp hiệu Quy Chân. Sư nối pháp của Lục tổ.

* ***Thiền sư Phổ Tịch:*** Ngài trụ trì chùa Đường Hưng ở Kinh đô. Cựu Đường Sử chép: "Ngài họ Mã, quê ở Hà Đông, thiếu thời đi tham vấn khắp cao Tăng học Kinh Luật, thờ Thần Tú ngót sáu năm, Tú thấy ngài là bậc pháp khí mới truyền hết đạo cho. Thần Tú vào kinh, nhân tiến cử ngài với Tắc Thiên, nhờ vậy ngài được độ làm tăng. Thần Tú quy tịch, những người mếm mộ Phật pháp trong cả nước đều tôn thờ ngài. Trung Tông nghe đức hạnh cao xa, liền hạ chiếu chỉ bảo ngài thay

Thần Tú thống lãnh đồ chúng. Khai Nguyên năm thứ mười ba, Huyền Tông có chỉ dụ thỉnh ngài về ở tại đô thành, lúc này Vương Công Sĩ thứ đua nhau đến lạy học. Tính ngài nghiêm cẩn, ít nói, khó thấy được niềm vui hiện trên gương mặt, vì vậy xa gần càng kính trọng ngài hơn. Lúc này, Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ngài quy tịch. Đế hạ chỉ ban hiệu là Đại Chiếu Thiền Sư. Ngày an táng, Hà Đông Doãn Bùi Khoan cùng vợ con đều mặc đồ tang đứng sau hàng môn đồ. Sĩ thứ cả thành đều khóc tiễn, chợ búa chẳng đông mấy ngày. Sư nối pháp của Thần Tú, Thần Tú nối pháp Ngũ tổ. Đệ tử ngài có Duy Chánh, Nhất Hạnh nối pháp.

* ***Nam Nhạc Thiền Sư:*** Sư họ Đỗ, húy Hoài Nhượng, người Kim Châu. Năm mười lăm tuổi, sư từ biệt cha mẹ, đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh châu theo Luật sư Hoằng Cảnh xuất gia, thọ Cụ túc, học Tỳ-ni, sau đó đến Tào Khê tham vấn Lục tổ. Qua tám năm, Sư mới nhận lãnh được pháp yếu. Tổ nói với Sư: "Tổ năm thứ hai mươi bảy của Tây Thiên là Bát-nhã Đa-la có sấm ký, rằng dưới chân ông sẽ xuất hiện một con ngựa câu, đạp chết người trong thiên hạ". Sư hầu hạ Tổ suốt mười lăm năm. Duệ Tông, Tiên Thiên năm đầu, Sư qua trụ chùa Bát-nhã ở Hoành Nhạc. Lúc này, tức năm Khai Nguyên, Sư tiếp nhận Mã Tổ Đạo Nhất, phó pháp bằng bài kệ:

*Đất tâm ươm các giống*
*Gặp nước tất nảy mầm*
*Hoa Tam-muội không tướng*
*Đâu hoại lại đâu thành!*

Ngày mười một tháng tám năm Thiên Bảo năm thứ ba, Sư viên tịch ở Hoành Nhạc, thọ sáu mươi tám tuổi. Đế ban Sư Thụy Đại Tuệ Thiền Sư, tháp hiệu Tối Thắng Luân. Sư nối pháp của Lục tổ.

Thiên Bảo năm thứ ba, Đế đổi "niên" thành "tái", đến Túc Tông Càn Nguyên năm đầu, lại đọc là "niên".

* ***Từ Bộ Điệp:*** Tháng năm Thiên Bảo năm thứ năm, Đế hạ chiếu thiên hạ độ Tăng ni, đồng thời sai Từ bộ cấp điệp. Nay gọi đó là Từ bộ vốn phát xuất từ đây.

- Mậu Tý: Thiên Bảo năm thứ bảy, đại tướng quân Cao Lực Sĩ dựng chùa Bảo Thọ ở Tây Kinh, đúc đại hồng chung, thiết trai cúng dường để khánh thành. Cả triều đều vân tập, giao hẹn ai đánh một tiếng chuông thì cúng trăm tiền. Có người thích cúng đánh đến hai mươi tiếng.

- Canh Dần: Thiên Bảo năm thứ chín, tháng năm Đế ban An Lộc

Sơn tước Đông Bình quận vương. Tướng soái nhà Đường được phong vương bắt đầu từ Lộc Sơn. An Lộc Sơn vốn người Hồ ở Liễu Thành, Doanh châu, ban đầu có tên là A Lạc Sơn mà bộ tộc Đột quyết gọi là Đấu Chiến Thần. Ông họ Khang, mẹ là A Sử Đức làm nghề đồng cốt trong bộ tộc Đột quyết. Bà cầu tự ở Càn Lạc Sơn, đến khi sinh Lộc Sơn, bỗng có ánh sáng chiếu khắp nhà trại, thú rừng đều kêu vang. Người chiêm bói cho đó là điềm lành. Cha chết, mẹ ông dẫn ông đến An Diên Yển trong bộ tộc Đột quyết, gặp lúc bộ tộc này tan rã, ông và con người anh Diên Yển là Tư Thuận cùng trốn sang nhà Đường, nên giả mạo họ An tên Lộc Sơn. Có Sử Tốt Vu là người cùng quê với Lộc Sơn, nổi tiếng là dũng sĩ, nhiều lần gặp tướng quân đề bạt, ông được Đế ban tên là Tư Minh, từ đó về sau họ đều làm phản.

- Nhâm Thìn: Thiên Bảo năm thứ mười một, tháng ba, Đế đổi sử bộ thành văn bộ, hình bộ thành hiến bộ.

- Ất Mùi: Thiên Bảo năm thứ mười bốn, tháng mười một An Lộc Sơn làm phản. Túc Tông năm Càn Nguyên năm thứ hai, An bị tiêu diệt. Đại Tông, Quảng Đức năm đầu, Sử bị diệt.

* **Túc Tông:** Húy là Hanh, con năm thứ ba của Huyền Tông. Năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi sáu, ông được lập làm Hoàng Thái tử. tháng sáu năm Bính Thân, An Lộc Sơn vây hãm Đồng Quan. Huyền Tông chạy đến đất Thục. Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, đổi niên hiệu Chí Đức đúng vào tháng bảy, tôn Huyền Tông làm thái Thượng hoàng, đổi Phù Phong thành Phụng tường phủ. Ông ở ngôi bảy năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Chí Đức hai năm, Càn Nguyên hai năm, Thượng Nguyên hai năm, Bảo Ứng một năm.

- Tháng bảy năm Bính Thân đổi niên hiệu Chí Đức năm đầu. An Lộc Sơn tự xưng Đại Yên Hoàng Đế, lập niên hiệu Thánh Vũ đưa, binh vào Trường An. Năm sau, An Lộc Sơn bị hoạn quan của mình là Lý Trư Nhi cầm đao rạch bụng và An chết. Con của ông là An Khánh Tự nối ngôi. Đinh Dậu, Chí Đức năm thứ hai, tháng chín, thu phục lại Tây Kinh, tháng mười thu phục lại Đông Kinh. Đinh Mão, Đế vào Tây Kinh. Tháng mười hai, Thượng hoàng về đến Hàm dương ở cung Hưng khánh. Túc Tông lập con là Quảng Bình Vương Thúc làm sở vương, gia phong các công thần, phong Quách Tử Nghi làm Tư Đồ, Lý Quang Bật làm Tư không, đổi Thục Quận làm Nam kinh, Phụng Tường là Tây kinh, Tây Kinh là Trung kinh.

- Mậu Tuất: Càn Nguyên năm đầu, Đế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, lại đổi “Tái” thành “Niên”. Đế lập đạo tràng trong cấm cung,

giảng tụng, đọc kinh sau lệnh trên Ngũ nhạc đều phải dựng chùa, chọn những Sa-môn đức hạnh trụ trì, cho phép Cư sĩ nào tụng được năm trăm tờ kinh sẽ độ làm tăng, hoặc nộp một trăm xâu tiền để xin độ điệp, thế phát, hoặc cho người thấu tỏ nghĩa kinh xuất gia, đến khi Lưỡng Kinh được bình định. Các châu trọng yếu nộp tiền độ Tăng, Đạo sĩ đến hơn vạn người, từ đó bắt đầu có tên gọi "Tiến nạp". Lập Sở Vương làm Thái tử.

* ***Ao Phóng Sinh:*** Tháng ba năm Càn Nguyên năm thứ hai, Đế hạ chiếu cho các châu trong thiên hạ đều phải đào ao phóng sinh. Tháng mười, đế ban sắc lệnh cho Thăng châu Thứ sử Nhan Chân Khanh soạn bài minh văn bia về việc phóng sinh, có trong nhà Đường. Bài tựa ghi: "Hoàng Đế ta cho khắp thiên hạ đào ao, nương thành linh mà cầu phước, nhờ sức gia trì của Đà-la-ni, tát cạn biển phiền não, và dòng sinh tử, xét thời tiền cổ đâu từng có như vậy". Tháng tám Đế lệnh cho Tư Đồ Quách Tử Nghi đánh An Khánh Tự, phong hoạn quan Khai phủ nghi đồng tam ty Ngư Triều Ân làm quán quân dung tuyên úy xử trí sứ. Tên gọi Quán Quân Dung có từ đây. Sử Tư Minh giết An Khánh Tự, tự lập làm Đại Yên Hoàng Đế.

- Canh Tý: Thượng Nguyên năm đầu.

* ***Thiền sư Thần Hội ở Hà trạch:*** Sư họ Cao, người Tương Dương, mười bốn tuổi làm Sa-di, yết kiến Lục Tổ và đắc pháp, sau qua Tây Kinh thọ giới. Trung Tông, năm Cảnh Long năm thứ hai, Sư về Tào Khê. Tổ nhập diệt, trong khoảng hai mươi năm kế đó, đốn tông của Tào Khê ngày càng mai một ở Kinh, Ngô; tiệm môn của Tung Nhạc lại thịnh hành ở Tần, Lạc. Năm Thiên Bảo năm thứ tư, Sư vào kinh đô, soạn Hiển Tông ký, để chỉnh đốn lại hai tông: đốn của Tuệ Năng ở Phương Nam, tiệm của Thần Tú ở Phương Bắc. Lúc này, Thượng Nguyên năm đầu, Sư từ biệt chúng và an nhiên thị tịch, an táng ở Long Môn. Đế sắc dựng tháp viện, ban hiệu Chân Tông Bát-nhã. Sư nối pháp của Lục tổ. Núi Hà trạch thuộc Tào châu, Đông Xương lộ. Hà thuộc Duyện châu.

- Tân Sửu: Thượng Nguyên năm thứ hai, tháng tám, Đế bỏ niên hiệu chỉ gọi Nguyên niên (năm thứ), bỏ tôn hiệu chỉ gọi Hoàng Đế, lấy tháng Tý làm tháng đầu của một năm, theo giờ kiến lập ấy mà tính. Năm sau, lấy lại như trước. Sử Tư Minh yêu mến con út là Triêu Thanh nên lập Thanh làm Thái tử, muốn giết con trưởng là Triêu Nghĩa, bộ tướng của Triêu Nghĩa là Lạc Duyệt cầm tù và giết Sử Tư Minh. Triêu Nghĩa lên ngôi Hoàng Đế.

* ***Nam Dương Quốc Sư:*** Tên là Tuệ Trung, họ Nhiễm, quê ở Việt

Châu, Chiết Đông, thọ tâm ấn của Lục tổ, ngụ cư hang Đảng Tử trên núi Bạch Nhai thuộc Nam Dương. Hơn bốn mươi năm, ngài chưa từng xuống núi. Túc Tông nghe đạo hạnh của ngài, vào năm Thượng Nguyên năm thứ hai, Đế sai trung sứ Tôn Triều Tiến đem chiếu mời ngài vào cung. Đế lấy lễ thầy tiếp đãi ngài, thỉnh ở viện Tây Thiền chùa Vu Phước. Đế hỏi ngài:

- Ở Tào Khê thầy đắc pháp gì?

Ngài hỏi lại:

Bệ hạ có thấy mảng tuyết trong hư không không?

- Thấy.

- Do đinh đóng hay treo lơ lửng!

Đế hỏi tiếp:

Thế nào là mười thân Điều Ngự Sư?

Ngài đứng dậy hỏi:

Hiểu không?

Đế đáp:

Chẳng hiểu!

- Hãy đem Tịnh bình lại đây cho lão tăng!

Đế hỏi:

Thế nào là Vô tránh Tam-muội?

Ngài đáp:

Đàn-việt đạp trên đỉnh Tỳ-ô mà đi.

- Ý này thế nào?

- Chớ nhận pháp thân thanh tịnh của chính mình.

Đế hỏi tiếp, ngài chẳng thèm nhìn, Đế nói:

- Trẫm là Thiên Tử của Đại Đường, vì cớ gì thầy không nhìn?

Ngài hỏi:

Bệ hạ có thấy hư không chăng?

- Thấy!

- Nó có liếc nhìn bệ hạ không?

Ngay đó, Đế chợt hiểu. Đời Đại Tông năm Đại Lịch thứ mười, Sư thấy việc hóa duyên sắp hết nên cáo từ Đế. Đại Tông hỏi:

- Sau khi thầy tịch, đệ tử phải ghi thế nào?

- Bảo Đàn-việt dựng một ngôi tháp Vô Phùng.

- Vậy xin thầy cho hình dạng của tháp!

Ngài im lặng một lát và hỏi:

Hiểu không?

Đế đáp:

Không hiểu!

- Sau khi bần đạo đi, thị giả Ứng Chân biết được việc này, xin bệ hạ đến đó hỏi.

Ngày mười chín tháng mười hai, ngài năm nghiêng bên phải quy tịch. Môn nhân dựng tháp ở hang Đảng Tử, Đế ban thụy Đại Chứng Thiền Sư. Đại Tông cho triệu Ứng Chân vào cung hỏi lại việc trước, Chân im lặng giây lâu rồi hỏi:

Thánh Thượng hiểu không?

- Không hiểu.

Ứng Chân thuật bài kệ:

*Phía Nam Tương, phía Bắc Trạch*
*Trong có vàng ròng đầy một nước*
*Dưới cây Vô ảnh hợp cùng thuyền*
*Trên điện lưu ly không tri thức.*

Ứng Chân trụ ở núi Đam Nguyên, Kiết châu, Gianh Tây, nối pháp của Nam Dương Quốc Sư.

- Nhâm Dần: Bảo Ứng năm đầu, lấy tháng Tỵ. Sở Châu Thứ sử Thôi Tiên dâng biểu rằng: “Có Ni tên Chân Như chợt lên trời gặp Thượng đế, Thượng đế ban cho mười ba thứ ngọc quý, dặn hễ trong nước có tai họa thì lấy ra trấn giữ.”. Quần thần đều tán thưởng, nhân đó Đế lấy hiệu Bảo Ứng.

Giáp Dần: Thượng hoàng mất, Đế thương khóc lâm bệnh ở nội điện, bệnh tình ngày càng nặng, mới sai Thái tử xử lý việc nước.

Giáp Thân: Đế đổi niên hiệu lại lấy tháng Dần làm tháng giêng. Số tháng đều như cũ. Năm Đinh Mão, Đế mất, Mậu Thìn cử hành đại lễ tang Hoàng Đế. Kỷ Tỵ, Thái tử lên ngôi. Sở Châu là Hoài An Lộ ngày nay.

* **Đại Tông:** Húy là Dự, lúc đầu có tên là Thục, con trưởng của Túc Tông, được phong Quảng Bình Vương, làm Nguyên Soái, cùng bọn Quách Tử Nghi khôi phục lại hai kinh. Càn Nguyên năm đầu ông được lập làm Hoàng Thái tử. Đến lúc này, ông lên ngôi, ở ngôi mười bảy năm, thọ 53 tuổi. Niên hiệu Quảng Đức hai năm, Vĩnh Thái một năm, Đại Lịch mười bốn năm.

- Quý Mão: Quảng Đức năm đầu, Sử Triêu Nghĩa thua trận chạy đến Phạm Dương, cùng đường phải thắt cổ chết trong rừng. Mùa Đông, tháng mười, Thổ Phiên vây hãm Kinh sư, Đế chạy đến đất Thiểm, Quách Tử Nghi khắc phục lại được, Đế về lại cung. Tháng mười hai, Đế hạ chiếu cho sửa sang lại điện Bồ-tát Văn-thù ở Ngũ đài, đúc đồng

thay ngói, đường bằng vàng ròng.

- Giáp Thìn: Quảng Đức năm thứ hai, Đế hạ chiếu tuyển ba trăm tăng và trăm người khác thay phiên tụng kinh Nhân Vương, Bát-nhã. Họ ra vào đều ngồi xe ngựa, hành đạo suốt năm tháng.

- Ất Tỵ: Vĩnh Thái năm đầu, Đế hạ chiếu cho các quan trong nước không được đánh đập, hạ nhục Tăng Ni.

* ***Vu-lan-bồn:*** Bính Ngọ, Đại Lịch năm đầu, tháng bảy, Đế lập hội Vu-lan-bồn trong cung, thiết bảy Thánh vị từ Cao Tổ Thái Tông trở xuống, dựng phan lớn, trên phan đều ghi hiệu của đế vương, nghinh từ Thái miếu vào đạo tràng. Hôm ấy bá quan xếp hàng ở Quan Thuận Môn nghinh lạy đi theo, từ đó lấy làm lệ thường hàng năm. Năm Quý Mùi, hai nhà Thái miếu sinh cây Linh Chi, Đế làm thơ phú bày tỏ cái đẹp, trăm quan cùng họa theo. Kinh chép: "Đại đệ tử Phật là Tôn giả Mục-kiền-liên có thần thông bậc nhất, gặp phải mẹ mình mạng chung đọa trong loài ngạ quỷ, Mục-liên xem thấy về bạch Phật mong Phật cứu giúp. Phật dạy ngài vào ngày rằm tháng bảy là ngày chúng Tăng tự tứ, hãy sắm đủ vật thực cúng dường Phật và chúng Tăng, đọc tụng các kinh, nhờ vậy mẹ ngài thoát khỏi loài ngạ quỷ.

- Đinh Mùi: Đại Lịch năm thứ hai, tháng bảy, quán quân dung Ngư Triều Ân tấu xin đổi trang viện của mình trước đây được Đế ban cho thành chùa Chương kính, nhằm cầu phước cho Thái hậu.

* ***Tinh Tấn:*** Trong Pháp Hoa Phụ Hành ghi: "Đối với pháp, không nhiễm thì gọi là Tinh, niệm niệm thú cầu thì gọi là Tấn". Tướng quốc Đỗ Hồng Tiệm đi phủ dụ dân đất Ba Thục, năm ấy ông đến Ích châu, sai sứ đến núi Bạch Nhai thỉnh Thiền sư Vô Trụ vào thành hỏi pháp yếu. Tiệm hỏi:

- Đệ tử nghe Kim Hòa thượng nói pháp môn ba câu là không nhớ, không niệm, chớ vọng; chẳng rõ đó là một hay là ba?

Sư đáp: Không nhớ là giới, không niệm là định, chớ vọng là tuệ, nhưng nhất tâm chẳng sinh thì đủ giới định tuệ, chẳng phải một cũng chẳng phải ba.

- Chữ vọng trong câu cuối chẳng phải là vọng theo tâm đó sao!

- Theo ông thì có!

- Có gì làm bằng chứng?

- ***Kinh Pháp Cú chép:*** "Nếu khởi tâm tinh tấn, vọng này chẳng phải tinh tấn, nếu tâm chẳng khởi vọng, tinh tấn không bến bờ".

Ngay đó, Hồng Tiệm dứt hết nghi tình. Bỗng có con quạ kêu, ông hỏi Sư:

Thầy nghe không?

- Nghe và không nghe chẳng liên quan đến tánh nghe. Lúc có tiếng là thanh trần tự sinh, khi không tiếng thì thanh trần tự diệt nhưng tánh nghe này chẳng theo tiếng mà sinh, cũng chẳng theo tiếng mà diệt. Thấu tỏ tánh nghe này thì thoát khỏi sự lưu chuyển của thanh trần, cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy.

Hồng Tiệm vui mừng lễ kính (xem trong Truyền Đăng Lục). Sư nối pháp của Thiền sư Vô Tướng ở Ích châu, Vô Tướng nối pháp của Thiền sư Tịch ở Tư châu, Tịch nối pháp Thiền sư Tiên ở Tư châu, Tiên nối pháp của Ngũ tổ, nhưng là dòng phụ.

- Giáp Dần: Đại Lịch năm thứ chín, Đạo sĩ Sử Hoa nhờ pháp thuật được vua ân sủng, nhân đó Hoa xin lập thang dao nhọn để đấu phép với Sa-môn. Đế có chiếu chỉ cho Lưỡng Nhai chọn tăng ứng thí. Sa-môn Sùng Tuệ là người thường tụng chú Thủ-lăng-nghiêm, ngài dâng biểu xin thi đấu. Đế dẫn bá quan đến xem. Sử Hoa đạp trên dao nhọn đi lên, vẫy Sùng Tuệ lên theo. Cũng đạp dao nhọn đi lên, chẳng hề hấn gì. Tuệ sai chất củi đốt đống lửa lớn trước sân, Tuệ vào đống lửa rồi gọi Hoa vào. Hoa sợ toát mồ hôi, không dám nhìn thẳng. Đế vui mừng cho bãi cuộc, ban cho Tuệ hiệu Hộ Quốc Tam Tạng. Về sau không ai biết ngài mất ở đâu.

* ***Tam Sinh Thạch:*** Sa-môn Viên Trạch ngụ cư tại chùa Tuệ Lâm ở Lạc Dương, rất thân với ẩn sĩ Lý Nguyên. Tuệ Lâm vốn là phủ đệ cũ của Nguyên. Cha của Nguyên tên là Đăng làm Thái thú Đông Đô, bị An Lộc Sơn giết, vì vậy Nguyên quyết không làm quan thường ở trong chùa. Ngày nọ, hai người ngẫu hứng dẫn nhau đi dạo trên núi Nga Mi. Nguyên muốn từ Kinh châu men đường núi lên, Trạch muốn từ Trường An lần theo hang núi. Nguyên là người từ lâu dứt bỏ việc đời, không muốn vào Kinh đô nữa, Trạch không cản được. Hai người mới từ Kinh châu theo thuyền đi Nam Phổ. Đang đi, bỗng thấy một phụ nữ có thai đang vác hũ ra sông lấy nước, Trạch nhìn thấy khóc nói: "Tôi sở dĩ không muốn đi đường này chính vì việc này". Nguyên thất kinh hỏi nguyên do, Trạch đáp: "Người phụ nữ đó có mang đã ba năm, đợi tôi đến đầu thai làm con bà. Không gặp thì thôi, nay gặp rồi thì không thể trốn tránh. Ông hãy dùng phù chú giúp tôi sinh sớm, ba ngày sau bà ấy sẽ tắm đứa bé, mong ông hãy đến, tôi sẽ cười một cái làm tin, mười ba năm sau tôi sẽ gặp ông ở ngoài chùa Thiên Trúc tại Hàng châu". Nguyên bùi ngùi chuẩn bị đồ tắm rửa cho ông, đến tối thì Trạch mất. Người phụ nữ ấy sinh con được ba ngày, Nguyên đến nhìn xem, thằng

bé thấy Nguyên đến liền cười rất mãn nguyện. Nguyên kể rõ sự việc cho gia đình người phụ nữ ấy nghe. An táng Trạch xong, Nguyên về lại chùa. Sau đúng kỳ hẹn, Nguyên từ Lạc Dương đến đất Ngô để hoàn thành hẹn ước ngày ấy. Quả nhiên, cạnh bờ ruộng cỏ xanh trước chùa Thiên Trúc dưới núi Tây Sơn ở Hàng châu, Nguyên nghe một mục đồng gõ sừng trâu mà ca rằng:

*Tinh hồn cũ trên đá tam sinh*
*Thưởng trăng ngâm vịnh chẳng cần bàn*
*Thẹn với tình người xa thăm hỏi*
*Thân này tuy khác, tánh thường còn.*

Nguyên hỏi:

Ông Trạch vẫn khỏe chứ?

Mục đồng đáp:

Anh Lý quả là người đáng tin, nhưng duyên đời chưa hết, nên chẳng được gần nhau, chỉ mong siêng tu đừng nên giải đãi, ngày sau ắt gặp lại. Mục đồng ca tiếp:

*Thân trước thân sau việc mang mang*
*Muốn nói nhân duyên sợ đau lòng*
*Núi sông Ngô, Việt đà đi khắp*
*Lại về Yên Trác lên Cù đường.*

Ngâm xong, mục đồng ẩn mất chẳng thấy, Nguyên về lại Tuệ Lâm. Đến đời Mục Tông, đầu năm Trường Khánh, ông đã tám mươi tuổi. Ngự sử trung thừa Lý Đức Dụ dâng biểu tiến cử ông. Mục Tông hạ chiếu cho ông giữ chức Gián nghị đại phu, nhưng ông không vào triều.

- Mậu Ngọ: Đại Lịch năm thứ mười ba, Đế hạ chiếu cho Luật sư của lưỡng kinh tường định lại giới luật cũ, mới; khai, liệt, trì, phạm, ban hành khắp nước. Lúc này Thiền tông rất thịnh, chủ Gianh Tây có Đại Tịch Mã Tổ, chủ Hồ Nam có Thạch Đầu. Thiền giả trong thiên hạ đều quy tụ hết dưới pháp tịch của hai nơi này.

- Kỷ Mùi: Đại Lịch năm thứ mười bốn, tháng năm Đế mất, Thái tử lên ngôi, hạ chiếu tôn Quách Tử Nghi làm thượng phụ, gia phong chức Thái úy và trung thư lệnh.

* **Đức Tông:** Húy là Quát, con trưởng Đại Tông, ban đầu được phong Phụng Tiết quận vương, chức đại nguyên soái thống lãnh hết binh mã. Quảng Đức năm thứ hai, ông được lập làm hoàng Thái tử, ở ngôi hai mươi sáu năm, thọ sáu mươi bốn tuổi. Niên hiệu Kiến Trung bốn năm, Hưng Nguyên một năm, Trinh Nguyên hai mươi mốt năm.

- Canh Thân: Kiến Trung năm đầu. Tân Dậu: Kiến Trung năm thứ

hai. Phần Dương Trung Vũ Vương Quách Tử Nghi mất, thọ tám mươi lăm tuổi.

- Quý Hợi: Kiến Trung năm thứ tư, tháng mười Lý Hy Liệt vây Tương Thành, Đế phát binh các đạo Kinh Nguyên... đến cứu. Kinh Nguyên Tiết độ sứ Diêu Lệnh Ngôn đến Kinh đô, binh mã của ông xin được thưởng nhưng không toại ý nên xông lên giết Lệnh Ngôn, quay lại phò tá Chu Thử làm chủ. Đế phải chạy đến Phụng Thiên, đơn thân độc mã. Thử sai Kinh Nguyên binh mã Sử Hàn Mân dẫn quân tinh nhuệ đánh úp Phụng Thiên. Đại tư nông Đoàn Tú Thật nói với Kỳ Linh Nhạc: "Việc gấp rồi". Thật sai Linh Nhạc trá phù lệnh của Diêu Lệnh Ngôn để Mân đem quân về. Ngay lúc đại quân đều xuất phát, người lấy cắp ấn phù của Lệnh Ngôn chưa về, Tú Thật đành đổi ấn của tư nông. Ấn phù được đưa cho Hàn Mân, Mân thấy ấn phù liền đem quân về. Chu Thử tự xưng là Đại Tần Hoàng Đế, lấy niên hiệu Ứng Thiên.

- Giáp Tý: Hưng Nguyên năm đầu, Chu Thử lại đổi quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu Thiên Hoàng. Lý Hy Liệt lên ngôi Hoàng Đế ở Hứa châu, lấy quốc hiệu Đại Sở, lấy niên hiệu Vũ Thành, đặt ra trăm quan. Đế từ Phụng Thiên về thẳng thành ở Lương châu, củng cố hành dinh ở Thần Sách, Hà Bắc. Tiết độ sứ Lý Thạnh khôi phục lại kinh thành. Tháng sáu, Chu Thử định chạy trốn sang Thổ Phiên thì bị tướng của ông là Lương Đình Phân chém chết, bêu đầu ở hành dinh. Đế hạ chiếu đổi Lương châu thành Hưng Nguyên phủ. Đế đến Trường An, tấn phong Lý Thạnh tước Tây Bình Vương.

- Ất Sửu: Trinh Nguyên năm đầu. Bính Dần: Trinh Nguyên năm thứ hai, tháng năm, Đế triệu Luật sư Đạo Trừng vào cung truyền Tam quy Ngũ giới cho phi tần, nội thị. Đế ban ngài hiệu Đại Viên Luật Sư, hạ chiếu cho các chùa tuyên giảng, lại lập hội Vu-lan-bồn giống như thời của Đại Tông.

Trinh Nguyên năm thứ ba, chia Chiết Giang Đông Tây đạo thành Tam Chiết. Chiết Tây cai quản Nhuận châu, Chiết Đông cai quản Việt châu, Tuyên Hấp Trì cai quản Tuyên châu. Mỗi nơi đặt quán sát sứ để nắm giữ mọi việc.

- Trinh Nguyên năm thứ tư, Đế hạ chiếu nghinh xương ngón tay của Phật ở chùa Vô Ưu Vương, Kỳ châu vào cung cúng dường.

* ***Thiền sư Mã Tổ ở Gianh Tây:*** Sư pháp danh Đạo Nhất, người huyện Thập Phương, Hán châu, họ Mã, nên gọi Sư là Mã Tổ. Sư xuất gia ở chùa La-hán trong ấp, theo Đường Hòa thượng ở Tư Châu thế phát, theo Luật sư Viên ở Du Châu thọ Cụ túc giới. Trong năm Khai Nguyên

đời Huyền Tông, sư tu thiền trong Nam Nhạc, gặp Hòa thượng Hoài Nhượng khai thị và truyền tâm ấn. Từ ngọn Phật Tích ở Kiến Dương Sư dời về Lâm Xuyên, sau đó qua trụ ở núi Cung Công thuộc Nam Khang. Đại Tông năm Đại Lịch năm thứ tư, Sư ngụ cư tại chùa Khai nguyên, Chung Lăng. Lúc này Liên súy lộ Tự Cung nghe danh mến mộ, đích thân đến thọ học tông chỉ. Từ đó người học bốn phương đều quy tụ dưới tòa. Hồng châu Liêm Sứ hỏi Sư:

- Ăn thịt uống rượu là đúng hay không ăn là đúng?

Sư đáp:

Nếu ăn thì nhờ hưởng lộc, không ăn thì ắt được phước. Liêm Sứ liền tỉnh ngộ. Đệ tử đắc pháp có một trăm ba mươi chín người, ai nấy đều làm Tông chủ một phương, giáo hóa không cùng. Lúc này, năm Trinh Nguyên năm thứ tư, tháng giêng, kinh hành trong rừng, thấy hang động bằng phẳng, Sư bảo thị giả: "Xác thân của ta, trong tháng sau sẽ về chỗ này". Nói xong Sư quay về. Sau đó Sư có chút bệnh, viện chủ Văn Hòa thượng đến hỏi Sư:

- Gần đây tôn hầu thấy thế nào?

Sư đáp:

Ngày gặp Phật, đêm gặp Phật!

Mồng một tháng hai, Sư tắm rửa, kiết già quy tịch. Hiến Tông năm Nguyên Hòa năm thứ tám, Đế ban Sư hiệu Đại Tịch Thiền Sư, tháp hiệu Đại Trang Nghiêm.

* ***Thạch Đầu:*** Canh Ngọ, Trinh Nguyên năm thứ sáu, Hòa thượng Nam Nhạc Thạch Đầu quy tịch. Sư họ Trần, húy Hy Thiên, người Cao Yếu, Thụy châu, vốn có chí cao, thông minh. Trưởng thành, Sư đến Tào Khê đắc pháp nhưng chưa thọ giới thì Tổ viên tịch. Tổ dặn Sư hãy đến tham học với Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên. Đầu năm Thiên Bảo đời Huyền Tông, sư đến ngôi chùa phía nam Hoành sơn. Phía đông chùa này có khối đá, hình dạng như cái đài, Sư bèn cất am ở trên ấy, nên đương thời người ta gọi Sư là Hòa thượng Thạch Đầu. Sư trứ tác Thảo Am Ca Tham Đồng Khế thịnh hành ở đời. Năm này, Sư viên tịch, tháp ở Đông Linh, đế ban thụy Vô Tế Đại Sư, tháp hiệu Kiến Tướng. Sư nối pháp của Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục Tổ.

* ***Thiền Sư Quốc Nhất:*** Nhâm Thân, tháng mười hai năm Trinh Nguyên năm thứ tám, Thiền sư Quốc Nhất thị tịch. Sư họ Chu, húy Đạo Khâm, người Côn Sơn, Tô châu, vốn theo đạo Nho. Năm hai mươi tám tuổi, Sư gặp Thiền sư Tố ở Hạc lâm, Nhuận Châu khuyên thế phát xuất gia. Tố dặn Sư hãy đi và nói: "Ông cứ xuôi dòng mà đi, gặp đất Kính

thì dừng". Sư về Nam, Huyền Tông năm Thiên Bảo năm thứ ba, Sư đến một ngọn núi Đông Bắc Lâm An, người tiều phu cho biết đây là Kính sơn, thế là Sư dừng chân ở đây. Trong núi có đầm rồng. Con rồng này đầu hóa thành người dâng đất cho Sư, từ đó thành Già-lam (nay là Kính Sơn Thiền tự thuộc huyện Dư Hàng, lộ Hàng châu, Chiết Tây đạo, là ngôi chùa Thiền tông lớn nhất). Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

Trên núi có cá chép, dưới giếng có cỏ bồng!

Thôi Triệu Công hỏi:

Nay đệ tử muốn xuất gia được không?

Sư đáp:

Xuất gia là việc của đại trượng phu, đâu phải việc mà khanh tướng làm được!

Triệu Công tỉnh ngộ. Đại Tông năm Đại Lịch năm thứ ba, Đế triệu Sư vào cung lễ lạy. Đế nói với Quốc sư Tuệ Trung: "Trẫm muốn ban cho thầy Khâm cái tên". Quốc sư vui vẻ phụng chiếu, Đế ban Sư hiệu Quốc Nhất Thiền sư. Sau, Sư từ biệt trở về Kính sơn. Tháng mười hai năm này Sư nói pháp và thị tịch. Đế ban Sư thụy Đại Giác Thiền Sư. Sư nối pháp của Thiền sư Tố ở Hạc Lâm, Tố nối pháp của Thiền sư Uy ở Ngưu Đầu, Kiến Khang, Uy nối pháp của Thiền sư Trì ở Ngưu Đầu, Trì nối pháp của Sư Phương ở Ngưu Đầu, Phương nối pháp của Sư Nghiễm ở Ngưu Đầu, Nghiễm nối pháp của Thiền Sư Dung ở Ngưu Đầu. Pháp Dung nối pháp của Tứ Tổ, và là dòng phụ.

- Quý Dậu: Trinh Nguyên năm thứ chín, tháng giêng, Giám Thiết Sứ Trương Bàng xin thâu thuế trà. Các huyện sản xuất trà của chín châu, trà trên núi đều phải đóng thuế với giá một phần mười. Thuế trà có từ đó.

Vợ Mao Hãn ở Thọ châu sinh đứa con tên Mao Trái vào năm Hưng Nguyên năm đầu. Đứa bé mình người, đầu heo, tai voi, chân lừa, tai cá. Lớn lên, hàng ngày cứ lấy roi sắt tự quất thân mình, cầm chổi quét đất chùa, nói với người khác: "Do ngày trước ăn cắp tiền vàng của thường trụ nên nay quét đất để trả nợ". Sau, ở chùa Vân môn, Việt châu có người vinh Trái rằng:

*Đồng xu thường trụ chớ lấy xài*
*Ngày sinh gấp vạn khó trả xong*
*Chân lừa, đầu lợn ngay trước mắt*
*Đất Phật đời này quét chưa xong.*

Lúc này, vào năm Canh Dậu, Mao Trái chết.

* ***Thích Hạo Nhiên:*** Ngài tên là Trú, tự là Nhất Tác, người Hồ châu, rất có tài, được Lỗ Công Nha Chân Khanh, Vu Địch, Ngô Quý Đức kính trọng. Hễ Lục Vũ (người soạn ra Trà kinh) đến thì ngài cùng Vũ đàm đạo cả ngày. Sĩ đại phu mến phục khí tiết thanh cao của ngài, nhưng ngài thường thẹn vì văn chương nổi tiếng ở đời. Ngài từng than: "Dù có học thức quản bác như Trọng Ni, hay đa văn như Tể Thần, trọn ngày trước mắt xót đạo xa xỉ nghĩa, cất bước liền loạn tánh mình, đâu bằng cây tùng trên núi hưởng mây, trăng; thiền khách gặp nhau, chẳng nói nhưng đạo hợp, tĩnh lặng thì tánh đồng, ta phải vào Trữ sơn thôi!

Thế rồi, ngài gom hết thơ văn mình làm ra đốt sạch. Sau, trung thừa Lý Hồng đến Hồ châu, ghé lại Trữ Sơn xin thơ văn của ngài. Ngài nói: "Bần đạo xếp bút nghiêng hơn hai mươi năm rồi, một bài cũng chẳng có. Ngẫm tìm thì lụy trong vật, vọng khởi ngã nhân, nay vất đi lâu rồi!" Hồng sưu tầm trong nhân gian, chỉ được mười quyển. Ngài mất, tướng quốc Vu Định viết bài tựa trong áng thơ văn này và dâng vua. Đức Tông hạ chiếu cất giữ ở Bí các. Về sau được người đời khen tặng "Trú của đất Tráp hay thanh thản".

Hoạn quan chuyên quyền việc quân việc nước bắt đầu từ Đậu Văn Trường. Đầu tiên, Văn Trường ghét tả thần sách đại tướng quân Bá Lương Khí. Tháng mười hai, năm Trinh Nguyên năm thứ tám, Đế cho Lương Khí làm hữu lệnh quân, nhân đó hoạn quan đắc chí. Đến lúc này, là tháng năm, năm Trinh Nguyên năm thứ mười một, Hà Đông Tiết độ sứ Lý Tự Lương mất, giám quân Vương Định Viễn tâu cho hành quân Tư mã Lý Thuyết làm lưu hậu. Thuyết là người có đức, Định Viễn nhân đó xin đúc ấn giám quân. Giám quân có ấn khởi nguyên từ Định Viễn.

* ***Luật sư Linh Triệt:*** Ngài tự là Nguyên Trừng, ngụ cư ở chùa Vân môn, Việt châu, công khanh đương thời đều mến mộ tài năng của ngài, Lưu Trường Khanh, Nghiêm Duy, Hoàng Phủ Tằng đều đến kết thân. Thơ văn của ngài nổi tiếng ngang hàng với Hạo Nhiên. Ngài soạn Luật Tông Hành Nguyên hai mươi mốt quyển. Ngài vân du ở Kinh đô rất sớm, nên danh tiếng vang dội khắp nơi, về già ngài ở mãi Việt châu. Tướng quốc Quyền Đức Dư làm bài tựa tiễn ngài, trong đó có câu: "Xem hình dung, xét ngôn từ thì biết được tâm ngài, chẳng đợi cảnh yên mới tĩnh lặng". Hiến Tông năm Nguyên Hòa năm thứ mười một, ngài quy tịch, có Văn Tập hai mươi quyển, do Thượng thư Lưu Vũ Tích viết lời tựa. Về sau, người ta gọi ngài là "người làm tan băng tuyết của đất Việt".

- Bính Tý: Trinh Nguyên năm thứ mười hai, tháng tư, nhân ngày sinh nhật mình, Đế cho Sa-môn, Đạo sĩ giảng luận ở điện Lân đức. Lúc này, Đế mới cho Nho sĩ tham gia. Đế rất hài lòng, ban ca-sa tía cho Pháp sư Thụy Phủ, thỉnh vào cung dạy dỗ Hoàng Thái tử.

* ***Tăng Tiêu:*** Sa-môn Tăng Tiêu tuy nhỏ nhưng thần thái thanh cao, hiểu biết xuất chúng. Túc Tông, Càn Nguyên năm đầu, ngài thi và thông suốt nghĩa kinh mà được tuyển làm Tăng. Sau, ngài học Tỳ-ni, đức hạnh cao vời. Lúc này, Trinh Nguyên năm thứ mười bốn, ngài dựng am trên Tây Lĩnh ở Hàng châu. Đại Nhã thường vân du với ngài. Lý Kiết Phủ, Vi Cao, Mạnh Giản là những người thâm giao cư sĩ. Người đất Ngô nói: "Tiêu của đất Hàng làm tan vân tiêu, Triệt của đất Việt làm tan băng tuyết, Trú của đất Tráp hay thanh thản". Lục Vũ ở Cánh Lăng gặp ngài và nói: "Trời, trăng, mây, ráng ta biết đó là thiên tiêu, núi sông cây cỏ ta biết đó là địa tiêu, đưa tài năng về cái đẹp ta biết đó là đức tiêu, sống nhàn vắng lặng, được cái chẳng phải danh, thật là ở ông chăng!" Người đất Hàng tôn trọng ngài, không gọi đích danh mà gọi là Hòa Thượng Tây Lĩnh.

+ Tháp Ký: Kỹ Mão, Trinh Nguyên năm thứ mười lăm, tháng tư, Dữu Thừa Tuyên soạn bài minh trên tháp Vô Cấu Tịnh Quang ở Phước Châu. Trong ấy ghi: "Quán sát sứ liễu công, giám quân sứ Ngư Công đều cho rằng: Báo ân vua không cần gì lớn hơn chuộng phước, chuộng phước không gì lớn hơn làm lành, làm lành không đâu lớn hơn Phật giáo. Gốc của giáo vốn ở nơi tháp. Phàm tháp, trên thẳng tới các trời, dưới trấn giữ ba cõi; bóng nó phủ che như trời trăng soi, phá tối thành sáng; Linh của nó kêu như đá vàng tấu lên, nghe tiếng liền sinh thiện. Như vậy các phước đều quy về nhân vương. Bàn bạc xong xuôi, ai nấy nhìn nhau hoan hỉ. Người ăn lộc vua liền thích bố thí, kẻ gánh sức vua thì vui vẻ hiến công, lao nhọc nhưng không than khổ, công việc hoàn thành, Hoàng Đế hân hoan, ngự trát đề tên, ban tên tháp là Trinh Nguyên Vô Cấu Tịnh Quang.

+ Bảo Lâm Truyện: Năm Trinh Nguyên năm thứ mười bảy, Sa-môn Tuệ Cự ở Kiến Khang, Tam tạng Thắng Trì người Thiên Trúc cùng biên soạn sắp xếp những sấm ký truyền pháp của chư Tổ và cơ duyên của các Tông sư thành Bảo Lâm Truyện.

- Quý Mùi: Trinh Nguyên năm thứ mười chín, Đại sư Ngưng Công ở chùa Thánh Thiện, Đông Đô thị tịch. Hàn lâm Bạch Lạc Thiên làm bài kệ Bát Tiệm đến viếng. Bài tựa ghi: "Bạch Cư Dị từng cầu tâm yếu nơi thầy, thầy ban giáo pháp Quán giác định tuệ, minh thông tế xả" từ

đó vào nơi tai, thông qua tâm mà được. Hôm nay thầy mất, đệ tử lấy tám chữ ấy làm bài kệ thành kính chia buồn.

- Giáp Thân: Trinh Nguyên năm thứ hai mươi, tháng chín, Thái tử Tụng bị bệnh phong nói không được. Trinh Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, mồng một tháng giêng, Vương tôn thân thích đều vào chúc Tết, chỉ có Thái tử vì bị bệnh nên không đến được, Đế khóc than sầu thảm từ đó sinh bệnh, mỗi ngày một nặng. Trong hơn hai mươi ngày, trong ngoài không thông tin tức, chẳng biết hai cung có an ổn không.

- Quý Mùi: Đế mất, Giáp Ngọ tuyên di chiếu Thái tử lên ngôi ở điện Thái cực.

* **Thuận Tông:** Tên Tụng, con trưởng của Đức Tông. Do tắt tiếng nên ông không thể giải quyết mọi việc, ở trong thâm cung buông màn rèm kín, chỉ có hoạn quan Lý Trung Ngôn, Chiêu Dung, Ngưu Thị hầu hạ. Các quan tâu việc gì thì từ trong rèm ông chuẩn tấu. Ông ở ngôi một năm, thọ bốn mươi sáu tuổi.

- Ất Dậu: Vĩnh Trinh năm đầu tháng tám, đế hạ chiếu cho Thái tử lên ngôi Hoàng Đế, mình làm thái Thượng hoàng, dời về ở cung Hưng khánh. Năm Ất Tỵ, Hiến Tông lên ngôi ở điện Tuyên Chính. Niên hiệu Vĩnh Trinh một năm.

Tháng chín, thái úy trung thư lệnh Vi Cao mất. Cao cai quản đất Thục suốt hai mươi mốt năm, được phong Nam Khang Trung Vũ Vương. Dân Tứ Xuyên tế tự ông làm Thổ thần, nghi lễ chú trọng đến nghi thức nhà Phật. Tượng Phật bằng đá trên Tuyên Sơn, Gia châu được đục xong, Cao viết bài ký rằng: "Đầu lớn ngàn thước, mắt rộng hai trượng, tướng tốt còn lại thảy đều tương xứng". Ông từng dạy con anh vũ niệm Phật. Anh vũ chết, ông nói: "Đây là người niệm Phật, chôn cất đúng lễ Sa-môn". Ông trà-tỳ chim, quả nhiên thâu được hai hạt xá-lợi. Ông làm bài ký, đại loại nói: "Nguyên tinh lấy năm khí trao cho muôn loài, dù loài vẩy hay lông, ắt cũng có con cảm được tinh anh thuần tuý. Dạy cầm thú kia, tập nó nói được, tỏ tướng không trong bất niệm, lưu chân cốt trong thân tàn, đó là Nguyên Thánh thị hiện, cảm ứng ở nơi lòng người".

* **Hiến Tông:** Tên Thuần, con trưởng của Thuận Tông, ban đầu được phong Quảng Lăng Vương. Vĩnh Trinh năm đầu, tháng ba, ông được lập làm hoàng Thái tử. Tháng tám ông nhận chiếu lên ngôi, ở ngôi mười lăm năm, thọ bốn mươi lăm tuổi. Niên hiệu Nguyên Hòa mười lăm năm.

- Bính Tuất: Nguyên Hòa năm đầu, mùa xuân tháng giêng, Thượng hoàng mất. Tháng mười, Đế hạ chiếu thỉnh Tăng có đạo hạnh trong cả

nước vào Thượng Đô hoằng dương Phật pháp.

- Đinh Hợi: Nguyên Hòa năm thứ hai, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền Sư Đại Nghĩa trên núi Nga Hồ, Tín châu vào điện Lân Đức thiết trai cúng dường, triệu các Đại đức vào cùng luận về nghĩa học, Đế đến dự nghe. Có Pháp sư hỏi:

- Cái gì là Tứ đế?

Ngài đáp:

Thánh Thượng là một Đế, còn ba đế nữa ở đâu?

- Dục giới không có Thiền, Thiền ở trong Sắc giới, cõi này dựa vào đâu mà lập?

Ngài đáp:

Pháp sư chỉ biết Dục giới không có Thiền mà không biết Thiền giới không có dục!

- Thế nào là nghĩa của Thiền?

Ngài đưa tay chỉ hư không, Pháp sư không đáp được. Đế nói:

Pháp sư giảng Kinh Luận vô cùng, nhưng chỉ một chút này vẫn chẳng nói được, tại sao vậy!

Ngài quay lại hỏi đại chúng:

- Rốt cuộc lấy cái gì làm đạo?

Có người đáp lấy "cái biết" làm đạo. Ngài nói: Không thể dùng trí để biết, không thể dùng thức để hay, làm sao lấy cái biết làm đạo!

Có người đáp lấy "không phân biệt" làm đạo. Ngài nói: khéo hay phân biệt các pháp tướng, ở trong Đệ nhất nghĩa nhưng không động, làm sao nói lấy "không phân biệt" làm đạo!

Có người đáp lấy Tứ thiền Bát định làm đạo. Ngài nói: Thân Phật vô vi, không rơi trong số lượng, làm sao lấy Tứ thiền Bát định làm đạo được!

Còn có mấy người nữa trả lời, ngài đều nhân đó khai mở cho họ. Đế hỏi:

Cái gì là nghĩa của Phật tánh?

Ngài đáp:

Không lìa điều mà bệ hạ hỏi.

Đế ngầm khế hội. Từ đó Đế càng chú trọng Thiền tông.

Ngài vốn họ Từ, người Tu Giang, Cù châu, nối pháp của Mã Tổ. Tháng giêng năm Nguyên Hòa năm thứ mười ba, ngài quy tịch. Đế ban ngài thụy Tuệ Giác Thiền Sư. Trong Kính sơn cựu Tổ Đồ chép: "Đại Nghĩa Phủ Thiền Sư, họ Ngô".

* ***Tăng Lục:*** Tháng hai năm Nguyên Hòa năm thứ hai, Đế hạ

chiếu cho Pháp sư Đoan Phủ đảm trách nghi thức pháp sự ở nội điện, chú lục Tăng sự ở Tả hữu Nhai. Tăng Lục khởi nguyên từ Đoan Phủ.

* ***Thiền sư Đạo Ngộ:*** ở chùa Thiên Hoàng, Thành Đông, Kinh Nam. Đời Đường, Hiệp Luật Lang Phù Tái soạn văn bia ghi: "Đạo Ngộ họ Trương quê ở Đông Dương, Vụ Châu. Năm mười bốn tuổi, ngài xuất gia, theo đại đức ở Minh châu thế phát, hai mươi lăm tuổi thọ giới ở chùa Trúc lâm, Hàng châu. Ban đầu ngài tham vấn Quốc Nhất ở Kính Sơn, ở lại đây năm. Đại Tông, năm Đại Lịch năm thứ mười một, ngài ẩn cư trên núi Đại mai, Tứ Minh. Trong năm Kiến Trung, đời Đức Tông, ngài yết kiến Gianh Tây Mã Tổ. Năm Kiến Trung năm thứ hai ngài tham vấn Thạch Đầu và đại ngộ, ẩn cư núi Tử Lăng, Đương Dương. Lúc này, ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa năm thứ hai, do bị đau lưng mà ngài quy tịch, thọ sáu mươi tuổi, tăng lạp ba mươi lăm hạ. Đệ tử nối pháp có ba người là Tuệ Chân, Văn Bí, U Nhàn. Ngày nay ở Thành Đông, Kinh Nam vẫn còn ngõ hẻm Thiên Hoàng.

- Mậu Tý: Nguyên Hòa năm thứ ba, Đế triệu Thiền Sư Hoài Huy vào ở chùa Chương Kính, Kinh Triệu, thường triệu ngài đến điện Lân đức để luận đạo. Ngài quy tịch trong năm này, Đế ban thụy Đại Giác Thiền Sư. Ngài họ Tạ, quê ở Tuyền châu, nối pháp Mã Tổ.

* ***Thiền sư Đạo Ngộ:*** ở chùa Thiên Vương, Thành Tây, Kinh Nam. Đời Đường, Chánh nghị đại phu hộ bộ thị lang bình chương sự kinh nam Tiết độ sứ Khâu Huyền Tố soạn văn bia ngài có ghi: "Đạo Ngộ họ Thôi, người Chữ Cung, là hậu duệ của Tử Ngọc. Năm mười lăm tuổi, ngài theo Luật sư Đàm Chứ chùa Trường sa xuất gia, hai mươi ba tuổi đến Tung Sơn thọ giới, ba mươi tuổi tham vấn Thạch Đầu, Thạch Đầu khia thị nhưng ngài không khế cơ, kế đó ngài yết kiến Tuệ Trung Quốc Sư. Năm ba mươi bốn tuổi, ngài và thị giả của Quốc sư là Ứng Chân cùng về nam yết kiến Mã Tổ. Tổ nói: "Biết nhận tâm mình xưa nay là Phật, không rơi trong thứ lớp, chẳng mượn tu trì, thể tự như như, muôn đức viên mãn". Ngay đây, ngài đại ngộ. Tổ dặn ngài: "Ông đi trụ trì chớ rời nơi cũ". Ngài nhận yếu chỉ xong liền quay về Kinh môn. Cách thành không xa, ngài dựng một thảo am và ở đó. Sau, tiết sứ hỏi thăm Tả hữu và tìm ra nơi ở của ngài. Tiết sứ đích thân đến thăm hỏi. Thấy đường sá chật hẹp, xe ngựa qua không được, cỏ cây um tùm chưa từng dọn dẹp, vì vậy tiết sứ nổi giận sai người khiêng ngài ném xuống dòng nước chảy xiết rồi rầm rộ kéo về. Chưa đến nhà, phủ đệ của ông bỗng bốc cháy chẳng ai dám đến gần, lại nghe trong hư không có tiếng nói: "Ta là Thiên Vương thần! Ta là Thiên Vương thần!", tiết sứ quỳ lạy hối

lỗi, ngọn lửa liền dập tắt. Ông liền chạy thẳng ra bờ sông thấy ngài bên bờ nước, ông quỳ lạy sám hối thỉnh ngài về nha phủ cúng dường, dựng ngôi chùa ở phía Tây phủ đệ, đặt tên là chùa Thiên vương. Hàng ngày, ngài thường nói: "Sống vui! Sống vui!" Nhưng đến lúc sắp quy tịch, ngài lại than: "Khổ! Khổ! Diêm-la vương đến bắt ta!" Viện chủ thấy vậy hỏi: "Lúc trước Hòa thượng bị Tiết sứ ném xuống sông nhưng thần sắc không đổi, ngày nay sao lại thế này?"

Ngài cầm cái gối và hỏi: "Ông nói xem lúc đó đúng hay bây giờ đúng?"

Viện chủ không đáp được. Ngài ném gối và quy tịch. Lúc ấy nhằm ngày mười ba tháng mười năm Nguyên Hòa năm thứ năm. Ngài thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi ba hạ. Đệ tử nối pháp một người là Sùng Tín.

- Canh Dần: Nguyên Hòa năm thứ năm, tháng ba, Đế cho gián nghị Mạnh Giản thay thế Tiêu Phủ làm giám hộ, nhuận văn cho việc dịch kinh ở chùa Lê Tuyền.

* ***Bàng Cư Sĩ:*** Cư sĩ Bàng Uẩn ở Tương châu. Ông tự là Đạo Huyền, người huyện Hoành Dương, Hoành châu, vốn theo nghiệp Nho. Thiếu thời, ông tỏ ngộ sự đời, chí cầu Chân đế. Đời Đức Tông, đầu năm Trinh Nguyên, ông yết kiến Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên, hỏi:

- Ai là người chẳng làm bạn với muôn pháp?

Thạch Đầu giơ tay bịt miệng ông. Ông hoát nhiên tỉnh ngộ. Sau ông kết bạn với Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên. Ngày nọ, Thạch Đầu hỏi:

- Việc hàng ngày, ông làm những gì?

Ông đáp:

Nếu hỏi việc hàng ngày thì không có chỗ mở miệng. Và trình bài kệ:

*Việc hàng ngày chẳng lạ*
*Chỉ tôi tự biết hay*
*Nơi nơi chẳng lấy bỏ*
*Xứ xứ chẳng trái bày.*
*Đỏ, tía ai đặt hiệu*
*Gò núi diệt trần ai*
*Thần thông và diệu dụng*
*Gánh nước và chặt cây.*

Thạch Đầu hứa khả. Sau đó Thạch Đầu hỏi:

- Ông muốn làm cư sĩ hay xuất gia?

Ông đáp:

Xin cho con được theo sở nguyện. Thế là ông không thế phát. Sau, ông tham vấn Mã Tổ hỏi:

- Ai là người chẳng làm bạn với muôn pháp?

Tổ nói:

Đợi ông uống một hớp hết sạch nước Tây Giang ta sẽ nói cho ông nghe.

Ngay câu nói này, ông đốn ngộ huyền chỉ, đứng vào hàng đồ của Mã Tổ, lưu lại ở đây tham vấn hai năm. Ông có bài kệ:

*Trai chẳng cưới vợ*
*Gái chẳng gả chồng*
*Cả nhà nhóm họp lại*
*Cùng bàn lời Vô sinh.*

Ông ứng đáp lanh lợi, khắp nơi đều biết tiếng. Đến lúc này là năm Nguyên Hòa năm thứ sáu, ông vân du về bắc đến Tương Hán, đến đâu thì ở đó. Ông có cô con gái tên Linh Chiếu làm nghề bán giỏ tre độ nhật qua ngày. Đang ngồi, ông hỏi Linh Chiếu:

- Người xưa nói: "Tỏ rõ đầu trăm cỏ, làm sao tỏ rõ ý Tổ sư"?

Linh Chiếu đáp:

Già cả mới nói câu đó.

Ông hỏi:

Còn con thế nào?

Chiếu đáp:

Tỏ rõ đầu trăm cỏ, tỏ rõ ý Tổ Sư!

Ông bèn cười. Có lần ông xuống cầu vác bè lên, Linh Chiếu thấy vậy đi qua đi lại bên cạnh ông. Ông hỏi:

- Con làm gì thế?

Chiếu đáp:

Hễ cha té ngã, Linh Chiếu đến đỡ.

Lúc sắp quy tịch, ông bảo Linh Chiếu:

Con ra xem mặt trời hễ đúng ngọ vào cho cha hay.

Linh Chiếu ra xem và chạy vào báo:

Mặt trời đúng ngọ rồi nhưng có nhật thực.

Ông bước ra xem, Linh Chiếu liền leo lên sàng tòa của cha, chắp tay thị tịch. Ông cười nói: "Con gái ta lanh lẹ thiệt!"

Ông đành dời lại bảy ngày sau. Châu Mục Vu Địch hay tin đến thăm ông. Ông nói với Địch: "Chỉ mong rỗng không những thứ có, cẩn thật chớ cho thứ không là thật, ở mãi thế gian đều như huyễn hóa. Nói

xong, ông gối đầu lên gối Vu Địch mà tịch. Trước đó ông dặn hãy hỏa táng mình rải tro ở sông hồ. Bàng bà chạy ra ruộng nói với con trai là Bàng Đại: "Cha mày chết rồi!" Bàng Đại cười đáp: "Dạ!" và chống cày thị tịch. Bàng bà nói: "Mày còn ngu si hơn!" Hỏa táng con trai xong, bà đi khắp xóm làng từ biệt mọi người rồi quy ẩn. Về sau chẳng ai biết Bà đi về đâu. Bàng Uẩn có hơn ba trăm thiên kệ lưu truyền ở đời. Tăng tục đều thương tiếc, bảo Bàng cư sĩ trong Thiền môn chính là Tịnh Danh ở thành Tỳ-da (ngài Duy-ma-cật)

- Nhâm Thìn: Nguyên Hòa năm thứ bảy mùa hạ tháng sáu, có nạn Đại thủy, biểu hiện âm thịnh, Đế cho xuất cung đến ba trăm xe cung nữ.

* ***Bố thí thức ăn cho chim thú:*** Nguyên Hòa năm thứ tám, Pháp sư Trí Biện là bậc hiểu ngộ tuyệt luân nhưng rất ít đồ chúng. Bỗng có vị kỳ túc xem tác phẩm do ngài soạn thuật và nói: "Hiểu biết của ông cao xa, rất hợp ý Phật, nay ít đồ chúng là do thiếu nhân duyên, Phật còn không thể độ người vô duyên huống gì là người sơ tâm! Ông nên bày thức ăn bố thí chim thú, hai mươi năm sau ắt sẽ có chúng". Ngài làm đúng như lời dạy nấu cơm rải khắp bên ngoài. Chim kéo đến mổ ăn. Biện cầu khấn: "Loài nào ăn thức ăn này nguyện xin làm pháp lữ". Hai mươi năm sau, Biện đến Nghiệp thành khai hội giảng, thính chúng dưới tòa đến hơn ngàn người đều là Tỳ-kheo trẻ.

* ***Bắc Sơn Lục:*** Do Pháp sư Thần Thanh ở Bắc Sơn soạn, lưu hành ở đời. Lúc này Nguyên Hòa năm thứ chín, ngài quy tịch.

* ***Thiền sư Bá Trượng:*** Ở Long Hưng lộ, Gianh Tây: Sư tên Hoài Hải, họ Vương, người Trường Lạc, Phước châu, từ nhỏ đã xuất gia, tinh thông cả Tam học. Lúc Mã Tổ hoằng hóa ở Gianh Tây, ngài dốc tâm theo hầu, cùng Tây Đường Trí Tạng, Nam Tuyền Phổ Nguyện đều được Tổ ấn khả. Lúc này hóa môn của ba đại sĩ làm thành thế chân vạc. Sư thượng đường dạy: "Linh quang chiếu sáng, thoát xa căn trần, thể bày chân thường, chẳng kẹt văn tự, tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành, hễ lìa vọng duyên tức như như Phật". Sư lập ra nghi quỹ cho Tùng lâm, lấy tên là thanh quy. Lúc này, ngày mười ba tháng giêng năm Nguyên Hòa năm thứ chín, Sư quy tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Đế ban Sư thụy Đại Trí Thiền Sư, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân. Sư nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thanh Quy:*** Do Thiền sư Đại Trí núi Bá Trượng lập ra, giống như giới luật của Phật, động tĩnh thi thiết, tới lui cúi ngước, chớ để phạm phải. Tòng lâm đều tuân hành theo. Lại có Tiểu thanh quy dùng cho

hàng ngày, do Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ lập ra.

+ Nguyên Hòa năm thứ chín, tháng giêng, Liễu Tử Hậu soạn văn bia cho Luật sư Đại Minh ở Nam Nhạc. Tronng ấy đại khái ghi: "Nho lấy lễ lập nhân nghĩa, không có lễ thì bại hoại, Phật lấy Luật giữ định tuệ, bỏ luật tất mai một. Bởi vậy người nhân nghĩa mà xa lễ thì không thể luận đạo Nho, người có định tuệ mà làm khác luật thì không thể bàn đến Phật. Người đạt đạo này chỉ có sư Đại Minh. Phàm đạo Phật suy vi, thì đồ chúng xem nhẹ luật mà bỏ kinh, Đại Minh rất lo sợ, vì vậy cứu xét giới luật thì lập nên đại pháp, tính thông kinh giáo thì tấn tu diệu nghĩa. Phàm y phục vật dụng đều làm phép tắc cho người, đi đứng nói năng đều làm gương mẫu cho vật" (Nguyên văn được ghi trong Liễu Tập)

* ***Thiền sư Điểu Khòa:*** Sư họ Phan, húy Đạo Lâm, người Phú Dương, Hàng châu. Mẹ họ Chu, lúc sinh Sư, ánh sáng mùi thơm tỏa đầy nhà, nhân đó bà đặt tên Sư là Hương Quang. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, hai mươi mốt tuổi thọ giới tại chùa Quả Nguyện. Sau đó Sư đến chùa Tây Minh ở Trường An học kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi Tín với Pháp sư Phục Lễ. Lễ lấy bài tụng Chân Vọng khai thị và dạy Sư tu thiền. Sư hỏi: Đầu tiên cái gì gọi là quán, phải dụng tâm thế nào?

Lễ im lặng giây lâu, Sư lạy ba lạy lui ra. Lúc này Đại Tông hạ chiếu thỉnh Thiền sư Kính Sơn Đạo Khâm vào cung. Sư đến yết kiến Đạo Khâm và khế ngộ tâm yếu. Kế đó, Sư về Nam ngụ cư ở chùa Vĩnh Phước, Cô Sơn, Tiền Đường. Chùa này có Bích-chi-phật, đạo tục cùng đến lập pháp hội, Sư chấn tích quang lâm. Thiền sư Thao Quang ở chùa Linh Ẩn hỏi Sư:

- Pháp hội này vì sao lại gây tiếng?

Sư đáp:

Không có tiếng, ai biết mà hiểu!

Sau, thấy núi Tần Vọng phía Bắc Tây Hồ có cây tùng lớn, cành lá xum xuê tỏa rộng rủ xuống như tán che. Sư bèn leo lên đó cư ngụ. Nên người đương thời gọi Sư là Thiền Sư Điểu Khòa (tổ chim). Bên cạnh Sư có tổ chim Thước, nên người ta lại gọi Sư là Hòa Thượng Thước Sào. Lúc này, trong năm Nguyên Hòa, thị lang Bạch Cư Dị do trung thư lệnh xá nhân cử đi phủ dụ Hàng châu, Thị lang nghe đạo hạnh của Sư, nhân thấy Sư ngụ cư trên Tổ mới nói:

- Chỗ Sư ở thật nguy hiểm!

Sư đáp:

Chỗ Thái thú còn nguy hiểm hơn tôi nhiều!

- Ngôi vụ của đệ tử trấn giữ núi sông, có gì nguy hiểm!

- Lửa củi gặp nhau, thức tánh chẳng dừng mà chẳng nguy hiểm sao!

- Đại ý Phật pháp ra sao?

- Chớ làm điều ác, siêng làm điều thiện!

- Trẻ con ba tuổi cũng hiểu thì nói làm gì!

- Tuy trẻ con ba tuổi nói được nhưng ông già tám mươi tuổi chưa chắc làm được!

Thị lang khâm phục, nhiều lần theo hỏi đạo, nhân đó ông dựng am tre ở Hồ Thượng gần nơi Sư ở để tiện sớm tối tham học. Am trúc ấy chính là chùa Quảng Hóa ngày nay, di tượng của Thị lang vẫn còn trong đó. Đời Mục Tông, năm Trường Khánh năm thứ tư, ngày mười tháng hai, Sư nói với thị giả: “Nay báo thân ta đã hết”. Nói xong Sư kiết già thị tịch. Đế ban Sư thụy Viên Tu Thiền Sư. Sư nối pháp của Thiền sư Quốc Nhất Đạo Khâm, vốn là dòng phụ của Tứ tổ.

* ***Thị giả Bố Mao:*** Ngài họ Ngô, tục danh Nguyên Khanh, pháp danh Hội Thông làm quan giữ chức cung phụng. Năm Nguyên Hòa thứ mười, ngày nọ ngài tâu với Đế: “Thần từ nhỏ không ăn mặn, chí muốn theo Thích Tiếp Tuần, mong bệ hạ cho thần xuất gia”. Sau, mẹ ngài bị bệnh, ngài về quê ở Hàng châu, yết kiến Thiền sư Điểu Khòa ở Hồ Thượng cầu xin thế phát xuất gia. Điểu Khòa nói:

- Tăng thời nay ít có người tinh tấn cần khổ, tu hành phần nhiều lơ là lạm dụng.

Ngài đáp:

Vốn tịnh chẳng phải mài dũa, vốn sáng chẳng nhờ vật khác chiếu.

Điểu Khòa nói:

Nếu ông liễu ngộ tịnh trí viên diệu, thể tự không tịch, tức là người xuất gia chân chánh.

Ngài thành tâm cầu thỉnh, Điểu Khòa cho xuống tóc thọ giới, đặt pháp danh là Hội Thông. Ngài hầu hạ Điểu Khòa nhiều năm, ngày nọ chợt từ biệt Điểu Khòa nói:

Con đến các nơi khác học Phật pháp!

Khòa nói:

Ở đây cũng có một chút Phật pháp.

Ngài thưa:

Xin Hòa thượng dạy cho!

Điểu Khòa rút khăn lông trên người đưa lên thổi. Ngài đốn ngộ

huyền chỉ, nên không đi nữa, nhân đó có hiệu Bố Mao thị giả. Ngài dựng Già-lam ở phía Đông chùa Hỷ Thước, gò Tây của Cát Lĩnh, đó là chùa Chiêu Hiền.

- Bính Thân: Nguyên Hòa năm thứ mười một, Thiền Sư Trí Thường ở chùa Quy tông, Giang châu, mắt có hai đồng tử, bôi thuốc trên tay áp vào xoa một lúc thì hai mắt đều đỏ, nhân đó người ta gọi ngài là Xích Nhãn Quy Tông. Giang châu Thứ sử Lý Bột hỏi ngài:

- Hạt cải thâu nạp Tu-di chẳng phải là nói dối đó chăng!

Ngài đáp:

Người ta đồn sứ quân đọc cả vạn quyển sách đúng không!

Bột đáp:

Đúng vậy!

Ngài nói:

Sứ quân từ đầu đến chân lớn cỡ cây dừa, vạn quyển sách để đâu cho hết.

Bột cúi đầu tỉnh ngộ. Ngài mất, người nối pháp rất nhiều. Ngài nối pháp của Mã tổ.

* ***Vợ chàng họ Mã là Quán Thế Âm:*** Nguyên Hòa năm thứ mười hai, Bồ-tát dùng sức đại Từ bi muốn giáo hóa dân ở Thiểm hữu mới thị hiện làm một cô gái xinh đẹp, đi đến nơi ấy. Trông thấy dung nhan giọng nói của cô, ai cũng muốn cưới làm vợ. Cô gái nói: "Tôi cũng muốn có chỗ nương tựa, chỉ một đêm nếu người nào đọc thuộc phẩm Phổ Môn thì tôi xin theo hầu hạ!

Hôm sau, có đến hai mươi người đọc thuộc kinh. Cô gái nói:

- Một người con gái đâu thể lấy nhiều người. Bây giờ ai đọc thuộc kinh Kim Cang, tôi sẽ lấy làm chồng.

Hôm sau có đến mười người đọc thuộc. Cô gái cũng không bằng lòng, xin thi thêm lần nữa. Cô đưa họ kinh Pháp Hoa bảy quyển, hẹn ba ngày sau, nếu ai đọc thuộc thì cô lấy làm chồng.

Đúng kỳ hẹn, chỉ có một người họ Mã đọc thuộc kinh. Cô gái bảo chàng ta đi sắm đủ lễ nghi để thành hôn. Chàng họ Mã rước cô dâu về. Cô gái nói: "Nay thiếp trong người không khỏe đợi chút xíu khỏe hẳn sẽ đến gặp chàng". Khách chưa về hết thì cô gái chết, thân thể liền tan hoại, chàng họ Mã đem an táng ngay. Mấy ngày sau, có vị Tăng chống tích đến gặp họ Mã hỏi nguyên do cô gái ấy. Họ Mã dẫn vị Tăng đến nơi an táng. Vị Tăng cầm xích xới lên thì thấy thân thể đã biến mất, chỉ còn bộ xương như vòng vàng. Vị Tăng lấy cây xích xâu vòng vàng ấy đưa cao, nói với mọi người: "Đây là Thánh nhân, thương xót bọn ông

chướng nặng nên bày phương tiện giáo hóa bọn ông. Các ông nên khéo nghĩ đến tác nhân để khỏi đọa trong biển khổ". Nói xong vị Tăng bay lên không đi mất. Từ đó, đất Thiểm hữu có rất nhiều người phụng Phật. Hòa thượng Xán ở Tuyền châu làm bài tán rằng:

*Dung nhan yểu điệu tóc thướt tha*
*Lừa gạt Lang quân niệm Pháp Hoa*
*Một nắm xương tàn sau khi mất*
*Chẳng hay trăng sáng lặn mấy nhà!*

* ***Quốc sư Thanh Lương:*** Quốc sư húy Trừng Quán, từng nói đến trong đời Tắc Thiên năm Vạn Tuế Thông Thiên. Khi Thuận Tông còn ở Đông cung, ông nghe pháp hiểu ngộ, hỏi ngài về tâm yếu. Ngài đáp đại loại: "Chí đạo vốn ở nơi tâm mình, tâm pháp vốn ở nơi vô trụ. Tâm thể vô trụ linh diệu, hay biết, không mê. Tánh tướng vắng lặng, bao hàm đức dụng. Mê hiện lượng thì hoặc khổ rối bời, ngộ chân tánh thì rỗng rang thấu tỏ. Tuy tức tâm tức Phật nhưng chứng thì mới biết. Nhưng có chứng có biết tuệ nhật thì lún sâu trong đất có, nếu không chiếu không ngộ thì mây mờ che kín cả cửa không. Nếu một niệm chẳng sinh thì khoảng trước sau dứt, chiếu thể độc lập, ngã vật đều như, đến thẳng nguồn tâm không trí không đắc. Nhưng mê ngộ nương nhau, chân vọng đối đãi, nếu tìm chân bỏ vọng, giống như bỏ bóng theo hình, còn tỏ vọng tức chân thì như ở bóng râm thì bóng mất. Nếu không tâm vong chiếu thì muôn lự đều sạch, nếu mặc tình tịch biết thì muôn hạnh mở ra, phóng khoáng mặc tình đi ở, vắng lặng nhận ra cội nguồn, nói nín chẳng mất huyền vi, động tĩnh chẳng lìa pháp giới. Bàn về Chỉ thì càng quên tri tịch, luận về Quán thì cùng chiếu tịch tri. Nói đến chứng thì không thể chỉ người. Kể đến lý thì không chứng chẳng tỏ. Bởi vậy tỏ ngộ tịch vô tịch, chân tri vô tri, vì tri và tịch là nhất tâm chẳng hai, khế hợp Trung đạo cùng quên có không.

Tháng năm Nguyên Hòa năm thứ tư, Đế lệnh Hữu Ty đúc ấn riêng gia phong Quốc sư Thanh Lương làm Tăng Thống Quốc Sư, điều hành việc giáo môn. Đế hỏi:

- Điều Hoa Nghiêm tuyên bày, cái gì gọi là pháp giới?

Ngài đáp:

Pháp giới là bản thể thân tâm chúng sinh. Từ xưa đến nay nó rỗng rang, sáng rộng, chỉ một chân cảnh mà thôi, không có hình tướng nhưng che khắp đại thiên, không có bờ mé nhưng hàm dung vạn hữu, trờ trờ ngay trước tâm, mắt, nhưng không thể nhìn thấy tướng nó, lồ lộ ngay trong sắc trần nhưng không thể phân được lý nó, chẳng phải mắt tuệ

thấu pháp, trí sáng lìa niệm thì không thể thấy được tự tâm linh thông như vậy. Thế nên, vừa thành Chánh giác, Thế Tôn đã bất giác thốt lên: “Kỳ lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc được”. Vì thế, xứng tánh Pháp Hoa mà ngài diễn nói kinh Hoa Nghiêm, toàn đề cập đến chân không giản dị, tinh tuý, sự lý dung nhiếp, biến khắp ngưng tịch”. Đế nghe diệu nghĩa, thân tâm rỗng rang, ngay đó thấu tỏ.

* ***Hộ quốc chân thân Phật cốt:*** Kỷ Hợi, Nguyên Hòa năm thứ mười bốn, tháng giêng, Đế sai Trung Sứ Đỗ Anh Kỳ mang hương hoa đến tháp hộ quốc chân thân chùa Pháp Vân ở phủ Phụng Tường để thỉnh xương của Phật Thích-ca vào cung. Đế ngự trên An Phước môn nghinh bái, giữ lại trong cung cúng dường. Ngày năm thứ ba, xá-lợi phóng quang ngũ sắc, trăm quan xứng tán, đưa đi khắp các chùa. Tăng chúng oai nghi tề chỉnh, tấu nhạc của Thái Thường, Vạn Niên, Trường An, cờ xí trống chiêng tưng bừng hiếm thấy. Hình bộ thị lang Hàn Dũ dâng biểu can ngăn, dẫn cổ dụ kim, nói thọ mạng của Đế cũng như vận nước không lâu dài. Đế nổi giận, hạ biểu tấu cho tể phụ mang Dũ ra chém. Bùi Độ, Thôi Quần can khuyên, Đế đày Dũ làm Thứ sử Triều châu. Vừa mới đến quận, Dũ dâng biểu ai tạ khuyên Đế. Dũ lên Thái sơn, lâu ngày không có tin báo nên u sầu không vui. Dũ nghe trong quận có Thiền Sư Đại Điên là người đức cao vọng trọng mới gởi thư mời. Mời đến lần năm thứ ba, Đại Điên mới tới. Đại Điên nói năng lanh lợi, Dũ giữ lại đến mấy mươi ngày. Có khi ngài nhập định mấy ngày mới xuất, Dũ càng kính trọng. Ngài từ biệt đi. Dũ tế thần trên biển rồi lên Linh Sơn đến nơi ngài ở, thưa:

Đệ tử bận việc trong Quân châu, nay muốn xét chỗ trọng yếu, xin Thầy cho một câu.

Ngài chẳng nói chẳng nhìn, Dũ bối rối. Lúc ấy Tam Bình làm thị giả, Bình gõ giường một cái, ngài nói:

“Làm gì?”

Bình thưa: Trước dùng định lay chuyển, sau dùng trí nhổ lên.

Dũ bái Tam Bình và nói:

“Môn phong của Hòa thượng cao ngất, Dũ này nhờ thị giả mới có đường vào.

Ngài hỏi Dũ:

“Trông u sầu, như có điều gì không vừalòng là tại sao vậy?

Dũ đáp:

Dũ tôi được trong dụng trong triều hưởng bổng lộc hậu hỹ, một

sớm lời ngay không được dùng, bị đày xa tám ngàn dặm, vượt qua biển núi, vợ con chết cả, sương độc khí bệnh ngày đêm phát tác. Nay bị đày đến chỗ không người, mạng sống này há giữ được ư? Trên đường đến đây, tôi ghé miếu Quảng Lăng cầu khấn, may nhờ sức thần được chết cho khỏi lo, đem công trung hưng viết trên tấu chương nói rõ cho Chúa Thượng, sai người về đông lên Thái sơn tấu công với thiên hoàng, nếu toại ý nơi đây, thì ngõ hầu được chúa thượng triệu Dũ này về, thuật làm công đức, tế ở miếu Giao vậy. Dũ ngày đêm trông mong nhưng tin chưa đến, sốt ruột mong đến mau, thì Dũ tôi làm sao vui vẻ được!

Ngài nói:

Lời ngay thẳng của ông trong triều là trung với vua không đếm xỉa đến thân mình hay là vì bản thân mình nói càn để chạy theo danh? Lời ấy được dùng thì ông được tiếng là ngay thẳng, hưởng cái lợi từ lời nói, nếu không dùng thì ắt bị đuổi việc, cớ gì phải ôm ấp mãi trong lòng làm gì! Nếu trung mà bị đuổi thì đừng nói có hay hơn không! Tôi nghe, kẻ làm bề tôi không chọn nơi yên mà ở, không lượng thế mà đi, nay ông bị đuổi nên không vui, xu thời mà chạy theo danh, quả không phải là bề tôi trung chánh. Hơn nữa, sống chết họa phước của ông lẽ đâu không treo trên trời? Ông hãy tự bên trong tu sửa, bên ngoài chịu mệnh đi! Ở Quảng Lăng ấy há có thể tạo phước cho ông chăng! Chúa thượng vì gian tà tranh nước nên thảo phạt không rảnh tay, chỉ có thể dẹp yên nhưng ung nhọt chưa hết hẳn. Ngay lúc này đây, ông lại muốn phong thiền cáo công để sách loạn thiên hạ, nhưng chủ ý là do mình muốn về triều, ông nhẫn tâm làm được ư! Còn nữa, do cùng quẫn, bấn loạn rồi cầu khấn quỷ thần, đó là ông không biết mệnh. Náo động thiên hạ nhưng chẳng đếm xỉa, cốt có lợi cho mình mà thôi là ông không biết nhân. Nói càng để chứng tỏ mình trung, gặp khốn đốn thì uất ức là ông không biết nghĩa. Lấy loạn làm trị để cáo với Thiên hoàng là ông không biết lễ, ấy vậy mà ông vẫn làm. Ông bị đày là do nói gì vậy?

Dũ đáp:

Chúa thượng rước xương Phật vào đại nội, tôi cho Phật là phép tắc của Di Địch, thời Tam đại không có Phật nhưng vận nước lâu bền, Tấn Tống Lương Ngụy thờ Phật nhưng không chết yểu thì cũng loạn. Dũ sợ chúa thượng bị mê hoặc cho nên không nghĩ đến bản thân ra sức bài xích.

Ngài nói:

Nếu vậy thì ông nói sai rồi. Phật là Đại thánh che khắp trời người, đạo Phật thấu tỏ vạn vật mà lập ngôn, lời Phật thì thấu cùng lý tánh,

giáo pháp thì bỏ ác hướng thiện, bỏ ngụy về chân. Phật đối với thiên hạ như cha đối với con, nhưng ông phỉ báng thì chẳng khác nào con lại đi giết cha. Tôi nghe, người khéo quan sát người khác là xem đạo của họ tồn tại thế nào, chứ không so sánh nơi họ ở. Vua như Kiệt, Trụ; bề tôi như Chích, Kiểu đều là người Trung Quốc nhưng đâu thể noi theo vì họ là kẻ vô đạo. Thuấn sinh ở Đông Di, Văn Vương sinh ở Tây Di, Do Dư sinh ở rợ Nhung, Quý Lễ sinh ở rợ Man, hai Thánh hai Hiền ấy há cho họ là Di Địch mà không bắt chước họ chăng! Nay ông chẳng suy xét đạo Phật cứ chê suông là Di Địch, sao lại ăn nói hồ đồ đến thế? Ông cho rằng thời Thượng Cổ chưa có Phật nên không noi theo ư? Vậy thì Khổng, Mạnh sinh trong thời suy Chu, nhưng Xi Vưu, Cổ Tẩu sinh ở thời Thượng Cổ, lẽ đâu ông bỏ Thánh hiền của suy Chu mà bắt chước kẻ hung tàn của Thượng Cổ? Ông cho rằng thời Ngũ Đế Tam vương chưa có Phật nhưng sống lâu, vậy Ngoại Bính ở ngôi hai năm, Trọng Nhâm bốn năm, không phải chết yểu đó sao? Thư Vô Dật nói: “Từ đó về sau cũng không ai sống lâu, có người mười năm, người hai mươi năm”. Ông cho rằng thời Tần Hán, nhân chủ chết yểu và loạn thì Hán Minh đế là anh chủ một thời, Lương Vũ đế thọ đến tám mươi sáu tuổi há cũng chết yểu là loạn đó sao!

Dũ nói:

Tôi cho rằng người theo Phật không hề nói đến phép tắc của tiên vương, lại rêu rao bừa thuyết luân hồi sinh tử, thân chẳng làm được chút nhân nghĩa trung tín, nhưng dối lập ngọn nguồn báo ứng họa phước, không có cái nghĩa vua tôi, chẳng có tình thân phụ tử, làm bại hoại đạo của tiên vương, Dũ này há im lặng mà không chỉ trích được sao!

Ngài nói:

Quá lắm rồi! Ông chẳng thấu đạt gì cả! Có người ở đây cả ngày đếm đến mười, nhưng không biết hai nhân năm là mấy, người ấy tất bị cho là kẻ điên. Ông trọn ngày nói đến nhân nghĩa trung tín, nhưng chẳng biết Phật nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật ra chẳng khác. Vả lại, có phải ông đọc thuộc sách Phật rồi nghi là lời Phật lập dị với tiên vương phải không?

Dũ đáp:

Dũ tôi đâu rãnh để đọc sách Phật!

Ngài nói:

Ông chưa từng đọc sách Phật, thì làm sao biết được Phật không nói đến phép tắc của tiên vương? E rằng ông chưa từng đọc sách của Khổng Tử lại liền nghi ngờ đạo Khổng sai, hay là ông nghe người ta

nói sai thì ông liền cho nó sai. Nếu ông chưa từng đọc sách của Khổng Tử nhưng lại nghi đạo Khổng sai thì đó là "Chó của vua Thuấn" nếu ông nghe người ta nói sai thì ông liền cho nó sai, đó là "đàn bà", xưa vua Thuấn nuôi con chó, con chó biết chỉ có ông Thuấn. Ngày nọ vua Nghiêu đi ngang, con chó liền nhảy ra cắn. Không phải nó mến ông Thuấn ghét ông Nghiêu, mà do người nó thường gặp là Thuấn chứ chưa từng gặp ông Nghiêu bao giờ. Tôi lại nghe, con gái về nhà chồng, mẹ tiễn đi. Hễ về bên chồng rồi thì cô dâu nọ ắt phải kính, phải vâng lời, không được trái ý chồng. Thế nhưng người theo người khác, đó là việc đàn bà. Ông đâu thể chạy theo cái sai của người khác mà chẳng khảo xét nguyên do, liền cho là nó sai ư! Phàm luân hồi sinh tử không phải vọng lập, đó là chí số của trời đất, là lý mầu của u minh. Theo lý muôn vật mà xét thì, gốc rễ cỏ cây chặt đi thì sống lại, tính nó khôi phục lại, có gì lạ đâu! Khổng Tử nói: "Có khởi đầu ắt có kết thúc" nên biết đó là thuyết sống chết. Trang Tử nói: "Vạn vật ra khỏi chân tính rồi vào lại chân tính". Giả Nghị nói: "Hóa làm loài khác có gì phải lo". Đó đều là thuyết luân hồi, chẳng đợi Phật nói mới rõ, thì ông đâu thể cho nó là vọng tạo. Còn nữa, ông cho họa phước báo ứng là dối lập thì càng thấy rõ ông quá sai lầm rồi. Phàm quả báo thiện ác đều là sự tương ứng tự nhiên của chân lý. Kinh Dịch nói: "Tích thiện thì an vui mãi, tích ác thì tai ương hoài". Lại nói: "Quỷ thần hại nhiều nhưng phước ít". Tăng tử nói: "Cẩn thận! Cẩn thận! cho đi thứ gì thì nhận về thứ nấy!" Đó đều là thuyết báo ứng cả. Chỉ có Phật là người hay thương xót đến họa phước của con người, nên nêu bày tỏ rõ, rằng đó là lý ắt phải đến, khiến con người không tự vùi mình trong ấy, lẽ đâu là vọng tạo? Ông lại cho rằng Phật không có cái nghĩa vua tôi, không có tình cha con, nhưng đó vốn là điều ông không thể với tới được. Sự vốn có trong cõi này, có cái vượt ngoài cõi này. Nếu trong cõi này thì mọi người đều tuân thủ nó, còn như ngoài cõi này thì chẳng phải bậc Thần thánh trong thiên hạ ắt không ai hiểu tới được. Cho nên, những lời dạy của Thánh nhân, có điều nói để mọi người tuân thủ, có cái vì Thần thánh trong thiên hạ mà nói. Mỗi bên nhận lãnh khác nhau. Đạo mà Khổng Tử nói đến là khuôn phép chí cực, vô tư vô vi, vắng lặng chẳng động, cảm thì liền thông. Đó không phải là điều mà mọi người cùng nhận hiểu. Mọi người mà vô tư vô vi thì lý trong thiên hạ này đã dứt mất rồi. Phật nói cho kẻ bề tôi ắt dựa vào lòng trung, nói cho phận làm con ắt dựa trên tâm hiếu, đó là điều nói cho mọi người cùng tuân thủ. Có những lời Phật nói nhắm đến cái vô tâm nhưng chẳng phải chỉ có vô tâm, nhắm đến cái vô ngã, nhưng

chẳng phải chỉ có vô ngã mà còn nhắm đến cái vô sinh. Như vậy, trình tự của âm dương không thể loạn, số mệnh của trời đất chẳng đổi dời, nên đương nhiên là có vua tôi cha con trong ấy. Điều đó những kẻ thấy ít nghe cạn nói được ư! Nay ta nói cho ông biết, lý của Phật bao trùm muôn phương vì nó không có bản chất, đã nhiệm mầu lại càng nhiệm mầu, giống như trời có con người bên dưới. Trọn ngày khen trời nhưng trời chẳng đầy thêm, trọn ngày chê trời nhưng trời chẳng vơi đi. Như vậy khen và chê đều là lỗi cả. Từ nhà Hán đến nay trải qua lâu ngần ấy năm, sự vật trong thiên hạ thay đổi nhiều cũng ngần ấy, vua tôi sĩ dân cũng đông ngần ấy, trời đất thần minh cũng đâu có lừa dối, thuyết nhà Phật thịnh hành trong ấy, kẻ không dám bàn luận lại gạt phắt đi, ắt là dám che trời đất đi mà không biết hổ, che trăm Thánh mà chẳng biết thẹn. Diệu lý tồn tại trong đó rồi sau mới đến nơi này, ông hãy suy nghĩ cho kỹ đi! Nay ta nói cho ông biết, hễ học thì phải khảo cứu đến cái sâu xa của đạo. Đạo mà sâu xa thì chí của ta không ai lường được, lúc ấy ắt người khác cho mình là hiền tài. Họ cho mình hiền tài chính là chỗ này, nhưng trái lại ta cho họ sai thì rõ ràng tâm ta có điều gì đó chưa biết hết. Vì vậy tư duy cho sâu điều đúng của họ, cố sức mà tìm thì ngõ hầu sẽ phát hiện ra. Nay ông khư khư vì bản thân mình, tới lui trong thanh sắc lợi dục, có một chút không như ý liền phẫn uất bi lụy, nếu đời nay không chịu đựng thì khác gì lũ ruồi nhặng tranh cặn bã trong đống đồ dơ đâu!

Khi ấy Dũ trố mắt không chớp, hào khí tiêu tan, bàng hoàng như đánh mất thứ gì đó, liền nói với Đại Điên:

- Ngay đây hết lời rồi!

Ngài nói:

Ta sở dĩ nói cho ông biết là vì nhắm cái tài năng của ông chứ không phải nhắm vào điều ông đạt đến.

Dũ thưa:

Dũ này mê muội, xin muốn được nghe điều mình sẽ đạt đến!

Ngài đáp:

Thành thật với lòng mình, thấu cùng tánh mệnh, tỏ lý vạn vật, thấu được mệnh trời, sau đó ta sẽ nói cho ông nghe. Bây giờ ông đi đi, ta không nói với ông nữa.

Hàn Dũ đứng dậy đi ra.

- Tháng tám, Đế và Tể tướng nói chuyện, thấy Dũ cũng đáng thương nên trao Dũ chức Viên châu Thứ sử. Dũ dựng lại am cho Đại Điên cúng ngài hai cái y, từ biệt rằng:

"Dũ tôi sắp xa thầy rồi, xin được nghe một lời cuối trong lần gặp này!"

Đại Điên nói:

Ta nghe, người dễ tin người cũng tất dễ thay đổi, người dễ khen người tất cũng dễ chê họ. Ông nghe ta nói rồi dễ tin như vậy, biết đâu sau này nghe người khác nói lại cho ta sai cũng nên!

Đại Điên không nói nữa. Dũ biết mình không thể nghe thêm được gì, bèn đến Viên châu. Thượng thư Mạnh Giãn biết Dũ có giao du với Đại Điên nên gởi thư chúc mừng vì Dũ đã có lòng tin. Trong thư trả lời Mạnh Giãn, Hàn Dũ có đề cập đến Đại Điên, rằng Đại Điên rất thông minh, tinh thông đạo lý, tài năng vượt ngoài hình hài, vui với đạo lý, chẳng bị sự vật động tâm. Tuy tôi không hiểu hết những gì sâu xa trong lời ông, nhưng lòng mình đã không còn ngưng trệ, nhân đó thường lui tới với ngài.

Thiền sư Đại Điên họ Dương húy Bảo Thông, quê ở Linh sơn, Triều châu. Ngài nối pháp Thiền sư Nam Nhạc Thạch Đầu Hy Thiên. Hy Thiên nối pháp của Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục tổ Đại Giám. Năm này, Liễu Tử Hậu mất.

- Canh Tý: Nguyên Hòa năm thứ mười lăm, tháng Giêng Đế mất. Tháng nhuần Hoàng Thái tử lên ngôi ở điện Thái Cực.

* **Mục Tông:** Húy là Hằng, con năm thứ ba của Hiến Tông. Nguyên Hòa năm thứ bảy, ông được lập làm Hoàng Thái tử, ở ngôi bốn năm, thọ ba mươi tuổi. Niên hiệu Trường Khánh bốn năm.

Tân Sửu: Trường Khánh năm đầu, tháng ba, Lô Long Tiết độ sứ Lưu Tổng coi giữ hơn hai mươi quận ở U, Yên, đã về triều xin làm Tăng, Đế ban y và hiệu Đại Giác Đại sư, đặt phủ đệ nơi ông ở là chùa Báo ân.

- Nhâm Dần: Trường Khánh năm thứ hai, tháng hai, Đế sai Tả nhai Tăng lục Linh Phụ mang chiếu đến Phần Dương thỉnh Thiền sư Vô Nghiệp vào cung. Linh Phụ đến tuyên chiếu xong, lạy nói: "Chúa Thượng lần này đặc biệt ân chỉ, mong thầy đi cho". Sư cười nói: "Bần đạo có đức gì mà phiền lụy đến nhân chủ, ông về trước đi, ta theo sau ngay". Sư tắm rửa, trải tòa, nói với môn nhân là Tuệ Âm: "Tánh thấy nghe hiểu biết của các ông lâu dài bằng thái hư. Tất cả cảnh giới vốn tự rỗng lặng kẻ mê không tỏ liền bị cảnh lừa, một khi bị cảnh lừa thì lưu chuyển không cùng, phải thường thấu tỏ tất cả không, không một pháp đáng lưu luyến. Đó là chỗ dụng tâm của chư Phật". Nói xong, Sư ngồi ngay thẳng, đến nửa đêm thì quy tịch. Linh Phụ về tâu lại mọi việc. Đế

kính ngưỡng tán thán rất lâu, ban Sư thụy Đại Đạt Quốc Sư. Sư được Hiến Tông, Mục Tông kính trọng, ba lần hạ chiếu thỉnh nhưng Sư không vào cung. Sư họ Đỗ, người Thương châu, nối pháp của Mã tổ.

- Tháng mười, Đế xa giá đến chùa Thiện Nhân cúng Tăng chúng một trăm vạn tiền. Tháng mười một, hạ chiếu lập Cảnh Vương Trạm làm Hoàng Thái tử.

- Quý Mão: Trường Khánh năm thứ ba, tháng tám, Đế xa giá đến cung Trường Khánh, gặp Tăng đang trì bát Đế cúng cho ba trăm tấm lụa.

- Thiền sư Như Hội ở chùa Hồ Đông quy tịch thọ tám mươi tuổi. Sư quê ở Thiều châu, nối pháp của Mã tổ.

- Giáp Thìn: Trường Khánh năm thứ tư, mùa Đông, Đế mất ở tẩm cung, Kính Tông lên ngôi ở nhà đông của điện Thái cực. Tháng mười hai, Từ Tứ quán sát sứ Vương Trí Hưng, nhân ngày sinh nhật Đế mới xin dựng giới đàn độ Tăng Ni ở Cầu phước. Đế ưng chuẩn, chùa Vĩnh Phước ở Hàng châu khắc kinh Pháp Hoa lên vách đá. Nguyên Chân soạn bài ký.

* **Kính Tông:** Tên là Trạm, con trưởng của Mục Tông, ở ngôi hai năm thọ mười tám tuổi. Bảo Lịch hai năm.

- Ất Tỵ: Bảo Lịch năm đầu. Bính Ngọ: Bảo Lịch năm thứ hai, tháng mười hai Đế mất.

* **Văn Tông:** Tên Ngang, con năm thứ hai của Mục Tông, ban đầu được phong làm Giang Vương. Kính Tông không có con nên lập Giang Vương lên ngôi. Ông ở ngôi mười ba năm thọ ba mươi ba tuổi. Niên hiệu Thái Hòa chín năm, Khai Thành năm.

- Đinh Mùi: Thái Hòa năm đầu.

* ***Đại sư Từ Nhẫn Linh Tế:*** ở núi Đại Hồng. Sư họ Trương, tên Thiện Tín, người Long Hưng. Trong năm Nguyên Hòa đời Hiếu Tông, Sư ngụ cư chùa Khai Nguyên, Hồng châu, tham vấn Mã Tổ, mật khế tâm yếu. Kính Tông, năm Bảo Lịch năm thứ hai, Sư đến ở cạnh núi Thái hồ, Tùy châu. Lúc này trời đại hạn, người trong làng là Trương Vũ Lăng mang dê lợn đến Hồ Long cầu đảo. Sư thấy vậy bùi ngùi nói: “Hại mạng này để cứu mạng kia, tội càng thêm nặng, thôi đừng sát sinh, đợi ba hôm nữa ta sẽ cầu cho ông”. Sư vào hang động phía Bắc núi nhập định cầu khấn. Sấm nổ trời mưa. Mấy ngày sau, Vũ Lăng lần theo dấu vết tìm Sư, Sư vẫn còn nhập định, Vũ Lăng liền xuống núi và dựng tịnh xá, cho hai con hầu hạ Sư. Người học nghe tiếng quy tụ thành pháp tịch. Đến lúc này, Thái Hòa năm đầu, ngày hai mươi chín tháng

năm, Sư ngầm nói với Long thần: “Ngày trước ta thay vật tế nên lấy mất miếng ăn của ông, nay ta xả thân để trả lại, ông có thể ăn thịt ta. Sư dùng dao cắt chân phải, lại cắt chân trái, môn nhân thấy vậy chạy đến giật con dao, một dòng sữa trắng tuôn ra từ vết cắt, Sư an nhiên quy tịch. Các đạo ở phía Nam, phía Đông núi này tâu với Đế mọi việc, Đế tán thán ban nơi Sư ở là U Tế Thiền viện. Đời Thạch Tấn trong năm Thiên Phước đổi thành chùa Kỳ Phong. Tống Thần Tông, Nguyên Phong năm đầu, Đế lại đổi thành chùa Linh Phong, Triết Tông, năm Nguyên Hiệu năm thứ hai, tháng chín Đế hạ chiếu đổi thành Thập Phương Thiền Tự mời trưởng lão Báo Ân ở chùa Thiếu Lâm, Lạc Dương về trụ trì. Sư nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm:*** Sư họ Hàn, người Giáng Châu, mười bảy tuổi theo Thiền Sư Tuệ Chiếu ở Tây Sơn Hồ Dương xuất gia, thọ giới với Luật sư Hy Tháo ở Hoành nhạc. Sư thông tỏ Kinh Luật, nghiêm trì giới luận. Đầu tiên Sư đến tham vấn Thạch Đầu, Thạch Đầu chỉ Sư đến Mã Tổ, Sư về lại Thạch Đầu và tỏ ngộ tâm yếu. Sau, Sư đến trụ ở Dược sơn, Lễ châu. Đại chúng quy tụ rất đông. Thượng thư Lý Tường tự là Tập Di đi phủ dụ Lãng Châu, mến mộ đạo pháp của sư nên vào núi yết kiến, Sư vẫn đọc kinh không nhìn. Tường nói:

“Gặp mặt chẳng bằng nghe tiếng.”

Sư gọi Tường, Tường dạ, Sư nói:

“Sao ông quí tai thính mà mắt mờ thế”

Tường lạy tạ, hỏi:

- Thế nào là đạo? Sư lấy tay chỉ trên chỉ dưới rồi hỏi: Hiểu không?

Tường đáp:

“Không hiểu”.

Sư nói:

*Mây ở trời xanh, nước trong bình.*

Tường vui mừng dùng kệ đáp:

*Luyện được thân hình tợ hạc hình*
*Dưới ngàn gốc tùng hai hòm kinh*
*Tôi đến hỏi đạo không gì khác*
*Mây ở trời xanh nước trong bình.*

Tường hỏi tiếp:

Thế nào là giới định tuệ?

Sư đáp:

Ở đây không có thứ rào cản ấy.

Tường lãnh hội và cáo từ. Sư nối pháp Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên. Lúc này, Thái Hòa năm thứ hai, Sư quy tịch, thọ tám mươi bốn tuổi. Đế ban Sư thụy Hoằng Đạo Đại Sư, tháp hiệu Hóa Thành.

* ***Thiền sư Long Đàm Sùng Tín ở Lễ châu:*** Sư quê ở Chử Cung nhà trong hẻm chùa Thiên Hoàng, thành Kinh Nam. Sư lạy Thiền sư Đạo Ngộ xuất gia, sau khi thọ giới, ở lại hầu hạ, lãnh ngộ huyền chỉ. Sau, Sư đến cư ngụ tại Long Đàm, Lễ Dương. Sư nối pháp của Thiên Hoàng Đạo Ngộ, Đạo Ngộ nối pháp của Thạch Đầu Hy Thiên, Hy Thiên nối pháp của Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục tổ. Sư nhận đệ tử, đó là Đức Sơn Tuyên Giám.

* ***Kinh trên vách đá:*** Thái Hòa năm thứ ba, chùa Trùng Huyền ở Tô châu khắc xong kinh trên vách đá. Thị lang Bạch Cư Dị soạn văn bia đại loại rằng: "Phàm khai thị ngộ nhập tri kiến chư Phật, lấy Liễu nghĩa độ vô biên, đem Viên giáo dạy vô cùng thì không gì sâu xa hơn kinh Pháp Hoa gồm sáu mươi chín ngàn năm trăm lẻ năm lời. Chứng Vô sinh nhẫn, vào cửa Bất nhị, trụ trong giải thoát không thể nghĩ bàn thì không gì sâu xa hơn kinh Duy-ma-cật gồm hai mươi bảy ngàn chín trăm mười hai lời. Đưa bốn loại chín loài vào Vô dư Niết-bàn nhưng thật không có người được độ thì không gì mầu nhiệm hơn kinh Kim Cang gồm năm ngàn hai trăm tám mươi bảy lời. Diệt tội tăng phước, thanh tịnh tất cả đường ác, không gì nhanh bằng kinh Tôn Thắng Đà-la-ni gồm ba ngàn hai mươi lời. Ứng niệm tùy nguyện sinh cõi Cực lạc, không gì lớn hơn kinh A-di-đà gồm một ngàn tám lời. Dùng chánh kiến quán thật tướng, không gì hơn kinh Phổ Hiền Hạnh Pháp gồm sáu ngàn chín trăm chín mươi lời. Bày tự tánh, nhận bản giác không gì sâu xa hơn kinh Thật Tướng Pháp Mật gồm hai ngàn một trăm lẻ năm lời. Rỗng không pháp trần, nương vào trí Phật thì không gì hơn Tâm Kinh Bát-nhã gồm hai trăm năm mươi tám lời. Tám loại kinh này bao gồm đủ yếu chỉ của mười hai bộ ba thừa, đủ bí tạng của muôn Phật. Tâm kinh có ba bản dịch, bản hai trăm năm mươi tám lời của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch vào năm Trinh Quán đời Thái Tông. Đây là bản dịch năm thứ ba.

* ***Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên ở Đặng châu:*** Sư thị tịch trong tháng sáu, thọ tám mươi ba tuổi, Đế ban thụy Trí Thông Thiền Sư. Sư vốn theo Nho học, ngày nọ vào Trường An ứng thí, gặp Thiền giả ở quán trọ, Thiền giả hỏi Sư: Nhân giả đi đâu?

Sư đáp:

Thi làm quan.

\- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật!

Sư hỏi:

Thi làm Phật phải đến đâu?

- Hiện nay Đại sư Mã Tổ hoằng hóa ở Gianh Tây, đó là nơi tuyển người làm Phật.

Sư liền đến thẳng Gianh Tây. Gặp Tổ, Sư lấy tay giở khăn che đầu, Mã Tổ nhìn Sư rồi nói: “Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của ông”. Sư bèn đến Thạch Đầu, lấy tay giở khăn che đầu, Thạch Đầu bảo: “Xuống nhà sau đi!” Sư lạy tạ vào ở phòng hành giả, luân phiên chấp lao phục dịch suốt ba năm. Ngày nọ, Thạch Đầu bảo chúng: “Ngày mai dọn cỏ trước điện Phật”. Hôm sau, cả đại chúng lớn nhỏ đều cầm liềm, cuốc đến dọn cỏ, riêng Sư lấy thau múc nước gội đầu đến quỳ trước Thạch Đầu. Thạch Đầu cười rồi xuống tóc cho Sư. Xong, Thạch Đầu thuyết giới, Sư bịt tai đi ra. Sư về lại Gianh Tây yết kiến Mã tổ, chưa gặp chào hỏi gì, Sư vào thẳng Tăng đường leo lên cổ tượng Thánh tăng ngồi. Mã tổ thấy vậy, nói: “Con ta, Thiên Nhiên!” Sư lạy Mã tổ vì đã ban cho pháp hiệu. Nhân đó Sư có hiệu là Thiên Nhiên. Ngày nay Tăng đường gọi là Tuyển Phật trường vốn khởi nguyên từ đây. Sư nối pháp của Thạch Đầu.

* ***Bồ-tát Quán Thế Âm hiện Thánh tượng:*** Đế thích ăn sò, quan lại vùng biển trước đây từng hiến dâng, nên dân cũng bớt nhọc. Lúc này, năm Thái Hòa năm thứ năm, ngày nọ, trong bữa ngự thiện có một con sò không tách ra. Đế nghe tin liền đốt hương khấn. Con sò tách ra, bên trong hiện hình tướng Bồ-tát uy nghiêm, đức tướng. Đế cất vào hộp Kim túc đàn hương, ban cho chùa Hưng Thiện để mọi người chiêm bái. Đế hỏi quần thần:

- Đây là điềm gì?

Có quan tâu trên núi Thái ất có Thiền sư Duy Chính là người học rộng nghe nhiều, thấu tỏ Phật pháp, xin triệu đến hỏi. Đế liền hạ chiếu thỉnh ngài đến. Đế hỏi việc ấy, ngài đáp:

- Vật không ứng suông, đó là điềm mở lòng tin cho bệ hạ.

Khế Kinh ghi: “Đáng dùng thân này độ người thì liền hiện thân này thuyết pháp cho họ”.

Đế hỏi:

- Thân Bồ-tát thì hiện rồi, còn nói pháp thì chưa được nghe?

Ngài đáp:

Bệ hạ thấy việc này bình thường hay kỳ lạ, tin hay không tin?

Đế đáp:

Đây là việc hiếm có. Trẫm rất tin.

Ngài nói: Tâm của bệ hạ đã tin, tức là nói pháp rồi còn gì!

Đế vui mừng khôn xiết, liền hạ chiếu khắp tự viện trong nước mỗi nơi đều phải dựng tượng Quán Thế Âm để đáp lại tin lành này. Đế giữ ngài lại trong nội đạo tràng, ngài nhiều lần từ chối xin về núi. Đế mời ngài trụ ở chùa Thánh Thọ. Ngài họ Châu, người Bình Nguyên, thọ học với Pháp sư Thuyền Trừng chùa Diên Hòa trong châu này, đắc pháp với Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, ẩn cư trên núi Thái Ất Học giả quy tụ rất đông. Đầu đời Vũ Tông, Sư vào trong núi Chung nam. Sư thị tịch, môn nhân trà-tỳ thâu bốn mươi chín hạt xá-lợi và dựng tháp. Phổ Tịch nối pháp của Bắc Tông Thần Tú.

- Quý Sửu: Thái Hòa năm thứ bảy, tháng mười, nhân ngày sinh nhật mình, Đế triệu Pháp sư Tri Huyền và Đạo sĩ vào điện Lân đức cùng luận đạo.

* ***Thiền sư Nam Tuyền ở Trì châu:*** Sư họ Vương, húy Phổ Nguyện, người Tân Trịnh, Trịnh châu. Từ nhỏ, Sư đã mến mộ Không tông. Túc Tông năm Chí Đức năm thứ hai, Sư xuất gia với Thiền sư Đại Tuệ ở núi Đại Ngỗi, đến thọ Cụ túc giới ở Nam Nhạc. Ban đầu, Sư học Cựu Chương của Tướng bộ, nghiên cứu các thiên, tụ của giới luật, đến các pháp hội nghe giảng Lăng-già, Hoa Nghiêm, thể nhập Bách Môn Quán, tinh thông huyền nghĩa. Sau, Sư đến đạo tràng của Mã tổ, đốn quên kiến giải, tỏ ngộ tâm địa. Đức Tông, năm Trinh Nguyên năm thứ mười một, Sư ẩn cứ ở Trì Dương, hơn ba mươi năm chưa từng xuống khỏi Nam Tuyền. Đến lúc này, đầu năm Thái Hòa, Tuyên Thành Liêm Lục Tuyên Đại Phu thỉnh Sư xuống núi, lấy lễ đệ tử thỉnh Sư nêu cao tông huyền, diễn nói pháp yếu. Tháng mười hai năm Thái Hòa năm thứ tám, Sư có chút bệnh, dặn môn nhân: "Sao che đèn huyễn cũng đã lâu rồi, chớ bảo ta có đến đi". Nói xong, Sư quy tịch. Sư nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thiền sư Đạo Ngộ ở Đàm Châu:*** Sư họ Trương, húy Tông Trí, người Hải Hôn, Long Hưng. Từ nhỏ, Sư đã theo học với Hòa thượng Bàn, thọ cụ túc giới, tham vấn Dược Sơn, mật khế tâm yếu. Sư đến Trấn Giang, Hạc Lâm giới thiệu Giáp Sơn đến gặp Thiền sư Thuyền Tử Đức Thành ở Hoa Đình. Đến lúc này, Thái Hòa năm thứ chín, ngày bảy tháng chín, Sư quy tịch. Môn nhân trà-tỳ được mấy miếng linh cốt xá-lợi và dựng tháp ở núi Đạo Ngô, thọ sáu mươi mốt tuổi. Đế ban thụy Tu Nhất Đại Sư, tháp hiệu Thật Tướng. Về sau, sấm sét dời tháp này về phía Bắc núi Thạch Sương. Sư nối pháp của Dược Sơn Duy Nghiễm, Nghiễm nối pháp của Thạch Đầu Hy Thiên.

* ***Hòa thượng Thuyền Tử ở Chu Kinh, Hoa Đình:*** Ngài húy là

Đức Thành, người phủ Toại Ninh, đắc pháp với Dược Sơn, đến Hoa Đình chèo một chiếc thuyền nhỏ, tùy duyên độ nhật. Không ai biết ngài là người có hạnh cao, nhân đó gọi ngài là Hòa thượng Thuyền Tử. Ngài trứ tác rất nhiều thi kệ. Sau, nhân Đạo Ngô giới thiệu Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội đến tham vấn, sau khi tỏ ngộ, Giáp Sơn từ biệt ngài ra đi, nhưng cứ ngoái đầu lại nhìn. Ngài liền gọi: “Xà lê!”. Giáp Sơn quay đầu lại, ngài dựng đứng mái chèo nói: “Ông sẽ bảo là có cái khác nữa chăng!” Ngài lật úp thuyền và thị tịch. Ngài nối pháp của Dược Sơn.

Bính Thìn: Khai Thành năm đầu.

* ***Thiền sư Tử Hồ ở Cù châu:*** Sư họ Châu, húy Lợi Tung, người Thiền châu. Sư xuất gia ở chùa Khai Nguyên. U Châu, thọ Cụ túc khi đủ tuổi, tham vấn Nam Tuyền, vào ở núi Mã Đế, Cù Châu. Lúc này, Khai Thành năm thứ hai, người trong ấp là ông Thiên Quý cúng miếng đất Tử Hồ dưới núi, lập viện thỉnh Sư ở. Ngay dưới cửa, Sư lập tấm bia ghi: “Tử Hồ có một con chó, trên ăn đầu người, giữa thì ăn tim người, dưới thì ăn chân người, hễ suy nghĩ thì liền tan thân mất mạng”.

Hai vị Tăng trong pháp hội của Lâm Tế đến tham vấn, vừa giở rèm, Sư đã hét: “Coi chừng chó!” Tăng quay đầu nhìn, Sư bảo về phương trượng. Hy Tông, Quảng Minh năm đầu, Sư quy tịch, môn nhân dựng tháp ngay núi này. Sư nối pháp Nam Tuyền Phổ Nguyện.

- Mậu Ngọ: Khai Thành năm thứ ba, tháng ba, Quốc sư Thanh Lương Trừng Quán quy tịch, thọ một trăm lẻ hai tuổi, tăng lạp tám mươi ba hạ. Đế gia phong Đại Thống Quốc Sư. Đế cho rằng, ngài được Tổ, Thánh tôn ngưỡng, nên đặc biệt không thiết triều ba ngày. Trọng thần mặc đồ tang dựng thân toàn thân ngài ở núi Chung Nam. Không bao lâu, có vị Tăng người Ấn vào triều tâu; rằng thấy hai sứ giả cỡi mây ngang Thông lãnh, hỏi đi đâu thì họ đáp: “Tôi là thần ở viện Văn-thù bên Bắc Ấn, về Đông lấy chiếc răng cấm của Bồ-tát Hoa Nghiêm về nước cúng dường”. Đế có lệnh mở tháp, quả nhiên mất một cái răng. Đế liền cho trà-tỳ, lưỡi ngài không cháy, tươi như sen hồng, xá-lợi sáng rỡ. Đế dựng tháp lấy hiệu là Diệu Giác. Tướng quốc Bùi Hưu phụng chiếu soạn văn bia, lệnh vẽ hình ngài an trí trong Đại Hưng Đường Tự. Thời Tống Thái Tông, Tăng Tống Tán Ninh soạn Đại Thống Cao Tăng Truyện có ghi: “Quốc sư thị tịch năm Nguyên Hòa đời Hiến Tông, thọ hơn bảy mươi tuổi”. Hai thuyết này không đồng, hiện nay vẫn còn. Đường, Cựu Sử ghi: “Đức Tông Trinh Nguyên năm thứ mười lăm, tháng tư, ngày sinh của Đế, Đế sai Hữu Ty sắm đủ nghi vệ, xe cộ, đón giáo thọ Hòa thượng Trừng Quán vào nội điện xiển dương tông chỉ Hoa Nghiêm. Ngài lên

tòa cao và nói: "Lớn thay chân giới, cội nguồn của vạn pháp, bao hàm có, không, nhưng tuyệt tướng, thể nhập ngôn từ nhưng không vết. Có một cách mầu nhiệm nhưng chẳng có, không một cách chân thật nhưng chẳng không, Phật ta chứng đắc, khéo lên chân giác, sạch hết nghiệp trần, vắng lặng ngay trong muôn hóa động dụng ngay trong một không, dung hòa thân cõi để hợp tướng, vận dụng thanh quang để chiếu xa thì vua ta chứng đắc. Linh diệu bao la, bảo hợp nhu hòa, Thánh văn vượt xa trăm vương, thuần phong thổi tràn muôn nước. Nêu huyền hóa để tỉnh mộng, buông thiên chân chuyển tính tình. Phải biết, giáo chỉ Hoa Nghiêm vắng lặng sâu xa, không thể nghĩ bàn được. Đánh mất ý chỉ thì tu nhân suông trong muôn kiếp, thể nhập cửa này thì ngang bằng chư Phật ngay một sớm".

Đế quay lại nói với quần thần: "Thầy của Trẫm nói năng khiêm nhã, giản dị nhưng từ chương phong phú, hay đem Thánh pháp dội mát lòng Trẫm, nên lấy hiệu Thanh Lương ban cho ngài. Trẫm nghĩ mình từ trước đến nay chấp thân tâm ngã nhân và định tướng của các pháp, nay rủ sạch rồi!" Quần thần lạy hai lạy, cúi đầu nhận lời vua dạy. Từ đó các cận thần trong triều ngoài triều đều thọ tám giới, lạy ngài làm thầy.

- Canh Thân: Khai Thành năm thứ năm, mùa xuân tháng giêng, Đế mất. Em Đế là Vũ Tông lên ngôi. Tháng chín, Vũ Tông hạ chiếu triệu bọn Đạo sĩ Triệu Quy Chân vào trong cung tu Kim Lục đạo tràng. Tháng mười, Vũ Tông lên Huyền Đàn đích thân nhận Pháp Lục. Tả Thập Di Vương Triết can "Vương nghiệp mới dựng, đừng nên sùng tín thái quá!"

* **Vũ Tông:** Tên là Viêm, con năm thứ năm của Mục Tông, ban đầu được phong Dĩnh Vương. Trước kia, Thái tử Vĩnh của Văn Tông chết, Thái tử không có con, mới lập con của Kính Tông là Trần Vương Thành Mỹ làm hoàng Thái tử. Đến khi Văn Tông mất, bọn trung úy Cừu Sỹ Lương sửa di chiếu phế Thái tử, lập Dĩnh Vương làm hoàng thái đệ rồi đưa lên ngôi. Vũ Tông ở ngôi sáu năm, thọ ba mươi hai tuổi. Niên hiệu Hội Xương sáu năm.

- Tân Dậu: Hội Xương năm đầu, tháng sáu, Đế cho Hoành sơn Đạo sĩ Lưu Huyền Tĩnh làm Quang lộc đại phu, sung vào chức Sùng Huyền quán học sĩ. Thiền sư Khuê Phong Tông Mật đời năm thứ năm tính từ Lục Tổ trở xuống thị tịch năm này.

* ***Thiền sư Vân Nham Đàm Thạch ở Đàm châu:*** Sư họ Vương, húy Đàm Thạch, người Kiến Xương, Chung Lăng. Từ nhỏ Sư xuất gia với Thạch Đầu, tham vấn Bá Trượng, nhưng nhân duyên không khế

hợp. Sau, Sư đến Dược Sơn. Dược Sơn hỏi:

Bá Trượng nói pháp gì?

Sư đáp:

Một hôm thầy thượng đường, đại chúng đứng im, thầy cầm gậy đuổi tan hết, lại gọi "Đại chúng!". Đại chúng quay đầu lại, thầy hỏi "Là cái gì?"

Dược Sơn nói:

Hôm nay nhờ ông mà ta gặp được Hải huynh!

Ngay câu nói này, Sư đốn ngộ liền lễ bái.

Lúc này, Hội Xương năm đầu, ngày hai mươi sáu tháng mười hai, Sư gọi Chủ Sự sai "Chuẩn bị cơm nước, ngày mai có Thượng tòa đi!" Đêm hai mươi bảy, Sư quy tịch. Đồ chúng trà-tỳ thâu hơn ngàn hột xá-lợi, an trí trong thạch thất. Đế ban thụy Vô Trụ Đại Sư, tháp hiệu Tịnh Thắng. Sư nối pháp của Dược Sơn Duy Nghiễm. Sư tiếp nhận đệ tử là Động Sơn Lương Giới. Tông Tào Động Khởi nguyên từ Sư.

* ***Chín ngọn núi:*** Quý Hợi, Hội Xương năm thứ ba. Đại Sư Chánh Giác, húy Trí Quảng, người Tiên Du, Hưng Hóa. Ngài sinh năm Nguyên Hòa năm thứ hai, đời Hiến Tông. Ban đầu, ngài tham vấn Quốc Sư An ở Diêm Quan và Thiền sư Vô Đẳng ở Ngạc châu mà tỉnh ngộ, liền về Nam, cư ngụ ở Tuyền châu, thường ôm bát bằng sắt và dẫn con chó trắng theo sau. Lúc này, Vũ Tông sắp phế diệt Phật giáo, ngài trốn trong hang núi. Khi Tuyên Tông khôi phục lại Phật giáo, ngài ra ở tại Nam Sơn. Hiến Tông năm Hàm Thông năm thứ sáu, ngài đến Cửu Sơn, gặp con mãng xà to muốn nhảy đến cắn mình, ngài ném cây tích đang cầm chống trong miệng mãng xà, rồi vào miệng mãng xà khoanh chân ngồi. Đến khi ngài xuất định, con rắn biến thành đá rồi. Sau đó, mưa sấm đẩy cát, làm thành nền viện, thần núi dời núi quanh tám hướng, viện này ở giữa thành ra chín ngọn núi. Ngài quy tịch năm Càn Phù năm thứ ba, đời Hy Tông. Chiêu Tông, Càn Ninh năm thứ hai, Đế ban ngài thụy Chánh Giác Đại Sư.

- Giáp Tý: Hội Xương năm thứ tư, tháng ba, Đế cho Đạo Sĩ Triệu Quy Chân giữ chức Tả hữu nhai đạo môn giáo thọ tiên sinh. Đế quyết lòng cầu tiên, Quy Chân được sủng ái, thường bài xích Phật giáo. Đế nghe theo Chân lại xin cùng biện luận với Sa-môn. Đế có chỉ cho Tăng, Đạo cùng biện luận trong điện Lân Đức. Pháp sư Tri Huyền thăng tòa nghị biện, lời lẽ thẳng tắt, khúc chiết, Đạo sĩ không đáp được. Nhân đó, Tri Huyền tâu với Đế: "Quân vương cốt chuộng lễ nhạc, hiến pháp, còn ăn uống vật thực là việc của kẻ thất phu nơi núi rừng ưa làm, mong

bệ hạ để tâm đôi chút". Đế bất bình, thị thần khích bảo Tri Huyền làm thơ phú bay tỏ. Huyền liền dâng năm thiên, trong đó có câu: "Lưng hạc nghiêng ngả lưng rồng trơn, quân vương cũng trụ một ngàn năm". Đế biết Tri Huyền châm chích mình.

- Ất Sửu: Hội Xương năm thứ năm, Triệu Quy Chân tiến cử Đặng Nguyên Siêu cấu kết với Lưu Huyền Tĩnh ra sức phỉ báng nhà Phật. Tháng 5, Đế lệnh dẹp bỏ bớt chùa và sa thải Tăng ni. Thiền sư Tuệ Trung Trí Chân ở Phước châu Quy Dương làm mười bài kệ, nay chép ra ba bài:

*Trăng sáng chia hình nơi nơi mới*
*Bạch y há thuộc hạng hiểu không*
*Ai bảo người đời ngăn tu đạo*
*Duy-ma từng làm Trưởng giả thân*
*Lúc Nhẫn tiên ngồi thiền dưới cây*
*Từng bị Ca Vương chặt chân tay*
*Huống Thánh triều ta không việc ấy*
*Chỉ cho bãi đạo chẳng vui thay!*
*Hình dung tuy khác, đạo vẫn còn*
*Hòa với dòng đời chẳng ngu mê*
*Thử tụng Thiện Tài tham lễ kệ*
*Hồi ấy nào ai bảo Sa-môn.*

Sư họ Liễu, người Dương châu, nối pháp của Thảo Đường Nghĩa. Nghĩa nối pháp của Tào Sơn Bảo Tịch, Tịch nối pháp của Động Sơn Lương Giới.

- Bính Dần: Hội Xương năm thứ sáu, Đế uống Kim Đan của bọn phương sĩ, lưng nổi ung nhọt, mười ngày sau thì cấm khẩu. Tháng ba, Đế mất. Tuyên Tông lên ngôi. Ngày mồng một, Tân Mùi, tháng tư, mùa hạ, Tuyên Tông bắt đầu nắm quyền chánh.

* **Tuyên Tông:** Tên là Trầm, con năm thứ mười ba của Hiến Tông, được phong làm Quang Vương. Tính ông nghiêm nghị, ít nói, trong cung đều cho ông là kẻ bất tài, Vũ Tông không thích. Trung úy Mã Nguyên Chấp lập ông làm hoàng Thái thúc rồi lên ngôi. Ông ở ngôi mười ba năm, thọ năm mươi tuổi. Ông khôi phục lại Phật giáo, cho hữu thường thị Lý Cảnh Nhượng làm Chiết Tây quán sát sứ. Hồi ấy, mẹ Cảnh Nhượng là Trịnh thị, tính tình rất nghiêm khắc, chồng mất sớm, gia cảnh nghèo túng phải dời về Lạc Dương. Các con bà đều nhỏ dại, bà tự nuôi dạy. Ngày nọ, bức tường cũ sau nhà bị mưa làm sập, dưới tường có một ghe đầy tiền, nô tỳ vui mừng báo cho bà hay, bà đến đốt hương

và khấn rằng: “Tôi nghe, không lao nhọc mà được của cải là họa của thân, trời ắt thương chồng tôi là người tốt, xót gia cảnh tôi nghèo nên đem cho, tôi chỉ nguyện những đứa con mồ côi cha của tôi ngày sau học hành đỗ đạt, đó mới là chí nguyện của tôi, còn số tiền này tôi không dám lấy”. Bà sai người lấp lại rồi xây lên. Ba người con của bà là Cảnh Nhượng, Cảnh Ôn, Cảnh Trang đều đỗ tiến sĩ. Cảnh Nhượng đỗ đạt khi tóc đã đốm bạc, từ nhỏ ông nghịch ngợm nên không tránh khỏi mẹ cho roi vọt. Niên hiệu Đại Trung mười ba năm.

- Đinh Mão: Đại Trung năm đầu, tháng hai, nhuần, Đế hạ chiếu: “Cuối năm Hội Xương có dẹp bớt chùa viện, tuy nói là giáo pháp của phương khác, nhưng vốn có ngọn nguồn hợp đạo lý, người Trung Quốc từ lâu đã theo đạo này. Sửa đổi quá đáng, việc thật sai lầm. Những chùa viện chẳng khác Thánh cảnh ở Linh Sơn bị đập phá trong năm Hội Xương năm thứ năm, những vị tôn túc cũ hãy trùng tu và trụ trì lại, quan Hữu Ty không được ngăn cản.

* ***Vẽ tượng Di-đà:*** Năm này Thái tử Thiếu phó Bạch Cư Dị mất, thọ bảy mươi lăm tuổi. Đế tặng ông chức Thượng thư Tả bộc xạ. Ông và em ông rất giản dị, mẫn tiệp, được bạn bè yêu mến. Ông ở làng Lý Đạo, Lạc Dương, đào hồ, trồng cây, bắt cầu đá, đục thác Bát Tiết ở Hương Sơn. Ông tự lấy hiệu là Tuý Ngâm tiên sinh và Hương sơn Cư sĩ, cùng Hồ Cảnh v.v.. cả thảy chín người thường ngâm ca, đàm đạo. Họ đều là người tuổi cao, không ra làm quan. Người mến mộ thêu bức họa Cửu Lão. Ông mất xong, nơi ông ở được cúng làm chùa. Ông từng vẽ tượng Phật Di-đà để thờ tự, lễ bái và tự viết bài ký, đại loại ghi: “Đức Phật Bổn Sư Thích-ca Như Lai ta có nói “Phương Tây có thế giới tên là Cực lạc, vì không có tám khổ, bốn đường ác. Quốc độ ấy tên là Tịnh độ, vì không có ba độc, năm trược. Phật ấy hiệu là A-di-đà, vì thọ mạng, sở nguyện, công đức, tướng tốt, quang minh của ngài vô lượng”. Xem kỹ Ta-bà này, chúng sinh dù hiền ngu, sang hèn, già trẻ hễ khởi tâm quy hướng Phật, đưa tay, chấp tay đều hướng về phương Tây, lúc hoảng sợ khổ não, mở miệng tất trước tiên niệm A-di-đà, cho đến dùng khuôn vàng, đất, khắc đá, thêu thùa, đắp bùn, đắp cát, như trẻ con đùa nhưng đều tạo Phật A-di-đà trước hết. Chẳng biết vì sao như vậy. Nên từ đó mà xét rõ ràng Như Lai ấy có đại thệ nguyện với chúng sinh này, chúng sinh có đại nhân duyên với Phật ấy. Nếu không, tại sao Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai ở phương Nam, Bắc, Đông, rất nhiều, sao chỉ học đắp xưng niệm một Phật này! Đường, Trung đại phu Thái tử thiếu phó Bạch Cư Dị tuổi tác đã cao, trúng phải phong bệnh, mới đem tiền lương ba

mươi vạn, thuê thợ vẽ bức Tây phương thế giới, Phật Di-đà ngồi chính giữa, Quan Âm, Thế Chí hầu hai bên, trời người chiêm ngưỡng, công đức thành tựu. Đệ tử Cư Dị cuối đầu quỳ trước Phật, nguyện đem công đức này hồi thí cho chúng sinh, chúng sinh nào già yếu như tôi, bệnh tật như tôi, mong họ lìa khổ được vui, bỏ ác tu thiện, chẳng rời Nam Thiệm liền thấy Tây phương. Sen xanh Thượng phẩm, tuỳ nguyện vãng sinh, đời này đời sau thường được gần gũi. Nay muốn tuyên lại nghĩa này mà viết bài tán rằng:

*Thế giới Cực lạc cõi thanh tịnh*
*Không có đường ác và các khổ*
*Nguyện những người già, bệnh như con*
*Đều về cõi Phật Vô Lượng Thọ.*

- Mậu Thìn: Đại Trung năm thứ hai, quán sát sứ Bùi Hưu giữ Tuyên Thành thường cùng danh tăng đàm đạo. Môn nhân từng hỏi ông rằng:

- Dám hỏi, thuyết ba cõi chưa lập, người ta không biết tu hành; không thấy nhân quả, người làm phước lớn cũng đâu phải là ít. Đến khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, người ngu sợ tội nên bỏ ác, người hiền mong phước càng làm lành. Cứ làm mãi thì đến nay phải toàn thiện hết rồi, cứ bỏ mãi thì đến nay sẽ không còn ác. Vậy tại sao ngu mê bạo ngược vẫn không giảm trong thời Tiền Tần, Tiền Hán; phước tuệ thông minh vẫn không tăng trong thời Hậu Ngụy, Hậu Tần? Người quy hướng thì khắp nơi đổ về, người dựng lập thì muôn pháp như mây đùn, vậy phải khiến chúng ta đều phải lên đường giác, chứ đâu có ngu si thấp kém thế này! Từ xưa đến nay, vẫn mê như vậy, từ đó mà thấy, tác dụng của đạo Phật chẳng phải là quá kém đó sao!

Ông cười đáp:

Ánh sáng lớn tỏa ra, pháp chẳng chu viên, Thánh nhân ra đời, thay trời lập công, thay đổi nào là kết lưới, họa Bát quái, văn chương chữ nghĩa. Một Thánh ra đời thì một pháp sinh, đạo trời việc người rõ như vậy. Phàm Toại Nhân thị chưa có lửa, thì trời không có sao hỏa, con người không có lửa nấu ăn, bói quẻ không có điềm lửa, muôn vật không bị hỏa hoạn. Thiếu Hạo thị chưa luyện được vàng, thì tất nhiên trời không có sao Kim, người không có vàng để dùng, bói quẻ không có điềm vàng, muôn vật không bị tai họa vàng. Đến khi Thánh nhân xát cây ra lửa, luyện đá lấy vàng, lúc bấy giờ bản chất tinh thô có khắp trên dưới. Đủ thấy pháp đời, việc đời tùy thuộc Thánh nhân. Khảo xét tận nguồn tinh thần, tận cùng hình thể tánh mệnh, lập phương tiện lớn

bảo hộ muôn loài. Muôn loài nhận mà chẳng biết, giống như đạo trời mà vận hành thì vạn vật sinh sôi nảy nở, ngay cả bản thân mình ai biết tại sao nó như vậy!

Nghe vậy, người hỏi bỗng nhiên hiểu ra, nhận được pháp vị. Khi Đế hạ chiếu cho dựng chùa, quan dân ở Tuyên thành có cả vạn người hưởng ứng, trước tiên xin dựng ở ngoài Tuyên thành, trùng tu chùa Tân hưng, Bùi Hưu thỉnh Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận đến quận, cư ngụ tại chùa Khai Nguyên, sớm tối thọ pháp.

- Kỷ Tỵ: Đại Trung năm thứ ba, Hồ Nam quán sát sứ Bùi Hưu yết kiến Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác và hỏi:

- Thầy có thị giả không?

Sư đáp:

Có một, hai đứa.

- Họ ở đâu?

Sư gọi:

Đại Không! Tiểu Không!

Bỗng có hai con cọp ở sau am đi ra, Bùi Hưu thất kinh.

Thiện Giác quê ở Đàm châu, nối pháp của Mã tổ Đạo Nhất.

* ***Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận ở Hồng châu:*** Sư người đất Mân, từ nhỏ xuất gia ở núi Hoàng bá, Phước châu, thọ cụ túc giới, vân du đến Kinh đô. Sau Sư qua Gianh Tây tham vấn Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải và khế ngộ tâm ấn. Tướng quốc Bùi Hưu trấn giữ Uyển Lăng, dựng Đại Thiền Uyển, thỉnh Sư thuyết pháp. Sau, đổi tên nơi này thành chùa Hoàng Bá. Sau khi khế tâm yếu, Bùi Hư gom tập những pháp ngữ của Sư thành sách, lấy tên là Hoàng Bá Tâm Yếu, nhập Đại tạng và lưu hành. Đến lúc này, tháng tám năm Đại Trung năm thứ tư, Sư quy tịch. Đế ban thụy Đạo Tế Thiền Sư, tháp hiệu Quảng Từ. Sư nối pháp Bá Trượng Hoài Hải, Hải nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất.

- Tân Mùi: Đại Trung năm thứ năm, tháng giêng, Đế triệu Thiền sư Hoằng Biện ở chùa Tiến Phước vào cung. Đế hỏi:

- Thiền tông tại sao lại có Nam Bắc?

Sư đáp:

Cửa thiền vốn không Nam Bắc. Từ chư Tổ xuống đến Đại sư Hoằng Nhẫn, Nhẫn có hai đệ tử, một là Tuệ Năng thọ nhận y pháp cư ngụ ở Lãnh Nam, một là Thần Tú hoằng hóa ở phía Bắc. Đắc pháp chỉ có một nhưng khai thị tỏ ngộ có sự khác nhau giữa đốn và tiệm, nên gọi Nam đốn, Bắc tiệm, chứ không phải Thiền tông có Nam, Bắc.

Đế hỏi: Sao gọi là giới, định, tuệ?

Sư đáp: Ngăn quấy cấm ác gọi là giới. Sáu căn gặp cảnh, tâm chẳng theo duyên gọi là định. Tâm cảnh đều không, chiếu thấy không lầm, gọi là tuệ.

- Sao gọi là phương tiện?

- Giấu thật che tướng là cửa ngõ quyền xảo. Tiếp hàng trung hạ, khéo bày lời dẫn dắt thì gọi là phương tiện. Đối với thượng căn, bảo bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng, đó cũng là nói phương tiện. Cho đến Tổ sư bảo "lời quên công diệt" cũng không ngoài lối phương tiện.

- Cái gì là Phật tâm?

- Phật là tiếng Tây Thiên, Đường dịch là Giác, nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu thì gọi là Phật tâm. Tâm là tên gọi khác của Phật, có trăm ngàn tên gọi khác nhau, nhưng bản chất chỉ có một. Như bệ hạ ngày giải quyết muôn việc, đó là Phật tâm của bệ hạ.

- Có người niệm Phật là tại sao vậy?

- Như Lai xuất thế tùy căn khí mà nói pháp. Vì hàng thượng căn, Phật khai mở chí lý đốn ngộ Tối Thượng thừa. Còn trung căn hạ căn chưa thể sáng tỏ ngay, nên Phật mở ra quán môn khiến họ niệm Phật sinh Cực lạc.

- Có người trì kinh chú cầu Phật là thế nào?

- Như Lai nói vô lượng pháp đều vì Nhất thừa, như trăm ngàn dòng chảy đều nhắm chảy vào biển. Bởi vậy, các duyên sai biệt đều quy về biển trí.

- Tổ Sư đã truyền tâm ấn, kinh Kim Cang ghi "Không có pháp để chứng đắc" là thế nào?

- Phật giáo hóa một đời, thật ra chẳng có một pháp cho người, chỉ mở bày mỗi mỗi tự tánh đồng một pháp tạng. Khi ấy Nhiên Đăng Như Lai chỉ ấn chứng pháp này cho Thích-ca, nhưng chẳng có gì chứng đắc mới khế hợp bản ý của Nhiên Đăng.

- Thiền sư đã lãnh hội ý Tổ, có còn lạy Phật xem kinh không?

- Sa-môn lạy Phật tụng kinh, bởi nắm giữ thường pháp có bốn loại: Theo giới của Phật mà tu thân, tham vấn các Thiện tri thức, thường tu hạnh thanh tịnh, đi trên dấu vết Như Lai từng đi.

- Thế nào là đốn kiến, thế nào là tiệm tu?

- Tỏ ngay tự tánh cùng Phật không hai, nhưng có những tập khí từ vô thỉ nên phải mượn tiệm tu mà đối trị, để thuận tánh khởi dụng, như người ăn cơm chẳng phải một miếng là no ngay.

Hôm đó Sư và Đế đối đáp đến gần canh giờ. Đế rất hài lòng, ban Sư hiệu Viên Trí Thiền Sư. Kế đó Đế hạ chiếu cho trùng tu tháp các Tổ

trong cả nước. Những vị nào chưa được ban thụy, quan sở tại phải tâu lên, thái thường khảo lại hành trạng rồi ban thụy.

Hoằng Biện người Kinh Triệu, nối pháp Thiền sư Hoài Huy ở chùa Chương Kính. Hoài Huy họ Tạ, người Tuyền châu, thị tịch năm Nguyên Hòa năm thứ mười ba, đời Hiến Tông, Đế ban thụy Đại Giác Thiền Sư, nối pháp của Mã tổ.

- Nhâm Thân: Đại Trung năm thứ sáu, Đế trùng tu chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, Giang châu. Thứ sử Thôi Ẩm soạn văn bia. Đế gia phong thụy của Tuệ Viễn Pháp Sư thêm hai chữ Biện Giác.

* ***Tông Quy Ngưỡng:*** Thiền sư Quy Sơn ở Đàm châu, húy Linh Hựu, họ Triệu, người Trường cốc, Phước châu. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, theo Luật sư Pháp Thường chùa Kiến thiện quận này thế phát thọ giới ở chùa Long Hưng, Hàng châu, nghiên cứu giáo pháp. Đại thừa, Tiểu thừa. Năm hai mươi ba tuổi, Sư vân du đến Gianh Tây, tham vấn Thiền sư Bá Trượng, tỏ ngộ tâm pháp. Có Tư mã Đầu-đà từ Hồ nam đến nói với Bá Trượng: "Quy Sơn là nơi ở của một ngàn năm trăm Thiện tri thức". Sư là người trong pháp hội, được Bá Trượng sai qua trụ trì. Sư đến Quy Sơn, dựng lập chùa viện. Lúc Vũ Tông hủy diệt Phật pháp. Sư trùm đầu trà trộn trong dân. Đại Trung năm đầu, quán sát sứ Bùi Hưu thỉnh Sư về ở lại. Liên súy Lý Cảnh Nhượng tâu xin, Đế sắc tứ nơi này là chùa Đồng Khánh. Pháp hội thiền rất thịnh, Tăng chúng quy tụ rất đông. Sư hoằng dương tông Thiền suốt hơn bốn mươi năm. Người tỏ ngộ đông không kể xiết. Đệ tử vào thất có bốn mươi mốt người. Đến lúc này, Đại Trung năm thứ bảy, mồng chín tháng giêng, Sư rửa mặt súc miệng, ngồi kiết già, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, tăng lạp sáu mươi bốn hạ. Môn nhân dựng tháp Sư ở núi này. Đế ban Sư thụy Đại Viên Thiền sư, tháp hiệu Thanh Tịnh. Tướng Quốc Trịnh Ngu soạn văn bia. Sư nối pháp của Bá Trượng, Bá Trượng nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thiền Sư Ngưỡng Sơn ở Viên châu, Gianh Tây:*** Sư họ Diệp, húy Tuệ Tịch, người Hoài Hóa, Thiều châu. Năm chín tuổi, Sư theo Thiền sư Thông chùa Hoài an, Quảng châu xuất gia, mười bốn tuổi thế phát nhưng chưa thọ giới cụ túc liền đi du phương. Đầu tiên, Sư đến yết kiến Đam Nguyên. Thị giả của Quốc sư Đam Trung là Ứng Chân vốn đã tỏ ngộ huyền chỉ. Đam Nguyên bảo: "Quốc Sư đương thời được truyền chín mươi bảy viên tướng (hình tròn), đó là vật do Tổ sư sáu đời để lại, Quốc Sư trao cho lão tăng và dặn: "Sau khi ta mất ba mươi năm, có ông Sa-di từ phương Nam đến, làm đại hưng giáo này. Ông phải tiếp tục trao truyền chớ để dứt mất. Nay ông đến quả là phù hợp, ông chớ để đoạn

mất”. Sư lãnh huyền chỉ. Sau Sư, tham vấn Quy Sơn, tỏ ngộ tâm yếu. Sư nằm mộng thấy mình vào Di-lặc nội viện ở Thiên Cung, ngồi ở tòa năm thứ hai. Có một Tôn giả đến bạch kiến thùy xướng: “Nay tòa năm thứ hai nói pháp!” Sư đứng dậy bạch thùy xướng: “Pháp Đại thừa lìa bốn câu, bặt trăm lỗi, lắng nghe! Lắng nghe!” Đại chúng đều giải tán.

Ngày nọ, có vị Tăng Ấn Độ từ hư không đáp xuống, Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?
- Tây Thiên.
- Đi từ lúc nào?
- Sáng sớm nay!
- Sao chậm thế?
- Vì con du sơn ngoạn thủy!
- Thần thông du hý đều là Xà-lê!

Tăng nói:

Định sang Đông độ lễ Văn-thù, không ngờ gặp Tiểu Thích-ca!

Nói xong vị Tăng trao cho Sư mấy mươi tờ kinh tiếng Phạm, lạy chào rồi bay lên không đi mất. Từ đó người ta gọi Sư là Tiểu Thích-ca.

Năm Bính Tý, Trinh Minh năm thứ hai, nhà Lương, Sư lại dời về Đông Bình, nói bài kệ:

*Đủ bảy mươi bảy tuổi*
*Vô thường chính hôm nay*
*Mặt trời vừa đúng ngọ*
*Hai tay bó gối ngồi.*

Nói xong, Sư đưa hai tay bó gối và quy tịch. Năm sau, đệ tử nối pháp là Thiền sư Nam Tháp Quang Dũng dời linh cốt về núi Quy ngưỡng, dựng tháp dưới ngọn Tập Vân. Đế ban Sư thụy Trí Thông Thiền sư, tháp hiệu Diệu Quang. Sư nối pháp Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu, đạo pháp rất thịnh, người người theo về, gọi đây là Tông Quy Ngưỡng. Ban đầu, Sư trụ ở núi Vương Mãng, Hy Tông năm Càn Phù năm thứ sáu, Thần núi thỉnh Sư rằng: “Đông nam có núi Đại Ngưỡng, vốn là phước địa”. Sư liền dời về.

- Giáp Tuất: Đại Trung năm thứ tám, núi Chung Nam mới có một vị Tăng dựng am tu định. Một hôm có một con khỉ lấy trộm y Tăng-già-lê của ngài quấn lên mình ngồi nhập định, thế là cả bầy khỉ cũng bắt chước ngồi như vậy. Có con qua đời, ngày nay còn tháp của năm con khỉ. Lúc này, Tuyên Tông ngự bút viết bài tán:

*Ôi! Khỉ vượn kia hay nhập định*
*Tâm vượn chẳng động mấy ngàn xuân*

*Hết vin cành hồng, ba đông quả*
*Hết giỡn đầm biếc, trôm trăng côi.*
*Hai mắt thôi không dõi núi biếc*
*Hai mi vẫn dõi trăm hoa khoe*
*Từ đây ngồi mất Chung Nam ấy*
*Ngộ được phù sinh có mấy người.*

* ***Thọ giới cấp điệp:*** Bính Tý, Đại Trung thứ mười, Đế sắc phong Pháp sư Biện Chương làm Tam giáo Thủ tòa, bắt đầu buộc Tăng ni thọ giới cấp điệp.

- Mậu Dần: Đại Trung năm thứ mười hai, mùa Đông tháng mười, tư không môn hạ thị lang, cùng Bình Chương sự lệnh là Cô Đào tiến cử Lý Viễn làm Hàng châu thứ sứ. Đế nói, ta nghe thơ của Viễn cả ngày chỉ tiêu được bốn khổ, thì làm sao trị người được!" Đào đáp: "Thi nhân nhờ đó làm cao hứng mà thôi, chưa hẳn đúng như vậy!" Đế nói: "Vậy hãy bảo ông ta đến để ta xem thử!"

* ***Ba đời đồng cư:*** Vạn Kính Nhụ người Lô Quảng, ba đời đồng cư là khu mộ táng người thân họ Lô. Nhụ cắt tay lấy máu chép kinh Phật, quận thú đổi tên làng ông đang ở là làng Thành Hiếu, xóm Quảng Hiếu. Đến lúc này, Đại Trung năm thứ mười hai, Hữu Ty tâu lên Đế, Đế biểu dương cả nhà ông.

* ***Tôn giả Đằng La:*** Tăng là Vô Dịch ở Thiền viện bản tịch, Thụy An, Ôn châu, nhân Vũ Tông sa thải Tăng ni trong năm Hội Xương mới ẩn trong hang đông bắc, lập am tu thiền suốt mười năm, dây leo quấn quanh thân ngài, nhưng ngài vẫn an nhiên chẳng động, vì thế người ta gọi ngài là Đằng La Tôn giả. Sau người ta lập nơi tế tự, đến nay vẫn còn cúng tế ngài.

- Kỷ Mão: Đại Trung năm thứ mười ba, tháng tám, Đế mất. Tuyên Tông là ông vua thông tuệ, trầm tĩnh, quyết đoán, dùng phép vô tư, người ta thi nhau đến can gián, ông mến tiếc và thưởng cho quan, bản thân rất cẩn thận, tiết kiệm, thương yêu muôn dân. Chính sách trong những năm Đại Trung bị chấm dứt khi nhà Đường diệt vong. Người ta nhớ ơn ông, thường ca tụng, tôn xưng ông là Tiểu Thái Tông.

* **Ý Tông:** Húy là Tồi, con trưởng của Tuyên Tông, ban đầu được phong Vận Vương, ở ngôi mười bốn năm, thọ ba mươi mốt tuổi. Niên hiệu Hàm Thông mười bốn năm.

- Canh Thìn: Hàm Thông năm đầu.

* ***Hòa thượng Phổ Hóa ở Trấn châu:*** Không ai biết quê quán ngài ở đâu, ngài thờ Bàn Sơn Mật thọ nhận Chân quyết, ngài thường cầm cái

chuông lắc, giả điên đi khắp phố chợ, hoặc ở nơi gò mả. Đến lúc này, Hàm Thông năm đầu, ngài cầm chuông lắc bay lên không ẩn mình thị tịch, chẳng ai lường nổi nguyên do. Ngài nối pháp Thiền sư Bàn Sơn Tích, Tích nối pháp Mã tổ.

- Nhâm Ngọ: Hàm Thông năm thứ ba, tháng hai, Thiền sư Hoàn Trung ở núi Đại Từ, Hàng châu quy tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Đế ban ngài thụy Tách Không Thiền sư. Ngài họ Lô, người Bồ Phản, nối pháp của bá trượng Hoài Hải. Mùa hạ, tháng tư, Đế lệnh cho bốn chùa ở Lưỡng nhai mỗi nơi lập giới đàn, thế phát độ tăng suốt mười bốn ngày.

* ***Thủy Sám:*** Đại Đức Khuông Tông. Họ Trần, húy Tri Huyền. Vào năm Hàm Thông năm thứ tư, ngài được Đế ban hiệu Ngộ Đạt Quốc sư, tổng quản hết việc giáo môn. Tháng năm thứ mười hai, Đế xa giá đến chùa An Quốc, ban cho ngài bảo tòa bằng trầm hương rất đẹp, cao hơn hai trượng, cực kỳ trang nghiêm. Hy Tông năm Trung Hòa năm thứ hai, Đế xa giá đến đất Thục tránh loạn Hoàng Sào đến Thành đô, sai ngự sử Quách Tuân đem thư có dấu ngọc tỷ triệu ngài đến hành dinh. Năm sau, từ hành dinh ở Thành đô, ngài cáo từ trở về núi Cửu Lũng. Trên đùi trái của ngài nổi lên một hạt châu, đau đớn vô cùng, đó là cái mụt mặt người. Ngài gặp được Dị tăng dẫn đến suối nước để rửa mụt, mới biết đó là oan trái của Triều Thố và Viên Áng. Bộ Thủy Sám ba quyển ngày nay duyên khởi phát xuất từ ngài. Ngài cũng biết trước giờ mất, nằm nghiêng bên phải an nhiên quy tịch. Ngài thông suốt tam học, nổi tiếng một thời. Người đời tôn xưng ngài là Bồ-tát.

* ***Thiền sư Đức Sơn ở Lãng châu:*** Sư họ Châu, húy Tuyên Giám, người Giản châu. Sư xuất gia từ nhỏ, đủ tuổi thì thọ Cụ túc, nghiên cứu Luật tạng ở chùa Tánh Không, thông đạt chỉ thú các kinh, thường giảng Kim Cang Bát-nhã. Người đương thời gọi Sư là Châu Kim Cang. Ngài không tin Thiền pháp của phương Nam và nói: “Người xuất gia, ngàn kiếp học oai nghi Phật, vạn kiếp học tế hạnh Phật còn chẳng thành Phật. Bọn ma ở phương nam dám cho rằng chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, ta sẽ đập phá hang ổ bọn này, diệt sạch giống loài này để báo ân Phật”. Thế rồi Sư gánh bộ Thanh Long Sớ Sao rời đất Thục thẳng đến Lễ Dương. Giữa đường, Sư gặp bà lão bán bánh điểm tâm, bà lão chỉ cái gánh của Sư và hỏi: “Đây là cái gì?”

Sư đáp: Thanh Long Sớ Sao!

- Thầy giảng kinh gì?
- Kinh Kim Cang.
- Tôi có một câu hỏi, nếu đáp được tôi sẽ cúng bánh cho Thượng

tọa, bằng đáp không được thì tôi không cho. Bà lão hỏi:

- Trong kinh ghi: "Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc", chẳng hay Thượng tọa điểm cái tâm nào!

Sư đáp không được đành phải nhịn đói ra đi. Đến chùa Long Đàm ở Lễ Dương, Sư lên thẳng pháp đường nói: "Từ lâu nghe tiếng, nay đến đây nhưng đầm thì chẳng thấy (Đàm), mà Rồng (Long) cũng chẳng hiện". Long Đàm không lộ mặt nói: "Ông đến Long Đàm rồi đó!" Sư đáp không được và xin nghỉ lại.

Đêm nọ, Sư đứng hầu, Đàm bảo: "Khuya rồi sao ông không xuống!" Sư liền đi ra, lại quay vào thưa: "Bên ngoài trời tối đen!" Đàm đốt đưa cho Sư bó giấy, Sư định lấy thì Đàm liền thổi tắt. Ngay đó, Sư đại ngộ, làm lễ. Đàm hỏi: "Ông thấy cái gì?"

Sư thưa: Từ đây về sau con không còn nghi lời nói của lão Hòa thượng trong thiên hạ.

Hôm sau, Sư mang hết Sớ sao mang theo đốt trước pháp đường. Lúc châm lửa Sư nói: "Cùng tột các huyền biện giống như bỏ một sợi lông trong hư không, rốt cùng các mấu chốt ở đời chẳng khác nhỏ một giọt nước vào hồ lớn". Sư từ biệt Long Đàm đến Quy Sơn, lại quay về trụ ở Lễ Dương suốt ba mươi năm. Khi Vũ Tông phế diệt Phật giáo, Sư ở ẩn trong hang đá trên núi Độc Phù. Tuyên Tông, Đại Trung năm đầu, Thứ sử Vũ Lăng Tiết Đình Vọng trùng tu lại tinh xá Đức Sơn lấy tên là Cổ Đức Thiền viện và thỉnh Sư trụ trì nhưng Sư không chịu xuống núi. Đình Vọng đành lập gian kế, lấy trà muối bỏ trong thất rồi vu cáo Sư phạm pháp và đưa Sư về châu quận, lễ kính cầu thỉnh. Về sau, Sư ở đây và xiển dương đạo pháp. Đến lúc này, Hàm Thông năm thứ sáu, ngày ba tháng mười hai, Sư nói với đại chúng: "Nắm hư không đuổi tiếng vang, lao nhọc tâm thần các ông, tỉnh mộng biết là chẳng phải, đâu còn việc gì nữa!" Nói xong, Sư ngồi yên mà tịch. Đế ban Sư thụy Kiến Tánh Thiền sư. Sư nối pháp của Long Đàm Sùng Tín. (Vũ Lăng là Lãng Châu của nhà Đường, nay là Thường Đức lộ, Kinh châu)

* ***Tông Lâm Tế:*** Thiền sư Lâm Tế ở Chân Định lộ, Trấn châu: Sư họ Hình, húy Nghĩa Huyền, quê ở Nam Hoa, Tào châu, xuất gia thế phát từ nhỏ. Đầu tiên, Sư đến Hoàng Bá, lúc ấy Mục Châu Trần Tôn Túc làm thủ tòa hỏi Sư:

- Thầy ở đây bao lâu rồi?

Sư đáp:

Ba năm!

Mục Châu chỉ Sư đến hỏi Hoàng Bá về đại ý Phật pháp. Hoàng Bá liền đánh. Ba lần hỏi, ba lần bị đánh. Sư bèn cáo từ Mục Châu nói:

“Hận mình chướng duyên, chẳng lãnh hội được diệu chỉ, nay từ giã ra đi!”

Châu nói:

Hãy từ biệt Hòa thượng rồi hẳn đi!

Mục Châu đến nói với Hoàng Bá:

“Thượng tọa ấy nếu có đến từ biệt Hòa thượng dùng phương tiện tiếp y, về sau ông ấy làm một gốc đại thọ tàn mát che khắp kẻ đi người ở trong thiên hạ!”

Sư từ biệt Hoàng Bá, Bá bảo:

“Hãy đến Cao An tham vấn Đại Ngu đi!”. Sư đến Cao An, Đại Ngu hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Sư đáp:

Chỗ Hoàng Bá đến.

- Hoàng Bá có dạy lời gì không?

- Con ba lần hỏi đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh, chẳng biết có lỗi hay không lỗi!

Đại Ngu nói:

Hoàng Bá đã lao tâm khổ tứ với ông đến thế ư!

Ngay đó Sư đại ngộ, nói

“Té ra Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều!” Đại Ngu liền nắm đứng hỏi:

- Con quỷ đái dưới sàng, vừa nói có lỗi không lỗi, nay lại nói Phật pháp không nhiều, ông thấy đạo lý gì, nói! Nói mau!

Sư liền thoi vào hông Đại Ngu ba thoi. Đại Ngu thả Sư ra, nói: Thầy ông là Hoàng Bá, không can hệ gì đến ta!

Sư quay về Hoàng Bá, Bá hỏi:

- Ông cứ đến đến đi đi, biết bao giờ mới tỏ ngộ.

Sư đáp:

Chỉ vì thầy đã lao tâm khổ tứ, nên đã xong việc rồi!

Sư đứng hầu, Hoàng Bá hỏi:

- Đại Ngu dạy những gì?

Sư thuật lại việc hôm trước, Hoàng Bá nói:

- Lão Đại Ngu này thật lắm lời! Đợi gã đến đây ta đánh cho một trận.

Sư thưa:

Cần gì đợi đến, ngay bây giờ đánh luôn!

Nói xong, Sư đến tát Hoàng Bá một cái. Bá nói:

- Gã điên cuồng này lại đến đây vuốt râu hùm!

Sư liền hét. Bá gọi:

Thị giả! Dẫn gã này vào nhà thiền đi!

Về sau, Sư trụ ở Lâm Tế, Trấn châu, người học đông vô kể. Sư nói: "Phàm xiển dương tông thừa, trong một câu phải có đủ ba huyền môn, một huyền môn phải đủ ba trọng yếu, có quyền có thật, có chiếu, có dụng. Các ông làm sao hiểu!" Sau Sư ở lại Đông đường chùa Hưng Hòa, Phủ Đại Danh. Đến lúc này, Hàm Thông năm thứ tám, mồng mười tháng tư, Sư nói bài kệ:

*Theo dòng chẳng cấm hỏi thế nào*
*Chân chiếu không ngằn nói giống ai*
*Lìa tướng lìa danh người chẳng nhận*
*Gươm bén dùng xong phải gấp mài.*

Sư ngồi thẳng quy tịch. Môn nhân dựng tháp an táng chân thân Sư ở tây bắc phủ này. Đế ban Sư thụy Tuệ Chiếu Thiền sư, tháp hiệu Trừng Linh. Sư nối pháp Hoàng Bá Hy Vận, Vận nối pháp Bá Trượng Hoài Hải. Thiền lâm tôn kính Sư, gọi đây là Tông Lâm Tế.

Mậu Tý: Hàm Thông năm thứ chín, Đế lệnh cho Khang Thừa Huấn đánh bọn Bàng Huân ở Từ châu. Thừa Huấn tâu xin cho Chu Da Xích Tâm thống lĩnh ba bộ lạc Sa Đà theo mình. Huấn đánh bại Huân ở Từ Châu, Huân chết. Đế thưởng công cho Chu Da Xích Tâm, đặt chức đại đồng quân ở Vân châu, cho Xích Tâm là Tiết độ sứ, ban cho họ Lý, tên Quốc Xương. Con Quốc Xương là Khắc Dụng, con Khắc Dụng là Tồn Úc, đó là Trang Tông của Hậu Đường. Hồi ấy, trong năm Trinh Quán, Thái Tông phá bọn Đột Quyết ở phương Tây, đặt mười ba châu, quận, đốc, phủ, nhưng chưa từng có phủ Sa Đà, chỉ có các bộ lạc như Xử Thân, Xử Mật nhưng chỉ là bộ lạc nhỏ. Chu Da là tên khác của bộ lạc Xử Thân. Đến thời Hiến Tông mới có Chu Da. Dòng họ này rất trung thành, đến khi Chấp Nghi xuất hiện ở Trung Quốc tự lấy hiệu Sa Đà, lấy Chu Da làm họ. (Sa Đà có nghĩa là bãi Sa mạc mênh mông). Từ Xử Thân đến nay, đời đời họ ở nơi Sa mạc này, nên lấy hiệu Sa Đà. Con cháu dòng Đột Quyết rất tận trung, được Đế ban cho họ Lý. Họ Lý lớn mạnh trở lại, và Di Địch liền lấy Sa Đà là dòng tôn quý.

* ***Tông Tào Động:*** Thiền sư Động Sơn ở Thụy châu, Gianh Tây. Sư họ Du, húy Lương Giới, người Cối Kê, Việt châu. Sư xuất gia từ nhỏ, theo thầy tụng kinh Bát-nhã, đến câu "Không mắt tai mũi lưỡi thân ý",

Sư lấy tay sờ mặt mình và hỏi thầy: "Con có mắt tai mũi lưỡi, sao lại bảo là không?" Thầy Sư thất kinh nói: "Ta không phải là thầy của ông!" Và chỉ sư đến lạy Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết thế phát. Năm hai mươi mốt tuổi, Sư đến Tung Sơn thọ Cụ túc, du phương. Đầu tiên, Sư yết kiến Nam Tuyền, kế đó tham vấn Quy Sơn. Quy Sơn chỉ Sư và nói: "Trong các thất đá nối dài ở huyện Du, Phong Lăng gần đây, có đạo nhân Vân Nham, nếu hay vạch cỏ xem gío, ắt được ông kính trọng.

Thế là Sư thẳng đến Vân Nham, hỏi:

- Vô tình thuyết pháp người nào được nghe?

Vân Nham đáp:

Vô tình được nghe!

- Hòa thượng nghe không?

- Nếu ta nghe, ông đâu thể nghe ta nói pháp.

- Tại sao con chẳng nghe?

Vân Nham dựng đứng phất tử hỏi:

Có nghe không?

Sư đáp:

Chẳng nghe!

- Ta nói pháp mà ông còn chẳng nghe được huống gì là vô tình nói pháp!

- Vô tình nói pháp gồm kinh điển nào?

- Ông đâu không thấy kinh Di-đà ghi: "Nước, chim, cây, rừng đều niệm Phật, niệm Pháp!

Ngay đây Sư tỉnh ngộ, liền làm bài kệ:

*Kỳ lạ thay! Kỳ lạ thay!*
*Vô tình nói pháp chẳng nghĩ bàn*
*Nếu lấy tai nghe trọn khó hiểu*
*Phải lấy mắt nghe mới biết, hay.*

Sư từ giã Vân Nham ra đi. Cuối năm Đại Trung, đời Tuyên Tông, tại núi Tân Phong, Sư tiếp nhận dạy dỗ học chúng, hoằng hóa mạnh ở Động Sơn, Cao An, Dự Chương, quyền mở năm vị, khéo tiếp ba căn, một âm mở ra, bao la muôn loại, rút ngang kiếm báu chặt hết rừng rậm tà kiến, khéo khai mở giáo pháp cắt đứt vạn mối, lại lãnh hội được ý chỉ thâm sâu của Tào Sơn, khéo diễn lý mầu, đạo hợp vua tôi, dung nhiếp thiên chánh. Bởi vậy tông phong của Động Thượng (từ ngài trở về trước) bủa khắp thiên hạ, nên các bậc tông tượng khắp nơi suy tôn đây là tông Tào Động. Đến lúc này, Hàm Thông thứ mười, tháng hai, Sư quy tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Đế ban cho

Sư thụy Ngộ Bản Thiền sư, tháp hiệu Tuệ Giác.

* ***Thiền sư Tào Sơn ở phủ Châu lộ, Gianh Tây:*** Sư họ Hoàng, húy Bản Tịch, người Bổ Điền, Tuyền Châu. Từ nhỏ Sư theo nghiệp Nho, mười chín tuổi xuất gia ở Linh Thạch, Phước Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư thọ Cụ túc, yết kiến Động Sơn. Động Sơn hỏi:

- Xà-lê tên gì?

Sư đáp:

Bản Tịch!

- Cái gì?

- Không phải tên Bản Tịch.

Động Sơn rất hứa khả, từ đó Sư vào thất. Sư hầu hạ Động Sơn vài năm rồi từ giã ra đi. Động Sơn liền ngầm trao tông chỉ của Động thượng. Sư đến thẳng Tào Khê lễ tháp Lục tổ rồi quay về Cát Thủy. Học chúng nghe danh, thỉnh Sư khai pháp. Sư mến mộ Lục tổ Tào Khê nên gọi núi mình ở là Tào sơn. Sau, gặp phải giặc loạn, Sư đến Nghi Hoàng. Tại đó có Tín sĩ Vương Nhược Nhất cúng Hà Vương quán thỉnh Sư trụ trì. Sư đổi Hà Vương thành Hà Ngọc. Từ đó pháp tịch rất thịnh, người học đổ về, tông Động Sơn đến đời Sư rất thịnh. Chiêu Tông, niên hiệu Thiên Phục năm đầu, ngày rằm tháng sáu, Sư nói với môn nhân: "Giờ Thìn ngày mai Tào Sơn đi hành cước!" Đúng ngày giờ đó, Sư đốt hương, ngồi ngay thẳng mà tịch, thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp ba mươi bảy hạ. Đồ chúng an táng chân thân Sư ở gò tây của núi này. Đế ban Sư thụy Nguyên Chứng Thiền sư, tháp hiệu Phước Viên. Sư nối pháp của Động Sơn Lương Giới, Giới nối pháp Vân Nham Đàm Thạnh, Thạnh nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm, Nghiễm nối pháp Thạch Đầu Hy Thiên, Thiên nối pháp Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục Tổ Đại Giám.

Canh Dần: Hàm Thông năm thứ mười một, tháng mười một, ngày sinh của Đế, Đế triệu Đại đức tăng của Lưỡng Nhai vào cung giảng đạo. Đế hài lòng, ban y tía cho Đàm Hiển v.v.. cả thảy mười người, ban cho Luật Sư Đạo Tuyên ở Chung Nam, Vĩnh Hưng hiệu là Trừng Chiếu Luật Sư.

* ***Tướng quốc Bùi Hưu:*** Ông mất năm Canh Dần, niên hiệu Hàm Thông thọ bảy mươi bốn tuổi. Ông lấy lễ đệ tử, lạy thờ Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận, tỏ ngộ tâm yếu. Ông húy là Hưu, tự Công Mỹ, người Gian Hỷ, Mạnh Châu, hà Đông. Thuở nhỏ, ông và anh em cùng ở ẩn, ngày giảng kinh đêm viết sách. Lúc có thịt nai, ông không ăn và nói: "Ăn rau còn chưa đủ, nay được một lần ăn thịt, ngày sau biết lấy đâu ăn

tiếp!" Đến khi đỗ tiến sĩ, nhiều lần được thăng chức. Ngày ông nhậm chức Thứ sử Hồng châu, ông vào chùa Long Hưng nhìn bức họa trên vách và than: "Nghi dung còn đây, Cao tăng ở đâu!" Chúng không ai đáp được. Ông nói: "Ở đây có Thiền tăng không?" Lúc ấy Thiền sư Hy Vận bỏ học chúng ở núi Hoàng Bá, Lãnh Nam đến tinh xá Đại An giấu mình, làm người chấp lao phục dịch, không ai hay biết. Khi ông hỏi, có người đáp: "Có một Thiền giả!" Ông cho mời đến, cũng hỏi như trước, Hy Vận lớn tiếng gọi: "Bùi Hưu!" Ông ứng thanh dạ. Vận hỏi: "Ở chỗ nào?" Ông hoát nhiên khế ngộ, liền thỉnh Hy Vận vào phủ, sớm tối hỏi đạo. Ông được chuyển đến trấn giữ Uyển Lăng, thỉnh Hy Vận cùng đi. Ông làm quan dưới thời Tuyên Tông.

* ***Thiền sư Vân Cư:*** Sư họ Vương, húy Đạo Ưng, người Ngọc Điền, U châu. Thuở nhỏ, Sư xuất gia ở chùa Diên Thọ, Trác châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư thọ đại giới. Thầy Sư bắt Sư học giới luật Thanh văn, không phải điều mình ưa, nên Sư bỏ không học mà du phương đến Thúy Vi. Nghe pháp tịch của Động Sơn hưng thịnh Sư đi đến và khế ngộ tông chỉ, dựng am trên núi Tam Phong, qua mười ngày chẳng xuống trai đường. Thiền sư Động Sơn dò xem thấy mỗi ngày có một Thiên thần đến cúng thức ăn. Động Sơn nói với Sư: "Không ngờ ông lại là người còn những thứ kiến giải này". Động Sơn lớn tiếng gọi: "Ưng am chủ!" Sư liền dạ. Sơn hỏi: "Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?" Sư tỉnh ngộ, trở về am nhập định, Thiên thần tìm mãi chẳng thấy, ba ngày sau thôi cúng thức ăn. Động Sơn khuyên Sư nên tùy nơi tiếp người, Sư liền đốt am này đến Hải Hôn, lên đồi ở Tây Bắc Lô Sơn, Âu Phụ, vốn là nơi cao ngất trong các núi. Sư dựng am ở, lấy hiệu là Vân Cư. Học chúng cũng tìm kiếm đến, ở dưới tán cây khắp trên núi, lâu ngày trở thành tòng lâm. Lúc này, Hàm Thông năm thứ mười ba, nơi đây trở thành pháp tịch, học chúng lên đến một ngàn năm trăm người. Sư xiển dương tông chỉ Động Sơn suốt ba mươi năm, tông phong lan khắp thiên hạ. Nam Xương Vương Chung Phó Sư rất tôn kính Sư. Ngày hai mươi tám tháng mười hai, niên hiệu Thiên Phục năm đầu, đời Chiêu Tông, Sư khai thị cho chúng phương tiện sau cùng nêu bày ngọn nguồn xuất thế. Mồng ba tháng giêng năm sau, Sư ngồi ngay thẳng quy tịch. Đế ban Sư thụy Hoằng Giác Thiền Sư, tháp hiệu Viên Tịch.

Đế ở trong cung mỗi tháng cúng dường cả vạn tăng, tự tay soạn bài tán tụng.

Quý Tỵ: Hàm Thông năm thứ mười bốn, tháng ba, Đế nghinh đón xá-lợi Phật từ chùa Pháp Môn ở Phụng Tường, mồng tám tháng tư, đoàn

người về đến Kinh đô, Đế ngự ở cửa lầu An Phước nghinh bái, dẫn vào đạo tràng trong cung cúng dường ba ngày, nghinh đến các chùa trong kinh thành. Tháng bảy Đế mất, Thái tử lên ngôi. Tháng tư năm sau, Đế hạ chiếu nghinh xá-lợi về lại Phụng Tường. Già trẻ trong Kinh đô đều khóc tiễn.

* **Hy Tông:** Tên là Hoàn, con năm thứ năm của Ý Tông, ban đầu được phong Tấn Vương. Y Tông bệnh, lập ông làm Hoàng Thái tử, ông ở ngôi mười lăm năm, thọ hai mươi bảy tuổi. Niên hiệu Càn Phù sáu năm, Quảng Minh một năm, Trung Hòa bốn năm, Quang Khải ba năm, Văn Đức một năm.

- Giáp Ngọ: Càn Phù năm đầu. Lúc này Vương Tiên Chi, người Bộc châu, Đông Xương lộ, bắt đầu quy tụ mấy ngàn người nổi lên ở Trường Viên. Năm Càn Phù năm thứ hai, Hoàng Sào cũng tụ tập hơn ngàn người hưởng ứng với Vương Tiên Chi. Thuở nhỏ, Sào và Tiên Chi vốn làm nghề buôn muối. Sào giỏi cỡi ngựa bắn cung, thích sách truyện kiếm khách giang hồ, nhiều lần thi tiến sĩ nhưng không đỗ, bèn làm đạo tặc, cùng Tiên Chi cướp phá châu huyện, hoành hành ở Sơn Đông. Dân khốn khó được thu nạp, trọng dụng nên họ đua nhau về với Sào, Chi. Chỉ trong mấy tháng, quân số này đã lên mấy vạn. Càn Phù năm thứ năm, chiêu thảo sứ Tăng Nguyên Dụ đại phá Tiên Chi ở Hoàng Mai, đuổi chém được Tiên Chi. Hoàng Sào cũng vừa đánh Hào châu, dư đảng của Tiên Chi là Thượng Nhượng dẫn tàn quân về với Sào, tôn Sào làm chủ, lấy hiệu Xung Thiên Đại Tướng Quân, lấy năm Vương Bá năm đầu, đặt các quan, vây hãm Phúc Kiến. Càn Phù năm thứ sáu, mùa Đông, Sào đến Tương Dương. Tháng mười một, Sơn Đông đạo Tiết độ sứ và Gianh Tây chiêu thảo sứ Tào Toàn Thánh hợp binh đóng tại Kinh Môn để chống trả. Sào thua to, chạy về bắc lên Giang Lăng. Quân bị bắt sống bị chém hết bảy, tám phần. Sào cùng Thượng Nhượng nhặt lấy tàn quân chạy qua Giang Đông. Uy thế của Sào lớn mạnh lại. Sào liên tục cướp phá các châu: Nhiêu, Tín, Trì Tuyên, Hấp, Hàng v.v.. cả thảy mười lăm châu, quân số lên đến hai mươi vạn. Tháng mười một, Quảng Minh năm đầu, Sào vây hãm Đông Đô. Tháng mười hai, Nhâm Ngọ, quân Sào đánh phá Đồng Quan. Quân ở Quan thượng tan vỡ. Trung quan Điền Lệnh Tư đưa Đế ra khỏi Kim Quang, chỉ có bốn vương là Phước, Mục, Đàm, Thọ và mấy phi tần đi theo, trăm quan chẳng ai hay biết. Sào vào Trường An, Đế đến Hưng Nguyên rồi vào đất Thục. Canh Dần, Sào giết Tông thất nhà Đường ở Trường An. Nhâm Thìn, Sào lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Tề, xưng Kim Thống năm đầu. Năm Trung Hòa

năm thứ hai, Đồng châu phòng ngự sứ Chu Ôn là tướng của Sào nhiều lần xin Sào cho viện binh để trấn giữ Hà Trung nhưng Sào không cho. Ôn thấy quân Sào ngày càng suy yếu, biết mình sắp chết. Thân tướng của ông là Hồ Chân, Tạ Đồng khuyên Ôn về nước. Tháng chín, Ôn giết Giám Quân của mình là Nghiêm Thật và đem châu ra hàng. Chư Đạo Hành Dinh Đô Thống Vương Đạc thừa lệnh Đế cho Ôn làm Đồng hoa Tiết độ sứ. Không bao lâu, lại ban Ôn tên Toàn Trung. Hà trung lưu hậu Vương Trọng Vinh, Hành dinh đô giám Dương Phục Quang, Đông diện tuyên úy Sứ Vương Huy, chư đạo hành dinh đô thống Vương Đạc cùng bàn kế đánh giặc. Phục Quang nói: “Lý bộc xạ ở Nhạn môn (chỉ Khắc Dụng) là người dũng mãnh lại có binh mạnh, triệu ông ấy đến thì giặc lo gì không phá được!” Lúc này Vương Đạc ở Hà Trung mới viết chiếu cho triệu Khắc Dụng. Tháng mười một, Khắc Dụng dẫn một vạn bảy ngàn quân Sa Đà đến thẳng Hà Trung. Tháng ba, năm Trung Hòa năm thứ ba, Khắc Dụng tiến quân đến Vị Kiều đánh nhau với Sào ở Vị Nam. Quân giặc thua to bỏ chạy. Tháng tư, Khắc Dụng từ Quang Thái Môn vào Kinh Sư. Quân Sào liệu đánh không thắng nên đốt cung thất rồi trốn đi. Lúc này Khắc Dụng mới hai mươi tám tuổi. Phá giặc Sào, khôi phục Trường An, công của Dụng đứng đầu. Đế hạ chiếu cho Khắc Dụng làm Hà Đông Tiết độ sứ. Mùa Xuân tháng hai, Trung Hòa năm thứ tư, Sào chạy đến vây Trần châu. Lý Khắc Dụng dẫn binh của các châu Biện, Từ, Cổn đến ứng cứu. Tháng năm, Sào dẫn quân lên đông bắc nhắm Biện Châu. Khắc Dụng đuổi quân Sào đến Trung Mâu đại phá quân giặc. Tướng của Sào là Thượng Nhượng dẫn quân ra hàng Khắc Dụng. Khắc Dụng đuổi đến Oan Cú (nơi Sào ở), lương hết đành quay về Biện Châu, dựng doanh ở ngoài thành. Chu Toàn Trung cố mời ông vào thành, cho ở tại trạm dịch Thượng Nguyên. Toàn Trung đặt tiệc rượu, Khắc Dụng mượn rượu nói năng hơi xấc xược, Toàn Trung bất bình, kéo quân vây trạm dịch đánh Khắc Dụng. Khắc Dụng leo lên thành mới thoát ra ngoài. Tháng sáu, tướng ở Vũ Ninh là Lý Sư Duyệt đuổi đánh Sào đến Hà Khâu. Sào thua, quân sĩ đều chạy hết đến hang Lang Hổ. Cháu ngoại của Sào là Lâm Ngôn chém đầu của Sào, anh em vợ con hắn đem ra hàng. Quân Sào khởi binh năm Càn Phù năm thứ hai, đến tháng bảy Trung Hòa năm thứ tư bị diệt vong.

* ***Mục Châu Trần Tôn Túc:*** Sư là con cháu họ Trần, húy Đạo Minh, người Giang Nam, từ nhỏ xuất gia tại chùa Khai Nguyên, trì giới tinh nghiêm, học thông Tam tạng. Sư du phương, đến Hoàng Bá, khế ngộ yếu chỉ, được làm Thủ tòa. Đại chúng thỉnh Sư trụ ở viện Quán Âm,

chúng đến hơn trăm người. Sư ở đây mấy mươi năm, khắp nơi mến mộ quy tụ, đều gọi Sư là Tôn Túc. Sau, Sư về Khai Nguyên ở tăng phòng, bện giày cỏ Bồ bán nuôi mẹ, nên có người gọi Sư là Trần Bồ Hài. Thiên sứ đến hỏi Sư:

- Ba cửa đều mở, theo cửa nào vào?

Sư gọi:

Thượng thư!

Sứ ứng thanh dạ. Sư nói:

Từ cửa tín mà vào.

Sư đang xem kinh, Thượng thư Trần Tháo đến hỏi:

- Hòa thượng xem kinh gì vậy?

- Kinh Kim Cang.

- Sáu triều phiên dịch, đây là bản thứ mấy?

Sư đưa cuốn kinh lên nói:

"Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng!"

Đến lúc này, Càn Phù năm thứ tư, Sư nói với môn nhân: "Ở đây duyên hết, ta phải đi!" Nói rồi, Sư kiết già thị tịch. Người trong quận lấy củi thơm hỏa táng, xá-lợi như mưa, họ thâu linh cốt, đúc tượng Sư trong chùa. Sư thọ chín mươi tám tuổi, tăng lạp bảy mươi sáu hạ. Sư nối pháp của Hoàng Bá Hy Vận, Vận nối pháp của Bá Trượng Hoài Hải.

- Kỷ Hợi: Càn Phù năm thứ sáu, Canh Tý: Quảng Minh năm đầu. Tân Sửu Trung Hòa năm đầu.

* ***Thiền sư Nguyên An, núi Lạc Bồ, Lễ Dương:*** Sư quê ở Lân Du, Phụng Tường, xuất gia từ nhỏ, thọ Cụ túc giới trì Luật nghiêm mật, thông tỏ Kinh Luận. Năm này, Sư tham vấn Lâm Tế Nghĩa Huyền và được làm thị giả. Sau, Sư qua Giáp Sơn dựng am ở. Tháng tám, Chiêu Tông, Quang Hóa năm đầu, Sư dặn môn nhân: "Phép tắc xuất gia, chẳng giữ vật lớn, huống những thứ khác, khẩn thiết trong niệm, thời gian qua mau, đạo lớn sâu mầu, nếu chểnh mảng lơ là thì dựa vào đâu mà ngộ thể!" Đến mồng một tháng mười hai, Sư ngồi yên thị tịch. Sư nối pháp của Giáp Sơn Thiện Hội.

* ***Thiền sư Giáp Sơn ở Lễ châu:*** Sư họ Liêu, húy Thiện Hội, người Quảng châu, từ nhỏ xuất gia, đủ tuổi thì thọ giới, nghe học Kinh Luận, thông tỏ Tam học, xuất chúng đến ở Hạc Lâm, Nhuận Châu. Nhờ Đạo Ngô chỉ bảo, Sư đến tham vấn Thiền sư Thuyền Tử Đức Thành ở Hoa Đình và khế ngộ tâm yếu, kính nhận di mệnh, quên đời quên duyên. Trong năm Hàm Thông đời Ý Tông, Sư trụ ở Phong châu, người học theo về, chọn Giáp Sơn làm đạo tràng, nơi đây thành chùa viện. Đến

lúc này, Trung Hòa năm đầu, mồng bảy tháng mười một, Sư quy tịch. Môn nhân an táng Sư ở núi này. Đế ban Sư thụy Truyền Minh Đại Sư. Sư nối pháp của Thuyền Tử Đức Thành.

- Nhâm Dần: Trung Hòa năm thứ hai, Chung Phó chiếm Gianh Tây.

- Quý Mão: Trung Hòa năm thứ ba, Lý Khắc Dụng thu lại Kinh sư. Thác Bạt Tư Cung đem binh đến cứu quốc nạn, đó là loạn Hoàng Sào. Triều đình cho Tư Cung nắm quyền Hạ Tuy Tiết độ sứ, ban cho họ Lý.

- Giáp Thìn: Trung Hòa năm thứ tư, Hoàng Sào đã diệt vong. Mùa thu tháng bảy, Lý Khắc Dụng đến Tấn Dương, sai sứ vào kinh dâng biểu, nói Chu Toàn Trung ganh công, ghét người tài, về sau là mối họa của đất nước. Khắc Dụng dâng tám điều, xin được giết Toàn Trung. Đế bảo: “Việc loạn vừa xong, hãy giữ việc lớn!” Đế hạ chiếu khen thưởng Khắc Dụng để giải hòa. Lúc này, Chiết Đông xảy ra bệnh dịch, nạn đói. Thiền sư Ấu Chương ở Phổ Hiền sám viện thuộc Minh châu đã đi nhặt và chôn cất đến mấy ngàn thi thể của người chết do đói khát, bệnh dịch của ba quận Thai, Ôn, Minh. Người đương thời gọi Sư là Tăng Bi Bồ-tát.

- Ất Tỵ: Quang Khải năm đầu, tháng hai, Đế về đến Kinh Sư, đổi niên hiệu. Trung Quan Điền Lệnh Tư càng chuyên quyền. Hà Trung Tiết độ sứ Vương Trọng Vinh nhiều lần dâng biểu vạch tội ác của Tư. Trọng Vinh báo với Lý Khắc Dụng dẫn binh vào bắt. Tháng mười hai, Khắc Dụng đem binh vây kinh thành, đang đêm Điền Lệnh Tư đưa Đế ra cửa Khai Viễn chạy đến Phụng Tường. Tháng giêng mùa xuân năm Quang Khải năm thứ hai, Điền Lệnh Tư xin Đế xa giá đến Hưng Nguyên, Đế không đi. Đêm ấy, Lệnh Tư dẫn quân vào cướp Đế đưa đến Bảo Kê. Tể tướng triều thần chẳng hay biết. Khi đến Bảo Kê, để Dương Thàch giữ Tán Quan rồi mới đưa Đế vào. Vừa vào Tán Quan, Bân Ninh Tiết độ sứ Chu Mai đã vây Bảo Kê rồi. Tương Vương Ôn là huyền tôn của Túc Tông quá gấp theo Đế nên không kịp để tin lại các trạm dịch dọc đường, đã bị Chu Mai lấy hết rồi đưa luôn về Phụng Tường. Tháng ba, Mai đưa Tương Vương đến Hưng Nguyên, ép các quan phải phụng Tương Vương Ôn lên nắm hết việc quân việc nước. Trăm quan ở Trường An, Thái tử Thái phó Bùi Cừ v.v..khuyến tán Tương Vương Ôn nắm việc rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Trinh, xa tôn Đế làm Thái Thượng Nguyên Hoàng Đế. Quán Quân Dung Sứ Dương Phục Cung truyền hịch đến Quan Trung, rằng ai chém đầu Chu Mai sẽ thưởng chức Tĩnh Nan Tiết độ sứ. Tướng của Mai là Vương (Hành Du

bắt Mai chém, Tương Vương chạy đến Hà Trung, Vương Trọng Vinh...) Trọng Vinh giả đi nghinh mới bắt Ôn đem giết. Đế hạ chiếu cho Hành Du làm Tĩnh Nan Quân Tiết độ sứ.

* ***Thiền sư Linh Vân:*** Húy Chí Cần, người Trường khê, Phước Châu. Sư nối pháp Trường Khánh An, An nối pháp Bá Trượng. Sư ở Quy Sơn, nhân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo, sau về lại Phước Châu, ngụ ở Linh Vân.

- Năm này, Tiền Lưu (Ngô Việt Vương) có công đánh Đổng Xương, được giữ chức Hàng châu Thứ sử.

* ***Thiền sư Nham Đầu ở Ngạc châu:*** Sư họ Kha, húy Toàn Khoát, người Tuyền Châu, từ nhỏ lạy Thanh Nguyên Nghị Công thế phát, thọ giới tại chùa Bảo Thọ, Trường An, học Kinh Luận của các bộ, nhàn hạ trong vườn Thiền. Sau, Sư tham vấn Đức Sơn, khế ngộ huyền chỉ, trụ ở Nham Đầu. Gặp lúc Vũ Tông phế diệt Phật giáo, Sư sống ẩn bên hồ làm người chèo đò. Sau đó, Sư dựng am ở núi Ngoạ Long, Động Đình, người học đổ về. Lúc này, Quang Khải năm thứ ba, mồng tám tháng Sư quy tịch. Môn nhân trà-tỳ thâu bốn mươi chín hạt xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Đế ban Sư thụy Thanh Nham Thiền Sư, Sư nối pháp của Đức Sơn Tuyên Giám, Giám nối pháp Long Đàm Sùng Tín.

* ***Thiền sư Thạch Sương ở Đàm châu:*** Sư họ Trần, húy Khánh Chư, người Tân Phủ, Kiết Châu, Gianh Tây, theo Thiền sư Thiệu Loan ở Tây Sơn, Hồng Tỉnh thế phát, đến Lạc Hạ học giới luật, đến Quy Sơn giữ chức tri khố. Một hôm, Quy Sơn nhặt một hạt thóc, nói với Sư: “Chớ coi thường hạt này, trăm ngàn hạt khác từ hạt này sinh”. Sư thưa: “Trăm ngàn hạt khác từ hạt này sinh, chưa rõ hạt này từ đâu sinh!” Quy Sơn cười ha hả rồi quay về phương trượng. Đến tối, Quy Sơn thượng đường nói: “Trong hạt thóc có trùng, các ông xem kỹ”. Sau, Sư tham Đạo Ngô Trí Thiền Sư, ngầm khế tâm yếu. Nhân tránh loạn, Sư trà trộn trong dân, sống ở phường đồ gốm ở Lưu Dương, Trường Sa, chẳng ai hay biết. Nhân có vị Tăng nhắc chuyện ngày giải hạ Động Sơn thượng đường nói: “Cuối hạ đầu thu, huynh đệ đi đông đi tây, phải chỗ muôn dặm không tấc cỏ mà đi”. Sư đáp: “Ra khỏi cửa đã là cỏ rồi!” Động Sơn nghe được nói: “Đó là lời bậc Thiện tri thức của một ngàn năm trăm người!” Từ đó tiếng tăm Sư lan khắp. Đế nghe đạo hạnh của Sư, khen và ban cho y tía. Sư chối từ không nhận. Đến lúc này, Quang Khải năm thứ ba, Sư quy tịch, môn nhân an táng ở Tây bắc viện. Đế ban Sư thụy Phổ Hội Đại Sư. Sư nối pháp Đạo Ngô Tông Trí, Trí nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm, Nghiễm nối pháp Thạch Đầu Hy Thiên, Thiên nối pháp

Thanh Nguyên Hành Tư.

- Mậu Thân: Văn Đức năm đầu, tháng hai, Đế từ Phụng Tường về kinh, tháng ba, nhuốm bệnh, Nhâm Dần bệnh nặng. Hoàng đệ Cát Vương Bảo lớn và tài giỏi, quần thần rất hy vọng. Thập quân quán quân dung sứ Dương Phục Cung xin lập em ông là Thọ Vương Kiệt làm Hoàng thái đệ. Quý Mão, Đế mất, di chiếu cho Thái đệ Kiệt, đổi tên là Mẫn lên ngôi Hoàng Đế. Vương Kiến chiếm Tây Xuyên.

* **Chiêu Tông:** Con năm thứ bảy của Ý Tông, ban đầu được phong Thọ Vương. Ông tên Kiệt, lại đổi tên Mẫn. Long Kỹ năm đầu đổi tên là Hoa, ở ngôi mười sáu năm, thọ ba mươi tám tuổi. Niên hiệu Long Kỹ một năm, Đại Thuận hai năm, Cảnh Phước hai năm, Càn Ninh bốn năm, Quang Hóa ba năm, Thiên Phục bốn năm.

- Kỷ Dậu: Long Kỷ năm đầu, tháng mười một, Đế đổi tên Hoa. Đế sắp đi tế tự ở Viên Khâu, Trung úy khu mật đều mặc áo tế theo hầu giống như trước đây. Trong đời Hy Tông, đã chế đủ đai, hốt. Đến lúc này, Đế sai Hữu Ty chế pháp phục. Khổng Vỹ và các gián quan đều bàn không nên. Đế đến ngự lễ và nói: "Điều các khanh bàn là việc xác đáng thì phải làm theo, chớ chấp tiểu tiết mà ngăn ngại đến đại thể". Từ đó hoạn quan bắt đầu đeo kiếm đứng hầu tế tự.

- Canh Tuất: Đại Thuận năm đầu. Tân Hợi: Đại Thuận năm thứ hai, Dương Hành Mật chiếm Dương châu.

* ***Thiền sư Thiên Khoảnh ở Hàng châu:*** Sư họ Trương, húy Sở Nam, người Phước châu, đắc yếu chỉ từ Hoàng Bá. Đầu tiên Sư đến chùa Báo Ẩn Cô Tô tinh tu Thiền định hơn hai mươi năm, chưa từng đặt chân vào xóm. Sau, Sư trụ ở Từ Vân, núi Chi Hình, Tiền Đường. Tuy ứng duyên không mỏi mệt, nhưng thường trụ trong định khi cả tháng, lúc cả tuần. Hy Tông, trong năm Quang Khải, Thứ sử Tiền Lưu thỉnh Sư xuống núi cúng dường. Hy Tông nghe đạo hạnh Sư liền ban cho y tía. Hy Tông, Văn Đức năm đầu, tháng năm Sư quy tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, tháp ở phía Tây viện. Sư soạn Phá Tà Luận lưu hành ở đời. Sư nối pháp Hoàng Bá Hy Vận. Lúc này, Đại Thuận năm thứ hai, Tôn Nho ở Tuyên châu cướp phá Tiền Đường đến mở tháp nhìn Sư, thấy toàn thân Sư không hoại; tóc, móng, dài thêm, liền bái tạ sửa tháp rồi đi.

- Nhâm Tý: Cảnh Phước năm đầu, tháng tám, cho Dương Hành Mật làm Hoài Nam Tiết độ sứ. Lịch Tuyên Minh sai sót, Thái tử Thiếu Chiêm Sự Biên Cang soạn xong lịch mới. Tháng mười hai, Đế sai ông đặt tên là lịch Cảnh Phước Cảnh Huyền.

- Quý Sửu: Cảnh Phước năm thứ hai, cho Du châu Thứ sử Liễu Tỳ

làm Lự châu Thứ sử. Họ Liễu từ Công Xước đến nay, đời đời sống trong hiếu để, lễ phép nên được sĩ đại phu kính ngưỡng. Tỳ làm ngự sử đại phu, Đế muốn cho ông làm Thừa Tướng, bọn hoạn quan ghét ông nên gièm pha ông ngoài triều. Tỳ từng dạy con, em mình rằng: "Phàm đất và cửa cao là chỗ đáng sợ chứ không phải đáng tựa. Lập thân vinh hiển, nếu một việc lỗi lầm thì đắc tội nặng với người khác, chết đi không còn mặt mũi nào nhìn tiền nhân nơi chín suối. Đó mới là điều đáng sợ. Cửa cao thì kiêu mạn dễ sinh, tộc thịnh thì bị người ghen ghét. Việc làm tốt, tài năng thật người ta khó tin, nhưng có lỗi lầm nhỏ thì họ vạch ra liền. Đó là lý do không thể tựa. Thế nên những con em đã vinh hiển, học phải cần mẫn thêm, hành phải siêng năng nữa, chỉ được so lỗi với người khác".

- Vương Triêu chiếm Phước châu xưng Lưu Hậu. Vương Dung cát cứ Trấn Định, xưng Triệu Vương. Lưu Nhân Cung lúc này đang làm U Châu Lô Long Tiết độ sứ đã xưng Yên Vương.

- Giáp Dần: Càn Ninh năm đầu, Sa-môn Quán Hưu vào đất Thục, làm thơ dâng Thục Vương rằng: "Một bình một bát già sắp đến, muôn sông muôn núi một mình đi". Thục Vương tiếp đãi ngài rất trân trọng, còn cho quan tước, bổng lộc. Thiền Nguyệt Đại Sư là hiệu mà Thục Vương ban cho ngài. Đến Hậu Đường Trang Tông năm Đồng Quang năm thứ ba, ngài quy tịch.

+ Cao Tăng Tề Tỵ người đất Thục, từ nhỏ theo Quy Sơn Linh Hựu xuất gia, lúc này Thiền sư Tuệ Tịch trụ ở Viện Quán Âm, Dự Chương, Tỵ tổng quản mọi việc. Ngài có bài "Cháo rau" rằng: "Cháo là thuốc hay, Phật thường khen ngợi, nghĩa vượt ba đàn, công hơn mười lợi, ai cầu anh triết, liền toại tâm nguyện, đủ đầy thanh thản, trọn bồi tịnh nghiệp". Về sau, Sư thị tịch ở Kim Cổ, Tây Sơn, tháp hiện vẫn còn. Long Bàn chính là Thư đường của ngài.

- Ất Mão: Càn Ninh năm thứ hai. Năm sau, Mã Ân chiếm Hồ Nam, Hàng châu. Tiền Liêu trấn luôn Chiết Tây, Chiết Đông. Lý Mậu Trinh xua quân vào Kinh sư, Đế chạy đến Hoa châu. Mậu Trinh vào Trường An đốt trụi cung thất, phố xá.

- Bính Thìn: Càn Ninh năm thứ ba, tháng giêng, Thiền sư Cửu Phong Huyền dạy chúng: "Chớ để thời gian qua vô ích, chớ để tiêu của tín thí vô ích, đã là người xuất gia đạt đạo mới xứng là Đại trượng phu". Nói xong, Sư lặng lẽ nhập định, đến ngày hai mươi tháng ba, Sư quy tịch.

- Đinh Tỵ: Càn Ninh năm thứ tư, Mân Súy Vương Triêu chết, em

là Thẩm Tri lên thay, cát cứ đất này.

* ***Thiền sư Triệu Châu:*** Sư họ Hác, húy Tùng Thẩm, quê ở làng Hác, Tào Châu. Từ nhỏ, Sư theo thầy ở viện Hỗ Thông trong châu này thế phát. Chưa thọ giới, Sư đã đến Trì Dương tham vấn Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện. Tuyền rất hứa khả. Một hôm Sư hỏi:

- Thế nào là đạo?

Tuyền đáp:

Tâm bình thường là đạo.

- Có thể nhắm tới không?

- Vừa nhắm tới đã trái.

- Không nhắm tới làm sao biết được là đạo?

- Đạo không thuộc biết hay chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu quả thật đạt được cái đạo không nghi thì giống như hư không rỗng rang, mênh mông, lẽ đâu gượng lập đúng sai chăng!

Ngay đây, Sư ngộ lý, liền qua giới đàn Lưu Ly ở Tung Nhạc thọ giới, rồi về lại Nam Tuyền. Qua một thời gian, đại chúng thỉnh Sư trụ ở viện Quán Âm, Triệu châu, đạo pháp hưng thịnh một thời. Sư có làm bài ca mười hai thời, kệ tụng, cơ duyên, ngữ lục đều lưu hành ở đời. Có vị Tăng mới đến, Sư hỏi:

- Từng đến đây chưa?

- Chưa từng đến.

Sư bảo: Uống trà đi!

Lại hỏi vị Tăng khác:

Từng đến đây chưa?

Tăng đáp:

Từng đến rồi!

Sư bảo:

Uống trà đi!

Viện chủ thấy vậy hỏi:

Vì sao người từng đến thầy cũng bảo uống trà đi, người chưa từng đến thầy cũng bảo uống trà?

Sư gọi:

Viện chủ!

Viện chủ ứng thanh dạ, Sư bảo:

Uống trà đi!

Lúc này, Chân Định súy Vương Dung xưng Triệu Vương, Lô Vương Tiết độ sứ Lưu Nhân Cung xưng Yên Vương, hai Vương đều rất kính lễ Sư. Đến lúc này, Càn Ninh năm thứ tư, mồng hai tháng mười

một, Sư nằm nghiêng bên phải, an nhiên quy tịch, thọ một trăm hai mươi tuổi. Đế ban Sư thụy Chân Tế Đại Sư. Sư nối pháp Nam Tuyền Phổ Nguyện. Phổ Nguyện nối pháp của Mã Tổ.

- Mậu Ngọ: Quang Hóa năm đầu, đế xá tội Lý Mậu Trinh. Tháng tám, Đế xa giá từ Hoa châu về Kinh sư.

- Kỷ Mùi: Quang Hóa năm thứ hai, Thiền sư Huyền Vỹ ở Hoa Nhạc biên tập cơ duyên Thiền Tông của các Thiền sư từ Đức Tông năm Trinh Quán đến nay, lấy tên là Thánh Trụ tập.

* ***Thiền sư Vô Trước ở Hàng châu:*** Sư họ Chu, húy Văn Hỷ, người Gia Hưng. Năm bảy tuổi, Sư theo ngài Quốc Thanh chùa Thường Lạc trong ấp này xuất gia, thế phát, học luật nghe giảng. Khi Vũ Tông hủy diệt Phật giáo, Sư mặc đồ thường dân mai danh ẩn tích. Trong năm đầu đời Tuyên Tông, Sư tu lại ở chùa Tề Phong, Diêm Quan. Sư đến Ngũ Đài lễ Văn-thù, giữa đường gặp ông lão dắt trâu đi, ông mời Sư vào chùa. Ông thả trâu rồi dẫn Sư vào nhà. Ông ngồi xếp bằng trên đơn, chỉ một cái đôn thêu bảo Sư ngồi. Ông già hỏi:

- Thầy từ đâu đến?

Sư đáp:

Phương Nam!

- Phương Nam Phật pháp thế nào?

- Thời mạt pháp Tỳ-kheo ít giữ giới luật.

- Bao nhiêu chúng?

- Hoặc ba trăm, hoặc năm trăm.

Sư hỏi lại:

Ở đây Phật pháp thế nào?

Ông già đáp:

Rồng rắn lẫn lộn, phàm thánh ở chung.

- Bao nhiêu chúng?

- Trước ba ba, sau ba ba.

Ông già gọi Đồng tử Quân Đề dâng trà, rồi dâng tô lạc. Ông cầm cái chén lưu ly lên và hỏi:

- Phương Nam có cái này không?

Sư đáp:

Không.

- Hằng ngày uống trà bằng cái gì?

Sư không đáp, xin cáo từ. Ông già sai Đồng tử tiễn Sư. Sư hỏi Đồng tử:

- Trước ba ba, sau ba ba là bao nhiêu?

Đồng tử gọi “Đại đức!” Sư ứng thanh dạ. Đồng tử hỏi: “Là bao nhiêu?”

Sư hỏi:

Đây là nơi nào?

Đồng tử đáp:

Đây là chùa Bát-nhã trong hang Kim Cang. Sư vỡ lẽ ông già kia chính là Văn-thù. Sư cúi lạy đồng tử xin một lời chia tay. Đồng tử nói bài kệ:

*Mặt không sân là vật cúng dường*
*Miệng không sân nhả các diệu hương*
*Tâm không sân là kho báu lớn*
*Không dơ không nhiễm thể chân thường.*

Nói xong, Quân Đề và chùa ẩn mất. Ý Tông năm Hàm Thông năm thứ ba, Sư đến viện Quán Âm ở Hồng châu tham vấn Thiền sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch, đốn ngộ tâm pháp. Sau, Sư về Chiết Tây trụ ở chùa Long Tuyền. Tiền Vương Phụng ban cho Sư y tía và hiệu Vô Trước Thiền sư. Đến lúc này, Quang Hóa năm thứ ba, mồng ba tháng mười, Sư nói với chúng “Tâm ba cõi dứt chính là Niết-bàn”. Nói xong Sư kiết già quy tịch, thọ tám mươi tuổi, môn nhân dựng tháp ở đồi Tây chùa Linh Ẩn Thứu Phong. Ai Đế năm Thiên Hựu năm thứ hai, bọn giặc phản mở tháp Sư thấy nhục thân không hoại, tóc móng dài thêm. Tiền Vương Mậu hay tin liền sai tỳ tướng Thiệu Chí trùng tu lại tháp. Tống Hiến Tông năm Gia Định năm thứ mười ba, môn nhân dời nhục thân Sư về an táng bên trái tháp Thiền sư Trí Giác Diên Thọ trên núi Tịnh Từ. Sư nối pháp Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch. Tịch nối pháp Quy Sơn Linh Hựu.

- Canh Thân: Quang Hóa năm thứ mười ba, đầu năm, Thôi Dận và hoàng thượng ngầm bàn mưu giết hoạn quan. Bọn khu mật sứ Tống Đạo Bật, Cảnh Vụ Tu đều phải tự sát, hoạn quan càng khiếp sợ. Bọn trung úy Lưu Quý Thuật, Vương Trọng Tiên, khu mật sứ Vương Ngạn Phạm, Tiết Tề Ốc ngầm bàn mưu phế lập. Đế đi săn trong vườn đến tối quay về. Quý Thuật dìu Đế và Hoàng hậu cùng lên xe, phi tần theo hầu chỉ hơn mười người. Vừa đến viện Thiếu Dương, Thuật khóa chặt cửa, sửa chiếu cho Thái tử Dụ nắm việc quân nước rồi lên ngôi Hoàng Đế, cho Đế làm thái Thượng hoàng. Quý Thuật sai con nuôi là Hy Độ đến Chu Toàn Trung hứa sẽ giao xã tắc nhà Đường cho ông. Thiên Bình Tiết độ sứ Lý Chấn khuyên Toàn Trung nên giết Quý Thuật. Toàn Trung bắt giam Hy Độ, sai Chấn về Kinh Sư. Thôi Dận ngầm sai người báo cho Thần Sách chỉ húy sứ Tôn Đức Chiêu giết bọn Quý Thuật. Lúc này là

tháng mười hai.

- Tân Dậu: Thiên Phục năm đầu, mồng một tháng giêng, Vương Trọng Ni vào triều, Tôn Đức Chiêu liền bắt đem chém. Thôi Dận đón Đế ngự ở cửa lầu Trường Lạc, dẫn bá quan đến chúc mừng. Châu Thừa Hối bắt Lưu Quý Thuật, Vương Ngạn Phạm cũng vừa đem tới, bọn họ mới trách mình bị Dận đưa vào chỗ chết. Tiết Tề Ốc nhảy xuống giếng tự sát cũng bị lôi lên chém, diệt dòng họ của bốn người này. Lúc này Chu Toàn Trung, Lý Mậu Trinh ai nấy đều có ý ép Thiên Tử, sai chư hầu. Toàn Trung muốn Đế đến Lạc Dương, Mậu Trinh muốn Đế đến Phụng Tường. Chu Toàn Trung đến Hà Trung dâng biểu xin xa giá đi Đông Đô. Tháng mười một, trung úy Hàn Toàn Hối ép Đế đến Phụng Tường bèn đốt hết cung thất.

- Nhâm Tuất: Thiên Phục năm thứ hai, tháng mười một, Chu Toàn Trung đem quân đánh Phụng Tường. Tiền Liêu được phong tước Việt Vương.

- Quý Hợi: Thiên Phục năm thứ ba, mùa Xuân tháng giêng, Lý Mậu Trinh xin Đế giết bọn Hàn Toàn Hối để giảng hòa với Chu Toàn Trung, sai sứ gói đầu bọn Toàn Hối đưa cho Toàn Trung xem. Giáp Tý, Đế xa giá đến Phụng Tường, ghé dinh của Toàn Trung. Năm Kỷ Tỵ, Đế vào Trường An.

- Giáp Tý: Thiên Hựu năm đầu, mùa Xuân tháng giêng, Chu Toàn Trung xin Đế dời đô về Lạc Dương. Nhâm Dần, Đế đến Trường An, Giáp Tý đến Hoa Châu. Chu Toàn Trung nhiều lần dâng tấu chương thúc Đế, nên Đế đến Lạc Dương (Cải nguyên Thiên Hựu, Chu Toàn Trung sai Lý trấn đến Lạc Dương) cùng bọn Tưởng Huyền Huy vào tháng tám giết Đế, lập Huy Vương làm hoàng Thái tử, cho lên ngôi trước linh cửu, lúc này Huy Vương mới mười ba tuổi, đó là Ai Đế. Tiền Liêu được gia phong tước Ngô Vương.

* **Ai Đế:** Tên là Chúc, con năm thứ chín của Chiêu Tông, ở ngôi bốn năm, nhường ngôi cho Lương. Lương phong Đế làm Tế Âm Vương dời về Tào châu. Năm Mậu Thìn chuốc độc giết Tế Âm Vương ở Tào Châu, truy thụy là Đường Ai Hoàng Đế, hiệu Cảnh Tông. Có một thuyết khác cho rằng, Chu Toàn Trung giết Chiêu Tông lập Ai Đế. Được bốn năm, Trung sai Lưu Bá chuốc thuốc độc Ai Đế, táng ở Ôn Lăng, lập Thiếu Đế Bộc Vương Tuân, còn có tên là Kế, vốn con của Chiêu Tông lấy niên hiệu Thiên Thọ. Chu Toàn Trung lại chuốc độc giết Thiếu Đế, bàn nhau nhường ngôi cho nhà Lương vào năm Thiên Hựu năm thứ tư. Bản Kỷ không chép việc trong một năm của Bộc Vương. Niên hiệu

Thiên Hựu bốn năm.

- Ất Sửu: Thiên Hựu năm thứ hai, Hoài Nam Dương Hành Mật chết, con là Ác lên kế vị.

- Bính Dần: Thiên Hựu năm thứ ba, Nam Bình Chung Phó chết, con là Khuông Thời kế vị, về sau bị Tần cướp ngôi, kinh Nam tiết độ Cao Quý Xương chiếm Kinh Nam. Mân Vương gặp hai Thiền sư Tuyết Phong và Huyền Sa mới hỏi:

- Lấy gì làm đạo? Tu hạnh gì để thấy tánh thành Phật?

Tuyết Phong đáp:

Trước phải sám hối tẩy trừ nghiệp chướng nhờ đó mà thấy tâm rõ tánh. Tất cả biển nghiệp chướng đều do vọng tưởng sinh. Nếu muốn sám hối, phải ngồi ngay thẳng niệm Thật tướng. Mong Đại Vương biết cách nhận thật tướng, tự nhiên thành Phật."

- Đinh Mão: Thiên Hựu năm thứ tư, tháng ba, Đế nhường ngôi cho Lương Vương. Lương nhận ngôi, đổi niên hiệu Khai Bình năm đầu.

Nhà Đường gồm hai mươi mốt chủ, trị vì tổng cộng hai trăm tám mươi tám năm, nhường ngôi cho nhà Lương.

* Ngũ Đại:

* Lương: Nhận ngôi nhà Đường, đóng đô ở Biện Châu, năm Khai Bình năm thứ hai, dời đô về Lạc Dương. Các Vương đóng đô ở Đại Lương, gồm Thái Tông, Mạt Đế, hai chủ trị vì mười sáu năm rồi nhường ngôi cho Hậu Đường.

* **Thái tổ:** Họ Chu, vốn tên là Ôn, người Tống Châu. Thời Đường Hy Tông, ông từng theo Hoàng Sào làm loạn, Sào đặt ông chức Đồng Châu Phòng Ngự Sứ. Ôn phản Sào về Đường, Thiên Tử ban cho tên Toàn Trung, bái phong chức Tuyên Vũ Quân Tiết độ sứ. Chiêu Tông năm Quang Hóa năm thứ ba, ông được tấn phong Lương Vương. Ai Đế, năm Thiên Hựu năm thứ tư, tháng ba, ông nhận ngôi nhà Đường, đổi tên là Quang, đội mũ miện lên ngôi Hoàng Đế, đổi quốc hiệu là Lương, ở ngôi sáu năm, thọ sáu mươi mốt tuổi, đổi Biện Châu thành phủ Khai Phong, gọi đây là Đông Đô, còn Đông Đô trước đây đổi thành Tây đô. Lúc này chỉ còn Hà Đông, Phụng Tường, Hoài Nam xưng niên hiệu Thiên Hựu. Tây Thục xưng Thiên Phục, sau cũng tự lập, đổi niên hiệu Vũ Thành. Những nơi còn lại đều nhận Chánh Sóc nhà Lương, xưng thần triều cống. Niên hiệu Khai Bình bốn năm, Càn Hóa hai năm.

- Đinh Mão: Khai Bình năm đầu, tháng tư đổi niên hiệu, phong Hà Nam Doãn Kiêm Hà Nam Tiết độ sứ Trương Toàn Mỹ làm Ngụy Vương; Trấn Hải Trấn Đông Tiết độ sứ Ngô Vương Tiền Liêu làm Ngô

Việt Vương, gia phong Thanh Hải Tiết độ sứ Lưu Ẩn, Uy Vũ Tiết độ sứ Vương Thẩm Tri kiêm chức Thị trung, vẫn để Lưu Ẩn làm đại bình vương, cho Quyền Tri Kinh Nam Lưu Hậu Cao Quý Xương làm Tiết độ sứ.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu Vương: Vương Dung* | *Yên Vương: Lưu Nhân Cung* | *Tấn Vương: Lý Khắc Dụng* | *Kỳ Vương: Lý Mậu Trinh* | *Ngô Việt Vương: Tiền Liêu* | *Sở: Mã Ân* |
| *KinhNam: Cao Quý Xương* | *Hoài Nam Ngô Dương Ác* | *Mân Vương: Vương Thẩm Tri* | *Thục lên ngôi Hoàng Đế, Vương Kiến* | *NamBình: Lưu Ẩn* | |

* Vương Dung cai quản Chân Định Trấn châu xưng Triệu Vương. Lưu Nhân Cung làm U châu Lô Năng Tiết độ sứ xưng Yên Vương. Tấn Vương Lý Khắc Dụng xưng niên hiệu Thiên Hựu. Khắc Dụng vốn người Sa Đà (xem ở Đường Ý Tông, Hàm Thông năm thứ 9).

* ***Kỳ Vương ở Phụng Tường:*** Họ Tống, tên Văn Thông, được đổi thành Lý Mậu Trinh, người Bác Dã, Thâm Châu, vốn là binh lính ở Bác Dã. Khi Hoàng Sào xua quân vào Kinh Sư, Mậu Trinh có công được bổ làm Hỗ Tất đô đầu. Hy Tông ban cho họ Lý, tên Mậu Trinh, bái phong làm Phụng Tường lũng hữu Tiết độ sứ. Thời Chiêu Tông, ông được phong Kỳ Vương vào năm Thiên Hựu năm thứ tư.

* ***Ngô Việt Vương Tiền Liêu:*** Tự là Cụ Mỹ, người Lâm An, Hàng châu. Thời Đường Hy Tông, ông làm tỳ tướng cho Đổng Xương, đánh lui được quân Hoàng Sào, Xương cho ông làm đô chỉ huy. Đổng Xương về sau cũng phản. Chiêu Tông cho ông làm Chiết Đông Chiêu thảo sứ bình được đám loạn của Xương, được tấn phong thiên hạ binh mã đô nguyên soái, sau phong Vương. Đến lúc này, Lương Khai Bình năm đầu, ông được phong Ngô Việt Vương. Hậu Đường Trang Tông ban cho ngọc sách, kim ấn. Liêu ở Hàng châu hai mươi mốt năm, thọ tám mươi mốt tuổi.

* ***Sở Vương:*** Mã Ân, tự Bá Đồ, người Yên Lăng, Hứa Châu. Đường Chiêu Tông trong năm Càn Ninh, ông được bái phong Vũ an quân Tiết độ sứ trấn giữ Đàm châu, cai quản hết vùng Hồ Nam. Lương

Thái Tổ, Khai Bình năm thứ hai, ông ở Hồ Nam cho dân tự hái trà bán cho khách phương Bắc, thâu thuế để củng cố quân đội. Tháng 7, Ân tâu: “Biện Kinh, Tương, Đường, Dĩnh, Phục Châu, nên đặt chức hồi đồ lo việc vận chuyển trà đến Hà Nam, Hà Bắc bán đổi tơ lụa, mua thêm chiến mã”. Đế ưng chuẩn. Từ đó Hồ Nam giàu có. Lương phong ông làm Sở Vương.

+ Kinh nam Tiết độ sứ Cao Quý Xương: tự Lộ Tôn người Thiểm Châu. Đầu đời Lương, ông trấn giữ hơn mười châu, làm Kinh Nam Tiết độ sứ, sau các nơi xâm chiếm, Quý Xương chỉ còn một thành ở Giang Lăng mà thôi. Đến thời Hậu Đường Trang Tông ông được phong Nam BìnhVương.

+ Hoài Nam: Dương Ác xưng Thiên Hựu năm thứ tư. Cha Ác là Hành Mật, tự Hóa Nguyên, người Hợp Phì, Lô Châu, gia cảnh rất nghèo, nhờ có sức mạnh nhấc cả ngàn cân, ngày đi ba trăm dặm, người giỏi nhất châu này, có công phá Hoàng Sào nên tháng tám Đại Đường Chiêu Tông, Cảnh Phước năm đầu ông được làm Hoài Nam Tiết độ sứ, Hoài Nam Vương rồi tấn phong Sở Vương. Đường Ai Đế, Thiên Hựu năm thứ hai, Hành Mật chết, thọ năm mươi bốn tuổi. Ông chiếm Lô Châu suốt mười hai năm, con là Ác lên kế vị. Lương Thái Tổ phong ông làm Ngô Vương.

* ***Mân Vương:*** Vương Thẩm Tri, tự Tín Thông, người Cố Thủy, Quang Châu. Thời Đường Hy Tông, Hoàng Sào làm loạn, nhân đó ông có vùng đất năm châu ở Mân Lĩnh. Lương, Khai Bình năm đầu, Đế phong ông làm Uy vũ Tiết độ sứ kiêm chức thị trung. Từ Đường Chiêu Tông, Thẩm Tri đã được thụ phong Mân Vương rồi. Đến đời con ông là Diên Quân, vào Hậu Đường Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ tư, Quân đổi tên là Lân và lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Long Khải, lấy Quốc hiệu Đại Mân.

* ***Thục Vương:*** Vương Kiến, tự Quang Đồ, người Vũ Dương, Hứa châu. Đầu đời Đường Hy Tông, Trần Khâm Tuyên tiết chế, Tây Xuyên trung úy Nhật cho Tư làm giám quân, muốn cho Kiến làm chỉ huy, Khâm Tuyên nghi ngờ cấm cản. Kiến nổi giận đem quân đánh thành đô giết bọn Khâm Tuyên. Chiêu Tông cho ông giữ chức Tây Xuyên Tiết độ sứ. Lương nhận ngôi nhà Đường, Khai Bình năm đầu, tháng chín, Vương Kiến lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Thục, năm sau đổi niên hiệu Vũ Thành.

* ***Nam Bình:*** Lưu Ẩn người Thượng Sái, nay là Nhữ Ninh, Cổ Sái Châu. Ông nội Ẩn là An Nhân dời về sống ở Mân Trung, buôn bán

ở Nam Hải và lập nghiệp ở đây. Cha Ẩn là Khiêm làm nha tướng ở Quảng châu, có công phá giặc Hoàng Sào nên được làm Phong Châu Thứ sử. Khiêm chết, người trong châu tiến cử Ẩn lên thay. Ông nhiều lần lập công hiển hách. Đường Chiêu Tông phong ông làm Nam Hải Vương, Ai Đế, Thiên Hựu năm thứ hai, ông được tấn phong An nam đô hộ Thanh Hải Tiết độ sứ, năm sau được phong Nam Bình Vương. Nhà Lương gia phong ông làm thị trung văn, phong tước Nam Hải Vương, sau cho Ẩn làm Đại Bành Vương. Càn Hóa năm đầu, ông mất, thọ ba mươi tám tuổi. Em là Nghiễm lên kế vị, chiếm hết phía Bắc Lĩnh Biểu. Nghiễm đổi tên là Nghiễm (bộ Long). Lương, Mạt Đế, Trinh Minh năm thứ ba, ông lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu là Hán, niên hiệu là Càn Hanh. Ông ở ngôi hai mươi lăm năm, thọ năm mươi bốn tuổi.

- Mậu Thìn: Khai Bình năm thứ ba, tháng giêng, Tấn Vương Lý Khắc Dụng mất, con là Tồn Úc lên ngôi vào tháng mười một. Lương dời đô về Lạc Dương chuốc độc giết Tế Âm Vương ở Tào châu, truy thụy là Đường Ai Hoàng Đế.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu Vương: Vương Dung* | *Yên: Lưu Nhân Cung* | *Tấn: Tồn Úc, Thiên Hựu năm thứ 5* | *Kỳ Vương: Lý Mậu Trinh* | *Ngô Việt: Tiền Liêu* | *Sở: Mã Ân* |
| *KinhNam: Cao Quý Xương* | *Hoài Nam Ngộ: Dương Ác* | *Mân: Vương Thẩm Tri* | *Thục Vương Kiến, Vũ Thành năm đầu* | *Nam Bình Lưu Ẩn* | |

* ***Thiền sư Tuyết Phong ở Phước châu:*** Sư họ Tăng, húy Nghĩa Tồn, người Nam An, Tuyền Châu. Năm mười hai tuổi, Sư theo Luật Sư Khánh Huyền chùa Ngọc Nhàn, Bồ Điền xuất gia, mười bảy tuổi thế phát, thọ giới tại chùa Bảo sát ở U châu. Sư tham vấn khắp pháp hội Thiền, ba lần lên Đầu Tử, chín lần đến Động Sơn. Sau, cơ duyên khế ngộ với Đức Sơn. Đường Ý Tông trong năm Hàm Thông, Sư về đất Mân lập viện Tuyết Phong, học chúng đổ về. Hy Tông ban Sư hiệu Chân Giác Thiền sư và y tía. Pháp tịch của Sư thường đến một ngàn năm trăm người. Đến lúc này, Khai Bình năm thứ hai, tháng ba, Sư có chút bệnh, Mân Soái cho thầy thuốc đến chữa, Sư nói: "Ta chẳng có bệnh". Viết

kệ phó pháp xong, mồng hai tháng năm, Sư đi thăm ruộng đến chiều tối mới về, tắm rửa và nửa đêm quy tịch, thọ tám mươi bảy tuổi. Sư nối pháp Đức Sơn Tuyên Giám, Giám nối pháp Long Đàm Sùng Tín.

* ***Thiền sư Huyền Sa Tông Nhất ở Phước châu:*** Sư họ Tạ, húy Sư Bị, người Mân Châu. Thuở nhỏ, Sư hay chèo thuyền nhỏ trên sông Nam Đài đùa với những người đánh cá. Năm ba mươi tuổi, Sư bỗng phát tâm xuất gia, theo Thiền sư Phù Dung Huấn thế phát, đến thọ giới ở chùa Khai Nguyên, Dự Chương, mặc áo vải mang giày cỏ, hít khí trời, cả ngày tĩnh tọa. Tuyết Phong thấy Sư khổ hạnh như vậy, gọi Sư là Đầu-đà. Một hôm Tuyết Phong gọi Sư đến và nói: "Sao ông không đi tham vấn các nơi!" Sư đáp: "Đạt-ma chẳng đến Đông độ, Nhị tổ chẳng qua Tây Thiên". Phong hứa khả. Sau khi an trụ, Sư xiển dương Tông phong, xa gần kính ngưỡng. Mân chủ đãi Sư rất hậu, học chúng hơn tám trăm người. Đời Lương Thái Tổ, Khai Bình năm thứ hai, tháng mười một, Sư quy tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Mân chủ dựng tháp cho Sư. Sư nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn.

- Kỷ Tỵ: Khai Bình năm thứ ba, tháng mười, Thục châu Thứ sử Vương Tông Biện cáo bệnh không vào triều, Thục chủ nghi ông kiêu căng công lao, oán hận, Thục chủ gia phong thêm ông chức Kiểm Hiệu Thái Bảo nhưng ông không nhận. Ông nói với người khác "Người liêm khiết biết đủ không phải lo, người nghèo thì lo mà chẳng đủ. Ta là kẻ tiểu nhân, được chức vị thế này là đủ lắm rồi, há cứ cầu tiến mãi ư!" Thục Chủ khen chí của ông.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Yên* | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 6* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 6* | *Ngô Việt* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô Hoài Nam* | *Mân* | *Thục Vương Kiến, Uy Thành năm thứ 2* | *Nam Bình* | |

Canh Ngọ: Khai Bình năm thứ tư.

* Tục Bảo Lâm Truyện: Nam Nhạc Duy Kính Đầu-đà gom tập cơ duyên của Tông Sư từ Đường Chiêu Tông năm Quang Hóa đến nay

thành Tục Bảo Lâm Truyện bốn quyển.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Yên* | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 7* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 7* | *Ngô Việt* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 7* | *Mân* | *Thục: Uy Thành năm thứ 2* | *Nam Bình* | |

- Tân Mùi: Càn Hóa năm đầu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu: Vương Dung* | *Yên lên ngôi Đế, Ứng Thiên năm đầu* | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 8* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 8* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô* | *Mân* | *Thục Vương Kiến, Uy Thành năm thứ 2* | *Nam Bình: Lưu Nghiễm* | |

Tháng ba, Tĩnh Hải Tiết độ sứ Nam Bình Tương Vương Lưu Ẩn mất, em ông là Nghiễm tập phong, sau đổi tên Cung lại đổi tên Nghiễm (bộ Long). Tháng tám con của Yên Vương Lưu Nhân Cung là Lưu Thủy Quang lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Yên, lấy niên hiệu Ứng Thiên.

- Nhâm Thân: Ứng Thiên năm thứ hai, tháng hai, Thiền sư Như Nột ở núi Đạo Tràng, Hồ châu dựng am ở núi này, cỡi cọp du hành. Sư người Hồ châu, nối pháp của Thúy Vi Vô Học. Học nối pháp Đan Hà Thiên Nhiên, Nhiên nối pháp Thạch Đầu Hy Thiên.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Yên: Ứng Thiên năm thứ 2* | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 9* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 9* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô* | *Mân* | *Thục: Vĩnh Bình năm thứ 2* | *Nam Bình* | |

Tháng hai, Đế bệnh càng nặng, giết người bừa bãi, lại bàn xuất chinh, các quan tùy tùng đều khiếp sợ. Con trưởng của Đế là Lâm Vương Hữu Dụ mất sớm, con nuôi là Bắc Vương Hữu Văn là người Đế rất yêu mến. Trình Vương Hữu Khuê lòng không phục, Đế cho Hữu Khuê ra làm Lai châu Thứ sử. Hữu Khuê lén vào quân của Tả Long Hổ, gặp thống quân Hàn Kình kể hết sự tình. Kình đem năm trăm tinh binh đi theo Hữu Khuê, dẫn càn bọn hạc sĩ vào núp trong cấm cung. Nửa đêm hôm đó, họ phá cửa xông đến tẩm điện. Bộc phu của Hữu Khuê là Phùng Đình Ngạc giết Đế, giấu không phát tang, sửa chiếu rằng: "Trẫm bệnh nặng nên để hữu khuê nắm quyền chánh". Khuê phát tang, lên ngôi Hoàng Đế. Càn Hóa năm thứ ba, tháng giêng, đổi niên hiệu Phụng Lịch. Lúc này Quân Vương Hữu Trinh đang ở Đại Lương đem quân đánh Hữu Khuê. Hữu Khuê lượng sức không thắng nổi, mới lệnh cho Phùng Đình Ngạc trước giết vợ mình là Trương thị, sau đó giết mình, Ngạc cũng tự đâm cổ chết. Quân vương lên ngôi Hoàng Đế, ở Đại Lương, xưng niên hiệu Càn Hóa năm thứ ba.

* **Quân Vương:** Con năm thứ ba của Thái Tổ, ban đầu tên là Hữu Trinh được phong Quân Vương, trấn giữ Đại Lương (tức Biện Châu). Tháng giêng năm Càn Hóa năm thứ ba, ông giết kẻ đại nghịch Hữu Khuê rồi lên ngôi Hoàng Đế, ở Đại Lương rồi đóng đô ở đây, truy phế Hữu Khuê xuống làm thứ dân. Tháng ba, Đế đổi tên là Hoàng, thời gian sau lại đổi tên Chấn, ở ngôi mười một năm, thọ ba mươi sáu tuổi, thụy là Mạt Đế. Niên hiệu Càn Hóa thêm hai năm, Trinh Minh sáu năm, Long Đức ba năm.

- Quý Dậu: Càn Hóa năm thứ ba.

* ***Đạo tràng Kim Quang Minh:*** Thiền sư Ấu Chương ở Thụy Ứng, Hàng châu xin Ngô Việt Vương mỗi năm lập đạo tràng Kim Quang Minh ở núi Thiên Thai. Các quận vào ngày rằm, mồng một, đều nhóm họp lại, hết tháng thì bãi hội. Đại hội Quang Minh khởi nguyên từ ngài.

- Giáp Tuất: Cán Hòa năm thứ tư, tháng giêng, Tấn Chủ đã diệt

nước Yên, lấy dải lụa trói Lưu Nhân Cung và Lưu Thủ Quang, ca khúc khải hoàn vào Tấn Dương, dâng họ ở Thái miếu rồi chém đầu Thủ Quang, gông cùm Nhân Cung đưa về Đại châu tế trước mộ Tiên vương rồi chém Cung.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Yên: Ứng Thiên năm thứ 3* | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 10* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 10* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 10* | *Mân Vương* | *Thục: Vĩnh Bình năm thứ 3* | *Nam Bình* | |
| *Triệu* | *Yên bị Tấn tiêu diệt* | *Tấn: Thiên Hựu năm thứ 11* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 11* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 11* | *Mân Vương* | *Thục: Vĩnh Bình năm thứ 4* | *Nam Bình* | |

* ***Thiền sư Đầu Tử Sơn ở Thư châu:*** Sư họ Lưu, húy Đại Đồng, người Hoài Ninh, châu này. Từ nhỏ Sư theo Thiền sư Mãn chùa Bảo Đường ở Lạc Hạ xuất gia. Ban đầu Sư tập An Ban Quán (Sổ tức quán). Kế đó, nhân xem Hoa Nghiêm phát minh tâm địa, yết kiến Thiền sư Thúy Vi Vô Học, đốn ngộ tông chỉ. Từ đó Sư vãn du khắp nơi, sau về lại làng cũ ở ẩn trên núi Đầu Tử, kết am tranh ở. Đến lúc này, Càn Hóa năm thứ tư, mồng sáu tháng tư, Sư quy tịch. Đế ban Sư thụy Từ Tế Đại Sư. Sư nối pháp Thiền sư Thúy Vi Vô Học.

- Ất Hợi: Trinh Minh năm đầu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 12* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 12* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 12* | *Mân* | *Thục: Vĩnh Bình năm thứ 5* | *Nam Bình* | |
| *Triệu* | | *Tấn: Thiên Hựu năm thứ 13* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 13* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 13* | *Mân Vương* | *Thục: Thông Chánh năm đầu* | *Nam Bình* | |

- Bính Tý: Trinh Minh năm thứ hai, Khiết Đan Thái Tổ A Bảo Cơ, Thần Sách năm đầu.

* ***Khiết Đan:*** Là hậu duệ của một giống bộ lạc còn sống sót ở núi Tiên ty, Cao Tông đánh Quỷ Phương chính là đánh bộ tộc này. Từ Lương Mạt Đế, Trinh Minh năm thứ hai, Thái tổ A Bảo Cơ xưng đế, lập quốc, lấy niên hiệu, nối truyền chín chủ, trị vì tổng cộng hai trăm mươi lăm năm, thật ra chỉ trị vì hai trăm lẻ chín năm. Thái tổ Hoàng đế húy Ức Phiên, tên A Bảo Cơ, là con út của Quản Lý. Cha Quản Lý làm chức Di Ly Cân, giống như Thứ sử của Trung Quốc. Trước đây bộ lạc Khiết Đan chia thành tám bộ lạc, mỗi bộ lạc có đại nhân nối nhau, suy tôn một người làm Vương trong thời hạn nào đó, họ dựng cờ lập trống để hiệu lệnh các bộ tộc. Cứ mỗi ba năm thì theo năm thứ tự thay Vương. Đến A Bảo Cơ làm Vương, bộ tộc lớn mạnh, ông cậy thế mạnh cương quyết không chịu thay ngôi. Năm họ Hề và bảy họ Thất Vi đều khâm phục theo ông. Ông đánh Hoàng Đầu Thất Vi lại bị bảy bộ cướp mất ở Cảnh Thượng, xin giao ước như trước. A Bảo Cơ nói: “Ta làm vương chín

năm, được người Hán nhiều lần xin quân, gây bộ lạc ở Cổ Hán thành, ta cùng người Hán giữ nơi đó lập riêng một bộ". Bảy bộ đồng ý. Cổ Hán thành chính là huyện Hoạt Diêm của Thát Bạt Ngụy. Đất ấy thích hợp ngũ cốc, có lợi về ao muối. Về sau, A Bảo Cơ đánh diệt bảy bộ thống nhất thành một nước. Ông lại đánh Thất Vi Nữ Chân phía Bắc, chiếm đất cũ của Đột Quyết phía tây, đánh diệt họ Hề, lại lập Hề Vương, sai Khiết Đan làm giám sát quân binh. Các tộc Di ở phía Đông, bắc đều khiếp sợ, thần phục ông. Hồi ấy, cuối năm Hàm Thông đời Đường Ý Tông có Tập Nhĩ làm Vương, đất đai thành quách bắt đầu rộng lớn. Sau đó, Khâm Đức làm Vương. Nhân lúc Trung Nguyên có nhiều biến cố, ai nấy lúc bấy giờ cũng xâm lấn biên cương, Yên Đế Lưu Thủ Quang trong những năm cuối càng khốn đốn mới sai tham quân Hàn Diên Huy cầu viện với Khiết Đan. Khiết Đan nổi giận vì Huy không bái lạy, mới giữ Huy lại một thời gian. Huy làm đúng lễ, Khiết Đan mới tin dùng. Diên Huy bắt đầu dạy Khiết Đan lập tinh binh, mở phủ, xây thành quách, lập thôn làng để tiếp người Hán, khiến người người gieo giống, khai phá ruộng hoang. Từ đó, Khiết Đan giàu có, đất đai rộng lớn. Đến lúc này, Trinh Minh năm thứ hai, A Bảo Cơ mới tự xưng Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Khiết Đan, lấy niên hiệu Thần Sách. Người trong nước gọi ông là Thiên Hoàng Vương, họ Da Luật, lấy vợ họ Thuật Luật làm Hoàng hậu, đặt ra bá quan, ông trị quốc mười một năm, mất ở Phu Dư Thành, thụy là Thái Tổ.

* ***Bố Đại Hòa Thượng:*** Ngài húy là Khế Thử, thị hiện dấu tích ở huyện Phụng Hóa, Minh châu, thường lấy gậy quảy một túi vải, kéo theo chiếc chiếu rách. Phàm vật dụng tùy thân, ngài đều cất hết trong túi vải. Ngài vào chợ, thấy gì cũng xin, có khi là rượu thịt, cá mắm, trước khi ăn thường bớt phần nhỏ bỏ trong túi vải. Người đương thời gọi ngài là Trường Đinh Tử. Đến lúc này, Trinh Minh năm thứ hai, mồng ba tháng ba, ngài ngồi dưới hiên chùa Nhạc lâm nói bài kệ:

*Di-lặc thật Di-lặc*
*Phân trăm ngàn ức thân*
*Thường thường dạy người đời*
*Người đời chẳng hay biết.*

Nói kệ xong, ngài an nhiên quy tịch. Về sau, ở châu khác, người ta cũng gặp ngài quảy túi vải đi. Từ đó người người vẽ hình ngài thờ cúng.

- Đinh Sửu: Trinh Minh năm thứ ba: Khiết Đan năm Thần Sách năm thứ hai, Nam Bình Lưu Nghiễm lên ngôi Hoàng Đế ở Phiên Ngung,

lấy quốc hiệu Đại Việt, đổi niên hiệu Càn Hanh. Mùa đông tháng mười một năm sau, ông tế Giao tế thiên, đổi quốc hiệu là Hán.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 14* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 14* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 14* | *Mân* | *Thục đế: Thiên Hán năm đầu* | *Hán lên ngôi Đế, Càn Hanh năm đầu* | |

Mậu Dần: Trinh Minh năm thứ tư, Khiết Đan A Bảo Cơ, Thần Sách năm thứ ba.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 15* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 15* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 15* | *Mân* | *Thục đế: Quang Thái năm đầu* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 2* | |

Thái tử Diễn của Thục Đế lên ngôi. Tháng ba Ngô Việt Vương Tiền Liêu bắt đầu lập phủ Nguyên soái đặt quan trực thuộc. Hoài Nam Ngô cho Từ Tri Cáo làm Hoài Nam tiết độ hành quân phó sứ. Tri Cáo thờ Ngô Chủ rất hiếu kính, Cáo cho Tống Tề Khâu làm mưu chủ.

* ***Thiền sư Long Hồ ở Thiệu Vũ:*** Sư húy Phổ Văn, là con năm thứ hai của Đường Hy Tông. Từ nhỏ, Sư đã không ăn mặn, lớn lên không có ý kinh bang tế thế. Hy Tông rất yêu mến Sư. Hy Tông, Trung Hòa năm đầu, Hoàng Sào nổi loạn, Đế đến đất Thục, thân vương tông thất đều bỏ trốn hoặc chết, Sư thế phát vân du, đến yết kiến Thiền sư Thạch

Sương Khánh Chư và hỏi:

- Thế nào là giáo ngoại biệt truyền?

Chư đáp:

Đợi khi nào ông đè núi còn một chấm, ta nói ông nghe.

Nhân đó Sư tỉnh ngộ, ở lại đây mấy năm rồi xin lên núi. Khánh Chư dặn: "Gặp Càn thì dừng, gặp Trần thì ở". Sư từ biệt Khánh Chư, ngang qua Thiệu Vũ đến Đại Càn. Từ xa nhìn thấy đỉnh núi âm u, xanh tốt, Sư hỏi các bậc phụ lão:

- Trên kia có ai ở không?

Phụ lão đáp:

Có một người là Trần Tự ở ẩn trong đó lâu rồi.

Sư đến, Tự liền chia chỗ cho Sư ở. Sư dựng am tranh ngay miệng hang, Trần liền phá đi, nền am vẫn còn. Bảo Thừa Thiền viện chính là nền am của Sư. Hy Tông, Văn Đức năm đầu, tháng ba, Sư ném tích trượng vào núi, dựng đạo tràng ngay nơi tích trượng cắm xuống. Tăng tục quy hướng liền thành chùa lớn. Một hôm có ông già đến trước mặt Sư nói:

"Tôi là rồng, nhà ngay núi này, do làm mưa không đúng chức phận nên sắp bị trời phạt, mong Sư hãy che chở".

Sư bảo:

Ông có thể thay hình rồi đến đây.

Lát sau có một con rắn nhỏ bò đến chỗ Sư ngồi, Sư lùa nó vào trong Tịnh bình.

Chẳng bao lâu, gió mưa hãi hùng, núi non chấn động. Sau khi gió tan mưa tạnh, con rắn bò ra khỏi bình. Ông già lúc nãy đến tạ ơn nói: "Chẳng nhờ pháp lực của thầy thì tôi đã tan thây ở đây rồi. Xem ra đạo tràng của thầy thiếu nước, tôi sẽ báo ân đức cho thầy!"

Ông già liền xoi đất thành hang, suối tuôn ào ào và thành cái hồ, nằm lưng chừng núi ngày nay vốn là Long Hồ này. Đến lúc này, Trinh Minh năm thứ tư, một hôm, Sư nhóm chúng Tăng lại và nói: "Ta sắp đi nơi khác". Sư giao phó công việc tự viện cho hai Thiền giả Thông và Giáo, rồi nói bài kệ:

*Ta trốn nạn đời đến xuất gia*
*Tông sư chỉ cho nơi dừng nghỉ*
*Ở núi lãnh chúng ba mươi năm*
*Với người chẳng muốn giao phó bừa*
*Hôm nay rõ ràng nói cho ông*
*Lúc ta nhắm mắt cùng nghe nhận.*

Sau đó Sư cỡi cọp đi trong sương, sớm đến chùa Khai Nguyên ở Tín châu, Tăng ở Long Hồ đuổi theo. Sư nói: "Trong núi đã có Thiền sư Thông, ta không trở về nữa". Bởi vậy, ở Long Hồ không có tháp tổ khai sơn, mà chỉ có nền am Khóa Hổ. Đó là dấu tích minh chứng từ xưa đến nay. Đế ban Sư thụy Viên Giác Thiền sư. Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên ghi: Sư thị tịch ở Long Hồ là sai. Sư nối pháp Thạch Sương Khánh Chư, Chư nối pháp Đạo Ngô Tông Trí, Trí nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm. Khánh Chư họ Trần, người Kiết Châu.

- Kỹ Mão: Trinh Minh năm thứ năm. Khiết Đan, Thần Sách năm thứ tư.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 16* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 16* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô:Vũ Nghĩa năm đầu* | *Mân* | *Thục: Diễn. Càn Đức năm đầu* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 3* | |

Mùa hạ, tháng tư, Hoài Nam họ Dương lên ngôi Ngô quốc vương, đổi niên hiệu Vũ Nghĩa, lập tông miếu xã tắc, đặt bá quan, cung điện Văn vật đều dùng lễ nhạc Thiên tử.

- Canh Thìn: Trinh Minh năm thứ sáu. Khiết Đan, Thần Sách năm thứ năm.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 17* | *Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 17* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô:Phổ lên ngôi* | *Mân* | *Thục: Càn Đức năm thứ 2* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 4* | |

- Tân Tỵ: Long Đức năm đầu. Khiết Đan, Thiên Tán năm đầu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 18* | *Kỳ Vương:* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thuận Nghĩa năm đầu* | *Mân* | *Thục: Càn Đức năm thứ 3* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 5* | |

- Nhâm Ngọ: Long Đức năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ hai.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Tấn Vương:* | *Kỳ Vương:* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 2* | *Mân* | *Thục: Càn Đức năm thứ 4* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 6* | |

* ***Thiền sư Cảnh Thanh Thuận Đức Phó ở Việt châu:*** Ngài đắc pháp với Tuyết Phong. Ngô Việt Tiền Vương tôn kính đạo đức của ngài, thỉnh ngài ở chùa Thiên Long. Ông lại lập chùa Long Cách thỉnh ngài trụ trì. Học chúng theo về rất đông, nhờ vậy Huyền học ở Ngô Việt rất thịnh. Tấn Cao Tổ, Thiên Phước năm thứ hai, tháng tám, ngài quy tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

- Quý Mùi: Long Đức năm thứ ba. Đồng Quang năm đầu. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ ba.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | *Đường lên ngôi Đế, Đồng Quang năm đầu* | *Kỳ Vương:* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 3* | *Mân* | *Thục: Càn Đức năm thứ 5* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 7* | |

Mùa Xuân, tháng hai, Lương Đế sai sứ đem sách mệnh phong Ngô Việt Vương Tiền Liêu làm Ngô Việt quốc vương. Mùa hạ, tháng tư Kỷ Tỵ, Tấn Vương Lý Tồn Úc lên ngôi Hoàng Đế ở phía nam Nha Thành, Ngụy châu, lấy quốc hiệu Đại Đường, niên hiệu Đồng Quang. Đường có cả thảy mười ba tiết độ, năm mươi Châu, thống lãnh ba quân chiếm nước Lương. Lương Đế nói với Hoàng Phủ Lân: "Họ Lý là kẻ thù của đời ta, khó mà quy hàng, đầu ta không thể để đao nó chặt. Ta không thể chặt đầu mình được, khanh hãy chặt đầu ta đi!" Lân khóc lạy rồi chặt đầu Lương Đế, Lân cũng tự sát. Tháng mười, Đường Đế vào Đại Lương.

Nhà Lương gồm hai chủ, trị vì mười sáu năm, vận nước về nhà Đường.

* ***Nhà Đường:*** Họ Lý, Thổ Đức Vương, đóng đô đất Nghiệp, nay là Chương Đức lộ, xưa là Tương châu, sau dời đô về Lạc Dương. Gồm: Trang Tông, Minh Tông, Mẫn Đề, Lộ Vương.

* **Trang Tông:** Húy Tồn Úc, vốn người Sa Đà. Đường Ý Tông, Hàm Thông năm thứ chín, Đế ban ông nội ông họ Lý, tên Quốc Xương. Cha ông tên Khắc Dụng, phá Hoàng Sào khôi phục Kinh sư có công đứng đầu, được bái phong Hà Đông Tiết độ sứ, rồi phong Tấn Vương. Dụng chết, con là Tồn Úc kế Vương vị. Ông diệt nhà Lương, lập quốc lấy hiệu là Đường, truy tôn cha là Khắc Dụng làm Vũ Hoàng Đế. Ông ở ngôi ba năm, thọ ba mươi lăm tuổi. Niên hiệu Đồng Quang ba năm.

- Quý Mùi: Đồng Quang năm đầu, tháng mười, ông diệt nhà Lương, đổi niên hiệu, tháng mười một, dời đô về Lạc Dương.

Giáp Thân: Đồng Quang năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ tư.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Tần Vương: Mậu Trinh mất* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 4* | *Mân* | *Thục: Càn Đức năm thứ 6* | *Hán: Càn Hanh năm thứ 8* | |

Tháng giêng, Kỳ Vương Lý Mậu Trinh sai con là Kế Nghiễm dâng biểu triều cống xưng thần. Đế dùng lễ đáp, cải phong ông làm Tần Vương. Tháng tư Tần Trung Kính Vương Mậu Trinh mất, con là Kế Nghiễm lên nắm hết việc quân việc phủ của Phụng Tường. Ngụy Phủ nay là Đại Danh lộ.

* ***Thiền Sư Hưng Hóa:*** Sư húy Tồn Tưởng, người phủ này. Đế triệu Sư vào cung, giữ lễ đệ tử tiếp đãi Sư. Một hôm Đế nói:

- Trẫm thu phục Trung Nguyên được một viên Minh châu chưa có người trả giá!

Sư nói:

Xin bệ hạ cho xem châu!

Đế lấy tay vuốt từ đầu đến chân. Sư nói:

- Minh châu của quân vương ai dám trả giá.

Đế hài lòng ban cho Sư y tía và hiệu, Sư đều không nhận. Đế ban Sư con ngựa. Sư cỡi bị té gãy chân. Đế lại cho thuốc thang. Sư gọi: "Viện chủ! Hãy đẽo cho ta cây nạng gỗ!" Sư chống nạng đi nhiễu quanh viện, hỏi Tăng:

- Các ông biết lão tăng chăng?

Chúng đáp:

Ai mà không biết Hòa thượng!

Sư nói:

Pháp sư què, nói được đi chẳng được.

Sư đến pháp đường, sai Duy Na đánh chuông nhóm chúng, hỏi:

- Các ông biết lão tăng chăng?

Chúng không đáp. Sư quăng nạng gỗ, ngồi thẳng thị tịch. Đế ban Sư thụy Quảng Tế Thiền sư. Sư nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền.

* ***Thiền sư Nam Viện Bảo Ứng Nhữ Châu:*** Sư húy Tuệ Ngung, người Hà Bắc, nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng.

- Ất Dậu: Đồng Quang năm thứ ba. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ năm. Hoài Nam Ngô Phổ dựng chùa Thanh Lương ở thành Thạch Đầu, lạy thỉnh Ngộ Tông trụ trì.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Tần* | *Ngô Việt Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Hoài Nam Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 5* | *Mân: Diên Hàn nối ngôi.* | *Thục Vương: Diễn hàng nhà Đường, trao chức cho Mạnh Tri Tường* | *Hán: Bạch Long năm đầu.* | |

Tháng chín, Đế cho con là Ngụy Vương Kế Ngập, khu mật sứ Quách Sùng Thao đánh Thục. Thục chủ Vương Diễn chở quan tài, ngọc bích ra quy hàng. Mạnh Tri Tường, tự Bảo Thạnh người Long Cương, Hình châu, khu mật sứ Quách Sùng Thao đối với Tri Tường có ân cũ dẫn tiến. Lúc sắp đi ông nói với Đế: "Mạnh Tri Tường là người trung tín, mưu cao, chuyến đi lần này lấy được Tứ Xuyên tìm người trông coi thì không ai hơn người này!" Đế ưng chuẩn, Đại quân liền kéo về Tây, vào Tán Quan mở đường tiến đánh. Thục ra hàng. Sùng Thao mới cho Tri Tường làm Tây Xuyên Tiết độ sứ trấn giữ Thành Đô. Minh Tông, năm Trường Hưng năm thứ tư, ông được phong Thục Vương. Lộ Vương, Thanh Thái năm đầu, ông lên ngôi Hoàng Đế và mất, con là Sưởng lên kế ngôi, lấy Quốc hiệu Thục, niên hiệu Minh Đức. Đến Tống Thái Tổ, Càn Đức năm thứ ba, Thục quy hàng Tống. Thục tồn tại bốn mươi mốt năm thì diệt vong.

Hán có rồng trắng xuất hiện ở cung Hán. Hán chủ đổi niên hiệu Bạch Long, đổi tên là Cung.

* **Minh Tông:** Húy là Đảm, vốn tên Tự Nguyên, người Bắc Địch, Trang Tông nuôi nấng coi như con mình. Ông theo Trang Tông chinh phạt, nhiều lần lập công to. Tháng giêng năm Bính Tuất, Triệu Tại Lễ làm phản ở đất Nghiệp, Trang Tông sai Lý Tự Nguyên thảo phạt. Tháng ba, Tự Nguyên đến Nghiệp đô, tùng mã trực quân sĩ Trương Phá Bại làm phản, binh vây Trung quân Tự Nguyên nạt hỏi, Trương đáp: "Chúa thượng bỏ ân chuộng uy nói rằng, sau khi diệt thành sẽ chôn hết quân của Ngụy. Bọn tôi sợ chết, nay mọi người đều bàn chúa thượng làm đế ở Hà Nam, còn ông làm Đế ở Hà Bắc". Tự Nguyên khóc khuyên họ nhưng ba quân vẫn không theo. Con rể Tự Nguyên là Thạch Kính

Đường nói: "Phàm việc thành là ở nơi quả quyết, bại là bởi do dự!" Tự Nguyên liền sai An Trọng Hối truyền hịch nhóm quân. Thế quân rất mạnh. Lý Thiệu Vinh thỉnh Trang Tông đến Quan Đông phủ dụ họ. Xa giá đến Vạn Thắng trấn, nghe tin Tự Nguyên đã chiếm Đại Lương, các đạo quân đều tan rã. Đế liền cho quân quay về vào Lạc Dương. Tháng tư tùng mã trực chỉ huy sứ Quách Tùng Khiêm không biết Lục Vương Tồn Nghĩa đã chết nên muốn theo ông làm phản, thống lãnh binh của bộ tộc đánh phá Hưng Giáo Môn, men thành mà vào. Cận thần cựu tướng đều cởi giáp bỏ trốn, chỉ còn bọn Lý Ngạn Khanh, Hà Phước Tiến, Vương Toàn Bân mười mấy người ra sức đánh. Trang Tông bị trúng tên, người ở Tiến phường là Thiện Hữu đỡ Trang Tông từ cửa lầu xuống đến hiên điện Giáng Tiêu rút mũi tên ra. Trang Tông kêu khát, uống nước xong thì chết. Bọn Lý Ngạn Khanh khóc gào rồi bỏ đi. Tả hữu cũng phân tán. Thiện Hữu đốt xác Đế. Kỷ Sửu, Tự Nguyên vào Lạc Dương ngụ ở phủ đệ của mình, nhặt xương Trang Tông trong đám tro tàn rồi an táng. Bá quan nhiều lần dâng tấu chương xin Tự Nguyên làm giám quốc. Nguyên đồng ý. Quan Hữu Ty bàn lễ lên ngôi. Lý Thiệu Chân, Khổng Tuần cho rằng vận Đường đã hết nên tự lập quốc hiệu. Giám quốc không theo. Lại bộ Thượng thư Lý Kỳ nói: "Nếu đổi Quốc hiệu thì Tiên đế thành người dưng, cổ quan Thiên Tử làm sao chôn được! Đời trước, cho khác dòng khác họ nối ngôi cũng nhiều, nên dùng lễ con nối nghiệp lên ngôi trước linh cửu đi!". Mọi người đồng ý. Giám Quốc bèn lên ngôi Hoàng Đế trước linh cửu, năm ấy ông đã sáu mươi tuổi, đổi niên hiệu Thiên Thành, mỗi đêm đều đốt hương trong cung cáo trời, nguyện sớm sinh Thánh nhân làm chủ muôn dân. Thiên Thành năm thứ hai, mùa Xuân, tháng giêng, ông lại đổi tên Đản, ở ngôi tám năm, thọ sáu mươi bảy tuổi. Niên hiệu Thiên Thành bốn năm, Trường Hưng bốn năm.

- Bính Tuất: Thiên Thành năm đầu. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ 6. thục, Đại sư Thiền Nguyệt Quán Hưu tịch trong năm này.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường: Kế Nghiễm* | *Ngô Việt lập quốc: Bảo Chánh năm đầu* | *Sở* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Ngô:Thuận Nghĩa năm thứ 6* | *Mân:Diên Quân, Thiên Bảo năm đầu* | *Thục: Tiết Độ Mạnh Tri Tường* | *Hán: Bạch Long năm thứ 2.* | |

Chiêu Vũ Tiết Độ Vương Diên Hàn tự xưng Đại Mân quốc vương, dựng cung điện, đặt bá quan, lễ nghi văn vật đều bắt chước pháp chế Thiên Tử. Truy tôn cha Vương Thẩm Tri là Chiêu Vũ Vương. Năm này con nuôi của Thẩm Tri là Diên Bẩm giết Diên Hàn, dân chúng suy tôn em của Hàn là Diên Quân làm Lưu Hậu.

- Đinh Hợi: Thiên Thành năm thứ hai. Khiết Đan Thái Tổ A Bảo Cơ mất. Đức Quang, Thiên Hiển năm đầu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 2* | *Sở lập quốc* |
| *Kinh Nam* | *Ngô lên ngôi Đế, Càn Trinh năm đầu* | *Mân: Thiên Bảo năm thứ 2* | *Thục* | *Hán: Bach Long năm thứ 3* | |

- ***Khiết Đan:*** Thái tổ mất vào mùa Thu tháng bảy, Thiên Tán năm thứ sáu, ở ngôi mười một năm, Thái Tông lên ngôi. Ông húy Đức Quang, con năm thứ hai của Thái Tổ, mẹ họ Thuật Luật. Ông ở ngôi hai mươi hai năm, lập nhà Tấn diệt nhà Đường đổi Khiết Đan thành Đại Liêu. Ông từng dựng chùa Thiên Hùng trong bộ lạc của mình để thờ Phật. Trong chùa có tượng Thái Tổ Khiết Đan A Bảo Cơ.

Mùa thu tháng tám, Sở Vương Mã Ân bắt đầu lập quốc, xây cung điện, đặt bá quan giống như Thiên tử, hoặc có thay đổi chút ít, như Hàn lâm học sĩ là Văn uyển học sĩ, Tri chế cáo là Tri từ cáo,Khu mật viện là Tả hữu cơ yếu ty, bệ hạ xưng là điện hạ, lệnh thì đổi thành giáo.

Tháng mười một, Hoài Nam Ngô Vương họ Dương lên ngôi Hoàng Đế. Ngô Thừa Tướng Từ Ôn mất. Ngô chủ cho con ông là Tri Cáo làm Đô đốc trung ngoại chư quân sự. Tri Cáo vốn mang họ Lý, Đường Chiêu Tông Càn Ninh năm thứ hai, Dương Hành Mật đánh Hào Châu, Quân sĩ cướp phá Từ châu và bắt được ông, lúc đó ông mới tám tuổi. Hành

Mật nuôi ông coi như con mình. Con trưởng của Hành Mật tên là Ác rất ghét ông. Hành Mật nói với tỳ tướng Từ Ôn: "Đứa bé này tư chất diện mạo kỳ vĩ, hiểu biết hơn người, ta mất, thằng Ác ắt không dung tha nó, nay ta cho nó làm con nuôi của ông". Ông nhận đặt tên là Tri Cáo. Tri Cáo hầu hạ Ôn rất hiếu kính, hơn cả các người con khác, vì vậy Ôn yêu mến và cho ông quản lý mọi việc. Trưởng thành Tri Cáo thích đọc sách, giỏi bắn cung, học vấn, đức độ, tính nết đều vượt bậc. Hành Mật nói với Ôn: "Tri Cáo là người tuấn kiệt, các tướng và các con ta đều không bằng". Đến Tấn Cao Tổ, Thiên Phúc năm thứ hai, ông nhận ngôi của nước Ngô.

Mậu Tý: Thiên Thành năm thứ ba. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ hai.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 3* | *Sở* |
| *Kinh Nam: Cao Quý Hưng mất.* | *Ngô: Càn Trinh năm thứ 3* | *Mân:Diên Quân* | *Thục: họ Mạnh* | *Hán: Đại Hữu năm đầu* | |

Mân Chủ Diên Quân độ hai vạn dân làm Tăng, từ đó Mân Trung có rất nhiều Tăng. Tháng mười hai năm này, Kinh Nam Tiết độ sứ Cao Quý Hưng mất, Đế cho con ông là Tùng Hối lên nắm việc quân phủ. Tùng Hối dâng biểu xin được làm quan trong triều, Đế hạ chiếu cho ông làm KinhNam Tiết độ sứ.

* ***Thiền Sư Quế Sâm ở La-hán viện, Chương châu:*** Sư họ Lý, quê ở Thường Sơn, theo Đại Sư Vô Tướng chùa Vạn Tuế trong phủ này thế phát, thọ giới đắc pháp với Huyền Sa Sư Bị. Sư ngầm trung hưng đạo pháp, thống thiết ẩn mình. Chương châu mục Vương Công thỉnh Sư trụ tại viện Địa Tạng, Thạch Sơn, Thành Tây hơn mười năm. Sau, Sư về ở viện La-hán, tường đổ chõng hư nhưng Sư vẫn điềm nhiên an trụ, xiển dương Tông phong mỗi ngày một thịnh. Đến lúc này, Thiên Thành năm thứ ba, Sư quy tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Môn nhân trà-tỳ thâu xá-lợi dựng tháp ở phía tây viện. Đế ban Sư thụy Chân Ứng Thiền sư.

Kỷ Sửu: Thiên Thành năm thứ tư. Khiết Đan, Thiên Hiển năm

thứ ba.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 4* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thái Hòa năm đầu* | *Mân* | *Thục* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 2* | |

Tháng chín, Đế cùng Bình Chương Sự Phùng Đạo thong dong bàn thóc lúa hàng năm được mùa, bốn phương thái bình. Đạo nói: “Thần thường nhớ, lúc Tiên hoàng còn ở phủ trướng, thần phụng mệnh đi Sứ, từ Trung Sơn qua đến nơi hiểm trở núi Tinh Kính, Thần sợ ngựa ngã nên nắm cương rất cẩn thận. Thật may không mắc phải lỗi lầm, đi đến Trạch Lộ, Thần thả cương ngựa tự đi, ngay đó liền rơi xuống hố. Phàm người vì thiên hạ cũng giống như vậy”. Đế cho là rất đúng. Đế hỏi: “Năm nay giàu có, bá tánh được no đủ không?” Đạo đáp: “Nhà nông gặp phải năm mất mùa thì chết vì lưu lạc, đói khổ, gặp phải năm được mùa thì bị thương vì thóc rẻ. Được mùa hay mất mùa, đằng nào nhà nông cũng phải chịu như vậy. Thần nhớ, trong bài thơ của tiến sĩ Nhiếp Di có câu: “Tháng hai bán tơ mới, tháng năm mua thóc mới, chữa được bệnh trước mắt, lại khoét thịt tâm đầu”. Ngôn từ tuy quê mùa nhưng đã lột tả hết uẩn khúc của nhà nông. Trong bốn hạng người (sĩ, công, nông, thương) nông dân là kẻ cần khổ nhất, nhân chủ không thể không biết”. Đế vui vẻ sai Tả hữu chép lại bài thơ này, thường ngâm đọc. Đậu Vũ Quân ở Uyển Bích, U Châu làm quan đến chức Tả gián nghị đại phu rồi từ quan, ông sinh năm người con đều làm quan, hiển đạt. Thị trung Phùng Đạo tặng ông bài thơ: “Đậu Thập Lang núi Yên, dạy con đầy nhân nghĩa, cọc linh một cội già, quế tiên năm cành tốt”. Chu Thế Tông, Hiển Đức năm thứ hai, thái sư trung thư lệnh doanh Văn Ý Vương Phùng Đạo mất.

- Canh Dần: Trường Hưng năm đầu. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ tư.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 5* | *Sở: Ân mất* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thái Hòa năm thứ 2* | *Mân* | *Thục* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 3* | |

Tháng mười một, Sở Vương Mã Ân mất, con là Hy Thanh lên kế ngôi, làm theo di mệnh, bỏ phép chế dựng nước, trở lại phép cũ phiên trấn. Đế hạ chiếu cho Hy Thanh làm Vũ An Tĩnh Giang Tiết độ sứ.

* ***Tông Vân Môn:*** Thiền sư Văn Yển ở viện Quang Phụng, núi Vân Môn, Thiều châu, Quảng Đông đạo. Sư họ Trương, quê ở Tú Thủy, Chiết Tây, nay là Gia Hưng lộ. Từ nhỏ, Sư theo Luật Sư Chí Trừng chùa Không Vương xuất gia, lớn lên thế phát thọ giới ở giới đàn Tỳ Lăng. Sư hầu Chí Trừng mấy năm, tinh thông Luật bộ. Nhận thấy việc mình chưa sáng tỏ, Sư đến tham vấn Mục Châu Trần Tôn Túc. Sư đẩy cửa bước vào, Mục Châu nắm đứng lại, bảo: "Nói, nói!". Sư nghĩ ngợi, Mục Châu liền đẩy ra khỏi cửa nói: "Cái dùi lăn đời Tần!(Kẻ vô dụng)" rồi đóng cửa làm bị thương chân Sư. Nhân đó Sư tỉnh ngộ. Mục Châu bảo Sư đến yết kiến Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn, đắc pháp, mật khế tâm tông. Sư xuống núi tham vấn khắp nơi. Sau, Sư đến pháp hội của Thiền sư Linh Thọ Mẫn ở Quảng Trung. Trước đây, chúng không xin người làm Thủ tòa, có người khuyên Linh Thọ xin một người làm Thủ tòa, Linh Thọ nói: "Thủ tòa của ta đã xuất gia!" Thời gian sau, Thọ lại nói: "Thủ tòa của ta hành cước đã ngộ đạo!". Sau đó, Thọ lại nói: "Thủ tòa ta đến rồi!" Một hôm Linh Thọ bảo chúng đánh chuông để nghinh Thủ tòa, lúc ấy Sư cũng vừa đến. Linh Thọ cười bảo: "Nghinh ông lâu rồi, sao đến chậm thế!", và Linh Thọ bảo Sư làm Thủ tòa. Sư vui vẻ nhận, đó là vào năm Canh Dần, niên hiệu Trường Hưng năm đầu. Cùng lúc Quảng Chủ Lưu Vương muốn khởi binh mới đến Linh Thọ hỏi xem có nên hay không. Linh Thọ biết, trao cho thị giả cái hộp và dặn: "Vương đến, hãy ra đợi ông ấy!" Lúc ấy có Tăng hỏi: "Thế nào là ý Tổ Sư từ Tây sang". Linh Thọ liền lên tòa quy tịch. Vương đến nghe Thọ đã tịch, thất kinh than trách. Thị giả trao cho ông cái hộp, ông mở ra, trong ấy ghi: "Con mắt của trời người là Thượng tòa trong pháp đường!" Vương lạy thỉnh Sư kế thế trụ trì Linh Thọ, nghinh Sư đến phủ khai pháp. Thời

gian sau, Sư về ở tại núi Vân Môn, Thiều Dương. Năm Mậu Thân, Quảng Chủ nhiều lần thỉnh Sư về phủ hỏi pháp, lấy lễ thầy tiếp đãi, ban cho Sư hiệu Khuông Chân Thiền sư. Tháng bảy, Quảng nghinh Sư đến Vương phủ cúng dường. Tháng chín Sư từ biệt Vương về núi. Mồng mười tháng tư năm sau, Sư dâng biểu từ biệt Quảng Chủ, răn nhắc đồ chúng xong, ngồi ngay thẳng thị tịch. Đồ chúng an táng toàn thân Sư sau phương trượng. Năm Bính Dần, Triệu Thái Tổ, Càn Đức năm thứ tư, tức Quảng Chủ Thiên Bảo năm thứ chín, Sư báo mộng cho Nguyễn Thiệu Trang: “Ông hãy gởi lời ta đến Tú Hoa Quan Sứ Đặc Tiến Lý Thác”. Thác liền tâu xin mở tháp Sư, phụng chiếu nghinh thỉnh linh thần vào triều cúng dường, tháng sau mới hoàn lại, nhân đó đổi tên chùa là Đại Giác, Đế gia cho Sư thụy Đại Từ Vân Khuông Chân Hoằng Minh Thiền Sư. Sư nối pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Tồn nối pháp Đức Sơn Tuyên Giám, Giám nối pháp Long Đàm Sùng Tín. Đạo pháp của Sư được đời tôn ngưỡng, gọi đây là Tông Vân Môn.

- Tân Mão: Trường Hưng năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ năm.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 6* | *Sở:* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thái Hòa năm thứ 3* | *Mân* | *Thục* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 4* | |

- Nhâm Thìn: Trường Hưng năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ sáu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Nguyễn Quán lên ngôi* | *Sở:* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thái Hòa năm thứ 4* | *Mân* | *Thục* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 5* | |

Mùa Xuân tháng hai, Đế lệnh cho quốc tử giám hiệu đính Cửu Kinh khắc bản, đến Châu Quảng Thuận năm thứ ba khắc bản xong, ấn hành.

Tháng ba, Ngô Việt Vũ Túc Vương Tiền Liêu mất, thọ tám mươi mốt tuổi, con giữa là Truyền Quán kế vị, sau đổi tên Nguyên Quán, theo di mệnh bỏ quốc nghi, chỉ dùng phép tắc Phiên Trấn.

Mùa thu tháng bảy, Vũ An Tĩnh Giang Tiết độ sứ Mã Hy Thanh mất, bọn lục quân Tự Viên Dư, Phan Ước đưa em Hy Thanh là Hy Phạm, ở Lãng Châu lên kế ngôi, trị vì mười lăm năm, thọ bốn mươi chín tuổi.

- Quý Tỵ: Trường Hưng năm thứ tư, Đế mất. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ bảy.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Nguyên Quán tức Văn Mục Vương* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thái Hòa năm thứ 5* | *Thục: Lân Long Khải năm đầu* | *Thục: họ Manh được phong Vương* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 6* | |

Mùa Xuân, tháng giêng, Mân Chủ Vương Diên Quân lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Mân, niên hiệu Long Khải. Ông đổi tên là Lân. Tháng hai, Đường cho Mạnh Tri Tường làm Đông Tây Xuyên Tiết độ sứ Thục Vương.

Tháng mười một, Đế không khỏe, hạ chiếu lập con năm thứ ba là Tống Vương Tùng Hậu, Đế mất. Tháng mười hai, Tống Vương Tùng Hậu lên ngôi Hoàng Đế, đó là Mẫn Đế. Tháng giêng năm Giáp Thân, đổi niên hiệu Ứng Thuận. Lúc này Phụng Tường Tiết độ sứ kiêm thị trung Lộ Vương Tùng Kha hiềm khích với triều đình. Tháng mười hai, Lộ Vương dựng cờ Đại tướng chỉnh đốn ba quân kéo về đông. Mẫn Đế nghe Lộ Vương đến đất Thiểm lo sợ chẳng biết làm sao, mới đem năm mươi quân kỵ ra cửa Huyền Vũ đến Vệ châu, dựa Thứ sử Vương Hoằng Chí. Lộ Vương đến Tưởng Kiều, bọn Phùng Đạo đều dâng biểu chương

khuyên Vương tiến tới. Lộ Vương vào ra mắt Thái hậu, Thái phi, đến Tây Cung phủ phục trước linh cửu Minh đế, cả cung gào khóc. Thái hậu hạ lệnh phế Thiếu đế làm Ngạc Vương, cho Lộ Vương lên ngôi Hoàng Đế trước linh cửu. Vương Hoằng Chí đưa Mẫn Vương về doanh sở Vệ châu. Lộ Vương sai con Hoằng Chí là Điện Trực Loan đến chuốc độc Đế, Mẫn Đế biết có độc không chịu uống, Loan xiết cổ ông chết.

* **Lộ Vương:** Húy Tùng Kha, con nuôi của Minh Tông. Ông họ Vương, người Trấn Châu, nay là Chân Định lộ. Ngày Minh Tông chiếm thiên hạ cũng chính là ngày mẹ Đế nhặt được ông nuôi làm con mình, lúc ấy ông mới mười tuổi. Ông được phong Lộ Vương làm Phụng Tường Tiết độ sứ. Mẫn Đế lên ngôi, do Dương Vương Tùng Trác đem quân sang đánh, từ đó cứ khởi binh. Đế chạy khỏi cung, Lộ Vương phụng mệnh Thái hậu lên ngôi, ở ngôi ba năm, thọ ba mươi tuổi.

Giáp Ngọ: Tháng tư, đổi niên hiệu Thanh Thái năm đầu. Khiết Đan năm Thiên Hiển năm thứ tám.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Nguyễn Quán lên ngôi* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thái Hòa năm thứ 6* | *Mân: Long Khải năm thứ 2* | *Thục: Minh Đức năm đầu* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 7* | |

Tháng giêng nhuần, Thục Vương Mạnh Tri Tường lên ngôi Hoàng Đế ở Thành Đô, đổi niên hiệu. Mùa thu tháng bảy Đế mất. Thái tử Nhân Tán lên ngôi Hoàng Đế. Ông đổi tên là Sưởng. Minh Đức năm đầu.

* ***Thượng tọa Tĩnh ở Quốc Thanh, Thiên Thai:*** Ngài đắc pháp với Thiền sư Huyền Sa Sư Bị, cư ngụ núi Thiên Thai hơn ba mươi năm. Có người hỏi: Tâm niệm lăng xăng, chưa rõ làm sao nhiếp phục?

Ngài đáp: Đem tâm niệm lăng xăng ấy, cứu xét chỗ lăng xăng của nó, xét đến không còn chỗ để xét thì niệm lăng xăng ấy làm sao còn! Mà trái lại xét đến cái tâm xét cứu, thì tâm năng cứu xét ấy ở đâu? Nhân xem Nghĩa Huyễn trong giáo môn, ngài thuật kệ:

*Đạo hay pháp đều như huyễn có*
*Tội ác gây nên phải không lỗi*
*Vì sao nghiệp đã tạo chẳng quên*

*Bởi nhờ Phật từ độ dẫn dắt.*

Có ông Tiểu Tĩnh Thượng tòa đáp:

*Người huyễn khởi huyễn, huyễn bủa vây*
*Nghiệp huyễn hay đem pháp huyễn trị*
*Chẳng tỏ huyễn sinh các huyễn khổ*
*Tỉnh biết như huyễn, huyễn vô vi.*

Di tích của hai Tĩnh Thượng tòa vẫn còn ở chùa Quốc Thanh.

- Ất Mùi: Thanh Thái năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ chín.

| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thiên Tường năm đầu* | *Mân: Long Khải năm thứ 3* | *Thục: Minh Đức năm thứ 2* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 8* | |

Kinh Nam Tiết độ sứ Cao Tùng Hối bẩm tính thông minh, hiếu để, lạy Hiền Sĩ Ủy Nhiệm Lương Chấn. Chấn khoác áo lông Hạc tự xưng là Kinh Đài Ẩn sĩ. Mỗi lần đến phủ ông thường cỡi bò đến xét việc.

Ngô gia phong Từ Tri Cáo làm Thượng phu Thái sư đại Thừa Tướng đại nguyên soái, tấn phong Tề Vương, đủ lễ đặc biệt, cho mười châu gồm: Thăng, Nhuận, Tuyên, Trì, Hấp, Thường, Giang, Nhiêu, Tín, Hải làm nước Tề.

- Thanh Thái năm thứ ba, tháng sáu, Hà Đông Tiết độ sứ Bắc diện tổng quản Thạch Kính Đường đã trở về trấn giữ Tấn Dương, ngầm bàn kế tự lập. Trước đây, Đế muốn sai Kính Đường về trấn giữ Vận Châu, nay là Đông Bình lộ. Cấp sự trung Lý Tung, Lã Kỳ đều cố sức can cho rằng không nên. Đế nghe theo lời của khu mật trực học sĩ Tiết Văn Ngộ cho Kính Đường làm Thiên Bình Tiết độ sứ. Lệnh vua ban ra, các quan nhìn nhau thất sắc. Kính Đường nói: "Ta không làm loạn, triều đình đày ta đi, lẽ đâu ta chịu bó tay chết giữa đường ư!". Đô áp nha Lưu Tri Viễn nói: "Minh Công chiếm địa thế thuận lợi, binh mã tinh mạnh, nếu khởi binh truyền hịch, đế nghiệp tất thành". Chưởng thư ký Tang Di Hân nói: "Minh Công suy phò Khiết Đan thì lo gì không xong!" Kính Đường ý đã quyết, liền dâng biểu can Đế không nên truyền ngôi cho con nuôi mà xin truyền cho Hứa Vương. Đế nổi giận tự tay viết chiếu lấy lại

đất, tước luôn quan tước của Kính Đường, sai Trương Kính Đạt cùng Thái Nguyên Tây diện bài trần sứ thống lãnh các tướng thảo phạt Kính Đường. Kính Đường dâng biểu xưng thần với Khiết Đan, lạy Đan thờ làm cha mình, hứa cắt đất giao nộp. Tháng chín, Khiết Đan Chủ Thái Tông Đức Quang đem năm vạn kỵ binh, ba mươi vạn giáp sĩ kéo đến Tấn Dương giao chiến. Quân Đường thua to. Tháng mười một, Khiết Đan chủ làm Sách Lệnh, cho Kính Đường làm Đại Tấn Hoàng Đế, dựng đàn ở Liễu Lâm và lên ngôi, đại xá thiên hạ, đổi năm Trường Hưng năm thứ bảy, thành Thiên Phước năm đầu. Lộ Vương biết Thạch Kính Đường lên ngôi Hoàng Đế liền cùng Tào Thái hậu, Lưu Hoàng hậu, Ung Vương Trùng Mỹ và bọn Tống Thẩm Kiền đem báu vật truyền quốc lên lầu Huyền Vũ hỏa thiêu mà chết. Hoàng hậu chất củi muốn đốt cung thất Trùng Mỹ can: “Thiên Tử mới đến đây ắt không ở ngoài trời, ngày sau sẽ làm lao nhọc sức dân, chết mà để oán thì đốt làm gì!”. Hoàng hậu không đốt. Bà và Trùng Mỹ (con Lộ Vương) cùng chết. Chiều hôm đó, Tấn Cao Tổ vào Lạc Dương nghỉ tại phủ đệ cũ của mình. Binh Đường cởi giáp chịu tội, Tấn đế an ủi rồi thả họ hết, sai Lưu Tri Viễn sắp đặt lại Kinh thành. Tri Viễn chia quân hán cho về lại doanh, để Khiết Đan chủ ở chùa Thiên Cung. Trong thành tuyệt nhiên không ai dám phạm lệnh. Tháng mười hai, Tấn đế truy phế Lộ Vương làm dân thường, cho Phùng Đạo làm Đồng Bình Chương sự.

Nhà Đường gồm bốn chủ, trị vì mười bốn năm, vận nước về nhà Tấn.

***Nhà Tấn:*** Họ Thạch lấy hiệu Kim Đức Vương, đóng đô ở Biện Châu, gồm Cao Tổ, Tề Vương.

* **Cao Tổ:** Họ Thạch, húy Kính Đường, vốn người Tây Địch, anh dũng thiện chiến, Đường Minh Tông yêu mến gả công chúa Vĩnh Ninh cho ông. Ông nhiều lần chuyển đến làm Hà Đông Tiết độ sứ. Thanh Thái năm đầu, ông trấn giữ Thái Nguyên, sau đổi làm Thiên Bình Tiết độ sứ nhưng ông không tuân mệnh, mới khởi binh cầu viện với Khiết Đan. Ông lên ngôi Hoàng Đế, vào Lạc Dương, cắt mười sáu châu như: U, Tô, Doanh, Mạc, Trác, Đàn, Thuận, Tân, Quy, Nho, Vũ, Vân, Ứng, Hoàn, Sóc, Uất cho Khiết Đan. Ông ở ngôi bảy năm, thọ năm mươi mốt tuổi. Niên hiệu Thiên Phước bảy năm. Tháng mười một năm Bính Thân, đổi niên hiệu Thiên Phước năm đầu. Khiết Đan năm Thiên Hiển thứ mười.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Ngô: Thiên Tường năm thứ 2* | *Mân: Thông Văn năm đầu* | *Thục: Minh Đức năm thứ 3* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 9* | |

***Cao Ly:*** Cuối đời Đường, Cao Ly Vương họ Cao, vào Đường Trang Tông năm Đồng Quang năm thứ hai, Cao Ly sai sứ đến Trung Quốc. Sử sách không ghi Vương này họ tên là gì. Đến Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ ba, Quyền nắm quốc sự là Vương Kiến sai sứ đến, Minh Tông phong Vương Kiến làm Cao Ly quốc vương. Đến lúc này, năm Bính Thân, Cao Ly đem binh đánh phá Tân La, Bá Tế. Lúc đó các nước Đông Di đều theo về, có hai kinh, sáu phủ, chín Tiết Độ và một trăm hai mươi bộ.

Đinh Dậu: Thiên Phước năm thứ hai. Đại Liêu, Hội Đồng năm đầu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: dựng lại nước* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Đường nhận ngôi, Thăng Nguyên năm đầu* | *Mân: Thông Văn năm thứ 2.* | *Thục: Minh Đức năm thứ 4* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 10* | |

Đại Liêu Thái Tông Đức Quang lập ra nhà Tấn, nhận mười sáu châu do Tấn cắt nộp. Tháng giêng mùa Xuân, Đế lấy U châu làm Nam Kinh, đổi quốc hiệu Khiết Đan thành Đại Liêu, lấy niên hiệu Hội Đồng. Công Khanh quan dân bắt chước người Trung Quốc, trưng dụng người Trung Quốc.

Tháng hai, Đế về Bắc, cho Triệu Diên Thọ làm khu mật sứ kiêm trung thư lệnh.

Tháng ba, Tấn bàn việc dời đô về Đại Lương. Tháng tư, Đế đến Biện Châu. Ngô Việt Vương Nguyên Quán lại dựng nước, giống như việc cũ trong năm Đồng Quang.

Tháng tám, Ngô Chủ hạ chiếu nhường ngôi cho Tề Vương, Từ Tri Cáo lên ngôi Hoàng Đế ở Kiến Khang, đại xá thiên hạ, lấy quốc hiệu là Đường (Nam Đường), lấy niên hiệu Thăng Nguyên, tôn Ngô chủ là Nhượng Hoàng, cung thất, xa giá, ngự phục vẫn giữ như cũ, Tông miếu, chánh sóc, huy chương, sắc phục đều theo pháp chế nhà Ngô. Năm sau, Nhượng Hoàng mất, Đường chủ không thiết triều hai mươi bảy ngày, truy thụy là Duệ Hoàng Đế. Đường, năm Thăng Nguyên năm thứ ba, Tri Cáo lại lấy họ Lý, đổi tên là Biện.

* ***Thiền sư Phong Huyệt ở Nhữ châu:*** Sư họ Lưu, húy Diên Chiểu người Dư Hàng, Tiền Đường. Từ nhỏ Sư đã không ăn mặn, học Nho đi thi tiến sĩ nhưng không đỗ bèn xuất gia, theo Trí Cung chùa Khai nguyên trong châu này thế phát, thọ Cụ túc, học chỉ quán Thiên Thai. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư yết kiến Cảnh Thanh, tham vấn Nam Viện Ngung Công, tỏ ngộ yếu chỉ. Sư ở đây sáu năm rồi cáo từ ra đi. Hậu Đường Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ hai, Sư đến Nhữ Thủy, ngôi nhà tranh chỉ còn vài cây kèo gác vách núi như nhà hoang, Sư hỏi các bậc phụ lão, họ đáp: “Đây là chùa Phong Huyệt xưa kia, đời đời truyền Luật, tăng vật cũ chúng bỏ đi hết rồi!”. Sư hỏi: “Tôi ở được không?” Họ đáp: “Được!”

Sư dừng chân ở đây, ban ngày vào thôn xóm khất thực, đêm về đốt nhựa tùng, một mình ở suốt bảy năm. Đến lúc này, Thiên Phước năm thứ hai, châu mục Lý sứ quân nghe đạo phong của Sư, chí thành lạy thỉnh. Ngày Thượng Nguyên, Sư khai đường thuyết pháp, kế thừa Nam Viện Ngung Công. Hán Ẩn Đế, năm Càn Hựu năm thứ hai, Lý Quân dời qua trấn giữ Trình châu, Sư tránh loạn nên qua đây ở tạm tại nơi thanh tịnh trong quận. Có Tống Thái sư ở Nhữ châu cúng phủ đệ làm Tăng phường lấy tên Tân Tự, thỉnh Sư trụ trì. Pháp tịch hưng thịnh. Chu Thái Tổ, niên hiệu Quảng Thuận năm đầu, Đế sắc tứ thành chùa Quảng Tuệ. Sư trụ ở đây hai mươi hai năm, chúng hơn trăm người. Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

*Roi tre trong rừng cây dưới núi.*

Tống Thái Tổ năm Khai Bảo năm thứ sáu, mồng bảy tháng tám, Sư lên tòa nói bài kệ:

*Thuận thời truyền đạo lợi sinh linh*

*Phương xa mến mộ đến ào ào*
*Năm khác có người nòi giống ấy*
*Ngày dâng hương khói đêm chong đèn.*

Đến ngày mười bốn, Sư viết thư từ biệt đàn việt, ngày rằm thì kiết già quy tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, Tăng lạp năm mươi chín hạ. Sư nối pháp Nam viện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng, Tưởng nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền.

- Mậu Tuất: Thiên Phước năm thứ ba. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ hai.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Văn Mục Vương Nguyên Quán* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Đường: Thăng Nguyên năm thứ 2* | *Mân: Thông Văn năm thứ 3* | *Thục: Quảng Chính năm đầu* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 11* | |

Tháng tám, Tấn Đế tôn hiệu Đại Liêu Chủ và Thái Hậu, cho Bình Chương Phùng Đạo, Lưu Hú làm sách lễ sứ, sắm đủ nghi vệ Thiên Tử, xa giá đến Liêu Chủ hành lễ. Đế thờ Liêu rất kính, dâng biểu xưng Thần, tôn là Phụ Hoàng Đế.

Tháng mười, Đế cho thuyền, xe Đại Lương tụ tập ở Tào Vận, rồi xây Đông kinh ở Biện châu, lại lấy Biện châu làm phủ Khai Phong lấy Đông Đô làm Tây Kinh, lấy Tây đô làm Tấn Xương quân tiết sứ, hạ chiếu cho quan dân tự đúc tiền đồng. Tiền ấy có tên Thiên Phước Nguyên Bảo.

Kỷ Hợi: Thiên Phước năm thứ tư. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ ba.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt:* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Đường: Lý Thăng Nguyến năm thứ 3* | *Mân: Vĩnh Long năm đầu* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 2* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 12* | |

Mùa Xuân tháng giêng, quần thần của Nam Đường nhiều lần dâng biểu xin Đường chủ Từ Tri Cáo lấy lại họ Lý, lập Tông miếu, Đường chủ đồng ý. Ông đổi tên Biện. Quần thần lại xin truy phong tôn hiệu, nhưng ông không nhận. Đường chủ không dùng ngoại thích làm phụ chánh, hoạn quan không được dự việc. Đó là điều mà các nước khác không theo kịp.

Mùa Thu tháng bảy nhuần, Mân chủ bị củng thần Khống Hạc quân sứ Liên Trùng Ngộ giết. Thúc phụ ông là Diên Nghĩa tự xưng uy vũ Tiết độ sứ Mân quốc chủ. Ông đổi tên Hy, truy thụy Mân Chủ là Đường Tông.

* ***Bồ-tát Quán Thế Âm:*** Tăng Đạo Dực người Hàng châu đêm nọ mộng thấy ánh sáng trên núi, lên xem thì thấy cây gỗ thơm lạ, mới sai thợ giỏi tạc tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, ánh sáng phát ra liên tục ngày đêm. Hán Cao Tổ, Càn Hựu năm thứ hai, có Tăng là Tùng Huân lấy xá-lợi của cổ Phật đặt vào tướng lông trắng của tượng, xá-lợi liền hiện che phủ đỉnh tượng. Lại nữa núi Bổ Đát Lạc Già trong biển thuộc Khánh Nguyên lộ, là nơi Bồ-tát thị hiện. Đường Tuyên Tông trong năm Đại Trung, Tăng Tây Vực Thiên Trúc đến trong động đốt ngón tay cầu khấn, tận mắt nhìn thấy diệu tướng của Bồ-tát Quán Âm, được Bồ-tát nói pháp yếu. Danh tích này từ đó nổi tiếng. Về sau, Tăng của Nhật Bản là Tuệ Ngạc được một tượng vẽ của Bồ-tát ở Ngũ Đài Sơn, Bắc Yên, mới đặt bên cạnh núi, nhà họ Trương. Họ Trương phụng thờ đổi nhà mình thành viện Quán Âm. Trong Xương Quốc Chí ghi: “Lương, năm Trinh Minh năm thứ hai mới dựng chùa. Tống Thần Tông năm Khai Phong năm thứ ba, sai sứ Vương Thuấn Phong quan Tam Hàn, đi thuyền đến động, gió dữ nổi lên, rùa nâng lấy thuyền. Thuấn Phong cầu khấn, Bồ-tát hiện tướng, thuyền an ổn về lại triều. Phong tâu lên triều đình, Đế ban vàng lụa cho dời chùa về dựng ở phía Nam núi Mai Sầm. Đế sắc tứ là Bảo Đà vốn là chùa hiện nay.

- Canh Tý: Thiên Phước năm thứ năm. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ tư. Mân Vương Hy độ một vạn một ngàn Tăng.

| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Thăng Nguyên năm thứ 4* | *Mân: Vĩnh Long năm thứ 2* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 3* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 13* | |

Tân Sửu: Thiên Phước năm thứ sáu. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ năm.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Con là Hoằng Tá lên ngôi* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Đường: Thăng Nguyên năm thứ 5* | *Mân: Vĩnh Long năm thứ 3* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 4* | *Hán: Đại Hữu năm thứ 14* | |

Tháng tám, Ngô Việt Quốc Văn Mục Vương Tiền Nguyên Quán mất, con là Hoằng Tá lên ngôi vương. Hoằng Tá bẩm tính ôn hòa, liêm minh, quyết đoán, thích đọc sách, trọng kẻ sĩ, siêng chăm chánh sự. Ông trị vì bảy năm, thọ hai mươi tuổi.

Tháng mười một, Đường chia sứ giả xem xét nghề nghiệp của dân. Xưa cứ dựa mập ốm mà định thuế, dân đều xưng ông xử đoán công bằng.

- Hán, tháng mười hai, Mậu Tuất, Hán chủ lâm bệnh, có vị Tăng Ấn nói với ông rằng, tên Cung là bất lợi, Hán chủ tự tạo chữ Nghiễm (gồm Long và Thiên) để làm tên mình, lấy nghĩa là Phi Long tại Thiên (rồng bay lên trời), đọc như chữ Nghiễm (bộ Nhân). Mân chủ dựng tháp đá bảy tầng ở đồi Tây Thành Nam, làm chưa được một nửa, tháp phát ra như cái tàn, ba đêm sau thì xong. Ánh sáng chiếu thẳng lên trời suốt ba đêm. Vương xa giá đến xem, sắc tứ tháp tên Tịnh Quang, còn dựng chùa viện trong cả nước.

- Nhâm Dần: Thiên Phước năm thứ bảy, Đế mất. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ sáu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Trung Hiến Vương Hoằng Tá* | *Sở* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Thăng Nguyên năm thứ 6* | *Mân: Vĩnh Long năm thứ 4* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 5* | *Hán: Bân lên ngôi, Quang Thiên năm đầu.* | |

Nam Hán tức Nam Bình,Quảng châu. Tháng tư, Cao Tổ Lưu Nghiễm mất. Tần Vương Hoằng Độ lên ngôi Đế, sau đổi tên là Bân.

* **Tề Vương:** Sử chép là Xuất Đế, húy Trọng Quý, anh Cao Tổ, con của Kính Nho, được phong Tề Vương. Năm con của Cao Tổ đều chết sớm, Trọng Duệ còn nhỏ. Tháng sáu năm Thiên Phước năm thứ bảy, Cao Tổ mất. Tháng bảy Thái thú Tư Đồ kiêm Thị trung Phùng Đạo và thiên bình Tiết độ sứ Thị vệ Mã bộ đô ngu hầu Cảnh Diên Quảng bàn đất nước khó khăn nên lập vua trưởng, mới đưa Quảng Tấn Doãn Tề Vương Trọng Quý kế tự rồi lên ngôi Hoàng Đế. Đại thần bàn dâng biểu xưng thần và báo tang với Liêu. Cảnh Diên Quảng xin nên gởi thư xưng cháu chứ không xưng thần. Lý Tung can nhưng Quảng không nghe. Phùng Đạo dựa trên sai trái mà ly gián. Đế mất, ông theo lời bàn của Diên Quảng. Liêu chủ nổi giận sai sứ đến trách tội, Diên Quảng trả lời bất kính. Năm Bính Ngọ, Khai Vận năm thứ ba, tháng mười, Liêu đem đại binh diệt Tấn. Liêu chủ sai Trương Ngạn Trạch dời Tề Vương về phủ Khai Phong và giết ngay. Đế ở ngôi bốn năm, vận nước về nhà Liêu, không thấy ghi ông thọ bao nhiêu tuổi, đó là vào năm Thiên Phước năm thứ tám. Niên hiệu Khai Vận ba năm.

- Quý Mão: Thiên Phước năm thứ tám. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ bảy.

| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Cảnh Bảo Đại năm đầu* | *Mân: Thiên Đức năm đầu.* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 6* | *Hán: Hoằng Hy, Càn Hóa năm đầu* | |

Đường chủ uống thuốc của bọn Phương sĩ tính tình trở nên nóng nảy. Quần thần vào tấu việc, ông thường nổi giận. Ông hỏi đạo sĩ Vương

Thê Hà:

Đạo nào có thể khiến thiên hạ thái bình?

Hà đáp:

Vương giả trị tâm trị thân chính là trị quốc gia. Nay bệ hạ còn chưa bỏ được đói no lo vui thì bàn thái bình làm gì!

Tống hậu khen hay, cho là chí lý. Tất cả những gì Đường chủ ban cho, Hà đều không nhận. Tháng mười hai, bệnh Đường chủ phát ra ở lưng, ông triệu Tề Vương Cảnh vào hầu bệnh và nói với Cảnh: "Ta uống Kim thạch cốt muốn sống lâu, trái lại nguy hại, ông nên dè dặt!" Đêm ấy, ông mất. Nguyên Tông Cảnh lên ngôi.

* ***Mân:*** Vương Diên Chính xưng Đế ở Kiến châu, lấy quốc hiệu Đại Ân. Trước đây, Thiên Phước năm thứ tư, Hy lên ngôi nhưng xa xỉ bạo ngược, nghi kỵ Tông tộc. Em ông là Kiến châu Thứ sử Vương Diên Chính gởi thư can gián, Hy nổi giận. Từ đó anh em gây thù chuốc hận đem binh đánh nhau. Đến lúc này Diên Chính xưng Đế.

* ***Hán:*** Thương Đế: Ông kiêu căng xa xỉ không đoái hoài quốc sự, Tấn Vương Hoằng Hy muốn mưu đồ lật đổ nên bày đủ kỷ nhạc, ton hót làm ông hài lòng để hoàn thành dã tâm của mình. Lát sau, thừa lúc Đế say rượu, Hoằng Hy giết ông rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Càn Hóa, đó là Trung Tông.

* ***Tông Pháp Nhãn:*** Thiền sư Thanh Lương, họ Lỗ húy Văn Ích, người Dư Hàng. Năm bảy tuổi, Sư theo Thiền sư Đồng Vỹ ở viện Trí Thông, Tân Định thế phát, từ nhỏ đã thọ giới tại chùa Khai nguyên, Việt châu, nghiên tầm Tỳ-ni, cứu xét Nho điển. Sư chấn tích về nam, đến Phước châu yết kiến Thiền sư Tuệ Lăng Trường Khánh nhưng không khai ngộ, muốn xuống núi đi qua Chương châu. Đến Thạch Sơn, Thành Tây gặp phải trời tuyết, Thiền sư Quế Sâm ở viện Địa Tạng hỏi Sư:

- Thượng tọa học hiểu giảng tam giới duy tâm vạn pháp duy thức, và Sâm chỉ phiến đá trước thềm hỏi: Phiến đá này ở trong tâm hay ngoài tâm?

Sư đáp:

Trong tâm.

- Hành cước mắc chứng gì để phiến đá trong tâm mà đi.

Sư bí lối không đáp được và ở lại đây cầu quyết trạch. Hơn một tháng, Sư trình kiến giải, nói đạo lý. Sâm nói:

- Phật pháp không phải như vậy.

Sư thưa:

Con lời hết lý cùng rồi.

- Nếu luận Phật pháp thì tất cả đều hiện thành.

Ngay đây, Sư đại ngộ, ở lại đây rất lâu. Đường, Lộ Vương năm Thanh Thái năm thứ hai, Sư từ biệt đến Gianh Tây,. Châu mục Vũ châu kính trọng đạo đức của Sư nên thỉnh Sư trụ trì viện Sùng Thọ. Nam Đường lập quốc, Đường chủ đón Sứ đến Thiền viện Báo Ân ở Kim Lăng, ban hiệu Tịnh Tuệ Thiền sư. Thỉnh qua trụ trì chùa Thanh Lương, xiển dương Phật pháp. Đường chủ mời Sư đi xem hoa mẫu đơn, thỉnh Sư làm thi phú. Sư ứng thanh đọc:

*Theo vua ngắm hoa thơm*
*Cảm nhận vốn chẳng đồng*
*Tóc ngày nay bạc trắng*
*Hoa năm ngoái vẫn hồng,*
*Sắc đẹp tùy sương sớm*
*Mùi hương theo gió nồng*
*Đâu cần đợi héo úa*
*Sau đó mới biết không.*

Đường chủ nghe bài thơ liền đốn ngộ huyền chỉ. Đến Chu, Hiểu Đức năm thứ năm, tức Đường, Giao Thái năm đầu, ngày mười bảy tháng bảy, Sư có chút bệnh, Đường chủ đến thăm hỏi. Mồng năm thánh bảy nhuần, sư từ biệt đại chúng kiết già quy tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, tăng lạp năm mươi bốn hạ. Công Khanh Lý Kiến Huân trở xuống đều mặc tang phục dựng tháp phụng toàn thân Sư ở Đan Dương, huyện Giang Ninh. Đế ban Sư thụy Đại Pháp Nhãn Thiền Sư, tháp hiệu Vô Tướng. Sau, Đế lại ban thụy Đại Trí Tạng Đại Đạo Sư. Đệ tử đắc pháp có bốn mươi ba người, mỗi người dẫn dắt một phương. Những người tùy căn cơ ngộ nhập thật không kể hết. Sư nối pháp Địa Tạng Quế Sâm, Sâm nối pháp Huyền Sa Sư Bị, Bị nối pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Tông môn kính ngưỡng đạo pháp của Sư, gọi đây là Tông Pháp Nhãn.

- Giáp Thìn: Khai Vận năm đầu. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ tám.

| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt Quốc* | *Sở* |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 2* | *Mân: Chu Văn Tiến* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 7* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 2* | |

Lưu Hú giao cho Tư không Bình Chương sự soạn Cựu Đường Sử, những dị tích của Phật, Tổ đều được chép trong đây. Đời Tống, Âu Dương Tu soạn Đường Thư đã cắt bỏ hết.

Mùa Xuân, tháng giêng, Mân củng thần đô chỉ huy sứ Chu Văn Tiến, các môn sứ Liên Trọng Ngộ giết Mân Chủ Hy, hạ chiếu cáo với bá quan: "Thái tổ Quang mở nước Mân, nay con cháu xa xỉ bạo ngược, mất hết tôn ty, Trời ghét họ Vương nên lựa người có đức lập lên". Mọi người chẳng ai dám lên tiếng. Trọng Ngộ suy tôn Chu Văn Tiến lên điện, đội mũ miện, dẫn quần thần quay mặt về bắc lạy hai lạy xưng thần. Văn Tiến tự xưng Mân Vương, truy tôn Mân chủ Hy thụy là Cảnh Tông. Năm đó, Văn Tiến bị thuộc hạ giết, gói đầu giao nộp Ân Vương Diên Chính ở Kiến châu. Năm sau, quân của Nam Đường lấy Kiến châu, Diên Chính quy hàng. Nước Mân tồn tại năm mươi năm vận nước hết.

*Nghe chuông dứt khổ: Thời Nam Đường, ở huyện Thượng Nguyên Giang Nam có người dân chết giấc, ba ngày sau tỉnh dậy nói: "Tôi đến trước sân điện chợt thấy Tiên vương bị gông cùm rất chặt, tôi đến gần và hỏi: "Ngài vì sao ra nông nỗi này?" Người đó đáp: Ta bị Tống Tề Khâu lừa dối đã giết hơn ngàn người quy hàng ở Hòa Châu, oan gia tố tụng nên bị giam ở đây. Ông được thả về hãy đến báo với nhà vua đương triều phàm chùa viện đánh chuông hãy đánh lâu một chút. Người chịu khổ nghe chuông liền được tạm tha. Hoặc có thể đúc một quả chuông cho ta càng tốt. Khi còn ở ngôi, ta giao hảo với nước Vu-điền, quốc vương ấy có tặng cho ta một tượng Thiên Vương bằng ngọc, ta thường để trong búi tóc, sau giấu nó dưới gối trái tượng Phật trong chùa Ngõa quan mà chẳng ai hay biết. Ông có thể lấy tượng này làm vật chứng minh". Người dân ấy về báolại mọi việc, Đường chủ đích thân đến chùa Ngõa quan quả nhiên thấy pho tượng dưới gối trái của Phật. Đường chủ cảm thương khóc lóc rồi đúc một quả chuông trong chùa Thanh Lương trên chuông ghi: "Cầu phước cho Liệt Tổ Hiếu Cao Hoàng Đế thoát khỏi u đồ, ra khỏi ách nạn". Ông dựng tháp ở Tưởng Sơn an trí pho tượng.

- Ất Tỵ: Khai Vận năm thứ hai. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ chín.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 2* | *Mân diệt vong* | *Thục: Quảng Chính năm thứ 8* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 3* | |

Bính Ngọ: Khai Vận năm thứ ba. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ chín.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 4* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 8* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 4* | |

Đinh Mùi: Khai Vận năm thứ tư. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ mười một.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Hoằng Tá mất.* | *Sở: Hy Quảng lên ngôi.* |
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 5* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 10* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 5* | |

Tháng tư, Liêu Thái Tông mất, ở ngôi hai mươi hai năm. Tháng năm, Thế Tông lên ngôi, húy Nguyễn Phiên, tên Ngột Dục, con của Đông Đan Vương Đột Dục, cháu Thái tổ. Năm Mậu Thân, đổi niên hiệu Thiên Lộc. Thiên Lộc năm thứ tư, Tân Hợi mùa Thu tháng chín, ông bị Yên Vương Thuật Triếp giết ở Hỏa Thần Định, Tân châu, ở ngôi năm.

Tháng năm, Sở Văn Chiêu Vương Hy Phạm mất, bá quan đưa em ông là Hy Quảng lên ngôi.

Tháng sáu, Ngô Việt Trung Hiến Vương Hoằng Tá mất, di mệnh cho Thừa Tướng Hoằng Tông làm Trấn hải trấn đông Tiết độ sứ. Năm này, ông bị nội nha Thống quân sứ Hồ Tiến Tư phế, lập em ông là Hoằng Thục, đó là Trung Ý Vương. Vương để tâm đến Phật giáo, vừa lên ngôi,

ông đã đem ban vàng lụa, dựng Già-lam ở những nơi danh Sơn Thánh tích của các quận ở Lưỡng chiết. Núi Chi Đề ở Phước Châu là Thiên Quan Bồ-đề đạo tràng. Vương cúng bảy báu đúc cả ngàn tượng Thiên Quan, lập chùa viện nguy nga tráng lệ bậc nhất ở Thất Mân (Phước Kiến và Chiết Giang).

Mùa Xuân tháng giêng năm Đinh Mùi, quân Liêu đến Đại Lương. Tấn đế, Thái hậu trở xuống dâng biểu xin hàng, đón ở ngoài cửa Phong Khâu. Liêu chủ cáo từ không gặp, phong Tấn đế làm Phụ Nghĩa Hầu, cho ở tại phủ Hoàng Long, tức thành Hòa Long của Mộ Dung Yên. Liêu chủ đổi và mặc y phục Trung Quốc, trăm quan đi ở đều theo pháp chế cũ, đưa Tấn đế, Lý Thái hậu, Phùng hậu về bắc, Tả hữu ở hậu cung hơn trăm người cùng đi theo, có ba trăm quân kỵ của Khiết Đan đưa đi. Tháng hai, Liêu chủ về nước, cho Tiêu Hàn làm Đại Lương Tiết độ sứ. Hàn là con của người anh Thuật Luật Thái hậu, em ông lại làm Hoàng hậu của Liêu chủ. Ban đầu, Hàn có họ Tiêu, là họ của Hoàng hậu Thuật Luật Thái tổ A Bảo Cơ. Mùa hạ, tháng tư, Liêu chủ về lại Lâm Thành thì ngã bệnh, đến Loan Thành bệnh càng nặng. Năm Bính Tý, đến Sát Hồ Lâm thì mất, người trong nước ướp mấy đấu muối trong bụng ông rồi đưa về bắc. Người Tấn gọi ông là Đế Ba (vua bị ướp muối). Hồi ấy, Hà Đông Tiết độ sứ Lưu Tri Viễn nghe Liêu Chủ vào đất Biện mới chia quân giữ bốn nơi để phòng bị đánh úp, lúc này tướng tá đều khuyên Viễn nên tôn hiệu, hiệu lệnh bốn phương, Tri Viễn không chịu. Quân sĩ đều nói: Nay Khiết Đan bắt Thiên Tử, thiên hạ không có chủ. Phiên Hán Khổng mục quan Quách Uy Đô, áp nha Dương Bân cũng khuyến tấn, Tri Viễn nghe theo. Tháng hai, Tân Mùi ông lên ngôi Hoàng Đế, vẫn xưng Thiên Phước năm thứ mười hai, đổi quốc hiệu Hán. Khiết Đan Tiêu Hàn nghe Hán đế xua quân về Nam, liền muốn về Bắc sợ trong nước không có chủ. Lúc này có con Đường Minh Tông là Lý Tùng Ích cùng mẹ là Vương Thục phi ở Lạc Dương, Hàn đón họ rồi lập làm Đế, dẫn hết các tộc trưởng đến lạy, trăm quan đến yết kiến. Thục phi khóc nói: Mẹ con ta yếu đuối thế này mà các ông lập nên thì thật là họa cho nhà ta. Hàn để hơn ngàn quân Yên ở lại giữ cổng thành, hộ vệ cho Tùng Ích, Hàn cáo từ về bắc. Hán đế đến Lạc Dương, sai Trịnh châu phòng ngự sử Quách Tùng Nghĩa vào trước Thanh cung Đại Lương, giết Lý Tùng Ích và Vương Thục phi. Hán đế đến Đại Lương, lại lấy Biện châu làm Trần kinh, quốc hiệu Hán.

Nhà Tấn gồm hai chủ, trị vì mười một năm, vận nước về nhà Hán.

* ***Nhà Hán:***

Họ Lưu, lấy hiệu Thủy Đức Vương, đóng đô đất Biện gồm Cao Tổ, Ẩn Đế.

***Cao Tổ:*** Húy Tri Viễn, đổi tên là Hạo, người bộ lạc Sa Đà, nhiều đời ở Thái Nguyên, cùng Tấn Cao Tổ đồng thờ Đường Minh Tông. Tấn Cao Tổ lên ngôi, cho Tri Viễn làm bảo nghĩa quân Tiết độ sứ, sau đổi qua làm Hà Đông Tiết độ sứ. Khai Vận năm thứ hai, ông được phong Bắc Bình Vương. Tấn Đế về Bắc, ông lên ngôi ở Tấn Dương, ở ngôi hai năm, thọ năm mươi bốn tuổi, xưng Thiên Phước hai năm, Càn Hựu một năm.

- Mậu Thân: Càn Hựu năm đầu. Đại Liêu, Thế Tông, Thiên Lộc năm đầu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt: Hoằng Thục.* | *Sở.* |
| *Kinh Nam: Bảo Dung lên ngôi* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 6* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 11* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 6* | |

Tháng giêng, Đế lại đổi tên Hạo. Giáp Tý, ông không khỏe, Đinh Sửu mất ở điện Vạn tuế, nhưng quần thần giấu kín không phát tang. Tháng hai, lập Hoàng Thái tử Thừa Hựu làm Chu Vương rồi lên ngôi Hoàng Đế, lúc này Hựu mười tám tuổi.

Mùa Đông tháng mười, Hình Nam Tiết độ sứ Nam Bìnhvăn Hiến Vương CaoTùng Hối mất, con ông là Bảo Dung làm Lưu Hậu, trị vì mười năm, thọ bốn mươi mốt tuổi.

* **Ẩn Đế:** Húy Thừa Hựu, con năm thứ hai của Cao Tổ, ở ngôi ba năm, thọ hai mươi tuổi, xưng năm Càn Hựu năm đầu.

Kỷ Dậu: Càn Hựu năm thứ hai. Đại Liêu, Thiên Lộc năm thứ hai.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở: Hy Quảng bị giết.* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 7* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 12* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 7* | |

* ***Quốc sư Đức Thiều:*** Ngài họ Trần, người Long Tuyền, Xử Châu, mười lăm tuổi xuất gia, mười bảy tuổi thế phát tại chùa Long quy trong châu này, mười tám tuổi thọ giới ở chùa Khai nguyên, Tín châu. Hậu Đường Trang Tông, trong năm Đồng Quang, ngài du phương, đầu tiên yết kiến Thiền sư Đồng ở núi ĐầuTử, kế đến yết kiến Long Nha Sơ Sơn. Cứ thế ngài tham vấn khắp năm mươi bốn Thiện tri thức. Sau cùng, ngài đến Gianh Tây, Phủ Châu tham vấn Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích. Ngài mệt mỏi chuyện tham vấn nên chỉ tùy chúng chấp lao phục dịch. Một hôm, tăng hỏi Pháp Nhãn:

- Thế nào là một giọt nước Tào Khê?

Nhãn đáp:

Là một giọt nước Tào Khê.

Ngài ở bên tòa nghe được hoát nhiên khai ngộ, thưa với Pháp Nhãn. Nhãn nói: "Về sau, ông được quốc vương thờ làm thầy, làm cho đạo Tổ rực sáng!".

Ngài trở về Xử châu, lên núi Thiên Thai, thấy di tích của Thiền sư Trí Giả Trí Khải, cảm thấy mình khế hợp đâu từ trước. Đầu tiên, ngài ở Bạch Sa. Lúc này Ngô Việt Trung Ý Vương Hoằng Thục làm vương tử, ông đến Thai châu, nghe danh tiếng ngài liền mời đến hỏi đạo. Đến lúc này, Càn Hựu năm thứ hai, Vương đã nối ngôi Ngô Việt, sai Sứ đi đón ngài, nhận lễ làm đệ tử, tôn ngài làm Quốc sư. Lúc này, có Sa-môn Nghĩa Tịch hoằng truyền giáo quán Thiên Thai của Trí Giả, Tịch chính là Pháp Sư Loa Khê. Tịch nhiều lần nói với ngài: "Giáo quán của Trí Giả qua nhiều năm tháng phần nhiều mai một, chỉ có nước Tân La là còn đầy đủ nhất, mong Hòa thượng từ bi đến đó cho". Ngài tâu với Việt Vương, vương sai sứ mang thư của ngài qua Tân La xin sao chép đầy đủ giáo quán đem về. Cho đến nay, giáo quán của tông Thiên Thai sở dĩ đầy đủ như vậy đều nhờ công sức của ngài. Ngài có bài kệ:

*Trên đỉnh Thông huyền*
*Không phải nhân gian*
*Ngoài tâm không pháp*
*Đầy mắt núi xanh.*

Pháp Nhãn nghe được, nói: “Một bài kệ này đủ dựng tông ta”.

Ngày hai mươi tám tháng sáu, Tống Thái Tổ, Khai Bảo năm thứ năm, ngài nhóm chúng từ biệt, ngồi kiết già quy tịch ở Liên hoa phong, thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi lăm hạ. Ngài nối pháp Pháp Nhãn Văn Ích.

- Canh Tuất: Càn Hựu năm thứ ba. Đại Liêu, Thiên Lộc năm thứ ba.

| *Triệu* | | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 8* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 13* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 8* | |

Vũ bình Tiết độ sứ Mã Hy Ngạc là anh của Hy Quảng bắt Sở Vương Hy Quảng và giết. Hy Ngạc tự xưng Vũ An Tĩnh Giang Ninh Viễn Đẳng Quân Tiết độ sứ, hàng nhà Đường. Đường phong cho ông làm Sở Vương, cuối cùng bị Đường diệt, đưa họ Mã về Kim Lăng. Mùa hè tháng tư, Hán đế cho Quách Uy làm Nghiệp đô lưu thú Thiên Hùng Tiết độ sứ. Khu mật vẫn giữ như cũ, cho Hữu giám môn vệ tướng quân Quách Vinh làm Thiên Hùng nha nội Đô Chỉ Huy Sứ. Vinh vốn họ Sài, cha là Thủ Lễ vốn anh vợ của Quách Uy. Uy chưa có con, mới nuôi Vinh làm con mình. Tháng năm, Uy nhận mệnh, cáo từ đi và nói với Đế: “Thái hậu theo Tiên đế nhiều năm nếm đủ việc trong thiên hạ, bệ hạ phải quý trọng thân mình, có việc gì nên thưa với Thái hậu sau đó hãy làm, thân gần trung tín, lánh xa tà nịnh, giữa tốt xấu phải phân định rạch ròi”. Lúc ấy, khu mật sứ hữu bộc xạ Đồng Bình Chương sự Dương Bân tổng quản quân cơ, khu mật sứ kiêm Thị trung Quách Uy nắm việc chinh phạt, Quy Đức Tiết độ sứ Thị Vệ Thân Quân Đô Chỉ Huy Sứ kiêm Trung Thư Lệnh Sử Hoằng Triệu nắm việc Túc vệ, Tam Ty Sứ Đồng Bình Chương Sự Vương Chương nắm việc thuế má. Các ông Bân v.v.. là trung thần, Đế tin dùng Nội Khách Tỉnh Sứ Diêm Tấn Khanh, Khu Mật Thừa Chỉ Nhiếp Văn Tiến, Phi Long Sứ Hậu Khuông Tán, Hàn Lâm Trà Tửu Sứ Quách Doãn Minh, họ sàm tấu rồi chấp chính. Đế ngày một lớn, chán ghét vì đại thần quản chế, nên cùng Khu Mật Sứ Nhiếp Văn

Tiến, Khuông Tán, Doãn Minh đã giết Bân. Triệu, Chương ở nhà Đông điện Quảng Chính vào mồng một tháng mười một. Đế sai Cung Phụng quan Mạnh Nghiệp đem mật chiếu đến Thiền châu và Nghiệp Đô để giết Vương Ân. Lại lệnh cho Nghiệp đô Hành Dinh Quân Mã Đô Chỉ Huy Quách Sùng Uy, Bộ Quân Đô Chỉ Huy Sứ Tào Uy giết Quách Uy và Giám quân Tuyên Huy Sứ Vương Tuấn. Quách Uy mới gọi Quách Sùng Uy, Tào Uy đến nói rằng: Bân v.v.. bị chết oan. Ông nói: "Ta cùng các ông ấy vạch gai góc, theo Tiên đế lấy Thiên hạ, nhận lệnh thác cô, tận lực giữ nước nhà, nay các ông ấy đã chết, ta lòng dạ nào sống một mình, các ông hãy làm theo chiếu thư cắt đầu ta đem về báo với Thiên Tử, ngõ hầu không phiền lụy nhau". Bọn Quách Sùng Uy khóc nói: "Thiên Tử nhỏ, háo thắng, đây chắc là do bọn tiểu nhân Tả hữu bày ra, chúng tôi xin nguyện theo ông vào triều tự tố, giết sạch bọn chuột kia để làm sạch triều đình, không thể để ông chết một mình". Quách Uy mới để con nuôi là Vinh ở lại giữ Nghiệp đô, sai Quách Sùng Uy dẫn kỵ binh đi trước, còn mình dẫn đại quân đi ngày sau kéo đến Phong Khâu. Tháng mười một, Đế sai bọn Mộ Dung Ngạn Siêu đem quân chống cự. Bọn Ngạn Siêu đánh và thua to chạy về. Hôm đó Đế ra ủy lạo ba quân, tàn quân thua trận chỉ có mấy mươi người chạy về cung, qua đêm ở Thất Lý trại, còn lại đều bỏ trốn. Sáng ngày Ất Dậu, Đế lên ngựa về lại cung đến cửa Huyền Hóa, Lưu Thù đứng trên cửa hỏi Đế "Tả hữu binh mã đâu mất?" Nhân đó bắn Tả hữu. Đế quay ngựa chạy lên Tây bắc, đến Triệu Thôn, truy binh đuổi đến, Đế xuống ngựa chạy vào nhà dân, bị loạn binh giết chết. Quách Uy đi thẳng vào Xuân môn. Đinh Hợi, Quách Uy dẫn bá quan đến cửa Minh Đức, rồi đến chỗ Thái hậu tâu rõ việc quân việc nước, xin lập vua mới. Thái hậu mới cho con của Hà Đông Tiết độ sứ Lưu Sùng là Vũ Ninh Tiết độ sứ Bân lên ngôi Hoàng Đế. Uy tấu cho Thái sư Phùng Đạo đến Từ châu nghênh rước. Canh Dần, Uy dẫn quần thần dâng biểu, Hoàng Đế đến cửa cung, cảm động gào khóc cả tuần, thỉnh Thái hậu lâm triều thính chính. Nhâm Thìn, Thái hậu bắt đầu lâm triều. Quách Uy vượt sông, đóng quân ở Thiền Châu. Quý Sửu, tướng sĩ cùng tôn lập Uy rồi đưa Uy về Nam, Uy dâng biểu cho Thái hậu xin phụng việc tông triều của nhà Hán, tôn Thái hậu làm mẹ. Vũ Ninh Tiết độ sứ Bân đã đến Tống châu. Quách Uy gởi thư cho Bân nói vì các tướng ép buộc, triệu Phùng Đạo về trước. Bân hỏi, nay phải tính thế nào? Đạo im lặng. Tháng mười hai, Kỷ Mùi, Thái hậu lệnh phế Bân làm Tương Âm Công, cho thị trung Quách Uy làm giám quốc. Tháng giêng năm Tân Hợi, Hán Thái hậu hạ chiếu giao phù bảo giám quốc,

Uy lên ngôi Hoàng Đế. Giám quốc Uy từ Cao Môn vào cung, lên ngôi ở điện Sùng Nguyên, xuống chiếu rằng: "Trẫm là con cháu nhà Chu, hậu duệ của Thúc, nên lấy quốc hiệu Chu". Tháng đó, giết Tương Âm Công ở Tống châu.

* ***Nhà Hán:*** gồm hai chủ, tồn tại bốn năm, vận nước về nhà Chu.

* ***Nhà Chu:*** Họ Quách, lấy hiệu Mộc Đức, đóng đô ở Đại Lương, gồm Thái Tổ, Thế Tông, Cung Đế.

* **Thái Tổ:** Húy là Uy, tự Trọng Văn, người Nghiêu Sơn, Hình châu. Cha là Giản thờ nhà Tấn giữ chức Thuận châu Thứ sử. Uy từ nhỏ mồ côi, sống nhờ người họ Thường ở Lộ châu. Lộ châu Lưu Hậu Lý Kế Thao chiêu mộ cảm tử làm quân, Uy năm ấy mười tám tuổi nhờ dũng cảm nên được tuyển chọn. Tấn, Thiên Phước năm thứ hai, Phạm Diên Quang làm phản ở Ngụy châu, Uy làm quân sĩ, từng theo Dương Quang Viễn chinh phạt phía Bắc. Uy vốn đầu quân với Lưu Tri Viễn, Tri Viễn xin cho ở lại, người ta hỏi nguyên do, Uy đáp: Ông Dương là kẻ có tài gian trá, không có khí chất anh hùng, được ta không biết dùng vào đâu. Người có thể dùng ta là ông Lưu chăng!". Sau, Uy phụng sự Tri Viễn làm Thị Vệ Đô Ngưu Hầu. Tri Viễn lên ngôi Hoàng Đế, Uy phò tá có công được bái phong đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự. Trong đời Hán Ẩn Đế, ông nhiều lần lập công, được phong làm Nghiệp đô Lưu Thú. Tháng mười một, năm Càn Hựu năm thứ ba, Hán Ẩn Đế bị giết, ông lên ngôi, ở ngôi ba năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Quảng Thuận ba năm.

- Tân Hợi: Quảng Thuận năm đầu. Đại Liêu, Thiên Lộc năm thứ tư, tháng chín Mục Tông lên ngôi. Ứng Lịch năm đầu. Đức Thích-ca nhập diệt một ngàn chín trăm năm.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán lập quốc, xưng Càn Hựu năm thứ 4* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở* |
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 8* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 14* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 9* | |

* ***Bắc Hán:*** Hồi ấy, Hà Đông Tiết độ sứ kiêm Trung Thư lệnh Lưu Sùng là em cùng mẹ với Cao Tổ, khi Cao Tổ lên ngôi, cho Sùng làm Thái Nguyên Doãn Bắc Kinh Lưu Thú. Hán Ẩn Đế bị hại, ông muốn khởi binh về nam, nghe đón con ông là Bân làm Hoàng Đế, ông dừng quân và nói: "Con ta làm Đế, ta còn cầu gì nữa". Đến khi Chu Thái Tổ lên thay nhà Hán, giết Bân ở Tống châu, Sùng nổi giận, hôm đó ông lên ngôi Hoàng Đế ở Tấn Dương, lấy quốc hiệu Hán, xưng năm Càn Hựu năm thứ tư. Tháng hai, Lưu chủ nghe Bắc Hán lập đế, mới sai Chiêu thảo sứ Phan Duật Nhiên gởi thư cho con ông là Lưu Thừa Quân. Hán chủ sai Thừa Quân gởi thư phúc đáp: "Bản triều điêu linh, muốn theo việc xưa nhà Tấn, cầu viện xin binh". Liêu chủ vui mừng, mùa hạ tháng tư Hán Chủ sai Trịnh Cung gởi thư cho Liêu xưng cháu và xin làm Sách lễ. Liêu Đế sai Yên Vương Thuật Trát đem Sách mệnh phong Hán chủ làm Đại Hán Thần Vũ Hoàng Đế, Hán chủ lại đổi tên Mân. Tháng chín, Liêu chủ đích thân viện giúp nhà Hán. Khi đến đầm Hỏa Thần ở Tân Châu. Yên Vương Thuật Trát và con Vỹ Vương là Đại Ninh Vương Âu Tăng v.v.. đem quân làm phản giết Đế, rồi Thuật Trát tự lập. Con Thái Tông là Tề Vương Thuật Luật ở xa ngoài Nam Sơn. Các đại thần phụng sự ông ấy để đánh giết bọn Thuật Trát, Âu Tăng và bè đảng của họ lập Thuật Luật làm Đế, đổi niên hiệu Ứng Lịch, an táng Liêu Đế ở Y Vu, Lư Sơn miếu hiệu Thế Tông, ở ngôi năm.

* ***Liêu Mục Tông Thiên Thuận Hoàng Đế:*** Húy Cảnh, tên Phiên là Thuật Luật, sau đổi tên là Minh, con trưởng của Thái Tông. Hồi ấy Thái Tông đánh Thạch Tấn để Đế ở lại hầu hạ Thuật Luật Thái hậu. Thái Tông mất, các tướng lập Thế Tông. Thế Tông bị giết, các tướng đón ông lên ngôi, từ đầm Hỏa Thần vào U châu. Đế tuổi trẻ ham chơi, không lo việc nước, mỗi đêm nhậu nhẹt đến sáng mới ngủ, đến trưa mới dậy. Người trong nước gọi ông là Thùy Vương, ở ngôi mười tám năm.

* ***Thiền sư Vĩnh Minh, Hàng châu:*** Tên Đạo Tiềm, người phủ Hà Trung, họ Vũ. Ban đầu, ngài yết kiến Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích. Pháp Nhãn hỏi:

- Ngoài tham vấn, ông xem kinh gì?

Ngài đáp:

Kinh Hoa Nghiêm.

- Sáu tướng tổng biệt dị đồng thành hoại, môn nào thâu nhiếp?

- Văn thì ở phẩm Thập Địa, nhưng lý thì ở tất cả pháp thế gian xuất thế gian đều có đủ sáu tướng.

- Hư không có sáu tướng không?

Ngài mờ mịt không đáp được.Pháp Nhãn nói:

Ông hỏi ta đi!

Ngài hỏi:

Hư không có sáu tướng không?

- Rỗng rang.

Ngay đó, ngài khai ngộ. Hôm sau nhân có sĩ nữ đến viện, Pháp Nhãn hỏi ngài:

Trong Luật nói, cách vách nghe tiếng vòng xuyến thì gọi là phá giới. Thấy vàng bạc, tạp vật đủ màu đỏ tía lẫn lộn, là phá giới hay không phá giới?

Ngài đáp:

Đó là con đường tốt để vào.

Pháp Nhãn nói:

Về sau, ông có năm trăm đồ chúng (hạc hóa sinh), được Vương hầu kính trọng.

Ngài lạy từ biệt, chấn tích đến ngôi chùa cổ ở Cù châu, ngày xem Đại Tạng Kinh. Đến lúc này, Quảng Thuận năm đầu, Ngô Việt Trung Ý Vương Hoằng Thục thỉnh ngài vào phủ thọ Bồ-tát giới, ban ngài hiệu Từ Hóa Định Tuệ Thiền sư, dựng đại Già-lam ở Nam Sơn lấy tên Tuệ Nhật Vĩnh Minh thỉnh ngài ở. Ngài xin ở tại chùa La-hán Quá Tân dưới tháp, thật phù hợp với mộng trước đây của Ý Vương. Thế là ý Vương lại ban hiệu cho ngài thêm hai chữ Ứng Chân. Ngài tịch năm Chu Hiển Đức năm thứ năm, nối pháp Pháp Nhãn Văn Ích.

* ***Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác ở Tuệ Nhật, Hàng châu:*** Ngài họ Vương, húy Diên Thọ, người Dư Hàng. Từ nhỏ, ngài đã quy tâm Phật thừa, không ăn mặn, ngày ăn một bữa, trì kinh Pháp Hoa, một lần phải hết bảy quyển. Chỉ trong hai tháng ngài đã tụng thuộc, cảm được bầy dê quỳ nghe. Năm hai mươi tám tuổi, ngài làm Hoa Đình Trấn Tướng, chí mộ Chân Thừa. Ngô Việt Văn Mục Vương Nguyên Quán biết ngài có tâm đạo mới thuận theo chí nguyện để ngài xuất gia. Ngài lễ Thiền sư Thúy Nham chùa Long Sách thế phát, chấp lao phục dịch, quên thân là quan lại. Áo chẳng mặc lụa là, ăn chẳng chọn mùi vị, rau dưa đạm bạc độ nhật qua ngày. Sau ngài lên ngọn Thiên Trụ ở Thiên Thai thiền định suốt ba tháng, đến nỗi chim yến làm tổ trong tay áo. Kế đó, ngài yết kiến Quốc sư Đức Thiều. Vừa gặp, Đức Thiều đã hứa khả, ngài tỏ ngộ huyền chỉ. Đức Thiều nói: “Ông có duyên với Nguyên Soái, ngày sau đại hưng Phật sự”.

Ban đầu, ngài trụ ở Tuyết Đậu, từng có bài thơ:

*Vượn lạc kêu rụng trăng, trong núi trăng*
*Khách quê ngâm hết nửa đêm đèn*
*Cảnh ấy lúc này ai hiểu thấu*
*Mây trắng núi sâu Tăng ngồi thiền.*

Ngô Việt Trung Ý Vương Hoằng Thục thỉnh ngài khai sơn Linh Ẩn Tân Tự. Năm sau, ngài về đạo tràng Vĩnh Minh, chúng đến hai ngàn. Tăng hỏi:

Thế nào là diệu chỉ của Vĩnh Minh?

Ngài đáp:

Đốt thêm hương đi!

- Cảm tạ thầy chỉ dạy.
- Với vui (hỷ), chẳng dính dáng.

Tăng lễ bái. Ngài nói:

*Muốn biết Vĩnh Minh chỉ*
*Trước cửa nước một hồ*
*Trời soi ánh sáng hiện*
*Gió đến sóng nhấp nhô.*

Ngài ở Vĩnh Minh mười lăm năm, độ một ngàn bảy đệ tử, thường truyền bá Bồ-tát giới cho bảy chúng, ban đêm cúng quỷ thần, phóng sinh các loài không thể kể hết, sáu thời dâng hoa hành đạo, ngoài ra tụng kinh Pháp Hoa đến một vạn ba ngàn biến, soạn Tông Cảnh Lục một trăm quyển. Ngô Việt Vương viết lời tựa, lời bạt, nhập Đại tạng lưu hành. Nay, phương trượng ở Tịnh Từ gọi là Tông Cảnh Đường. Thi, kệ, phú, vịnh của ngài đến ngàn vạn bài truyền khắp nước khác. Quốc vương Cao Ly xem văn giáo của ngài, liền sai sứ đem thơ sang nhận lễ đệ tử, lấy sợi vàng thêu y Tăng-già-lê, chuỗi hạt bằng thủy tinh, thau rửa bằng vàng dâng cúng cho ngài, ba mươi sáu Tăng Cao Ly được ngài ấn khả thọ ký, lần lượt về Cao Ly mỗi người giáo hóa một nơi. Tống Thái Tổ, Khai Bảo năm thứ bảy, ngài vào núi Thiên Thai truyền giới cho hơn vạn người. Giờ Thìn ngày hai mươi sáu tháng mười hai năm sau, ngài đốt hương từ biệt chúng rồi kiết già quy tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Năm sau, môn nhân dựng tháp ngài ở núi Đại Từ. Tống Thái Tông sắc tứ là Thọ Ninh Thiền Viện. Ngài nối pháp Quốc Sư Thiên Thai Đức Thiều, Thiều nối pháp Thanh Lương Pháp Nhãn Văn Ích, thuộc phái Thanh Nguyên đệ tử Lục tổ. Nối pháp của ngài có Hàng châu Càn Minh Tân Thiền Sư, Đương Dương Tử Mông Hòa thượng.

- Nhâm Tý: Quảng Thiện năm thứ hai. Đại Liêu Mục Tông Ứng

Lịch năm thứ hai.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán xưng Càn Hựu năm thứ 5* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | *Sở bị Đường diệt, tồn tại 56 năm.* |
| *Kinh Nam* | *Đường* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 15* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 10* | |

Mồng một tháng sáu, Chu Đế đi Khúc phụ, đến miếu thờ Khổng Tử, lệnh sửa sang lại, cấm không được đốn củi trong Khổng Lâm. Đế hỏi thăm hậu duệ của Khổng Tử là Nhan Uyên, cho Uyên làm Khúc Phụ Lệnh và làm Chủ Bạ.

- Quý Sửu: Quảng Thuận năm thứ ba. Đại Liêu Ứng Lịch năm thứ ba. Tượng Phật Chiên-đàn từ đây xuống đến một trăm bảy mươi bảy năm ở tại Biện Kinh.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: họ Lưu Càn Hựu năm thứ 6* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | |
| *Kinh Nam* | *Đường: bảo Đại năm thứ 11* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 16* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 11* | |

Trước đây, Hậu Đường Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ ba, Tể tướng Phùng Đạo, Lý Ngu xin khắc bản Cửu Kinh. Tháng sáu năm này họ khắc bản xong, dâng Đế, lưu bố rộng rãi. Việc khắc chữ ấn bản khởi nguyên từ đây.

- Giáp Dần: Tháng giêng Đế mất. Hiển Đức năm đầu. Đại Liêu, Ứng Lịch, năm này Thái sư Trung thư lệnh Doanh văn ý Vương Phùng

Đạo mất.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán chủ mất, Càn Hựu năm thứ 7* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | |
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 12* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 17* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 12* | |

Chu Đế không khỏe, tháng giêng gia phong Tấn Vương Vinh kiêm chức Thị trung Phán nội ngoại binh mã. Đế nhiều lần dặn Tấn Vương "Xưa ta chinh Tây thấy mười tám lăng của nhà Đường đều bị đào bới lên. Đó không do gì khác mà chỉ là do chôn cất quá nhiều vàng ngọc. Ta chết đi, ông hãy liệm ta vải thô, đặt trong áo quan đất nung, an táng liền đừng để lâu trong cung, chớ đặt quan giữ lăng mộ, chớ đục dê, cọp, người, ngựa bằng đá, chỉ khắc bia đá dựng trước lăng ghi rằng: "Thiên Tử nhà Chu bình sinh thích cần kiệm, di lệnh bảo liệm vải thô, áo quan đất nung, Thiên Tử kế vị không dám trái mệnh". Nhâm Thìn, tuyên chiếu xong, Đế mất. Bính Thân, Tấn Vương Vinh lên ngôi Hoàng Đế.

Tháng mười một, Bắc Hán chủ Mân mất, con là Thừa Quân sau đổi tên Quân lên kế ngôi. Hiếu Hòa Đế Quân tính hiếu thuận, cẩn thận. Sau khi lên ngôi, ông chăm lo quốc sự, thương dân, kính lễ kẻ sĩ, trong nước tạm yên.

* **Thế Tông:** Húy là Vinh, con người anh của Thái tổ Thánh Hậu Sài Thế, Thái Tổ nuôi ông, xem như con mình, phong làm Tấn Vương sau cho kế ngôi. Ông ở ngôi sáu năm, thọ ba mươi chín tuổi. Niên hiệu Hiển Đức sáu năm.

- Ất Mão: Hiển Đức năm thứ hai. Đại Liêu Ứng Lịch năm thứ năm.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: Lưu Quân, Càn Hựu năm thứ 8* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 13* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 18* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 13* | |

Tháng hai, Chu đế hạ chiếu dẹp bớt chùa viện không được sắc tứ trong cả nước, sai Quận phủ mỗi năm làm Tăng trướng, hễ có Tăng mất thì lấy ra treo lên. Tăng trướng xuất phát từ đó.

- Bính Thìn: Hiển Đức năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ sáu.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: Càn Hựu năm thứ 9* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | |
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 13* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 19* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 14* | |

Trước đây, Chu túc vệ tướng Triệu Khuông Dận đánh Bắc Hán có công, đến lúc này ông được phong làm Định quốc Tiết độ sứ kiêm Điện Tiền Đô Chỉ Huy Sứ. Khuông Dận dâng biểu xin Vị châu quân sự phán quan người Tô châu là Triệu Phổ làm Tiết Độ.

Tháng giêng, Chu Đế hạ chiếu thân chinh Hoài Nam. Đế triệu Hoa sơn ẩn sĩ Chân Nguyên Trần Bác vào hỏi thuật Phi Thăng Hoàng Bạch. Bác đáp: ""Bệ hạ là Thiên Tử phải lấy việc trị yên thiên hạ làm đầu, dùng những thứ ấy làm gì!" Bác cáo từ về núi.

- Đinh Tỵ: Hiển Đức năm thứ tư. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ bảy.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: Thiên Hội năm đầu.* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Kinh Nam* | *Đường: Bảo Đại năm thứ 15* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 20* | *Hán: Càn Hóa năm thứ 15* | |

- Mậu Ngọ: Hiển Đức năm thứ 5. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ 8.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: Thiên Hội năm thứ 2* | | *Phụng Tường* | | |
| *Kinh Nam* | *Đường: Năm Trung Hưng đổi thành Giao Thái năm đầu* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 21* | *Hán: Sưởng, Thiên Bảo năm đầu.* | |

Tháng ba, Chu Đế vượt sông đánh Đường. Đường chủ thẹn vì hàng quân Phiên, mới sai Binh Bộ Thị lang Trần dâng biểu xin nhường ngôi cho Thái tử Hoằng, dâng đất bốn châu Lô, Thư, Kỳ, Hoàng, vạch sông làm biên giới xin dứt binh. Tháng năm, Đường chủ Hoằng vì tránh tên húy của Chu Đế nên đổi tên Dực, hạ lệnh bỏ Đế hiệu chỉ xưng Quốc chủ. Tất cả nghi chế của Thiên Tử đều giáng thấp hoặc không dùng, bỏ niên hiệu, dùng Chánh Sóc nhà Chu, rồi cáo ở Thái miếu.

Mùa Thu tháng bảy, ban hành Đại Chu hình thống, Đế muốn thu đều thuế ruộng, lấy Nguyên chẫn quân điền đồ đưa về khắp các đạo. Nam Hán Trung Tông Lưu Hoằng Hy mất, con trưởng Vệ Vương Kế Hưng lên ngôi Hoàng Đế, sau ông đổi tên Sưởng lúc ấy mười sáu tuổi.

- Kỷ Mùi: Hiển Đức năm thứ sáu. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ chín.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: Quân Thiên Hội năm thứ 3* | | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* | |
| *Kinh Nam* | *Đường:* | | *Thục: Quảng Chính năm thứ 22* | *Hán: Thiên Bảo năm thứ 2* | |

Sân điện nhà Chu có bày chuông khánh nhưng không treo lên. Đế hỏi Nhạc công vì sao, chẳng ai đáp được. Khu mật sứ Vương Phác vốn hiểu âm luật, Đế đem việc nhạc hỏi, Phác dâng sớ đáp: "Lễ để kiểm thúc thân, nhạc để điều trị tâm, hình thuận bên ngoài, tâm hòa bên trong, mà thiên hạ không yên là điều chưa từng có. Bởi vậy trên tu lễ nhạc thì dưới vạn nước yên. Lời dạy Thánh nhân chẳng trang trọng nhưng hình thành nền chánh, không nghiêm cẩn nhưng trị dụng đạo này. Phàm nhạc phát sinh từ lòng người, tiếng hình thành ở vật. Vật tiếng đã thành lại hay cảm được lòng người. Xưa Hoàng Đế thổi ống quản chín tấc được chánh âm hoàng chung, một nửa là tiếng trong, hai phần là tiếng chùng. Thêm bớt trong ba phần ấy mà hình thành mười hai luật. Mười hai luật này hỗ trợ nhau hình thành cung, sinh ra bảy điệu gọi là một quân. Được mười hai Quân, tám mươi bốn điệu là đầy đủ nhất. Gặp lúc nhà Tần diệt học trò, nhiều đời nay, người đánh nhạc ít ai dùng đến. Thế Tổ Hiếu Tông của Đường Thái Tông Trương Văn Thâu khảo chính đại nhạc đủ tám mươi bốn điệu, trong biến loạn của An Sử, nhạc cụ và nhạc công trong mười người chết hết tám, chín. Đế loạn Hoàng Sào thì chết sạch không còn. Lúc này có Thái Thường Bác sĩ Ân Doanh Tôn xét dựa Công ký mới đúc mười hai bác chung, hai trăm bốn mươi biên chung. Xử sĩ Tiêu Thừa Huấn giáo định khánh đá, nay là những thứ ở trong huyện. Tuy có hình dáng chuông khánh (nhưng hòa âm hoàn toàn khác. Chung và bác này không nghe ra âm luật, chỉ tuần tự mà đánh, còn biên chung biên khánh) chỉ để không trong huyện mà thôi. Trúc tơ, bầu đất chỉ có bảy thanh, gọi là cung của Hoàng chung, nay còn chín khúc, khảo xét ba khúc hợp luật, sáu khúc sai lệnh các điệu, bởi âm nhạc phế khuyết không gì hơn hiện nay. Bệ hạ vũ công vang danh, lại lưu tâm trong lễ nhạc, cho thần từng học luật,

cung, chỉ bày âm nhạc xưa nay, sai thần thảo luận. Thần kinh cẩn vâng mệnh, sẽ phân định rõ ràng. Loại dài chín tấc rộng ba phân là ống quản của Hoàng Chung, tương ưng với Hoàng Chung ngày nay, nhân đó suy ra được mười hai luật, để làm tiếng chung cho các loại quản, không tiện mới soạn luật. Xét loại đàn có mười ba dây nó dài chín thước đều ứng với hoàng chung. Luật, thanh theo năm thứ tự xếp ở trụ làm thành mười một luật, đến tiếng trong của hoàng chung lại dùng bảy luật làm một quân, đó là chủ của quân, còn gọi là quan. trưng, thương, vũ, giốc, biến quan, biến trưng ở kế sau. Phát thanh quân chủ kết quy về luật âm gốc, theo năm thứ tự không loạn liền thành điệu, gồm tám mươi mốt Điệu. Cách này đã mất từ lâu, vượt ngoài hiểu biết của Thần, xin cho tập họp các quan để so sánh được mất."

Đế hạ chiếu làm theo. Bá quan đều cho là đúng và ban hành. (Bác chung (loại chuông lớn) có mười hai giá ứng với vị thứ của mười hai giờ. Bào là một trong tám âm, chính là bào sinh (Sênh như quả bầu) do đất nặn thành.

Lập Hoàng Tử Tông Huấn làm Lương Vương, lãnh chức tả thượng tướng quân. Đế bắc chinh, lưng nổi nhọt, tháng sáu mất trên đường về. Giáp Ngọ tuyên di chiếu cho Lương Vương lên ngôi Hoàng Đế.

* **Cung Đế:** Tên là Tông Huấn, con của Thế Tông, được phong Lương Vương, lên ngôi năm bảy tuổi. Tháng giêng năm Canh Thân, Trấn Định dịch trạm báo, Bắc Hán cấu kết với người Nhung vào cướp phá. Đế sai chỉ huy sứ Triệu Khuông Dận bắc chinh. Ngay hôm đó, Dận xuất quân, tối thì đến dịch trạm Trần Kiều. Canh năm đêm ấy, quân sĩ tuốt kiếm, đứng xếp hàng trước sân nói: "Chúng tôi không có chủ, nguyện tôn Thái úy làm Thiên Tử" Họ suy tôn ép ông về Nam, từ cửa Nhân Hòa vào. Thái úy về dinh thự, Tể tướng Phạm Chất v.v... đến điện Sùng Nguyên, triệu văn võ bá quan đến quyết định. Đế tự hàng, hạ chiếu rằng: "Trời sinh dân đen, lập người chăn dắt, hai Đế chỉ việc chung mà nhường ngôi, ba Vương thuận thời mà thay đổi, nhằm thống nhất vậy. Tôi là con út gặp phải gia cảnh không đoàn viên, lòng người đã hết, vận nước phải có nơi về, tìm đến người có đức. Quân Tiết độ sứ Điện tiền đô điểm kiểm Triệu Khuông Dận bẩm thọ tư chất thượng Thánh, tài lược Thần vũ giúp Cao Tổ ta thay đổi mệnh trời, nay thờ Thế Tông công to phước lớn, đánh đông dẹp tây ông ấy có công đầu, trời đất quỷ thần nhờ người có đức, xướng ca kiện tụng vì kẻ nhân từ, ứng trời thuận người theo Nghiêu nhường Thuấn, nay bỏ trọng trách, tôi xin làm khách. Than ôi! Kính thay! Chỉ sợ mệnh trời". Tuyên huy sứ dẫn Dận

đến thềm điện nghe chiếu dụ xong, Tể tướng dìu ông lên điện, vào nhà đông bận ngự phục lên tòa. Quần thần lạy mừng. Đế hạ chiếu đổi Chu Hiển Đức năm thứ bảy thành Kiến Long năm đầu, lấy quốc hiệu Đại Tống. Mồng bốn tháng giêng, ông phong Cung Đế là Trịnh Vương, đưa người tế tự Chu thất về Tây Kinh, Khai Bảo năm thứ sáu, Trịnh Vương mất.

Nhà Chu gồm ba chủ, trị vì chín năm, vận nước về nhà Tống.

■

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

## QUYỂN 4

* ***Nhà Tống:*** Họ Triệu, vương hiệu Thổ Đức, đóng đô đất Biện, nay là Biện Lương lộ, gồm Thái Tổ, Thái Tông, Chân Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, Huy Tông, Khâm Tông, Cao Tông, Hiếu Tông, Quang Tông, Ninh Tông, Lý Tông, Độ Tông, Ấu Chúa.

*Thái Tổ: Húy là Huyễn Lãng, ban đầu có tên Quang Dận, Khuông Dận, người Lạc dương, Tây Kinh, họ Triệu, làm quan nhà Chu giữ chức Quy đức quân Tiết độ sứ Điện tiền đô điểm giản, nhận ngôi nhà Chu vào năm ba mươi bốn tuổi. Ông lên ngôi, lấy ngày mười sáu tháng hai làm Tiết Trường Xuân, ở ngôi mười sáu năm, thọ năm mươi tuổi. Đế nhiều lần dựng chùa viện, mỗi năm độ tám ngàn tăng. (Xem trong niên hiệu có ghi đủ). Niên hiệu Kiến Long ba năm, Càn Đức năm, Khai Bảo tám năm.

- Canh Thân: Kiến Long năm đầu. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười, đưa Trịnh Vương về Tây Kinh. Tháng giêng năm Khai Bảo năm thứ sáu, Trịnh Vương mất ở Phòng châu, được truy thụy là Cung Đế.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán:Thừa Quân* | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* |
| *Kinh Nam họ Cao, Bảo Úc lên ngôi* | *Đường: Cự lên ngôi* | *Thục* | *Hán: Thiên Bảo năm thứ 3* |

Tháng chín, Đế đánh Lý Trọng Tiến ở Hoài Nam, thánh mười hai hạ chiếu dựng chùa ở chiến địa Quảng Lăng, sắc tứ là chùa Kiến Long, ban bốn khoảnh ruộng hương hỏa để cầu siêu cho chiến sĩ trận vong, thỉnh Sa-môn Đạo Huy trụ trì.

Tân Dậu: Kiến Long năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười một.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán: Thừa Quân* | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* |
| *Kinh Nam họ Cao* | *Đường* | *Thục* | *Hán: Thiên Bảo năm thứ 4* |

Ngày mười sáu tháng hai, ngày sinh của Đế, bãi bỏ luận giảng của ba giáo. Từ năm Khai Bảo về sau, mới triệu tăng của Tam học vào điện đình thi nghĩa. Từ kinh thành ra đến cả nước, cứ vào ngày sinh của Đế hàng năm thỉnh Tăng lên tòa thuyết pháp chúc thọ. Người được kế thế giảng thuyết phải chọn từ những người thi nghĩa kinh.

Nhâm Tuất: Kiến Long năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười hai.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán* | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* |
| *Kinh Nam:họ Cao, Kế Xung lên ngôi.* | *Đường* | *Thục* | *Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 5* |

Đế hạ chiếu cho những vị Tăng đồng chân xuất gia mỗi năm đến bản châu khảo thí, đủ khả năng thì đưa vào Kinh sư đảm trách việc chính sự quan trọng, giám khảo. Ai thông tỏ bảy quyển Diệu Pháp Liên Hoa Kinh thì báo tên với Hạ từ bộ cấp điệp thế phát, nếu người được Đế đặc biệt hạ chiếu cho thì độ khắp Tăng ni không giới hạn số lượng như việc trong năm Thái Bình Hưng Quốc và năm Kiến Long.

- Quý Hợi: Càn Đức năm đầu. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ 13. Kinh Nam Cao Kế Xung dâng biểu nộp đất quy hàng nhà Tống. Kinh Nam tồn tại năm mươi bảy năm, đất nước diệt vong.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Triệu* | *Bắc Hán:Lưu Thừa Quân* | *Phụng Tường* | *Ngô Việt* |
| *Kinh Nam diệt vong* | *Đường* | *Thục: Mạnh Sưởng* | *Nam Hán:Sưởng Thiên Bảo năm thứ 6* |

- Giáp Tý: Càn Đức năm thứ hai. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười bốn.

| Triệu | Bắc Hán | | Ngô Việt |
|---|---|---|---|
| | Đường | Thục | Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 7 |

Ất Sửu: Càn Đức năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười lăm.

| Triệu | Bắc Hán | | Ngô Việt |
|---|---|---|---|
| | Đường | Thục mất | Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 8 |

Bính Dần: Càn Đức năm thứ tư. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ mười sáu.

| Bắc Hán | | Ngô Việt |
|---|---|---|
| Đường | Thục | Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 9 |

Đế hạ chiếu "Tần Lương đã thông, sai hơn trăm tăng đi Tây Vực tìm kinh pháp nhà Phật".

Đinh Mão: Càn Đức năm thứ năm. Đại Liêu, Mục Tông, Ứng Lịch năm thứ mười bảy.

| Bắc Hán: Thừa Quân | Ngô Việt |
|---|---|
| Đường | Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 10 |

Mậu Thìn: Tháng mười một, đổi niên hiệu Khai Bảo năm đầu. Đại Liêu, Mục Tông bị giết, Cảnh Tông lên ngôi, Bảo Ninh năm đầu.

| | | | |
|---|---|---|---|
| Bắc Hán: Kế Nguyên lên ngôi, Quảng Vận năm đầu. | Ngô Việt | Đường | Nam Hán: Thiên Bảo năm thứ 11. |

Ngày hai mươi bảy tháng chín, Đế hạ chiếu cho Thành Đô phủ tạo kinh Phật mỗi loại một tạng bằng chữ vàng bạc. Lệnh cho Binh bộ thị lang Lưu Hy Cổ giám sát công việc. Mùa Đông tháng mười một, tế Giao, tế Tự xong, Đế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu.

* ***Bắc Hán:*** Mùa Thu tháng bảy, Thừa Quân bệnh nặng, triệu Bình Chương sự Quách Vô Vi, cầm tay Kế Ân giao phó mọi việc. Kế Ân nối ngôi, truy thụy Thừa Quân là Hiếu Hòa Đế. Hơn hai tháng sau, vào tháng chín, Hầu Bá Vinh Quách Vô Vi giết Kế Ân, đón Kế Nguyên lập làm Hán chủ, đổi niên hiệu Quảng Vận. Trước đây, con rể của Hán chủ Lưu Bân là Tiết Chiêu rất có tài, sinh người con là Kế Ân thì Chiêu mất. Vợ ông tái giá lấy người họ Hà, sinh ra Kế Nguyên. Vợ chồng họ Hà chết, Định Vương Thừa Quân không có con, Bân mới cho Nguyên, Ân làm con nuôi của Thừa Quân, đến lúc này, giết Kế Ân lập Kế Nguyên làm Hán chủ.

* ***Đại Liêu:*** Những năm cuối đời, Mục Tông tàn ác bất nhẫn, người người nín thở vì họa phước không lường. Gặp lúc say, ông ăn không được muốn chém đầu bếp. Ngự thiện sợ họa lây, nhân bưng cơm dâng đã kẹp con dao giết ông dưới chân Hắc Sơn vào tháng chín, truy thụy là Thiên Thuận Hoàng Đế, miếu hiệu Mục Tông. Cảnh Tông lên ngôi, húy Minh Ký, sau đổi tên Hiền, con của Thế Tông Nguyên Dục. Trước đây, khi Thế Tông bị giết, ông mới chín tuổi, ngự trù Lưu Giải Lý bó ông trong chăn bông giấu trong đống củi nhờ vậy thoát chết. Đến lúc này ông lên ngôi. Ông từ nhỏ đã bệnh nhiều, chẳng lo triều chánh ông mất tháng mười hai Nhâm Ngọ, Càn Hanh năm thứ chín, thụy là Hiếu Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Cảnh Tông.

- Kỷ Tỵ: Khai Bảo năm thứ hai. Liêu, Cảnh Tông, Bảo Ninh năm thứ hai.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bắc Hán: Kế Nguyên, Quảng Vận năm thứ 2* | *Ngô Việt* | *Đường* | *Nam Hán* |

Ngày mười sáu tháng hai, tiết Trường Xuân, Đế đồng ý cho Tăng cả nước dâng biểu vào sân điện tỉ thí Tam Học, lệnh cho Khai phong phủ công đức sứ sai Tăng kiểm chứng mười điều trong Kinh Luật luận, ai thông suốt hết thì ban cho y tía, hiệu là Thủ Biểu Tăng. Đến Thái Tông, Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tư, Công Đức Sứ tâu "Thiên hạ là

một nhà chẳng cần phải thủ biểu". Từ đó, trong ngày sinh của Hoàng Đế, Tể phụ, Thân vương, Giám ty, Thứ sử mỗi bộ đều phải tiến cử Tam Học Tăng mà mình biết. Riêng những người do Lưỡng Nhai Tăng lục tiến cử thì ngay hôm đó vào cung nhận Môn hạ điệp, đây gọi là Liêm Tiền Sư Hiệu, nếu cấp y tía thì gọi là Liêm Tiền Tử Y, ban xong cùng thiết trai cúng dường. Ngoài ra người do vương hầu tiến cử, thì hôm sau lúc mặt trời vừa mọc. Tiết Chế Liêm gạn hỏi, nếu được chọn thì chuyển xuống mà ban thưởng.

- Canh Ngọ: Khai Bảo năm thứ ba. Liêu, Bảo Ninh năm thứ ba.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng năm Vận năm thứ 3* | *Ngô Việt* | *Đường* | *Nam Hán: Sưởng hàng* |

***Nam Hán:*** Ở Lĩnh Nam, Lưu Sưởng đem nước hàng nhà Tống; Sưởng, Ân, Xá, Hầu cả thảy sáu mươi bảy năm, đất nước diệt vong. Năm này Đế lệnh cho tu sửa chùa Phong Thiền cũ ở Kinh Sư làm chùa Khai Bảo, phía trước đến Quang Nhai, bắc giáp sông Ngũ Trượng, đến mấy ngàn gian, đất tiếp giáp mấy phường, nguy nga tráng lệ.

Tân Mùi: Khai Bảo năm thứ tư. Liêu, Bảo Ninh năm thứ tư.

| | | |
|---|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 4* | *Ngô Việt* | *Đường* |

Ngày mười một tháng sáu, Đế lệnh cho Thành Đô tạo lại một tạng Kinh Phật chữ bằng vàng.

Nhâm Thân: Khai Bảo năm thứ năm. Liêu, Bảo Ninh năm thứ năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 5* | *Ngô Việt* | *Đường* |

Đế từ khi đem quân bình định các nước, cả thảy tạo mấy tạng kinh Phật chữ bằng vàng bạc. Năm này, lệnh khắc in một tạng kinh gồm mười ba vạn bản.

- Quý Dậu: Khai Bảo năm thứ sáu. Tháng giêng Liêu Cung Đế mất. Bảo Ninh năm thứ sáu.

| | | |
|---|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 6* | *Ngô Việt* | *Đường* |

Giáp Tuất: Khai Bảo năm năm thứ bảy. Liêu, Càn Hanh năm đầu.

| | | |
|---|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 7* | *Ngô Việt* | *Đường* |

Đế lệnh cho Tào Bân cùng Phan Mỹ, Tào Hàn đánh Giang Nam (Nam Đường). Tháng mười một, khao quân, Bân từng ở trước Đế phụng chỉ không giết người. Mùa Đông năm sau, đánh phá được thành, Bân cáo bệnh không ra cầm quân. Phan Mỹ dẫn các tướng vào thăm ông. Bân nói: "Bệnh tôi không thuốc thang nào chữa khỏi, phải nhờ các ông cùng thề, phá thành nhưng không giết người thì bệnh tôi tự khỏi ngay". Các tướng đồng ý, họ cùng đốt hương và thề. Ngày hôm đó, phá được Kim Lăng (Kiến Khang), họ Lý hàng, trong thành vẫn yên vững. Bân làm đến chức sứ tướng, cha con cùng hưởng bổng lộc giàu có nhiều đời, đó chính là phước báo của việc không sát sinh.

- Ất Hợi: Khai Bảo năm thứ tám. Liêu, Càn Hanh năm thứ hai. Tháng ba, Liêu sang thăm Tống, Tống bắt đầu ngoại giáo với Liêu.

| | | |
|---|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 8* | *Ngô Việt* | *Nam Đường: Lý Đát hàng Tống, được phong Vi Mệnh Hầu, tồn tại 39 năm, thì diệt vong.* |

Năm Bính Tý: Mùa hạ tháng tư, Đế xa giá đến Tây Kinh có việc ở Nam Giao. Ngày hai mươi hai tháng mười hai năm này, đổi niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc.

* **Thái Tông:** Húy là Cảnh, em cùng mẹ với Thái Tổ, được phong Tấn Vương. Năm Khai Bảo năm thứ chín, Thái Tổ mất, ông lên ngôi, lúc ấy ba mươi tám tuổi. Ông xếp võ sửa văn, đổi điện Giảng Võ thành điện Sùng Chính, tuyển dụng hiền lương, chọn kỹ Thứ sử vì ông cho rằng Thứ sử là một người gần dân nhất, nếu chọn cẩu thả, trái lại nhân dân phải bị họa. Ông cầu chỉ dạy nghe can gián, phong tục thuần hậu.

Ông ở ngôi hai mươi mốt năm, thọ năm mươi chín tuổi. Ông lấy ngày mười bảy tháng mười làm Tiết Càn Minh. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc tám năm, Ung Hy bốn năm, Đoan Củng hai năm, Thuần Hóa năm, Chí Đạo ba năm.

- Bính Tý: Tháng mười hai, đổi Thái Bình Hưng Quốc năm đầu. Liêu, Càn Hanh năm thứ ba.

| | |
|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 9* | *Ngô Việt* |

- Đinh Sửu: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ hai. Liêu, Càn Hanh năm thứ tư.

| | |
|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 10* | *Ngô Việt* |

Chùa Long Hưng cũ ở Kinh Sư vào thời Chu Thế Tông bị phế làm kho Long Hưng. Đến lúc này, Tăng chủ đánh trống kêu oan xin khôi phục chùa. Đế cảm thán hạ chiếu khôi phục lại, sắc tứ là chùa Thái Bình Hưng Quốc, nhưng trùng tu xây dựng thêm, cựa kỳ hoành tráng.

- Mậu Dần: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ ba. Liêu, Càn Hành năm thứ năm.

Tháng ba, Ngô việt Trung Ý Vương Tiền Thục dâng biểu quy hàng Tống, vào triều dâng hết đất của mười ba châu.

| | |
|---|---|
| *Bắc Hán: Quảng Vận năm thứ 11* | *Ngô Việt phụng biểu vào triều nộp đất* |

Tháng tư, Trần Hồng Tiến dâng biểu hiến hai quận Chương, Tuyền. Ngày mười ba tháng tám, Hàn lâm học sĩ Tri chế cáo Lý Phưởng, Trung thư xá nhân Hỗ Mông Trực, sử quán Lý Mậu, Tống Bạch, Trịnh Lân Kỷ, Từ Huyền phụng lệnh dâng bộ Thái Bình Quảng Ký, gồm năm trăm quyển, trong đó có ba mươi quyển chép Phật pháp.

Sa-môn Tán Ninh theo Ngô Việt Vương vào triều, Đế ban ngài hiệu Thông Tuệ Đại Sư, thỉnh ở tại chùa Thiên Thọ, Tả Nhai, lệnh sửa lại Tăng Sử. Năm sau, Đế hạ chiếu cho trạm dịch Ninh Thừa nghinh rước xá-lợi chân thân của Phật Thích-ca ở núi A-dục Vương, Minh châu vào cung cúng dường. Do được một viên xá-lợi, nên Đế đã cho dựng một Bảo tháp mười một tầng ở tây bắc cửa cung, trong chùa Khai Bảo.

Dưới tháp, dựng một Thiên Cung để an trí xá-lợi. Tháng mười, năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy, lệnh cho Tán Ninh biên tập chỉnh sửa Đại Tống Cao Tăng Truyện, cho phép ngài về Chiết Đông để soạn thảo. Trước đây, Lương Vũ Đế năm Thiên Giám năm thứ mười tám, Sa-môn Tuệ Kiểu ở chùa Gia Tường soạn Cao Tăng Truyện, bắt đầu chép từ Hán Minh Đế Vĩnh Bình thứ mười, đến niên hiệu Thiên Giám, gồm mười bốn quyển. Đường Thái Tông năm Trinh Quán năm thứ mười chín, Luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh, núi Chung nam soạn Tục Cao Tăng Truyện, chép các vị Tăng từ năm Thiên Giám đến Trinh Quán, gồm ba mươi quyển. Ngài Tán Ninh soạn tiếp những vị từ Đường Trinh Quán năm thứ hai mươi đến lúc này là năm Đoan Củng, gồm ba mươi quyển. Ngài dựa trên nghĩa của Lương, Đường chia ra mười khoa, gồm:

1. Dịch kinh.
2. Tuệ giải.
3. Thiền định.
4. Giới luật.
5. Hộ pháp.
6. Cảm thông.
7. Di thân.
8. Độc tụng.
9. Hưng phước.
10.Tạp khoa thanh đức.

Chánh truyền năm trăm ba mươi ba người, phụ thêm một trăm ba mươi người. Tháng mười, mùa Đông Đoan Củng năm đầu, ngài sai đệ tử Hiển Trung, Trí Luân đem sách này vào cung dâng Đế. Đế đóng ngọc tỷ, ban cho lụa, lời khen, cho nhập Đại tạng lưu hành. Tháng mười một, Đế mời ngài vào cung. Thuần Hóa năm đầu, ngài phụng chiếu soạn Thứu Lĩnh Thánh Tích Lục một trăm quyển. Thuần Hóa năm thứ hai, Đế mời ngài làm trong Sử quán biên tu. Năm Chí Đạo năm thứ hai, Đế không cho ngài làm Lạc Kinh Giáo Môn Sự nữa. Năm Mậu Tuất, Chân Tông, Hàm Bình năm đầu, Đế mời ngài làm Biện Kinh Hữu Nhai Tăng Lục Chủ Quản Giáo Môn Công Sự năm sau thăng chúa Tả nhai năm Kỷ hợi.Hám Bình năm thứ hai,mùa xuân tháng hai thì Đông Kinh Tả Nhai Tăng Lục Sử quán Biê Tu chủ Quản Giáo Môn công sự Thông Tuệ Đại Sư Tán Ninh quy tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Tháng ba, môn nhân an táng toàn thân ngài ở chùa Thiên thọ. Năm Kỷ Tỵ, Nhân Tông, Thiên Thánh năm thứ bảy, tằng tôn của ngài là Tông Thạnh mở tháp trà-tỳ

thâu di hài xá-lợi đem về an táng tại làng cũ ở Tiền Đường. Ngài sinh ở huyện Lâm An, Hàng châu, Hậu Đường Minh Tông trong năm Thiên Thành, ngài xuất gia ở chùa Tường phù, Hàng châu. Lộ Vương, đầu năm Thanh Thái, ngài vào Thiên Thai học đủ luật bộ, bác thông Tam tạng. Ngô Việt Trung Ý Vương bổ nhiệm ngài làm Lưỡng nhai tăng thống, ban hiệu Minh Nghĩa Tông Văn Đại Sư. Tăng Sử, Tăng Truyện của ngài soạn đều lưu hành ở đời.

- Kỷ Mão: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tư. Liêu, Càn Hanh năm thứ sáu.

| | |
|---|---|
| | *Bắc Hán: Tháng năm, Thái Nguyên Lưu Kế Nguyên hàng Tống, được phong Bình Thành Công, tồn tại hai mươi chín năm thì diệt vong.* |

- Canh Thìn: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ năm. Liêu, Càn Hanh năm thứ bảy.

* ***Dịch Kinh:*** Sa-môn Pháp Tiến truyền Hiển Mật Giáo ở Phủ Hà Trung đã thỉnh tăng Tây Vực là Tam tạng Pháp Thiên dịch kinh ở Bổ Tân. Đế hạ chiếu mời vào Kinh Sư, bắt đầu khởi xướng việc phiên dịch. Đế hạ chiếu cho năm mươi đồng tử học tiếng Phạm.

- Tân Tỵ: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ sáu. Liêu, Càn Hanh năm thứ tám.

Đế hạ chiếu lập Hữu Nhai Phó Tăng Lục, tế tự Bảo Chí Đại Sĩ ở núi Chung Nam, Kiến Khang, ban hiệu Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát.

- Nhâm Ngọ. Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy. Liêu, Càn Hanh năm thứ chín. Tháng mười hai Đế mất, ở ngôi mười lăm năm, thụy Hiếu Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Cảnh Tông.

Đế hạ chiếu lập viện Truyền Pháp Dịch Kinh ở phía Tây chùa Thái Bình Hưng Quốc thuộc Đông kinh, giống như việc của nhà Đường, cho Tể tướng làm Dịch kinh nhuận văn sứ, lập quan chia chức. Tam tạng Thiên Tức Tai chùa Mật Lâm nước Nhạ-lan-đà-la ở Tây Thiên Trung Ấn cùng Pháp Thiên, Thi Hộ v.v.. dịch Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh, Đế viết bài tựa cho Đại Tống Tân Dịch Tam Tạng Thánh Giáo, hạ chiếu độ khắp đồng chân trong thiên hạ cho làm Tăng, không hạn cuộc theo lệ thường của Hữu Ty. Từ Thái Bình Hưng Quốc năm đầu đến năm thứ tám, độ hơn mười bảy vạn Tăng.

* ***Đại Liêu:*** Thánh Tông lên ngôi. Ông húy Long Tự, con trưởng của Cảnh Tông, lên ngôi năm mười hai tuổi, đổi niên hiệu Thống Hòa,

tôn mẹ Tiêu thị làm Thừa Thiên Thái hậu, lâm triều xưng Đế, cả thảy hai mươi bảy năm mới giao quyền chánh cho ông. Quý Sửu đổi niên hiệu Khai Thái lấy lại Quốc hiệu Đại Khiết Đan. Ngày ba tháng sáu năm Thái Bình thứ mười, ông mất ở Thượng Kinh, thụy là Thiên Phụ Hoàng Đế, trị vì bốn mươi chín năm.

- Quý Mùi: Thái Bình Hưng Quốc năm thứ tám. Liêu, Thánh Tông lên ngôi, Thống Hòa năm đầu.

* ***Ngự Tán Xá-Lợi:*** Trước đây, Thái Tổ nghinh về Lạc Dương, Đường Cao Tông trong năm Hiển Khánh, Sa-môn Đạo Tuyên nghinh xá-lợi răng Phật do Thiên Vương Thái tử cúng an trí ở viện Quán Đảnh, chùa Tướng Quốc, Đông kinh. Đến lúc này, Đế dùng lửa mạnh đốt thử, nó trong suốt sáng rực, rất cứng, phát ánh sáng năm màu. Đế làm bài tán rằng:

*Công thành bao kiếp ấn văn đoan*
*Chẳng phải Nam sơn khó lắm thay*
*Mấy lớp vàng tươi nhuần trước mắt*
*Một vầng ngọc sáng lạnh trên tay.*
*Luyện qua trăm lửa còn soi thấu*
*Giấu kín ngàn năm vẫn sáng đầy*
*Quả định tu hành niềm bí mật*
*Chánh tâm chớ để luống qua ngày.*

Đổi viện Quán Đảnh thành viện Pháp Hoa, dựng gác hai tầng thỉnh Đại sư Trí Chiếu Tuệ Ôn lo việc hương khói.

- Giáp Thân: Ung Hy năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai.

Mùa Xuân tháng ba, tăng Điêu Nhiêm người Nhật Bản vào triều, nhân đó nói nước mình truyền đã tám mươi đời, cả thảy ba ngàn hai trăm năm. Đế nói với Phụ Thần: “Trung Quốc từ nhà Đường đếnNgũ Đại bị chia năm xẻ bảy, không những quân vương sớm thành tối bại mà bề tôi bị giết chết ngay sau đó. Trẫm canh cánh cầu thái bình, mong trời cao ban phúc làm kế lâu dài cho con cháu, bọn khanh cũng được bổng lộc đời đời”. Đế hạ chiếu trùng tu tháp Tăng-già ở Tứ châu, ban thêm thụy hai chữ Đại Thánh, sắc tứ chùa là Chiếu Phổ.

Tháng mười, Đế triệu ẩn sĩ Trần Bác vào triều kiến, ban cho ông hiệu Hy Di Tiên Sinh, sau đó Bác xin về Hoa Sơn.

- Ất Dậu: Ung Hy năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ ba.

- Bính Tuất: Ung Hy năm thứ 3. Liêu, Thống Hòa năm thứ 4.

Ngày rằm mùa Thu tháng tám, Cao Tăng Ngộ Ân ở Tú Thủy ngồi thẳng quay mặt về Tây thị tịch. Trước đây, Thiên Thai Tông vào đời

Đường Đức Tông năm Kiến Trung năm thứ ba, sau khi Tôn giả Kinh Khê nhập diệt truyền đến đời năm thứ năm là ngài Thanh Tủng. Tủng có hai đệ tử là Hy Tịch và Chí Nhân. Tịch đem giáo quán này chánh truyền cho Nghĩa Thông, Thông truyền cho Tri Lễ, Tuân Thức, cứ thế truyền trao. Chí Nhân truyền cho Ngộ Ân, Ân được lưu danh trong Tăng Sử. Ân truyền cho Hồng Mẫn Nguyện Thanh, Thanh truyền cho Trí Viên Khánh Chiêu, Chiêu truyền cho Kế Tề Hàm Nhuận, mỗi người giảng thuyết cảnh quán, giải hành. Tứ Minh Tri Lễ chối từ không nhận trao truyền, tôn túc ở Hoành Nhạc chê ngài là Sơn Ngoại Tông.

- Đinh Hợi: Ung Hy năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ năm.

Tháng mười, Pháp sư Tịnh Quang Hy Tịch ở Loa khê Truyền Giáo Định Tuệ Viện quy tịch. Ngài thuộc đời năm thứ sáu tông Thiên Thai, là đệ tử của Kinh Khê. Ngài nối pháp của Kinh Khê.

Tháng hai, Thiền sư Trừng Viễn ở viện Hương Lâm, Ích Châu, Tứ Xuyên Tây Lộ quy tịch. Ngài họ Quan, người Miên Trúc Thượng, Hán Châu, Tây Xuyên, nối pháp Thiền sư Vân Môn Văn Yển.

- Mậu Tý: Đoan Củng năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ 6.

Pháp sư Nghĩa Thông hoằng truyền giáo quán Thiên Thai. Ngài quy tịch tại viện Bảo Vân, Minh châu vào ngày mười tám tháng mười năm này. Ngài vốn dòng vương thất ở Cao Ly, ban đầu xuất gia hoằng truyền giáo nghĩa Hoa Nghiêm, khởi tín mà vang danh. Thạch Tấn, trong năm Thiên Phước, ngài vượt biển đến yết kiến Loa Khê Hy Tịch, đốn ngộ huyền chỉ Thập Pháp Giới Viên Dung, nối pháp hoằng dương. Hai mươi bốn năm sau, đệ tử thượng thủ của ngài là Tri Lễ, Tuân Thức càng làm cho giáo nghĩa này hưng thịnh.

- Kỷ Sửu: Đoan Củng năm thứ hai, Đế dựng xong chùa Khai Bảo. Liêu, Thống hòa năm thứ bảy.

- Canh Dần: Thuần Hóa năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ tám.

Đế hạ chiếu sai tham tri chính sự Tô Dị Giản soạn sự tích của Thánh hiền Tam giáo. Dị Giản tâu cho Đại sư Thông Tuệ Tán Ninh ở chùa Thiên thọ, Đại Ất Quan Đạo Sĩ Hàn Đức Thuần cùng làm việc này. Thông Tuệ Tán Ninh soạn Thứu Lĩnh Thánh Tích Lục một trăm quyển.

- Tân Mão: Thuần Hóa năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ chín.

- Nhâm Dần: Thuần Hóa năm thứ ba. Liêu, Thống Hòa thứ mười.

- Quý Tỵ: Thuần Hóa năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười một.

* ***Thiền sư Thủ Sơn ở Nhữ châu:*** Sư họ Địch, húy Tỉnh Niệm, người Lai Châu, xuất gia thế phát tại chùa Nam Thiên trong quận này. Vừa thọ Cụ túc, Sư liền du phương đến khắp đạo tràng, thường ngầm tụng Pháp Hoa, nên chúng thường gọi Sư là Niệm Pháp Hoa. Sư được Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiểu ấn khả, khai pháp ở Thủ Sơn làm đời thứ nhất. Sau, Sư trụ ở viện Quảng Giáo và Bảo Ứng ở Diệp huyện, Nhữ châu. Giờ Ngọ ngày bốn tháng mười hai năm Thuần Hóa năm thứ ba, Sư thượng đường nói bài kệ:

*Năm nay đã sáu mươi bảy*
*Già bệnh tùy duyên đuổi theo ngày*
*Năm nay lại nhớ việc năm trước*
*Năm sau lại nhớ việc hôm nay.*

Đến lúc này cũng vào mồng bốn tháng mười hai, Sư từ biệt chúng, thượng đường nói bài kệ:

*Thân vàng thế giới sắc bạch ngân*
*Tình với vô tình một tánh chân*
*Sáng tối cả ngày đều chẳng chiếu*
*Mặt trời xế ngọ thấy toàn thân.*

Nói xong, Sư an nhiên quy tịch, đồ chúng trà-tỳ thâu xá-lợi dựng tháp. Sư nối pháp Phong Huyệt Diên Chiểu, Chiểu nối pháp Nam Viện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng, Tưởng nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền. Nối đạo pháp của Sư có Phần Dương Thiện Chiêu, Diệp Huyện Quy Tỉnh, Thần Đỉnh Hồng Ân, Cốc Ẩn Uẩn Thông, Quảng Tuệ Nguyên Liên, Thừa Tướng Vương Tùy Công, cả thảy mười hai người. Quy Tỉnh truyền cho Phù Sơn Pháp Viễn, Viễn truyền cho Tịnh Nhân Đạo Trăn..v.v.. về sau đạo pháp càng hưng thịnh.

- Giáp Ngọ: Thuần Hóa năm thứ năm. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười hai.

- Ất Mùi: Chí đạo năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười ba.

Đế Ngự bút phê duyệt Bí Tạng Thuyên hai mươi quyển, Duyên Thức năm quyển, Tiêu Dao Vịnh mười quyển, sai Lưỡng Nhai Tăng chú thích, cho nhập Đại tạng của Phật giáo và lưu hành.

- Bính Thân: Chí Đạo năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười bốn.

- Đinh Dậu: Chí Đạo năm thứ ba, tháng ba, Đế mất. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười lăm.

* **Chân Tông:** Húy là Hằng, con năm thứ ba của Thái Tông, lên ngôi năm hai mươi chín tuổi. Ông cần mẫn, giản dị soạn Văn Võ bảy điều để tặng cho trăm quan, điều động thay đổi quan các châu, khuyến khích nông nghiệp, Đông tế Thái Sơn, Tây tế Phần Âm, dùng văn trị, đất nước thái bình hai mươi lăm năm, vua thọ năm mươi bốn tuổi, lấy mồng hai tháng mười hai làm Tiết Thừa Thiên. Niên hiệu Hàm Bình năm thứ sáu. Cảnh Đức năm thứ tư, Đại Trung Tường Phù năm thứ chín, Thiên Hy năm thứ năm, Càn Hưng thứ nhất.

- Mậu Tuất: Hàm Bình năm đầu. Liêu thống Hòa năm thứ mười sáu.

- Kỷ Hợi: Hàm Bình năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười bảy.

- Canh Tý: Hàm Bình năm thứ ba. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười tám.

Mùa Hạ, trời đại hạn, Chiết Đông Thiên Thai Giảng Tông Tri Lễ và Tuân Thức cùng tu Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội Sám ba ngày, trời mới mưa. Minh châu Thái thú Tô Vi soạn văn bia ca ngợi đức của hai ngài. Ở Chiết Tây, từ mùa Xuân đến mùa Hạ cũng không mưa, Cấp sự trung tri Hoàng châu Trương Khứ Hoa dẫn các quan sắm đủ tràng phan, bảo cái, trống, kèn nghinh Thiên Trúc Viên Thông Đại sĩ đến cầu mưa ở chùa Phạm Thiên, tức thời mưa trút khắp nơi, nước ngập đến chân. Đó là điềm cảm ứng của Bồ-tát Quán Thế Âm từ bi đáp ứng lòng mong mỏi của dân.

- Tân Sửu: Hàm Bình năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ mười chín.

Thiên Trúc tam tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh Minh Giáo Đại Sư Pháp Hiền dâng kinh mới dịch. Đế viết bài tựa.

- Nhâm Dần: Hàm Bình năm thứ năm. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi.

Tây Thiên dịch kinh Tam tạng Triêu Phụng Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh Truyền Pháp Đại sư Thi Hộ dịch Kinh Cấp Cô Trưởng Giả Nữ Đắc Độ Nhân Duyên, xin Đế ngự chế bài tựa kế thừa Thánh giáo.

- Quý Mão: Hàm Bình năm thứ sáu. Liêu, Thống Hòa năm năm thứ hai mươi mốt.

Đế lệnh cho Hữu Nhai Tăng Lục sắm đủ nghi trượng, âm nhạc, hương hoa, tràng phan để rước xá-lợi răng Phật ở chùa Đại Tướng Quốc về dưới tháp của chùa Khai Bảo cúng dường. Đế viết bài tán:

*Tây phương có Thánh Thích-ca Văn*

*Tiếp vật đại Từ đời tôn xưng*
*Thường nguyện tấn tu thêm thắng quả*
*Ngõ hầu lợi lạc khắp muôn dân.*

- Giáp Thìn: Cảnh Đức năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi hai.

***Truyền Đăng Lục:*** Tăng Đạo Nguyên nước Ngô gom tập cơ duyên truyền pháp từ Thích-ca Thế Tôn, Sơ Tổ Ca-diếp cho đến các Thiền sư nối pháp của Đông độ làm thành Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ba mươi quyển dâng Đế. Đế xem tán thưởng, lệnh cho hàn lâm học sĩ Dương Ức... san định chỉnh sửa, soạn bài tựa nhập Đại tạng ban hành khắp nước.

Tăng Nhật Bản là Tịch Chiếu đem hai mươi bảy điều trình bày về danh mục và nghĩa của Kinh Luận do Thiền sư Nguyên Tín nước mình soạn, vấn nghi với Pháp Sư Tứ Minh Tri Lễ, thọ giáo rồi về nước.

Pháp Sư Tứ Minh Tri Lễ soạn Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu hai quyển, nội dung khai sáng diệu nghĩa Nhất tâm tam quán mà Nam Nhạc Thiên Thai chứng đắc.

- Ất Tỵ: Cảnh Đức năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi ba.

- Bính Ngọ: Cảnh Đức năm thứ 3. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi bốn.

- Đinh Mùi: Cảnh Đức năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi lăm.

- Mậu Thân: Đại Trung Tường Phù năm đầu. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi sáu.

Mùa Đông tháng mười, Đế lên Thái Sơn cúng Thượng đế. Mồng một tháng mười một, xa giá đến Khúc Phụ tế Khổng Tử, Gia thụy là Huyền Thánh Văn Tuyên Vương, truy thụy Tề Thái Công là Chiêu Liệt Vũ Thành Vương, Châu Văn Vương là Văn Hiến Vương, lập miếu cho mỗi người. Sau do tránh tên húy của Thánh Tổ nên đổi Huyền Thánh là Chí Thánh. Tháng hai năm Kỷ Dậu, Đế hạ chiếu cho miếu Tiên Thánh ở Khúc Phụ dựng trường học.

- Kỷ Dậu: Đại Trung Tường Phù năm thứ hai. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi bảy.

***Thiền Sư Ngộ Hiền:*** Sư họ Lâm, người Trường Châu, Cô Tô, bảy tuổi xuất gia với Đại đức Khả Y ở Vĩnh An, Gia Hưng. Năm ba mươi tuổi, Sư thế phát thọ Cụ túc, tham vấn Thiền sư Ngạn Cầu ở Long Hoa, tỏ ngộ tâm tông, về trụ ở viện Minh Giác. Sư ngày ngày uống rượu, say

thì ca những lời cảnh tỉnh đời, đạo tục, có tên là Tửu Tiên. Sư ca rằng:

*Đầu sông Dương tử sóng bạc đầu*
*Hành nhân đến đó bị chìm sâu.*

Ngâm:

*Ngày sau nếu đến nơi không sóng*
*Lúc sóng dụng tâm có khác nào.*

Hoặc:

*Chén vàng cũng nổi trôi*
*Núi ngọc lại suy đồi*
*Đừng ngại nắm bắt hụt*
*Giành lấy trăng sáng về.*

Hoặc:

*Một sáu hai sáu, việc đã định*
*Một chín hai chín, ta muốn nhậu say*
*Duỗi thẳng hai chân làm một giấc*
*Tỉnh ra trời đất vẫn như xưa.*

Hoặc:

*Trước cửa dây leo không tiếng chim*
*Dưới sân dây xanh có hoa rơi*
*Đành mượn gió đông bàn việc ấy*
*Sắc xuân tươi thắm thuộc nhà ai?*

Hoặc:

*Thu đến núi lạnh nước lạnh*
*Xuân qua liễu thắm hoa hồng*
*Một chút động tùy muôn biến*
*Bên sông mưa khói mông lung.*
*Có chẳng có, không chẳng không*
*Dưới dậu hươ tay bắt gió nồm.*

Hoặc:

*Sống ở Diêm-phù thế giới*
*Tình người thương ghét bấy nhiêu*
*Chỉ muốn uống vài chung rượu*
*Rồi ra say ngủ bên đường*
*Chết rồi sinh lại Ta-bà*
*Chẳng nguyện siêu sinh Tịnh độ.*
*Vì sao vậy?*
*Tây phương Tịnh độ không hàng rượu.*

Đến ngày Thượng Nguyên năm Tường Phù năm thứ hai, sáng sớm

Sư tắm rửa xong vào thất, tay phải nắm lại đưa cao, tay trái banh miệng mà tịch. Sư nối pháp Long Hoa Ngạn Cầu, Cầu nối pháp Trường Khánh Tuệ Lăng, Lăng nối pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Tồn nối pháp Đức Sơn Tuyên Giám.

Đế hạ chiếu cho các châu lộ dựng Thiên Khánh quán.

Thân Quốc trưởng công chúa con gái năm thứ bảy của Thái Tông, sinh ra đã không ăn mặn, lúc này bà xin xuất gia. Đế tấn phong bà làm Ngô Quốc, ban tên Thanh Dụ, hiệu là Báo Từ Chánh Giác Đại Sư, dựng Sùng Chân Tư Thánh thiền viện phía Tây Đô thành, cấp ba mươi cung nữ theo hầu, xuống chiếu cho hai đạo cấm quân đưa bà vào chùa, thiết trai choThân Quốc, bà nhập diệt năm ba mươi tám tuổi, mười sáu hạ lạp.

- Canh Tuất: Đại Trung Tường Phù năm thứ ba. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi tám.

Mùa Đông, tháng mười, trên có chiếu chỉ đổi Bảo Ân viện ở Minh châu thành Diên Khánh viện, lệnh đổi chùa Biệt Nghiệp Đại Minh ở Lục Cơ, Hoa Đình thành Phổ Chiếu, lệnh đổi Thiền Lâm viện ở Hàm Đình là, Nghĩa Hưng thành Thánh Cảm Thiền tự, truyền cho trụ trì khắp nước phụng tế Thần núi, Tế điển, tế Thần đất.

- Tân Hợi: Đại Trung Tường Phù năm thứ tư. Liêu, Thống Hòa năm thứ hai mươi chín.

Đế hạ chiếu cho Dịch kinh nhuận văn sứ Tham tri chánh sự Triệu An Nhân và Hàn lâm học sĩ Dương Ức soạn Đại Tạng Mục Lục.

- Nhâm Tý: Đại Trung Tường Phù năm thứ năm. Liêu, Thống Hòa năm thứ ba mươi.

Thiên Trúc Sa-môn Giác Xưng thuộc dòng Sát-đế-lợi nước Cổ Lan Cổ đến Kinh Sư, ngụ ở Dịch Viện. Lúc này ngài khoảng bốn mươi tuổi, thông suốt hơn bốn mươi bộ kinh, Kinh Luận nhuận văn sứ Đinh Tấn Công khen ngài là người thông tuệ, sai dịch giả đến triệu kiến ngài. Hàn Lâm Dương Ức bày tiệc trà quả, cùng ngài trò chuyện. Giác Xưng nói: “Tôi nguyện đến núi Ngũ đài lễ Văn-thù rồi về nước ngay. Vào nước này thấy dân giết heo dê bày thịt khắp chợ búa, xót chẳng nỡ nhìn. Cả nước bên Tây Trúc không ăn thịt”. Hôm sau, Tấn Công hỏi: “Thầy vượt xa mấy muôn dặm đến đây còn việc gì nữa không?” Ngài đáp: Cũng muốn lễ tháp Tuyên Luật Sư!”

- Quý Sửu: Đại Trung Tường Phù năm thứ sáu. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm đầu.

Mùa Xuân, tháng ba. Đế soạn Pháp Âm Tập, giao cho Truyền

Pháp Viện chú thích.

Đế tặng Dịch Kinh viện bài kệ tu tâm rằng:

*Sơ Tổ an tâm ở Thiếu lâm*
*Chẳng truyền kinh giáo chỉ truyền tâm*
*Người theo nếu ngộ chân như tánh*
*Mật ấn từ đây diệu lý thâm.*

Đại Liêu lấy lại hiệu Đại Khiết Đan, lấy U châu làm Tích Tân phủ, đổi niên hiệu Khai Thái, đến Bính Ngọ, Hàm Ung năm thứ hai, lại xưng là Đại Liêu.

- Giáp Dần: Đại Trung Tường Phù năm thứ bảy. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ hai.

Thiên Trúc Tam tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh Truyền Giáo Đại sư Pháp Thiên dịch kinh Kim Cang Đại Giáo Bảo Vương. Mùa Đông tháng mười một, Kinh Sư dựng xong Vương Thanh Chiêu Ứng Cung, bắt đầu từ tháng tư năm Đại Trung Tường Phù năm thứ hai, đến tháng mười một năm này mới hoàn tất, cả thảy hai ngàn sáu trăm mười một khu. Đinh Tấn Công làm Tu cung sứ. Đất đá, cây gỗ, vàng ngọc dụng cụ sơn vẽ đều là những thứ quý hiếm nhất trong cả nước. Trong Bút Đàm của Thẩm Tồn Trung có ghi: "Núi Nhạn Đãng ở Ôn châu là nơi Tôn giả Nột-củ-la ở, trước đây chẳng ai biết, nhân đi tìm gỗ quý để dựng cung Chiêu Ứng người ta mới phát hiện ra ngọn núi này."

- Ất Mão: Đại Trung Tường Phù năm thứ tám. Đại Khiết Đan Khai Thái năm thứ ba.

***Đại Pháp Sư Tuân Thức:*** Ngài giảng thuyết tại núi Đông Dịch, Thiên Thai suốt mười hai năm, mới đi qua phía Tây, ngụ cư tại Cổ Linh Sơn tự ở Hàng châu. Trước đây, Pháp sư Tuệ Lý người Thiên Trúc sống trong thời Tây Tấn từng ở chỗ này. Đây là nơi Cao tăng Chân Quán sống trong đời Tùy giảng kinh Pháp Hoa, Đời Đường, Đạo Tiêu kế thế. Đến thời Hy Tông nơi đây bị giặc cướp phá hủy, ngọn núi phía Tây còn sót một gốc Cối khô cháy sém. Ngài đến dùng nước rảy và chú nguyện, gốc Cối bỗng tươi xanh đâm cành sinh lá. Ngài nỗ lực hành trì bốn loại Tam-muội, dựng Kim Quang Minh Sám Đường. Chỉ một cây kèo, một miếng ngói, ngài tụng bảy biến chú Đại bi, Ngôi Sám Đường bỗng hoàn tất. Ngài tâu xin, triều đình sắc tứ tên chùa là Thiên Trúc Linh Sơn tự, nơi đây hoằng truyền giáo quán Thiên Thai.

- Bính Thìn: Đại Trung Tường Phù năm thứ chín. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ tư.

- Đinh Tỵ: Thiên Hy năm đầu. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ năm.

Đế hạ chiếu lập ao phóng sinh trong cả nước. Từ mùa Xuân năm Bính Thìn, Đại pháp sư Tri Lễ ở Minh châu đã cùng mười vị Tăng khác thề tu Pháp Hoa Tam-muội. Tu ba năm xong, ngài làm theo hạnh nguyện như Dược Vương, đốt thân cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cầu sinh Tịnh độ. Hàn lâm học sĩ Dương Ức hay tin, liền sai người đem thư cố thỉnh ngài trụ thế, ủy nhiệm cho Quận thú Lý Di Canh ngoại hộ cho ngài. Năm Thiên Hy năm thứ tư, Tể tướng Khấu chuẩn theo ý nguyện của hàn lâm Dương Ức đem hạnh nghiệp và việc thiêu thân của ngài tâu với Đế. Đế nói: "Hãy truyền ý Trẫm thỉnh Pháp Sư trụ thế." Đế đặc biệt ban ngài hiệu Pháp Trí Đại sư.

Mùa Thu tháng bảy, Thái úy Văn Chánh Công Vương Đán mất. Ông làm quan suốt mười tám năm. Bệnh nặng, ông dặn hàn lâm học sĩ Dương Ức rằng: "Ta rất chán phiền não, nguyện đời sau làm Tỳ-kheo thiền tọa trong rừng sâu, quán tâm làm vui. Khi ta chết, ông hãy thế phát, đắp ba y hoại sắc cho ta, dùng lễ hỏa táng, dựng tháp mộ bên cạnh Tiên Oánh". Ức nói: "Ông ở hàng Tam công, tẩm liệm phải mặc quan bào, lẽ đâu lại dùng nghi thức của Sa-môn chăng!" DươngỨc cùng bàn bạc với các quan, cuối cùng chỉ đặt ba y trong quan tài ông, không chôn theo ngọc báu.

- Mậu Ngọ: Thiên Hy năm thứ hai. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ sáu.

- Kỷ Mùi: Thiên Hy năm thứ ba. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ bảy.

- Canh Thân: Thiên Hy năm thứ tư. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ tám.

- Tân Dậu: Thiên Hy năm thứ năm. Đại Khiết Đan, Khai Thái năm thứ chín.

Đế hạ chiếu cho Điện Đầu Du Nguyên Thanh đến viện Diên Khánh ở Minh châu vì đất nước tu sám trong ba ngày ba đêm. Đại Sư Pháp Trí Tri Lễ soạn Tu Sám Yếu chỉ một quyển.

- Nhâm Tuất: Càn Hưng năm đầu. Tháng hai Đế mất. Đại Khiết Đan thái bình năm đầu.

Đế đặc biệt ban cho Pháp sư Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc, Hàng châu hiệu là Từ Vân Đại Sư. Chương Hiến Minh Túc Hoàng hậu Lưu Thị sai sứ đến Thiên Trúc tu sám cầu phúc cho đất nước. Pháp Sư soạn Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội Nghi một quyển dâng Đế.

Mùa Xuân tháng hai, Pháp sư Pháp Tuệ Trí Viên hiệu Trung Dung Tử ở Cô Sơn, Tây Hồ, Hàng châu vào ngày mười bảy tự làm bài thơ Tế Văn Vãn, đến ngày mười chín thì quy tịch. Ngài soạn bộ Thông Kinh Thập Sớ. Ngài kết giao với xử sĩ Lâm Bô Hòa Tĩnh, làm bạn với Thiên Trúc Tuân Thức Pháp Sư. Ngài thọ bốn mươi bảy tuổi, tăng lạp ba mươi chín hạ, được an táng quan quách bằng đất nung. Nhân Tông năm Cảnh Hựu năm thứ ba, do mưa lớn núi lở, môn nhân khai tháp, thấy toàn thân ngài tươi tỉnh như còn sống, tóc móng dài thêm, môi hồng hé mở như mỉm cười, răng trắng như ngọc Kha. Môn nhân thay y phục mới cho ngài, tẩm các thứ hương thơm rồi an táng. Cao Tông, trong năm Thiệu Hưng, ở Cô Sơn dựng Tứ Tánh Quán, môn nhân dời tháp ngài về đồi Mã Não ở phía Bắc núi.

**Nhân Tông:** Húy là Trinh, con năm thứ sáu của Chân Tông, lên ngôi năm mười ba tuổi. Đế bẩm tính nhân hậu, loại bỏ tính cao ngạo, trưng dụng người hiền lương, chuyên đặt sáu viên gián quan, nghe can gián không mỏi mệt. Đế dựng trường học, lập viện Quảng Tuệ để tiếp dân nghèo. Bản thân đạm bạc, cốt làm lợi cho dân nên ông có hiệu là Cực Trị. Ông lấy ngày mười bốn tháng tư làm tiết Càn Nguyên, ban hành lịch Sùng Thiên, ở ngôi bốn mươi mốt năm, thọ năm mươi lăm tuổi. Các niên hiệu: Thiên Thánh chín năm, Minh Đạo hai năm, Cảnh Hựu bốn năm, Bảo Nguyên hai năm, Khang Định một năm, Khánh Lịch tám năm, Hoàng Hựu năm, Chí Hòa hai năm, Gia Hựu tám năm.

- Quý Hợi: ThiênThánh năm đầu, ban hành lịch Sùng Thiên, Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ hai.

- Giáp Tý: Thiên Thánh năm thứ hai. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ ba.

***Thiền sư Thiện Chiêu:*** Sư họ Du người Thái Nguyên, trụ ở viện Thái tử Phần Dương, đời năm thứ năm dòng Lâm Tế. Sau khi thế phát thọ Cụ túc giới, Sư chấn tích du phương. Đi đến đâu Sư cũng không ở lâu mà chỉ tùy cơ thưa hỏi, tham vấn khắp bảy mươi mốt Thiện tri thức, sau yết kiến Thiền sư Thủ Sơn Tỉnh Niệm, khế ngộ huyền chỉ, vân du đến vùng Hoành Tương, Tương Miến, thường được quận thú thỉnh trụ trì những chùa viện nổi tiếng, tám lần mời nhưng Sư đều không đến. Đến khi Thủ Sơn quy tịch, đạo tục ở Tây Hà nhờ Tăng là Khế Thông đến thỉnh Sư trụ trì. Sư đóng thất không tiếp, Thông phá cửa vào và trách: “Phật pháp là đại sự, lui về nằm yên là tiểu tiết, Tiên sư tịch rồi, bây giờ là lúc nào mà thầy lại muốn ngủ yên ở đây!” Sư đáp: “Chẳng phải ông thì tôi chẳng nghe được những lời vừa rồi!” Nói xong Sư nhận lời

thỉnh. Đến lúc này, Thiên Thánh năm thứ hai, Long Đức Phủ Doãn Lý Hầu thỉnh Sư trụ ở Thừa Thiên. Sứ đến thỉnh ba lần nhưng Sư không đi. Sứ giả đến nữa, vừa mở phong thư, Sư nói: "Vốn do già bệnh nên không thể xuống núi, giả như có đi, cũng phải kẻ trước người sau." Sứ nói: "Trước hay sau tùy thầy chọn lựa." Sư sai dọn cơm nước, gói ghém hành trang và nói: "Ta đi trước đây!" Nói xong Sư đứng lại và thị tịch. Môn nhân trà-tỳ thâu xá-lợi dựng tháp. Sư nối pháp Thiền sư Thủ Sơn Tỉnh Niệm. Câu "Thập Trí Đồng Chân" là câu nói của Sư.

- Ất Sửu: Thiên Thánh năm thứ ba. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ tư.

- Bính Dần: Thiên Thánh năm thứ tư. Đại Khiết Đan Thái Bình năm thứ năm.

Đế hạ chiếu cho các trước tác Thiên Thai giáo được nhập tạng và lưu hành. Hồi ấy, tăng Tư Ngộ ở chùa Thiên Trúc cầu nguyện cho Giáo quán này được nhập tạng và lưu hành. Từ mùa Xuân năm Kỷ Sửu, ngài đối trước tượng Quán Âm cầu khấn, đến lúc này hạnh nguyện đã thành tựu, ngài mới đốt thân trước am Nhật Quán để báo đáp ân Phật.

- Đinh Mão: Thiên Thánh năm thứ năm. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ sáu.

Tháng chín, Quang lộc đại phu Thái tử thiếu phó Văn Nguyên Công Triệu Hướng soạn Pháp Tạng Toái Kim mười quyển, đây là tác phẩm thấu đạt lý tánh.

- Mậu Thìn: Thiên Thánh năm thứ sáu. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ bảy.

Ngày năm tháng giêng, Tôn giả Pháp Trí Tri Lễ ở Minh châu ngồi kiết già nhóm chúng và dạy rằng: "Ta lập đạo tràng Diên khánh, nguyện lưu thông Pháp Hoa Tam-muội. Các ông chớ làm người sau cùng đoạn mất Phật chủng. Có sống ắt có chết giống như có sớm ắt có chiều vậy. Cần phải tinh tấn liên tục, đời đời kiếp kiếp sẽ mãi mãi gặp nhau". Nói xong, ngài bỗng niệm A-di-đà Phật và tịch. Thi thể ngài được để khám mở mười bốn ngày, tóc móng dài thêm, nghi dung như người sống. Lúc trà-tỳ, lưỡi ngài không cháy, xá-lợi ngũ sắc nhiều vô số kể. Tư chính điện Đại Học sĩ kiêm Thái tử Thiếu Bảo Thanh Hiến công Triệu Biện soạn văn bia ghi hành trạng của ngài.

- Kỷ Tỵ: Thiên Thánh năm thứ bảy. Đại Khiết Đan, Thái Bình năm thứ tám.

Thiền Tông Quảng Đăng Lục: Do Phò mã đô úy Lý Tuân Úc soạn gồm ba mươi quyển, Đế viết bài tựa tặng. Đô úy mất (Xem phần Từ

Minh Sở Viên Thiền Sư ở chương sau).

- Canh Ngọ: Thiên Thánh năm thứ tám. Đại Khiết Đan, Thái bình năm thứ chín.

Lăng-nghiêm Kinh Sớ: Hồi ấy, Pháp sư Trường Thủy, húy Tử Duệ, người Gia Hưng, Tú châu theo Hồng Mẫn pháp Sư ở châu này học kinh Lăng-nghiêm, đến đoạn "Hai tướng động tĩnh, rõ ràng chẳng sinh", ngài hoát nhiên tỉnh ngộ. Nghe Thiền sư Tuệ Giác ở núi Lang da, trừ châu đạo phong nổi tiếng nên ngài đến tham vấn. Đến nơi, ngài lên thẳng pháp tòa và hỏi: "Vốn dĩ thanh tịnh, tại sao bỗng sinh núi sông đại địa!" Tuệ Giác lớn tiếng đáp: "Vốn dĩ thanh tịnh, tại sao bỗng sinh núi sông đại địa!" Ngay đó, ngài hoát nhiên đại ngộ, định xin làm đệ tử, Thiền sư Tuệ Giác nói với ngài: "Tông của ông đã không vang danh từ lâu rồi, ông hãy dốc chí chống đỡ nhằm báo ân Phật." ngài làm đúng lời dạy, sau trụ ở Trường Thủy, chúng gần cả ngàn người. Ngài đem giáo nghĩa của tông Hiền Thủ chú sớ kinh Lăng-nghiêm cả thảy mười quyển. Ngự sử trung thừa Vương Tùy viết bài tựa, cho lưu hành ở đời. Thiền sư Quảng Chiếu ở núi Lang Da húy là Tuệ Giác, nối pháp Thiền sư Phần Dương Thiện Chiêu.

- Tân Mùi: Thiên Thánh năm thứ chín. Đại Khiết Đan, Thái Bình thứ mười. Mồng ba tháng sáu Đế mất, thụy là Thiên Phụ Hoàng Đế, miếu hiệu Thánh Tông, ông ở ngôi bốn mươi chín năm.

Mùa Hạ tháng tư, Đế hạ chiếu rước y bát của Lục tổ Đại Giám ở Nam Hoa Thiền tự thuộc Tào Khê, Thiều châu vào Thanh Tịnh Đường trong cấm cung để cúng dường. Ngày rằm tháng tám, Đế sai sứ đưa về chùa và ban tặng cho Nam Hoa Trưởng Lão Phổ Toại hiệu Trí Độ Đại Sư.

***Đại Khiết Đan:*** Hưng Tông lên ngôi Hoàng Đế. Ông húy Công Chân tên Phiên là Mộc Bất Cô, ông là con năm thứ tám của Thánh Tông do Thuận Thánh nguyên phi sinh ra, ở ngôi hai mươi lăm năm thì mất.

- Nhâm Thân: Minh Đạo năm đầu. Đại Khiết Đan, Hưng Tông, Cảnh Phước năm đầu.

Chương Hiến Minh Túc Thái hậu Lưu thị sửa xong chùa Cảnh Đức ở kinh đô. Triệu Nguyên Hạo ở Tây Hạ được phong làm Tây Bình Vương.

Mồng 8 tháng 10 mùa Đông, Tôn giả hiệu Từ Vân Linh Ứng Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc Linh Sơn, Hàng châu quy tịch. Ngài dặn môn nhân đặt di thể mình nằm trong đơn Hoàn hà, an táng dưới ngọn Nguyệt

Quế ở phía Đông chùa. Ngài nối pháp Đại sư Minh Trí Tổ Thiều. Tổ Thiều có 2 đệ tử, một là Tuệ Biện tức Thiền sư Hải Nguyệt. Một là Nguyên Tịnh tức Pháp sư Biện Tài. Hải Nguyệt quê ở Hoa Đình, thọ học ở chùa Phổ Chiếu, Nguyên Tịnh tự Vô Tượng, họ Tiềm Từ người Hàng châu được Đế ban cho y tía và hiệu Biện Tài, quy tịch trong năm Nguyên Phong năm thứ 6.

- Quý Dậu: Minh Đạo năm thứ 2. đại Khiết Đan, Trùng Hy năm đầu.

- Giáp Tuất: Cảnh Hựu năm đầu. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 2.

Đế ban sắc lệnh người nào thi đọc thông kinh thì cho độ làm Tăng. Tống Tuyên Hiến Công Thụ, Hạ Anh Công là người được trọng vọng trong triều, hai ông cùng giám sát người đồng chân thi. Có một người tụng kinh Pháp Hoa nhưng không trôi chảy, hai ông hỏi người ấy đã học bao nhiêu năm, người kia đáp 10 năm. Hai ông cười và tỏ vẻ thương cảm, mỗi người cùng lấy một bộ Pháp Hoa 7 quyển và tụng. Tống Công tụng 10 ngày thì thuộc, Hạ Công tụng trong 7 ngày, không sót một chữ. Bẩm tính mọi người khác xa đến như vậy đấy.

- Ất Hợi: Cảnh Hựu năm thứ 2. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 3.

- Bính Tý: Cảnh Hựu năm thứ 3. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 4.

- Đinh Sửu: Cảnh Hựu năm thứ 4. Đại Khiết Đan, Trùng Hy năm thứ 5.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Dần: Bảo Nguyên năm đầu* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 6* | *Tây Hạ tiếm xưng Đế hiệu Đại Khánh năm đầu* |

***Tây Hạ:*** Hồi ấy vào mùa Đông tháng 12 nhuần năm Trinh Quán năm thứ 3 đời Đường Thái Tông, Đảng Hạng Tù trưởng Tế Phong Bộ Lại và họ Thát Bạt của những bộ lạc khác đến quy hàng. Mùa hạ tháng 4 đời Hy Tông niên hiệu Trung Hòa năm đầu, Thát Bạt Tư Cung đem quân đến cứu quốc nạn, đánh nhau với giặc Hoàng Sào có công, Đế sai Tư Cung nắm quyền Hạ Tuy Tiết độ sứ. Tháng 8, Đế cho Tư Cung làm Hạ Tuy Tiết độ sứ, ban cho họ Lý. Tháng 8 năm Quý Tỵ đời Chiêu Tông năm Càn Ninh năm thứ 2, em Tư Cung là Bảo Đại Tiết độ sứ Lý Tư Hiếu đánh Vương Hành Du, Lê Viên Trại có công. Năm Quý Mão,

Đế cho Bảo Đại Tiết độ sứ Lý Tư Hiếu làm Bắc diện chiêu thảo sứ, Định Nạn Tiết độ sứ Lý Tư Gián làm Đông diện chiêu thảo sứ. Đến lúc này, tháng 10 năm Nhâm Ngọ đời Tống Thái Tông năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 7, Lý Kế Phủng đến triều dâng hiến 4 châu là Hạ, Ngân, Tây, Hựu gồm tám huyện, riêng Tây Hạ từ năm Thiên Phước đến nay chưa từng vào chầu. Kế Phủng đến, Thái Tông rất hài lòng, Phủng tự bộc bạch rằng anh em mình phần đông chống đối nhau, nên xin được ở lại kinh đô. Đế hạ chiếu trao ông chức Chương đức quân tiết độ, giữ lại kinh đô. Ông xin cung phụng triều đình, Đế ban ông họ Triệu tên Bảo Trung, phong chức Hạ Tuy Ngân Hựu Mật Ngũ Châu Sứ. Mùa hạ tháng tư niên hiệu Thuần Hóa năm đầu, Lý Kê Thiên cướp phá biên ải, Đế sai tướng đem quân đánh bại Kế Thiên ở Hạ Châu. Mùa thu tháng bảy năm Thuần Hóa năm thứ hai, Kế Thiên đầu hàng, Đế ban cho ông họ Triệu tên Bảo Cát, trao ông chức Ngân châu Quán sát sứ. Bảo Trung ngầm cấu kết với Bảo Cát, tuy bên ngoài họ tỏ ra quy thuận nhưng bên trong ngầm liên kết với bọn Khương Nhung xâm lấn, cướp phá không ngừng. Trước hết Triệu Bảo Trung tâu với Kế Thiên nói láo rằng Phiên Nhung vào cướp phá và xin thêm binh. Đế sai Địch Thủ Nghĩa dẫn quân ra đóng ở Hạ Châu. Kế Thiên sợ liền dâng biểu xin quy thuận. Mùa xuân tháng giêng năm Thuần Hóa năm thứ năm Lý Kế Phủng và Lý Kế Thiên làm phản, Đế sai Lý Kế Long đem quân thảo phạt, tiến đánh Hạ Châu. Lý Kế Phủng kéo nhau ra hàng và bị cầm tù. Kế Phủng đã quy hàng, Đế cật vấn trách cứ, mấy lượt hạ chiếu tha chết và giữ ông ở kinh đô. Kế Thiên cuối cùng cũng phản phúc, không chịu làm bề tôi, luôn luôn là mối họa của đất nước. Tháng chín niên hiệu Chí Đạo năm đầu, Lý Kế Thiên phạm biên cương cướp phá Linh Châu. Tháng chín năm Chí Đạo năm thứ hai, Đế lại sai Lý Kế Long chia quân thành năm đường đánh Lý Kế Thiên. Tháng hai năm Đinh Dậu, Kế Thiên bỏ trốn. Tháng mười hai, Kế Thiên sai sứ lo việc triều cống xin được giữ biên cương. Bấy giờ Chân Tông mới lên ngôi, đang còn bao dung rộng lượng nên chấp nhận thỉnh cầu của Kế Thiên và gia phong ông làm định nạn tiết độ, phong cho năm châu là Hạ, Tuy, Ngân, Hựu, Tĩnh. Tháng chín năm Hàn Bình năm thứ tư, Kế Thiên vây hãm quân Thanh Viễn, Đế hạ chiếu thảo phạt. Tháng chín năm Nhâm Dần, Lý Kế Thiên vây vãm Linh Châu. Tháng mười hai năm Hàm Bình năm thứ sáu, Lý Kế Thiên vây hãm phủ Tây Lương, Phan La Chi đón đánh ông, Kế Thiên chết trong trận mưa tên, con ông là Đức Minh lên kế vị. Thiên Hy năm đầu, Triệu Đức Minh thấy dân đói khổ liền dâng biểu xin mấy trăm

vạn lương, Đế ưng chuẩn. Năm Đinh Mão, Nhân Tông Thiên Thánh năm thứ năm, tháng năm, Triệu Đức Minh cướp phá biên cương. Minh Đạo năm đầu, Đế phong Triệu Nguyên Hạo (con của Đức Minh) làm Tây Bình Vương. Đến lúc này, tháng mười hai niên hiệu Bảo Nguyên năm đầu, Triệu Nguyên Hạo tiếm hiệu. Trước đây, Nguyên Hạo muốn xâm lấn phía Nam nhưng sợ Cốc Tư La chặn phía sau nên đem quân đánh các bộ lạc Khương ở Lan Châu. Đến núi Mã Hàm liền dựng Ngõa xuyên hội thành. Nguyên Hạo giờ đây đã có trong tay những vùng đất như: Hạ, Ngân, Tuy, Tĩnh, Hựu, Linh, Diêm, Hội, Thắng, Cam, Lương, Oa, Sa, Túc nhưng vẫn ở tại Hưng Châu vì đây cách sông, thế đất dựa lưng Hạ lan sơn rất vững chãi. Hạo bắt đầu thay thế hết quan kém, lập mười sáu ty thống lãnh các vụ, lại đặt mười tám giám quân ty ủy thác cho tù trưởng, hào kiệt, chia người thủ lĩnh làm trấn Thủ, cả thảy mười lăm vạn dân. Ông lại chọn ba ngàn hào tộc giỏi cỡi ngựa bắn cung, theo thứ lớp gọi là Lục Ban Trực. Nguyên Hạo chế ra sách Phiên đổi niên hiệu Đại Khánh, sau cùng dùng mưu lược của Dương Thủ Tố, dựng đàn nhận sách mệnh, lấy hiệu Thỉ Văn Anh Vũ Hưng Pháp Kiến Lễ Nhân Hiếu Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Hạ, đổi năm Đại Khánh năm thứ hai thành niên hiệu Thiên Thụ, sai sứ đến cáo việc tiếm hiệu, nạp cờ tiết, sắc cáo và dâng biểu đại loại nói: “Cha thần là Đức Minh vốn được thế phong gắng sức theo triều đình ngót ba mươi năm, thâm tình khéo giữ năm ngàn dặm, theo chức cống nạp đủ cả. Thần ngẫu nhiên nhàn rỗi chợt sinh phóng túng, chế ra văn tự của Tiểu Phiên, thay đổi áo mão của Đại Hán, chẳng mong truyền mãi ở đây mà vì dân quân cùng thỉnh, cúi mong Hoàng Đế bệ hạ hứa nhận lễ của biên thùy phía Tây, thần xin nhận sách mệnh làm vua đất Nam này, xin dốc tài hèn, thường chăm dân tốt.” Triều đình bàn mưu thảo phạt ông. Từ đó Nguyên Hạo ngông cuồng cướp vây Quân Châu, có lúc thắng có lúc thua. Đến Lý Tông năm Bảo Khánh năm thứ ba, đất nước diệt vong.

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Mão:*<br>*Bảo Nguyên năm thứ 2* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Trùng Hy năm thứ 7* | *Tây Hạ:*<br>*Đại Khánh năm thứ hai, đổi thành Thiên Thụ* |
| *Canh Thìn:*<br>*Khang Định năm đầu* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Trùng Hy năm thứ 8* | *Tây Hạ:*<br>*Xâm phạm nhà Tống* |

Thiền sư Từ Minh: Sư họ Lý người Toàn châu, húy Sở Viên ngụ ở núi Thạch Sương, Đàm châu. Thuở nhỏ Sư làm thư sinh năm hai mươi tuổi xuất gia ở chùa Ẩn Tĩnh, Tương sơn. Mẹ Sư là người đức hạnh, khuyên Sư du phương. Sư đến Phần Dương yết kiến Thiền sư Thiện Chiêu, Chiêu ngầm hứa khả nhưng đã mười năm mà vẫn chưa cho vào thất. Mỗi lần gặp Sư, Thiện Chiêu đều mắng chửi thậm tệ, hoặc chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo toàn nói những việc thế tục bỉ lậu. Ngày nọ, Sư trách: "Đến pháp tịch đã hai mùa hạ, chẳng được chỉ vẽ mà chỉ tăng thêm thế tục nhiễm ô, năm tháng qua nhanh, việc mình chẳng tỏ, đánh mất lợi ích xuất gia." Nói chưa dứt lời, Thiện Chiêu mắng: "Gã ác tri thức này dám bán rẻ ta ư!" Thiện Chiêu nổi giận cầm gậy đuổi đánh. Sư toan kêu cứu thì Chiêu liền bịt miệng, ngay đó Sư đại ngộ, nói: "Mới hay đạo Lâm Tế vượt hẳn thường tình." Sư ở lại hầu hạ bảy năm rồi từ biệt đến tham học với Thiền sư Đường Minh Tung. Tung bảo Sư: "Dương Đại Niên Nội Hàn thấy biết cao xa, vào đạo chân thật, ông nên đến gặp." Sư liền đến Đại Niên. Đại Niên nói:

Đối mặt chẳng biết nhau, ngàn dặm lại đồng phong.

Sư thưa: Gần đây vâng lời thỉnh của sơn môn.

- Thoát không rất chân thật.
- Tháng trước rời Đường Minh.
- Vừa rồi ăn năn vì đã hỏi nhau.

Sư nói:

Tác gia!

Đại Niên liền hét. Sư nói:

Gần phải. Đại Niên hét tiếp. Sư lấy tay vẽ một đường.

Đại Niên lè lưỡi nói: Thật là Long tượng.

Sư hỏi: Đó là ý gì? Đại Niên quay lại bảo châm trà tiếp và nói: Té ra là người nhà.

Sư nói:

Cũng không tiêu được.

Lát sau, Đại Niên hỏi:

- Thế nào là một câu vì người của Viên Thượng tọa? Sư đáp:
- Thiết
- Tác gia, tác gia!
- Sư nói:

Tha cho Nội Hàn hai mươi gậy.

Đại Niên vỗ gối hỏi: Trong này là nơi nào?

- Sư vỗ tay đáp:

Chớ có bỏ qua.

- Đại Niên cười vang. Đại Niên hỏi:

- Nhớ được nhân duyên Đường Minh ngộ đạo không?

Sư đáp:

Đường Minh nghe tăng hỏi Thủ Sơn về đại ý Phật pháp, Thủ Sơn đáp:

Bên thành Sở Vương nước chảy về Đông.

Đại Niên hỏi:

Nói như vậy ý chỉ thế nào?

Sư đáp:

Trên nước treo cầu lồng đèn.

- Như vậy thì cô phụ người xưa rồi!

- Nội Hàn nghi thì cứ tham vấn nơi khác.

Đại Niên nói:

Con ếch ba chân nhảy lên trời.

Sư nói:

Cứ mặc tình nhảy.

Đại Niên cười vang, giữ Sư lại trai đường, ngày ngày cùng chất vấn giải nghi. Nhân đó Sư hận mình gặp Đại Niên quá muộn.

Đại Niên vào chùa gặp Phò mã Đô úy Lý Tuân Ức nói:

Gần đây tôi được một đạo nhân, thật là sư tử Tây Hà.

Tuân Ức nói:

Tôi quá bận rộn không đến gặp được biết làm thế nào?

Đại Niên im lặng trở về nói với Sư:

- Lý công là người trong Phật pháp, nghe đạo phong thầy từ xa đến đây, có lòng muốn gặp thầy, do bận việc triều chính nên không thể theo tôi về.

- Sáng hôm sau, Sư đến yết kiến Lý Công.

Lý Công xem văn thư, sai đồng tử ra hỏi:

- Nói được thì cùng Thượng tọa gặp nhau.

Sư nói:

Hôm nay tôi đặc biệt đến để gặp

Lý công lại sai đồng tử ra nói:

- Văn bia khắc chữ trắng, giữa đường trồng tùng xanh.

Sư nói: Nếu chẳng phải hôm nay, ngày sau ắt khó gặp. Đồng tử trở ra nói: Đô úy bảo nếu vậy thì gặp Thượng tọa vậy. Sư nói:

Đầu gót cuối gót.

Lý Công bước ra ngồi xong hỏi Sư:

- Tôi nghe nói, Tây Hà có Sư tử lông vàng đúng không?

Sư đáp:

Ông nghe tin này ở đâu?

Lý Công liền hét. Sư nói:

Tiếng của dã can.

Lý Công hét tiếp. Sư nói:

Chính phải. Lý Công cười vang. Sau đó, Sư từ biệt ra đi,

Lý Công hỏi một câu sắp đi, Sư đáp: Hay! Sắp dứt.

Lý Công nói:

Đâu khác nơi khác!

Sư hỏi:

Đô Úy lại làm sao thế?

- Tha Thượng tọa hai mươi gậy

- Toàn vì lưu thông

Lý Công lại hét. Sư nói:

Mù!

Lý Công nói: Thôi đi đi! Sư đáp: Dạ! Dạ!

Từ đây, Sư qua lại họ Dương họ Lý kết làm bạn pháp, ít lâu, Sư từ biệt về lại Hà Đông. Đại Niên nói:

Ta có một câu gởi cho Đường Minh!

Sư nói: "Trăng sáng chiếu thấy người đi đêm".

Đại Niên nói: "Lại chẳng như nhau".

Sư nói: Đêm dài vẫn còn được, sau ngọ lại phiền người

- Kim Cang trước chùa Khai Bảo gần đây do đâu chảy ra.

- Biết.

- Thượng tọa sắp đi, lẽ đâu không có câu cho người.

- Đường núi cửa muôn trùng

- Vậy thì đi theo Thượng tọa thôi!

Sư giả bộ gầm gừ, Đại Niên nói:

Đúng là Sư tử.

Sư về lại Đường Minh, Lý Công sai hai vị Tăng đến thăm hỏi. Sư viết thư cho Lý Công, cuối thư Sư vẽ hai cái chân bảo hai vị Tăng ghi tên vào và đem về. Lý Công đọc thư và làm bài kệ:

*Đuôi đen hơn ngàn dặm*
*Cả quách lộ hai chân*
*Trời vốn người khó lường*
*Nể gã Hồ râu đỏ.*

Lúc này do còn mẹ già nên Sư về Nam, đến Thụy châu làm Thủ

Chúng trong pháp hội của Thiền sư Động Sơn Hiểu Thông, dừng lại đây ba năm. Trước đây, Phần Dương từng nói: “Ta tham vấn khắp con cháu Vân Môn, nhưng hận vì chưa yết kiến Thiền sư Hiểu Thông.” Vì vậy Sư đã dừng lại đây, sau vân du đến Ngưỡng Sơn, Viên châu Thái phú Hoàng Tôn Đán thỉnh Sư trụ chùa Quảng Lợi núi Nam Nguyên, rồi qua trụ ở Đạo Ngô, Đàm châu, chùa Sùng Thắng núi Thạch Sương, chùa Trang Nghiêm ở Nam Nhạc, chùa Hưng Hóa ở Đàm châu. Niên hiệu Bảo Nguyên năm đầu, Phò mã Dô úy Lý Tuân Ức sai Sứ đến thỉnh Sư rằng: “Pháp lữ trong nước chỉ có thầy và Dương Đại Niên mà thôi. Đại Niên đã bỏ tôi đi trước, năm nay thấy mình đã già yếu, gắng sống để gặp thầy lần cuối.” Sư liền về Đông đến Kinh Sư. Được hơn một tháng, Lý Công vẽ một vòng tròn và làm bài kệ tặng Sư rằng:

*Thế giới không nương*
*Núi sông chẳng ngại*
*Biển lớn vi trần*
*Tu-di hạt cải,*
*Giở khăn che đầu*
*Cởi bỏ thắt lưng*
*Nếu tìm sống chết*
*Hỏi lấy đảy da.*

Sư hỏi:

Thế nào là Phật tánh xưa nay?

Lý Công đáp:

Hôm nay nóng như hôm qua

Lý Công hỏi Sư:

Thế nào là một câu sắp đi?

Sư đáp:

Xưa nay không ngăn ngại, tùy xứ mặc vuông tròn

- Tối rồi, mỏi mệt chẳng đáp nữa.

Sư nói:

Làm Phật nơi không có Phật.

Đêm ấy, Lý Công an nhiên quy tịch. Nhân Tông Hoàng đế nghe Đô úy quy tịch và cuộc hỏi đáp giữa hai người, ông hết lời thán phục. Sư đến mộ của Đô úy chào từ biệt, vua hạ chiếu ban cho Sư thuyền quan để về Nam. Đến lúc này là ngày mồng năm tháng giêng niên hiệu Khang Định năm đầu, Sư quy tịch, hưởng thọ năm mươi bốn tuổi, Tăng lạp ba mươi hai. Bài minh ghi hành trạng của Sư được khắc dựng ở chùa Hưng Hóa, tháp toàn thân ở núi Thạch Sương. Sư nối pháp Phần Dương Thiện

Chiêu, thuộc đời năm thứ sáu tông Lâm Tế. Đệ tử nối Pháp Sư bắt đầu chia tông, đó là Hoàng Long Tuệ Nam, Dương Kỳ Phương Hội.

Thiền sư Quảng Chiếu ở núi Lang Da, Trừ châu: Sư húy Tuệ Giác, người Tây Lạc. Thuở nhỏ, lúc đưa linh cửu của cha là Hoành Dương Thái thú về đất Lạc, khi ngang qua ngôi chùa cổ Dược Sơn ở Lễ châu, Sư cảm thấy như mình đã từng ở đây. Sau đó, Sư xuất gia ở chùa này, thọ giới xong liền du phương tham học, đắc pháp với Phần Dương, hoằng hóa ở Trừ Thủy. Sư giáo hóa cùng thời với Thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển, Minh Châu bốn phương gọi đây là hai cửa Cam lồ. Đến nay, hóa tích của Sư ở vùng Hòa Nam vẫn còn. Sư nối pháp Thiền sư Phần Dương Thiện Chiêu.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Tỵ: Khánh Lịch năm đầu* | *Đại Khiết Đan:Trùng Hy năm thứ 9* | *Tây Hạ* |

Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc ở Hồ châu soạn Lăng-nghiêm Kinh Tập Giải mười quyển, Thuyết Đề một quyển, Huân Văn Ký năm quyển. Hàn lâm Thị độc Học sĩ Tri chế cáo Hồ Túc viết lời tựa rằng: "Ngàn đèn trong nhà, ánh sáng dung nhiếp, sáu nhạc dưới nhà chính âm cùng trỗi, xiển dương kinh mầu, nêu cao Viên Giáo, pháp thí vô biên thay!" Ngài thị tịch ngày hai mươi bốn tháng ba niêm hiệu Trị Bình năm đầu, đời Anh Tông, môn nhân an táng Sư ở Hà Sơn.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Ngọ:*<br>*Khánh lịch năm thứ 2* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Trùng Hy năm thứ 10* | *Tây Hạ* |
| *Quý Mùi:*<br>*Khánh lịch năm thứ 3* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Trùng Hy năm thứ 11* | *Tây Hạ đến Tống xin hàng* |

***Tây Hạ:*** Triệu Nguyên Hạo, mùa hạ tháng tư sai sứ đến Tống Xưng thần xin hòa. Sau ông lại sai sứ đến Xưng Nam chứ không Xưng Thần mà chỉ xưng thần với Khiết Đan. Dịch kinh viện Triều tán Đại phu Thí Hồng Lô khanh Quang Phạm Đại Sư Duy Tịnh được chấp chính, miễn bớt việc dịch kinh. Ngài biết trước liền dâng tấu sớ xin nghỉ. Đế nói: "Trẫm sùng phụng Tam Thánh, lẽ đâu dám cho thầy nghỉ. Hơn nữa, sổ sách tên gọi văn kiện của những vật báu triều cống đều là văn

tự của các nước khác, chẳng phải Hồng Lô thì ai thông suốt hết.” Không bao lâu, Ngự sử Trung thừa Khổng Đạo Phủ vv... quả nhiên xin bãi bỏ Dịch quán. Đế đưa tấu sớ của ngài cho bọn họ xem, Đạo Phụ liền dẹp bỏ ý định của mình.

***Ngự tán răng Phật:*** Mùa hạ, trời đại hạn, tổn hại hoa màu, tháng sáu, Đế hạ chiếu rước răng Phật ở chùa Tướng Quốc về cấm cung cầu khẩn, trời liền mưa to. Xá-lợi răng Phật này do Tổ Tông ngự phong. Đế tự tay mở ra, rửa bằng nước hoa Tường vi trong biển, được một hạt xá-lợi, màu ngũ sắc sáng rỡ. Đế cất xá-lợi trong bình lưu ly và làm bài tán rằng:

*Tam hoàng huyễn chất đà ra đất*
*Ngũ Đế hình hài hóa bụi trần*
*Phu tử khắp nơi tôn chí thánh*
*Lão quân trần thế cũng bảo chân,*
*Vùi thây chỉ thấy quan quách trống*
*Còn đâu hài cốt chỉ hậu nhân*
*Chỉ có thầy ta xương vàng mãi*
*Trải qua trăm lửa vẫn thường tân.*

Đế cất xá-lợi trong tráp vàng trang nghiêm bảy báu, lót bằng lông cừu trắng, đậy bằng áo long phụng anh lạc, cúng dường hơn một tháng, đúc điện bằng vàng bốn cửa tượng trưng cho cung trời, đặt Xá-lợi vào và đưa trả lại. (Xem bài tựa Tam Triều Ngự Tán Xá-lợi Răng Phật của Hàn lâm Tri chế cáo Vương Khuê)

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Thân:<br>Khánh Lịch năm thứ 4* | *Đại Khiết Đan:<br>Trùng Hy năm năm thứ 12* | *Tây Hạ: Tống sách phong Triệu Nguyên Hạo làm Quốc Chủ.* |

Tháng mười hai, Tống sách phong Nguyên Hạo làm Hạ Quốc chủ, mỗi năm ban cho bạc lụa hai mươi ba vạn, Nguyên Hạo đổi tên là Nẵng Tiêu.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Dậu:<br>Khánh Lịch năm thứ 5* | *Đại Khiết Đan:<br>Trùng Hy năm thứ 13* | *Tây Hạ* |

Âu Dương Tu từ Gián Viện bị giáng xuống làm Hà Bắc Đô Chuyển Vận sứ, đổi về Trừ Châu. Khi ngang qua chùa Viên Thông ở Đông Lâm, Lô Sơn, ông gặp Thiền sư Tổ Ấn Cư Nột luận bàn về Đại giáo, chiết trung giữa Nho và Phật, giống như chuyện Hàn Dũ gặp Thiền sư Đại Điên.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Tuất:*<br>*Khánh Lịch năm thứ 6* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Trùng Hy năm thứ 14* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Dương Kỳ:*** Sư húy Phương Hội ở núi Dương Kỳ, Viên Châu, vốn họ Lĩnh quê ở Nghi Xuân. Thuở nhỏ, Sư đến Cửu Phong ở Thụy châu cứ ngỡ mình đã từng qua đây rồi liền xin thế phát xuất gia. Mỗi khi xem kinh, tâm Sư mở sáng, thấu tỏ mau lẹ. Sư đến tham học với Thiền sư Từ Minh Viên. Viên từ Nam Nguyên dời sang Đạo Ngô, chuyển đến Thạch Sương, Sư đều theo hầu, lo toan hết mọi việc trong viện. Tuy theo Từ Minh đã lâu nhưng Sư vẫn chưa tỉnh ngộ. Mỗi khi đến thưa hỏi, Từ Minh bảo: "Việc trong ty khố quá nhiều, ông hãy đi đi!" Hôm khác Sư đến, Từ Minh bảo: "Ngày sau con cháu Giám Tự có khắp thiên hạ, việc gì phải nhọc công!" Ngày nọ, Từ Minh vừa đi ra, trời liền đổ mưa, Sư rình ở con đường tắt, Từ Minh đến, Sư liền nắm đứng nói: "Lão già này, hôm nay phải nói cho tôi, nếu không nói thì tôi đánh." Từ Minh nói: "Nếu Giám Tự biết đây chỉ là việc quanh co, thì sẽ thôi ngay!" Từ Minh nói chưa dứt, Sư đại ngộ, sụp lạy ngay trên đường bùn. Hôm sau, Sư uy nghi tề chỉnh đến phương trượng lạy tạ. Từ Minh quở: "Chưa phải!" Nhân đó Sư khế ngộ, từ biệt Từ Minh về lại Cửu Phong. Tăng tục thỉnh Sư trụ ở Dương Kỳ. Đến lúc này, Sư dời qua Vân Cái và thị tịch. Hoàng Hựu năm đầu, môn nhân dựng tháp Sư ở núi này. Sư nối pháp Từ Minh.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Sửu:*<br>*Khánh Lịch năm thứ 7* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Trùng Hy năm thứ 15* | *Tây Hạ* |

Vương Tắc ở Bối châu làm phản. Vương Tắc nguyên là một quan võ nhỏ của quân lệ Tuyên Ân, dùng yêu thuật mê hoặc mọi người, chiếm cứ Bối châu, tiếm hiệu Đông Bình Vương, lấy Quốc hiệu An

Dương, đổi niên hiệu Đức Thắng, về sau bị diệt.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Tý: Khánh Lịch năm thứ 8* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 16* | *Tây Hạ* |
| *Kỷ Sửu: Hoàng Hựu năm đầu* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 17* | *Tây Hạ* |

Từ triều Chu Vũ Đế, Biện Kinh bị đập phá chùa viện, mãi đến đời Thái Tổ năm Kiến Long mới được phục hưng. Lưỡng Nhai chỉ còn lại Nam Sơn Luật Bộ, Từ Ân Hiền Thủ sớ sao nghĩa học mà thôi. Sĩ Đại phu thông minh siêu xuất đều chán nghe danh tướng nhân quả, nhưng Thiên Thai Chỉ quán, Đạt-ma Thiền tông lại chưa thịnh hành. Từ năm Thuần Hóa đến nay, Tôn giả Tứ Minh Tri Lễ, Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức hành đạo ở Đông nam, nhưng tông nhãn của Quán tâm thì chiếu sáng cả thiên hạ. Hàn lâm Dương Ức, Triều Hướng là người đầu tiên phát minh nó. Đến lúc này, nội thị Lý Doãn Ninh tâu xin cho Biện Kinh một khu nhà để sáng lập phát huy tông thiền, Đế sắc tứ nơi này là Thập Phương Tịnh Nhân Thiền Viện. Đế lưu tâm đến Không tông, hạ chiếu cho Tam Tỉnh cùng định nghị, mời người có Đạo đến trụ trì. Âu Dương Tu, Trần Sư Mạnh tâu xin Thiền sư Cư Nột ở chùa Viên Thông, Lô Sơn. Doãn Ninh đích thân cầm chiếu chỉ đến Giang châu để thỉnh Cư Nột bảo mình bị bệnh mắt nên không đi. Đế càng kính trọng, cho phép ngài thỉnh người khác đi thay. Cư Nột liền mời Hoài Liên ứng chiếu.

***Thiền sư Cư Nột:*** Ở Viên Thông Thiền Tự, Lô Sơn, Giang châu. Sư họ Kiểng, người Đông Xuyên, Tử châu, từ nhỏ đã thông minh dĩnh ngộ, sách đọc qua là thuộc lòng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, mười bảy tuổi thi kinh Pháp Hoa, được độ và lên tòa giảng. Gặp lúc Thiền giả về Nam mới khuyên Sư đi tham vấn do đó Sư đi khắp trong Kinh sư mà không có sở đắc. Sư đến tham vấn Thiền sư Tử Vinh ở Tương Châu và mật khế tâm yếu, dừng ở đây mười năm rồi vân du sang Lô Sơn, đạo phong của Sư ngày một lan xa. Nam Khang Thái thú Trình Sư Mãnh thỉnh Sư trụ ở Quy Tông, sau dời qua Viên Thông. Đến lúc này, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở viện Tịnh Nhân nhưng Sư không đi và thỉnh ngài Hoài Liên đi thay. Thiên hạ đều cho Sư là người khéo biết dùng người. Về già Sư ẩn cư trên ngọn Bảo Tích. Mồng tám tháng hai năm Hy Ninh năm thứ tư đời Thần Tông, Sư không bệnh, ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi, Tăng lạp bốn mươi lăm hạ, tháp ở Nham Ổ. Sư ngồi

thiền, ban đầu chắp tay bình thường, đến nửa đêm, tay đưa cao dần đến ngực, thị giả vẫn đứng hầu đợi đến lúc trời sáng. Sư nối pháp Thiền sư Tử Vinh ở Tương châu, Tử Vinh nối pháp Trí Môn Tộ, Tộ nối pháp Hương Lâm Trừng Viễn, Viễn nối pháp Vân Môn Văn Yển.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Dần: Hoàng Hựu năm thứ 2* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 18* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Đại Giác Liên:*** Ngài họ Trần, húy Hoài Liên, quê ở Long Khê, Chương châu, Phúc Kiến đạo. Ngài xuất gia từ bé, đến tuổi để chỏm thì thế phát, dốc chí học đạo, mến mộ ai thì liền đến tham học. Sư đến pháp tịch Lặc Đàm, khế cơ và được ấn khả, thờ Lặc Đàm hơn mười năm rồi đến Lô Sơn giữ chức Chưởng Ký Thất cho Thiền sư Cư Nột ở viện Viên Thông Năm đầu Hoàng Hựu, đế hạ chiếu cho Thiền sư Nột trụ trì Thập Phương Tịnh Nhân Thiền viện ở Tả nhai. Cư Nột cử ngài đi thay. Đến lúc này, ngày mười chín tháng hai Canh dần, Đế mời ngài vào điện Hóa Thành hỏi đại ý Phật pháp. Ngài đối đáp, Đế rất hài lòng và ban ngài hiệu Đại Giác Thiền sư. Trai phạn xong, Đế truyền chỉ, ngài theo phép tắc Thiền Lâm phương Nam mà khai đường thuyết pháp. Đế lại tuyên chỉ cho Tả nhai phó tăng lục Từ Vân Thanh Mãn Đại Sư khải bạch bằng bài kệ:

*Sân rồng xuân về*
*Hoàng cung mở hội*
*Vạn thừa đã đến điện vua Thuấn*
*Lưỡng Nhai được thờ nơi này Nghiêu*
*Ngay lúc hòa hiếu như vầy*
*Cũng chính là lúc xiển dương*
*Tuyên bàn đạo Tổ*
*Dâng hợp hoàng triều.*

Hỏi đáp xong, ngài nói: "Pháp hội của Phật xưa, chưa từng nói khác, trong câu lưu thông vốn nói đến nhiều, người nhận được thì diệu dụng chẳng thiếu, kẻ đánh mất thì gặp việc bó tay, bởi vậy khe núi mây trăng nơi nơi đồng phong, nước chim cây rừng xứ xứ hiển đạo. Nếu nhằm dưới cửa của Ca-diếp thì liền được gió Nghiêu mênh mông, mặt trời Thuấn cao sáng, nông phu ngâm nga, ngư ông ca múa, ngay lúc đó toàn vui với phong hóa vô vi, đâu còn biết việc gì!"

Đế nghe, rất hài lòng, sau sai trung sứ hỏi ngài: "Vừa dựng phất

tử, người học khó đương!”

Ngài dùng bài tụng đáp:

*Có đốt đâu hẳn trúc*
*Ba sao vòng cung trăng*
*Người ở dưới mặt trời*
*Đâu giống bao người khác.*

Đế xem xong, rất vui, liền triệu ngài vào điện Đối Tiện ban cho cây quạt lông, trên ấy có ghi bài tụng Nguyên Tịch. Đế và ngài cùng hỏi đáp, làm thơ làm tụng; viết tặng nhau cả thảy mười bảy thiên. Tháng ba năm Chí Hòa năm thứ hai, ngài cáo lão xin về núi và dâng Đế bài tụng:

*Sáu năm thường diễn xướng Tổ cơ*
*Điện vàng hai lần phụng thiên uy*
*Núi xanh ở ẩn vui nào sánh*
*Ngự tụng đầy hòm gánh về thôi.*

Đế họa lại rằng:

*Phật Tổ rành rành thấu thượng cơ*
*Trước cơ dâng được mối toàn uy*
*Núi xanh Bát-nhã như như thể*
*Ngự tụng mang về biết để đâu.*

Đế sai trung sứ tuyên chỉ dụ rằng: “Núi chính là thể như như, còn về đâu nữa! Hãy ở lại Kinh Quốc chấn hưng Phật pháp như vậy!”

Ngài lại dâng bài tụng tạ ơn rằng:

*Trung sứ truyền tuyên lệnh cấm vây*
*Bảo thần ở lại chốn Thiền này*
*Núi xanh chưa được chôn ngàn vụng*
*Tóc bạc làm sao giúp vua đây!*
*Ân lớn tuyết sương đà thăm thẳm*
*Tình thâm rừng suối chịu đắng cay*
*Lòng nhân chúa thượng như trời rộng*
*Xin cho mây lẻ mặc tình bay.*

Hồi ấy, Đế đọc Ngữ Lục của Thiền sư Đầu Tử Sơn, Tăng hỏi: Thế nào là trâu trắng nơi đất trống? Đầu Tử làm tiếng trâu rống, nhân đó Đế khế ngộ và làm mười bốn bài tụng và giải thích, nay Đế đem tặng cho ngài một bài:

*Nếu hỏi chủ nhân ông*
*Chân tịch hợp hư không*
*Ba đầu với sáu tay*

*Tháng chạp chính gió xuân.*

Ngài họa lại rằng:

*Nếu hỏi chủ nhân ông*
*Lặng lẽ như vách không*
*Lúc mây chớp nổi lên*
*Đất trời đều thổi mát.*

Đế đọc xong, tuyên chiếu tặng ngài một bình bát Long não, ngài tạ ân và nói: “Pháp Phật cho dùng y hoại sắc, bình bát bằng đất nung, thiết, bát này không đúng pháp”. Nói xong ngài đốt đi. Trung Sứ quay về bẩm lại, Đế thán phục không thôi. Thời gian sau, nhận chỉnh soạn Tôn Giác Tân Lão, Đế gởi thư hỏi về tông giáo, ngài trả lời, đại lược là: “Ý của diệu đạo, Thánh nhân từng gởi gắm trong kinh Dịch, đến thời Chu suy vi, phép chế của Tiên vương bại hoại, lễ nghĩa cũng mất đi. Về sau, nó gởi gắm trong Dị thuật, Dị thuật xuất hiện thì làm loạn thế tục. Đến khi Thích-ca ta vào Trung thổ, toàn đem Đệ nhất nghĩa chỉ bày cho người, không ngoài chủ trương lấy Từ bi giáo hóa chúng sinh, đó cũng là do hợp thời. Từ khi có con người đến nay, diệu đạo thuần phác chưa tán nên giáo pháp của Tam hoàng giản dị nhưng trong sáng, đó là mùa Xuân. Đến lúc tình cảm con người ngày càng sâu nặng, nên giáo pháp của Ngũ Đế rõ ràng lại văn hoa, đây là mùa Hạ. Thời và thế khác nhau, tình cảm theo thời gian mà biến đổi, nên giáo pháp của Tam vương sâu kín mà lại uy nghiêm, ấy là mùa Thu. Cáo và thệ của thời Thương Chu xưa kia, học giả sau này có người chẳng hiểu, lúc ấy chỉ biết lắng nghe, không dám làm trái, lề lối ấy so với ngày nay thế nào? Đến lúc nó lộ rõ mới tệ, đó là vào thời Tần, Hán, lúc này nó tràn lan khắp nơi, trong thiên hạ có người chẳng chịu nghe. Bấy giờ, Phật Như Lai ta vực sống dậy bằng lý của tánh mệnh, đem hạnh từ bi mà dạy họ, đây là mùa Đông. Trời có bốn mùa xoay vần để sinh trưởng vạn vật, nên giáo pháp của Thánh nhân liên tục được truyền trì nhằm giáo hóa nhân loại, giống như bốn mùa của trời đất vậy thôi. Đến lúc cực thịnh thì không thể không có mối tệ. Dấu vết của tệ làm cho đạo hợp nhất. Cần phải có Thánh hiền xuất thế để cứu mối tệ đó. Từ Tần, Hán, đến nay, đã hơn ngàn năm, phong tục dần dần bại hoại, giáo pháp của Thánh nhân bị chia chẻ nhưng vẫn độc lập tồn tại, người ta đua nhau chê bai, rốt cuộc chẳng biết theo bên nào. Đạo lớn vời vợi nhưng chẳng ai biết để lần về, thật đáng trách thay!”

Ngài an trú trong Thiền pháp, trì Luật rất tinh nghiêm, dựng tinh xá ở phía Tây Đô thành. Thiền sư Hiểu Thuấn hiệu Lão Phu trụ ở viện

Thê Hiền trên Lô Sơn, bị quan lại trong quận đến ép phải mặc đồ thường dân, Thuấn đến xin ngài ở. Ngài để Thuấn nghỉ ở gian giữa còn mình qua nằm gian bên cạnh, giữ lễ đệ tử, rất cung kính Thuấn. Vương công, quý tộc đến thăm đều lấy làm lạ, ngài kể lại sự thật rằng: "Thiếu thời tôi thường hỏi đạo ở ông ấy, nay ông ấy gặp chuyện không may, nếu theo hình tướng mà hầu hạ, hóa ra tôi thành kẻ hai lòng mất rồi!"

Đế biết chuyện mới cho Hiểu Thuấn thế phát lại, vẫn trụ ở chùa Thê Hiền. Thuấn quê ở Thụy châu, trụ ở Vân Cư, Nam Khang, nối pháp Thiền sư Động Sơn Hiểu Thông, Hiểu Thông nối pháp Văn-thù Ứng Chân, Chân nối pháp Đức Sơn Duyên Mật, Mật nối pháp Vân Môn Văn Yển. Thuấn là đệ tử út của ngài Hoài Liên. Anh Tông, năm Trị Bình năm thứ hai, ngài dâng Sớ xin về núi, Đế trao cho ngài tờ Tráp ghi rằng: "Thiền sư Đại Giác Hoài Liên được nhận là Thánh quyến của Tiên đế, nhiều lần chấn tích đến hoàng cung, bao phen cống hiến hết lòng thành, xin vào núi ẩn cư, nay thuận theo lời xin, để thầy được toại lòng. Những nơi thầy đi qua, muốn trụ trì am viện nào thì tùy ý, Thiền lâm trong cả nước không được ép ngài ở hoặc cố mời." Ngài cầm tờ tráp đi về đông, ít có ai biết. Vượt sông xong, ngài trụ một thời gian ngắn ở Kim Sơn, Tây Hồ. Tứ Minh # thấy Quảng Lợi Thiền tự ở núi A-dục vương bỏ trống nên thỉnh ngài trụ trì, Cửu Phong Thiều công viết sớ cầu thỉnh, ngài nhận lời đến đạo tràng. Dân chúng ở Tứ Minh cùng gắng sức dựng một đại các để an trí thi, tụng, ngự chế do Đế ban cho, đặt tên đại các này là Thần Khuê. Hàn lâm học sĩ kiêm thị độc đoan minh điện học sĩ Tô Thức viết bài ký. Tô Thức gởi thư hỏi ngài: "Tôi thừa ý và đã soạn xong văn bia cho Thần Khuê các, nay tôi già suy vô dụng, chẳng biết có kham nổi việc khắc đá không!" (Xem trong phần Tham Liêu Thuyết)

Ngày ngài rời kinh, Anh Tông ban cho ngài tờ chiếu do chính tay mình viết. Trong ấy ghi: "Mặc tình đi ở chẳng biết quả có nên chăng! Nếu có ai cố mời thì hãy đưa toàn văn tờ chiếu này ra." Nhưng ngài lại muốn giấu kín chi tiết này không hề đưa ra. Sau khi ngài quy tịch, người ta mới tìm thấy tờ chiếu ở trong rương của ngài. Gianh Tây Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục ngợi khen ngài rằng: "Đại Giác dù không hiển hách nhưng đủ làm cho những kẻ được ân sủng cậy quyền ỷ thế phải xấu hổ. Còn những lúc chúa thượng rảnh việc quân cơ, cùng ngài luận đạo, phát huy Tông thừa, vun bồi nên cực trị, thế nên, điều mà Thần Khuê các gọi là "Được tâm tông Phật" xưa nay chỉ có một người mà thôi." Đúng thay, lời này! Ngài thọ tám mươi hai tuổi. Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ năm, ngài không bệnh, quy tịch. Ngài nối pháp

Ngũ Tổ Giới, Giới nối pháp Song Tuyền Kính Khoan, Khoan nối pháp Vân Môn Văn Yển.

***Thiền Sư Phù Sơn Cửu Đái:*** Sư họ Vương, húy Pháp Viễn, quê ở Trịnh châu. Năm mười chín tuổi, Sư đến Tinh châu, theo Tam Giao Trí Tung xuất gia, làm Sa-di hầu Trí Tung mà tỉnh ngộ. Sau khi thọ Cụ túc, Sư đến yết kiến Phần Dương Thiện Chiêu, Diệp Huyện Tỉnh Công, đều được ấn khả. Sư từng cùng Đạt Quán Dĩnh, Tiết Đại Đầu vv.. cả thảy bảy, tám người qua đất Thục, nhiều phen gặp nạn, Sư đều dùng trí mà thoát nạn. Mọi người cho Sư là người am hiểu việc quan, nên đặt cho Sư hiệu là Viễn Lục Công. Sư trụ ở chùa Phù Sơn, Thư Châu lấy hiệu là Viên Giám Thiền Sư. Âu Dương Tu nghe Sư là người kỳ đặc, liền đến thất thăm chơi nhưng vẫn chưa thấy Sư có gì phi thường. Ngày nọ Dương Tu ngồi đánh cờ với khách, Sư ngồi bên cạnh, Dương Tu liền thâu hết bàn cờ thỉnh Sư lấy đề tài đánh cờ này thuyết pháp. Sư liền sai đánh trống thượng đường. Sư lên tòa nói:

Nếu luận việc này, chẳng khác hai người đang đánh cờ. Vì sao vậy? Vì địch thủ và tri âm ngay lúc đó chẳng nhường nhau. Nếu như vây năm bủa ba, lại thông một đường, mới được nước cờ thông thường. Như mở toang cửa kín, làm kế sống không được, đoạt lấy chỗ xung yếu, nanh nhọn miệng cọp cùng thấy rõ, sau khi cờ tàn cũng chỉ nhọc công phí sức. Nên nói, người mập dễ kiếm, kẻ ốm khó tìm, suy nghĩ và hành động thường trái ngược, tâm thô tháo thì thường xung đột, luôn khoe là quốc thủ, dối bàn đến Thần tiên, dù thắng hay thua cũng chẳng hỏi. Hơn nữa, lúc trắng đen chưa phân, động thủ thì rơi vào chỗ nào?

Lát sau, Sư hỏi: Xưa nay mười chín đường, mê ngộ có bao người? Âu Dương Tu nghe xong không ngớt thán phục, quay sang nói với người đồng liêu: “Dương Tu tôi ban đầu nghi Thiền ngữ là hư dối, nay thấy cơ duyên đường đi nước bước của ông già này, nếu không phải là người tỏ ngộ tâm địa thì đâu thể có những lời xuất cách như vậy.

Phạm Văn Chánh công thỉnh Sư khai sơn, trụ trì chùa Thiên Bình ở Tô châu, Bình Giang lộ. Những năm về già, Sư quy ẩn ở Hội Thánh Nham, thuật Phật Tổ Áo Nghĩa, soạn Cửu Đái. Sư quy tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi, tự xưng mình là Sài Thạch Dã Nhân. Sư nối pháp Thiền sư Quy Tỉnh ở viện Quảng Giáo, Diệp Huyện, Nhữ châu. Quy Tỉnh nối pháp Thủ Sơn Tỉnh Niệm, Niệm nối pháp NamViện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng, Tưởng nối pháp Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền.

Mùa Hạ, ngày mười tám tháng năm Pháp sư Thần Chiếu Bản Như

ở Đông Dịch Sơn, Đài Châu quy tịch. Sư theo Pháp Trí Ngộ Kinh Vương nhưng lại kế thế Từ Vân Đông Dịch suốt ba mươi năm. Nối pháp có Tra Am Hữu Nghiêm, Bạch Liên Xử Hàm, Thần Ngộ Xử Khiêm.

***Tâm kinh:*** Lý Cấu, tự Thái Bá, người Hu Giang, người đương thời gọi ông là Đại Nho. Đến lúc này năm Hoàng Hựu năm thứ hai, Phạm Văn Chánh Công dâng biểu tiến cử, ông được làm quan, lại được sung vào giảng dạy ở Thái học, nhưng chưa được bao lâu thì ông mất. Hồi ấy, Thái Bá từng soạn Tiềm thư và Quảng Tiềm thư cật lực bài xích Phật giáo. Đại sư Minh Giáo Khế Tung mới đem những gì mình soạn đến gặp ông và lý giải, từ đó Thái Bá bắt đầu lưu tâm kinh Phật, ông than: "Bọn ta nghị luận vẫn còn chưa kịp một quyển Bát-nhã Tâm kinh, Phật đạo lẽ đâu dễ biết ư!" Môn hạ của ông như Sĩ Hoàng, Hán Kiệt gởi thư hỏi nguyên do, ông trả lời, đại lược ghi "Dân mà muốn thiện bởi nhờ Thiên tánh. Xưa đạo Nho được vận dụng ở đời, ắt có phép tắc để dẫn dắt họ. Tai, mắt, mũi, miệng, tâm của dân biết trăm thứ vì đều có chủ, thì đâu rảnh để mống khởi các thứ dị đoan. Đạo Nho về sau cũng được vận dụng ở đời nhưng không có phép tắc dẫn dắt họ. Tai, mắt, mũi, miệng, tâm của dân biết trăm thứ nhưng đều không làm chủ, nếu bỏ đạo Phật thì còn biết nương tựa vào đâu!"

Tâm kinh có ba bản dịch đều được lưu hành ở đời. Bản kinh mà Thái Bá nói đến chính là bản do Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu Đường Thái Tông dịch ra. Nó gồm năm mươi bốn câu, hai trăm sáu mươi bảy chữ.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Mão: Hoàng Hựu năm thứ ba Phật thị tịch đã 2.000 năm* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 19* | *Tây Hạ* |
| *Nhâm Thìn: Hoàng Hựu năm thứ 4* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 20* | *Tây Hạ* |

Nùng Trí Cao vây hãm Ung châu, dựng nước Đại Nam ở ngay châu này, tiếm xưng hiệu Nhân Tuệ Hoàng Đế, đổi niên hiệu Khải Lịch, chiếm cứ Nam Chiếu. (Nam Chiếu cách đất Thục hơn hai ngàn dặm).

***Thiền sư Tuyết Đậu:*** Sư họ Lý, tên Trùng Hiển, tự Ẩn Chi sinh tại Toại Ninh Phủ vào ngày tám tháng tư năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ năm. Thuở nhỏ, Sư theo Nhân Tiễn Thượng nhân ở Phổ An

viện, Ích châu xuất gia. Thọ Cụ túc xong, Sư rời đất Thục, qua lại khắp vùng Kinh Chử, từng làm Tri khách ở Đại Dương. Sư vân du lên phương Bắc đến Phục châu. Bắc Tháp Tộ Thiền sư mến Sư là người tinh nhuệ nên giữ lại đây năm truyền hết diệu đạo. Lúc Sư đến Tiền Đường chợt gặp Tăng Học Sĩ ở Hoài Nam. Tăng viết thư đến tiến cử Sư với Thiền sư Linh Ẩn San. Sư đến, sống lặng lẽ suốt ba năm. Tăng Học sĩ phụng mệnh đi sứ Triết Tây, đến Linh Ẩn hỏi thăm Sư. Tăng chúng trong chùa đến hơn ngàn người nhưng chẳng ai biết Sư. Đến lúc kiểm đơn, thông qua vật dụng mới biết. Tăng hỏi bức thư tiến cử ngày trước đâu, Sư mới lấy trong tay áo ra giao cho. Tăng cười ngất. Từ đó Thiền sư San càng để tâm đến Sư. Sư ra hoằng hóa ở Thúy Phong, Tô châu, rồi dời về Tuyết Đậu, Minh châu, đại chấn tông phong. Đến lúc này, ngày mồng mười tháng sáu năm Hoằng Hựu năm thứ tư (có thuyết nói ngày bảy tháng bảy) Sư tắm rửa, đem trượng, giày, y, bát giao cho đồ chúng tay vén áo, đầu quay về Bắc quy tịch, thọ bảy mươi ba tuổi, Tăng lạp năm mươi hạ. Đồ chúng phụng toàn thân Sư an táng dựng tháp ở đồi Tây của chùa. Đế ban Sư hiệu Minh Giác Đại Sư. Đệ tử thượng thủ đắc pháp có Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài... Về già, Sư thương người học chẳng biết đâu tìm về cội nguồn, mới làm bài kệ "vi đạo nhật tổn" rằng:

*Thời gian ba phần đã hết hai*
*Linh đài một chấm chẳng chịu mài*
*Tham tiếc theo ngày khư khư sống*
*Gọi chẳng quay đầu than trách ai!*

Những bài kệ tụng diệu ngữ mở mang tông chỉ của ngài lưu hành khắp tòng lâm. Sư nối pháp Trí Môn Quang Tộ, Tộ nối pháp Hương Lâm Trừng Viễn, Viễn nối pháp Thiền sư Vân Môn Văn Yển.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Tỵ: Hoàng Hựu năm thứ 5* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 21* | *Tây Hạ* |

Tri Chế Cáo Lã Trăn ra làm quan ở Hàng châu, đầu tiên xin lấy từ Pháp Trí trở xuống làm đời thứ nhất. Pháp sư thật tướng Phạm Trăn tông Thiên thai giáo quán chủ làm Thiên Trúc Khán Kinh viện.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Ngọ: Chí Hòa năm đầu* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 22* | *Tống phong Khổng Nguyện làm Diễn Thánh Công* |

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Mùi: Chí Hòa năm thứ 2* | *Đại Khiết Đan: Trùng Hy năm thứ 23. Tháng tám đổi niên hiệu Thanh Ninh* | *Tây Hạ* |

Tháng tám, Khiết Đan Chủ mất, ở ngôi hai mươi lăm năm, thọ bốn mươi mốt tuổi, thụy là Văn Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Hưng Tông. Con ông là Hồng Cơ lên ngôi, đổi năm Trùng Hy năm thứ hai mươi ba thành Thanh Ninh năm đầu.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Thân: Gia Hựu năm đầu* | *Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 2* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Dậu: Gia Hựu năm thứ 2* | *Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 3* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Tuất: Gia Hựu năm thứ 3* | *Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 4* | *Tây Hạ* |

***Định Tổ Đồ:*** Trong năm Minh Đạo, Đại Sư Minh Giáo Khế Tung theo Âu Dương Phưởng đến nhà ở Long Hưng Tây Sơn, mượn sách trong nhà này về Phụng Thánh viện đọc, nhân thấy Ngũ Giới Thập thiện của nhà Phật thông với Ngũ Thường của Nho gia mà ngài soạn bộ Nguyên giáo. Lúc này Âu Dương Tu (Văn Trung Công) rất thích Hàn Xương Lê (Hàn Văn Công) phỉ báng Phật giáo, Lý Thái Bá ở Hu Giang cũng giống bọn người này, ngài đem những tác phẩm do mình soạn đến gặp Thái Bá để luận những điểm tương đồng giữa Nho và Phật, đồng thời chống lại thuyết của ông ta,Thái Bá thích văn phong của ngài cao xa, phục vì lý lẽ sắc bén, nhân đó Bá gởi thư cho Văn Trung Công, trong thư không ngớt khen ngài, sau đó ngài ngụ chùa Linh Ẩn ở Hàng châu, soạn bộ Chánh Tông Ký, Định Tổ Đồ. Đến lúc này, năm Gia Hựu năm thứ ba, ngài đem sách đến Kinh Sư, qua phủ Khai Phong, ngài dâng tờ trạng cho phủ doãn Vương Tố Trọng Nghi. Trọng Nghi dâng tờ tráp cho Đế rằng: “Nay thần có vị Tăng tên Khế Tung ở chùa Linh Ẩn, Hàng châu đã đến chỗ thần dâng trạng trình bày, rằng Tổ tông truyền pháp trong Thiền môn chưa được rõ ràng lắm, giáo môn học cạn, ai nấy đều chấp vào truyện ký, xưa nay có rất nhiều người bàn cãi. Bởi vậy Khế Tung thảo luận Đại Tạng kinh, có đủ ngọn ngành xuất thế của Tổ tông Thiền môn, nhân đó giảm bớt phần rườm rà, chỉ lấy điều cốt yếu soạn

thành bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký một trăm mười hai quyển và một bản Tổ đồ, nhằm chỉnh những điểm nhầm lẫn trong truyện ký, đồng thời chú thích Phụ Giáo Biên bốn mươi thiên, ấn bản một bộ ba quyển. Nay Thần dâng cho Bệ hạ một bức thư, hoàn toàn không mong cầu ân trạch, chỉ xin cho thần tiến cử. Đối với Phật giáo, thần cũng từng có lưu tâm xem qua văn chương, chú thuật của thầy ấy vốn không phải luận theo ý mình mà nghiên cứu rất kỹ lưỡng, nhân lúc rảnh việc quân cơ, xin bệ hạ để mắt xem qua, mong là được nhiều pháp lạc. Như có thể chọn được, dám xin bệ hạ cho Trung Thư xem kỷ, đặc ân cho nhập Đại Tạng Mục Lục nhằm làm nơi y cứ".

Đế xem thư xong, chuẩn tấu, giao cho Trung thư. Thừa Tướng Hàn Ngụy Công Kỳ, Tham Chánh Âu Dương Văn Trung Công Tu cùng xem và hết lời khen ngợi. Âu Dương Tu nói: "Không ngờ rằng trong Tăng lại có người như vầy, tham cứu kinh điển, khảo chứng sự việc không mảy may nhầm lẫn." Bởi vậy, triều đình nêu cao danh ngài, ban hiệu là Minh Giáo Đại Sư, cho sách nhập tạng, xong viết tờ tráp rằng: "Chuẩn cho Khai phong phủ Vương Tố tấu, Tăng Khế Tung chùa Linh Ẩn, Hàng châu soạn xong Truyền Pháp Chánh Tông hý và Phụ Giáo Biên ba quyển, nên lệnh cho nhập trong Tàng kinh ở Truyền Pháp viện, tráp này giao cho viện Truyền Pháp y thế mà làm.

Oánh Trọng Ôn có lời tán rằng: "Luận chí lý cao xa của ngài Khế Tung đủ để nêu cao giáo hóa rộng khắp, đã qua tiến cử được nhập Đại tạng, vậy công lao duy trì pháp môn như trời trăng sáng mãi. Than ôi! Bọn ta có người cả đời chưa từng đọc qua thì làm sao biết được sự lợi ích sâu xa của nó!"

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Hợi:*<br>*Gia Hựu năm thứ 4. Tháng hai cấm buôn trà* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Thanh Ninh năm thứ 5* | *Tây Hạ* |

Âu Dương Tu, Tống Công Kỳ chỉnh sửa xong Đường Thư. Dương Tu soạn tiếp Ngũ Đại Sử bảy mươi bốn quyển, trong Trai Tam Bút của Hồng Mại Dung ghi: "Cựu Đường Thư, Ngũ Đại Sử trong hai bộ sách này nhưng chỗ liên quan đến Phật giáo, Tân thư sử đã lược bỏ hết.

Tháng tư Đế cấp cho con Chu Cung Đế là Sùng Nghĩa Công một ngàn mẫu ruộng để tế tự nhà Chu.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Tý: Gia Hựu năm thứ 5* | *Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 6* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Đạt Quán:*** Sư họ Khâu, húy Đàm Dĩnh, người Tiền Đường, Hàng châu, năm mười ba tuổi, Sư xuất gia ở chùa Long Hưng, hai mươi tuổi vân du đến Kinh sư. Con người của Sư đặc cách, phóng khoáng, hiểu biết sâu rộng, sách sử không gì chẳng đọc văn chương lại càng sắc sảo. Hạ Văn Trang Công Tủng, Vương Văn Khang Công Thự, Âu Dương Văn Trung Công Tu, Tiết độ sứ Lý Đoan đều đến Sư thưa hỏi đạo mầu, tôn Sư làm thầy, cùng hưởng pháp lạc. Họ chép lại lời Sư, lấy tựa là Đăng môn tập. Ban đầu Sư yết kiến Thiền sư Minh An ở Đại Dương, kế đến yết kiến Thạch Môn Thông Công, hầu hạ lâu ngày, khế hợp diệu đạo. Sư về Đông, đầu tiên trụ ở Hương Lô phong, Thư châu; kế đó dời qua Ẩn Tĩnh thuộc Nhân Thánh Thái Bình, Nhuận châu rồi Tuyết Đậu ở Minh châu, Kim Sơn ở Nhuận châu. Đến lúc này, đêm giao thừa năm Gia Hựu năm thứ tư, Sư sai thị giả cầm thư chia tay đến học sĩ Điêu Cảnh Thuần ở Dương châu. Thư ghi: “Ngày mai phải đi, không rảnh gặp nhau, xin hãy bảo trọng!” Điêu thất kinh nói: “Phải làm sao đây!” Và phúc đáp thư sai người đem đi. Người đưa thư đến bờ sông, Sư liền sai đánh trống thượng đường, thuật lại ngọn ngành xuất thế và khuyên đại chúng đừng giải đãi. Sư nói: “Sau khi ta đi, phải thỉnh bổ nhiệm Giám tự Hiền lên thay (Thiền sư Hoài Hiền ở Kim Sơn). Sư xuống tòa, đọc thư Cảnh Thuần xong, quay về phương trượng, đại chúng dìu Sư đi, Sư kiết già giây lâu và quy tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, Tăng lạp năm mươi ba hạ. Sư nối pháp Thiền sư Từ Chiếu Uẩn Thông ở cốc Ẩn Sơn, Tương châu, Uẩn Thông nối pháp Thủ Sơn Tỉnh Niệm, Niệm nối pháp Phong Huyệt Diên Chiểu, thuộc Tông Lâm Tế.

Sư từng soạn bộ Tánh Biện, trong ấy ghi: “Hiền thánh xưa nay nói về tánh nhưng chỉ được tình, nói có thể rốt ráo lý nhưng không thể tận tánh là tại sao vậy? Vì họ không biết Tam tài (thiên, địa, nhân) vạn vật đều là tánh. Trời là tánh thượng, đất là tánh hạ. Kim thì lợi, thủy thì ướt, mộc thì thẳng, hỏa thì nóng, thổ thì dày, đó là tánh của Ngũ hành. Tóm lại mà nói, quán sát thật kỹ thì tánh của vạn vật rõ ràng thấy được. Nhưng tựu trung, vật linh nhất là con người do âm dương giao hòa mà sinh, biến hóa mà động là tĩnh. Đứng về tình người thì nó rất thuần túy, nên nó có thể thăng lên, có thể giáng xuống, làm Hiền làm Ngu. Người thọ nhận Tánh thượng là quân tử, ngoại tình (tình bên ngoài) không thể

mê hoặc tánh, dù sống cùng với Tiểu nhân nhưng giống như đất đá bám ngoài vàng ngọc. Đến như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nêu danh muôn đời chính nhờ đương thời giữ địa vị cao, tuân thủ Thường đạo, quán sát tình người tùy thuận tánh của họ mà lập pháp. Kiệt, Trụ, U, Lệ bị giàu sang mê hoặc, đánh mất cái đáng quý, phóng túng tánh mình bị tình dẫn đi. Trời đất tuy vô tình, nhưng bị gió mây bốn mùa thay đổi trạng thái, bị núi sông vạn vật làm loạn dáng hình. Chỉ có con người ở trong đó, vượt thiên thời, tùy địa lợi mà chẳng mất tiết tháo. Thế nên, con người là trung tâm của trời đất. Tình, ý, thức đều khởi nguyên từ tánh, tùy vật hiển bày, nên ngoài việc nó có rất nhiều tên gọi, những điểm khác không thể nào kể hết. Tình là tâm bị dẫn bởi dụng, ý là chí bị ghi nhớ bởi vật, Thức là biết được phân biệt bởi vật, yêu ghét mừng giận đều là tình. Phàm là bậc Đại thánh nhân thì tánh rất kiên định, không bị bên ngoài mê hoặc, không bị tình dẫn dắt. Tánh chế ngự tình, cho nên giáo pháp ta gọi ngày là bậc Chánh giác. Kinh dịch chỉ biết đến thuyết cùng lý tận tánh nhưng chưa thấy được cái đạo ra cổ vào kim. (Theo Tăng Bảo Truyện).

***Thiền Sư Thiên Y:*** Sư họ Trần, húy Nghĩa Hoài, người Lạc Thanh, Ôn Châu. Trưởng thành, Sư vân du đến Kinh Sư, tu tập sự tại chùa Cảnh Đức. Trong năm Thiên Thánh, Sư thi kinh và được độ làm Tăng, chủ trì bảy đạo tràng, về già do bệnh nên Sư về trụ ở Sam Sơn Am, Trì Dương. Đệ tử Sư là Thiền sư Phật Nhật Trí Tài ở Lâm Bình Sơn, Hàng châu đón Sư về phụng dưỡng. Đến lúc này, năm Gia Hựu năm thứ năm, Tài qua Tô châu, Sư giục về mau. Tài đến, Sư nói bài kệ:

*Mặt nhật chiếu Phù tang*
*Mây lạnh giăng hoa nhạc*
*Canh ba qua Thiết vi*
*Bẻ gãy sừng Ly long.*

Tài hỏi: Tháp đã xây xong, thế nào là việc rốt ráo? Sư đưa nắm đấm lên, về chỗ ngủ xô gối thị tịch. Môn nhân dựng tháp Sư trên cao nguyên phía Đông chùa. Sư nối pháp Thiền sư Trùng Hiển Tuyết Đậu. Trong năm Sùng Ninh, Huy Tông ban Sư Thụy Chấn Tông Thiền sư.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Sửu: Gia Hựu năm thứ 6* | *Đại Khiết Đan: Thanh Ninh năm thứ 7* | *Tây Hạ* |

Lộ Công Văn Ngạn Bác: Lúc này ông đi sứ đến trấn ở Ngụy Phủ.

Thiền sư Văn Tuệ Trùng Nguyên ngụ ở chùa Thiên Bát ngày nọ đến từ biệt ông. Ông hỏi:

- Thầy già rồi còn muốn đi đâu nữa?

Sư đáp:

Đi nhập diệt.

Ông nói với con là Hữu Phủ:

- Thầy Nguyên nguồn đạo sâu kín, nói cười đều ý vị, là Tăng phi thường, con hãy đến hầu ông ấy.

Hữu Phủ đến nơi thì ông đã ngồi mà thị tịch. Lúc này trời nóng bức, nhưng mùi hương lạ lan tỏa khắp nơi. Khi trà-tỳ, khói có màu trắng toát, xá-lợi vô số. Ngạn Bác tay cầm bình lưu ly trắng do vua ban cho và cầu nguyện: “Có thể được xá-lợi chăng.” Khói chui vào bình, xá-lợi đầy tràn. Từ đó ông càng kính tín, lưu tâm trong kinh điển.

Sư họ Tôn, quê ở Thiên Thừa, Thanh châu, năm mười bảy tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thế phát thọ Cụ túc, du phương đến pháp tịch Thiền sư Thiên Y, đốn ngộ huyền chỉ. Thiên y nói: “Người này là con ngựa câu ngàn dặm của nhà ta.” Sư bốn lần thay đổi đạo tràng, đi đến đâu Tăng tục đều kính ngưỡng. Sư nối pháp Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài.

Hội Chánh Ký: Do Luật sư Doãn Kham trứ tác. Ngài quê ở Tiền Đường, từ nhỏ theo Thiên Thai Sùng Giáo Đại Sư Tuệ Tư xuất gia, học thông kinh điển, chuyên trì Luật bộ. Từ năm Khánh Lịch, Hoàng Hựu đến nay, ngài dựa vào giới luật dựng giới đàn ở những nơi như: Đại Chiêu Khánh ở Hàng châu, Khai Nguyên ở Tô châu, Tinh Nghiêm ở Tú châu. Hằng năm ngài đều độ Tăng, cầu phước cho Quốc chủ. Ngài soạn Hội Chánh Ký vv... Gồm mười hai bộ, kế thế truyền giảng Luật tạng của Nam Sơn Tuyên Luật Sư. Từ ngài về sau có Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu kế thừa tông này. Ngày hai mươi sáu tháng mười một năm này, ngài quy tịch ở Chiêu Khánh, môn nhân dời tháp về Bồ-đề ở Tây Hồ, ngài hiệu là Chân Ngộ Trí Viên Đại Luật Sư.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Dần: Gia Hựu năm thứ 7* | *Đại Khiết Đan:Thanh Ninh năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Vân Phong:*** Sư họ Từ, húy Văn Duyệt, quê ở Long Hưng, bảy tuổi thế phát xuất gia tại chùa Long Hưng. Sư dáng người thanh tú, kiến thức phi phàm. Năm mười chín tuổi, vân du tham vấn khắp Tôn túc ở Giang Hoài, nhưng ý muốn đến Thiền sư Kim Loan ở Kinh châu,

Đại Ngu ở Thụy châu. Đầu tiên, Sư đến Đại Ngu, thấy Thiền sư Chi ở nhà dột vách xiêu, hoang lạnh như nhà ma, Chi tự làm nón ngày ngày vào làng xóm, tối mịt mới về đóng cửa ngủ khò. Sư thất vọng muốn đi nơi khác. Thiền sư Thủ Chi liền thượng đường nói: Mọi người tụ tập ở đây cùng ăn rau dưa, gọi là một cọng rau nhưng vào địa ngục nhanh như tên bắn.

Nói xong, Chi xuống tòa, Sư kinh hãi. Tối đó, Sư đến phương trượng, Chi hỏi:

- Ông đến đây cầu cái gì?

Sư đáp:

Cầu tâm pháp Phật.

- Ta không rảnh nhịn đói, đâu rảnh nói pháp cho ông, ông hãy đi xin cơm cho đại chúng đi.

Sư liền xin đi. Không lâu sau đó, Chi dời về Thúy Nham ở Tây Sơn, Sư đi theo. Sư vào phương trượng, Chi nói:

- Ông lại muốn cầu tâm pháp Phật chứ gì! Ông không thấy vừa đến đây ở, nhà cửa sơ sài mưa dột tuyết phủ, ta chịu lạnh không nổi, đâu thể nói pháp cho ông. Phật pháp chưa nghe thì lạnh nứt chân rồi, ông nên đi kiếm than cho đại chúng sưởi đi.

Sư vâng mệnh đi xong, trở về. Lúc này đạo tràng thiếu chức Duy-na. Sư đến phương trượng, Thủ Chi nói:

- Phật pháp chẳng ngại nát chân, đạo tràng còn thiếu một chức, nay phải phiền ông.

Sư tỏ vẻ thất vọng muốn bỏ đi, nhưng nghĩ công lao bấy lâu, lẽ đâu bây giờ dừng lại. Sư đè nén nỗi hận với Chi và ra nhà sau gánh nước. Đòn gánh bỗng gãy, thùng rơi xuống đất, Sư hoát nhiên đốn ngộ, thấy được chỗ dụng trước đây của Thủ Chi. Sư liền đắp y chạy thẳng đến phương trượng, Chi đã đón Sư, cười nói:

- Duy-na vui nhỉ, việc lớn xong rồi!

Sư lạy hai lạy, mồ hôi ra ướt dầm. Sư ở lại hầu hạ tám năm, Chi mất, Sư về Đông, vân du sang Tam Ngô, đi đến đâu, tòng lâm đều thay đổi cách nhìn. Thiền sư Trùng Hiển Tuyết Đậu rất kính sợ Sư, mỗi khi nhóm chúng uống trà đều đặt ngay một sàn tòa biểu thị lòng tôn kính đặc biệt. Di Văn ở Nam Xương thỉnh Sư trụ ở Thúy Nham, sau Sư dời về Vân phong. Sư thượng đường nói:

Nói năng chẳng lìa hang ổ thì làm sao ra khỏi trói buộc. Mảng mây che ngang miệng cốc làm mê nguồn biết bao người, nên nói: "Nói năng không tỏ việc, lời nói chẳng khế cơ, người chạy theo nói năng thì

mất mạng, kẻ chấp văn cú thì mê lầm, đến chỗ này các ông dựa vào lời nào mà hiểu. Giây lâu Sư nói tiếp: "Muốn được không chiêu nghiệp Vô gián, chớ chê Như Lai Chánh pháp luân.

Sư thượng đường nói: "Loài hữu tình lấy biển trí làm nguồn, giống hàm thức lấy pháp thân làm thể. Chỉ vì tình sinh nên cách trí, tâm loạn nên khác thể. Đạt được ngọn ngành, tình quên thì biết tâm thể hợp. Chư Thiền đức hiểu không? Phật xưa tiếp nối với lô trụ, điện Phật ứng hiện với lồng đèn, nếu cũng không hiểu thì tự mình thương lượng lại."

Đến lúc này, ngày tám tháng bảy năm Gia Hựu năm thứ bảy, Sư thăng tòa từ biệt đại chúng, nói kệ rằng:

*Trụ thế sáu mươi sáu năm*
*Làm Tăng năm mươi chín hạ*
*Dòng thiền nếu hỏi chỉ quy*
*Lỗ mũi đầu thường hướng xuống.*

Nói xong, Sư an nhiên quy tịch. Chúng trà-tỳ thâu xá-lợi ngũ sắc, dựng tháp phía Bắc Vũ Khê. Sư nối pháp Thiền sư Đại Ngu Thủ Chi, Chi nối pháp Phần Dương Thiện Chiêu, Chiêu nối pháp Thủ Sơn Tỉnh Niệm.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý mão:*<br>*Gia Hựu năm thứ tám. Tháng ba, Đế mất* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Thanh Ninh năm thứ 9* | *Tây Hạ* |

Anh Tông: Húy Thự, con Bộc Vương, cháu Thái Tông, lên ngôi năm ba mươi ba tuổi, ở ngôi bốn năm, thọ ba mươi bảy tuổi. Niên hiệu Trị Bình bốn năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Thìn: Trị Bình năm đầu* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Thanh Ninh năm thứ 10* | *Tây Hạ: cướp phá biên cảnh nước Tống* |
| *Ất Tỵ: Trị Bình năm thứ 2* | *Đại Khiết Đan:*<br>*Hàm Ung năm đầu* | *Tây Hạ* |

Mùa Thu, mồng ba tháng tám, đô thành mưa dầm, nước tràn lai láng Đế xuống chiếu cầu người can gián. Tể tướng Tằng Công Lượng từng nhân đó mà bày tỏ, Hàng châu Thẩm Văn Thông bẩm tấu: “Tượng Bồ-tát Quán Thế Âm trong Thiên Trúc Khán Kinh Viện kể từ đời Thạch Tấn đến niên hiệu Trị Bình này ban phước cho thiên hạ, ban huệ cho muôn dân, linh tích xưa nay rất nổi tiếng,” được Đế ban cho tên mới là Thiên Trúc Linh Ứng Quán Âm Viện. Đoan Minh điện học sĩ, Lễ bộ thị lang Sái Tương kế thế giữ ấp này, tất cả chùa viện đều được treo tên mới.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Ngọ: Trị Bình năm thứ 3* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ hai, Khiết Đan lại đổi hiệu là Liêu* | *Tây Hạ cướp phá biên cảnh nước Tống* |
| *Đinh Mùi: Trị Bình năm thứ tư. Tháng giêng, Đế mất.* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

Tháng giêng, Đế hạ chiếu những chùa viện tự xây trong cả nước gồm ba mươi hai nơi đều được giữ nguyên, và đều được ban cho một tên chung là Thọ Thánh.

**Thần Tông:** Húy Húc, con Anh Tông, lên ngôi năm hai mươi tuổi. Tính ông nhạy bén, cầu an, mất trong lúc điên loạn, ở ngôi mười tám năm, thọ ba mươi tám tuổi. Niên hiệu Hy Ninh mười năm, Nguyên Phong tám năm. Phật giáo truyền về Đông được ngàn năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Thân:*<br>*Hy Ninh năm đầu* | *Đại Liêu:*<br>*Hàm Ung năm thứ 4* | *Tây Hạ* |
| *Kỷ Dậu:*<br>*Hy Ninh năm thứ 2* | *Đại Liêu:*<br>*Hàm Ung năm thứ 5* | *Tây Hạ: Tống sách phong Bỉnh Thường làm Hạ Quốc chủ* |

***Thiền sư Hoàng Long:*** Sư họ Chương, Húy Tuệ Nam, quê ở Tín châu, cùng Thiền sư Bột Đàm Hoài Trừng phân tòa tiếp người, tiếng tăm chấn động khắp nơi. Nhân dịp cùng Thiền sư Vân Phong Văn Duyệt vân du đến Tây Sơn, ban đêm hai người luận về đạo pháp của Vân Môn.

Vân Phong nói: “Thầy Trừng tuy là con cháu Vân Môn nhưng pháp đạo khác xa”. Sư hỏi khác chỗ nào, Vân Phong đáp: “Vân Môn như đan sa qua chín phen luyện, nhỏ vào sắt, sắt biến thành vàng. Ông Trừng như thuốc vĩnh ngân chỉ để nhìn chơi, đặt vào lò thì tan chảy.

Sư nổi giận lấy gối ném Vân Phong. Hôm sau, Phong xin lỗi và nói:

Chí khí Vân Môn như vua cam chịu tử ngữ sao! Có pháp trao cho người, đó là tử ngữ. Tử ngữ hay làm sống người được sao!

Sư hỏi:

Nếu vậy thì ai là người hợp ý ông?

Phong đáp:

Thạch Sương Sở Viên thủ đoạn hơn hẳn các nơi, ông nên đến mà gặp.

Sư liền đi. Nửa đường nghe nói Từ Minh chẳng có việc, hễ có thì xem thường mọi người. Sư liền lên Hoành nhạc yết kiến Thiền sư Hiền ở Phước Nghiêm. Hiền sai Sư làm Thư ký. Chợt Hiền quy tịch, Quận thú thỉnh Từ Minh đến trụ trì. Từ Minh vào viện thường chê các nơi mỗi việc đều là tà giải. Sư cho Minh là người có khí khái nên vào thất yết kiến. Từ Minh nói:

- Thư ký dẫn đồ chúng du phương, giả Sử có nghi thì nên ngồi xuống thương lượng.

Sư thành khẩn tha thiết cầu chỉ dạy, Từ Minh hỏi:

- Ông học Thiền của Vân Môn, chắc hẳn giỏi về ý chỉ ấy, như nói: “Tha Động Sơn ba mươi gậy”, Động Sơn có ăn gậy hay không?

Sư đáp:

Có ăn gậy.

Từ Minh nghiêm nghị nói:

- Từ sáng đến tối, nghe két kêu quạ hót vậy đều phải ăn gậy.

Sư liền đốt hương đảnh lễ. Từ Minh ngồi ngay thọ nhận. Từ Minh hỏi:

Triệu Châu nói với bà lão ở Đài Sơn: “Ta bị bà khám phá rồi.” Hãy nói xem đâu là chỗ ông ta bị bà lão khám phá?

Sư toát mồ hôi, không thể đáp được. Hôm sau Sư lại đến, Từ Minh luôn miệng mắng chửi. Sư hỏi:

- Chửi mắng lẽ đâu là pháp thí của Từ Minh sao?

Từ Minh hỏi:

Ông có biết chửi không?

Sư hoát nhiên đại ngộ, làm bài tụng:

*Giỏi vượt tòng lâm là Triệu Châu*
*Lão bà khám phá có nguyên do*
*Ngày nay bốn biển trong như kính*
*Bộ hành thôi chớ ghét con đường.*

Sư trình Từ Minh, Minh hứa Khả. Về sau, Sư khai pháp ở Đồng An. Ngày đầu tiên thọ thỉnh, Bột Đàm đến, Tăng có lời đề xướng, Sư nói:

- Biển trí không tánh, do giác vọng mà thành phàm, giác vọng vốn rỗng, ngay phàm tâm mà thấy Phật, tùy ông tiến thủ sẽ bảo Đồng An không phân hợp, tùy ông điên đảo theo sở dục mà có Nam có Bắc.

Tăng đem việc này nói với Trừng, Trừng không vui. Sư trụ ở Hoàng Long, trong thất bày ba chuyển ngữ: Người đều có sinh duyên; Sư đưa tay nói: "Tay tôi sao giống tay Phật?" Sư duỗi chân nói: "Chân tôi sao giống chân lừa?" Tòng lâm gọi đây là ba cửa của Hoàng Long. Sau Sư dời về Hoàng Bá. Sư nối pháp Từ Minh Sở Viên. Đến lúc này giờ Ngọ ngày mười bảy tháng ba năm Hy Ninh năm thứ hai, Sư dùng cơm với khách xong, đứng dậy về trước phòng ngủ, đại chúng đứng hầu nghiêm cẩn, Sư kiết già ngồi thẳng thị tịch. Lúc trà-tỳ có xá-lợi ngũ sắc, môn nhân dựng tháp trước núi, thụy là Phổ Giác Thiền sư. Đệ tử truyền thừa gồm: Chân Tịnh Khắc Văn, Đông Lâm Thường Tổng, Hối Đường Tổ Tâm.

***Thiền sư Phật Ấn:*** Sư họ Lâm, húy Liễu Nguyên, tự Giác Lão, người Phù Lương Nhiêu Châu, vốn theo Nho học, từ nhỏ xuất gia tại chùa Bảo Tích, lạy Sa-môn Nhật Dụng làm thầy, thi kinh Pháp Hoa được thọ Cụ túc. Sư vân du đến Lô Sơn yết kiến Thiền sư Thiện Tiêm, ở Khai Tiên, Tiêm rất ngợi khen. Năm mười bảy tuổi, Sư đến yết kiến Thiền sư Viên Thông Cư Nột, Cư Nột cho Sư làm thư ký. Thiền sư Hoài Liên Ứng chiếu vào kinh, Sư thế vào chức của Hoài Liên. Năm hai mươi tám tuổi, Sư trụ ở Thừa Thiên, Giang châu, làm người nối pháp của Khai Tiên. Từ Thừa Thiên, Sư dời qua những nơi như: Đẩu Phương ở Hoài châu; Khai Tiên, Quy Tông ở Lô Sơn; Kim Sơn, Tiêu Sơn, Gianh Tây ở Nhuận châu; Đại Ngưỡng ở Viên châu. Sư trụ ở Vân Cư bốn mươi năm, đức bủa khắp Tăng tục. Hàn lâm Tô Thức bị biếm đến Hoàng châu, lúc ấy Sư trụ ở Lô Sơn, Quy Tông và Hoàng châu cách nhau một con sông, hai người thường đối đáp văn chương. Ngày bốn tháng giêng năm Nguyên Phù đời Triết Tông, Sư cáo biệt đại chúng, mỉm cười thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, Tăng lạp năm mươi hai hạ. Sư nối pháp Khai Tiên Thiện Tiêm, Tiêm nối pháp Đức Sơn Thừa Viễn, Viễn nối

pháp Song Tuyền Úc, Úc nối pháp Vân Môn Văn Yển.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Tuất: Hy Ninh năm thứ 3* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 6* | *Tây Hạ* |

Trịnh Công Phú Bậc đi sứ đến trấn Hào châu, ông được đón đến Hoa Nghiêm Dĩnh châu cùng luận tâm pháp vơi Thiền sư Chứng Ngộ Tu Ngung. Đến khi cáo quan quy ẩn ở Lạc Dương, ông dùng kệ tụng gởi Thiền sư Tông Bản Viên Chiếu ở Tô châu rằng:

*Từng gặp thầy Ngung tỏ ngộ sâu*
*Nhân duyên thầy tổ truyền tâm nhau*
*Đông nam luống nói non sông rộng*
*Mắt thấy linh quang hợp đạo mầu.*

Và ông viết thư rằng: "Bậc tôi lưu tâm trong Tổ đạo vốn lâu rồi, nhưng thường hận chẳng gặp người mắt sáng khai mở chỗ mê mờ. Dù từ lâu đã nghe danh các bậc đạo cao nhưng chưa từng được gặp học. Hôm qua tôi may mắn được ra giữ đất Hào vốn tiếp giáp với Dĩnh châu, nhờ người trong làng là Trương Tỷ Bộ Cảnh Sơn thỉnh được thầy Ngung hạ cố gặp nhau gần một tháng, nhờ sức phương tiện từ bi khiến tôi được tỏ ngộ. Gặp lúc kiết hạ gần kề, đầu tháng tư tôi phải về đất Dĩnh, nói đến việc dùi mài buông bỏ, rõ ràng tôi chưa mấy công phu, lại khổ nỗi già yếu bệnh tật, mê muội khó vào. Xưa Thiền sư Cổ Linh từng nói: "Chẳng hẹn", đến lúc già thế này được nghe việc cực tắc, đó là cái thấy của Bậc tôi hôm nay, thật may mắn, may mắn! Bậc tôi tuy đắc pháp với thầy Ngung nhưng vốn từ lão Hòa thượng mà đến, đạo mầu của tông phái ắt phải giữ gìn, mong thầy thùy từ nhiếp thọ, xa ban dẫn dắt khiến chưa đến liền đến, như vậy chẳng khác Bàng Uẩn dưới trướng Nam Nhạc, Bùi Hưu dưới trướng Bá Trượng vậy.

* Triệu Thanh Hiến Công Biện lúc chưa làm quan kết thâm giao với Thiền sư Thiên Bát Trùng Nguyên ở Bắc Kinh, luận đàm tâm pháp. Ngày ông nhậm chức ở Thanh châu, chợt nghe tiếng sấm mà tỉnh ngộ, liền làm bài kệ:

*Ăn lộc công đường mình ngồi vững*
*Tâm chẳng động lay, yên như nước*
*Một tiếng sấm vang thấu đảnh môn*
*Chợt nhận rõ ra mình từ trước,*
*Ngẩng thấy trời xanh vui càng vui*
*Sát sát trần trần đều chung bước*

*Người hạng trung hạ chẳng được nghe*
*Diệu dụng thần thông nay đã được.*

Ông trả lời thư cho Trịnh Công Phú Bậc, đại loại rằng: "Gần đây tôi giao lại ngài Tiết Bản Truyền Đăng ba quyển, nay xin có mấy lời. Hiện nay, Thừa Chế Tống Uy đã bỏ đi hơn bảy xấp và Hoàng thượng đã thâu nhận. Biện tôi trộm nghĩ, pháp truyền riêng ngoài giáo của Thánh nhân Tây phương không phải thi thiết cho căn cơ bậc trung bậc hạ. Người thượng trí thì đốn ngộ mà thể nhập, một được thì vĩnh viễn được. Kẻ ngu thì mê mờ chẳng nhận lại, từ đó mà ngàn sai thì muôn khác. Chỉ có Phật và Tổ lấy tâm truyền tâm, còn việc lợi sinh tiếp vật chẳng qua là việc bất đắc dĩ. Vì vậy mà có vô số phương tiện như: Gậy, hét, nắm tay, nhướng mày, chớp mắt, thoi đánh, dựng phất tử, nói năng, văn tự...Cách Thánh càng xa, học giả các nơi quên gốc theo ngọn, bỏ nguồn theo sóng, mênh mang vô định, thật đáng thương xót! Biện tôi bất tài, đầu mùa thu năm ngoái trụ ở Thanh châu, nhờ tỉnh ngộ mà biết đôi chút, rằng bản tánh không thiếu không thừa. Người xưa cho là pháp môn an lạc, quả thật không ngoa! So với thái phó thị trung theo cầu Thiền ngữ, Biện tôi vốn xuất thân trong dòng chịu ân, nghe được càng vui mừng khôn xiết. Cúi mong chấp sự giàu sang tột bực như thế, đạo đức hưng thịnh như thế, phước thọ khang ninh đủ đầy như thế, lui về ẩn dật thanh cao như thế. Điều mà tôi chưa mấy lưu tâm là Như Lai chỉ vì đại sự nhân duyên mà thôi. Ngày nay về lại chân tánh có chút ngộ nhập, Biện này dám tự khen trong môn hạ".

Đến lúc này năm Nguyên Phong năm thứ hai Thanh Hiến Công Thôi không giữ chức thái tử thiếu bảo nữa, lui về ở ẩn tại Cù châu, dung mạo địa vị chẳng khác dân trong làng. Ông dựng am lấy tên là Cao Trai, và làm bài kệ kiến ý rằng:

*Lưng thắt vàng ròng đã vất rồi*
*Vui buồn trong ấy cũng thường thôi*
*Người nay muốn biết Cao Trai lão*
*Ấy là Triệu Tứ ở Kha thôn.*

Ông lại tự mình mừng thọ mình rằng:

*Chánh sự đã xong, tuổi bảy hai*
*Sau trăm tuổi, ẩn núi*
*Chân pháp thân, chẳng tức chẳng ly*
*Đầy ắp đại thiên, hiện khắp trí*
*Chẳng thể giấu che, không thể để*
*Những lời mừng thọ, như thế thôi.*

Ông mất vào mùa Thu tháng tám năm Nguyên Phong năm thứ bảy.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Hợi:*<br>*Hy Ninh năm thứ 4* | *Đại Liêu:*<br>*Hàm Ung năm thứ 7* | *Tây Hạ: tháng mười một, Hạ chủ xin cầu hòa với Tống* |

Mùa Hạ tháng sáu, Âu Dương Tu thôi không giữ chức Quán văn điện học sĩ Thái tử thiếu sư, lui về ở ẩn tại Dĩnh châu. Ông cho văn chương đạo đức là tông thú của nhà Nho, trong lòng tuy nhất quán nhưng lời nói thì phỉ báng Phật giáo. Nhân Tông, năm Gia Hựu năm thứ năm, ông giữ chức Khu mật phó sứ; năm thứ sáu tháng tám nhuần, ông giữ chức Tham tri chánh sự kiêm Dịch kinh nhuận văn sứ. Sau lên đến Nhị Phủ, ông bệnh hoài, từng mộng thấy mình đến một nơi có mười người đều đội mũ miện ngồi vòng tròn, một người hỏi:

- Tham Chánh sao lại đến đây, nên về nhà mau đi!

Ông ra khỏi cửa mấy bước, quay lại hỏi:

- Các ông không phải là Thập Vương mà nhà Phật nói đến đó chăng?

Họ đáp:

- Đúng vậy.

Tu hỏi:

- Người thế gian cúng Tăng, viết kinh quả có ích chăng?

Họ đáp:

- Sao lại không? Tỉnh mộng, bệnh ông bớt dần, từ đó Dương Tu tin sâu Phật pháp.

Đan Dương Cát Thắng Trọng nghe thuyết này từ Giản Trai Trần Dự Nghĩa, Dự Nghĩa nghe được từ cháu ông ấy tên là Thứ. Đây là thuyết có thật.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Tý: Hy Ninh năm thứ 5* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

Pháp Sư Thật Tướng Phạm Trăn ngụ cư chùa Hưng Giáo ở Nam Bình, Hàng châu trong năm này Thông Thú Tô Thức rất kính ngưỡng ngài.

***Thiền sư Bạch Vân:*** Sư họ Cát, húy Thủ Đoan, quê ở Hoành

Dương, từ nhỏ làm thư sinh, đến hai mươi tuổi theo Úc Thiền sư ở Trà Lăng xuất gia, đến tham vấn Dương Kỳ. Một hôm, Dương Kỳ chợt hỏi:

- Thầy ông là ai?

Sư đáp:

- Hòa thượng Úc ở Trà Lăng.

Kỳ hỏi:

- Ta nghe ông ấy qua cầu bị té mà tỉnh ngộ, có làm bài kệ, ông nhớ không?

Sư đọc:

*Ta có một viên Minh châu*
*Vùi trong bụi trần đã lâu*
*Sáng nay bụi sạch chiếu sáng*
*Soi tỏ núi sông muôn màu.*

Dương Kỳ cười rồi đứng dậy bỏ đi. Sư kinh ngạc cả đêm không ngủ. Sáng hôm sau Sư đến hỏi nguyên do, gặp lúc cuối năm, Kỳ hỏi:

- Ông có thấy mấy người trong gánh hát hôm qua không?

Sư đáp:

Thấy

Kỳ nói:

Ông còn thua họ một bậc.

Sư lại kinh ngạc hỏi:

Ý là thế nào?

Kỳ đáp:

Họ thích người ta cười, ông lại sợ người ta cười.

Sư hoát nhiên đại ngộ, hầu hạ thời gian rồi cáo từ vân du đến Lô Sơn. Thiền sư Viên Thông Cư Nột cử Sư trụ trì Thừa Thiên, tiếng tăm Sư vang dội. Sư lại nhường Viên Thông dời qua các đạo tràng như: Pháp Hoa, Long Môn, Hưng Hóa, Hải Hội. Đi đến đâu học chúng đông vô kể. Đến lúc này, năm Hy Ninh năm thứ năm, Sư quy tịch, thọ bốn mươi tám tuổi. Sư nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Sửu:Hy Ninh năm thứ 6* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 9* | *Tây Hạ: Tháng ba, Tây Hạ Cướp Tần Châu.* |

Mùa thu, ngày mười bảy tháng bảy, Đại Sư Hải Nguyệt Tuệ Biện ở chùa Thiên Trúc Linh Sơn dậy sớm tắm rửa, cáo biệt đại chúng rồi kiết già quy tịch. Hàng châu Thông Thú Tô Thức đến điếu ngài bằng ba bài thơ, viết lời tựa tán thán ngài. Hậu duệ của ngài có Đại Sư Tuệ Tịnh Tư Nghĩa. Nghĩa có bốn đệ tử là: Đức Hiền, Trọng Nguyên, Vĩnh Trạm, Tuệ Nhật đều nối nhau làm chủ pháp tịch. Đệ tử của Trọng Nguyên có Đại sư Từ Minh Tuệ Quán kế thế Tuệ Nhật trụ trì. Tuệ Quán thâu thập thi văn của Từ Vân Sám Chủ làm thành bộ Linh Uyển Kim Viên Thiên Trúc ba tập.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Dần: Hy Ninh năm thứ 7* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 10* | *Tây Hạ* |
| *Ất Mão: Hy Ninh năm thứ tám. Ban hành lịch Phụng Nguyên* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 11* | *Tây Hạ* |
| *Bính Thìn: Hy Ninh năm thứ 9* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 12* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Tỵ: Hy Ninh năm thứ 10* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 13* | *Tây Hạ* |

***Kinh Quốc Công Vương An Thạch:*** Quê ở Lâm Xuyên, mùa Đông tháng mười hai năm Hy Ninh năm thứ ba, ông được phong thừa tướng. Mùa Hạ tháng tư năm năm thứ bảy, trời không mưa, ông bị bãi tướng. Tháng hai năm thứ tám, ông được bái tướng lại. Năm thứ chín (trong Đế Kỷ vốn dùng tháng) An Thạch cáo quan quy ẩn ở Kiến Khang. Năm thứ mười, ông tâu xin sửa nhà cũ ở Kiến Khang làm Thiền tự, thỉnh Khắc Văn trụ trì. Đế ban chùa hiệu Báo Ninh, ban cho Văn hiệu Chân Tịnh Thiền sư. Văn vốn là Thiền sư Bảo Phong Vân Am ở Long Hưng. Sư họ Trịnh, húy Khắc Văn, quê ở Thiểm Phủ, tham vấn Thiền sư Hoàng Long Tuệ Nam, trực nhận yếu chỉ, nối pháp Tuệ Nam. Đến ngày rằm tháng mười đời Huy Tông niên hiêu Sùng Ninh năm đầu, Sư đem hết vật dụng phân phát cho đại chúng, nửa đêm tắm rửa thay áo, kiết già thị tịch khói lửa ngũ sắc bay đến đâu nơi ấy đều có xá-lợi. Đồ chúng phân cốt an táng ở Tân Phong, Bột Đàm.

Kinh Quốc Công nói với Thiền sư Pháp Tuyền Phật Tuệ ở Tưởng Sơn: “Thế Tôn niêm hoa, Ca-diếp mỉm cười. Tôi có lần đọc qua sử sách, chợt gặp bộ kinh Đại Phạm Vương Vấn Phật Quyết Nghi ba quyển, có

đoạn: "Trên pháp hội Linh Sơn, Phạm Vương dâng cúng Phật cành hoa Ba-la màu vàng, thỉnh Phật thuyết pháp. Thế Tôn lên tòa, đưa cành hoa lên trước đại chúng. Cả trăm vạn trời người đều ngơ ngác, chỉ riêng Ca-diếp phá nhan mỉm cười, Thế Tôn nói: "Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm, truyền cho Ca-diếp rồi!"

***Thiền sư Phật Tuệ:*** Sư họ Thời, húy Pháp Tuyền, quê ở Tùy châu, từ nhỏ xuất gia, xem khắp sử sách, đọc qua liền thuộc, nên Sư có hiệu là Tuyền Vạn Quyển. Sư tham vấn khắp Thiện tri thức, Huyền cơ đĩnh ngộ, ứng thế trụ trì, nhiều lần ở những chùa nổi tiếng. Lúc trụ ở Tưởng Sơn, ngày nọ, trời đổ tuyết, Sư thượng đường, gọi đại chúng đến và hỏi: "Còn có màu gì hơn màu này không?" Giây lâu Sư nói:

*Văn-thù cười, Phổ Hiền thì giận.*
*Trong mắt không gân một đời nghèo*
*Gặp nhau nói hết, nghỉ làm quan.*
*Rừng sâu chẳng thấy một người nào.*

Sư thượng đường nói:

*Người mau một lời*
*Ngựa lẹ một roi*
*Nếu thay con mắt*
*Chưa thoát định động*
*Trong giấy gai buộc*
*Dưới chân là đất*
*Trên đầu là trời*
*Chẳng tin chỉ nhìn*
*Tháng tám, chín rối bời*
*Lá vàng khắp núi sông.*

Về già, Sư ứng chiếu trụ ở Đại Tướng Quốc, Trí Hải Thiền tự trong kinh thành. Sư thượng đường hỏi chúng: "Đến Trí Hải, trụ Tưởng sơn, thế nào là phải?" Đại chúng chẳng biết đáp. Sư liền về phương trượng cầm bút viết bài kệ:

*Phi tâm phi Phật nghĩ bàn suông*
*Được da được tủy luống thương lượng*
*Sắp đi trân trọng chư Thiền đức*
*Núi xanh ngoài cửa đang về chiều.*

Sư ném bút, kiết già quy tịch. Sứ trở về bẩm báo, Đế than tiếc, hạ chiếu ban cho Sư thụy Phật Tuệ Thiền sư. Sư nối pháp Thiền sư Vân Cư Hiểu Thuấn, Thuấn nối pháp Động Sơn Hiểu Thông, Thông nối pháp Văn-thù Ứng Chân, Chân nối pháp Đức Sơn Tông Mật, Mật nối pháp

Vân Môn Văn Yển. Sư từng trứ tác tập Bắc Mang Hành, trong ấy ghi:

*Núi trước núi sau cao chót vót*
*Xe tang lộc cộc ngày ngày qua*
*Bi ca u ám vang dậy núi*
*Người nghe ngẩm xót khúc vô thường*
*Một tiếng ca sầu ngàn năm biệt*
*Con hiếu cháu hiền lệ như mưa*
*Thế gian muôn vật nào bền chắc*
*Biển lớn Tu-di rốt cũng mòn.*
*Đời người như sương móc dễ tan*
*Xưa nay có gặp ắt phân ly*
*Khổ vui ai cảm nào tạm nghỉ*
*Hà huống trăm năm kinh mộng gì.*
*Người đi biền biệt chẳng quay lại*
*Người nay chẳng hiểu ý người xưa*
*Trồng tùng dựng đá che cửa mộ*
*Muốn vì người chết tính lâu dài.*
*Hồn phách vất vưởng thân ra đất*
*Xuống lên chìm nổi trong năm đường*
*Người nay chôn trên mộ người xưa*
*Mộ nay mộ xưa ai là chủ.*
*Trong thành Lạc Dương ngàn vạn người*
*Chết làm đất núi Bắc Mang đây*
*Ngu mê chẳng nhớ đường quay lại*
*Nên anh một mình thường than khổ.*
*Ngày xưa dọc đường khóc tiễn người*
*Nay thì mộ lẻ giữa cỏ hoang*
*Ma mị đào mồ chôn con cháu*
*Nhà nông bới cốt tìm trân châu.*
*Cây cối xum xuê gió hoang thét*
*Mồ mả đông tây nhìn hút mắt*
*Hàn thực qua rồi ai tế tự*
*Hoa dại bên mồ nở lẻ loi*
*Ngày tháng xô nhau như thoi đưa*
*Hiền ngu nghèo giàu đều như vậy*
*Nếu được cùng về Thường lạc bang*
*Dẫu qua kiếp hỏa không sống chết.*

Mùa hạ, Kinh Phụ đại hạn, Đế ăn chay cầu khấn rất kính cẩn, ban

đêm mộng thấy vị Tăng cỡi ngựa trên không trung, miệng phun ra mây mù; lát sau quả nhiên mưa to. Đế vui mừng cho tạc bức tượng của Tăng ấy. Đó chính là Tôn giả năm thứ mười ba trong số năm trăm La-hán được thờ ở Sơn Môn Các của chùa Tướng Quốc trong kinh thành. Tể tướng Vương Khuê tán thán bằng câu thơ:

*Quốc chủ cầu mưa nhìn trời khấn*
*Thần Tăng hóa mốc ứng tinh cầu.*
*Tham Chánh Nguyên Giáng tán thán:*
*Tiên mã cỡi mây lan đất thấp*
*Phật hoa phun nước khắp trời dày.*
*Mọi người đều tranh nhau đọc.*

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Ngọ: Nguyên Phong năm đầu* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 14* | *Tây Hạ* |

***Pháp sư Nam Sơn ở Hàng châu:*** Ngài thông minh đĩnh ngộ, hạnh giải xuất chúng, được nhập thất của Tôn giả Tứ Minh Pháp Trí. Mỗi lần ngài trì chú Đại bi đủ một trăm lẻ tám biến mới nghỉ, từng mộng thấy Bồ-tát Quán Âm cởi ca-sa đắp cho mình. Mùa thu tháng ba năm này, ngài truyền Bồ-tát giới cho Linh Chi Nguyên Chiếu và hơn ngàn tăng tục khác tại Lôi Phong. Vừa yết-ma, tượng Quan Âm bỗng phóng quang, ban đầu như vòng sáng dần dần tan biến, đèn đuốc, ánh trăng trong chùa đều bị vòng sáng này làm lu mờ. Thiền sư Tịnh Từ Pháp Chân soạn bài Chứng Giới Quang Ký, Mễ Phất viết, Pháp sư Nguyên Tịnh Biện Tài ở Long Tỉnh lập bia.

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Mùi: Nguyên Phong năm thứ 2* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 15* | *Tây Hạ* |

Mùa Đông, ngày hai mươi tháng mười, Từ Thánh Quang Hiến, thái hoàng Thái hậu Tào thị mất. Đế thỉnh Thiền sư Tịnh Nhân Đạo Trăn vào cung Khánh Thọ thăng tòa thuyết pháp. Tăng hỏi:

- Từ Thánh du tiên định về cõi nào?

Sư đáp:

*Nước chảy về trong biển*
*Trăng lặn chẳng lìa trời.*

Cả triều đình đều kính phục vì cho Sư trả lời rất hay. Đế vui mừng,

ban thưởng ngài rất hậu. Đến khi Thần Tông băng hà, Triết Tông hạ chiếu đăng đàn thuyết pháp ở điện Phước Ninh. Chiếu ghi: “Thiền sư Đạo Trăn đức hạnh cao vời, đáng được tặng hiệu Tịnh Chiếu Thiền Sư.”

***Thiền sư Đạo Trăn:*** Ngài họ Đái, tự Bá Tường, quê ở Cổ Điền, Phước châu. Từ nhỏ ông đã không ăn mặn, mười bốn tuổi xuất gia tại viện Thượng Sinh, sáu năm sau thọ giới Cụ túc. Ngài xem Kinh Luận Tiểu thừa, Đại thừa, đặt sách xuống nói: “Đây chỉ là lời phương tiện mà thôi!” Ngài liền trì bát đến vùng Giang Hoài, tham vấn các bậc Tri thức, nhận được diệu chỉ từ Thiền sư Phù Sơn Pháp Viễn. Ngài vân du đến kinh Sư yết kiến Thiền sư Đại Giác Hoài Liên ở viện Tịnh Nhân. Hoài Liên cử ngài làm Thủ Chúng. Hoài Liên về Ngô, chúng thỉnh ngài kế thế pháp tịch Tịnh Nhân. Ngày khai đường, Anh Tông sai Trung Sứ đến dâng hương, ban cho ngài ca-sa tía, huy hiệu. Bốn phương ở kinh thành đều đến chúc mừng. Đến ngày mười bảy tháng tám đời Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ tám, ngài tắm rửa thay áo, nói kệ xong, kiết già quy tịch, thọ tám mươi tuổi, Tăng lạp sáu mươi mốt hạ. Ngài nối pháp Thiền sư Phù Sơn Pháp Viễn, Viễn nối pháp Diệp Huyện Quy Tỉnh, Tỉnh nối pháp Thủ Sơn Tỉnh Niệm, Niệm nối pháp Phong Huyệt Diên Chiểu, Chiểu nối pháp Nam Viện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng, Tưởng nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Thân: Nguyên Phong năm thứ 3* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 16* | *Tây Hạ* |

***Dịch Kinh Quan Chế:*** Từ nhà Đường đến lúc này là năm Nguyên Phong, những vị Tăng dịch kinh được Đế vương ban cho chức thí quang lộc khanh thiếu khanh, thí hồng lô khanh thiếu khanh. Nay Đế đổi chức Thí khanh thành Tam Tạng Đại Pháp Sư, Thí Thiếu Khanh thành Tam Tạng Pháp Sư.

***Văn Đồng:*** Tự là Dự Khả, người Tử Đồng từng giữ chức quan ở Dương châu, Triết Tây, Hồ châu. Tài văn chương cũng như đức hạnh của ông đều thanh cao, liêm khiết, vẽ trúc rất đẹp. Năm này vào đêm nọ, ông tắm rửa mặc quan phục ngồi ngay ngắn mà mất. Quán Chức Thôi Công Độ hay tin thất kinh nói: “Hôm qua tôi chia tay Dự Khả ở Châu Nam, ông ấy rất vui vẻ, còn bảo tôi ngày mai đến cùng vẽ. Tôi dẫn khách khứa đến thăm và xem tranh, ông ấy chẳng nói chẳng rằng.

Hôm sau tôi đến một mình, Dự Khả nói: “Tôi nói chuyện với ông, phải đuổi hết mọi người, vì sợ có người nghe”. Dự Khả chậm rãi nói với tôi: “Tôi nghe người nào không nói dối thì lưỡi dài quá lỗ mũi”. Ông ấy lè lưỡi đưa lên tới khoảng giữa hai chân mày, lưỡi bè ra tròn như cái bánh. Nay nói ông ấy chết, thì tôi tin chắc ông ta là dị nhân.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Dậu: Nguyên Phong năm thứ 4* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 17* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Tông Bản:*** Sư ở chùa Thụy Quang, Tô châu, dời qua ở tại chùa Tịnh Từ, Hàng châu. Sư đi khắp nơi, đạo tràng rất đông Thiền sinh. Luật Sư Linh Chi Nguyên Chiếu tặng Sư ba y, bình bát và gởi thư cho Sư nói: “Phật chế, vật này thượng trung hạ căn đều phải phụng hành, việc gặp thời cơ mà phát triển. Đạo rộng sâu là nhờ con người hoằng hóa, mong ngài hãy nhận cho nhằm khuyến tấn hậu học.” Sư nhận lãnh, cả đời hễ khi ăn thì dùng bát đó, lúc thăng tòa thuyết pháp thì đắp y Tăng-già-lê đó.

***Cư sĩ Thừa tướng Trương Vô Tận:*** Thường ngày, ông kết thâm giao với Thiền sư Chiếu Giác Thường Tổng ở Nam Lâm, Lô Sơn. Mùa thu năm Tân Dậu này, ông viết bài tựa tiễn Vũ Sĩ Kiển Củng Thần, tự Dực Chi, đến tham vấn Thường Tổng rằng: “Đạo sĩ Kiển Dực Chi ở Thành đô đến nói với tôi: Làng tôi thuộc dòng Đạo sĩ, nhiều đời cưới gã lẫn nhau, lấy vợ sinh con chẳng khác thế tục. Củng Thần tôi nhân xem Đạo Tạng Thần Tiên Truyện Ký bất giác tỉnh ngộ. Nhân lúc tôi khí huyết cường tráng, thấy nghe minh mẫn, tiếng gà gáy chim kêu đều thuận tai tôi, màu xanh, vàng, đỏ, trắng lóa mắt tôi, vị ngọt ngon béo tốt làm khoái khẩu tôi, mùi thơm ngát thơm lừng hợp mũi tôi, chất trơn láng mịn màng sướng thân tôi, vui mừng chất ngất cảm ý tôi. Sáu thứ đầu sỏ này thừa lúc tôi mù loạn, ngày đêm thân gần tôi, chưa ngày nào rời nhau. Một sớm thân thể tôi hao mòn mà gầy ốm, khí tôi hao mòn mà suy yếu, tinh tôi hao mòn mà tàn tạ, thần tôi hao mòn mà mỏi mệt. Tám thứ gió nóng lạnh thổi, trăm thứ tà mị lừa dối, âm hồn thì muốn đi xuống, dương phách lại muốn thăng lên, sáu tên đầu sỏ ấy chưa từng thay thế tôi, mà nỗi thống khổ nhất trong trời đất chỉ mình tôi hứng chịu. Luyến mến nơi phòng the không gì hơn vợ, ân tình máu mủ không gì bằng con. Vì vậy, Củng Thần tôi nay từ bỏ hết những gì có trong đãy da này, cho nó là một việc khác, vượt xa trăm dặm, lênh đênh nơi Giang Hạ, Bộc Thủy, qua Tấn Trùng ra Đồ Sơn, thăm Sầm Công ở Động Phủ,

lễ Thần Nữ ở Từ Quán rồi đến Chử Cung. Tới đây, tôi sẽ xuống Cửu Giang vào Lô Sơn, dựng am tranh nơi hang Cẩm Tú, thổi tiêu trên đảnh Hương Lô, vỗ bình bầu mà tiêu khiển, vốc nước suối mà rửa chân. Bởi đạo thuật của tôi là lấy việc khấn cầu làm gốc, lấy thân mạng làm y, khởi đầu thì có tạo tác nhưng rốt cuộc thì vô vi. Trộm nghe Tiên sinh cứu xét diệu chỉ Ly Vi, thấu cùng nẻo về của tâm, tấu khúc nhạc Vô Huyền (không dây) cỡi trên cơ trâu sắt nên tôi không ngại xa xôi đến gặp Tiên sinh, xin Tiên sinh thử nói tôi nghe xem!" Tôi nói: "Lớn thay, chí của ông! Việc khó làm nhưng làm được, điều khó bỏ nhưng bỏ được, ta không bằng ông rồi! Ta vừa bị đau miệng nên không thể trả lời ông nghe. Ta có người bạn ngoại phương là Thường Tổng ở Đông Lâm ắt sẽ giải hết mối nghi của ông, xin ông cầm mấy lời này mà đến hỏi ông ấy vậy."

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Tuất:*<br>*Nguyên Phong năm thứ 5* | *Đại Liêu:*<br>*Hàm Ung năm thứ 18* | *Tây Hạ:*<br>*Tháng năm quấy rối biên cương.* |

* Đế hạ chiếu cho Trung sứ Lương Tùng Chính mở rộng chùa Tướng Quốc ở Biện Kinh thành sáu mươi bốn viện, chia thành hai khu Thiền tám khu luật. Khởi công từ năm Canh Thân (niên hiệu Nguyên Phong) hoàn thành vào mùa thu năm Nhâm Tuất. Lấy hai dãy Đông tây làm hai ngôi Thiền tự to lớn là Tuệ Lâm và Trí Hải, sai người mang chiếu chỉ thỉnh Thiền sư Tịnh Từ Tông Bản ở Hàng châu trụ trì Tuệ Lâm, Thiền sư Đông Lâm Thường Tổng ở Lô Sơn Giang châu trụ trì Trí Hải. Thường Tổng cố từ, Đế hạ chiếu tha cho và ban cho Sư hiệu Quảng Tuệ Thiền Sư.

* Mùa Đông mồng tám tháng mười, Pháp Sư Kế Trung ở Ôn châu tắm rửa, thay áo, bắt ấn rồi ngồi thẳng thị tịch. Ánh sáng màu hồng chiếu thẳng lên trời và mất dần về phía Tây. Ngài đắc pháp với Quảng Trí Thượng Hiền, thuật Quảng Trí truyện, Pháp Trí Thập Loại Chi Nghĩa gồm mười quyển, Phù Tông Ký một quyển. Đệ tử nối pháp có hai người: Tùng Nghĩa và Xử Nguyên. Nghĩa có tác phẩm: Thiên Thai Tam Đại Bộ Bổ Chú mười bốn quyển. Xử Nguyên có bộ Nghĩa Lệ Tùy Thích sáu quyển, Phụ Tán Ký ba quyển. Xử Nguyên truyền cho Đạo Uyên, Uyên truyền cho Đạo Sâm, tức pháp Sư Viên Biện.

***Thiền sư Viên Chiếu ở Tuệ Lâm, Đông kinh:*** Sư họ Quản, húy

Tông Bản, người Vô Tích, Thường Châu. Năm mười chín tuổi, theo Thiền sư Vĩnh An Đạo Thăng ở Thừa Thiên, Tô châu xuất gia, hầu hạ mười năm rồi thế phát thọ Cụ túc. Ba năm sau, Sư từ biệt vân du đến Trì Dương, yết kiến Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, tỏ ngộ yếu chỉ. Tào Sứ Lý Phục Khuê thỉnh Sư khai pháp ở Thụy Quang Bình Giang, pháp tịch ngày một thịnh. Hàng châu Thái thú Trần Tương đem hai đạo tràng Thừa Thiên và Hưng Giáo thỉnh Sư chọn ở. Dân Tô châu đứng nghẹt đường ngăn Sư ở lại. Thái thú đưa thư thỉnh của Tịnh Từ, trong đó gởi lời nói với Tăng tục Tô châu: "Chỉ mượn thầy ba năm để trồng phước cho xứ này chứ không dám giữ lâu". Đến lúc này, năm Nguyên Phong năm thứ năm, hạ chiếu mở rộng hai Tuệ Lâm Thiền tự trong Tướng Quốc thỉnh Sư làm Tổ thứ nhất. Đến ngày khai pháp, sáng sớm, Đế triệu Sư vào điện Diên Hòa vấn đạo và mời ngồi, Sư liền ngồi kiết già, Đế vui vẻ ban cho trà, Sư bưng chén uống cạn một hơi, không kiêng sợ khách sáo. Sư cáo từ, Đế đưa mắt tiễn và quay qua nói với Tả hữu: "Thật là ông Tăng phước huệ!"

Năm Nguyên Phong năm thứ bảy, Đế xa giá đến chùa Tuệ lâm ở Tướng Quốc, hạ chiếu cho Thiền chúng của Trưởng lão Tông Bản khỏi phiền ra nghinh đón. Đế trở về, triệu Sư đến thuyết pháp ở điện Phước Ninh và ban cho Sư hiệu Viên Chiếu Thiền sư. Sư cáo lão quy ẩn, Đế hạ chiếu cho Sư được tùy ý vân du, các châu quận không được ép Sư trụ trì. Sư từ biệt chúng, nói:

*Vốn là khách không nhà*
*Nay mặc tình vân du*
*Thuận gió thêm mái đẩy*
*Con thuyền xuôi Dương châu.*

Về già, Sư trụ ở Linh Nham, Bình Giang, đệ tử nối pháp truyền đạo đông vô kể. Ngày Bính Tý hai mươi tám tháng mười hai năm Nguyên Phù năm thứ hai đời Triết Tông, Sư sắp quy tịch, bèn tắm rửa và nằm, môn nhân đệ tử vây quanh thỉnh rằng: "Hòa thượng đạo vang thiên hạ, hôm nay không thể không làm kệ". Sư nhìn kỹ họ, nói: "Đồ ngu! Ta bình thường còn lười làm kệ, hôm nay vẽ vời làm gì. Ngày thường muốn nằm thì nằm, chẳng lẽ hôm nay lại chuyển qua ngồi". Sư cầm bút viết mấy chữ lớn: "Hậu sự giao cho Thủ Vinh" và ném bút nằm dài như người ngủ say. Chúng đến lay gọi thì Sư đã quy tịch rồi. Môn nhân dựng tháp an táng Sư ở núi Linh Nham, thọ tám mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi hai hạ. Sư nối pháp Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Đệ tử nối pháp Sư có: Tu Ngung, Tỉnh Thông, Sùng Tín, Thủ Nhất. Truyền xuống nữa

như Tu Ngung thì có Trịnh Công Phú Bậc, Tỉnh Thông thì có Hoàng Môn Tô Triệt, Sùng Tín thì có Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm.

***Thiền sư Chiếu Giác ở Đông Lâm, Giang châu:*** Sư họ Thy, húy Thường Tổng người Vưu Khê, Kiếm châu, mười một tuổi theo pháp Sư Văn Triệu chùa Bảo Vân xuất gia, tám năm sau thế phát, đến chùa Đại Trung ở Kiến Châu thọ Cụ túc với Luật sư Khế Tư. Ban đầu, Sư đến Hòa Sơn, Kiết Châu, nghe đạo của Thiền sư Tuệ Nam nổi tiếng nên qua Quy Tông theo Tuệ Nam suốt hai mươi năm, lãnh ngộ huyền chỉ. Hồng châu Thái thú Vinh Tu Tuyển thỉnh Sư trụ ở Bột Đàm, có người nói Sư là Mã Tổ tái thế. Năm Nguyên Phong năm thứ ba, Đế hạ chiếu đổi chùa Luật Đông Lâm ở Giang châu thành chùa Thiền. Quán văn điện học sĩ Vương Thiều ra làm quan ở Nam Xương muốn thỉnh Bảo Giác Tâm Thiền sư trụ trì Đông Lâm, Tâm cử Sư thay mình. Sư nghe tin đang đêm trốn đi xa hơn ngàn dặm. Vương Thiều truyền hịch khắp các quận phải tìm Sư cho bằng được. Họ tìm thấy Sư ở trong hang cùng núi của Thù Sơn, Tân Phủ. Sư ứng mệnh trụ trì. Học sĩ Tô Thức lần đầu vân du đến Lô Sơn gặp Sư và rất tâm đắc. Từ đó, tiếng tăm Sư vang đến kinh thành. Thiên Tử hạ chiếu thỉnh Sư trụ trì Thiền viện Trí Hải trong Tướng Quốc. Các châu quận cố mời thỉnh gấp như sao sa, Sư cố từ. Đế hạ chiếu tha cho, ban cho Sư y tía và hiệu Quảng Tuệ Thiền sư. Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ ba, Từ Vương tâu xin, Đế ban Sư hiệu Chiếu Giác Thiền sư. Học chúng dưới tòa thường đến bảy trăm. Tháng chín năm Nguyên Hựu năm thứ sáu, Sư có chút bệnh, ngày hai mươi lăm tắm rửa ngồi yên quy tịch. Mồng tám tháng mười, môn nhân an táng Sư ở phía Đông Nhạn Môn tháp (Tháp ngài Tuệ Viễn), thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ. Sư nối pháp Thiền sư Hoàng Long Tuệ Nam.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Hợi: Nguyên Phong năm thứ 6* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 19* | *Tây Hạ: Tháng giêng mấy mươi vạn dân Tây Hạ kéo đến Lan châu* |

* ***Nhà Tống:*** Tháng chín Tây Hạ nộp thuế, giao trả đất xâm chiếm, phá bỏ biên cảnh, tộc trưởng làm Phiên thần (bề tôi nơi biên giới). Đế ban cho bỉnh thường (phép tắc), hạ chiếu nói: "Địa giới ấy đã sai Phu diên kinh lược ty chỉ huy Bảo An Quân phát lệnh xuống các châu giữ biên giới rồi ngày tháng hãy giữ y như cũ".

Tống phong Mạnh Kha làm Trâu Quốc Công.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Tý: Nguyên Phong năm thứ 7* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 20* | *Tây Hạ: tháng hai, cướp phá Diên châu. Tháng mười một dâng biểu đến triều cống* |

Mùa Đông tháng mười, Việt Quốc Đại Trưởng Công Chúa cùng Khánh quân Tiết độ quán sát lưu hậu phò mã đô úy Trương Đôn Lễ dựng xong Pháp Vân Thiền tự ở phía Nam quốc thành, Đế hạ chiếu thỉnh Pháp Tú khai sơn, ban cho Sư hiệu Viên Thông Thiền sư.

***Thiền sư Viên Thông ở chùa Pháp Vân Biện Kinh:*** Sư họ Tân, húy Pháp Tú, người Lũng Thành, Tần châu, theo Lỗ Hòa thượng chùa Ứng Càn học kinh, nên người ta gọi Sư là Lỗ Thị. Năm mươi chín tuổi, Sư thọ Cụ túc, giảng kinh Đại thừa phân tích chương cú, nhưng chẳng biết đến cơ phong (Thiền), nổi tiếng khắp Kinh Lạc. Sư rất lấy làm lạ thấy Khuê Phong học Thiền, chỉ kính Thiền sư Thiên Bát Trùng Nguyên ở Bắc Kinh. Nguyên có biệt hiệu là Nguyên Hoa Nghiêm. Sư hận vì Nguyên không giảng và nói: “Giáo nêu tận ý Phật, người như ông Nguyên thì không nên dạy xa, Thiền không phải ý Phật, người như Khuê Phong thì không nên học Thiền. Chuyện Thế Tôn đem pháp giáo ngoại truyền riêng cho Ca-diếp, ta không tin”. Sư nói với bạn đồng học: “Ta sẽ về Nam, đào hết hang ổ bọn chúng, bắt hết giống loài ấy đem giết nhằm báo ân Phật mới thôi!” Đầu tiên, Sư đến chùa Hộ Quốc ở Tùy châu đọc văn bia của Thiền sư Tịnh Quả, Tăng hỏi Báo Từ: “Thế nào là Phật tánh?” Từ đáp: “Ai chẳng có”. Tăng lại hỏi Tịnh Quả; Quả đáp: “Ai có!” Vị Tăng ấy nhân đó khế ngộ”. Sư cười ngất nói: “Phật tánh lẽ đâu dám dẫn chuyện có, không kiểu này, lại nhân đó mà khế ngộ ư! Bỏ đi cái vô vi tột bực chỉ là hạng Phật sắt!” Sư đến yết kiến Thiền sư Nghĩa Hoài, Hoài bị cảm lạnh, ngồi co ro, hỉ mũi dính cả lên áo, Sư lấy làm lạ, Hoài hỏi Sư:

- Tọa chủ giảng kinh gì?

Sư đáp:

- Hoa Nghiêm

- Hoa Nghiêm lấy gì làm tông?

- Lấy pháp giới làm tông.

- Pháp giới lấy gì làm tông?

- Lấy tâm làm tông.

- Tâm lấy gì làm tông?

Sư chẳng đáp được.

Hoài nói: "Sai đi mảy may, đất trời cách biệt".

Sư thoái lui tự thấy mình lỗi, hoảng sợ kính phục, nguyện ở lại đây, sớm hôm thọ học. Thời gian sau, Sư chứng ngộ. Thiền sư Nghĩa Hoài qua trụ ở Tra Lâm, Trì Dương; Cảnh Đức, Quảng Giáo ở đất Ngô, Sư đều đi theo. Ban đầu Sư trụ ở Tứ Diện Sơn, Hoài Tây, sau đến Lâu Hiền, Tưởng Sơn, Trường Lô, chúng thường đông cả ngàn. Năm Nguyên Phong năm thứ bảy, Đế hạ chiếu, thỉnh Sư trụ trì chùa Pháp Vân ở kinh thành làm Tổ thứ nhất. Ngày khai đường, Đế sai Trung sứ đến dâng hương, tặng y ca-sa, truyền thánh chỉ như Thiên Tử giá lâm, Hoàng đệ Kinh Vương cung kính ngồi dưới tòa nghe giảng. Đến Triết Tông năm Nguyên Hựu năm thứ năm, tháng tám Sư có bệnh, Đế cho ngự y đến chẩn bệnh, Sư khoát tay bảo thôi, thay áo nói kệ:

*Lúc đến tay không, đi tay không*
*Nam Bắc Đông Tây việc vẫn đồng.*
*Trụ trì sáu chỗ không bổ ích*

Giây lâu, Giám tự Tuệ Đương hỏi:

Sao Hòa thượng không nói câu cuối?

Sư đáp:

Trân trọng! Trân trọng!

Nói xong, Sư quy tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ. Sư nối pháp Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, Hoài nối pháp Tuyết Đậu Trùng Hiển, Hiển nối pháp Trí Môn Quang Tộ, Tộ nối pháp Hương Lâm Thừa Viễn, Viễn nối pháp Vân Môn Văn Yển. Trong năm Nguyên Phong, Khu mật tưởng công Dĩnh Thúc kết bạn phương ngoại với Sư. Ông ấy bình thường cứu xét tâm tông nhưng trệ nơi giáo thừa, nhân đó soạn Hoa Nghiêm kinh giải ba mươi thiên, rất tự phụ tri kiến của mình, đi thuyền từ Hoài Thượng đến Trường Lô thăm Sư và viết trên vách phương trượng: "Trong ba ngày, tôi soạn xong Hoa Nghiêm Giải. Tôi có nhân duyên lớn với Phật pháp, hôm khác đem hiểu biết này tỷ thí ở thành Đông, chỉ người nào đủ Phật nhãn mới biết!" Khi ấy, Sư biện: "Ông nói sao nghe dễ thế! Phàm Hoa Nghiêm là cảnh giới viên đốn Thượng thừa, sở chứng hiện lượng, nay ông nói tỷ thí ở thành Đông như vậy là rơi vào Tỷ lượng, không phải là tông Viên đốn. Ông lại nói "hôm khác" nhưng Nhất chân pháp giới lại không có xưa hay nay, nên nói: "Mười đời xưa nay rốt cuộc chẳng lìa đương niệm". Nếu ông nói "ngày khác" vậy hôm nay lẽ đâu không phải chăng! Ông lại nói "Người đủ

Phật nhãn mới biết” nhưng kinh ghi: “Pháp giới bình đẳng, không Phật chúng sinh”, tình phàm thánh hết, ta người đều quên, lẽ đâu có Sự khác nhau giữa ngu và trí, nếu đợi đến Phật nhãn vậy thì Thiên nhãn, Nhân nhãn lẽ đâu chẳng biết sao!”

Dĩnh Thúc nghe vậy hối lỗi. Khi Sư quy tịch, ông đến tế Sư bằng bài văn:

Bạn của phương ngoại, chỉ tôi và thầy

*Nhớ xưa gặp nhau, một lời khế hợp*
*Thầy đến Trường Lô, tôi về Hoài Tố*
*Nhưng lại sánh vai, nói cười vui vẻ,*
*Tôi luận Hoa Nghiêm, thầy nói tên phẩm*
*Cơ duyên cọp sa, thoát ra đường tắt*
*Nỡ đâu bỏ tôi, đành đoạn đi trước*
*Chân thành kính viếng, mong thầy biết cho.*

* Tháng mười một, Ôn Quốc Công Tư mã Quan đã ở đất Lạc mười lăm năm, tấu biểu dâng Đế bộ sách mình soạn, Đế đặt tên sách là Tư Trị Thông Giám và viết bài tựa.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Sửu:*<br>*Nguyên Phong năm thứ tám, tháng hai Đế mất* | *Đại Liêu:*<br>*Hàm Ung năm thứ 21* | *Tây Hạ* |

* Mùa Xuân, tháng ba, Triết Tông lên ngôi, tháng tư hạ chiếu thỉnh Thiền sư Pháp Vân Tú vào trước linh cửu của Tiên đế thuyết pháp, ban cho Sư hiệu Viên Thông Thiền sư. Mùa Đông tháng mười, Đế an táng Thần Tông ở lăng Vĩnh Dụ, hạ chiếu thỉnh Tịnh Nhân Đạo Trăn, Tuệ Lâm Tông Bản vào điện Phước Ninh thuyết pháp, ban cho Đạo Trăn hiệu Tịnh Chiếu Thiền Sư, ban cho Tông Bản hiệu Viên Chiếu Thiền Sư.

Tháng năm, Tư mã Quang được bổ chức Môn hạ thị lang.

Tăng Thống Nghĩa Thiên: Ngài là con năm thứ tư của Văn Tông Nhân Hiếu Vương nước Cao Ly, xuất gia với hiệu là Nghĩa Thiên. Mùa Đông năm này ngài đi đường biển đến Minh châu, dâng biểu xin vân du Trung Quốc để học lễ. Đế hạ chiếu cho Triều phụng lang Dương Kiệt (Dương Thứ Công) dẫn ngài đi tham học. Ngài đến các quận ở vùng Lưỡng Triết, Hoài Nam, Kinh Đông đều được đón tiếp và ăn uống như

cách của người du hành. Ngài tham học khắp Tam học. Đầu tiên, Nghĩa Thiên đến Cận châu theo học với Minh Trí, từ đây có thêm pháp lữ xin được học qua Giáo thừa. Ngài vào Thiên Thai lễ tháp Đại sư Trí Khải, vượt Chiết Giang đến Hàng châu Thượng Trúc, lấy lễ đệ tử thờ Từ Biện làm thầy học, thọ nhận giáo quán Thiên Thai, sau đến Linh Chi lễ Đại Trí Nguyên Chiếu để học Luật, qua Tuệ Nhân theo Tấn Thủy Tịnh Nguyên hỏi về giáo thừa tông HiềnThủ, qua Nhuận Châu Kim Sơn học rộng Thiền quy, lễ Thiền sư Phật Ấn Liễu Nguyên. Liễu Nguyên ngồi yên nhận lễ, Dương Kiệt thấy vậy thắc mắc Phật Ấn nói: "Muôn họ xuất gia, đồng gọi là họ Thích, Nghĩa Thiên là vị Tăng, nếu không làm như vậy thì làm sao thể hiện phép tắc làm thầy của Hoa Hạ ". Triều đình biết việc này, ai nấy đều cho Phật Ấn là người biết Đại lễ. Nghĩa Thiên về Kinh sư, Lễ bộ lang trung Tô Thức tiếp đón, dẫn ngài yết kiến Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản. Quan Hữu Ty tiếp đãi ngài rất ân cần.

Y Bồ Đồng Tử (Đồng tử quấn tóc làm y): Lúc này, thái úy Lã Tuệ Khanh, tự Cát Phủ, học thông nội điển ngoại thư, từng chú giải Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, rồi đem ý mới để chú giải Trang Tử. Một lần ông đi tuần thú biên cương, ngày nọ nhân lúc rảnh, ông dạo lên Ngũ Đài đến Trung Đài chợt thấy mù nổi lên bốn phía, gió sấm đùng đùng, mưa lớn chấn động cả núi rừng. Những người đi theo hoảng sợ tìm chỗ núp. Lúc ấy bỗng xuất hiện một vật, hình dáng giống như con thuồng luồng, hiện nửa hình trong đám mây mù. Thái úy thất kinh, lát sau trời quang mây tạnh, nhìn thấy một đồng tử da đen, xõa tóc quấn từ chân lên đến vai, để lộ vai phải, tay cầm quyển kinh, hỏi thái úy:

- Vì sao quan nhân trông có vẻ sợ hãi như vậy?

Thái úy đáp:

- Đời trước có chướng duyên nên gặp cảnh khủng khiếp thế này.

- Nay cảnh ấy hết rồi, thế quan nhân cầu gì mà đến đây?

- Mong nhìn thấy Đại sĩ.

- Muốn thấy Bồ-tát để làm gì?

- Tôi từng xem Hoa Nghiêm, giáo nghĩa sâu xa, ý lời sâu rộng, muốn chiêm ngưỡng Đại Sĩ, phát khởi giải tâm, ngõ hầu chú thích lưu hành nhân gian, khiến đêm dài chợt gặp ánh sáng, người phát tâm sâu liền được khai ngộ.

Đồng tử nói:

Diệu ý của chư Phật khéo thuận Sự lý, giản dị trong sáng, bậc Tiên đức chú giải có thể hiểu được như phẩm Thập Địa chú giải không quá vài tờ, ngày nay thiên hạ đua nhau chú giải gần đến trăm quyển,

nhưng càng đi xa Thánh ý, đó thật là phá nát đạo lớn.

Thái úy nói:

Đồng tử mặt mũi như vầy mà dám trách cứ tiền bối ư!

Đồng tử cười nói: “Quan nhân nói sai rồi! Ở đây, một lá cây một ngọn cỏ đều là cảnh giới Văn-thù, ngay nơi ông hàng ngày gặp việc chẳng mê, đó là Văn-thù chân thật, sao lại đem phàm tình làm loạn tư duy thế!”

Thái úy hối hận vì mình lỡ lời nên cúi đầu sụp lạy. Lúc ngẩng lên đã thấy đồng tử hiện thân Đại sĩ cưỡi Sư tử khuất dần trong đám mây và chẳng thấy đâu nữa. Ông cảm thấy ray rứt, tâm thần không yên. Gia nhân hỏi nguyên do, ông đáp: “Ta muốn chí thành sám hối, đến khi nào gặp lại đồng tử ấy mới thôi”. Ông liền cho người bày hương hoa thật trang nghiêm sớm tối cầu khấn, quyết thấy bằng được. Sau đó rất lâu, ông chợt thấy đồng tử đứng trên hương án trách rằng:

- Sao ông trụ tướng cố chấp đến thế!

Thái úy đáp:

Chính vì muốn người đời đều thấy tôn dung thị hiện của Đại Sĩ vậy.

Ông liền sai thợ vẽ, vẽ lại nguyên hình, tích tắc chẳng thấy đồng tử đâu nữa. (Theo Hoa Nghiêm cảm ứng lục và Tử Chi Phật Vận Biên Niên).

**Triết Tông:** Tên Hú, con năm thứ sáu của Thần Tông. Mười tuổi lên ngôi, Tuyên Nhân Thái hậu Cao Thị lâm triều thính chính, Thừa Tướng là Tư mã Quang, Lã Công Trứ. Chính sự trong năm Nguyên Hựu rất thịnh, từ năm Thiệu Thánh về sau, chính trị thối nát. Ông ở ngôi mười lăm năm, thọ hai mươi lăm tuổi. Niên hiệu Nguyên Hựu tám năm, Thiệu Thánh bốn năm, Nguyên Phù ba năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Dần: Nguyên Hựu năm đầu* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 22* | *Tây Hạ* |

* Mùa Xuân, tháng hai, Tư mã Quang được bái phong tả Thừa Tướng. Tháng ba, Trình Di làm thuyết thư trong điện Sùng chính. Ngày nọ, ông hỏi:

- Bệ hạ ở trong cung đổ nước phải tránh kiến đúng không?

Đế đáp:

Đúng thế, vì ta sợ làm tổn thương nó.

Di nói:

Suy tâm này ra khắp bốn biển, đó là đạo quan trọng của Đế vương vậy.

* Mùa hạ, tháng tư, Lã Công Trứ được bái phong Hữu Thừa Tướng. Văn Ngạn Bác giữ chức Thái sư Bình Chương quân quốc. Mùa thu, tháng chín, Ôn Quốc Văn Chánh Công Tư mã Quang mất khi còn làm Tể tướng. Mùa Đông tháng mười, Đế ban lệnh đổi Diễn Thánh Công là Phụng Thánh Công nhưng vẫn đặt một người Giáo thọ, dạy học trò Khổng Tử.

***Đại Sư Pháp Chân:*** Ngài húy Xử Hàm, ngụ tại chùa Bạch Liên, Thai châu. Ngày hai mươi ba tháng bảy, ngài nhóm chúng từ biệt và kiết già quy tịch. Đệ tử nối pháp có hai người là Trí Dũng Liễu Nhiên và Chân Giáo Trí Tiên. Tiên truyền cho Viên Trí, đó là Đại Sư Chứng Ngộ ở Thượng Trúc.

Tịnh độ: Ở Biện kinh có Pháp sư Hy nhập định du thần qua Tịnh độ, thấy hoa sen lớn phóng ánh sáng vàng, trên hoa có ghi: “Tòa của Tỳ-kheo Tông Bản nhà Tống”. Ngài xuất định, kể lại việc trên. Lúc này, Viên Chiếu đã cáo lão về ở ẩn tại Linh Nham, Tô châu.

Hy hỏi:

Thiền sư lại vãng sinh về Tịnh độ à?

Viên Chiếu đáp:

Tông Bản tôi trong lúc tu Thiền, tâm ở cảnh giới Cực lạc, vì Thiền Tịnh vốn không hai tướng vậy.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh mão:*<br>*Nguyên Hựu năm thứ 2* | *Đại Liêu:*<br>*Hàm Ung năm thứ 23* | *Tây Hạ: Mùa xuân tháng giêng, Đế Sách phong Lý Càn Thuận làm Hạ Quốc Chủ* |

Xa Khê: Ở địa phận Sùng Đức thuộc Tú châu có Xa Khê. Trong thời nhà Đường, vùng Thanh Trấn có ngôi tháp cổ, một vị Tăng nhân đó dựng viện Thánh Thọ, thỉnh Pháp sư Trạch Khanh khai sơn trụ trì. Khanh là đệ tử của Từ Biện, cháu của Nam Bình, vốn đời năm thứ ba từ Pháp Trí kể xuống. Ngài quy tịch trong năm Đại Quán đời Huy Tông, tháp ở Phù Dung Bồ Thượng thuộc phía nam viện này. Đệ tử ngài có: Khả Quán, Hữu Bằng, Tề Bích, Như Trạm, Thiện Vinh nối nhau truyền trì, học chúng đều là bậc long tượng. Năm đó, ngài mở đạo tràng Pháp Hoa Tam-muội Kỳ Sám, Cao Tông ở trong cung Thọ Đức, đổi viện

Thánh Thọ thành viện Quảng Phước. Tăng xứ Ngô Việt rất đông, phần lớn là đệ tử của phái Xa Khê.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Thìn: Nguyên Hựu năm thứ 3* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 24* | *Tây Hạ: Tháng 4, cướp phá Tắc môn trại* |

***Pháp sư Tịnh Nguyên:*** Ngài trụ ở chùa Tuệ Nhân, Nam Sơn, Hàng châu, họ Dương, người Tấn Giang, tổ tiên vốn là người Tấn Thủy nên người học thường gọi ngài là Tấn Thủy Pháp Sư. Sau khi thọ Cụ túc ngài vân du tham học Hoa Nghiêm với Thừa Thiên ở Ngũ Đài, học Hợp Luận với Minh Đàm ở Hoàng Mai, về Nam nghe giảng Lăng-nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín với Tử Tuyền ở Trường Thủy. Học giả bốn phương suy tôn ngài là bậc Nghĩa long (con rồng nghĩa học). Nhân nuôi song thân ở suối này, nên suối chủ thỉnh ngài trụ ở Thanh Lương. Ngài vân du qua đất Ngô, trụ ở Báo Ân, Quán Âm. Thái thú Hàng châu Thẩm Văn Thông lập viện Hiền Thủ ở chùa Tường Phù rồi thỉnh ngài ở. Ngài dời qua Mật Ấn Bảo Cát ở Thanh Trấn Tú châu, rồi qua ở Thiện Trụ thuộc Phổ Chiếu, Hoa Đình. Tả Thừa Tướng Bồ Công Mãnh phủ dụ đất Hàng, chí thành khẩn cầu tông yếu, tâu xin cho Sư ở lại viện Tuệ Nhân. Tăng thống Nghĩa Thiên nước Cao Ly sang Trung Hoa, lấy lễ đệ tử đến yết kiến ngài. Hồi ấy, Hoa Nghiêm Sớ Sao từ lâu đã thất truyền, nhờ Nghĩa Thiên đem sang vấn biện mà có lại. Nghĩa Thiên về nước đem ba bản dịch Hoa Nghiêm gồm một trăm tám mươi quyển sai Sứ mang sang tặng ngài. Ngài dựng Đại Các an trí. Vì thế mọi người gọi Tuệ Nhân là chùa Cao Ly. Đến lúc này, tháng mười một năm Kỷ Dậu, Nguyên Hựu năm thứ ba, ngài quy tịch thọ bảy mươi tám tuổi. Môn nhân dựng tháp an trí xá-lợi ở Tây bắc chùa này, tôn xưng ngài là Trung Hưng Giáo Chủ. Thái úy Lã Tuệ Khanh tự Cát Phủ soạn văn bia ghi lại hành trạng, viết bài ký về Hoa Nghiêm Các. Tưởng Chi Kỳ lập bia. (Kinh Hoa Nghiêm, Tấn dịch sáu mươi quyển, Đường dịch sáu mươi quyển, Đường lại dịch phần sau bốn mươi quyển).

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Tỵ: Nguyên Hựu năm thứ 4* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 25* | *Tây Hạ* |

***Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu:*** Ngài khuyên đạo tục niệm Phật Di-đà quy tâm Tây phương Cực lạc thế giới. Lúc này, Long Đồ Các học sĩ Hàng châu Thái thú Tô Thức đem trâm, vòng, xuyến, hoa tai di vật của mẹ mình là Thục quận Thái Quân Trình thị để lại, bán đi mời thợ họa tượng Phật Di-đà để cầu siêu cho cha mẹ và làm bài tụng tán thán. Mùa Đông, tháng mười Thiền sư Tông Trất ở viện Trường lô, Chân châu nhóm họp danh sĩ nổi tiếng đương thời kết Liên Hoa Tịnh độ Niệm Phật Xã.

* Mùa Đông, mồng ba tháng mười một Tăng thống Nghĩa Thiên nước Cao Ly sai đệ tử là Thọ Giới đến Hàng châu cúng tế trước mộ tháp ngài Tấn Thủy.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Ngọ:Nguyên Hựu năm thứ 5* | *Đại Liêu:Hàm Ung năm thứ 26* | *Tây Hạ* |

Tây Hồ: Đường thị lang Bạch Cư Dị đi tuần thú Hàng châu. Ông là người tinh thông đạo lý, thẳng thắn, khẳng khái. Lúc này, Long đồ các học sĩ Tô Thức làm Thái thú Hàng châu, tâu: “Hàng châu có Tây Hồ như người có con mắt, nhưng lau bèo đã úa”. Thế rồi ông vét hồ cũ, chu vi ba mươi dặm, lấy Tế Sơn làm bờ, chứa lau bèo cạnh hồ, mở đường lớn thông từ Nam đến Bắc, trồng Phù Dung, Dương Liễu trên ấy. Người Hàng châu gọi đây là Tô Công Đề (Đê ông Tô).

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Mùi: Nguyên Hựu năm thứ 6* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 27* | *Tây Hạ* |

* Thái sử Hoàng Đình Kiên, tự Lỗ Trực, hiệu Sơn Cốc đạo nhân. Lúc này gia cảnh sa sút, ông đến trú ngụ tại núi Hoàng Long, vân du với Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm, kết bạn phương ngoại với Tử Tâm Ngộ Tân, Thảo Đường Duy Thanh. Ngày nọ đang nói chuyện với ông, Hối Đường cử việc Khổng Tử nói với đệ tử: “Các ông cho ta giấu giếm ư? Ta chẳng giấu điều gì cả, ta không làm việc gì mà không cho các ông biết. Đó là con người của Khâu này.” Và mời ông giảng biện ý khác chứ Hối Đường không chấp nhận kiểu này. Ông tỏ vẻ giận, im lặng. Lúc này, khí trời mát mẻ, hương thu ngát viện. Hối Đường hỏi:

- Ông ngửi thấy hương bầu không?

Ông đáp: Có

Hối Đường nói:

Ta chẳng giấu giếm điều gì cả!

Nghe xong, ông vui mừng lãnh ngộ. Đến khi ngụ ở Kiềm Nam, ông gởi thơ cho Ngộ Tân, nói: "Ngày trước, từng được thầy hết lời dẫn dụ, tôi như người say mộng, may mắn ở trong ánh quang, nhưng bởi nghi tình chưa hết, căn mạng chưa trừ nên lui về núi ở ẩn. Tôi bị biếm quan đến Kiềm châu, giữa đường nằm nghỉ, tỉnh giấc bàng hoàng hốt nhiên nghĩ lại, bình sinh bị những lão Hòa thượng trong thiên hạ chê bai rất nhiều, chỉ có thầy là không thế. Thầy chính là người vì nhau bậc nhất.

* Mùa Thu tháng tám, Thiền sư Pháp Tú chùa Pháp vân, Biện Kinh, quy tịch. Đế hạ chiếu cho Thiền sư Thiện Bản chùa Tịnh Từ kế thế trụ trì, ban cho hiệu Đại Thông Thiền sư. Sư họ Đổng, húy Thiện Bản là hậu duệ của Hán Trọng Thư, ông nội tên Kỳ, cha tên Ôn, đều làm quan ở đất Lệ, nên Sư là người đất này. Từ nhỏ đến lớn, Sư đọc khắp sách Sử nhưng không có chí làm quan. Nhân Tông năm Gia Hựu năm thứ tám, Sư cùng em là Thiện Tư đến viện Địa Tạng ở Kinh đô thi kinh mà được độ làm Tăng, học Tỳ-ni. Sư vân du về Đông, đến Tô châu lễ Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản ở Thụy Quang tỏ ngộ huyền chỉ, hầu hạ năm. Viên Chiếu sai Sư y chỉ Thiền sư Viên Thông Pháp Tú, Sư cũng lãnh hội hết yếu chỉ. Thần Tông năm Nguyên Phong năm thứ bảy, Sư vượt sông Hoài cư ngụ với Thái thú Nham. Thời gian sau, Sư ra ở Song Lâm, rồi dời về Tịnh Từ. Đến lúc này, Đế xuống chiếu thỉnh Sư trụ ở chùa Pháp vân, ban cho hiệu Đại Thông. Phàm những nơi Sư ở, hễ thấy tượng Phật, Bồ-tát thì đứng luôn không dám ngồi, thức ăn có tên giống thịt cá thì không ăn, Sư chân thành phòng tâm ngừa lỗi đại loại như thế. Mùa thu năm Nguyên Hựu năm thứ bảy, Sư xin cáo lão về Tây Hồ, Hàng châu. Đế ưng thuận. Đến Huy Tông năm Đại Quán năm thứ ba, tháng mười hai năm Giáp Tý, Sư co ba ngón tay rồi nói với đệ tử: "Chỉ còn ba ngày nữa thôi." Quả nhiên ba ngày sau, Sư tịch, môn nhân dựng tháp ở Thượng Phương, Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp bốn mươi lăm hạ. Sư nối pháp Viên Chiếu Tông Bản, đời gọi hai người là Đại Bản và Tiểu Bản. Viên Chiếu nối pháp Thiền sư Nghĩa Hoài.

***Pháp sư Biện Tài:*** Ngày hai mươi tháng chín, Pháp Sư Biện Tài ở núi Long Tỉnh, Hàng châu quy tịch. Ngài húy Nguyên Tịnh, cả ba triều đại từ Nhân Tông cuối năm Gia Hựu đến niên hiệu Trị Bình, Hy Ninh. Ngài trụ ở Thượng Thiên Trúc cả thảy mười bảy năm, đạo pháp vang khắp trong triều ngoài nội. Trong năm Nguyên Phong, ngài từ biệt ra đi, rồi về trụ lại ba năm. Về già ngài ngụ ở Long Tỉnh. Lúc ăn uống ngủ

nghỉ, giữa chặn mày phát ánh quang, đều có xá-lợi. Ngài nói với Tham Liêu Tử Đạo Tiềm rằng: “Tịnh nghiệp của ta đã xong.” Bảy ngày sau, ngài không bệnh nằm nghiêng bên phải quy tịch. Môn hạ thị lang Tô Triệt viết bài minh trên tháp. Long đồ các học sĩ Lệ châu Tô Thức đến tế ngài rằng:

*Khổng Lão khác cửa, Nho Thích khác cung*
*Lại ở trong ấy, Thiền Luật chống nhau*
*Tôi thấy biển lớn, có Nam Bắc Đông*
*Sông hồ tuy khác, chỗ đến vốn đồng*
*Chỉ đại Pháp sư, giới định tinh thông*
*Luật không trì phá, cấu tịnh đều không*
*Giảng không trau chuốt, Sự lý viên dung*
*Như núi bất động, như chuông khua vang*
*Như trăng in nước, như muôn gió nồng*
*Tám mươi mốt năm, sống tuy mạng chung*
*Gặp vật thì ứng, thi thiết vô cùng*
*Lúc tôi đến Ngô, còn gặp năm ông*
*Giảng có Biện (Hải Nguyệt), Trăn (Nam Bình)*
*Thiền có Liên (Đại Giác), Tung (Minh Giáo)*
*Hai mươi năm sau, chỉ còn mình ông*
*Nay cũng đi rồi, hậu học nương ai!*

***Thiền sư Tùng Duyệt:*** Sư họ Hùng, sinh ở Cám châu, ngụ tại chùa Đâu-suất, phủ Long Hưng, Gianh Tây. Ban đầu Sư làm Thủ chúng trong đạo tràng Đạo Ngô, yết kiến Vân Cái Trí Hòa thượng. Trí bảo Sư đến yết kiến Động Sơn Văn Thiền sư, Lãnh ngộ huyền chỉ, hoằng hóa ở Lộc Uyển. Đến lúc này mùa Đông tháng mười một năm Nguyên Hựu năm thứ sáu, Sư tắm rửa, nhóm chúng, nói kệ:

*Bốn mươi tám năm*
*Phàm thánh giết sạch*
*Chẳng phải anh hùng*
*Long An trơn trợt.*

Sư an nhiên thị tịch. Người nhận lãnh pháp yếu tỏ ngộ tự tâm có Vô Tận Cư sĩ Trương Thương Anh sai Sứ đem lễ vật đến cúng tế và nói: “Thầy là người có đạo lực lớn trong tông môn, không thể để những người đến đây không có lòng kính ngưỡng.” Và ông dựng tháp ở Nhũ Phong thuộc Long An, sau tâu xin Đế ban thụy cho Sư. Sư nối pháp Chân Tịnh Văn Thiền Sư, đồng môn với Pháp Vân Cảo Thiền sư.

***Trương Thương Anh:*** Ông từ nhỏ đã theo Thiền học nhưng vẫn

muốn tìm các vị Tông sư quyết trạch cho mình. Nhân nói chuyện với Chu cấp sự Thế Anh mới biết Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu-suất vốn là bậc Thiền học cao xa, tài năng xuất chúng. Đến lúc này, năm Nguyên Hựu năm thứ sáu, ông vượt Gianh Tây, Án Bộ, Phần Ninh cùng Ngũ Thiền bơi ngược thuyền đến Lữ Đình rồi hỏi thăm đường đến Đâu Suất. Đến nơi ông nói:

Từ lâu tôi đã nghe tiếng thầy là bậc thông minh xuất chúng. Tùng Duyệt liền đáp:

Duyệt là con cháu của Lâm Tế, nếu đem trí thông minh nói chuyện văn chương thì cũng giống như đô vận bàn về thiền vậy.

Ông tuy phục câu nói ấy nhưng trong lòng bất bình, liền làm bài kệ sai Ngũ Thiền đưa lên. Kệ ghi:

*Năm lão cơ duyên đồng một phương*
*Thần phong khí phách giấu bên trong*
*Sáng nay lão tướng lên đàn vội*
*Cầm mâu xin thách đánh một phen.*

Tùng Duyệt chỉ xem câu cuối là biết ý ba câu trước. Ông nghe vậy rất vui mừng lên Đâu-suất mới cùng Duyệt luận bàn thâu đêm. Bàn đến việc trong Tông môn, ông hỏi:

- Vừa rồi, tôi xem trong Truyền Đăng Lục gồm một ngàn bảy trăm cơ duyên của bậc Tôn túc, chỉ nghi câu "Đức Sơn ôm bát ".

Duyệt nói:

Nếu nghi câu "ôm bát" thì những gì còn lại đều do tâm suy nghĩ phân biệt mà hiểu, như vậy đâu thể đến được cảnh giới Đại an lạc!

Ông nổi giận, về phòng nhưng cả đêm cứ trằn trọc mãi. Gần đến canh năm, vừa bước chân xuống giường đá phải cái ống nhổ ngã lăn, ông hoát nhiên tỏ ngộ, liền chạy đến gõ cửa trượng thất của Tùng Duyệt và nói:

Bắt được giặc rồi!

Duyệt hỏi:

Tang vật ở đâu?

Ông nghĩ ngợi. Duyệt nói:

Đô Vận về ngủ đi.

Sáng sớm hôm sau, ông dâng bài tụng:

*Trống lặng chuông im ôm bát về*
*Nham Đầu bức bách như sấm vang*
*Quả nhiên chỉ được ba năm sống*
*Đâu phải gặp người thọ ký cho.*

Ông từ biệt không bao lâu, Duyệt quy tịch. Năm sau, ông được phong chức Tể tướng. Huy Tông năm Tuyên Hòa, tháng hai ông tâu xin thụy cho Tùng Duyệt, sai sứ cầm văn tế đến đọc trước tháp: "Ngày xưa Ngưỡng Sơn nói với Lâm Tế: "Ngày sau, đạo của ông thịnh hành khắp xứ Ngô, Việt nhưng gặp Phong thì dừng. Bốn đời sau đó Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiểu. nghe lời sấm không vui. Về sau, được ngài Tỉnh Niệm, Chiểu vui mừng nói: "Chánh pháp Nhãn Tạng nay đã có ông truyền thừa, ta chết cũng không ân hận". Tỉnh Niệm ra hoằng hóa ở Thủ Sơn, thôn hoang chùa vắng, Tăng chúng chỉ mới hơn ba mươi người nhưng đạo tông nổi tiếng thiên hạ. Đối với Niệm Công, thầy là cháu sáu đời, đối với Vân Am thầy là đệ tử đích truyền. Quy củ Trụ Sơn đủ sánh ngang ngài Thủ Sơn, cơ phong mau lẹ chẳng thua gì Phong Huyệt. Gần đây tôi phụng mệnh đi sứ Gianh Tây, Ấn Độ, Tây An quen biết thầy trong núi Long An, nắm tay đàm luận suốt đêm dài, thấu suốt hết việc lớn ngày sau, chánh tông rạng rỡ, chỉ hận là gặp thầy quá muộn. Thế nhưng thầy vội vã ra đi, tiếc phước mình không bằng huệ nên chẳng thuận duyên, vui đức mình không bị mai một, nên đành phải chia tay. Về sau có những người như: Sơ Sơn, Liễu Thường, Đâu-suất, Tuệ Chiếu, Từ Vân, Minh Giám, Thanh Khê, Chí Ngôn đều giảng thuyết mỗi phương nổi tiếng đương thời. Lại có những người như: La-hán, Tuệ Nghi, Dương Kỳ, Tử Viên, Quảng Tuệ, Thủ Chân, Cám Xuyên, Trí Tuyên đều là những người hối tích ẩn cư, tự xét thân mình, Phong Huyệt được Tỉnh Niệm liền có thể nối tiếp thọ mạng của chư Tổ, nay các vị Long An cũng vậy. Sự hưng thịnh này lẽ đâu không có chân thân, linh cốt của Tiên Sư ư! Bởi đạo thịnh hành là do Tòng lâm quy hướng, làm rạng rỡ Phật Tổ, trợ giúp giáo hóa, phát huy rạng rỡ thêm lên. Nay tôi đặc biệt xin với triều đình và được ban thụy là Chân Tịch Đại Sư. Than ôi! Chỉ tôi với thầy thần giao đạo hợp, nên không dám quên phận làm ngoại hộ. Dù rằng con đường sống chết rộng hẹp khác nhau, nhưng có được long ân của Thiên Tử thì may mắn cùng nhau thụ hưởng vậy. Ngưỡng mong giác linh thầy thọ nhận phước lộc này.

***Trọng Ôn có lời tán rằng:*** Ôi! Làm hưng thịnh Nho tông nhưng lại sùng kính Phật đạo thì xưa nay chưa có ai bằng thầy. Bởi vậy nếu không phải người khéo tay thì làm sao phát huy, nếu chẳng phải bậc thượng căn thì dễ gì đương nổi. Đến như Khai Sơn dựng chùa, mở đại pháp thí, đã không quên đạo nghĩa của Tùng Duyệt mà lại còn được hậu thế tôn vinh. Mấy lời tỏ bày, thật lòng như vậy. Bởi đó âu cũng là lý do mà Chiêu Tông tôn sư trọng pháp vậy."

***Cơ duyên ôm bát:*** Lúc Tuyết Phong Nghĩa Tồn còn làm phạn đầu trong đạo tràng của Đức Sơn, ngày nọ Đức Sơn ôm bát đến trai đường, Tuyết Phong hỏi: "Chuông chưa khua, trống chưa đánh ôm bát đi đâu thế?" Đức Sơn nghe vậy liền quay về phương trượng. Tuyết Phong đem chuyện này kể cho Nham Đầu Toàn Khoát. Khoát nói: "Đại tiểu Đức Sơn chưa hiểu câu sau cùng". Đức Sơn nghe vậy liền sai thị giả gọi Toàn Khoát lên và nói: "Ông không chịu lão tăng ư?" Toàn Khoát ngầm bày tỏ ý mình, Đức Sơn mới thôi. Hôm sau thượng đường, quả nhiên Đức Sơn không như người bình thường. Toàn Khoát đến trước tăng đường vỗ tay cười vang nói: "Vui nhỉ! Ông lão đường đầu đã hiểu thấu câu sau cùng, ngày sau thiên hạ chẳng lường được gã là người thế nào, thế nhưng chỉ sống được ba năm!" Ba năm sau, quả nhiên Đức Sơn quy tịch.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Thân: Nguyên Hựu năm thứ 7* | *Đại Liêu:Hàm Ung năm thứ 28* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Linh Nguyên Duy Thanh:*** Sư tham học với Thiền sư Hối Đường Tử Tâm ở Hoàng Long, tiếng tăm làm thị giả của Sư vang khắp tòng lâm. Đến lúc này, năm Nguyên Hựu năm thứ bảy, Vô Tận Cư sĩ Trương Thương Anh đi thuyền từ Gianh Tây đến yết kiến Sư, phát hịch cho các quan ấp ở Phần Ninh cùng các vị tôn túc khuyến thỉnh Sư hoằng hóa ở Quán Âm, Long Hưng. Mệnh lệnh rất nghiêm, Sư ngụ ở Hưng Hóa bất đắc dĩ phải xuất đầu lộ diện dâng bài kệ từ chối:

*Không đất không dùi nghèo thấu xương*
*Lợi sinh rất thẹn thiếu trâm anh*
*Kinh kỳ cửa thí e khó mở*
*Xin dưỡng thân tàn nơi núi sông.*

Hoàng Thái sử Lỗ Trực Ưu ở Lý Lư có gởi cho Hưng Hóa Hải Lão một tấm thiếp rằng: "Nhân đạo tràng Quán Âm còn trống, thượng Ty có nhã ý mời huynh Thanh, nếu huynh Thanh quyết lòng không đi cũng tốt. Bàn đào ba năm mới chín một lần, chớ hái mận héo mà làm gì. Việc này, Hoàng Long, Hưng Hóa cũng phải trợ duyên cùng gánh một vai mới được, chớ đưa người lên cây cao rồi rút thang đi".

***Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục tán rằng:*** Pháp đạo ở Gianh Tây thịnh trong những năm Nguyên Hựu bởi những người lấn lướt tòng lâm đều là những bậc cao nhãn, huống gì lễ chọn người vượt trội đến như vậy". Linh Nguyên dùng kệ ra sức từ chối, nhưng thái sử đã dùng trát

ngợi khen, đó là lời động viên chưa từng có vậy.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Dậu: Nguyên Hựu năm thứ tám, tháng tám Thái hậu Cao Thị mất* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 29* | *Tây Hạ* |
| *Giáp Tuất: Thiệu Thánh năm đầu* | *Đại Liêu: Hàm Ung năm thứ 30* | *Tây Hạ* |
| *Ất Hợi:Thiệu Thánh năm thứ 2* | *Đại Liêu:Thọ Xương năm đầu, Đế gia phong Tôn hiệu, đổi niên hiệu* | *Tây Hạ* |

Liêu: Đạo Tông Hồng Cơ gia hiệu là Thánh văn thần võ toàn công đại lược thông nhân hiếu tuệ Thiên Hựu Hoàng Đế. Năm Thọ Xương năm thứ hai, Đại Quốc Cửu Trướng Tiêu Giải Lý tứ lang quân là người cưỡi ngựa bắn cung rất giỏi, hào kiệt không kiềm chế được, ông thường nuôi trong nhà đến mấy mươi người phạm tội chết. Họ thường theo ông đi săn ở đất Liêu. Đến phía Đông phía Tây quận, họ ăn uống tiêu xài cướp đoạt của những nhà giàu có. Ngày nọ bị tội, nước Liêu tróc nã gắt gao, ông tụ hợp đồ đảng làm cướp. Chưa đầy mười ngày đã có hơn hai ngàn người, họ đánh vây các châu như: Càn, Hiển vv... các đạo phát binh vây bắt. Ông lén dẫn đồ đảng chạy sang địa phận Sinh Nhữ Chân, (Dòng Nhữ Chân có chia ra Sinh và Thục. Người ở phía Nam Hỗn Đồng Giang thì gọi là Thục Nhữ Chân, là nơi A Cốt Đả ở. Người phía Bắc sông này gọi là Sinh Nhữ Chân là bề tôi nước Liêu). Giải Lý liền cấu kết với Đại soái Dương Cát mưu phản. Các đạo quân truy quét, nhưng đến đầu địa phận thì không dám tiến lên, tâu tình hình cho Bắc khu mật viện. Mật viện giáng trát cho Dương Cát phải toàn tâm giải quyết. Dương Cát dần dà đến mấy tháng, chỉ chém đầu Giải Lý sai con trưởng là A Cốt Đả dâng cho Liêu, không dâng nộp thủ cấp những người còn lại mà nói họ cũng đã bị giết hết. Nước Liêu bất đắc dĩ phong tước cho hai cha con Dương Cát. Từ đó cha con Dương Cát trong lòng cậy có công với Liêu, ngầm ôm lòng phản trắc, thôn tính các bộ tộc láng giềng để lấy vàng châu, ngựa quý. Lúc này ông thường hối lộ cho các bậc quyền quý để kết tình giao hảo.

* Mùng chín tháng sáu, Thiền sư Trùng Biện ở chùa Nam Hoa,

Thiều châu nhờ Long đồ các học sĩ Tô Thức viết thư cho Liễu Tông Nguyên nhờ soạn văn bia cho Lục Tổ Đại Giám Thiền sư. Tô Thức ghi thêm phía sau rằng: "Thích-ca dùng văn thiết giáo, giáo pháp dịch ở Trung Quốc đều nhờ đạo Nho mà bày tỏ ra. Cho nên các kinh điển Đại thừa đến Lăng-nghiêm thì khúc chiết tinh túy, thù thắng vi diệu vượt xa các kinh, đó là nhờ Phòng Dung bút thọ." Liễu Tông Nguyên dời về Nam mới bắt đầu nghiên cứu Phật pháp, soạn văn bia cho các Thiền sư Tào Khê, Nam Nhạc, diệu tuyệt cổ kim. Từ nhà Đường đến nay, người thuật hành trạng Tổ Sư rất nhiều nhưng chưa ai thông suốt, chính xác như Liễu Tông Nguyên. Bởi xét những lời của ông rất hợp với đạo Mạnh Kha nên khiến người ta ban ngày thấy thì ban đêm thuộc ngay.

Tam Tháp: Năm này, Thiền sư Hựu ở viện Chân Như núi Vân Cư, Nam Khang sáng lập Tam tháp để an táng chư tăng, Sư sãi trong chùa, là nơi an táng hài cốt. Các nơi khác từ đó bắt chước làm. Hựu họ Vương, người Thượng Nhiêu, Tín châu nối pháp Hoàng Long Tuệ Nam, Nam nối pháp Từ Minh Sở Viên.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Tý:*<br>*Thiệu Thánh năm thứ 3* | *Đại Liêu:*<br>*Thọ Xương năm thứ 2* | *Tây Hạ: Tháng mười, cử đại quân cướp phá đất Tống đến tận Diên châu* |
| *Đinh Sửu:*<br>*Thiệu Thánh năm thứ 4* | *Đại Liêu:*<br>*Thọ Xương năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

Tô Thức bị biếm quan đến Đam châu. Tuệ châu Thái thú Phương Tử Dung phụng chiếu viết thư nói với Tử Chiêm rằng: "Người nhà phụng thờ Đại Thánh Tăng-già ở đất Hoài, đất Tứ rất kính cẩn, đêm trước ở trong mộng đến đây từ biệt và nói: "Tiễn Tô Tử Chiêm qua Hải Nam". Nay quả nhiên có chuyến đi này, số phận đã định, ông còn lo buồn làm gì!" Năm Nguyên Phù năm thứ ba, tháng sáu năm Canh Thìn, Tô Thức từ Hải Nam về, cư ngụ tại Thường châu, ngao du vùng Nghi Hưng. Trước khi bị đày, ông có dựng ngôi nhà ở gò phía Đông Hoàng châu, nhân đó lấy hiệu Đông Pha cư sĩ. Ngày hai mươi tám tháng bảy, niên hiệu Kiến Trung Tỉnh Quốc năm đầu, đời Huy Tông, Triều phụng lang đề cử thành đô phủ vương cục quán Tô Thức mất ở Thường châu.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Dần:<br>Nguyên Phù năm đầu. Tháng sáu đổi niên hiệu* | *Đại Liêu:<br>Thọ Xương năm thứ 4* | *Tây Hạ:<br>Vĩnh An năm đầu* |
| *Kỷ Mão:<br>Nguyên Phù năm thứ 2* | *Đại Liêu:<br>Thọ Xương năm thứ 5* | *Tây Hạ:* |

* Cao Tăng Đạo Tiềm ở Tiền Đường làm thơ gởi cho Văn Trung Công Tô Thức. Thức gọi ngài là Tham Liêu Tử, bởi thi, từ, dật, xướng, họa của ngài hình thế giống như Hàn Mặc. Đến khi Lã Thừa Tướng Công Trứ tâu xin Đế,ban cho ông hiệu Diệu Tổng, về sau hễ viết lách, ngài đều lấy hiệu Diệu Tổng Lão Sư. Những bia đá ở Giang triết còn ghi lại rất nhiều, nay chỉ ghi đại lược. Khi rời Tiền Đường, ngài có viết lại mấy dòng từ biệt rằng: "Gió hữu tình ngàn dặm cuốn triều đến, vô tình tiễn triều về. Hỏi trên sông Tiền Đường, Tây Hưng, Bồ Khẩu mấy độ bóng tà, chẳng dụng nghĩ suy. Xưa nay cúi ngửa người xưa trái, ai giống Đông Pha bạc đầu quên cơ. Nhớ hoài bờ tây Tây Hồ chính vì núi đẹp, trời xanh mây trắng, hẹn thi nhân cùng gặp. Mong như tôi với ông, hẹn năm khác đường biển về Đông, xin tạ nhã ý của ông, chớ có trái lời. Đường Tây Xuyên không nên quay đầu, làm tôi ướt áo."

***Thiền sư Oánh Trọng Ôn tán rằng:*** "Ôi! Tiểu sinh đời nay đối với bậc hữu đạo tông sư tất gọi tên mà biểu hiện lòng khinh mạng, đâu biết một bài thơ của Văn Trung Công, Tăng còn kính trọng, huống gì người chuộng đạo đức ư!" Oánh nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

* ***Pháp Sư Hữu Nghiêm:*** Ngài ở chùa Sùng Thiện, Xích Thành, Thai châu, lui về dựng am bên gốc cây Tra, nên lấy hiệu là Tra Am, lòng nhớ về cố hương An Dưỡng, có bốn bài thơ cảm được lòng người. Trong đó có một bài ghi:

*Tây phương chân tịnh vốn nhà ta*
*Nay nhớ lối về mười vạn xa*
*Đường khách gập ghềnh bao kẻ khốn*
*Phong trần lưu lạc mấy ai qua.*
*Cây báu bảy hàng, ngàn điệu nhạc*
*Ao thơm tám đức, bốn màu hoa*

*Chớ lạ gần đây thường mộng thấy*
*Nhục vinh muôn việc chẳng phiền hà.*

Người đương thời tranh nhau truyền đọc. Bình sinh ngài dốc chí tịnh độ. Mùa hạ tháng tư niên hiệu Kiến Trung, Tỉnh Quốc năm đầu, đời Huy Tông, ngài sắp quy tịch, chợt thấy hoa sen lớn trong ao báu, nhạc trời trỗi vang bốn phía, ngài lặng lẽ quy tịch. Tác phẩm có: Đại Bộ Bị Kiểm bốn quyển, Tiên Nạn bốn quyển, Trợ Lãm bốn quyển, Hoặc Đối bốn quyển đều lưu hành ở đời.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Thìn:*<br>*Nguyên Phù năm thứ ba. tháng giêng, Đế mất* | *Đại Liêu:*<br>*Thọ Xương năm thứ 6* | *Tây Hạ* |

* Mùa Thu, tháng bảy, Liêu Đế bệnh nặng dạy cháu là Diên Hy rằng: “Nam triều giao hảo đã nhiều năm, tính cháu thẳng thắn, chớ có sinh sự.” Lại dặn đại thần: “Vua nối nghiệp nếu động binh, các khanh phải ra sức can ngăn.” Đế mất, ở ngôi bốn mươi sáu năm, miếu hiệu Đạo Tông Thụy là Thiên Phước Hoàng Đế.

***Tống:*** Mùa Đông, sửa Thái Lăng. Các quan ở Lâu Bình huyện Đăng Phong tâu xin lấy nhân công thừa này để sửa sang đạo tràng Thiếu Lâm ở Tung sơn vốn là nơi Đạt-ma Tổ sư ở. Từ Giám ty, quận huyện, quan chấp sự đến sĩ thứ đua nhau hưởng ứng, chỉ một ngày là xong, đặt tên là Diện Bích am, trồng hơn mười hai cây Linh Chi, mỗi cây một màu hoa lạ. Mưa ngọt trút đầy ao, ban đêm phát ánh sáng, bốn phía như Thiên cảnh đồng thời hiện ra, Đông Tây đến mấy mươi dặm. Hậu sơn cư sĩ Trần Sư Đạo viết bài ký: “Tôi, môn hạ của Khổng Thị, Nhan, Mẫn, Nhiễm đều không truyền. Sau Trọng Cung có Tuân Khanh, sau Tăng Dư có Mạnh Kha, sau Đoan Bản Tứ có Trang Hưu. Nhưng sau Trang, Mạnh, Tuân thì không nghe nữa. Họ Lý truyền xuống Quan Doãn, Doãn truyền xuống thì không nghe nữa. Họ Thích từ Năng Nhân xuống đến đời hai mươi tám là Đạt-ma, sáu đời nữa thì có Tào Khê, tính đến nay đã mười lăm đời rồi. Nhưng học trò của Nho Lão lại muốn sánh mình ngang với cội nguồn của họ Thích thì thật là sai lầm.

***Thiền sư Hối Đường Bảo Giác:*** Sư húy Tổ Tâm, ngụ ở núi Hoàng Long, Long Hưng, quy tịch ngày mười sáu tháng 11. Sư họ Ổ, sinh ở

Nam Hùng, nối pháp Hoàng Long Tuệ Nam. Đệ tử đắc pháp với Sư có Thảo Đường Duy Thanh, Tử Tâm Ngộ Tân, Thái sử Hoàng Sơn Cốc, Ngô Trung Lập.

**Huy Tông:** Húy là Kiết, con thứ mười của Thần Tông, ban đầu được phong Đoan Vương, mười chín tuổi lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi hai mươi lăm năm. Mồng mười tháng sáu nhằm tiết Thiên Ninh, lúc này thừa hưởng thái bình đã lâu, Tô Hàng bày bàn đánh cờ, cha con Chu Miến dâng đá hoa cương sắp quanh Lương Nhạc Vạn Tuế Sơn. Dân gian một hoa một đá cùng hưởng lộc vua nhưng cấu kết nhận hối lộ, lòng tham không cùng. Sái Kinh làm Thái sư, nội thị Đồng Quán lãnh chức khu mật, nhận Lý Tự Lương người đất Yên ở nước Liêu cùng đem về, nói rằng có thể lấy được nước Liêu. Gặp lúc Nhữ Chân đến dâng lễ, mới hẹn cùng đánh Liêu. Kim đã diệt được Liêu, lại xâm phạm nước Tống. Đế nhường ngôi cho Thái tử, Thái tử tôn Đế làm thái Thượng hoàng, bị quân Kim đưa về bắc, giáng phong làm làm Thiên Thủy quận vương, mất ở Ngũ quốc thành. Niên hiệu Kiến Trung Tỉnh Quốc một năm, Sùng Ninh năm, Đại Quán bốn năm, Chính Hòa bảy năm, Trùng Hòa một năm, Tuyên Hòa bảy năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Tỵ:<br>Kiến Trung Tỉnh Quốc năm đầu* | *Đại Liêu:<br>Càn Thống năm đầu<br>Thiên Tộ lên ngôi* | *Tây Hạ* |

***Liêu:*** Thiên Tộ lên ngôi, húy Diên Hy, là cháu của Đạo Tông, con của Tần Chủ Nguyên Cát, tự xưng là Thiên Tộ Hoàng Đế. Ông hoang dâm vô đạo, cuối cùng đất nước bị diệt vong.

***Nhữ Chân:*** Dương Cát Thái sư mất trong năm này, con là A Cốt Đả lên ngôi.

***Tục Đăng Lục:*** Mùa Thu, rằm tháng tám, Thiền sư Phật Quốc Duy Bạch chùa Pháp Vân, Biện Kinh tập hợp cơ duyên Tông Sư của các Thiền phái thành Tục Đăng Lục ba mươi quyển dâng Đế. Đế tự tay ban cho bài tựa. Trong ấy ghi: “Xưa Thích-ca Như Lai xuất thế, được Phật Nhiên Đăng thọ ký, sinh trong vương cung Tịnh Phạn, đưa tay chỉ trời đất, cơ duyên ấy rõ ràng ai cũng biết. Ngài dạo chơi bốn cửa, quán sát già bệnh, nên huyễn duyên liền tịch. Đến khi giảng đạo ở Kê Viên, Thứu Lĩnh, vô biên cảnh giới liền hiện ngay đầu sợi lông, vô lượng quyển kinh liền hiện ngay đầu mảy trần. Phía Tây bao trùm Thiên Trúc,

phía Đông chảy tràn Chấn Đán, biên tập thành sách. Thánh giáo của một thời tuy truyền cho Khánh Hỷ, niêm hoa vi tiếu thì Chánh pháp Nhãn tạng chỉ phó chúc cho Ẩm Quang. Đạt-ma từ tây sang mới thật là Sơ Tổ. Sự truyền thừa từ hai mươi tám Tổ tây Ấn đến sáu Tổ Đông độ lại đến Tào Khê. Từ đó đạo ở Song Lâm càng rạng rỡ, dòng pháp tuôn chảy, từ Nam Nhạc, Thanh Nguyên trở xuống phân thành năm tông. Mỗi tông đều có môn phong ứng cơ tiếp vật. Tuy kiến lập không đồng nhưng hội quy chỉ có một, đều là tên nhọn cùng bày ra, roi ảnh cùng thi thiết, tiếp vật lợi sinh, khải ngộ rất nhiều. Nguồn phái rộng sâu, cành lá tươi tốt, nhưng chỉ có hai tông Lâm Tế và Vân Môn là thịnh hành nhất thiên hạ. Trẫm nắm giữ Thiên mệnh, gầy dựng đất nước, khâm ngưỡng Nghệ Tổ mở rộng Độ Môn ở Miên Ngụ, Thái Tông xiển dương bí nghĩa ở Phu Thiên, Chương Thánh truyền đăng nơi Cảnh Đức, Vĩnh Chiêu quảng đăng nơi Thiên Thánh, đều hoằng hóa chân phong, trợ giúp thần hóa nhằm thành tựu sự thịnh trị vô vi, mà Hoàng Thần Khảo còn hưởng phước không tông. Năm Nguyên Phong năm thứ ba, xuống chiếu cho chùa Đại tướng quốc dựng thêm hai chùa Thiền lớn, mở rộng Tuệ Lâm phía Đông, dựng thêm Trí Hải phía tây. Trong năm Nhâm Tuất, việt quốc Đại trưởng công chúa và tập khánh quân tiết độ quán sát lưu hậu phò mã đô úy Trương Đôn lễ thỉnh, lại dựng thêm Pháp Vân Thiền tự ở phía Nam quốc đô, vì thế Tổ đạo sáng rỡ, Tòng lâm cực thịnh. Học giả khắp nơi, ai mến mộ Thiền thì vân tập ở Thượng Đô. Nay Đôn lại thỉnh trụ trì chùa này là Thiền sư Phật Quốc Duy Bạch thám xét Tối Thượng thừa, tỏ rõ Đệ nhất nghĩa, nhiều lần được mời vào cung, ba phen lên tòa thuyết giảng, tuyên dương diệu chỉ, khéo hợp lý mầu. Xưa Thế Tôn thuyết giảng kinh Pháp Hoa, khai mở tướng lông trắng giữa chặng mày, quang minh chiếu soi một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông. Di-lặc thưa hỏi, Văn-thù quyết nghi, đó gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật vốn hiện điềm lành sáng rỡ như thế. Người trì kinh này có Diệu Quang Pháp Sư, người chứng kinh này có Phổ Minh Như Lai. Nay dùng hai chữ Tục Đăng không ngoài hàm ý đèn đèn nối nhau, quang quang hỗ nhập. Ôi! Viên chứng biển giác vốn bao hàm cả mười phương, sinh diệt bóng bọt liền trầm luân trong ba cõi. Từ sáng tỏ mà trần trần phát trí, thức vọng theo nhau liền rơi vào luân hồi, thật đáng thương thay! Nếu hồi quang soi chiếu lại bên trong, phát chân về nguồn thì chính bộ Lục này vậy. Chỉ thẳng tánh tông, đơn truyền tâm ấn, được ngay trong chớp mắt, dâng ngay khi mở lời, đưa tay thì nâng cả thế giới Diệu Hỷ, đàn chỉ thì hiện lầu các trang nghiêm, thần thông diệu dụng thật không thể nghĩ

bàn vậy. Vui vì đại chúng cùng kết thắng duyên, xa lìa bến mê, thẳng lên bờ giác. Ấy là tấc lòng thành của Trẫm vậy.”

Thiền sư Phật Quốc húy Duy Bạch, họ Nhiễm, sinh ở phủ Tỉnh Giang, nối pháp Thiền sư Viên Thông Pháp Tú, Tú nối pháp Thiên Y Nghĩa Hoài, Hoài nối pháp Tuyết Đậu Trùng Hiển.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nhâm Ngọ: Sùng Ninh năm đầu* | *Đại Liêu: Thiên Tộ lên ngôi. Càn Thống năm thứ 2* | *Nhữ Chân: Năm đầu của A Cốt Đả* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Ban một bức thư hiệu ứng thiên hạ. Những bậc danh tăng thạc đức từ trước đến nay nếu chưa có tên Thụy thì các quan sở thuộc phải lập tức tâu lên để Đế ban cho Thụy hiệu, hạ chiếu cho thiên hạ dựng chùa Sùng Ninh ở Quân châu, sau đó đổi thành chùa Thiên Ninh. Đến Cao Tông đổi chùa Báo ân thành chùa Quang Hiếu.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Quý Mùi: Sùng Ninh năm thứ 2* | *Đại Liêu: Càn Thống năm thứ 3* | *Nhữ Chân: Năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Mùa hạ tháng 4, ban Thụy cho Đại Sư Từ Vân Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc, Hàng châu là Pháp Bảo Đại Sư. Pháp Sư Phạm Trăn ở Nam Bình, thụy là Thật Tướng Pháp Sư. Luật sư Trừng Chiếu ở núi Chung Nam, thụy là Pháp Tuệ Đại Sư.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Giáp Thân: Sùng Ninh năm thứ 3* | *Đại Liêu: Càn Thống năm thứ 4* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

***Lậu Trạch Viên:*** Mùa xuân tháng hai, Tống đế hạ chiếu cho các châu huyện trong thiên hạ lập ra Lậu Trạch viên để an táng khách tha phương không nơi nương tựa.

***Ngự Tán Răng Phật:*** Mùa hạ, mồng năm tháng năm, Tống đế

rước răng Phật Thích-ca ở chùa Đại Tướng Quốc vào trong cung cúng dường. Răng Phật để trong bình thủy tinh kín, xá-lợi tuôn ra như mưa. Đế dùng kệ tán:

*Đại Sĩ Thích-ca Văn*
*Hạt bụi trong hư không*
*Có cầu liền cảm ứng*
*Cõi nào chẳng phân thân*
*Ngọc sáng đập chẳng nát*
*Kim Cang luyện mới hoài*
*Con nay cung kính lễ*
*Nguyện cứu khắp mọi loài.*

***Thiền sư Pháp Diễn:*** Mùa hạ, ngày hai mươi lăm tháng sáu, Sư thượng đường từ biệt đại chúng rồi quy tịch. Sư họ Đặng người Miên Châu, nối pháp Bạch Vân Thủ Đoan, Đoan nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên, thuộc đời năm thứ chín tông Lâm Tế. Nối pháp của Sư có Phật Quả Viên Ngộ Khắc Cần, Phật Giám Tuệ Cần, Phật Nhãn Thanh Viễn. Đời gọi họ là Tam Phật. Nối pháp Pháp Viễn có Hoàng Long, Mục Am Trung, nối pháp của Trung có Phổ Am Bồ-tát Ấn Tiêu.

***Long Môn Tam Tự Tỉnh:*** Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn ở Long Môn hằng ngày suy nghĩ ba điều để cảnh tỉnh mình. Một là thọ mệnh của thân này như bóng câu qua khe hở, đâu rảnh để vọng tình làm việc tạp nhạp, muốn hưng thịnh Thích chủng phải tiếp nối môn phong, quán sát kỹ Tiên tông là tiêu cách gì. Hai là đạo nghiệp chưa thành, cách Thánh càng xa, thầy hay bạn tốt không thể rời bỏ, tự mình tinh tấn, nhớ Phật ân đức, chỉ mình tự biết, không thối thất đại tâm. Ba là báo duyên hư huyễn, đâu thể cưỡng cầu, đời người mấy lúc, tùy thuận cảnh duyên, khổ vui thuận nghịch, đạo ở trong ấy, động tĩnh lạnh nóng, tự thẹn tự hối.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất dậu Sùng Ninh năm thứ 4* | *Đại liệu Càn Thống năm thứ 5* | *Nữ Chân A Cốt Đả năm thứ 4* | *Tây Hạ* |

Tống: Mùa thu tháng tám, đúc xong Cửu Đỉnh, soạn nhạc lấy tên là Đại Thạnh.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bính Tuất: Sùng Ninh năm thứ 5* | *Đại Liêu: Càn Thống năm thứ 6* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 5* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Hợi: Đại Quán năm đầu* | *Đại Liêu: Càn Thống năm thứ 7* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 6* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Đế hạ chiếu cho Thiền sư Đạo Giai ở Thập Phương Tịnh Nhân Thiền viện thuộc Tả Nhai làm trụ trì chùa Thiên Ninh. Khai Phong phủ doãn Lý Hiếu Thọ tâu xin ban cho ngài y tía và hiệu là Định Chiếu Thiền Sư. Ngài tạ ân xong, dâng biểu chối từ không dám trộm nhận ân sủng. Đế lại sai Hiếu Thọ cầm thơ có đóng ngọc tỷ đến phủ dụ, ngài nhất định không chịu. Đế nổi giận bắt ngài giam vào ngục. Hữu Ty hỏi: "Trưởng lão có bệnh ư? Nếu bệnh thì miễn tội!" Đạo Giai đáp: "Bình sinh tôi chưa từng nói dối, nay lẽ đâu cẩu thả nhận mình bệnh."

Ngài vui vẻ chịu phạt. Năm sau được tha, ngài liền dựng am ở Hồ Thượng, Phù Dung. Người học mỗi ngày một đông, Đế ban chỗ ngài ở là Hoa Nghiêm Thiền tự. Ngài họ Thôi, sinh ở Nghi Châu, ban đầu vân du đến kinh đô, ngụ ở chùa Thuật Đài, thi Hoa Nghiêm được độ làm tăng, đắc pháp và nối pháp với Thiền sư Thanh ở núi Đầu Tử. Ngày mười bốn tháng năm niên hiệu Trung Hòa năm đầu, ngài quy tịch. Đan Hà Tử Thuần ở Đặng châu nối pháp. Thuần có hai đệ tử là Chân Hiết Thanh Liễu và Thiên Đồng Chánh Giác. Cao Tông Thiệu Hưng năm thứ hai mươi bảy, Thiên Đồng ra từ biệt Minh Việt quận hầu, mồng mười tháng mười, Sư trở về chùa. Đến ngày mười một, viết thư nhờ Đại Tuệ Tông Cảo làm chủ hậu Sự, Sư ném bút quy tịch. Răng tóc và đạo cụ của ngài đều phát xá-lợi, môn nhân an táng toàn thân Sư ở Đông cốc.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Mậu Tý: Đại Quán năm thứ 2* | *Đại Liêu: Càn Thống năm thứ 8* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 7* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Sái Kinh được phong chức Thái sư. Đồng Quán được gia phong chức tuyên phủ của các lộ như: Vũ, Khang, Hy, Hà. Nội thị lộng hành từ đó. Tháng năm, Gia Phong Quán làm Kiểm hiệu Tư không, đổi qua trấn ở Thái Ninh. Từ đó, Quán cậy có công nên đặt ra quan văn, tướng võ, không coi triều đình ra gì.

Triết Tây, Hồ châu có Thiệu Tông Ích mổ con trai, trong ấy có hạt châu hiện ra tượng A-la-hán đắp y để trần vai phải, nghiêng đầu nhìn về bên trái, y phục đủ cả. Tăng tục vừa thấy vừa sợ vừa mừng, họ đem về thờ ở chùa Từ Cảm Thiên Thai ở Thành Nam. Chùa này gần khe suối, trong năm Kiến Viêm, hiến sứ Dương Ứng Thành lấy việc này làm chuyện vui nói với khách, bất giác con trai ấy nhảy ra khỏi chậu, lủi tuốt xuống suối. Về sau, suối cạn, cát trắng xóa, nhờ vậy bắt lại được, dựng lầu gác an trí nó.

Cúng Tăng nhận được vàng: Luyện Đường Cư sĩ Hồng Khánh Thiện giữ chức Giang Đông Sứ Tiết. Đêm nọ, ông qua đêm ở Mai Sơn, Trì châu. Thiền sư Ngu Khâu Tông đón ông về chùa đàm đạo suốt đêm. Hồng hỏi:

Việc cúng dường, ý chỉ nằm ở kinh nào?

Tông đáp:

Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Trong ấy ghi: “Cúng thức ăn cho một trăm người thường, không bằng cúng cho một người thiện. Cho đến cúng cho ngàn ức ba đời chư Phật không bằng cúng cho một người vô trụ vô tác vô chứng”. Bởi vô tu chứng thì chánh niệm riêng thoát, nên cúng dường cho người này thì công đức vượt hơn cúng dường chư Phật. Bởi vậy những bậc tiền bối hầu như ai cũng biết ý chỉ này.

Hồng hỏi:

Những người đó là ai?

Tông đáp:

Gần đây có Tần Thiếu Du khi bị biếm đến Đằng châu có làm bài Vãn Chương, trong đó có câu: “Ai là người cúng cho Tăng, Đạo.” Đông Pha nghe vậy liền gởi thư và tặng ông năm lạng bạc, dặn Phạm Nguyên Trường đem cúng dường Tăng, cầu phước cho Tần Thiếu Du. Đến khi Đông Pha về Bắc, đi đến Tỳ Lăng thì bệnh nặng, Thái học sinh góp tiền cúng dường Tăng ở chùa Tuệ Lâm, Đông Kinh. Tô Hoàng Môn soạn Đông Pha Mộ Chí, đầu tiên ghi lại việc này.

Hồng hỏi:

Việc nhận được vàng có gì làm bằng chứng?

Tông đáp:

Ông lẽ đâu không thấy nai kêu, yến họp bầy, bầy tôi mến khách" trong Mao Thi, Tiểu Nhã? Đãi cho ăn uống, lại còn ban cho gấm lụa đến mấy sọt, mấy thùng, nhằm biểu lộ hậu ý. Bởi chỉ cho ăn uống chưa đủ gọi là tận kính mà phải tặng thêm gấm lụa vàng bạc để tỏ lòng ân cần. Thế nên trong sớ văn cúng dường trai tăng của Tụng Đinh Tấn Công viết rằng: "Phật buông đại trí, Đạo dưỡng quần sinh, phàm muốn cứu cơn nguy ách, tất phải đặt mình trong hoàn cảnh đó. Cho nên bạch y hưởng lộc, nắm đến quyền cao Tể tướng, Đế vương ban ân là nhờ hưởng ân cao của Tiên hoàng. Áo cổn của Bổ Trọng Sơn thẳng thắn vừa lòng, bát canh của Hòa Phó Thuyết khó vừa miệng người ta. Từng ở nơi ngủ nghỉ chợt mộng thấy Thanh dung (Phật) chỉ dạy rõ ràng, khiến tâm trần nhưng liền tỏ ngộ. Nghi dung rạng rỡ, hận mình là mắt phàm nên nào đâu biết. Bởi vậy, Trí Vĩnh trọn đời cẩn thận nhưng cuối cùng bị hại xa, đến khi hại tới, chẳng ngờ lại thành nạn, phải làm tội nhân bị giải lên Tây kinh, nhưng cảm được Thánh ân liền được tha tội. Đến như Nam Duệ một lòng tận hiếu trung liệt, lỗi tự mình chuốc, oan nghiệt đâu phải do ai gây. Nhìn gia nghiệp một đời tan hoang, muôn dặm ngược xuôi, biết tìm ai che chở. Đã làm một bề tôi phụ quốc vong ân, mà tài kinh bang tế thế trọn đời cũng bị mai một. Lộ trình khởi đầu từ đất Tương, Đạo phát xuất từ Linh Sơn, ngay trong thân phiền não này chợt nhận được đồ chúng thanh tịnh, mới hay giàu có khó bảo tồn được trước sau, vinh hiển giàu sang tột bực đâu bằng vị ngon một bát canh. Đem thân quy mệnh, cung kính kiền thành, cúng dường bạch kim, sắm sửa trai nghi, dâng cúng cao Tăng thạc đức là mong báo đáp ân từ cao sâu, bảo hộ chúng Tăng chứ không có tâm gì khác. Cuối mong trời soi đến Nam quyến, ân trùm khắp Hạ lâm, tha muôn dân nơi biên địa như quỷ hưởng phước nơi trần gian, ban lộc nơi Trung hạ, suối vàng cũng được cảm ân sâu, nhất tâm đầu thành, trọn phần pháp lực".

Hồng nói:

Trước đây tôi đọc trong Danh Thần truyện, chỉ thấy hai câu chuyện áo cổn của Bổ Trọng Sơn và bát canh của Tri Phó Thuyết mà thôi, nay mới nghe đầy đủ, không ngờ họ chí thành cầu nguyện đến như thế (Theo Cảm Sơn Vân Ngọa Kỷ Đàm).

Cao tăng Minh Toản ở chùa Hoành Nhạc, tính vốn lười biếng, lại tham ăn." Lý Bí lấy làm lạ đến yết kiến ngài. Ngài khêu đống lửa lấy củ khoai chuối đưa cho Bí một nửa, Bí nói: "Người này sẽ giữ chức Tể tướng trong mười năm!".

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Sửu: Đại Quán năm thứ 3* | *Đại Liêu: Càn Thống năm thứ 9* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Pháp sư Từ Biện: Húy Tùng Gián đệ tử nối pháp đời năm thứ hai của Tứ Minh Pháp Trí. Từ năm Nguyên Phong, Nguyên Hựu đến Đại Quán, ngài trụ ở Thượng Trúc cả thảy hai mươi bốn năm sau đó lui về ở ẩn tại Thọ Thánh, Xử Châu. Ngày hai mươi bảy tháng mười hai năm này, ngài quy tịch. Đệ tử nối pháp có mười người. Trong đó Trạch Khanh, Tề Bính ở Tây Triết hoằng hóa thịnh nhất (Theo Giáo Lạc Hạnh Lục).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Canh Dần: Đại Quán năm thứ 4* | *Đại Liêu: Càn Thông năm thứ 10* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 9* | *Tây Hạ* |

Canh Dần:
Đại Quán năm thứ 4 Đại Liêu:
Càn Thông năm thứ 10Nhữ Chân:
A Cốt Đả năm thứ 9 Tây Hạ

***Tống:*** Tháng sáu cử Trương Thương Anh vào chức Tể tướng. Lúc này trời đại hạn đã lâu, đêm ấy bỗng nhiên mưa lớn. Đế tự tay viết hai chữ Thương Anh thật lớn và ban cho ông. Tháng tư năm sau, ông thôi giữ chức. Tuyên Hòa năm thứ tư, ông mất, hiệu là Vô Tận Cư Sĩ. Ngày ông trụ ở Kinh Nam thường tự học, tự tu, lãnh ngộ ít nhiều. Viên Ngộ đi thuyền đến gặp ông, hai người luận bàn ý chỉ của Hoa Nghiêm. Viên Ngộ nói:

Cảnh giới hiện lượng của Hoa Nghiêm, sự lý đều toàn chân. Đầu tiên không có giả pháp, nên một tức là vạn, tỏ vạn thành một, một lại một, vạn lại vạn, mênh mông không cùng. Tâm, Phật, chúng sinh ba nhưng không sai biệt, co duỗi tự tại, vô ngại viên dung. Đó là yếu chỉ cực tất, không bị gió thổi sóng cuộn.

Vô Tận nghe xong, bất giác chạy sát đến ngài. Viên Ngộ liền hỏi: "Đến chỗ này thì ý Tổ Sư tây lai giống hay khác?"

Ông đáp:

Giống.

Viên Ngộ nói:

Chẳng dính dáng!

Ông tỏ vẻ giận. Viên Ngộ nói:

Ông không thấy.

Vân Môn nói: "Núi sông đại địa chẳng mảy may lỗi lầm". Đây vẫn là câu chuyển ngữ, hễ chẳng thấy một sắc, đó mới là bán đề, cần phải biết có hướng thượng toàn đề thời tiết. Đức Sơn, Lâm Tế kia chẳng phải toàn đề đó ư?

Ông nghe vậy gật đầu. Sáng sớm hôm sau, hai người cử lại sự pháp giới, lý pháp giới, đến lý sự vô ngại pháp giới, Viên Ngộ lại hỏi:

Đến chỗ này có thể nói thiền được không?

Ông đáp: "Chính là lúc nói Thiền". Viên Ngộ cười nói: "Không đúng! Đây chính là ở trong pháp giới lượng, bởi vì pháp giới lượng chưa diệt. Nếu đến sự sự vô ngại pháp giới thì pháp giới lượng mới diệt, lúc đó mới chính là lúc nói Thiền. Thế nào là Phật? Que phân khô! Thế nào là Phật? Ba cân mè! Cho nên Chân Tịnh có bài kệ:

*Sự sự vô ngại, như ý tự tại*
*Tay cầm đầu heo, miệng tụng tịnh giới*
*Bước khỏi phường dâm, chưa trả tiền rượu*
*Ngay ngã tư đường mở toang bị vải.*

Vô Tận nghe xong khen: "Hay thay! Lời này đâu dễ được nghe!" La Hồ tán rằng: "Ôi! Viên Ngộ dung thông Tông giáo đến như vậy, nếu chẳng phải tông, thuyết đều thông thì làm sao nói được như thế." (Theo Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục).

***Thiền sư Viên Ngộ:*** Sư họ Lạc, húy Khắc Cần, người Bành châu, ngụ chùa Chiêu Giác, phủ Thành Đô, Tây Xuyên. Gia thế Sư theo đạo Nho, lúc nhỏ mỗi ngày đọc thuộc cả vạn lời, nhân đến chùa Diệu Tịch dạo chơi, thấy kinh Phật liền cảm kích và xuất gia. Sư được ngài Tự Tỉnh thế phát, theo Pháp sư Văn Chiếu học thông giảng thuyết, theo ngài Mẫn Hạnh học Lăng-nghiêm. Sư rời đất thục, đầu tiên yết kiến Thiền sư Ngọc Tuyền, kế đến y chỉ Thiền sư Kim Loan Tín, Đại Quy Triết, Hoàng Long Tổ Tâm, Đông Lâm Thường Tổng. Ai nấy đều khen ngợi Sư. Hối Đường nói: "Ngày sau cả tông Lâm Tế đều thuộc về ông." Sau cùng Sư đến Kỳ châu, yết kiến Thiền sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ, lãnh hội hết yếu chỉ. Lúc này là năm Sùng Ninh, Sư về lại quê nhà. Thành đô súy hàn lâm Quách Tri Chương thỉnh Sư khai pháp ở chùa Lục Tổ rồi chùa Chiêu Giác. Đầu năm Chính Hòa, Sư gác mọi chuyện

lại vân du đến Thiển Nam. Lúc này Vô Tận Cư Sĩ Trương Thương Anh ngụ ở Kinh Nam. Sư đến gặp cùng luận bàn Hoa Nghiêm, Vô Tận kính tín đảnh lễ và giữ Sư ở lại Bích Nham. Sau Sư dời qua Đạo Lâm. Khu mật Đặng Tử Thường tâu Đế xin ban cho Sư y tía và hiệu. Đế xuống chiếu thỉnh Sư trụ ở Tưởng Sơn, Kiến Khang, ban sắc lệnh bổ nhiệm Sư vào chùa Vạn Thọ ở Thiên Ninh, Biện kinh. Đế triệu Sư đến ban thưởng rất hậu. Đầu năm Kiến Viêm, Sư dời về Kim Sơn ở Trấn Giang. Gặp lúc Cao Tông xa giá đến Dương châu, triệu Sư vào ứng đối, ban cho Sư hiệu Viên Ngộ Thiền Sư. Sư dời về Vân Cư ở Gianh Tây, được thời gian lâu lại về lãnh chúng ở Chiêu Giác. Tháng tám năm Thiệu Hưng năm thứ năm, đời Cao Tông, Sư có chút bệnh, ngồi kiết già, viết kệ từ biệt chúng rồi ném bút thị tịch. Môn nhân trà-tỳ, lưỡi và răng của Sư không cháy, xá-lợi ngũ sắc vô số, tháp được dựng bên cạnh chùa Chiêu Giác, Đế ban thụy Chân Giác Thiền Sư. Sư nối pháp Ngũ tổ Pháp Diễn, Diễn nối pháp Bạch Vân Thủ Đoan, Đoan nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên đều thuộc dòng Lâm tế.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Tân Mão: Chính Hòa năm đầu* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm đầu* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 10* | *Tây Hạ* |
| *Nhâm Thìn: Chính Hòa năm thứ 2* | *Thiên Khánh năm thứ 2* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 11* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Thái sư Sở Quốc Công Sái Kinh rất khoái ăn thịt chim thuần, thường nuôi sẵn trong lồng nướng ăn. Ông từng mộng thấy mấy ngàn chim thuần đến trước mặt ông chửi mắng. Có một con lên tiếng:

*Cơm đầy trong bát ông*
*Thịt đầy dưới đũa ông*
*Bát canh mấy trăm mạng*
*Sống chết xoay vòng vòng*
*Xem ông thọ ngàn tuổi*
*Họa phước nằm bên hông.*

Sái kinh hoảng sợ. Mùa thu tháng chín, Tống đế đổi chức Thái tể, Thiếu tể thành Tả Hữu bộc xạ.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Quý Tỵ: Chính Hòa năm thứ ba. Mùa xuân tháng ba, Vương An Thạch được tiến cử làm Thư Vương* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 3* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 12* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Đại sư Tịnh Trí Tuệ Quang trụ trì Diệu Tuệ ni tự ở Đông Đô. Ngài họ Phạm, sinh ở Thành Đô. Người soạn sách lấy hiệu Đường Giám chính là thúc phụ của ngài. Năm nay, Đế từ trong cung mang pháp y ca-sa ban cho các vị Trưởng lão, Thiền sư, ngài cũng tham dự. Nhân đó, Đế thỉnh các vị thuyết pháp, ngài được lên tòa sau cùng. Lên tòa hỏi đáp xong, ngài quay lại nói với đại chúng: "Nếu luận về nói thiền nói đạo thì các đại Thiền sư đã nói hết rồi, đến chỗ này bảo Sơn tăng nói gì đây chứ! Các ông lẽ đâu không thấy Tiên đức nói: "Ngàn thứ muôn lời tỏ bày là muốn dạy cho các ông thường đừng mê muội." Tuy là như thế nhưng rốt cuộc phải làm thế nào?" ngài liền đội pháp y lên đầu. Giây lâu nói: "Áo nạp che đầu thôi muôn việc, lúc này Sơn tăng chẳng hiểu gì!" Nói xong, ngài xuống tòa. Khi đó thính chúng đến hơn một vạn Tăng tục, không ai không thán phục ngài. Vì vậy, xá nhân Hàn Tử Thương viết bài minh trên tháp, tôn xưng ngài là bậc nghe nhiều, giỏi biện. Tháp được dựng ở cao nguyên Thánh Tướng thuộc Tây Sơn, Dự châu.

***Tống:*** Tháng tư, ở Gia châu Tây Thục đến tâu: "Gió đánh gãy đại thụ khô, trong đó có vị Tăng đang nhập định, râu tóc móng tay móng chân quấn kín quanh thân! Đế sai đưa về kinh đô. Mùa thu tháng tám, nghinh vào cấm cung. Dịch kinh viện Tam tạng Đại sư Kim Tổng Trì đánh khánh vàng, người ấy nghe liền xuất định, nói: "Tôi là Tuệ Trì em của Pháp sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm, nhân vân du núi Nga My, vào nhập định trong gốc cây này, Viễn Công vẫn mạnh khỏe chứ?" Tam tạng đáp: "Viễn Công là người thời Đông Tấn quy tịch đã bảy trăm năm rồi!" Tuệ Trì nghe vậy không nói gì. Tam tạng hỏi tiếp: "Nay ngài muốn về đâu?"Trì đáp: "Huyện Trần Lưu". Nói xong, ngài nhập định lại. Đế theo lời, an táng ngài ở huyện Trần Lưu. Đế sai thêu tượng ngài, ban hành khắp thiên hạ, ngự chế ba bài tán:

*Bảy trăm năm trước hiện cơ phong*

*Nhập yên trong định mấy ai hay*
*Khác nào quảy dép về Tây đó*
*Sinh tử lẽ đâu vướng thân này,*
*Ẩn ở núi khe ẩn cả thân*
*Thiên hạ không ẩn đạo tiến gần*
*Đâu chỉ Trang Chu thôi nghĩ nghị*
*Trong cây chẳng phải phụ hậu nhân,*
*Thân hữu tình chẳng phải vô tình*
*Nhập thân trong định dứt sở năng*
*Hiểu được Bồ-đề bổn vô thụ*
*Chẳng cần lao nhọc hỏi Tuệ Năng.*

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Giáp Ngọ: Chính Hòa năm thứ 4* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 4* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 19. Mùa thu tháng tám phản nước Liêu* | *Tây Hạ* |

***Nhữ Chân:*** Tức nước Kim, vốn người Tân La, lấy hiệu là Hoàng Nhan thị. Hoàng Nhan giống như Hán gọi là Vương. Họ nhiều đời làm tù trưởng, làm quan cho Đại Liêu ngót hai trăm năm, được thế tập chức Tiết độ sứ. Từ Kham Phước xuống đến đời năm thứ tư, họ lấy con gái của Nhữ Chân sinh được hai người con. Con trưởng là Hồ Lai, Hồ Lai sinh được ba con. Con trưởng là Hạch Lý, con kế là Bồ Thích Thúc, con út là Dương Cát sinh được ba con, con trưởng là A Cốt Đả, con thứ là Ngô Khất Mã, con út là Tư Cải. Tư Cải sinh ra Niêm Hãn. Dòng Nhữ Chân đến Dương Cát Thái sư thì mới xưng hùng các bộ tộc. Năm Bính Tý, Tiêu Giải Lý cướp phá các bộ tộc, Liêu vây bắt bèn chạy đến địa phận của Sinh Nhữ Chân. Liêu lệnh cho Dương Cát phải đánh giết. Dương Cát chỉ chém đầu Giải Lý, sai con trưởng dâng thủ cấp cho Liêu. Từ đó, Dương Cát trong lòng cậy có công, âm mưu phản nghịch. Dương Cát chết. Năm mà A Cốt Đả lên kế ngôi cũng vừa lúc Liêu chủ Thiên Tộ ngang ngược tàn ác, trên dưới hoang dâm. Thừa Tướng Lý Nghiễm, Tiêu Phụng Tiên tham lam vô độ. A Cốt Đả thừa hưởng Sự giàu sang sung túc của cha là Dương Cát nên binh mạnh, ngựa khỏe, bèn có y đồ mưu phản. Trước đây, địa phận của Nhữ Chân đông bắc tiếp giáp với Ngũ quốc, phía Đông của Ngũ quốc nối liền biển lớn. Nơi đây sản

sinh loài chim ưng từ biển bay vào. Người ta thường gọi nó là Hải đông thanh. Giống chim này tuy nhỏ nhưng nhanh nhẹn lạ thường, có thể bắt sống được ngỗng vịt. Móng chân nó cứng sắc hơn những loài chim khác. Người nước Liêu rất thích. Thiên Tộ lên nối ngôi, bắt triều cống còn hà khắc hơn, bắt dân ở đây phải bắt hết loài chim ưng để dâng hiến. Nhữ Chân phải đến Ngũ quốc đánh nhau mới bắt được. Dân chúng oán thán. Các tướng soái ở biên cảnh ngày nào cũng phát hịch sai người đến đòi lễ vật. Các bộ tộc oán hận, muốn phản nước Liêu, ngầm cấu kết với A Cốt Đả dấy binh làm loạn. Đến mùa thu tháng tám năm Giáp Ngọ, A Cốt Đả bắt đầu khởi binh, dùng Niêm Hãn, Hồ Xá làm mưu sĩ; Ngân Mộc Cát; Di Liệt Lâu, Túc Xà Mẫu vv... làm tướng soái, đem hai ngàn giáp mã đánh vào phủ Ninh Giang ở phía Đông Hỗn Đồng Giang. Thiên Tộ sai tướng đem binh đi chặn nhưng đều thất bại, cuối cùng mất Ninh Giang châu. A Cốt Đả đang dẫn binh đánh tới. Mùa thu tháng tám năm Ất Mùi, Liêu chủ Thiên Tộ hạ chiếu thân chinh. Tộ dẫn quân đi từ Trường Xuân. Đêm nọ, gươm giáo trong quân bỗng phát sáng, khi ấy Quách Sùng Thao bảo: "Lửa ra binh vào đó là điềm phá giặc." Thiên Tộ nghe nói vui mừng tin ngay. Tháng mười một, Tộ dẫn binh đánh với Nhữ Chân nhưng bị đại bại, một ngày một đêm chạy đến năm trăm dặm, đành lui về giữ Trường Xuân. Nhữ Chân thừa thắng thôn tính Bột Hải, Liêu Dương vv... cả thảy năm mươi bốn trường châu. (Trường Bạch Sơn, Hỗn Đồng Giang thuộc Hàm Bình phủ, Khai Nguyên lộ, Liêu Dương ngày nay).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Ất Mùi:*<br>*Chính Hòa năm thứ năm. Tháng hai, lập Định Vương Tương làm hoàng Thái tử* | *Đại Liêu:*<br>*Thiên Khánh năm thứ 5* | *Nhữ Châu:*<br>*A Cốt Đả năm thứ 14* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Tháng tư, Pháp sư Minh Trí Trung Lập ở viện Diên Khánh, Minh châu quy tịch. Lập nối pháp của Thần Trí Giám Văn. Văn nối pháp của Quảng Trí Thượng Hiền. Ba đời đều kế thế trụ trì Tổ Đình Diên Khánh, đến Trung Lập thì đạo pháp càng thịnh. Triều Thuyết Chi

viết bài minh trên tháp.(Theo Tổ Đình Tháp Minh).

***Tống:*** Pháp sư Vĩnh Đạo ở viện Hương Tích, Tả Nhai được Đế ban hiệu Bảo Giác Đại Sư (Theo Đạo Tam Tạng Pháp Sư truyện).

***Thiền sư Tử Tâm:*** Sư họ Vương, húy Ngộ Tân, người Thiều châu, ngụ ở núi Hoàng Long, Hưng Long phủ. Lúc sinh ra đã có cục thịt màu tía nổi cao trên vai trái của Sư, vai phải để trần, giống như đắp y Tăng-già-lê. Lớn lên, Sư xuất gia với ngài Đức Tu ở viện Phật-đà, thọ Cụ túc, du phương yết kiến Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm, lãnh ngộ pháp yếu, nối pháp Hối Đường. Lúc này, ngày mười ba tháng mười hai năm Ất Mùi, Sư thị tịch. Môn nhân trà-tỳ, xá-lợi ngũ sắc vô số. Về sau có người ngang qua nơi trà-tỳ ấy nhặt được rất nhiều xá-lợi dựng tháp Sư ở phía Bắc trượng thất của Hối Đường.

***Thiền sư Trạm Đường Văn Chuẩn:*** Sư họ Lương, húy Văn Chuẩn, người Hưng Nguyên, ngụ ở Bột Đàm, phủ Long Hưng. Sau khi thọ Cụ túc, Sư du phương yết kiến Thiền sư Chân Tịnh Văn, hầu hạ mười năm. Một hôm, Sư dùng gậy khơi mương, nước văng lên áo, hoát nhiên đại ngộ. Hiển Mô Lý Cảnh Trực làm Thái thú Dự Chương thỉnh Sư khai pháp ở Vân Nham, rồi dời về Bột Đàm. Đến lúc này, ngày hai mươi lăm tháng mười năm Chính Hòa năm thứ năm, Sư thay áo, nói kệ và thị tịch. Lúc trà-tỳ, tròng mắt, răng, chuỗi hạt của Sư không cháy. Xá-lợi sáng sạch, trong suốt. Môn nhân dựng tháp phía Bắc Nam Sơn. Vô Tận Cư sĩ Trương Thương Anh soạn bia ghi hành trạng. Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo lúc còn làm Thiền khách từng thỉnh Sư. Sư nối pháp Thiền sư Chân Tịnh Văn, Văn nối pháp Hoàng Long Tuệ Nam.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Bính Thân: Chính Hòa năm thứ 6* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 6* | *Nhữ Chân: A Côt Đả năm thứ 15* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Mùa thu, mồng một tháng chín, Luật sư Linh Chi Nguyên Chiếu ở Hàng châu quy tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi mốt hạ. Môn nhân an táng ngài ở phía tây bắc chùa Linh Chi thụy là Đại Trí. Lưu Đảo viết bài minh trên tháp. Quang Diễn soạn văn bia thuật hành trạng của ngài. Tôn Địch lập bia. Ngài họ Đường, tự Trạm Nhiên, người Dư Hàng. Luật tạng khởi nguyên từ Phật chế, từ Văn-thù về sau chưa sai một chữ. Ưu-ba-ly kết tập không dám thêm một lời. Ba

cõi mười phương, trời người, vô lượng Thánh chúng đều cùng phụng hành. Có thể nói giới, luật rất nghiêm. Như lễ nhạc hay việc chinh phạt ở đời đều do Thiên Tử đặt ra, công hầu khanh tướng sĩ đại phu một mực tuân theo. Đến khi đại pháp truyền về Đông, chỉ có Luật là chưa sáng tỏ, người học đánh mất mình. Đường Thái Tông trong năm Trinh Quán, đại Luật sư Trừng Chiếu Đạo Tuyên ở núi Chung Nam Vĩnh Hưng soạn giới sớ, yết-ma sớ sự sao, mở rộng Tứ Phần Luật, hoằng truyền đến bốn trăm năm, gần sáu mươi nhà thích nghĩa. Trong đó, Luật sư Đại Chiêu Khánh Doãn Kham soạn Hội Chánh Ký. Chỉ có bộ này là rốt ráo nhất. Sau cùng Linh Chi Đại Trí Nguyên Chiếu dùng Pháp Hoa để khai mở ý Viên Hiển, soạn Tư Trì Ký. So với Hội Chánh Ký, bộ này tuy có khác nhưng cùng kết quy về một mối, đề cao và làm sáng tỏ nguyên ý của Đạo Tuyên, trên thì hợp với điều Phật chế. Từ đó Hội Chánh Ký và Tư Trì Ký lại chia thành Tông, giống như chẻ cây gậy vàng nhưng không đánh mất bản chất của vàng bởi vì giới thể vô tác lẽ đâu phân chia được ư!

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Đinh Dậu: Chính Hòa năm thứ bảy. Hạ chiếu đổi Tiết Độ Quán Sát Sứ Lưu Hậu làm Thừa Tuyên Sứ* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 7* | *Nhữ Chân: A Cốt Đả năm thứ 16* | *Tây Hạ* |

***Lâm Linh Tố:*** Người Ôn châu, rất giỏi phù chú và Lôi Công pháp. Ban đầu, ông đi lại lung tung ở vùng Túc, Hào, Hoài, Tứ xin ăn khắp chùa, Tăng chúng rất khinh khi. Ông đến Sở châu, đánh nhau với Thích Tuệ Thế, kéo ra kiện tụng ở cửa quan. Quan phủ là Thạch Trọng rất thích ông vì tài nói năng biện luận lanh lợi và đưa ông ra nhà khách của công đường hỏi về thuật Thổ nạp, Thiêu luyện, Phi thăng. Đến lúc này, tháng giếng năm Chính Hòa năm thứ bảy, Trọng dẫn ông về kinh yết kiến Tể tướng Sái Kinh. Sái Kinh dẫn ông đến ra mắt Tống đế. Ông la lớn: "Trên trời có Thần Tiêu Vương Thanh phủ do Trường Sinh đế quân cai quản. Em ông ấy là Thanh Hoa đế quân, đều là con ngọc đế. Kế đó có tả tướng Tiên Bá cùng Thư Phạt Tiên Lại là Chử Tuệ, cả thảy hơn tám trăm quan. Bệ hạ chính là Trường Sinh đế quân, Sái Kinh chính là Tể tướng Tiên Bá còn Tố này chính là Chử Tuệ." Tống đế vui vẻ

tin ngay, ban cho Lâm Linh Tố hiệu Kim Môn Vũ Khánh, dựng Thông Chân Cung cho ông ở. Đế tự gọi mình là giáo chủ đạo quân Hoàng Đế. Tháng hai, đế xuống chiếu cho cả nước đổi Thiên Ninh quán thành Thần Tiêu Vương Thanh Vạn Thọ cung. Nơi nào không có Thiên Ninh Quán thì lấy chùa thay thế. Trong quán dựng tượng Trường Sinh đại đế quân, Thanh Hoa đại đế quân, xây Bảo lục cung đặt ra khoa đạo học. Tuyên Hòa năm đầu, Đế dựng xong hết Cung quán. Tháng mười một, thả Lâm Linh Tố về Ôn Châu rồi giết. (Theo Đông Đô Sự Lược Đế Kỷ).

Thiền sư Linh Nguyên Phật Thọ ở núi Hoàng long, phủ Long Hưng: Sư húy Duy Thanh, đắc pháp với Hối Đường. Đến lúc này, mùa thu ngày mười tám tháng chín, Sư quy tịch, Sự nối pháp Thiền sư Hối Đường Bảo Giác Tâm. Nối pháp của Sư có Tuệ Cổ, Đức Phùng, Thủ Thị đều là đệ tử thượng thủ. Lúc này, Y Xuyên Cư sĩ, Từ Sư Xuyên, Chu Thế Anh, Hồng Câu Phụ đều theo Sư hỏi đạo. (Theo Tấn Đăng Lục).

***Thiền sư Phật Giám Trí Hải ở Biện kinh:*** Sư họ Uông, húy Tuệ Cần, quê ở Thư châu. Từ nhỏ Sư học thông Phật lý, thi cử mà được độ làm Tăng. Nhân đọc kinh Pháp Hoa đến câu: "Phật nói chỉ một sự thật này, nếu hai thì không phải pháp vị chân thật" mà tỉnh ngộ. Sư vào đạo tràng của Ngũ tổ Pháp Diễn, lãnh ngộ pháp yếu và nối pháp. Thư châu Thái thú Tôn Đỉnh Thần thỉnh Sư trụ ở Thái Bình, đạo pháp rất thịnh. Đầu năm Chính Hòa, Đế xuống chiếu thỉnh Sư trụ ở Trí Hải Thiền tự thuộc Biện kinh. Được năm, Sư xin đi. Đế lại xuống chiếu cho Sư trụ ở Kiến Khang Tưởng Sơn. Khu mật Đẳng Tử Thường tâu xin Đế ban y tía và hiệu cho Sư. Đến lúc này, mồng tám tháng chín năm Chính Hòa năm thứ bảy, Sư thượng đường nói: "Tâm ấn của Tổ sư giống như con trâu sắt bằng máy, đang đi ấn liền đứng, đang đứng ấn liền phát cho dù chẳng đi chẳng đứng cũng chưa phải là nơi hành cước của thiền tăng. Vậy đâu là chỗ hành cước của Thiền tăng? Đợi tới tháng mười ta sẽ quyết nghi cho các ông." Đến mồng tám tháng mười Sư tắm rửa, thay áo, ngồi ngay thẳng, cầm bút viết thư từ biệt một số bạn bè cũ, viết được mấy tờ, Sư dừng bút rồi tịch. Môn nhân trà-tỳ thâu linh cốt xá-lợi, dựng tháp bên trái chùa. Nối pháp của Sư có Thủ Tuẫn. Tuẫn họ Thi, quê Hồ châu, trụ ở Thiên Ninh, Hà Sơn, hiệu là Phật Đăng Thiền Sư. Đến năm Thiệu Hưng năm thứ sáu cũng vào mồng tám tháng mười, Sư quy tịch. Thông Phán Song Hòe Cư sĩ Trịnh Tích, Đãi Chế Dương Không Cư Sĩ Phan Lương Quý theo Sư học hỏi và lãnh ngộ rất nhiều.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Mậu Tuất: Trùng Hòa năm đầu* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 8* | *Đại Kim: A Cốt Đả xưng Đế, niên hiệu Thiên Phụ năm đầu* | *Tây Hạ* |

**Tống Đế:** Dựng Thọ Sơn Cấn Nhạc ở Biện Kinh, đến mùa thu tháng bảy năm này hoàn thành, đặt tên là Hoa Dương cung. Tăng Tổ Tú người Lạc huyện, Hán châu, Thục quận, tự Tử Chi, đầu năm Tỉnh Khang đời Khâm Tông từng vân du nơi này, có làm bài ký Hoa Dương cung ghi lại sơ lược những việc ở Đông Đô. Tú từng gom tập yếu chỉ Phật pháp trong cuộc luận nghị của Văn Trung Công (Dương Tu) với Thiền sư Viên Thông Cư Nột làm thành Âu Dương Ngoại Truyện. Hậu Hồ Cư sĩ Tô Tường viết lời tựa. Cao Tông năm Thiệu Hưng năm thứ hai, đệ tử của Sư là Đàm Vận, Trọng Hoằng gom tập những lời giảng dạy của Sư thành truyện, soạn sớ sao ba quyển, Nhữ Âm Vương Chí lại viết lời tựa nữa. Hữu tướng Ngụy Quốc Công Trương Tuấn cùng viết lời bạt, san định và ban hành khắp nước. Tú soạn Phật Vận Biên Niên Thông Luận, Thống Kỷ. Tổ Tú hiệu là Thạch Thất.

***Đại Kim:*** Tức Nhữ Chân. A Cốt Đả lập quốc xưng đế, Liêu Chủ Thiên Tộ ở kinh đô nghe binh của Yên Vương bị bại, quân của Nhữ Chân vào đến Tân châu, Liêu chủ ngày đêm lo sợ. Mùa thu năm ấy, Nhữ Chân lấy hơn năm mươi thành ở phủ Hoàng Long Đông Kinh. Lúc này có Dương Phác, người Thiết châu, Liêu Đông, vốn là bộ tộc lớn ở Bột Hải, đỗ tiến sĩ, nhiều lần giữ chức hiệu thứ lang. Trước đây có một người Bột Hải tên là Cao Vĩnh Xương giết Đông Kinh Thái thú của Liêu là Tiêu Bảo Tiên rồi tự xưng là Bột Hải Quốc Hoàng Đế, chiếm cứ hơn năm mươi châu ở Liêu Đông. Liêu chủ sai tướng là Trương Lâm đem binh thảo phạt. Lâm đại bại. Nhữ Chân phá quân Bột Hải, chém đầu Cao Vĩnh Xương đem về hàng Dương Phác, được Phác trọng dụng, Phác khuyên A Cốt Đả xưng đế, đổi niên hiệu Thiên Phụ, lấy họ Vương tên là Mân. Nước này sản sinh ra vàng, nên lấy quốc hiệu Đại Kim. Phác lại nói với A Cốt Đả: "Từ xưa anh hùng khai quốc đều nhận ngôi, trước phải cầu phong sách của Đại quốc." Mùa Thu tháng tám, A Cốt Đả sai người đến Liêu chủ Thiên Tộ cầu phong sách. Phong sách gồm mười việc:

1. Huy hiệu Đại Thánh Đại Minh Hoàng Đế.

2. Quốc hiệu Đại Kim.

3. Xe ngọc (Ngọc lộ).

4. Mũ cổn (Cổn mạo).

5. Quốc bảo ngự tiền khắc bằng ngọc (Ngọc tỷ).

6. Huynh đệ thông vấn.

7. Sinh thần Chánh đán khiển Sứ.

8. Mỗi năm thâu vàng lụa hai mươi lăm vạn cây, chia làm hai, Nam Tống mỗi năm phải tặng cho họ một nửa.

9. Cắt hai lộ Trường Xuân, Liêu Đông.

10. Đưa Nhữ Chân A Cốt Sản Triệu Tam Đại Vương về Kim.

Thiên Tộ giao cho quần thần bàn bạc. Tiêu Phụng Tiên vui mừng nghĩ rằng từ đây hết lo nên sai Tỉnh giang quân Tiết độ sứ Tiêu Tập Liệt, Hàn lâm học sĩ Dương Miễn xung vào chức quan phong sách sứ; Phó Quy châu quán sát sứ Trương Hiếu Vỹ, Thái thường Thiếu khanh Vương Phủ xung vào chức Thông vấn; Phó sứ vệ úy thiếu khanh Lưu Thực làm quản áp lễ vật. Tướng tác thiếu giám Dương Chủ Trung làm độc sách sứ. Họ sắm đủ mũ cổn, mũ mạo, ngọc sách, kim ấn, xa lộ những vật thuộc về pháp giá của Thiên Tử để sách phong A Cốt Đả làm Đông hoài quốc chí thánh chí minh Hoàng Đế. Lời văn trong sách phong đại lược ghi: “Mến thay! Nơi họ Tiêu thận trọng (Tiêu Phụng Tiên) thật là lẽ thường nhằm bảo hộ cả đôi bên (Liêu và Kim). Đất đai rộng đến Thượng Kinh, nhân tài rải khắp Trung Khâm, may có núi nọ sông kia đều nhờ Tổ phụ để lại. Mây xanh đồng ruộng, đương nhiên sinh bậc tài cao (Cừ tài). Tuyết phủ sương bay, lẽ phải đủ đầy xa giá. Tấu chương nhiều lần gởi, thật có ý giao hảo. Nghĩ đến hương xa, phải hợp với phúc nhiều, thế nên sai bọn Tiêu Tập Liệt cầm cờ tiết, sắm lễ vật, sách phong làm Đông Hoài Quốc Chí Thánh Chí Minh Hoàng Đế. Nghĩa tình thâm giao, đất chia trù phú. Than ôi! Răn thay! Kính thay! Hay tin huy hiệu tâu xin do phạm húy Tổ hiệu nên đổi thành Chí Thánh Chí Minh, những việc khác đều chấp nhận cả.”

Đoàn sứ giả khởi hành từ tháng mười, mùa Đông tháng mười hai thì tới nước Kim. Trong tháng này, A Cốt Đả truy tôn ông Tổ năm thứ chín của mình tên Khám Phước với thụy là Cảnh Nguyên Hoàng Đế, hiệu Thỉ Tổ. Tổ năm thứ tám, tên Ngoa Lỗ với thụy là Đức Hoàng Đế. Tổ năm thứ bảy, tên Dương Hải với thụy là Am Hoàng Đế. Tổ năm thứ sáu, tên Tùy Khoát với thụy là Định Chiêu Hoàng Đế, hiệu Hiến Tổ. Tổ năm thứ năm, tên Thật Lỗ với thụy Thành Tương Hoàng Đế, hiệu Chiêu Tổ. Tằng tổ Thái sư tên Hồ Lai với thụy Tuệ Hoàng Đế, hiệu

Cảnh Tổ. Cha là Thái sư tên Dương Kha với thụy là Hiếu Bình Hoàng Đế, hiệu Mạc Tông. Phi hậu đều được truy phong thụy hiệu.

A Cốt Đả bày lễ nghi vật dụng của sứ nước Liêu cho Dương Phác xem, Phác cho rằng lễ nghi vật dụng ấy không phải thứ nào cũng là phép chế của Thiên Tử. Phong làm Đông Hoài Quốc là có ý ôm đức mình cai quản một bang nhỏ, mà không có sách phong như anh em. Nói "hương xa phải hợp với kẻ phúc nhiều" không phải là lời hay ý đẹp. Cung đỏ voi xe là lễ nghi của chư hầu. Hai chữ tài cao là có ý khinh nhờn. Phác nói với Tập Liệt quay về đổi lời văn trong sách phong. Tập Liệt nói: "Anh em bè bạn kính nhau, phác xuất từ Chu thư. Nói giao hảo thì cái ý anh em cũng thấy có trong ấy rồi. Bọn Dương Phác vạch mặt cho là không phải. A Cốt Đả nổi giận hét, đuổi sứ ra, muốn chém ngang lưng hết, các tù trưởng của Niêm Hãn tạ lỗi thay họ, bọn họ thoát chết nhưng mỗi người phải chịu hơn trăm roi. Đến tháng ba năm sau, vua Kim chỉ cho Tiêu Tập Liệt, Dương Lập Trung trở về bẩm rằng: "Sách văn ta chẳng hiểu được, huy hiệu quốc hiệu, xe ngọc, ngự bảo ta đều có cả. Phải xưng ta là Đại Kim Quốc Hoàng Đế huynh mới được. Nếu chịu nghe ta thì mùa thu năm này đến trước ba quân bằng không thì ta xua quân vào lấy Thượng kinh vậy."

Thiên Tộ ghét nghe việc của Nhữ Chân. Tiêu Phụng Tiên lựa lời cân nhắc nhưng Tộ vẫn không nghe. Sự việc kéo dài được thời gian thì nghe tin Thượng kinh đã bị phá, hòa nghị cũng bị dẹp, sau này Thiên Tộ tuy có nói đến hòa nghị nhưng A Cốt Đả chẳng trả lời.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Kỷ Hợi: Tuyên Hòa năm đầu* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 9* | *Đại Kim: Thiên Phụ năm thứ 2* | *Tây Hạ: Nguyên Đức năm đầu* |

***Tống:*** Tháng hai, Đế hạ chiếu đổi Phật thành Đại Giác Kim Tiên, ngoài ra Bồ-tát đều được gọi là Tiên Nhân Đại sĩ. Tăng thì gọi là Đức sĩ, Ni thì gọi là nữ Đức sĩ, chùa thì gọi là cung, viện thì gọi là quán, cấm dùng não bạt bằng đồng, ban cho Phật y phục của Thiên Tôn. Đức sĩ mặc y phục của đạo giáo, đội mão, cầm hốt. Đại sư Bảo Giác Vĩnh Đạo ở viện Sùng Tiên Hương Tích thuộc Tả Nhai ở Kinh đô dâng thư can rằng: "Từ xưa, Phật pháp thịnh suy cùng vận nước. Nguyên Ngụy Thái Vũ đế tin bọn Thôi Hạo hủy diệt Phật pháp, không đầy năm, sáu năm Thôi Hạo bị tru di, Văn Thành đế chấn hưng lại Phật pháp. Chu

Vũ đế tin bọn Vệ Nguyên Tung tàn diệt Phật pháp không đầy sáu, bảy năm Nguyên Tung bị đày rồi chết thảm, Tùy Văn đế lại chấn hưng Phật pháp. Đường Vũ Tông tin bọn Lý Đức Dụ, Lý Quy Chân hủy diệt Phật giáo, không đầy một năm Quy Chân bị giết, Đức Dụ trốn rồi cũng chết ở Chu Nhai, Tuyên Tông lại chấn hưng Phật giáo. Đất nước ta, từ Thái Tổ Hoàng Đế, Thái Tông Hoàng Đế, liệt Thánh đều lấy việc dịch kinh, thi Tăng mà lưu hành Phật pháp, làm thành thông lệ cho muôn đời noi theo." Đế nổi giận đàyVĩnh Đạo đến Đạo châu. Ở nơi tù đày, nhưng Vĩnh Đạo vẫn trai giới nghiêm chỉnh như thường nhật. Trước đây, Vĩnh Đạo thường sang Tây Thiên thọ học Chân Ngôn Quỹ Phạm (Mật chú) với Tam tạng Tổng Trì, khi ấy gặp lúc dân quân phần đông bị dịch bệnh, ngài trì chú vào nước và cho họ uống, ai nấy đều hết bệnh. Tháng ba nước ngập lai láng khắp đường xá ở kinh đô, triều đình ủy thác cho Lâm Linh Tố làm cho nước rút nhưng nước ngày càng dâng cao, vua tôi đến lo sợ. Tăng-già Phổ Quang Vương ở Tứ Châu hiển linh trong cung cấm, Đế đốt hương quy kính, thấy Tăng-già chống trượng lên thành, nước liền rút cạn, vua dân đều vui mừng. Tháng mười một, Đế đưa Lâm Linh Tố về Ôn châu. Mùa thu tháng chín năm Tuyên Hòa năm thứ hai, Đế hạ chiếu khôi phục lại danh hiệu Phật. Đức sĩ được đổi lại thành Tăng, Vĩnh Đạo cũng được cất nhắc đưa về quận gần kinh đô. Năm Tuyên Hòa năm thứ bảy, Đế hạ chiếu cho Vĩnh Đạo về kinh đô, cho làm Sa-môn lại, triều đình nêu cao tinh thần hộ pháp của ngài, nghĩ đến tâm chí thành vì đạo của ngài, nên Đế đổi húy của ngài là Pháp Đạo, thỉnh trụ Chiêu Tiên viện ở Chiêu Khánh đồng thời nhận chức viện chủ viện Thích-ca ở Hiển Thánh, Hữu Nhai. (Theo Đông Đô Sự Lược, Đạo Tam Tạng Bản Truyện).

Tháng tư, nước Kim đánh phá nước Liêu, ở Thượng Kinh lộ, Tổ châu thì có Thiên Thiện Đường của Thái Tổ. Ở Hoài châu thì có Sùng Nguyên điện của Thái Tông Đức Quang. Ở Khánh châu thì có ba điện là Vọng Tiên, Vọng Thánh, Thần Nghi. Trước đây, họ còn phá điện đường ở Càn châu, Hiển châu vv... như Ngưng Thần điện, An Nguyên Thánh Mẫu điện, Thế Tổ điện ở Mộc Diệp Sơn, cùng các lăng tẩm, ảnh đường của hoàng phi, Thái tử, vương tôn. Quân Kim thiêu đốt, đập phá, đào bới để lấy vàng bạc châu ngọc. Quan địa phương tâu lên, nhưng Tiêu Phụng Tiên giấu nhẹm không cho Đế biết. (Theo Liêu Chí).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Canh Tý: Tuyên Hòa năm thứ hai. Khôi phục lại danh hiệu tăng và Phật* | *Đại Liêu: Thiên Khánh năm thứ 10* | *Đại Kim: Thiên Phụ năm thứ 3* | *Tây Hạ: Nguyên Đức năm thứ 2* |

***Tống:*** Thái úy Trần Lương Bật mở pháp hội trai tăng, thỉnh chư Thiền đức đến giảng pháp. Trong đó có Pháp sư Thiện là đệ tử Thượng thủ của tông Hiền Thủ, được tôn xưng là "Nghĩa Hổ". Thiện đến hỏi các vị Thiền đức rằng:

- Đức Phật ta lập giáo, từ Tiểu thừa cho đến viên ngộ, dẹp bỏ mọi có, không, riêng chứng chân thường, sau đó, muôn đức đều trang nghiêm mới gọi là Phật. Nhưng Thiền tông lấy một tiếng hét để chuyển phàm thành Thánh, xét các Kinh Luận dường như đối lập nhau. Nay một tiếng hét, nếu vào được Ngũ thừa thì đó là chánh thuyết, còn như không vào được thì đó là tà thuyết!

Lúc ấy, các vị Thiền đức đều ngồi xếp hàng, Thiền sư Pháp Chân Nhất Công đưa mắt nhìn Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm. Thiền sư Hoài Thâm thúc cùi chỏ bảo ngài Tịnh Nhân trả lời. Tịnh Nhân gọi Pháp sư Thiện đến và nói:

- Điều mà Pháp sư hỏi không đủ làm nhọc lòng các vị Thiền đức ở đây, chỉ cần tiểu trưởng lão Tịnh Nhân này cũng đủ để giải mối nghi hoặc cho Pháp sư vậy. Ngũ thừa giáo ấy, như trong ngu pháp Tiểu thừa giáo nó chính là nghĩa có, trong Đại thừa Thỉ giáo nó chính là nghĩa không; trong Đại thừa Chung giáo nó là nghĩa chẳng có chẳng không. Còn Đại thừa Đốn giáo, nó là nghĩa tức có tức không. Trong Nhất thừa viên giáo, nó là nghĩa không nhưng chẳng có, có nhưng chẳng không. Một tiếng hét này của ta chẳng những chỉ vào Ngũ thừa mà cho đến bách gia chư tử, tất cả kỷ nghệ trên thế gian này cũng vào được cả.

Tịnh Nhân hét một tiếng và hỏi:

- Ông nghe chăng?

Thiện đáp: Nghe!

Tịnh nhân hỏi: Ông đã nghe, vậy tiếng hét này là Có, đó là vào được Tiểu thừa giáo.

Sư lại gọi Thiện đến, hỏi:

- Ông nghe chăng?

Thiện đáp: Chẳng nghe!

Sư nói: Ông đã chẳng nghe vậy tiếng hét vừa rồi không có, đó là vào được Đại thừa Thỉ giáo. Một tiếng hét của ta, lúc đầu ông bảo có, hét một lát âm thanh dứt, ông lại bảo là không có, bảo không có thì ban đầu nó thật có, bảo rằng có thì bây giờ nó thật không có, vậy là chẳng có chẳng không, đó là vào được Chung giáo. Lúc ta hét, có nhưng chẳng phải có, vì không cho nên nói có; lúc ta không hét, không nhưng chẳng phải không, vì có cho nên nói không, vậy là tức có tức không, đó là vào được Đốn giáo. Một tiếng hét ấy của ta chẳng dùng đến lực dụng, có không chẳng theo kịp, tình và giải đều quên. Lúc bảo có thì mảy may chẳng lập, khi bảo không thì biến khắp hư không, ngay một tiếng hét này thể nhập trong trăm ngàn vạn ức tiếng hét, trăm ngàn vạn ức tiếng hét thể nhập trong một tiếng hét này đó là vào được Viên giáo.

Thiện cúi đầu lạy tạ. Sư lại gọi Thiện đến nói: Cho đến một nói, một nín, một động, một tĩnh, từ xưa đến nay hư không mười phương, sum la vạn tượng, sáu nẻo bốn loài, ba đời chư Phật, hết thảy Thánh hiền, tám vạn bốn ngàn pháp môn, trăm ngàn Tam-muội, vô lượng diệu nghĩa, khế lý khế cơ, đồng một thể tánh với đất trời muôn vật, đó gọi là Pháp thân. Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức, bốn mùa tám tiết, âm dương một mối, đó là pháp tánh. Thế nên kinh Hoa Nghiêm ghi: "Pháp tánh có mặt khắp mọi nơi, có tướng không tướng, một thanh một sắc, đều ở trong một hạt bụi gồm đủ bốn nghĩa. Sự lý vô biên biến khắp vô cùng, xen lẫn nhưng không tạp, trộn chung nhưng không đồng." Ngay trong một tiếng hét này thảy đều đủ cả. Nhưng vẫn lập ra hóa môn mà tùy cơ dẫn dắt, đó là nơi tạm dừng chân, chưa đến bảo sở, đâu biết dưới cửa ngõ của Tổ sư ta lấy tâm truyền tâm, đem pháp ấn pháp, chẳng lập văn tự, thấy tánh thành Phật, vẫn còn một đường hướng thượng mà ngàn Thánh chẳng truyền!

Thiện hỏi: Thế nào là một đường hướng thượng?

Sư đáp:

- Ông hãy hướng hạ mà trực nhận đi đã!

- Thế nào là bảo sở?

- Chẳng phải cảnh giới của ông!

Thiện thưa: Mong Thiền sư Từ bi!

Sư nói: Thà để biển xanh chôn vùi, trọn không nói cho ông hiểu được!

Lúc ấy Thiện có vẻ buồn, cúi đầu lạy và lui ra. Khi đó, Đế âm thầm đến xem, Thái sư Lỗ Quốc Công cũng có tham dự. Đế quay lại nói

với cận thần: "Thiền tông mầu nhiệm sâu xa như thế, mà tài biện luận của Tịnh Nhân cũng hiếm thấy!"

Thị thần tâu: "Đó là điều ngoài giềng mối của tông sư vậy!" Oánh Trọng Ôn La Hồ Lục tán rằng: "Sở học của Sư càng làm sáng tỏ cho đạo, dù gặp bên nào, Sư cũng thừa cơ chiết phục họ trước đại chúng trời người. Giả sử tiên đức chấn hưng tông phong, cũng không hơn thế này được!"

Sư húy Kế Thành, tự Bàn Am, họ Lưu, quê ở Nghi Xuân, Viên Châu, Gianh Tây. Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Tịnh Nhân Thiền sát. Sư nối pháp Thiền sư Trí Hải Đạo Bình, Bình nối pháp Đại Quy Mộ Triết, Triết nối pháp Thúy Nham Khả Chân, Chân nối pháp Từ Minh Sở Viên. Đệ tử của Sư có hai người là Thụy Nham Thắng và Dã Phụ Xuyên đều thuộc dòng Lâm Tế (Theo La Hồ Văn Tập, Ngũ Đăng Hội Nguyên).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Tân Sửu: Tuyên Hòa năm thứ ba. Tháng tám, Đồng Quán được tiến cử làm Thái sư* | *Đại Liêu: Bảo Đại năm đầu* | *Đại Kim: Thiên Phụ năm thứ 4* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Tháng hai, Đế hạ chiếu ruộng đất, tài sản của những ngôi chùa trong năm Chính Hòa năm thứ bảy bị đổi thành Thần Tiêu cung, nay phải trả về hết lại cho chùa, cho tăng.

Ngày hai mươi lăm tháng ba, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm trụ ở Đại Tướng Quốc Tuệ Lâm Thiền sát thuộc Biện Kinh. Sư họ Hạ, quê ở Thọ Xuân, thị tịch năm Thiệu Hưng năm thứ hai đời Cao Tông. Sư nối pháp Trường Lô Tín, Tín nối pháp ở Tuệ Lâm Viên Chiếu Tông Bản.

***Bạch Vân Am:*** Tức là am phía sau phương trượng chùa Linh Ẩn, Hàng châu. Lúc này, năm Tuyên Hòa năm thứ ba, có Tỳ-kheo Thanh Giác, tự hiệu Bản Nhiên, họ Khổng, sinh ngày hai mươi hai tháng mười năm Khánh Lịch năm thứ ba đời Nhân Tông, tại huyện Đăng Phong, Lạc kinh. Giác là cháu năm mươi hai đời của Trọng Ni. Tăng Tổ Cao từng làm quan dưới triều Lương đến triều nhà Đường. Trong niên hiệu Đồng Quang, ông ấy giữ chức Tương châu Trạch Lộ Hà Dương Tiết độ sứ, làm quan đến chức Thái tử Thái sư. Cha ngài là Hân đỗ Tiến sĩ

nhưng không ra làm quan. Mẹ ngài họ Thôi. Từ nhỏ, Giác thông minh dĩnh ngộ, theo học đạo Nho, nhiều lần được mời làm Hương cử. Niên hiệu Hy Ninh năm thứ hai đời Thần Tông, Giác xem kinh Pháp Hoa, tỉnh ngộ xin xuất gia, cha mẹ đều đồng ý. Ngài theo Đại Sư Hải Tuệ chùa Bảo Ứng, núi Long Môn, Nhữ Chân thế phát. Đại Sư bảo ngài về Nam tham học. Đầu tiên, ngài tham vấn Hòa thượng Thiên Tuế ở núi Nga My, Gia châu, kế đó đến Phù Sơn thuộc Thư châu, Hoài Tây kết am ở Thái thú nham thiền định suốt hai mươi năm. Năm Nguyên Hựu năm thứ bảy đời Triết Tông, ngài vân du đến Triết Giang, năm sau đến nhập chúng ở chùa Linh Ẩn, Hàng châu. Hai hành nhân Uông và La cầu tâm yếu của ngài, học chúng ngày càng đông. Thiền sư Viên Minh Đồng của chùa Linh Ẩn giao am tranh trên núi Bạch Vân phía sau chùa để ngài ở. Ngài hoằng hóa xiển dương và lập tông, lấy tên am đặt tên tông, đó là tông Bạch Vân. Ngài dời qua ở núi Long Môn, Dư Hàng, dựng am Phước Địa, giảng Tam quy, Ngũ giới cho long thần. Đến lúc này, năm Sùng Ninh năm thứ ba, ngài đến ngụ ở am Tử Vân phía sau chùa Khai Hóa, tháp Lục Hòa thuộc Tiền Đường. Tăng tục thỉnh ngài đến giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Chánh Tế. Lúc này, Phật giáo bị pháp nạn, ngài soạn Chứng Tông Luận, Tam Giáo Biên, Thập Địa Ca. Niên hiệu Đại Quán năm đầu, ngài dựng am ở Thiên Kim Thị, Quy An, Hồ châu, đặt tên am là Thập Địa. Sau đó, đến Tinh Sơn, Ô Trình, chống trượng gặp suối tuôn nên kiết am ở đó, đặt tên am là Xuất trần. Đồ chúng lại thỉnh ngài về chùa Chánh Tế. Những kẻ ganh ghét ngài cho Chứng Tông Luận phản nghịch triều đình nên tâu lên quan. Năm Chính Hòa năm thứ sáu, ngài bị quản thúc ở Quảng Nam, Tư châu. Năm Tuyên Hòa năm thứ hai, đệ tử ngài là Chính Bố cùng mười người khác đến kinh đô dâng biểu, Đế ban lệnh phóng thích ngài. Đến lúc này, ngày hai mươi tháng bảy năm Tân Sửu, ngài tạ ơn, mồng ba tháng tám, viết bài kệ gởi Thái thú Du Công, nói rằng đến hai mươi sáu tháng chín xin từ biệt. Đến ngày đó, quả nhiên ngài tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, Tăng lạp năm mươi hai hạ. Đệ tử Tuệ Năng làm theo di huấn, thỉnh linh cốt xá-lợi về an táng tại Nam Sơn, Dư Hàng, Hàng châu, lúc này là tháng hai năm Tuyên Hòa năm thứ năm. Tháp ngài hiệu Bạch Vân, viện tên Phổ An, về sau đệ tử đổi thành Phổ Ninh. Ngoài ra, Sùng Đức Tấng Sơn, Tùng Lâm Thiện Trụ đều là nơi ngài từng hoằng hóa. Những nơi khác như: Đức Thanh, Long Sơn, Siêu Sơn, Phương Sơn, Càn Nguyên Sơn, Quy An, Nghiễm Sơn... đều là nơi phụng thờ xá-lợi. Tông của ngài thịnh hành ở Chiết Hữu.

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nhâm Dần: Tuyên Hòa năm thứ tư. Tháng mười hai, Vô Tận Cư Sĩ mất* | *Đại Liêu: Bảo Đại năm thứ 2* | *Đại Kim: Thiên Phụ năm thứ 5* | *Tây Hạ* |

***Liêu:*** Mùa Xuân, tháng ba, quân Kim phá Trung kinh, Thiên Tộ đang ở Yên Kinh nghe báo rất lo sợ, ngay hôm đó phải ra ở tại Dung Quan, dẫn năm ngàn kỵ binh chạy sang phủ Vân Trung, chỉ để Tể tướng Trương Lâm, Lý Xử Ôn, Yên Vương Thuần ở lại giữ Yên Kinh. Thuần ở đất Yên suốt hai mươi năm, rất được lòng dân. Thiên Tộ vượt Ngư Dương vào Giáp Sơn. Ngày mười bảy tháng ba, Lý Xử Ôn vv.. triệu tập bá quan, phụ lão lập Yên Vương lên ngôi, lấy hiệu là Thiên Tích Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Phước, hạ chiếu phế Thiên Tộ làm Tương Âm Vương. Thiên Tích lấy Vân Bình, Trung kinh, Thượng kinh, sáu lộ của Liêu Tây về mình, còn từ sa mạc về bắc, mặt Tây nam, lộ Tây bắc, chiêu thảo phủ và các bộ tộc Phiên do Thiên Tộ làm chủ. Tộ xưng Bảo Đại năm thứ hai. Nước Liêu bị phân chia từ đây.

Tháng tám, Yên đế Thuần bệnh mất, thụy là Tuyên đế. Ông không có con nối ngôi, Việt Vương Tiêu Cán họp trăm quan phụ lão lập vợ Yên đế là Tiêu thị làm hoàng Thái hậu, nắm việc quân việc nước, rước con thứ của Thiên Tộ là Tần Vương tôn làm đế. Tiêu thị lên ngôi trước linh cửu, đổi niên hiệu Đức Hưng. Thiên Tộ nghe Thuần chết liền hạ chiếu tước bỏ hết quan tước của Thuần, đồng thời giáng Tiêu thị xuống làm thứ dân, ban cho họ Hủy. Vua Kim tiến vào Trung kinh, Thiên Tộ trốn chạy đến Hạ quốc. Tháng mười hai, quân Kim chiếm luôn Dung Quan. (Theo Liêu Chí).

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Quý Mão: Tuyên Hòa năm thứ 5* | *Đại Liêu: Bảo Đại năm thứ 3* | *Đại Kim: Tháng năm, đổi niên hiệu Thiên Hội* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Ở Tú châu, mùa xuân đại hạn, cầu khấn tượng Quán Âm trong chùa Tinh Nghiêm bỗng có hiệu nghiệm nên vua quan trang sức lại Thánh tượng. Mùa hạ cũng hạn, lại cầu khấn tiếp. Quận thú Tăng Hầu mộng thấy Bạch y Thiên nhân đến nói: “Ta chắc chắn sẽ làm nơi này có mưa nhưng mặt mũi ta không sạch, cách ba mươi dặm nhưng chẳng thấy gì cả, không thể cùng hội họp với Thánh chúng, phải làm sao đây!”

Sáng hôm sau, Hầu hỏi nguyên do, thợ sơn tượng quả nhiên muốn Thánh dung vừa sáng sạch vừa tươi bóng, nên lấy trứng gà trộn với keo da trâu sơn phết. Pho tượng sơn mới lại, hễ cầu là ứng nghiệm ngay. (Theo Phồn Niên Lục Quán Âm Cảm Ứng Truyện)

***Liêu:*** Mùa xuân, tháng giêng, Yên đế hậu Tiêu thị đang ở Yên kinh, nghe quân Kim vào đến Dung Quan, đêm đó liền dẫn bọn Tiêu Cán cùng xa trướng ra khỏi thành, nói là đi đánh giặc nhưng kỳ thật là đi trốn. Đến Tùng Đình Quan họ bàn nhau nên đi đâu, Da Luật Đại Thạch Tài Nha là người Liêu nên muốn về với Thiên Tộ, Tứ Quân Đại Vương Tiêu Cán là người đất Hề nên muốn về Hề Vương phủ để lập quốc. Phò mã Đô Úy Tiêu Bột Điệt nói: “Ngày nay cố nhiên nên hợp quân lại mà về với Thiên Tộ, thế nhưng còn mặt mũi nào đến gặp ông ấy!” Lâm Nha liền sai quân điệu Phò mã ra chém đầu, truyền lệnh cho ba quân nếu ai còn dị nghị sẽ bị chém. Thế là quân của Liêu và Hề dàn trận đánh nhau, rốt cuộc tan rã. Quân Liêu theo Lâm Nha bắt luôn Tiêu hậu dẫn về Thiên Tộ ở Giáp Sơn. (Tháng bảy họ đến Giáp Sơn, Thiên Tộ ra lệnh giết Tiêu hậu và cháu ngoại là Thường Kha, những người khác đều được tha). Hề Bột Hải Quân đi theo Tiêu Cán là Quỳ Bất Ly bị giữ lại ở Hề Vương phủ, Cán chiếm lấy phủ, tự lập, tiếm xưng là Thần Thánh Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Hề, lấy niên hiệu Thiên Hưng (còn gọi là Thiên Tự). Tháng bảy, quân Hề đánh nhau với quân Kim ở Yêu Phố, quân Hề đại bại, Tiêu Cán bị Khúc Đắc Kha giết.

***Kim:*** Mùa xuân năm Quý Mão, Hoàng Đế trại được gọi là Hội Ninh phủ, xây dựng thành Thượng kinh, đổi Thượng kinh của Liêu làm Bắc kinh. Trước đây, dòng họ Nhữ Chân không có thành quách, chỉ gọi là Hoàng Đế trại, tướng quốc trại, Thái tử trang, đến lúc này mới đổi, đặt ra tam tỉnh, lục quận coi cả thượng kinh, bắc kinh. Tả Thừa Tướng Trần Vương Ngột Thất đặt ra chữ Nhữ Chân ban hành khắp nước. Tháng năm, A Cốt Đả Mân truy đuổi Thiên Tộ lên mạn Bắc, giữa đường bị bệnh mất, thụy là Đại Thánh Vũ Nguyên Hoàng Đế, miếu hiệu Thái Tổ. Mân lập quốc, lên ngôi, cả thảy sáu năm. Em ông là

Ngô Khất Mã nối ngôi, đổi tên lại là Thịnh, vốn là con năm thứ hai của Thái sư Dương Cát. Ông đổi năm Thiên Phụ năm thứ sáu thánh Thiên Hội năm đầu, ở ngôi mười một năm. Tám người con của Mân đều được phong Vương. Hồi ấy có người nước Yên là Trương Xác, người Bình châu đỗ Tiến sĩ làm quan nước Yên. Niên hiệu Kiến Phước năm đầu (niên hiệu của Yên Vương Thuần), Xác giữ chức Liêu Hưng quân Tiết độ sứ (Liêu Hưng Quân tức Bình châu). Người nước Kim là Niêm Hãn muốn bắt sống Xác. Khương Bật bàn: "Làm như thế là kinh động hắn làm phản". Và Bật một mình đến gặp Xác nói rõ ý của nước Kim. Xác nói: "Tám lộ của Khiết Đan nay chỉ còn Bình châu mà thôi, ta đâu dám có ý đồ gì khác, bởi vậy nên chưa cởi bỏ giáp là để phòng Tiêu Cán đó thôi!" Khương Bật về tâu lại, Niêm Hãn tin Xác, đổi Bình châu thành Nam kinh, gia phong cho Xác làm Đồng Bình chương sự phán lưu thú, sự thật là muốn giết Xác. Xác giết bọn người Kim là Tả Xí Cung rồi đem Bình châu về hàng nhà Tống. Tháng mười một, quân Kim đánh úp Bình châu, tìm được Ngự bút thư chiếu viết trên giấy hoa Tiên do Tống đế ban cho Xác. Kim đổ lỗi cho Tống triều, nhiều lần gởi hịch bảo tuyên phủ ty của Tống triều giao nộp Xác. Tống bất đắc dĩ sai Vương An Trung giết Xác, gói đầu đưa sang Kim. Sau đó không lâu, Thái tử nước Kim là Oa Lý Bột đem quân từ Bình châu xâm lược nước Tống.

Tám người của Mân gồm:

1. A Mẫu.

2. Thất Hạt (Cha của Hy Tông Trụ).

3. Thuyết Lương Hổ, cùng mẹ với Thất Hạt, do vợ chính sinh ra.

4. Oát Ly Bất (gọi nhầm là Nhị Thái tử).

5. Oa Lý Ôn (gọi nhầm là Tam Thái tử), ông sinh ở Phạm Giang, vào mùa Đông năm Thiệu Hưng năm thứ tư đời Cao Tông.

6. Ngột Truật (gọi nhầm là Tứ Thái tử).

7. Oa Lý Hỗn (gọi nhầm là Ngũ Thái tử).

8. A Cốt Bảo Tà Vương hiệu là Tự Tại Lang Quân, cùng mẹ với Ngột Truật. Hai con năm thứ hai và năm thứ ba của Mân chết sớm, cho nên mới có việc gọi nhầm năm thứ tư thành năm thứ hai, năm thứ năm thành năm thứ ba, năm thứ sáu thành năm thứ tư. (Theo Kim Chí)

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Giáp Thìn: Tuyên Hòa năm thứ 6* | *Đại Liêu: Bảo Đại năm thứ 4* | *Đại Kim: Thái Tông Thạnh. Thiên Hội năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Cao tăng Tịch Âm Tôn giả. Ngài họ Bành hiệu Thanh Lương Thiền sư, húy Tuệ Hồng (còn gọi là Đức Hồng) người Thụy châu, Gianh Tây. Năm mười bốn tuổi, cha mẹ đều mất, ngài đến ở với Thiền sư Thanh tại Tam Phong, mỗi ngày đọc nhớ cả mấy ngàn lời, sách sử hầu như đọc khắp, Thanh rất vừa lòng. Năm mười chín tuổi, ngài thi kinh tại chùa Thiên vương thuộc Đông Kinh và được độ làm Tăng, từ đó giảng Thành Thật Luận, Duy Thức Luận. Được bốn năm, ngài bỏ giảng tòa ra đi, đến yết kiến Thiền sư Chân Tịnh Văn ở Quy Tông, Lô Sơn. Văn dời về Thạch Môn, ngài cũng về theo, giữ chức chưởng ký thất. Không bao lâu, ngài bỏ đi. Hiển Mô Chu Ngạn làm Thái thú Phủ châu, thỉnh ngài khai pháp ở Cảnh Đức thuộc phía Bắc châu này. Sau ngài trụ ở Thanh Lương, Giang Ninh phủ. Lúc Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo còn ở chúng từng gần gũi ngài, thán phục trí tuệ và tài biện luận diệu ngộ của ngài. Tháng năm, năm Kiến Viêm năm thứ hai đời Cao Tông, ngài quy tịch ở Đồng An, thọ năm mươi tám tuổi, Tăng lạp ba mươi chín hạ. Thái úy Quách Thiên Dân tâu xin, Đế ban ngài hiệu Bảo Giác Viên Minh. Ngài nối pháp Thiền sư Chân Tịnh Văn, soạn Thiền Lâm Tăng Bảo truyện ba mươi quyển, Lâm Gian Lục, bộ Văn Tập là Thạch Môn Văn Tự Thiền, lưu hành trong đời.

***Liêu:*** Giáp Thìn, mùa thu tháng bảy, Thiên Tộ dẫn năm vạn quân Thát Đát, đem theo hậu phi và hai con là Tần Vương, Triệu Vương cùng Tôn Thất đi về Nam, vượt ngọn Ngư Dương. Người Kim là Niêm Hãn đem quân về Vân Trung. Thiên Tộ lại trốn về núi. Các quan Kim và Tiểu Hồ Lỗ cùng bàn về Nam hàng Tống, lại có người bàn nên chạy qua Tây Hạ. Kế nước chưa quyết, Tiểu Hồ Lỗ sai người cấp báo với Niêm Hãn. Kim sai Lâu Túc đem quân đuổi đánh Thiên Tộ, Tiểu Hồ Lỗ liền bắt sống Thiên Tộ đem về. Vua Kim bãi tước, giáng Thiên Tộ xuống làm Hải Tân Vương, đưa về núi Trường Bạch (nay là Khai Nguyên lộ, Hàm Bình phủ, Liêu Đông), dựng nhà phía Đông cho Tộ ở. Năm sau, (Ất Tỵ) Tộ mất, nước Liêu diệt vong. Nước Liêu hình thành từ Hậu Lương Quân Vương niên hiệu Trinh Minh năm thứ hai, năm Bính Tý đến lúc này là Giáp Thìn, cả thảy chín chủ, trị vì hai trăm lẻ chín năm. (Theo Liêu Chí)

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Tỵ: Tuyên Hòa năm thứ 7* | *Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Tháng sáu, phong Đồng Quán làm Quảng Dương quận vương. Những người khác họ, không phải ngoại thích, không được phong vương trong triều Tống, Sái Kinh khôn khéo thuyết phục, lôi kéo nhằm củng cố gian mưu của mình, nên tặng cho Vương An Thạch chức Thư Vương. Về sau, Hà Chấp Trung tặng cho Thạch làm Thanh Hà quận vương. Vương tước nhà Tống bị lạm xưng từ đó. Tháng mười hai, Đồng Quán làm chức tuyên phủ, từ Thái Nguyên trốn về.

***Đại Kim:*** Tháng mười hai, Oát Ly Bất và Niêm Hãn chia quân thành tám đạo xâm lăng đất Tống. Do việc Bình châu Trương Xác quy hàng Tống nên gây ra oán thù này. Quân ở mặt đông do Oát Ly Bất cầm đầu, dựng khu mật viện ở Yên Sơn cho Lưu Ngạn Tông nắm việc trong viện. Quân ở mặt Tây do Niêm Hãn cầm đầu, dựng khu mật viện ở Vân Trung, tùy lúc lập người mình ưa thích lên nắm việc trong viện. Người trong nước gọi đây là Đông triều đình và Tây triều đình. Thế rồi quân của Oát Ly Bất từ Yên Sơn xâm phạm thẳng vào Hà Bắc, quân của Niêm Hãn đánh thẳng vào các châu ở Hà Đông như: Sóc, Vũ, Đại, Hân châu, xua quân thẳng vào Thái Nguyên. Kim sở dĩ thay đổi thề ước cũng vì Trương Xác mà thôi. Những kẻ mà Đế tin cậy là Đồng Quán, Giả Tiên đem quân cự giặc lại trốn về. Quán vốn là kẻ bất tài, nhờ Sái Kinh tiếp tay nên nắm được binh quyền. Hiện tại, Quán thống lãnh binh nhưng đứng cách xa địch đến mấy trăm dặm, khiến cho các tướng không ai dám tiến lên, binh sĩ thì chẳng nghe lệnh, nhiều phen nếm mùi bại trận. Năm Canh Thân, Đế nhường ngôi cho Thái tử, lấy hiệu Đạo Quân, lui về ở cung Long Đức, sai Lý Nghiệp đi sứ sang quân Kim nói rõ việc nhường ngôi và muốn cầu hòa.

**Khâm Tông:** Húy Hằng, con của Huy Tông, lúc này được lập hoàng Thái tử, nhận ngôi lúc hai mươi bảy tuổi, tôn Huy Tông làm Thái Thượng hoàng, ở ngôi hai năm. Niên hiệu Tĩnh Khang hai năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Ngọ:*<br>*Tĩnh Khang năm đầu* | *Đại Kim:*<br>*Thiên Hội năm thứ 4* | *Tây Hạ:*<br>*Tháng tư đánh Tống, Chu Chiêu chết* |

***Tống:*** Tháng giêng, quân Kim vây hãm Tương châu. Năm Kỷ Tỵ, Đế hạ chiếu thân chinh, Thái Thượng hoàng phải xa giá ra Nam Kinh. Năm Tân Mùi, Đế chuẩn bị xong các chiến cụ để giữ thành nhưng quân Kim đã kéo đến dưới thành. Bạch Thời Trung bị bãi tướng, Lý Ban Ngạn nắm lại chức Thái tể, Trương Bang Xương làm thiếu tể, người

ở kinh đô gọi Bang Ngạn là Lãng Tử Tể tướng. Năm Nhâm Thân, Đế sai sứ đi đôn đốc chư tướng các lộ đem binh vào tiếp viện. Quân Kim đòi vàng bạc để khao quân và nói: "Phải tôn chủ ta làm Bá phụ, những người xứ Yên Vân đã quy thuận ta hiện đang ở đất Hán, phải cắt đất của Trung Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang ba trấn ấy cho họ, đem thân vương Tể tướng qua làm con tin thì ta mới lui binh." Đế hạ chiếu cho hoàng đệ Khang Vương làm quân tiền kế mưu sứ, Trương Bang Xương phụ tá; Lý Nghiệp, Cao Thế cùng đi theo, những thứ Kim đòi hỏi đều đáp ứng đủ. Riêng chiếu thư giao đất ba trấn ấy, Lý Cương giữ lại không cho đem theo. Năm Ất Hợi, Đế hạ chiếu cho nước Kim được xưng là Đại Kim. Năm Đinh Hợi, binh của Cần Vương đông đến hai mươi vạn, muôn dân ở kinh đô mới tạm yên. Tháng hai, sứ Kim sang lại, Đế sai Vũ Văn Hư Trung cầm chiếu thư về ba trấn do Lý Cương giữ sang nước Kim phụng đón Khang Vương về. Lúc Khang Vương bị người Kim quản thúc, ông từng cùng Thái tử nước Kim bắn cung. Ông bắn liên tiếp ba phát, cả ba đều trúng đích, nhưng hộc liên châu (tâm của đích ngắm) vẫn không bể. Vua Kim gọi ông là tướng quan con nhà lành. Nếu như chẳng phải thân vương thì Kim đã cho về từ lâu rồi. Vua Kim lại xin Túc Vương qua làm con tin. Năm Ất Tỵ, Khang Vương từ bên Kim trở về, quân Kim vây kinh thành suốt ba mươi ba ngày. Khi đã có chiếu thư của ba trấn và Túc Vương, quân Kim chẳng cần vàng bạc liền lui quân. Năm Bính Ngọ, Kim lui binh, Đế đày Sái Kinh đến Đàm châu nhưng đến Đàm châu thì Kinh chết, thọ tám mươi tuổi. Sái Du trốn trong Vạn An Quân, Đế hạ chiếu chém tại chỗ. Đồng Quán trốn đi xa, Đế cho người đuổi theo chém ở Nam Hùng. Tháng ba, lệnh cho khu mật sứ Lý Cương đón Thượng hoàng từ Nam kinh, đến tháng tư mới về đến kinh đô. Triệu Lương Tự trốn trước đến Liễu châu, đến lúc này cũng bị chém. Nguyên trước kia, vào mùa thu tháng chín năm Chính Hòa năm đầu, đời Huy Tông, Đồng Quán đi sứ nước Liêu về đến Lỗ Câu Hà, U châu thì gặp một người nước Yên cưỡi ngựa chặn lại nói, mình do đắc tội với Yên Vương của Liêu nên không nơi nào dung chứa. Quán trình bày kế sách tiêu diệt nước Yên và dẫn người đó về phủ đổi họ Lý tên Lương Tự, dẫn vào cung gặp Đế, Đế ban cho họ Triệu, người nối lại hòa nghị cho Yên chính là Lương Tự qua Nhữ Chân kết hợp với họ cùng đánh Khiết Đan, cuối cùng mất nước, đến giờ Tự mới bị chém. Vua Kim thấy chưa được ba trấn, nên mùa Đông tháng mười lại chia quân hai đạo vào cướp phá. Tháng mười một, Ất Dậu, Oát Ly Bất vào kinh đô, đóng quân ở chùa Lưu Gia. Tháng mười một nhuần, Niêm Hãn vào kinh đô, đóng quân ở

Thanh Thành, Đế hạ chiếu cử Khang Vương Cấu làm Thiên hạ binh mã đại nguyên soái, Trần Câu làm nguyên soái, Tông Dịch phụ tá, cấp tốc dẫn binh vào kinh ứng cứu. Năm Bính Thìn, kinh thành thất thủ. Năm Tân Dậu, Đế đi Thanh Thành. Nhị Tù Lệnh Tôn Cận Soạn xong chiếu thư quy hàng, lệnh cho Đế ký tên. Đế quay về bắc lạy rồi ra đi, Cận còn nói: "Người chủ này tự lập, vua hiền chỉ bằng Tống Vương." Đế im lặng. Mồng một tháng mười hai, Nhâm Tuất, Đế ngụ ở Thanh Thành. Khang Vương lập phủ nguyên soái ở Tương châu. Năm Quý Hợi, Đế từ Thanh Thành trở về. Niêm Hãn xin sai sứ đi đón Khang Vương, Sứ về báo không gặp Khang Vương để cáo từ.

***Tây Hạ:*** Tháng tư, người Hạ cướp biên ải, đánh thành Chấn Uy. Tù trưởng gọi quan giữ thành Chu Chiêu nói: "Đại Kim đã hẹn với ta cùng đánh, đất Hà Bắc thuộc về Đại Kim, còn đất Hà Tây này thuộc về nước ta. Nay thành quách phủ lân cận đều quy hàng ta hết, ông cậy vào đâu mà không hàng!" Tây Hạ đánh rát, thành bị vây, Chu Chiêu tử trận. Tháng mười một, Tây Hạ cướp biên ải, vây Hoài Đức Quân, hai quan cai quản là Lưu Thuyên và Đỗ Hủ tử trận.

- Đinh Mùi: Tĩnh Khang năm thứ hai. Tháng giêng, Tân Mão, mồng một Canh Tý, Niêm Hãn sai người đi mời Đế đến doanh Kim. Đế sai Tôn Truyền Tạ giữ nhà, giúp Thái tử. Giám quốc cũng được mời nhưng bị Đế giữ lại, Mai Chấp Lễ phò tá, Đế đi ra khỏi thành. Từ bộc xạ Hà Lật trở xuống đều theo Đế đến Thanh Thành gặp Niêm Hãn. Niêm Hãn giữ Đế trong doanh, đồng thời giữ luôn thân vương, Tể tướng, chấp chính, học sĩ viện, lễ bộ, thái thường tự, những người còn lại Hãn cho về trước. Vua Kim cốt muốn vơ vét vàng bạc. Đế sai trung sứ về báo rằng: "Trẫm bị câu thúc ở đây, đợi vàng bạc đến mới về được." Thế là phải tăng thêm quan đi gom tiền bạc. Góp từ hoàng thân, tông thất, nội thị, cho đến tăng đạo đủ mọi ngành nghề. Trong tám ngày được ba mươi vạn tám ngàn lượng vàng, sáu trăm vạn lạng bạc, một trăm vạn khúc vải chở qua nộp cho quân Kim. Tháng hai, Đinh Dậu, Niêm Hãn sai Nha Lang Quân sang đòi nợ tiếp. Lại phát hiện những người giấu vàng bạc như Giáo Phường Nhân Mạnh Tử Trứ, Nội Thị Lam Tích, Y Quan Chu Đạo Long vv... trong mười tám ngày, gom ở thành nội được bảy mươi lăm ngàn tám trăm lượng vàng, một trăm mười bốn ngàn năm trăm lượng bạc, bốn mươi ngàn tám mươi bốn khúc vải đem nộp cho quân Kim. Năm Đinh Tỵ, quân Kim đòi phải giao nộp thiên nghi chế, giám thư đồ tịch ấn bản. Năm Mậu Ngọ, quân Kim đòi phải nộp các thứ như: Nhạc khí thái thường, vật dụng lễ chế, cho đến đàn, cờ,

các thứ giải trí, vật quý hiếm, sách sử v.v... Năm Bính Dần, Niêm Hãn sai Tiêu Khánh đọc chiếu của vua Kim cho Đế rằng: "Lập riêng họ khác, phế Uyên Thánh làm Trần Lưu Vương, giữ mộ phần ở Bảo châu, những người khác họ đáng làm nhân chủ phải ra trước ba quân chuẩn bị lễ nghi sách phong, lệnh phải đưa thái Thượng hoàng ra khỏi thành." Năm Đinh Mão, Thái Thượng hoàng, hậu phi, vận vương trở xuống hơn ba mươi người các vương phi, công chúa, đô úy vv... đều đi theo. Tháng ba Đinh Dậu, quân Kim sách phong Trương Bang Xương làm Đế, lấy quốc hiệu Đại Sở. Năm Đinh Tỵ thái Thượng hoàng về Bắc, Ninh Đức Hoàng hậu, cùng các thân vương, phi tần trở xuống đều đi theo. Họ khởi hành từ Hoạt Châu lộ, có quân của Oát Ly Bất hộ tống. Mồng một tháng tư Canh Thân, Uyên Thánh Hoàng Đế về bắc, Hoàng hậu, hoàng Thái tử đều đi theo, khởi hành từ Trịnh Châu lộ, có quân của Niêm Hãn hộ tống. Uyên Thánh dẫn Hoàng hậu, các thân vương nhìn về thành nội khóc lạy từ biệt tông miếu, tiếng khóc chấn động cả Thanh Thành. Canh Ngọ, Nguyên Hựu, Hoàng hậu Mạnh thị buông rèm thính chính. Bang Xương từ chức thái tể, lui về ở tại Tư Thiện Đường (Bang Xương tiếm vị ba mươi ba ngày. Nguyên Hựu, Mạnh Thái hậu là vợ của Triết Tông, lúc này những người có ngôi vị trong lục cung đều theo hai đế, chỉ có bà bị phế truất nên được tha). Năm Quý Hợi, quần thần thỉnh Khang Vương lên ngôi Hoàng Đế. Năm Tân Tỵ, Khang Vương đến Đan châu, năm Nhâm Ngọ đến huyện Ngu Thành, Bang Xương nghe xa giá đến Nam kinh liền bày biện xa giá mũ miện, ngự phục, nghi vật. Bá quan văn võ theo chức sự của mình đều đến Nam kinh để chuẩn bị lễ nghi sách phong. Năm Quý Mùi, Khang Vương đến phủ Ứng Thiên (nay là phủ Quy Đức). Sáng sớm hôm sau, Khang Vương đến ngự ở Hồng Khánh cung Triêu Tam điện, bảo dẫn Trương Bang Xương đến. Xương quỳ mọp dưới đất khóc lóc, xin tội. Vương an ủi Bang Xương. Năm Giáp Thân, Cảnh Nam Trọng vv... bàn bạc, đổi niên hiệu Kiến Viêm, bởi có điềm lành Hỏa Đức của Tống. Năm Mậu Tý, Thái hậu sai sứ đem chiếu thư do mình viết đưa cho Khang Vương. Thư ghi: "Nay nghe, chọn được giờ lành, đúng lúc nhận ngôi, sẽ chiếu soi tỏ như trời trăng, ban hành hiệu lệnh như gió sấm, mệnh trời đã theo về, muôn dân đều hết sức mừng vui, tông miếu đã yên, già trẻ đều nguyện theo chí lớn." Năm Kỷ Sửu, Khang Vương lên ngôi ở Nam Kinh.

**Cao Tông:** Húy là Cấu, con năm thứ chín của Huy Tông, được phong Khang Vương. Tháng năm Tĩnh Khang năm thứ hai, ông lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Viêm, lấy ngày mười hai tháng năm làm tiết Thiên

Thân, đày Trương Bang Xương đến Đàm châu rồi ban cho chết. Tháng ba năm Kiến Viêm năm thứ ba, ngự danh ty đô thống chế Miêu Phó, phó thống chế Lưu Chánh Ngạn làm phản, ép Đế nhường ngôi cho Thái tử, giữ Đế ở cung Duệ Thánh. Thái hậu buông rèm thính chính. Ngày mười một, đổi niên hiệu Minh Thọ. Những người như Trương Tuấn, Lã Tích Hạo, Tân Vĩnh Tông, Lưu Quang Thế, Hàn Thế Trung bắt sống Miêu Phó, Lưu Chánh Ngạn băm xác ở phố Kiến Khang. Trung cùng bàn đem tráp sớ từ Việt châu đến Kiến Khang. Quân Kim vào Kiến Khang, vây Hàng châu, Đế phải đi đường biển đến Ôn châu, rồi về lại Việt châu, xa giá đến Hàng châu, đưa Hàng châu lên thành phủ Lâm An. Mồng một (Nhâm Dần) tháng giêng (Quý Tỵ) mùa xuân năm Thiệu Hưng năm thứ hai, Đế đi Việt châu. Năm Bính Ngọ, Đế tạm cư ở phủ Lâm An. Thời gian sau, có Tần Cối từ nước Kim quay về, đảm trách việc nghị hòa. Huy Tông, Khâm Tông, Trịnh hậu, Hình hậu lần lượt băng hà ở Ngũ Quốc thành. Quân Kim trả lại đất Hà Nam và Tử Cung để giảng hòa, sau đó lại tiếp tục vào cướp phá. Trương Tuấn, Hàn Thế Trung, Nhạc Phi, Ngô Lân đánh Kim đại bại, quân Kim rút chạy. Đế ban bố những lời răn dạy do Hoàng Đình Kiên viết, cho khắc trên bia đá dựng ở các châu huyện. Đế mở thái học, dùng nhị quán, lập pháp hội giảng kinh, đích thân lội ruộng, chấn chỉnh lộ giới. Tần Cối không theo ý vua, bãi quyền binh của các tướng nhằm vùi chôn khí tiết trung nghĩa, cuối cùng khiến cho đất nước không thể khôi phục lại được. Đế lên ngôi năm hai mươi mốt tuổi, trị vì ba mươi sáu năm, nhường ngôi cho Hiếu Tông, tự xưng Thái Thượng hoàng, ở trong cung Đức Thọ. Đế mất năm tám mươi hai tuổi. Niên hiệu Kiến Viêm bốn năm, Thiệu Hưng ba mươi hai năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Mùi:*<br>*Kiến Viên năm đầu. Mùa đông, tháng mười hai, Đế xa giá đi săn ở Dương châu* | *Đại Kim:*<br>*Thiên hội năm thứ 5* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Thân:*<br>*Kiến Viên năm thứ hai. đế hạ chiếu thỉnh ngài Khắc Cần trụ ở Kim Sơn vào ứng đối ở Dương châu. Đế ban ngài hiệu Viên Ngộ Phổ Đăng Thiền sư* | *Đại Kim:*<br>*Thiên hội năm thứ 6* | *Tây Hạ* |

Mùa Đông, mồng bốn tháng mười, Bắc Thiền Thiên Thai Pháp Chủ Tịnh Phạm ở Tô châu quy tịch. Tịnh Phạm truyền cho Tuệ Minh, Tuệ Minh truyền cho Uẩn Nghiêu, tức Pháp sư Báo Từ. (Theo Lan Lăng Tập Thích, Thống tăng truyện)

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Dậu: Kiến Viêm năm thứ 3* | *Đại Kim: Thiên hội năm thứ 7* | *Tây Hạ* |

***Hành Vị Của Chư Thiên:*** Mùa Thu, ngày hai mươi mốt tháng tám, Pháp sư Tuệ Giác Tề Bích ở Thượng Thiên Trúc, Hàng châu quy tịch. Thạch Lâm, Diệp Mộng soạn bài minh trên tháp. Tề Bích soạn Phổ Hiền Quán Kinh Sớ ba quyển, Tổ Nguyên Ký hai quyển. Đệ tử nối pháp có Thần Hoán, Như Trạm, Pháp Cửu. Hoán từng khảo luận về hành vị của chư Thiên, lấy vua tôi, chủ khách, nam nữ, bản tích để làm cương mục. Hoán cho rằng, Đại Phạm tôn thiên quân vào ba cõi thống lãnh trên trời, cai quản dưới đất. Chư Thiên đều là bề tôi của ông ấy. Đại Phạm là chủ ba cõi. Tam Mục Ma Hê làm chủ đại thiên. Đế Thích làm chủ Địa cư ba mươi ba tầng trời. Tứ vương thống lãnh tám bộ. Tuy vua tôi không giống nhau, nhưng ai nấy đều có nghĩa là làm chủ. Như, Đại Biện ở núi, đầm; Công đức ở trong vườn trời phía Bắc, họ đều là khách trú ngụ mà thôi, kỳ thật không làm chủ và thống lãnh ai cả. Phạm Thích, Tứ Vương đều là trời nam; Công đức, Đại biện, Địa thần, Thụ thần đều là trời nữ. Không thể để nam nữ đánh mất thứ lớp, huống gì quỷ tử mẫu (mẹ con của quỷ) cũng có tên nữ, trời công đức cũng có tên nam. Tán Chỉ, Tu Ma hiện nay con lại ở cao hơn mẹ, có thể cho họ là mẹ theo con. Họ có thể ở trên Thiên chủ được không? Phạm, Thích, Tứ Vương vốn là Địa trụ Bồ-tát, Kim cang, Mật tích vốn là Hộ thiên huynh thành Phật (Hộ trì cho ngàn người anh của mình thành Phật), không so đo với Bản của họ, nhưng muốn ngang bằng với Tích của họ có được không? Hiểu được bốn nghĩa này rồi, sau đó mới có thể luận về chư Thiên.

Hoán có ba đệ tử là Tổng Am Diệu Tâm, Thường Trai Pháp Bái, Giác Am Giản Ngôn. Ngôn truyền cho Giám Đường Tư Nghĩa. Trong năm Bảo Khánh, Thiệu Định, Thần Hóa trụ ở Thượng Trúc.

***Hộ Quốc Kim Quang Minh Sám:*** Mùa Đông, tháng mười, Đế đi săn ở Thai châu đến Kim Ngao Sơn tự, cảm thấy chùa im lặng trống vắng, chỉ thấy chánh điện mênh mông, khói hương thoang thoảng, có vị Tăng rất già, tóc bạc trắng đang cầu chư thiên trước điện Phật. Đang

lúc âu lo, Đế nghe những lời nguyện cầu bảo hộ đất nước vô cùng thành khẩn của vị Tăng, liền vui mừng hỏi, vị Tăng đáp: “Đây là Sám Nghi Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội.” Về sau, khi tạm cư ở Hàng châu, Đế hạ chiếu hằng năm cúng vàng lụa cho các chùa lớn để tu sám pháp này theo định kỳ. Tu Kim Quang Minh Sám bắt nguồn từ đó. (Theo Triệu Ngạn Tuệ Ung, Lô Nhàn Thoại)

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Tuất: Kiến Viên năm thứ tư, tháng hai Đế đi săn ở Ôn Châu, tá túc ở chùa Giang Tâm, nhân đó đổi chùa này thành chùa Long Tường* | *Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

***Tề:*** Niêm Hãn của nước Kim cho rằng Trương Bang Xương đã chết, nên xin với quốc chủ lấy lại đất Hà Nam. Mồng chín tháng chín, sách lập Tế Nam Thái thú Lưu Dự làm Đế ở Đại Danh Quốc, lấy quốc hiệu Đại Tề, lấy niên hiệu Phụ Xương. Tống nhiều lần đem quân thảo phạt, Dự nhiều phen bại trận. Đến năm Đinh Tỵ, Kim chủ thấy Lưu Dự không thể lập quốc nên phế truất Dự. Nước Tề tồn tại tám năm thì diệt vong. Dự sinh ở Cảnh châu, làm Thái thú Tế Nam.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Hợi: Thiệu Hưng thứ 1, mùa thu tháng tám, Phạm Tông Y bị bãi tướng Tần Cối được bái làm Hữu Tướng.* | *Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 9* | *Tây Hạ* |
| *Nhâm Tý: Thiệu Hưng năm thứ hai, mùa thu tháng chín, Tần Cối bị bãi tướng, Chu Thắng Phi lại được bái làm Hữu Tướng* | *Thiên Hội năm thứ 10* | *Tây Hạ* |
| *Quý Sửu: Thiệu Hưng năm thứ 3* | *Thiên Hội năm thứ 11* | *Tây Hạ* |

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Dần: Thiệu Hưng năm thứ tư. Tháng chín, Triệu Đỉnh làm Tể tướng* | *Thái Tông mất, Hy Tông lên ngôi. Thiên Hội năm thứ 12* | *Tây Hạ* |
| *Ất Mão: Thiệu Hưng năm thứ 5* | *Thiên Hội năm thứ 13* | *Tây Hạ Đại Đức thứ 1* |

***Tống:*** Tháng chín Bính Thìn, Đế xa giá đến Thượng Thiên Trúc, cúng dường tượng Bồ-tát ở Vạn Tuế Hương Sơn, mời trụ trì Ứng Như đến đàm luận. Ứng đối hợp ý, Đế ban cho vàng lụa, Từ bộ độ Tăng điệp để khuyến khích Như tu tập, độ Tăng. Trước đây, tháng bảy năm Thiệu Hưng năm thứ ba, long đồ các học sĩ Lương Như Gia làm tri phủ Lâm An tâu xin cho Đại sư Viên Thông Ứng Như trụ trì Thượng Trúc, đến bây giờ Đế mới thấy hài lòng.

***Kim:*** Thái Tông Thịnh mất vào tháng mười hai năm Thiên Hội năm thứ mười hai. Hy Tông Hiếu Thành đế Đản lên ngôi. Đản là cháu đích tôn của Thái tổ, con Tông Tuấn, vẫn xưng Thiên Hội năm thứ mười ba, đến năm Mậu Ngọ đổi niên hiệu Thiên Quyến. Năm Tân Dậu đổi niên hiệu Hoàng Thống. Năm Kỷ Tỵ, mồng mười tháng mười hai năm Hoàng Thống năm thứ chín, ông bị Tùng đệ Kỳ Vương Lượng giết. Hiếu Thành ở ngôi mười sáu năm. Từ nhỏ, ông thông minh, thấu đạt, luôn noi kinh điển, thích văn từ, oai nghi, Thái Tông rất yêu mến. Ngày thường ông khoái giết người, về già tánh khí càng bạo ngược. Tông tộc đại thần lo sợ mình khó thoát chết nên ngầm bàn với nhau theo dõi và giết ông. Sau khi lên ngôi Đế, Kỳ Vương Lượng đã truy phế Đản làm Đông Hôn Vương. Lượng mất Thế Tông lên ngôi, truy phong Đản thụy Vũ Linh Hoàng Đế, miếu hiệu Mẫn Tông. Thời gian sau, đổi lại Hiếu Thành Hoàng Đế, miếu hiệu Hy Tông.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Thìn: Thiệu Hưng năm thứ 6* | *Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 14* | *Tây Hạ* |

Thiền sư Long ở Hổ Khâu, Bình Giang nhập tịch, tháp an táng toàn thân ở góc Tây Nam. Sư quê ở Hàm sơn, Hòa châu nối pháp Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần, Cần nối pháp Ngũ Tổ Pháp Diễn.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Tỵ: Thiệu Hưng năm thứ bảy. Ngày hai mươi mốt tháng bảy, hạ chiếu cho Thiền sư Phật Nhật Tông Cảo trụ Long Nhân Thiền Tự ở Kính Sơn* | *Đại Kim: Thiên Hội năm thứ 15* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Ngọ: Thiệu Hưng năm thứ tám. Tháng ba, Tần Cối lại được bái làm Hữu Tướng* | *Kim đổi niên hiệu. Thiên Quyến năm đầu* | *Tây Hạ* |

Sắc Lăng Độ Điệp: (Độ Điệp trên lụa hoa do Đế ban): Tống, mùa thu tháng tám, Đế hạ chiếu ban Sắc Lăng Độ Điệp cho Tăng ni cả nước. (Theo Thích Thống Hưng Phế, Chí Trung Hưng Lịch)

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Mùi: Thiệu Hưng năm thứ 9* | *Thiên Quyến năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

Tống: Đế hạ chiếu vì Nhữ Chân đến cầu hòa nên đại xá thiên hạ, các châu quận huyện dựng Báo Ân Quang Hiếu Thiền tự để phụng thờ hương hỏa cho Huy Tông Hoàng Đế.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Thân: Thiệu Hưng năm thứ 10* | *Đại Kim: Thiên Quyến năm thứ 3* | *Tây Hạ: Thát Bạt Nhân Hiếu lên ngôi. Đại Khánh năm đầu* |

***Tống:*** Mùa Đông, mồng bảy tháng mười một, Sa-môn Tư Tịnh ở viện Diệu Hạnh thuộc Bắc Quan, Hàng châu quy tịch. Lễ bộ thị lang Trương Cửu Thành soạn bài minh trên tháp. Ngài họ Dụ, người Tiền Đường, lập viện Diệu Hạnh tiếp Tăng độ chúng, cúng dường ba trăm vạn chư Tăng, họa tượng Phật Di-đà rất có thần. Thị lang Dương Kiệt tôn xưng ngài là Dụ Di-đà, ai nấy đều cứ thế gọi theo. Trong bia đá ở phía Bắc Tây Hồ, người ta tôn xưng ngài là Đại Phật Đầu. (Ông Phật lớn)

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Dậu: Thiệu Hưng năm thứ 11. Tần Cối, Trương Tuấn bàn mưu giết Đại tướng Nhạc Phi* | *Kim Đổi niên hiệu. Hoàng Thống năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Tống Triều:*** Tán lang Ôn châu Trương Cửu Thành, tự Tử Thiều, hiệu Vô Cấu Cư sĩ, con quan quản lý muối của Hàng châu. Tháng ba năm Thiệu Hưng năm thứ hai, Đế mở khoa thi Tiến sĩ, Cửu Thành đỗ đầu bảng. Thành từng nói: "Các bậc tiền bối lập thân đỗ đạt vượt trội hơn người, các bậc danh nho trứ tác chuyên sâu mầu nhiệm, đều do tâm tỏ ngộ." Vì thế Thành tham học, cứu xét rốt ráo. Ban đầu, ông đến tham học với Thiền sư Bảo Ấn Sở Minh - người nối pháp của Đại Thông, ra mắt Thiền sư Phật Nhật Cảo ở Kính sơn, tỏ ngộ tâm yếu, cùng tận nguồn tánh. Đến lúc này, năm Tân Dậu, Phật Nhật quý chỗ ngộ nhập của ông, mới đặt biệt mời ông thượng đường. Ông dẫn Thần Tý Cung (nỏ thần) ra để bàn. Lúc này, ngoài việc quân việc nước, các quan cũng đang luận nghị về lực dụng của Thần Tý cung. Hữu Thừa Tướng Tần Cối cho rằng ông chê trách triều chính, nên tháng năm, bắt Phật Nhật làm dân thường đày đi Hoành châu, đày Cửu Thành đi Nam An quân. Cửu Thành đi đày suốt mười bốn năm, trú ngụ ở Tăng xá Hoành Phố. Ông giảng kinh viết sách, đều là những điều mà người học chưa được nghe. Trong Tâm Truyền Lục, ông viết: "Lục kinh đều là diệu pháp, nhưng bảo nó là cái nhỏ nhặt của đạo, vậy Lục kinh lẽ đâu làm cho đạo nhỏ nhặt ư! Hạn hẹp với Lục kinh thì đó mới là nhỏ nhặt." Ông lại nói: "Thế gian đều huyễn, người ở trong cái huyễn mà chẳng biết ngàn xưa rối bời. Mừng giận thương ghét từ đâu mà ra? Cho nó vốn có thì hình thù chẳng giống vật, cho nó vốn không thì không lần ra gốc gác. Như những người tu nơi núi cao rừng sâu, có khả năng tự giác, nhưng lại nhận huyễn làm giác, giác tức là huyễn. Không có huyễn thì không có giác, nhờ giác mà biết huyễn, bản thân của giác nó không nhận mình là giác, huống gì những tâm niệm tình thương mừng giận thương ghét! Huống gì thứ bụi bặm công danh phú quý!

***Tống:*** Mùa Thu, tháng bảy, Pháp sư Trí Dũng Liễu Nhiên người Thai Châu đã trụ ở Bạch Liên Thiên Thai giáo suốt hai mươi bốn năm. Đến lúc này, ngài tắm rửa, thay áo, ngồi kiết già thuyết pháp rồi quy tịch. Ngài soạn Nam Nhạc Chỉ Quán Tông Viên Ký năm quyển, Thập Bất Nhị Môn Khu Yếu hai quyển, Hổ Khê Tiền Hậu Tập tám quyển. Đệ tử nối pháp ngài gồm: Trạch Sơn, Dự Hàm, Sơn Đường, Nguyên Tánh, Bạch Liên, Diệu Lân, Hư Đường, Bổn Không.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Tuất: Thiệu Hưng năm thứ 12* | *Đại Kim: Hoàng Thống năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Mùa Xuân, Hiển Nhân Thaí Hoàng hậu Vi thị từ Bắc trở về. Mùa thu tháng chín, Thượng thư Tả bộc xạ Ký Quốc Công Tần Cối được phong chức Thái sư Ngụy Quốc Công.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Hợi: Thiệu Hưng năm thứ 13* | *Hoàng Thống năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Mùa hạ, tháng sáu, sinh Thái tử Anh Điệu, Đế hạ chiếu cho Đại sư Hải Tuệ dựng chùa Đại Trữ Khánh bên cạnh cung ở Thượng Kinh, phổ độ thiếu niên cả nước. Những người xuất gia làm Tăng ni và Đạo sĩ được ghi tên ở chỗ các quan lên đến trăm vạn. Năm sau, Đế giữ hai Thiền sư Hải Tuệ và Thanh Tuệ ở lại chùa Đại Trữ Khánh, nghinh Thụy tượng xá-lợi về cúng dường ở Tích Khánh các trong chùa này.

***Tống:*** Đế hạ chiếu dựng chùa Thiên Thân Vạn Thọ Viên Giác ở Tây Sơn, phủ Lâm An đã xong, ngày mười chín tháng tư, lệnh cho Sư Đức Tín đang giữ chức Phiên Để Khán kinh lo việc hương khói. Đến ngày mười ba tháng năm Bảo Khánh năm thứ hai đời Lý Tông, mới bổ nhiệm ngài Sư Tán trụ trì, hoằng truyền giáo quán Thiên Thai (Theo Viên Giác Bi Khắc)

***Phiên Dịch Danh Nghĩa:*** Tống, mùa thu tháng tám, Sa-môn Pháp Vân ở chùa Cảnh Đức, Tô châu soạn xong bộ Phiên Dịch Danh Nghĩa bảy quyển. Duy Tâm Cư Sĩ Chu Quỳ viết lời tựa.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Tý:*<br>*Thiệu Hưng năm thứ 14. Tống, Minh, Châu, Diên Khánh viện được sắc tứ thành chùa* | *Đại Kim:*<br>*Hoàng Thống năm thứ 14* | *Tây Ha:*<br>*N g u y eˆ n Khánh năm 1* |

***Tống:*** Đế hạ chiếu đổi chùa Linh sơn ở Thiên Trúc thành Thời Tư Tiến Phước để phụng thờ hương hỏa cho Hiến Thánh Từ Liệt Hoàng hậu Ngô thị. Mùa đông tháng mười năm Khánh Nguyên năm thứ ba đời Ninh Tông, chọn được khu đất tốt ở phía Tây Linh Ẩn, dựng xong chùa Thời Tư Tiến Phước, trả lại tên cũ cho chùa là Thiên Trúc. Tháng sáu năm Gia Định thứ mười, Khánh viễn quân Tiết độ sứ Ngô Diễm xin với Tử Triêu rằng: "Thời Tư Tiến Phước xin được làm theo tông chỉ của Thượng Thiên Trúc và Hạ Thiên Trúc, vĩnh viễn hoằng truyền giáo quán Thiên Thai." Đế mới hạ chiếu thỉnh Cảnh Thiên Khai Sơn trụ trì.

(Ngô Tự Bi khắc)

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Sửu: Thiệu Hưng năm thứ 15* | *Hoàng Thống năm thứ 5* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Đại sư Hải Tuệ quy tịch. Đế và Hoàng hậu đích thân phụng rước xá-lợi lập tháp thờ năm nơi, đặc biệt ban ngài thụy Phật Giác Hựu Quốc Đại Thiền Sư. Tháng giêng năm sau, Đế ban cho ngài Thanh Tuệ hiệu Phật Trí Hộ Quốc Đại Sư, thỉnh lên tòa Quốc Sư, đặc biệt ban cho ngài Đại y Tăng-già-lê may bằng sợi vàng, cùng bình bát, lư trầm, pháp khí bằng trân bảo. Đế và Hoàng hậu đảnh lễ sát đất, cung kính dâng y. Lòng cung kính này của đế vương từ xưa đến nay chưa từng có.

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Dần: Thiệu Hưng năm thứ 16* | *Đại Kim: Hoàng Thống năm thứ 6* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Mão: Thiệu Hưng năm thứ 17* | *Mông Phụ Quốc, Tổ Nguyên Hoàng Đế. Thiên Hưng năm đầu* | *Hoàng Thống năm thứ 7* |

***Kim:*** Thát Lạt bị giết, con ông ta là Thắng Hoa đô lang quân thống lãnh các bộ lạc cũ của cha mình nổi lên làm phản, thông đồng với Mông Cốt. Đô nguyên soái Ngột Truật chưa chết. Ông tự dẫn tám vạn cung thủ Thần Tý cung được huấn luyện ở Trung Nguyên đến đánh, nhưng nhiều năm liền vẫn không tiêu diệt được Thắng Hoa. Tháng tám năm Hoàng thống năm thứ sáu, Đế sai Tiêu Bảo Thọ Nô sang hòa nghị cắt hai mươi bảy doanh trại từ Tây Bình Hà trở về Bắc cho Thắng Hoa. Hằng năm đều đưa sang trâu, dê, lúa, đậu, đồng thời sách phong tù trưởng Ngao La Bột Cực Liệt làm Mông Phụ quốc chủ. Đến năm này mới hòa hiếu, phẩm vật đem tặng càng nhiều. Thế rồi, Ngao La Bột Cực Liệt tự xưng Tổ Nguyên Hoàng Đế đổi niên hiệu Thiên Hưng. Đại Kim nhiều năm đem quân đi đánh nhưng rốt cuộc vẫn không diệt được, chỉ đưa tinh binh chia nhau chiếm cứ những nơi hiểm yếu rồi rút về. Mùa đông, Đô nguyên soái Ngột Truật mất. (Kim Chí)

***Tống:*** Tam tạng Pháp sư Vĩnh Đạo được Đế cải húy là Pháp Đạo. Niên hiệu Tuyên Hòa năm đầu đời Huy Tông, Đế hạ chiếu đổi Phật thành Đại Giác Kim Tiên. Đại sư Vĩnh Đạo Bảo Giác ở viện Sùng Tiên

Hương Tích thuộc Tả Nhai dâng thư can gián. Đế nổi giận đày Đạo đến Đạo châu. Năm Tuyên Hòa năm thứ bảy, hạ chiếu cho về lại kinh đô, được mặc lại pháp phục Sa-môn, triều đình nêu cao tinh thần hộ pháp của ngài, nên Đế cải húy ngài là Pháp Đạo, thỉnh trụ Chiêu Tiên viện ở Chiêu Khánh đồng thời nhận chức viện chủ Thích-ca ở Hiển Khánh Hữu Nhai. Cao Tông niên hiệu Kiến Viêm năm đầu, Đế lấy ngày hai mươi mốt tháng năm ngày sinh của mình làm tiết Thiên Thân. Biện Kinh Lưu Thú Tông Trạch thừa lệnh Đế thỉnh ngài trụ ở chùa Thiên Thanh Tả Nhai bổ nhậm chức tuyên Giáo Lang, cầu nguyện cho đất nước và tham dự việc quân. Kiến Viêm năm thứ ba, Pháp Đạo theo Đế đi tuần thú phía nam, nhiều lần được Đế mời đến Đô Đường cùng trù liệu việc quân việc nước. Đế muốn ngài mặc quan phục nhưng ngài chối từ, Đế cũng thuận theo chí nguyện. Trước đây ngài có hiệu là Bảo Giác, nay được gia ban thêm là Viên Thông Pháp Tế Đại Sư. Tháng năm thứ tư, Đế hồi cung về Việt châu. Mùa hạ đại hạn, Đế hạ chiếu thỉnh ngài cầu mưa ở chùa Viên thông giáo. Trời đổ mưa, Đế rất hài lòng. Tháng hai năm Thiệu Hưng năm thứ hai, Đế mời ngài vào ứng đối, thời gian sau thỉnh ngài trụ ở Thái Bình Hưng Long Thiền tự thuộc Đông Lâm, Lô Sơn, Giang châu. Muà xuân tháng hai năm thứ ba, ngài dâng tấu sớ trình bày ngôi thứ của Tăng, Đạo, dựa theo Tổ Tông lập thành quy củ. Mùa hạ tháng năm đại hạn, Đế thỉnh ngài vào cấm cung cầu mưa to, Trời đổ mưa to. Đế ban cho ngài bình bát bằng vàng. Từ niên hiệu thiệu Hưng năm đầu dến lúc này là năm năm thứ mười bảy, tháng tư, ngài thuật xong bộ Đại Tống Tăng Sử Lược. Mùa thu ngày hai mươi mốt tháng bảy ngài ngồi kiết già nói với đồ chúng: “Việc giữ gìn pháp môn đều nhờ nơi các ông”! Nói xong ngài quy tịch, môn nhân dựng tháp tại Cửu Lý Tùng thuộc Tây Hồ, Hàng châu. Đời Ninh Tông trong năm Gia Định, Ngô Khắc Tỵ ở Đông Dương soạn truyện về cuộc đời ngài.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Thìn: Thiệu Hưng năm thứ 18* | *Đại Kim: Hoàng thống năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Phật Trí:*** Sư họ Tiền, húy Đoan Dụ là hậu duệ của Ngô Việt Vương, nối pháp Thiền Sư Viên Ngộ Khắc Cần. Ban đầu Sư trụ ở Đan Hà Đặng châu, sau dời qua Hổ Khâu, rồi Kính Sơn, dựng am ở Tây Hoa. Đế hạ chiếu thỉnh trụ ở chùa Bảo Ninh Vạn Thọ, rồi dời qua chùa Tây Thiền thuộc Huyền Sa Thọ Sơn, Mân châu nhận chiếu bổ nhiệm vào chùa Linh Ẩn. Mùa thu năm này Sư quy tịch ở chùa Dục Vương, đệ

tử nối pháp Tịnh Từ, Thủy Am, Sư Nhất v.v...

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Tỵ: Thiệu Hưng năm thứ 19* | *Kim Chủ bị giết. Lương lên ngôi đổi thành Hoàng Thống năm thứ chín thành Thiên Đức năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Ngày hai mươi ba tháng năm, Đế hạ chiếu ban cho viện Công Đức của Tiệp Dư Lưu thị thành Bao Thân Sùng Thọ viện (Tiệp Dư là chức quan nữ, ngôi vị ngang bằng thượng khanh, quan tước ngang với liệt hầu). Ninh Tông Gia Định năm thứ mười bảy, Đế mới hạ chiếu thỉnh Pháp sư Chánh Ngộ Nguyên Túy khai sơn trụ trì, truyền giáo quán Thiên Thai. Lưu tự (chùa họ Lưu) ở Phong Sơn hiện nay chỉ đứng sau Lưỡng Trúc. (Thượng Thiên Trúc và hạ Thiên Trúc)

***Kim:*** Tháng mười hai, Giáp Tý, Tả Thừa Tướng Kỳ Hương Lượng lên ngôi Hoàng Đế, truy tôn cha là Đức Tông, đổi niên hiệu là Thiên Đức, dời đô về Yên Kinh, lại dời đô về Biện Kinh, xâm lăng đất Tống phía nam đến Dương châu. Tháng mười một Ất Mùi năm Chánh Long năm thứ sáu, ông bị chư tướng giết ở chùa Trấn Quy Sơn, Qua châu, ở ngôi mười ba năm, Thụy là Hải Lăng Dương Vương.

***Tống:*** Thiền sư Mục Am ở Long Hưng, Gianh Tây: Sư họ Đào, húy Pháp Trung, người Cận huyện, Minh châu. Từ nhỏ tính Sư đã thuần tịnh, lớn lên xin cha mẹ xuất gia, cha mẹ đồng ý. Sư theo học với Đại sư Đạo Anh ở viện Sùng Giáo trong quận này. năm mười chín tuổi, nhân thi kinh mà được độ làm Tăng, Sư đến các giảng đường nghiên cứu yếu chỉ giáo quán Thiên Thai, tâm hơi tự phụ. Ngày nọ, Sư phô trương sở học của mình với một Thiền giả. Nhân bị thiền giả bắt bẻ đuối lý, Sư bỗng hoài nghi. Sư đến ra mắt Thiền sư Giao ở Thiên Đồng, Giao bảo Sư về Nam tham vấn, Sư liền đến pháp tịch của Thiền sư Nho ở Tuyết Phong, Mân châu nhưng không khế hội. Sư đến đạo tràng của Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn ở Long Môn, Thư châu, Hoài Tây. Nhưng đến chỗ bánh xe xoay nước nhìn thấy bảng ghi: "Pháp Luân Thường Chuyển". Sư hoát nhiên đại ngộ, làm bài kệ:

*Chuyển đại pháp luân*
*Trước mắt bao hàm*
*Lại hỏi thế nào*
*Nước đẩy xe đá.*

Phật nhãn hứa khả. Sư từ biệt, vượt Cửu Giang lên dựng am tu tập

trên Lô Phụ, rắn cọp thường đến làm bạn. Nơi núi xanh suối lượn hễ thích nơi nào là Sư ở đó. Sư bảy từng trụ ở năm chùa: Thắng Nghiệp, Nam Thủy, Vân Cái, Công An, Đại Quy. Sau Sư đến Hoàng Long ở Dự Chương. Đến lúc này, năm Kỷ Tỵ, Thái úy Hình Hiếu Dương cúng vàng. Xây tháp cho Sư ở Hương Nguyên thuộc phía Đông chùa. Xây vừa xong, Sư cười nói: "Ta sắp đi rồi!". Sư viết kệ rằng:

*Sáu mươi sáu năm*
*Dạo trong huyễn mộng*
*Ca hoài về thôi*
*Buông tay trường không.*

Viết xong Sư nhắm mắt quy tịch. Sư nối pháp Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn, Viễn nối pháp Ngũ tổ Pháp Diễn, Diễn nối pháp Bạch Vân Thủ Đoan, Đoan nối pháp Dương Kỳ Phương Hội, Hội nối pháp Từ Minh Sở Viên, đều thuộc dòng Lâm tế. Nối pháp của Sư có Thiền sư Phổ Am Ấn Túc.

***Thiền sư Chân Giác Chiêu Huống:*** Sư họ Dư, húy Ấn Túc, người Nghi Xuân, Viên châu, Gianh Tây, ngụ ở Tịch Cảm Diệu Tế. Năm sáu tuổi, Sư mộng thấy dị Tăng khuyên mình xuất gia. Cha mẹ đồng ý, Sư theo học với ngài Hiền Công ở viện Thọ Long. Năm hai mươi bảy tuổi Sư được thế phát, năm sau thọ Cụ túc giới. Hiền Công khuyên Sư đọc kinh Pháp Hoa. Sư thưa: "Từng nghe diệu chỉ của chư Phật đều quý ở chỗ liễu ngộ được tâm". Sư từ giả Hiền Công đến Hồ Tương, ra mắt Thiền sư Mục Am Pháp Trung, ở núi Đại Quy, hỏi:

- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

Pháp Trung dựng đứng phất tử, Sư liền tỉnh ngộ, sau về trụ ở viện Thọ Nghiệp. Đến lúc này năm Quý Dậu niên hiệu Thiệu Hưng, có ngôi chùa Từ Hóa ở gần đó, chúng thỉnh Sư trụ trì. Sư chẳng có tài sản gì, chỉ có chăn đắp, giấy mực, y phục,cơm cháo, thiền định. Một hôm, nhân đọc Hoa Nghiêm hợp luận, Sư nói bài kệ:

*Vo chẳng thành cục chẻ chẳng ra*
*Nào phải Nam Nhạc với Thiên Thai*
*Đầu cửa sáu căn không người dụng*
*Rước được Hồ tăng đặc biệt qua.*

Thường ngày Sư làm bài kệ:

*Linh diệu như như,*
*Chẳng khác thái hư*
*Tạo ra muôn vật,*
*Chẳng ngại phương hướng.*

Những người mến mộ đạo đến, Sư tùy nghi nói pháp, có khi viết bài kệ cho họ. Người bệnh hoạn đến, Sư cắt cỏ làm thuốc trao cho họ, người bệnh uống vào khỏi ngay, linh nghiệm rất nhiều. Từ đó họ trùng tu đạo tràng cho Sư. Có người hỏi Sư tu hạnh gì mà được như vậy, Sư vẽ một đường và hỏi: "Hiểu không". Họ đáp:" Chẳng hiểu". Sư nói:"Thôi! Thôi! Chẳng cần nói."

Ngày hai mươi mốt tháng bảy năn Càn Đạo năm thứ năm, đời Hiếu Tông, Sư dạy chúng: "Chư Phật chẳng xuất thế, cũng không có nhập diệt, những ai vào thất ta đều có thể thế hội, khéo tự hộ trì, chớ để thối thất." Sư tắm rửa thay áo ngồi kiết già thị tịch, hưởng thọ năm mươi lăm tuổi, Tăng lạp hai mươi tám hạ, tháp an táng toàn thân tại chùa này. Sư nhiều lần nhận ân Đế sắc phong Thụy. Sư dung mạo khôi ngôi, bẩm tính thông tuệ, nối pháp Thiền sư Mục Am Pháp Trung.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Ngọ Thiệu Hưng năm thứ 20* | *Đại Kim Thiên Đức năm thứ 2* | *Tây Hạ* |
| *Tân Mùi Thiệu Hưng năm thứ 21* | *Thiên Đức năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

Đức Thế Tôn nhập diệt đến lúc này được hai ngàn một trăm năm.

***Tống:*** Thiền sư Phật Nhật ở Kính Sơn, Hàng châu: Sư họ Hề, húy Tông Cảo, quê ở Ninh Quốc, Tuyên châu, Giang đông. Sư nối pháp Thiền sư Phật Quả Viên Ngộ Khắc Cần. Trước đây trong năm Thiệu Hưng năm thứ bảy. Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Kính Sơn. Tháng năm Tân Dậu, Thiệu Hưng năm thứ mười một do Trương Cửu Thành thượng đường nói về Thần Tý cung, nên triều đình hủy hết y phục, độ điệp và đày Sư đến Hoành châu. Đến lúc này, tháng mười một năm năm thứ hai mươi mốt, Sư được đưa về Mai châu. Không lâu sau đó, Đế hạ chiếu cho Sư làm Sa-môn lại, được Đế cho về Bắc. Những pháp tịch chưa có người chủ trì ở bốn phương đều đến thỉnh nhưng Sư không nhận. Ngày hai mươi ba tháng mười hai, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Quảng Lợi Thiền Tự thuộc núi A-dục Vương, Minh châu. Năm thiệu Hưng năm thứ hai mươi tám, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ lại ở Kính Sơn. Mồng mười tháng tám niên hiệu Long Hưng Năm đầu, đời Hiếu Tông, Sư thị tịch ở Minh Nguyệt đường, Kính Sơn, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, Tăng lạp năm mươi tám hạ, an táng toàn thân ở núi này. Đế ban Sư thụy Phổ Giáo, tháp hiệu Bảo Quang.

Lúc Hiếu Tông còn làm Phổ An Quận Vương từng sai Nội Đô Giám đến Kính Sơn hỏi đạo, Sư dâng bài kệ rằng:

*Gốc lớn, khí lớn sức lực lớn*
*Gánh vác việc lớn chẳng tầm thường*
*Trên đầu sợi lông không tin tức*
*Khắp cõi rành rành chẳng giấu che.*

Vương rất hài lòng đến khi được phong Kiến Vương, Hiếu Tông sai nội tri khách đến Kính Sơn cúng dường năm trăm La-hán, tự tay viết ba chữ lớn:"Diệu Hỷ Am", viết bài tán gửi cho Sư ghi rằng:

*Sinh diệt chẳng diệt*
*Thường trụ chẳng trụ*
*Viên giác rỗng sáng*
*Tùy vật hiện ra.*

Hiếu Tông lên ngôi Hoàng Đế, ban cho Sư hiệu Đại Tuệ Thiền sư. Sư gom hết những bút tích mà Đế ban tặng trước đây, dùng Ngự bảo chép hết lại. Thánh ân quả sâu dày. Đệ tử nối pháp của Sư rất đông. Hữu tướng Thang Tư Thoái, Tham chính Lý Bính, Nội hàng Uông Tảo, Lễ bộ thị lang Trương Cửu Thành, Cấp sự trung Phùng Tiếp, sĩ đại phu từng tham học với Sư và thông đạt có ghi đủ trong Trường Thư Phổ Thuyết. Thiếu bảo Bảo tín quân Tiết độ sứ Ngụy Quốc công Trương Tuấn viết bài minh trên tháp. Đế cho Ngữ Lục của Sư nhập tạng lưu hành.

***Tống:*** Thiền sư Thảo Đường Duy Thanh: Sư húy Tu Ngưỡng, giữ chức Hội trung thư ký, người Nam Mân, trụ ở Bột Đàm, Long Hưng. Ngài Phật Nhật Tông Cảo phụng chỉ từ Hoành châu dời về Mai Dương, Ngưỡng đi theo hầu hạ. Quận thú Tạ Triêu Nghị chỉ Phật Nhật nói với các quan rằng: “Triều đình xếp đặt, người được gọi là trưởng lão chỉ có vị Tăng này mà thôi!” Binh mã ty Đông Thiên lần theo đường mòn đến với Sư ở. Về sau hằng ngày có đến vài trăm tăng. Đông Thiên cúng dường cọc dầm để làm bằng nền móng, chở tre cây đến dựng am thất. Quận thú thấy Phật Nhật chỉ một người khác và gọi người ấy là “Ông không dám lười biếng”. Quận thú tuy nghe nhưng thấy ai cũng siêng năng như nhau mà chẳng biết rốt cuộc là người nào. Thế là Quận thú cho một, hai người theo dõi Sư hay làm gì. Ngưỡng liền thừa lệnh, cùng Quận thú thong dong luận bàn những kỳ tài suốt cả ngày. Hết cổ rồi đến kim, hết trái rồi qua phải. Quận thú lại cho người đợi mãi đến canh năm xem thử có giấu người kỳ tài nào không. Ngưỡng liền nói, ở đây người biết hết đại Kinh Luận cũng có, người bác thông sử sách cũng

có, người tài giỏi về thi trí cũng có, người tao nhã lãng tử cũng có. Thế nhưng, điều mà họ chưa thể tỏ thông thấu đáo là đại sự nhân duyên của Phật, Tổ mà thôi. Vì thế họ chẳng ngại gian lao, đến hầu hạ nơi đây, được gần gũi với người chính trị nhân từ là điều may mắn không gì sánh bằng họ rồi.

Quận thú thất kinh khi biết đồ chúng của Sư toàn là kẻ sĩ vì pháp quên mình. Từ đó Quận thú càng rất kính trọng Thiền sư Phật Nhật, sai con mình chuyên tâm cầu đạo thẳng tắt của Sư. Phật Nhật khai thị pháp gồm tám thiên, hiện còn trong Ngữ Lục.

***Tống:*** Năm Thiệu Hưng năm thứ mười hai, Hiển Nhân thái Hoàng hậu Vy thị từ Bắc trở về. Đến lúc này, tháng mười hai năm năm thứ hai mươi mốt, Hoàng hậu dựng chùa mới tại núi Cao đình, Hàng châu xong, đặt tên là Sùng Tiên Hiển Hiếu, hạ chiếu thỉnh Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu thuộc đời năm thứ chín phái Động Sơn khai sơn trụ trì. Đế triệu Sư vào hỏi đạo, ứng đáp hợp ý, Đế ban cho Đại y viền vàng. Sau đó không lâu, Sư thị tịch, tháp an táng toàn thân trong chùa này, văn bia vẫn còn. Sư họ Ung, sinh ở Miên châu, đất Thục, nối pháp của Đan Hà Tử Thuần, Thuần nối pháp Phù Dung Đạo Giai. Thái hậu cho rằng Tứ Thánh quán của Đạo Gia đặt biệt có trợ giúp cõi âm nên đổi chùa Cô Sơn thành Diên Tường quán để phụng thờ hương hỏa, dời di hài của Pháp sư Pháp Tuệ Trí Viên trong chùa Cô Sơn về an táng tại đồi Mã Não trên núi này.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Thân: Thiệu Hưng năm thứ 22* | *Kim: Từ Phủ Hội Ninh dời đô về Yên Kinh. Thiên Đức năm thứ 4* | *Tây Hạ* |
| *Quý Dậu: Thiệu Hưng năm thứ 23* | *Kim đổi niên hiệu. Trinh Nguyên năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Đế hạ chiếu thỉnh Pháp sư Viên Trí ở núi Đông Dịch Thai châu, trụ trì Thượng Thiên Trúc. Thái sư Tần Cối hỏi:

- Chỉ quán là một pháp hay hai pháp?

Viên Trí đáp: Một pháp. Thí như nước lặng yên thì trong, đó là Chỉ. Dùng con mắt mà quán sát, đó gọi là Quán. Nước chỉ một mà thôi. Do tâm tánh chúng sinh, vốn có các bệnh như hôn trầm, tán loạn nên dùng Chỉ và Quán làm thuốc để cứu và trị bệnh, khiến chúng sinh đồng

quy về cái toàn thể của một pháp giới. Pháp giới vắng lặng gọi là Chỉ. Vắng lặng nhưng thường chiếu gọi là Quán. Thể chiếu soi và vắng lặng của Chỉ Quán lẽ đâu có hai!

Tần Cối gật đầu hài lòng, cúng năm vạn tiền để xây Pháp đường. Ngày mười hai tháng mười hai năm Thiệu Hưng năm thứ hai mươi tám, Pháp sư Viên Trí Chứng Ngộ quy tịch, Tào Huân soạn bài minh trên tháp. Đế hạ chiếu cho đệ tử thủ tòa của ngài là Nhược Nột kế thế trụ trì đạo tràng.

***Tống:*** Cấp sự trung Lô châu Thái thú Phùng Tiếp, tham học với Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo, tỏ ngộ tâm pháp, hiệu là Bất Động Cư sĩ. Sau khi về Nam, những tự viện nơi này hễ thiếu hoặc mất tạng kinh, ông liền ấn bản bổ khuyết cho đủ, cả thảy hơn năm ngàn quyển, gồm bốn mươi tám tạng (bản). Tứ Đại Bộ cũng vậy. Ông đến đâu, đều như một dân thường đàm đạo với Hiền sĩ, Đại phu, Cao tăng. Kế thừa di phong Liên xã của Lô Sơn, ông lập hội Hệ niệm Tịnh độ vào mỗi tháng. Đến lúc này, mùa Đông mồng ba tháng mười năm Quý Dậu, ông mặc quan phục hướng về hoàng cung lạy hai lạy xong, thay y phục đắp ba y Tăng-già-lê, lên tòa cao ngồi kiết già, nói kệ rồi qua đời.

***Tống:*** Pháp sư Viên Biện Đạo Sâm ở Ôn châu: Hễ đến cư ngụ nơi nào, vào ngày hai mươi ba mỗi tháng ngài đều lập Tịnh độ hệ niệm đạo tràng. Những vị giảng Sư, những vị thạc đức của Thiền, Luật đều đến tham dự. Tăng tục thường lên đến hơn vạn người. Đến lúc này, mùa Đông ngày mười sáu tháng mười hai năm Quý Dậu, ngài ngồi ngay thẳng quy tịch. Đệ tử nối pháp có Pháp Liên, Tuệ Tuân, Thân Thiều. Thiều soạn Chỉ Nam Tập hai quyển Tăng tục đều xem như báu vật. (Phật pháp Hệ Niên Lục)

***Toàn Chân Giáo:*** Nước Kim, Trinh Nguyên năm đầu, có một quan lại người Hàm Dương là Vương Trung Phu khởi xướng luận bàn về Toàn chân giáo, Mã Khâu Lưu phụ họa theo Phu, giáo phái này rất thịnh. Đời Chương Tông năm Thái Hòa năm thứ tư, Nguyên Học sĩ soạn Tử Vi Quán Ký.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Ngọ: Thiệu Hưng năm thứ 24* | *Trinh Nguyên năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Hợi: Thiệu Hưng năm thứ 25. Thái sư Tần Cối già bệnh, cáo quan và mất* | *Trinh Nguyên năm thứ 3* | *Tây Hạ* |
| *Bính Tý: Thiệu Hưng năm thứ 26* | *Kim: Đổi niên hiệu. Chánh Long năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Thiền sư Mã Kỳ ở Dư sơn, Hoa Đình: Sư họ Lý, húy Pháp Ninh, quê ở Cử huyện, Mật châu, Sơn Đông. Từ nhỏ Sư xuất gia với Diệu Không Minh Công ở Thiên Ninh, Nghi châu trụ ở chùa Tịnh Cư, núi Mã Kỳ, Nghi châu. Đầu năm Thiệu Hưng, Sư đi đường biển đến Thanh Long trấn thuộc Hoa Đình. Hôm đó con hầu của Sát Phán Chương Cổn Mẫu phu nhân Cao thị mộng thấy Thiên nhân đến nói: "Cổ Phật đến!" Sáng sớm hôm sau thì Sư đến, Cao thị nghinh Sư ngụ ở vườn nhà Tiền thị. Sư dựng tinh xá, khi đào móng gặp phải khánh sắt, bia vỡ và tượng Phật. Hoa Đình lệnh Liễu Ước đem cổ vật này báo với quan sở tại, tâu Đế xin dựng chùa, lấy tên là chùa Tịnh Cư. Sư qua Minh châu thăm Diệu Không ở Tuyết Đậu, lập am ở Bổ Đà Biệt Phong lấy tên là Thanh Sơn. Quận thú Mạc Tướng thỉnh Sư trụ trì Cát Tường. Trước đấy đời Triết Tông năm Nguyên Phù ở Dư Sơn có tinh xá Linh Phong, Sư xin sát nhập với Cát Tường đổi tên lại là Chiêu Khánh Thiền viện. Hữu thừa Chu Ngọc thỉnh Sư khai sơn trụ trì. Sư dời về Quảng Tuệ ở Minh châu, lại về Chiêu Khánh. Đến lúc này mồng tám tháng giêng năm Bính Tý, Sư quy tịch, tháp an táng toàn thân ở phía Đông phương trượng, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ. Sư nối pháp Tuyết Đậu Minh, Minh nối pháp Trường Lô Hòa, Hòa nối pháp Pháp Vân Thiện Bản, đều thuộc tông Vân Môn.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Sửu: Thiệu Hưng năm thứ 27* | *Đại Kim: Chánh Long năm thứ 2* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Dần: Thiệu Hưng năm thứ 28* | *Chánh Long năm thứ 3* | *Tây Hạ* |
| *Kỷ Mão: Thiệu Hưng năm thứ 29* | *Chánh Long năm thứ 4* | *Tây Hạ* |
| *Canh Thìn: Thệu Hưng năm thứ 30* | *Chánh Long năm thứ 5* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Đế hạ chiếu ban cho Tôn giả Từ Vân ở Thiên Trúc, Hàng châu thụy là Sám Chủ Thiền Tuệ Pháp Sư, tháp hiệu Thụy Quang.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Tỵ: Thiệu Hưng năm thứ 31* | *Kim: Thế Tông lên ngôi, đổi Chánh Long năm thứ sáu thành Đại Định năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Mùa thu tháng bảy năm Tân Tỵ, Kim Chủ là Lượng dời đô về Biện Kinh. Tháng chín, Lượng bội ước đánh Tống, Tống đế hạ chiếu thân chinh. Lượng rất ưa giết người, dấy binh gây họa. Lúc này hào kiệt nổi lên khắp nơi. Thái Danh Vương Hữu đánh thẳng vào Cảnh Kinh, Tế Nam. Thái Hàng Trần Tuấn khởi tập đạo quân Nhân Nghĩa. Hậu Duệ Khiết Đan là Da Luật Oa Oát cũng dấy binh ở sa mạc. Lúc này đội quân Bột Hải đến hơn vạn người phản lại Lượng. Lượng về Hội Ninh phủ lập Bao làm Đế (Bao đổi tên là Ung, cháu Thái Tổ, con Ký Chủ Tông Phụ). Tháng mười, Bao lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Đại Định. Tả Thừa Tướng Trương Hạo từ Biện Kinh chép chiếu văn đại xá đến báo với Lượng. Lượng than: "Trẫm muốn đợi sau khi bình định Giang Nam, sẽ lấy một đội quân nhân nghĩa đặt tên là Đại Định, lấy đó làm niên hiệu mới, nhưng người này đã làm trước ta rồi!" Lượng ra lệnh làm một cuốn sách bày tỏ việc này, rồi dự định cho việc đổi niên hiệu. Tháng mười một Ất Mùi, chư tướng tập họp binh đến hơn vạn người, cầm cung vào thẳng tẩm trướng của Lượng. Bọn Tả hữu thân quân đều bỏ chạy, chư tướng bắn vào trướng, tên tuôn như mưa, Lượng chết. Hoàng tử Quang Anh ở lại Biện Kinh cũng bị mọi người giết. Bao truy phế Lượng xuống làm Hải Lăng Vương, Thụy là Dương, Hoàng hậu Đan thị bị phế làm Hải Lăng Phu nhân. Bao lại đổ tên là Ung, đóng đô ở Yên Kinh. Ông tính nhân hậu, thương dân, cần kiệm, ở ngôi hai mươi chín năm. Người ta gọi ông là Tiểu Nghiêu Thuấn.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Ngọ: Thiệu Hưng năm thứ 32* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Thế Tông Ung, tháng giêng vào đóng đô ở Yên Kinh, đổi tên cũ của cha mình là Tông Phụ thành Tông Nghiêu, truy tôn thụy là Ý Tông, dựng chùa Đại Khánh Thọ ở phía Bắc Yên đô, hạ chiếu thỉnh

Thiền sư Huyền Minh Khải Công làm trụ trì Khai Sơn đời thứ nhất, lệnh cho Hoàng tử Yên Vương đến dâng hương, cúng hai vạn tiền và hai mươi mẫu ruộng tốt.

***Tống:*** Tháng hai, Đế từ Kiến Khang về phủ Lâm An. Tháng sáu, hạ chiếu cho cháu bảy đời của Thái tổ Hoàng Đế là Kiến Vương Vỹ đổi tên là Duệ và lập hoàng Thái tử. Truy phong con Hoàng huynh làm Tú Vương. Năm Bính Tý, Đế nhường ngôi, hoàng Thái tử lên ngôi Hoàng Đế. Đế tự xưng Thái thượng hoàng, ở cung Đức Thọ. Mùa Đông tháng mười, mưa dầm, Đế lệnh cho nội thị Đặng Tùng Ngãi đem hương đến cầu khấn trước tượng Bồ-tát Quán Âm trong chùa Thiên Trúc thượng. Lập tức trời quang mây tạnh. Đế vui mừng sai vương tôn tam phẩm trong nội phủ đến cúng dường tạ ân.

**Hiếu Tông:** Húy Duệ, được phong Kiến Vương, lập làm hoàng Thái tử, năm ba mươi sáu tuổi nhận và lên ngôi Hoàng Đế, lấy ngày hai mươi hai tháng mười làm tiết Hội Khánh. Ông thông minh, lấy lại được Thần châu. Tập họp hết những bề tôi có tâm tu hay khuyên Đế lại rồi làm văn chương nêu bày đức của họ, quan tâm đến nỗi khổ của dân, khuyến khích làm ruộng nuôi tằm, tu sửa đê điều, thưởng phạt công minh, mến tiếc người tài. Cứ năm ngày, Đế triều kiến Thái thượng hoàng một lần, phụng sự lưỡng cung rất chí thành. Ông trị vì hai mươi bảy năm, nhường ngôi cho Thái tử, tự xưng là Thái thượng hoàng, thọ sáu mươi tám tuổi. Niên hiệu Long Hưng hai năm, Càn Đạo chín năm, Thuần Hy mười sáu năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Mùi: Long Hưng năm đầu* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

***Ngự tán Quán Thế Âm Bồ-tát:*** Tháng bảy, Đế ngự ở điện Tuyển Đức, soạn bài tán Bồ-tát Quán Thế Âm rằng: "Đại Sĩ Quán Âm, sở dĩ được tôn xưng là do "dùng sức thần thông, thị hiện khắp chốn", ứng tích trên núi Thiên Trúc ở đất Hàng, việc ấy đến nay vẫn còn. Trẫm mỗi lần cầu nguyện, đều tùy nguyện mà cảm ứng, nào mưa nào tạnh, một khắc chẳng sai, đó là ngài trợ giúp cho kẻ hèn này vậy. Nhân đây xin làm lời tán thán:

*Lành thay! Đại sĩ, vốn tự viên thông*
*Nêu bày ngôn thuyết, cho đời noi theo*
*Sáng chiếu không hai, từ bi quán chiếu*
*Tùy cảm liền ứng, diệu chẳng nghĩ bàn.*

***Tống:*** Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Đại Thiền Liễu Minh ở Tưởng Sơn trụ trì Kính Sơn. Sư họ Lục, quê ở Tú châu, nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo. Dương Hòa Vương rất kính trọng Sư, đem thóc lúa của điền trang ở Tô châu mỗi năm cúng Sư hai vạn hộc. Từ đó Kính Sơn sung túc, Tăng chúng rất đông.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Thân: Long Hưng năm thứ 2* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 4* | *Tây Hạ* |
| *Ất Dậu: Càn Đạo năm đầu* | *Đại Định năm thứ 5* | *Tây Hạ* |
| *Bính Tuất: Càn Đạo năm thứ hai. Chiếu cho Đạo Xương ở Linh Ẩn trụ ở Tịnh Từ. Xương người Hồ châu, nối pháp ngài Phổ Đăng ở chùa Lộc Uyển, Bảo Khê* | *Đại Định năm thứ 6* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Hợi: Càn Đạo năm thứ 3* | *Đại Định năm thứ 7* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Mùa Xuân tháng hai, Đế ngự giá đến Thượng Thiên Trúc, đảnh lễ cúng dường Bồ-tát Quán Âm và hỏi trụ trì Nhược Nột rằng:

- Vì sao hằng năm phải tu Kim Quang Minh Sám?

Nột đáp: Đại Phạm Tôn thiên là chủ thế giới Ta-bà, Thích Đề-hoàn Nhân Thiên đế ngự cõi trời Tam thập tam chủ quản hạ giới, Tứ Trấn Thiên vương cùng phát nguyện hộ trì Chánh pháp, bảo hộ nhân dân, nên Đức Phật thuyết Kim Quang Minh Tam-muội cho chư Thiên, đây là kinh điển giúp Đế vương trị quốc an dân. Triều đình chu cấp hương hỏa nên năm nào cũng tụng niệm sám này.

Đế hài lòng, cất nhắc Nột làm Hữu Nhai Tăng Lục, cúng cho hai vạn tiền, khai sơn đạo tràng cũ của Đạo Dực ở Thạch Tấn, dựng mười sáu quán viện, lệnh cho Hàn lâm học sĩ Lâu Thược soạn bài ký, đem mô hình đó vào tái dựng trong nội thành. Năm sau, nhằm ngày Phật Đản, mồng tám tháng tư, Đế tuyên chỉ cho Nột thỉnh năm mươi tăng vào nội quán đường thực hành sám pháp Hộ Quốc Kim Quang Minh Tam-muội, trai phạn xong, Đế mời Nhược Nột thuyết pháp. Đế vừa ý, tiến phong

ngài làm Tả Nhai Tăng Lục, ban hiệu là Tuệ Quang Pháp Sư. Chư tăng mỗi người được Đế ban cho một xấp lụa. Từ đó, hằng năm như thường lệ, cứ vào ngày Phật đản, Đế ban cho năm mươi xấp lụa, giao cho Thượng Thiên Trúc để làm Phật Sự này.

Tháng mười năm Càn Đạo năm thứ sáu, Đế tự tay viết mười hai chữ lớn "Linh Cảm Quán Âm Chi Tự, Linh Cảm Quán Âm Bảo Điện" ban cho Thượng Thiên Trúc treo ở sơn môn. Mồng bảy tháng giêng năm Càn Đạo năm thứ chín, Đế triệu Nột vào điện Tuyển Đức để ứng đối. Đầu giờ Ngọ, Nột vào diện kiến, Đế ban chỗ ngồi, nói:

- Đầu năm Trẫm vừa thiết trai cúng Bồ-tát xong!

Ngài đáp: Bần Tăng đã nhận được Thánh ân.

Đế hỏi: Khoa nghi của Quang Minh Sám gồm những gì?

Ngài đáp: Trong ấy có Lý sám, có Sự sám. Lý sám tức là ngồi ngay thẳng cứu xét tâm mình, từ đó thấy ra nghiệp chướng như Sương móc, đều từ vọng tưởng sinh, ngồi ngay niệm thật tướng, tuệ nhật hay diệt trừ." Sự sám có năm loại:

1. Cẩn thận điều phục tâm, chí thành tư duy nghĩa không thậm thâm của Đại thừa, dốc tâm làm thiện, sửa hết lỗi lầm.

2. Hiếu để thờ cha mẹ, làm gương cho bốn biển

3. Đem chánh pháp trị đời, không làm khổ muôn dân

4. Trong sáu ngày trai, cả nước không sát sinh.

5. Tin sâu nhân quả, tâm nghĩ đến nhân quả, không quên lời phó chúc của Phật.

Không đợi phải lễ bái theo định kỳ, chỉ cần thường thật thi hành năm việc ấy, vận dụng Sự khế hợp với Lý, đó gọi là Đệ nhất nghĩa sám hối.

Đế vô cùng vui mừng, hân hoan tột bậc, hỏi:

- Hằng ngày thầy giảng kinh gì?

Ngài đáp:

- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

- Trong bảy quyển, vi diệu nhất là chỗ nào?

- Đó là "Vì khiến chúng sinh khai thị, ngộ nhập tri kiến Phật. Bản thể chưa từng động, như điểm sắt thành vàng, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật."

Đế hài lòng. Ứng đối tới giờ Mùi, ngài tạ ân xuống điện. Thuần Hy năm đầu, Đế cấp cho hai vạn tiền lấy từ quốc khố, giao cho Thượng Thiên Trúc xây dựng Tàng điện, cho ấn bản một tạng kinh, lệnh cho hoàng thái tử viết tấm biển ở điện là Pháp Luân Bảo Tạng. Mùa Xuân

tháng ba năm Thuần Hy năm thứ hai, Đế ngự giá đến Thượng Trúc, cúng dường lễ lạy Bồ-tát Quán Âm, tổ chức đạo tràng Hộ quốc Kim Quang Minh, ban cho quả ấn Bạch Vân đường để chủ quản giáo môn.

Mùa hạ, mồng một tháng sáu, Đế triệu ngài vào ứng đối ở nội Quán đường. Đế hỏi:

- Gần đây thầy xem kinh Bảo Tích, kinh văn ấy rộng không?

Ngài đáp: Kinh Hoa Nghiêm, Bát-nhã, Bảo Tích, Niết-bàn đều là những bộ kinh Phật nói cho hàng đại cơ, văn rất dài mà nghĩa cũng rất rộng.

Đế hỏi: Kinh Lăng-nghiêm huyền diệu sâu xa, nhưng tại sao nói, "được như vậy là tốt", lại nói "được như vậy là lời lẽ như sóng trào"?

Ngài đáp: Phật là người thấu đạt bản nguyên, từ thể khởi dụng, vận dụng Vô tận tạng Tam-muội, nói nín nhất như.

Trung sứ tâu, đã đến giờ Mùi. Ngài xuống điện. Năm Thuần Hy năm thứ mười một, ngài được tiến cử làm Tả Hữu Nhai Đô Tăng Lục, lui về ẩn cư tại Di-đà Hưng Phước viện ở Trúc sơn. Đế hạ chiếu cho đệ tử Thượng thư của ngài là Thủ Tòa Sư Giác được bổ làm Hữu Nhai Giám Nghĩa, kế thế trụ trì pháp tịch. Năm Thuần Hy năm thứ mười sáu, Đế triệu Sư Giác vào Nội quán đường, giữ lại bảy ngày để giảng Chỉ Quán viên đốn của Thiên Thai. Đời Quang Tông đầu năm Thiệu Hy, Đế ở cung Trùng Hoa, cho phép Nhược Nột được theo xa giá ra vào cung cấm. Ngài chú thích kinh Kim Cang, Bát-nhã dâng lên, Quang Tông ngự chế văn tán. Đến mồng một tháng mười năm Thiệu Hy năm thứ hai, Tăng Lục Nhược Nột quy tịch, thọ tám mươi hai tuổi, Tăng lạp sáu mươi chín hạ, an táng ở viện Di-đà Hưng Phước. Cấp Sự Trung Tống Chi Thụy soạn văn bia ghi hành trạng của ngài. Đệ tử nối pháp ngài có Tăng Lục Quảng Tuệ Diệu Khuê, Hư Am Hữu Hoằng, Thạch Gian Tùng Giới.

Ngày hai mươi hai tháng mười năm Thuần Hy năm thứ mười bốn Đế ở Nội quán đường viết một quyển Bát-nhã Tâm Kinh. Đến ngày mười tháng tư năm Gia Định năm thứ hai, Ninh Tông đem ngự bảo này ban cho Tăng Lục Diệu Khuê ở Thượng Trúc. Tham Tri Chính Sự Lâu Thược, Cấp sự trung Trâu Ứng soạn lời bạt, cất ở Thượng Trúc.

Ngày mười bảy tháng tư Pháp Sư Thảo Am Đạo Nhân ở Diên Khánh Giáo tự, Minh châu quy tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, tăng lạp sáu mươi mốt hạ. Từ nhỏ, ngài vân du khắp nơi, đến giảng đường của Minh Trí Chiếu Tuệ, rồi vào Thiền thất của Chân Hiết Thanh Liễu, Hoằng Trí Chánh Giác, Vô Thị Kham, cuối cùng quay về đọc Chỉ Yếu

Sao mới đại ngộ. Lúc đầu ngài trụ ở Diên Khánh, niêm hương nguyện rằng: “Ba lần vào Thiền thất, năm lần đến giảng đường, cả thảy thân cận tám Thiện tri thức. Các ngài là bậc đức lớn sáng rỡ, có đức có ngôn cú nhưng duyên con không phải ở đó, như nước giọt trên đá tảng. Một nén hương này, kính làm người thừa tự đời thứ nhất của Diên Khánh là Pháp Trí Tôn giả. Sống thì làm người, chết thì làm sách, tâm không cô phụ người, mặt không sắc thẹn.” Đời Cao Tông, năm Thiệu Hưng (Bính Dần) ngài lui về ở ẩn trong Thảo am ở thành Nam, đem đạo mầu nhiệm mà thường ngày thâm nhập viết thành Thảo Am Lục mười quyển, lời lẽ văn từ rất chân thật, ai nấy đều thích đọc.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Tý: Càn Đạo năm thứ 4* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Mồng một tháng mười, Đế hạ chiếu cho Thiền sư Khải ở Đại Khánh Thọ tự dựng Thanh An Thiền Tự ở Đông Kinh, độ năm trăm tăng, soạn Ban Cầm ở Sất Hội.

***Tống:*** Mồng ba tháng mười hai, tại chùa Diên Thọ ở Minh châu, Pháp Sư Hữu Bằng ngồi ở Thanh Ngọc Hiên, đại chúng vây quanh tụng Quán Kinh, tụng đến Chân Pháp Giới Quán, ngài an nhiên quy tịch.

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Sửu: Càn Đạo năm thứ 5* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 9* | *Tây Hạ* |
| *Canh Dần: Càn Đạo năm thứ 6* | *Đại Định năm thứ 10* | *Tây Hạ: Càn Hựu năm đầu* |

***Kim:*** Thế Tông Chân Nghi Hoàng hậu xuất gia làm Ni, dựng chùa Thùy Khánh, độ cả trăm ni, Đế ban cho hai trăm mẫu ruộng.

***Tống:*** Mùa Đông, ngày rằm tháng mười, Đế hạ chiếu cho Thiền sư Tuệ Viễn vốn là tiền trụ trì Sùng Tiên Hiển Hiếu Thiền viện ở núi Cao Đình, Hàng châu làm trụ trì Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền tự. Ngày hai mươi ba tháng hai năm sau, Đế triệu ngài vào điện Tuyển Đức để ứng đối. Đế mời ngài ngồi và hỏi:

- Làm thế nào để tránh được sinh tử?

Tuệ Viễn đáp: Không tỏ ngộ đại thừa thì trọn không tránh được.

Đế hỏi:

- Làm thế nào để tỏ ngộ được?

- Tánh vốn có ấy, nếu cứu xét thì không ai chẳng tỏ ngộ.

- Sau khi ngộ thì thế nào?

- Sau khi ngộ rồi, thì mới thấy giống như thoát thể hiện tiền, hoàn toàn không có mảy may tướng trạng để nhìn thấy.

Đế gật đầu đồng ý, hỏi tiếp:

- Tức tâm tức Phật là thế nào?

Ngài đáp:

- Trước mắt không có pháp, bệ hạ gọi cái gì là tâm!

- Thế nào là tâm?

Ngài vòng tay đứng thẳng nói: Là thế này này!

Đế rất hài lòng. Ngày hai mươi tám tháng giêng, mùa Xuân năm Càn Đạo năm thứ tám, Đế xa giá đến chùa Linh Ẩn. Mùa Thu mồng bảy tháng tám, Đế triệu tăng đạo tam giáo của Thượng Trúc, Kính Sơn, Linh Ẩn tập trung ở Nội quán đường. Ngọ trai xong, Đế triệu ngài vào Đông Các, ban chỗ ngồi và nói:

- Trẫm có một hai việc muốn hỏi khanh. Hôm trước Trẫm ngủ nằm mộng, bỗng nghe tiếng chuông liền tỉnh giấc, chẳng biết mộng và tỉnh đó nó như thế nào?

Ngài đáp: Bệ hạ hỏi mộng hay là hỏi giác (tỉnh), nếu hỏi giác thì nay chính là nói sảng; nếu hỏi mộng thì mộng giác không khác, vậy bảo ai phân biệt được! Mộng tức là huyễn, biết huyễn liền lìa, lìa huyễn tức giác, tâm giác không động, nên nói “Nếu hay chuyển vật, liền đồng Như Lai”.

Đế hỏi: Mộng huyễn đã chẳng phải vậy tiếng chuông từ đâu mà có?

- Từ ngay chỗ Bệ hạ hỏi mà có.

Đế lại hỏi: Hôm trước Trẫm đang ngồi tĩnh tọa ngay Các này, đột nhiên nghĩ đến câu “chẳng cùng muôn pháp làm bạn”, Trẫm có chỗ thấy.

Ngài nói: Xin nghe Bệ hạ!

Đế nói: Bốn biển chẳng phải là nhiều.

Ngài nói: Một hớp hút cạn nước Tây Giang thì thế nào?

- Cũng chưa từng thiếu hụt.

- Vừa dấy tư duy liền thành pháp thừa. Giả sử như có lâu năm hay chỉ thoáng qua cũng đều không dính dáng, vì sao vậy? Vì pháp không có hai pháp, thấy cũng không có hai cái thấy, tâm không có tâm khác, trời không có hai mặt trời.

Đế gật đầu rất lâu. Ngày ba mươi tháng mười mùa Đông, Đế hạ

chiếu đặc biệt cải hiệu ngài là Phật Hải Thiền Sư. Ngày ba mươi tháng năm, Thuần Hy năm đầu, Đế triệu ngài vào ứng đối. Đế hỏi:

- Xưa các bậc Tông sư người thì đứng mà tịch, người thì ngồi mà hóa, còn đời nay có những ai?

Ngài đáp: Thời Huy Tông Hoàng Đế đổi Tăng thành Đức sĩ, ngày mà Đế hạ chiếu, ở Kiến châu có Trưởng lão Sùng Ninh, ngài nhóm chúng, thăng tòa, nói: "Cây gậy đưa lên, tọa cụ buông xuống, mây tan nước chảy mãi, vắng lặng trời đất không." Nói xong ngài ngồi yên quy tịch. Năm Thiêu Hưng năm thứ hai mươi bảy, ngài Tông Hồi ở chùa Tây Nghiễm, Nam Kiếm châu, nhân có quan mời dự tiệc trà, ngài lên tòa nói bài kệ:

*Quan phủ mời hoài chẳng tạm ngưng*
*Chi bằng chết quách việc rõ ràng*
*Từ xưa có khúc vô sinh ấy*
*Âm điệu sáng nay đã nhịp nhàng.*

Nói xong ngài ngồi yên mà tịch. Lại nữa lúc Viên Ngộ trụ ở Chiêu Giác, đại chúng đến năm trăm người, đệ nhất tòa là Đạo Tổ. Một hôm, khai thị cho chúng nhập thất xong, lại có vị Tăng hỏi: Sinh tử đến làm sao mà tránh?

Đạo Tổ liền an nhiên thị tịch. Viên Ngộ đến trượng thất của ngài liên tục réo gọi Thủ tòa Tổ, ngài bèn mở mắt, Viên Ngộ nói:

- Hãy phấn chấn tinh thần mà xuyên qua cửa ải!

Đạo Tổ gật đầu rồi tịch. Đó là những vị đứng mà tịch, ngồi mà hóa của đời nay.

Đế vui mừng tán thán giây lâu. Ngự thị đều đưa mắt nhìn.

Mùa Xuân rằm tháng giêng năm Thuần Hy năm thứ ba. Tuệ Viễn nhập tịch thọ bảy mươi bốn tuổi, Tăng lạp năm mươi chín hạ, an táng ở núi Tây của Linh Ẩn. Tham Chính Chu Tất Đại soạn bài minh trên tháp. Ngài có bộ Ngữ Lục ba quyển, tả tướng Ngu Doãn Văn viết bài tựa. Ngày hai mươi chín tháng hai, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Đức Quang ở chùa Báo Ân Quang Hiếu, Thai Châu kế thế ngài, trụ trì Linh Ẩn. Mùa đông tháng mười một, Đế triệu Sư vào ứng đối ở điện Tuyển Đức. Thuần Hy năm thứ năm, Đế ban cho Đức Quang hiệu Phật Chiếu Thiền Sư. Mồng năm tháng sáu năm Thuần Hy năm thứ bảy, Đế hạ chiếu cho Sư trụ chùa Quảng Lợi, núi A-dục vương, Minh châu. Đến đời Quang Tông, ngày hai mươi sáu tháng giêng năm Thiệu Hy năm thứ tư, Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ chùa Hưng Thánh Vạn Thọ ở Kính Sơn, phủ Lâm An. Đời Ninh Tông năm Gia Thái năm thứ ba, Sư nhập tịch. Sư họ Bành,

quê ở Lâm Giang quân, nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

Thiền sư Phật Hải họ Bành húy Tuệ Viễn, quê ở My Sơn. Năm mười ba tuổi, ngài theo Sư Tông Biện ở viện Dược Sư xuất gia làm Tăng vân du khắp nơi để học hỏi, gặp lúc Viên Ngộ lãnh lại Chiêu Giác, ngài theo Viễn tham học. Trong một lần phổ thuyết, Viên Ngộ cử việc Bàng Cư sĩ hỏi Mã Tổ “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là ai” Mã Tổ đáp: Đợi khi nào ông uống một hớp cạn hết nước Tây Giang ta sẽ nói cho ông nghe!” Ngài nghe đến đây, hoát nhiên đại ngộ. Ngài về đông trụ ở Khúc Khâu, rồi phụng chiếu trụ viện Sùng Tiên, núi Cao Đình, nhiều lần dời qua ở những chùa nổi tiếng, nối pháp Thiền sư Phật Quả Viên Ngộ Khắc Cần.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Mão: Càn Đạo năm thứ bảy.Ngày hai mươi tháng giêng,Thiền sư Tịnh Từ Đạo Xương đời năm thứ tám, Tông Vân Môn quy tịch* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 11* | *Tây Hạ: Càn Hựu năm thứ 2* |

***Tống:*** Tháng tư, Canh Tuất, Đế lâm triều nói với Tả hữu: “Thái Tổ Hoàng Đế hỏi Triệu Phổ: Trong thiên hạ cái gì là lớn nhất? Phổ đáp: Đạo lý là lớn nhất” Trẫm thường tư duy lời này. Tổ tông mỗi một việc đều hỏi đến đạo lý thì lo gì đất nước không thịnh trị.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Thìn: Càn Đạo năm thứ 8* | *Đại Định năm thứ 12* | *Tây Hạ* |
| *Quý Tỵ: Càn Đạo năm thứ 9* | *Đại Định năm thứ 13* | *Tây Hạ* |

Duyên Khởi Bồ-tát Quán Thế Âm Ứng mộng: Đời Tống, mồng bảy tháng giêng, Đế tuyên chiếu triệu Tả Nhai Tăng Lục ở Thượng Thiên Trúc là Pháp Sư Tuệ Quang Nhược Nột vào ứng đối trong điện Tuyển Đức. Đế hỏi:

- Thượng Trúc hình thành đến nay đã bao lâu rồi?

Nột đáp: Hình thành từ đời Thạch Tấn năm Thiên Phước năm thứ tư. Hồi ấy Tăng là Đạo Dực lập am trong núi, đêm nào cũng thấy ngọn núi trước am phát ra ánh sáng lớn. Ngài theo đó tìm quả nhiên được gốc cây lạ, bèn đốn về và khắc Thánh tượng. Đêm mộng thấy Thần nhân

đến nói "Ngày mai có vị Tăng từ Lạc Dương đến, nên theo ông ấy mà xin xá-lợi." Quả nhiên ngài xin được ba hạt xá-lợi, đem đặt trên đỉnh đầu tượng Bồ-tát đời Thái Tổ, trong năm Khai Bảo, Ngô Việt Trung Ý Vương Tiền Thục mộng thấy Bạch y Tiên nhân đến nói: "Ta ở một nơi rất chật hẹp". Tỉnh giấc, Vương tìm hiểu sự thật và xây dựng nơi đó rất rộng rãi khang trang, đặt tên là Thiên Trúc khán kinh viện. Đời Anh Tông trong năm Trị Bình, Thẩm Văn Thông, Thái Tương Kế làm Thái thú Hàng châu, tâu trình hết ngọn ngành, Tể tướng Tăng Lượng tâu lên, Đế ban cho tấm biển là Linh Cảm Quán Âm Viện. Nay nhờ Thánh ân của Bệ hạ, đã đổi viện thành chùa và trở thành ngôi Bảo điện nguy nga.

***Trong Cảm Sơn Ký Đàm ghi:*** Tăng đất Thục là Tổ Tú, tự Tử Chi, thuở nhỏ tài văn chương đã nổi danh trong hàng sĩ đại phu, mến mộ gia phong của Minh Giáo Khế Tung, soạn Âu Dương Văn Trung Công Ngoại Truyện. Tô Dưỡng Trực viết bài tựa ở đầu Truyện, đại lược ghi: "Quân tử cho rằng, giáo pháp của Phật không có mặt trong thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang. Nhưng sau Khổng Tử, Mạnh Kha, lịch đại Tiên nho, dù đương thời cấm cản không ít, vẫn cho phép Phật pháp truyền vào cấm cung. Xưa nay dựa vào đó, người ta luận bàn là có chứng cứ. Chỉ riêng Tú Công thì cho rằng, Đan Chu của Đế Nghiêu không đủ khả năng nắm quyền chính nên nhường ngôi cho Đế Thuấn. Đế Thuấn cũng lo Thương Quân không đủ tài nên mới nhường ngôi cho vua Vũ. Đến vua Thang, Vũ Vương thì thay đổi chính mệnh, Phật giáo cũng bắt đầu khởi nguyên, khiến Khổng Tử thực thi mọi việc, có gì khác với pháp đâu! Từ Đế Nghiêu đến Vũ Vương, Phật chưa đản sinh. Sau khi Thành vương, Khang vương băng hà, Phật mới bắt đầu thị hiện nhưng chưa truyền vào Trung Quốc, đợi đến khi Thánh nhân sinh ở đất Lỗ, tập đại thành hết giáp huấn của những Đế vương xưa. Kịp lúc thay! Khi Thánh nhân bị khốn ở Lỗ, Vệ, Trần, Tống, muốn sang ở với Cửu Di, chống bè lênh đênh cùng biển, lúc ấy giáo pháp xa ngàn muôn dặm lại truyền đến Trung Quốc. Thiên Tử chư hầu ai được nghe đây! Pháp Phật không có truyền càn, nếu chẳng phải nhờ Hiển Tông (Hậu Hán Minh đế) cảm mà tìm cầu từ phương xa thì sợ rằng vẫn chưa thể ứng nhanh như vậy".

Đó là bộ sách của Tú công ở kinh đô, là lời luận bàn làm kinh hãi người xưa, chấn động người nay, dài đến mấy vạn lời. Tổ Tú còn làm bài tán trước tượng Đông Pha rằng: "Tư mã, Dương Vương của Hán; Thái Bạch, Tử Ngang của Đường, năm bậc Quân tử này đều sinh ở Thục quận, nhưng vẫn chưa bằng Phu tử mà có Cảnh Quang. Kinh Thi

của Phu tử, người nổi bật chỉ có Tử Mỹ; văn chương của Phu tử, người sánh ngang chỉ có Tử Trường. Phú cũng giỏi hơn Khuất Giả, Chữ lại mạnh hơn Chung Vương. Đây là tuyệt kỹ của Phu tử che lấp hết trấu cám của Chí đạo. Đạo của Phu tử đó là Hậu Tắc, Y Doãn có thể đưa ông lên ngang thời với Đế Nghiêu Đế Thang mà luận thì phải thêm phu việt (dụng cụ để chém ngang lưng), nhưng Phu tử lại càng được ca tụng trong thời văn hóa thịnh trị. Sự đổi dời của đất trời cũng giống như về lại quê xưa, thì tin chắc năm hào kiệt của Thục quận chẳng ai thấy được cái điềm nhiên của Phu tử."

Đến lúc này, năm Quý Tỵ, Tổ Tú lui về quy ẩn ở Thục Sơn.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Ngọ: Thuần Hy năm đầu* | *Đại Kim Đại Định năm thứ 14* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Thục phi Trần thị dựng viện Công Đức ở Nam Sơn, Hàng châu, Đế ban cho tấm biển là Ninh Thân Quảng Phước. Mồng tám tháng tư, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Trung Nhân ở chùa Linh Phong, núi Nhạn đãng, Ôn châu vào ứng đối trong điện Tuyển Đức. Ngài đối đáp hợp ý, Đế rất hài lòng. Đời Huy Tông trong năm Tuyên Hòa tại điện Khánh Cơ, Trung Nhân từng được Đế ban cho độ điệp thế phát, ra vào dịch trường, nghiên cứu tận lý Kinh Luận. Về sau, ngài đắc pháp với Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Mùi: Thuần Hy năm thứ 2* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 15* | *Tây Hạ* |
| *Bính Thân: Thuần Hy năm thứ 3* | *Đại Định năm thứ 16* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Dậu: Thuần Hy năm thứ 4* | *Đại Định năm thứ 17* | *Tây Hạ* |

Cửu Thế Đồng Cư: Nước Kim: Doãn Bí ở Trịnh châu có chín đời đồng cư. Tháng ba, Đế hạ chiếu miễn thuế ba năm, tự tay viết "Sắc lệnh ban cho họ Doãn, nhằm nêu cao gia phong hiếu nghĩa".

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Tuất: Thuần Hy năm thứ 5* | *Đại Định năm thứ 18* | *Tây Hạ* |

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Hợi: Thuần Hy năm thứ 6* | *Đại Định năm thứ 19* | *Tây Hạ* |
| *Canh Tý: Thuần Hy năm thứ 7* | *Đại Định năm thứ 20* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng giêng, Đế sắc lệnh cho dựng Ngưỡng Sơn Thê Ẩn Thiền tự ở Nam Sơn, Yên Kinh, hạ chiếu thỉnh Thiền sư Huyền Minh Khải Công khai sơn, ban ruộng, mở pháp hội cúng hơn vạn người.

***Tống:*** Mùa thu, Đế triệu Thiền sư Bảo Ấn ở chùa Tuyết Đậu, Minh châu vào ứng đối trong điện Tuyển Đức. Đế nói:

- Thánh nhân của Tam giáo đồng một đạo lý này.

Bảo Ấn đáp:

- Thí như hư không, đông tây nam bắc, ban đầu không có hai

Đế hỏi:

- Nhưng cửa ngõ mà Thánh nhân lập thì không đồng, như Khổng Tử lấy Trung Dung mà lập giáo vậy.

Ấn nói:

- Không phải Trung Dung thì lấy gì để an lập thế gian, nên Kinh Pháp Hoa ghi: "Ngôn ngữ trị thế, làm lớn mạnh sinh trưởng nghiệp vv... vẫn không trái nghịch với Thật tướng." Kinh Hoa Nghiêm ghi: "Không hoại tướng thế gian, mà thành pháp xuất thế."

Đế nói: Ngày nay, sĩ đại phu học theo Khổng Tử thì rất nhiều, nhưng họ chỉ giỏi về văn tự ngôn ngữ, không thấy đạo của Phu tử, chẳng biết tâm của Phu tử, chỉ có họ Thích là không dùng văn tự dạy người, chỉ thẳng nguồn tâm, liền khiến ngộ nhập, không loạn trong đầu mối sinh tử, đó là rất thù thắng.

Ấn nói: Chẳng phải riêng gì người học đời sau này không thấy được tâm của Phu tử mà ngay đương thời, chẳng hạn Nhan Tử là người được tôn xưng là đầy đủ bản chất, cả đời tận lực, nhưng chỉ nói được "Nhìn cái trước mắt, chứ cái ở sau làm sao thấy được" nếu sở lập cao chót vót thì rốt cuộc cũng vẫn còn tìm tòi mà chưa nắm bắt được. Nhưng Thánh nhân rõ ràng đã dùng tám chữ để khai thông "Các ông cho ta giấu điều gì chăng!" Ta không giấu giếm điều gì cả, những gì ta không làm thì ta không nói với các ông, đó là bản chất của Khâu này! Từ đó mà xét, Thánh nhân chưa từng tránh né các đệ tử, nhưng các đệ tử tự tạo ra lỗi lầm. Xưa Trương Thương Anh nói: "Ta học Phật rồi sau mới biết đến Nho." Lời ấy quả chí lý.

Đế nói: Ý trẫm cũng cho là vậy, thế còn Trang Lão là người thế nào?

Ấn đáp: Chỉ là hạng người từ Thanh văn Tiểu thừa trở xuống trong Phật pháp mà thôi. Bởi Tiểu thừa chán ghét thân này như gông cùm, bỏ trí như bỏ các chất độc, hóa lửa đốt thân, vào cảnh giới vô vi, giống như Trang tử gọi là “Hình hài đương nhiên phải khiến nó như cây khô, tâm thức cố nhiên phải làm nó như tro lạnh.” Còn như Đại thừa thì không cho là vậy, họ độ hết chúng sinh mới chứng Bồ-đề, giống như Y Doãn gọi là: “Ta phải làm cho muôn dân hiểu biết trước. Đem cái đạo ấy mà giác ngộ muôn dân, hễ có một người tức là ân trạch của ta chưa trùm khắp. Nếu đã rộng khắp thì lòng ta mới thật Sự mãn nguyện.

Đế rất hài lòng, hạ chiếu thỉnh ngài trụ Hưng Thánh Vạn Thọ Thiền tự ở Kính Sơn. Mùa Xuân tháng hai năm Thuần Hy thứ mười, Đế tự tay chú giải kinh Đại Phương Quảng Viên Giác, sai Trung Sứ đem đến tặng ngài, cho phép viết bài tựa khắc bản lưu hành. Năm Thuần Hy năm thứ mười lăm, Bảo Ấn xin cáo lão. Đế thuận ý cho ngài lui về ẩn cư, ban tên am là Biệt Phong. Đời Quang Tộng, tháng mười một niên hiệu Thuần Hy năm đầu, ngài đến chùa này nói lời từ biệt với Thiền sư Giao Thừa Trí Sách. Sách hỏi lúc nào đi, ngài đáp: “Nước đến thì đê thành”. Ngài về lại Biệt Phong, lấy giấy viết chín chữ “Thập nhị ngoạt sơ thất dạ kê minh thời” (đêm mồng bảy tháng mười hai lúc gà gáy). Đúng ngày giờ đó, ngài quy tịch. Môn nhân phụng di thể về lại chùa, an trí bảy ngày trong pháp đường, thần sắc của ngài vẫn tươi nhuận, tóc vẫn dài, cổ vẫn ấm, an táng gò Tây của am này. Đế ban thụy là Từ Biện Thiền Sư, tháp hiệu Trí Quang. Ngài nối pháp Thiền sư Hoa Tạng Dân. Dân họ Chu, sinh ở My Châu, nối pháp Viên Ngộ Phật Quả Khắc Cần. Từ Biện húy Bảo Ấn, họ Lý, sinh ở Gia châu, từ nhỏ thông suốt lục kinh nhưng chán ghét thế tục, mới theo ngài Thanh Tố ở Đức Sơn xuất gia, sau khi thọ Cụ túc, nghe giảng Hoa Nghiêm, Khởi Tín nhận lãnh hết yếu chỉ từ biệt ra đi, gặp lúc Viên Ngộ về lại Chiêu Giác, ngài theo Viện Ngộ tùy chúng vào thất được đại ngộ và nối pháp Phật Quả Khắc Cần. (Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên)

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Sửu: Thuần Hy năm thứ 8* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 21* | *Tây Hạ* |

***Nguyên Đạo Luận:*** Tống đế ngự tán luận rằng: “Trẫm xem Nguyên Đạo của Hàn Dũ. Dũ cho rằng Phật Lão hỗn tạp, tam giáo bưng bít nhau

nhưng chưa ai có thể biện luận được. Vả lại văn rườm ra mà lý quanh co xét đến chỗ dụng tâm của Thánh nhân thì chưa thật rõ ràng. Vì sao vậy? Vì họ Thích chuyên nghiên cùng tánh mệnh, vượt ngoài hình hài, không chấp danh tướng, đối với việc đời hoàn toàn chẳng vướng mắc thì lấy gì để hợp với lễ nhạc nhân nghĩa. Thế nhưng từ lâu, họ đã lập ra giới là không sát sinh, không tà dâm, không trộm cắp, không uống rượu, không nói dối. Phàm không sát hại là Nhân, không tà dâm là Lễ, không trộm cắp là Nghĩa, không uống rượu là Trí, không nói dối là Tín. Như vậy so với Trọng Ni có gì xa đâu! Thong dong nơi Trung đạo là Thánh nhân vậy. Điều mà Thánh nhân làm cái gì chẳng phải là lễ nhạc, cái gì chẳng phải là nhân nghĩa, nhưng làm sao mà gọi tên được. Thí như trời đất vận hành, âm dương tuần hoàn chẳng có đầu mối, lẽ đâu có ý phân biệt xuân hạ thu đông ư? Đó là do người đời cưỡng gọi thế thôi, cũng giống như Sự khác nhau giữa nhân nghĩa lễ nhạc vậy. Thánh nhân sở dĩ thiết giáo để trị đời là vì cái thế phải như vậy. Nhân cưỡng gọi ấy rồi suy lượng tìm cầu, đó chính là đạo. Đạo là tông của Nhân nghĩa lễ nhạc. Nhân nghĩa lễ nhạc cố nhiên là dụng của đạo. Dương Hùng bảo rằng Lão thị bỏ nhân nghĩa, diệt lễ nhạc, nhưng nay lần theo thư tịch của Lão tử thì thấy ông có ba điều đáng quý đó là: Từ, kiệm, khiêm cung (không dám làm gương cho thiên hạ). Khổng Tử nói đến: Ôn hòa, lương thiện, cung kính cần kiệm, khiêm nhường và lại nói chỉ có lòng nhân là lớn, như vậy lòng Từ mà Lão Tử nói đó lẽ đâu chẳng phải sự to lớn của lòng nhân đó ư! Nói không dám làm gương cho thiên hạ há chẳng phải cái bao la của khiêm nhường đó sao! Còn bàn đến chỗ hiểu đạo thì mỗi bên có cách nêu bày khác nhau. Điều đáng quý là nó trong sạch, thống nhất. Thật vậy, Phật giáo so với Khổng Thánh lẽ nào nghịch nhau! Bởi ngọn nguồn của tam giáo, những kẻ mê muội cố chấp tự cho là khác mà thôi. Phàm Phật, Lão đều dứt niệm, vô vi, sửa đổi thân tâm mà thôi. Điều mà Khổng Tử dạy để trị thiên hạ, cách thi thiết riêng nên thấy không giống, thí như cày là để cày đất, cái thoi là để dệt vải. Người học đời sau rối bời, nhầm lẫn nên đánh mất cái lý của nó. Có người hỏi: “Phải làm thế nào để bỏ sự nhầm lẫn ấy?”

Đáp: Lấy Phật sửa tâm, lấy Lão sửa thân, lấy Nho trị đời, như vậy mới may ra. Chỉ có Thánh nhân mới hay làm cho đồng nhau được, điều ấy không thể không bàn. (Triều Thánh Chính Lục)

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Dần: Thuần Hy năm thứ 9* | *Đại kim: Đại Định năm thứ 22* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Mùa Xuân ngày mười chín tháng hai, Tôn giả Giải Không Khả Quán ở Đường Hồ Tú châu, đệ tử năm thứ tư của Tứ Minh Pháp Trí quy tịch, hưởng thọ chín mươi mốt tuổi, tăng lạp bảy mươi tám hạ. Từ nhỏ ngài theo Sa Khê Trạch Khanh nghe giảng kinh lãnh hội yếu chỉ. Ngày nọ, nghe cử Bát-nhã, ngay lời vắng lặng, ngài hoát nhiên đại ngộ nói: "Chẳng khác nào uống liều thuốc hạ nhiệt!" Trạch Khanh hứa khả. Ngài lại yết kiến Pháp sư Tuệ Giác ở Hồ châu. Ngài ngồi bên cửa sổ, bên ngoài tuyết rơi mà đọc bộ Chỉ yếu, đến câu: "Nếu chẳng cho rằng giường sắt thật chẳng khổ, biến dịch chẳng đổi dời", ngài vui mừng nói: "Văn tự ngôn ngữ thế gian toàn là trấu cám mà thôi!" Hồi ấy, đời Cao Tông, năm Thiệu Hưng Mậu Ngọ, ngài trụ trì Đức Tạng ở Đương Hồ. Đến lúc này, mùa Thu năm Càn Đạo năm thứ bảy, tả tướng Ngụy Kỷ đang ở Bình Giang thỉnh ngài trụ chùa Bấc Thiền Thiên Thai. Ngày chín, ngài vào viện chỉ pháp tòa nói:

*Trong lòng một tấc tro đã lành*
*Trên đầu ngàn sợi tuyết chưa tan*
*Tuổi già nên đi nơi bằng phẳng*
*Chẳng biết cớ gì ráng lên cao.*

Người nghe đều vui vẻ kính phục. Ngụy Kỷ làm châu mục Cận châu thỉnh ngài trụ tổ đình Diên Khánh. Lúc này, ngài đã tám mươi chín tuổi, không đầy hai năm sau ngài về Trúc Am và quy tịch. Ngày trà-tỳ không gió, không mưa, vô sự, người trong làng hãnh diện gọi đó là ngày "Tam vô sự". Khói bay đến đâu nơi ấy đều có xá-lợi, tháp được dựng ở viện Đức Tạng. Tác phẩm của ngài gồm: Lăng-nghiêm Bổ Chú bốn quyển, Kim Cang Thông Luận Sự Uyển hai quyển, Viên Giác Thủ Giám một quyển, Lan-bồn Bổ Chú một quyển, Sơn Gia Nghĩa Uyển hai quyển, Thảo Lục một quyển. Sinh thời, ngài đề xướng tông chỉ, như tụng bốn câu về Trung luận:

*Pháp nhân duyên sinh trong Trung luận*
*Một câu gồm đủ không lời thừa*
*Tôi nói tức là không, giả, trung*
*Rèm châu cuốn mưa non Tây ấy.*

Ngài lại tụng về Thuyền tử:

*Bao phen từ chối ở Giáp Sơn*
*Trăng sáng hoa lau mấy bận hờn*
*Thuyền Tử cố nhiên không làm được*
*Chợt đến nơi này cậu thích hơn.*

Nối pháp ngài có Tông Ấn v.v... Ấn họ Trần, con quan chủ quản

muối ở Hàng châu, năm mười lăm tuổi, thọ Đại giới, tham học, đắc đạo với Trúc Am, ẩn cư am Mao thị trên Lôi Phong. Sau qua Hoa Đình Phổ Quang, rồi về Tú châu Đức Tạng, lại dời qua Siêu Quả ở Hoa Đình, Bắc Thiền ở Tô châu, Linh Sơn ở Thiên Trúc. Ninh Tông triệu Tông Ấn vào điện Tuyển Đức ứng đối, ban hiệu Tuệ Hạnh Pháp Sư. Năm Gia Định năm thứ sáu, ngài đi hành hóa, mồng tám tháng mười hai đến Tùng Giang, ngài nói với đồ chúng: "Ta hóa duyên xong ở chỗ này". Nói xong, ngài nằm nghiêng bên phải quy tịch.

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Mão: Thuần Hy năm thứ 10* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 23* | *Tây Hạ* |
| *Giáp Thìn: Thuần Hy năm thứ 11* | *Đại Định năm thứ 24* | *Tây Hạ* |

***Hạo Thiên Tự:*** Tháng hai, Đại Trường công chúa nước Kim bỏ ra ba trăm vạn tiền xây chùa ở thành Yên Kinh, đặt tên là Hạo Thiên, cấp cho trăm mẫu ruộng, mỗi năm độ mười tám Tăng ni.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Tỵ: Thuần Hy năm thứ 12* | *Đại Kim: Đại Định năm thứ 25* | *Tây Hạ* |
| *Bính Ngọ: Thuần Hy năm thứ 13* | *Đại Định năm thứ 26* | *Tây Hạ* |
| *Đinh Mùi: Thuần Hy năm thứ 14. Mồng tám tháng mười thái Thượng hoàng Cao Tông băng hà.* | *Đại Định năm thứ 27* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Thân: Thuần Hy năm thứ 15* | *Đại Định năm thứ 28* | *Tây Hạ* |
| *Kỷ Dậu: Thuần Hy năm thứ 16. Tháng hai Quang Tông nhận ngôi. Tháng ba, Hoàng tử Khoáng được tấn phong làm Gia Vương.* | *Đại Định năm thứ 29* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Mùa Xuân, tháng giêng cử Lưu Chính Chu Tất Đại làm Tả hữu Thừa Tướng. Mồng một Nhâm Tuất tháng hai Tân Dậu, Đế nhường ngôi, dời về ở cung Trùng Hoa. Hoàng Thái tử lên ngôi Hoàng đế, lập bà Phi họ Lý làm Hoàng hậu.

**Quang Tông:** Húy Đôn, con năm thứ năm của Hiếu Tông, năm bốn mươi tuổi, từ Đông cung lên nhận ngôi, tôn Hiếu Tông là Thọ

hoàng thánh đế. Ông tại vị năm, nhường ngôi cho Thái tử, tự xưng Thái Thượng hoàng, thọ năm mươi bốn tuổi. Niên hiệu Thiệu Hy năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Tuất: Thiệu Hy năm đầu* | *Đại Kim: Chương Tông Cảnh. Minh Xương năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng giêng Quý Tỵ, quốc chủ Ung băng hà, Chương Tông Cảnh lên ngôi, con Thái tử Doãn Cung, đổi niên hiệu Minh Xương, truy thụy cho Ung là Thế Tông, cha Doãn Cung là Hiển Tông. Từ nhỏ Cảnh hiếu học, giỏi văn chương, khoan dung, ôn hòa. Mẹ ông là Triệu thị.

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Hợi: Thiệu Hy năm thứ 2* | *Minh Xương năm thứ 2* | *Tây Hạ* |
| *Nhâm Tý: Thiệu Hy năm thứ 3* | *Minh Xương năm thứ 3* | *Tây Hạ* |
| *Quý Sửu: Thiệu Hy năm thứ 4* | *Minh Xương năm thứ 4* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng mười, giết Hoàng Thúc Trịnh Vương Doãn Đạo. Trước đây Thái tử Doãn Cung chết sớm, con trưởng hoặc con thứ của Doãn Đạo sẽ được kế vị. Khu mật sứ Trương Khắc Kĩ, nội thị Giang Uyên vv... chuyên quyền muốn lập Thái Tôn Cảnh. Nhưng Doãn Đạo tính khoan dung, nhân hậu, mẹ ông họ Triệu, đã tránh xa ân sủng, trong ngoài chẳng có bè đảng, nên mỗi lần gặp ông Cảnh có vẻ thẹn, ngày đêm chỉ biết uống rượu. Bọn nội thị Trí Tỉnh, Giang Uyên ra vào trong cung phục dịch, gom hết lễ vật bốn phương triều cống, vận nước bắt đầu suy thoái. Ở kinh đô người ta đồn sẽ lập Trịnh Vương, Cảnh nghe càng thêm ghét, mới sai Đông đội chủ Lý Bạch Diệu, Tây đội chủ Trương Phi Long, ngự tiền tướng quân Hoàn Nhan Hắc Thiết chia quân vây bắt Trịnh Vương, đặt ngục ở Hội Đồng Quán, giam Trịnh Vương Doãn Đạo, phò mã Đô úy Đường Quát Bồ Thích, em cùng mẹ là Tân Hưng công chúa, Vinh An Công Chúa rồi buộc họ tự sát, đồng đảng phản nghịch khác đều bị tru di tam tộc. Tháng giêng năm sau, con trưởng của Trịnh Vương là Đại Thông Tiết độ sứ Ái Vương Đại Biện chiếm cứ Ngũ Quốc thành, dấy binh làm phản, báo thù cho cha.

***Kim:*** Đế hạ chiếu thỉnh Trưởng lão Vạn Tùng thuộc tông Tào

Động vào nội điện thuyết pháp. Chương Tông đích thân nghinh đón, bưng đại y Tăng-già-lê bằng gấm quý đến bảo tòa dâng cúng. Hậu phi, vương tôn đều quỳ lạy phía trước, ai nấy đều dâng cúng phẩm vật, mở pháp hội Phổ độ, hàng năm thiết trai cúng dường. Sau đó, vào năm Thừa An năm thứ hai, Đế thỉnh Thiền sư Vạn Tùng trụ ở Ngưỡng Sơn thuộc Tây Sơn.

| | | |
|---|---|---|
| *Giáp Dần: Thiệu Hy năm thứ năm. Tháng 06, Thọ Hoàng Thánh Đế Hiếu Tông băng hà.* | *Đại Kim: Minh Xương năm thứ năm. Thọ Vương làm phản.* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Thiền sư Vô Chuẩn: Ngài họ Ung, húy Sư Phạm, quê ở Tử Đồng, Thục quận. Tháng mười năm này, ngài thọ giới đến Hàng châu tham học, yết kiến Tùng Nguyên Nhạc ở Linh Ẩn, Khẳng Đường Sung ở Tịnh Từ, yết kiến Thiền sư Phá Am Tổ Tiên ở Bình Giang, Tây Hoa, Tú châu, lãnh ngộ huyền chỉ, ra hoằng hóa ở Thanh Lương thuộc Minh châu. Sau, ngài về Tiêu Sơn, dời qua Tuyết Đậu. Đế hạ chiếu thỉnh trụ ở Dục Vương, rồi dời về Kính Sơn, triệu vào ứng đối trong điện Tu Chính, ban cho Ca-sa viền vàng, tuyên chiếu thỉnh vào Từ Minh điện thăng tòa giảng pháp. Đế buông rèm ngồi nghe, ban ngài hiệu Phật Giám Thiền Sư. Về sau, ngài xây dựng nhà khách, Đế viết ban tấm biển "Vạn Niên Chánh Tục", lại đề tặng trượng thất trên ao Minh Nguyệt là Thoái Canh. Ngài xin về núi và quy tịch, tháp an táng toàn thân ở Viên Chiếu. Ngài nối pháp Thiền sư Phá Am Tổ Tiên.

***Thiền sư Phá Am:*** Sư họ Vương, húy Tổ Tiên, quê ở Quảng An, hoằng hóa ở Ngọc Long, Quỳ châu, nối pháp Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt (theo Tông Phái Tổ Đồ).

***Thiền sư Mật Am:*** Sư họ Trịnh, húy Hàm Kiệt, người Phước Châu, hoằng hóa ở Thiên Đồng, Minh châu. Từ nhỏ, Sư đã thông minh dĩnh ngộ, xuất gia làm tăng, tham vấn khắp chư thiện tri thức, sau yết kiến Thiền sư Ứng Am ở Minh Quả Cù châu. Tông phong Ứng Am cao xa khó vào, nhiều lần Sư bị chửi mắng. Một hôm Ứng Am hỏi:

- Thế nào là chánh Pháp nhãn?

Sư đáp ngay: Phá Sa Bồn!

Ứng Am hứa khả không bao lâu, Sư từ biệt về thăm song thân. Ứng Am làm bài kệ tiễn rằng:

*Câu hợp cơ đại triệt*
*Trên cửa thành Đương dương*

*Đến nay bốn năm ròng*
*Hỏi ra chẳng dấu vết*
*Dù chưa trao y bát*
*Khí khái nuốt đất trời*
*Lại đem chánh Pháp nhãn*
*Gọi là Phá Sa Bồn*
*Lần này sắp tỉnh thấy*
*Cấm kỵ bước quanh co*
*Ta có câu sau cùng*
*Đợi ông về mới nói.*

Sư ra hoằng hóa ở Ô Cự, Cù châu, rồi chuyển qua Tường Phù, Hoa Tạng ở Tưởng Sơn Kiến Khang. Không lâu, Đế hạ chiếu thỉnh trụ ở Linh Ẩn, Kính Sơn. Về già, Sư ở Thiên Đồng, thị tịch, tháp an táng toàn thân trên ngọn Trung Phong thuộc chùa này. Sư nối pháp Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa. (Ngũ Đăng Hội Nguyên)

Thiền sư Ứng Am ở Thiên Đồng, Minh châu: Sư họ Giang húy Đàm Hoa, quê ở Kỳ châu, sinh ra đã là người kiệt xuất. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Đông thiền, thọ Cụ túc, du phương tham vấn khắp thiện tri thức, yết kiến Thiền sư Viên Ngộ ở Vân Cư. Viên Ngộ vào đất Thục bảo Sư yết kiến Thiền sư Giáo Long. Giáo Long dời về Hổ Khâu, Sư theo hầu hạ nửa năm, lãnh ngộ yếu chỉ, nhiều lần dời ở những chùa nổi tiếng. Lúc Sư ở Quy Tông, Thiền sư Đại Tuệ đang ở Mai Dương có gởi Sư bài kệ:

*Ngồi đoạn kim luân đỉnh ngất trời*
*Ngàn yêu trăm quái biệt tăm hơi*
*Năm rồi lại được tin tức thật*
*Báo đáp Dương Kỳ chánh mạch thông.*

Đủ thấy Quy Tông kính trọng Sư như thế. Đời Hiếu Tông, ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Long Hưng năm đầu, Sư an nhiên thị tịch, tháp an táng toàn thân trên núi của chùa này. Sư nối pháp Thiền sư Hổ Khâu Thiệu Long, Long nối pháp Viên Ngộ Khắc Cần, đều thuộc tông Lâm Tế.

***Thiền sư Tịnh Từ Khẳng Đường, Phủ Lâm An:*** Sư họ Tiềm Thạnh, húy Ngạn Sung, quê ở Hàng châu, từ nhỏ theo xuất gia với ngài Nghĩa Kham ở viện Minh Không, tham học và lãnh ngộ yếu chỉ của Thiền sư Vạn Am Đạo Nhan ở Đông Lâm. Sư phụng chiếu trụ trì Tịnh Từ, Thị tịch, tháp được dựng ở Nam Am của chùa này. Sư nối pháp Vạn Am Đạo Nhan.

***Thiền sư Vạn Am:*** Sư húy Đạo Nhan, người Thục quận, Đồng Xuyên, trụ ở Đông Lâm, Giang châu, gia tộc vốn người Tiên Can Tỷ. Sư tham học với Viên Ngộ rất lâu, lúc Viên Ngộ về đất Thục, dặn Sư đến tham học với Thiền sư Diệu Hỷ, và gửi thư nói với ngài Diệu Hỷ rằng: "Nhan Xuyên màu vẽ đã xong, chỉ thiếu điểm nhãn mà thôi!" Diệu Hỷ ở Vân Môn và Dương Cự, Sư đều theo hầu, sớm tối thưa hỏi mới được đại ngộ, và nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

***Thiền sư Sùng Nhạc:*** Sư họ Ngô, quê ở Long Tuyền, Xử châu, trụ ở Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền Tự, Hàng châu. Hiếu Tông, năm Long Hưng năm thứ hai, Sư xuất gia ở tinh xá Bạch Liên thuộc Tây Hồ, Hàng châu, du phương tham vấn. Sau cùng yết kiến Thiền sư Mật Am Hàm Kiệt ở Tây Sơn, Cù Châu. Mật Am dời về Hoa Tạng ở Tưởng Sơn Kiến Khang, Kính Sơn ở Hàng châu, Sư đều theo hầu. Mật Am thượng đường hỏi một vị Tăng:

- Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

Sư đứng hầu bên cạnh, nghe đến đây liền hoát nhiên đại ngộ. Mật Am dời qua Linh Ẩn, sai Sư làm Thủ tòa. Sư ra hoằng hóa ở Trừng Chiếu thuộc Bình Giang, nối pháp Mật Am. Sau Sư ở những nơi như: Quang Hiếu, Vô Vi, Trị Phụ thuộc Giang Âm; Tiến Phước ở Nhiêu châu, Hương Sơn ở Minh châu, Hổ Khâu ở Bình Giang. Ninh Tông, năm Khánh Nguyên năm thứ ba, Sư ứng chiếu trụ ở Linh Ẩn. Khánh Nguyên năm thứ sáu, Sư dâng biểu xin cáo lão, Đế ưng thuận để Sư lui về ở tại Đông Am. Mồng bốn tháng tám năm Gia Thái năm thứ hai, Sư viết thư từ biệt các công khanh vốn là bạn bè cũ, dặn dò đồ chúng rằng: "Người có khả năng vẫn còn nhấc gót chân không lên". Lại nói: "Mở miệng không phải trên đầu lưỡi". Sư ghi thư dặn dò đệ tử nối pháp là Quang Lục ở Hương Sơn, Thiện Khai ở Vân Cư hãy nổ lực hoằng dương tông chỉ. Sư viết bài kệ:

*Đến chẳng từng đến*
*Đi chẳng từng đi*
*Chuyển ngay cửa huyền*
*Phật, Tổ mờ mịt.*

Sư kiết già thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ, tháp an táng toàn thân ở cao nguyên phía Bắc Cao Phong.

***Tống:*** Mùa Xuân tháng ba năm Thiệu Hy năm thứ năm, Thọ Hoàng không được khỏe, đêm Đinh Dậu tháng sáu, Thọ Hoàng mất, Đế cũng bệnh nặng, hôm ấy Thái hoàng Thái hậu có chiếu chỉ cho phép Đế đến làm lễ thành phục ở nội cung. Mùa thu tháng bảy Giáp Tý, Thái

hoàng Thái hậu giáng chiếu chỉ rằng: “Từ khi Hoàng Đế ngã bệnh đến nay, chưa thể để tang, từng viết biểu tâu muốn thoái vị ở ẩn, hoàng tử Gia Vương có thể lên ngôi kế vị, tôn Hoàng Đế làm thái Thượng hoàng Đế, Hoàng hậu là Thái Thượng Hoàng hậu.” Gia Vương nhất mực chối từ, và quay qua nói với khu mật Triệu Nhữ Ngu rằng: “Ta là kẻ vô tội, nhưng sợ rằng phải mang cái tiếng bất hiếu!”, cáp môn tuyên tán, Trung thị quan lễ vv... bèn lấy hoàng bào khoát lên gia vương, vương vẫn không nhận. Nhữ Ngu cố thỉnh, Vương đành lên ngôi Hoàng Đế ở Tố Ác (nhà tang) của Đông Hạm.

**Ninh Tông:** Húy Khoáng, con trưởng Quang Tông, được phong Gia Vương, lên ngôi Hoàng Đế. Ông giản dị, khoan dung, giảm bớt hình phạt, cắt bớt tô thuế, bỏ triều cống hàng năm, ít dùng sức dân, lưu tâm trong sự nghiệp đế vương, mặc áo quần thì tự giặt. Năm hai mươi bảy tuổi, ông nhận ngôi, trị vì ba mươi năm, thọ năm mươi bảy tuổi. Niên hiệu Khánh Nguyên sáu năm, Gia Thái bốn năm, Khai Hy ba năm, Gia Định mười bảy năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Mão: Khánh Nguyên năm đầu* | *Đại Kim: Minh Xương năm thứ 6* | *Tây Hạ* |
| *Bính Thìn: Khánh Nguyên năm thứ 2* | *Đại Kim: Thừa An năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Ngày hai mươi ba tháng mười một, Đế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, độ cả ngàn tăng.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Tỵ: Khánh Nguyên năm thứ 3* | *Đại Kim: Thừa An năm thứ 2* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Ngọ: Khánh Nguyên năm thứ 4* | *Đại Kim: Thừa An năm thứ 3* | *Tây Hạ* |
| *Kỷ Mùi: Khánh Nguyên năm thứ 5* | *Đại Kim: Thừa An năm thứ 4* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng chín Thái hậu Triệu thị lâm bệnh, quốc vương đến thăm bà gượng ngồi dậy. Trịnh Thần phi cũng đến, Thái hậu nói “Ta có một tâm nguyện vẫn chưa làm xong, Thần phi có thể hoàn thành giúp ta chăng! Cả nhà ta ba bốn trăm người đều bị Dương Vương (Hải Lăng Dương Vương) giết sạch, mồ mả chôn cả ở Hòa Long (phủ Hoàng

Long của dòng họ Mộ Dung nước Yên), ta muốn dựng ở đó một ngôi chùa để làm phước siêu độ, hằng năm cúng tế. Ta không dám tiêu phí tiền quốc khố, ta có bảy vạn tiền có thể đủ xây, ngươi hãy thưa lại với Hoàng Đế."

Mười ngày sau, Thái hậu băng hà. Thần phi đem di mệnh của Thái hậu bàn bạc với hai bên nội ngoại, đến những người họ Triệu gần xa nơi kinh thành. Đế hạ chiếu cho xây chùa Đại Minh ở phủ Hòa Long, dựng tháp chín tầng, giao cho Thái hậu điện nội thị Hầu Diễn giám sát việc xây cất, cốt phải nguy nga tráng lệ. Đồng thời Đế độ ba vạn tăng, ban cho độ điệp đến năm vạn người, xây tám ngôi chùa bên cạnh Đại Minh để họ ở.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Thân: Khánh Nguyên năm thứ 6* | *Đại Kim: Thừa An năm thứ 5* | *Tây Hạ* |

***Tống:*** Tháng năm Đinh Hợi, Thọ Nhân Thái Thượng Hoàng hậu băng hà, thụy là Từ Ý. Tháng tám Đinh Hợi, Thái Thượng hoàng Đế Quang Tông băng hà.

***Kim:*** Ái Vương làm phản, cầu viện với Đại Quân, năm này Đại Quân đem quân xâm lược. Tháng mười hai Đinh Dậu, chiếm Đại Đô thành, vây phủ Hòa Long. (Đại Quân nay là Đại Thế của Nguyên triều)

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Dậu: Gia Thái năm đầu* | *Đại Kim:Thái Hòa năm đầu* | *Tây Hạ* |
| *Nhâm Tuất: Gia Thái năm thứ hai. Ban hành bộ Thiền Tông Cơ Duyên Phổ Đăng Lục* | *Đại Kim:Thái Hòa năm 2* | *Tây Hạ* |
| *Quý Hợi: Gia Thái năm thứ 3* | *Đại Kim: Thái Hòa năm 3* | *Tây Hạ* |
| *Giáp Tý: Gia Thái năm thứ tư. Truy phong Nhạc Phi làm Ngạc Vương.* | *Đại Kim:Thái Hòa năm 4* | *Tây Hạ* |
| *Ất Sửu: Khai Hy năm đầu* | *Đại Kim:<br>Bàn việc dời đô.Thái Hòa năm thứ 5* | *Tây Hạ* |

| | | |
|---|---|---|
| *Bính Dần: Khai Hy năm thứ 2* | *Đại Kim: Thái Hòa năm thứ 6* | *Tây Hạ* |

Tây Hạ: Thát Bạt Thất Đô Nhi Hốt, cháu của Nhân Tông, con út của Càn Thuận, lên ngôi vào tháng năm, ở ngôi sáu năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Mão: Khai Hy năm thứ 3* | *Thái Hòa năm thứ 7* | *Tây Hạ* |
| *Mậu Thìn: Gia Định năm đầu* | *Thái Hòa năm thứ 8* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng mười một Bính Thìn, Chương Tông mất, không có con nối dõi, quần thần theo di chiếu lập Vệ Vương Doãn Tế. Bính Dần, ông lên ngôi, vốn là con năm thứ bảy của Thế Tông, ở ngôi bốn năm, bị Hột Thạch Liệt Chấp Trung giết.

| | | |
|---|---|---|
| *Kỷ Tỵ: Gia Định năm thứ 2* | *Kim:Đại An năm đầu* | *Tây Hạ* |
| *Canh Ngọ: Gia Định năm thứ ba. Tượng Phật bằng Chiên-đàn tồn tại đến lúc này đã được 2.202 năm* | *Đại An năm thứ 2* | *Tây Hạ* |

***Thụy tượng Chiên-đàn:*** Năm này thụy tượng thờ ở nước Kim đã mười hai năm. Tháng mười, nghinh vào cấm cung trong Thượng kinh để cúng dường. Trong bài thụy Tượng Điện Ký của Hàn lâm Trình Cự Phu ghi: “Thích-ca Như Lai lúc còn làm Thái tử, sinh được bảy ngày thì mẹ là Hoàng hậu Ma-da lìa trần, thác sinh vào cõi trời Đao-lợi. Sau khi thành đạo, Đức Phật nghĩ đến ân sinh thành của mẹ liền lên cõi Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ nghe. Quốc vương nước Ưu-điền từ lâu không được chiêm ngưỡng tôn dung Phật, muốn thấy Phật nhưng chẳng biết làm sao. Quốc vương bèn khắc cây Chiên-đàn làm tượng. Tôn giả Mục-kiền-liên lo họ khắc không vẹn toàn Thánh dung, nên ngài vận sức thần thông dẫn ba mươi hai người thợ lên cõi trời Đao-lợi, nhìn kỹ tướng tốt của Phật, lên xuống ba lần mới khắc xong tôn dung Đức Phật. Quốc vương thần dân đều phụng thờ như Phật sống. Đến khi Phật từ trời Đao-lợi về lại nhân gian, Quốc vương dẫn quần thần, nhân dân cùng

đi nghinh đón Phật. Pho tượng đột nhiên bay lên không trung hướng về đức Phật đảnh lễ. Đức Phật xoa đầu thọ ký pho tượng ấy rằng: "Sau khi ta diệt độ ngàn năm, ông hãy qua Chấn Đán (Đông độ) làm lợi ích khắp trời người." Tính ra, pho tượng có mặt ở Tây Độ đã một ngàn hai trăm tám mươi lăm năm, Quy Tư sáu mươi tám năm, Lương Châu mười bốn năm, Trường An mười bảy năm, Giang Nam một trăm bảy mươi ba năm, Hoài Nam ba trăm sáu mươi bảy năm, lại đến Giang Nam hai mươi mốt năm, Biện Kinh một trăm bảy mươi bảy năm; được nghinh về Bắc, an trí tại chùa Thánh An, Yên Kinh mười hai năm, chùa Đại Trữ Khánh ở Thượng Kinh hai mươi năm; nghinh về nam, an trí trong Nội điện Yên Cung năm mươi bốn năm. Tháng ba năm Đinh Sửu, Yên Cung bị hỏa hoạn, tượng được nghinh về an trí lại tại chùa Thánh An đến nay đã năm mươi chín năm. Năm Ất Hợi, chính là năm Chí Nguyên năm thứ mười hai của Đương Kim Đại Nguyên Thế Tổ Hoàng Đế, Đế sai đại thần Bột La... cùng tứ chúng sắm sửa pháp giá, tấu vệ âm nhạc, nghinh tượng vào điện Nhân trí ở núi Vạn Thọ. Năm Đinh Sửu, dựng chùa Đại Thánh Vạn An, năm Kỷ Sửu nghinh tượng từ điện Nhân trí về hậu điện chùa này, mở pháp hội lớn. Kể từ khi quốc vương Ưu-điền tạc đến năm này là niên hiệu Diên Hựu năm Bính Thìn, Thụy tượng Chiên-đàn đã tồn tại hai ngàn ba trăm lẻ bảy năm. (Theo Điện Ký Bi Khắc).

| | | |
|---|---|---|
| *Tân Mùi: Gia Định năm thứ 4* | *Đại Kim: Đại An năm thứ 3* | *Tây Hạ: Thần Tông. Quang Định năm đầu* |

***Tây Hạ:*** Mùa Xuân, Thần Tông Thát Bạt Tu Phiên Để lên ngôi Hoàng Đế. Lúc đầu, ông bị Đại Quân đánh nên cầu viện với Kim, Kim không cứu nên Tây Hạ phản Kim. Lúc này vận nước của Đại triều càng mạnh, nhưng vẫn còn ở đất cũ, đặt Hành Tỉnh ở Yên Vân sai đại thần của mình cai quản, và gọi là Thái sư quốc vương. Tiên tổ của Thát Đát cùng họ hàng với Nhữ Chân, bởi đều là con cháu của Mạt Hạt. Nước này trong thời Nguyên Ngụy, Tề, Chu, gọi là Vật Cát, đến đời Tùy thị xưng là Mạt Hạt. Đất đai dài thẳng tới Đông bắc Trường An sáu ngàn dặm, phía Đông dài đến Hải Ly đến mấy mươi quận có các địa danh như Hắc Thủy, Bạch Sơn. Bạch Sơn vốn thần phục Cao Ly, Đường diệt Cao Ly, số người sống sót nơi đây đều dẫn nhau đến sinh sống ở Bột Hải, chỉ có Hắc Thủy là còn nguyên lãnh thổ. Đến lúc Bột Hải thịnh trị thì dòng họ Mạt Hạt đều nô lệ cho Bột Hải, về sau bị Hề Khiết Đan đánh, các bộ tộc tan rã. Số người ở mặt trên của Hỗn Đồng Giang ban

đầu có tên là Nhữ Chân vốn là giống người Hắc Thủy còn sống sót. Số người ở tại Âm Sơn tự xưng là Thát Đát. Trong thời Đường Mạt, Ngũ Đại, họ thường qua lại Trung Quốc. Đầu nhà Tống, họ lại vào triều cống. Giống người Thát Đát ai nấy đều khỏe mạnh và thiện chiến. Số ở gần đất Hán có tên là Thục Thát Đát, họ biết trồng lúa nếp, dùng chảo bằng đất nung, đáy bằng phẳng để nấu ăn. Số ở xa đất Hán có tên là Sinh Thát Đát, họ chỉ biết săn bắn kiếm sống, không có khí giới chỉ dùng cái mũi nhọn bằng xương mà thôi, bởi vùng đất này không sản sinh ra sắt. Khiết Đan tuy qua lại buôn bán nhưng sắt bị cấm nghiêm ngặt. Về sau, nước Kim lấy đất Hà Đông và bắt Lưu Dự mới bỏ tiền sắt. Từ đó tiền sắt của thời Tần, Tấn đều về hết Thát Đát, họ đem đúc quân trang quân dụng, thế nước ngày càng mạnh. Ngay lúc nước Kim thịnh trị, hàng năm Thát Đát đều vào triều cống. Vệ Vương (Kim Chủ) lập Thát Đát chủ là Thấc Một Chân Thành Cát Tư Hoàng Đế (Người đầu tiên xưng đế) vùng Sơn Đông, Lưỡng Hà đều bị Đại Triều thu phục. Lại có Mông Cốt Quốc nằm phía Đông bắc của Nhữ Chân, đời Đường gọi quốc gia này là Mông Ngột Bộ, Kim gọi họ là Mông Ngột hay Manh Cốt. Dân tộc này không biết nấu chín thức ăn, ban đêm vẫn có thể thấy được, lấy da cá giao làm giáp, có thể chống cả luồng tên. Từ năm Thiên Quyến đời Hy Tông nhà Kim họ bắt đầu làm phản. Đô nguyên soái Tông Bật đem binh thảo phạt nhiều năm liền nhưng không diệt được, chỉ chia binh chiếm giữ nơi hiểm yếu, trái lại phải tăng phẩm vật hậu hỹ cho họ. Quốc gia này cũng tự xưng Tổ Nguyên Hoàng Đế, lập ra niên hiệu, đương thời họ là mối lo biên ải của các nước khác. Họ bắt đàn bà, con gái của Khiết Đan, người Hán về làm thê thiếp, từ đó dần dần mới biết nấu chín thức ăn. Đến lúc này Đại triều đã tự xưng Đại Mông Cổ quốc, nhưng hai nước ở hai phía Đông tây, cách nhau đến mấy ngàn dặm, chẳng biết làm thế nào hợp lại làm một. Bởi vì lúc nước Kim thịnh trị, họ đặt Đông bắc chiêu thảo ty để chống quân của Manh Cốt, Cao Ly, Tây nam chiêu thảo ty để cai quản mạn bắc mạn đông, vốn đất bị Tây Hạ, Manh Cốt chiếm lấy. Kim chủ Thái Tông khi lập quốc, đất đai gồm hai mươi bảy vi trại đều nằm phương Bắc, phía Đông tiếp giáp phủ Lâm Hoàng, phía Tây giáp đến gần Tây Hạ, phía Nam đến Tĩnh Châu, phía Bắc đến Đại Nhân Quốc. Ngày nay các nước ấy đều thuộc hết về Đại triều.

| | | |
|---|---|---|
| *Nhâm Thân: Gia Định năm thứ 5* | *Kim: Trùng Khánh năm đầu* | *Tây Hạ* |

| | | |
|---|---|---|
| *Quý Dậu: Gia Định năm thứ 6* | *Kim: Đổi thành Chí Ninh năm đầu. Tháng chín đổi Chí Ninh thành Trinh Hựu năm đầu.* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng tám, đưa Hột Thạch Liệt Chấp Trung làm hữu phó nguyên soái, đem ba ngàn quân vũ nghệ đón đánh Đại quân. Ngày hai mươi xuất phát từ Yên Kinh đi đến Tử Kim quan (Cửa ải Tử Kim). Chấp Trung mở cửa ải chống giặc thì nghe Đại quân đã qua cửa ải, thì đồng loạt tan chạy. Chấp Trung về kinh ra mắt Đế bẩm: "Đại quân thế mạnh, khó lòng địch nổi." Hoàn Nhan Cương cũng thua trận chạy về, mật tâu là Chấp Trung cố tình thả Đại quân vào ải. Chấp Trung nghe được, lo mình bị giết. Trước đây Tả phó nguyên soái Nam Bình Thư Cách Quân Thưởng cũng bị dân chúng oán ghét, Chấp Trung nhân lòng người phẫn nộ bèn muốn phế vua, liền đem quân về giết Nam Bình để hiệu triệu mọi người. Ngày 24, quân đến ngoài cửa Đông Hoa, Chấp Trung cho mời Nam Bình đến bàn việc rồi giết Nam Bình. Trong cung nghe có biến nên đóng hết các cửa thành. Chấp Trung muốn phóng hỏa đốt cửa thành, thì Thủ môn tướng quân Hợp Trụ mở cửa thành ấy, Chấp Trung dẫn binh vào cung. Thị vệ bỏ chạy tứ tán, Trung sai quân bắt Đế và Hoàng hậu giam ở phủ cũ. Đêm Giáp Ngọ, Trung sai nội thị Lý Giám Thành giết quốc chủ tại phủ đó. Quốc chủ là con người nhân hậu, trong số anh em, Đế là người hiền tài nhất, ở ngôi năm. Tuyên Tông lên ngôi, giáng phong Đế làm Đông Hải quận hầu.

***Tuyên Tông:*** Húy Tuân, cháu của Thế Tông, con trưởng của Hiển Tông Doãn Cung. Tháng chín Bính Ngọ ông lên ngôi, đổi năm Chí Ninh thành năm Trinh Hựu, bái Hột Thạch Liệt Chấp Trung làm Thái sư đô nguyên soái thống lãnh việc của tam tỉnh, phong Trạch Vương. Đại quân lại đến cửa ải Tử Kim, cách Yên Kinh hai trăm dặm. Trung sai tả giám quân Cao Khất đem năm ngàn trát quân chống giặc nhưng Cao Khất sai hẹn không đến. Trung muốn chém Khất. Quốc chủ thấy Khất có công nên khẩu dụ miễn tội chết. Chấp Trung lại thêm quân lệnh rằng: "Thắng trận thì tha tội, thua trận thì giết không tha." Cao Khất dẫn quân đánh Đại quân bị thua trận, tự nghĩ ắt bị Chấp Trung giết, bèn dẫn trát quân vây phủ Chấp Trung, đột nhập vào trướng và giết Chấp Trung rồi đến Ứng Thiên Môn đợi tội. Tháng mười, Tân Hợi, Quốc chủ

cho Cao Khất nắm binh quyền mà không bắt tội, bắt hết đồ đảng phản nghịch của Chấp Trung giết sạch rồi bái Cao Khất làm Bình chương quân quốc kiêm thêm khu mật đại sứ. Lúc này Đại quân vây Yên Kinh, lại hẹn với Tống cùng đánh.

| | | |
|---|---|---|
| *Kim: Trinh Hựu năm thứ 2* | *Giáp Tuất: Gia Định năm thứ 7* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Tháng ba, Kinh đô thiếu lương thực, dân quân mười người hết bốn, năm người chết đói. Kim chủ sai sứ qua Đại Quân cầu hòa, Đại Quân bắt phải đưa công chúa, hộ giá tướng quân mười người, Tế quân một trăm người cùng đi theo công chúa. Đồng nam đồng nữ mỗi loại năm trăm người, thợ thêu ba ngàn người, tập ngự mã ba ngàn con, cùng vàng bạc châu ngọc, xin thêm Tả Thừa Tướng Hoàn Nhan Phúc Hưng qua làm con tin. Kim chủ đều đồng ý, đem con gái út của Đông hải quận hầu ứng chiếu qua Đại Quân. Họ còn lệnh cho Kim chủ ở tại nước mình xa bái họ, Kim chủ không dám chống đối. Đại Quân lại nói: "Nguyên Soái vây Yên đã lâu nhưng chưa từng cướp phá, nay muốn có vàng lụa để khao quân". Kim chủ đều làm theo. Đại Quân về Bắc. Lúc này ở kinh thành ba cân bạch kim không thể đổi được ba thăng gạo, người chết không kể xiết. Đế bàn dời đô về Biện Lương. Ngày hai mươi tám tháng chín, khởi giá, ngày hai mươi bốn tháng mười vào Biện kinh. Đại Quân đã kéo về nhưng khi nghe Kim dời đô vào Biện Kinh thì nổi giận nói: "Đã hòa mà còn dời đô là có lòng nghi ngờ chưa bỏ hận thù, cầu hòa chẳng qua là kế lừa ta mà thôi." Tháng tám năm sau, Đại Quân vây Yên Kinh, chia quân các quận ở Trung Nguyên, sai sứ đến Biện Kinh, đòi vàng bạc châu ngọc vv...để khao quân. Kim chủ đều đem cho cả. Quân cần vương của Đông Bình Đại Danh Chân Định gặp phải Đại Quân đều bại trận, từ đó trong ngoài chẳng thông tin tức. Thái tử Thủ Tự ở Yên Kinh buộc phải về Biện Kinh. Cung thất ở Yên Kinh nguy nga tráng lệ nhất từ xưa tới nay, đến lúc này bị loạn binh đốt phá, lửa cháy hơn cả tháng trời chưa tắt.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Hợi: Gia Định năm thứ 8* | *Đại Kim: Trinh Hựu năm thứ 3* | *Tây Hạ* |
| *Bính Tý: Gia Định năm thứ 9* | *Đại Kim: Trinh Hựu năm thứ 4* | *Tây Hạ* |

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Sửu: Gia Định 10<br>Thiền tông Liên đăng lục Tịnh Từ hối Ông Minh Thiền sư lục* | *Đại Kim: Hưng Định năm đầu* | *Tây Hạ* |

***Kim:*** Đất đai ngày càng hẹp dần, lại có gian mưu Nam Khuy Giang Hán gây oán với Tống, nhiều lần đánh chiếm đất Tống. Lúc này Tây Hạ càng ăn ở hai lòng với Kim, gửi thư cho Tống bàn với Tống cùng đánh Kim. Tháng tám, An Bính Duẫn của Tống bàn mưu với Tây Hạ.

| | | |
|---|---|---|
| *Mậu Dần: Gia Định năm thứ 11* | *Hưng Định năm thứ 2* | *Tây Hạ* |
| *Kỷ Mão: Gia Định năm thứ 12* | *Hưng Định năm thứ 3* | *Tây Hạ* |

***Thiền sư Si Tuyệt:*** Sư họ Cẩu, húy Đạo Xung quê ở Trường Giang, Vũ Tín. Đời Quang Tông năm Thiệu Hưng năm thứ ba, Sư ra Giáp Sơn, tham yết Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc ở chùa Tiến Phước, Nhiêu châu. Gặp lúc Tùng Nguyên cử với thủ tòa "Diệu quả xuất thế của Hòa thượng sinh ở Tào Khê" Sư nghe đến đây vào được pháp môn, có chút tỉnh ngộ. Sư đi khắp tòng lâm, nơi nào cũng nhường cho Sư nửa tòa. Đến lúc này, năm Gia Định năm thứ mười hai, từ chức thủ tòa ở Kính Sơn. Sư ra hoằng hóa ở Thiên Ninh, Gia Hưng, nối pháp Hòa thượng Sinh ở Tào Khê, dời qua Tưởng Sơn. Lý Tông, năm Gia Hy năm thứ ba, Sư chuyển về Tuyết Phong. Được nửa năm, Sư ứng chiếu chuyển về Thiên Đồng, chủ quản đạo tràng Dục Vương đồng thời chủ trì giảng dạy cả Lưỡng Sơn. Năm Thuần Hựu năm thứ tư, Sư phụng chiếu trụ ở Linh Ẩn, cáo lão về Kim Lăng. Triều đình ban chiếu cho Sư dưỡng già ở Hổ Khâu. Tháng sáu năm Thuần Hựu năm thứ tám, Sư ứng chiếu trụ ở Dục Vương, nhưng sứ giả đi thỉnh ba lần nhưng Sư vẫn không đi. Tháng hai năm sau, khai sơn chùa Pháp Hoa ở đất Ngô. Tháng tám, ứng chiếu trụ ở Kính Sơn, phủ Lâm An. Ngày mười ba tháng năm Thuần Hy thứ mười, Sư quy tịch, thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi một hạ, di cốt xá-lợi được an táng trong núi Kim lăng.

| | | |
|---|---|---|
| *Canh Thìn: Gia Định năm thứ 13* | *Đại Kim: Hưng Định năm thứ 4* | *Tây Hạ* |
| *Tân Tỵ: Gia Định năm thứ 14* | *Hưng Định năm thứ 5* | *Tây Hạ* |
| *Nhâm Ngọ: Gia Định năm thứ 15* | *Hưng Định năm thứ 6* | *Tây Hạ* |
| *Quý Mùi: Gia Định năm thứ 16* | *Đại Kim: Nguyên Quang năm đầu* | *Tây Hạ: Tháng 09, Thác Bạt Đức Nhân lên ngôi. Càn Định năm đầu* |
| *Giáp Thân: Gia Định năm thứ mười bảy, mùa thu tháng tám nhuần, Đế mất. Hoàng tử Thành Quốc Công lên ngôi.* | *Nguyên Quang năm thứ 2* | *Càn Định năm thứ 2* |

***Tống:*** Tháng tám nhuần Đinh Dậu, Đế mất ở điện Phước Ninh, thọ năm mươi bảy tuổi. Hoàng hậu Dương thị, Sử Di Viễn lập Quý Thành làm hoàng tử, tấn phong Thành Quốc Công rồi lên ngôi Hoàng Đế. Quý Thành lại đổi tên là Quân, tôn Hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu, buông rèm thính chính, phế Hoàng Thái tử Hoằng, giáng phong làm Tế Dương quận vương, đày ra phủ Ninh Quốc rồi giết.

***Kim:*** Tháng mười, Quốc Chủ Tuân mất, miếu hiệu Tuyên Tông. Con năm thứ ba của Tuân là Thủ Tự lên ngôi Hoàng Đế, đó là Nghĩa Tông. Tính ông nhân từ, khoan dung, từ nhỏ ham đọc sách, lớn lên là người học rộng, những người hiền tài, phú quý đều là bạn văn chương của ông. Ông ở ngôi mười một năm.

**Lý Tông:** Húy Quân, cháu Ninh Tông, lên ngôi lúc hai mươi tuổi, kính chuộng đạo học, quý trọng hiền tài. Ban đầu, chánh sự rất hợp lòng dân, về sau Tể tướng Giả Tự Đạo mua ruộng dân làm ruộng quan, chèn ép ba quân, chẳng hề ban thưởng, đất nước vì thế mà suy vong. Ông ở ngôi bốn mươi mốt năm, thọ sáu mươi mốt tuổi. Niên hiệu Bảo Khánh ba năm, Thiệu Định sáu năm, Đoan Bình ba năm, Gia Hy bốn năm, Thuần Hựu mười hai năm, Bảo Hựu sáu năm, Khai Khánh một năm, Cảnh Định năm.

| | | |
|---|---|---|
| *Ất Dậu: Bảo Khánh năm đầu* | *Kim: Chánh Đại năm đầu* | *Tây Hạ* |
| *Bính Tuất: Bảo Khánh năm thứ 2* | *Chánh Đại năm thứ 2* | *Tây Hạ: Tháng 07 Thát Bạt Đức Nhân mất.Thanh Bình Quận Vương lên ngôi.* |

***Kim:*** Lúc này trộm cướp hoành hành, đánh nhau đầy đường, bắt hết ngựa, vét cạn lương, của công của tư đều cạn kiệt, nước Kim do đó nguy khốn.

| | | |
|---|---|---|
| *Đinh Hợi: Bảo Khánh năm thứ 3* | *Kim: Chánh Đại năm thứ 3* | *Tây Hạ diệt vong* |

***Tây Hạ:*** Từ Ngũ đại đến Đường Minh Tông năm Thiên Thành, họ quấy loạn cướp phá, nhiễu nhương các châu thành. Hơn nữa, các trấn ở Hà Tây đều nói Định nạn Tiết độ sứ Lý Nhân Phước ngầm cấu kết với Khiết Đan, triều đình lo bọn họ liên kết binh mã thôn tính Hà Hữu, xâm phạm phía Nam là Quan Trung. Tháng ba năm Trường Hưng năm thứ tư, Quý Mùi, Nhân Phước chết, con ông ta là Di Siêu làm Chương Vũ lưu hậu. Chiêu không phụng chiếu, mới sai anh là A La Vương giữ cửa ải Thanh Lĩnh, tập hợp các người Hồ đầu đảng trong nước tự giữ và khinh rẻ triều đình, Phế Đế vào tháng hai Đinh Dậu năm Thanh Thái năm thứ hai. Hạ Châu (thành do Xích Liên Bột Bột xây, dòng họ Thát Bạt nhiều đời ở đây) Tiết độ sứ Lý Di Siêu dâng biểu cáo bệnh, anh là Hành quân Tư mã Di Ân nắm quyền tri quân châu sự. Mấy hôm sau, Di Siêu chết. Nhà Tấn, Xuất Đế niên hiệu Khai Vận năm đầu, tháng hai Nhâm Tý, hạ chiếu cho Di Ân làm Khiết Đan Tây nam diện chiêu thảo sứ. Nhà Hán, Càn Hựu năm thứ hai, tháng giêng Giáp Dần hạ chiếu cho Ân làm Tĩnh châu lệ định nạn quân. Tháng hai Tân Mùi, Di Ân dâng biểu từ chối. Ân cho Trung Nguyên xảy ra lắm việc nên có ý ngạo mạn khinh thường, các phiên trấn đều có người tạo phản thường ngầm giúp Ân, hối lộ cho Ân hậu hỹ. Triều đình biết việc đó, vẫn dùng ân sủng để kiềm chế Ân. Chu Hiển Đức năm thứ hai, tháng giêng Canh Dần, Định nạn Tiết độ sứ Lý Di Hưng hổ thẹn vì mình cũng ngang hàng với Tiết độ sứ Tích Đức Lệ, mới đóng cửa ải không đi sứ triều Chu. Tháng hai Quý Mùi, Thế Tông sai Cung phụng quan đem vàng bạc châu ngọc và chiếu

chỉ sang cầu hòa. Đến Tống Thái Tông năm Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy, tháng mười, Lý Kế Bổng sang triều cống, Thái Tông hài lòng, hạ chiếu cho giữ chức Chương đức quân Tiết độ sứ, ban cho họ Triệu, tên Bảo Trung, giữ lại kinh đô phụng sự triều đình. Nhân Tông, năm Bảo Nguyên, Mậu Dần, Triệu Nguyên Hạo tiếm xưng Đế, đến lúc này, Đinh Hợi, ngày hai mươi bảy tháng bảy, bị Bắc triều Đại Quân diệt, tồn tại một trăm chín mươi năm.

| | |
|---|---|
| *Mậu Tý:Thiệu Định năm đầu* | *Kim: Chánh Đại năm thứ 4* |
| *Kỷ Sửu: Thiệu Định năm thứ 2* | *Chánh Đại năm thứ 5* |
| *Canh Dần: Thiệu Định năm thứ 3* | *Chánh Đại năm thứ 6* |
| *Tân Mão: Thiệu Định năm thứ 4* | *Chánh Đại năm thứ 7* |
| *Nhâm Thìn: Thiệu Định năm thứ 5* | *Kim: Mùa Xuân đổi niên hiệu Khai Hưng. Đến mùa hạđổi niên hiệu Thiên Hưng. Thiên Hưng năm đầu.* |

***Kim:*** Bị Đại Quân hợp vây Biện Kinh, người Kim dùng mọi kế để giữ thành. Tháng tư, trời chuyển qua nóng, Đại Quân muốn trở về kinh đô, nên giảng hòa, bắt Thái tử Kim Tử làm con tin, đồng thời nhận vàng lụa vô số. Trong thành tuy tạm đẩy lui quân địch, nhưng quân mệt sức tàn, vùng Hà Nam bị chia năm xẻ bảy, quân Tống thôn tính phía Nam này, giặc cướp nổi lên cướp phá phía Đông. Thiên Sứ lại đến ban lệnh Kim chủ phải phế bỏ tôn hiệu của mình bái chiếu xưng thần, bỏ hết áo mão lễ nghi, làm Tây kinh lưu thú, cắt giao kinh thành. Kim Chủ lâm vào tình thế ấy, bèn đích thân dẫn năm ngàn tướng quân hộ vệ đột phá vòng vây ra ngoài, đánh thắng được Đại Quân. Tả Thừa Tướng Hoàn Nhan Bạch Tát tâu "Xin Bệ hạ vượt qua sông chiếm lấy Vệ châu, cắt đường về của bọn họ." Kim Chủ dẫn quân lên mạn Bắc đến Vệ châu. Đại Quân họp binh vây, Kim Chủ liền quay lại thì Đại Quân đã đuổi kịp. Nguyên soái Hạ Đô Hỷ tử trận. Trước đây, khi ra khỏi thành, Kim chủ dặn dò Thôi Lập lo liệu mọi chuyện trong Lưu Thú, khi Vệ châu thất bại, chỉ còn hai ngàn binh sĩ đi theo, Biện Kinh được tin, Thôi Lập liền giết hết các quan lại trong kinh, đem Thái hậu, Hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, hoàng huynh Kinh Vương đến hàng Đại Quân, lấy hết vàng bạc châu ngọc, đồ trang trí trong cung dâng hết cho Đại Quân, rồi tự xưng Trịnh Vương kiêm luôn chức Thừa Tướng. Đại Quân nhân đó

giao cho Lập làm Hà Nam Hành Tỉnh Quyền Hoàng Đế. Kim chủ tạm ở tại phủ Quy Đức.

| | |
|---|---|
| *Quý Tỵ: Thiệu Định năm thứ 6* | *Đại Kim: Thiên Hưng năm thứ 2* |

***Kim:*** Phủ Quy Đức hết lương thực.Tháng sáu Mậu Tuất, Kim Chủ từ đất Hào dời về Sái châu. Tháng mười một, Tống Đế sai Tương Dương Thái úy Giang Hải, Tương Dương súy Mạnh Cộng đem bốn vạn quân đánh Sái châu, đóng quân ở Thành Nam. Soái Thần Sử Tung Chi vận chuyển mười vạn hộc lương cấp phát cho quân Nam Bắc, đồng thời đặt luôn Giác trường (đánh thuế độc quyền) ở Thành Nam để buôn bán qua lại. Đại Quân càng lợi thế. Mồng chín tháng mười hai, Đại Quân đánh và chiếm được ngoại thành. Ngày mười sáu, cố sức đánh Tây thành nhưng không chiếm được. Ngày mười tám, Đại Quân lại dồn binh đục thủng được Tây thành. Ngày mười chín, Kim chủ đem hết vật dụng của mình khao thưởng quân sĩ. Ngày hai mươi hai, Kim chủ lén dẫn trăm quân mã, ngàn quân bộ đang đêm ra Đông thành để chạy trốn, đến sát vòng vây đánh nhau không thắng đành quay về.

| | |
|---|---|
| *Giáp Ngọ: Đoan Bình năm đầu* | *Đại Kim: Thiên Hưng năm thứ ba. Kim diệt vong* |

***Kim:*** Tháng giêng, đêm mồng mười, Kim chủ chọn ba đội quân tinh nhuệ đợi sẵn ở Tây thành. Trời chưa sáng, Đại Quân đã kéo đến. Đang đánh nhau, thì mặt Nam hơn một vạn binh Tống đã lấy được Bạc thành rồi. Kim Chủ biết thành ắt bị phá mới triệu đại thần lại quay mặt về Đông nhường ngôi cho Tổng soái Thừa Lân, Thừa Lân quay mặt về Tây ra sức chối từ. Kim chủ cầm ngọc tỷ truyền quốc đưa cho Thừa Lân và nói: “Trẫm sở dĩ giao cho khanh đâu phải chỉ vì bản thân ta! Trẫm thân thể to mập, không tiện lên ngựa ra roi, sau khi thành bị vây, phá ra ngoài thật khó. Thấy khanh thường ngày lanh lẹ, vả lại có tài thao lược, may mắn thoát được thì làm cho vận nước đừng dứt, đó là chí nguyện của Trẫm!” Kim chủ ép Lân nhận ngọc tỷ, Lân quỳ xuống nhận. Kim chủ lui về Nhàn Cáp Môn thắt cổ tự vẫn. Tuyên huy sứ Ôn Đôn lệnh cho Đông thượng cáp môn sứ sự bộc tán Tà Bất Thất dẫn hậu chủ Thừa Lân lên Bảo Ngự, khoác cho giáp trụ, Thừa Lân đứng nhận các quan lễ lạy xong liền dẫn binh ra đón đánh Đại Quân. Trên tường Nam thành

toàn cắm tinh kỳ của Tống, bốn mặt đều thúc trống cùng đánh, âm thanh chấn động đất trời. Quan giữ cửa thành mở cửa thả Đại Quân tiến vào, quân Kim cố đánh nhưng không thể nào cản nổi, đành lui về Bảo Tử thành. Hậu Chủ Thừa Lân nghe tin Kim Chủ băng hà, liền dẫn cả bá quan đến trước thi hài lạy khóc, và nói với các quan: "Tiên đế còn ở ngôi rất khoan dung cần kiệm, mưu tính khôi phục lại Tổ nghiệp, có ý chí nhưng việc không thành, thật quá bi ai! Ta muốn phong thụy cho Tiên Đế là Ai. Chuốc chưa xong tuần rượu thì Đại Quân đã đến dưới thành công phá rất gấp, vây hãm thành. Hậu chủ bị loạn quân giết, đất nước diệt vong. Ông ban thụy cho Kim chủ là Ai Đế, hàm nghĩa cơ nghiệp chưa hết. Miếu hiệu Nghĩa Tông.

Nước Kim từ đời Huy Tông niên hiệu Trùng Hòa năm Mậu Tuất xưng Đế, đến lúc này niên hiệu Đoan Bình năm Giáp Ngọ, cả thảy chín chủ, trị vì một trăm mười bảy năm thì hết.

Sau khi Nghĩa Tông tự vẫn, quyền điểm kiểm Hoàn Nhan Tà Liệt hay tin liền sửa chiếu, triệu Thừa khanh Thạch Trản thị, Cận thị cục đại sứ Tiêu Xuân Hòa, Nội thị cục điện đầu Tống Quy cùng đến trước linh cửu Nghĩa Tông. Tà Liệt đem danh phận hiểu dụ họ, rồi cùng ba người ấy tuẫn tiết theo. Trước lúc chết, Tà Liệt có dặn dò phụng ngự Giáng Sơn bảo hãy thiêu mình tại U Lan Can - nơi mà Nghĩa Tông tự vẫn. Khi lửa vừa cháy thì Bảo Tử thành bị vây. Cận thị Tả hữu đều bỏ chạy, chỉ còn một mình Giáng Sơn ở lại và bị Đại Quân bắt. Đại Quân hỏi ông là ai, ông đáp:

- Ta là phụng ngự.

Tướng của Đại Quân hỏi:

- Mọi người đều bỏ chạy nhưng tại sao ông vẫn ở lại?

Giáng Sơn đáp:

- Vua của ta đã chết rồi, ta muốn nhặt hài cốt đem chôn.

Tướng ấy cười nói: Ông điên ư! Cái thân ông còn không giữ nổi mà muốn chôn cất vua mình ư!

Giáng Sơn đáp: Ông thờ vua của ông, tôi thờ vua của tôi, vua của tôi trị vì thiên hạ hơn mười năm, công lao chưa hết, nay chết đi lẽ nào để cho vua cũng nằm phơi thây như bọn sĩ tốt mà được chăng! Tôi biết trước, ông ắt không làm trái tấm lòng chân tình của tôi, nên tôi cố ở lại đây.

Đại Quân đem lời của Giáng Sơn bẩm lại với Bôn Trản. Trản nói: "Đây là một đại trượng phu" và cho phép Giáng Sơn chôn cất. Giáng Sơn liền vào nhặt nhạnh trong đống tro tàn, gói xương trong tấm chăn

rách, đem chôn cạnh Nhữ Thủy. Giáng Sơn lạy hai lạy, gào khóc và trầm mình xuống Nhữ Thủy. Bọn lính tráng đến cứu, ông chưa chết.

* Ất Mùi: Đoan Bình năm thứ hai. Đế hạ chiếu bàn việc làm tiền giấy (Chử tệ), ban hành độ điệp. Thâu Hội Tử của Lưỡng Giới.

* Bính Thân: Đoan Bình năm thứ ba, cùng bàn bạc, quan chử tệ tạo ra mười tám giới, viết bảng vàng đặt ra Hội tử.

* Đinh Dậu: Gia Hy năm đầu.

* Mậu Tuất: Gia Hy năm thứ hai.

* Kỷ Hợi: Gia Hy năm thứ ba, Đế hạ chiếu cho các châu huyện có người chết vì nghĩa để chuẩn bị phẩm vật chẩn tế.

* Canh Tý: Gia Hy năm thứ tư, hữu Thừa Tướng Sử Tung Chi đề xướng về Hội tử, lấy năm phần trong năm đạo Hội tử của hai mươi bảy giới làm thành một đạo của mười tám giới.

* Tân Dậu: Thuần Hựu năm đầu.

* Nhâm Dần: Thuần Hựu năm thứ hai.

* Quý Mão: Thuần Hựu năm thứ ba.

* Giáp Thìn: Thuần Hựu năm thứ tư. Sử Di Trung chết, đặc biệt truy tặng chức Thiếu sư bảo ninh quân Tiết độ sứ Trịnh Quốc Công. Lệnh cho Hữu Ty chọn tên thụy rồi tâu lên. Đế hạ chiếu cho con của Di Trung là Tung Chi làm lại Hữu Thừa Tướng, kiêm luôn khu mật sứ Vĩnh Quốc Công.

* Ất Tỵ: Thuần Hựu năm thứ năm, Tung Chi từ quan.

* Bính Ngọ: Thuần Hựu năm thứ sáu.

* Đinh Mùi: Thuần Hựu năm thứ bảy.

* Mậu Thân: Thuần Hựu năm thứ tám. Ngày hai mươi bảy tháng ba, Thiền sư Tiếu Ông ở núi Dục Vương, Minh châu quy tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp năm mươi hai hạ. Sư họ Mao, húy Diệu Kham, quê ở Từ Khê, Minh châu. Ninh Tông năm Khánh Nguyên năm thứ ba, Sư thọ Cụ túc, tham học với Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc ở Linh Ẩn, kế đến yết kiến Thiền sư Tịnh Toàn ở Thiên Đồng, lãnh hội yếu chỉ. Thiền sư Tịnh Toàn hiệu là Vô Dụng, họ Ông, người Việt Châu, nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo ở Kính Sơn. Diệu Kham ra hoằng hóa ở Diệu Thắng, Minh châu, nối pháp Thiền sư Tịnh Toàn. Kế đó, Sư chuyển qua Kim Văn, Quang Hiếu; Báo Ân ở Thai châu, Hổ Khâu ở Giang Bình, Tuyết Phong ở Phước châu. Sư phụng chiếu trụ ở Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền tự trong phủ Lâm An. Sư mở rộng bên trái chùa, vốn là cửa hàng thịt, dựng nên tòng lâm lấy hiệu là Phi Lai Phong. Sư lại lập tam tháp ở phía Bắc núi để chôn cất, an táng linh cốt của chư tăng. Mọi

Phật sự ấy đều được Đế phê chuẩn.

Sử Ngụy Vương dựng chùa Đại Từ ở Minh châu, thỉnh Sư thuyết pháp, làm khai sơn đời thứ nhất. Vương mất, Sư cũng từ biệt, đến trụ ở Thụy Nham, Thai châu, chuyển về Giang Tâm, Ôn châu. Đế hạ chiếu thỉnh Sư trụ ở Thiên Đồng, Tịnh Từ, Dục Vương. Đến lúc này, mùa xuân năm Mậu Thân, Sư lại ứng chiếu trụ ở Tịnh Từ, nhưng Sư không đi và quy tịch.

* Kỷ Dậu: Thuần Hựu năm thứ chín.

* Canh Tuất: Thuần Hựu thứ mười.

* Tân Hợi: Thuần Hựu năm thứ mười một.

* Nhâm Tý: Thuần Hựu năm thứ mười hai.

* Quý Sửu: Bảo Hựu năm đầu.

* Giáp Dần: Bảo Hựu năm thứ hai.

* Ất Mão: Bảo Hựu năm thứ ba.

* Bính Thìn: Bảo Hựu năm thứ tư.

* Đinh Tỵ: Bảo Hựu năm thứ năm.

* Mậu Ngọ: Bảo Hựu năm thứ sáu.

* Kỷ Mùi: Khai Khánh năm đầu. Thích-ca Văn Phật nhập diệt đến năm này đã hai ngàn hai trăm lẻ tám năm.

***Thát Đát Quốc Hiến Tông Hoàng Đế:*** Tháng chín, Đế đích thân thống lãnh Đại Quân tiến vào đất Thục, thuận dòng về Đông. Một đội quân của Tà Phúc từ nước Đại Lý kéo về phía Nam, ngang qua phía Nam vùng đất Hỗ Quế thẳng đến phủ Tĩnh Giang. Một cánh quân vượt sông bao vây Ngạc châu. Ngô Tiềm về tâu, Đế cho Giả Tự Đạo làm Tuyên phủ thị sư giang thượng. Tháng mười, Đinh Đại Toàn bị bãi tướng, Ngô Tiềm giữ chức Thừa Tướng. Đế cho Giả Tự Đạo làm hữu tướng kinh hồ tuyên phủ sách ứng đại sứ, đem quân cứu viện Ngạc Châu, Triệu Quì làm Khu mật sứ Giang Đông, Tây tuyên phủ sách ứng đại sứ đồn quân ở Tín châu ngăn quân của Tà Phúc ở Quảng Hữu. Tháng mười một, Hiến Tông ngự giá đến dưới thành câu cá. Tự Đạo sai Sứ đến hòa ước, ngầm hứa triều cống vàng lụa hằng năm và giải binh. Tuyết rơi, trời lạnh, Đế cho xuất tiền lụa trong quốc khố khao thưởng cho binh lính vùng biển.

* Canh Thân: Cảnh Định năm đầu.

***Thát Đát Quốc Bệ Thiện Hoàng Đế***: Tháng tư, ông lên ngôi, ngày mười chín tháng năm lập niên hiệu Trung Thống. Giả Tự Đạo của Tống vào triều cống, Đế cho Đạo giữ chức hữu tướng kiêm Thái tử Thái sư. Sứ phương Bắc là Hác Kinh đến Tống hòa ước, Giả Thừa Tướng tránh bàn việc ngày trước, giam giữ Hác Kinh ở Chân châu không cho về

Tống, lại sai Sứ đến kinh Hồ, Giả Thừa Tướng cũng giữ sứ tại Thuần Khẩu thuộc Hán Dương, dẫn đến cái họa bội ước, cuối cùng đất nước diệt vong. Tháng mười, Tống đế cho hoàng đệ con của Tự Vinh Vương Dư Nhuế là Kỳ làm Hoàng Thái tử, phong làm Trung Vương.

* Tân Dậu: Cảnh Định năm thứ hai.

* Nhâm Tuất: Cảnh Định năm thứ ba. Hữu tướng Giả Tự Đạo mua ruộng của dân làm ruộng quan, muốn được cả ngàn vạn mẫu, hàng năm thu vào đến sáu bảy trăm vạn thạch. Đài thần Giao Chương nói: “Sao dời thì họa biến, không nên mua làm ruộng quan, muôn dân oán thán, dẫn đến bất bình.” Xin bãi ruộng quan để hợp ý trời. Giả hữu tướng cố sức biện minh, từ đó công luận gay gắt.

* Quý Mùi: Cảnh Định năm thứ tư.

* Giáp Tý: Cảnh Định năm thứ năm. Thát Đát Quốc đổi niên hiệu Chí Nguyên năm đầu. Tống làm ra vàng bạc, xuất hiện loại tiền quan tử, lấy một chuẩn là ba phần Hội tử của mười tám giới, bỏ pháp độ mười bảy giới không dùng và ban hành giá tiền quan tử, vật giá đều tăng vọt. Tháng mười, Đế mất, hoàng Thái tử lên ngôi. Đế vốn là tông thất ở huyện Cổ Điền, Phước châu, cha làm Việt châu Sơn âm úy, lấy vợ là Toàn thị trong huyện này, sinh được hai người con. Một là Dư Cử tức Ô Thái Bảo Lý Tông. Một là Dư Nhuế tức Tự Vinh Vương. Vương đến đất Việt và trở thành người xứ Việt.

**Độ Tông:** Ban đầu húy là Mạnh Khải, em của Lý Tông, con của Tự Vinh Vương Dư Nhuế. Lý Tông có nhiều con nhưng không nuôi, Mạnh Khải ở trong cung đổi tên là Tư, lại đổi tên là Kỳ, được lập làm hoàng Thái tử, phong làm Trung Vương, ban cho tên Duệ. Ông lên ngôi, tấn phong Tự Vinh Vương làm Phước Vương. Lúc này quyền thần lộng hành nắm quyền, Đế chỉ là hư vị, ở ngôi mười năm, thọ ba mươi lăm tuổi. Niên hiệu Hàm Thuần mười năm.

* Ất Sửu: Hàm Thuần năm đầu. Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hư Đường Ngu ở Tịnh Từ trụ trì Kính Sơn. Sư nối pháp Thiền sư Vận Am Nghiễm ở núi Đạo Tràng, Hồ châu. Nghiễm nối pháp Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc.

* Bính Dần: Hàm Thuần năm thứ hai.

* Đinh Mão: Hàm Thuần năm thứ ba. Đế đến miếu thờ Tăng Sâm Bính quốc công, Khổng Nhưng Nghi quốc công, tế tự Tiên Thánh Chuyên Tôn Sư Trần quốc công, phong vào hàng Thập triết. Tấn phong Giả Tự Đạo làm bình chương quân quốc trọng sự ngụy quốc công. Đế xưng là Sư thần, cả nước gọi là Sư tướng.

* Mậu Thìn: Hàm Thuần năm thứ tư.

* Kỷ Tỵ: Hàm Thuần năm thứ năm.

* Canh Ngọ: Hàm Thuần năm thứ sáu. Tháng hai, ngày nọ Đế hỏi Tự Đạo: Tương Dương bị vây đã ba năm rồi, phải tính sao?

Đạo đáp: Quân phía Bắc đã rút lui rồi, bệ hạ nghe ai nói vậy.

- Vừa rồi mới nghe một nữ tần nói thế.

Giả Tự Đạo tra hỏi người nữ tần ấy rồi giết đi. Từ đó, không ai dám trả lời việc biên cương cho Đế nghe.

* Tân Mùi: Hàm Thuần năm thứ bảy. Tháng ba Hoài Tây Chế trí ty giải bày rằng Tương Dương bị vây không giải được, xin điều binh đến tăng viện. Thát Đát quốc lấy quốc hiệu là Đại Nguyên, là lấy nghĩa quẻ Càn Nguyên trong Chu Dịch, nhằm nêu tỏ vương nghiệp bắt đầu từ đây.

***Thủ Tòa Tịnh Phục:*** Ngài làm thủ tòa Thiên Trúc Vĩnh Tộ Thiền tự trong phủ Lâm An, ra hoằng hóa ở Thạch Sương, Đàm châu, nối pháp Thiền sư Hư Chu Độ. Đế hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hư Chu Phổ Độ ở Trung Thiên Trúc trụ trì Cảnh Đức Linh Ẩn. Sư quê ở Dương châu, xuất gia tại chùa Bạch Liên thuộc Dương Tử Kiều, nối pháp Thiền sư Vô Đắc Thông ở Hoa Tạng, Thường châu. Thông nối pháp Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc.

* Nhâm Thân: Hàm Thuần năm thứ tám.

* Quý Dậu: Hàm Thuần năm thứ chín.

* Giáp Tuất: Hàm Thuần thứ mười. Tháng bảy, Đế băng hà.

Thiếu Đế: Húy Thấp, con trưởng của Độ Tông, lên ngôi lúc năm tuổi, Thái hoàng Thái hậu Tạ thị buông rèm thính chính. Năm sau, Đế đổi niên hiệu Đức Hựu, ông ở ngôi hai năm. Đại binh đến thành, cả nước đều quy hàng. Niên hiệu Đức Hựu hai năm.

* Ất Hợi: Đức Hựu năm đầu.

* Bính Tý: Đức Hựu năm thứ hai. Tháng hai Bính Thân, mồng một Ất Mão, dời ba cung về Bắc. Đinh Tỵ, ra khỏi cung, Thái Hoàng Đến đất Yên, được bảy năm thì mất. Phong Thọ Xuân quận phu nhân Toàn thị làm Ni ở chùa Chánh Trí. Thiếu đế được phong Doanh quốc công.

Nhà Tống gồm mười sáu chủ, trị vì tổng cộng ba trăm mười bảy năm, đất nước về tay nhà Nguyên.

Bảo châu đem bộ Cựu Tập Thủ Giám chỉnh sửa lại, viết rộng ra mà thành bộ Kê Cổ Lược này. Tôi đọc lại thấy rất hay, nên làm một bài tán nhằm nêu tỏ diệu nghĩa trong muôn một vậy. Tinh Môn Lưu Dung lễ bái mà rằng:

*Thích thị tân thư đắc tĩnh quan*
*Kỳ trung diệu lý túc bàn hoàn*
*Nhân tri nghiên thảo giai dư tự*
*Vạn tượng minh minh tổng nội an.*

Nghĩa là:

*Sách mới họ Thích được xem qua*
*Diệu lý trong kia lắm ngọc ngà*
*Mới hay mình biết đều thừa cả*
*Vạn tượng bao hàm ẩn hiện ra.*

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 182

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

SỐ 2038
(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2038

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

## LỜI TỰA KHẮC BẢN KÊ CỔ LƯỢC

"Cổ" có thể "Kê" ư? Than ôi! Có thể! Cổ chẳng thể "Kê" ư? Than ôi! Chẳng thể! Từ Phật Oai Âm Vương trở về sau, từ ngày hôm nay trở về trước, những sự thành, trụ, hoại, không có mà chẳng có, nhật nguyệt vẫn chiếu soi, ngày lại qua ngày, kiếp và ngày chẳng nương gá, hà huống gì cổ kim? Trong đó Thánh hiền ẩn hiện, ứng duyên cơ cảm đều như bóng trăng trong nước, trọn chẳng thể chấp, há lại có người ư? Truy tìm việc xưa, khảo đính tông tích, gom góp các hạt bụi đã bay tứ tán để mà biên chép, để mà xem đọc, đó cũng như thêu mộng, như vẽ bóng mà thôi! Nhưng ghi chép việc trước để khai hóa cho người sau, diễn bày chỗ u vi, sáng tỏ lòng thành tín, khiến cho dấu vết của Cổ đức rỡ ràng như dãy Thiên hà chiếu soi, sở dĩ nói đến dấu vết, để do đó mà có thể khai ngộ ư? Thật chẳng dễ dàng, qua loa! Khi xưa tôi tham học nơi Tiên sư Chân Tịch, ngài trao cho bộ Kê Cổ lược của Bảo Châu và nói rằng:"Cội nguồn của pháp môn đều ở tại nơi đây!" Tôi nhận, lãnh xem đọc, thấy sách này văn tuy gọn mà chẳng thiếu sót, tổng gom mà có phép tắc, thật là bảo vật của dòng Thích. Nhưng lưu thông chưa được dài lâu, dần dần đã tiềm ẩn. Hằng lo sợ văn bản bị mai một, làm cho sự khổ tâm gom tập biên chép của người xưa lúc còn lúc mất, không thể hiển bày, kho tàng Danh sơn [1] như thế, há có thể không cảm khái được ư?

Đầu Xuân năm Mậu Dần, tôi lập một am nhỏ nơi Cổ Hạnh khê,

---

*1. Kho tàng danh sơn: Tức là tác phẩm có giá trị có thể lưu truyền cho hậu thế*

mời Huyễn sư chủ trì, sớm tối cùng nhau tư duy, Kinh điển ôm giữ nơi lòng, thật sung sướng biết bao! Một hôm bỗng nhiên nhớ lại lời luận bàn khi trước, Huyễn Luân mới nói rằng: "Cần phải bổ sung thêm những điều tốt đẹp, để lại người sau". Đầu tiên là truyền thuật những việc đã nghe từ xưa, kế đến phụ thêm sự tích của Quốc gia, Hoàng triều pháp uyển. Tổng gom thành một bộ, như thế thì sự nghiệp của Bảo Châu mới sáng tỏ, lại làm cho người sau xem đọc biết được sự Thù Thắng thị hiên của Ứng hóa, diệu đạo kỳ công của bậc Thánh xưa, cho đến Hoàng tổ liệt tông âm thầm khế hợp, hiển dương chánh giác. Dùng lý bất tư nghị để thành tựu vận thế đại hữu vi, khai hợp rõ ràng như mặt trời soi chiếu trên hư không, khiến cho người nghi sinh tín, người luận thế pháp có bằng chứng, người sưu tầm việc cổ biết được chỗ u vi, người xem dấu vết thì ngộ được cội nguồn. Vì thế ban ân huệ cho người học đời sau, thì chẳng thể cho rằng bổ sung sơ lược, nhưng đâu có mong người nhặt lấy sự hoa mĩ trong lời thuật để tăng thêm sự chướng ngại của đa văn.

Mây đã trôi mà dáng nó vẫn còn êm đềm, sóng đã xa mà hình của nó vẫn còn cuộn trào ư?

Ngày rằm tháng tư năm mậu Dần, niên hiệu Sùng Trinh đời Minh, Cừ Am Cư Sĩ Nghiêm Nhĩ Khuê kính cẩn soạn lời tựa.

****

## TỰA

Từng nghe: Làm Tăng mà chẳng học ngoại điển thì đó là người biếng nhác ngu si, chẳng hiểu rộng, ô hô! Thật là cao xa! Làm Nho sĩ mà chẳng nghiên cứu Phật kinh thì đó là người tầm thường, tà kiến, chẳng thông đạt, ô hô! Thật là rộng lớn! Ôm gốc cây chẳng dời bước tự vạch giới hạn mà chẳng dám tiến lên; bất tài mà tự cao, gò bó trong kiến văn, ước thúc nơi giáo ngôn, rốt cuộc chỉ để lại tiếng cười chê trong phương trời cao rộng mà thôi!

Thử xem các bậc bác đạt lau thông, các Khai sĩ uyên thâm hiểu rộng thời xưa, ai mà chẳng nghiên tầm nội kinh ngoại điển, viên dung xuyên suốt? Trương Thiên Giác nói rằng: "Ta nhân học Phật rồi mới biết Nho." Kinh Diệu Liên ghi: "Ngôn ngữ trị thế đều thuận chánh pháp." Nhiều nhụy hoa tạo thành mật, các vị hòa thành cành, nếu chẳng thể học rộng tìm sâu thì đâu biết ngọn ngành khác nhau đều từ một gốc? Nhưng các tác phẩm truyện ký xưa nay, mỗi mỗi đều chuyên về một phương diện, như quốc sử thì thiếu Phật giáo, Thiền thì lược bỏ thế

duyên. Vì thế đâu lạ gì học giả hai tông chẳng thông chẳng đạt?

May thay có một danh tăng đời Nguyên, tên là Hoa Đình Niệm Thường biên tập chung các việc của Phật Tổ, đồng thời gom chép về kỷ cương các triều đại, kế đến có cao tăng Bảo Châu tiếp tục soạn bộ Thích Giám Kê Cổ, ghi chép đầy đủ việc trị chánh của các triều đại và phong quy của các Hiền thánh.

Từ cội nguồn Phật tổ, quy tắc của pháp môn, đều biên theo năm tháng, chép theo mỗi triều đại, tất cả xuyên suốt không thiếu sót điều gì, khiến cho người đọc như xem "tượng khuyết"[2] mà rõ ràng được "triền độ"[3], thám long cung mà bảo châu đều tụ tập. Thật quý thay sách này! Không phân Nho, Thích, tất cả đều cất giữ, như nằm trên vật báu, gối trên bảo châu, chứ đâu chỉ là kho tàng danh sơn mà thôi?

Hạnh Khê tham phỏng Cừ Am Nghiêm Ông, ngồi trên xe đại nguyện, chẳng quên lời Thọ Ký phó chúc lưu thông nên mới gom góp tiền của mà tái khắc bản, mong rằng được lưu thông cùng khắp. Kẻ ngu này gởi huyễn thân nơi am tranh ấy, hiệu đính đầy đủ bản xưa, cũng nhân đó mà sưu tầm gom chép sự tích hai triều đại Nguyên, Minh kế tục, ngõ hầu thấy được đạo mạch trên dưới, xưa nay, giữ gìn tông chỉ thế và xuất thế. Lại tiếp nối làm rạng danh tiên tổ, chẳng muốn làm người cuối cùng đoạn Phật chủng. Vẽ hư không, họa ảnh tượng, để đợi bậc hiền triết đời sau xem đọc cảm thông mà hưng khởi, để cho ngọn đèn tiếp nối sáng mãi đến vô cùng.

Niên hiệu Sùng Trinh đời Minh, gom tập, tăng bổ, ghi chép. Tháng năm tiết Đoan ngọ, Thọ Quang Tỳ-kheo Đại Văn Huân Mộc soạn.

-----------------------------------

*2. Tượng Khuyết: Chỉ cho triều đình, hoàng cung.*

*3. Triền độ: Sự vận hành của tinh tú.*

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

*Cừ Am Tỳ-kheo Đại Văn Huyễn Luân*
*ở Hạnh Khê, Quy An biên tập.*
*Cừ Am Cư Sĩ Nghiêm Nhĩ Khuê hiệu đính và khắc bản.*

## QUYỂN 1

**TRIỀU ĐẠI NGUYÊN:**

Thái tổ Thành Cát Tư Hãn Hoàng đế vào năm Bính Dần, niên hiệu Khai Hi thứ hai đời Tống Ninh Tông thuận theo vận trời mà xưng niên hiệu Thánh Võ, lập quốc hiệu là Đại Mông Cổ, đóng đô ở Hòa Lâm gọi là Thượng đô. Đến năm Kỷ Sửu, niên hiệu Thiệu Định thứ hai đời Tống Lý Tông thì Thái Tông lên ngôi. Đến năm Bính Ngọ, niên hiệu Thuần Hựu thứ sáu thì Định Tông lên ngôi. Đến năm Tân hợi, niên hiệu Thuần Hựu thứ mười một thì Hiến Tông lên ngôi. Đến năm Kỷ Mùi, niên hiệu Khai Khánh nguyên niên Khánh Tông lên ngôi. Đến năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Định Nguyên niên Thế Tổ lên ngôi cải niên hiệu là Trung Thống, đến năm Giáp Tý lại cải là Chí Nguyên. Trải qua sáu đời, tổng cộng năm mươi chín năm. Nay bắt đầu ghi chép từ năm Giáp Tý, niên hiệu Trung Thống Nguyên niên đời Thế Tổ.

Thế Tổ - Thành Tông - Võ Tông - Nhân Tông - Anh Tông - Thái Tông - Minh Tông - Văn Tông - Ninh Tông - Thuận Tông.

1/ Thế Tổ tên là Hốt Tất Liệt, em cùng mẹ với Hiến Tông, lên ngôi vào năm Canh Thân, tại vị được ba mươi sáu năm, đến tám mươi tuổi thì băng hà. Vua là người nhân nghĩa, sáng suốt mà uy dũng, từng lập nhiều công lớn, thích chinh phạt những miền xa xôi, dùng binh liên tiếp nhiều năm, khiến tất cả đều thần phục, bèn thống nhất thành một đại quốc. Về văn thần nghị bàn trong triều thì có Hứa Hành, Đào Xu ..., về võ tướng công thành chiếm đất thì có Bá Nhan, Đổng Văn Bính ...trị quốc có kỷ cương phép tắc, chế định lễ, nhạc, làm cho nhân dân an lạc, sản vật phong nhiêu, thật là từ xưa chưa từng có (Nguyên sữ)

Vào tháng bảy năm Giáp Tý nhằm niên hiệu Chí Nguyên thứ nhất, tức niên hiệu Cảnh Định thứ năm đời Tống, sao chổi xuất hiện ở

phương Đông, ánh sáng kéo dài hơn vài chục trượng, từ canh tư mãi đến khi mặt trời lên cao mới tắt. Cũng tháng tám năm ấy Bỉnh Trung xin định đô tại Yên, Thế Tổ chuẩn y, ban chiếu tu sửa cung điện, thành trì, lập Yên Kinh làm Trung đô, đổi quốc hiệu là Nguyên, đại xá thiên hạ, lập hội độ Tăng. Chiếu thỉnh quốc sư Phân - Di - Đạt Phát - Tư đăng đàn truyền trao giới bí mật. Tháng tám phong tước Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo, được tham dự việc trong Trung Thư Tỉnh.

Chế ghi: Trường sinh Thiên Khí Lực, thánh chỉ của Hoàng đế dạy rằng: Lưu Bỉnh Trung tánh tình cương trực, học rộng giỏi văn chương, tuy ẩn tích nơi không môn, mà thường để tâm vào thánh đạo. Khi Trẫm còn là một Phiên Lang, thì khanh là bạn đồng liêu chân thật, Trẫm đã ở một bên nghe được những lời nghị bàn cao xa trong suốt hai mươi năm, hoặc có lúc theo Trẫm, chinh chiến nơi phương xa hằng bao vạn dặm. Đến khi Trẫm kế thừa ngôi vị, thì lại cần đến kế an dân của khanh; nếu trước tiên chẳng có chánh danh, thì làm sao thân phục quần thần, vì thế nay tôn lên địa vị Sư, kiêm Tổng chánh cơ, đặc phong tước Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo, lãnh đạo việc ở Trung Thư Tỉnh. Khanh hãy gắng sức giúp Trẫm trước xem xét việc siêng năng hay biếng trễ, sớm tối trong triều, thẩm định phải trái khi luận nghị. Phàm có việc gì thì cho phép được quyết định.

Xét rõ thành tích nên đặc biệt ân sủng ban cho chương phục (Y phục của bậc quyền cao tước trọng)

Hãy vâng theo lời này! (Thông Tải)

Lập Bá Nhan làm Trung Thư Tả Thừa tướng. Bá Nhan là người cẩn trọng, ít nói năng, phàm ở các bộ có việc gì khó quyết định, thì Bá Nhan chỉ cần vài lời là quyết đoán. Vì thế các quan trong Trung Thư Tĩnh đều khâm phục mà tôn là chân Tể Phụ. (Theo Nguyên sử)

Niên hiệu Chí Nguyên thứ hai tức năm Ất Sửu, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ nhất đời Tống, tháng mười năm sau Tống Lý Tông bảng, Độ Tông lên ngôi. Sự tích có ghi chép ở sách trước, nơi đây chẳng ghi.

Ngày mồng một tháng giêng mùa xuân có nhật thực, đến tháng năm Lưu Bỉnh Trung tham dự việc ở Trung Thư Tỉnh. Đã phong quan tước ắt phải lấy việc thiên hạ làm nhiệm vụ của mình, đã biết thì không việc gì chẳng làm. Thế Tổ dùng Đại Kinh trị thiên hạ, dùng lương pháp an dưỡng nhân dân. Bỉnh Trung y cứ theo sách vở của Tổ Tông từ trước, tham khảo phép tắc xưa mà chế định nghi thức cho ngày nay, Thế Tổ khen ngợi liền ban chiếu bố cáo cùng khắp, tức thời nhân tài đều được

trọng dụng. Văn vật mỗi ngày thêm xán lạn.

Vua triệu Hứa Hành đến, phong làm Trung Thư Tĩnh nghị sự. Thừa tướng lúc còn trẻ mới hai mươi mốt tuổi, đã được nghe danh Hứa Hành, lòng đã mến mộ. Đến khi gặp ở hành quán thì càng thêm thán phục, hàng ngày thường đến hỏi han về chánh sự (Nguyên sử).

Thế Tổ nghe danh Trương Đức Huy liền triệu kiến, tham dự luận nghị các việc của Trung Thư Tĩnh. Đức Huy tâu trình với vua về chỗ ảo diệu trong đạo đức của Thánh hiền, phương pháp tu thân trị quốc, nguyên do thạnh trị hay loạn lạc xưa nay. Đế bèn ban chiếu làm Học quan dạy dỗ các trưởng tử của vua quan, khiến cho trong ngoài mỗi ngày một đổi mới.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ ba năm Bính Dần, tức niên hiệu Hàm thuần thứ hai đời Tống, Phật giáo truyền đến Trung Quốc tính đến nay đã được một ngàn hai trăm năm.

Chí Nguyên thứ tư, năm Đinh Sửu, tức niên hiệu Hàm Thuần thứ ba đời Tống, vua Tống đến Thái học miếu lễ Khổng Tử, đến Hành xá dâng lễ vật, tôn Nhan Hồi, Tăng Sâm, Khổng Cấp, Mạnh Kha đồng phối hưởng 1, thăng Chuyên, Tôn, Sư vào hàng Thập triết.

Khi Hứa Hành tâu bày trước vua có nêu năm việc: 1. Quy mô lập quốc; 2. Việc quan trọng của Trung Thư Tĩnh; 3. Vì vua khó dùng lời chân thật; 4. Về ruộng vườn trường học; 5. Cẩn trọng. Vua thâu nhận. Sau ông xin trở về quê. Vua chuẩn y (sử).

Thiền sư Phật Quốc húy Chí Ôn, tự Kỳ Ngọc, hiệu Toàn Nhất, thụy hiệu là Phật Quốc Phổ An. Sư là con trai của họ Hách ở Hình châu, lễ Biện Am Nột Công xuất gia, tham học nơi Vô Hoãn Phú Công ở Vạn Thọ, làm thị giả ngài Vạn Tông. Thái Bảo lưu công vì ân tri ngộ với Thế Tổ mà tiến cử Sư. Vua rất vui mừng muốn ban cho quan tước. Sư không nhận và tâu rằng: “ Phật pháp lưu thông trong Thiên hạ là bản nguyện của thần, còn phú quý thì chẳng phải là việc mong cầu”. Hiến tông ban chiếu cho Hải Vân làm chủ Thích giáo, đồng thời lệnh cho thiên hạ lập Tư Nhung hội. Sư nhận thánh chỉ tuyên bố khắp nơi, phụ giúp cho hội được thành tựu. Lưu Công Vệ thừa ý chỉ, ban Sư hiệu như trên, quản lý tất cả các việc của Tăng ni trong các địa phương. Sư thuận theo ý của Vệ. Tăng chúng được nơi nương tựa. Sau Sư trả ấn từ chức. Ngày mười một tháng năm năm ấy, tại Thiên cung ở Hoàn châu, sư có chút bệnh, nằm nghiêng hông phải mà thị tịch. Đương lúc trời nắng nóng mà nghi dung như lúc còn sống, lại có mùi hương lạ lan tỏa. Khi thiêu thì quả tim, răng và miệng không cháy, đào đất xuống vài thước mà vẫn còn

được xá-lợi. Sư thọ năm mươi mốt tuổi, bốn mươi hạ lạp. Học Sĩ Ngu Tập soạn văn bia (Thông Tải).

Niên hiệu Chí Nguyên thứ năm, năm Mậu Thìn, tức nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ tư đời Tống, tướng A Thuật, Lưu Chỉnh của nhà Nguyên vây quân Tống tại Tương Dương, tri phủ Lữ Văn Hoán cấp báo.

Tạ Phương Bắc bàn rằng: “Làm Tể tướng thì dùng quyền sinh sát để phế hoặc lập người. Làm quan Đài giám thí dùng quyền bài bác mà làm nhục hay tôn vinh người. Làm quan Quốc tử giám dùng quyền khảo hạch để lấy hoặc bỏ người. Ba hạng quan này thuộc về Hiền thánh (Sử)

Niên hiệu Chí Nguyên thứ sáu năm Kỷ Tị, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ năm đời Tống. Tháng hai, Đế Sư phát Tư - Ba chế văn tự Mông Cổ ban hành khắp thiên hạ. Thường châu của đất Tống, gà mọc cựa trên cánh.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy, năm Canh Ngọ, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ sáu đời Tống, triệu thỉnh Kim Cang Thượng Sư người Chiêm-ba trụ trì chùa Nhân Vương, rộng độ chúng Tăng.

Đế Sư tức Bí Sô Phát- Tư- Ba thuyết Căn Bản Hữu Bộ Xuất Gia Yết-ma Nghi Quỷ, tự soạn lời tựa rằng: Phàm thời vận tốt đẹp của Thiệm-bộ, đến đức Phật thứ tư là Thích-ca văn Như Lai để lại di giáo làm lợi ích quần sinh. Đại Nguyên trị thế, đến đời chủ thứ năm là Hiến Thiên Thuật Đạo Nhân Văn nghĩa Võ Đại Quang Hiếu Hoàng đế lên ngôi. Vua có thiên tư, đầy đủ phước tuệ tin sâu Phật đạo, lại khiến cho vạn quốc quy về một mối. Tuy cùng trời đều quy phục mà phép trị vô phân, thấy Trung Hoa hoằng đạo mà tự thân chẳng hề dừng nghỉ. Muốn cho Phật Phật tương thừa, thầy trò kế tục, đến nay chẳng bỏ chánh giới, nghi quỷ làm người theo hạnh thiện mỗi mỗi luôn giữ gìn, tinh luyện thân tâm, bền giữ bốn oai nghi, đó thật là Thánh hoàng chấn chỉnh giềng mối của Phật pháp... (Thông Tải). Liêm Hi Hiến là người ngay thẳng trong triều, Thế Tổ bảo thọ giới nơi Đế Sư Bát Tư Ba. Hi Hiến liền tâu:

- Thần đã thọ giới của Khổng Tử rồi!

Vua hỏi:

- Khổng Tử của khanh cũng có giới ư?

Hi Hiến tâu:

- Làm bề tôi thì phải trung, làm con thì phải hiếu, đó là giới vậy!

Niên hiệu Chí Nguyên thứ tám, năm Tân Mùi, nhằm niên hiệu

Hàm Thuần thứ bảy, vào tháng mười một mới lập quốc hiệu là Đại Nguyên, theo nghĩa Càn Nguyên trong Kinh Dịch. Đầu tiên theo lời tấu thỉnh của Thái Bảo Lưu Bĩnh Trung mà lập trường học Mông Cổ, ban sắc cho Hứa hành làm Học sĩ. Hành thường cho rằng trong sách không có điều nghi, nhưng xem được thì có nghi, có nghi tức xem được, không nghi mới có công, Hành chỉ dạy người, ắt nhân chỗ sáng để khai mở chỗ tối mà dung nạp các điều thiện; biết lúc động tịnh mà làm rộng lớn nó ra, cẩn thận với mầm mống mà đề phòng nó; mặt trời lặn mặt trăng tà chẳng tự biết mình biến, mặt trời soi mặt trăng chiếu cũng chẳng tự biết mình hóa. Lại làm người học thì sự nghiệp sinh nhai là tiên quyết. Lại nói rằng: Hàng sĩ quân tử thì nên lấy ruộng vườn làm kế sinh nhai.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ chín, năm Nhâm Thân, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ tám đời Tống, thiếu phó Diệp Mộng Đỉnh từ quan trở về đất Tần, nguyện gắng sức, siêng năng, tiết chế sự ham muốn để thu phục nhân tâm, củng cố đất nước. Lại nói: "Liêm sĩ là việc lớn, sinh tử là việc nhỏ", nên dong thuyền nhỏ thẳng về.

Thiền sư Bàn Cốc hiệu là Lộc Thủy, người ở Hải Diêm. Sư có tướng mạo xấu xí, nhưng chí khí siêu việt, bác lãm kinh sử, thích cảnh đẹp núi sông. Trong khoảng niên hiệu Chí Nguyên (1280-1294) Sư đến các danh sơn thắng cảnh như núi Ngũ Đài, Nga Mi, Phục Ngưu, Thiếu Thất... Từng nói rằng: "Bước chân in dấu nửa đất trời, tài thơ vang khắp cả thế gian". Bấy giờ phò mã nước Cao Ly là Thẩm Vương nghe danh đức của Sư, nên liền mang thư và lễ vật đến tham kiến. Sư bèn giảng đại ý Kinh Hoa Nghiêm ở chùa Tuệ Nhân đất Hàng, thi triển bốn Vô ngại biện, bảy chúng đều kính phục, còn Vương thì rất vui mừng. Từ đó thanh danh của Sư càng lan rộng.

Sau, Sư đến Tùng quận lập tịnh xá siêng tu tịnh nghiệp. Hằng ngày niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Một hôm Sư dự đã đến giờ, không bệnh ngồi yên mà thị tịch, thọ trên bảy mươi tuổi. Sư có để lại tác phẩm Du Sơn Thi Tập ba quyển lưu hành ở đời (Cao Tăng Truyện).

Niên hiệu Chi Nguyên thứ mười, năm Quý Dậu, nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ chín đời Tống; quân Nguyên vây chặt Tương dương đã lâu, đến tháng hai phá Phân thành, đô thống Phạm Thiên Thuận than rằng: "Sống làm bầy tôi nhà Tống, chết làm quỷ đất Tống", xong tự ải nơi đồn doanh.

Hứa Hành trở về Hoài Mạnh, xa lánh việc đời, thường sống nơi núi rừng, siêng tu sửa bản thân, việc công và tư đã xong, chẳng nghiêm mà chỉnh, trong khuê môn giống như ở triều đình, nhưng vợ chồng đối

xử với nhau như khách, việc tang tế đều y theo phép tắc xưa. Sau ông qua đời ở Hoài Mạnh. (Sử).

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười một, năm Giáp Tuất nhằm niên hiệu Hàm Thuần thứ mười đời Tống. Vào tháng bảy Tống Độ Tông băng hà, thái tử Thiếu Đế mới bốn tuổi lên kế vị. Tháng tám trời tuôn mưa lớn, núi Thiên mục sạt lở, nước dâng làm chết rất nhiều người. Cũng tháng tám năm này Lưu Công qua đời, vua ban tặng hiệu là Nghi Đồng Tam Ti Thái Phó, thụy là Văn Trinh. Chế ghi: Làm tôi thì lấy trung hiếu mà thờ phụng vua, quý ở lòng chân thành dâng hiến; làm vua thì dùng lễ nghĩa để đãi ngộ bầy tôi, nhớ nghĩ dốc lòng yêu thương trọn vẹn. Xem ngày chết giống như khi sống. Quang lộc đại phu thái bảo Lưu Bĩnh Trung tài học vượt trời người, hiểu biết suốt cổ kim. Sâu kín mà ngay thẳng, an tĩnh mà không chuộng vinh hoa. Khi xưa hầu hạ Tiềm Phiên [4] đã được nghe nhiều lời bàn luận cao xa. Vừa đúng ba lần tiếp kiến đã thành khẩn dâng lên một bộ sách có vạn lời. Bởi vì muốn thi thố tài năng an định thiên hạ, để khuyên bậc nhân chủ, lỗi là do nơi sát hại. Trẫm mới kế thừa ngôi vị mà khanh tận lực quá nhiều, hơn nữa khanh rất hợp lòng Trẫm mà Trẫm rõ biết ý khanh. Sự điều có ứng nghiệm, người chẳng thể mời nơi khác, trọn vẹn ba mươi năm chẳng khi nào tránh gian khó, thành khẩn dâng mấy trăm bản tấu, mỗi mỗi đều có nghĩa lý, đều thành các chánh vụ, mới mong sánh với người xưa! Ai cho rằng trời thu chẳng gượng bỏ sót một người già? Kể đến đây, thì đến bao giờ mới quên được? Sống thì xếp vào hàng tam công tể tướng, mất thì có phần mộ lớn, nay dùng chiếu thư ân tứ, ban cho hàm Nhất Phẩm; dùng tang phục thuộc hàng chánh vị, của Tam Hòe (Tam Công), lại ban cho thụy hiệu hầu đáp đền công lao to lớn.

Mong anh linh của khanh chứng biết lòng yêu mến, rầu buồn của Ta!

Nay ban tặng thái phó, thụy hiệu Văn Trinh (Thông Tải). Lưu Công Văn Trinh húy Bĩnh Trung, tự Trọng Hối người ở thôn Lưu Lý, Thụy châu, lễ cầu Thiền sư Hư Chiếu ở Thiên Ninh cạo tóc làm Tăng. Sau đến Vân Trung trụ ở chùa Nam Đường. Cùng với Thiền sư Hải Vân hướng về Bắc, tham kiến Thế Tổ ở tư dinh; vừa diện kiến ứng đáp đã hợp ý vua. Từ đó từng nhân sự hỏi han mà dâng một bộ sách gồm vài mươi điều, hơn vạn lời, tất cả đều là việc của bậc Tôn chủ và nhân dân, Thế Tổ lãnh thọ. Từng theo Thế Tổ chinh phạt, dùng phương tiện

*4. Tiềm Phiên: Còn là một vị Vương chưa lên ngôi Hoàng để.*

cứu sống rất nhiều người, đến khi Thế Tổ lên ngôi thì từ việc ấn định triều nghi, lập quan chế, cải quốc hiệu, niên hiệu, cho đến tất cả việc cần làm, thích hợp thời vật đều do ông chế định. Ông sống thanh bần, ăn uống đạm bạc, suốt ngày lặng lẽ. Ngày Nhâm Tuất, tháng tám năm Mậu Tuất ông ngồi yên qua đời thọ năm mươi chín tuổi. Từ nhỏ ông đã ham học, đến tuổi già vẫn chẳng phế bỏ. Tuy làm một vị Đại thần cao trọng mà chẳng khác người bình thường. Vua thường nói với các quan hầu cận rằng: “Bĩnh Trung theo Trẫm ba mươi năm, lúc nào cũng cẩn mật”. Ông rất giỏi về thuật số âm dương, chiêm đoán sự vật mà biết vị lai, rất khế hợp.

Vua sai Sử Thiên Trạch, Bá Nhan thống lãnh binh mã Nam chinh, vua triệu đến ban dụ rằng: Từ xưa, người giỏi giữ Giang Nam chỉ có một mình Tào Sâm mà thôi! Các khanh chẳng nên giết Tào Sâm này của ta!

Sử Thiên Trạch người Chân Định, thân cao tám thước, giọng nói như tiếng hồng chung, giỏi cưỡi ngựa bắn tên, làm võ tướng, văn thần trong năm mươi năm, là trụ cột của bốn triều, là gương sáng cho trăm vua noi theo, là nguyên thần khai quốc. Người đời so sánh ông như Quách Tử Nghi, Tào Sâm. Ông mất năm bảy mươi chín tuổi, thụy hiệu là Trung võ.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười hai, năm Ất Hợi nhằm niên hiệu Đức Hựu nguyên niên. Tống Cung Tông đổi niên hiệu là Đức Hựu, tại vị được hai năm, bị quân Nguyên bắt dẫn lên phía Bắc và chết ở sa mạc.

Quan Đề hình Giang Tây là Văn Thiên Tường khởi binh cần vương, bạn bè can ngăn, Thiên Tường bèn nói: “Quốc gia dưỡng dục thần dân hơn ba trăm năm, nay bỗng nhiên nguy cấp, trưng dụng binh trong thiên hạ mà chẳng có một người một ngựa đến, ta rất hận điều này! Ta chẳng tự lượng sức mình, muốn dùng thân tuẫn tiết, ngõ hầu trung thần, nghĩa sĩ trong thiên hạ nghe được mà khởi binh. Khởi nghĩa thắng thì mưu lập chúa, người tụ đông thì sức thêm mạnh, như thế mới mong bảo tồn xã tắc”.

Văn Thiên Tường tánh tình hào hoa, lo cung dưỡng tự thân rất kỹ, đến khi đau khổ vì mất nước thì tự ức chế, hiến hết gia tài cho quân đội. Thường cùng với bạn đồng liêu luận bàn đến thời sự, có lúc vỗ bàn khóc mà nói rằng: “Vui cùng với niềm vui của người, lo cùng với nỗi lo của người, ăn thì ăn thức ăn của người, chết vì việc của người”. Ai nghe đến cũng đều cảm động.

Quan Đề hình Hồ Nam là Lý Phất sai ba ngàn tráng sĩ cứu viện, khiến võ tướng chỉ huy để cần vương. Về sau được ban thụy là Trung Tiết.

Có Hành nhân là Hác Kinh đi sứ sang Tống bị lưu giữ mười sáu năm, chuyên soạn tập các sách vở, sau trở về đất Yên thì qua đời, được ban thụy hiệu là Văn Trung. Vua Tống ban chiếu cho Trương Thế Kiệt làm Tổng đốc quân đội. Sau cùng với Lục Tú Phu, Trần Nghị Trung vì cứu quốc mà bị nạn chết chìm trong biển.

Vào năm này trên trời có hai ngôi sao chạm nhau, một sao rơi rụng. Ngày mồng một tháng sáu có nhật thực, ban ngày mà trời tối như ban đêm.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười ba, năm Bính Tý nhằm niên hiệu Đức Hựu thứ hai. Tháng năm Tống Đoan Tông lên ngôi cải niên hiệu là Đức Viêm. Sau đi thuyền bị chìm, băng hà ở Cương châu, Lĩnh Nam.

Đến tháng hai, trong mặt trời có hiện một vết đen lớn như trứng gà rất lâu mới tan.

Thừa tướng Văn Thiên Tường thường nói: “Nước mất thì mất cả tâm của nam tử này!” Quân Nguyên bắt Thiên Tường dẫn về đất Bắc, sông Tiền Đường ba ngày mà thủy triều chẳng dâng, quân Nguyên phân ra đóng binh trên bờ sông. Người Hàng châu cầu khẩn mà triều vẫn chẳng dâng.

Tháng ba tướng Nguyên là Bá Nhan vào Lâm An, gióng trống dựng cờ Đại tướng, bắt vua Tống và hoàng hậu cùng bá quan dẫn về Kinh triều kiến Nguyên đế.

Đào Xu là người nhân từ, khoan dung, cung kính, chưa từng khinh miệt người. Bấy giờ làm đến chức Hàn lâm học sĩ. Khi các quan lại và sĩ tử đi theo Tống đến về Thượng đô, Thế Tổ giao cho Xu xét theo học và hạnh của họ mà ban cho quan tước.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười bốn, năm Đinh Sửu nhằm niên hiệu Cảnh Viêm thứ hai đời Tống; phong Tống chủ làm Huy quốc công, dời đến Tư Ma lộ học tập Phạm thư, và kinh tiếng Tây phiên, còn Hoàng hậu Toàn thì cho làm ni ở chùa Chánh Trí.

Lập chùa Đại Thánh Vạn An.

Liêm Hi Hiến làm quan đến chức Bình chương, Bá Nhan khen ông ấy là bậc chân Tể tướng trong hàng Tể tướng, chân nam tử trong hàng nam tử. Người đời thường tôn ông như thế cho đến khi qua đời.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười lăm năm Mậu Dần, nhằm niên hiệu Tường Hưng Nguyên niên. Đế Bỉnh lên nối ngôi nhà Tống cải

niên hiệu Tướng Hưng, tại vị 2năm. Sau theo đường biển đến Nhai sơn. Trương Thiên Kiệt đánh nhau với quân Nguyên, bị bại trận, cùng với Lục Tú phu nhảy xuống biển tự vẫn.

Sáng sớm mồng một tháng giêng lập đại hội trai tăng, đại xá thiên hạ, năm người như Ngọc Tuyền... được ân tứ cho độ làm Tăng.

Năm này có ngôi sao lớn từ phương Nam băng qua và rơi vào trong biển, có hơn một ngàn sao nhỏ rơi theo, phát ra âm thanh như sấm, mấy khắc mới ngưng.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười sáu, năm Kỷ Mão. Tháng hai nhà Tống mất. Tính từ Tống Thái Tổ đến Đế Bỉnh tổng cộng là ba trăm hai mươi năm.

Văn Văn Sơn người Cô Tô, húy là Thiên Tường đỗ trạng nguyên đời Tống làm quan đến chức Thừa tướng, phong tước Tín Quốc Công. Ông là người trung hiếu, tiết nghĩa. Bị bắt, Thiên Tường nhìn cảnh Nhai sơn cảm tác những bài thơ bi ảo (chẳng ghi).

Lại ca rằng:

*Gió thổi mạnh lên chừ, Ôi! Biển nổi sóng,*
*Văn võ hết rồi chừ, Ôi! Vận nước suy,*
*Ưng quạ tranh nhau chừ, Ôi! Chẳng chỗ làm,*
*Hồng hộc muốn bay chừ, Ôi! Đâu thể về,*
*Ngâm ca trên dòng chừ, Ôi! Mặc thuyền trôi,*
*Chỉ ôm năm tháng chừ, Ôi! Ta nào biết.*

Chánh Khí Ca:

*Trời đất có chánh khí*
*Lẫn lộn ở trong hình.*

Cuối cùng lại ghi:

*Xem kia vẫn rực sáng*
*Ngửa nhìn mây trắng trôi*
*Lòng ta buồn dằng dặc*
*Trời xanh thật vô cùng*
*Hiền triết ngày càng xa*
*Phép tắc chôn quá khứ*
*Bên mành mở sách xem*
*Đạo xưa bừng trước mặt.*

Linh Đinh Dương Thi:

*Tân khổ tao phùng khổ một phen*
*Can qua chẳng dứt khắp bốn bên*
*Sơn hà tan nát như đập sợi*

*Thân thể bồng bềnh giống bọt bèo*
*Đầu sông kinh sợ luận kinh sợ*
*Trên biển lênh đênh nói lênh đênh*
*Người đời xưa nay ai chẳng chết*
*Chỉ tấc lòng son lưu sử xanh*
*Vượt Kim lăng ly cung nhà cỏ*
*Ánh nắng chiều tà đã chuyển dần*
*Mây trôi phiêu bạt ghé về đâu*
*Sơn hà phong cảnh nào có khác*
*Thành quách nhân dân nửa đã tan.*
*Đầy đất hoa lau và già lão*
*Nhà xưa chim én, chiếc nào bay*
*Từ nay cách biệt Giang Nam cảnh*
*Hóa làm quyên hót ngậm máu về.*

Trước lúc bị chém, nét mặt vẫn ung dung nói với ngục tốt rằng: Việc làm của ta đã xong. Rồi hướng về Nam lễ bái mà chịu chết, thọ bốn mươi bảy tuổi. Sau đó lục trong giải áo có bài viết rằng:

*Khổng Tử nói thành nhân*
*Mạnh Tử dạy tập nghĩa.*

Nay nghĩa đã tận, nhân đã đến, vậy đọc sách Thánh hiền thì nên học tập điều gì, để từ nay và mai sau không hổ thẹn!"

Bình sinh ông làm văn thơ chưa từng khởi thảo trước, mà hạ bút viết ngay. Ông có để lại Chỉ Nam Tập, Ngâm Tiêu Tập, Tập Đỗ Thi hơn một trăm bài lưu hành ở thế gian. Ông từng lập ra Ty Thiên đài ở Đại Kinh, lập An Lạc đường để chữa trị người bệnh, cứu giúp kẻ đói, chôn cất người chết.

Tháng sáu, niên hiệu Chí Nguyên thứ mười bảy, năm Canh Thìn, lịch mới đã soạn thành, vua đặt tên là Thọ Thời, năm sau mới ban hành trong thiên hạ.

Vua sai sứ đi đến cùng nguồn Hoàng hà, từ biển Tinh Tú đến núi Côn Lôn, mới rõ ràng biết được đất ấy.

Đậu Mặc là người vui hòa bình dị, suốt đời chưa từng nói một lời trái người, làm quan đến chức Học sĩ, cho đến khi qua đời, được ban thụy hiệu là Văn Chánh.

Vua bảo Thái tử Chân Kim rằng: Bá Nhan văn võ song toàn, ngươi chớ nên đãi ngộ như người bình thường.

Hứa Hành lúc lâm chung bảo với con rằng: "Suốt đời ta bị hư danh trói buộc, chẳng thể từ quan". Năm ấy Hứa Hành qua đời, thụy hiệu là

Văn Chánh.

***Đế Sư viên tịch:*** Đại sư Phát tư ba là Đế Sư của Đại Nguyên, ngày hai mươi hai tháng mười một năm này Sư thi tịch thọ bốn mươi hai tuổi. Vua nghe tin không ngăn được lòng thương tiếc, để ghi nhớ một bậc đức cao trọng vọng, vua sai xây một ngôi tháp lớn ở Đế Kinh thờ xá-lợi châu thân, ngọc vàng rực rỡ không gì sánh bằng. Học sĩ Vương Bàn phụng chiếu ghi chép hành trạng của Sư rằng:

Hoàng Thiên Chi Hạ, Nhất Nhân Chi Thượng, khai giáo Tuyên Văn phụ trị Đại Thánh Chí Đức Phổ Giác Chân Trí Dụ Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương, Tây Phương Phật Tử, Đại Nguyên Đế Sư, Ban Di Đát Phát Tư Phát Đế Sư, Người nước Thổ Ba. Những điềm linh ứng lúc sinh thời chép đầy đủ rõ ràng nơi gia phả.

Đầu tiên Sư lễ người bác là Tát-sư-ca-ba làm thầy, học bí mật già đà đến một, hai ngàn lời, vừa đọc qua thì liền thuộc lòng. Bảy tuổi đã diễn nói Phật pháp, biện tài thông suốt, nhưng sư chưa lấy làm đủ, nên tham học khắp các bậc danh túc, thấu suốt được ý nghĩa u huyền ẩn mật, làu thông cả ba tạng kinh điển. Năm mười lăm tuổi, thấy Thế Tổ Hoàng đế long đức tiềm ẩn, Sư biết được chân mạng có chỗ về, nên thẳng đến Vương phủ. Thế tổ, các quan và Đông cung đều thọ giới pháp nơi Sư, nên lại càng thêm kính lễ. Lúc Sư hai mươi tuổi, thì Phật và Đạo đính chính lại bộ Hóa Hồ kinh, Hoàng đế Hiến Tông ban chiếu thỉnh Sư phân tích lẽ đúng sai, Đạo giáo chẳng thể ứng đáp được nên tự bỏ sở học của mình. Vua rất vui lòng. Năm Sư hai mươi hai tuổi, Thế Tổ lên ngôi, đặt niên hiệu Trung Thống, tôn Sư làm Quốc sư, trao cho ấn ngọc, làm Pháp Chủ Trung Nguyên thống lãnh giáo môn trong thiên hạ.

Sư từ giã vua trở về Tây, chưa được mấy tháng đã triệu hồi. Năm Sư ba mươi mốt tuổi nhằm niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy, vua ban chiếu thỉnh Sư lập văn tự cho Đại Nguyên, Sư một mình vận dụng, mô phỏng, vẽ viết tạo thành, hợp ý mình, vua liền ban hành khắp nơi, từ hoàng triều, châu phủ, quận huyện đều tuân dùng, trở thành điển chương của một thời đại. Vua sắc phong làm Đế Sư lại ban cho ấn ngọc, thống lãnh Thích môn toàn quốc, Sư lại trở về Tây, đến niên hiệu Chí Nguyên, vua sai chuyên sứ triệu Sư về kinh, vương công, tể tướng, sĩ dân lìa thành ba mươi dặm lập Đại hương án, thiết Đại tịnh cúng để bái nghinh Sư. Vạn người chiêm lễ Sư như một vị Phật xuất thế. Sư cũng đã vì thái tử Chân Kim soạn luận Chương Sở Tri gồm năm thiên được nhập tạng lưu hành ở thế gian.

Luận Chương Sở Thi do Đế Sư thuyết cho Thái tử nghe, Phật Trí

Thiền sư Sa-la-ba dịch. Phẩm thứ nhất là phẩm Khí Thế Gian, luận đầy đủ về đại địa, phong, thủy, hỏa luân, núi Diệu cao, Thất kim sơn, Tứ châu, Luân vi, Nhật luân, Nguyệt luân, Tinh tú cung, Tam giới, chư Thiên; kế đến là phẩm Tình Thế Giới nói về địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, nhân đạo, Tu-la, Thiên đạo, Y kiếp thành trụ hoại không, tướng trước sau và các việc về phổ hệ của Đức Phật Thích-ca, các đời Luân vương... Sau cùng nói về ba phẩm Đạo, Quả, và Vô vi.

Tháng mười niên hiệu Chí Nguyên thứ mười tám năm Tân Tỵ, vua hạ chiếu cho tăng, Đạo luận biện, cả hai đều phụng Thánh chỉ... trừ đạo Đức Kinh là kinh chân thật của Lão Tử, còn các kinh khác là do người đời sau soạn ra, vua sai quan đốt tất cả.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ mười chín năm Nhâm Ngọ, Xử sĩ Lưu Nhân là người có thiên tư hơn người, một ngày nhớ được trăm ngàn lời, đọc qua liền thuộc, thích câu nói: "Tĩnh để tu thân", của Khổng Minh Gia Cát Lượng, nên có tấm biển đề: "Tĩnh Tu". Vua muốn cho làm quan thế thiên, nhưng ông không nhận.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi, tức năm Quý Mùi. Ngày mồng sáu tháng một niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi mốt đại xá thiên hạ, đồng thời giảm nhẹ hình phạt, năm Ất Dậu, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi hai, vua ban Thánh chỉ thiêu hủy tất cả các Đạo Tạng Kinh ngụy tạo ở các lộ, kể cả ghi chép trên đá và bi ký. Thánh chỉ ra lệnh cấm các ngụy kinh trong Đạo tạng liệt kê sau đây: kinh Hóa Hồ, kinh Du Long, kinh Thánh Kỷ, kinh Tây Thăng, kinh Xuất Tái, kinh Minh Châu Biện Ngụy, kinh Cửu Thiên, kinh Xích Thư, kinh Thượng Thanh, kinh Nam Đẩu, kinh Ngọc Vĩ, kinh Thập Nhị Hư Vô, Kỷ Thắng Phú, luận Biện Tiên, luận Hột Tà, luận Tam Phá, Thái Thượng Thật Lục, Thanh Dương Quan Ký, Huyền Cửu Nội Truyện, Đế Vương Sư Lục, Tam Thiên Liệt Ký, luận Thập Dị Cửu Mê, Lịch Đại Ứng Hiệu Đồ, luận Phật Đạo Tiên Hậu, luận Khâm Đạo Minh Chứng, luận Phụ Chánh Trừ Tà, luận Báng Đạo Thích, luận Thập Sơn, luận Tị Tà Quy Chánh, kinh Tạng Thiên Ẩn Nguyệt, kinh Xích Hoạch Độ Mệnh, Lịch Đại Đế Vương Sùng Đạo Ký, Tam Giáo Căn Nguyên Đỗ, Hỗn Nguyên Sinh Tam Thanh Kinh, Hỗn Nguyên Thật Lục, kinh Linh Bảo Tứ Thập Nhị Sinh, Cao Thượng Nội Truyện, Lâu Quán Tiên Sinh Nội Truyện, kinh Ngũ Công Vấn Hư Vô. Phàm thấy các kinh này thì tịch thâu.

Thánh chỉ ban chiếu xuống chùa Đại Mẫn Trung ở Đại đô thiêu đốt ngụy kinh trong Đạo Tạng, lại sắc cho Lâm Tuyền Trưởng Lão ở Báo Ân Thiền Tự châm lửa. Trưởng Lão tạ ân xong, niêm hương bạch

rằng:

*Phật tâm Thiên tử xót chúng sinh*
*Sợ đọa ba đường lạc tà khanh*
*Trong riêng rõ ràng không thiên lệch*
*Nơi chung danh lợi khéo phân minh.*

Vì thế nói: Bậc Thánh soi xét vô tư, máy trời khó biết, đã đến khen ngợi công đức, thì dám chẳng báo ân ư? Vì thế một nén hương này chính là để chúc tụng đương kim Hoàng đế: Cúi mong Kim luân và Pháp luân đồng chuyển, phước vượt ba kỳ; Thuấn nhật và Phật nhật cùng soi, thọ muôn ức kiếp.

Kế đó Trưởng lão đưa cây lửa lên và nói: Nhớ khi xưa vào thời Minh Đế, cũng vào năm này, đã từng nhờ vào lửa đỏ mà phân biệt tốt xấu, nay Thiên tử Đại nguyên lại tiếp nối phép tắc lớn ấy để hiển chánh phá tà, ai chẳng biết?...

Xong Trưởng lão cầm ngọn đuốc vẽ một vòng tròn trong hư không mà nói rằng: Này các nhân giả! Như Linh văn (Đạo Kinh) của ba động, lại có thể chứng được hỏa quang Tam-muội này chăng? Nếu như ngay nơi đây chứng đắc, thì nhà có kinh Bắc Đẩu, miệng của kẻ tà giáo này chẳng an định. Như chẳng được như thế, sau khi tro bay khói hết mặc tình đi khắp nơi mà kiếm Thiên Tôn. Hãy mau mở mắt xem Lâm Tuyền Trưởng Lão Tùng Mại Phụng sắc châm lửa! (Thông Tải)

Đối với Đạo sĩ thì giữ mười bảy Luận sư có đức để đối luận là: Tùng Siêu ở chùa Viên Phước, Đức Hưởng ở chùa Phụng Phước, Tùng Luân ở Dược Sư viện, Viên Dẫn ở chùa Pháp Bảo, Chí Ôn ở chùa Tư Thánh, Minh Tân ở Đại Danh phủ, Bản Liễn ở Cam Tuyền sơn, Đạo Vân ở chùa Thượng Phương, Tường Mại ở chùa Khai Giác, Liễu Tuần ở chùa Truyền Giáo, Khánh Quy ở chùa Pháp Hoa, Hành Dục ở huyện Long Môn, Đạo Thọ ở chùa Diên Thọ, Tướng Duệ ở chùa Ngưỡng Sơn, Thiện Lãng ở chùa Tư Phước, Tổ Khuê ở Vĩ châu và Nguyên Nhất ở Thục Xuyên.

Vào niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi ba năm Bính Tuất, trụ trì Vân Phong Thiền Tự ở núi Đạo Giả, Đại đô là Như Ý Tường Mại Trưởng Lão phụng chiếu soạn Biện Ngụy Lục năm quyển.

Biện Ngụy Lục gồm các chương: Vọng Lập Thiên Tôn Ngụy, Sáng lập Kiếp Vận Niên Hiệu Ngụy, Khai Phân Tam Giới Ngụy, Tùy Đại Vi Đế Vương Sư Ngụy, Lão Tử Xuất Linh Bảo Tam Động Ngụy, Du Hóa Cửu Thiên Ngụy, Thâu Phật Kinh Giáo Ngụy, Lão Quân Kết Khí Thành Tự Ngụy, Châu Văn Vương Thời Vị Trụ Hạ Sử Ngụy, Tiền

Hậu Quân Giáng Sinh Bất Đồng Ngụy, Tam Phiên Tác Phật Ngụy, Mạo Danh Tiếm Thánh Ngụy, Hợp Khí Vi Đạo Ngụy, Thâu Phật Thần Hóa Ngụy. Biện Thuyết Uyên Bác, tất cả đều được ghi chép đầy đủ trong Thông Tải.

Như Ý Thiền sư húy là Tường Mại, làu thông nội ngoại điển, thấu suốt giáo lý sâu xa, trụ trì một ngôi chùa lớn ở kinh đô, phụng chiếu soạn Biện Ngụy Lục năm quyển, chế phục thích đáng, Sư còn soạn Hoằng Truyện Tự Chú ghi trong pháp Hoa Yếu Giải.

Niên hiệu Chí Nguyên hai mươi bốn tức năm Đinh Hợi.

Ngày hai mươi mốt tháng giêng niên hiệu Chí Nguyên hai mươi lăm, năm Mậu Tý đại xá thiên hạ.

Hòa thượng Vân Phong trụ trì ở Kính Sơn. Đầu tiên Đô tổng thống Thích giáo vùng Giang Hoài là Dương Liễn Châu Ca vân tập chư Tăng thiền giáo Giang Nam về kinh, vào cung đối trước vua mà luận về Thiền. Đầu tiên vua tuyên triệu hỏi vị Tăng chùa Thượng Thiên Trúc:

Giảng kinh gì?

Đáp:

Giảng kinh Pháp Hoa.

Kế đến hỏi Tăng chùa Tiên Lâm giảng kinh gì?

Đáp:

Luận Bách Pháp.

Sau đó hỏi Sư rằng: Thiền lấy gì làm tông?

Sư đáp:

Thiền là tịnh trí diệu viên, thể vốn không tịch, Kiến văn giác tri chẳng thể biết, suy lường phân biệt chẳng thể hay... (sẽ ghi đủ đoạn sau). Lại nói: Thiền và giáo vốn một thể, thiền là tâm Phật, giáo là lời Phật. Nhờ lời Phật mà thấy được tâm Phật. Thí như trăm sông tuy khác dòng mà đồng tuôn về biển lớn. Đã vào biển thì đồng một vị...

Tạ ân vua ban cho trai soạn.

Thiền sư Cát Tường là Sa-môn ở chùa Phổ Chiếu, hiệu là Phổ Hỷ, Cát Tường, người Sơn Đông. Sư nghiên cứu sâu xa Tướng Tông của Từ Ân, học tập các bộ Duy Thức, Du-già Sư Địa, Nhân Minh. Vào năm này Thế Tổ lập trường giảng ở Giang Hoài, Phổ Chiếu đứng đầu, còn thỉnh Sư làm chủ giảng. Hằng ngày, ngoài lúc thăng tòa, Sư thường tụng kinh Hoa Nghiêm, lấy hạn định mười quyển làm thường khoa. Sau Sư viên tịch, hỏa thiêu thâu được rất nhiều xá-lợi, xây tháp thờ kinh khẩu (Đơn Đồ). Nhân dân ở vùng Trấn giang phần nhiều có vẽ hình sư để tôn thờ, và tôn Sư là Cát Tường Cổ Phật.

Ngọc Cương Pháp sư tức Sa-môn Mông Nhuận trụ chùa Hạ Thiên Trúc, hiệu Ngọc Cương; Sư người ở Hải Diêm, là cháu ngoại của Pháp sư Thánh ở Cổ Nguyên, là cao đồ của Pháp sư Truyền ở Trúc Đường. Lúc sinh ra Sư, người mẹ đã cảm thấy điềm mộng linh dị. Khi sư Lễ tượng đất thần Già-lam, thì các tượng đều ngã đổ. Sư tu Quán Âm Sám thì tâm bệnh thuyên giảm, giảng kinh Pháp Hoa thì cảm những kẻ bán thịt cá đổi nghề. Sư đến phong Hoàng Lĩnh cất am tranh chuyên tinh niệm Phật và tu Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Đại Bi, Tịnh Độ, Định bốn mươi chín ngày làm kỳ hạn nhiều nhất. Sau dạy đệ tử pháp chỉ quán an tâm, niệm Phật mà thị tịch.

Tháng Giêng năm Kỷ Sửu, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi sáu, ghi chép tính toán số hộ trong thiên hạ.

Ngày chín tháng chín mùa thu năm Canh Dần, Chí Nguyên n thứ hai mươi bảy, vua ban chiếu đại xá thiên hạ.

Tạ Điệp Sơn Phương Đắc tánh nghiêm nghị, nho nhả, khí phách cao tuyệt, lấy việc truyền thế giáo, lập phép dân làm trách nhiệm. Ông làm quan đến chức Chiêu Dụ Sứ. Khi nhà Tống mất, ông hành nghề bói toán để ẩn lánh. Bấy giờ nhà Nguyên trưng dụng các cựu thần, Sư quyết từ chối và nói rằng: "Đại Nguyên trị thế, dân sinh ngày một đổi mới, cô thần triều Tống chỉ nhất quyết chết mà thôi. Sở dĩ chưa chết, vì còn mẹ già chín mươi ba tuổi". Sau đến đất Yên nhịn ăn sắp đi có bạn là Trương Tử Tuệ đọc thơ rằng: "Đi thì rất tốt nếu nhờ vào ba tấc lưỡi mà trở lại, thì chẳng giá trị bằng nửa văn tiền". Lăng Đắc hiểu được ý nghĩa lời thơ này, liền chết ở đất Dịch.

Bình Sinh không có sách gì mà chẳng đọc, văn chương trác tuyệt, tự lập thành một phái. Đọc lời văn của ông thì thấy được tâm ông, khẳng khái, mạnh mẽ có thể làm cho những kẻ tham lam, hèn yếu lập chí.

Ông có soạn Văn Chương Quỷ Phạm lưu hành.

Vương Văn Trung Công tên là Vương Bân, tự là Văn Bính, người Quảng Đông, gia đình theo nông nghiệp, hằng năm thâu hoạch cả vạn thạch lúa, nên có hiệu là Vạn Thạch Vương Gia. Ông dốc sức nghiên cứu sưu tập kinh sử của bách gia, văn chương làu thông, phóng khoáng, người đến học tập nơi ông đến vài trăm. Ông dâng sớ tâu rằng:"Cửa quan của Thiên tử chẳng nên vào, nhưng đã vào thì gọi là lén vào, từ cửa thứ nhất đến cửa thứ hai khinh trọng có sai biệt". Ông làm quan đến Hàn lâm học sĩ cho đến khi qua đời, thọ chín mươi ba tuổi. Vua tặng hiệu là Thái Phó Quốc Công, thụy là Văn Trung. Năm Tân Mão, niên hiệu Chí Nguyên hai mươi tám, động đất ở Bình Dương phá hủy nhiều

nhà cửa của nhân dân, gồm một vạn tám trăm hai mươi sáu khu, chôn vùi một trăm năm mươi người.

Toàn thái hậu làm Ni, Luy Quốc công làm Tăng, được cấp ba trăm sáu mươi khoảng, miễn đóng thuế.

Năm Nhâm Thìn, Niên hiệu Chí Nguyên hai mươi chín, Dương Cung Hy phụng sự triều Nguyên. Lúc đầu ông và Hứa Hành đều được triệu dùng nhưng không chịu. Sau Thái tử Chân Kim bảo Hữu ty theo việc nhà Hán lễ mời Tứ Kiểu ngày xưa để mời ông, ông bèn nhận lời, lo việc khảo chánh lịch pháp. Vua phong cho chức Tập Hiền Học sĩ cho đến khi qua đời.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ ba mươi, năm Quý Tỵ. Lưu Văn Tĩnh tánh cẩn trọng, không thích giao lưu, nên ẩn cư, chỉ dạy đạo làm thầy rất tôn nghiêm. Ông mất năm bốn mươi lăm tuổi. Được tặng hiệu là Học sĩ, thụy là Văn Tĩnh. Ông có soạn Tứ Thư Tinh Yếu Thi Tập năm quyển. Hoàng Tôn Thiết Mộc Nhĩ Tổng Binh phía Bắc Triệu Bá Nhan đến Đại Đồng, trước khi đi Mộc Nhĩ rót rượu tiễn và hỏi rằng: Ngài đi có lời gì chỉ dạy tôi chăng? Bá Nhan nâng chén rượu và nói rằng: “Việc cần phải thận trọng thì chỉ có cái này và nữ sắc!”

Vân Phong thị tịch: Thiền sư Vân Phong thuộc đời bốn mươi ba tại Kính Sơn, Hàng châu, húy Diệu Cao, người Trường Khê, Cú chi. Đầu tiên Sư lễ cầu Vân Mộng Trạch Công thọ giới Cụ túc, tham học nơi Thiền sư Tuyệt Xung, kế đến tham kiến ngài Vô Chuẩn ở Kính Sơn, rồi tham kiến Yển Khê ở chùa Dục Vương, được chọn làm đệ tử thân cận, quản lý Tạng kinh. Một hôm Yển Khê nói rằng:

- Ví như con bò chui qua cửa sổ, đầu sừng và bốn chân đều qua được, ngặt chỉ còn cái đuôi là kẹt lại không qua được.

Sư nghe câu này bỗng nhiên tỉnh ngộ, đáp rằng:

- Cá kình hút hết nước biển, lộ ra một cành san hô.

Yển Khê hứa Khả. Sư đến chùa Đại Lô ở Nam Hưng hoằng hóa, lại dời đến chùa Khuyến Trung ở Giang Âm và chùa Hà Sơn ở Tuyết Xuyên, Tăng chúng khắp nơi đến tham học rất đông. Vua lại ban sắc Sư đến Tưởng Sơn, đến năm Canh Thìn niên hiệu Chí Nguyên lại dời đến Kính Sơn, hai lần gặp lửa thiêu, gian khổ trùng hưng, sau theo lệnh vua về kinh đối trước Hoàng đế luận thiền. Hoàng đế rất vui mừng ban cho thức ăn và phòng xá. Vào mồng một tháng sáu năm này Sư tập chúng vào thời Tiểu tham chỉ dạy, đến ngày mười bảy sau khi thuyết kệ xong thì thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi chín hạ lạp, tháp lập ở Cư đảng am phía Tây của chùa.

Nước Hồi Hồi Bột dâng hiến một hạt châu lớn, định giá khoảng vài vạn đỉnh tiền. Vua nói rằng: “Châu báu mà làm gì? Nên giữ tiền này để chu cấp cho dân nghèo”.

Tháng mười sao chổi xuất hiện, nhập vào “Tử Vi Viên” đến chòm Đẩu khôi (gồm các sao xu, tuyền, cơ, quyền trong Bắc Đẩu), các tia sáng kéo dài hơn một thước, trong một tháng sao mới tắt.

Ngày Nhâm Tý mồng một tháng giêng mùa Xuân năm Giáp Ngọ, niên hiệu Chí Nguyên ba mươi mốt. Hoàng đế bất an, không lâm triều, đến ngày Quý Dậu thì băng hà, hiệu là Thế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng Đế.

Khi Thế Tổ chưa lên ngôi đã từng xuất chinh đến Tây quốc, lấy đức hiếu sinh làm trách nhiệm, trên đường mê may gặp được Tăng, mở đường thọ ký. Do đó mới làm thiên hạ xán lạng, thống nhiếp vạn bang, hoằng dương Mật thừa, xương minh Tam bảo. Vua thỉnh tượng quý Chiên-đàn vào nội cung, an trí nơi điện Nhân Trí ở Vạn Tuế sơn, là một báu vật của hiện đời, lại xây dựng Đại Thánh Thọ Vạn An tự để phụng thờ, hầu làm cho tất cả mọi người được chiêm lễ.

Tháp Định Quang Phật bỗng nhiên phóng ánh sáng, vua sai mở tháp, thì thấy bên trong có xá-lợi chiếu sáng lóa mắt người. Do đó trùng tu tháp này, lại sai người chép tạng kinh bằng chữ nhủ vàng, định vẽ đồ tượng ở ngoài trục, nhưng chưa vẽ thì vua nói rằng:

- Kinh này là do Thích-ca Như Lai tuyên thuyết, thì chỉ nên vẽ bậc chủ thuyết kinh, hầu khiến cho người xem, đọc biết có nguyên nhân.

Vua ban chiếu khắp thiên hạ mỗi năm nên thực hành bố thí, độ tăng, tụng đọc Đại tạng kinh. Tùy nơi hoặc phóng ánh sáng hoặc hiện điềm lành không đồng. Vua ban chiếu cho Đại đức giảng kinh Hoa Nghiêm vào Đại Tự ở kinh thành thuyết giảng để hiểu rõ sự tôn quý của Như Lai. Vua lại lập đại hội Thất xứ, phóng ánh sáng hiển thị huyền chỉ Thất xứ (bảy nơi) của kinh Hoa Nghiêm. Vua lại dùng nhủ bằng vàng sắc cho Tăng Nhu chép Đại Tạng kinh cất giữ trong hòm bảy báu, mong lưu truyền ở vạn thế. Vua cũng dùng khối gỗ chiên-đàn lớn hơn trượng vuông trấn giữ kho của triều Tống để khắc tạo tượng Phật, làm lợi ích cho trời người, ban cho các vị tăng giảng kinh ca-sa màu đỏ để cho người thuyết pháp không khác Phật. Hằng ngày vua niệm Phật, lần chuỗi, tụng theo thời khóa, và tụ hành thí thực.

Vua ban chiếu cho Đại sư Đông Xương giảng thuyết cho mình nghe. Vua rất hoan hỷ ban cho gậy ngọc quý. Vua cũng ban ngọc âm chiếu cho giảng chủ Hạo Thiên rằng: “Nhân Trẫm còn tại thế nên

khuyên bảo người học cần phải nghiên cứu sáng tỏ Phật pháp, không được để đoạn tuyệt". Vua lại bảo Dật Lâm Thượng sư dịch Dược Sư Đàn Pháp Nghi Quỷ, để giúp cho thiên hạ tiêu trừ tám khổ, tăng thọ vô lượng; vua lập hội Thập Vạn Tăng, sắc cho mười vị Tăng thuyết pháp trước vua, sau ban cho mười đỉnh bạch kim, mười gậy ngọc. Lại hạ chiếu thỉnh mười vị cao tăng vào cung cúng dường, vua ngồi im chẳng động, các Đại đức cũng im lặng. Vua bèn nói: "Đây là công đức chân thật!"

Vua lại ban chiếu mời các cao Tăng trùng đính Đại Tạng, phân thành Đại Tiểu thừa, lại đề tên hiệu, ban khắp trong thiên hạ, lại bảo các Đại đức ở các tự viện, hiệu đính bổ khuyết Đại Tạng lâu đời của chùa Hoằng Pháp, làm cho mới đẹp để lưu truyền hậu thế lâu dài. Vua in ấn ba mươi sáu bộ Đại Tạng sai sứ ban phát, giáo hóa các nước lân cận, hầu làm cho tất cả đều thấy mặt trời Phật pháp.

Vua cũng ấn hành một ngàn bộ Bồ-tát Giới Bản, ban phát khắp nơi, khiến chúng sinh trên đại địa đều tuân hành bảo giới của Như Lai, lại ban Đai y đỏ và vàng cho cao Tăng các lộ để truyền trao đại giới; lấy thanh lương làm cảnh giới chân Phật, kiến lập năm ngôi chùa lớn để làm phước điền tối thượng. Mỗi khi vua thọ trai thì dùng bình bát Phật của Nam Thiên Trúc, đặt vào đó món ăn một trăm vị, lắng tâm quán tưởng thực hành pháp cúng dường.

Vua dùng bảo tháp xá-lợi của Như Lai thống nhiếp mười chín ngôi tự viện, mỗi mỗi đều có ban tiền để tu sửa trang nghiêm, lập hội Đại cúng dường.

Mỗi khi vua thấy Tăng Ni có tội thì không dùng vương pháp, chỉ khiến theo kinh giáo mà sám hối.

Vua lại miễn cả hai loại thuế về ruộng đất của tự viện, làm cho Tăng Ni an tâm tu đạo. Còn núi rừng cây cối của tự viện thì cũng khuyên bảo giữ gìn, không được chặt phá, hầu trang nghiêm cảnh giới của Phật thánh.

Vua bảo quần thần rằng: "Trẫm dùng Bản Giác Chân Tâm Vô Nhị để trị vì thiên hạ, quốc gia".

Vua nghe nghĩa ngũ giáo rồi nói rằng: "Đốn giáo nói tức tâm là Phật, cảnh giới của chư Phật, nếu phàm phu không tu thì làm sao đạt đến"

Vua sai các bậc danh đức của hai nước luận biện kinh giáo, nhất nhất đều giống nhau. Vua liền nói:

- Bao năm nghi ngờ, hôm nay mới khai ngộ!

Vua ban thánh chỉ, hiểu dụ tất cả Tăng Ni không nên chọn công việc hay nghỉ ngơi, nên tuân theo đạo của Phật Thích-ca mà hành tu.

Thái hậu nhà Tống cạo tóc làm Ni, tụng kinh tu đạo, vua rất kính ngưỡng cúng dường tứ sự. Tống đế giờ đây với Vương vị đến quy y, học Phật tu hành, vua rất vui mừng, bảo cắt tóc làm Tăng, nghiên cứu Đại thừa, thấu suốt Phật lý. Các cung nhân của triều Tống cũng đều thế phát làm Ni. Vua nói: "Là người trong Tam bảo", bèn bảo quy y, học Phật tu hành, và ban cho y thực.

Vua hỏi Đế Sư rằng:

- Thí thực rất ít. Vì sao có thể cứu độ vô lượng chúng sinh cõi u minh?

Đế Sư đáp:

Sức Chân ngôn của Phật pháp giống như hạt châu Ẩm mã.

Vua mời Đế Sư thọ trai xong thì trời mưa đầy hoa vàng xuống. Vua hỏi rằng:

- Vì sao lại có điềm lành này?

Đáp:

Vì tâm hoa bên trong của bệ hạ đã khai phát nên trời mưa hoa khen ngợi.

Tăng Nguyên Nhất người đất Thục sang Tây Thiên trở về, dâng lên tượng Phật ngọc thạch và kinh ghi trên lá bối. Vua hỏi rằng:

- Phật ở Tây Thiên có chăng?

Đáp:

Đương kim hoàng đế nơi Đông độ.

Đâu khác Đạt-đa ở Tây Thiên.

Vua lại hỏi:

Vì sao đệ tử của đạo gia thì ít, đệ tử của Như Lai thì nhiều?

Đáp:

Giàu thì một ngàn người còn chê ít, nghèo thì một thân cũng hận là nhiều.

Vua lại hỏi:

Hòa thượng còn bận thế duyên chăng?

Đáp:

Chẳng biết pháp nên mới phạm, biết pháp rồi thì chẳng phạm.

Vua hỏi Dãn Đàn Chủ rằng:

Nơi đâu có Phật?

Đáp:

Hoàng đế ta tức là Phật.

Vua hỏi:

Vì sao gọi trẫm là Phật.

Đáp:

*Giết tha tùy tự ý*
*Càn khôn nằm trên tay.*

Năm vua tám mươi tuổi, một hôm nói rằng: "Tuổi thọ đồng với Thích-ca Như Lai, chẳng làm chư Thiên!" Sau đó thì băng hà. Khi linh giá ngang qua điện Tuyên Đức thì tự nhiên hiện vầng ánh sáng tròn lớn chiếu khắp cõi trời, Tăng tục đều đến chiêm lễ. Đó là hiển tác dụng thị hiện của Phật xưa. (Đoạn trên là trích từ Hoằng Giáo Tập trong Phật Tổ Thông Tải).

Tháng bốn mùa hạ Hoàng Tôn là Thiết Mộc Nhĩ lên ngôi, được ngọc tỷ. Văn ghi: "Lãnh mệnh từ trời, đã có thọ mạng lại vĩnh viễn xương minh".

Xử sĩ triều Tống là Huyền ông đã hơn tám mươi tuổi, được vua ban cho vàng và lụa, nhưng không nhận cho đến khi qua đời.

Bá Nhan là người kín đáo sâu xa, có mưu lược, giỏi quyết đoán. các tướng tôn kính ông như thần minh, có thể cho ông là lương tướng của một thời. Khi Thế Tổ băng hà, trăm quan đều đã thuận, ông cầm kiếm đứng dưới điện trình bày lời dạy của Thế Tổ và tuyên cáo cố mệnh, nói ý nghĩa sở dĩ lập vua mới. Lời lẽ, sắc mặt đều nghiêm, các vương đều run sợ. Nhiều lần thọ nhận tước vị nên có đầy đủ phong tiết của một Đại thần cho đến khi mất. Ông làm quan đến Khai Phủ Nghị Đồng Tam Y Thái Phó, Lộc là Quân Quốc Trọng sự, Phong tước Hoài An Vương, thụy là Trung Vũ.

**Thành Tông:** Thành Tông tên là Thiết Mộc Nhĩ, là cháu của Thế Tổ, con thứ ba của Thái tử Chân Kim, khi Thế Tổ băng hà thì Mộc Nhĩ được các vương lập lên ngôi, tại vị mười ba năm, thọ bốn mươi hai tuổi thì băng hà.

Vua kế thừa sau khi thiên hạ quy về một mối, ung dung mà trị vì, có thể cho rằng ông khéo giữ gìn sự thành công của Tiên đế. Những năm cuối đời bị bệnh tật liên miên, việc bên trong thì giao cho cung nhân quyết định, việc bên ngoài thì ủy thác cho các đại thần, đến khi có giặc làm phản mới có chút ít cảnh giác, nhưng chưa đến nổi phải suy tàn, vì cách Thế Tổ chưa xa, pháp luật chế độ quy tắc vẫn còn. Vua cải niên hiệu hai lần.

Tháng bốn năm Ất Mùi, niên hiệu Nguyên Trinh thứ nhất, nước sông Lan châu tự nhiên trong xanh trong khoảng trên ba trăm dặm.

Tháng sáu lụt lớn ở Giang Tây, Thiểm Tây thì hạn hán. Nhân dân đói khát, phải cứu tế.

- Thiền sư Cao Phong húy là Nguyên Diệu, người Ngô Giang tỉnh Giang Tô, họ Từ, học tập ở chùa Mật Ấn Ô Tuất, đắc pháp nơi Thiền sư Khâm ở Tuyết Nham.

Sư sinh vào năm Mậu Tuất niên hiệu Gia Hi thứ hai đời Tống. Năm mười lăm tuổi Sư xuất gia, mười bảy tuổi thọ giới Cụ túc, mười tám tuổi học giáo nghĩa Thiên Thai, đến năm hai mươi tuổi chuyển pháp môn, vào chùa Tịnh Từ lập kỳ hạn quyết sống chết tham thiền trong ba năm. Năm hai mươi mốt tuổi yết kiến ngài Đoạn Kiều, sau tham vấn ngài Tuyết Nham ở Song Giản, lại trụ Song Kính mà ngộ đạo.

Sư ẩn cư ở Long Tu rồi dời đến Song Kế, đến năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Nguyên Sư lên ngọn Tây Phong núi Thiên Mục, vào biển Tử Quan, động Trương Công ẩn tu, mười lăm năm chưa từng rời động. Bấy giờ người học khắp nơi đến tham vấn rất đông, Tăng tục cầu thọ giới pháp đến vài vạn người. Ở đây Sư khai sơn chùa Sư Tử và chùa Đại Giác.

Ngày mồng một tháng chạp năm Ất Mùi, Sư đốt hương, nói kệ từ biệt chúng rồi ngồi yên mà thị tịch, thọ năm mươi bảy tuổi, bốn mươi ba hạ lạp, độ được mấy trăm đệ tử, tháp thờ được lập trong Tử Quan, theo di mệnh. Tổ Ung biết Sư có Ngữ Lục lưu hành thế gian.

Đoạn Kiều Thiền sư.

Tuyết Nham Thiền sư húy là Pháp Khâm, năm tuổi xuất gia, mười sáu tuổi được cạo tóc, mười tám tuổi hành cước khắp nơi, mười chín tuổi trụ tại chùa Linh Ẩn rồi lại dời sang chùa Tịnh Từ. Một hôm đang kinh hành trên điện Thiên Mục, ngước mắt nhìn thấy một gốc cây bách lâu năm bỗng nhiên tỉnh ngộ, từ đó không còn nghi sinh tử, nghi Phật Tổ. Sau Sư trụ chùa Đạo Lâm, Phật Nhật Thiền Tự ở Nam Minh, Hộ Thánh Thiền Tự ở Tiên Cư, Quang Hiếu Đạo Tràng ở Hồ châu, chùa Ngưỡng Sơn ở Giang Tây, và các chùa ở Bắc Giản. Sư là đệ tử nối pháp ngài Vô Chuẩn, thầy của Thiền sư Cao Phong.

Sư có để lại bộ Ngữ Lục học hai quyển lưu hành ở đời.

Niên hiệu Nguyên Trinh thứ hai, năm Bính Thân, kế thừa đời thứ ba mươi tám của nhà Hán, Thiền sư Trương Dữ Tài làm Thái Tổ cho ngưng Thần Quảng Đạo Chân nhân, thống lãnh đạo giáo ở các lộ thuộc Giang Nam.

Tháng Giêng năm Đinh Dậu niên hiệu Đại Đức thứ nhất, Thái hậu đến núi Ngũ Đài. Đầu tiên Vua vì Thái hậu mà lập chùa ở núi này,

đến khi hoàn thành thì Thái hậu, giá lâm cầu phước cho muôn dân.

Tháng hai năm này cải niên hiệu, đại xá thiên hạ.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Đại Đức thứ hai, vì lụt lội và hạn hán nên vua ban chiếu miễn tô thuế.

Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Đại Đức thứ ba, vua ban chiếu sai sứ vỗ an nhân dân bị bệnh khổ. Tháng chín có sao băng, phát ra âm thanh như sấm.

Năm Canh Tý, niên hiệu Đại Đức thứ tư.

Bất Hốt Mộc làm quan đến chức Học sĩ Bình Chương. Đầu tiên, Thế Tổ mỗi khi nghe ông nói đều khen thưởng, ban cho bạch ngọc. Nhà nghèo, khi qua đời, vua ban phí tổn để chôn cất, tặng tước Lỗ Quốc Công, thụy là Văn Trinh.

Tháng tám năm Tân Sửu, niên hiệu Đại Đức thứ năm có sao chổi xuất hiện ở Đông Tỉnh, di chuyển từ Tử Vi viên đến Thiên Thị viên, qua bốn mươi sáu ngày mới tắt.

Đến tháng mười xuất hiện một ngôi sao lớn như cái chén, ánh sáng chiếu khắp mặt đất, từ phương Bắc xuất hiện rồi phân làm hai sao, di chuyển đến sao Nguy thì mất.

***Tam Viên:*** Tinh tú trên trời được phân làm ba nhóm (Tam Viên): Một là Tử vi viên, gồm mười lăm ngôi sao, vị trí ở giữa Thái ất; hai là Thái Vi viên, gồm mười ngôi sao, vị trí ở phía Bắc Chẩn dực, ba là Thiên Đế viên gồm hai mươi hai sao, vị trí ở phía Bắc sao Phòng.

Tháng ba năm Nhâm Dần, niên hiệu Đại Đức thứ ba, vua ban chiếu vì hạn hán lụt lội, nên đại xá thiên hạ, miễn thuế và sai dịch ở ba năm. Tháng sáu ban chiếu xây miếu Văn Tuyên vương ở Kinh đô.

Thiền sư Chân Giác húy là Văn Tài, hiệu là Trọng Hoa, họ Dương, người Thanh Thủy. Tuổi nhỏ đã mất cha, hiếu kính phụng dưỡng mẹ, tánh thông minh lanh lợi, đọc hết tất cả sách, nhất là các thuyết về lý tánh. Ông thích các tác phẩm cổ, giỏi ngâm vịnh. Bẩm tánh rất đôn hậu thuần phác, giống như người không biết gì. Nhưng đến khi đàm luận, ứng xử thì biện tài thông suốt, khiến người chẳng biết bờ mé. Sư tham học khắp các trường giảng, đạt được Tông Chỉ Hiền Thủ. Sư từng nói rằng: "Học thì quý ở Tông thông, lời thì dùng để hiểu ý, ý nghịch với chí thì đạt được. Ngôn ngữ văn tự là cặn bả, há có thể mở được tuệ nhãn cho người ư?" Lúc đầu Sư ẩn cư ở Thành Kỷ, lập am tranh, trồng rừng tùng, có ý muốn trụ suốt đời nơi đây, vì thế người đời gọi là Tùng Đường Hòa thượng. Thế Tổ ban chiếu cho Sư trụ ở chùa Bạch Mã tại Lạc Dương, người đến học rất đông, danh tiếng ngày càng lan rộng. Thành Tông lại

lập Đại Vạn Thánh Hựu Quốc tự nơi núi Ngũ Đài, ban chiếu cầu tìm người làm vị khai sơn trụ trì đời thứ nhất. Đế Sư Ca-la Tư Ba tiến cử Sư, Thành Tông đúc ấn vàng ghi Sư là Chân Giác Quốc Sư. Sư từ chối mà nói rằng: "Vượt quá bổn phận của mình mà sống thì chẳng tốt, bất tài hèn kém mà nhận đi thì bất minh!" Đế Sư nói rằng: "Đây là lệnh vua!" Bất đắc dĩ Sư phải đi. Sư hoằng dương yếu chỉ của ngài Thanh Lương, đến già vẫn không mỏi mệt.

Ngày mồng một tháng chín năm này, Sư thị hiện có chút bệnh rồi thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Tháp thờ được lập ở chân núi Đông Đài.

Sư có soạn Tuệ Đăng Tập, Huyền Đàm Tường Lược, Triệu Luận Sớ lưu hành ở đời (Thông Tải).

Năm Quý Mão, niên hiệu Đại Đức thứ bảy. Kim Cang Thượng Sư húy là Công Gia Cát Lạt Tư, Trung Quốc dịch là Phổ Hỷ Danh Gian, lại có tên là Chiêm-ba, Trung Quốc dịch là Vi Diệu. Sư người Phiên ở Tây độ; đầu tiên hầu Pháp vương Thượng Sư tụng chú như nước chảy, thông suốt phép tắc tụng kinh trì chú. Vào thời Thế Tổ, Sư đến Trung Quốc triều kiến vua, hỏi đáp rất hợp ý, thường có nhiều điềm linh ứng, chẳng phải là một. Đến thời Thành Tông, Sư tâu xin lương thực và thuế cho Tăng Ni. Vua ban chiếu cho Sư trụ trì ngôi chùa nổi tiếng, rất được vua ân sủng. Ngày mười tám tháng năm năm này, Sư thị tịch. (Thông Tải).

Kim Lý Tường người Lan Khê, ẩn cư núi Kim Hoa soạn Thông Giám Tiền Biên và chú Sớ Tứ Thư Ngũ Kinh, truyền sở học cho môn đồ là Hứa Liêm. Ông tự vui với đạo, không màng danh lợi, người học gọi ông là Nhân Sơn Tiên Sinh, thụy là Văn An.

Tháng hai năm Giáp Thìn, niên hiệu Đại Đức thứ tám, sao chổi xuất hiện ở Thất độ nhập Tử Vi Viên, tua dài khoảng một trượng, bảy mươi sáu ngày mới tắt.

Tháng bốn năm Ất Tỵ, niên hiệu Đại Đức thứ chín, động đất ở Đại Đồng, phát ra âm thanh như sấm, làm đổ nát trên năm ngàn gian nhà, đè chết năm ngàn người, đất nứt ra phụt lên những dòng đen ngòm, trong đó có các cây tùng, cây bá mục nát. Vua sai sứ đến cứu tế.

Tháng giêng năm Bính Ngọ, niên hiệu Đại Đức thứ mười, bãi chức Bạch Vân Tông Đô Tăng Lục Ty của Giang Nam. Tháng hai có bão, tuyết rơi dày, mưa đá hạt lớn như quả trứng.

Ngày mồng một Bính Dần, tháng giêng năm Đinh Mùi vua bệnh nặng không lâm triều, đến ngày Quý Dậu mồng tám vua băng hà tại điện Ngọc Đức; hiệu là Thành Tông Hoàn Giả Đốc Khâm Minh Quảng Hiếu Hoàng Đế.

Tháng năm Vũ Tông lên ngôi.

**Vũ Tông:** Là con trưởng của Thuận Tông Đáp Lạt Ma Bát Lạt. Đầu tiên được phong làm Ninh Vương giữ chức Tổng Binh Phương Bắc, đã từng lập nhiều chiến công. Khi Thành Tông băng hà, các vương lập ông lên làm vua, tại vị năm năm, thọ ba mươi mốt tuổi.

Vua đảm đang một cơ nghiệp bao la giàu có, bỗng nhiên muốn thay đổi pháp cai trị. Ông phong tước rất nhiều mà từ xa trao, cho nên quan đông; ban thưởng rất hậu mà thưởng chung, cho nên ân đức mỏng. Do đó chánh trị của đời Chí Nguyên và Đại Đức đến đây có biến đổi chút ít.

Tháng sáu mùa hạ phong cho người em cùng mẹ tên là Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt làm Thái tử, truy tên cha Thái tử là Thuận Tông.

Tiêu Cử người Thiểm Tây, học rộng, ba mươi tuổi mà chẳng cầu tiến thân. Được tiến cử làm quan Dụ Đức cho Thái tử. Sau cáo bệnh trở về quê thì mất, thụy là Trinh Mẫn.

Gia Phong Khổng Tử là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương. Chiếu ghi: Bậc Thánh trước Khổng Tử, chẳng có Khổng Tử thì không thể sáng tỏ; bậc Thánh sau Khổng Tử, chẳng có Khổng Tử, thì không có. Vì thế, noi theo Nghiêu Thuấn, chế định hiến chương cho văn võ làm phép tắc cho đế vương, lập khuôn mẫu cho vạn thế.

Trẫm kế thừa nghiệp lớn, kính ngưỡng phong quy, noi theo phép tắc trị quốc xưa, nêu tỏ điển chế phong tặng, nay ban hiệu là Đại Thành Đại Thánh Văn Tuyên Vương. Sau sứ về quê thiết đại tiệc chúc mừng. Ô hô! Tình thân phụ mẫu, nghĩa cả vua tôi, vĩnh viễn là tôn chỉ của Thánh giáo. Đất trời rộng lớn, nhật nguyệt chiếu soi, đâu thể cùng tận được danh ngôn chí diệu. Kính mong Thần hóa của Thánh xưa luôn phò trì cho Hoàng Thiên ta hiện thế!

Hàn lâm thừa chỉ Diêm Phục Chi soạn.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Chí Đại thứ nhất, tượng quý chiên-đàn tính đến nay đã hai ngàn ba trăm năm.

Thích Khả ở chùa Tu Thiền, Phật Lũng, Thiên Thai. Sư hiệu là Nghi Hành, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, tinh chuyên tu tập chỉ quán. Nghe mưa rơi mà làm bài kệ rằng:

*Ngoài hiên mưa giọt thật rõ rành*
*Chúng sinh mê muội gọi âm thanh*
*Bao năm ta cũng lao theo cảnh*
*Đêm xuân chợp mắt mộng khó thành.*

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Chí Đại thứ hai, vua ban bài minh trên

tháp Phật Quốc Phổ An thiền sư, do Khuê Chương Các Ngu Tập soạn (lược xem ở phần Thế Tổ năm Đinh Mão).

Sắc ban văn bia Khất Thai Tát Lý Thần Đạo, do Hàn Lâm Triệu Tử Ngang soạn.

Lâm Tế Chánh Tông, nội hàn Triệu Mạnh Phủ phụng chiếu soạn bia ký. Bia lược ghi:

"Phật dùng Đại trí tuệ chiếu phá tất cả hữu, dùng Đại Viên Giác nhiếp tất cả không, dùng đại từ bi độ tất cả chúng sinh. Đầu tiên ở nơi không nói mà đến không gì chẳng nói, từ chỗ không gì chẳng nói mà đến nơi không nói. Phàm đạo chẳng nói thì chẳng thể truyền, truyền mà chẳng dùng lời, thì đạo ngoài ngôn ngữ vậy, đó là Tối thượng thượng thừa Phật pháp. Như dùng củi để dẫn lửa, củi hết mà lửa truyền dẫn đến vô cùng".

"Hải Vân Đại Tông Sư Giản Công tánh và đạo hợp, tâm và pháp khế, nhỏ không gì chẳng vào, lớn không gì chẳng bao trùm, trụ ở viện Lâm tế, nối tiếp Tổ truyền, dùng chánh đạo thống nhiếp Phật pháp. Do đó đến đây mà trung hưng đạo lớn" Lại ghi: Tây Vân Đại Tông Sư An Công khéo kế thừa đạo nghiệp, thăng tòa Sư tử thuyết pháp cho đại chúng, khiến người nghe thì tán thán, người tin kính ngưỡng, người được thì như bảo châu, người ngộ như hư không. Hoàng đế vạn niên, chánh pháp vĩnh truyền, ngõ hầu người sau không mê lầm nguồn cội. (Thông Tải).

A Sa bất hoa thấy dung mạo của vua ngày càng tiều tụy, bèn tâu rằng: Vị bát trân chẳng biết thọ dụng, thân vạn lượng chẳng biết xót thương, chỉ ưa thích rượu men, đam mê nữ sắc. Việc ấy giống như hai chiếc búa chặt một thân cây, chẳng có cây nào không ngã đổ".

Vua vui mừng phong quan tước.

Ngày Canh Thân tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Chí Đại thứ tư, vua băng hà ở điện Ngọc Đức, hiệu Võ Tông Khúc Luật Nhân Tuệ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Ngày Canh Dần tháng ba Hoàng Thái tử lên ngôi hoàng đế ở điện Đại Minh, đại xá thiên hạ, ban lụa cho người già, bãi bỏ các cơ sở Tăng, Đạo.

***Luận ghi:*** "nhờ vào Năm vị để thăng cấp, chuyển Hai y mà thành quả, đó là Bồ-tát thượng thừa. Dùng Tứ hướng, nhất tòa để chứng thành, lấy ba đời trăm kiếp để lập hiệu thì đó là hàng Duyên giác, Thanh văn. Thánh hiền thì có phẩm cấp, giác pháp thì có văn từ. Ôi! Diệu ngộ tự tâm, nhập tri kiến Phật mà ngàn Thánh còn chẳng làm, hà huống gì có

giai cấp?”

Cuối cùng ghi: “Triều đình còn thi hành tước phẩm, Thích tử bèn tranh cạnh quan hàm. Quan hàm không bao giờ tận, tham ái chẳng thể mãn phần. Sao chẳng dưỡng nuôi thê tử mà lại vui lại quân vương, chẳng khác nào chức nữ thất nang, dắt trâu mang ách. Thông đạt điều này thì không chấp thủ”.

Bất Không Tam tạng có công rất lớn với đại giáo, mà khi vào cung giảng pháp còn hổ thẹn là đã ô lạm, vậy nay người nào muốn mượn danh quan tước?

Nhân Tông.

**Nhân Tông:** Húy là Ái Dục, là con thứ của Nhuận Tông, tên là Lê Bạt Lực Bát Lạt, là em cùng mẹ với Võ Tông. Võ Tông đã phong ông làm hoàng Thái tử, vì thế khi Võ Tông băng hà thì ông lên kế vị, tại vị được mười năm, thọ ba mươi sáu tuổi. Vua rất từ hiếu, thông minh, khiêm cung, tiết chế. Vua thông đạt Nho thuật, yêu thương nhân dân, chăm lo trị quốc, luôn tuân theo chế độ đời Thế Tổ, là một vị vua có đức cả lại theo phép xưa.

Năm Nhâm Tý, niên hiệu Hoàng Khánh thứ nhất. Vua luận rằng: Ngự Sử Đài là công luận về một đời, Quốc Sử Viện là công luận của vạn thế.

Tháng năm vua ban chiếu cấm các vương săn bắn làm nhiễu loạn dân trong thời vụ nông gia, đến tháng mười mới được ra ngoài săn bắn.

Năm Quý Sửu niên hiệu Hoàng Khánh thứ hai. Vua nói: “Người thiện mới có thể làm vật báu, dùng người thiện thì bá tánh an ổn, đó là vật báu của quốc gia.”

Vì trời hạn hán kéo dài, nên vua ở trong cung đốt nhang cầu khẩn, lại sai các quan chia nhau đến các miếu khẩn cầu. Trời liền tuôn mưa lành xuống đại địa. Quan Thừa Chỉ Lý Mạnh nói rằng: “Quyền hành của bậc nhân chủ là tại thưởng phạt. Thưởng một người thiện là khuyến khích thiên hạ, phạt một người ác là trừng phạt thiên hạ.” Lại nói: “Tăng đạo đã hành pháp xuất gia, đâu cùng với quan phủ mà bãi bỏ Tăng đạo quan?” Vua liền viết hai chữ “Thu Cốc” để ban cho.

Vua ban chiếu xây Sùng văn các ở Quốc tử giám, lệnh cho các danh nho nhà Tống như: Chu Tôn Di, Trình Hạo, Trình Di, Trương Tái, Thiệu Ung, Tư Mã Quang, Chu Hi, Trương Thức Lữ, Tổ Khiêm và Cố Trung Thư Hứa Hành tế tự Khổng Tử ở miếu đình.

Năm Giáp Dần cải niên hiệu là Diên Hựu nguyên niên, ban chiếu lập khoa thi, khảo kinh nghĩa để chọn kẻ sĩ hầu dùng được Nho sĩ chân

chánh, để đạo trị quốc được hưng long. Vua lại sắc cho các tỉnh để tâm tìm cầu hiền tài ẩn dật, nếu được người như thế thì trước dùng danh văn chiêu mộ, sau đến mời thỉnh.

Pháp sư Phật Trí tên là Sa-la-ba, Hán dịch là Quán Chiếu. Đầu tiên lễ Đế sư Bát Tư Ba cầu xuất gia, học tập pháp quán đảnh của các bộ, lại theo Trứ Xích Thượng Sư học Đại Tiểu thừa. Bấy giờ có Lạt Ôn Bốc rất giỏi về Bí mật giáo, nổi tiếng ở đời, Sư liền đến cầu học. Vì thế rất giỏi tiếng Thổ Phồn và có biết được văn tự các nước khác. Sau nhờ Ca La Tư Ba Đế Sư tiến cử, nên Thế Tổ sắc cho Sư phiên dịch các kinh hiển mật mà Trung Quốc còn thiếu, văn từ của Sư rất trong sáng, luận biện khéo léo, nên vua đặc biệt ban hiệu là Đại Biện Quãng Trí, sau lại ban hiệu là Hoằng Giáo Phật Trí Tam Tạng Pháp Sư, làm Đô Tổng Thống Thích giáo vùng Giang Triết. Vua đích thân đưa tiễn. Hoàng thái tử và các vương thường thưa hỏi Sư về pháp yếu. Các kinh do Sư phiên dịch đều được triều đình khắc bản ấn hành.

Ngày năm tháng mười năm ấy Sư hiện có bệnh, vua ban vạn quan tiền, sắc cho Thái úy Phiên Vương lo thuốc thang, sau khi lễ tạ xong, Sư ngồi yên nhìn Phật mà thị tịch. Vua rất thương tiếc, sắc cho các quan lo việc tống táng, sai sứ đưa về quê xây tháp thờ. (Cao Tăng Truyện, Thông Tải).

Phổ Giác Pháp sư họ Triệu, húy Anh Biện, hiệu Phổ Giác, năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc, đạt yếu chỉ Tông Từ Ân nơi Đàm Pháp sư ở Bá Lâm, khai pháp ở chùa Cảnh Phước, Tần châu, xiển xương tông chỉ, tiếng tăm vang khắp bốn phương. Sư đã phá dẹp tà kiến dựng lập chánh pháp, nhưng bẩm tánh chân thuần, như viên ngọc chẳng cần mài dũa, mọi người đều mến trọng, đến như kẻ hung hãn vũ phu cũng cung kính, Sư thật là một vị Phật ở đời không có Phật.

Thế Tổ nghe phong cách cao vời của Sư bèn ban chỉ khen ngợi. Vào ngày Canh Tuất, tháng sáu năm này Sư không bệnh gì, bỗng nhiên từ biệt chúng, ngồi yên thị tịch. Sáng rực cảnh lạ ở một chiều là thế, hiển hiện kỳ tích sau khi hỏa hóa còn thừa, tháp được xây ở phía sau chùa Phổ Giác, thọ sáu mươi tám tuổi, sáu mươi mốt hạ lạp (Phật Tổ Thông Tải).

Tháng mười một ở kinh đô có hạn hán dịch bệnh, vua hỏi về phép trừ tai họa, học sĩ Trình Cự Phu nêu việc dùng nước nóng cúng rừng dâu để đáp. Vua bèn nói: “Đây là lỗi của Trẫm, còn dân có tội gì!” Ngày hôm sau, trời đổ tuyết lớn, vua thỉnh các vị tăng Tây Trúc hành Phật sự, tha bổng kẻ tù tội.

Tháng giêng năm Ất Mão, niên hiệu Diên Hựu thứ hai, vua ban chiếu cho An phủ sứ phân làm mười hai đạo thăm hỏi an ủi nhân dân bị bệnh khổ, truất biếm quan lại. Tháng năm ở Tần châu có núi lở, tháng mười một sao chổi xuất hiện ở Tử vi thiên. Vua đại xá thiên hạ.

Năm bính thìn, niên hiệu Diên Hựu thứ ba. Vua lễ Công Ca La Ban Tạng Bốc làm Đế Sư.

Lại Lục Tôn cõng mẹ tránh loạn lạc, giặc cướp đến vẫn ôm giữ mẹ không chịu rời. Vua nghe được bèn ban cho Tinh biểu.

Vua ban sắc tạo điện thờ thụy tượng chiên đàn. Hàn lâm thừa chỉ Trình Cự Phu soạn lời ký rằng: Từng nghe đạo có hình tượng mà muốn dễ tạo ắt phải định các hình dung, pháp vốn đều không mà muốn độ thế thì phải nhờ vào sắc tướng. Như chỉ hư không là tấm gương, chứ chẳng thể dùng gương mà dụ hư không. Nhìn nơi cây mà đoán biết gió, như biết gió rồi thì quên cây. Vì thế nơi Ta-la song thọ phó chúc phân chia xá-lợi, để phàm thánh đều có phần, bàn chân thiên bức kinh hành dấu vết suốt cổ kim mà thường trụ. Chẳng phải khoe thần thông nơi cảnh huyễn, mà thực là khai phương hiện ở bến mê. Do Phật mà nghĩ đến tâm, tức tâm mà tức Phật. Thụy tượng chiên-đàn là chân tượng của Phật, giống như muôn bóng trăng trong dòng nước vẫn như như chẳng khác, một tia sáng chiếu qua khe mỗi mỗi đều tròn đầy. Như thế há có thể chọn đất mà hợp ư? Chỉ do tùy duyên mà ứng vậy. Trong rừng mai mà hết khát, tất cả đều thấm nhuần; cưỡi cành trúc để trở về, ai kham cùng gánh vác? Chỉ có Thiên tử triều ta đạo đồng Thánh trước, từ như giác vương, chúc cho hoàng triều tháng năm mãi mãi gá nương Phật địa, ngưỡng mong Như Lai tuế nguyệt hằng ngồi quán nhân thiên.

Về Thụy tượng này có ghi chép đầy đủ trong phần nói về niên hiệu Gia Thái thứ ba đời Tống Ninh Tông ở tập trước. Tức nói từ Tây Thiên, Quy Tư, Lương Châu cho đến Thương Kinh tổng cộng hai ngàn ba trăm lẻ bảy năm.

Vua sắc phong gia hiệu cho Phổ Am Thiền sư. Chiếu ghi: Vâng mệnh trời, hoàng đế ban thánh chỉ rằng: Trẫm từng nghe Phật đạo lấy không tịch làm tông, thì hàng phàm học những người tuân phụng đâu muốn lập tên hiệu, vậy lập danh xưng là để chỉ bày cho người đời sau trong thiên hạ ư? Nhưng quốc gia không làm như thế, thì không biết lấy gì để làm sáng tỏ ý tôn sùng cao đức, ưa thích đạo màu. Từ khi Trẫm lên ngôi đến nay nghe ở Từ Hóa Thiên tự, núi Nam Nhạc, Lộ viên châu có Phổ Am Tịch Cảm Diệu Tế Châu Giác Chiêu Chúc Đại Đức Tuệ Ái Thiền sư nối tiếp dòng Lâm tế, siêu việt cảnh hoa nghiêm, đức sáng

soi đương thời, làm nhuần thấm người học, khắp bốn phương đến tham cầu. Đạo pháp đã cao siêu hiển lộ, lòng Trẫm thầm mến mộ, đã ban cho đại thụy, mà hiệu tháp chưa lập, nên nay đặt là Định Quang tháp. Ghi: "Định Quang Linh Thụy Chi Tháp".

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Diên Hựu thứ tư, sắc ban cho Viễn Pháp sư ở Đông Lâm hiệu là Diệu Giác Tịch Quang Hoàng Biện Đại sư, do Đô tĩnh soạn văn.

Bốn tháng mà trời chẳng mưa, vua tự thân ra ngoài trời thắp hương cầu nguyện, bỗng nhiên trời mưa lớn, quan hầu dâng áo mưa mà vua chẳng nhận.

Phước Nguyên Giảng Chủ húy Đức Khiêm, họ Dương, tự Phước Nguyên, người ở Định Bình, Ninh châu. Thuở nhỏ làm Sa-di thích tụng đọc kinh Phật, lớn lên đi khắp các nơi, tham học với các bậc danh đức theo Ninh Công học Bát-nhã, theo Trung Công học Thụy Ứng, theo Tiên Công học U Tán, theo Nhất Công học kinh Viên Giác, lại nghiên cứu Duy thức, Câu xá nơi Di Công, nghe giảng Lăng nghiêm, Tứ Phần luật nơi Văn Công, mà các vị này đều biết pháp hiểu nghĩa, thanh danh vang xa, sư đều thân cận tham học, thấu đạt được sở học của họ. Sau sư đến Kinh đô theo Vạn An Giản Công học Hoa Nghiêm. Đầu tiên, Sư phụng chiếu trụ chùa Vạn Ninh, kế đến trụ ở chùa Từ Ân, trước sau sư trụ đến mười ngôi. Đạo đức của Sư trùm cả Chấn Đán, thanh danh vang khắp đến ngoại bang.

Vinh hiển và sự sủng ái của vua chưa từng làm sư thay đổi ý chí. Sư từng nói: "Làm Sa-môn thì ngược dòng thế tục, chẳng hổ thẹn vì sáng được nghe chiểu phải chết, như thế sao còn luyến mộ?" Sư bèn lui về đóng thất ẩn cư, làm người sống ở thế gian mà xa lìa thế tục. Vào tháng giêng năm ấy sư thị tịch, vua ban tinh kỳ, tiền bạc để lo việc an táng. Tháp của Sư được xây ở góc Nam kinh thành.

Quang Giáo Luật sư húy là Pháp Văn, họ Nghiêm ở Thiểm tây. Năm mười lăm tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Sư theo Ôn Công học Pháp Hoa, Bát-nhã, Duy Thức, Nhân Minh và luật Tứ Phần. Ôn Công phó thác cho sư sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp. Sư từng ở trước tượng Phật đốt thịt đốt ngón tay, để biểu thị lòng chí thành, lại trích máu chép kinh để tỏ bày tâm trọng pháp. Sư ẩn cư ở Đài sơn suốt sáu năm chưa từng dời bước. Ba lần đọc bộ tạng kinh năm ngàn quyển. Đế sư mời Sư giảng thuyết, rồi nói với môn đồ rằng:" Đâu ngờ đất Hán lại có vị Tăng này." Vua nghe được thỉnh Sư vào cung, ban chiếu trụ chùa Thái Nguyên phong tước Vinh Lộc Đại Sư. Kế đó Sư dời sang chùa

Phổ Khánh, gia phong tước Khai phủ nghị Đồng Tam Ti, ấn chương nhất phẩm. Vương công, đại thần đều kính ngưỡng phong cách cao vời của Sư, giống như sao cảnh, phượng hoàng xuất hiện lúc sớm mai. Sau vua lại ban hiệu Thật Tướng Viên Minh Quang Giáo Luật Sư, và giới kinh chữ vàng của thời Liêu. Người đến Sư cầu thọ giới rất nhiều.

Tháng ba năm này sư ngồi Kiết già thị tịch, vua bang vàng bạc để lo an táng, có quan Tư nghị cầm tinh kỳ đưa tiễn (Thông Tải).

Tháng giêng năm Mậu Ngọ, niên hiệu Diên Hựu thứ năm, động đất ở Hi châu. Tháng hai động đất ở Hòa châu, núi lở ở Tần châu. Tháng bốn động đất ở Đức Khánh, núi lở ở Nam Độ vùi chết cả dân, vua ban chiếu cấp lương thực cứu tế.

Đặc phong Quốc Sư: Đạt Ích Ba theo hầu hạ Đế sư Đại Tát Tư Thuật mười ba năm, nghe giảng kinh luận, học tập đạo đức, huân tập lâu ngày, nên trở thành một bậc pháp khí. Phàm Kinh Luận Đại Tiểu Thừa, Bí mật thừa gồm hơn mười bộ đều được nghe giảng hoặc được truyền trao, Sư đã đạt được chỗ quy hướng của lý, chỗ đến của hành. Vì thế thanh danh vang đến hai kinh, đạo đức được trọng cả ba triều, phụng sự hai thánh nơi vương phủ. Sư ra sức cần khổ tu hành, phụng sự trong hơn hai mươi năm, được vua ban thưởng rất nhiều. Sau Sư trở về chùa Đại Quyết mà vua đã ban, lại được ban cho ấn vàng, rồi phong hiệu là Hoằng Pháp Phổ Tế Tam Tạng Hựu Thánh Quốc Sư.

Ngày sáu tháng năm năm này Sư thị tịch ở Kinh đô. Vua ban xe ngựa chuyển về an táng ở Thành kỹ. Thọ bảy mươi ba tuổi (Thông Tải)

Bản đồ trồng dâu: Vào tháng tám quan Tư nông miêu Hiếu Khiêm soạn và dâng lên vua nói: “Nông tang là gốc của y phục và thức ăn, bản đồ này rất tốt.” Vua sai khắc tu một ngàn bản, ban phát trong dân gian. Lại in Đại Học Diễn nghĩa ban cho các quan trong triều.

Năm Kỷ Mùi niên hiệu Diên Hựu thứ sáu.

Thiền sư Hổ Nham ở Kính sơn húy là Phục,

Thiền sư Bản Nguyên húy là Đạt,

Thiền sư Hối Cơ húy là Hi,

Thiền sư Hư Cốc có thụy hiệu.

Lập Đại Vĩnh Thiền Tự tức Thanh tháp.

Phật Hộ Đại sư húy Bản Vô, hiệu Ngã Am, người ở Hoàng Nham, Thai châu. Thuở nhỏ Sư lễ Phương Sơn Bảo Công cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, kế đến nương ngài Tịch Chiếu ở chùa Trung Thiên Trúc tham học mà có tỉnh ngộ. Sau chuyển sang nghiên cứu học tập giáo môn

nơi ngài Trạm Đường Trừng Công. Thiền sư Tịch Chiếu thầm tiếc, nên gởi cho Sư một bài kệ rằng:

*Xưa nay y giáo nhập Thiền tông*
*Từ thiền vào giáo rõ ràng không*
*Nhất tâm tam quán tuy sai biệt*
*Ngàn sông đầy nước một trăng trong.*

Sau sư khai đường hoằng pháp nối hai dòng Tịch Chiếu và Trạm Đường. Đầu tiên, sư trụ trì chùa Diên Khánh ở Tứ Minh, sau trụ chùa Thượng Thiên Trúc ở Hàng châu. Một hôm, Sư không bệnh ngồi kiết già ở Bạch Vân đường thị tịch. Vua ban thụy hiệu là Phật Hộ Tuyên Giác Hiếu Từ Khuông Đạo Đại Sư. (Cao Tảng Truyện).

Diệu Văn Giảng Chủ. Sư xuất gia năm chín tuổi, mười tám tuổi thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư nương Hòa thượng Viên ở chùa Đại Đức học giáo viên đốn, lúc thăng tòa thì luận biện vô ngại, như núi lở sông trôi, đến lúc nhàn cư thì lặng im chẳng một lời. Công phu hàm dưỡng rất sâu, không nhanh thì chẳng tiến, đại khái là như thế. Năm bốn mươi tám tuổi, sư trụ ở Vân Tuyền, Tô châu, sống đời cần kiệm, tiết dụng. Khiến người già thì mến mộ đạo đức của Sư, hàng trẻ thì tuân phục lời dạy của Sư. Vì thế đại chúng hòa mà chùa an. Nếu trong kho còn thừa lúa gạo, Sư phân phát cho người đói khổ, cho nên nhân dân vùng Tô châu khen ngợi. Vua Thế Tổ mời Sư diện kiến, vừa thấy vua liền nói với thị thần rằng: “Đây là phước đức Tăng” và ban chiếu trụ ở chùa Đai Bảo Tập ở Kinh đô. Từ đó giảng trường của giáo thừa ngày càng hưng thịnh, tánh, tướng đồng theo về, tăng tục đều được độ. Bấy giờ trong nước có rất nhiều giảng đường phần nhiều đều cố chấp nơi tánh tướng, trệ ngai vì khác đường. Chỉ một mình Sư hoằng dương Phương đẳng, đại chấn Viên tông, khiến cho kẻ bảo thủ vượt ra ngoài sự tịch mặc; hàng Long tượng tranh nhau chạy về Nhất thừa.

Đến năm ngoài tám mươi tuổi, Sư chuyên tu niệm Phật Tam-muội. Một hôm Sư kết ấn thị tịch.

Ngày mồng một tháng giêng năm Canh Thân, niên hiệu Diên Hựu thứ bảy, có nhật thực. Vua giữ trai giới, không thọ ngự thiện. Sau đó vua băng hà. Thụy là Nhân Tông Văn Anh Võ Chương Hoàng Đế.

Tháng ba Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ.

Anh Tông.

**Anh Tông:** Húy là Thạc Đức Bát Thích, là con trưởng của Nhân Tông, tại vị được bốn năm, bị Ngự sử Thái phu Thiết Thất... hành thích nơi hành cung, thọ hai mươi mốt tuổi.

Vua là người chí hiếu, khi Nhân Tông bị bệnh, hằng đêm luôn thắp hương than khóc cầu trời, nguyện dùng thân mình chịu thay, đến khi Nhân Tông băng hà thì than khóc sầu khổ vượt lễ nghi, ngủ dưới đất, ngày ăn một chén cháo. Đến khi lên ngôi thì hành pháp vô tư, quả quyết trong việc tru diệt. Bọn gian đảng sợ tội nên tạo biến loạn.

Vua Thụy là Cách Kiên Hoàng Đế.

Tháng giêng năm Tân Dậu, niên hiệu Chí Trị thứ nhất, vua mặc tang phục dâng lễ cúng ở Thái miếu nói rằng: "Hàng năm Trẫm phải thân hành đến đây cúng tế, cho đến hết đời". Có người đề nghị đại xá thiên hạ, vua bèn nói: "Ân thì có thể thường ban cho, còn xá tội thì chẳng thể thường làm. Khiến cho kẻ giết người tránh khỏi tội, còn người chết thì nào có tội gì?"

Mồng một tháng hai xây dựng chùa Phật ở Tây Sơn. Tháng chín vua đến Hưng Hòa; trời lạnh quần thần thỉnh vua trở về cung. Vua nói: "Quân thì lấy trâu, ngựa làm trọng, dân thì lấy việc cấy gặt làm gốc. Muốn cho ngựa có được cỏ non, dân được thâu hoạch, thì có kể gì nóng lạnh?"

Lập điện Đế Sư:

Vua ban chiếu cho các lộ lập điện Đế sư. Thích Nguyên Tông Chủ Pháp Hồng Phụng sắc soạn bia rằng: "Hoàng đế khải vận trời Bắc, khai phát Hạ bang (Trung Quốc, Hoa Hạ), Dương đại uy thần vũ, lập công cao hợp nhất. Nghĩ rằng không dùng sát mà thắng bạo tàn, đưa dân sinh đến nơi nhân thọ, pháp ấy không gì hơn Thích giáo. Cho nên tôn sùng đạo ấy để làm lớn mạnh gốc trị hóa. Vì Đế sư Bát Tư Bát có đạo của Thánh nhân, cho đến Hoàng đế chí tôn, tận lòng tôn kính như thầy. Sư dạy dùng yếu chỉ của chí đạo để thi hành trong chánh trị của Nho gia. Vì thế đức của Hoàng đế lan khắp bốn biển, ân nhuần thấm đến vạn bang, tất cả đều nhờ Đế Sư trợ giúp vậy".

***Bài minh lược ghi rằng:*** Phật đạo rộng lớn như biển cả không bờ, khắp cùng trời đất, đồng thời nuôi dưỡng nhuần thấm vạn loài. Như bậc Thánh kia, trên đời chỉ một, đem cả đức năng, không phò vương quốc, giúp liệt vị Hoàng tổ khai cơ, Thánh thượng định yên Nam quốc, công sánh trời cao... Nay truy tặng thụy là Hoàng Thiên Chi Hạ Nhất Nhân Chi Thượng... (Đã ghi đầy đủ ở văn trước). Triệu Mạnh Phủ viết chữ Son, Nguyên Minh Thiện viết ngạch bằng chữ Triện.

Hoằng Giáo Đại sư húy Liễu Tánh, hiệu Đại Lâm, họ Võ. Đầu tiên theo Hòa thượng An xuất gia, thọ giới Cụ túc. Sư trải qua các trường giảng, nghiên cứu sâu xa ba tạng. Sau gặp quốc sư Chân Giác mới khai

mở được tâm nghi. Như Bá Lâm Đàm, Quan Phụ Hoài, Nam Dương Từ đều từ giáo học Hiền Thủ mà nổi tiếng một thời, Sư đều đến tham học và đã lãnh ngộ được huyền chỉ. Kế đó Sư lên phía Bắc đến các vùng Yên, Tô, ẩn danh nơi cung khuyết, mà nhàn nhã như đang sống nơi hải hồ, quên hẳn thế tục. Thành Tông sắc cho Sư trụ ở chùa Vạn Minh. Thanh danh vang khắp trong ngoài nước. Thái hậu xây chùa Đại Phổ Ninh ở núi Ngũ Đài, thỉnh Sư làm trụ trì đời thứ nhất. Sư chẳng cầu hợp thời, chẳng khuất người. Hàng tri thức tôn kính phong tiết của Sư.

Tháng chín năm này Sư thị tịch, thụy là Hoằng Giáo Đại Sư.

Năm Nhâm Tuất niên hiệu Chí Trị thứ hai, có người nói Phật giáo có thể trị thiên hạ. Vua hỏi Thừa tướng Bái Trụ. Bái Trụ tâu rằng: "Đạo thanh tịnh tịch diệt dùng để tu thân thì được; còn như dùng để trị thiên hạ, ắt bỏ nhân nghĩa thì loạn cương thường".

Huyễn Đường Giảng Chủ húy Bảo Nghiêm, tự Sĩ Oai, con thứ của Khương Thị ở Thành Ký. Do gặp thời ly loạn, Sư và em đồng xuất gia làm Tăng. Sau tham yết Chân Giác đạt được yếu chỉ tông Hiền Thủ, và kế thừa dòng pháp này. Sư là người thuần phác, không hư dối... đắc tâm thanh tịnh như mặt nước lặng yên. Gặp Chân Giác ba lần ngồi ở đạo tràng, Sư và em liền theo hầu. Sau khi ngài Châu Giác thị tịch, Sư được kế thừa pháp tịch. Không bao lâu Sư phụng chiếu trụ trì chùa Phổ An và Hựu Quốc ở Đại Ngọc sơn.

Tháng bảy năm này Sư thị tịch.

Phật Quang Đại Sư húy Chí Đức, hiệu Vân Nham, người Đông Xương. Năm mười hai tuổi theo Hải Văn Hòa Thượng học kinh, theo Pháp Chiếu Hi Công học Tông Từ Ân đạt được yếu chỉ sâu xa. Niên hiệu Chí Nguyên, Thế Tổ triệu kiến ban yến tiệc và tử y, mời trụ chùa Thiên Hy và Tinh Trung. Hằng ngày Sư giảng sớ Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy Thức, Kim Cang. Vua đặc biệt ban cho Sư hiệu Phật Quang Đại Sư. Sư truyền giới pháp cho bảy chúng, khiến họ lập thệ chẳng phạm. Gặp năm mất mùa, Sư nấu cháo cứu giúp hàng vạn người đói khát. Sư trụ ở chùa Thiên Hy hơn ba mươi năm chỉ một y, một dép chưa từng thay đổi, quá ngọ chẳng ăn. Ban đêm thì ngồi ngay thẳng khổ tụng đến mù mắt. Một hôm bỗng mộng thấy một vị Phạm tăng đến nghinh tiếp ngồi nơi tòa cao của nội viện Đâu-suất, trên hư không rải hoa cúng dường. Nhân đó Sư thị hiện có bệnh đến ngày hai mươi bảy tháng hai năm này, Sư tụng kinh không ngớt, trong khoảnh khắc từ biệt chúng rồi an nhiên thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi; nhục thân nhập quan giữ lại hai mươi mốt ngày mà diện mạo vẫn hồng hào như lúc còn sống. Hỏa thiêu thâu được rất

nhiều xá-lợi. Tháp thờ được lập ở Trương Gia sơn, Triệu Mạnh Phủ viết bài ký.

Năm Quý Hợi niên hiệu Chí Nguyên thứ ba, vua ban sắc chép Tạng kinh chữ vàng; học sĩ Ngô Trừng viết tựa rằng: “Chúa Thượng chép kinh là cầu phước cho dân, là một việc làm rất cao cả!”

Ngô Trừng tự là Huyễn Thanh, người Sùng Nhân, Phủ châu, thông suốt kinh truyện, dốc sức với cái học của Thánh hiền. Nguyên Minh tự phụ giỏi văn chương, nghe nói Trừng thấu đạt áo nghĩa của Thi, Thư, Xuân Thu, bèn khen rằng: “Cùng với Ngô Tiên sinh luận đàm giống như dò tìm nơi biển sâu”. Đồng sĩ Tuyển ghi: “Ngô Tiên Sinh là kẻ sĩ trong thiên hạ”. Trừng từng nói với người học rằng: “Chu Tử đối với đạo thì lấy công cầu học làm đầu. Lục Tử Tỉnh lấy đức tánh tôn quý làm chủ. Cầu học chẳng lập gốc nơi đức tánh, thì điều tệ hại ắt là thiên về ngôn ngữ, giải thích. Cho nên học thì phải lấy đức tánh làm gốc”. Ông lại nói: “Làm người thiện mà chết thì vượt lên trên, thông với thần minh đạt cực phẩm, sáng tỏ đồng nhật nguyệt. Làm kẻ ác mà chết thì đọa vào nơi ô uế; kẻ cực ác thì đồng với loài trùng kiến”.

Tháng tám vua băng hà ở phòng ngủ nơi hành cung.

Thiền sư Trung Phong húy là Minh Bản, hiệu Trung Phong, dòng họ ở Tiền Đường. Lúc mới sinh có hiện điềm linh dị. Những trò chơi đùa lúc nhỏ của Sư đều là Phật sự. Đến tuổi niên thiếu nghe tụng đọc kinh giáo bèn đốt ngón tay khẩn thiết cầu Phật, ngày đêm siêng năng cần khổ, khi mệt thì tựa đầu vào cột mà nghỉ. Tự lập kỳ hạn khi nào được mới thôi nghỉ. Đến khi vào Tử quan thẩm hợp tâm yếu, tụng kinh Kim Cang đến câu: “Gánh vác Như Lai”, hoát nhiên khai ngộ, nhưng Sư cho rằng chỗ chứng ngộ của mình chưa cùng tột. Sau thấy nước chảy mới Đại ngộ. Từ đó thuyết pháp vô ngại, soạn rất nhiều sách lưu hành thế gian.

Nhân Tông nghe tiếng sai sứ mang lễ vật đến thỉnh nhưng Sư từ chối. Vua bèn ban cho Sư y Tăng-già-lê bằng sợi vàng và thụy là Phật Nhật Quảng Tuệ Phổ Ứng Quốc Sư.

Cùng năm này Sư thị tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi, hạ lạp ba mươi lăm, trà-tỳ nhập tháp ở núi Thiên Mục.

Thiền sư Đoạn Nhai húy là Tòng Nhất, họ Thang, ở Đức Thanh, Hồ châu. Thuở nhỏ, Sư chẳng ăn cá thịt, tư chất thông minh, dáng mạo uy nghiêm. Sư thờ ngài Cao Phong và tham câu: “Một trở về đâu?” mà khai ngộ, bèn trình kệ rằng:

*Đại địa, sơn hà một mảnh tuyết*

*Mặt trời vừa chiếu không còn vết*
*Từ đó chẳng còn nghi Phật tổ*
*Không phân Nam Bắc lẫn Tây Đông.*

Ngài Trung Phong ấn khả và nói rằng: Về sau ông sẽ lên trên đỉnh núi chót vót phát ra tiếng rống lớn.

Về sau Sư đổi tên là Liễu Nghĩa. Vua ban hiệu là Phật Tuệ Viên Minh Chánh Giác Phổ Độ Đại Sư.

**Thái Định Đế:** Định Đế tên là Dã Tôn Thiết Mộc Nhi, con trưởng của Hiển Tông, cháu đích tôn của Dụ Tông. Đầu tiên được phong làm Tự Tấn Vương, khi Anh Tông bị hành thích thì chuyển chi thứ vào kế thừa đế vị. Vua tại vị được năm năm thì băng hà ở Thượng đô.

Trong thời gian vua tại vị thì tai họa xảy ra liên miên, nhưng nhờ vẫn theo phép tắc đời trước trị dân, nên thiên hạ vô sự, thật là thời bình trị. Vua đổi niên hiệu hai lần là Thái Định và Trí Hòa. Vua nói: Phàm phòng ngừa sự việc khi còn nhỏ thì dễ, nếu để sự việc xảy ra lớn thì có cứu cũng khó. Nên nói rõ cho mọi người hầu biết được điều nên cẩn thận.

Năm Giáp Tý niên hiệu Thái Định thứ nhất.

Năm Ất Sửu niên hiệu Thái Định thứ hai.

Năm Bính Dần niên hiệu Thái Định thứ ba. Vua ban chiếu cấm các vị tăng Tây Tạng phóng ngựa nhiễu dân.

Năm Đinh Mẹo, Đế Sư Công Ca La thị tịch.

Năm Mậu Thìn niên hiệu Chí Hòa thứ nhất, vào tháng bảy vua băng hà, không lập miếu hiệu. Tháng chín Văn Tông tạm kế vị, đổi niên hiệu là Thiên Lịch nguyên niên, lễ Công Ca Bốc Văn Quốc Công làm thầy, lập Quảng Giáo Tổng Quản Phủ thống lãnh Tăng Ni.

Minh Tông

**Minh Tông:** Tên là Hòa Thế Đông, trưởng tử của Võ Tông. Đầu tiên được phong làm Châu Vương trấn giữ Vân Nam. Khi Thái Định Đế băng hà, Văn Tông sai sứ đón trở về lên ngôi ở Bắc Hòa Ninh, lập Văn Tông làm hoàng Thái tử. Ở ngôi mới được nửa năm thì bị bạo bệnh mà băng.

Trương Dưỡng Hạo tự là Huyễn, có hành nghi tốt siêng năng học tập, làm quan đến Trung thừa. Có soạn một bộ sách gồm ba quyển: Một là Triều Đường Trung Cáo, hai là Phong Hiếu Trung Cáo, ba là Mục Dân Trung Cáo. Sau khi chết, vua tặng hiệu là Bình Chương, thụy Văn Trung.

**Văn Tông:** Tên là Đồ Chiêm Mục Nhĩ là con thứ của Võ Tông,

em của Minh Đế. Đầu tiên phong làm Hoài Vương trấn giữ Kiến khang. Đến tháng chín niên hiệu Trí Hòa thứ nhất thì tạm kế thừa ngôi vị Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Lịch. Năm Thiên Lịch thứ hai đón Minh Tông từ sa mạc trở về lên ngôi. Sau khi Minh Tông băng hà thì ông kế vị.

Năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Thiên Lịch thứ hai, vua sắc xây dựng chùa Long Tường Lập Khánh ở Kiến Khang, chùa Sùng Hi Vạn Thọ ở Tưởng Sơn, lệnh cho các quan giỏi văn chương gom tập kinh điển và các bộ sách lớn của thế gian. Đổi Kiến Khang thành Lộ Tập Khánh, tôn vị Tăng Tây Tạng là Liễn Chân Ngật Thích Tư làm Đế Sư. Khi Sư đến, vua bảo các triều thần từ nhất phẩm trở xuống phải ra ngoài thành nghinh đón, các đại thần đều phủ phục dâng rượu nhưng Đế Sư chẳng động. Chỉ có quan Quốc Tử Tế Tửu Bột Mộc Lỗ Thân đứng thẳng dâng rượu và nói rằng: “Đế Sư là đệ tử của Thích-ca, thầy của Tăng nhân trong thiên hạ; tôi là môn đồ của Khổng Tử, là thầy của Nho sĩ trong thiên hạ, xin được không thi lễ”. Đế Sư cười đứng dậy nâng chén rượu uống hết. Mọi người đều kinh sợ.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Chí Thuận thứ nhất gia phong cha của Khổng Tử là Thúc Lương Hột là Khải Thánh Vương, mẹ là Nhan Thị là Khải Thánh phu nhân, Nhan Tử là phục Thánh Công, Tăng tử là Tông Thánh Công, Tử Tư là Thuật Thánh Công, Mạnh Tử là Á Thánh Công.

Tuệ Quang Thiền sư tên là Thích Dung Chiếu, tự Tuệ Quang, thọ học nơi Hoa Tạng, tu tập Thiên Thai Giáo Quán. Sau theo Pháp sư Trạm ở Uyên Tẩu đến trụ chùa Diên khánh ở Hoa Đình, ra sức nghiên cứu giáo thừa, đồng thời siêng năng tu tập Thiền định, ngày đêm sáng tối chưa từng gián đoạn. Học do chí mà đạt đến, làm nghi biểu chốn tòng lâm, dẫn dắt giúp đỡ đại chúng hơn bốn mươi năm, thanh danh vang đến kinh đô. Vua biết được nên có thưởng và ban hiệu. Mỗi năm vào Tết Nguyên đán Sư dẫn chúng tu pháp sám kim Quang Minh, cầu Hoàng đế tăng thọ. Ngoài thời gian thuyết pháp, Sư dốc sức lễ sám để cùng với chúng sinh quét sạch trần cấu, gom nhóm căn lành, về già Sư càng siêng năng tu tập. Người đạt được pháp của Sư có ba vị, Tăng Truyện ghi đó là Cư Giản, Tông Cừ và Tông Quyền đều là Long tượng của pháp môn.

Phạm Quách tự là Đức Cơ, người Thanh Giang, có thiên tư dĩnh ngộ khác người. Tuy thân gầy nhưng chịu thanh bần khắc khổ, giống như đứa trẻ, nhưng lại siêu nhiên vượt ngoài dòng thế tục. Ngô Trừng

cho ông là kẻ sĩ độc lập độc hành, đúng là bậc quân tử của đất Hán ở phương Đông, chứ chẳng phải là hư danh.

Năm Tân Mùi niên hiệu Chí Thuận thứ hai, Hàn lâm học sĩ Ngô Trừng qua đời, ông có chú thích các bộ Dịch, Xuân Thu, Lễ Ký và hiệu đính các sách như Hoàng Đế Cực Kinh, Thế Thư, Đại Đới lễ. Vua tặng tước Lâm Xuyên Quận Công, thụy là Văn Chánh.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Chí Thuận thứ ba. Vào tháng bốn động đất ở Thiên Ninh, tháng năm động đất ở Kinh đô, có phát ra âm thanh. Bạch hồng tịnh nhật (vầng trắng vây quanh mặt trời) xuất hiện lan khắp bầu trời. Tháng tám trống trời vang ở Đông bắc; Kinh đô, Thiểm tây có động đất, vua băng hà ở Thượng đô.

Ninh Tông

**Ninh Tông:** Tên là Hi Lân Chân Ban, con thứ của Minh Tông. Đầu tiên được phong làm Phu vương. Khi Văn Tông sắp băng hà, di chiếu truyền ngôi cho ông, bấy giờ vua mới bảy tuổi, tại vị mới hai tháng thì băng hà.

Lâm Đàn Đại Đức húy là Tuệ Vấn, họ Trương người ở Quy Đức. Đầu tiên Sư nương một bậc kỳ túc là Công Công mà xuất gia, năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Sau theo Đại Đức Ôn Công thọ giới Bồ-tát, rồi kế thừa dòng pháp của Đàn chủ Ân Công. Từ đó hành nghiệp ngày càng tăng tiến, tiếng tăm ngày càng vang xa, người theo học ngày càng đông. Sư giữ gìn trai giới rất nghiêm, giữ gìn ca-sa rất cẩn mật, đi nơi đâu bên thân cũng đầy đủ ba y, một bát. Suốt ngày chỉ chăm chăm niệm Phật. Tăng tục cùng nhau đến Sư cầu giới rất nhiều, nhận một lời chỉ dạy không ai chẳng vui mừng cảm động lãnh thọ. Sư thuyết pháp hơn vài mươi năm, đăng đàn truyền giới hơn bốn mươi hội; các Đại thần đối với Sư đều theo lễ thầy trò. Người được Sư giáo hóa có hơn vạn. Vào ngày hai mươi hai tháng mười một năm này Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi (Phật Tổ Thông Tải)

Thuận Tông

**Thuận Tông:** Tên là Thỏa Quán Thiếp Mục Nhĩ, con trưởng của Minh Tông, vào đời Văn Tông, vì bị dèm siễm nên ông phải ra ở Quảng Tây. Khi Minh Tông băng hà ông được lên ngôi, tại vị ba mươi sáu năm, khi quân nhà Minh vào kinh thành, ông chạy đến Ứng xương, ở đây được một năm thì băng hà.

Ngày mồng tám tháng sáu năm Quý Dậu, niên hiệu Nguyên Thống thứ nhất, vua lên ngôi, đổi niên hiệu ba lần là Nguyên Thống (hai năm), Chí Nguyên (sáu năm), Chí Chánh (hai mươi bảy năm). Vua

lễ thỉnh Công Ca Nhi Lam Tang Ban Tang Bốc làm Đế Sư.

Pháp Sư Thiên Trúc húy Chân Tịnh, tự Như Am, Hoa Đình, họ Diêu. Một hôm mẹ Sư là Chu Thị nằm mộng thấy mặt trăng rơi vào bụng mà có thai Sư, khi sinh có ánh sáng lành chiếu sáng khắp phòng, có một vị Tăng lạ đến chỉ đứa trẻ và nói với người mẹ rằng: "Đứa bé này là Pháp Sư Hải Nguyệt sinh trở lại".

Năm lên chín tuổi Sư nương Minh Tỉnh Chí Công học kinh Pháp Hoa, vừa qua tai thì thuộc lòng; mười sáu tuổi được độ làm Tăng, học rộng các thừa. Đầu tiên tham yết Vân Mộng Trạch Công, Vô Cực Độ Công, đạt được hết sở học. Trong các năm Đại Đức (1297-1308), Sư trụ ở Đức Tạng, Hải Diêm. Đến các năm Chí Trị (1321-1324) Sư chuyển sang trụ ở Siêu Quả Tùng Giang. Trong các năm Thái Định (1324-1328) thì trụ ở Hạ Thiên Trúc. Sư đề ba chữ "Phật Quốc Sơn" trên cổng lớn của chùa để cho mọi người biết. Trong các năm Chí Thuận (1330-1333) Sư được ngài Trạm Đường Trừng Công đề cử làm người kế thừa. Sư tận tâm lực hoằng pháp, người học tụ tập cả ngàn vị. Vua mến mộ đạo đức của Sư nên ban hiệu là Phật Tâm Hoằng Biện và Ca-sa Tăng-già-lê viền sợi vàng. Sư lấy việc tụng kinh Pháp Hoa làm thời khóa, dù lạnh nóng chưa từng thiếu sót. Vào năm này Sư thị hiện có bệnh, viết kệ để lại rồi thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hạ lạp. Sau khi trà-tỳ thu được nhiều xá-lợi năm màu, lưỡi và xương đầu chẳng cháy. Tháp thờ được lập ở bản sơn (Tăng Truyện).

Mồng một tháng giêng năm giáp Tuất, niên hiệu Nguyên Thống thứ hai, mưa máu ở Biện Lương, thấm đỏ cả quần áo. Tháng ba mưa lông ở Chương Đức, giống như sợi tơ màu xanh, trong dân gian có bài đồng dao rằng: "Trời mưa tơ xuống, nhân dân sinh oán, cả đất Trung nguyên, ắt có tai biến, lụt lội hạn hán, thay nhau phát sinh"; tháng bảy có sao băng lớn như cái bát, màu đỏ có ánh sáng. Tháng tám có động đất ở Kinh đô, trời rạng sáng thì núi lở, phá thành một cái ao rộng trăm dặm.

Năm Ất Hợi, đổi niên hiệu là Chí Nguyên thứ nhất.

Năm Bính Tý, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai, động đất ở Túc Tòng núi bị xé; Tần châu núi lở, sâu lúa xuất hiện ở Hoàng châu; còn ở Triết Giang từ mùa Xuân cho đến tháng tám trời vẫn không mưa, nhân dân đói khổ, vua ban chiếu cứu trợ.

Tháng bốn năm Đinh Sửu, niên hiệu Chí Nguyên, một ngôi sao xuất hiện ở Vương Lương đến tháng bảy mới tắt ở Quán Sách, tên của ngôi sao này định là ngôi sao Phòng, chủ về loài ngựa, lại có tên

là Thiên tứ. Vì Vương Lương giỏi biết ngựa cho nên đặt tên như thế. Tháng năm dân gian có lời đồn rằng: "Triều đình tuyển chọn các đồng nam đồng nữ", cho nên đồng loạt cưới nhau hết.

Sao chổi xuất hiện ở Đông bắc. Tháng bảy ở huyện Võ Thiệp có sâu lúa xuất hiện, Y Trương Khoan ngửa mặt lên trời nguyện rằng: "Hãy giết chết Y này, chớ làm tổn thương trăm họ!" Quạ đen ăn hết loài sâu này. Vua sai khắc bản bộ luận do Kim Lý Tường soạn, đồng thời khảo chứng và cho lưu hành, trong đó môn nhân của Lý Tường là Hứa Khiêm viết lời tựa.

Hứa Khiêm tự là Ích Chi, học tập nơi Kim Lý Tường. Lý Tường dạy rằng: "Nho học của ta, lý chỉ là một mà phân biệt khác nhau, Lý chẳng lo chẳng phải một, điều đáng ngại là ở nơi phân biệt!" Do đó Hứa Khiêm đặt sự luận biện ở nơi phân biệt, mà cốt yếu là quy về Nhất lý. Kim Lý Tường lại dạy: "Đạo của Thánh nhân chỉ ở nơi trung mà thôi!" Do đó Hứa Khiêm đối với mọi sự chỉ cầu chỗ Trung mà sử dụng, và tự cho rằng ta chẳng phải là người có lỗi lớn, chỉ vì dụng công học tập không gián đoạn. Giáo của ông lấy ngũ tánh, nhân luân làm gốc; lấy thuật khai minh tâm, biến hóa khí chất làm đầu; lấy sự vị kỷ làm then chốt để lập tâm; lấy sự phân biệt nghĩa lợi làm phép tắc xử sự. Ông từng nói: "Hoặc giả mình đã biết lại làm cho người cũng được biết, như thế há chẳng sung sướng lắm ư?"

Cũng năm này ông qua đời, thọ sáu mươi tám tuổi, hàng môn nhân gọi ông là Bạch Vân Tiên sinh. Ông có soạn Tứ Thư Tòng Thuyết Thi, Danh Vật Sao, Độc Thư Truyện, Quán Sử. Sau vua ban thụy là Văn Ý.

Đồng thời Trần Nhạc ở Hưu Ninh, Hồ Nhất Quế ở Vụ Nguyên đều vì giảng cái học minh đạo mà được kính trọng bấy giờ.

Thái Bạch là tượng của Thượng Công Đại Tướng Quân xuất ở hướng Tây sẽ lặn ở Tây, xuất phương Đông sẽ lặn ở Đông. Quá ngọ là đã đi qua bầu trời, cho rằng ban ngày thấy hiện ở trên trời. Thái bạch là sao Thiếu âm, lấy cung Kỷ Mùi làm giới hạn, nhưng đi qua cả bầu trời là vì có điềm chẳng thần phục mà khởi binh.

Tháng giêng năm Mậu Dần, niên hiệu Chí Nguyên thứ tư, vì họa động đất mà đại xá thiên hạ. Tháng bốn mưa đá, hạt lớn như nắm tay, có các dạng như vòng, xuyến, sư tử, voi... Núi chấn động ở Tín châu, mưa lớn ở Thiệu Vũ, nước ngập hai trượng. Núi lở ở Củng Xương, chôn vùi nhiều người.

Tháng bốn mùa hạ năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Nguyên thứ năm, gia phong hiếu nữ Tào Nga hiệu là Tuệ Cảm Linh Hiếu Chiêu Thuận

Thuần Ý Phu Nhân.

Tháng sáu ở Đinh châu nước dâng hơn ba trượng, ngập cả nhà cửa ruộng vườn.

Sao Thái bạch thường đi qua bầu trời.

Tông Chu Pháp Sư húy là Tử Văn, người Tứ Minh, đắc pháp nơi ngài Bắc khê, Văn Công, đầu tiên ra trụ ở chùa Bảo Vân, thông đạt giáo quán, nghiêm trì luật nghi. Lúc bình thường thì nói năng chậm chạp, nhưng một khi lên tòa thì luận biện thao thao, như nước trên cao đổ xuống không gì ngăn được. Lúc lâm chung Sư còn giảng kinh Thập Lục Quán, giảng xong liền thăng tòa từ biệt chúng mà thị tịch.

Có người thưa hỏi Sư rằng: Về hậu sự Hòa thượng chưa từng dặn dò chỉ dạy, đến lúc ấy thì báo thị tịch như thế nào? Sư đáp: “Đã là Tăng thì việc cần làm liền làm, chớ làm theo kẻ thế tục, vì nhi nữ chấp trước tính toán mà có hậu sự!”

Đại chúng tha thiết khẩn cầu. Nhưng Sư liền xuống tòa, trở về phương trượng, mỗi mỗi đều ghi chép. Sau đó chấp tay niệm, danh hiệu Tây Phương Tứ Thánh, hồi hướng phát nguyện xong thì thị tịch. Sau khi trà-tỳ thâu được vô số xá-lợi (Tăng Truyện)

Năm Canh Thìn niên hiệu Chí Nguyên thứ sáu, xử sĩ Ngô Lai luận về làm văn giống như dùng binh, có chánh có kỳ, chánh là pháp độ, như đội ngũ phân minh. Kỳ tức chẳng bị pháp độ trói buộc, thiên biến vạn hóa, thì chẳng từng loạn động.

Thiên Như Thiền Sư húy là Duy Tắc, đắc pháp nơi Trung Phong Quốc Sư, trụ ở Sư Tử lâm, Cô Tô. Sư có soạn Lăng-nghiêm Hội Giải, Thiểu Tông Ngữ Lực, Tịnh Hoặc Vấn, Thập Pháp Giới Đồ Thuyết lưu hành ở đời.

Nguyên Toái Pháp sư người ở Thiều Khê, sư có các tác phẩm Viên Giác Kinh Tập Chú lưu hành ở đời.

Hưu Canh Pháp Sư húy là Dật, một trong ba cao đồ của ngài Vân Môn, sư có Thi Văn Tập lưu hành ở đời.

Năm Tân Tỵ, niên hiệu Chí Chánh thứ nhất, vua xem sách của Tống Huy Tông và khen hay. Học sĩ Lăng Lăng tâu rằng: Huy Tông thật đa năng, nhưng có một việc bất năng, mà thân bị nhục nước bị mất đều là do chẳng thể làm vua dẫn đến (Bất năng vi quân sở trí). Bậc nhân chủ quý ở chỗ là có năng lực làm vua.

Nguyên Tẩu Thiền Sư húy Hành Đoan, họ Hà ở Lâm Hải, xuất gia ở viện Hóa Thành, tham học nơi ngài Kính Sơn Tạng Tẩu mà đạt được yếu chỉ. Năm Canh Tý, niên hiệu Đại Đức Sư khai đường thuyết

giảng ở chùa Tư Phước, Hồ châu, tiếng tăm vang đến kinh thành, vua hạ chiếu ban hiệu Tuệ Văn Chánh Biện, tước Bình Chương, Trương Lư Công, từ Trung Thiên Trúc chuyển sang trụ ở Linh Ẩn. Vua ban chiếu lập hội Thủy Lục Trai ở Kim sơn, thỉnh Sư thuyết pháp, lại theo chiếu mà vào cung, tâu đối rất hợp ý vua, nên gia phong hiệu Phật Nhật Phổ Chiếu. Sau trở về Nam ẩn cư tại Tây Am. Năm Nhâm Tuất niên hiệu Chí Trị đồ chúng thỉnh Sư trụ Kính Sơn. Ba lần được ban y Kim lan, mọi người đều cho là vinh hiển, còn Sư vẫn tự như.

Đầu tiên Tống Độ Tông lập đàn, tâu trình lên thiên đình gặp Thượng đế, vì việc trụ trì đời bốn mươi tám của Kính Sơn, đời bốn mươi bốn của Hổ Nham, cho rằng việc trụ trì há thể vội vàng tự ý được ư? Tất cả đều do Thiên Đình sự định. Sư nghe điều này ra sức phản bác. Và Sư là người thích hợp để kế thừa.

Ngu Am Thiền sư húy là Siêu Trí, tự Dĩ Trung, người Cô Tô, đắc pháp nơi Nguyên Tẩu Hành Đoan. Sư lần lượt trụ trì chùa Long Giáo và Phổ Từ. Vua ban hiệu là Minh Biện Chánh Tông Quảng Tuệ Thiền sư. Sau đó lên Tịnh Từ rồi trụ trì ở Kính Sơn. Đã bốn lần lên tòa cao xiển dương Phật pháp, chấn động khiến trời người quỷ thần đều nghe. Tăng tục đến tham học rất đông. Sau đệ tử của Sư gom tập ngữ lục ở bốn hội, Tống Văn Hiếu viết lời tựa vô cùng tán dương, phát khởi lòng tin kính cho mọi người.

Mai Ốc Thiền Sư húy là Niệm Thường, sống ở Hoa Đình, họ Hoàng. Một hôm mẹ ngài là Dương thị cầu khẩn Quan Âm Đại Sĩ, thì đêm ấy mộng thấy một vị lão Tăng lông mi dài gá vào mà có thai Sư. Khi sinh Sư, có ánh sáng kỳ diệu chiếu khắp phòng, và mùi hương lạ xông khắp. Sư xuất gia ở viện Viên Minh, Bình Giang học tập các kinh điển, kế đến tham học nơi Hối Cơ Hy Công mà tỉnh ngộ. Sau đó Sư lễ bái ở Ngũ Đài sơn, rồi đến Kinh đô, được Đế Sư tôn ngưỡng, mời dự vào hội chép Tạng Kinh chữ vàng. Sư soạn Phật Tổ Thông Tải, gom chép đầy đủ sự tích của pháp môn qua các thời đại. Sư trụ trì ở Tường Phú, là một bậc siêu xuất trong hàng Tăng.

Dụng Minh Thiền sư húy là Ân, người Tứ Minh. Sư có tác phẩm Văn Tập lưu hành thế gian.

Đoạn Giang Thiền sư húy là Ân, một trong ba cao đồ của ngài Vân Môn.

Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Chí Chánh thứ hai, người ở Đại đồng ăn thịt lẫn nhau, động đất phát ra âm thanh như sấm, núi La Phù ở Tuệ châu bị lở.

Năm Quý Mùi, niên hiệu Chí Chánh thứ ba, vua ban chiếu tu chỉnh ba bộ sử Liêu, Kim và Tống, phong Thoát Thoát làm quan Đô Tổng Tài.

Học sĩ Yết Hệ Tư tự là Mạn Thạc, người ở Phong Thành. Thoát Thoát hỏi ông việc chánh trị lấy gì làm đầu? Ông đáp rằng: “Lấy việc tích tụ nhân tài làm đầu. Nuôi dưỡng họ khi danh vọng của họ chưa có được, sử dụng họ sau khi họ đã hoàn toàn nắm được các việc, thì mới được”. Sau ông qua đời được phong tước Quận Công, thụy là Văn An.

Trạm Đường Pháp sư húy Tánh Trừng, hiệu Việt Khê, họ Tôn, người Cối Kê, mẹ ngài là Khương thị một hôm nằm mộng thấy mặt trời mà có thai, sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ Luật sư Thù ở Thạch Môn cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, hiểu sâu nghĩa “chỉ trì tác phạm”. Kế đến nương Phật Giám Thiểm Công học Thiên Thai giáo quán, lại tham yết Vân Mộng Trạch Công thì càng thêm được kính trọng. Sư xin khôi phục lại Thiên Thai Quốc Thanh tự, sang Cao Ly tìm cầu những kinh điển bị thất lạc của tông Thiên Thai. Nước Ngô Việt bị hạn hán lớn, Sư tập chúng thuyết pháp, cầu mưa, có ứng nghiệm. Nhằm năm mất mùa nhân dân đói khát chết chóc nhiều không thể khâm liệm hết được, Sư bèn chôn cất các thi hài ấy và lập Thủy Lục đại hội để cứu độ.

Trong khoảng niên hiệu Chí Trị, Sư vâng chiếu vào kinh, vua hỏi đạo ở điện Minh Nhân, sắc trụ trì chùa Thanh Tháp, hiệu đính Đại Tạng Kinh. Vua đặc biệt ban y Kim lan và hiệu là Phật Hải Đại Sư. Sau Sư trở về Vân Ngoại Trai ở Thiên Trúc, rồi chùa Phật Quả ở đất Việt dốc chí tu Tịnh độ. Sư tu Nhất tâm Tam quán bảy ngày đêm cảm được điềm lành. Một hôm Sư tập chúng lại nói rằng: “Hôm nay thì có, sợ rằng mai không, ngày giờ có thể nắm bắt đùa giỡn ư?” Sáng sớm hôm sau Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, sáu mươi bốn hạ lạp. Nhập kim quan bảy ngày mà dung mạo vẫn tươi nhuận như lúc còn sống.

Tác phẩm của Sư có Kim Cang Tập Chú, Tâm Kinh Chú, Tiêu Tai Kinh Chú, Di-đà Kinh Cú Giải, Nhân Vương Kinh Khoa, Như Ý Luân Chú Kinh Khoa lưu hành thế gian (Tăng Truyện).

Năm Giáp Thân niên hiệu Chí Chánh thứ tư các vị Tăng trụ trì các chùa xin khôi phục Tăng ti, tấu sớ có đoạn ghi: “Bị các quận huyện bức khổ như ngồi trong địa ngục”. Thoát Thoát lại ghi: “Nếu khôi phục Tăng ti thì đâu khác gì lập địa ngục trong địa ngục”, nên chẳng chấp nhận.

Tiếu Ẩn Pháp sư húy là Hân, thụy hiệu là Quảng Trí Toàn Ngộ Đại Thiền sư. Lúc xưa khi Văn Tông chưa lên ngôi có lập chùa Long

Tướng Đại Tập Khánh, thỉnh Sư trụ trì, ban chức Đại Trung Đại phu quản lý các việc trong chùa viện. Sư phụng sắc hiệu chỉnh Bách Trượng Thanh Quy do Đức Huy biên tập lại. Vào ngày mười bốn tháng năm năm này Sư thị tịch, tháng tám nhập tháp ở núi Bát Vân, phía Nam kinh thành, gần tháp ngài Khương Tăng Hội. Hành nghiệp và đạo hạnh của Sư có ghi chép đầy đủ trong Ngu Văn Tĩnh Học Cổ Lục và trong Hoàng Văn Hiến Tống Văn Hiến Nhị Công Bi Minh.

Đệ tử đắc pháp của Sư có ngài Tông Lặc, tự Quý Đàm, trong niên hiệu Hồng Võ trụ trì chùa Thiên Giới, tiếng tăm vang xa. Bấy giờ triều đình càng trưng dụng kẻ sĩ làm quan rất nhiều, Sư nói rằng: "Ẩn sĩ không cầu mong nơi triều đình, triều đình cần cầu nơi ẩn sĩ. Như thế danh tước có gì đáng tiếc?"

Năm Ất Sửu niên hiệu Chí Chánh thứ năm, Thừa Chỉ Lăng Lăng khi gặp việc thì tinh anh bộc phát, sôi nổi luận biện. Mỗi khi đất nước gặp phải thiên biến, dân chúng bị tai họa, ông khuyên vua, xét thân tu hành, ngõ hầu có thể làm cho trời chuyển ý. Ông rất giỏi viết chữ, sau khi ông qua đời, người ta tranh nhau những tờ giấy ông đã viết để làm của báu.

Ba bộ sử Tống, Kim, Liêu đã hoàn thành, vua nói: Sử đã hoàn thành, đối với người thiện đời trước, Trẫm nên theo đó để làm phép tắc, đối với kẻ ác đời trước, Trẫm phải nên lấy đó để răn mình. Đâu chỉ làm vua làm thần mới xem, mà tất cả cũng phải biết, hầu dùng cái thiện cái ác đời trước để tự khuyên răn.

Năm Bính Tuất niên hiệu Chí Chánh thứ sáu, động đất kéo dài bảy ngày ở Sơn Đông, ở Thiệu Võ động đất phát ra âm thanh như tiếng trống, vỡ đê Hoàng hà, Lý Khôi tâu xin cúng tế đền miếu ngoài thành nên gần gũi chánh nhân, xa lánh tà nịnh, tôn dương mà chế phục âm.

Mồng một tháng giêng năm Đinh Hợi, niên hiệu Chí Chánh thứ bảy, nhật thực, tiết đại hàn mà gió mạnh thổi các quan đi chầu té ngã. Ở Đông bình có động đất, Sơn Đông có động đất làm thành quách bị hư hoại, âm thanh phát ra như sấm, nước sông giao động.

Thiền sư Trúc Nguyên húy Thủy Thạnh, tự Trúc Nguyên, tự hiệu là Vô Trụ Ông, người Lạc Bình, họ Phạm. Mẹ Sư họ Từ, khi sinh có ánh sáng lành chiếu khắp nhà. Đầu tiên Sư lễ Thường Sơn Công cầu xuất gia, kế đến tham học nơi Nguyệt Đình Trung Công, sau tham kiến Cô Đan Tế mới tự tin rằng nhất định có thể chứng được pháp. Vì thế mà phát nguyện rằng: "Nếu đời này ta không làm Phật, thì sẽ vào địa ngục Vô gián". Do đó dốc sức tham cứu mấy lần khai ngộ. Tế Công thọ

ký rằng: “Về sau ông sẽ xiển dương Tông ta hưng thạnh”. Trong những năm Thiên Lịch, đại chúng lễ thỉnh Sư trụ chùa Diệu Quả ở Tây Hồ. Hàng Công Khanh đồng thời cùng Sư kết bạn phương ngoại, giao du rất thân thiết. Ngày hai mươi bốn tháng bốn năm này, sau khi viết kệ, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Sư dặn bảo môn đồ rằng: “Cần phải thấu suốt tâm tông của chư Phật, hành giải mới tương ưng”.

Lý Quý Quang người Ôn châu, lúc thiếu thời đã làu thông kinh sử, dốc chí học nghiệp, làm văn chỉ theo phép tắc của cổ văn đời Tần Hán, không bị câu thúc nơi sự ưa chuộng đương thời.

Chu Công Thiên tự Khắc Thăng, chuyên về trước thuật. Ông có soạn Thư Truyện Sớ Nghĩa, Tứ Thư Ước Thuyết, Tứ Thư Thông Chỉ lưu hành ở đời.

Năm Mậu Tý, niên hiệu Chí Chánh.

Dương Tái tự là Trọng Hoằng, người Hàng châu. Đối với văn chương ông chủ trương lấy khí làm chủ, tự lập thành một phái riêng; còn đối với Thi đặc sắc nhất là có pháp độ lấy thể tài từ Sở Hán, mà âm tiết thì lại lấy Đường thi làm tông.

Học sĩ Ngu Tập tự là Bá Sinh, cha ông tên là Cấp có lời văn rất thanh mà thuần, mẹ là Dương thị cũng thông kinh sử, em là Bàn tự Trọng Thường; một gia đình tiến sĩ. Bàn là Đào Am, Tập là Thiều Am. Ông từng nói: “Thử văn tài mà biết người cao mà chiêu mộ, bất tất phải có chủ ý trước, nếu chủ ý định trước thì tâm cầu hiển nhỏ hẹp mà sai lệch bắt đầu từ đây”. Tháng mười một năm này Phương Quốc Trân làm loạn ở Thai châu, tụ tập bè đảng trên biển. Triều đình ban cho quan tước mà chẳng nhận. Thế lực ngày càng mạnh.

Phương Quốc Trân người Quảng Nham, còn gọi là Cốc Trân. Trân có bốn anh em, đầu tiên nhân bày tiệc rượu mưu sát điền chủ, việc bị lộ nên kháng cự giết những người đến bắt. Sau quan quân đến cũng giết hết; bốn anh em bèn chạy trốn, sống trên biển hơn mười năm, mới đánh Chương châu, làm cướp biển quấy rối vùng này. Bấy giờ những người văn hay võ giỏi đều bị giặc cướp này hãm hại. Từ khi Thái Bất Hoa bị trúng kế chết thì thế lực cướp biển ngày càng mạnh, chiếm cứ mười hai quận ở Ôn và Thai hơn mười tám năm. Khi Thái Tổ lên ngôi, thì bọn cướp chạy trốn ra biển và quy phục.

Tháng bốn năm Kỷ Sửu, niên hiệu Chí Chánh thứ chín có người đàn bà họ Trương sinh một bé trai, mới một tuổi mà đã cao bốn thước (1,2 m), dung mạo dị thường, bụng lớn phệ như tượng Hòa thượng Bố Đại mà thế tục đã vẽ, đứa bé thấy mọi người thì cười.

Lý Hiếu Văn soạn Dụ Đức Tập, Đoan Bản Đường Kinh Sử Yếu Nghĩa, Đại Bảo Lục, Đại Bảo Quy Giám dâng lên vua. Một hôm hoàng Thái tử đến điện Thanh Ninh sắp xếp giảng tòa mời thỉnh các danh tăng Cao Ly và Tây Phiên đến giảng. Thái tử nói rằng: "Lý Hiếu Văn tiên sinh dạy Nho học cho ta đã nhiều năm, nhưng ta chưa hiểu được ý nghĩa; hôm nay chỉ một đêm nghe Phật pháp mà ta đã thấu rõ". Do đó càng tôn sùng Phật học.

Đại Đạo trụ trì chùa Thiên Long húy là Thiện Bình, lập Tòng Quế lâu để cư trụ, học tập nơi ngài Khánh Am hỏi đạo pháp nơi ngài Trung Phong.

Năm Canh Dần niên hiệu Chí Chánh thứ mười. Thiên thạch rơi ở Đệ châu, núi xé lở ở Phụng châu, tháng sáu có ngôi sao lớn như mặt trăng vào phạm vi của Bắc đẩu phát ra âm thanh như sấm. Tháng mười một có nhật thực, hai ngôi sao rơi ở Diệu châu thành đá có hình dáng như cái búa.

Năm Tân Mão, niên hiệu Chí Chánh thứ mười một, vua ban lệnh tu sửa đê Hoàng hà, huy động quân dân hai vùng bờ Nam Bắc đến mười bảy vạn người, tu sửa được hai trăm tám mươi dặm. Ở đoạn Hoàng Lăng Cương có nhặt được con mắt của người đá. Dân gian có bài đồng dao rằng:

"Một con mắt của người đá, làm dấy động nước Hoàng hà, thiên hạ nổi dậy làm phản".

Lưu Phúc Thông, người Dĩnh châu, vào tháng năm năm này lấy khăn hồng làm hiệu vây hãm Dĩnh châu, đến tháng sáu thì chiếm cứ Chu Cao, công phá La Sơn, Chân Dương, Xác Sơn, vây hãm Vũ Dương, Diệp huyện. Tháng chín công hãm châu Nhữ Ninh. Đồng đảng đông đến mười vạn.

Hàn Sơn Đồng người ở Loan thành, Tổ phụ đã dùng tín ngưỡng Bạch Liên Hội để mê hoặc dân chúng, đến đời Sơn Đồng thì hô hào rằng: "Thiên hạ đại loạn, Phật Di-lặc giáng sinh". Nhân dân các vùng Hà Nam, Giang Hoài đều cùng nhau tin lời này. Phúc Thông... lại lừa dối nói rằng: "Sơn Đồng là cháu tám đời của Tống Huy Tông sẽ làm chúa Trung Quốc", rồi giết ngựa, trâu tế cáo trời đất, hẹn cùng nhau khởi binh. Việc bị bại lộ, quan huyện truy bắt, Sơn Đồng không thoát được; vợ là Dương thị, con là Hàn Lâm phải trốn đến Vũ An.

Tháng tám, Lý Lão Nhị, Bành Triệu Quân dùng binh làm phản đánh phá Từ châu.

Lý Nhị hiệu là Chu Ma, cũng dùng tín ngưỡng để tụ tập đồ đảng

khởi binh. Trâu Phổ Thắng... ở Ma Thành lại dùng yêu thuật, tụ tập đồ chúng mưu phản, cũng lấy khăn vàng làm hiệu.

Từ Thọ Huy người ở La Điền, Kỳ châu, còn có tên là Chân, cùng với đồng đảng là Nghê Văn Tấn... khởi binh đánh phá vây hãm Kỳ Thủy và Quảng châu, tiếm xưng là Hoàng đế đặt quốc hiệu là Thiên Hoàng, niên hiệu là Trị Bình, chiếm cứ một vùng hơn mười quận ở Hán Dương, Hưng Quốc.

Vào tháng giêng ở Tín châu, Thiều Võ và Cù châu trời làm mưa lúa; ở Kiến Ninh, Nhiêu châu, trời mưa xuống những hạt đen lớn như hạt lúa, hạt đậu, nhân dân nhặt lấy để ăn. Tháng mười một có sao xuất hiện ở phương Tây, tháng mười hai sao Thái bạch đi ngang qua bầu trời.

Năm Nhâm Thìn niên hiệu Chí Chánh thứ mười hai, ở Lũng Tây động đất một trăm ngày mới dứt, thành quách ngã đổ, gò núi hang động biến đổi. Công sở ở Hội châu, tường vách sụp lở, tìm thấy hơn năm trăm cây nỏ, cái dài nhất thì hơn một trượng, ngắn nhất cũng chín thước, không ai dương nổi. Năm này lại có nhật thực.

Quách Tử Hưng người Định Viễn thấy ở Nhữ, Dĩnh khởi binh, các quận náo động bèn cùng với đồng đảng là Tôn Đức Nhai... khởi binh, tự xưng là Nguyên Sư đánh phá Hào châu và chiếm cứ nơi đây. Các hào kiệt, phần lớn vào thành để bảo vệ.

Bá Ốc Thiền sư húy Thanh Cũng, người Thường Thục, mẹ là Lưu thị, lúc sinh ra Sư, có ánh sáng lạ xuất hiện. Đầu tiên lễ ngài Sùng Phước Vĩnh Duy cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, sau lên núi Thiên Mục tham kiến ngài Cao Phong. Ngài Cao Phong hỏi:

- Ông đến đây vì việc gì?

- Sư đáp:

- Con vì cầu pháp mà đến!.

- Pháp há dễ cầu lắm sao? Cầu phải đốt tay làm hương mới được!

Sư nói:

- Ngày hôm nay tự thân con tham kiến Hòa thượng thì Đại pháp há ẩn được ư?

Ngài Cao Phong thầm chấp nhận, trao cho câu thoại đầu: “Vạn pháp quy nhất”, Sư siêng năng ở lại hầu hạ ba năm, kế đó tham ngài Cập Am bỗng nhiên có tĩnh, bèn nói: “Thời tiết thanh minh lúc mới mưa, Hoàng Ly đầu càng hót rõ ràng”. Cập Am gật đầu và dự nói rằng: “Về sau ta và ông ngồi trong một khám”. Khi ngài Cập Am trụ ở đạo

tràng tại Hồ châu, thì Sư quản lý Tạng Kinh. Ngài Cập Am nói với đại chúng rằng: “Người này là cá vảy vàng trong biển pháp”. Sau lên Hà Mịch sơn, Cập Am bảo đến Thiên Hồ, Sư lại đến Phước Nguyên ở Hồ châu. Triều đình ban cho tiền và tinh kỳ. Hoàng hậu ban cho y Kim lan, lại hạ chiếu ban thụy là Phật Từ Tuệ Chiếu Thiền Sư.

Tháng bảy năm này Sư thị tịch, có để lại pháp ngữ và thi kệ lưu hành ở đời.

Cao Hoàng đế, tổ tiên ở Cú Dung, đến đời Tổ phụ thì dời sang Hoài, đến đời cha thì đến Thái Bình, sinh được bốn người con, đế là con út. Trần thái hậu một hôm nằm mộng thấy một vị thần mặc áo đỏ, cầm hốt ngà tặng cho một hoàn thuốc phát ánh sáng chiếu khắp nhà, bà liền uống vào, khi tỉnh dậy cảm thấy có mùi hương lạ quanh thân, từ đó có thai. Ngày sinh ra Đế cũng có mùi hương lạ và ánh sáng màu hồng ngưng kết lại chẳng tan; bấy giờ là ngày mười tám tháng chín năm Mậu Thìn, niên hiệu Đại Lịch thứ nhất. Một hôm Nhân Tổ đi lấy nước sông tắm cho bé, bỗng nhiên thấy một tấm lưới màu hồng từ thượng lưu trôi xuống, nên lấy làm tã lót cho bé. Từ đó trong nhà thường có ánh sáng lạ. Bé sinh đã mấy ngày mà chẳng ăn, người nhà tìm cầu thầy thuốc, nhưng lại gặp một vị Tăng, bèn thuật lại sự việc, vị Tăng nói: “Giờ Tý đêm nay đứa bé sẽ ăn!”, nói xong liền biến mất. Quả nhiên đêm ấy đứa bé đã ăn.

Lúc nhỏ Đế rất nhiều bệnh, Nhân Tổ muốn cho độ làm Tăng, nhưng Thái hậu chẳng muốn. Đến năm Đế mười bảy tuổi thì cha, mẹ và ba người anh lần lượt qua đời, Đế chỉ còn một thân cô độc bèn tuân theo ý của Tiên phụ gởi thân vào chùa Hoàng Giác. Sau xuất du học đạo, nửa đường bị bệnh, lại có hai người mặc áo tía giúp đỡ thuốc thang cơm cháo. Hết bệnh lại tiếp tục lên đường. Có lần vào lúc ban đêm bị nạn ở Ma Hồ, lúc ấy nghe một nhóm trẻ hô to là: “Nghinh Thánh giá!”, nghe kêu mà chẳng thấy. Bôn ba nhiều năm rồi lại trở về chùa. Năm hai mươi lăm tuổi gặp binh loạn, bèn gieo một quẻ ở chùa, nguyện rằng: Nếu tị nạn thì được quẻ cát dương, nếu vẫn giữ nơi cũ thì được quẻ cát âm, quẻ ra một âm một dương. Liền tự nguyện rằng: “Ra sống bên ngoài chẳng thể khởi nghĩa ư?” Quẻ cũng theo ra như thế. Lại nguyện nữa thì quẻ vọt lên trên lò hương.

Đế vào đất Hào gặp Quách Tử Hưng. Hưng thấy Đế tướng mạo kỳ dị, nói năng rất hợp ý, bèn giữ lại làm thân binh, dần dần kính tin và gả cho Mã Hậu, giao cho việc chinh phạt. Sự nghiệp Đế vương đặt nền móng từ đây.

Năm Quý Tỵ niên hiệu Chí Chánh thứ mười ba, vua ban chiếu cho vị Tăng Tây Phiên làm quốc sư; Già Lân Chân làm quốc sư của Đại Nguyên. Tiếng Phiên gọi là "Giai tức nhũng cai", giống như tiếng Trung Quốc nói: "Sự Sự vô ngại".

Vua tự chế định một cái đồng hồ trong cung cao khoảng sáu mươi bảy thước, làm một cái hòm bằng gỗ, trong đó có đặt một cái bầu, nước di chuyển lên xuống. Trên cái hòm có lập một điện Tây Phương Tam Thánh. Bên hông của hòm có tượng ngọc nữ bưng thể định thời khắc. Khi đến giờ thì nổi lên mặt nước. Hai bên hòm có hai tượng thần giáp vàng, một bên có treo chuông. Ban đêm thần nhân này có thể định canh giờ mà gõ. Trong vườn vua có lập thuyền rồng, từ đầu đến đuôi dài một trăm hai mươi trượng trên có lập năm điện. Thân thuyền và năm điện đều được trang trí vàng ngũ sắc, tự qua lại trong hậu cung vui chơi nơi Hải Tử (Nam Hải Tử). Khi thuyền đi thì đầu, đuôi, mắt, móng rồng đều cử động, có cung nữ múa theo, gọi là Thiên Ma Vũ. Khi trong cung tán Phật thì xét theo vũ điệu mà tấu nhạc.

Trương Sĩ Thành người ở Bạch Câu Trường, làm Diêm Cương Ti Nha Quái, bản tánh khinh tài, thích bố thí, rất được lòng mọi người; thấy các nơi khởi binh, nên cùng với em là Sĩ Tín, Sĩ Đức chiêu mộ trai tráng khởi binh đánh phá Thái châu, giết chết tri phủ Lý Tề, thừa thắng hô hào vào thành, quan lại vội vã bỏ thành chạy trốn. Sĩ Thành bèn chiếm cứ, xưng vương, đặt quốc hiệu là Chu, niên hiệu là Thiên Hựu. Bây giờ lại đem quân đánh chiếm Bình Giang, Tòng Giang, Thường châu; đất đã rộng binh đã cường, trở thành kình địch. Chiến tranh bắt đầu từ đây.

Ngày mồng một tháng giêng năm Giáp Ngọ, niên hiệu Chí Chánh mười bốn, nước sông ở Biện Lương đóng băng, tạo thành những đám hoa cỏ năm màu, giống như một bức tranh đến ba ngày mới tan.

Học sĩ Hoàng Tấn, thụy là Văn Hiến. Ông có soạn Nhật Tổn Trai Cảo, Nghĩa Ô Chí, bút ký lưu hành ở đời (Tự Tấn Khanh, người Kim Hoa)

Sa-môn Bảo Châu húy là Giác Ngạn ở chùa Bảo Tướng Chức Lý, Ô Trình (nay là Thanh Thái am). Học lực thông suốt cổ kim, từng khảo cứu các sự tích của dòng Thích khoảng trên dưới một ngàn năm và rộng đến các nước rồi soạn thành bản thảo, sau hiệu đính lấy tên là Thích Thị Kê cổ lược. Từ khi có Phật ra đời đến nay (đời Tống), phàm những hành nghiệp, xuất xứ của các danh Sư, Đại đức, cho đến sự hưng phế của chùa tháp, sự nhiều ít về tăng lữ đều được gom chép đầy đủ. Lấy nội điển làm cơ sở rồi tham khảo các sử và truyện ký mà sắp xếp.

Trong đó theo năm tháng trước sau để ghi chép sự việc, đồng thời khảo xét kỹ lưỡng, không có chỗ thiếu sót, sách được Lý Hoàn viết lời tựa. Sách này thật có thể thêm vào những việc mà quốc sử còn thiếu sót, hoàn thành đầy đủ cho biên niên sử của Thiền Gia, là kim chỉ nam cho một thời đại.

Tháng hai năm Ất Mùi, niên hiệu Chí Chánh thứ mười lăm, Lưu Phước Thông... đón Hàn Lâm Nhi về và lập làm hoàng đế, hiệu là Tiểu Minh Vương, đóng đô ở Hào châu, xưng quốc hiệu là Tống, đổi niên hiệu là Long Phượng nguyên niên.

Tháng sáu, Thái tổ Cao hoàng đế triều ta từ Hòa châu vượt sông đánh chiếm lộ Thái Bình. Các bậc lão nho như Đào An, Lý Tập... dẫn các phụ lão ra thành nghinh tiếp và thưa rằng: "Minh Công dẫn binh qua sông, oai thần vũ dũng mà chẳng giết hại nhân dân, khiến cho lòng người rất vui mừng, quy phục. Đó là thuận ý trời theo lòng người mà chinh phạt; thiên hạ sao không thái bình?" Đế vì thiên hạ mà khởi binh. Tội nhẹ ban chiếu đại xá.

Năm Bính Tý niên hiệu Chí Chánh mười sáu, hai mặt trời chạm nhau, sao chổi xuất hiện đuôi dài hơn một trượng, quả mận như móng tay màu vàng, có bài đồng dao rằng: "Quả mận sinh móng tay vàng, nhân dân không có nhà cửa". Lại có sao rơi xuống đất phát ra âm thanh và hóa thành đá, hình dáng như đầu chó, vua sai đem giữ trong kho.

Quân của Đại Minh chiếm giữ lộ Tập Khánh; ngự sử Phước Thọ qua đời sau được ban thụy là Trung Túc. Đổi Tập Khánh làm phủ Ứng Thiên. Thái Tổ vào thành hiểu dụ rằng: "Ta đến đây vì dân mà trừ loạn, mỗi mỗi hãy an định chức nghiệp", nhân dân rất vui vẻ lại cùng chúc mừng nhau. Đào An tâu với Thái Tổ rằng: "Kim Lăng là Kinh đô của các bậc Đế vương xưa, có long bàn (rồng cuộn) hổ cứ (cọp ngồi) ngăn cách bởi Trường giang hiểm trở; nếu chiếm cứ nơi đây, với hình thế ấy, thì xuất binh về Tây hướng nào chẳng được. Đó là điều mà trời ban cho Minh Công đó!"

Kim Lăng, vì Sở Uy Vương thời chiến quốc cho vùng đất này có vượng khí Đế vương nên chôn vàng để trấn giữ. Vì thế gọi là Kim Lăng. Đời Hán gọi đó là Mạt Lăng, đời Ngô gọi là Kiến Nghiệp, đời Tần gọi là Kiến Khang, sáu triều đại đều đóng đô nơi đây. Đời Tùy đổi thành Tương châu, đời Đường gọi là Thăng châu, đời Tống gọi là Giang Ninh, đời Nguyên gọi là Tập Khánh. Đặt hành Ngự Sử Đài của các lộ vùng Giang nam tại nơi đây nên gọi là Nam đài.

Khi Thái Tổ vượt sông, hoặc cho rằng muốn định thiên hạ thì

không thể không tham kiến vị Tăng ở Kim Bích Phong. Khi đến Tuyên châu tham kiến thì vị Tăng vẫn ngồi kiết già, không hành lễ, Thái Tổ quát một tiếng, vị Tăng cũng quát một tiếng. Thái tổ hỏi rằng: “Đã từng thấy tướng quân giết người chưa?”

Vị Tăng lại hỏi: “Đã từng thấy Hòa thượng không sợ chết chưa?” Thái tổ liền buông kiếm làm lễ, vị Tăng liền đáp lễ rồi từ tốn nói rằng: “Kiến Khang là vùng đất có thể định vương nghiệp!”

Thiết Quan Đạo nhân tên là Trương Cảnh Hòa, người ở vùng Giang hữu, đạo thuật cao, giỏi tướng số. Ông yết kiến Cao hoàng đế và tâu rằng: “Minh Công có cặp mắt của loài rồng phượng, trời đất đều hướng về, năm núi đều quy phục, nhật nguyệt đều chiếu soi, cốt cách thanh nhã, tiếng nói lớn mà trong, thật là tướng quý không thể nói hết. Nhưng bốn phía có khí vây quanh, như mây tan trăng hiện. Điều đáng mừng là màu vàng và sáng từ mũi thẳng lên đến thiên đình, đợi đến khi thần thái rực sáng, như gió thổi mây tan, tức là đến ngày lên ngôi vị, có thể ứng nghiệm trong một ngàn ngày. Hơn nữa sao Dịch Mã ở biên địa có khí xấu, đi về phương Nam gặp địch, cần phải cẩn thận đề phòng”.

Thái Tổ ghi nhớ và giữ lại trong trướng. Đạo sĩ thường kết am tranh ở Chung sơn; sống ở Kinh đô chưa được vài năm, một hôm vô cớ tự nhiên nhảy xuống cầu Đại Trung tự vẫn, không tìm thấy di thể. Thần tiên ra đi chẳng thể thấy được.

Học sĩ Chu Thăng tâu với Cao Đế rằng: “Xây dựng tường thành cao, tích trữ nhiều lương htực, ngoài việc xưng vương, thì không có lời nào khác”.

Thiên Ngạn Pháp sư húy Hoằng Tế, tự Đồng Chu, hiệu Thiên Ngạn, họ Dao, người ở Cối Kê. Đầu tiên lễ Vũ Điền Mãn Ông chùa Bảo Tích cầu xuất gia, được trao cho kinh Pháp Hoa, vừa đọc qua có thể ghi nhớ. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư tinh tấn trì luật, nghiên cứu sâu xa giáo thừa, chí thành tu sám pháp. Một hôm Sư nhập định thấy một Tôn giả trao cho cây như ý tê giác, từ đó luận biện vô ngại. Sư khai đường thuyết pháp ở chùa Viên giác vạn thọ. Sư gia trì mật chú vào cát rồi ném trên đất để cứu họa băng trên bờ biển. Sau Sư trụ trì chùa Hiển Từ và chùa Tập Khánh, lại dời qua chùa Viên Thông ở Cối kê, tu Niệm Phật Tam-muội. Vua ban chiếu cho Sư trụ chùa Phổ Phước, rồi trở về Thanh Cảnh các. Năm ấy Sư thị tịch (Tăng Truyện).

Tháng ba năm Đinh Dậu, niên hiệu Chí Chánh mười bảy, quân của Đại Minh đánh Thường châu, Trương sĩ Thành sai em là Sĩ Đức cứu viện, bị Từ Đạt mai phục bắt sống, Sĩ Thành mất hết nhuệ khí, xin dâng

tài vật để cầu hòa, Từ Đạt vẫn bao vây và hạ thành.

Năm này có rồng đánh nhau ở sông Lạc Thanh làm nổi gió lớn, nơi nào nó đến đều có lửa rực sáng như quả cầu, làm chết hơn vạn người. Đại Đô của nhà Nguyên vào ban ngày mà có sương mù khiến trời đất mịt mờ không phân biệt được người, vật, kéo dài đến mười lăm ngày. Lại có núi lở đất nứt nẻ ở lộ Tỉnh Giang.

Trần Hữu Lượng, con trong một gia đình ngũ phủ ở Miện châu, làm Huyện lại Bất Lạc, gặp lúc Thọ Huy và Văn Tuấn khởi binh, Hữu Lượng cảm khái mà theo về. Từng làm quan lo về sổ sách cho Văn Tuấn, rồi cũng lãnh quân làm nguyên soái. Đến khi Văn Tuấn chỉ biết phóng túng, tâm chẳng thể an định, muốn mưu sát Thọ Huy, việc chẳng thành nên chạy đến Quảng châu, Hữu Lượng nhân lúc Tuấn thế cô tập kích mà sát hại, đồng thời hợp quân của Văn Tuấn về mình mà tự xưng là Bình Chương, Thọ Huy chẳng thể chế phục. Thế lực của Lượng ngày càng mạnh, sau giết cả Từ Thọ Huy rồi tự xưng Đế đặt quốc hiệu là Hán, đổi nguyên hiệu là Đại Nghĩa, chiếm cứ các vùng Hồ, Quảng. Về sau bị Thái tổ diệt, trúng tên xuyên qua đầu mà chết.

Thiên Nham Thiền sư húy Nguyên Trường, tự Vô Minh, người Tiêu Sơn, họ Đổng, mẹ họ Hà. Lúc nhỏ Sư thường đau ốm, mẹ Sư phải cầu khẩn Đức Quan Âm, hứa cho xuất gia, bệnh mới thuyên giảm. Đầu tiên Sư học thông chín phái trăm nhà, kế đó học Pháp Hoa. Nghiên cứu luật bộ nơi các Luật sư chùa Linh Chi. Sau tham câu thoại đầu: "Con chó không có Phật tánh", được ngài Trung Phong quyết trạch ấn chứng dặn dò: "Hãy khéo léo tự giữ gìn". Khi Sư ẩn cư tại Thiên Long, hàng ngày thường có hai con rắn đến vây quanh tòa ngồi, Sư bèn thuyết Tam quy Ngũ giới, rắn cất đầu rồi cúi xuống lễ bái rồi đi. Từ đó được tiến cử trụ trì rất nhiều, nhưng Sư không nhận, mà lại đến núi Phục Long ở Điểu Thương, khôi phục ngôi già lam Thánh Thọ. Danh tiếng của Sư vang xa đến triều đình, vua ban hương quý, y Tăng-già-lê và hiệu là Phổ Ứng Diệu Biện.

Sau lại gia tặng hiệu Phật Tuệ Viên Minh Quảng Chiếu Phổ Lợi. Hàng vương công, đại thần đến Sư hỏi đạo rất nhiều, trong nước ngoài nước đều kính ngưỡng danh đức của Sư.

Tuyệt Tông Thiền sư húy là Thiện Kế, thụy là Văn Minh Tuệ Hải, họ Lâu, người ở Chư Ký. Mẹ Sư là Vương thị, một hôm nằm mộng thấy một vị thần Tăng trao cho một hoa sen trắng mà có thai và sinh ra Sư. Đầu tiên lễ Hòa thượng Tư Cung ở chùa Linh Bí ở Sơn Âm cầu xuất gia; sau nương Đại Sơn Khôi Công ở Thiên Trúc tu học Thiên Thai giáo. Kế

đó Sư tham yết ngài Trạm Đường, hỏi đáp rất nhanh nhẹn. Trạm Đường nói với đại chúng rằng: “Ngày sau pháp luân xoay chuyển, ắt kỳ vọng nơi người này!” Bèn cử Sư làm Đệ nhất tòa, Ngọc Cương Nhuận Công cũng cử Sư đệ nhất.

Sư khai đường giảng kinh Kim Quang Minh ở Lương Chữ, ban đêm mộng thấy ngài Tứ Minh Pháp Trí nói rằng: “Ngài giảng kinh này phù hợp ý tôi!” Từ đó Sư càng tinh tấn tu tập. Sư từng dạy chúng rằng: “Một bộ chỉ quán là phương tiện (công cụ) của kinh Pháp Hoa, Nhất thừa thập quán là chánh thể của Pháp Hoa Tam-muội. Các ông nên dụng cả hành giải, vận cả chánh trợ, thì mới có thể chứng được viên vị, chẳng phụ ý lập tông của Tổ sư”. Sau Sư chuyên tu tịnh nghiệp, nhất tâm niệm danh hiệu Di-đà ngày đêm chẳng đoạn. Một hôm bảo Đại chúng rằng: “Phật tổ hoằng hóa, quý ở chỗ thời tiết nhân duyên, nếu duyên và thời trái nhau, thì nương vào đâu mà hoằng hóa? Nay ta sắp trở về!” Rồi Sư ngồi yên mà thị tịch, bấy giờ nhằm ngày hai mươi hai tháng bảy năm Đinh Dậu niên hiệu Chí Chánh mười bảy, thế thọ bảy mươi hai. Sau khi trà-tỳ thì lưỡi chẳng cháy. Tháp thờ xây ở phía Tây Linh Bí. Đệ tử thượng thủ đắc pháp có Khởi Đại Phác...

Phù Trung Thiền sư húy là Hoài Tín, họ Khương, người Phụng Hóa, mẹ là Lưu thị; lúc mới sinh dung mạo đã khác phàm, gặp Tăng thì rất vui mừng. Đến năm mười lăm tuổi, Sư lễ Tử Tư ở viện Pháp Hoa cầu xuất gia, thọ giới Cụ túc ở chùa Ngũ đài, tu học Tam quán Thập thừa nơi Bán Nham Toàn Công, nghiên cứu yếu chỉ Thiền Tông nơi Trúc Tây Viên Công, lại tham kiến Vân Ngoại Tụ Công. Sau Sư khai pháp ở chùa Quán Âm ở Minh Chi, dời sang trụ ở Phổ Đà. Bấy giờ có Trấn Nam Vương với tâm rỗng rang tới hỏi đạo; Tuyên Nhượng vương cũng sai sứ đến dâng cúng hương chiên-đàn và y Tăng-già-lê, xin chỉ dạy pháp yếu. Sư lập Bảo Thạch ở Cô Tô, xây tháp Đa Bảo Phật. Vua ban cho Sư hiệu là Quảng Tuệ Diệu Ngộ Trí Bảo Hoằng Giáo, thỉnh trụ chùa Trung Thiên Trúc rồi đến Thiên đồng. Sau Sư trụ trì chùa Đại Long Tường, xiển dương Tông thừa, người đến tham học rất đông; Đại, Tiểu thừa đều hoan hỷ thân cận.

Sáng sớm một hôm, Sư bảo đại chúng rằng: “Ta sắp trở về! Các ông nên lấy việc gánh vác Phật pháp tự làm kỳ hạn, gắng sức tinh tấn tu hành mới được”.

Nói xong Sư viết kệ rằng:

*Bình sinh vì người điên đảo*
*Bảy mươi tám năm tiết lộ*

*Sáng nay buông tay liền đi*
*Vạn dặm trời không mảnh tuyết.*

Ngày hai mươi bốn tháng tám năm này Sư thị tịch, hạ lạp sáu mươi chín, năm Mậu Tuất, niên hiệu Chí Chánh mười bảy, nhằm niên hiệu Long Phượng thứ tư đời Tống. Học sĩ Âu Dương Huyền tự là Nguyên Công, văn chương, đạo đức đều nổi tiếng trên đời. Phàm những sách vở về lễ nhạc phần lớn đều xuất xứ từ tay ông. Ông mất năm tám mươi lăm tuổi, thụy hiệu là Văn. Có Khuê Trai Tập lưu hành ở đời.

Minh Ngọc Trân người Tùy châu, tụ tập hương binh đồn trú ở Thanh sơn, chưa bao lâu thì hàng Thọ Huy. Đến khi Nghê Văn Tuấn đánh chiếm Thục, thì lệnh cho Ngọc Trân trấn giữ. Văn Tuấn chết, ông chiếm cứ Thành đô. Các quận huyện ở đất Thục đều gọi là Hạ, đổi niên hiệu là Thiên Thống.

Tháng giêng Trần Hữu Lượng vây hãm An Huy, tướng Nguyên là Từ Khuyết tử trận được ban thụy là Trung Liệt, sau lập miếu thờ, hàng năm đều có cúng tế. Tháng ba Tống Mao Quý phá Tế Nam, Tả thừa tướng nhà Nguyên là Đổng Bác Tiêu tử trận, khi bị chém đầu không có máu phun ra, chỉ có một luồng hơi trắng phụt lên trời mà chết.

Tháng mười hai, quân của Đại Minh chiếm lộ Vụ châu, quan và Tăng giữ thành đều bị chết. Thái tổ chỉ dụ các tướng rằng: "Dễ dẹp được loạn lạc tuy phải dùng võ lực, nhưng an dân tất phải dùng lòng nhân. Quân đội hành binh, thế như lửa cháy, lửa cháy thì nhân dân ắt trốn tránh. Người làm tướng nên lấy việc chẳng giết chóc làm trọng tâm, như thế không những quốc gia được lợi ích, mà chính mình cũng được phước. Các tướng nên theo lời ta thì đại sự chẳng khó đạt, Đại công ắt sẽ thành."

Năm Kỷ Hợi niên hiệu Chí Chánh mười chín, tức tháng bốn niên hiệu Long Phụng nhà Tống. Vua cho rằng vì thiên hạ có nhiều việc nên từ chối việc chúc mừng vào tiết Thiên Thọ, vua ban chiếu rằng: "Trẫm nên kính Thiên địa, noi theo Tổ tông để tự tu tỉnh. Ngày sinh nhật của ta, quần thần khỏi phải vào chầu".

Phù Hưu Thiền sư húy Duẫn Nhược, tự Quý Hành, người Nhược Da. Năm mười lăm tuổi lễ Vân Môn Nguyên Công thế phát xuất gia, kế đó tham yết Pháp sư Khôi ở Đại Sơn học Thiên Thai giáo quán; lại lễ ngài Trạm Nhiên tham học; nghiên cứu sâu xa tất cả tông nghĩa mà ngài Pháp Trí đã lập. Sau Sư theo ngài Trạm Đường vào Yên kinh, được vua ban hiệu là Từ Quang Viên Chiếu. Sư ra khai đường ở viện Tinh Thánh, rồi trụ trì chùa Hưng Hóa ở Hàng châu. Sư cùng với Thiên

Ngạn Tế, Ngã Am Vô, Ngọc Đình Hãn đều có đạo đức thanh danh cao tột, người thời bấy giờ gọi bốn ngài là Tiền Đường Tứ Y. Sau Sư trụ ở Vân Môn, lại cùng với Đoạn Giang Ân, Hưu Canh Dật đón gió ngâm vịnh, người đời gọi là Vân Môn Tam Cao. Sư lần lượt trụ ở Viên Thông, Thượng Thiên Trúc. Bấy giờ có suối Anh Lạc khô cạn nước đã lâu, Sư cầu nguyện thì suối lại tuôn nước, vua bèn đặt tên là Tái Lai Tuyền. Sư lại lập tinh xá chuyên tu Pháp Hoa Tam-muội, lúc tuổi già thì chuyển tu tịnh nghiệp. Sau Sư bị giặc cướp giết hại, nhằm ngày hai mươi chín tháng hai năm Kỷ Hợi, thọ tám mươi tuổi, sáu mươi lăm hạ lạp. Trà-tỳ thâu được rất nhiều xá-lợi lớn như hạt đậu. Bình sinh Sư chẳng bao giờ nói cười hư dối, Triệu Tử Ngang gọi Sư là Ngự Sử trong hàng Tăng.

Sư có soạn Nội Ngoại Tập lưu hành ở đời.

Đại Dụng Pháp sư húy là Tất Tài, tự Đại Dụng, họ Khuất, người Thai châu. Năm mười hai tuổi, Sư lễ Pháp sư Tây Cù cầu xuất gia và sau đó thọ giới Cụ túc. Kế đến tham yết Trạm Đường Trừng Công, thân cận Ngọc Cương Nhuận Công, nhập thất tham cứu kinh điển. Dù trời nóng chảy vàng, lạnh đóng băng Sư cũng không ra khỏi thất. Vì thế huyền chỉ của sơn gia, yếu nghĩa của giáo quán, Sư đều thấu suốt. Ngài Ngọc Cương từng nói: “Người này nếu chẳng phải đã tu tập trên hội Linh sơn, thì đâu thể được như vậy?” Sư theo ngài Ngọc Cương đến Đức Tạng, phân tòa cùng Sư thuyết giảng. Sư luận biện như mưa tuôn sóng cuộn, người nghe đều khen ngợi. Sau Sư kế thừa trụ trì Đức Tạng, rồi đến Hưng Phước ở Hàng châu, Diễn Phước. Thuận đế ban cho Sư hiệu là Phật Giám Viên Chiếu.

Ngày mười chín tháng ba năm Kỷ Hợi, Sư đốt hương niệm lớn danh hiệu A-di-đà trọn một ngày đêm rồi bảo đại chúng rằng: “Duyên Tịnh độ của ta đã chín, Tam-muội đã hiện tiền”, viết thư cáo biệt những người đã quen biết, rồi chấp tay thị tịch. Khi trà-tỳ nhục thân Sư, có ánh sáng năm màu, lửa từ kim quan phát ra, lưỡi răng chẳng cháy, rất nhiều xá-lợi, đào sâu đất một thước cũng vẫn có. Sư hưởng thọ sáu mươi tám tuổi, năm mươi sáu hạ lạp. Sư có soạn Diệu Huyền Văn Cú, Chỉ Quán Tăng Trị Trợ Văn, Pháp Hoa Niết-bàn giảng nghĩa, Chương An Kinh Khê Pháp Trí Thể Văn Thi Kệ lưu hành thế gian.

Pháp sư Đồng Giang húy là Thiệu, vì người ở Đồng Giang Đại Nghiêm, nên lấy đó làm hiệu. Sư họ Ngô, mẹ là Lý thị. Đầu tiên Sư đến chùa Phượng Sơn cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, từng cho rằng: Cá hóa rồng chịu ở vũng nước cạn để cầu sống ư? Sư bèn đến tham yết Đại Biện Lăng Công ở Sang Kính, Lăng Công dùng pháp đơn truyền

tâm ấn để cật vấn Sư rất lâu. Sau đó Sư lại tham vấn khắp các bậc danh túc, biết rằng pháp chẳng có khác vị. Do đó Sư trở về đọc Đại Tạng, trải qua ba lần mới thông được chỉ thú. Sư khai đường ở chùa Cảnh Đức, chấn hưng lại phép tắc đã bị phế bỏ. Vua ban chiếu trụ chùa Bảo Lâm ở Nghĩa Ô, làm pháp tịch hưng thịnh một thời. Ngày mồng bảy tháng tám năm Kỷ Hợi, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Trà-tỳ thâu được xá-lợi như hạt châu tía xanh, răng và xâu chuỗi vẫn còn.

Sư có soạn Tam Hội Ngữ Lục, Đồng Giang Tạp lưu hành ở đời.

Tháng giêng năm Canh Tý niên hiệu Chí Chánh hai mươi, mây năm sắc xuất hiện, ở Đại đô có chim Đỗ quyên. Sao chổi xuất hiện ở phương Đông. Mồng một tháng năm có nhật thực, mưa đá.

Lưu Bá Ôn húy là Cơ, người ở Quát Thương, thuở nhỏ đã thông minh hơn người, phàm các sách về thiên văn, binh pháp, tánh lý, ông vừa xem qua thì liền đạt được chỗ cốt yếu. Khi ông đến vùng Tây Hồ, có đám mây lạ xuất hiện ở phía Tây bắc, ánh sáng chiếu xuống mặt hồ. Bấy giờ Lỗ Đạt Nguyên và những người đi theo đều cho là mây lành. Lưu liền nói: “Đó là khí tượng của Thiên tử, ứng tại Kim Lăng, sau mười năm sẽ có vua xuất hiện, ta sẽ phò giúp!” Các người kia đều cho là cuồng ngôn, mà bỏ qua, chỉ có Triệu Thiên Trạch ở Tây thục lấy làm lạ, cho ông thuộc dòng dõi Gia Cát Khổng Minh. Năm ấy Thái Tổ hạ Kim Lăng, bình định Quát Thương. Cơ bèn chỉ tượng Càn và nói với những người thân tín rằng: “Đó là mệnh trời, chứ đâu phải là sức người!” Thái Tổ sai người đem lễ đến mời, ông bèn đến Kim Lăng, trình bày mười tám sách lược, Thái tổ thâu nhận.

Dương Hiếu nói: Phước thì nền móng ở sự chí thành, họa thì sinh từ lòng phản phúc.

Năm Tân Sửu, niên hiệu Chí Chánh hai mươi mốt, nhằm niên hiệu Long Phụng thứ bảy của Tống, niên hiệu Đại Nghĩa thứ hai của Hán, mồng một tháng giêng, dâng lễ Khánh Hạ Tiểu Minh Vương. Lưu Cơ tức giận mắng chửi, chẳng lễ lạy, mà tâu trình Thái Tổ nên nhân lúc còn thiên mệnh, nên hoạch định kế chinh phạt.

Trúc Viễn Thiền sư húy Chánh Nguyên, họ Âu Dương, người ở Nam Dung. Năm hai mươi bảy tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Đầu tiên tham kiến Lăng Công, trong lúc hỏi đáp tự nhiên tỉnh ngộ, trí tuệ khai mở, thức tâm thông suốt, trong ngoài vô ngại, đàm luận hùng hồn, tuệ biện sắc bén, động tịnh đều không. Sư trụ ở Hưng Thánh Đạo Thành, Linh Ẩn tự... Đế Sư ban cho Sư hiệu là Phật Tuệ Từ Chiếu Phổ Ứng Thiền

Sư. Đại thần Phương Trấn thỉnh Sư đến trụ Kính Sơn. Ngài hai mươi sáu tháng sáu năm Tân Sửu, Sư thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi lăm hạ lạp, tháp thờ ở Kính Sơn.

Tháng tám, Đại Minh dẫn binh chinh phạt Hán. Từ Đạt thưa: "Binh nay rất khỏe mạnh". Lưu Cơ nói: "Dùng uy mà chế phục địch, chính là bây giờ!"

Thiền sư Thủy Am húy là Thủ Quý, tự Vô Dụng, họ Châu, người Vụ châu. Năm mươi tám tuổi Sư đã học phép làm Tăng. Đầu tiên Sư tham yết Thiên Nham Trường Công được trao cho cơ hướng thượng, Sư âm thầm tham cứu có chỗ khế ngộ; Sư theo ngài Thiên Nham đến trụ Thánh Thọ cổ sát, sau lại trở về Thiên Long tham yết Trung Phong, Đoan Nhai, Lương Sơn, hỏi đáp qua lại, thấy không có gì sai biệt; Sư bèn nói: "Ngàn sông tuy khác nhưng trăng thì chỉ có một, ta nay không còn nghi gì!"

Ngày hai mươi tháng tám năm này Sư viết kệ gởi từ biệt Thừa tướng Thiếp Mục Nhĩ Công rằng:

*Một ốc sên hôi hám*
*Trong ngoài đều dơ uế*
*Buông tay liền ra đi*
*Hư không tiếng linh vang.*

Ngón tay Thiên Long vẫn như xưa!

Viết xong Sư ném bút thị tịch, thừa tướng xem xong khen là kỳ lạ. Sư hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi bốn hạ lạp. Tháp thờ ở sườn núi phía Tây Thiên Long.

Tháng mười một mùa đông năm này, sông Hoàng hà từ khoảng Tam Môn Tích ở Bình Lục xuống đến Mạnh tân dài độ trên năm mươi dặm nước trong vắt khoảng năm ngày.

Năm Nhâm Dần niên hiệu Chí Chánh hai mươi hai, nhằm năm Long Phượng thứ tám của Tống, năm Đại Nghĩa thứ ba của Hán. Vào tháng hai sao chổi xuất hiện ở khu vực sao Nguy, dài hơn một trượng, ánh sáng trắng xanh. Tháng ba sao Trường xuất hiện ở khoảng giữa sao Hư và sao Nguy, hình dáng như dải lụa, dài vài mươi trượng.

Tòng Ẩn Thiền sư húy Đức Nhiên hiệu là Duy Am, họ Trương ở Vân Gian. Sau khi được độ xuất gia, Sư tham yết Thiền sư Thiên Nham mà có chỗ ngộ nhập. Sư lại tham yết ngài Thạch Ốc ở Hà Mạc sơn, ngài Thạch Ốc viết hai chữ: "Tòng Ẩn" mà trao cho. Sư bèn đến Hoa Đình dựng am tranh lấy tên là Tòng Ẩn. Sau Sư trụ trì chùa Thọ thánh, nơi ngài Thiên Nham đã ở, trích máu chép kinh. Sư có bộ ngữ lục lưu hành

ở đời.

Năm Quý Mão, niên hiệu Chí Chánh hai mươi ba, Long Phượng thứ chín của Tống, Đại Nghĩa thứ tư của Hán. Tháng giêng Minh Ngọc Trân xưng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Hạ, niên hiệu là Thiên Thống nguyên niên.

Đến tháng bảy, Trần Hữu Lượng vây Hồng đô, Thái Tổ dẫn các tướng đến đánh dẹp, đại chiến ở hồ Bà Dương, Hữu Lượng đại bại và chết trong trận này.

Trần Hữu Lượng dẫn các tướng mạnh vây thuyền của Thái Tổ, khiến không cách gì thoát được, Hàn Thành bèn đổi mặc áo mũ của vua nhảy xuống nước mà chết. Lưu Cơ nói rằng: “Sao nạn đã qua nên đổi thuyền!” Thái Tổ liền đổi thuyền, chưa được nửa bữa ăn thì thuyền cũ bị quân địch pháo kích phá nát. Sau đó Trương Thiết Quan chúc mừng rằng: “Trần Hữu Lượng đã chết.” Hàng binh đến nói rằng: “Hữu Lượng bị trúng tên từ mắt xuyên qua đầu mà chết”.

Chu Điên Tiên người ở Kiến Xương, mỗi khi gặp người thì nói: “Cáo thái bình”. Uống rượu rất nhiều mà chẳng say. Thái Tổ bảo dùng cái lu nhốt ông rồi chất củi đốt, củi cháy hết, dở lu ra thì thấy ông vẫn ngồi y nhiên. Đến khi chinh phạt Hữu Lượng, Thái Tổ hỏi ông rằng: “Lần xuất binh này như thế nào?” Ông liền buộc miệng trả lời: “Tốt!” Thái tổ ngước nhìn nóc nhà hồi lâu rồi nói: “Phía trên không có gì, muốn đi ngặt chẳng gió!” Điên Tiên nói: “Cứ việc đi thì có gió, không đi thì không gió!” Thái tổ cho tiến binh thì có gió thổi mạnh. Đến khi thấy một con lợn sông thì Điên Tiên nói rằng: “Thủy quái hiện, tổn quân nhiều”.

Năm Giáp Thìn niên hiệu Chí Chánh hai mươi bốn, Long Phượng thứ mười triều Tống, Thiên Thống thứ hai nhà Hạ. Tháng giêng Thái Tổ đặt quốc hiệu là Ngô. Tháng hai Trần Lý đầu hàng, vùng Giang Tây đều bình định.

Trần Hữu Lượng nằm giường bằng vàng, có người đem dâng lên, Thái Tổ nói: “Hữu Lượng quá xa xỉ, làm sao mà chẳng bại vong?” Quan hầu cận tâu: “Chưa giàu mà kiêu, chưa sang mà phí, vì thế mới thất bại!” Thái tổ lại nói: “Đã giàu há có thể kiêu ư? Đã sang há có thể phung phí ư?”

Thật Am Thiền Sư húy là Mậu, hiệu Tòng Ẩn, tự Thật Am, họ Trịnh, mẹ là Hồ Thị, người Phụng Hóa. Năm mười sáu tuổi, Sư lễ ngài Hy Nhan cầu xuất gia, thọ giới nơi Luật sư Chiêu Khánh Tuệ, tham kiến Nam Giản Tuyền Công, Cổ Lâm Mậu Công. Ngài Cổ Lâm nói:

“Ông biết rõ bốn đại, năm uẩn là gốc sinh tử, vì sao lại vào cái đãy da này?” Sư suy nghĩ thì bị ngài Cổ Lâm dùng gậy đánh, Sư bỗng nhiên ngộ nhập. Sau ngài Nguyệt Giang Ân Công ở đạo tràng nơi Hồ châu, thỉnh Sư phân tòa thuyết pháp, đại chúng rất hoan hỷ. Sau Tuyên Chánh viện bổ Sư trụ trì chùa Thanh Lương ở Thụy Vân; phụng sắc ban thụy là Phật Quang Phổ Chiếu. Sư trụ ở đây mười lăm năm rồi về ẩn cư ở Tuệ Đường. Ngày hai mươi bảy tháng tám năm Giáp Thìn Sư ngồi dựa vào ghế, tay phải nắm lại thành quyền, trán tựa vào đó mà thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi.

Năm Ất Tỵ, niên hiệu Chí Chánh hai mươi lăm, Long Phượng thứ nhất, Thiên Thống thứ hai. Tháng hai một bên mặt trời xuất hiện một mặt trăng một ngôi sao. Tháng bốn trong mặt trời có một điểm đen. Tháng năm ở Đại đô có mưa lông, sợi dài khoảng một thước (3), hoặc gọi là long tu (râu rồng), triều đình ban lệnh nhặt lất để thờ cúng.

Mùa Đông năm này Thái Tổ lập Quốc tử học ở phủ Ứng Thiên, quy chế rất nghiêm và khéo léo. Thái Tổ vừa đến trước Quảng Nghiệp đường, bỗng nhiên nói rằng: “Những đứa trẻ có phước trong thiên hạ, nên được sống tại đây”. Đến nay những người sống ở đây thường thường thi đỗ đầu, làm quan đến vị Tam đài.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Chí Chánh thứ hai mươi sáu, Long Phượng n thứ mười hai, Đại Thống n thứ tư. Tháng hai Hoàng hà chảy về phương Bắc, từ Đông Minh, Táo Bộc đến Tế Ninh.

Tháng ba Ngọc Trân qua đời, con là Minh Thăng kế vị, đổi niên hiệu là Khai Hi.

Tháng năm, Thái Tổ sai tìm cầu mhững sách vở lễ Kim cất giữ ở mật phủ để tiện việc xem đọc. Thái Tổ nói: “Lời của Khổng Tử thật là phép tắc đúng đắn để trị quốc. Khổng Tử đúng là thầy của vạn đời”.

Tháng tám xây thành Kiến Khang ở phía Nam Chung sơn, kéo dài chu vi hơn năm mươi dặm, bao quát cả thắng cảnh của núi sông.

Tháng mười hai Thái tổ xây Tông miếu xã tắc, ông nói: “Cung thất chỉ cần vững chắc hoàn bị mà thôi, hà tất phải điêu khắc chạm trỗ khéo léo!”

Tháng này Tống chúa là Tiểu Minh Vương Hàn Lâm Nhi qua đời.

Đàm Phương Thiền sư húy là Trung, pháp hiệu Quảng Từ, trụ trì Kính Sơn đời thứ bốn mươi chín.

Vô Hoàn Thiền sư húy là Đương. Biện Am Thiền sư húy là Nột.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Chí Chánh hai mươi bảy, nhà Ngô năm

thứ nhất, Khai Hi năm thứ hai. Tháng giêng ở Giáng châu ban đêm nghe trống trời vang, âm thanh như có người chiến đấu trên hư không.

Tháng ba, Thái Tổ chế định phép tắc chọn hiền tài qua các khoa thi văn võ. Đối với người ứng thí văn thì xét ngôn hạnh để biết đạo đức, khảo kinh thuật để biết học nghiệp, thi thư toán để biết tài năng, hỏi kinh sử thời vụ để biết chánh sự. Đối với người ứng thí võ thì trước khảo về mưu lược, kế đó là xét về võ thuật. Tất cả đều phải xét đến thật tài.

Ngày mồng một tháng sáu có nhật thực. Hoàng Thái tử ngủ ở sau điện; có một con rồng ở trong cái giếng gạch mới xây phát ánh sáng chiếu vào người, các cung nhân đều té ngã trên đất.

Tháng chín quân của Đại Minh lấy lộ Bình Giang, bắt Ngô vương Trương Sĩ Thành dẫn về, Sĩ Thành nhắm mắt nhịn ăn, thắt cổ tự vẫn.

Tháng mười quân của Đại Minh chiếm Thông châu và Thai châu. Bấy giờ các vùng Ôn, Thai đều do Phương Quốc Trân chiếm cứ, lần lượt ra hàng. Thái Tổ sai đại tướng Từ Đạt, phó tướng Thường Ngộ Xuân tiến lên phía Bắc bình định Trung Nguyên. Thái Tổ định ra luật lịnh, ban lịch Mậu Thân.

Tháng mười hai quân Đại Minh chinh phạt, Phương Quốc Trân đầu hàng.

Nam Sở Thiền sư húy là Duyệt, người Long Hưng, pháp hiệu Phật Tứ Pháp Hỷ, trụ trì đời năm mươi ở Kính Sơn.

Gom chép tám mươi lăm vị, phụ ghi một trăm hai mươi ba vị là:

Đông Xương Pháp sư, Hạo Thiên Giàng Chủ, Dật Lâm Thượng sư, Hư Chiếu Thiền sư, Hải Vân Thiền sư, Tiên Lâm Thiền sư, Cổ Nguyên Pháp sư húy là Thanh, Trúc Đường Pháp sư húy Truyền, Vân Mộng Pháp sư húy là Trạch, Si Tuyệt Pháp sư húy Xung, Vô Chuẩn Thiền sư, Yển Khê Thiền sư, Tây Vân Thiền sư, Trước Xích Thượng sư, Thích Ôn Bốc sư, Bá Lâm Pháp sư húy Đàm, Vạn An Pháp sư húy Giản, Tịch Chiếu Thiền sư, Phương Sơn Luật sư húy Bảo, Đại Đức Pháp sư húy Viên, Quan Phụ Pháp sư húy Hoài, Nam Dương Pháp sư húy Từ, Đại Lâm Pháp sư húy Tánh, Hải Văn Hòa thượng, Pháp Chiếu Thiền sư húy Hi, Uyên Tẩu Pháp sư húy Trạm, Đại Đức Luật sư húy Ôn, Minh Tỉnh Pháp sư húy Chí, Vô Cực Pháp sư húy Độ, Bắc Khê Pháp sư húy Văn, Tạng Tẩu Thiền sư, Phật Giám Thiền sư húy Tiêm, La Sơn Pháp sư húy Thường, Nguyệt Đình Pháp sư húy Trung, Cô Chu Pháp sư húy Tế, Khánh Am Pháp sư húy Cát, Cập Am Thiền sư, Thuấn Điển Pháp sư húy Mãn, Linh Chi Luật sư, Tư Cung Pháp sư, Đại Sơn Pháp sư húy

Khôi, Tử Tư Pháp sư, Bán Nham Thiền sư, Ngọc Đình Pháp sư húy Hãn, Biệt Truyền Thiền sư húy Giáo, Tây Cù Pháp sư, Đại Biện Pháp sư húy Lăng, Lương Sơn Thiền sư húy Cánh, Hi Nhan Pháp sư, Nam Giản Pháp sư húy Tuyền, Chiêu Khánh Luật sư húy Tuệ, Cổ Lâm Thiền sư húy Mậu, Nguyệt Giang Thiền sư húy Ấn, Nhật Khê Thiền sư húy Băng, Thiên Tâm Pháp sư húy Tố, Lương Vĩ Pháp sư, Đông Bạch Pháp sư húy Minh, Khai Nguyên Pháp sư húy Khuê, Phương Sơn Thiền sư húy Dao, Vô Kiến Thiền sư húy Đỗ, Đẩu Nham Thiền sư húy Phương, Vô Dụng Thiền sư, Vô Nhất Thiền sư húy Toàn, Xuân Cốc Thiền sư, Cát Hoài Pháp sư, Không Trung Pháp sư húy Giả, Linh Nham Thiền sư húy Chi, Vô Phương Thiền sư húy Phổ, Tiểu Ẩn Pháp sư húy Đại, Độc Chúng Pháp sư húy Đàm, Thành Sơn Pháp sư húy Khâm, Bảo Giác Pháp sư húy Giảm, Cổ Điền Pháp sư húy Tư, Vô Ngôn Pháp sư húy Tuyên, Nột Ông Pháp sư húy Mô, Sùng Ân Pháp sư húy Giản, Cổ Nhạc Pháp sư, Cổ Nhai Thiền sư húy Thuần, Thạch Môn Thiền sư húy Cương, Bố Nạp Thiền sư húy Ủng, Chỉ Nham Thiền sư, Thọ Di Pháp sư, Bắc Thiền Pháp sư húy Trạch, Sĩ Chiêm Thiền sư húy Tiêu, Thạch Ốc Pháp sư húy Anh, Đại Quân Pháp sư, Minh Khánh Luật sư húy Quả, Cao Ly Pháp sư húy Giáo, Nhất Sơn Pháp sư húy Nguyên, Phật Hải Pháp sư, Hiền Tẩu Pháp sư húy Tư, Trúc Tây Thiền sư húy Thản, Minh Cực Thiền sư húy Tuấn, Trúc Điền Thiền sư húy Lâm, Vận Tịch Pháp sư húy Ôn, Như Hải Pháp sư húy Châu, Trọng Phương Thiền sư húy Luân, Trúc Ốc Pháp sư húy Tịnh, Tử Văn Pháp sư húy Lương, Vân Đình Pháp sư, Giác Nguyên Thiền sư, Hoàng Vân Thiền sư húy Nhạc, Độc Hải Thiền sư húy Thanh, Thiết Quan Thiền sư húy Xu, Đông Tự Thiền sư húy Hải, Thạch Lâm Thiền sư, Hư Cốc Pháp sư, Thanh Chuyết Thiền sư húy Trừng, Tịnh Giác Pháp sư, Pháp Tú Pháp sư, Liễu Nhiên Pháp sư húy Tái, Đông Dương Pháp sư húy Huy, Bình Sơn Pháp sư húy Đẳng, Giác Ẩn Pháp sư húy Thành, Từ Quán Luật sư, Vô Ẩn Pháp sư húy Phạm, Nhất Sơn Thiền sư húy Ninh, Phổ Giác Thiền sư húy Minh, Bạch Nham Thiền sư húy Chân, Vân Ngoại Pháp sư húy Tụ, Hoằng Giáo Thiền sư húy Lập, Tử Đình Pháp sư húy Huấn, Đông Lâm Thiền sư húy Hiểu.

Nhà Nguyên khởi từ Thái Tổ năm Bính Thìn đến đời Thuận Đế năm Đinh Mùi, tổng cộng một trăm sáu mươi hai năm. Từ đời Thế Tổ năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Nguyên diệt nhà Tống thống nhất đất nước, đến đời Thuận Đế năm Đinh Mùi niên hiệu Chí Chánh tổng cộng là tám mươi chín năm. Nay gom chép từ năm Giáp Tý, niên hiệu Chí Nguyên đời Thế Tổ đến năm Đinh Mùi đời Thuận Đế là một trăm lẻ bốn năm.

Thụy tượng Chiên-đàn, từ năm Canh Dần đời Chu Mục Vương đến năm Đinh Mùi niên hiệu Chí Chánh, tổng cộng đã được hai ngàn ba trăm năm mươi chín năm.

Đức Thế Tôn nhập diệt vào năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương đến năm Đinh Mùi, niên hiệu Chí Chánh tổng cộng là hai ngàn ba trăm mươi bảy năm.

Đại giáo đến Trung Quốc từ năm Mậu Thìn đời Hán Minh Đế đến năm Đinh Mùi niên hiệu Chí Chánh tổng cộng là một ngàn hai trăm chín mươi sáu năm.

■

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

## QUYỂN 2

Triều Minh đầu tiên lập đô ở phủ Ứng Thiên tức là Nam kinh, sau đó dời về phủ Thuận Thiên tức là Bắc kinh. Gồm các đời:

Thái Tổ → Kiến Văn Đế→ Thành Tổ→ Nhân Tông→ Tuyên Tông→ Anh Tông→ Cảnh Thái Tông→ Hiến Tông→ Hiếu Tông→Võ Tông→ Thế Tông→ Mục Tông→ Thần Tông→ Quang Tông→ Hi Tông→ Thánh Thượng (Tư Tông).

**Thái Tổ Cao Hoàng đế:**

Đế sinh ở Hào châu, có Long quang sáng rực, khiến mọi người đều kinh sợ. Đế khởi binh vào tháng ba năm Nhâm Thìn đời Thuận Đế nhà Nguyên. Sau đem binh chinh phạt Quách Tử Hưng, vượt sông chiếm lấy Thái Bình, Tập Khánh làm nền móng xưng vương. Kế đến diệt Trần Hữu Lượng, Trương Sĩ Thành, xưng là Ngô Vương, sau lại tiến lên phía Bắc bình định Trung nguyên, thống nhất thiên hạ lên ngôi Hoàng đế, tại vị ba mươi mốt năm thì băng hà ở Tây cung, thọ bảy mươi mốt tuổi, huy hiệu là Thánh Thần Văn Vũ Khâm Minh Khải Vận Tuấn Đức Thành Công Thống Thiên Đại Hiếu Hoàng Đế; miếu hiệu là Cao Tổ táng ở Hiếu lăng. Đế là bậc có tư chất trời ban, không một tấc đất, chỉ là một người dân bình thường mà lập thành nghiệp lớn. Tuy nói do thiên mệnh mà người đều quy phục nhưng cũng do thần vũ và chẳng sát sinh dẫn đến.

Ngày Ất Hợi mồng bốn tháng giêng năm Mậu Thân, niên hiệu Hồng Võ thứ nhất, Đế tự viết văn tế cáo trời đất ở Nam giao (ngoại thành phía Nam), lễ xong thì lên ngôi Hoàng đế tại phía Nam Giao đàn, định quốc hiệu là Đại Minh, niên hiệu Hồng Võ. Truy tôn bốn đời cha ông đều là đế và hậu. Lập Mã Thị làm Hoàng hậu, lập Thế tử Tiêu làm hoàng Thái tử.

Vào ngày này bầu trời trong xanh, sương thơm ngưng đọng, một ngôi sao độc hiện, thật là trời cao đã mở bày cảnh vận sáng tỏ. Phong

Lý Thiện Trường làm Trung thư Tả thừa tướng, Từ Đạt làm hữu thừa tướng, Chương Dật làm Ngự sử trung thừa.

Đế vì Đông cung thiết lập quan chức mà dạy rằng:

"Phàm cử người hiền dùng người tài là gốc để lập quốc; kính người có đức, chuộng người lớn tuổi chính là đạo tôn hiền". Lại nói: "Gỗ lớn quý thì phải trao cho người thợ giỏi, viên ngọc vạn lượng thì chẳng thể trao cho người thợ vụng".

Đế hạ chiếu lập ra Điển Tự còn gọi là Viên Khâu, Phương Khâu, Tông Miếu, Xã Tắc để cúng tế trời đất, Tổ tông, Thần kỳ. Lại ban luật lệnh hiểu dụ rằng: "Luật lệnh là phép trị thiên hạ. Lệnh đi trước mục đích là để chỉ dạy, luật theo sau mục đích là trị phạt".

Để chỉ dụ các quan châu huyện rằng: "Chim lúc mới biết bay chưa thể sải hết đôi cánh, cây mới trồng chẳng nên lay động gốc rễ".

Thượng Bảo Ti là cơ quan ở cung cấm, gồm mười bốn Bảo:

Phụng Thiên Chi Bảo để trấn giữ vạn quốc, tế tự đất trời. Hoàng đế Chi Bảo để phong thưởng người có công lao; Hoàng đế Tín Bảo để hiệu triệu ba quân; Thiên tử Chi Bảo để cúng tế quỷ thần; Thiên Tử Hành Bảo để phong thưởng man di; Thiên tử Tín Bảo để điều động phiên binh; Chế Cáo Chi Bảo để lo về cáo mệnh; Sắc Mạng Chi Bảo lo về sắc mệnh; Quảng Vận Chi Bảo lo việc xét tuyển hiền tài khám định kinh điển; Ngự Tiền Chi Bảo để hộ vệ trước vua và đi theo xe kiệu của vua; Hoàng đế Tôn Hiền Chi Bảo để ban thưởng cho người trong Hoàng tộc; Kính Thiên Cần Dân Chi Bảo là để chỉ dạy dẫn dắt quan lại.

Phàm lệnh bài của Hổ Thủ thị vệ có sáu hiệu là thân, mộc, hỏa, thổ, kim và thủy có trách nhiệm bảo vệ tuần tra ban đêm.

Kim bài có năm hiệu là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín có nhiệm vụ canh giữ bảo vệ nghiêm ngặt.

Bán Tự Đồng Phù có bốn hiệu là Thừa, Đông, Tây, Bắc; Tuần thì một nửa bên trái, Thú thì một nửa bên phải, cứ theo sự khế hợp mà hành sự.

Đồng bài (Thẻ bằng đồng) gồm một hiệu là Dõng lo việc sắp xếp các quân lính canh gác.

Nha bài (thẻ bằng ngà) gồm năm hiệu là Huân, Thân, Văn, Võ, Nhạc để xem xét việc tham dự triều chính.

Tế bài có ba hiệu là Bồi, Kỳ, Chấp lo về việc tế tự. Song ngư đồng bài có hai hiệu là Nghiên để túc trực hộ vệ và Thiện để làm thanh tịnh tế đàn.

Phù Nghiệm Thì có năm hiệu là Mã, Thủy, Đạt, Thông, Tín dùng

để cấp báo tin tức, thông tri chế mệnh của vua. Lại lập Đăng Văn Cổ giao cho quan ngự sử giám sát, phàm có những việc oan ức, bí mật hệ trọng thì được phép giáng trống, quan Ngự sử sẽ dẫn vào tấu trình với Hoàng đế.

Tháng ba phong Lưu Cơ làm Ngự sử Trung thừa kiêm Thái tử tán thiện đại phu, thường cùng với Đế luận bàn về binh pháp để đánh bại quân địch giành lấy chiến thắng. Đế nói: "Đóng mở, Kỳ Chánh trong phút chốc là đã biến hóa, giống như thế vô thường của gió mây vậy. Cần phải thông đạt chỗ biến hóa ấy!"

Hội Đường Thiền sư húy Tự Duyên, người Lâm Hải, họ Trần. Mẹ Sư một hôm cảm một điềm mộng lạ mà có thai sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ ngài Quán Công chùa Bạch Tuyết cầu làm đệ tử xuất gia và thọ giới Cụ túc. Kế đó Sư tham yết Nhật Khê Vĩnh Công ở Thiên Ninh để quyết trạch tâm yếu. Sau nhân xét thấy tự thân tìm cầu học đạo trên đường đi trải qua nhiều gian nan hiểm nạn, do đó phát tâm xây dựng những nơi nghỉ ngơi cho những người du phương tham học. Đầu tiên Sư trùng tu chùa Diệu Quả, kế đến lập Viên Thông các, Hoa Nghiêm bảo các, Di-đà các, họa tướng mười sáu phép quán để khai phát chánh nhân Tịnh độ cho người. Việc làm của Sư truyền đến triều đình, vua ban cho pháp y Kim lan và hiệu là Phật Tâm Phổ Tế, sau Sư lại xây dựng Báo Ân Thiền viện, lãnh chúng tu tập, dặn người học nên cho việc kiến tánh là cấp bách. Tháng ba năm Mậu Thân, Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi, bốn mươi ba hạ lạp, tháp thờ lập ở phía Tây của chùa (Chu Minh)

Nguyên Phác Thiền sư húy là Sĩ Chương, tự là Nguyên Phác, người Hải Ninh, họ Vương. Lúc sinh ra đã có Phục Tê trên đầu (1 tướng quý, xương nổi cao nơi trán), mắt sáng chớp lóe như điểm sơn, không ăn các chất tanh, nồng, thích đọc kinh Phật. Cha mẹ cho vào chùa Truyền Pháp. Đến năm mười chín tuổi thì được độ làm Tăng. Bấy giờ Ngã Am Vô Công đang trụ trì ở Thượng Thiên Trúc, Sư muốn đến tham lễ, nhưng một hôm mộng thấy mình dạo chơi nơi Bảo Sở, quỳ lễ sám văn. Quả nhiên khi gặp ngài Ngã Am thì Sư rất được xem trọng, phàm Thiên Thai giáo quán, tất cả văn nghĩa của một nhà, ngài Ngã Am lần lượt truyền trao Sư. Từ đó Sư cùng với Thiên Tâm Oánh Tố ngày đêm nghiên cứu, nạn vấn đến chỗ cùng tột, mọi người đều cho hai ngài là hai viên ngọc bích. Sau Sư vâng mệnh trụ trì ở Tê châu, lại được tham học yếu chỉ giáo quán nơi ngài Đại Dụng Tào Công, Tuyệt Tông Kế Công. Sư từng nói: "Biển giáo Phật pháp mịt mù như khói mây, chẳng thể độc thiện mà có thể nghiên cứu đến cùng tận. Ví như ta tự hoạch định giới

hạn mà chẳng thể tiến lên, thì có thể tránh được lỗi hẹp lậu ư?"

Sư lại dời đến trụ tại Tinh Đức, chuyên giảng thuyết kinh pháp cho đại chúng, mà không hề mỏi mệt. Vào niên hiệu Hồng Võ thứ nhất ở Tập Khánh, pháp tịch hoang vắng, quận thú Lý Công thỉnh sư trụ trì. Chưa bao lâu Trung Thư Tỉnh có chỉ dụ cho Sư trụ trì các chùa viện nổi tiếng ở năm phủ thuộc vùng Đông Tây_Triết giang tụ tập về Kinh đô, cùng với Bích Thiên Giới lập Thiện Thế viện để thống lãnh Tăng chúng, đồng thời giám sát việc lao dịch. Bậc kỳ lão đại đức các nơi đều chẳng biết phải làm gì, chỉ một mình Sư đề xuất phương cách, phép tắc, tất cả đều có điều chương rõ ràng. Mười vạn Tăng Ni đều học tập theo đó.

Đến tháng sáu, Sư dự biết đã đến giờ ra đi, nên triệu tập đệ tử để phó chúc hậu sự. Đến ngày mười bảy thì Sư ngồi yên thị tịch, thọ bốn mươi sáu tuổi, hai mươi tám hạ lạp, tháp được xây ở phía Nam tháp Biện tài ở Long tỉnh. Đệ tử Sư có các vị: Viên Giác, Nhất Ấn, Thăng Nguyên, Khắc Cần...

Đế chế định áo mũ tế tự cho Thiên tử; định lễ nghi cúng tế Tông miếu bốn mùa; cấm hoạn quan nắm giữ binh quyền và tham dự triều chính.

Vương Y dâng sớ rằng: "Điều cốt yếu trong việc tu đức của đấng nhân quân là lấy sự trung hậu làm tâm, khoan dung độ lượng làm chánh. Cả hai là căn bản cho đạo đức của vua".

Đô thành của nhà Nguyên có khí màu đỏ bốc lên đầy trời, như ánh lửa chiếu vào người, qua hai ngày thì khí màu đen bốc lên tối mịt, trong vòng một trăm bước không nhìn thấy người. Vua Nguyên triệu tập hoàng hậu, các phi, Thái tử và quần thần ở điện Đoan Minh để nghị bàn. Bỗng nhiên có hai con chồn từ trên điện xuất hiện. Vua Nguyên nói: "Đó là điềm trời báo cho Trẫm biết, Trẫm có thể lưu lại đây nữa ư?" Đến nửa đêm, vua và tùy tùng ra cửa Kiến Đức chạy về phía Bắc đến Thượng đô.

Kinh thành có tiếng trống trời vang, vua đại xá thiên hạ, cùng với nhân dân đổi cũ lập mới; nhưng không ân xá tội thập ác. Đế lập quan viên sáu bộ để phân ra xử lý các việc trong thiên hạ, đồng thời ban chiếu cầu hiền.

Thiên Châu Thiền sư húy Duy Tắc, tự Thiên châu, họ Phí, người ở Cô thành; mẹ là Thẩm thị một hôm nằm mộng thấy một vị Tăng lạ mà có thai và sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ ngài Thiện Thọ làm thầy và thọ giới Cụ túc. Kế đó tham yết mười tám vị tôn túc như Phật Nhật Kỳ,

Thiên Nham Trường, Vô Kiến, Vô Dụng... nhưng đều không khế hợp. Cuối cùng Sư đến Khuông Phụ tham kiến Vô Cực Nguyên Công mà hoát nhiên đại ngộ. Tự thệ rằng không quan hệ đến thế tục, nhưng chỉ tùy căn cơ mà dẫn dắt, người ngộ đạo ngày càng nhiều. Vào năm này triều đình có chiếu cho cao tăng các nơi về kinh để thực hành Pháp sự. Bạch Am Kim Công tiến cử Sư trước tiên, nhưng chân bị đau nên Sư cáo bệnh trở về.

Một hôm, trời vừa sáng bỗng nhiên Sư báo với đại chúng rằng: “Ta đi đây!” Thị giả thỉnh Sư nói kệ di chúc, Sư lớn giọng nói: “Những điều nói lúc bình thường chẳng phải ư?” Rồi nhắm mắt thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, hạ lạp năm mươi tám năm. Khi trà-tỳ thì xương đầu, răng và lưỡi chẳng cháy. Hám Thượng Hồ Thu Bích có ghi chép thần thái và hành nghi của Sư. Người Nhật Bản mua đem về để cúng dường.

Sư có để lại Thiên Châu Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Vua tôn Trương Chánh Thường làm Chân nhân, phế bỏ hiệu Thiên sư. Đế nói với quần thần rằng: “Đấng chí tôn là trời rồi, há lại có thầy của trời nữa ư? Nếu lấy đó làm hiệu thì thật là bất kính! Lại đổi Thiên sư ấn thành Chân nhân ấn”.

Tháng giêng năm Kỷ Dậu niên hiệu Hồng Võ thứ hai phong thần Thành Hoàng ở Kinh đô và khắp thiên hạ, đồng thời khiến cúng tế các thần ở năm núi, năm trấn, bốn sông, bốn biển. Đặt định phép tế lễ thần linh, tang phục cho quan và dân.

Đến tháng hai Đế cày Tịch điền, ban chiếu tu chỉnh Nguyên sử, lập bia lăng Hoàng đế, đặt hiệu nhân Tổ Thuần Hoàng Đế lăng.

Vô Tận Thiền sư húy Tổ Trừng, họ Vương, người ở Tứ Minh. Cha là Hiếu Khiêm từng chép kinh Hoa Nghiêm, có xá-lợi năm màu ở đầu bút, Sư còn nhỏ mà đã nói: “Sự linh nghiệm của Bát-nhã đến như thế ư?” Sau Sư xuất gia ở Thiên Ninh tại quận nhà, nương vị Tăng tên Lương Vĩ, lễ trụ trì là Đông Bạch Minh Công làm thầy, kế đó thọ giới Cụ túc nơi ngài Khuê Nguyên Khuê Công, tham học nơi Nhật Khê Băng Công mà phát minh tâm địa. Sư lại tham yết các ngài Trung Phong, Phương Sơn, Vô Kiến, Đẩu Nham và được ấn chứng sở ngộ. Sau Sư đến thắng địa Vân Phong ở Thiên Thai ẩn cư tu tập cho đến cuối đời. Sư cùng với đệ tử luôn khổ hạnh tu trì mùa đông chỉ một áo lông cừu, mùa hạ chỉ một chiếc áo mỏng, ngày một bát cơm, chẳng bao giờ xuống núi. Nhưng người đến cầu hóa độ rất nhiều, do đó rừng gai gốc biến thành bảo phường, cảnh non mây hóa thành Thiền lâm thắng địa.

Sư rất hiếu thảo, phụng dưỡng mẹ là Đổng thị đến cuối đời. Vào

ngày tám tháng hai năm Kỷ Dậu (Hồng Võ thứ hai) Sư thị hiện có chút bệnh, dặn dò đệ tử rằng: "Sắc thân vô thường, nên sớm cầu chứng ngộ. Đến giờ rồi, ta sắp đi đây!" Thị giả xin Sư thuyết kệ. Sư bảo lấy viết rồi ghi rằng:

*Sinh diệt và đến đi*
*Vốn là Như Lai tạng*
*Phá nát năm Tu-di*
*Rỗng rang không nghịch thuận.*

Viết xong Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi bảy hạ lạp, trà-tỳ thâu được vô số xá-lợi. Tháp thờ xây ở bên trái Vân Phong.

Về miếu Công thần thì Từ Đạt là đầu tiên, kế đó là Thường Ngộ Xuân, Lý Văn Trung, Đặng Dũ, Thang Hòa, Mộc Anh, Hồ Đại Hải, Phùng Quốc Dụng, Trương Đức Thắng, Ngô Lương, Ngô Trinh, Táo Lương Thần, Khang Mậu Tài, Ngô Phục Mao Thành, Tôn Hưng Tổ... gồm hai mươi mốt người, nếu ai chết thì tạo tượng thờ ở miếu, nếu còn sống thì để tòa vị trống, tất cả tại Kê Minh sơn.

Lai định các công thần được phụ thờ cúng tại Đại miếu, gồm bảy người đã mất là: Liêu Vĩnh An, Du Thông Hải, Trương Đức Thắng, Tang Thế Kiệt, Đam Tái Thành, Hồ Đại Hải, Triệu Đức. Sau bỏ Vĩnh An và tự thân Đế thêm vào sáu người là Từ, Thường, Lý, Đặng, Thang, Mộc.

Hư Đường Thiền sư húy Vĩnh Ninh, tự Nhất Nguyên, người ở Thông châu, họ Chu, mẹ là Lý thị. Sư vào chùa Quảng Tuệ, có hiện điềm biết Sư là Thiền sư Chuẩn Hải đời Tống tái thế, nên Tăng lục Ti cấp độ điệp cho xuất gia. Đầu tiên Sư đến tham học nơi Thiền sư Vô Dụng ở Thái Hồ, ngài Vô Dụng dùng nhiều phương tiện mài dũa giúp Sư trở thành một bậc pháp khí. Sư ở lại hầu hạ ba năm, một hôm được thầy trao cho câu: "Ngộ long tức trụ, Ngộ trì tiện cư". Đầu tiên Sư trụ ở chùa Thật Tướng tại Đại Động, Quảng Đức, thường cùng với Vô Nhất Toàn Công ở Thạch Khê qua lại, người đời gọi là Nhị Cam Lộ Môn. Sau Sư dời đến Long Trì, ở Nghi Hưng, tên đã phù hợp với huyền ký, nên vui mừng hợp ý, bèn xây dựng vài mươi gian nhà đề tên là: "Vũ Môn Hưng Hóa Am", truyền trao Tam Quy năm giới cho Long thần. Đế Sư ban hiệu là Hoằng Giáo Phổ Tế.

Về sau vua ban chiếu triệu tập một ngàn bảy vị Sa-môn đến Lý sơn thiền tự xem đọc Đại Tạng kinh trong bảy ngày. Sư lại thăng tòa thuyết giảng, trời mưa cam lộ. Sư trụ trì Thiên Ninh Vạn Thọ tự, khiến

ngôi chùa này ngày càng hưng thịnh. Thuận Đế nhà Nguyên ban hiệu chùa là: "Bản Giác Diệu Minh Chân Tịnh Thiền Tự, đồng thời thỉnh trụ Cánh Đức Thiền tự và Đại Hoa Nghiêm tự ở Thiên Đồng, nhưng Sư cáo bệnh chối từ. Sau Sư được chiếu triệu vào kinh, thuyết pháp ở điện Long Quang, vua rất hoan hỷ, ban cho pháp y Kim lan và vòng ngọc và hiệu là Phật Tâm Liễu Ngộ. Đế sư cũng tặng cho y đỏ và mũ lông. Sư phụng chỉ đến Ngũ Đài sơn dâng hương, Đại sĩ Văn-thù hiện năm lần ánh sáng lành. Trấn Nam Vương thỉnh Sư vào cung lễ thọ đại giới, đồng thời phụng cúng bát bạch kim, sai quân hộ vệ tiễn về Long Trì. Sư khuyến mộ hàng vạn thiện tín, lập Vạn Thiện Đồng Quy hội, chôn cất vô số xương cốt của binh lính tử trận. Bấy giờ gặp lúc trời hạn hán nặng Sư theo sự cầu khẩn của dân làng nên lập đàn tụng niệm, trời liền mưa lớn, nhân dân được mùa.

Vào tháng sáu năm Kỷ Dậu này, Sư hiện có chút bệnh, bảo may y vải thô rồi nói rằng: "Ta sắp đi!" Đến ngày mười bảy viết kệ rằng:

*Bảy mươi tám năm xấu vụng*
*Rõ ràng một đời hư hỏng*
*Trâu đất trong biển xoay mình*
*Tháng sáu trời nóng tuyết bay.*

Viết xong Sư nằm nghiêng mà thị tịch. Trà-tỳ có ánh sáng năm màu xuất hiện, răng lưỡi và chuỗi hạt không cháy, khói lan đến đâu đều biến thành xá-lợi. Tháp được xây dựng ở Tử Vân để tôn trí xá-lợi.

Tháng bảy Thường Ngộ Xuân qua đời, thọ bốn mươi tuổi, truy phong "Tam Đại Giai Vương", hai người em được phong tước Công, được thờ cúng ở Thái miếu tại tòa vị thứ hai.

Tháng mười ban lệnh cho các quận huyện trong thiên hạ phải xây trường học. Cao lộ (Cam lộ) rơi trong vườn sau cung Càn Thanh.

Cam lộ ở đây gọi là Cao lộ, màu sắc trong như rượu, đông đặc như mỡ, lại trắng như châu phưởng, vị ngọt trải cùng khắp, tòng bá đều tỏa hương thơm, hơi bay nơi nơi, tụ kết thành từng giọt, xông đến điện Thái Hòa.

Ngày mười ba tháng này, Cam lộ rơi trên cây tòng xanh tốt, Lý Thiện Trường dẫn quần thần đến chúc mừng. Trong niên hiệu Vĩnh Lạc lại rơi trên cây tùng cây bá ở Hiếu lăng, trải qua bốn ngày; ngưng kết thì thành ngọc chỉ (mỡ đông đặc), nóng chảy thì thành mật ngọt, đẹp như hạt châu, kết liền đều đặn như xếp vỏ ốc. Chỉ dùng để dâng cúng tông miếu, ban phát cho trăm quan. Thơm ngon vô cùng không gì sánh được. Gần đây có một loại tên là Tước đường màu trắng đục, vị rất ngọt

nhưng hôi như nhựa cây tùng, nếm thì dẻo dính lưỡi, khi đói mà ăn nó thì bị bệnh, ăn nhiều thì chết, lấy đó để nghiệm xét.

Chương Dật có tài văn võ, làm quan ở nơi nào cũng đều lập được công lao. Bản tính ông hiếu thuận, hay an ủi, dạy dỗ mọi người, tất cả đều lấy lòng chân thành làm gốc. Mỗi khi luận đến việc lớn, thì ông chẳng nể sợ quyền thế, mà phải đạt đến triết trung nơi lý.

Ông làm quan đến chức Ngự sử trung thừa. Cho đến khi qua đời, vua ban chỉ dụ cúng tế ông.

Tháng giêng năm Canh Tuất, niên hiệu Hồng Võ thứ ba, Trung phong ngoại Tổ phụ là Dương Vương, lập miếu ở Kinh đô, tự thân Đế đến tế lễ.

Tháng hai Vương Y dạy ở Đại bản đường.

Hạ chiếu miễn thuế lương thực trong năm này ở mười sáu quận trong ba tỉnh.

Biệt Phong Thiền sư húy Đại Đồng, tự Nhất Vân, họ Vương, người ở Thượng Ngu, mẹ là Trần thị. Lúc mới sinh ra Sư, người cha thấy một vị lão tăng lạ chống tích trượng bước vào nhà, ông bèn chắp tay vái chào và hỏi: “Hòa thượng từ đâu đến đây?” Đáp: “Từ núi Côn lôn đến!” Nói xong vị tăng nhanh nhẹn bước vào phòng, bỗng chốc thì sinh ra Sư. Nhân đó mà biết Sư là người tái lai của vị Hòa thượng kia.

Đầu tiên Sư vào chùa Sùng Thắng thế phát xuất gia, nghiên cứu Tông chỉ Thanh Lương nơi Pháp sư Xuân Cốc. Học thông Tứ Pháp Giới Quán nơi Cổ Hoài Triệu Công; sau tham kiến Hối Cơ Hi Công mà có chỗ vào; lại nương Thiền Sư Trung Phong tu tập, được trao cho trách nhiệm hoằng dương giáo nghĩa Hiền Thủ, và làm kệ tán thán Thanh Lượng Tượng trao cho Sư. Sư vui mừng thưa rằng: “Con nay mới biết vạn pháp vốn chỉ là một pháp, chẳng biết ai là thiền, ai là giáo cả!”

Sư lại được ngài Xuân Cốc phân tòa giảng thuyết kinh Hoa Nghiêm. Trong những năm Diên Hựu Sư trụ ở chùa Tịnh Đô và các chùa Cảnh Đức, Đông Tháp_Bảo Lâm. Nhưng Bảo Lâm là nơi mà Quốc sư Thanh Lương thọ học, nên người đến tham học rất đông. Đầu năm Chí Chánh, Nguyên Đế ban cho Sư hiệu là Phật Tâm Phổ Tế Diệu Biện và ca-sa Kim lan. Gặp năm hạn hán, Sư đốt tý hương cầu mưa, có linh nghiệm. Năm Hồng Võ thứ nhất, Sư trụ ở Chung Sơn, được vua triệu kiến ở Vũ Lâu, ban yến tiệc trong cung cấm, vàng bạc và các vật quý giá; vinh dự trở về. Sư trì luật rất nghiêm, ngoài một bát ra thì không có các vật nào khác. Nhưng lại có hơn năm ngàn quyển kinh sử.

Mùa đông năm Hồng Võ thứ hai, Sư hiện có chút bệnh. Qua ngày

mười tháng ba mùa xuân năm Hồng Võ thứ ba, Sư thuyết pháp, từ biệt đại chúng, rồi trở về phương trượng ngồi yên thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, sáu mươi lăm hạ lạp. Sư có để lại tác phẩm: Thiên Trụ Cảo, Bảo Lâm Loại Biên Lưu hành ở đời.

Bạch Vân Thiền sư húy Trí Độ hiệu Bạch Vân, người ở Lộc Thủy, họ Ngô, mẹ là Diệp thị. Năm mười lăm tuổi Sư lễ ngài Không Trung Giả ở chùa Thiền Trí cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sư chuyên tu Thiền định, ba năm chẳng hề ngủ nghỉ. Sau Sư lập cựu Phúc Lâm viện để an trụ, xem kinh Lăng-nghiêm, Viên Giác. Sư lại tham kiến Linh Nham Chi Công, Đoạn Nhai Nghĩa Công, Vô Kiến Đỗ Công, đạt được sâu xa yếu chỉ Thiền tông. Kế đến Sư yết kiến Vô Phương Phổ Công, Tiểu Ẩn Đại Công, cơ duyên rất khế hợp, Sư lại trở về Phúc Lâm cùng với các ngài Độc Chủng Đàm, Thành Sơn Công sách tấn lẫn nhau tiến tu, sợ rằng lui sụt đạo nghiệp.

Năm Hồng Võ thứ hai vua triệu tập các danh tăng trong thiên hạ về kinh. Sư tham dự xong thì trở về Hổ Bào rồi đến Hoa Đảnh. Tháng hai năm này Sư có chút bệnh nên lại trở về Phúc Lâm. Qua tháng ba, một hôm Sư tắm rửa sạch sẽ, thay y phục, rồi viết kệ rằng:

*Không có thế gian để từ*
*Không có môn đồ để biệt*
*Trong hư không rộng lớn*
*Đâu cần phải đóng cọc.*

Viết xong ném bút mà thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, năm mươi hai hạ lạp, trà-tỳ xá-lợi thâu được năm màu; răng và xâu chuỗi chẳng cháy.

Tháng bốn, Đế phong vương cho các hoàng tử. Phong hoàng tử thứ hai là Thượng làm Tần Vương, hoàng tử thứ ba là Cang làm Tấn Vương, hoàng tử thứ tư là Tiệp làm Yên Vương, hoàng tử thứ năm là Tiêu làm Châu Vương, hoàng tử thứ sáu là Thực làm Sở Vương, hoàng tử thứ bảy là Phù làm Tề Vương, hoàng tử thứ tám là Tể làm Đàm Vương, hoàng tử thứ chín là Kỷ làm Lỗ Vương, hoàng tử thứ mười là Đàn làm Thục Vương. Cháu nội là Thủ Khiêm làm Tỉnh Giang Vương, tất cả đều được trao cho sách bảo.

Định chế độ quan thuộc truyền đời.

Định phương cách thi cử, như vào trường thứ nhất thì mỗi nghĩa kinh một bài, nghĩa Tứ Thư một bài. Trường thứ hai, luận một bài; chiếu, cáo, biểu, tiêu, nội khoa một bài. Vào trường thứ ba, sách một bài. Người trúng thí sau mười ngày phải đến thi năm môn là cưỡi ngựa, bắn cung,

toán số, luật và viết chữ.

Nguy Tố tự Đại Phác người ở Kim Kê, nổi tiếng về văn học. Cuối đời Nguyên, ông làm quan đến chức Học sĩ. Khi Nguyên mất, ông muốn nhảy xuống giếng tự tử, có Tăng Đại Tể đến vớt lên và nói: “Quốc sử mà không có ngài thì chẳng ai biết, ngài chết thì mất cả quốc sử.” Sau ông vẫn làm Học sĩ, nhưng bị đày đến Hòa châu.

Mùa hạ trời nắng hạn đã lâu mà chẳng mưa, Đế đích thân cầu nguyện, Đế mặc áo thô, mang giày cỏ, đi bộ đến Sơn Xuyên đàn, ban ngày phơi mình dưới ánh mặt trời, ban đêm thì nằm trên đất. Hoàng thái tử dâng hiến thức ăn của nhà nông như lúa, mè đậu lên Đế. Trải qua ba ngày như thế thì trời mưa lớn, bốn phương đều nhuần thấm đầy đủ.

Cổ Đình Pháp sư húy Thiện Học, họ Mã, năm mười bảy tuổi đã được độ làm Đại Tăng, theo ngài Bảo Giác Giản học tập tông chỉ Hoa Nghiêm. Giản Công nói: “Học thượng nhân có thể cho rằng danh thật khế hợp!” Từ đó danh đức vang xa, mọi người đều ngưỡng vọng. Các vị Biệt Truyền Giáo, Cổ Điền Tư, Vô Ngôn Tuyên đều dùng thượng lễ để tiếp đãi Sư.

Sau Sư trở về Đông Lâm ẩn cư, chuyên tu tịnh nghiệp, hành trì Hoa Nghiêm Sám Pháp, Tu Tịnh Độ Ngũ Hối... để cầu sinh An dưỡng. Nhưng Đại chúng thỉnh Sư trụ trì chùa Đại Từ ở Dương Sơn, Sư nhận lời đến đây hoằng dương giáo Hiền Thủ, tiếp nối huệ mạng Phật. Lúc trời hạn hán, Sư cầu mưa có ứng nghiệm. Ngày hai mươi tháng bốn năm Canh Tuất, vì thất hẹn thuế của triều đình, nên phải dời đến Trì Dương, rồi thị tịch ở đây, thọ sáu mươi bốn tuổi. Túc nghiệp chẳng thể tránh.

Sở Thạch Thiền sư húy Phạm Kỳ, tự Sở Thạch, họ Chu, người ở Tượng Sơn, Minh châu. Mẹ Sư là Trương thị, một hôm mằn mộng thấy mặt trời rơi vào bụng mình, mà có thai sinh ra Sư. Lúc Sư còn ở tuổi ẵm bồng, có một vị thần tăng đến xoa đầu và nói: “Đây là mặt trời Phật, ngày sau có thể chiếu phá tối tăm”. Nhân đó mà lập tiểu tự là Đàm Diệu. Năm Sư mới bảy tuổi, đọc sách đã hiểu được ý nghĩa, nên được gọi là kỳ đồng. Năm chín tuổi, Sư lễ Nột Ông ở chùa Vĩnh Tộ xuất gia, lễ Sùng Ân Tuần Công thế phát, rồi đến cầu ngài Chiêu Khánh xin thọ giới Cụ túc. Sư trở về nơi ngài Sùng Ân Tuần quản lý Tạng kinh, nhân xem kinh Lăng-nghiêm mà tỉnh ngộ. Sư đến tham yết ngài Nguyên Tẩu Đoan, và hỏi rằng: “Lời nói phát ra chẳng phải trước thanh sắc, thì chẳng phải là vật, ý nghĩa thế nào?”

Ngài Nguyên Tẩu liền dùng lời của Sư để cật vấn lại, nhưng Sư không khế ngộ. Đến khi vua Anh Tông nhà Nguyên ban chiếu viết Đại

Tạng chữ Vàng, thì Sư được tuyển chọn thỉnh về kinh. Một hôm nghe thấy tiếng trống trên lầu thành vang lên, tự nhiên toàn thân Sư tuôn mồ hôi như tắm, và nói: "Lỗ mũi Kính Sơn, từ nay đã có trong tay ta rồi". Viết kệ rằng: "Lìa được mảnh tuyết trong lò hồng, lại gặp băng Hoàng hà tháng sáu". Sư lại trở về tham kiến Nguyên Tẩu Đoan Công. Vừa thấy sư Đoan Công liền nói: "Mật ý của việc Tây lai, chúc mừng ông đã nắm bắt được!" Sư ra khai đường ở Phước Trăn Hải Diêm, kế đó trụ trì Vĩnh Tộ, lập Đại Bảo các, đúc Thánh tượng Thiên Phật, xây tháp bảy tầng cao hai mươi bốn trượng, sắp thành tựu thì tháp bị nghiêng muốn đổ, Sư bèn cầu khẩn, đến đêm trời bỗng mưa to gió lớn, nghe quỷ thần bàn nhau rằng: "Tháp Thiên Ninh bị nghiêng, mau đến cứu giúp!" Đến sáng ra thì thấy tháp thẳng đứng như cũ. Sư lại dời sang chùa Bảo Quốc ở Hàng châu, Bản Giác ở Gia hưng. Sư xây dựng Vạn Phật các thật to lớn và tráng lệ, giống như thiên cung dời xuống trần thế. Đế Sư khen ngợi hành nghiệp của Sư, nên ban cho hiệu là Phật Nhật Phổ Chiếu Tuệ Biện, phù hợp với lời sấm ký của Thần Tăng ngày trước. Không bao lâu, Sư theo lời thỉnh trụ chùa Báo Ân, rồi lui về xây dựng Tây Trai để an dưỡng đến cuối đời.

Vào năm Hồng Võ thứ nhất, Sư đến pháp hội ở Tưởng Sơn, thăng tòa thuyết pháp, sang năm Hồng Võ thứ hai Sư được vua mời thọ trai ở Văn lâu, đích thân vua thăm hỏi, ban cho vàng bạc. Đến năm Hồng Võ thứ ba, vào tháng bảy Sư thị hiện có chút bệnh, tắm rửa xong Sư viết kệ rằng:

*Chân tánh thật viên minh*
*Vốn chẳng sinh chẳng diệt*
*Ban đêm ngựa gỗ hí*
*Tây phương mặt trời mọc.*

Sư lại nói với ngài Mộng Đường rằng: "Ta sắp đi đây!" Ngài Mộng Đường hỏi: "Ngài sắp đi đâu?" Đáp: "Đi Tây phương!" Hỏi: "Tây phương có Phật, Đông phương không có Phật sao?"

Sư hét lên một tiếng lớn rồi an nhiên thị tịch. Hôm ấy nhằm ngày hai mươi sáu tháng bảy năm Canh Tuất, thọ bảy mươi lăm tuổi, sáu mươi ba hạ lạp. Khi trà-tỳ xong thu được nhiều xá-lợi như hạt châu, răng, lưỡi và xâu chuỗi không cháy. Tháp thờ được xây tại chùa Vĩnh Tộ ở Thiên Ninh.

Sư có các tác phẩm lục Hội Ngữ Lục, Tịnh Độ Thi, Thượng Sinh Kệ, Bắc Du Phụng Sơn Tây Trai Tam Tập, Hòa Thiên Thai Tam Thánh Thi, Vĩnh Minh Thọ Đào Tỉnh Tiết Lâm Hòa Tĩnh; Sư là một vị Đệ nhất

đẳng Tông Sư vào thời mới lập triều Minh.

Tháng mười một, Đế phong tước và ban trưởng. Phong tước công gồm sáu vị:

1. Lý Thiện Trường Tuyên Quốc Công được ban hiệu là Khai Quốc Phụ Vận Suy Thành Thủ Chánh Văn Thần, tấn phong Hàn quốc công.

2. Từ Đạt Tín Quốc Công được ban hiệu Khai Quốc Phụ Vận Suy Thành Tuyên Lực Võ Thần tấn phong Ngụy Quốc Công.

3. Phong Thường Ngộ Xuân làm Trịnh Quốc Công.

4. Phong Phùng Thắng làm Tống Quốc Công.

5. Phong Lý Văn Trung làm Tào Quốc Công.

6. Phong Đặng Dũ làm Vệ Quốc Công, phong tước hầu cho hai mươi tám vị (không ghi).

Phong Uông Quảng Dương là Trung Cần Bá, phong Lưu Bá Ôn làm Thành Ý Bá.

Thiết Khoán (Thiết Khế) được làm bằng sắt, hình dáng cong như miếng ngói xưa, bề mặt có khắc cáo văn, bề lưng có khắc số lần được miễn tội, giảm tử. Cao rộng sai biệt có bảy bậc. Mỗi tấm được cắt làm hai ngay giữa, một nửa trao cho công thần, một nửa giữ trong nội phủ. Khi có biến cố cần đến thì lấy ra hợp lại để làm tin.

Đế ban yến tiệc cho công thần xong thì có lời rằng:

Lúc sáng tỏ thì có thể chiếu soi cái chưa thành hình, lúc tối tăm thì lại che mờ cả những cái đã hiển. Sự chưa hình thành thì còn có thể mong cầu, còn họa đã hiện thì thật là vô phương cách.

Phàm người sống trong giàu sang, chẳng thể buông lung lòng dục, buông lung lòng dục thì xa hoa; chẳng thể để tình phóng đãng, tình phóng đãng thì đa dâm. Dâm đến thì sự lo buồn, nguy hại liền theo. Nay ta sợ các khanh lâu ngày quên sót nên mới khuyên răn nhắc nhở!

Kiệt Phong Thiền sư húy Thế Ngu, hiệu Kiệt Phong, người Tây An, họ Dư; mẹ là Mao Thị, một hôm mộng thấy Đức Quan Âm tiễn Đồng tử Thanh Y mà có thai sinh ra Sư. Từ nhỏ Sư đã thích lễ bái tháp Phật, lớn lên cầu ngài Hiển Giáo Cô Nhan thế phát xuất gia, trích máu viết kinh Kim Cang. Kế đến Sư tham yết ngài Cổ Nhai Thuần, Thạnh Môn Cang được nghe chỗ cốt yếu của việc sử dụng khí lực, Sư bèn ngồi im như cây khô. Sau tham yết Bố Nạp Ủng, Đoạn Nhai, Trung Phong, rồi đến Thiền Sư Chỉ Nham Thành ở Đại Từ sơn ra sức tham cứu mà đại ngộ, bèn làm kệ rằng:

*Nửa đêm bỗng nhiên quên nguyệt chỉ*

*Hư không xuất hiện mặt trời hồng.*

Ngài Chỉ Nham Liễu Ẩn Khả, Sư ở lại hầu hạ ba năm. Sau đó về Trùng Hưng Phước Tuệ cổ sát ở Tây An. Đế Sư nghe tiếng ban cho hiệu Phật Trí Hoằng Biện. Sư lại đến trụ trì Hưng Long thiền tự ở Thạch Khê, người được Sư giáo hóa rất đông. Sư làm trụ trì đời thứ nhất ở các chùa Liễu Ứng, Cổ Vọng, Long Nhãn, Bảo Cái, Phổ Nhuận. Vào tháng mười hai mùa đông năm Hồng Võ thứ ba, Sư tham dự Thủy lục đại trai hội do Quận thú Hoàng tổ chức, Phật sự vừa xong thì Sư bị bệnh, bèn nhóm chúng khuyên nên tinh tấn tu đạo, Sư lại viết kệ:

*Sinh vốn chẳng sinh*
*Diệt vốn chẳng diệt*
*Buông tay liền đi*
*Trăng sáng bầu trời.*

Viết xong Sư ném bút mà thị tịch, thọ bảy mươi tuổi, năm mươi hạ lạp, tháp được xây ở Từ Vân viện tại Ô Thạch.

Sư có để lại Ngữ Lục lưu hành ở đời. Đệ tử đắc pháp có mười lăm vị.

Tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Hồng Võ thứ tư Lý Thiện xin về hưu, Lưu Bá Ôn cáo lão về quê.

Vua ban cho hoàng Thái tử Ngọc Đồ Thư gọi là Đại Bản Đường Ký và Trung Quan Đồ Thư gọi là Hậu Tải Chi Ký.

Giới Am Thiền sư húy Phụ Lương, tự Dụng Trinh, người ở huyện Ngô, họ Phạm là cháu mười đời của Văn Chánh Công, cha tên là Bá Hòa, mẹ là Trịnh thị. Thuở nhỏ Sư đã có tướng xuất trần. Đến năm mười lăm tuổi Sư lễ ngài Thọ Di ở viện Nghinh Phước xuất gia, thọ giới Cụ túc. Sư cảm khái nói rằng: “Học Phật là để minh tâm, nếu không có thầy thì tâm làm sao mà minh, suốt ngày ngồi nhìn vách mà được ư?” Sư bèn đến Bắc Thiền Trạch Công tu tập Thiên Thai giáo quán, nhờ Sĩ Chiêm Tiêu Công sách tấn, nên Sư đến ngài Tiểu Ẩn Tố tham cứu yếu chỉ Thiền. Kế đó Sư cùng với Thạch Thất Anh thi triển cơ phong đối đáp qua lại.

Sư khai đường giảng pháp tại chùa Tư Thánh ở Gia Hưng, và xây dựng điện đường. Kế đến Sư dời đến Thiên Chương rồi qua chùa Trung Thiên Trúc, người đến tham học ngày càng đông. Cuối cùng Sư trùng tu Linh Ẩn cổ sát để làm nơi ẩn tu đến cuối đời.

Ngày mười sáu tháng giêng năm này Sư thị tịch, thọ năm mươi lăm tuổi, hạ lạp bốn mươi. Trà-tỳ thu được một thăng xá-lợi, răng vẫn còn cứng và trắng sạch, lưỡi vẫn hồng nhuận không cháy.

Chín chương tấu nhạc do Lãnh Khiêm tạo: Một là Bản Đại Sơ, hai là Nghinh Đại Minh, ba là Dân Sơ Sinh, bốn Phẩm Vật Hưởng, năm là Ngự Lục Long, sáu là Thái Giai Bình, bảy là Quân Đức Thành, tám là Thánh Đức Thành, chín là Nhạc Thanh Ninh.

Vua nói rằng: "Lễ là dùng để dẫn đến sự tôn kính, nhạc là để nêu lên sự khoan hòa, chẳng kính chẳng hòa thì lấy gì làm đối trị?"

Lãnh Khiêm tự là Khải Kính, người Hàng châu, thông âm luật, giỏi đàn, trống, khắc chạm và hội họa. Cuối đời Nguyên vì giặc Hoàng Cân nên ông lên đảnh Ngô sơn ẩn cư, tiêu dao hưởng thú yên hà ngoài trần tục. Đến khi Minh triều vừa lập, ông được triệu làm Thái Thường Hiệp Luật Lang. Những nhạc khúc tế lễ miếu mạo, đền đài đều do ông chế định. Ông cũng thường gặp dị nhân trao cho thuật thần tiên, nên ông có thể ẩn mình trong chiếc bình kêu thì lên tiếng, đập vỡ bình ra thì mỗi mảnh vỡ cũng đều lên tiếng.

Tháng tám, Đế gởi thơ hỏi Lưu Cơ về thiên tượng, Lưu Cơ theo từng điều mà trả lời. Ông cho rằng sau khi sương tuyết sẽ có ánh nắng xuân. Nay uy thế của quốc gia đã lập, thì cũng nên dùng sự khoan dung mà có một ít cứu giúp. Đế trao thư này cho Sử quán. Hoặc có người cho rằng vận sát trong ba mươi chín năm cũng chưa trừ hết. Lưu Cơ nói rằng: "Dẫu như nước ta nay quét trừ tất cả phong tục xấu xa, thì hai, ba năm sau dùng chánh sách khoan hòa cũng có thể khôi phục". (Dẹp vận sát cực yên thì khó, mai sau mới dứt trừ).

Giác Nguyên Thiền sư húy Tuệ Đàm, tự Giác Nguyên, người Thiên Thai, họ Dương; mẹ là Cổ thị, một hôm mộng thấy nuốt hạt châu minh nguyệt mà có thai sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ ngài Đại Quân chùa Pháp Quả cầu xuất gia, đến năm mười sáu tuổi thọ giới Cụ túc; học luật từ ngài Chiêu Khánh Quả, Cao Ly giáo; học Chỉ Quán nơi ngài Thượng Trúc Trừng. Bấy giờ, ngài Tiếu Ẩn Tố dạy Thiền ở chùa Trung Thiên Trúc, Sư bèn đến thiết tha cầu đạo. Ngài Tiếu Ẩn nói: "Từ bên ngoài đem về thì chẳng phải là của báu trong nhà. Đạo ở tại tự kỷ, đâu thể cầu tìm nơi người?" Sư bèn trở về chuyên tu thiền định, lắng tâm tĩnh tọa trong thời gian lâu. Một hôm ngài Tiếu Ẩn nêu công án Dã Hồ của Bá Trượng, Sư hoát nhiên đại ngộ, liền nói rằng: "Phật pháp rơi vào tay ta rồi, chỉ vì quá phân minh, ngược lại làm cho chậm chứng đắc!" Ngài Tiếu Ẩn nói: "Ông thấy đạo lý gì, mà dám lớn lối như thế?" Sư liền giang hai tay ra và nói: "Không có giá trị bằng nửa văn tiền!" Tiếu Ẩn hứa khả. Sư theo Tiếu Ẩn từ chùa Long Tường, đến diện kiến vua Văn Tông nhà Nguyên ở Khuê Chương, thần thái của Sư vẫn điềm nhiên.

Ngài Tiếu Ẩn bèn khen rằng: "Thật đúng là sư tử con trong nhà ta!"

Sau Sư khai pháp ở Tổ Sơn đường trên Ngưu Đầu sơn, sửa sang điện các ngày một mới; lại dời đến trụ Quảng Tuệ Thiền tự ở Thanh Lương, cũng trùng hưng như Ngưu Đầu hoang phế. Đế Sư khen ngợi và ban cho Sư hiệu là Tịnh Giác Diệu Biện. Khi Thái Tổ bình định Kiến Nghiệp, Sư đến yết kiến ở Viên môn, vừa thấy, Đế liền khen rằng: "Đây là vị Tăng phước đức!" Bèn ban chiếu cho Sư trụ Thái Bình Hưng Quốc tự ở Tưởng Sơn. Năm sau lại ban chiếu cho Sư trụ chùa Đại Thiên Giới. Mỗi khi tổ chức pháp hội, Sư đều thăng tòa diễn thuyết, mấy lần vua đến ban ân trạch, tự tay vua đề: "Thiên hạ đệ nhất thiền lâm", treo ở Tam quan.

Năm Hồng Võ thứ nhất lập Thiện Thế viện, phong cho Sư hàm nhị phẩm, hiệu là Diễn Phạm Thiện Thế Lợi Quốc Tùng Giáo Đại Thiền Sư, trụ trì chùa Thiên Giới, thống lãnh các việc trong Thích môn toàn quốc, đồng thời ban cáo mệnh phải đắp tử y. Có người đề nghị rằng nếu có Tăng sĩ nào hành phi pháp thì nên nghiêm trị. Sư bèn nói: "Ngạn ngữ có câu: Trong khu rừng lớn ắt có những cây vô dụng có thể chặt bỏ hết ư? Chỉ càng làm xấu thêm Thích môn mà thôi! Việc đã lộ bày chớ nên tha thứ mới được!"

Năm Hồng Võ thứ ba, Sư phụng chiếu đi xứ Tây Vực, đến tháng chín năm Hồng Võ thứ tư, Sư có bệnh, nói với mọi người rằng: "Ta chẳng thể về phục mệnh được!" rồi thị tịch, thọ sáu mươi tám tuổi, năm mươi ba hạ lạp. Quốc vương nước này dùng kim quan gỗ hương tẩm liệm và củi hương để trà-tỳ. Linh cốt chôn cất bên cạnh tháp Bích-chi-phật ở nước này; pháp hữu là Tông Lặc thỉnh pháp y của Sư về thờ ở Vũ Hoa đài, trên Tụ Bảo sơn tại Nam kinh.

Cổ Am Thiền sư húy Hiển Thị, họ Lư; mẹ là Kim thị, một hôm mộng thấy Quan Âm Đại Sĩ hiện trong vầng mây năm sắc mà sinh ra Sư. Năm hai mươi mốt tuổi, Sư lễ ngài Nhất Sơn Nguyên cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư tham yết Chỉ Kiến Phật Hải ở Thiên Nhai, chuyên học Thiên Thai giáo quán, đồng thời học thông văn nghĩa của Đại Tiểu thừa; có ai hỏi thì luận biện như nước chảy. Sau Sư thân cận các vị Hổ Nham Di, Hiền Tẩu Tư, nên đạo lực ngày càng tăng tiến. Sư khai pháp ở Long Thọ Giáo tự, phát huy phép tắc xưa; rồi sang trùng hưng Hiển Nghiêm Giáo tự đã hoang phế, dẫn dắt người học các nơi, dốc sức truyền trao những điều đã tích lũy từ xưa. Sau Sư ẩn cư nơi núi rừng chuyên tu Tây phương tịnh nghiệp, suốt ngày niệm Phật, từng hiển hiện nhiều việc linh nghiệm. Sư thị tịch vào năm Tân Hợi niên hiệu

Hồng Võ thứ tư.

Năm Nhâm Tý niên hiệu Hồng Võ thứ năm, vì chưa được ấn truyền quốc của nhiều đời, nên vua sai các tướng tìm kiếm.

Tháng ba cấp độ điệp cho Tăng và Đạo sĩ. Cứu giúp những người già, trẻ, nam, nữ, cô bần khốn khổ. Ban chiếu cho các quan cử hành lễ ẩm tửu ở các làng xóm. Mùa xuân Đế đến chùa Tướng Sơn, ban chiếu lập Quảng Tiến Pháp Hội, thỉnh các Sa-môn danh đức bốn phương về hiệu đính Tạng Kinh.

Vua đề tên cho khúc nhạc. Đế lệnh cho Tòng Lặc soạn nhạc khúc hiến Phật. Tông lặc soạn xong trình lên Đế đề tên. Đế đề: Một là khúc Thiện Thế, hai là khúc Chiêu Tín, ba là Khúc Diên Từ, bốn là Khúc Pháp Hỷ, năm là Khúc Thiền Duyệt, sáu là Khúc Biến Ứng, bảy là Khúc Diệu Tế, tám là Khúc Thiện Thành.

Đế lại bảo Thái Thường hòa hiệp với tiết tấu của ca múa mà sử dụng. Đây là một định chế nổi tiếng.

Quảng Tiến Pháp Hội:

Bấy giờ đất nước chẳng ưu lo, hợp hòa khương thái, văn võ an vui gió mưa thời thuận. Đế đoan tọa im lặng tư duy đạo màu, lắng tâm tưởng niệm: Vào cuối đời Nguyên binh lửa khởi, thiên hạ tranh hùng, các loài chúng sinh chẳng được chánh mệnh mà chung thân, phát động đến cả vạn ức, khiến linh khí u uất khắp nơi, đầy cả trên dưới, dù tế lễ cũng chẳng thể tan, cô khổ không nơi nương gá; những lúc trời đêm mưa lạnh giá, như nghe những tiếng sầu than thảm thiết, lòng Đế thật đau thương như có bệnh nơi mình. Nay cho rằng trừ dẹp được những u uất khiến cho tất cả được siêu thăng, chỉ có giáo của đấng Đại Hùng mới có thể làm được!

Tống Văn Hiến Công có làm ký và thờ hỗ trợ đầy đủ pháp duyên; Thiền sư Bồ Am đến, lại soạn một Thiên Chung Sơn cảo, ghi chép đầy đủ trước sau và các việc lành linh dị trong pháp hội.

Đế lệnh cho Tăng Đạo Lục Ty lập ra Châu Tri Sách, phân phát cho các chùa và đạo quán trong thiên hạ. Phàm gặp Tăng Ni, Đạo sĩ ở bất cứ nơi đâu, thì liền cho gạn hỏi đối chiếu với sách này về cha mẹ, quê quán, ngày tháng xuất gia được độ... nếu trả lời chẳng hợp với sách thì biết là nguy Tăng.

Cô Phong Thiền sư húy là Minh Đức, người Xương Quốc họ Chu; mẹ là Hoàng thị nằm mộng thấy vị Tăng là Giới Công nâng ngôi sao, bèn có thai và sinh ra Sư. Lúc còn nhỏ Sư đã thích ngồi kiết già, năm mười hai tuổi lễ Tích Công ở Hoàng sơn xin làm đệ tử, lại đến núi Ngũ

Đài thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư tham yết ngài Trúc Tây Thản, nghe nêu câu chuyện Thế Tôn niêm hoa mà tỉnh ngộ. Kế đó Sư tham yết ngài Hối Cơ Hy, Minh Cực Tuấn, mà tâm không còn chướng ngại. Sau Sư gặp Trúc Điền Lâm Công, được ngài Trúc Điền nêu công án "Trâu đất vào biển" mà hoát nhiên đại ngộ, các mối nghi tức thời tan biến. Sư cùng với ngài Trọng Phương Luân kết am nơi đảo Đào Hoa, hằng ngày sách tấn nhau xem đọc kinh Hoa Nghiêm.

Sư khai pháp ở chùa Đông Thiền, rồi đến chùa Bảo Ninh ở Tập Khánh, dẫn dắt người học, khôi phục lại những cái đã hư hại. Đế Sư ban cho Sư hiệu Viên Minh Định Tuệ và pháp y Kim lan. Các quan thời ấy không ai chẳng muốn kết giao với Sư. Ba lần Sư đến đạo tràng ở Hồ châu, lần lượt kiến tạo cho đến hoàn thành. Sư lại đến chùa Tịnh Từ ở Hàng châu, vâng chiếu vào triều cảm tạ ân tứ, rồi trở về am Trúc Lâm ở Đạo tràng.

Một hôm Sư khuyên dạy đệ tử rằng: "Thân ta tuy nhỏ bé nhưng có tánh nhất chân đồng Như Lai. Tướng thế gian khởi diệt không khác gì đập đá, nháy lửa, ánh chớp. Các ông phải ngày đêm siêng năng tu hành, không được sinh tâm lui sụt". Sư lại viết kệ rồi thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, sáu mươi hai hạ lạp. Linh cốt an táng ở Đông cương. Sư có để lại Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Bích Phong Thiền sư húy Bảo Ngọc, người Vĩnh Thọ, họ Thạch, cha là Xứng Trưởng giả; mẹ là Trương thị chuyên làm việc thiện không mỏi mệt, một hôm vị Tăng khất thực trao cho bà một tượng Quán Âm và dặn dò rằng: "Nếu chí thành thờ phụng thì sẽ sinh một đứa con trai trí tuệ!" Không bao lâu sinh ra Sư. Khi sinh thì ánh sáng chiếu sáng ngôi nhà. Năm lên sáu tuổi Sư vào làm đệ tử Pháp sư Vân Tịch cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sư lại theo học khắp các đạo tràng, thông suốt các học thuyết tánh, tướng, giảng thuyết rất trôi chảy. Một hôm Sư tham yết ngài Như Hải Chân, được chỉ bày yếu chỉ của đạo, thì Sư khởi đại nghi tình, tận lực tham cứu ba năm quên ăn bỏ ngủ mới dẹp được trần lao, lại ba năm tọa thiền mới đạt được Đại định lực. Một hôm nghe âm thanh chặt cây, Sư liền nói: "Việc trước khi sinh, ngày hôm nay ta mới biết được chỗ chân thật". Sư vội đến Chân Công cầu ấn chứng. Chân Công tận lực cật vấn, đến cả việc vẽ ba mươi tướng tròn để chỉ bày, Sư đều đối đáp đầy đủ. Chân Công nói: "Nay ông mới biết được Phật pháp rộng lớn và thù thắng như thế!"

Sư lại đến núi Ngũ Đài để kiểm chứng đời trước của mình, gặp ngài Văn-thù ứng hiện, Sư bèn lập am Linh Thứu để an trụ, người đến

cúng dường lúa gạo rất nhiều. Vua Thuận Đế nhà Nguyên hạ chiếu thỉnh Sư về Yên kinh ban cho Tăng-già-lê Kim lan. Năm sau lại triệu kiến ở Nghinh Xuân các, lập đàn cầu mưa có ứng nghiệm, vua ban tặng vàng bạc, vải lụa, Sư nhận lấy đem cứu giúp người đói khát. Vua đặc biệt ban cho Sư hiệu là Tịch Chiếu Viên Minh, thỉnh trụ trì Hải Ấn thiền tự, nhưng Sư xin được trở về núi.

Niên hiệu Hồng Võ thứ ba, Thái tổ triệu Sư đến Nam kinh diện kiến ở điện Phụng Thiên, lưu Sư lại chùa Đại Thiên Giới, rồi triệu vào cung hỏi về Phật pháp và tình cảnh của quỷ thần, Sư tâu trình rất hợp ý vua. Năm Hồng Võ thứ tư vua thiết trai tăng tại chùa Sùng Hy. Ngày rằm tháng giêng năm Hồng Võ thứ năm, vua hành lễ hiến Phật, thỉnh Sư thí Ma già hộc thực, để cứu giúp chốn u minh. Vua ân sủng ban tặng một tứ thơ mười hai vận trong đó có những lời: "Huyền quan tận ngộ, dĩ thành Chánh giác".

Ngày mồng bốn tháng sáu năm ấy, Sư tắm rửa xong rồi ngồi yên thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi, năm mươi chín hạ lạp, trà-tỳ thâu được xá-lợi năm màu, răng lưỡi, xâu chuỗi không cháy.

Sư là một bậc cao Tăng có phong thái kỳ vĩ, đoan nghiêm đầy đủ phước tuệ, đến đâu cũng đều giáo hóa, chính là một vị Phật sống xuất hiện vậy.

Dụng Chuyết Thiền sư húy là Tổ Nhĩ, tự là Nhật Chương, họ Trương, người Thường Thục. Sau khi cạo tóc xuất gia, Sư đến Tây Minh. Bấy giờ ngài Ngã Am Vô Trụ tại Diên Khánh, Thạch Thất Anh trụ tại Dục Vương, đều đối xử với Sư như bạn vong niên. Sau kế thừa dòng pháp của Pháp sư Trúc Ốc Tịnh. Sư khai pháp ở Vĩnh Định Giáo tự, rồi đến Quảng Hiếu ở Côn lôn, Tịnh Tín ở Gia Định. Sư làm chủ về giáo ở vùng Ngô hạ suốt năm mươi năm.

Niên hiệu Hồng Võ thứ nhất, Sư được chọn là một trong những vị Tăng có đức hạnh cao trọng, vâng chỉ về kinh đến chùa Đại Thiên Giới thuyết pháp. Vua mấy lần mời Sư vào cung luận đáp, đều hợp ý, nên ban hiệu là Từ Nhẫn Pháp Sư. Sau Sư xin về quê và thị tịch.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Hồng Võ thứ sáu, cấp độ điệp cho Tăng Ni trong khắp thiên hạ. Triều trước phần nhiều tính số lượng Tăng mà bán độ điệp, gọi là miễn đinh tiền, Đế hạ chiếu trừ bỏ, ấn tứ về triều để giám sát, khiến ngăn việc uống rượu ăn thịt, lại dùng chỉ dụ để khuyên tu tiến đức. Đế rộng thi hành nhân đức trong việc trị chánh.

Thành Kim lăng hoàn thành, Đế cùng với Lưu Cơ đồng đến xem. Đế nói: "Thành cao như thế, chẳng ai có thể nhảy qua được!" Lưu Cơ

nói: Chỉ có chim én (Yến, Yên) mới bay vào được! Sau Yên Vương vào Kim lăng, thật hợp với lời sấm này.

Để tìm cầu người hiền tài trong thiên hạ, Đế hiểu dụ rằng:

"Trên đời có hiền tài là báu vật của quốc gia. Các bậc thánh quân từ xưa đã từng miệt mài cầu hiền. Bởi vì không đủ hiền tài, không thể trọn vẹn trị quốc. Hồng hộc bay xa là nhờ vào đôi cánh, giao long vẫy vùng bởi do vẩy và vây, còn đấng nhân quân trị nước hay là nhờ có hiền tài phụ tá."

"Nay các ẩn sĩ chốn sơn lâm, há chẳng có văn nghệ đức hạnh đủ nổi tiếng ư? Các quan nên lễ mời họ về Kinh, sử dụng họ để mưu cầu việc trị quốc!"

Đế trình bày đạo trị quốc cho Quế Ngạn Lương nghe. Ngạn Lương tâu rằng:

"Đạo tại nơi chánh tâm". Lại nói: "Dùng Đức thì nhàn, dùng pháp thì nhọc. Dùng pháp để an dân, thì dân nhọc mà chẳng an; dùng đức để an dân thì dân an nơi đức!"

Đế khen rằng: "Khanh là thầy của Đế Vương!" Đế ban chiếu cựu Đế Sư của triều Nguyên là Nẫm Ca. Ba Tạng Bốc làm Xí Thạnh Phật Bảo Quốc Sư. Từ đó các vị tăng Tây Tạng có người được phong là Quán Đảnh Quốc Sư cho đến tước Tán Thiện Vương, Xiển Hóa Vương, Chánh Giác Đại Thừa Pháp Vương, Như Lai Đại Bảo Pháp Vương và đều được ban cho ấn tín cáo mệnh, lãnh đạo nhân dân nước của mình, hai năm triều cống một lần.

Tháng năm Tổ Thuận Lục soạn xong, Đế bảo lễ quan xem xét những Đế vương các đời, ai có công trong việc dưỡng dân thì lập miếu tôn thờ.

Đế bảo nên dùng những ngôn ngữ thông tục để chú thích kinh sách, khiến cho mọi người đều thông hiểu được ý chỉ của Thánh hiền. Chú thích hoàn thành dâng lên, vua đặt tên là Quần Kinh Loại Yếu.

Vô Mộng Thiền Sư húy là Linh Khí, tự Vô Mộng, hiệu là Tây Am, người Từ Khê, họ Vương; mẹ là Châu thị. Thuở nhỏ Sư theo Nho học, bỗng nhiên tâm xuất trần bộc phát, Sư bèn lễ ngài Tử Văn Lương thế phát xuất gia, rồi đến Chiêu khánh thọ giới Cụ túc, Sư học tập thông tất cả các giáo Tánh, Tướng. Sau nương ngài Nguyên Tẩu Đoan tham học pháp thiền mà tâm tánh rỗng rang vô ngại. Năm Diên Hựu thứ nhất Sư phụng chiếu lập hội Thủy lục ở Kim sơn. Trong khoảng niên hiệu Chí Nguyên Sư Khai pháp ở chùa Bảo Khánh tại Khánh Nguyên, rồi dời đến Khai Thọ, ba lần đến trụ Quốc Thanh. Đế Sư ban tử y và hiệu. Dù

cho gió biển thổi mạnh am tranh phủ khắp, Sư vẫn an nhiên chẳng lay động. Sư khuyên dạy đồ chúng rằng: “Nếu nghiên cứu không Tông, nên bỏ hình hài, quên ăn ngủ để tiêu trừ tập khí nhiều kiếp, sau đó tâm địa mới sáng tỏ”.

Niên hiệu Hồng Võ thứ hai, Đế ban chiếu triệu tập những vị tăng đạo cao đức trọng, trong đó có Sư, vua ban chiếu thỉnh Sư tạm trụ tại chùa Thiên Giới, sau khi đã cùng vua tâu đáp xong, vì tuổi cao, Sư được Đế thương xót cho phép trở về núi. Tháng hai năm ấy Sư bảo đệ tử rằng: Ba cõi là không hoa, như gió cuốn, khói mây, sáu trần là huyễn ảnh như nước nóng làm tan tuyết. Từ cổ chí kim chỉ một tánh độc tồn. Ta sắp thị tịch, hãy nghe ta nói kệ đây:

*Ta có một vật*
*Không đầu không mặt*
*Muốn được rõ ràng*
*Niết bàn sẽ thấy.*

Nói xong nhắm mắt thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi. Tháp thờ xây ở núi Thanh Lương, Thiên Thai.

Thời bấy giờ rất tôn sùng Phật Lão, nên đồ chúng ngày càng đông, Đế ban lệnh cho quận huyện chọn lựa những vị có đầy đủ giới hạnh nhận lãnh Pháp sự.

Nghịch Xuyên Pháp sư húy Trí Thuận, họ Trần, người Thụy An, cha mẹ của Sư chuyên tu tịnh nghiệp đến lúc lâm chung hoa sen hiện nơi cửa.

Mẹ Sư là Lâu thị thờ phụng tượng Đại sư Trí Giả để cầu tự, một hôm mộng thấy vị tăng trên đầu có hào quang đang lướt ngược dòng trên sông, vẫy gọi Lâu thị rằng: “Ta sẽ là con của bà!” Mới sinh Sư đã có đầy đủ khí chất tốt đẹp. Năm bảy tuổi thì xuất gia học kinh Pháp Hoa, ba tháng thì đọc tụng thông thuộc, kế thừa dòng pháp ngài Giác Nguyên Xán ở viện Vô Tướng. Kế đó Sư nương ngài Hoành Vân Nhạc học tập yếu chỉ Tam Quán Thập Thừa, nhận chức Cương Duy nơi hội của ngài Độc Hải Thanh; khi tham yết ngài Thiết Quan Xu nhận lãnh tâm yếu, thì chân học tích tập từ lâu nay diệu cơ bộc phát. Sư lại tham yết ngài Thiên Nham Trường rồi trở về nơi ngài Thiết Quan cầu ấn chứng. Ngài Thiết Quan cật vấn luận biện xong, mới trao lời phó chúc. Đầu tiên Sư trụ trì chùa Báo Ân, kế đến qua thác Hà Sơn, khai sơn chùa Quy Nguyên. Triều đình ban cho tấm biển đề tên viện, ban cho Sư hiệu là Phật Tánh Viên Biện và Tăng-già-lê Kim lan. Tháp Tịnh Quang ở Ôn thành hư hoại, Sư tận lực trùng tu. Chùa Đông thiền hoang phế Sư

lại đến tu sửa hoàn thành. Tất cả những việc Sư lo liệu đều thành tựu. Mọi người đều nói rằng: "Ví như thầy của ta mà làm Tổng binh thì chẳng có cái lo bại Bắc!"

Thiên Phật viện, Vạn Phật Các đều do Sư sắp đặt, thật quy mô, rực rỡ. Niên hiệu Hồng Võ thứ nhất Sư được mời tham dự pháp hội ở Chung Sơn. Sau đó Sư trụ trì chùa Tịnh Từ. Khi triều đình triệu những trụ trì ở ngôi chùa nổi tiếng về kinh để ham hỏi, Sư bèn đến Nam kinh, trải qua bốn tháng, một hôm Sư viết kệ để lại rồi thị tịch. Bấy giờ là ngày hai mươi tháng tám. Trà-tỳ thâu được rất nhiều xá-lợi; linh cốt an táng lại Tụ bảo sơn. Sư để lại Ngữ Lục và Thiện Tài kệ lưu hành ở đời.

Đại Thiên Thiền sư húy Tuệ Chiếu, họ Ma, người Vĩnh Gia, mẹ là Hoàng thị. Cha mẹ quý Sư như châu ngọc. Năm mười lăm tuổi Sư lễ Lãng Công cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đầu tiên tham yết ngài Hối Cơ Hi, Đông Tự Hải, Thạch Lâm cũng để nghiên cứu sự lý nhân tình và giáo thừa. Sau tham kiến Tuyên Công tại chùa Tịnh Từ ở Hàng châu. Sư khai pháp ở Minh Khánh, dạy đồ chúng rằng: "Muốn được Phật pháp hiện tiền thì chẳng nên giữ tri giải. Một vật cũng chẳng chấp, tự tại đi đứng!" Người nghe đều hoan hỷ. Sư dời sang chùa Bảo đà ở Tứ Minh, luôn dùng đức dày để tiếp độ người học, mọi người đều phục sự giáo hóa của Sư. Sư thường dùng Tam quan để kiểm nghiệm người học. Sau Sư lập một ngôi thất, đặt tên là Mộng Am, tự lấy hiệu là Mộng Thế Tẩu. Sư đóng thất tịnh tu, bụi bám đầy chiếu chẳng quan tâm. Ngày mồng một tháng mười năm này, Sư nhóm đệ tử lại bảo rằng: "Ta sắp đi Tây phương!" rồi an nhiên thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, hạ lạp bảy mươi. Trà-tỳ có xá-lợi năm màu, răng, lưỡi và xâu chuỗi chẳng cháy; linh cốt an táng sau Mộng am. Sư có để lại Ngữ Lục ở đời.

Năm Giáp Dần, niên hiệu Hồng Võ thứ bảy, Tống Liêm tu chỉnh hoàn thành lịch Đại Minh gồm một trăm quyển. Lại chọn những ngôn hạnh to lớn làm Hoàng Minh Bảo Huấn năm quyển.

***Đế nói với Tống Liêm rằng:*** "Trẫm làm vua, trên thì sợ đất trời, dưới thì sợ muôn dân, lo lắng canh cánh trong lòng, chẳng dám an nhàn!"

***Tống Liêm tâu:*** "Tấm lòng này của Bệ hạ cũng chính là tấm lòng của các bậc Đế vương xưa, thận trọng trước sau như một, thiên hạ thật may mắn vậy!"

***Thái Tổ hạ chiếu rằng:*** "Trước kia, nhân thiên hạ đại loạn mà người chết không thể tính kể, người sống thì nếm đủ gian nan cay đắng trải qua nhiều năm. Trẫm từ áo vải khởi binh đánh dẹp quần hùng, yên

định được loạn lạc, cải niên hiệu là Hồng Võ, đến nay đã bảy năm. Nhưng với tài sơ đức mỏng, ngày đêm lo nghĩ Thượng đế trách phạt. Suy nghĩ kỹ càng chỉ có những kẻ bị khổ đau sau binh loạn Trẫm chưa an ủi vỗ cứu giúp. Đó là những quân sĩ vì Trẫm mà khai mở cương thổ, anh dũng quên thân, chết nơi chiến trường, thân xác không đem về được cố hương, hồn phách không nơi nương gá; cha mẹ già nua, vợ lại cô bần, con còn nhỏ dại. Bỗng chốc buông bỏ lìa xa đến nay chẳng thể sinh tồn, đó là lỗi của Trẫm vậy. Lại nhân dân nhiều năm tránh nạn, cha ở phương Nam, con tại đất Bắc, cho đến hôm nay cũng chưa thể sum họp, phụng dưỡng; có như thế cũng là lỗi của Trẫm. Nói đến đây thật đáng xót thương.

Nay ban chiếu cho các quan trong thiên hạ, mỗi mỗi ghi chép đầy đủ tên tuổi, để Trẫm sẽ lo việc vỗ về phụng dưỡng, chớ để sai sót."

Nhật Bản Thiền sư húy Ấn Nguyên, tự Cổ Nguyên, họ Đằng người Tướng châu. Khi sinh Sư có hiện điềm linh dị. Thuở nhỏ Sư đã có chí hướng đặc biệt, tám tuổi đã quy y ngài Đào Quang Ngộ, mười ba tuổi thế phát xuất gia rồi thọ giới Cụ túc. Sau đó Sư phấn khởi về Nam, đầu tiên tham vấn ngài Vô Kiến Đỗ, Trung Phong Bản, Sư ở lại đây hầu hạ. Một hôm Sư trình kiến giải của mình, ngài Trung Phong trách rằng: "Căn trần chẳng đoạn như trói buộc, sao lại hư vọng nơi trần lao? Tất cả chẳng phải là việc cứu cánh". Do đó Sư dốc sức tham cứu, trải qua thời gian lâu Sư có tỉnh ngộ, cảnh vật trước mắt hiện trắng xóa đến cùng tận, Sư lại nhập thất ấn chứng kiến giải siêu việc này, ngài Trung Phong dặn dò nên tự giữ gìn. Bấy giờ ngài Hư Cốc Linh, Cổ Lâm Mậu, Đông Tự Hải, Nguyệt Giang Ấn, Sư đều có đến tham yết, gọi Sư là Sư tử trong tòng lâm.

Sau Sư cùng với ngài Tình Chuyết Trừng sang Nhật Bản kiến lập pháp tràng giáo hóa khắp nơi, công lao rất lớn. Đầu tiên Sư khai pháp ở chùa Tuệ Lâm, nhận hương kế thừa dòng pháp ngài Trung Phong, kế đến trụ trì Đẳng Trì Giáo tự, Chân Như, Vạn Thọ, Tịnh Trí, Phổ Ứng, viện Trường Thọ, Viên Giác, Kiến Tường. Về già Sư lui về ẩn cư ở chùa Trường Thọ. Tháng giêng năm này Sư thị hiện có bệnh, đến ngày hai mươi ba, Sư gọi đệ tử lại dặn dò rằng: "Các ông cần phải vâng giữ những điều ta dạy hằng ngày, làm cho pháp luân thường chuyển mới được. Sư viết hai chữ "Tâm ấn"thật lớn để đặt trên tháp. Sư thọ tám mươi tuổi, sáu mươi hạ lạp.

Nguyên Chứng tự là Đại Do, họ Lý, người Cô Tô, mẹ là Đào Thị, cầu khẩn Quan Âm Đại Sĩ mà sinh Sư. Thuở nhỏ Sư đã dĩnh ngộ

lạ thường, học Phật ở chùa Đốn Giác, sau đó xuất gia thọ giới Cụ túc, từng cùng với ngài Pháp Tú du học khắp nơi, kết bạn rất nhiều. Sư từng tham yết Tịnh Giác Pháp sư ở Nam kinh. Ngài Tịnh Giác nói: "Tài của ông rất sắc bén, nên để tâm đến văn học, kỳ vọng rằng mai sau ông lập tông phò giáo!" Từ đó Sư nghiên cứu học tập tất cả sách vở cổ kim. Văn chương Sư soạn ra lời lẽ thật nghiêm trang mà có khí chất lạ thường. Sư khai pháp ở chùa Vĩnh Tây rồi dời đến Đạo tràng ở Ngô Hưng. Sau lui về ẩn cư trong núi Võ Khương. Sư soạn Quán Huyễn Tử Nội Ngoại Thiên để dung hợp chỗ ảo diệu của Nho Thích về một mối, hơn hẳn người xưa. Tài hoa của Sư chẳng thể che giấu. Sư lại đến chùa Đại Thiên Giới gặp Thái Tổ; Thái Tổ hỏi về vị tăng tài này nơi Tống Liêm, Tống Liêm tâu trình rõ. Đế lại xem tác phẩm của Sư và khen rằng: "Luận nghị thật cao vời, đúng là vàng ròng trong đống sắt". Vua liền triệu kiến ở điện Cẩn Thân, thăm hỏi chí thiết, rồi sai lại bộ viết chiếu phong cho Sư chức hàn lâm.

Tháng hai năm này Sư bị bệnh mà thị tịch, thọ ba mươi bảy tuổi. Đế hỏi về các Nho sĩ học rộng nơi Tống Liêm, Tống Liêm tâu rằng: "Ở Cối kê có Quách Truyền tuy gởi thân chốn không môn mà thật là bậc kỳ tài trong thiên hạ đời nay".

Đế gật đầu. Tống Liêm dâng lên Đế các bài văn của Quách Truyền. Vua xem xong liền triệu kiến, giữ lại trong cung hằng ngày gần gũi để tiện việc tham hỏi. Ông chỉ có một lòng thanh bạch, phàm có việc gì nên lấy bỏ, ông đều trình bày, không ẩn dấu. Đầu tiên Đế phong ông làm Hàn lâm Ứng Cử rồi thăng khởi Cư Chú đến Khảo Công Thừa.

***Lưu Cơ soạn Cam Lộ Tụng để xưng tán:***

Tháng mười niên hiệu Hồng Võ thứ tư, Cam Lộ rơi ở Chung sơn thấm nhuần cây cỏ, trắng trong như mỡ đông kết. Tháng mười một niên hiệu Hồng Võ thứ năm lại rơi tiếp; mùa xuân và tháng mười một năm này vẫn rơi như lúc đầu. Như thế thì biết đức của vua rất lớn, nên điềm lành ứng hiện.

Tây Bạch Pháp sư húy Lực Kim, họ Dao, người ở quận Ngô. Mẹ Sư là Châu thị một hôm mộng thấy một vị lão Tăng bước vào cửa nhà mà có thai sinh ra Sư, lúc vừa sinh thì mùi hương lạ xông đầy phòng; dung mạo Sư tuấn tú, mặt tròn sáng và trắng như viên ngọc đã mài dũa khéo léo, ai thấy cũng yêu thích. Đến năm bảy tuổi thì thông minh đĩnh ngộ lạ thường, phàm sách gì hễ một lần đọc qua thì liền nhớ. Khi thấy tượng Phật thì lễ bái. Sư xin phép cha mẹ được xuất gia; Sư liền đến

lễ ngài Đạo Nguyên Diễn cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, đồng thời nghiên cứu yếu chỉ Tam Quán Thập Thừa. Khi ngài Đạo Nguyên trụ trì chùa Đức Tạng ở Tú châu, Sư đi theo và nhận chức Cương Duy. Kế đó Sư tham yết ngài Cổ Đỉnh Minh ở Kính sơn, vừa tiếp cơ thì khế ngộ. Khoảng niên hiệu Chí Chánh, Sư ra khai pháp ở chùa Thụy Quang tại Tô châu, trùng tu chùa Thiên Ninh ở Gia hưng. Đế Sư nghe Sư là bậc hiền đức liền ban cho hiệu là Viên Thông Phổ Tế.

Sư đã xây dựng am Cô Vân để phụng dưỡng mẹ già, bắt chước theo ý của ngài Mục Châu Trần Tôn Túc đời Đường. Năm Hồng Võ thứ nhất, có chỉ dụ mời Sư trụ trì chùa Đại Thiên Giới. Sư về kinh yết kiến Thái Tổ ngoài triều. Đế chúc mừng, ân sủng ban cho Ngự soạn (cơm chay vua ban), đồng thời triệu vào cung cấm, tâu đáp thật hợp ý chỉ. Sư làu thông nội ngoại kinh điển, luận đàm với các quan, lời lẽ thao thao như nhả ngọc, vì thế ai cũng thích giao du.

Mùa xuân niên hiệu Hồng Võ thứ tư, vua hạ chiếu lập Quảng Tiến Pháp Hội, Sư được mời chủ trì chung Pháp sự này. Đến mùa đông niên hiệu Hồng Võ thứ năm, lại tổ chức hội này; Đế thân hành đến dự, thỉnh Sư giảng thuyết Đệ Nhất Nghĩa Đế, hàng Công, Hầu, Khánh tướng và mọi người đều kính phục.

Ngày hai mươi bốn tháng mười hai năm này, Sư hiện có chút bệnh mà thị tịch.

Tháng giêng năm Ất Mão, niên hiệu Hồng Võ thứ tám, Thái Tổ bảo Trung Thư Tĩnh hạ chiếu cho các quận huyện trong thiên hạ, tìm hỏi những cùng dân, nếu ai nghèo khổ thì cấp cho áo quần lương thực, ai không nơi nương gá thì cấp cho nhà cửa. Đế ban chỉ dụ rằng:

Thiên hạ đã một nhà, nhân dân là một thể. Nếu những ai chẳng đạt được những điều cần yếu, thì nên nghĩ đến mà thương yêu cấp dưỡng cho họ. Khi xưa ta còn là một người dân thường, tận mắt thấy được nỗi khổ ấy. Những kẻ góa vợ, góa chồng, cô độc, đói khát, bần hàn, khốn khổ thường hay chán sống, hận sao chẳng được chết ngay. Những kẻ như thế lẩn quẩn nơi bờ ao, hốc núi, ngồi đó mà chờ đợi. Vào thời loạn ly, ta gặp những cảnh này, lòng ta càng thêm trắc ẩn. Cho nên thân thống lãnh quân binh, thề định yên bốn biển, để cùng với ta yên ổn một nhà.

Đến nay ta thay trời chăn dắt muôn dân đã hơn mười năm rồi, như nhân dân trong thiên hạ, còn những người phân ly, không nhà cửa, thì không chỉ mất đi chí nguyện khi xưa của Trẫm, mà công lao thay trời cũng chẳng thể trọn vẹn! Các khanh là phụ tướng của Trẫm phải nên

thuận theo bản hoài của Trẫm, chẳng nên để cho một người dân nào không đạt được.

Tháng ba Đế sai người soạn Quốc Tử sinh, phân ra giáo hóa phương Bắc. Đế dụ rằng: Trị nước giỏi là do sửa đổi làm cho phong tục tốt, phong tục tốt đẹp là do nơi giáo hóa; giáo hóa mà thi hành thì có thể khiến người bình thường thành quân tử; giáo hóa mà phế bỏ thì khiến cho bậc trung lưu rơi làm kẻ tiểu nhân.

***Chiếu ghi rằng:*** "Nông nghiệp là gốc của y thực, trường học là nguồn của đạo lý. Trẫm thường đặt quan coi sóc ban cấp điều chương, khiến phải đôn đốc việc dạy dỗ. Mong sao cho nhân dân cơm no áo ấm, đạo lý xương minh vậy..."

Tháng tư, Thành Ý Bá là Lưu Công qua đời, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Trước khi qua đời, ông đã trao sách về Thiên văn cho con là Liễn dâng trình lên Thái Tổ và dặn dò rằng: "Chớ nên để cho người sau học theo!" Đế thường gọi ông là lão Tiên sinh và cho là Tử Phòng của mình. Đến tháng chín, vua ban chiếu xây dựng cung điện trong đại nội, ông nói với quần thần rằng: Vào thời Đường Ngu cung thất quá đơn sơ, đến đời sau thì quá xa hoa tráng lệ, quen chuộng hoa mỹ mà bỏ mất nếp cổ xưa. Trẫm nay xây dựng cốt chỉ muốn bền chắc, không thích tráng lệ, phàm điêu khắc tô vẽ tinh xảo công phu, nhất thiết không nên. Chỉ cần đơn giản kiên cố có thể lưu truyền vạn thế, khiến cho con cháu của ta đời sau lấy đó làm phép tắc. Đến như làm đài, tạ, vườn cảnh để du ngoạn vui chơi hưởng lạc mà nhọc sức dân, hao tiền của, thì nhất quyết Trẫm chẳng làm. Nay sắc lệnh cho quan chủ quản biết được ý Trẫm".

***Luận Cam Lộ:*** "Tháng mười một Cam lộ rơi trên cây tùng xanh ở Viên Khâu, giọt đọng treo trên dưới đều có, giống như hạt minh châu. Hứng lấy mà dùng thì vị ngọt như đường. Các Nho thần đều dâng thi ca, tán tụng ân đức của Đế. Đế nói rằng: Chỗ thường tình của con người là thích điều lành ghét điều xấu. Nhưng đạo trời sâu kín huyền diệu khôn lường. Nếu ỷ vào điềm lành mà không tự răn, thì điềm lành chưa hẳn đã tốt. Thấy điềm xấu mà hay tự răn bảo thì điềm xấu chưa hẳn là hung. Bởi vì nghe đến tai họa mà sợ thì hoặc là được phước lộc; thấy điềm lành mà vui, thì hoặc là dẫn đến việc xấu. Vì sao? Vì phàm phu khi tâm lo sợ thì tự răn mình, còn tâm vui thú thì hoang đãng, tâm dễ buông lung. Đức của Trẫm chẳng bằng ai, chỉ mong luôn luôn tỉnh xét tu sửa, chứ đâu giám lấy điềm này để đặt vào mình?" Nhân đây mà soạn Cam Lộ Luận để chỉ thị cho quần thần.

Đức Ẩn Thiền sư húy là Phổ Nhân, tự là Đức Ẩn, họ Triệu, người

ở Lan Khê, mẹ là Dương thị. Lúc còn nhỏ Sư đã có chí xuất trần. Năm lên mười tuổi Sư lễ ngài Thu Đàm Nguyệt cầu xuất gia, học tập các kinh điển Nho và Thích. Sư có năng lực lãnh hội nghĩa thú của cả hai nhà. Năm lên mười bốn tuổi được cạo tóc và sau đó thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi tuổi Sư đến tham yết ngài Liễu Nhiên Nghĩa, cơ phong bén nhạy, rồi đến Đạo tràng ở Hồ châu tham kiến Đông Dương Huy, đến Vũ Lâm Song Kính tham kiến Nam Sở Thuyết, Vân Ngoại Tụ; Sư cùng với các ngài không ngừng luận biện đến chỗ u vi. Kế đó lại cùng với ngài Giác Ẩn Giới, Tiếu Ẩn Tố thân mật luận đàm, ngôn ngữ không bao giờ dứt. Sau Sư ra khai pháp ở Tịnh Độ thiền tự tại Kim Hoa.

Năm Hồng Võ triều Đại Minh, Đế ban chiếu cho Sư trụ ở Nam Hoa, Chiếu châu, Trung Thiên Trúc ở Hàng châu, nhưng Sư từ chối chẳng đi. Sau Sư trụ chùa Tịnh Từ, khai đường thuyết pháp. Sư luôn trùng hưng những cái đã bị hư hoại, dựng lập lại những nơi đã phế bỏ, nhưng rốt cuộc bị người vu cáo. Một hôm Sư có chút bệnh mà thị tịch, nhằm ngày mồng tám tháng tám, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp năm mươi.

***Sư có tác phẩm:*** Sơn Cư Thi, Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Mộng Song Thiền sư húy là Trí Nhu, người ở Thế châu, Nhật Bản, mẹ Sư cầu Đại sĩ Phổ Môn, đêm mộng thấy nuốt luồng ánh sáng màu vàng ròng mà có thai sinh ra Sư. Lúc sinh có ánh sáng lành chiếu khắp phòng. Năm chín tuổi Sư xuất gia, mười tám tuổi lễ Luật sư Từ Quán thọ giới Cụ túc, tu học hai giáo hiển mật. Một hôm Sư mộng thấy đi dạo các danh sơn ở Trung Quốc, được một vị lão Tăng trao cho tượng Tổ Đạt-ma. Khi thức dậy Sư cảm thán rằng: "Làm rỗng suốt bản tâm ta chỉ có thiền quán ư?" Do đó Sư đến tham yết ngài Vô Ẩn Phạm, Nhất Sơn Ninh, ngài Nhất Sơn nói: "Tông ta không có ngôn ngữ, cũng không có một pháp để trao cho người, xưa nay rỗng rang thanh tịnh, từ bi phương tiện cũng không có!" Từ đó Sư ra sức tham cứu đến nỗi mắt chẳng nháy. Sư lại đến tham yết Cao Phong Nhật, ngay một lời liền có tỉnh, một chiều kia Sư hoát nhiên đại ngộ, làm kệ có câu: "An nhàn đập nát cả hư không". Ngài Cao Phong liền ấn khả và phó chúc rằng: "Mật ý của việc Tây lai, nay ông cũng đã được, nên khéo tự giữ gìn".

Sau Sư vào núi Ngũ Đài lập am Hấp Giang, am Bạc Thuyền, am Thoái Canh, có ý muốn ở trọn đời nơi hoang dã, nhưng bất đắc dĩ phải tùy thế mà an trụ các danh sát như Nam Thiền, Thiệu Ứng, Tịnh Trí, Viên Giác, Thụy Tuyền, Tuệ Lâm, Thụy Quang, Lâm Xuyên, Đâu-suất, Tây Phương, Tư Thánh, Phổ Đà, Thiên Long; Sư được vua ban các

hiệu Chánh Giác, Tâm Tông, Phổ Tế. Sắc của vua có câu: “Đạo sáng cả ba triều, danh vang khắp bốn biển, chư giảng tòa long tượng, tái xoay chuyển pháp luân, nắm giữ quyền Phật tổ, bao phen dẹp ma binh, hiển vinh cho đất nước...”

Vào ngày ba mươi tháng chín năm này Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi, hạ lạp sáu mươi. Lúc thị tịch có một luồng bạch khí xuyên qua thất của Sư, ngưng đọng cả ngày mới tan. Khi trà-tỳ móng, tóc đều thành xá-lợi.

Hưu Am Pháp sư húy Khả Chỉ, tự Vô Chỉ, hiệu Hưu Am, họ Lý, người Lâm Hải. Sư xuất gia năm mười hai tuổi, mười chín tuổi được độ làm Tăng. Đầu tiên Sư tham yết ngài Phổ Giác Minh, Bạch Nham Chân, được mời ở bậc thượng tòa, giúp đỡ việc giáo hóa. Trong niên hiệu Chí Nguyên, Sư ra khai pháp ở viện An Thánh, kế thừa Phổ Giác rồi chuyển đến Long Ân, lại bổ về Bạch Nham chốn cũ. Lại được tuyển chọn trụ trì chùa Long Hoa. Sư trùng hưng những nơi hoang phế. Vì thế sơn môn thay đổi cảnh quan. Bốn lần ngồi đạo tràng, người học các nơi đều kính trọng và nương học. Sư lập Hưu Am, hằng ngày tu niệm Phật Tam-muội. Sư nói rằng: Đây là công phu thiền định, há có thể phân đồng dị ư?”

Niên hiệu Hồng Võ thứ sáu, đại chúng ở chùa Trung Thiên Trúc thỉnh Sư, nhưng toàn chúng ở Tịnh Từ đón đường nghinh Sư về trụ trì. Ngày mười một tháng tám năm này Sư nói với môn đồ rằng: “Ta sắp đi đây!” Đại chúng xin Sư viết kệ để lại, Sư nói: “Tông Ta vốn không có ngôn thuyết!” rồi chắp tay niệm Phật mà thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi. Trà-tỳ thâu được rất nhiều xá-lợi, trong sáng như vàng bạc thủy tinh, đồng thời răng và xâu chuỗi không cháy, tất cả đều được nhập vào Long tháp.

Trúc Am Pháp sư húy là Hoại Vi, tự Thanh Viễn, hiệu Trúc Am, họ Ngụy, người Nam Xương, là cháu gọi ngài Quảng Trí Toàn Ngộ bằng cậu, cũng là người nối pháp ngài Toàn Ngộ. Khi sinh ra Sư bỗng nhiên có linh chi mọc bên cây hòe trước sân, thầy tướng đoán rằng đó là điềm lành linh khí ngưng kết.

Ngài Toàn Ngộ dẫn về làm đệ tử nuôi dạy thành tài và vui mừng nói rằng: “Đây là thiên lý câu trong tông ta!” Những quan thần danh sĩ thời ấy cùng nhau đến giao du và hâm mộ Sư. Họ đều nói: “Thật là văn như rồng mà nghĩa như hổ”. Sau Sư ra khai pháp ở chùa Bảo Tướng, Cối Kê, chùa Báo Quốc ở Hàng châu, chùa Đạo Tràng ở Hồ châu, luôn vì pháp cứu người, không hề mỏi mệt.

Năm Hồng Võ thứ nhất, bốn chúng thỉnh Sư trụ trì chùa Tịnh Từ. Đến khi lập pháp hội Vô già ở Chung sơn, Sư cũng vâng chiếu đến tham dự. Sau Sư lui về ẩn cư ở Lương Chữ, là nơi chôn móng và tóc của ngài Toàn Ngộ. Ngày mười sáu tháng mười hai năm này, Sư im lặng mà thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi, hạ lạp bốn mươi, xá-lợi an táng một bên tháp móng và răng.

***Sư có để lại:*** Ngữ Lục, Thi Văn Ngoại Tập lưu hành ở đời. Những bản chữ thảo và lệ do Sư viết rất tinh xảo và đẹp, ngài Cổ Phán nói: "Đây đều là nơi để gửi trí Bát-nhã!"

Quảng Tuệ Thiền sư húy là Trí Cập, tự Dĩ Trung, hiệu Quảng Tuệ, họ Cố, người ở huyện Ngô, mẹ là Châu thị. Đầu tiên Sư vào viện Hải Vân thế phát xuất gia rồi thọ giới Cụ túc, Sư nghe giảng kinh Hoa Nghiêm, thấu triệt được yếu nghĩa. Kế đến Sư tham kiến ngài Quảng Trí Tố ở chùa Long Tường, được ngài Long Tường khen ngợi, lại cùng với Bào Tụ Thượng Nhân khuyến phát tham cứu, không bao lâu thì có tỉnh.

Sư lại đến Song Kính tham yết ngài Tịch Chiếu Đoan, hầu hạ thân cận để tiện thưa hỏi, sau đó Sư được chuyển quản thủ Tạng Kinh, ngày đêm nghiên cứu giáo lý.

Sư ra khai đường, thăng tòa thuyết pháp, làm hưng long tổ giáo, tất cả mọi người đều kính phục. Sau Sư trụ ở chùa Tịnh Từ, Hàng châu, lại bổ về Tịch Chiếu ở Song Kính chốn xưa. Niên hiệu Hồng Võ thứ sáu, Đế ban chiếu cho mười trụ trì các ngôi chùa nổi tiếng có phép tắc trong thiên hạ về chùa Thiên Giới ở Kinh đô, Sư là Thủ Tòa trong số đó. Nhưng vì thân bệnh nên được phép trở về.

Tháng chín năm này, Sư viết kệ để lại rồi an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi tám tuổi.

Tháng sáu năm Bính Thìn, niên hiệu Hồng Võ thứ chín, vua phong Tống Liêm làm học sĩ thừa chỉ. Chỉ dụ rằng: "Trẫm từ áo vải mà làm Thiên tử, khanh cũng đã từ thảo dân mà nay liệt vào hàng đầu của văn thần khai quốc, khiến cho đời đời thần và quốc gia đồng lợi lạc."

Bấy giờ Khâm Thiên Giám tâu rằng có năm ngôi sao chuyển dịch rối loạn, mặt trời mặt trăng đối nhau. Vua hạ chiếu cầu hiền, có một người tên là Ngô Ấn làm Tăng ở chùa Chung sơn, có tài văn học, Đế đích thân tuyển chọn, ban chiếu bảo để tóc làm quan, trực tiếp trao cho chức vụ quan trọng, lại vô cùng sủng ái, lời nói của Ngô Ấn được nhiều người tin theo.

Tháng mười, sửa đổi lại Thái Miếu, theo quy cách "Đồng đường

dị thất" (một ngôi nhà mà phân chia nhiều phòng khác nhau). Lúc mới lập quốc thì có bốn miếu cho Tôn thân: Đức Tổ Huyền hoàng đế ở giữa, Ý Tổ là đệ nhất ở phía Đông, Hi Tổ là đệ nhất ở phía Tây, Nhân Tổ là đệ nhị ở phía Đông. Nay định đặt như sau: Trước là chánh điện, sau là chín gian tẩm điện, mỗi gian là một phòng dùng để phụng thờ thần vương các miếu. Đến kỳ cúng tế thì đặt áo, mũ của đế vương, hoàng hậu các triều lên tòa thần mà lễ tế.

Lại Mục Thiền sư tên là Trạm Giác, tự là Mộng Am, họ Trương, người Trường An. Sư lễ ngài Nguyệt Không cầu xuất gia, sau tham kiến ngài Tánh Không mà đắc pháp. Sư kết am tranh ở bên trái Vũ Hoa để tu tập.

Sư có soạn Tòng Sào Nội Ngoại Tập lưu hành ở đời.

Năm Đinh Tỵ, niên hiệu Hồng Võ thứ mười, Đế ban chiếu cho các Sa-môn trong thiên hạ giảng ba bộ kinh là Tâm Kinh, Kim Cang và Lăng-già; lại mời ngài Tông Lặc, Như Phi... chú thích ba bộ kinh nàyrồi ban hành trong thiên hạ.

Đế luận về tên tự Phi Thái Phác của trụ trì chùa Diễn Phật.

***Đế luận rằng:*** "Tăng thì hầu hết bỏ tục, chỉ lấy tự làm tên, vì sao vậy? Vì pháp ấy khác với giáo của bậc nhân chủ. Gần đây có vị Tăng dùng ba chữ Phi Thái Phác làm tên; Phi là một loại ngọc tinh khiết nhất trong loại ngọc, Thái tức là lớn vô thượng, Phác tức là thật mà chẳng hư dối, lẫn lộn mà chưa phân biệt. Dùng ba chữ trên, thật ý nghĩa như vậy sao? Nếu thế thì bậc trí nhân thể hội được. Nhưng vì sao lại chẳng thể? Vì nay làm Tăng mà dùng ba chữ này thì đạo lý quá sâu xa, người có căn cơ cạn mỏng thì chẳng thể đạt đến nghĩa thú. Nếu gặp người thợ khéo, ắt phải nhờ họ gọt dũa thì mới thấy được hình dáng của nó. Khi xưa Đức Như Lai vì thái hư còn nguyên vẹn, đại địa chưa phân khai, cho nên hỏi rằng nơi chưa phân khai ấy ai đã gọt dũa khiến cho thanh tịnh, hiển bày vô lượng hình tượng nơi đất trời, mà thất diệu vận hành trong đó; trải non biển nơi càn khôn mà một trăm sông đều dồn về? Đó là do quá thuần phác mà đạt đến chỗ cực diệu, nếu lý thật như thế, thì đều do khí chất biến hóa vậy. Ta nghe nói hỗn độn an tĩnh đã lâu, hôm nay Tăng xả việc tục mà nhận lấy sự thuần phác chân thật ắt hẳn là sự tự nhiên của Thích giáo ư?"

Tháng hai, quan học sĩ thừa chỉ Tống Liêm về quê ở Kim hoa quy ẩn; Văn Hiến Công là một nhà Nho lớn của triều Minh lúc mới lập quốc; tương truyền ông là hậu thân của ngài Vĩnh Minh. Ông không chỉ vì quốc gia phô diễn văn chương, mà còn ghi chép truyện ký của các đại

Thiền sư đã kể trên nữa.

Ngày ba tháng ba, Lễ bộ Thượng thư Trương Đẳng ở Phụng Thiên môn tấu chuẩn, phụng thánh chỉ đã phê, nay sắp xếp cho Lễ bộ thông báo đến tất cả Tăng, Đạo trên hai miền Nam Bắc, không luận là bậc Đầu-đà, hay người thiện có đạo, chỉ cần có quy y Tam bảo, thọ năm giới, mười giới thì phải ăn chay, không uống rượu, học tập kinh điển để minh tâm kiến tánh. Tăng, tục, người thiện phải ăn chay giữ giới, độ điệp phải tùy thân để tiện chấp chiếu.

Không luận là ở núi rừng, thành ấp, làng xóm... bất kỳ nơi đâu cần phải lập đàn làm tòa cao gom nhóm Tăng tục, ban ngày thì giảng kinh thuyết pháp giáo hóa một vùng, ban đêm tĩnh tu tâm trí. Tất cả phải tuân phụng theo đây!

***Đế nói với quan hầu cận rằng:*** "Triều trước toàn là hôn quân, ám chúa, ai cũng đều lấy lý do an nhàn vô sự mà buông lung, hoang dâm, chẳng lo chính sự. Ai biết trị thiên hạ thì không an nhàn mà sau mới được an nhàn. Trẫm lên ngôi đã nhiều năm, thường tự khuyên nhắc nên siêng năng, đợi sáng liền lâm triều, sau bữa ăn mới về cung. Ban đêm thì ngủ chẳng an giấc, thường dậy mặc áo ra xem Thiên tượng, thấy một ngôi sao rơi thì lo âu, hoặc toan tính việc dân, điều gì nên cần làm gấp thì lấy bút ghi chép thứ tự, đợi đến sáng sẽ sai phái hành sự. Chẳng phải Trẫm không muốn an nhàn, nhưng chỉ sợ mệnh trời, nên chẳng dám mà thôi. Trẫm nói đến điều này, vì e rằng quần thần cho rằng Thiên hạ vô sự, mà muốn an nhàn lạc thú; quần thần đã biếng nhác, Nguyên thủ lại hoang loạn, thì nhân dân nương cậy vào đâu? Kinh Thư có câu: "Công cao chỉ do nơi chí, nghiệp lớn chỉ do siêng năng". Các quan nên lấy lời này mà tự răn, thì Trẫm không có gì phải lo âu!"

***Bảo sáo*** (Tiền giấy): Lúc đầu Đế sai làm bảo sáo (tiền giấy) không thành, một đêm mộng thấy một vị thần bảo rằng: "Nếu chẳng dùng tim gan của Sĩ tử thì chẳng được!" Đế lo buồn nói với Mã thái hậu, thái hậu nói: "Điều này thật dễ dàng! Hãy dùng bài văn của Quốc học để đạt tiền giấy, ắt sẽ thành tựu!" Đế hỏi vì sao? Mã Hậu nói: "Các Sĩ tử dốc hết tâm can để làm bài văn, há chẳng phải như thế ư?"

Đế nghe theo, thì bạc giấy liền thành tựu.

***Chánh Vận Hồng Võ:*** Đế cho rằng âm vận xưa khởi nguyên ở Giang tả, phần nhiều lạc mất chánh âm, bèn sai Học sĩ Nhạc Thiều dùng nhã âm của Trung nguyên để hiệu chính lại, viết thành sách ban hành trong thiên hạ.

Tháng mười một Hoàng Tôn Duẩn Văn ra đời, nhưng đầu hơi lệch

về một bên. Thái Tổ an ủi rằng: “Bán Biên Nguyệt Nhi tự biết nó chẳng được trọn vẹn!” Đến khi hơi lớn thì đọc sách rất thông tuệ, từng Vịnh Tân Nguyệt Thi rằng:

*Ai cầm ngọc trong tay*
*Rạch phá bầu trời xanh*
*Ảnh rơi xuống sông hồ*
*Giao long chẳng dám nuốt.*

Thái Tổ chẳng vui, cho đó chẳng phải là điềm lành.

Tháng giêng năm Mậu Ngọ, niên hiệu Hồng Võ mười một, cấp nha bài (thẻ ngà) cho tất cả các quan tham dự triều chánh, mọi người đều đeo bên mình để ra vào cung, đề phòng gian tế.

Lễ bộ lang trung Viên Tử Văn kiến nghị cho độ Tăng, Đế chấp thuận.

Phác Ẩn Thiền sư húy Nguyên Tĩnh, tự Thiên Cảnh, hiệu Phác Ẩn, họ Nghê, người Cối Kê, mẹ là Nghiêm thị. Đầu tiên Sư lễ ngài Hoằng Giáo Lập cầu xuất gia sau đó lễ Luật sư Chiêu Khánh Nhu thọ giới Cụ túc. Sư đến Tập Khánh học yếu nghĩa Thập Thừa chỉ quán và tánh cụ tam thiên nơi ngài Thiên Ngạn Tế; tham yết Thiền Sư Nguyên Tẩu Đoan ở Kính Sơn, thấu được đạo đơn truyền trực chỉ. Đoan Công khen là “Người trong Bát-nhã”. Thời gian lâu sau Sư đến chùa Đại Long Tường nương học ngài Quảng Trí Tố, làu thông học thuyết Thích và Nho. Đầu tiên Sư ra trụ chùa Trường Khánh, dời đến Vạn Thọ thiền tự.

Năm Hồng Võ thứ nhất, Đế triệu Sư cùng với ngài Đông Minh Nhật, Bích Phong Kim vào triều hỏi đạo, và ban cho trai soạn mà trở về. Sư lại trụ trì chùa Linh Ẩn. Sau đó bị người vu cáo nên bị đày đi xa. Vào ngày mười chín tháng giêng năm Mậu Ngọ Sư thị tịch.

Phù Tông Thiền sư húy Tông Dụ, tự Ước Chi, họ Trần, người ở Tỳ Lăng; mẹ Sư một hôm mộng thấy một lão Tăng đến gõ cửa, có điềm muốn nương gá mà có thai sinh ra Sư. Lúc còn nhỏ, mỗi lần thấy Thánh tượng, Sư đều lễ bái. Đầu tiên Sư thờ ngài Đông Lâm Hiểu làm thầy, sau tham yết ngài Kính Sơn Đoan tham cứu việc lớn. Đoan Công khen rằng: “Thật có khí độ long tượng!” Sư lại tham kiến các ngài Đoan Nhai Nghĩa... rồi theo ngài Quảng Trí đến chùa Long tường hầu hạ hơn mười năm, được ngài Quảng Trí vô cùng khen ngợi. Đầu tiên Sư ra trụ tại Quang Hiếu thiền tự, kế thừa ngài Quảng Trí, được Đế Sư ban cho hiệu trên, sau Sư chuyển đến Sùng Thắng thiền tự. Năm Hồng Võ thứ chín, Sư trụ trì chùa Dục Vương Quảng Lợi thiền tự. Sư là một trong mười vị

Đại tăng được tuyển chọn tham dự Quảng Tiến Pháp Hội ở Chung sơn. Sư làm kệ trình lên Đế xem, Đế rất vui, mời Sư viết tấm biển Thiên Giới Tự, được dự trai tiệc trước Đế. Đế khen rằng: “Thật là một bậc Thiện tri thức!”

Những điềm lành của Sư lúc sinh tiền rất nhiều, đúng là một bậc cổ đức tái lai, không kịp ghi chép hết. Sư thị tịch vào năm Mậu Ngọ niên hiệu Hồng Võ mười một, tháp thờ xây ở chân ngọn Thạch Nhĩ, thọ bảy mươi lăm tuổi, có bộ Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Tháng bốn Đế sai tạo Hoàng đường tại khu lăng tẩm, tự soạn Hoàng Lăng Bi Ký để chỉ bày cho đời sau. Lúc Đế còn hàn vi, có một người cùng làng là Lưu kế Tổ đã giúp cho một mảnh đất tốt để an táng cha, mẹ. Cho nên hôm nay ở Hoàng lăng, truy phong là Nghĩa Tuệ Hầu, Đế tự soạn cáo văn, sai quan tế tự.

Ngày hai mươi bốn tháng năm, ban sắc cho Phi Thái Phác làm Tả Giảng Kinh. Vua soạn cáo văn rằng: “Trong kinh thì rõ tướng nhân ngã, ngoài giáo thì quên thừa Đại, Tiểu; nếu chẳng phải là bậc Sa-môn ở Cổ Sát thì cũng là hàng Đức sĩ ở Đông Lâm, tài học cao hơn pháp lữ, danh vang chấn động một thời.

Tăng Phi Thái Phác dưỡng tánh thành tựu, nên giảng kinh không mỏi mệt; nghiêm trì thân giới, nên hành sự cẩn trọng. Do đó phong làm Tăng quan để giúp ích cho pháp luật của triều đình, thường giáo hóa Thích tử, chẳng lười mỏi giảng kinh; còn phải dùng sự giác ngộ của Phật để giác ngộ người, dùng sự nghiệp của thầy để thành tựu sự nghiệp cho mình; khiến cho hàng Tăng ni biết rõ hiến chương, ngõ hầu chẳng phụ bản ý lập Tăng quan của Trẫm.

Nay đặc biệt trao cho khanh chức Tăng Lục Ti Tả Giăng kinh, khanh nên gắng sức!”

Vua soạn văn trao chức Tăng Lục Ti cho Liễu Đạt, Đức Tuyên, Phổ Hiệp, dụ ghi: “Thuyết pháp ở Tây Thiên đến Đông độ diễn thành vô lượng diệu nghĩa, như nói đó là Bất nhị pháp môn vậy. Đạo này vốn đạt khổ không rỗng lặng, người theo đạo này quả thật như vậy, thì nên như vậy ư? Gần đây Tăng Lục Ti thiếu các vị Tăng đứng đầu; triệu kiến người đảm nhận, han hỏi những người này, thì biết các Tăng đứng đầu đã vâng mệnh trở về. Vài ngày sau có người đến tâu rằng: “Thần là Hoằng Đạo cùng với nhiều người, vâng sắc hỏi han cao Tăng ở các danh sơn, tham khảo ý đại chúng các tòng lâm, tất cả đều cho rằng chỉ Phổ Hiệp, vị Tăng ở chùa Thượng Thiên Trúc vùng Triết Tả, Đức Tuyên, vị Tăng ở chùa Kê Minh ở Kinh sư, Liễu Đạt, vị Tăng ở chùa

Năng Nhân, thông thạo sách vở của Đông Thổ, thấu đạt ý nghĩa Tây Lai. Nếu bổ ba vị này vào Tăng Lục Ti thì thật là thích hợp”.

Than ôi! Người xưa từng nói rằng: “Đời chẳng hết Thánh nhân, nước chẳng hết Hiền tài”, gần đây Tăng Lục Ti thiếu người đảm nhận, Trẫm cho là không còn người, đến khi hỏi ra thì mới biết vẫn còn. Nay nhân danh của Trẫm mến mộ đạo Thanh tịnh, nhưng những người muốn ra khỏi ba cõi thì chỉ có danh mà không có thực chất. Những người tầm thường có không dưới bảy vạn. Các khanh ba người, nay chẳng ở dưới năm bảy vạn người này mà vượt trên năm bảy vạn ấy, đáng gọi là người chí khí, là bậc có đạo vậy! Nhưng khi xưa Như Lai đắc đạo ở Tuyết sơn, trở về xiển dương nơi năm Trúc, diệu âm vô lượng, thông thấu khắp dưới trên, trời người đều nghe hiểu. Diễn nói như thế chỉ bốn mươi chín năm, trải qua hơn năm trăm năm sau mới truyền sang Đông thổ; chín di tám man vừa nghe đạo này đều tôn kính đảnh lễ, hà huống gì Trung Quốc là quốc gia văn vật lễ nhạc, nhân tâm từ thiện dễ giáo hóa? Nếu Tăng liễu đạt được ý Tổ, diễn Đại Thừa để giác ngộ bậc thông minh, luận nhân duyên để khai phát người ngu độn. Khải phát người trí kẻ ngu trở thành bậc thiện nhân trong khoảng lật bàn tay; thế thì tuy có phép nước mà đâu cần ban hành, hình cụ xích xiềng mà đâu cần dùng đến? Như thế há chẳng hợp với lời của Liễu Sinh ư? Âm thầm giúp đỡ cho Vương pháp, há là nhỏ bé ư?

Nay các khanh là Tăng Liễu Đạt, Đức Tuyên, Phổ Hiệp đã đạt được ý Tổ, tuân theo lời Trẫm thì pháp luân thường chuyển, Phật nhật tăng huy, danh tăng vào thời ta ắt sẽ nhiều! Khâm thử!

Năm Kỷ Tỵ niên hiệu Hồng Võ mười hai Đế ban chiếu rằng: Vì Bắc Bình đã lâu chẳng có mưa, nên năm nay được miễn thuế lương thực.

Tháng mười chế định lễ nghi cho việc quan lại nghỉ hưu, về quê an dưỡng.

Đế soạn dụ văn trao cho Trọng Hy chức Xiển Giáo. Dụ ghi: “Nhập định nơi chùa Đại Thiên Giới, luận kinh nơi Bất Nhị Môn, giải thoát về không, rỗng lặng thành tánh. Từ lâu đã để tâm nơi lời Phật, ẩn náu chốn thiền môn, lấy bỏ chỉ một, thị phi chẳng nhiễm. Trọng Hy tăng là bậc Thiền Bá chốn Sơn Môn, là Đại thi nhân khi đối nguyệt, giữ lòng từ bi mà chẳng mất, vui cảnh thanh tịnh thật vô cùng. Vì thế nay trao cho chức xiển giáo, để phụ giúp Tăng Lục Ti; lại còn phải nghiên cứu sâu xa kinh điển, thấu suốt giáo thiền, phân biệt bản mạt chia chẻ trước sau, làm cho chư Tăng ngộ được thiền trong tỉnh, mà chẳng mất chỉ thú

giáo ngoại.

Nay đặc biệt trao cho chức Tăng Lục Ty hữu xiển giáo. Khanh nên đến khâm mạng lời này, gắng sức gia công".

Đế soạn dụ văn trao cho Thanh Tuấn chức Tả giác nghĩa. Cáo văn ghi: "Phàm làm Tăng thì lập thân vượt tục để giáo hóa mọi người, không một mảy may não phiền về quan tước. Nhưng lập chùa am để trụ, hợp chúng mà uống ăn, thì gạo tiền có xuất nhập, sổ sách có chép ghi. Nếu chẳng có nơi quản lý thì lấy gì để điều hành. Do đó các triều đại đều có lập Tăng quan mà chẳng thể phế bỏ. Ngày nay bổ nhiệm cho khanh là Tăng thanh tuấn làm Tăng Lục Ti Tả Giác Nghĩa, khanh nên thận trọng với chức vụ này, chớ nên biếng trễ, riêng tư; khiến cho người học đạo ở được yên, ăn được no mà không giải đãi việc tiến tu. Như thế mới hợp ý Trẫm hưng long Phật giáo. Khâm tái".

Đông Minh Pháp sư húy Tuệ Nhật, hiệu Đông Minh, họ Cổ, người ở Thiên Thai. Đầu tiên Sư lễ ngài Bình Sơn Đẳng cầu xuất gia, kế đó đến ngài Tử Đình Tố học về Thai Hành (Thiên Văn), được ngài Tử Đình phân tích đến chỗ uyên áo cùng tận. Sư lại đến chùa Thượng Thiên Trúc lễ ngài Trúc Ốc Tịnh, làm kệ tụng luôn luôn vượt hơn bạn đồng môn, nên ngài Trúc Ốc khen rằng: "Như cây tùng cao ngất, vút thẳng lên giữa đám rừng trăm gai góc, chính là ông vậy".

Sau Sư làm Thủ chúng ở hội ngài Việt Khê, làm nghi biểu cho bốn chúng. Sư khai sáng Linh Sơn Giáo tự ở Hạ Thiên Trúc, trùng tu Quan Âm Giáo viện ở Thượng Thiên Trúc. Đế Sư khen ngợi hành nghiệp của Sư, ban cho pháp y Kim lan và hiệu là Diệu Ứng Phổ Tế.

Niên hiệu Hồng Võ thứ nhất, Sư được triệu về chùa Thiên Giới, thăng tòa thuyết pháp, mọi người đều đến dự nghe, đệ tử được độ rất nhiều. Vì lông mày của Sư dài hơn một tấc (3 cm) trắng hơn tuyết nên mọi người gọi là Bạch My Hòa Thượng. Tháng bảy năm ấy, Sư mộng thấy hoa sen xanh trong sạch thơm ngát đến bên mình. Sư nói rằng: "Đó là điềm lành ta sinh về Tây Phương!"

Sư thọ tám mươi chín tuổi, an táng ở Diệu Ứng Tháp viện.

Tháng mười hai, phong các vương: Bá làm Tương Vương, Quế làm Dự Vương, Anh làm Hán vương, Thực làm Vệ vương.

Tháng giêng năm Canh Dần, niên hiệu Hồng Võ mười ba, thừa tướng Hồ Duy Dung mưu phản, bị tru lục. Do đó bãi bỏ các chức Thừa Tướng, thăng sáu bộ phân chia xử lý các việc trong thiên hạ. Đổi chức Đại Đô Đốc thành năm đô đốc: tiền, hậu, tả, hữu, trung đô đốc.

Tống Liêm qua đời vào năm bảy mươi hai tuổi. Ông là người bác

lãm quần thư, danh vang thiên hạ. Văn của ông truyền khắp bốn di (bốn phương), kinh điển Phật Lão cũng nghiên cứu sâu xa. Ông có các tác phẩm: Tiềm Khê Tập, Chi Viên Tập, Long Môn Tử, Vô Tướng Đằng Ngữ lưu hành ở đời.

Tháng bốn lệnh cho quần thần, mỗi mỗi hay nêu lên chỗ hiểu biết của mình để tiện bổ dụng.

Tháng năm, sét đánh ở điện Cẩn Thân, vua đại xá thiên hạ. Chiếu ghi:

"Trẫm chẳng có đức mà gá trên vạn dân, tuân phụng Hoàng thiên chăn dân đến nay đã mười ba năm rồi vậy. Chẳng ngờ Tế phụ mất chức, bốn gian thần chuyên quyền, khiến người hiền kẻ ngu rơi vào vòng bất nghĩa. Trẫm nghĩ rằng sáng lập sự nghiệp đã gian nan, giữ vững sự thành công ấy cũng chẳng dễ. Dẹp trừ gian ác, diệt tận gốc rễ, chặt hết ngọn ngành, cho đến dư đảng. Nhưng việc cho hành hình tru lục, chẳng phải là không có lỗi, thậm chí còn trái với đức hiếu sinh của Hoàng thiên, nên giờ Thân, mồng bốn tháng này sét đánh xuống điện Cẩn Thân, làm Trẫm rất kinh sợ. Do đó nay ân xá các tội nhân trong thiên hạ. Trừ tội thập ác không được, còn tất cả đã hoặc chưa phát giác kết tội, không luận lớn nhỏ đều ân xá".

Tháng sáu, Đế ban chiếu rằng: "Trẫm được sự phò trì, ủng hộ của Hoàng Thiên làm chủ Hoa, Di đã mười ba năm, kho lẩm đều đầy đủ, đó đều do dân ta cung cấp. Nay dân chưa đủ sống, nên ban chiếu miễn trừ thuế vụ Thu năm Hồng Võ mười ba.

Ban dụ trao chức Tăng quan tại Kiến Xương. Dụ ghi: Đạo lớn trong thiên hạ chỉ có Thiện là vô thượng. Người mà đạt các Thiện vô thượng ấy chính là Đức Thích-ca. Ngài đã củng cố chí đại Từ nhẫn, lập tâm đại Bi nguyện, hành không gì chẳng đạt đến, hóa không đâu chẳng bao trùm. Luận về tánh thì truy cứu đến tình bản, về tâm thì đến cùng diệu lý. Trong sạch sáu trần không cấu nhiễm, tịnh sáu căn chẳng bị che mờ; dẹp các ma làm trong sạch pháp giới, phá ngoại đạo làm lợi lạc nhân thiên. Hạnh như thế! Tu như thế! Đã trải qua vô lượng kiếp, từ Đâu-suất giáng hạ Phạm cung, bỏ vị Kim luân mà vào Tuyết sơn khổ hạnh, nửa đêm thành đạo, tâm minh khế hợp.

Trẫm thấy Như Lai dùng Đại Giác của tự thân, muốn giác ngộ tất cả chúng sinh trong pháp giới, lòng từ ấy rất to lớn, lòng bi ấy thật sâu xa, có thể cho là đấng vô thượng!

Người đời, những ai đã có thiện căn đời trước thì đều mến mộ Phật lực, người tu tập trong trời đất lại rất nhiều. Nay có Tăng ấy ở

tại Kiến Xương rộng tu Phật đạo, khéo thống lãnh Tăng ni và sĩ dân phương ấy, mong Tăng hãy khéo tu đạo, cảm hóa nhân dân, khiến được thuần hậu.

Đã có sự chấp thuận của nội phủ, thì nên trao cho chức Tăng Cang Ty ở Phủ Kiến Xương.

Năm Tân Dậu niên hiệu Hồng Võ mười bốn, biên tập Phú Dịch Hoàng sách; Dư Đới gọi là Ki Linh sách, ban Ngũ Kinh Bác Sĩ cho các trường học ở phương Bắc. Đầu tiên định quan chế cho Hàn Lâm Viện là Chánh Ngũ Phẩm Nha môn. Đế nói với triều thần rằng: "Phàm đạo chẳng sáng tỏ là do giác chẳng được hành trì; Năm kinh là chiếc xe để chở đạo của Thánh nhân. Ví như lúa thóc, vải vóc thì mọi nhà cần phải có; con người mà không có lúa thóc vải vóc thì không biết lấy gì để ăn, mặc. Nếu chẳng có năm kinh thì không biết từ đâu để rõ đạo lý? Nay ban phát Năm kinh để mọi người học tập. Quân tử có học thì đạo lý hưng khởi, tiểu nhân có học thì thế tục tốt đẹp. Cái học đời sau, chưa hẳn không lấy đây làm gốc.

Tuyết Song Thiền sư húy là Ngộ Quang, tự Công Thật, người Thành đô, họ Dương. Sư nhờ sức tu Tam-muội mà vào được biển trí tuệ. Đầu tiên Sư thuyết pháp ở chùa Bạch Mã, kế đến trụ ở chùa Dục vương, Thiên Đồng khai bốn hội thuyết pháp. Ngu Văn Thanh Công khen là: Phật quả một cành, lông phụng vảy lân.

Niên hiệu Hồng Võ mười bốn, Nam Đường Thiền sư húy Thanh Dục, tự Liễu Am, họ Chu, người Lâm Hải, Thai châu. Sư trụ các chùa Khai Phước, Bản Giác, Linh Ẩn.

Có tác phẩm Tam Hội Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Duyệt Đường Thiền sư húy là Nhan, đích tôn của Đông Tự. Sư trụ ở chùa Đông Thiền, Côn sơn rồi dời đến Vạn Thọ ở Ngô môn, sau trụ tại Nam Bình ở Hổ Lâm và Song Kính. Có để lại Tứ Hội Ngữ lục lưu hành ở đời.

Cổ Đỉnh Thiền sư húy là Minh, cháu mười lăm đời của dòng Lâm Tế. Bốn phen ngồi đạo tràng. Lúc sắp thị tịch Sư nói với môn đồ rằng: "Đức Quan Thế Âm cầm hoa sen đến đó!" rồi ngồi yên thị tịch. Trà-tỳ thâu được xá-lợi năm màu rất nhiều, răng lưỡi và xâu chuỗi chẳng cháy. Quốc sử Ngụy Tiên sinh soạn văn bia nơi tháp. Sư có để lại Tứ Hội Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Theo lời tấu của Tăng Trọng Hi, trụ trì chùa Tưởng Sơn: Dời chùa Tưởng sơn và tháp Bảo công sang sườn núi phía Đông, đổi hiệu chùa là Linh Cốc tự, bên ngoài Tam quan đề là: Đệ Nhất Thiếu Lâm, lại bảo độ

một ngàn vị Tăng, đều được cấp độ điệp, ban cho rất nhiều tăng điền.

Ngày mười bốn tháng sáu, Bộ Lễ vì việc Hoàng thượng phê chuẩn thiết lập Tăng Đạo Nha Môn, nên nghiên cứu biết rằng: Hai giáo Thích và Đạo lưu truyền đã lâu; xưa nay đều có đặt chức quan để thống lãnh. Lại chùa, quán của Tăng ni, Đạo sĩ trong thiên hạ cũng rất nhiều, mà chưa có cơ quan tổng quản, nên nay xét theo phép nhà Tống, lập Tăng Đạo Nha Môn để quản lý việc ấy, mong cầu ở chỗ kính giữ giới luật để sáng tỏ giáo pháp. Các sự việc, phép tắc phải làm được liệt kê dưới đây: "Ở Kinh đô lập Tăng Lục Ty, Đạo Lục Ty, thống lãnh tất cả Tăng Ni, Đạo sĩ trong thiên hạ. Tuyển chọn những vị làu thông kinh điển, giới hạnh đoan nghiêm thanh tịnh đảm trách. Còn tại Bố Chánh phủ, châu, huyện thì mỗi nơi đều lập Tăng Cang, Tăng Chánh, Tăng Hội, Đạo Kỷ... quản lý nha môn phân chia, lo liệu các việc."

Tăng Lục Ty quản lý các việc của Tăng Ni trong thiên hạ, gồm hai vị Thiện Thế là Tả Thiện Thế và Hữu Thiện Thế, phong hàm Chánh Lục Phẩm.

Hai vị Xiển Giáo là Tả và Hữu, hàm Tòng Lục Phẩm.

Hai vị Giảng Kinh là Tả và Hữu, hàm Chánh Bát Phẩm.

Hai vị Giác Nghĩa là Tả và Hữu, hàm Tòng Bát Phẩm.

Đạo Lục Ty quản lý các việc về đạo giáo trong thiên hạ: gồm hai vị Chánh Nhất là Tả Chánh Nhất và Hữu Chánh Nhất, hàm Chánh Lục Phẩm.

Hai vị Diễn Pháp là Tả và Hữu, hàm Tòng Lục Phẩm.

Hai vị Chí Linh là Tả và Hữu, hàm Chánh Bát Phẩm.

Hai vị Huyền Nghĩa là Tả và Hữu, hàm Tòng Bát Phẩm.

Tăng Cương Ty các phủ quản lý việc Tăng Giáo trong phủ của mình: Gồm một vị Đô Cương hàm Tòng Cửu Phẩm, một viên phó Đô cương.

Đạo Kỷ ở các phủ quản lý việc Đạo giáo ở phủ của mình: Gồm một vị Đô Kỷ hàm Tòng Cửu Phẩm và một vị phó Đô Kỷ.

Ở các châu thì có Tăng Chánh Ty, gồm một vị Tăng Chánh, Đạo Chánh Ty có một vị Đạo Chánh, quản lý việc về Tăng, Đạo trong châu của mình.

Ở các huyện thì đặt Tăng Hội Ty có một vị Tăng Hội, Đạo Hội Ty có một vị Đạo Hội, mỗi mỗi quản lý các việc về Tăng, Đạo trong huyện của mình.

Chùa, quán của Tăng, Đạo ở các phủ, châu, huyện đều phải về Tăng Lục Ty nhận khám trí văn sách để Tăng, Đạo khai tên họ, năm

sinh, Bố chánh nào, phủ nào, châu, huyện nào, xuất gia ở chùa nào, năm nào, bổn Sư là ai; đầu tiên làm Hành đồng mấy năm, đến năm nào, thí chủ nào cạo tóc đội mũ, được cấp độ điệp vào năm nào, tất cả đều phải khai báo.

Báo trình tất cả những chùa, quán có bảng hiệu ở khắp nơi: cần kê khai rõ bản tự, bản quán được vị Tăng nào xây dựng, vào triều nào, do Đạo sĩ nào sáng lập, hoặc do thiện nhân nào cúng dường.

- Tăng Đạo Lục Ty Nha Môn hoàn toàn y theo phép tắc đời Tống, quan không chu cấp bổng lộc, các viên chức nhỏ và các lính canh hợp thành nhân số sử dụng. Đồng thời lấy Tăng Ni, Đạo sĩ, các người làm ruộng, nô bộc làm việc.

- Thể thống của Tăng Đạo Lục Ty tương đồng với Khâm Thiên Giám. Khi ra vào triều đình cho phép dùng tàn lọng của phẩm hàm mình, nếu gặp quan cao hơn thì phải xếp lại.

- Trụ trì các chùa, Đạo quán các nơi, phải do Nha Môn của Tăng, Đạo nơi ấy tiến cử bảo đảm. Chọn những vị có đầy đủ giới hạnh, tinh thông kinh điển đưa đến nha môn quản hạt, kế đến chuyển lên Tăng Lục Ty, hoặc Đạo Lục Ty khảo thí, nếu trúng tuyển sẽ chuyển sang Bộ lễ soạn tấu văn.

- Những Tăng Ni, Đạo sĩ nào ở các phủ, châu, huyện chưa có độ điệp, cho phép Tăng Đạo nha môn quản lý nơi ấy ghi chép danh sách và dẫn lên Tăng Canh Ty, Đạo Kỷ Ty, sau chuyển đến Tăng Lục Ty, Đạo Lục Ty khảo thí, nếu người nào thông kinh điển thì chuyển sang Bộ lễ trình tấu văn xuất cấp.

- Tăng Đạo Nha Môn ở Kinh đô hay các nơi khác, cần phải chuyên nhất ước thúc Tăng Ni, Đạo sĩ. Yêu cầu cần thiết là mỗi mỗi phải kính giữ giới luật, Xiển dương giáo pháp. Như có người vi phạm thanh quy, chẳng giữ giới luật, tranh giành, kiện tụng, thì cho phép theo luật trị phạt, quan lại không được can dự. Nếu phạm gian dâm, trộm cướp, phá hoại phép tắc kỷ cương, mà dính dáng đến quân dân, nếu ở Kinh đô thì giao cho Bộ lễ liệu định, theo tình thẩm xét, nếu nặng thì tống giam để tra hỏi. Còn ở các nơi thì cho phép quan ở địa phương đó phân xử.

Năm Nhâm Tuất niên hiệu Hồng Võ mười lăm, tiền Thái tử Chánh Tự Tấn phủ Trưởng Sử Quế Nhan Lương vào triều dâng "Vạn Thế Thái Bình Trị Yếu Thập Tam Sự", Đế vui mừng nhận lấy.

Ngày sáu tháng ba, Tào Quốc Công khâm phụng thánh chỉ ban lệnh rằng: Ruộng đất của Tăng, Đạo trong thiên hạ theo quốc pháp thì không được mua. Tăng nghèo thì chùa sẽ nghèo, ruộng đất của thường

trụ theo phép không được bán. Nếu có người như thế thì sẽ tịch biên toàn gia sản. Khâm thử!

Ngày hai mươi hai tháng bốn chuẩn y theo sự tấu trình của Bộ lại, tấu trình tấn phong của Tăng Đạo Lục Ty, Bản Bộ thông tri cho Tăng Lục Ty biết nay vị Tăng tên Giới Tư làm Tả Thiện Thế, Tông Lặc làm Hữu Thiện Thế, Trí Huy làm Tả Xiển Giáo, Trọng Hy làm Hữu Xiển Giáo, Phi Thái Phác làm Tả Giảng Kinh, Nhân Nhất Sơ làm Hữu Giảng Kinh, Lai Phục làm Tả Giác Nghĩa, Tông Sưởng làm Hữu Giác Nghĩa.

Ngày hai mươi lăm tháng tư, Bộ lễ vì việc Hoàng thượng phê chuẩn việc thiết lập Tăng Đạo Nha Môn, nên nay chế định những sự lý mà các quan viên Bản Ty chấp chưởng. Liệt khai ra mong rằng ngày sau y chiếu theo đây mà tuân phụng thi hành:

- Giới Tư chủ quản sử dụng ấn, Tông Lặc niêm văn kiện đóng dấu, phàm có hành sự gì, chư Tăng cần phải mời tất cả Tăng quan nơi ấy đến ghi tên, ký vào rồi đồng đóng dấu, nếu thiếu một người thì cũng không được dùng dấu. Việc tha người không nằm trong điều này.

- Giới Tư đôn đốc chúng tăng tọa thiền, tham cứu công án, quản lãnh việc trong giáo môn.

- Trí Huy, Trọng Hy cũng đôn đốc người tu tọa thiền. Như Phi và Thủ Nhân tiếp nhận vật cúng của thí chủ ở các nơi, đồng thời phát minh kinh giáo.

- Lai Phục, Tông Sưởng lo việc ước thúc giới hạnh của Tăng Ni các chùa. Những người chẳng hành theo Thanh quy thì theo pháp mà kiềm chế. Lại quản lý lương thực, tiền tài, sản nghiệp của chùa Đại Thiên Giới và những tài vật mà tín thí các nơi cúng đường. Tất cả đều phải ghi chép rõ ràng vào sổ sách. Còn các việc mà các Tăng quan khác nắm giữ, thì Tông Sưởng cũng đều phải kiêm xử lý. Còn việc khảo thí Tăng nhân trong thiên hạ có khả năng hay không, thì tất cả đồng nhau nghị bàn, rồi ghi chép đầy đủ chân thật vào tấu văn.

Ngày hai mươi mốt tháng năm, Bộ lễ xét biết được sự thiết lập chùa Phật gồm ba cấp là Thiền, Giảng và Giáo. Thiền thì chẳng lập văn tự, thấy được tâm tánh mới là bản Tông. Giảng thì mong được rõ nghĩa các kinh. Giáo thì diễn bày pháp cứu tế lợi sinh của Phật, làm tiêu trừ tất cả các nghiệp tạo ở hiện đời, rửa sạch tất cả oan khiên đời trước cho người chết, để giáo huấn người đời.

Ngày hai mươi tháng này quan viên Bản viện khâm phụng thánh chỉ phong Tăng là Hành Quả làm Tả Xiển Giáo, Như Cẩm làm Hữu Giác Nghĩa, đến chùa Năng Nhân lập đạo tràng Ứng cúng. Phàm Tăng

sĩ các chùa Viện Ứng phó lớn nhỏ, trong ngoài kinh thành được phép về chùa Năng Nhân, cùng nhau xem kinh, làm tất cả các Phật sự. Nếu chẳng theo đây mà khởi tham danh sắc, riêng làm Phật sự, thì nhờ Tăng quan ở chùa Năng Nhân hỏi tội. Nếu là Tăng ở phương xa vân du đến xem kinh, mộ hóa và được bá tánh tự nguyện cung cấp thì không bị lệ thuộc vào quy định này. Tuân phụng chiếu này, nêu ra một hiểu dụ phụ khác khiến chư tăng tại các tự viện ứng phó vâng mệnh thi hành.

Dụ cho chư Tăng ở chùa Chung sơn. Sắc ghi: "Giáo của Phật là thiện, nghĩa ấy rất lớn bao trùm cả sinh tử. Trọng Ni nói rằng: "Phương Tây có bậc Đại Thánh, chẳng nói mà giáo hóa, chẳng trị mà chẳng loạn. Đáng là bậc Năng Nhân vậy!" Vì sao gọi là Đại Giác Kim Tiên? Lại được khen là Năng Nhân? Vì ngài chẳng trói buộc kẻ ngu mà kẻ ngu tự hóa, khen tặng người thiện mà người thiện sáng tỏ; ngài hành khổ mà chẳng khổ, tâm trong sạch mà chẳng sạch, tuy chỉ là ngọn đèn lẻ loi trên tuyết lảnh mà tựa như độc ảnh giữa trời quang. Mắt thấy sao mai liền kiến tánh, siêu xuất thế trần, mà lại đến cõi trời người bốn mươi chín năm thuyết pháp. Diệu thuyết ấy được ghi chép đủ trong Đại tạng kinh, mà chưa từng có kẻ trốn tránh triều đình, giải oan khiên nơi nước lửa, hà huống gì khi xưa ở Kỳ thọ, một ngàn hai trăm năm mươi vị, cũng chưa nghe nói có người là kẻ lưu vong! Trọng Ni nói rằng: "Đạo của nước vạn cổ xe thì kính mà tin, tiết kiệm mà thương người". Nay có vị Tăng làm ruộng vườn mà bỏ trốn, do chưa biết tiết kiệm mà dẫn đến như thế ư? Hay thương người mà có như thế? Nếu chẳng phải thế mà có như thế thì nên phủ dụ vị Tăng ấy rằng: "Nên tự mình đến, nếu luận theo luật pháp thì tổn thương Phật tánh!"

Nên như sắc chỉ phụng hành!

Dụ Tăng tên là Thuần Nhất rằng:"Xưa Đức Thích-ca vì đạo mà sống một mình nơi núi tuyết, không can dự đến thế tục; đến khi thành đạo thì hai bên khéo đủ, trên dưới linh thông, khiến quỷ thần hộ vệ mà cảm đức độ. Vì thế người lành ngày càng nhiều, kẻ ác ngày dần ít. Sở dĩ bậc nhân chủ mỗi lần giảm hình pháp thì thiên hạ thạnh trị, vì đó chẳng phải là vua giảm hình pháp, mà do Phật giáo hóa cùng khắp cảm được như thế. Cho nên Liễu Tử Hậu nói rằng: "Âm thầm bảo vệ vương pháp.

Khanh Sa-môn Thuần Nhất, đã lìa bỏ cha mẹ để làm Tăng, nên vào núi sâu kết am tranh tĩnh tu tâm tánh, để trên thì thần dạo chơi nơi ba cõi, dưới thì cứu khổ chốn minh đồ. Khiến người sống mến mộ, kẻ chết hoài mong, đồng thời mở rộng lưới giáo của Phật, há chẳng phải

là điều nên làm của người tu hành ư? Do đó người đời cùng nhau học tập theo, dù không ở một mình nơi vắng vẻ, thì cũng ở tại gia mà hành thiện, chứ đâu được hưởng sự an thái khác với thế tục? Nhân đó là chỗ đến của khanh, mà khanh đã chẳng thể được như thế, lại ra vào triều đình, muốn dốc sức phò trì, ý muốn xây dựng chùa viện to lớn nguy nga, gom chứa tiền tài để bồi dưỡng thân mình; ai chẳng biết tiền tài đã tích chứa thì dâm dục nổi lên, huống gì Đức Thế Tôn khi xưa bỏ cung điện khổ hạnh sáu năm, đại ngộ, tâm thông, đến hôm nay mới có Tôn tượng uy nghiêm, lâu đài chất ngất, vàng ngọc rực rỡ huy hoàng, Trung Quốc và bốn phương nơi nơi đều có. Có phải là Đức Thích-ca cảm nên như vậy chăng? Hay là gom góp tiền bạc mà làm nên vậy? Khanh chẳng biết, nên chẳng tu tập bên trong mà tu bên ngoài, do đó không thể đáp ứng được nhiệm vụ đặc biệt. Nay cho phép khanh đi, lệnh cho quan chủ quản cấp tiền lộ phí, để tìm các bậc danh đức tu học, hầu giác ngộ cái thiện nơi đạo của mình để giúp người cũng được thiện được thế thì ngày sau đạo ắt sáng tỏ nơi hoàn vũ; như vậy há chẳng thể sánh được với đạo của Phật ư?”

Tháng sáu, ngày Bính Tuất, Mã hoàng hậu băng hà. Hoàng hậu tánh cần kiệm, áo quần vải vóc không chi phí nhiều. Bà từng nói với các Vương phi công chúa rằng: “Sinh trưởng nơi giàu sang, nên biết đến sự khó khăn của nghề dệt vải, vì trời đất mà thương tiếc muôn vật!” Đế dùng uy vũ để trị thiên hạ, còn hậu thì thường giúp đỡ để tỏ lòng nhân. Khi băng hà, bà mới năm mươi mốt tuổi, Đế tiếc thương nên đến cuối đời vẫn không lập thêm hậu.

Đến tháng chín thì an táng Hoàng hậu tại Hiếu lăng ở Chung sơn, thụy là Hiếu Từ hoàng hậu (niên hiệu Vĩnh Lạc gia phong thụy là Hiếu Từ Chiêu Hiến Chí Nhân Văn Đức Thừa Thiên Thuận Thánh Cao). Đế ban chiếu tuyển cao Tăng phân chia phụ giúp các Vương. Lệnh cho vị Tăng tên là Đạo Diễn trụ trì chùa Khánh Thiền ở phủ Yên vương.

Sư Đạo Diễn tức là Dao Quảng Hiếu, người Cô Tô, xuất gia làm Tăng từ thuở nhỏ, thích đọc sách, giỏi thơ văn. Sư từng gặp dị nhân truyền dạy có thể biết được điều tốt xấu của người. Ông lại rất giỏi về thuật số. Lúc Thái tổ chọn danh Tăng để phụ giúp các Vương, lúc ấy Văn Hoàng đế còn là Yên Vương, Quảng Hiếu tự đến nói với Yên Vương rằng: Nếu Điện hạ dùng thần, thần nguyện sẽ trao cho Đại Vương đội chiếc mũ trắng. Do đó Yên Vương đến xin Quảng Hiếu về mình, Thái Tổ chấp thuận. Vì chữ vương thêm chữ bạch ở trên thì thành chữ hoàng, tức lúc ấy Quảng Hiếu đã biết Yên Vương về sau sẽ có thiên hạ, lên

ngôi Hoàng đế.

Các năm cuối của niên hiệu Hồng Võ có quân Tĩnh nạn khởi lên, đều do mưu của Quảng Hiếu.

Đầu năm Vĩnh Lạc ông được thăng làm Thái tử Thiếu sư phụ tá cho Đông Cung, lấy lại tục Oanh, nhưng chẳng để tóc và cưới vợ cho đến cuối đời, sau khi qua đời được phong là Vinh Quốc Công, thụy là Cung Tỉnh, được cúng tế ở Thái miếu.

Xét việc Dao Quảng Hiếu gặp Văn Hoàng đế, cũng giống như Lưu Cơ gặp Thái Tổ, đều là gởi mệnh nơi cõi trời chứ chẳng phải ngẫu nhiên. Khi Quảng Hiếu phụ giúp Văn Hoàng đế tại Yên phủ, một hôm trời lạnh, Yên Vương ra vế đối rằng:

"Thiên hàn địa đống, thủy vô nhất điểm bất thành băng."

Ông đối lại: "Quốc loạn dân sầu, Vương bất xuất đầu thùy tát chủ."

Văn Hoàng đế rất vui. Về sau ông chọn ngày cử binh, đến lúc ấy trời mưa to gió lớn, Văn hoàng đế nói: "Xuất binh mà gặp mưa to gió lớn là điều cấm kỵ của binh gia"; Quảng Hiếu nói: "Điện hạ là một con rồng, cần phải có mưa to gió lớn hỗ trợ mới được thế ban đầu vùng khởi!" Quả nhiên ứng nghiệm.

Năm Quý Hợi niên hiệu Hồng Võ mười sáu, Ngô Thẩm... dâng Tinh Tấn Lục. Đầu tiên đế nói với Thẩm... rằng, Trẫm xem các Thánh hiền từ xưa dạy dỗ, lập giáo không ngoài ba điều quan trọng là: Tôn kính trời, trung với vua, hiếu với cha mẹ. Vua tôn kính trời, thần trung với vua, con có hiếu với cha mẹ, thì nhân đạo được lập. Nhưng những lời này chỉ thấy rải rác trong các kinh truyện, không dễ gì nhận ra được điều cốt yếu đó. Nay các ông phân loại ba việc này để biên tập lại thành sách mà dâng lên vậy Trẫm đề tên là Tinh Thành Lục.

Sáng sớm ngày hai mươi mốt tháng năm, các Tăng quan của Tăng Lục ty khâm phụng thánh chỉ đến Phụng Thiên Môn khảo đính và hoàn bị nghi thức pháp sự Du-già Bí mật cùng các chân ngôn mật chú, thành một pháp quy nhất định, hành trì trong các tu viện khắp thiên hạ, vĩnh viễn tuân thủ. Đó là đạo con hiếu cháu thuận, tận xót cư tang cha mẹ, tận kính tế lễ tổ tiên. Nhân dân khắp châu huyện khi có cúng tế cầu nguyện đều thỉnh về sử dụng.

Tăng Lục Ty lập văn thư báo cho trụ trì các tự viện và tăng quan các nơi biết rõ, mỗi mỗi đều sai người về kinh, đến cổng nội phủ lãnh nghi thức pháp sự trở về học tập, sau ba năm những vị Tăng trì Du già giáo, khi đến kinh khảo thí, nếu người nào thông thạo được nghi thức

chế định hôm nay thì mới được làm Tăng. Nếu người nào chưa hiểu, tụng niệm chưa thông thuộc, thì cho phép đến kỳ sau thi lại. Nếu vị nào giỏi ghi nhớ tụng thuộc mà chưa có độ điệp, thì sau khi thi xong, đến quan cấp phát. Nếu người nào chẳng đỗ thì trở về làm dân. Khâm thử!

Văn dụ các Thiện Thế ở chùa Thiên Giới:

Ta từng nghe giáo của Thích-ca cốt đạt được an tĩnh, không ồn náo, luôn luôn tẩy tâm, rửa sạch tư duy, trừ bỏ ma năm dục, thanh tịnh gốc sáu căn. Tuy chưa đạt đến quả viên giác lục thông, nhưng tương lai ắt đạt được. Vì thế người tu hành cần phải gắng sức; hành tức thực hành, công tức là tạo lập gom chứa. Phàm người tu hành trước nên gát qua sự chứng nghiệm, không nên quá gấp, lại chẳng mong cầu như thế mà được như thế! Người học ngày nay mong cầu chứng nghiệm, muốn cho nhanh chóng, mờ mịt lâu ngày, tâm không nhẫn nại được, suy nghĩ chẳng rời trần tục, cho rằng các vật trên đời này đều tồn tại. Do đó mà mất đạo mê tông; oan khiên nặng cao như núi. Tin rằng gần đây Tả Thiện Thế, Hữu Thiện Thế, Tả Giác Nghĩa dục chẳng đoạn thì sự phát sinh, dẫn đến có gián sử của Già-lam phạm phải hiến chương, việc này chẳng phải do người khác gian cáo, cũng đâu phải là Trẫm nói không đúng; nhưng tự tạo ra định nghiệp, thì cho là dục khó trừ, thật không dễ giải phân. Đó là hạnh gì vậy? Tất cả đều chẳng cầu an tĩnh, mà lại thích ồn náo, việc sinh thì tự chuốc lấy. Người tu hành nên biết rõ!

Mùa xuân năm Giáp Tý niên hiệu Hồng Võ mười bảy, ban hành thể lệ thi cử, ba năm một kỳ Đại Khoa. Từ đây đã thành định thế. Tìm cầu người có đức hạnh nổi tiếng ở các châu huyện, kiểm xét tuổi tác tướng mạo trình lên triều đình.

Văn dụ cho ba vị Tăng phạm Luật ở chùa Thiên Giới tên là Giới, Lặc, Phục. Dụ rằng: “Chí là để tôn trọng thanh danh, lập tiết nghĩa, dẹp cái xấu xa; hàng trượng phu mà cử dương điều này, ắt là muốn siêu quần bạt tụy, khác với kẻ hẹp lậu. Trí là dùng để biết, biết không gì chẳng biết; lấy đó để giác, giác mà không đâu không siêu tuyệt. Như vậy há có điều quá khứ mờ mịt mà không truy cứu ư? Chí và trí này ở trong trời đất, người sinh ra mà biết thì khéo sử dụng, dạy mà biết thì khéo giữ gìn. Nếu sinh mà chẳng biết, dạy dỗ mà chẳng thành thì chẳng khác gì cầm thú, sao lại tầm thường hỏi về nguyên nhân của nó? Giới, Lặc, Phục các ngươi, đất mà các ngươi ở là Đạo tràng của Phật cao tột, giáo mà các ngươi tu tập chính là đạo xuất thế, cho đến hôm nay các ngươi sống nơi thế tục mà đố kỵ, ác độc như loài rắn rết; khinh nhờn đối với Phật chẳng khác cầm thú; đã vậy mà còn lên chánh điện, nhiễu

trước Phật, việc ấy quả thật là đãnh lễ đó ư? Lúc bấy giờ trí và chí đều mất. Sinh tử đã không biết, tử sinh cũng chẳng hay, trước kia ta ban sắc cho trụ trì thật đã có như vậy ư? Ta từng nghe sinh tử, tử sinh! Đó là thế nào? Vì sinh chẳng phải tử, tử chẳng phải sinh, bỗng nhiên lại có giác ngộ ư? Nay mờ mịt chẳng biết nguyên nhân của nó. Vả lại tội báo hôm nay, người thần đều giận dữ, bởi vì các ngươi tích chứa tiền bạc vải vóc, tạo thành thị phi, cầu hư danh chứ chẳng lập thật học, kham làm loài bướm tìm hương, làm ong hút nhụy; như loài kiến càng say hưởng chất tanh hôi nơi vết bánh xe, dấu chân ngựa mà chẳng lo đến cái họa lưới màng, bánh xe. Các ngươi vốn là hàng đại trượng phu, như con ve xanh cất đôi cánh trên bầu trời cao rộng, hưởng luồng gió lộng, uống giọt sương trên hư không, mà nay lại bay dưới thấp cướp hoa tàn để hút nhụy rữa, kham làm loài ong, bướm, kiến càng ư? Tội của các ngươi hôm nay, trong tấu văn cử tội và trong thư nặc danh cử tội đều nêu là luôn vui giận, thích nhan sắc, trộm vật dụng của chúng tăng, nhất là lừa dối Trẫm để che dấu điều sai trái của mình, thì thân ấy có ngày sẽ mất. Nhưng chết tuy có ngày, mà chưa thi hành nơi pháp ti".

Tháng hai năm Ất Sửu, niên hiệu Hồng Võ mười tám, Ngụy Quốc Công Từ Đạt qua đời thọ năm mươi bốn tuổi, truy phong Trung Sơn Vương, thụy là Võ Ninh ban ân chiếu mai táng ở Chung sơn. Đế tự soạn văn tế, và Thần đạo bia ký, được cúng tế ở Đại miếu.

Đế sai xây dựng chùa Kê Minh và tháp năm tầng, đền thờ Bảo Công, hằng năm sai quan đến cúng tế. Đầu tiên có vị Tăng Tây Tạng là Tinh Cát làm Giám Tạng Trụ ở núi này, đến lúc lập viện thì hạ chiếu làm Tả Giác Nghĩa ở Tăng Lục Ty.

Ngày 18 tháng 3, Quan viên bản bộ nơi điện Võ Anh khâm phụng Thánh chỉ, bố cáo Tả Giác Nghĩa Tăng Lục Ty là Như Cẩm bị bệnh qua đời, vậy bộ lễ bày biện lễ vật để cúng tế. Khâm thử! Lại khiến Bộ Từ chuẩn bị tế tự, xuất kho mua sắm vật tế để tế tự.

Chiếu ghi: "Ô hô! Tội mang đầy mình, mọt nước mà hại dân! Trẫm vì dân mà lập quan, vì dân mà tạo phước. Muốn trừ gian mà gian lại sinh, nhiễu loạn hại dân lành của ta, thật là do Trẫm bất tài mà ra! Nay ban chiếu đến khắp Thiên hạ rằng: Phàm dân lành hãy thương xót Trẫm chẳng sáng suốt mà ở ngôi vương! Kinh Thư có câu: "Ngôi trời thật khổ thay!" Vì ăn ngủ chẳng yên để lo cho dân khương thái. Ngưỡng cầu Hoàng thiên cúi thương cứu giúp, trị kẻ gian ngày càng nhiều. Nhân tâm như thế phải làm thế nào? Từ khi có chiếu này về sau, nếu kẻ nào phạm tội nhiễu dân lành thì dù có đại xá cũng chẳng tha."

Tháng bảy Đế ban chiếu rằng:“Than ôi! Ngôi trời thật gian khổ thay! Từ khi lên ngôi đến nay đã mười tám năm, Trẫm chẳng gấp kịp để vỗ về bá tánh, một số tôi thần trong ngoài triều đình hành động không chánh đáng; đó là lỗi do một mình Trẫm gây ra. Trời cao đã khuyến cáo, giáng tai họa lụt lội, hạn hán. Như hôm nay nghe ở Sơn Đông, Bắc Bình bị nạn lụt lội, nông dân trồng tỉa khó khăn, mùa màng tổn thất. Hôm nay ban chiếu thư miễn thuế cho tất cả vụ thu năm này, quan lại như lệnh mà thi hành, không được nhiễu loạn nhân dân.”

Tháng chín hạ chiếu rằng: “Nông tang là gốc của y thực, nhưng lại bỏ gốc mà theo ngọn, ít có người cứu điều tệ hại này. Vào thời vua cha ta còn sống, thì tất cả ruộng đồng đều có người canh tác, nhà nhà đều có người nữ dệt vải, mưa nắng thuận hòa, đói rét chẳng hiện...”

Tháng chín, Đế ban chiếu cho Thục Vương về Kinh đô để duyệt võ. Vương là con trai thứ mười của Thái Tổ, húy là Xuân, là người rất hiền đức, thông thạo kinh thư, kỹ nghệ và sách Phật. Đế thương yêu mà gọi là Thục Tú Tài. Vương đến Trung Đô, đầu tiên sống ở Tây đường, đọc sách tự vui; ngoài thời gian duyệt võ ra, lúc rảnh rỗi, vương triệu các nho thần như Lý Thúc, Kinh Tô, Bá Hành và Danh Tăng Lai Phục đến để cùng luận đạo bàn văn, đến không còn một ngày luống uổng. Vương lại lập Bảo huấn đường để tôn phụng sự giáo huấn của Tổ tông và kinh sách của các bậc Đế vương các đời trước. Xây xong thỉnh ngài Lai Phục viết lời ký, soạn bốn bài châm là Chánh Tâm, Quán Đạo, Sùng Bản và Kích Hiền để tự cảnh tỉnh.

Ngài Lai Phục tự là Kiến Tâm, người Dự Chương, làu thông Nho thuật rất giỏi thơ văn, các danh sĩ đương thời đều có giao du với Sư. Nỗi danh đồng với vị Tăng nhà văn là Tông Lặc. Vua nghe danh nên triệu kiến. Sau vì làm thơ phú nghịch ý vua mà bị gia hại. Sư có tác phẩm Bồ Am Tập lưu hành ở đời.

Ngày mười tám tháng mười một, Bản Bộ quan ở Tây Thái Bảo khâm phụng thánh chỉ rằng: “Tả Giảng Kinh Tăng Lục Ty là Tăng Như Phi bị bệnh qua đời, khiến bộ lễ lo tế tự, khâm thử! Từ Bộ lo liệu tế tự, xuất kho chi phí, bày biện đầy đủ lễ vật”.

Ngày hai mươi mốt tháng mười một, Bản bộ quan ở Phụng Thiên môn, khâm phụng thánh chỉ thông báo: “Ngày hôm nay an táng Tả Giảng Kinh Như Phi, quan viên bộ lễ hãy đến lo việc tế lễ, khâm thử! Lại sai Lễ bộ thị lang Chương Tường đến tế.”

Đế đích thân soạn văn tế rằng: “Than ôi! Biển nghiệp mênh mông, ít người vượt qua được. Như Phi Tăng cưỡi con thuyền Bát-nhã, bạt mái

chèo Lăng nghiêm, dựng cột buồm Viên giác, rồi nương luồng gió Hoa nghiêm mà trương cánh buồm Đại tập. Sáng tối bạt rộng mái chèo, căng cánh buồm lộng gió, mà vượt đến bờ kia. Ôi! Thật là giỏi lèo lái con thuyền! Như Phi Tăng mạo hiểm nơi sóng gió mà được như thế ư?

Nay con thuyền và mái chèo mà Khanh đã vượt qua biển nghiệp đó vẫn còn, nhưng có ai khéo lái con thuyền ấy ngạo nghễ với gió trên biển nghiệp đây? Vượt qua bờ kia như thế, thì không bao lâu sẽ thành tựu. Cưỡi con thuyền ấy, có bờ bến này, nhưng chẳng phải chỉ độc nhất, mà còn cứu vớt được nhiều người."

Trẫm xem, tạo con thuyền Bát-nhã, ban đạo Phổ Độ, há luống uổng sao? Nay cũng mong rằng ngay nơi không tướng mà tuyệt tích, đến đi đều có mỹ vị, cầu xin hưởng thọ!

Phụ ghi Phi Thái Phác Vận:

*Hoa gặp đêm mưa, sáng tươi xanh*
*Cánh nhụy úa tàn, bậc vắng tanh*
*Thử hỏi Thiền nhân, nơi thầm được*
*Nói rằng ngoài vật có thiên thanh.*

Tục Nguyên Giáo Luận, Hàn lâm thị chiếu Thẩm Sĩ Vinh Soạn, quyển thượng gồm bảy thiên: Nguyên Giáo Luận, Quán Tâm Giải, Nội Giáo Ngoại Giáo Biện, Chấp Tích Nho Giả, Tham Thiền Biện, Luận Thiền Biện, Tác Dụng Thị Tánh Giải. Quyển hạ cũng có bảy thiên: Danh Nho Hiếu Phật Giải, Tự Tư Biện, Trang Lão Dị Đồng Biện, Thế Thuyết Chư Kinh Giải, Giáo Thị Phi Đắc Thất Biện, Tam Giáo Luận, Chự Sự, Nhân Vật Hùng Vĩ Luận.

***Lời tựa ghi:*** Phàm tình và trí trái nhau, rồi sau mới có giáo; thức và nơi thú hướng trái nhau, sau đó mới có luận biện. Cho nên để phân biệt thị phi mới lập giáo; chẳng luận biện thì lấy gì để lập lý đây? Người xưa muốn lý sáng tỏ mà lập biện, tuy dùng hỏi đáp, nhưng cũng khiến cho người xem hiểu rõ không nghi ngờ. Nay nhà Nho nghi nan Phật vì thế cần phải luận biện, lập giáo để rõ được lý.

Khi xưa Phật còn tại thế, các Đại Bồ-tát hóa làm ngoại đạo, mỗi vị chấp một dị thuyết gạn hỏi Phật. Như Lai vì phá các tà chấp ấy bèn lập nghĩa Như Thị, thuyết kinh Như Thị; thế thì các giáo đều do nơi luận biện mà khởi. Như các đạo Nho thời Đường, Tống mỗi mỗi chấp kiến giải của mình mà gạn hỏi về Phật, khen chê bài xích, có lúc thái quá. Cũng có khi Bồ-tát hóa thành Nho gia, cố làm cho trái nghịch, khiến có người đứng ra luận biện hầu làm sáng tỏ nghĩa lý. Quả thật nếu chưa đạt được cảnh giới Phật thì cũng còn chỗ nghi. Từ đó đến nay đã mấy trăm

năm những người mang danh là Nho đối với Phật giáo hoặc vì kính tín, hoặc vì bài xích mà khen chê bất đồng, thị phi khó biết, làm cho chí đạo chẳng sáng tỏ, thật đáng buồn thay!

Sĩ Vinh tôi tự biết mình ngu tối, sức học chẳng bằng một phần vạn của các bậc tiên Nho, lại chưa ngộ được môn mà Phật đã chứng nhập; nhưng cúi nghĩ hai giáo trái nghịch nhau đã từ lâu, người trí lại im lặng chẳng luận biện, ngồi xem người cầu học nghe theo lối cũ, mà hoặc là sinh phỉ báng, làm mất gia bảo của nội học, tổn thương đến cái gốc của danh giáo. Do đó tôi chẳng tự lượng tài hèn, tạm đặt lời bài xích ở trước, rồi biện giải ở sau. Trong đó luận gồm ba thiên, giải gồm năm thiên và biện có sáu thiên, tổng cộng mười bốn thiên. Suy cứu chỗ dị đồng thì gọi là luận, giải thích nghi hoặc gọi là giải, làm sáng tỏ thị phi gọi là biện. Mong được các bậc quân tử lý học quyết trạch mà thêm bớt, ngõ hầu chẳng trệ ngại cái học của thánh hiền.

Ngày Thượng huyền (mồng bảy, mồng tám) tháng quý hạ (tháng sáu) năm Ất Sửu, niên hiệu Hồng Võ, Kiến An Thẩm Sĩ Vinh Kính ghi lời tựa.

Đế soạn văn dụ Hàn lâm thị chiếu Thẩm Sĩ Vinh:

Bậc trí thời xưa, có người vì thân mà tu thân, ta chẳng biết người tu là ai? Hoặc nói thân vì thần mà tu, hoặc nói thần vì thân mà tu. Nhân đó mà luận biện thì đã hoặc lại càng thêm mê hoặc. Dùng thân tu thần ư? Ức chế thần để tu thân ư? Ta chẳng biết Đạo nhị tu này nhưng thấy được dấu tích của cổ nhân, học theo ba tông Nho, Thích, Đạo mà muốn đạt đến để tự kỷ vi diệu được linh thông. Than ôi! Thật hay thay bậc quân tử! Tuy chưa đến được chỗ kỳ diệu của ba tông, nhưng đã có tâm như thế, há chẳng thể không gọi là đã học đầy đủ rồi ư? Lão Tử từng nói: "Sống nơi đất lành, tâm tánh sâu thẳm". Người đời nay, quyết định khéo chấp nhận ba tông này, thì đó há chẳng hoàn toàn vì sự linh thông của tự kỷ kỳ diệu ư? Ấy tức là người trí vậy.

Hộ trì Đóa Nhĩ Tư Ô Tư Tạng, chiếu ghi:

To lớn thay, Đấng Đại Giác Kim Tiên! Lâu xa thay; vượt vô lượng, trải qua tăng-kỳ, từ Đâu-suất giáng Phạm cung! Kỳ lạ thay, tu nơi Tuyết sơn! Vượt trên cả người đời! Số kiếp trải qua ở cõi trời cõi người đã rộng thì nhẫn nhục càng nhiều, mới thành Phật đạo. Thiện trùm cả thế nhân, pháp trương khắp hoàn vũ. Người nào theo học đạo này thì trời soi xét, thần phò trì, thân sau đồng dạo chơi nơi cảnh Phật. Nếu ai trái nghịch đạo này thì trời soi xét, thần biết hay, giam hãm vào địa ngục đồng ở với loài quỷ, chờ đến lúc phất đá mòn, kiếp tận mới được sinh,

thật lo sợ thay! Khổ thay! Một niệm đồng với Phật thì trăm họa tiêu tan hóa làm các phước.

Nay Đóa Nhĩ Tư Ô Tư Tạng Lưỡng Nha địa phương chư viện Thượng Sư đạt đến tận Đại giáo của Như Lai, thông suốt kinh sách của Ngũ Ấn, một đời vì xiển dương giáo hóa kẻ hung ngu theo về thiện, khai phát nhân tâm để tẩy sạch oan khiên. Trẫm cho rằng Phật vì chúng sinh mà như thế, nay chư Sư ở các viện cũng vì Phật mà như thế, thầm giúp đỡ vương pháp, ban cho dân nhiều phước; như thế ai dám chẳng tôn kính Phật giáo, ngạo mạn các Sư thì dẫn về Đô chỉ huy Ti ở bản xứ, như luật pháp thi hành không khoan thứ!

Năm Bính Dần, niên hiệu Hồng Võ mười chín, vua ban chiếu cho các tự viện có ruộng đất trong cả nước phải lập Châm Cơ Đạo Nhân, tất cả các sai dịch đều chẳng cho Tăng làm.

Tháng sáu ban chiếu cho thiên hạ thi hành chánh sách dưỡng lão. Dụ ghi: Chuộng người lớn tuổi, nên mới dạy về kính; phụng sự bậc trưởng thượng, nên mới dạy về thuận...

Ngày mồng tám tháng tám lập tấu văn, y cứ vào việc tăng Tánh Hải... xin cấp văn bảng hộ trì sơn môn. Khâm phụng thánh chỉ xuất cấp bảng văn cho các Tự viện treo lên, cấm tất cả mọi người, không được khinh mạn Phật giáo, mắng chửi Tăng Ni, không theo phép tắc, quấy rối chùa viện. Ai vi phạm, quan ty bản sứ sẽ nghiêm trị.

Khâm thử!

Khâm phụng xuất cấp bảng văn, ban hành cho các tự viện trong thiên hạ, niêm yết những điều cấm chế.

Ngày mười sáu tháng tám, Bản bộ quan khâm phụng thánh chỉ báo rằng vị Tăng Vân Nam là Tánh Hải nay trở về, cấp cho một chiếc thuyền. Khâm thử! Thông báo cho Binh Bộ tuân phụng thi hành!

***Văn dụ vị Tăng ở Vân Nam du phương:*** Giáo của đấng Kim Tiên thì chuyên tâm nơi rỗng lặng vì thành tựu chỉ ở nơi khổ không. Người tu đạo, phần nhiều sống ở hốc núi gốc cây, phách lạc nơi suối rừng, ngắm ánh trăng nơi trời đất, vịnh gió mát nơi cội tùng, lập thân ngoài vật, bỏ thế sự như hư không. Nếu như thế mới là tu, mới thông suốt. Vân Nam tăng khanh, tu tập chẳng sợ đường xa vạn dặm, muốn giác ngộ mười hai nhân duyên, nếu chỉ ở Kinh đô và trụ nơi Vân Nam, thì đâu biết cảnh trí Thiên Thai, vẻ đẹp vùng Lưỡng Triết, cùng sự uyên bác của các cao tăng.

Nay đặc biệt sắc ban cho khanh Vân Du, để xem các danh sơn, mở rộng tâm trí, sáng tỏ thần linh của ông. Mai kia trở về diễn lời hay nơi

Kim Mã, luận phong cảnh ở Bích Khê. Bấy giờ mũ đạo đã điểm xanh, thần linh du nơi Bát cực, thật thích thú thay!

Tháng mười hai vua soạn thành ba thiên Đại Cáo, ban hành khắp thiên hạ.

Thứ Trung Thiền sư húy là Vô Ôn, biệt hiệu Không Thất, người ở Lâm Hải, họ Trần, mẹ là Lâm thị. Đầu tiên Sư lễ Thiền sư Nguyên Tẩu Đoan ở Kính Sơn cầu thế phát xuất gia, thọ giới Cụ túc ở Chiêu Khánh Luật tự; kế đến Sư tham yết ngài Linh Nham Chi, Nhất Nguyên Linh, mỗi mỗi đều thiết tha thưa hỏi. Sư lại trở về Kính Sơn trụ ở Trạch Mộc liêu. Sau lại đến tham kiến ngài Đại Bạch Chỉ, Trúc Nguyên Đạo, khán câu thoại đầu: "Con chó không có Phật tánh" mà đại ngộ. Sư làm kệ rằng:

*Con chó không Phật tánh*
*Xuân sắc nhuận hoàng thành*
*Triệu châu nơi Đông viện*
*Trên vách chiếu hồ lô.*

Sư lại nói: "Việc này như con cá uống nước, ấm lạnh tự biết, nhất quyết không thể ở nơi ngôn ngữ văn tự".

Sư thích nơi vắng lặng, tuy hai lần trụ danh sơn, nhưng vừa được ba năm thì xin từ chức. Sau vua Nhật Bản dùng xâu chuỗi thủy tinh, nghiên đá ở Nga Sơn làm lễ vật, xin phép Thái Tổ, cầu Sư sang giáo hóa. Nhưng Sư vì già bệnh nên chối từ. Đệ tử là Cư Đảnh thỉnh Sư đến trụ tại Thúy sơn ở Huyện Ngân. Từ đó người bốn phương đến tham học vô số, xin kệ cũng rất nhiều. Vào ngày mười tháng bảy năm Bính Dần, Sư viết kệ rằng:

*Bảy mươi tám năm qua*
*Không có pháp để nói*
*Cuối cùng chỉ một câu*
*"Lộ trụ" cũng nhiều lời.*

Quát một tiếng, rồi ngồi yên thị tịch, đến ngày mười lăm tháng mười hai an táng ở vùng Đường Áo.

Sư có các tác phẩm: Nhị Hội Ngữ Lục, Niêm Tuyết Đậu Niêm Cổ, Tục Đại Tuệ Trúc Sơn Tụng, Cổ Sơn Am Tạp Lục, Tịnh Độ Thi Kệ Tụng lưu hành ở đời.

Huyền Ẩn Thiền sư húy Tuệ Minh, tự Tánh Nguyên, cha tên Hạng, mẹ là Trần thị. Năm lên bảy tuổi, Sư bị bệnh ung thư, bỗng nhiên mất khỏi nơi ở của mình, người nhà tìm được thì nói: "Có bốn đồng tử dẫn tôi đến đây!" Người biết thì biết rằng Sư được thiên thần giúp đỡ. Sau Sư

tham yết ngài Trúc Nguyên Đạo ở núi Tử Trạch, Tiên Cư, kế đó tham yết ngài Nguyên Tẩu Đoan ở Kính sơn. Ngài Nguyên Tẩu hỏi:

- Từ Đông lãnh đến hay từ Tây lãnh đến?

Sư chỉ đôi giày cỏ của mình và nói:

- Ba văn tiền mua được cái này!

Ngài Nguyên Tẩu nói:

- Chưa được, nói lại đi!

Sư thưa:

- Con chỉ được như thế, còn Hòa thượng thì thế nào?

- Nghĩ tình ông từ phương xa đến đây, cho nên mới tha ba mươi gậy.

Sư liền ngộ được yếu chỉ.

Qua thời gian lâu sau, mới tiêu sạch những tích chứa nơi tâm. Sư bèn nói: "Vừa khởi tư duy thì đều là pháp thừa!"

Năm ấy (Bính dần) Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi tám hạ lạp.

Mộc Am Thiền sư - Giác Sơ Thiền sư - Vô Dật Thiền sư.

Năm Đinh Sửu, niên hiệu Hồng Võ hai mươi, vua soạn thành bộ Thượng Thư Hồng Phạm, sai Tán Thiện Lưu Tam Ngô viết bài bạt.

Bố Chánh Triết Giang và phủ Tô châu biên soạn xong bộ Điền Thổ Phương Viên Tứ Chí Ngô Lân Đỗ Sách.

Tháng hai, Đế cày tịch điền. Sai các quan tế lễ tổ tiên nghề nông. Lễ xong đế ban yến tiệc đãi quần thần ngay nơi đàn tế. Đế dụ rằng:

Tịch điền là lễ xưa, một là để dâng cúng gạo nếp, hai là để khuyến cáo lấy nông vụ làm gốc.

Ngày mười một tháng bốn Lễ Bộ Thượng Thư Thôi..., tuân phụng thánh chỉ ban hành giới điệp trong thiên hạ, lại đưa ra một hiểu dụ cho Thiện Thế Thiền sư Bản Đích Đạt rằng:

Thiền sư từ Tây thiên đến Đông độ, sớm tốt tu đạo, mong cầu cứu vật lợi sinh. Trẫm xem Thiền sư lập chí, nỗ lực kiên cố, trải qua tháng năm hành trì thật đạt đến chỗ rất sâu xa. Vì thế các nơi đến cúng dường, người thiện thì đảnh lễ, kẻ ác thì vui mừng. Trước Thiền Sư từ Đông vượt biển xanh đến lễ bái ở Phổ Đà, kế đó quay lại Tiền Đường mà lễ Thiên Mục, rồi đến Lô sơn, tất cả danh sơn của Trung Quốc. Ý Thiền sư đã đạt, lại đến Kinh đô trụ tích ở phía Nam Chung sơn, ngày ngày tọa thiền trong hang động. Thiền sư thật đã ở trong huyền, Ngưỡng mong cúi xét. Chí lập ở tại nơi thần dạo đi nơi Bát cực; cầu trời chiếu giám!

Năm Mậu Thìn, niên hiệu Hồng Võ hai mươi mốt, dời Tăng Lục

Ty đến chùa Thiên Hy. Thi Kinh độ tăng cấp độ điệp. Ngày mười bốn tháng ba Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Hoằng Đạo... ở Trung Hữu Môn khâm phụng thánh chỉ, Tăng Lục Ty soạn văn thư đưa đến Tăng Ty các nơi. Chỉ viết độ điệp cho Tăng từ hai mươi mươi tuổi trở lên, cấp phát đến các vùng Ô Môn, Khúc Tỉnh... cách ba mươi dặm lập một am, Tăng cư trú tự cày ruộng sinh sống, giáo hóa nhân dân trong vùng. Khâm thử!

Ngày hai mươi sáu tháng bốn Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Hoằng Đạo... khâm phụng thánh chỉ ở Phụng Thiên môn: Chùa Linh Cốc, Thiên Giới, Năng Nhân, Kê Minh là các ngôi chùa lớn ở Kinh đô, hiện nay khuyết chức Đại trụ trì, yêu cầu các tòng lâm trong thiên hạ tuyển chọn những vị Tăng đầy đủ đức hạnh, nếu qua khảo thí thông suốt được nội giáo, thì cho phép trụ trì. Không được lạm dụng tiến cử. Khâm thử!

Tháng năm năm Ất Dậu, có mây năm màu hiện. Lưu Tam Ngô tâu rằng: “Mây là điềm lành trong các vật, biểu trưng cho việc trị thế. Vào thời Thuấn thì thi ca hưng thịnh. Đây là do đức của vua cảm nên”.

Đế bảo: Người xưa nói rằng: “Trời giáng tai họa hay hiện điềm lành, là đều do nơi đức thành, ví như đức của ta chẳng xấu thì tai họa cũng hết”. Vả lại làm sáng tỏ cái đức ấy, tuy có lành mà không ứng, sự an lành của quốc gia không chỉ ở nơi đây!

Dùng Thứ Cát Sĩ Giải Tấn làm Giám sát ngự sử. Tấn người Cát Thủy, thiên tánh thông minh đỉnh ngộ, mới bảy tuổi mà đã biết làm thơ phú, mỗi ngày có thể ghi nhớ cả ngàn lời. Năm mười tám tuổi ông đỗ đầu thi Hương, rồi tiếp tục đỗ Tiến sĩ. Mỗi lần thảo sắc phong thì gồm cả vạn lời dâng Đế. Không bao lâu ông trở về quê.

Mùa xuân năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Hồng Võ hai mươi hai, vì thiên hạ vô sự, Đế thương xót các tướng đã già nua, muốn bảo toàn họ, nên cho phép các vị tước Công Hầu đều được về quê an dưỡng; khi đến bệ kiến từ tạ thì mỗi mỗi được ban thưởng.

Ngày ba tháng bảy Bản bộ quan, nơi điện Hoa Cái tuân phụng thánh chỉ: Lão Tăng quan chùa Kê Minh từ Thiểm Tây thỉnh về các vị Tăng Tây Tạng, Hán. Giao trách nhiệm cho hai Bộ cấp cho Tăng y vải lụa. Tuân phụng chiếu chỉ này, chuyển lệnh cho hai Bộ may ba mươi sáu phần Tăng y, mỗi phần gồm một bộ, mỗi bộ gồm ba chiếc, tổng cộng một trăm lẻ tám chiếc, tất cả đều giao cho nội phủ cấp phát.

Tháng tám lập thêm Tăng Ty. Tuyển chọn các vị Tăng thông hiểu Phật pháp đưa về kinh khảo thí, phong cho quan tước. Khâm thử!

Ngày mười bảy tháng tám Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Hoằng

Đạo, ở Phụng Thiên môn, khâm phụng thánh chỉ rằng: Chùa Thiên Giới chỉ lấy Thiện Thế làm biển. Khâm thử!

Chiếu trao chức Thiện Thế Thiền sư: "Phật giáo hưng khởi ở Tây thiên, lưu truyền khắp Trung Hoa và bốn Di, khéo cứu đời hung ngu, giúp Vương pháp mà chăm lo cho đạo. Cổ kim đều tôn sùng chiêm ngưỡng, đó là do tâm từ và nguyện nặng. Vì thế ra khỏi ba cõi thoát trầm luân, vĩnh viễn rỡ ràng mà chẳng diệt. Khanh đã nhọc tâm với nguyện rộng, nay đặc biệt gia phong Thiện Thế Thiền sư, dùng đạo chí thiện này mà thống nhiếp Tăng Ni trong thiên hạ, buộc kẻ ngu, chế kẻ ác, vui giúp Vương pháp chăm lo cho đạo.

Nguyện lực rộng sâu, thế hội được hạnh này, thì chẳng đến chẳng về, thật là cùng tột thay! Cùng tột thay!"

Thiên Uyên Thiền sư - Quý Phương Thiền sư.

Vạn Phong Thiền sư, húy Thời Ủy, người Vĩnh Gia, họ Kim. Mẹ Sư một hôm mộng thấy một luồng khí trắng xông thấu trời mà có thai sinh ra Sư. Lúc mới sinh ánh sáng chiếu đầy nhà. Lúc Sư còn ở tuổi ẵm bồng khi thấy Tăng đã mỉm cười chấp tay. Năm lên bảy tuổi, Sư lễ Thăng Công ở chùa Diễn Khánh cầu xuất gia, mười sáu tuổi cầu thế độ, mười chín tuổi thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư tham yết ngài Chỉ Nham ở Hổ Bào hỏi đạo, lại đến Thiên Thai tham kiến ngài Vô Kiến Đỗ. Sau trở về Chỉ Nham quyết trạch tâm yếu. Ở đây Sư làm Đệ nhất tòa; được ngài Chỉ Nham trao cho pháp y, phất tử, đảnh tướng và kệ phó chúc. Ba lần xây dựng tinh xá, đề là Thánh Ân. Trải qua ba mươi năm, đạo phong ngày càng lan rộng. Sư dạy các môn đồ đắc pháp rằng:

*Từ bi vô niệm, hoa nở quả chín.*
*Nhân địa rõ ràng, tuệ bảo chiếu soi*
*Cội nguồn trong suốt chỉ một dòng*
*Vạn cổ đến nay hằng tương tục.*

***Sư lại nói:*** "Như ngày nay đúng vào thời mạt pháp trầm luân, cần phải ở bến nước, trong rừng, để tiếp dẫn một người, nửa người, xiển dương đạo ta để báo ân Phật. Không nên xu phụ người quyền quý, khinh miệt kẻ hạ lưu, theo vọng cầu danh, mê chân mờ đạo. Cần phải thiết tha, cẩn thận".

Nói xong, Sư ngồi kiết già thuyết kệ rằng:

*Bảy mươi chín năm qua*
*Chỉ một vị hư giả*
*Vực thẳm lại buông tay*
*Trời cao xanh lồng lộng.*

Thuyết kệ xong Sư im lặng thị tịch.

Năm Canh Ngọ, niên hiệu Hồng Võ hai mươi ba, Đế ban chiếu cầu Tiên nhân Trương Tam Phong, nhưng rốt cuộc không thể tìm được, bèn triệu đệ tử là Khưu Huyền Thanh đến cùng vua đối đáp, hợp ý, Đế ban cho quan tước và nhà cửa nhưng không nhận tước vị.

Năm Tân Mùi, niên hiệu Hồng Võ hai mươi bốn, chế định áo mũ cho học sinh quốc học và châu huyện như sau: Áo tràng (Thiên sam) may bằng vải, lụa màu xanh lam, tay áo rộng, viền đen; mũ mềm có dây thòng xuống. Vì áo mũ của sĩ tử như thế, nên có dáng dấp cổ phong.

Đế soạn Phật giáo bảng sách.

Mồng một tháng sáu, khâm phụng thánh chỉ rằng: Phật giáo khởi đầu ở Trung Quốc từ khi Minh Đế đời Đông Hán mộng thấy người vàng, sau đó thì pháp từ Tây truyền đến. Minh Đế hạ chiếu cho phép mọi người tự nguyện sùng kính. Từ đó thần dân tin theo ngày càng nhiều; triều đình xây dựng chùa Phật, là một việc tốt ở thời bấy giờ. Lúc pháp mới truyền vào có người cạo tóc, bỏ tục xuất gia; có cha mẹ cho con trẻ xuất gia. Việc tu hành vốn là khổ không rỗng lặng, dứt bỏ các tướng dục, ắt muốn tinh thuần cái anh linh của tự kỷ. Lúc bấy giờ Phật giáo rất rực rỡ; tuy người tu hành chưa đạt đến Viên giác rốt ráo, nhưng thật đang trong giai đoạn thứ tự tu hành; đâu có lẫn lộn với thế tục, không khác người thường ư? Nay các chùa Tăng trong Thiên hạ, lấy những ngôi chùa xưa mà bậc Thánh tương tục kế thừa để xét biết, thì Phật giáo là dị giáo của Trung Quốc; ví như vào thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nếu gặp xiển dương giáo này, chưa thể biết là cho lưu truyền hay cấm chỉ?

Phật pháp truyền nhập Trung Quốc từ thời Đông Hán, đến nay đã trải qua một ngàn ba trăm ba mươi năm, chứ chẳng phải vì một triều đại mà có được, sở dĩ chẳng bị diệt vong là vì sao? Vì đạo ấy chỉ mong cứu sống chứ chẳng phải hành giết hại. Gia phong chính là ở nơi "khổ không rỗng lặng". Nhưng chư Tăng trong thiên hạ hiện nay phần nhiều hỗn tạp với thế tục. Nhất là có nhiều người chẳng bằng thế tục. Đó là giáo bằng mà hạnh kém. Theo lý phải làm trong sạch sự tướng để thành tựu tông phong. Khiến người thuộc thiền thì tu thiền, thuộc giảng thì giảng diễn, thuộc Du-già thì hành Du-già. Mỗi mỗi nương tông phái của mình, gom chúng lập chùa. Người có gia đình muốn hoàn tục thì cho phép, nguyện xa lìa thì cũng cho phép. Tăng Lục Ty nhất nhất theo lệnh Trẫm ban hành đến các tự viện trong thiên hạ, chấn chỉnh Phật pháp để thiện thế kéo dài mãi mãi về sau!"

Sau binh loạn, Tăng không có nơi thống lĩnh. Nay phủ châu cùng khiến Tăng Cang Ty, Tăng Chánh Ty kiểm xét những khu vực ngoài huyện; Tăng Hội Ty kiểm xét Tăng nhân trong huyện. Những Tăng nhân sống lẫn lộn trong dân gian phải được kiểm kê thật số, nơi nào có chùa Phật thì tụ chúng để lập thành tòng lâm, định thanh quy để tu thiền. Người tu thiền phải tuân theo công án của tông mình, quán tâm xét thân để chứng quả thiện. Người diễn giảng thì tuân theo Đức Thích Tôn dùng diệu âm diễn thuyết bốn mươi chín năm, để dẫn dắt kẻ ngu muội. Người tu Du già, thấy nơi nào có chùa Phật cũng phải tụ chúng chỉ dạy thuần thục giáo Hiển Mật. Còn ứng cúng là phương tiện để hiếu tử thuận tôn, báo ân cúc dục cù lao của cha mẹ. Nói về mặt thế tục, giáo này có thể tùy thuận thế gian. Nói về mặt quốc gia, Phật giáo có thể âm thầm phò trợ vương pháp.

Sau khi ban chiếu, người nào còn dám chẳng vào tòng lâm, vẫn ở riêng có quyến thuộc như trước, lẩn trốn trong dân gian, bị người tố cáo đến quan thì hoặc giao quan phủ tầm nã bắt về chém đầu thị chúng. Còn người ẩn náu trong hang hốc thì lưu đày ba ngàn dặm.

- Khoa nghi quỷ phạm của Hiển mật thì tuân theo cách thức đã ban hành vào năm Hồng Võ mười sáu. Những từ ngữ dùng để xướng tụng, trừ các chân ngôn của nội ngoại bộ khó dùng tự thích, còn tất cả vẫn y theo tiếng Tây tạng. Trong đó, từ tối mật, là lý do để gọi là mật, còn các kinh đã phiên dịch và những từ ngữ như tiếp tục, từ tình, khẩn thiết, giao chương trong đạo tràng mà trời, người, quỷ thần đều nghe hiểu, nên đó gọi là nguyên do để gọi là Hiển. Lễ của khoa nghi này, minh thì có thể thông đạt được người, u thì có thể thông đạt quỷ thần; không kể trước khi chưa biên tập, Tăng tục trí ngu, vọng dùng trăm điều làm sai lạc quy củ, cười đùa người trí, quỷ thần chẳng dung, một khi lệnh này đã ban hành, thì mong nhất nhất tuân thủ, không được thêm bớt, làm từ ngữ sai lầm rối loạn. Nếu ai dám vi phạm thì tội đến vị Tăng chủ trì và người theo học.

Khi lệnh này ban hành, nếu vị nào có thể nhẫn nhục, chẳng muốn trụ nơi đông người, chẳng muốn lẫn lộn với thế tục, vào nơi núi sâu, dùng đao khai phá, đốt nương làm rẫy, bóng hình là bạn, đèn dầu là người thân, cam chịu khổ, không, vắng lặng nơi suối rừng, mong cầu anh linh xuất ly ba cõi, thì được phép.

Các tăng Du-già, đã vào chùa Phật đã tập hợp thành chúng, khi có ứng phó thế tục, những tài vật được thù đáp tính theo ngày theo Tăng, mỗi một ngày một vị Tăng là năm trăm văn tiền. Chủ muốn viết số

thỉnh ba vị chấp sự thì mỗi vị Tăng một ngàn văn tiền.

Các phẩm kinh chú tụng niệm trong đạo tràng thì vẫn y theo lệ cũ.

Các mục trang trí tượng Phật, hương đèn cúng cấp, xà lê... tiền lao dịch là một ngàn văn tiền.

Phàm Tăng dự trai của nhà thế tục, văn thư hợp dùng chỉ nên y theo pháp Tu trai, thực hành đến các thể thức. Trừ một biểu, ba thân, ba điệp, ba thiếp, ba sớ, ba bảng ra, còn không cho phép viết văn rườm rà, lập riêng danh sắc để uổng phí giấy tờ, hao tốn tiền bạc của dân.

Từ nay về sau những nơi cách xa Tăng Cang Tăng Chánh Tăng Hội, những ngôi chùa nằm rải rác khi ứng phó dân gian, thì cho phép theo hai bên Tăng và dân, có người thỉnh thí nguyện đến ứng phó, Tăng Cương Tăng Chánh Tăng Hội không được cậy là thượng ti, xuất thiếp kềm chế phi pháp, mượn danh nghĩa này mà vọng lấy những vật mà dân đã cúng cho các chùa đơn lẻ. Đối với những vị tăng có duyên, người có đạo hạnh cao sâu, hoặc người tinh thông yếu chỉ kinh điển, được Đàn-việt kính mộ, dâng trai lễ cúng đường thì không bị phép này câu thúc.

Giáo Du-già là pháp Hiển mật cần phải thanh tịnh trì tụng, văn tự không lầm lẫn, khi hô triệu thì tất cả chúng sinh cõi u minh, ngạ quỷ, đều nghe biết, tức thời đến dự hội. Chẳng phải là thân ô uế của thế tục thọ trì được! Trước kia dân gian thế tục có người thường phỏng theo Tăng Du-già, gọi là Thiện Hữu, làm cho Phật pháp chẳng thanh tịnh, Hiển mật chẳng linh, bị cấu uế làm ô nhiễm, nên như thế. Nay về sau chỉ cho phép Tăng hành sự. Ai dám làm giống như trước thì giáng tội làm kẻ ăn xin.

Ngày một tháng bảy, Bản bộ quan nơi Phụng Thiên môn khâm phụng thánh chỉ rằng: Lệnh cho Bộ lễ xuất cấp, giao cho Tăng Lục Ty sai Tăng nhân mang Bảng văn đi, làm trong sạch tất cả tự viện khắp thiên hạ, không cho phép Tăng nhân sống lẫn lộn trong dân gian.

Ngày mười tám tháng tám, Đế sắc cho các Tăng quan ở ba chùa Thiện Thế, Thiên Hy và Năng Nhân là Tông Lại... sáng sớm ngày mai nếu trời mưa thì không cần đến, nếu trời quang mưa tạnh thì đến Phụng Thiên môn. Khâm thử!

Phục Nguyên Thiền sư tên là Phước Bảo, tự Phục Nguyên người ở Ninh Hải; Thai châu, họ Phương, mẹ là Trương thị.

Sư xuất gia tại chùa Sùng Phước, nhưng lễ ngài Thạch Hồ Mỹ cầu cạo tóc, kế đó đến tham yết ngài Kính Sơn Tẩu mà đạt được yếu chỉ. Sư khai pháp ở Lô Sơn, Từ Khê, rồi chuyển đến Trí Môn ở Tứ Minh. Năm

Hồng Võ thứ nhất, Đế triệu kiến các bậc Sa-môn có đạo hạnh, Sư cùng với Dĩ Trung, Nhật Chương đến Kinh đô trụ tại chùa Thiên Giới. Từng vào nội đình ứng đáp, hợp ý chỉ của Đế, nên lưu lại ba năm rồi cho phép trở về, bổ xứ tại Kính sơn.

Sư Thượng dường dạy rằng: "Như đại địa nâng ngọn núi, chẳng biết núi cao chót vót, như đá chứa ngọc quý, chẳng biết ngọc quý không tỳ vết". Đến ngày thị tịch, Sư bỗng nhiên nói: "Ha! Ha! Ha! Đại chúng làm sao thấy được!" rồi thoát hóa. Thọ tám mươi bốn tuổi, tháp xây ở sườn núi bên phải tháp Tịch Chiếu. Kỵ vào ngày bốn tháng sáu.

Đạm Cư Thiền sư húy Chí Nhân, tự Hành Trung, hiệu Đạm Cư, Hi Di Tẩu, người Thẩm Dương, họ Ngô. Sư lễ ngài Châu Mục Thuần chùa Báo Ân cầu thế độ xuất gia. Từ nhỏ Sư đã có sự hiểu biết cao vời. Được chỉ không Thượng Nhân tán thán rằng: "Bậc thầy của trời người tái thế!" rồi khiến đến tham yết ngài Nguyên Tẩu, ở lại làm Thị Hương, lo ghi chép việc bên ngoài. Ngài Nguyên Tẩu nói rằng: Nhân Thư ký là Hổ có cánh". Sau Sư khai pháp trụ các chùa Đức Chương, Sùng Báo, Vạn Thọ. Tống học sĩ khen rằng: "Hổ Khâu Tôn giả là Phật-đà, thấy tánh sáng chói như ma-ni".

Năm Hồng Võ thứ nhất, Hoàng thượng hỏi về lý quỷ thần, Sư dùng yếu chỉ Phật đà để đối đáp, vua vui mừng. Lúc lâm chung, Sư lấy giấy viết kệ rồi thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, mười chín tháng ba là ngày kỵ.

Toàn Thất Thiền sư húy Tông Lặc, tự Lý Đàm, hiệu Toàn Thất, người Lâm Hải, Thai châu, họ Châu, cha là Cát Phủ, mẹ là Cát thị. Thuở nhỏ Sư đã thích tọa già phu, năm lên tám tuổi theo ngài Tiếu Ẩn Tố học tập, mười bốn tuổi được cạo tóc xuất gia, hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Ngài Tiếu Ẩn khai sơn chùa Long Tường, Sư luôn theo hầu. Sư rất giỏi văn chương, ý hay lời đẹp, tinh thông chữ lệ cổ. Sau Sư tham yết ngài Nguyên Tẩu ở Kính sơn, giữ chức Ký Thất (giống như thư ký riêng). Sư ra khai pháp ở Thủy Tây, rồi đến Trung Thiên Trúc, qua trụ trì đời năm mươi lăm ở Song Kính. Đế hạ chiếu cho Sư cùng với Diễn Phước Pháp sư Thái Phác Phi Công lược giải thích Tâm kinh, Lăng già và Kim Cang; kiểm duyệt Tạng Kinh, chế nhạc khúc hiến Phật, sang Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh như Trang Nghiêm Bảo Vương, Văn-thù... được triều đình trao cho chức Tăng Lục Ty Thiện Thế, thống lãnh Tăng chúng trong thiên hạ, lập am Viên Thông ở Tra Phong, Phương Dương, dựng ngôi thất đề là Tòng Hạ Cư. Lại được trao trụ trì chùa Thiên Giới, vua đề thơ ban tặng rằng:

*Lặc Ông đi rồi, hỏi ai thiền*
*Sáng tối lại nghĩ tại mục tiền.*

Sau Đế ban sắc cho Sư trở về Tra Phong, khi đi Đế tặng thơ rằng:

*Rỗng lặng xem trăng sáng,*
*Tiêu dao cùng mây trắng.*

Và nói rằng: Đó là nơi khanh đến vậy!

Khi qua sông Sư bị bệnh, bèn gọi đệ tử đến nói rằng: “Sự sinh diệt của con người cũng giống như bọt trên biển, bọt sinh bọt diệt đều trở về với nước. Nơi nào chẳng phải là cảnh giới vắng lặng?”

Nói xong, Sư gọi thị giả và nói rằng: “Ơ! Cái gả này!” Vị thị giả mờ mịt chẳng hiểu. Sư nói: “Khổ!”, rồi an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, bấy giờ là ngày mười bốn tháng chín. Trà-tỳ thu được nhiều xá-lợi, xây tháp thờ bên phải tháp của Tố Công ở chùa Thiên Giới.

Cao hoàng đế viết cho Sư bài “Miễn Quan Thuyết” (ghi trong Hoàng Minh Hộ Pháp Lục).

Sư để lại tác phẩm Ngự Hòa Thi một trăm bốn mươi lăm bài, xưng là Lặc Ông. Thành Tổ có soạn Tượng Tán và ban hiệu là Trung Thuận Đại Phu.

Đệ tử đắc pháp của Sư có: Trạm Nhiên, Tánh Nhất, Tông Khâm.

Cổ Chuyết Thiền sư hiệu là Tổ Đình, người Tòng Lăng, mẹ Sư là người trì giới thanh tịnh, mới sinh ra chẳng biết ăn mặn. Thuở nhỏ rất thích kinh Pháp Hoa, năm lên mười tuổi ngày có thể tụng một bộ. Năm mười ba tuổi Sư vào chùa Nhật Trù xin xuất gia, thọ giới Cụ túc. Đầu tiên tham yết ngài Thạch Ốc, rồi về Nam tham yết Cổ Mai lão nhân; phát nguyện đốt ba ngón tay, chín năm miệt mài tham cứu, tâm địa rỗng rang triệt ngộ. Sau đó Sư đến hội ngài Bạch Vân làm thủ chúng. Cuối cùng ẩn cư nơi núi rừng hang động hơn ba mươi năm. Sư từng nói:

*Bình sinh rất thích chốn núi rừng.*
*Hai mươi năm qua biếng đón đưa*

Lương Dần tự Mạnh Kính, người Lâm Giang, nhà nghèo, nhưng học rất giỏi, danh sĩ bấy giờ phần nhiều đều có giao du với ông. Đế tìm các danh Nho trong thiên hạ để tu sửa, soạn thuật lễ nhạc, ông cũng có tham dự, nhưng vì lão bệnh, từ chức mà trở về lập am ở Thạch Môn sơn, gọi là Lương Ngũ Kinh. Ông qua đời năm tám mươi hai tuổi.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Hồng Võ hai mươi lăm, chư Tăng thi kinh cấp độ điệp. Đầu tiên lệnh cho Tăng Lục Ty ban hành đến khắp các Tăng Ty trong nước, lập sổ danh bạ Tăng, khắc in và phân phát

khắp tự viện, để cùng nhau biết rõ, gọi là Châu Tri Bảng Sách.

Ngày hai mươi lăm tháng tư, hoàng Thái tử băng hà, thụy là Ý Văn, tháng chín lập cháu nội đích tôn là Duẩn Văn làm hoàng Thái tử, lấy Phương Hiếu Nhụ làm giáo thọ. Hiếu Nhụ người ở Ninh Hải, Thai châu, thông minh đĩnh ngộ tuyệt luân, hai mắt sáng như điện chớp, khi đọc sách chỉ một cái nhìn là đọc qua mười hàng, người cùng làng gọi ông là Tiểu Hàn Tử. Tống Liêm nói rằng: "Văn của ông chẳng phải là văn của đời này". Thái Tổ nói với hoàng Thái tử rằng: "Đó là Trang Tử!" là "Dị Nhân!" Sau vào cuối niên hiệu kiến văn ông chết vì trung nghĩa.

Mùa đông Đế bị bệnh nhiệt nguy cấp, các ngự y dâng thuốc đều vô hiệu. Bỗng có một xích cước Tăng đến nội cung nói rằng: "Thiên Nhãn tôn giả và Châu Điên Tăng sai tôi đến đây dâng thuốc!" Xem thuốc thì thấy có hai loại là Ôn Lương dược và Ôn Lương thạch, mỗi loại một bánh. Phương thuốc này công dụng thạnh hơn Thạch ma dược; hòa vào chén trầm hương mà uống. Đế uống vào giờ mùi đến lúc lên đèn thì toàn thân thư giãn, đó là công hiệu của thuốc. Vị và mùi của thuốc này giống như Xương bồ, dưới đáy chén còn đọng lại một chất màu đỏ rất lạ. Đêm ấy Đế hết bệnh, tinh thần ngày càng phấn chấn.

Mồng sáu tháng mười hai Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Di Giãn... ở Phụng Thiên môn khâm phụng thánh chỉ rằng: Những nơi nào có cao Tăng thông đạt lý tánh Phật pháp, tìm hỏi được mấy vị, mời về trụ ở chùa Thiện Thế. Khâm thử!

Ngày hai mươi mốt tháng mười hai, Đế chuẩn y khắc Quan Lãnh Thanh Giáo Lục một trăm bốn mươi lăm bản, phát hành đến các Tăng Cương Ty khắp nơi, căn cứ theo bản gốc để khắc in, ban phát cho Tăng sĩ trong các chùa viện sở thuộc.

Lưu Cầu nằm ở phía Nam Hải Đông, từ Mai Hoa ở Phước Kiến khởi hành, thuận buồm bảy ngày mới đến được nơi ấy. Phong tục nước này lấy nước sông đầy vơi định về tháng dư thiếu, lấy cỏ cây khô tươi làm Đông, Hạ. Mọi người đều cạo râu, xăm vào tay, đội mũ lông, mặc áo lông thú, không có lễ tiết, thích cướp bóc. Đến ngày nay thì đã cho con em đi học, vì thế tập tục dần dần hơi có biến đổi. Phụng thánh chỉ vào ngày mồng một tháng giêng thiết lập quan chức, đầy đủ áo mão cân đai, trình tấu biểu chương, trứ tác biên chép, giống với phong tục của Trung Hoa.

Nhật Bản tức là nước Da Nô ngày xưa, nằm trong biển, là một nước lớn nhất trong các Di. Phía Tây Nam kéo dài đến phía Bắc Hải

đông. Đại Sơn Quốc chủ đời đời đều lấy vương làm họ. Toàn lãnh thổ phân làm năm kỳ ba đảo, đồng thời có hơn một trăm đảo nhỏ, trong đó đảo Câu Da Hàn là lớn nhất. Vào đầu đời Đường đổi quốc hiệu là Nhật Bản. Phong tục nước này, nam thì đầu để trần cắt tóc ngắn, thân xăm các hình vẽ, nét mặt lanh lợi. Phụ nữ thì xõa tóc, đi chân không, có lúc đi giày, thích trộm cướp; xem nhẹ mạng sống, thích giết chóc, đó đều là thiên tánh. Sản vật gồm có vàng bạc, hổ phách, thủy tinh, lưu hoàng, thủy ngân, tiền đồng, bạch ngân, ngọc xanh, tô mộc, hồ tiêu, lụa, bông vải, vỏ ốc, vật dụng sơn, quạt, tê giác, voi, đao, kiếm, giáp, ngựa, giao thương buôn bán với người Hoa, rất thích đổi được bé gái, tơ lụa, đá nam châm. Bấy giờ nạp cống không thành thật.

Bành Hưởng là một hải đảo ở Đông nam, có núi và bình nguyên, ít cầm thú, cây cối tốt tươi, đất đai màu mỡ thích hợp với ngũ cốc, rau quả rất nhiều. Phong tục thì trên dưới thân thiết, không trộm cướp. Nam nữ đều búi tóc, thích tụng kinh Phật. Phơi nước biển để lấy muối, lên men nước dừa để làm rượu. Sản vật gồm có phiến não, các loại hương hoa, các vật bằng thiết. Đã sai sứ dâng kim diệp biểu văn về triều.

Bách Hoa là một hòn đảo trong biển, nhiều núi non, có nhiều hoa đẹp, gỗ quý, nhân dân giàu có, ưa chuộng đạo Phật. Sản vật gồm có: Vượn đỏ, mãnh ỷ (một loại ếch), đồi mồi, khổng tước, chim treo ngược, hồ tiêu; quốc vương nước này bấy giờ có đến triều cống.

Bốc Yên Thiếp Mộc Nhi, là một bộ tộc riêng của bộ tộc Thát Đát, cách Cam Túc một ngàn năm trăm dặm. Đất đai rộng hàng ngàn dặm, không có thành quách, dùng da thú may màn làm lều trại. Sản vật gồm có: La, ngựa, bò, dê; đến nay mới vào triều cống.

Dương Duy Trinh hiệu là Thiết Nham, đội mũ vuông vào triều kiến Thái Tổ. Thái Tổ hỏi: “Mũ này tên là gì?”

“Mũ này tên là Tứ phương bình định!”

Đế rất vui lòng.

Bành Hữu Tín sang cống nạp đến Kinh thành, gặp lúc Đế vi hành, Tín đọc bài Hồng Nghê thi rằng:

*Ai đem dải lụa xanh hồng.*
*Cùng mây cùng nước buộc nơi lưng trời.*

Đế bảo đọc tiếp, Hữu Tín liền buộc miệng đọc rằng:

*Đêm qua Ngạc Đế đã rời.*
*Trường không vạn dặm dừng loan Ngọc Kiều.*

Đế rất vui, hỏi quê quán, bảo sáng ngày mai đợi tại Thăng kiều để đồng vào triều. Y hẹn Hữu Tín đợi rất lâu nhưng Đế chẳng đến, Tín

bèn vào triều. Đế triệu Tín lên điện hỏi chuyện, Tín tâu trình sự thật. Đế phong làm Bắc Bình Bố Chánh Sứ.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Võ hai mươi sáu, Nghiêm Chấn Trực, Thuật Phổ Giang Trịnh Tế và hai nhà đồng hương là Vương và Huân nhiều đời sống gần nhau. Gia thế có thân quen với Đế, nên đặc biệt hạ chiếu khen thưởng, phong cho Nghiêm và Trịnh làm Tả, Hữu Xuân Phòng Thứ Tử.

Ngày ba tháng giêng, trụ trì chùa Đại Long Hưng là Tổ Thôi... lên kinh chúc mừng vua; đến lúc từ biệt trở về, Giám quan Ti lễ là Lỗ Thê truyền thánh chỉ rằng: "Tăng trụ trì được thưởng năm nén, những vị Tăng tháp tùng mỗi vị hai nén. Giao cho Bộ lễ danh sách phân bổ. Khâm thử!

Chiếu ban cho Tây Phiên Quốc sư:

Phật giáo hưng khởi từ Tây Trúc, nhân thiện lan rộng đến khắp Hoa, Di. Tuy không dùng luật pháp để trói buộc kẻ hung ngu, mà chỉ dùng lòng nhân làm phép tắc. Thật là lớn lao thay! Diệu giác khó cùng! Thuở xưa, người theo đạo này đốn ngộ Tam không, thoát trần ai ra khỏi chốn khổ, vĩnh viễn lìa cõi tối tăm; khiến cho người sống hoài mong kẻ chết mến mộ, đó há chẳng phải là bậc thánh ư?

Gần đây, những người từ Tây phiên vào triều cống có vị Tăng Công Ca Giám Tạng Dĩ Tang Bốc, là hậu nhân của Đế Sư triều Nguyên Bát Tư Ba, đã theo học đạo của thầy, thông đạt kinh điển sâu mầu, chí chuyên mà bền vững, giáo hóa kẻ ngu ác trở về thiện, dùng lòng nhân mà rửa sạch oan khiên. Tuy mới nghe danh, Ta cũng đặc phong cho Sư hiệu là Viên Trí Diệu Giác Hoằng Giáo Đại Quốc Sư, thống lãnh các Tăng. Xứng danh là Thiện nhân đương thời, vĩnh viễn là thượng thủ trong bản giáo. Nơi Sơn phòng rỗng lặng an vui, đốt ngọn đèn xanh mà đọc tụng, ngắm trăng sáng, ngâm vịnh gió mây, già phu trên đá, mặc thảo y, ăn rau trái, mới khế hợp thiện tâm.

Tượng Nguyên Thiền sư húy là Thúc, người Thai châu, trụ trì Kính Sơn, ngày mười bốn tháng sáu bước vào cửa liền rằng: "Chết đến rồi! Chết đến rồi! Làm sao mà trốn!", nói xong liền ngồi yên thị tịch.

Năm Giáp Tuất, niên hiệu Hồng Võ hai mươi bảy, ban lệnh cho Tăng Lục Ty ban hành đến mười ba Bố Chánh Ty, tuyển Tăng bổ làm quan. Bấy giờ các vị Cư Đảnh, Đạo Thành, Tịnh Giới... theo lời triệu kiến được sách phong.

Tháng giêng, Đế nói với Lưu Tam Ngô rằng: Trẫm lên ngôi đã bao năm nay, điều mà ta lo sợ hơn cả là sợ tâm trị quốc biếng trễ, tâm

biếng trễ vừa sinh, thì trăm việc phế bỏ, nhân dân vui buồn phó mặc vậy! Cho nên một ngày thì cẩn thận một ngày, chỉ sợ rằng chẳng kịp. Trị quốc như thế mà còn chưa tốt; việc trị chánh thật khó quá!" Tam Ngô dập đầu lạy mà nói rằng: Bệ hạ nói như thế thật là phước cho trời đất thần, nhân.

Đế dụ rằng: Thường tình của con người là hễ sống an ổn thì sao nhãng, như no thì quên đói, ấm thì quên lạnh, chẳng nghĩ đến sự chuẩn bị, một mai bỗng tai họa ập đến thì mờ mịt không biết làm gì. Ta biết rõ sự gian khổ của vạn dân tính trăm kế để khuyên răn, đôn đốc khiến cho ai cũng được no ấm.

Mồng tám tháng giêng, khâm phụng thánh chỉ rằng: Phật Thích-ca phát tâm Đại bi nguyện, trải qua vô lượng kiếp đến khi thành đạo, thuyết pháp độ người, tất cả sự việc đều ghi trong Đại Tạng, người ngu đâu thể biết nghĩa, bậc trí chưa thể nhìn tận mắt; từ khi có Phật đến nay, người bắt chước theo Phật mà tu tập nhiều vô lượng, phàm nói gì thì trời, người đều nghe. Người ngu tuy không biết, nhưng bù lại lúc bấy giờ người trí rất nhiều. Sau khi Phật nhập diệt, chư Tổ hành theo đạo của Phật, an trụ nơi vắng vẻ, chẳng bước ra khỏi nơi ở để thấu rõ yếu chỉ của Phật, cho nên xưa nay nhân dân xu hướng về nhiều như thế. Người học theo Phật mà tuyên dương là bậc trí vậy, do đó Phật đạo vĩnh viễn sáng tỏ, pháp luân thường hằng lưu chuyển.

Những năm gần đây, người bước trên con đường Phật, chưa thấy có bậc trí, dẫn đến bị khinh bạc, kẻ tiểu nhân hủy nhục mắng chửi, làm hư hoại Phật môn. Nay lệnh cho Bộ lễ lập những điều lệ cho việc đi, trụ của Tăng nhân, ghi lên bảng để niêm yết.

- Tăng nhân đi chung, không được đi vào thôn xóm với lý do là hóa duyên, khiến cho kẻ vô lại hủy nhục, làm tổn thương Phật giáo. Nếu có như thế, bắt về quan trị theo tội làm bại hoại tổ phong.

- Những chùa, viện, am, cốc đã có châm cơ đạo nhân, thì tất cả những phiền nạn cần ứng đối với quan phủ, đều do người này đảm nhận. Là Tăng thì không được mặc Tăng phục vào công đường quì bái. Ví như bản thân vị Tăng có phạm tội, cần phải dự tính cởi bỏ Tăng phục để chịu bắt giam.

- Ân tứ hoàn toàn miễn thuế ruộng đất. Ruộng đất của thường trụ tuy có thuế, nhưng miễn sai dịch và làm các việc khác.

- Phàm trụ trì hoặc các Tăng nhân nếu dám giao du với quan phủ, kết bạn với thế tục thì phạm trọng tội.

- Phàm Tăng ở nơi Đô thị, cần phải có từ ba mươi vị trở lên mới tụ

nhóm thành một chùa.

- Nơi có thể đến trụ: Hoặc một, hai người ẩn cư nơi núi cao, hang sâu vì muốn tu hành, thì cho phép.

- Tăng có vợ thì cho phép mọi người đánh mắng, lại lục lấy hết tiền, nếu không có tiền thì đánh chết không cần bàn luận.

- Tăng có vợ con nhà cửa, nếu xin hoàn tục thì cho phép; nếu muốn xả bỏ để tu hành cũng cho phép.

- Chùa, viện, am nếu có những bậc cao minh muốn cùng Tăng đàm luận để làm sáng tỏ Phật pháp, vị Tăng ra ứng đối quá bất tài, người ấy mới khinh thường, vị tăng ấy liền khởi tâm muốn hơn thua, người này liền lánh xa không gần gũi... (văn dài không ghi hết).

Than ôi! Nếu chư Tăng thuận theo điều lệ của Trẫm, hoặc sống ở núi rừng, hoặc nương nơi thường trụ, hoặc du phương không can dự đến dân, không vọng muốn vào phố chợ, quan dân muốn cầu Tăng đến để được nghe kinh, há chẳng phải là khó lắm sao? Như thế thì người thiện mến mộ, đến tận nơi Tăng trụ mà đốt hương lễ thỉnh, chẳng phải là bậc cao minh sao? Hành trì lâu ngày thì Phật đạo vô cùng hưng thịnh.

Sau khi dán bản yết thị, quan dân Tăng tục nào dám vọng ngôn trái với điều này thì sẽ dùng cực hình xử trị. Khâm thử!

Ngày mười hai tháng bảy Quan bản bộ cùng Tăng Lục Ty ở tại điện Hoa Cái khâm phụng thánh chỉ rằng:

Những quan viên quân sĩ trận vong hoặc bệnh chết, trong lúc chinh Nam rất nhiều, nay giao cho bộ lễ dụng tâm lo liệu, đến linh cốc làm lễ truy tiến để phổ độ cho họ. Khâm thử!

Năm Ất Hợi, niên hiệu Hồng Võ hai mươi tám, lệnh cho Tăng Lục Ty lập ba khoa thượng, trung, hạ, khảo thí Sa-môn trong thiên hạ. Ban lương thực cho các chùa Thiên Thế, Thiên Phước sử dụng. Ban cho Đại Hữu ở Tăng Lục Ty ca sa và chăn.

Đại Tông Thiền sư húy là Hưng, người Thai châu, trụ trì Kính Sơn. Ngày mười một tháng ba bỗng nhiên Sư than rằng: "Đến ba mươi người con gái sáu tuổi, mà trọn phối ngẫu chẳng thành!" Nói xong, Sư ngồi yên thị tịch.

Tháng mười một năm Bính Tý, niên hiệu Hồng Võ hai mươi chín, thánh chỉ ban rằng: Trụ trì chùa Linh Cốc, bị bệnh viên tịch, giao cho bộ lễ tế tự. Khâm thử!

Bản Bộ sắp đặt lễ phẩm, sai quan đến tế lễ. Năm Đinh Sửu, niên hiệu Hồng Võ ba mươi, lệnh cho Tăng Lục Ty thông báo cho mười ba Bố Chánh Ty biết rằng: Phàm nơi nào có chùa viện đều phải lập Thiền

đường, tập chúng học thiền.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Hồng Võ ba mươi mốt, Thái Tổ lập Yên phủ. Đời sau lấy tên húy gồm bốn câu hai mươi chữ: Cao Chiêm Kỳ Kiến Hựu - Hậu Tải Dực Thường Do - Từ Hòa Di Bá Trọng - Giản Tỉnh Địch Tiên Du.

Ngày hai mươi chín tháng hai Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế là Đại Hựu... tại Hữu Thuận Môn khâm phụng thánh chỉ rằng: Xét hai nơi là trạm Giang Đông và Giang Hoài, lập hai ngôi chùa tiếp đãi, để Tăng đạo Nam Bắc du phương qua lại được thuận tiện. Khâm thử!

Cừ Am Pháp sư húy là Đại Hữu, hiệu Cừ Am, trụ trì chùa Bắc thiền ở Cô Tô, vâng chiếu làm Tả Thiện Thế. Sư tinh thông nội ngoại điển, giỏi giáo nghĩa của Thiên Thai, Hiền Thủ. Sư có các tác phẩm: Di-đà Lược Giải, Tịnh Độ Chỉ Quy... lưu hành ở đời.

Toại Sơ Pháp húy là thiệu Tông, hiệu là Toại Sơ. Sư họ Trần, người Thượng Hải. Sư xuất gia năm mười ba tuổi tại chùa An Quốc ở Tòng Giang, đắc pháp nơi Pháp sư Tỉnh Am Trấn. Sư có thiên tư đĩnh ngộ, giới hạnh tinh nghiêm. Đầu tiên, Sư khai đường giảng pháp ở Trường Khánh, kế đến dời đến Từ Hàm ở Ngô Hưng; Xiển dương tông phong hưng thịnh, tăng tục được giáo hóa rất nhiều. Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Võ, Sư theo lời triệu đến Lô Sơn yết kiến, tâu đáp hợp ý Thái Tổ, nên được ban cho y Tăng-già-lê sợi vàng, phong làm Hữu Giảng kinh rồi Thăng Hữu Thiện Thế. Sư không bệnh mà an nhiên thị tịch vào năm này.

Tháng tư, Đế bị bệnh đến ngày mười tháng năm nhuận thì băng hà, thọ bảy mươi mốt tuổi, tháng sáu an táng ở Hiếu lăng, tôn thụy là: Thánh Thần Văn Võ Khâm Minh Khải Vận Tuấn Đức Thành Công Thống Thiên Đại Hiếu Cao Hoàng Đế; miếu hiệu là Thái Tổ.

Thái Tổ có soạn Hộ Pháp Tập; những bài chép trong tập này thì chẳng ghi đủ trong Vân Thê Hộ Pháp Tập. Toàn tập gồm các bài: Phật Giáo Lợi Tế Thuyết - Tâm Kinh Tự - Tam Giáo Luận - Thích Đạo Luận - Tụng Kinh Luận - Tu Giáo Luận - Minh Trí Luận - Thần Thích Luận - Quỷ Thần Hữu Vô Luận - Không Thật Luận - Bạt Nho Tăng Văn - Tăng Đạo Hành Thuyết - Tăng Diệu Vân Thuyết - Tăng Trúc Ẩn Thuyết - Thanh Giáo Lục - Dụ Chung Sơn Tăng Sắc - Dụ Thiên Giái Tự Tăng - Tứ Tông Lặc Miễn Quan Thuyết - Vấn Phật Tiên (hai thiên) - Hoàn Kinh Thị Tăng - Thiên Giới Tự Hoa Giá Thuyết - Giới Tăng Đào Dã Văn - Hựu Dụ Tăng - Tập Đường Thái Tông Thánh Giáo Tự - Du Tự Ký - Linh Cốc Tự Ký - Du Tân Am Ký - Ngưu Đầu Sơn

Am Ký - Tăng Phạm Hiến Thuyết - Xá Nhị Dịch Tù Nhân - Tế Bảo Chí Công Văn - Tế Đạo Lâm Văn - Tán Thập Lục La-hán (hai bài) - Thi Kệ (mười chín bài) - Sơn Cư Thi (hai mươi bài) - Tán Tụng (mười ba bài).

Gom chép sáu mươi mốt vị, phụ ghi mười lăm vị:

Đạo Nguyên Thiền sư húy Diễn, Thu Đàm Pháp sư húy là Nguyệt, Tông Luật Thiền sư, Chiêu Khánh Luật sư, Thái Bạch Pháp sư húy Chỉ, Thạch Hồ Thiền sư húy Mỹ, Trúc Nguyên Thiền sư húy Đạo, Nhất Nguyên Thiền sư húy Linh, Vô Nhược Thiền sư, Cổ Mai Thiền sư, Dụng Minh Pháp sư, Lại Mục Thiền sư, Tỉnh Am Thiền sư húy Trấn, Thanh Lương Pháp sư, Bạch Vân Thiền sư.

Hoàng Thái Tôn lên ngôi hoàng đế, qua năm sau đổi niên hiệu là Kiến Văn nguyên niên, đại xá thiên hạ.

Thái Tôn dự tang lễ, xõa tóc kêu gào khóc lóc, ai oán làm xúc động cả mọi người. Tôn Đế ban chiếu cho quan tổ chức tang nghi theo châu lễ, phỏng theo phép tắc của Kim Đằng để lại; tức Tiền Triều, hậu Điện, giác môn trái phải cho đến Tây cung, nội tẩm, mỗi mỗi đều có đặt tòa ngồi như lúc Thái Tổ còn sống; tất cả gồm mười một nơi, những nơi nào đã lâu Đế không đến thì dùng nước thơm rửa quét sạch sẽ. Bày Tổ huấn ở Đông trực điện, đặt Trọng khí (vật báu của quốc gia) ở Tây trực điện. Các quan ở Kinh thành từ bốn phẩm trở lên phải mặc triều phục, cầm búa lớn đứng trên các bậc thềm, từ ngày mồng mười đến mười sáu khốc lâm (tập trung quần thần định thời khắc cùng khóc) như tế lễ, ban ngày không uống một muỗng nhỏ nước, ban đêm không nằm gối, chiếu.

Lúc trước, khi Thái Tổ bị bệnh thường giận dữ khiến nhiều người bị tội chết. Thái Tôn bèn vào hầu hạ, tất cả đều do tự thân lo liệu, khi Đế uống thì tự nếm trước rồi mới dâng, về sau thì tự thân đỡ Đế đứng ngồi. Các vật dùng để khạc nhổ, đại tiểu tiện đều do hoàng thái tôn tự tay đặt để lúc cần. Tuy thế mà sắc mặt vẫn an hòa, dung mạo vẫn tự nhiên, thật vui tươi khả ái. Đến khi khí sắc Thái Tổ dần dần bình phục, thì ông rộng lòng tha thứ hơn. Đang trong lúc đêm khuya, lúc các thị vệ đang say sưa ngủ, nếu Đế gọi thì chẳng thể chẳng đáp, đã đáp thì chẳng thể chẳng dậy, vì thế suốt cả đêm chưa có lúc chợp mắt. Hoàng Thái Tôn là người trắng đẹp mập khỏe, đến nay thì suy hao gầy rộc.

Hôm ấy các Đại thần nghinh Thái Tôn ra bên ngoài Đại Minh Môn, quần thần và bá tánh thấy dung mạo hao gầy, sắc mặt đen thâm như thế thì đều buồn bã khóc lóc, ai cũng đặt tay lên trán mà nói rằng:

"Thiên tử thuần chiếu, mọi người đều kính mến, có suy nghĩ chí đức!"

Ban chiếu để tang ba năm, cho phép Tề Thái Hoàng tử Trừng tham dự triều chánh, phong Phương Hiếu Nhụ làm Bác sĩ Thị Giảng, Kiễn Nghĩa làm Lại Bộ Thị Lang, Hạ Nguyên Cát làm Hộ Bộ Thị Lang, Giang Tây Xử sĩ Dương Sĩ Kỳ làm Hàn Lâm Viện Biên Toản, Trương Thống làm Thượng thư Bộ lại.

Sao chổi chiếm trung tâm, Trình Tế giỏi về thuật số, dâng thư tâu rằng: "Phương Bắc khởi binh ứng vào năm sau".

■

# THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

## QUYỂN 3

Kiến Văn hoàng đế húy là Duẩn Văn, cháu đích tôn của Thái Tổ, con của Thái tử Ý Văn. Ngày Kỷ Mão, tháng mười một năm Hồng Võ thứ mười, kế phi của Ý Văn là Lã Thị sinh Hoàng Thái Tôn. Mười năm sau Ý Văn qua đời, bấy giờ Thái Tổ đã sáu mươi lăm tuổi. Ngày Canh Dần tháng chín năm ấy được lập làm Hoàng Thái Tôn, đến khi Thái Tổ băng hà thì kế vị. Năm ông hai mươi hai tuổi, binh Tĩnh Nạn vào đến Kim Xuyên Môn, ông bỏ ngôi vị lẩn trốn, tại vị được bốn năm.

Tháng giêng năm Kỷ Mão, niên hiệu Kiến Văn Nguyên Niên, tế lễ trời đất ở Nam giao, tế xong Đế trở về điện Phụng Thiên, để nhận quần thần đến tung hô chúc mừng. Phương Hiếu Nhụ dâng Giao Tự Tụng, Đế nhận lãnh. Đế sai sứ cáo thần linh trong thiên hạ về việc lên ngôi của mình. Ban chiếu tôn Hoàng Khảo Ý Văn Thái tử làm Hưng Tông Hiếu Khang Hoàng Đế, phong cho em là Duẩn Thông làm Ngô Vương, Duẩn Kiên làm Hành Vương, Duẩn Hy làm Từ Vương, đồng thời lập Văn Khuê làm Hoàng Thái tử.

Chiếu khai Sử quán biên tu bộ Thái Tổ Cao Hoàng Đế Thật Lục. Ban chiếu ưu đãi người hiền, dưỡng dục người già cả, khai khẩn ruộng nương, chấn hưng việc học, khảo xét quan lại, khen thưởng người có hiếu, cứu giúp kẻ nghèo cùng, nhặt chôn hài cốt, chuộc con trẻ, giảm thuế má. Trác Kính nói rằng: “Phàm mới hiện điềm mà chưa phát động tức đợi cơ, lượng thời mà làm tức đợi thế. Thế chưa thật mạnh thì chớ nên động, cơ chưa thật rõ thì chớ nên xét”.

Tháng ba động đất ở Kinh đô, Đế cầu lời nói thẳng. Triệu Giải Thân làm Hàn Lâm Thị Chiếu. Tháng sáu binh Tĩnh Nạn khởi, dùng Khâu Phước, Trương Ngọc, Chu Năng làm Đô chỉ huy lấy danh nghĩa là trị Tề Thái Hoàng tử Trừng.

Yên Vương triệu Tăng Đạo Diễn... đến cùng mưu nghị, bỗng nhiên gió thổi, ngói trên mái nhà rơi xuống đất vỡ nát, Yên Vương cho là điềm chẳng lành, sắc mặt chẳng vui. Đạo Diễn liền nói: “Đây là điềm

lành vậy!” Yên Vương dối mắng rằng: “Sao ông lại vọng ngôn, đây đâu thể gọi là điềm lành?” Đạo Diễn nói rằng: “Ý trời muốn điện hạ thay ngói vàng đó!” Bấy giờ Yên Vương mới vui mừng. Ngày hôm ấy đã định mưu xong.

Tăng Đạo Diễn người ở Trường châu, Tô châu tên Dao Quảng Hiếu. Đầu tiên lễ một vị Tăng ở am Diệu Trí là Tướng Thành cầu xuất gia, được ban pháp danh là Đạo Diễn, tự Tư Đạo. Bấy giờ ở Linh Ứng quán tại Tương thành có Đạo sĩ Vi Ứng Châu đọc sách, học đạo pháp và gồm thông binh cơ, Đạo Diễn bèn đến học và đã thấu đạt hết học thuật của Đạo sĩ ấy, nhưng đều dấu kín trong lòng thì chẳng ai biết. Sau đó Sư đến Kinh Khẩu làm một bài thơ tựa đề là: “Phú lãm cổ thi”:

*Vọng lâu máu chiến đã phai*
*Mà xem cảnh sắc nửa bày hoang sơ*
*Ngũ châu mây phủ núi mờ*
*Ngàn năm lầu vắng lặng lờ đêm trăng.*
*Thiết Thy thông đến Trường giang*
*Đồng hoang có lối thẳng sang Kim đàn*
*Tiêu Lương sự nghiệp đã tàn*
*Xanh xanh Bắc Cố mắt càng dõi trông.*

Sư Tòng Lặc thấy Sư ngồi rung đùi ngâm nga, bèn cười nói rằng: “Đây há là lời Thích tử sao? Này Tư Đạo! Tư Đạo! Ông bạc với Nam triều lắm!” Tông Lặc lại cử Đạo Diễn đến Yên, trụ trì chùa Khánh Thọ ở Bắc Bình, đồng thời tiến cử Đạo Diễn với các nhân tài văn võ. Yên Vương triệu kiến và hỏi rằng: “Ông biết bói toán chăng?” Đạo Diễn với âm giọng xứ ngô liền đáp: “Biết, Biết!” rồi mở vạt áo lấy năm văn tiền đưa vương xem xong, chú nguyện, ném xuống đất, liếc mắt hỏi vương rằng: “Điện hạ không muốn làm hoàng đế ư?” Vương quát rằng: “Hòa thượng chớ nói xàm!”

Hôm khác vương nói thật, Đạo Diễn luận bàn rất hợp ý. Do đó Sư lại tiến cử một nhà tướng thuật tên là Vi Cũng để quyết định. Bởi Đạo Diễn từng đến chùa Tùng Sơn gặp Cũng, Cũng xem tướng rồi nói: “Há một Hòa thượng vô sự mà như thế ư? Mắt có ba góc, dài mà trắng dã, hình như cọp bệnh, ắt có tánh hiếu sát, ngày sau ắt giống Lưu Bình Trung.” Đạo Diễn bèn cười lớn. Nhân đó mà rất tự phụ. Vương cũng nghe danh tiếng của Cũng, nên sai quân đến triệu kiến. Đến Yên Kinh, sứ giả mời vào quán uống rượu, lúc ấy vương đang mặc thường phục lẫn lộn trong đám vệ sĩ cũng vào quán rượu. Cũng vừa thấy liền đến lễ bái vương, đồng thời chiếm một quẻ là ngày sau vương sẽ làm Thái Bình

thiên tử. Vương rất vui, tạm lưu Cũng tại Tăng xá của Đạo Diễn. Về sau người đời lưu truyền hai câu:

*Chùa Tung sơn chỉ ra tể tướng.*
*Quán rượu Trường an biết đế vương.*

Chính là việc này.

Bấy giờ Vương cùng với Đạo Diễn nói chuyện, Diễn thường có những lời kỳ bí, nên Vương càng kính trọng hơn. Có lúc Đạo Diễn ở trước Vương lầm xưng những từ như: Nhĩ, Nhữ (ông, mày), nhưng Vương đều bỏ qua chẳng trách. Mưu kế Tĩnh Nạn thật là do Đạo Diễn sắp bày. Yên Vương mật nói với Đạo Diễn rằng: "Lấy nhân tâm làm chính!" Diễn đáp: "Trời tạo ra, đâu có luận đến lòng dân?" Từ đó Vương lấy Đạo Diễn làm quân sư.

Vùng Giang Bắc sinh sản nhiều sâu phá hoại lúa, quan địa phương tấu xin bắt. Đế nói rằng: "Vì Trẫm không có đức, nên mới có sâu, nay lại giết sâu thì lỗi của Trẫm càng nặng, thần dân đều nói Trẫm mất đức, nay phải cải hối, ân xá những nghi tội, tha kẻ trốn thuế, cứu giúp người nghèo cùng để tu sửa chánh trị; như thế thì sâu chẳng phải là tai họa, mà giúp được mùa".

Tháng tám tế cáo trời đất Tổ Tông, báo xuất chinh. Răn các tướng sĩ Bắc Chinh rằng: "Ngày xưa Tiêu Dịch đem binh về Kinh, hạ lệnh rằng: Trong một nhà mà tự xuất uy binh là quá bất nhân". Nay cũng thế, khi tướng sĩ đối địch với Yên Vương, mong hiểu được ý này, đừng để cho Trẫm mang danh giết chú!"

Lúc đầu Trình Tế nghị đàm với binh phương Bắc, vì vọng ngôn nên bị hạ ngục, sau được tha, cất lên làm Hàn Lâm, sung làm quân sư giúp đỡ cuộc Bắc Chinh. Tặng Vương Hy là Hàn lâm học sĩ, thụy Văn Tiết.

Tháng tám năm Canh Thìn niên hiệu Kiến Văn thứ hai, thay đổi gọi Thừa Thiên Môn là Cao Môn, Đoan Môn là Ứng Môn, Ngọ Môn là Đoan Môn, Điện Cẩm Thân là điện Chánh Tâm. Ban chiếu chọn người thông văn học, lấy xử sĩ Đường Ngu làm học sĩ.

Năm Tân Tỵ, niên hiệu Kiến Văn thứ ba, binh Yên bị bại ở Đông Xương. Lúc Tĩnh Nạn mới khởi, Đạo Diễn nói rằng:"Quân lên đường ắt là thành, nhưng phải mất hai ngày". Đến đây mới biết, lúc trước đã nói hai ngày là chữ Xương. Bắt đầu từ đây, Yên quân luôn luôn thắng trận.

Tháng hai, Văn Hoàng đế, khiến chư Tăng lập hội Tế độ tướng sĩ trận vong như Trương ngọc..., Đế tự soạn văn tế.

Tháng ba Đế hạ chiếu đuổi Tề Thái Hoàng tử Trừng ra ngoài thành, vì tội không làm tròn trách nhiệm giao phó, tịch biên gia sản để tạ lỗi với Yên Vương.

Ngày mười ba tháng sáu năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Kiến Văn thứ tư Đế phóng hỏa đốt cung, thay đổi y phục trốn đi. Người ở Kinh Thành truyền rằng Đế đã băng hà. Yên Vương án binh và vào thành, quan dân đều kính ngưỡng khuyên lên ngôi, Vương chấp thuận, sai người thông báo khắp thiên hạ.

Khi trước Thái Tổ dự tri Đế chẳng ở ngôi trọn vẹn, nên khi bệnh nguy cấp, đã trao cho một cái hộp nhỏ, niêm phong và khóa kỹ, dặn rằng đến lúc nguy cấp mới được giở ra xem. Đến bấy giờ gặp khi quẫn bách vô kế khả thi, Đế liền mở hộp ra, thấy một độ điệp là Dương Ứng Năng và các dụng cụ thế phát. Đế liền cạo tóc, đắp ca sa, cầm độ điệp, theo con lạch ra đến Giao đàn mà đi mất. Bấy giờ trong cung lửa cháy, mọi người đều cho là Đế đã tự thiêu, lúc sắp lưu vong có hỏi Trình Tế, Tế nói:... lập tức triệu một vị Tăng vào cạo tóc, rồi cùng Đế lưu vong, gặp hiểm nạn gì đều dùng thuật mà thoát khỏi. Vài mươi năm sau, theo Đế đến Nam kinh, nhưng không biết mất ở đâu. Bình sinh từng cùng với người đồng hương là Cao Tường Soạn Minh Kinh. Cao Tường chuộng danh tiết, Trình Tế thích thuật số. Tường nói: “Nguyện làm trung thần!” Tế nói: “Nguyện là trí sĩ!”. Về sau Cao Tường bị nạn chết thọ chín mươi tuổi. Bình sinh Đế rất hiền từ, thông tuệ, thích thi văn, sách cổ, lễ nhạc, văn chương. Tánh chí hiếu, khác người. Lúc Ý Văn mới bị bệnh ung thư, Đế còn nhỏ nuốt lệ an ủi, ngày đêm chẳng lìa, tự thân hô hấp cho cha. Đến khi Ý Văn qua đời, Đế than khóc, buồn nhớ, năm ngày chẳng uống một giọt nước.

Thái Tổ Trị Chánh rất nghiêm khắc, còn Đế thì khoan dung, độ lượng cứu giúp, trong ngoài đều yêu mến. Trong năm Kiến Văn có một Đạo sĩ có hát một bài rằng: “Chớ đuổi Yến (Yên), đuổi Yến thì Yến bay ngày càng cao, bay cao đến kinh kỳ của Thượng đế”, hát xong bỗng nhiên biến mất, mọi người không ai biết, đến hôm nay mới ứng nghiệm về lời nói ấy.

Dùng lễ Thiên tử để phát tang Kiến Văn, sai quan tế lễ, miễn triều ba ngày. Phương Hiếu Nhụ mặc áo tang ngày đêm than khóc, Tân Đế triệu kiến nói rằng: “Việc trong nhà của ta, vì sao Tiên sinh tự làm khổ thế?” rồi giao giấy bút sai soạn chiếu chỉ, Hiếu Nhụ viết mấy chữ rồi ném bút xuống đất nói rằng: “Chết thì chết chứ không thể thảo chiếu chỉ!” Trước kia Đạo Diễn có gởi gắm cho Yên Vương rằng: “Nam

Triều có Phương Hiếu Nhụ, là người có học, hạnh; ngày thành công, ắt ông ấy không theo, xin chớ giết, nếu giết thì người hiếu học trong thiên hạ sẽ hết!”

Tháng mười phong cho Đạo Diễn làm Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế - các quan tử tiết trong cuộc Tỉnh Nạn, những người được biết rõ ràng, đời sau khen tánh danh của họ là: “Cách Trừ Di Sự”. Đầu tiên là những quan bị họa và tử trận gồm mười chín người, nghe có biến tự vận là mười lăm người, ở tại triều bị họa là hai mươi ba người, bên ngoài bị họa là hai mươi người, Sĩ thần trong triều ngoài triều là một trăm chín mươi tám người, chẳng tránh kịp bị nạn là sáu người, bị đuổi mà chết là sáu người, bị lợi dụng mà chết là hai mươi hai người.

Thái Tông Văn Hoàng Đế.

Đế là con thứ tư của Cao Hoàng đế, được phong làm Yên Vương, sau hận Tề, Hoàng làm loạn điếu chương, khởi binh Tỉnh Nạn về kinh, tại vị hai mươi hai năm, ngày mười tám tháng bảy năm Canh Tý thì băng hà, thọ sáu mươi lăm tuổi, hiệu là: Thể Thiên Hoằng Đạo Cao Minh Quảng Vận Lý Võ Thần Công Thuần Nhân Chí Hiếu Văn Hoàng Đế, miếu hiệu Thái Tông, đến năm Gia Tĩnh đổi hiệu là Thành Tổ, táng ở Trường lăng. Tháng hai năm Quý Mùi, niên hiệu Vĩnh Lạc Nguyên Niên ban chiếu dùng Bắc Bình làm Bắc kinh, đổi là phủ Thuận Thiên. Biên tập Hoàn Thành Thái Tổ Cao Hoàng Đế Thật Lục gồm một trăm tám mươi ba quyển.

Phật Thuyết Hy Hữu Đại Công Đức Kinh: Đêm mồng tám tháng giêng Hoàng hậu Nhân Hiếu nằm mộng cảm được Phật thuyết kinh này. Duyên khởi có ghi trong lời tựa. Nhân Tông và Hán Vương, Triệu Vương đều có lời Bạt vào tháng mười một niên hiệu Vĩnh Lạc thứ năm.

Ngày hai mươi chín tháng chín, Qua Bản Ty là Tả Thiện Thế Đạo Diễn cùng với Công Bộ Thị Lang Kim Trung, chỉ Huy Cẩm Y Vệ Triệu Hy, đồng tại Võ Anh Diệu tấu rằng: Tạng kinh bản ở chùa Thiên Hy có người đến ấn chứng, nếu hợp thì không cần người ấy xuất tiền cúng dường. Tuân phụng thánh chỉ hỏi người ấy lấy bao nhiêu bản. Khâm thử!

Tháng bốn năm Giáp Thân, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ hai, Đế lập Cao Xí làm Hoàng thái tử, quận vương Cao Hú làm Hán Vương, Cao Toại làm Triệu Vương. Thăng Tả Thiện Thế Đạo Diễn làm Thái tử Thiếu Sư, lấy lại họ Dao và đặt tên là Quảng Hiếu. Từ đó Đế gọi Đạo Diễn là DaoThiếu Sư mà chẳng gọi tên chính. Tuy thế suốt đời Sư vẫn không để tóc, lấy vợ, sinh hoạt đều ở chùa Tăng. Đế từng ban cho hai

cung nữ nhưng ông không gần gũi, Đế phải triệu trở về.

Đạo Dư Lục.

Thiếu Sư có biệt hiệu là Triệu Hư Tử, soạn bộ Đạo Dư Lục, bài tựa ghi: Ta trước kia, khi làm Tăng, gặp binh loạn vào cuối đời Nguyên, gần ba mươi năm theo ngài Ngu Am và Hòa thượng ở Kính sơn tu tập thiền pháp. Những lúc rảnh rỗi ta xem đọc thêm nội ngoại điển để tăng thêm kiến thức. Nhân đó có xem những bộ sách của hai vị tiên sinh họ Trình ở Hà Nam để lại và Ngữ lục của Hối Am tiên sinh ở Tân An. Ba vị này đều sinh vào đời Triệu Tống, truyền sở học của Thánh nhân mà ngàn năm chưa được truyền, nên có thể cho là anh kiệt của thế gian, là bậc chân Nho của đời. Ba vị tiên sinh này nhân giúp Danh giáo mà lại bài xích Phật, Lão làm chính. Thái sử Công nói rằng: "Ở đời mà học Lão Tử thì chê Nho Học, học Nho thì chê Lão Tử. Vì đạo chẳng đồng nên chẳng cùng nhau toan tính. Xưa nay đều như thế, đâu lấy gì làm lạ?" Ba vị tiên sinh đã là Tông chủ của Văn này, là mô phạm cho hậu học, tuy nói bài xích Phật lão, ắt phải có lý làm chứng cứ. Chí công vô tư thì nhân tâm mới phục. Ba vị tiên sinh này do chưa nghiên cứu nhiều sách Phật, chẳng biết lý cùng tột của Phật, nên nhất nhất đều dùng ý của riêng mình mà nêu ra những lời tà vạy, bẻ cong thái quá, khiến cho người đời lắm kẻ bất bình, huống gì người tôn quý cái học ấy? Di Thư của hai vị họ Trình có nêu hai mươi mốt điều ngữ lục của Hối Am gồm hai mươi mốt điều, tất cả đều lầm lẫn. Tôi chẳng nói chung mà căn cứ từng điều xét theo nghĩa lý mà nhất nhất phân tích. Đâu dám nói là cùng với ba vị tiên sinh biện luận? Đây là việc bất đắc dĩ mà thôi! Cũng chẳng phải là dua nịnh nơi Phật vậy.

Sau khi biên soạn thành, tôi xếp cất vào chiếc rương nhỏ, đến nay đã rảnh rỗi việc công, nên mới chọn lựa một số giấy cũ mà gặp được bản thảo này, tôi liền chép sạch thành pho quyển, đề là Đạo Dư Lục, đặt lên bàn, để các bậc quân tử, trí nhân ghé qua đây xem đọc bộ lục này, hầu biết tôi kết tội tôi ở tại trong đó vậy!

Tháng 6, Đế hạ chiếu cho Thái tử Thiếu Sư Dao Quảng Hiếu đến Tô châu, Hồ Nam cứu tế. Lúc Quảng Hiếu còn làm Tăng, người chị thường khuyên rằng: "Em đã là một vị Hòa thượng thì nên phát tâm từ bi!" Vì bà đã biết ông ấy hiếu sát. Đến khi Quảng Hiếu dự loạn Tỉnh Nạn, bà ấy than thở nói với mọi người rằng: "Hòa thượng từ bi mà như thế ư?"

Khi Quảng Hiếu đã phú quý trở về đất Ngô, đến thăm chị, người chị cự tuyệt nói: "Quý nhân đâu cần đến nhà nghèo? Nhà nghèo chẳng

thể dung nạp!" Quảng Hiếu bèn thay Tăng phục mà đến, bà vẫn kiên quyết không ra tiếp. Người nhà khuyên bảo mãi, bất đắc dĩ bà ra đứng giữa nhà. Dao Quảng Hiếu liền quì lễ. Bà nói rằng: "Tôi đâu cần ông lạy nhiều đâu? Từng thấy ông làm Hòa thượng; ông chẳng biết đó là người rất tốt ư?" Nói xong bà liền quay vào trong nhà, không bao giờ gặp mặt nữa.

Tháng bốn năm Ất Dậu, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ ba, Đế nói với Thị thần rằng: Đạo trị quốc không gì hơn là con đường nói năng rộng rãi; Bởi vì thiên hạ lớn lao, sự được mất của việc cai trị, niềm vui nỗi buồn của nhân dân, nếu không có người nói, triều đình làm sao mà biết hết?

Năm Bính Tuất, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư, triệu tất cả Đạo sĩ trong thiên hạ về kinh đến triều Thiên Cung, Thần Lạc quán và Động Thần Cung để tổ chức Kim Lục Trai pháp cúng tế Hoàng Khảo, Hoàng Tỉ. Đế đến dự tế đàn bảy ngày mới xong.

Cung nghinh vị tăng Tây Tạng là Thượng sư Cáp-lập-ma đến Kinh sư. Lúc trước, khi Đế còn ở Vương vị nghe ở Ô Tư Tạng có Thượng sư Cáp-lập-ma là một dị Tăng, nay lên ngôi liền sai trung quan Hầu Hiển đem vàng bạc đến nghinh thỉnh. Trải qua năm năm mới đến. Đế thân hành đến xem, Thượng sư chỉ chắp tay, chứ không lễ bái.

Năm Đinh Hợi niên hiệu Vĩnh Lạc thứ năm Trực Lệ và các quận vùng Triết Giang, con em của quân dân cạo tóc xuất gia làm Tăng đến một ngàn tám trăm người đồng nhau về kinh xin cấp độ điệp. Bộ lễ nghe được. Đến tháng hai thỉnh Thượng sư Cáp-lập-ma lập pháp đàn ở chùa Linh Cốc cúng tế Hoàng Khảo, Hoàng Tỷ (cha, mẹ). Thượng Sư thống lãnh Tăng trong thiên hạ cử hành Đại khoa phổ độ trong mười bốn ngày. Bấy giờ mây lành, hoa trời, cam vũ, cam lộ, xá-lợi, ánh sáng lành, linh thứu xanh, hạc trắng xuất hiện, tụ tập liên tiếp nhiều ngày. Một đêm kia trên cây thông cây bá nở hoa màu vàng ròng, chiếu sáng khắp đô thành, rồi Kim Tiên La hán, hiển hiện trên mây; voi trắng, sư tử xanh diệu tướng trang nghiêm, đèn trời dẫn lối, tràng phan vây quanh, cùng nhau đáp xuống. Lại nghe tiếng phạm bái, không nhạc từ trên trời vọng xuống. Quần thần dâng biểu chúc mừng, học sĩ Hồ Quảng... dâng bài "Thánh Hiếu Thụy Ứng Ca Tụng". Từ đó về sau, Đế để tâm nơi Phật điển, soạn ca khúc Phật giáo, khiến cung nhân ca múa theo.

Mồng sáu tháng hai, các quan văn võ tấu trình vào buổi chầu sáng tại phụng Thiên môn, Đế chuẩn y. phụng thánh chỉ thông tri cho Bộ lễ biết rằng: Cần phải ban hành bảng điều lệ mới để hiểu dụ. Phàm Tăng

Đạo hành cước nên trì trai giữ giới, cho phép họ được lập đàn thuyết pháp. Nếu có người ngăn trở thì đầy ra ngoài quan ải làm dân. Khâm thử!

Tháng ba phong cho Thượng sư Cáp-lập-ma là Vạn Hạnh Cụ Túc Thập Phần Tối Thắng Viên Giác Diệu Trí Tuệ Thiên Phổ Ứng Hộ Quốc Diễn Giáo Như Lai Đại Bảo Pháp Vương_Tây Thiên Đại Thiện Tự Tại Phật, thống lãnh Tăng ni trong thiên hạ. Lại ban cho một trăm lạng vàng, một ngàn lạng bạc, tiền giấy, ca-sa sợi vàng đính ngọc, chén bát bình nước bằng vàng bạc, Nghi trượng đồng như quận chúa. Đệ tử của Thượng sư là Bột-la... cũng đều được phong làm Đại Quốc Sư, ban cho ấn cáo, vàng, tiền và các vật khác. Lại thiết yến tiệc tại điện Hoa Cái.

Thái Sơ Thiền sư húy Khải Nguyên, hiệu Thái Sơ, người Nhật Bản. Năm chín tuổi Sư lễ Thiền sư Vật Ngoại cầu xuất gia. Năm mười chín tuổi, Sư cùng với mười tám người như Tông Du... đến Trung Quốc tham học. Tháng hai năm Bính Ngọ thì đến Kinh đô tham kiến Thiền sư Quý Đàm, sau đó lần lượt tham kiến bốn mươi lăm vị Thiện tri thức như Liễu Đường, Thiên Đồng, Vô Trước, Lại Mục... cuối cùng Sư làm đệ tử nhập thất nơi Hòa Thượng Kiệt Phong, được trao cho đảnh tướng, ca-sa, phất tử, pháp ngữ. Sau Sư trụ chùa Tam phong ở La Dương, Giao Long thiền tự ở Cập sơn. Sư có soạn Tam Hội Ngữ Lục.

Ngày mồng một tháng ba năm này, lúc đúng ngọ Sư thuyết kệ rằng: "Sinh cũng là da mặt sắt, tử cũng da mặt sắt, một chùy nát trăm mảnh, mặt trời quanh thiết vi". Nói xong ném bút ngồi yên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, hành hóa hơn bốn mươi năm, tháp xây ở phía Nam của chùa.

Ngày Ất Mão, tháng bảy Hoàng hậu Từ Thị băng hà, thụy là Nhân Hiếu hoàng hậu.

Tháng mười một Vĩnh Lạc Đại Diễn soạn thành, gồm hai mươi hai ngàn chín trăm quyển, mười một ngàn một trăm bản. Sau phế bỏ.

Tháng ba năm Mậu Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ sáu, ở Phước Kiến có cây bách trổ hoa, cho là điềm lành. Đế hạ chiếu cầu mong như vậy, Không bao lâu hai phủ Tô châu và Dương châu tâu rằng: Hoa thông nở là điềm lành.

Vô Ngại Thiền sư húy Phổ Trí, hiệu Nhất Chi Tẩu, người ở Lâm Bình, Triết Giang, họ Chữ. Sư xuất gia ở chùa Long Tỉnh, nương Pháp sư Đông Minh Nhật lãnh thọ học thuyết Tánh cụ của Thiên Thai, Sư rất giỏi giảng thuyết, trải qua bốn đạo tràng, môn phong hưng thạnh. Về già Sư giảng pháp tại chùa Diên Khánh ở Tòng Giang, rồi ở đây đến

cuối đời, chuyên tu tịnh nghiệp, đông hạ chẳng lìa.

Mồng hai tháng giêng năm này Sư thị hiện có bệnh, tập chúng xong Sư ngồi kiết già, mặt hướng về Tây, niệm Phật mà thị tịch. Sư có các tác phẩm tập chú A-di-đà kinh một quyển.

Thụy Tượng Chiên-đàn đến đây đã được hai ngàn bốn trăm năm.

Năm Kỷ Sửu, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ bảy.

Năm Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tám.

Năm Tân Mão, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ chín.

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười.

Năm Quý Tỵ, niên hiệu Vĩnh Lạc mười một.

Ngày mồng năm tháng năm, Đế đến Đông Uyển xem đá cầu và bắn cung. Hoàng Thái Tôn bắn liên tiếp nhiều phát đều trúng. Đế vui mừng nói rằng: "Nay Hoa Di đều đã quy tụ, Trẫm có một lời, cháu hãy suy nghĩ rồi đối:

*Vạn phương ngọc bạch phong vân hội.*
*(ngọc lụa vạn phương, mây gió tụ)*

Hoàng Thái Tôn cúi lạy đối rằng:

*Nhất Thống sơn hà, nhật nguyệt minh.*
*(Non sông một cõi, nhật nguyệt soi).*

Đế rất hoan hỷ, thiết đại yến tiệc, cùng nhau làm thi phú, tận hưởng thú vui mới thôi.

Ngày bảy tháng bảy Thượng thư Bộ công là Ngô Trung, trong buổi chầu sáng ở Phụng Thiên môn khâm phụng thánh chỉ, ngày hôm nay ở Kinh thành xây dựng chùa Đại Báo Ân. Ngốc Am Thiền sư húy là Trang, người Thai châu, trụ trì chùa Kính sơn, lúc lâm chung nói rằng: "Khó, khó, khó! Đứa con gái đẹp mười sáu tuổi lên núi cao, lão Tăng nâng đỡ chẳng được!" Nói xong liền thị tịch. Thật là một vĩ nhân tráng liệt uy dũng trong Tông môn.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Vĩnh Lạc mười ba.

Năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Lạc mười bốn.

Năm Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Lạc mười lăm.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Vĩnh Lạc mười sáu, Thái tử Thiếu Sư Dao Quảng Hiếu qua đời, truy phong vinh Quốc công, thụy là Cung Tĩnh. Ông có soạn Đạo Dư Lục đã nói ở trước.

Tháng mười hai Đế ban sắc tu sửa cung quán ở núi Võ Đang đã hoàn thành, ban tên là "Thái Nhạc Thái Hòa Chi Sơn". Toàn núi có bảy mươi hai ngọn, ba mươi sáu hang, hai mươi bốn khe. Ngọn cao nhất là Thiên Trụ; cảnh đẹp nhất là Tử Tiêu, hang núi phía Nam trên thì thông

lên chạm mây, dưới sâu đến cùng đáy. Thời xưa mỗi nơi đều có lập cung để tế tự, nhưng bị hư hoại trong nạn binh lửa cuối đời Nguyên. Đến nay thì đã hoàn toàn khôi phục mới mẻ. Tử Tiêu gọi là Thái Huyền Tử Tiêu cung, Nam Nham (Hang phía Nam) gọi là Đại Thánh Nam Nhạc cung, lại có Hưng Thánh Ngũ Long cung, Huyền Thiên Ngọc Hư cung, Ngụ Chân cung, Thanh Vi cung, Tịnh Lạc cung. Trên đảnh Thiên Trụ có lập một tòa điện bằng đồng, dát vàng, ở giữa đặt tượng Châu Võ. Tuyển chọn ba trăm đạo sĩ lo việc quét dọn, cấp hai trăm bảy mươi bảy mẫu ruộng và các hộ nông dân canh tác. Mỗi cung có một vị Đề Điểm hàm Chánh Lục Phẩm.

Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười bảy, ban hai Bộ Thiện Âm Tước và Hiếu Thuận Sự Thật cho quần thần văn võ và các trường học trong thiên hạ.

Cam lộ rơi trên cây tòng cây bá ở Hiếu lăng ba ngày.

Ngày hai mươi tám tháng hai, ban cho Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Nhất Như hai bức họa tượng Phật, năm mảnh Phật cốt, một xâu tiền một ngàn đồng, ba bản chư Phật Bồ-tát danh xưng ca khúc lớn nhỏ. Ban cho ngài Đạo Thành một bức họa tượng Phật, Tư Khoách một bức, ba bản danh xưng ca khúc, lại ban chiếu biên tập, phân loại ngữ lục Thiền Tông. Ngày mồng ba tháng ba, lại sắc cho tám vị là Như Nhất, Đạo Thành... hiệu đính Tạng Kinh, so sánh đối chiếu bản mới bản cũ, gom nhóm chư Tăng ghi chép.

Pháp Hoa Khoa Chú do Pháp sư Nhất Như trụ trì chùa Thượng Thiên Trúc, Tăng Lục Ty Hữu Thiện Thế y cứ vào bộ Pháp Hoa Văn Cú Cú Ký biên soạn mà thành.

Đại Minh Pháp Số cũng do Pháp sư Nhất Như phụng sắc, trích chọn từ các kinh trong Đại Tạng rồi biên tập, phân loại giải thích mà thành.

Tuyết Hiên Thiền sư húy Đạo Thành, tự là Thứu Phong, người ở Tô Bắc. Sư tham yết ngài Thu Giang Khiết, ngay một lời liền khế ngộ yếu chỉ. Ngài Thu Giang dặn dò rằng: "Đó là việc phần gốc của ông, hãy khéo tự giữ gìn!"

Sư khai pháp ở chùa Trí Tạng, Lai châu. Mỗi lần diễn giảng pháp yếu, có đến vạn người nghe; những kẻ bán rượu thịt được Sư cảm hóa mà đổi nghề. Trong những năm Hồng Võ, Sư được bổ làm Tăng Đô Cương ở Thanh châu. Sau Thái Tổ nghe danh Sư là bậc hiền thiện nên triệu về kinh làm Tăng Lục Ty Hữu Giảng Kinh, ban ca-sa Kim lan, trụ trì chùa Thiên Giới. Đến năm Vĩnh Lạc Sư lại được cử sang Nhật Bản

hoằng pháp. Sau khi trở về thì thăng làm Tả Thiện Thế. Đế làm thơ để tặng Sư.

Sư ba lần ngồi đạo tràng; có Tứ Hội ngữ lục lưu hành ở đời.

Mùa thu, Đế soạn nhạc khúc Phật giáo hoàn thành, đồng thời in ấn kinh Phật để lưu truyền.

Ngày mười hai tháng chín khâm phụng thánh chỉ cấp sách Phật đến chùa Đại Báo Ân. Đêm ấy xá-lợi nơi tháp ở chùa này phóng ánh sáng như bảo châu. Ngày mười ba lại hiện hào quang năm màu, mây lành vây quanh mặt trời, ngàn Phật, Bồ-tát, La-hán với diệu tướng đều vân tập đến.

Đế lại tiếp tục ban cấp kinh Phật đến Hoài An, ở đây cũng có viên quang năm màu, mây lành năm sắc hiện đầy trời, trong mây hiện Bồ-tát, La-hán; hoa trời, tháp báu, rồng phụng, sư tử, voi, lại có chim hồng, hạc trắng bay lượn chung quanh.

Lại tiếp tục sai Thượng thư Lã Chấn, Đô Ngự Sử Vương Chương phụng đưa danh xưng ca khúc Chư Phật Thế Tôn Như Lai Bồ-tát Tôn giả đến vùng Thiểm Tây, Hà Nam cấp phát. Lúc bấy giờ thần minh thầm ứng, xuất hiện mây lành, viên quang, bảo tháp. Văn võ quần thần dâng biểu chúc mừng, Đế rất vui sướng. Các quan từ đó càng thêm kính trọng Phật, Tăng, xây dựng chùa viện khắp trong ngoài hai kinh để cầu phước.

Tâm Uyên Pháp sư húy là Cư Kính, tự Tâm Uyên, hiệu Giản Tuyết. Sư học thông nội ngoại điển, giỏi văn chương, tinh nghiêm Luật bộ. Đầu tiên Sư tham lễ Hòa thượng Nhất Vũ ở chùa Đại Báo Ân, sau yết kiến Pháp sư Tập Nguyên ở Hàng châu. Năm Vĩnh Lạc thứ nhất Sư Phụng chiếu hiệu đính Đại Tạng, tham dự việc tu chính Hội Điển. Không bao lâu Sư trụ trì Quảng Phước Giảng tự, rồi chuyển đến chùa Phổ Chiếu ở Tòng Giang, mở rộng pháp tịch suốt mười ba năm. Sư xây dựng Đại Hùng Bảo điện, Hải Nguyệt đường, Tam Giải Thoát môn, tinh xá Hương Tích, phòng ốc nhà cửa, tất cả đều rực rỡ trang nghiêm, bảy chúng đều kính ngưỡng; đạo phong ngày lan xa.

Ngày mồng bảy tháng ba năm Canh Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ mười tám ban mười ba thiên ngự chế Kinh tựa, mười hai thiên Phật Bồ-tát Tán bạt để chép ở đầu mỗi bộ kinh.

Đế soạn Thánh Triều Phật Bồ-tát Danh Xưng Phật Khúc Tác năm mươi quyển, Phật Danh Kinh Tác ba mươi quyển, Thần Tăng Truyện Tác chín quyển đều được nhập Tạng lưu hành.

Hạ chỉ khắc bản gỗ Đại Tạng Kinh, hai loại: Tạng Nam Kinh mỗi

bản sáu hàng, mỗi hàng mười bảy chữ. Tạng Bắc kinh mỗi bản năm hàng, mỗi hàng mười lăm chữ. Lại ban lệnh khắc trên đá một Tạng, an trí tại Đại thạch động. Thánh chỉ nói rằng: "Về sau gỗ sẽ bị hư hoại, mà đá thì vẫn còn".

Xây dựng hai ngôi chùa lớn ở Bắc kinh, tuyển chọn vị Tăng thông tuệ trụ trì.

Ngày hai mươi bảy tháng bảy, triệu hai vị Tăng là Văn Lộc và Thiên Duệ đến ban cho kệ Thất Phật.

Ngày mười chín tháng tám các bộ sách của Thiền Tông được sắc nhập tạng là: Cổ Tôn Túc Ngữ Lục, Liên Châu Tụng Cổ (hai mươi hai quyển), Tục Truyền Đăng Lục (ba mươi sáu quyển); sách của Giảng Tông được nhập Tạng là: Phật Tổ Thống Kỷ (bốn mươi lăm quyển).

Năm Tân Sửu, niên hiệu Vĩnh Lạc mười chín, Đại Bảo Pháp Vương, vị tăng Tây Tạng đến triều, thỉnh vua thân hành đến ủy lạo. Hạ Nguyên Cát ngăn can, Đế nói: "Khanh muốn bắt chước Hàn Dũ ư?" Đế chẳng đến ủy lạo. Hôm khác Pháp Vương đến triều kiến, Cát chẳng bái lạy.

Ngày hai mươi mốt tháng giêng, Tăng Lục Ty Tả Giác Nghĩa Tuệ Tấn... tấu thỉnh Hoàng đế đề tựa cho việc chép lại Đại Tạng Kinh rằng: Kính nghĩ: Hoàng triều khắc in Tạng kinh là việc ngàn năm hiếm có, chúng thần cúi xin thánh thượng đề soạn lời tựa để đặt ở đầu Bộ kinh, hầu Phật nhật tăng huy, lưu truyền vạn cổ. Như thế thì thật là may mắn cho giáo môn! Vì vậy cung kính trình tấu!"

Ngày ba mươi tháng giêng, Đế xem Tạng Kinh đã được chép lại, đưa đến chùa khắc in, ban cho hai vị Tăng là Truyền Tâm và Diệu Quyết mỗi người một bản.

Mồng mười tháng tám, Đế xét về việc chép kinh: Tăng nhân các nơi trở về hết; sang năm không đến, năm sau nữa mới đến, đó là việc trong giáo môn của các ông; nếu đợi văn thư đến thì bất tiện. Tăng nhân tu hành, phàm kinh đã khắc bản xong, tiễn các vị trở về Sơn môn. Ta cũng kết ít thiện duyên để cung cấp cho các vị. Khâm thử!

Ngày hai mươi bốn tháng chín năm Nhâm Dần, niên hiệu Vĩnh Lạc hai mươi, ban trai soạn cho các Tăng quan - Đế soạn các bài tán về Quán Âm, Kim Cang Sổ Châu.... Ban bánh xe pháp cho các vị Tăng tham dự pháp hội trong thiên hạ.

Mồng một tháng mười, ban họa tượng Phật Di-đà và tượng Bồ-tát Văn-thù Tây Tạng mỗi một bức cho các Tăng quan và Trụ trì các chùa.

Ngày mồng sáu tháng mười, ban yến tiệc cho Tăng quan, Đạo quan và chúng Tăng trong thiên hạ. Ban chiếu khắc tượng Quán Âm nhỏ và sổ châu thủy tinh.

Năm Quý Mão, niên hiệu Vĩnh Lạc hai mươi mốt.

Ngày mười tám tháng bảy năm Giáp Thìn, niên hiệu Vĩnh Lạc hai mươi hai, Đế băng hà thọ sáu mươi lăm tuổi.

Ngày mười lăm tháng tám Hoàng Thái tử lên ngôi. Mồng một tháng chín, phong Đại Hành (mới băng hà) Hoàng đế thụy là Thể Thiên Hoằng Đạo Cao Minh Quảng Vận Thánh Võ Thần Công Thuần Nhân Chí Hiếu Văn Hoàng Đế. Miếu hiệu là Thái Tông. Đến năm Gia Tỉnh đổi miếu hiệu là Thành Tổ. Tháng mười hai an táng ở Trường lăng.

Đại Tông Thiền sư húy là Thái, người ở Thiệu Hưng, trụ trì Kính Sơn. Một hôm vào lúc sáng, Sư sớm tắm rửa sạch sẽ xong, ngồi kiết già thị tịch.

Bá Am Thiền sư húy là Tú, người Tô châu. Trụ trì Kính Sơn. Một hôm đang kinh hành, Sư tựa vào tích trượng mà thị tịch.

Những danh Tăng vào thời mới lập triều đại chưa thấy truyền ghi thì phụ chép, trước đã nêu chín vị, sau phụ thêm hai mươi mốt vị.

Vô Ngại Thiền sư húy Giám, Nguyệt Am Thiền sư, Tố Am Thiền sư húy Điền, Liễu Đường Thiền sư, Ngoan Thạch Thiền sư, Vô Niệm Thiền sư, Thiên Đồng Thiền sư húy Tố, Vạn Am Thiền sư, Dụng Cang Thiền sư húy Nhuyến, Tịch Chiếu Thiền sư, Độc Không Thiền sư, Di Am Thiền sư húy Châu, Vô Thiền Thiền sư húy Ngộ, Vô Hà Thiền sư, Nhất Vũ Thiền sư, Hòa Am Thiên sư, Diễn Phước Pháp sư, Khê Trừng Thiền sư, Ngô Hư Thiền sư, Lại Vân Thiền sư, Hoại Không Thiền sư húy Thành.

Nhân Tông Chiêu Hoàng đế là con trưởng của Thành Tổ, do Nhân Hiếu Thái hậu sinh ra. Chánh thức ở ngôi Đông Cung hai mươi hai năm, khi Thành Tổ băng hà, đến ngày mười lăm tháng tám năm Giáp Thìn thì lên ngôi, tại vị được một năm, ngày mười một tháng năm năm Ất Mão thì băng hà ở Tây Cung, thọ bốn mươi tám tuổi. Phong thụy là: Kính Thiên Thể Đạo Thuần Thành Chí Đức Hoằng Văn Khâm Võ Chương Thánh Đạt Hiếu Chiêu Hoàng Đế. Miếu hiệu Nhân Tông, táng ở Hiếu lăng.

Ngày một tháng giêng năm Ất Tỵ, niên hiệu Hồng Hy Nguyên niên, Đế ngự ở điện Phụng Thiên để quần thần triều kiến, có thiết nhạc mà chẳng cho trổi.

Tế cáo trời đất ở Nam giao. Dâng cúng Hoàng Tổ, Hoàng Khảo.

Ban cho Tam Công, Lục Khanh bài Thiên Nguyên Ngọc Lịch Tường Dị Phú. Dụ rằng: Thiên đạo và nhân đạo chưa từng phân làm hai đường, có động nơi đây thì ắt có ứng nơi kia. Lúc nhỏ Trẫm hầu Thái Tổ, ngài thường dạy nên cẩn thận tu mình và kính trời, đến nay chưa từng giám biếng trễ.

Gia Tăng Thiếu sư là Vinh Quốc Công, thụy là Trung Tỉnh. Bốn người là Dao Quảng Hiếu... được tế cúng ở miếu hiệu Văn Hoàng Đế.

Ban chiếu miễn thuế lương thực. Đế nói: “Phàm cứu giúp dân khốn cùng, phải như cứu lửa, vớt người sắp chìm chẳng nên chậm trễ”. Lại nói: “Cứu giúp dân đâu thể cho là quá nhiều? Làm chủ thiên hạ, đâu thể tính toán so đo từng chút với dân!”

Ban cho Kiến Nghĩa một con dấu đề là Trung Trinh, Dương Sĩ Kỳ một con dấu đề là Trinh Nhất. Lúc trước đã ban Thằng diễn cũ mậu đồ thư.

Qua tháng năm Đế bị bệnh, hôm sau thì nguy kịch, Đế chiếu truyền lập Thái tử xong thì băng hà.

Ngày mười hai tháng sáu, Hoàng thái tử kế vị Hoàng đế, đại xá thiên hạ.

Tháng tám ban sắc tu chỉnh Thật Lục hai triều Thái Tông, Nhân Tông.

Phụ ghi các danh Tăng đương triều mà chưa thấy truyền chép: Vân Khê Anh Thiền sư, Bảo Nguyệt Đàm Thiền sư, Khiết Không Thông Thiền sư, Tuyết Phong Thụy Thiền sư.

Tuyên Tông Chương Hoàng đế là con trưởng của Chiêu Hoàng đế, do Trương Hoàng hậu sinh ra. Lúc đầu Văn Hoàng đế có ý muốn thay đổi Đông cung, nhưng lại thấy Đế thông minh anh tuấn, hơn nữa Giải Tấn lại nói rằng: “Thật là một Hoàng tôn quý!” Nhân đó Văn hoàng đế lập làm Hoàng thái tôn. Khi Nhân Tông băng hà thì ông kế vị, ở ngôi được mười năm. Ngày mồng ba tháng giêng năm Ất Mão thì băng hà, thọ ba mươi bảy tuổi. Tôn thụy hiệu là Hiếu Thiên Thể Đạo Anh Minh Thần Thánh Khâm Văn Chiêu Võ Khoan Nhân Thuần Hiếu Chương Hoàng Đế, miếu hiệu Tuyên Tông, an táng tại Cảnh lăng.

Năm Bính Ngọ niên hiệu Tuyên Đức nguyên niên, Đế dụ tuyển quan rằng: “Các quan có hiền hay không, đều có liên quan đến việc thạnh trị hay loạn lạc của quốc gia...” Đế dụ Tam Pháp Ti rằng: “Việc tra xét giam cầm, cần ở chỗ công bằng và khoan dung...”

Đế ban đồ thư cho Kiến Nghĩa ghi là Trung Hậu Khoan Hoằng; ban đồ thư cho Hạ Nguyên Cát ghi là Hoàn Hoằng Trinh Tỉnh; ban đồ

thư cho Dương Vinh là Phương Trực Cang Chánh, ban đồ thư cho Dương Sĩ Kỳ ghi là Trung Phương Trinh Tỉnh; ban đồ thư cho Hồ Oanh ghi là Thanh Hòa Cung Tỉnh.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Tuyên Đức thứ hai, ban sắc giảng Mạnh Tử, quan giảng nói rằng: "Thái Công lấy việc cứu dân làm chính, Bá Di lấy nghĩa quân thần làm trọng". Đế liền nói: "Cái tâm của Thái Công là tại nhất thời, tâm của Bá Di là thuộc vạn thế".

Tháng hai năm Mậu Thân, niên hiệu Tuyên Đức thứ ba, lập trưởng tử là Kỳ Đường làm Hoàng thái tử.

Đế nói rằng: "Địch (Ống địch) tức là Địch (tức là rửa sạch) nghĩa là rửa sạch những tà uế mà thâu nạp Chánh chân".

Tháng giêng năm Kỷ Dậu, niên hiệu Tuyên Đức thứ tư, sô ngu (1 loài thú có nghĩa) xuất hiện ở Nam kinh.

Chùa Viên Quả ở Sơn Tây là một Đạo tràng xưa, cũng là nơi quốc dân chúc thánh triều, tấu xin dân công để tu sửa.

Năm Canh Tuất, niên hiệu Tuyên Đức thứ năm tu chỉnh xong các bộ Thái Tông Thật Lục một trăm ba mươi quyển, Bảo Huấn mười lăm quyển; nhân Tông Thật Lục mười quyển, Bảo Huấn sáu quyển.

Hạ Nguyên Cát là người có đức độ, tâm lượng rộng rãi. Ông nói rằng: "Người quân tử không thể làm một cách mờ mịt mà biếng nhác được". Sau khi ông mất được tặng hiệu là Đại Sư.

Nước Thổ Lổ Phồn khí hậu nóng, ít có mưa và tuyết, người dân tin Phật pháp, nhiều chùa Tăng, trong đó chùa Linh Sơn là lớn nhất. Có người cho đây là nơi mười vạn La-hán nhập Niết bàn. Gần núi có một đài cao, bên đài cao có chùa, dưới chùa là suối đá, rừng cây. Bấy giờ nước này có đến triều cống.

Phong Giám sát Ngự sử Vu Khiêm làm Binh bộ Hữu thị Lang kiêm Tuần Phủ Hà Nam Sơn Tây.

Vu Thiếu Bảo người Tiền Đường, Triết Giang, có cốt tướng lạ thường. Năm lên bảy tuổi có một vị Tăng tên là Lang Cổ Xuân trông thấy, lấy làm lạ mà nói rằng: "Ngày sau sẽ cứu một vị Tể tướng đương triều!" Ông đỗ tiến sĩ năm Tân Sửu, niên hiệu Vĩnh Lạc, được bổ làm Ngự Sử. Ông có tài, tướng mạo lại kỳ vĩ, giọng nói như tiếng chuông lớn, gặp việc dám làm, chẳng sợ quyền thế. Từng theo Đế chinh phạt Cao Hú. Tội nhân đã bị bắt, Đế sai Khiêm trách mắng kẻ phản loạn, bấy giờ ông dùng lời lẽ nghiêm khắc, nghĩa lý chánh trực, vừa mở miệng là thành câu nghĩa, rất hợp ý của Đế. Từ đó được sự tri ngộ của Đế. Lúc bấy giờ bốn tỉnh Hà Nam, Sơn Tây... đều tấu về có tai họa, triều đình

nghị bàn, muốn cử một đại thần đến kinh lý. Đế tự đặt tên cho Khiêm là Siêu. Lúc ấy ông mới ba mươi ba tuổi.

Sài Xa người Tiền Đường, nổi tiếng là người trong sạch, cẩn thận, làm Binh bộ Thị Lang.

Huống Chung người Giang Tây, làm Tri phủ Tô châu, luôn dẹp cường bạo, giúp đỡ người lành, nhân dân gọi ông là Thanh Thiên.

Tháng mười hai sao Hàm dự hiệu ở Cửu du lớn như quả đạn, ánh sáng vàng trắng chói lòa. Quần thần dâng biểu chúc mừng.

Giáo Thừa Pháp Số do Pháp sư Tâm Nguyên Tịnh là Hữu Thiện Thế Tăng Lục Ty biên soạn.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Tuyên Đức thứ sáu, Kim Ấn Tư tánh tình giản dị trầm mặc chẳng bỏ thiện mà cầu danh. Chết được tặng thiếu bảo, thụy là Văn Tỉnh.

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Tuyên Đức thứ bảy, vua soạn Y lan Thảo Chiêu Ẩn để cầu hiền sĩ ở ẩn nơi núi rừng. Tháng tám năm Quý Sửu, niên hiệu Tuyên Đức thứ tám, sao chổi phạm vào khu vực Nam đẩu, sao Cảnh hiện ở Thiên môn.

Năm Giáp Dần, niên hiệu Tuyên Đức thứ chín. Tào Tỉnh tự là Chánh Phu, rất chuộng lý học, trứ thuật rất nhiều tự gọi là Nguyệt Xuyên Tiên sinh.

Ngày mồng ba tháng giêng năm Ất Mão, niên hiệu Tuyên Đức thứ mười, Đế băng hà ở cung Càn Thanh. Ngày mười Thái tử lên kế vị, đại xá thiên hạ. Kiểu Nghĩa là người trầm tĩnh, khoan hòa và nhân hậu, làm quan trải qua năm triều, mất năm bảy mươi ba tuổi, tặng tước Thái Sư, thụy là Trung Định.

Kính Am Thiền sư húy là Trang, trụ trì đời sáu mươi ba chùa Kính Sơn. Một hôm Sư mỉm cười mà thị tịch.

Lôi Am Thiền sư húy Trạch, trụ trì đời sáu mươi bốn chùa Kính Sơn, viên tịch ngày tám tháng tám.

Vô Tế Thiền sư húy là Ngộ, người Bản Thục, xuất gia năm hai mươi tuổi, chuyên tọa Thiền, tham cứu niệm Phật. Cất am tre, siêng năng tu tập chưa từng biếng trễ. Sư từng nói: "Vô niệm liền rơi vào không, Hữu niệm thì rơi vào chấp, Hữu vô cả hai đều lìa, chẳng không cũng chẳng chấp trước". Lại nói: "Tịch chiếu không trên dưới, rõ ràng thông khắp nơi, xưa nay không đen trắng, đâu đâu chẳng hàm dung?" Sư có bài kệ truyền pháp rằng:

*Ta không pháp để trao*
*Ông không tâm để nhận*

*Không trao, không tâm nhận*
*Người nào chẳng thành tựu.*

Sư có tác phẩm Tâm Dược Phương lưu hành ở đời. Lại có bài Kệ Tẩu Mã Đăng ghi:

*Tròn tròn xoay vẫn lại xoay*
*Không người mắt sáng chỉ ngay con đường.*
*Tắt rồi đốm lửa tâm hồng*
*Đao thương người ngựa liền đồng nghỉ thôi.*

Số Sơn Thiền sư húy Thiệu Kỳ, họ Lôi, người Đường An. Sư xuất gia năm chín tuổi, đầu tiên theo Hòa thượng Huyền Cực tu học, cuối cùng tham yết Thiền sư Vô Tế mà đắc pháp. Ngài Vô Tế Đông Phổ hỏi rằng:

- Trả lại ta ý chữ Vô đi?

Sư đáp:

*Hỏi chi việc ấy thật lắm điều*
*Triệu lão đâu từng dính nghĩ suy*
*Thuận miệng một lời đều dốc cả*
*Trở thành đặc địa khiến người nghi.*

Ngài Đông Phổ liền hỏi tiếp:

- Thế nào là chỗ chẳng nghi?

Sư đáp:

- Núi xanh, sông biếc, yến hót, oanh ca!

Ngài Đông Phổ liền phó pháp cho Sư.

Nguyệt Giang Thiền Sư húy là Tịnh, người Kim hoa, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi lăm. Một hôm Sư ngồi yên, niệm Phật mà thị tịch.

Tuyết Nhai Thiền sư húy Kha, người Kim Lăng, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi sáu. Một ngày kia Sư tắm rửa xong, ngồi yên thị tịch.

Anh Tông Duệ Hoàng đế là con trưởng của Chương Hoàng đế do Tôn Hoàng hậu sinh vào năm Tuyên Đức thứ hai. Lúc Tuyên Tông băng hà thì Đế mới chín tuổi. Bấy giờ các công thần có đề nghị hoàng tử lớn làm vua, nhờ Tam Dương và Anh Quốc mà định được. Ngày mười tháng giêng năm Ất Mão Đế lên ngôi, đổi niên hiệu là Chánh Thống. Đến năm Kỷ Tỵ, Đế tuần thú phương Bắc, tháng bảy năm Canh Ngọ mới trở về, được tôn làm Thái thượng hoàng, ngự ở Đông cung. Đến tháng giêng năm Đinh Sửu lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thuận, đến ngày mười bảy tháng giêng năm Giáp Thân thì băng hà, thọ bốn mươi tám tuổi, tại vị trước sau được hai mươi hai năm. Tôn thụy hiệu là: Pháp Thiên Lập Đạo Nhân Minh Thành Kính Chiêu Văn Hiến Võ

Chí Đức Quảng Hiếu Duệ Hoàng Đế, miếu hiệu Anh Tông, táng ở Dụ lăng.

Tháng mười năm Bính Thìn, niên hiệu Chánh Thống nguyên niên, Đế lệnh cho Tăng Lục Ty y theo phép tắc đời Hồng Võ tạo Châu Tri sách cho Tăng; miễn sai dịch cho con cháu của các bậc tiên Hiền, cổ Thánh.

Năm Đinh Ty, niên hiệu Chánh Thống thứ hai.

Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chánh Thống thứ ba, Tam Dương (ba vị đại thần họ Dương) tu chỉnh Tuyên Đức Thật Lục hoàn thành. Dương Sĩ Kỳ, Dương Vinh Thăng làm Thiếu Sư, Dương Phổ làm Thiếu Bảo.

Năm Kỷ Mùi, niên hiệu Chánh Thống thứ tư.

Năm Canh Thân, niên hiệu Chánh Thống thứ năm. Vương Phước là người có tâm chánh đại, nghĩa và lợi phân biệt rõ ràng, lo việc nước quên cả việc nhà, về già lại càng cần mẫn, làm quan đến chức Thượng Thư Thiếu Bảo; lúc chết được tặng chức Thái Bảo, thụy là Trung Tuyên.

Thích Ứng Năng chính là Kiến Văn Hoàng đế. Sau khi xuất gia Sư đi qua các vùng Tương, Hồ rồi vào đất Thục đến Vân Nam, xứ Môn. Cuối cùng vào trụ ở chùa Thọ Phật ở Nam môn Hoàng châu, Quảng Tây. Sư ở đây mười lăm năm, thường thăng tòa thuyết pháp, người quy hướng rất đông. Sư lại đến trụ một ngôi chùa ở Nam Ninh để giảng thuyết, độ được nhiều người. Bấy giờ Tri Phủ Tư Ân là Sầm Anh ra ngoài tuần du thấy một vị Tăng đứng ngay giữa đường, bèn quở trách, Sư tự xưng là Kiến Văn Hoàng đế du phương đến đây, nay đã già muốn đưa hài cốt về Đế Kinh. Sầm Anh kinh hãi báo lên Tuần phủ Ngự sử tấu về triều đình, đưa tiễn về Kinh, gọi đó là lão già yếu đuối. Trên đường về, Sư đọc bài thơ rằng:

*Lưu lạc giang hồ bốn chục thu*
*Ngày về chẳng biết tóc bạc đầu*
*Càn khôn có hạn nhà đâu tá?*
*Giang, Hán vô tình nước vẫn trôi*
*Trường lạc cung kia mờ mây phủ*
*Chiêu dương điện ấy tiếng mưa sầu*
*Bồ liễu bao năm màu vẫn thắm*
*Lão quê thổn thức khóc trở về.*

Vào niên hiệu Hoằng Trị, truy thụy là Cung Nhân Khang Định Cảnh Hoàng đế.

Năm Tân Dậu, niên hiệu Chánh Thống thứ sáu.

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Chánh Thống thứ bảy. Thái hoàng Thái hậu Trương thị, thụy là Thành Hiếu Chiêu Hoàng hậu, những người già lão trong thiên hạ gọi bà là Nghiêu Thuấn trong hàng nữ lưu.

Năm Quý Hợi, niên hiệu Chánh Thống thứ tám, Vương Chấn xây dinh thự lớn ở hoàng thành, lại lập điện Trí Hoa... ở Cư Đông để chúc phúc. Truy phong bậc Nguyên Nho là Ngô Trừng làm Lâm Xuyên quận công, được tế tự nơi miếu Khổng Tử.

Hiểu Am Thiền sư húy là Thiện Khải, tự Đông Bạch, biệt hiệu là Hiểu Am, người Trường châu, họ Dương. Vừa mới biết nói đã thông kinh Phật giống như đã thuộc từ trước. Đầu tiên đến chùa Vĩnh Mậu xuất gia và thọ giới Cụ túc rồi đến Long Sơn nghiên cứu Đại Tạng và tất cả sách của Bách gia chư Tử. Năm Mậu Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc, Sư khai pháp tại chùa Diên Khánh ở quận nhà, năm sau vâng chiếu tham dự biên tu Vĩnh Lạc Đại Điển, đồng thời hiệu đính Đại Tạng Kinh. Được vua ban cho Y Tăng-già-lê sợi vàng. Sư thường kết bạn phương ngoại với các danh sĩ đương thời để luận biện về sự khác biệt giữa Nho và Thích. Sư từng nói: "Không luận là Thánh nhân nào, tất cả đều đồng một lý, nhưng mỗi mỗi đều lập giáo khác nhau!" Lại nói: "Đông Thổ ngộ đạo, Tây Trúc kiến tánh, đều không gì hơn tôn trọng cái gốc. Cho nên chúng tôi tuy xa lìa cha mẹ, mà cung dưỡng khi sinh, tống tiễn lúc chết đều rất trọng hậu.

Sư thị tịch vào năm Quý Hợi, niên hiệu Chánh Thống.

Năm Giáp Tý, niên hiệu Chánh Thống thứ chín, Dương Sĩ Kỳ qua đời, thọ tám mươi tuổi. Tặng thụy là Văn Trinh. Ông có tác phẩm Sa Tiện Cảo, Hữu Đài Cảo. Đời gọi ông là Tây Dương. Còn Dương Vinh mất tháng bảy năm Canh Thân ở Hàng châu, thụy là Văn Mẫu. Đời gọi ông là Đông Dương.

Năm Ất Sửu, niên hiệu Chánh Thống thứ mười, Thị Lang Vương Anh mang hương tiền đến tế Nam trấn, trời đổ mưa lớn, người đời gọi là Thị Lang Vũ.

Năm Bính Dần, Dương Phổ người ở Thiên Thai, làm quan đến học sĩ Thiếu Bảo, ông qua đời vào năm này thọ bảy mươi lăm tuổi, thụy là Văn Định.

Không Cốc Thiền sư húy Cảnh Long, tự Tổ Đình. Đầu tiên Sư theo Hòa thượng Lại Vân ở Biện Sơn học tập và tham thiền, kế đến tham yết ngài Cổ Chuyết, rồi lễ ngài Thạnh Am cầu xuất gia, sau đó đến chùa Chiêu Khánh thọ giới Cụ túc. Sư có Không Cốc Tập lưu hành ở đời.

Hư Bạch Thiền sư húy Tuệ Sâm, dòng họ ở Hồ Quảng, gia đình ở

Đan Dương, họ Vương. Mẹ Sư là Hoàng thị, vào đêm có thai mộng thấy một vị Tăng có dáng như đang lao dịch bước vào nhà. Khi sinh ra Sư có rất nhiều điềm linh dị. Sư thông minh dĩnh ngộ khác phàm, vừa chạm vào mắt là thuộc lòng. Năm bảy tuổi, một hôm mộng thấy mình đang thao thao luận đàm huyền nghĩa trong đám đông người. Lúc tỉnh dậy kể lại với người mẹ, bà nói rằng: "Đó là tướng cao Tăng thuyết pháp!"

Năm mười bốn tuổi Sư xuất gia, đầu tiên tham yết các ngài Tòng Ẩn, Trạm Nhiên, Quả Lâm, nhưng sau triệt ngộ nơi ngài Bảo Tạng Trì. Sư nói kệ rằng:

*Một quyền đập nát cõi hư không*
*Trăm ức Tu di chẳng lộ tông*
*Xin hỏi trong đây ai là chủ?*
*Phương đông bỗng xuất mặt trời hồng.*

Sau Sư trụ chùa Đông Minh ở An Khê hơn hai mươi năm, ngày đêm Sư không ngủ, ngồi như là cờ sắt, người đời gọi Sư là Sảm Thiết Tích. Sư thị tịch vào năm bảy mươi tuổi, tháp xây ở phía đông núi này.

Tây Trù Thiền sư húy Khoảnh, người Cối kê, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi bảy. Một hôm Sư chỉnh trang y áo xong rồi ngồi yên thị tịch.

Thủ Trung Thiền sư húy Thần, người Kim Hoa, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi tám. Sư đang kinh hành, bỗng chốc ngồi yên thị tịch.

Kiệt Phong Thiền sư húy là Anh, người ở Kim Hoa, trụ trì Kính Sơn đời sáu mươi chín. Một hôm Sư trì tụng kinh Kim Cang xong thì thị tịch.

Vu Khiêm lần nào về kinh cũng không đem sơn vật địa phương làm quà tặng, nên người ở Biện Kinh có câu thơ rằng:

*Lễ vật nấm cô với tuyến hương*
*Vốn riêng dân dụng lại tai ương*
*Gió mát hai tay chầu thiên tử*
*Tráng được nhân dân nói đoản trường.*

Thương Lộ người Thuần An Nghiên châu, đỗ đầu cả ba khoa thi Hương, Hội, Đình. Làm quan đến Nội các, Hàm Nhất phẩm, sự nghiệp là danh thần thời bấy giờ.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Chánh Thống mười hai.

Năm Mậu Thìn, niên hiệu Chánh Thống thứ mười ba.

Năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Chánh Thống mười bốn, học sĩ đã về hưu là Hoàng Chuẩn qua đời, ban thụy là Văn Giản.

Tháng sáu có sấm sét lớn, mưa gió rất mạnh, các cung điện ở Nam kinh bị cháy rụi. Núi Thiệu Hưng bị dời chỗ, đất chấn động, bạch mao

sinh khắp nơi. Hai nơi ở Thiểm Tây có núi lở. Có núi bị di chuyển đến vài dặm, phát ra âm thanh lớn, ba ngày mới dứt. Hoàng hà đổi dòng chảy về hướng Đông ra biển, nhận chìm hơn một ngàn ngôi nhà. Sao chổi vào khu vực Nam Đẩu.

Tháng bảy phía Bắc giặc cướp phá biên giới, Vương Chấn buộc Đế thân chinh. Mây đen như cái dù bao trùm lên quân doanh, sấm sét chớp giật liên hồi, mưa gió mù mịt.

Ngày mười lăm tháng tám Đế đến Thổ Mộc giao chiến với địch, quân ta liên tiếp thất trận. Đế bị Bắc quân (Mông Cổ) bắt sống.

Mồng sáu tháng chín, Thành Vương lên ngôi Hoàng đế, tôn Anh Tông làm Thái thượng hoàng. Vu Khiêm phản đối rằng: "Kinh sư là gốc của thiên hạ, một khi có động thì thế lực lớn sẽ mất hết, đề nghị niêm bảng yết thị chỉ dụ cho tất cả mọi người cố thủ, mới an định được". Quân Thát Đát mỗi đêm đều thấy trong phòng của Đế (Anh Tông) có ánh sáng ẩn hiện như rồng vàng uốn lượn trên đó, nhưng đến gần thì chẳng thấy.

Cảnh Hoàng đế là con thứ hai của Tuyên Tông, do Ngô Quý phi sinh ra. Đầu tiên được phong làm Thành Vương. Khi Anh Tông bị Thát Đát bắt cầm tù, ông tuân phụng ý chỉ của Tôn Thái hậu làm Giám Quốc cho Hoàng Thái tử lúc ấy còn quá nhỏ, chưa nắm được triều chính. Chưa bao lâu quần thần khuyên giục, ông bèn lên ngôi Đế. Tại vị bảy năm. Khi Anh Tông trở về, phế ông làm Thành Vương cho trở về Tây cung. Bấy giờ ông đã bị bệnh qua vài ngày sau thì băng hà. Đến năm Thành Hóa thứ mười, khôi phục lại Đế miếu hiệu cho ông là: Cung Nhân Khang Định Cảnh Hoàng Đế.

Ngày mồng một tháng giêng năm Canh Ngọ, niên hiệu Cảnh Thái nguyên niên, Đế lâm triều, miễn chúc tụng.

Thái Thượng hoàng còn bị giam giữ tại Mông Cổ. Soạn biểu cầu Hoàng Thiên.

Toàn Dần là một tướng số gia, bốc cho Thượng Hoàng một quẻ rồi tâu rằng: "Đại cát! Được trở về và lên ngôi vị trở lại."

Năm Tân Mùi, niên hiệu Cảnh Thái thứ hai.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Thái thứ ba, Lý Hiền dâng biểu nghị bàn về chiến xa; nói rằng: Muốn đi thì cho đi, muốn dừng thì cho dừng, gọi đó là thành trì có chân, kế sách lâu dài phòng thủ biên cương, thì xe này có chỗ dùng được.

Võ cang xa do Vệ Thanh chế tạo, dài một trượng năm thước, cao sáu thước năm tấc, phía trên có một cửa nhỏ, bên dưới có chừa một lỗ

nhỏ, hai bên trái phải có lắp đặt các mũi thương. Mỗi xe từ trước đến sau chiếm một khoảng năm bộ. Nếu dùng một ngàn chiếc, mỗi mặt hai trăm năm mươi chiếc, thì dài khoảng bốn dặm. Bên trong có chứa quân mã, lương thảo, quân dụng. Dùng dây để ngăn chặn quân địch thì ngựa không thể xông vào, tên chẳng thể bắn trúng người. Đó gọi là thành quách có chân ngựa vận chuyển không lương thực.

Thường Sơn Xà Trận: Quách Lâm thao luyện quân sĩ các doanh nói trận: Trường Xà của Thường Sơn nếu đánh vào đầu thì đuôi tiếp ứng, đánh đuôi thì đầu tiếp ứng, nếu đánh ở giữa thì đầu đuôi tiếp ứng.

Tám trận là: Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hổ, Ô, Xà. Chế phục loài rồng: Từ Hữu Trinh lập một cái quyết khẩu, nhưng bỏ đá và cây xuống thì cũng như không có đáy vậy. Trinh mới vào núi thưa hỏi một vị Tăng có đạo thuật giỏi. Vị Tăng liền nói: “Thánh nhân vô dục!” Trinh liền hiểu phía dưới có một cái hang rồng, rồng này tánh đa dục, Trinh bèn nấu chảy sắt đổ xuống quyết khẩu, rồng dời đến nơi khác, quyết khẩu liền bít.

Năm Quý dậu, niên hiệu Cảnh Thái thứ tư;

Tháng bốn năm Giáp Tuất niên hiệu Cảnh Thái thứ năm, xây dựng xong chùa Long Phước - Đế tuần du - Ban sắc tu chỉnh Sử Tống và Nguyên, Thông Giám Cương Mục Công Tập.

Độc Phong Thiền sư húy Quý Thiện, người Phượng Dương, cha họ Ngô, mẹ là Trình Thị. Sư xuất gia năm mười bảy tuổi, đầu tiên thưa hỏi Hòa thượng Nguyên Minh, được trao cho Công án “Chữ Vô”, Sư liền nhập thất, không đặt đơn nằm, nhưng ma ngũ quá nặng, trăm phương cũng không đuổi được. Một hôm nghe tiếng chuông, bỗng nhiên đọc kệ rằng:

*Im im lặng lặng chẳng làm chi*
*Chạm đến không đầu rống tức thì*
*Nhất thanh động địa tiêu tin tức*
*Đầu lâu nát vụn mộng chẳng tùy.*

Sư có để lại Ngự lục lưu hành thế gian.

Nhất Thanh Thiền sư húy là Thiên, hiệu Khiết Tổ, người Khánh Lăng, họ Âu Dương. Đầu tiên Sư học tập nơi ngài Chánh Tông Trung, được độ nơi Pháp sư Vân Hải ở Thạch Nhai, làm Thị hương ở chùa Đại Thiên Giới, được thăng chức Tả nhai Giảng kinh, triều đình ban hiệu là Hoằng Hậu Phổ Ứng. Năm Quý Sửu, niên hiệu Chánh Thống, Đế sắc cho Sư xây dựng Hoằng Khánh Thiền Viện. Đại phong của Sư ngày càng lan xa, từ triều đình cho đến dân giã đều nghe biết. Sau nhận lời

cầu thỉnh của các bậc thạc đức danh Tăng, Sư nhận trụ trì chùa Kính Sơn; được các đại Đàn-việt vui mừng hỗ trợ. Sư xây dựng nơi đây thành một tòng lâm trang nghiêm hùng vĩ.

Năm Ất Hợi, niên hiệu Cảnh Thái thứ sáu.

Năm Bính Tý niên hiệu Cảnh Thái thứ bảy, soạn xong bộ Hoàn Vũ Thông Chí, các quan biên tu như Tổng Tài... đều được gia phong phẩm trật.

Anh Tông trở lại ngôi vị.

Năm Đinh Sửu, niên hiệu Thiên Thuận nguyên niên, Lý Hiền nghi biểu đoan chánh, khí độ cao vời, ngưng thần đạt được thể. Tiết Tuyên học và hạnh đều thành thục; Khâu Chánh thi cương trực, khẳng khái tự xét mình. Ngô và Bật là thượng thủ trong hàng Nho học.

Tuyết Quang Thiền sư họ Triệu, chặt ngón tay phát tâm. Đầu tiên Sư lễ ngài Diệu Âm cầu xuất gia, kế đó tham kiến Thiền sư Tịch Chiếu gắng sức hạ thủ công phu; lại tham yết Hòa thượng Khiết Không, hỏi đáp qua lại mới tỉnh ngộ. Sư làm kệ rằng:

*Rỗng rang thấu triệt cổ linh đài*
*Vặn dặm không mây bặt trần ai*
*Quảng Hàn cung ấy chưa lìa được*
*Ngân Thiềm ấn phá bóng trăng kia.*

Lúc lâm chung Sư nói rằng: "Địch sắt tự do thổi, đâu cần phải nhờ hay không nhờ vào cảnh núi non!" Nói xong ném bút thị tịch. Sư trụ trì chùa Tây Vân, tháp xây ở chùa Chánh Pháp.

Vật ngoại Thiền sư tên là Viên Tín, tự Vô Niệm, họ Cao, người Kim Đài, biệt hiệu là Vật Ngoại. Mẹ Sư một hôm nằm mộng thấy một vị Tăng vào nhà tá túc mà có thai sinh ra Sư. Khi còn nhỏ Sư đã chẳng chịu ăn ngũ tân. Đầu tiên lễ ngài Đại Giác làm thầy, kế đến tham lễ ngài Thiên Trì Xuân, rồi đến ngài Vô Tế tham cứu, sau khai ngộ có làm kệ rằng:

*Côn lôn uốn lượn với gió vờn*
*Khe sâu trâu đất đấu hổ đá*
*Chạm phải tòng xanh trên mi mắt*
*Trùng tiêu minh đạp phá hư không.*

Sau được ngài Nguyệt Huyễn trao cho pháp y. Sư khai pháp ở Phục Ngưu sơn.

Tuyết Đình Thiền sư người Nhân hòa, họ Quế, mẹ là Từ thị. Sư xuất gia năm mười lăm tuổi, tham yết Hưu Hưu Ông ở chùa Tiên Lâm. Năm mười bảy tuổi cạo tóc xuất gia, trụ ở chùa Triều Minh, Giang Âm.

Có bài Vịnh Hoàng Lệ tụng rằng:

*Đa tình tự biết tiếc ngày xuân*
*Bay đến vườn kia chốn gấm hoa*
*Nhớ chuyện bên sông bừng giấc mộng*
*Mãn đình, hồng hạnh đượm tà dương.*

Sư có ngữ lục lưu hành ở đời.

Cổ Khả Thiền sư húy Ngân, Bảo Trì Thiền sư húy Liên, Nam Sơn Thiền sư húy Thọ, Bạch Vân Thiền sư, Tố Hư Thiền sư, Trạm Nhiên Thiền sư, Đại Tông Thiền sư. Mật Thiền sư, Quang Trạch Thiền sư, Đại Cơ Thiền sư, Nguyệt Khê Thiền sư, Đạo Dục Thiền sư, Thọ Đường Thiền sư, Thiên Cam Thiền sư húy Tế, Đại Giác Thiền sư.

Năm Mậu Dần niên hiệu Thiên Thuận thứ hai, Trần Châu Thịnh vì cái học thật tiễn của Thánh hiền mà có công lớn, được chúa Kính. Ông từng nói rằng: "Chân ý của Đại học là Thiết Môn Quan; làm chủ một, hai chữ là cái chìa của khoá ngọc".

Lý học thì có Tiết Văn Thanh Hoàn, Trần Khắc Am Tuyển là bậc nhất; Ngô Kính Trai Nhân, La Nhất Phong Luân, Chương Phong Sơn Mậu xếp thứ hai; còn có Trần Bạch Sa Hiếu Chương, Trang Định Sơn Tuyền, Hoàng Vị Hiên Trọng Chiêu, Trần Thặng Phu, Tào Nguyệt Xuyên Đoan, Hà Lâm Khâu Kiều Tân.

Năm Kỷ Mão, niên hiệu Thiên Thuận thứ ba. Thượng thư Cao Xác là người trong sáng, tự xét mình. Cẩn thận giữ gìn công luận. Sau khi qua đời được tặng chức Thái Bảo, thụy là Văn Nghĩa.

Năm Canh Thìn, niên hiệu Thiên Thuận thứ tư, tại Thiểm Tây đá rơi như mưa, đập trúng rất nhiều người. Vả lại đá mà nói được, thật đáng kinh sợ.

Năm Tân Tỵ, niên hiệu Thiên Thuận thứ năm, Đế nói với Lý Hiền rằng: Trẫm dùng cơm ăn uống tùy phần chưa từng chọn lựa lấy bỏ. Y phục cũng tùy nghi. Dù có mặc áo vải, thì nhân dân cũng chẳng nói không phải là vua.

Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Thiên Thuận thứ sáu.

Tháng hai năm Quý Mùi, niên hiệu Thiên Thuận thứ bảy, Trường thi hội bị cháy, chết vài mươi sĩ tử. Đêm ấy trời tối, trong không trung phát ra âm thanh. Lý Hiền làm sớ truyền rằng: Không có hình mà có âm thanh, đó là trống của yêu quái.

Hồ Oanh là người liêm chính, thanh bạch, ít ham muốn, làm quan rất cẩn mật, ở triều sáu mươi năm, thọ tám mươi chín tuổi, tặng chức Thái Bảo, thụy Trọng An.

Năm Giáp Thân, niên hiệu Thiên Thuận thứ tám; tháng giêng Đế bị bệnh; không cho phép phi tần chôn theo Đế, là việc tăng thượng đức phẩm. Ngày mười bảy Đế băng. Ngày hai mươi hai Hoàng Thái tử lên ngôi kế vị, đại xá thiên hạ.

Niên Phú là người thẳng thắn dám làm, sau khi chết được ban thụy là Cung Định. Tiết Hoàn thụy là Văn Thanh, có soạn Độc Thư Lục, trong đó có ghi rất nhiều danh ngôn.

Lý Hiền xin phục quan tước cho Vu Khiêm... để minh oan. Thạnh Ngung làm quan, có câu đồng dao là:

Trong như nước, sáng như gương.

Cổ Khê Thiền sư tên là Giác Trừng, hiệu là Cổ Khê, người Uy Châu. Sư lễ ngài Thiên Huy Cổ Khê cầu xuất gia, xem đọc kinh sách của ba Thừa. Kế đến tham công án "Chữ Vô"; trụ chùa Hương Nghiêm ở Nam Dương. Sau được Sở Sơn Lão Nhân phó pháp nối tiếp đời hai mươi bốn dòng Lâm Tế. Sư lại đến trụ ở chùa Thiên Giới; khéo léo chỉ bày dẫn dắt, Từ bi giúp đỡ mọi người. Sư có soạn Dược Sư Khoa Nghi ba quyển lưu hành ở đời.

Hiếu Tông Thuần Hoàng đế là con trưởng của Anh Tông do Châu thái hậu sinh ra. Đầu tiên được lập làm Hoàng Thái tử, khi Anh Tông bị bắt, ông mới hai tuổi. Chúa còn nhỏ thì nước biến, nên Thành Vương làm Giám Quốc phụ Chánh, chưa bao lâu Thành Vương lên ngôi, phong ông làm Tố Vương. Đến khi Anh Tông trở về lấy lại ngôi vị, thì lại lập ông làm Hoàng Thái tử, khi Anh Tông băng hà thì kế vị, tại vị hai mươi ba năm, thọ bốn mươi tuổi; phong thụy là: Kế Thiên Ngưng Đạo Thành Dụng Nhân Kính Sùng Văn Túc Võ Hoằng Đức Chí Hiếu Thuần Hoàng Đế, miếu hiệu Hiến Tông, táng ở Mậu lăng.

Tháng giêng năm Ất Dậu, niên hiệu Thành Hóa nguyên niên, con của Vu Khiêm dâng sớ minh oan cho cha, Đế thương xót khôi phục lại tước vị cũ và tế lễ ở mộ phần.

Trời mưa hạt lúa đen; động đất phát ra âm thanh. Sao chổi xuất hiện ở Tây Bắc, dài hơn ba trượng. Thứ cát Sĩ ở viện Tịch khoan chú giả phú thi rằng:

*Rỗng rang vắng lặng sống giới trai*
*Một sớm tiêu trừ bệnh bản lai*
*Trộm dùng của quan không bù được,*
*Ngồi trong đình mát đọc sách y.*

Viên Cảnh Pháp sư người Phần châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, đi tham học khắp các trường giảng thuộc Hoa Nghiêm, mà ngộ được mật

chỉ các kinh. Sư thường đến thuyết pháp tại chùa Thạch Thất núi Diệu Lâu, phủ Bình Dương. Một hôm Sư đến Ngỏa Diêu Pha ở Bắc môn đục một hang đá như cái khám rồi vào đó ngồi im lặng, bỗng nhiên dặn dò đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Đại chúng hỏi ngày giờ, Sư đáp: “Ngày mai!” Sáng sớm hôm sau, Sư tắm rửa, thay y phục, đốt nhang, ngồi kiết già, thuyết kệ rồi thị tịch.

Nguyệt Giang Thiền sư tên là Giác Tịnh, người Cô Tô, cha họ Thẩm, mẹ là Nữu Thị. Sư xuất gia nơi ngài Trương Quách Cổ Chuyết, được trao cho công án “Niệm Phật”, sau đó tham vấn Hiện Sơn Đại Tông, ngài Đại Tông dạy đến tham kiến Đông Minh Tuệ Sảm, ở đây Sư đã khế ngộ, lại trở về núi Cổ Đạo trụ trong am Hoạt Lý. Đến năm Thiên Thuận Sư đến trụ tại viện Vĩnh Tâm ở thôn Tiểu Hồng, trải qua hai mươi năm.

Một hôm Sư nói với đệ tử là Đạo Lâm rằng: “Ta đi đây! Một y một bát là chánh pháp nhãn tạng!” Xong Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, tháp xây trong viện để tôn trí linh cốt.

Vô Cực Thiền sư húy là Hạo, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi mốt. Một hôm Sư tụng tâm kinh xong thì ngồi yên thị tịch.

Sư Tông Thắng húy là Dẫn trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi hai, hằng ngày thường lễ Phật, một hôm Sư nằm yên thị tịch.

Tháng ba năm Bính Tuất, niên hiệu Thành Hóa thứ hai, La Luân đỗ đầu kỳ thi Đình. Luân là người hiếu học thích cổ thư, dốc chí; chuộng phẩm hạnh.

Tháng mười hai Học sĩ Lý Hiền qua đời, được truy tặng Thái Sư, thụy là Văn Đạt.

Năm Đinh Hợi, niên hiệu Thành Hóa thứ ba.

Năm Mậu Tý, Thành Hóa thứ tư.

Năm Kỷ Sửu, Thành Hóa thứ năm.

Năm Canh Dần, niên hiệu Thành Hóa thứ sáu, Thượng thư Ngụy Ký qua đời, thọ chín mươi tám tuổi, thụy là Văn Tỉnh. Thượng Thư Vương Cao qua đời, thọ tám mươi bốn tuổi, thụy là Trung Túc.

Năm Tân Mão, niên hiệu Thành Hóa thứ bảy.

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Thành Hóa thứ tám; vào tháng bảy có gió lớn và mưa đá, có tảng lớn như con trâu. Phía Bắc Ngũ châu, núi rống ba ngày rồi xé ra.

Năm Quý Tỵ, Thành Hóa thứ chín.

Năm Giáp Ngọ, Thành Hóa thứ mười.

Thiền sư Chánh Giác húy là Thành, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi

ba Sư là người trì giới rất tinh nghiêm, không bệnh mà thị tịch.

Sư Dụng Duật húy là Cư trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi tư, Sư tinh tấn thiền định, không biếng trễ. Một hôm Sư ngồi yên thị tịch.

Năm Ất Mùi, Thành Hóa thứ mười một.

Tháng bảy năm Bính Thân, niên hiệu Thành Hóa thứ mười hai, ở kinh đô có hiện tượng Hắc sảnh, hình dạng như một làn khói đen, bay nhanh như gió, hoặc vào nhà theo cửa lớn, nó đến thì người đều hôn mê, mắt vàng đuôi dài, hình dạng giống như con Thái ly (chồn lớn)

Năm Đinh Dậu, Thành Hóa thứ mười ba.

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Thành hóa thứ mười bốn, quan Tu Soạn La Luân qua đời, thụy là Văn Triệu.

Năm Kỷ Hợi, Năm Canh Tý, Năm Tân Sửu.

Năm Nhâm Dần, Thành Hóa thứ mười tám. Trần Hiến Chương tự Công Phủ, người Quảng Đông, xây dựng một ngôi nhà lấy tên là Dương Xuân hằng ngày đóng cửa ngồi im lặng trong đó để cầu minh tâm. Ông nói: "Xả cái trói buộc nơi người, tức cầu sự ước thúc nơi mình" Lại nói: "Vì học cần phải tịnh tọa trưởng dưỡng để xuất hiện ra mối manh, thì mới có chỗ thương lượng!"

Năm Quý Mão, năm Giáp Thìn, niên hiệu Thành Hóa thứ hai mươi, Hồ Cư Nhân, lấy sự trung tín làm gốc cho sở học của mình, lấy lực hành làm cốt yếu, nhân đó lấy tên là Kính, sau được mời làm chủ thư viện Bạch Lộc Động. Ông qua đời lúc năm mươi mốt tuổi: Ông có các tác phẩm: Kính Trai Lục, Cư Nghiệp Lục.

Năm Ất Tỵ, năm Bính Ngọ. Học sĩ Thượng Lộ là người khẳng khái, tiết nghĩa, tận trung, hiểu rộng đến ngàn xưa. Qua đời được ban thụy là Văn Triệu.

Tháng tám năm Đinh Mùi, Đế băng hà. Ngày mồng sáu tháng chín Hoàng Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ.

Hiếu Tông Kính Hoàng đế là con trưởng của Hiếu Tông, do Kỷ Phi sinh ở Tây cung, phi thiếu sữa nên thái giám Trương Mẫn dùng cháo sữa mớm cho ăn, nuôi nấng chăm sóc rất cẩn thận, kỷ lưỡng. Sau Thái tử Điệu cung mất, người ở nội cung mới thầm truyền nhau là Tây cung có Hoàng tử đã được sáu tuổi, Vạn Quý Phi kinh lạ triệu vào điện Chiêu Đức, nhân đó được lập làm Thái tử. Khi Hiếu Tông băng hà, ông lên kế vị, tại ngôi mười tám, thọ ba mươi sáu tuổi. Mùng bảy tháng năm năm Ất Sửu băng hà ở cung Càn thanh. Trung phong hiệu là Đạo Thiên Minh Đạo Thành Thuần Trung Chánh. Thánh Văn Thuần Võ Chí Nhân Đại Đức Kính Hoàng Đế, miếu hiệu Hiếu Tông, táng ở Thái lăng.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Hoàng Trị nguyên niên, gia tặng Binh bộ Thượng thư Thiếu Bảo Vu Khiêm là quang lộc Đại phu Trụ Quốc Thái Phó, thụy là Túc Mẫn, lập nhà thờ ở mộ, mỗi năm xuân thu hai kỳ đều tế lễ.

Đại Xiễn Thiền sư tên là Tuệ Thông, họ Thiệu, người Chánh Hòa. Năm mười hai tuổi sư lễ ngài Bảo Tích Ngọc Khê cầu xuất gia, tham vấn Châu Sơn chủ, được trao cho công án niệm Phật, hạ thủ lâu ngày mới triệt ngộ. Sau sư trụ ở Quân Phong tại Tiêu Dương, và thị tịch nơi đây.

Tuyệt Thiền sư húy là Thụy, người Nam Xương; đầu tiên Sư lễ Hòa thượng Kinh Môn Vô Thuyết cầu thế phát. Kế đó tham kiến Bảo Phong Đại Sư, hỏi đáp qua lại, cơ phong rất kết hợp, nên được trao cho ca-sa và phất tử. Sau sư trụ một ngôi chùa lớn ở Chung Lăng hoằng pháp. Người đến tham học rất đông.

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Hoằng Trị thứ hai. Trâu Trí tự là Nhữ Ngu, người Tứ Xuyên, đọc sách ở Long Am suốt mười chín năm mới phát sinh giải ngộ, người trong làng tranh nhau đến xem, ông buộc miệng đọc rằng:

*Trên núi Long Am cổ thư sinh*
*Chợt chọn Tam Ba đệ nhất danh*
*Thiên hạ bao nhiêu điều khó hiểu*
*Mọi người đâu cần phải sợ kinh.*

Sau luận nghị ông bị phản bác, liền nói thơ:

*Người đến bạc đầu rồi tử tận*
*Chỉ cần sử sách địch ai chân.*
*Trong mơ chẳng biết thân còn buộc*
*Theo ngọn gió xuân đến cấm thành.*

Lại nói rằng:

*Vạch hết tâm can biết ngày nào.*
*Vọng thấy áo quần chỉ may thôi*
*Nguyện xin Thái Bình không một việc*
*Cô thần vạn tử có chi sầu?*

Năm Canh Tuất đến năm Đinh Tỵ niên hiệu Hoằng Trị thứ mười, biên tu Đại Minh Hội Điển. Các tỉnh trời đều rền vang, đất chấn động.

Tháng sáu năm Mậu Ngọ, gấu vào kinh đô. Không bao lâu trong thành có hỏa tai, lửa cháy lan rất mạnh.

Trúc Phương Thiền sư húy là Nhị, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi lăm, thường thuyết pháp độ người. Một hôm sư ngồi yên thị tịch.

Đình Lễ Thiền sư húy là Thù trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi sáu, suốt mười năm sư chẳng ra khỏi chùa. Một hôm Sư an nhiên thị tịch.

Thiên Tài Thiền sư húy là Anh, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi bảy. Sư thường khuyên người niệm Phật. Một hôm sư niệm Phật rồi thị tịch.

Tiêu Sơn Thiền sư, Tánh Không Thiền sư, Tỉnh Hạo Thiền sư, Ấn Tông Thiền sư, Mặc Đường Thiền sư, Bảo Nguyệt Thiền sư, Thiên Huy Thiền sư, Cát Am Thiền sư, Lâm Lâm Ông, Dã Ông Thiền sư húy Hiểu, Bảo Phương Thiền sư húy Tiến, Nguyệt Huyển Thiền sư.

Năm Kỷ Tỵ, Hoằng Trị năm thứ mười hai.

Năm Giáp Tý niên hiệu Hoằng Trị thứ mười bảy, Trần Mậu Liệt soạn Dưỡng Mẫu Sớ, lược ghi rằng:

"Mẹ hiền già suy, tháng ngày như tên bắn. Nay người đã bảy mươi bảy tuổi. Ân vua khả dĩ còn có thể kịp báo đền, chứ tuổi mẹ chẳng còn bao nhiêu năm nữa. Vả lại một mẹ một con mà người chân trời kẻ nơi góc bể, ngàn suy vạn nghĩ chẳng lúc nào nguôi! Bệnh tật chí tự thở than, thuốc thang nào ai lo liệu? Thần đã nghĩ đến mẹ thì tâm báo chúa sẽ lọan động; mẹ hiền nhớ đến thần ý niệm giữ gìn sức khỏe sẽ yếu. Lòng thần thật đáng thương, tâm mẹ thật đáng lo ngại. Mong được dùng việc an ủi tựa cửa ngóng trông, để phần nào tỏ bày được tâm thốn thảo này; vả lại còn mong tương lai đáp được quả báo chốn trần ai, lại khi chưa chết bắt chước theo công lao hãn mã."

Tháng năm năm Ất Sửu, niên hiệu Hoằng Trị mười tám, Đế bị bệnh, dặn dò các vị phụ thần xong thì băng hà ở cung Càn Thanh. Ngày mười tám hoàng Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ.

Võ Tông Nghị Hoàng đế là con trưởng của Hiếu Tông do Trương Thái hậu sinh ra. Năm mười lăm tuổi thì Thái Lăng băng hà ông lên ngôi, bây giờ ngày mười tám tháng giêng năm Ất Sửu, tại vị mười sáu năm, thọ ba mươi mốt tuổi, hiệu là: Thừa Thiên Đạt Đạo Anh Túc Duệ Triết Chiêu Đức Hiển Công Hoằng Văn Tư Hiếu Nghị Hoàng Đế, miếu hiệu Võ Tông, táng ở Khang lăng.

Tháng ba năm Bính Dần, niên hiệu Chánh Đức Nguyên Niên, sao rơi như mặt trăng, sét đánh ở giao đàn và điện Phụng Thân ở Thái miếu. Tháng bảy sao chổi hiện ở khu vực Sâm, Tỉnh, quét đến Thái Vi viên, sao Thái Bạch ngang qua bầu trời.

Chương Mậu dốc lòng với nghiệp lớn, thân thể khỏe mạnh, làm quan năm mươi năm, thọ hơn bảy mươi tuổi, thụy là Văn Ý. Lưu Đại Hạ là người thanh liêm, không mưu cầu danh lợi, làm quan đến hàm nhất phẩm thì về hưu.

Học sĩ Tạ Thiên, Lưu Kiện về hưu.

Vương Ngao người huyện Ngô làm Nội cơ vụ. Lý Đông Dương xin về hưu. Trương Nguyên Trinh gọi là Đông Bạch Tiên sinh.

Tháng tám năm Đinh Mão, niên hiệu Chánh Đức thứ hai, sông Hoàng hà bỗng nhiên trong, mây lành hiện ở khu vực của sao Dực sao Chẩn, ứng với thế miếu mà sinh.

Năm Mậu Thìn, thụy tượng chiên-đàn đến đây tính ra đã được hai ngàn năm trăm năm.

Tháng sáu năm Tân Mùi, Đế mới ưa thích Phật giáo, tự xưng là Đại Khánh Pháp Vương. Có tăng tấu xin một trăm khoảnh ruộng làm biệt viện cho Đại Khánh Pháp Vương.

Năm Nhâm Thân, sông Hoàng hà lại trong. Thanh Hà trong từ đoạn Liễu Gia Bổ trở xuống chín mươi dặm suốt năm ngày.

Mã Văn Thăng qua đời năm tám mươi bảy tuổi, tăng chức Thái Sư, thụy là Tỉnh Túc; Lý Đông Dương qua đời tặng chức Thái Sư, thụy là Văn Chánh.

Chùa Thạch Kim sơn do Chu Ninh xây dựng, vô cùng tráng lệ, Đế thân hành đến thăm.

Vương Tuyền Đình ở Thang Dục sơn.

Cổ Âm Thiền sư húy là Pháp Cầm, tự hiệu là Ngọc Tuyền Lão Nhân, họ Tế ở Hưng Hiền, mẹ họ Hoàng. Năm hai mươi lăm tuổi Sư lễ Xích Thạch Sơn chủ cầu xuất gia, học Phật pháp. Kế đến lễ ngài Đại Xiển, rồi tham yết các đại sĩ như Tánh Không, Tỉnh Hạo, Ấn Tông gắng sức quyết trạch. Sau được ngài Bảo Minh Thọ Đường ấn khả. Theo lời cầu thỉnh của Thụy Nham, sư thăng tòa thuyết pháp, khai thị rõ ràng. Sau sư trụ một ngôi chùa lớn ở Đẩu Phong, hoằng hóa một phương. Ngày sư thị tịch chim chóc buồn kêu, cá dưới ao vùng vẫy.

Sư có Đế Hồ Tập ba quyển lưu hành ở đời.

Vô Văn Thiền sư tên là Tư Thông, tự Vô Văn. Đầu tiên sư tham kiến ngài Độc Ông, kế đó cùng với Văn Phong, Nguyệt Sơn thiền định nhiều năm. Sau tham yết Ngọa Vân và Bất Hội để thỉnh ích. Sư có soạn bài tụng cái quạt rằng:

*Đưa lên rành rõ thật lạ thay!*
*Gió mát hây hây thấu lòng này*
*Trong đó không nhiều tin tức lắm*
*Toàn thân tự có hỷ hoan ngay.*

Lại có bài tụng rằng:

*Đỉnh Cổ Vân Phong người khó thấy*

*Gặp gió đưa qua ánh ráng chiều*
*Chim chóc chưa về trời đã tối,*
*Đêm khuya như cũ vẫn hoa lau.*

Vân Phong Thiền sư, Xích Thạch Sơn Chủ, Bảo Minh Thiền sư, Nguyệt Sơn Thiền sư, Ngọa Vân Thiền sư, Bất Hội Thiền sư húy Ngộ, Vô Năng Thiền sư húy Giáo, Vô Dụng Thiền sư húy Khoan, Thiên Trì Thiền sư húy Xuân, Bạch Ngưu Thiền sư, Tuệ Đường Thiền sư, Bảo Châu Thiền sư.

Từ năm Quý Dậu đến năm Kỷ Mão, niên hiệu Chánh Đức thứ mười bốn, vào tháng sáu Ninh Vương Thần Hào làm phản, bắt đầu từ ngày mười sáu tháng sáu, qua tháng bảy Vương Thủ Nhân chinh phạt, đến hai mươi sáu tháng bảy thì tất cả đều bị bắt.

Tháng tám Đế hạ chiếu Nam Chinh.

Vương Thủ Nhân người ở Dư Dao Triết Giang, tự Bá An, hiệu là Dương Minh. Từ nhỏ ông đã thông minh, nổi tiếng về biện luận. đỗ tấn sĩ, được bổ làm Đề Đốc Quân Vụ, từng bình định giặc cướp, xướng nghĩa thảo phạt Ninh Vương, công nghiệp rất lớn. Ông đề xướng lương tri đạo học. Được vua phong tước Tân Kiến Bá.

Duyệt Tiền Thiền sư húy là Khải, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi tám, Sư luôn cười, không sân hận. Lúc lâm chung cũng cười mà thị tịch.

Thạch Song Thiền sư húy là Mân, trụ trì Kính Sơn đời bảy mươi chín, thích văn chương, đã chứng quả. Lúc lâm chung sư ngồi kiết già thị tịch.

Nguyệt Lâm Thiền sư húy là Cảnh, người Hàng châu thuở nhỏ sư đã thông minh khác thường, sư xuất gia từ lúc còn nhỏ, đến hai mươi tuổi thì cạo tóc, chuyên tu tịnh nghiệp, tham câu thoại “Bản lai nhân” lâu ngày mới tỉnh ngộ. Sư làm kệ rằng:

*Bản Lai Nhân hỡi Bản Lai Nhân!*
*Không đầu không não biết đâu tầm?*
*Bỗng nhiên véo nhằm cái lỗ mũi*
*Xem ra vốn dĩ là cùng dân.*

Từ đó tiếng tăm của Sư lan xa, đầu tiên trụ trì Kính Sơn đời tám mươi, tiến sĩ Trương Công Minh khen rằng: “Là linh chi tam tú, là cổ bách thập vi; đắc chánh độ nơi không truyền, nối diệu pháp chốn Đông độ.” Lại nói: “Vượt chốn an nhàn về hạ giới hưng phát tượng giáo ở Trung Nguyên. Thừa tướng khai tuyển Phật trường, Hòa thượng xiển dương pháp xuất thế. Tùy dòng mà đi, gặp lối rẻ thì dừng. Mệnh cho

năm ấy Quốc Nhất cũng khởi hành từ Côn sơn, giống như Pha Tiên lúc xưa, cùng đến nơi phương trượng. Phàm bạn phương ngoại của ta đều tán thán vị Tăng này...”

Năm Kỷ Mão, niên hiệu Chánh Đức Sư thị tịch.

Tháng tám nhuận năm Canh Thìn, niên hiệu Chánh Đức mười lăm, Đế đến phủ đệ của học sĩ Cận Trách, bấy giờ linh cửu còn quàng tại nhà, Đế thân cúng điếu, lại sau vị Phiêu Tăng cùng đi tụng kinh cầu phước.

Năm Tân Tỵ, niên hiệu Chánh Đức mười sáu. La Khâm Minh người Giang Tây, sách ông soạn ra thật khó nhớ biết. Rất giỏi về Tánh Lý Học. Làm quan đến Thượng thư bộ lại. Thụy là Văn Trang.

Tháng hai Đế bị bệnh, ngày mười bốn tháng ba thì băng ở Báo phòng, rước trưởng tử của Hưng Hiếu Vương đến, lên ngôi hoàng đế đại xá thiên hạ.

Thiên Kỳ Thiền sư người Chung lăng, cha tên là Giang Đài, mẹ là Từ Thị. Năm Sư hai mươi tuổi nghe nói Hòa thượng Vô Thuyết Năng là bậc có đạo, nên đến lễ cầu cạo tóc, được chỉ dạy khán câu thoại đầu: “Một trở về đâu?” Sau được Dục Thủ Tòa khổ công dẫn dắt, ngày đêm bức ép, sư dụng tâm đến nỗi như mắt thấy, tai nghe câu thoại, từng chữ phân minh, từng câu rành rõ, ngày đêm như nhất, một hôm hoát nhiên đại ngộ. Sư đến tham kiến Thiền sư Bảo Phong và được ấn chứng. Sư có để lại bộ Ngữ Lục Lưu Hành ở đời.

***Kiệt Phong Thiền sư dạy rằng:*** Tin sâu thì nghi nhiều, nghi nhiều thì đại ngộ. Đề khởi câu thoại đầu, thì tất cả đều không quan tâm đến, đi tham, ngồi cứu, miệng niệm, tâm nghĩ, miên mật suy cho cùng, thời luôn nắm bắt. Bỗng một sớm mai đập nát khối nghi, thấy tận mặt, không còn phải nương gá đây kia.

Cổ Tâm Thiền sư, Đại Nhân Thiền sư, Nguyệt Ấn Thiền sư.

Thế Tông Túc hoàng đế là con trưởng của Hưng Hiếu Vương, cháu của Hiếu Tông. Hưng Hiếu Vương được phong ở đất An Lục thuộc Hồ Quảng. Ngày năm tháng tám năm Đinh Mão niên hiệu Chánh Đức, Đế sinh ở Vương phủ. Vương phụ mất Đế kế thừa lo việc nước; đến năm này Võ Tông băng hà, vì không có con, nên được lập nên kế vị Hoàng đế, tại vị bốn mươi lăm năm thọ sáu mươi tuổi, phong hiệu là Khâm Thiên Lý Đạo Anh Nghị Thánh Thần Tuyên Văn Quãng Võ Hồng Nhân Đại Hiếu Túc Hoàng Đế, miếu hiệu Thế Tông, táng ở Vĩnh lăng.

Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Gia Tĩnh thứ nhất, hủy bỏ tượng Phật ở Huyền Minh cung, thâu được một ngàn ba mươi lượng vàng. Đế lại

nghe lời Triệu Hoàng, phá hủy các chùa vị ở Kinh đô, Đồ Ứng Huân phát lệnh thi hành.

Tháng tám năm Quý Mùi, niên hiệu Gia Tĩnh thứ tư, Tấn Vương Kỳ Sóc, vì mẹ bị bệnh nóng sốt, nên cầu nguyện trời đất, bỗng nhiên dòng suối ngọt vọt lên, đem cho mẹ uống thì hết bệnh, do đó lập đàn Tiêu thù, có hai chim hạc bay đến lượn quanh đàn và kêu lớn. Sau mẹ mất ông vô cùng đau xót cảm cây bá cổ thụ trổ hoa, tỏa hương thơm ngát.

Năm Bính Tuất, niên hiệu thứ năm, Dế viết mười hai chữ: Pháp tổ an dân, phụng thiên hành đạo, phước thiện họa dâm", ban cho quần thần. Đế lại soạn Kính Nhất Châm, chú Phạm Tuân Tâm Châm và Thị Thích Ngôn Động Tứ Châm, ban cho các đại học sĩ, lại định Đại Lễ Toàn Thư làm Đại Điển của nhà Minh.

Giám Cổ Âm Ngữ, Hàm Xuân Đường Cảo.

Tháng năm năm Đinh Hội, niên hiệu Gia Tĩnh thứ sáu, ở kinh đô có mưa tiền, tháng bảy ở Nam kinh có mưa máu, mặt trời có vầng sáng vây quanh, mống bạc hiện vắt ngang qua bầu trời.

Năm Mậu Tý, niên hiệu Gia Tĩnh thứ bảy, vua soạn một bài Châu mười sáu chữ: "Trác nhĩ chi kiên, nhất quán chi duy, học thánh quân tử, úc tai vật ngụy". (Kiến thức cao vời, tư duy xuyên suốt, quân tử học đạo, gắng lên chớ dối!)

Đề Đốc Lưỡng Quảng quân vụ Vương Thủ Nhân, thâu lại các ải của Lưỡng Quảng, bình định được giặc cướp.

Bảo Phong Thiền sư, Nguyệt Thiên Thiền sư, Vô Tận Thiền sư, Cổ Xuân Thiền sư húy Kỳ, Hải Thiên Thiền sư, Sở Phong Thiền sư, Chỉ Nam Thiền sư, Nguyệt Khô Thiền sư và Chiếu Đường Thiền sư.

Năm Canh Dần, niên hiệu Gia Tỉnh thứ chin, lập Đồ khâu ở Nam giao (đàn tế trời ở cửa Nam ngoài thành), sau thành Hoàng cung; lập Phương trạch ở Bắc giao, phía Nam của Phương trạch là nhà thờ cúng Hoàng Đế; lập Triêu Nhật đàn ở Đông giao, Tịch Nguyệt Đàn ở Tây giao.

Vương Thủ Nhân sau được ban thụy là Văn Thành, Hồ Thế Ninh thụy là Túc Mẫn, Dương Nhất Thanh thụy là Văn Tương, Quế Nhạc cũng thụy là Văn Tương, Trương Tổng Dịch tên là Phù Kính khắc in lại hai mươi mốt bộ sử hoàn thành. Năm Tân Mão lập Thanh Phúc đình, Thúy Phương đình, Cửu Ngũ trai, Hoàng Sử thành, Cẩm Phấn đình, Bảo Nguyệt đình, Tinh Nhất đình, Cung Mặc thất.

Năm Ất Mùi, Đế nói rằng: "Người có đức hạnh mới có thể làm

mô phạm cho đời, văn chương là nghề phụ”.

Cúng tế bảo vật của triều đình thành tựu. Phá bỏ điện Phật trong cung cấm, đồng thời đốt phá tượng Phật vàng ở điện Đại thiện.

Năm Kỷ Hợi. Trương Phù Kính là một vị hiền thần hy sinh vì nước, là một anh hào vang danh thiên cổ. Khi chết được tặng chức Thái Sư. Tế lễ chôn cất, con cháu thừa tập đều có gia phong. Đế tự định phép tắc đặt tên thụy, để quên thân phụng sự Hoàng đế. Thụy là Văn Trung, đặc gia ân cho thân quyến.

Tháng bảy năm Canh Tý, Phương sĩ Gia Triều Dụng thiêu cháy Thuật, được phong làm Tử Phủ Tuyên Trung Cao Sĩ, Thuật chết không nhận ra được.

Cố Đỉnh Thần người Côn Sơn, qua đời được tặng Thái Bảo, thụy là Văn Khương.

Hoắc Thao người Nam Hải, qua đời được tặng thụy là Văn Mẫn.

Tháng bảy năm Quý Mão, sao Hỏa vào khu vực sao Nam đẩu. Giang Nam hai tiền một đấu gạo.

Năm Giáp Thân, ba sao Mộc, Thổ, Hỏa tụ ở sao Phòng. Tháng sáu sao Hỏa phạm vào sao Nam Đẩu.

Năm Đinh Mùi, người con gái ở Đại Đồng năm lên mười bảy tuổi tự nhiên biến thành nam.

Tháng mười, Hạ Ngân nói: “Chết ở Tây Thị rất tốt, được lên thiên đình từ biệt Tể tướng rồi xuống nhân gian làm Thần Tiên”.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Gia Tỉnh thứ ba mươi.

Năm Nhâm Tý, niên hiệu Gia Tỉnh ba mươi mốt, tháng mười một Dương Kế Thịnh chuyển đổi quan vị.

Năm Quý Sửu, Dương Kế Thịnh dâng sớ kể mười tội chuyên chánh hại quốc của Nghiêm Tung, vợ khuyên đặt “Quỷ hiệu”, do đó bị hạ ngục, tra khảo, sử tội chết.

Mùa Đông năm Ất Mão, Dương Kế Thịnh đến triều để tra xét, dân chúng đứng hai bên đường cùng nhau chỉ vào ông mà nói rằng: “Đó là nghĩa sĩ trong thiên hạ”. Ông nghe vậy bèn ngâm bài thơ rằng:

*Gió thổi gông cùm tỏa ngát hương,*
*Người đến nhìn ta chật phố phường*
*Não muốn đồng tôn là nghĩa sĩ.*
*Khá thương Trường Bản gặp Quân Vương.*
*Vua sáng đức dâng như trời đất,*
*Đình Úy chết danh vượt Hán Đường*
*Tử đức trở về, vui sinh đến,*

*Thân này vốn chẳng thuộc họ Dương.*

***Ông còn nói rằng:*** “Nếu chôn máu của ta, sau ba năm sẽ biến thành ngọc bích, dưới đất đó ắt có; vì do báo ứng sinh ra”.

Canh Thân, ở Ninh Hạ có động đất, Gia Hưng, Hồ châu chấn động mạnh, nhà cửa rung rinh như cánh buồm.

Thượng thư bộ công là Lưu Lân qua đời, được tặng chức Thái Phó, thụy là Trung Thanh.

Pháp Chu Thiền sư húy Đạo Tế, tự Pháp Chu, người làng Tư Hiền, họ Trương. Năm hai mươi tuổi Sư vào chùa Thiên Ninh làm hành giả, siêng năng hầu hạ Thiền sư Mặc Đường Tuyên, kế đến phụng sự Ngài Cát Am Tộ, ngày đêm thưa hỏi. Một hôm nghe tiếng khánh nơi điện Phật, hoát nhiên khai ngộ, được ấn khả. Sư lại tham yết các ngài Cổ Ẩn, Vân Phong, sở chứng ngày càng đạt đến chỗ sâu xa. Sư lần lượt trụ tại các chùa như Giác Vương, Cảnh Đức, Song Kế. Đầu năm Gia Tỉnh Sư ra khai pháp ở chùa An Ẩn ở Kim Lăng. Một hôm có vị Tăng hỏi rằng:

- Thế nào là cảnh an ổn?

- Mất nửa Tam sơn rơi ngoài trời xanh, một trong Nhị thủy ở tại vực Bạch lộ. Sư đáp.

- Thế nào là gia phong của an ổn?

- Hổ đá đánh nhau trước núi, trâu đất ngủ dưới đáy sông.

Kế đó Sư đến Dương Tiện, trở về Lý Vân trụ các chùa Thiên Ninh, Linh Quang. Sư lại xuôi thuyền đến Nam Hồ, thuận buồm du lãm cảnh quan, sau Sư vào trụ nơi Biện Sơn ở Ngô Hưng. Cuối cùng trở về Thiên Ninh đến trọn đời. Sư trì chú rất linh nghiệm, có thể làm giếng khô thành suối nước, đặc biệt khiến phạm Tăng tạm trú, kêu nhái ếch đến bên cửa nghe tụng kinh, thần nhân vào nhà hộ trì, sau lại tự tại cười đùa, mắng chửi, tùy ý điều khiển, không ai có thể biết được. Mùa thu năm Canh Thìn Sư có chút bệnh mà thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi hai hạ lạp, thờ linh cốt ở một thất riêng. Sư có pháp ngữ kệ tụng để lại, gọi là Thặng Ngữ.

Năm Tân Dậu, niên hiệu Gia Tỉnh thứ bốn mươi, Đế hỏi Tiên thuật nơi một dị nhân, được trao cho Phù lục bí phương.

Năm Nhâm Tuất Nghiêm Trung về quê, gia tài bị sung quân.

Năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Tỉnh thứ bốn mươi hai.

Ngọc Chi Thiền sư húy là Pháp Tụ, hiệu Nguyệt Tuyền, họ Phú, người Gia Hòa, mẹ là Phùng thị. Thuở nhỏ Sư theo Nho học, thông suốt các sách, theo hầu hạ Vương Dương Minh Tiên Sinh, đạt được yếu chỉ “Lương Tri”. Sau Sư xuất gia, tham yết Thiền sư Mộng Cư trình hai bài

kệ rằng:

*Ánh hồ nương gá ba ngàn khoảnh*
*Sắc núi mở ra năm sáu tầng.*
*Chạm mắt xưa nay thành hiện thực,*
*Chẳng tọa bồ đoàn luyện không ngơ*
*Cảnh sắc phô bày chốn an cư*
*Đất bằng ai dám nói thân sơ*
*Dẫu có Đạt Ma truyền tâm ấn*
*Mịt mờ chẳng biết hắn là ai!*

Rồi hỏi đáp rất nghiêm cẩn thiết tha, do đó mà liễu ngộ. Sư kết am tranh ở Kính sơn ẩn tu, vì dưới tòa có mọc cỏ cho nên mọi người gọi Sư là Ngọc Chi Hòa thượng. Sau Sư trụ ở núi Thiên Trì đến cuối đời. Các bậc Nho học đương thời như Nhất Am Đường, Long Khê Vương, Bạch Thạch Tế, vào núi tìm Sư để chứng nghiệm yếu chỉ Nho Thích đạo đồng. Sư đề nghị Tế Công. Quách Nhiên Đường nói rằng: “Nho nói đại công thì thích nói vô tránh, chẳng hai chẳng một, bóng trăng trong nước, gương hư không, tâm chẳng phải đồng với vật, vật chẳng thể sách cùng ngã. Hải ấn sum la, lặng lẽ thì có cảm được cái ứng này, đó là diệu viên. Sư ngăn lại và nói: “Chỉ có Chánh định!”

Năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Tỉnh, Sư thị tịch. Có để lại Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Vân Đình Thiền sư húy là Chánh Tông, trụ ở Thiên Trì, là bạn đạo với ngài Ngọc Chi. Sư thấu triệt được tâm tông, hiểu sâu giáo lý, phóng khoáng ngay thẳng, có phong cách của người xưa. Sắp thị tịch, tắm rửa sạch sẽ, ngồi kiết già trước Phật, lấy giấy bút viết kệ rằng:

*Sáu mươi bốn năm đúng chánh Tông*
*Hôm nay đặc biệt hiển gia phong*
*Năm uẩn cấu trần đều tẩy sạch*
*Thiên trì, ánh nguyệt rạng trời không.*

Mộng Cư Thiền sư trụ tại núi Bích Nham ở Kim Lăng, là thầy đắc pháp của Ngọc Chi. Lúc tiếp ngài Ngọc Chi đọc hai bài kệ trên, Sư quát rằng:

- Chẳng phải! Chẳng phải! (phi, phi)

Ngọc Chi nói:

- Vì sao chẳng phải chẳng phải?

Sư đáp:

- Ông chẳng phi phi, còn ai thì phi phi? Lương Võ đế và Đạt-ma đều chẳng thấy cơ, cần gì phải bẻ cành lau, lại bảo người đuổi theo; xưa

cũng thế, nay cũng thế, đều rơi vào phép tắc của người.

Ngài Ngọc Chi lại hỏi:

- Làm thế nào chẳng rơi vào phép tắc của người?

Sư liền đánh một thoi và nói:

- Đây là rơi hay chẳng rơi? Ngài Ngọc Chi liền lễ bái.

Vô Hà Thiền sư, Phật Giám Thiền sư, Phi Huyễn Thiền sư, Hội Nguyên Thiền sư, Đạo Trí Thiền sư, Tịnh Giới Thiền sư.

Vạn Tòng Thiền sư tên là Tuệ Lâm, hiệu Vạn Tòng, họ Thẩm, người Nhân Hòa, xuất gia ở chùa Pháp Luận. Đầu tiên Sư lễ Bình Dã lão nhân ở Thiên Mục mà được nghe tâm yếu. Sau Sư đến Kinh đô, dự nghe khắp các trường giảng, nghiên cứu đến chỗ huyền áo. Sư đến lễ ngài Không Huyễn Tẩu để trình kiến giải và được nối pháp. Sau Sư đến núi Chư Ký, rồi đến Kính sơn tiếp dẫn người học. Lúc sắp tịch sư viết kệ:

*Bảy mươi bảy năm qua*
*Tông tích đâu nương gá*
*Vốn chẳng có đến đi*
*Chỉ ứng duyên mà đến.*

Tháp xây ở Truyền Y am, Xương Bồ điều.

Tháng năm năm Giáp Tý, ban đêm Đế đang ngồi nơi sân, trong phòng bỗng nhiên nhặt được một hạt đào, sáng ngày nhặt được một hạt.

Tháng ấy thỏ trắng lại sinh ra hai con, không bao lâu nai cũng sinh hai con. Quần thần dâng biểu chúc mừng. Đế ban chiếu đáp.

Năm Ất Sửu. Phương sĩ Hùng Hiển, người Giang Tây dâng một bộ Pháp Thư gồm sáu mươi sáu quyển. Đế triệu kiến ban cho mũ, đai, vàng bạc mà trở về. Lại Triệu Thiêm Thọ dâng phù pháp gồm ba mươi sáu bản cũng được Đế ban mũ, đai, rồi cho trở về quê.

Năm Bính Dần, niên hiệu Gia Tỉnh thứ bốn mươi lăm. Hải Thụy người Quảng Đông, dùng lời nói thẳng viết sớ dâng lên Đế, Đế hạ chiếu giam vào ngục, các quan trong ngoài đều kinh sợ. Hải Thụy là người nổi tiếng chánh trực. Ngày mười bốn tháng mười hai, Đế băng hà ở Càn Thanh cung, Dụ Vương kế vị. Hải Thụy ở trong ngục nghe tin Đế băng hà, thì vô cùng xúc động, chết đi sống lại, khóc suốt đêm không ngủ.

Mục Tông Trang hoàng đế là con thứ ba của Thế Tông, đầu tiên được phong làm Dụ Vương, Thái tử mất, Đế băng hà, ông được kế vị. Ở ngôi được sáu năm, đến ngày hai mươi sáu tháng năm năm Nhăm Thân thì băng hà. Phong hiệu là Khế Thiên Minh Đạo Uyên Ý Khoan Nhân

Hiển Văn Quang Võ Thuần Đức Toàn Hiếu Trang Hoàng đế, miếu hiệu Mục Tông, an táng ở Chiêu lăng. Thọ ba mươi sáu tuổi.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Long Khánh Nguyên niên, Trần Dĩ cầu dâng lên Đế mười việc phải cẩn thận lúc khởi đầu là: Định chí, bảo vị, úy thiên, pháp tổ, ái dân, sùng liễm, lãm quyền, dụng nhân, tiếp hạ, thính ngân.

Vua hạ chiếu tước bỏ quân tước của Chân nhân Thiệu Nguyên Tiết, Đào Trọng Văn, ban cáo mệnh phá nhà bia, tịch thu điền sản.

Phong tặng Dương Kế Thạnh là Quang lộc Tự Thiếu Khanh, thụy là Trung Mẫn, con là Ứng Vĩ làm Quốc tử sinh.

Tháng mười một sao Kim vào khu vực của Nam đẩu.

Tháng mười hai trống trời vang. Sao băng lớn như cái chén, kéo đuôi sáng dài hơn ba trượng.

Kinh Sơn Pháp sư húy là Kha, từng hội tập ba bản dịch kinh Lăng-già để tiện việc xem đọc cho người học. Vào năm Long Khánh thứ nhất, Sư hoằng pháp ở Phi Anh tháp viện tại Hồ Thành. Đệ tử truyền pháp là Thứu Nham Thiên Cơ...

Ngu Xuyên Thiền sư húy Chân Tuệ, họ Phù, người Trỉ thành. Đầu tiên sư hầu hạ ngài Cảnh Không ở chùa Lộc sơn, chép mười hai bộ kinh Pháp Hoa, cúng dường đến các chùa. Lễ sám ba nghiệp thanh tịnh, lâu ngày có cảm, trí tuệ siêu việt. Sư đến Thiên Trì tham lễ ngài Ngọc Chi, được trao cho công án "vạn pháp", nhất tâm tham cứu, viết hai chữ Vô Thường ngay trên án, tay cầm giới phách để cảnh tỉnh lúc hôn trầm, tán loạn. Lâu ngày tỉnh ngộ, được ngài Ngọc Chi ấn khả.

Sau sư làm Thủ chúng nơi pháp tịch của ngài Kinh Sơn ở Phi Anh, bị quan huyện lệnh bức bách, sư quyết giữ giới mà tịch, có để lại kệ rằng:

*Vô minh giống khổ cấy khi nào*
*Mà nay tụ hội bức xiết bao?*
*Đau xót vì chưa không sắc uẩn*
*Vui nhân bởi biết được an hòa*
*Hoa trời chẳng rải trong không ấy*
*Trống canh chỉ đánh lúc trăng qua.*
*Có ai trốn được phần định nghiệp.*
*Thân này sống chết mặc do tha.*

Sư thọ bốn mươi sáu tuổi, có Ngu Xuyên Cảo.

Vân Cốc Thiền sư húy Pháp Hội, họ Hòa, người Gia Thiện. Đầu tiên Sư học giáo Du-già ở chùa Đại Vân tại Gia Hòa, kế đó tham kiến

ngài Pháp Chu Tế ở Thiên Ninh, được chỉ dạy rằng: Người học đạo nên lấy ngộ làm chủ; đồng thời trao cho công án chữ "Thùy" (ao?). Sư gia công tham cứu, một hôm ăn cơm, chén rơi xuống đất mà tỉnh ngộ. Sư trụ ở Tổng Quế am, Thiên Khai nham, có người hỏi rằng: Thế nào là ý từ Tây Thiên đến?

Sư đáp:

*Có nước thì trăng đều hiện*
*Không núi nào mây chẳng vờn.*

Sư lại thị chúng rằng: Người xưa nói suốt ngày ăn cơm mà chẳng nhai một hạt gạo, suốt ngày đi trên đường mà chẳng bước qua một tấc đất, dụng tâm như thế mới có phần tương ưng.

Sư trụ tại Thê Hà, từng chỉ dạy Viên Liễu Phàm về huyền đàm lập mệnh.

Tháng ba năm Mậu Thìn, niên hiện Long Khánh thứ hai lập Hoàng thái tử. Tháng năm Lý Lương Vũ ở Thiểm Tây biến thành phụ nữ (bán vợ con). Trương Cư Chính dâng lên Đế sáu việc như chấn chỉnh kỷ cương, củng cố quốc gia, xây dựng quân đội.

Năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Long Khánh thứ ba, Cao Củng kiêm chức Thái sư Thượng thư học sĩ được vào nội các tham dự việc cơ mật, quản lý việc ở Bộ lại. Hải Thụy làm Thiềm Đô Ngự Sử, Tổng Lý Tào Vận, Tuần phủ Ứng Thiên.

Tháng tám năm Canh Ngọ, niên hiệu Long Khánh thứ tư, các phủ Triết Giang, Hồ châu núi lở thành sông. Hoàng hà vỡ đê, một vùng ba trăm dặm ở Tiểu hà khẩu đều ngập, núi lở thành sông dìm mất vô số người và ruộng lúa.

Năm Tân Mùi niên hiệu Long Khánh thứ năm, ở Triết giang, Hàng châu, cây dẻ sinh cành đào. Tế Nhữ Hiền nói: "Dương yếu ớt mới sinh, thì cần phải dứt dục để dưỡng tâm an tỉnh". Dương Cư Chánh từ Thiếu phó thăng làm Thái tử Thái sư, Thượng thư bộ lại, Kiến Cực Điện đại học sĩ.

Tháng tư năm Nhâm Thân, niên hiệu Long Khánh thứ sáu, ở Triết giang vầng khí đen hiện lúc ban ngày. Hàng châu, trong đám sương màu đen có một vật như bánh xe lượn qua lại, ánh trăng, sấm chớp, mưa đá theo đó mà giáng xuống.

Tháng năm, giếng nước Long Mục ở Nam Trực Lệ hóa thành rượu. Ngày hai mươi sáu tháng năm Đế băng hà ở cung Càn Thanh. Tháng sáu, Hoàng Thái tử kế vị. Thần Tông Hiển Hoàng đế là con trưởng của Mục Tông, do Lý Quý phi sinh ra. Năm mười tuổi Mục Tông

băng hà, ông tức vị, ở ngôi bốn mươi tám năm. Ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Canh Thân thì băng hà, thọ năm mươi bảy tuổi, hiệu là Phạm Thiên Hợp Đạo Triết Túc Đôn Giản Quang Văn Chương Võ An Nhân Chỉ Hiếu Hiển Hoàng Đế, miếu hiệu Thần Tông, táng ở Khánh lăng.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Vạn Lịch Nguyên Niên, Đế nói với Trương Cư Chánh rằng: "Trẫm may mắn được khanh tận tâm phụ giúp!" do đó mà ban cho vàng bạc. Cư Chánh khóc lạy tạ ân. Cư Chánh dâng Giám đồ lên Đế, chỉ rõ đại nghĩa. Đế vui mừng lộ rõ.

Minh Long Thiền sư họ Dao, người Hoài Nam, tên là Đông Dương, từng được bổ dạy ở trường học Huyện nhà, rất thích đọc sách. Đầu tiên Sư lễ Hòa thượng Đại Quang cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, kế đó đến trụ tại am Tú Phong ở Dương sơn, hằng ngày chỉ một nạp y, các người giàu có ở Chư Lăng đồng đến giúp đỡ. Mộc Ninh Uông, Tư Mã Đạo Côn nghe tiếng sư, nên đến cung kính chiêm lễ. Hỏi rằng: "Có thể là thường trụ chăng?" Sư đáp: "Không thường không trụ!"

Các vị ấy cáo từ trở về.

Đêm trừ tịch, sư tập chúng dạy rằng: "Ngày mồng một năm mới ta sẽ đi!" Nửa đêm Sư bảo đệ tử nhìn Trung tinh (một ngôi sao) mà nói rằng: "Giờ Ngọ ngày mai ta mới đi!"

Sáng mồng một Tết toàn khu Dương sơn phóng ánh sáng năm màu, đến giữa trưa, sư từ biệt đại chúng rồi thị tịch. Toàn chúng hướng theo ánh sáng mà lễ bái đồng thời kêu lên rằng: "Đức Phật! Đức Phật! Cầu xin ánh sáng này chiếu khắp hạ giới!"

Uông Công làm bài minh về Sư.

Năm Giáp Tuất, niên hiệu Vạn Lịch thứ hai, phong Ngô Nhạc làm Nam kinh Lại bộ Thượng thư. Nhạc là người trong sạch, tiết tháo trên đời ít có, chỉ có ngôi nhà tranh, mấy mảnh ruộng bạc màu. Hằng ngày chỉ một mình ngồi im lặng trong ngôi nhà, xem đọc vài quyển thiền kinh, chẳng tiếp khách, đi đâu chỉ cưỡi một con lừa, vô cùng đơn giản. Có người muốn lập một ngôi chùa trong cung để làm nơi Thánh thượng khói nhang tu tập, ông khéo léo dâng sớ can ngăn.

Ngày mồng một tháng mười năm Đinh Sửu, Vạn Lịch thứ năm, sao Chổi xuất hiện ở khu vực giữa sao Đẩu và sao Ngưu, đuôi chỉ vào sao Vụ nữ, dài mấy mươi trượng, tia sáng chiếu rực trời giống như lụa, khí biến thành mống bạc. Hoàng cung phát hỏa.

Trâu Huynh Tiêu nói: "Thân mặc gấm nhung, tâm đồng dê chó!".

Biện Dung Thiền sư, đầu tiên sư trụ ở Lô sơn, chứng được Pháp Hoa Tam-muội, đắc pháp môn Đại giải thoát; sau vào kinh làm đại Phật sự, hóa độ các loại căn cơ, Vương, Công, Đại thần đều tôn ngưỡng kính phục. Vân Thê đại sư cùng với đại chúng đến tham kiến, sư nói: "Chẳng nên tham danh cầu lợi, chẳng được theo vào cửa quyền quý, chỉ chuyên tâm hành đạo, chân thật trì giới và niệm Phật".

Tiếu Nham Thiền sư thuộc dòng dõi thế tộc ở Yên kinh, cha là Ngô Môn, mẹ là Đinh thị. Sư xuất gia năm hai mươi tuổi lễ Hòa thượng Đại Tịch Năng làm thầy, kế đó tham vấn khắp các bậc thiện tri thức, tiến tu mà được khai ngộ. Sau sư lánh mình trong một xóm nhỏ ở Kinh đô, ít tiếp kiến người, Vân Thê đại sư từng đến đây hỏi pháp, hai bên rất khế hợp, sư thầm trao tâm yếu cho ngài Vân Thê. Sư có để lại Tiếu Nham Tập bốn quyển lưu hành ở đời.

Tố Am Pháp sư húy là Châu Tiết, hiệu Tố Am, người Tương Dương, lúc nhỏ là nho sinh ở quận nhà. Bỗng nhiên căn lành kiếp xưa phát khởi, Sư cắt ái từ thân, lễ Hòa thượng Minh Hưu cầu xuất gia, sư đến Yên kinh vào làm môn hạ Pháp sư Tú, đạt được sâu xa ý chỉ Hiền Thủ. Nội ngoại điển đều thông, được xem là bậc long tượng. Thời gian lâu sau mới trở về, trụ trì chùa Thê Hà, học chúng trên ba trăm vị. Sư chỉ dạy đầy đủ Tam quán, Ngũ thừa. Sư trụ ở đây mười năm, các danh sĩ có tiếng tăm như Lục Ngũ Đài, Lý Thạch Ly... đều kết bạn phương ngoại với sư. Sư giảng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Hiện Bảo Tháp, bỗng nhiên trên hư không bảo tháp hiện ra trước tòa, như lời kinh đã dạy. Đại chúng đều trông thấy, thật là việc hy hữu. Quan trung sứ tâu trình, Từ Thánh hoàng Thái hậu triệu kiến, đồng thấy được điềm lành này. Do đó bèn ban cho Sư một bộ y Tăng-già-lê thượng phương kim lũ, đồng thời xây ở phía Tây giảng đường một ngôi chùa để hiển dương thần hóa. Uông Đạo Côn có ghi chép việc này.

Năm Canh Thìn, niên hiệu Vạn Lịch thứ tám, trên tảng đá kê trụ phía Tây điện Văn hóa có bốn chữ "Thiên Hạ Thái Bình", chùi lau chẳng mất. Trương Cư Chánh bèn nói: "Đây là điềm lành, thỉnh Thánh thượng đến xem!" Đế trông thấy liền nói: "Đây là việc hư giả!" không vui mà trở về.

Vô Thú Lão Nhân húy Như Không, người Tú Thủy, họ Thi, tục hiệu là Tỉnh Trai. Sư chuyên tâm đến nội điển, chí mến mộ Tổ đạo, cùng với bạn bè là Tề Pháp Chu đi tham học khắp nơi trong tám năm, tham yết Thiền sư Dã Ông Hiểu, được trao cho câu thoại đầu: "Một trở về đâu?" Sư dốc sức hạ công, một hôm nghe tiếng gà gáy mà tỉnh ngộ,

liền đến xin ấn chứng, được ngài Dã Ông chấp nhận truyền trao y pháp và bài kệ rằng:

*Chẳng pháp chẳng phải chẳng pháp,*
*Chẳng tánh chẳng phải chẳng tánh,*
*Chẳng tâm chẳng phải chẳng tâm*
*Nay trao tâm pháp cho ông rồi!*

Sau khi cạo tóc xuất gia, sư trụ ở Kính Úy, ngày sáu tháng tám năm Canh Thìn, niên hiệu Vạn Lịch sư thị tịch, thọ chín mươi tuổi, sắp thị tịch sư nói kệ rằng:

*Sinh đến chết đi như không hoa*
*Chết đi sinh đến như giấc mộng*
*Thân hôi thối này trao bính đinh*
*Xương trắng trôi theo dòng Đoạn Kiều*
*Nay đùa trăng thanh cùng gió mát.*

Năm Đinh Hợi. Hải Thụy là một người thanh liêm, cương trực, nắm pháp luật, giữ công lý, qua đời trong lúc đang làm quan, được vua tặng hiệu là Thái tử Thiếu Bảo, thụy là Trung Giới, lại sai hành nhân hộ tống linh cửu về quê an táng. Các sĩ đại phu gom góp vàng bạc khâm liệm, tất cả dân chúng lớn nhỏ đều tụ tập khóc lóc tiễn đưa cả trăm dặm chẳng dứt.

Thiên Tòng Thiền sư húy là Minh Đắc, hiệu là Nguyệt Đình, đắc pháp nơi Pháp sư Vạn Tòng, nên lấy hiệu là Thiên Tòng. Sư họ Chu, người Ô Trình, Hồ châu, năm mười ba tuổi xuất gia tại am Khánh Thiện ở Song Lâm thuộc quận nhà. Đầu tiên Sư tham yết Bách Xuyên Hải Công nhưng không khế ngộ, kế đến gặp Vạn Tòng Thiền sư, được trao cho yếu chỉ Lăng-nghiêm, sư nỗ lực tham cứu mà tỉnh ngộ, bèn làm kệ rằng:

*Trong kinh Lăng-nghiêm chẳng có kinh*
*Thấy mặt đâu cần hỏi tánh danh*
*Tháng sáu mùa hè như lửa đốt*
*Mùa đông tháng chạp lạnh như băng.*

Sư còn đạt được yếu chỉ Hoa Nghiêm. Một hôm mộng thấy dạo chơi nơi thế giới Đâu-la-miên, thăng tòa giảng kinh thuyết kệ rằng:

*Từ xưa vốn đã không*
*Thì nay đâu từng có*
*Trên đầu lòng hiển hiện*
*Hư không mở miệng cười.*

Quát một tiếng, hạ tòa.

Thức dậy Sư kể lại với ngài Vạn Tòng, ngài Vạn Tòng nói rằng:

- Đó là sức Thánh thầm gia bị cho ông.

Sau sư trụ nơi ngọn Lăng Tiêu ở Kính sơn, dốc sức Kham cứu. Sư có thuyết kệ rằng:

*Trúc biếc ngàn năm, vạn tuổi tòng*
*Cành cành lá lá thật Tổ phong*
*Vân nhạc cao xanh là nơi trụ*
*Vô ngôn, trời rộng thảy đều đồng.*

Mùa thu năm Đinh Hợi niên hiện Vạn Lịch, sư nói với đại chúng rằng: "Ta vì các ông mà chuyển pháp luân Thủ-lăng-nghiêm, để làm lời khai thị cuối cùng, không còn lần nào chuyển lại cho các ông nữa!" Mùa đông năm ấy Sư thị hiện có bệnh, qua ngày mười bảy tháng giêng năm sau, Sư nằm theo thế cát tường mà tịch. Thọ năm mươi tám tuổi, bốn mươi sáu hạ lạp, trà-tỳ, xây tháp thờ ở Kính sơn.

Ly Đình Thiền sư tức là Thích Tổ Trụ, tự Huyền Y, hiệu Ly Đình, người Đơn Hồ, họ Dương; mẹ sư là Chu thị, một hôm nằm mộng thấy vị Tăng vào nhà mà có thai sinh ra sư. Năm mười ba tuổi, sư vào núi Long Phan nương Hòa thượng Triệu Dương học tập các bộ kinh lớn là Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sau khi cạo tóc xuất gia và thọ giới Cụ túc, sư đã thông hiểu ý nghĩa các kinh. Sư đến Thiếu Thất tham bái Hòa thượng Đại Chương, rồi đến Phục Ngưu tham yết ngài Cao An, đến kinh đô lễ hai vị Thiền sư là Tòng và Tú, đạt được yếu chỉ thanh lương, lại vào chùa Vạn Thọ cũng tại Kinh đô giảng Hoa Nghiêm Đại Sao, đến phẩm Nhập Pháp Giới, tự nhiên mặt đất chấn động, trời mưa hoa báu, bấy giờ có các ngài Vô Cực, Diệu Phong, Thừa Ấn đồng dự hội.

Ngày hai mươi hai tháng chín năm Đinh Hợi, niên hiệu Vạn Lịch, sư tắm gội xong ngồi kiết già nói kệ rằng:

*Hư không chẳng có mặt mày*
*Không vị mà gượng lập bày*
*Thoại đầu với chẳng thoại đầu*
*Chốn chốn đều là Như Lai.*

Lại nói tiếp:

*Năm nay sáu mươi sáu*
*Chẳng biết làm việc gì*
*Ôi! Các người ghé mắt*
*Nhìn xem tin tức này*
*Phật tổ đã đến rồi*
*Dùng nó cũng chẳng được.*

Nói xong thì thị tịch, thọ sáu mươi sáu, năm mươi bốn hạ lạp. Tháp thờ xây phía Bắc ngọn Liên Hoa.

Đại Trí Thiền sư là bậc lập chí vững chắc, siêng năng tu tập, giới luật tịnh nghiêm. Đầu tiên sư trụ tại Hải Triều am ở Phổ Đà, thời gian lâu sau, sư trùng kiến trở thành một ngôi chùa lớn, thâu nhận hơn một ngàn chúng. Người khắp nơi đến dâng hương đảnh lễ Đại sĩ, được chiêm ngưỡng một lần là điều may mắn. Đàn-việt cúng dường rất thịnh, phước duyên to lớn. Triều đình giáng chỉ ban vải lụa, Lộ Vương dâng y, nghiễm nhiên có một đại sĩ hiện trong núi này. Sư có đệ tử là Thiên Nhiên ở Thiên Bộ Sa, có thể bước trên dây mà đi, là người chấn chỉnh Tây phong hưng thịnh sau này.

Lý Trác Ngô húy là Chí, làm quan đến chức Thứ sử, sau từ quan thế phát xuất gia, trụ trì Long Hồ, lãnh chúng tu học. Sư là người hào sảng, thông minh, soạn thuật rất nhiều, như Hoa Nghiêm Hiệp Luận Giản Yếu và Phần Thư mấy quyển, phần nhiều luận về Phật pháp lý tánh...

Năm Mậu Tý, niên hiệu Vạn Lịch thứ mười sáu. Sông Hổn hà đến từ Tây bắc, tức sông Cổ tạng càn, xuất phát từ Thiên Tân ở Lô Kiều chảy thẳng ra biển. Sông Hoàng hà phát nguyên từ Côn Lôn, chảy vào Trung Quốc qua mấy ngàn dặm, các sông nhỏ đều đổ vào đây gây nguy hại rất lớn.

Tượng Tiên Thiền sư trụ chùa Từ Vân ở Thiên Thai, tên là Thích Chân Thanh, hiệu Tượng Tiên, họ La, người Tương Đàm, Trường Sa. Lúc mới sinh ra, sư đã dĩnh ngộ lạ thường. Vừa lớn lên, ngày có thể đọc vài ngàn lời kinh sử, suốt đời chẳng quên một chữ. Năm mười lăm tuổi, sư được bổ dạy ở trường quận nhà. Năm mười chín tuổi, sư lễ Hòa thượng Bảo Châu ở Nam nhạc cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sư khán câu thoại đầu "chữ Vô", trải qua thời gian lâu, một hôm thuyền chạm vào bờ phát ra tiếng, bỗng nhiên sư tỉnh ngộ, Hòa thượng Châu vui mừng phó chúc rằng: "Nên khéo giữ gìn". Sau khi ngài Bảo Châu thị tịch, sư trụ ở Giác Hoàng, một hôm bị bệnh, mộng thấy quan công trao thuốc uống mà hết bệnh. Đại chúng đến thất của sư, sư ung dung nói rằng:

*Viên tông không hình tượng*
*Mãn giáo khó suy lường!*

Người thể hội được ý chỉ này thì núi non cũng dễ dời; kẻ trái tông này thì mảy may cũng khó vào". Đại chúng lễ tạ rồi lui ra. Một hôm sư mộng thấy ngọc cung Bảo Thọ và Di-đà Tam Thánh, vừa lễ bái thì một

vị Sa-di đứng bên cạnh trao cho sư một tấm thẻ có viết: "Giới hương huân tu, ngộ trung phẩm vãng sinh chi tượng".

Tháng tám năm Đinh Hợi, niên hiệu Vạn Lịch, sư được Từ Thánh Thái hậu ban cho kim tử y để tỏ lòng ân sủng.

Ngày hai mươi chín tháng giêng năm Mậu Tý, sư bảo đại chúng rằng:

- Duyên ở Tịnh độ của ta đã thành thục, thánh cảnh đã thầm hiện, cõi thế gian này chắc chắn chẳng thể ở lại lâu!". Đến tối sư từ biệt chúng rồi thị tịch. Trà-tỳ thu được xá-lợi đỏ, trắng và xanh, hương thơm ngào ngạt. Sư thọ năm mươi bảy tuổi, ba mươi bảy hạ lạp, tháp thờ lập ở suối Trung Văn phía Tây chùa.

Tây Phương Hợp Luận do Trung Lang Viên Hoằng Đạo soạn, phân làm mười môn là: Sát độ môn, Duyên khởi môn, Bộ loại môn, Giáo tướng môn, Luận lý môn, Xứng tánh môn, Vãng sinh môn, Kiến võng môn, Tu trì môn, Thích dị môn. Trung Lang soạn thuật rất nhiều, luận này là căn bản của việc vãng sinh.

Em của Trung Lang là Tiểu Tu Trung Đạo chuyên tu tập tịnh nghiệp. Trung Lang qua đời trước Tiểu Tu; sau Tiểu Tu qua đời thấy Trung Lang đến, mới cho rằng đã vãng sinh Tịnh độ, nay đến rước mình về nơi ấy. Tiểu Tu hỏi rằng:

- Vì sao anh được vãng sinh?

- Vì tôi có công soạn Tây Phương Hợp Luận mà được sinh về nơi ấy.

Tiểu Tu lại hỏi đến các việc khác, nhưng Trung Lang đáp rất ít lời, chỉ nói Vũ Lâm Ngu Thuần Hy vì soạn Tịnh độ Thi mà được vãng sinh.

Năm Canh Tý, niên hiệu Vạn Lịch hai mươi tám, Thông Chánh Thẩm Tử Mộc tấu rằng: "Nhà thờ Kiến Văn Đế không có được một chén cơm, tệ bạc đồng với dân thường, đối với nghĩa thì quá nhẫn tâm, hoặc thờ cúng vật thực ở Cao miếu, một bên ý văn".

Phật Pháp Kim Thang Biên (lục) do Châu Cư Sĩ Xích Thủy Đồ Long soạn, nội dung là phát minh lý sâu xa của Thánh giáo đồng thời nêu lên các bậc anh tài trong tăng sĩ đương thời. Kim Thành và Thang Trì là vật để bảo vệ vòng ngoài nghiêm ngặt.

Tịnh Độ Tư Lương do Đồng Hương Cư Sĩ Trang Quảng Hoàn soạn gồm sáu quyển. Quảng Hoàn tự là Phục Chân, ông tham lễ ngài Vân Thê, rồi tuyển chọn thâu thập những điều cốt yếu trong kinh điển và trong các ngữ cú của các bậc Tăng tục thuộc Liên tông soạn thành sách

này, mục đích ra sức khuyên người tu tập, làm tư lương cho việc vãng sinh Tịnh độ.

Diệu Phong Thiền sư húy là Chân, đệ tử nối pháp của ngài Thiên Tòng, hiệu là Bách Tòng. Sư trùng hưng học thuyết Tam quán thập thừa của Thiên Thai; xiển minh tông yếu Tánh Cụ Lý Cụ, phán định Lăng Nghiêm thuộc về giáo Phương Đẳng thật tướng. Sư có soạn Bách Vấn lưu hành ở đời.

Nguyệt Xuyên Pháp sư húy Châu Trừng, trụ nơi Ngũ Đài sơn, Sư đến Kinh đô hoằng hóa, có các tác phẩm Lăng-nghiêm Chánh quán sớ, Vĩnh gia tập chú lưu hành ở đời.

Đại Hưu Thiền sư tên là Thật, hiệu là Tế Am, người ở Tân Trịnh. Đầu tiên sư đến núi Phục ngưu tham yết ngài Cổ Tâm, kế đó đến tham học nơi ngài Thiên Kỳ và được phó pháp. Sư có nói kệ rằng:

*Pháp thân vốn không tướng*
*Chân tánh xưa nay không*
*Biết được tin tức này*
*Trong ngoài lộ gia phong.*

Diệu Hữu Thiền sư tên là Trí Không, họ Cát, quê Vân Nam. Sư trụ ở Thương sơn, tham yết ngài Vạn Tòng, được thọ ký; kế đến sư trụ ở Thiên Giới, Siêu Giới. Từ Thái sư thỉnh sư trụ Từ sơn. Sư đã khế ngộ được đạo trực chỉ, niệm niệm đều lấy chỗ Tịnh độ làm chỗ về.

Dị Am Thiền sư tên Như Thông, tự xưng là Lô Giang Lão Tẩu. Đầu tiên sư tham yết ngài Vạn Tòng để quyết trạch tâm yếu. Các danh sát ở vùng Ngô Việt nhờ sư mà hưng khởi. Sau sư đến chùa Quốc Thanh ở Thiên thai thuyết kệ rồi thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi.

Tuệ Quảng Thiền sư húy Châu Duyên, nhân thấy được Như Lai thân vàng một trượng sáu ở chùa Dục Vương, sư cảm khích đốt thân, bỗng nhiên trên đảnh hiện hóa Phật và nhiều điều linh ứng kỳ lạ.

Tử Bá Đại sư húy Tăng Khả, hiệu Đạt Quán, người Ngô Giang, họ Thẩm. Lúc nhỏ sư đã có chí khí gánh vác việc người, lớn lên sư lễ ngài Hổ Khâu Tuệ Luân cầu xuất gia, rồi đến Thanh lương, Yên kinh, dựng lập pháp tràng. Sau sư bị vu cáo mà phạm tội chết, có Tử Bá Lão Nhân tập lưu hành ở đời.

Tuyết Lãng Pháp sư, sư là người phát kiến việc giảng kinh điển theo chánh văn, không lệ thuộc vào chú sớ, được danh sĩ đương thời kính trọng. Sư có để lại Tuyết Lãng tập.

Thiệu Giác Pháp sư húy Quảng Thừa, sư trụ ở Liên am xiển dương tánh tướng học, khai phát cho các hậu học hiền tài.

Vô Huyễn Thiền sư húy Tánh Xung, đắc pháp nơi Vô Thú Lão Nhân, có lưu lại ngự lục ở đời.

Nhất Tâm Thiền sư trụ tại núi Long Trì, Nghi Hưng, xiển dương Thiền tông, tiếp dẫn hậu học.

Nghi Phong Thiền sư húy là Phương Thoán, người Quỳ châu, Sư tham yết ngài Kim Am, rồi nương học nơi ngài Biến Dung mà các mối nghi đều tiêu trừ. Sư làm bài tụng rằng:

*Tam huyền, tam yếu chẳng do đâu*
*Nghĩ suy cùng tận chẳng thể cầu*
*Trước cửa bước đi ngang qua bếp*
*Mây trắng núi xanh thảy gật đầu.*

Cô Nguyệt Thiền sư tên là Tịnh Trừng, họ Trương, người Yên kinh. Đầu tiên sư tham yết Nguyệt Khê lão nhân, được khai thị mà tỉnh ngộ. Sau sư nghe tiếng tre nổ mà hoát nhiên tâm được rỗng rang, bèn đến ngài Vân Cốc cầu kiến và được trao cho y pháp. Sư làm thơ rằng:

*Nghèo ở núi rừng ý thảnh thơi.*
*Giường trúc giấc ngon đá gối đầu*
*Thế ngoại sinh nhai tùy phận đủ*
*Đều do hông ngực chứ không cầu.*

Sư có để lại Thanh Lương lục lưu hành ở đời.

Vân Thê Đại sư húy Châu Hoằng, tự Phật Tuệ, hiệu Liên Trì, họ Thẩm, một thế tộc danh gia ở Hàng châu. Đầu tiên sư là một Nho sinh, đến năm hơn ba mươi tuổi, sư mới lễ Hòa thượng Tánh Thiên cầu xuất gia. Kế đó sư du phương tham học trong nhiều năm, nếm đủ các gian khổ, rồi lại trở về Vân Thê ở Hàng châu, lập chùa tập chúng đồng trụ, chuyên tu Tịnh độ đạo màu, chấn chỉnh nghi quỷ yết-ma. Sư trụ thế tám mươi mốt năm, soạn ba mươi hai bộ sách, danh tiếng vang khắp nơi, đại pháp trải cùng chốn, thật là bậc thiện tri thức của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, là đại Hòa thượng của Thiền Giáo Luật. Khi còn sống thì phước duyên sâu rộng, lúc xả thế thì ân đức nhuần thấm đến vô cùng.

Sư thị tịch vào năm Ất Mão.

Nạp Xuyên Pháp sư tên là Châu Hải, biệt hiệu Học Đình, người Ninh Hải, đắc pháp nơi Hòa thượng Thiên Tòng. Sư giảng thuyết ở các chùa lớn như ThiênThai, Thái Bình, Tiên Cư và Tư Phước ở Biện sơn. Năm bảy mươi ba tuổi, một hôm sư nói kệ từ biệt đại chúng xong thì thị tịch.

Thọ Xương Thiền sư tên là Tuệ Kinh, tự Vô Minh, nhân xem kinh Kim Cang mà phát tâm tỉnh tu hai mươi bốn năm, sau sư tham yết Hòa

thượng Thụy Phong, thưa hỏi có khế hợp. Sư trụ Thọ Xương. Năm bảy mươi mốt tuổi, một hôm sư viết bốn chữ “Kim Nhật Phân Minh” lớn để chỉ thị cho đại chúng rồi thị tịch.

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Vạn Lịch mười lăm, đế ban chiếu lập Long Hoa đại hội ở núi Ngũ Đài, ban cho một ngàn hai trăm năm mươi bộ tích trượng, y bát, xiển dương rộng lớn tông phong, liên tiếp ba năm ba lần như thế. Bấy giờ do hai ngài Cổ Tâm và Thừa Phương trụ trì.

Hám Sơn Đại sư húy Đức Thanh, khôi phục hàng Na-la-diên, trùng hưng đạo tràng Tào Khê. Sư có soạn Lăng-nghiêm Thông Nghĩa, Pháp Hoa Thông Nghĩa, Lăng-già ký, Viên Giác Giải, Kim Cang Quyết Nghi, Đạo Đức Kinh Chú, Nam Hoa Kinh Chú... lưu hành thế gian.

Giới Sơn Pháp sư húy là Truyền Như, họ Cố, người Hải Diêm, đắc pháp nơi ngài Diệu Phong. Sư có các tác phẩm Lăng Nghiêm Tiệt Lưu, Pháp HoaTrử Hải, Đạo Đức Phương Tiếu, Trang Sâm... lưu hành ở đời.

Huyền Cư Pháp sư húy là Châu Giới, hiệu Duyệt Đường, là cao đồ của ngài Thiên Tòng. Sư trụ tại am Truyền y ở Kính Sơn. Sư có soạn các tác phẩm: Lăng Nghiêm Toản Chú, Khởi Tín Chú, Kim Cang Trực Giải, Nhân Minh Duyên Duyên... Sư thường thuyết pháp tại chùa Viên Chứng ở Thành sơn.

- Tây Phương Chỉ Quy do Cư sĩ Lục Điền Nhất Niệm soạn.
- Pháp Hỷ Chỉ do Băng Liên Đạo Nhân soạn.
- Pháp Giới An Lập Đồ do Yên Sơn Bối Lâm húy là Châu Giám soạn.
- Pháp Hoa Tri Âm do Pháp sư Ẩn Phát soạn.
- Pháp Hoa Đại Khoản do Pháp sư Nhất Vũ soạn.
- Lăng-Nghiêm Trực Giải do Pháp sư Nhân An soạn.
- Lăng-Nghiêm Hợp Triệt do Pháp sư Nhất Vũ soạn.
- Lăng-Nghiêm Viên Thông sớ do Pháp sư Vô Tận húy Truyền Đăng soạn.

Tháng bảy năm Canh Thân, niên hiệu Vạn Lịch thứ bốn mươi tám, Đế bệnh, đến ngày hai mươi mốt thì băng hà ở cung Càn Thanh. Mồng một tháng tám Hoàng Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Xương thứ nhất. Quang Tông Trinh Hoàng đế là con trưởng của Thần Tông do Vương Quý Phi sinh vào năm Nhâm Ngọ, đến ngày mười tháng mười năm Tân Sửu được lập làm Hoàng Thái tử. Khi Thần Tông băng hà, ngày mồng một tháng tám ông lên ngôi, tại vị một tháng, đặt niên hiệu Vĩnh Xương, thọ ba mươi chín tuổi. Tôn hiệu là: Sùng Thiên Khế Đạo Anh Duệ Cung Thuần Hiếu Văn Cảnh Võ Uyên Nhân Ý Hiếu

Trinh Hoàng Đế, miếu hiệu Quang Tông, an táng ở Khánh lăng.

Mồng một tháng tám năm Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Xương thứ nhất, Hoàng Thái tử lên ngôi, đại xá thiên hạ. Ngày một tháng chín, Đế băng hà ở cung Càn Thanh, ngày sáu tháng chín hoàng thái tử lên kế vị.

Hi Tông Triết Hoàng đế là con trưởng của Quang Tông do Vương Tài Nhân sinh. Năm mười lăm tuổi, Quang Tông băng hà, ông lên Đế vị, tại ngôi bảy năm, thọ hai mươi hai tuổi. Tôn hiệu là Đạt Thiên Diễn Đạo Đôn Hiếu Đốc Hữu Chương Văn Tượng Võ Đoan Tỉnh Mục Trang Triết Hoàng đế, miếu hiệu Hy Tông, an táng ở Đức lăng.

Tháng hai năm Tân Dậu, Thiên Khải Nguyên niên, hai bên mặt trời có tai giống như mặt trăng, dài như vòng ngọc, lớn khắp cả bầu trời. Tháng mười hai, trên mặt trời mờ mờ có một vật cũng lớn bằng mặt trời ép sát vào mặt trời.

Trạm Thiên Hòa thượng trụ ở Vân Môn, truyền tông Tào Động, phục hưng các ngôi chùa cổ, đắp đê ngăn biển. Sư có Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Nga Hồ Thiền sư húy Quảng Tâm, hiệu Dưỡng Am. Sư từng tham lễ ngài Thúy Phong, ngài Biện Dung, sau cùng đắc pháp nơi ngài Vân Thê.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Thiên Khải thứ bảy. Hoàng Bá Vô Niệm húy là Thâm Hữu, hiệu Tây Ảnh. Sư từng tham lễ ngài Đại Hưu... lúc sắp thị tịch, sư có nói bài kệ rằng:

*Hơn bốn mươi năm nào trụ công*
*Đến đi cùng khắp chẳng tích tông*
*Mà nay rốt ráo không nơi gá*
*Mới ngộ từ xưa lầm dụng công.*

Ngày hai mươi tháng bảy năm Đinh Mão, niên hiệu Thiên Khải thứ bảy, sư thị tịch, có Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Tổng cộng một trăm năm mươi vị.

Bắt đầu từ năm Giáp Tý đời Thế Tổ nhà Nguyên đến đây là năm Đinh Mão, niên hiệu Thiên Khải đời Hy Tông nhà Minh, tổng cộng là ba trăm sáu mươi bốn năm, ghi chép hơn bốn trăm ba mươi vị Tăng.

Thích Văn tự thuật xong, kính ghi!

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 182

# TAM QUỐC DI SỰ

**SỐ 2039**

(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC

LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2039

# TAM QUỐC DI SỰ

## LỜI TỰA HIỆU ĐÍNH

Bộ Tam Quốc Di Sự này do vị tăng tên là Nhất Nhiên soạn vào thời Trung Liệt vương nước Cao Ly, kế tiếp bộ Tam Thị Sử ký, nội dung ghi chép những việc đời trước ít được truyền nghe của ba nước Tân La, Cao Cú Ly và Bách Tế. Sách gồm năm quyển, phân làm chín môn. Đầu tiên không có lời tựa và bạt, chỉ lập niên biểu của ba nước, sau đó là ghi chép những việc thần kỳ linh diệu, chủ yếu là tôn sùng Phật, hoằng dương chánh pháp. Những người luận bàn cho rằng hoang đường, không có chứng cứ, khó có thể tin, nhưng phong quy đã lưu truyền, những tục chế để lại đều rải rác có ghi; cho đến địa thế, khởi nguồn của châu, huyện, quận, thị đều có ghi chép đầy đủ. Nếu muốn trình bày sự việc của ba nước này một cách đầy đủ như dùng rau phong, rau phỉ, thì đâu cho phép bỏ sót điều nào?

Sách này hoàn thành trong khoảng niên hiệu Chí Nguyên và Đại Đức (1264-1267); hơn hai trăm năm sau nhằm năm Nhâm Thân, niên hiệu Chánh Đức thứ bảy đời Minh mới tái bản, có Phủ Doãn Khánh Châu là Lý Kế Phước viết lời bạt rằng: “Ba nước ở phương Đông của ta, có hai bản Bản Sử Dị Sự, nhưng họ không ấn hành, chỉ còn ở tại bổn phủ một bản, nhưng trải qua thời gian lâu xa đã bị hư nát, thiếu khuyết, một hàng chỉ có thể đọc được năm, sáu chữ... Vì muốn khắc bản, nên tôi đã tìm cầu bản hoàn chỉnh khắp nơi, nhưng trải qua mấy năm mà chẳng được... May thay Mục Lại Tinh Châu là Quyền Công nghe tôi tìm cầu, nên ông đã tìm được một bản toàn vẹn gởi cho...” Như thế việc

tái bản là xuất phát từ Kế Phước. Nhưng nói là bản hoàn chỉnh, nhưng thật ra chẳng phải thật là hoàn chỉnh, e rằng trong đó còn thiếu sót hơn bản chép tay. Nước ta có lưu truyền hai bản, một bản giữ tại Đức Xuyên hầu ở Vĩ châu, một bản cất tại Nam Tước Thần Điền, đều được tái bản vào niên hiệu Chánh Đức, trong đó văn tự sai sót, lầm lẫn rất nhiều, tựa như bản cũ, thậm chí còn rớt mất, hoặc không còn chữ, làm cho văn đứt quãng, nghĩa chẳng thông, không thể đọc xem được. Do đó mới dùng bản của hai nhà làm chính, đồng thời dùng các bộ như Tam Quốc Sử Ký, Cao Ly Sử, Đông Kinh Tạp Ký, Đông Quốc Thông Giám, Văn Hiếu Bị Khảo, Dư Địa Thắng Lãm, Hải Đông Kim Thạch Uyển Ký, Hán Thổ Lịch Đại Sử Thư, Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng truyện, Đường Tục Cao Tăng Truyện để kiểm xét đính chính, bỏ những điều ngụy vọng, thêm những việc thiếu sót, dùng Hoạt tự ấn hành để lưu thông ở đời.

Từ năm Chí Nguyên đến nay đã hơn sáu trăm năm, chúa Nguyên là Hốt Tất Liệt thành lập Chinh Đông tỉnh, dùng Cao Ly dẫn đường đem quân sang cướp phá nước ta, bị các đội quân trấn giữ phía Tây đánh giết hết. Sau khi bại trận chúa Cao Ly muốn sung tất cả Nho sinh vào quân ngũ, nhưng Nhất Nhiên là người Cao Ly lại siêng năng cẩn mẫn soạn sách trong thời gian này. Tiếc rằng ngòi bút của sư lúc bấy giờ không được khúc chiết gãy gọn để gây niềm tin trong thiên hạ ở đời sau, khiến cho quan hệ giữa Tam Hàn và nước ta đã xa cách từ thời trước. Sách này ghi chép, trong đó có đề cập đến nước ta; vả lại trong sách có đưa vào Hương Ca thì phần nhiều là dùng tiếng Tân La; nói Hương Ca giống như nói quốc phong vậy. Cổ ngữ Tân La đã mất, chỉ còn hơn mười bài Hương Ca, thật là hạt châu còn sót trong biển xanh. Thế thì chẳng cần phải trực tiếp khảo cứu việc xưa của Tân La, mà cũng đủ để tham cứu cổ ngữ của nước ta. Các nhà khảo cổ truy tầm cái nguồn mà cứu xét cái gốc, ngõ hầu có được điều lợi ích.

Thượng tuần tháng chín, năm Nhâm Dần, năm Minh Trị thứ ba mươi lăm.

Phàm Lệ.

1. Thiên này vốn không có mục lục, nay căn cứ theo các tiêu đề trong đó mà lập ra.

Quyển một, điều Mạt Thát, Bột Hải thiếu hai trang. Quyển ba, điều Nam Nguyệt Sơn thiếu một trang, điều Bá Nghiêm Tự Thạch Tháp xá-lợi thiếu hai trang, còn những sự thiếu sót khác hoặc mất tiêu đề, hoặc mất tên biển, chẳng thể khảo chứng thì tồn nghi để khuyết.

2. Về niên biểu, đầu tiên thiếu hai trang, nay chẳng thể bổ khuyết.

Trong sách, như văn tự bị thiếu, hoặc mờ nhạt đọc chẳng được in lại mẫu để tồn nghi, hoặc giả theo ý mà định văn tự, thì thêm dấu () để phân biệt. Nếu mất thiếu chữ thì làm dấu [ ] để biết.

3. Các chữ số và can, chi có lúc cũng sai sót, trong lúc hành văn có sai lạc, hoặc chấm phết lầm lẫn thì đính chính. Trong đó có lúc cũng luận về đúng sai ở trên.

4. Những chữ chung mượn âm thì không dám cải chính, chỉ nêu nguyên do ở trên. Các chữ húy kỵ cũng thế, chỉ tĩnh lược các nét chữ, như viết, viết thì sửa lại. Như chữ là tên húy của Thái tổ nước Cao ly, là tên húy của vua Tuệ Tông, đồng thời để cho khó đọc được một cách phổ biến. Tô Thức nói rằng: “Bậc tiền bối còn chẳng dám sửa đổi cổ thư! Cho nên văn tự, những chữ thuộc về biệt thể, chỉ cần giữ được hình tướng xưa.” Vâng giữ theo cổ đức là một việc, nhưng dùng hoạt tự in ấn thì việc lầm lẫn văn tự như Ô ( ) và Yên ( ) rất dễ xảy ra. Xin người đọc lượng thứ.

------------------------

## MỤC LỤC TAM QUỐC DI SỰ
## Phần niên biểu.

**Quyển 1:**

Môn thứ nhất là Kỷ dị, gồm các điều:

1. Cổ Triều Tiên.
2. Ngụy Mãn Triều Tiên.
3. Mã Hàn.
4. Nhị Phủ.
5. Bảy mươi hai nước.
6. Nhạc Lương quốc.
7. Bắc đới phương (phương Bắc).
8. Nam đới phương (phương Nam).
9. Mạt Thát Bột Hải.
10. [] [] [] []
11. Biện Hàn - Bách Tế.
12. Thần Hàn.
13. Tứ Tiết Du Thạch.
14. Thỉ Tổ Tân La - Hách Cư Thế vương.
15. Đệ Nhị Nam Giải vương.

16. Đệ Tam Nổ Lễ vương.
17. Đệ Tứ Thoát Giải vương.
18. Kim Ứ Tri - Đới Thoát Giải vương.
19. Diên Ô Lang - Tế Ô Nữ.
20. Vị Trâu vương - Trúc Diệp Quân.
21. Nại Vật vương - Kim Đê Thượng.
22. Đệ Thập Bát Thật Thánh vương.
23. Xạ Cầm Hạp.
24. Trí Thiết Lão vương.
25. Chân Hưng vương.
26. Đào Hoa nữ - Tỵ Kinh Lang.
27. Trời ban đai ngọc.
28. Thiện Đức vương ba việc biết cơ.
29. Chân Đức vương.
30. Kim Dữu Thí.
31. Thái tông Xuân Thu Công.
32. Trường Xuân Lang - Bãi Lang.

**Quyển 2**

[] [] [] []

1. Văn Hỗ Vương Pháp Mẫn.
2. Văn Ba Tức Địch.
3. Đời Hiếu Chiêu vương - Trúc Chỉ Lang.
4. Thánh Đức vương.
5. Phu Nhân Thủy Lộ.
6. Hiếu Thành vương.
7. Cảnh Đức vương - Trung Đàm Sư.
8. Biểu Huấn Đại Đức.
9. Tuệ Cung vương.
10. Nguyên Thánh Đại vương.
11. Tảo Tuyết.
12. Hưng Đức vương - Anh Vũ.
13. Thần Võ Đại vương - Diêm Trường.
14. Cung ba.
15. Đời bốn mươi tám Cảnh Văn Đại vương - Xử Dung Lang.
16.Vọng Hải tự.
17. Chân Thánh nữ Đại vương - Cư Đà Tri.
18. Hiếu Cung vương.

19. Cảnh Minh vương - Cảnh Ai vương.
20. Kim Phó Đại vương.
21. Nam Phù Dư.
22. Tiền Bách Tế - Bắc Phù Dũ.
23. Võ vương.
24. Hậu Bách Tế - Chân Huyên.
25. Giá Lạc quốc ký.

**Quyển 3**

Môn thứ 3: Hưng pháp, gồm các điều:

1. Thuận Đạo đến Cao Ly đầu tiên.
2. Nan-đà sang Bách Tế khai pháp.
3. A-đạo đặt nền móng ở Tân-La.
4. Nguyên Tông hưng pháp - Yểm Độc diệt thân.
5. Pháp vương Cấm Sát.
6. Bảo Tạng phụng người già - Phổ Đức dời am.
7. Mười vị Thánh ở Kim Đường chùa Hưng Luân ở Đông kinh.
8. Tòa đá của Phật Ca-diếp.
9. Tháp A-dục ở thành Liêu Đông.
10. Thạch tháp Ta-bà ở thành Kim Quan.
11. Chùa Linh Tháp ở Cao Ly.
12. Tượng Phật một trượng sáu chùa Hoàng Long.
13. Tháp chín tầng chùa Hoàng Long.
14. Chuông chùa Hoàng Long.
15. Dược sư chùa Phân Hoàng.
16. Chuông chùa Phụng Đức.
17. Tượng Phật một trượng sái chùa Linh Diệu.
18. Tứ Phật sơn.
19. Quật Phật sơn.
20. Vạn Phật sơn.
21. Tượng Phật Di-lặc bằng đá chùa Sinh Nghĩa.
22. Bách họa Phổ Hiền chùa Hưng Luân.
23. Đức Quán Âm ở ba nơi - Chùa Chúng Sinh.
24. Chùa Bá Lật.
25. Chùa Mẫn Tạng.
26. Thỉnh Xá-lợi.

[] [] [] []

1. Di-lặc Tiên Hoa - Vị Thi Lang.
2. Chân Từ Sa.
3. Hai vị Thánh ở Nam Bạch Nguyệt.
4. Nổ bi phù đắc - Đát đát phác phác.
5. Đức Thiên Thủ Đại Bi chùa Phân Hoàng.
6. Đứa bé mù sáng mắt.
7. Hai Đại Thánh ở Lạc sơn - Quán Âm - Chánh Thú.
8. Điều trí.
9. Ảnh Phật ở Ngũ sơn.
10. Năm vạn châu thân ở Đài sơn.
11. Minh Châu Ngũ đài sơn Bảo Sát Đồ Thái Tử truyện ký.
12. Năm loại Thánh chúng chùa Nguyệt Tinh ở Đài sơn.
13. Nam Nguyệt sơn.
14. [] [] [] []
15. [] [] [] []
16. Điện Di-đà chùa Mâu tạng - Thạch tháp Xá-lợi chùa Bá nghiêm.

**Quyển 4:**

- Môn thứ năm là nghĩa giải, gồm các điều:

1. Viên Quang Tây du cầu học.
2. Cây lê của ngài Bảo Nhưỡng
3. Lương chi phi trượng.
4. Các sư thị tịch ở Tây trúc.
5. Hai tuệ đồng trần.
6. Từ tạng định luật.
7. Nguyên Hiểu chẳng bị trói buộc.
8. Nghĩa tương truyền giáo.
9. Xá Phước chẳng nói.
10. Chân Biểu truyền thẻ.
11. Khai Đông Phong Nhạc Bát Uyên Tẩu Thạch ký.
12. Thắng Thuyên đầu lâu.
13. Tâm địa kế tổ phong.
14. Hiền Du-già.
15. Pháp Hoa Nghiêm

**Quyển 5:**

- Môn thứ sáu là Thần chú, gồm các điều:

1. Mật Bản phá tà.
2. Tuệ Tông chế phục rồng.
3. Minh Lãng ấn thân.

- Môn thứ bảy, cảm thông, gồm các điều:

1. Tiên Đào Thánh mẫu tùy hỷ Phật sự.
2. Úc-diện-tỳ niệm Phật vãng Tây phương.
3. Quảng Đức - Nghiêm trang.
4. Cảnh Hưng gặp Thánh.
5. Chân thân thọ cúng dường.
6. Sư Minh Nguyệt làm Đâu-suất-ca.
7. Thiện Luật sống lại.
8. Kim Hiện cảm hóa cọp.
9. Sư Dung Thiên soạn Tuệ tinh ca.
10. Đời Chân Bình vương.
11. Sư Chánh Tú cứu người nữ sinh con.

- Môn thứ tám ẩn cư, gồm các điều:

1. Lãng Trí cưỡi mây - Phổ Hiền thọ - Duyên Hội mai danh - Văn-thù thiếp.
2. Tuệ Hiện cầu ma tỉnh.
3. Tín Tuệ từ quan.
4. Hai vị Thánh ở Bào sơn.
5. Vĩnh Tài gặp giặc.
6. Vật Kê Tử - Sư Nghinh Như.
7. Bố Xuyên sơn - Năm vị Tỳ-kheo đời Cảnh Đức vương.
8. Sư niệm Phật.

Môn thứ chín, Hiếu Thuận, gồm các điều:

1. Sư Chân Định hiếu và thiện đều đủ.
2. Đại Thánh có hiếu với hai đời cha mẹ - Đời Thần Văn vương.
3. Hướng Đắc Xã Tri cắt thịt đùi dâng cha mẹ. Thời Cảnh Đức vương.
4. Tôn Thuận chôn con - Thời Hưng Đức vương.
5. Người con gái nghèo nuôi mẹ.
6. Lời bạt.

# I. NIÊN LỊCH CÁC VƯƠNG TRIỀU BA NƯỚC THEO VƯƠNG LỊCH TRUNG QUỐC

***Thời Tiền Hán Trung Hoa:***

* Đời Tuyên Đế: Niên hiệu Ngũ Phượng, năm năm, bắt đầu từ năm Giáp Tý.

- Nước Tân-La.

Đời thứ nhất vua Hách Cư Thế: Vua họ Phác thuộc Noản sinh, năm Giáp Tý được mười ba tuổi thì lên ngôi, tại vị sáu mươi năm, cưới Nga Y Anh Nga Anh, đặt quốc hiệu là Từ La Phiệt, Từ Phiệt hoặc Tư La, hoặc lầm gọi là La Lâm. Đến đời Thoát Giải vương mới đặt hiệu là Kê Lâm.

* Đời Tuyên Đế niên hiệu Cam Lộ, bốn năm bắt đầu vào năm Mậu Thìn; đến niên hiệu Hoàng Long, bốn năm, bắt đầu từ năm Nhâm Thân.

Đời Nguyên Đế niên hiệu Sơ Nguyên, năm năm, bắt đầu từ năm Quý Dậu; niên hiệu Vĩnh Quang, năm năm bắt từ năm Mậu Dần; niên hiệu Kiến Chiêu, sáu năm bắt đầu từ năm Quý Mùi.

- Tân La.

Năm Giáp Thân xây dựng Kim thành.

- Cao Ly.

Đời vua thứ nhất là Đông Minh vương lên ngôi năm Giáp Thân, tại vị mười chín năm, họ Cao, tên Chu Mông, còn gọi là Trâu Mông, con của Đàn Quân.

* Đời Thành Đế: Niên hiệu Kiến Thỉ, bốn năm, từ năm Kỷ Sửu; niên hiệu Hà Bình, bốn năm, từ năm Quý Tỵ; niên hiệu Dương Sóc, bốn năm, từ năm Đinh Dậu. Niên hiệu Hồng Mạ, bốn năm, từ năm Tân Sửu; niên hiệu Vĩnh Thủy, bốn năm, từ năm Ất Tỵ.

- Tân La.

- Cao Ly.

Đời vua thứ hai là Lưu Ly vương, còn gọi là Lụy Lợi vương, còn gọi là [] Lưu, là con của Đông Minh, lên ngôi năm Nhâm Dần, tại vị ba mươi sáu năm, họ Giải.

- Bách Tế.

Đời vua thứ nhất là Ôn Tộ vương, con thứ ba của Đông Minh, Khuê là con thứ hai, lên ngôi năm Quý Mão, tại vị bốn mươi lăm năm, đóng đô ở Úy Lễ thành, còn gọi là Xà Xuyên, nay là Lăng sơn.

* Đời vua Ai Đế: Niên hiệu Kiến Bình, bốn năm, từ năm Ất Mão.

Năm Bính Thìn dời đô về Hán sơn nay là Quảng châu.

* Đời vua Ai Đế, niên hiệu Nguyên Thọ, hai năm, từ năm Kỷ Mùi.

* Đời vua Bình Đế: niên hiệu Nguyên Thỉ, bảy năm, từ năm Tân Dậu.

- Tân La

Đời vua thứ hai là Nam Giải vương tức Thứ Thứ Hùng, cha là Hách Cư Thế, mẹ là Yến Anh, họ Phác, vợ là Vân Đế phu nhân, lên ngôi năm Giáp Tý, tại vị hai mươi năm. Vương vị này cũng gọi là Cư Tây Can.

* Đời Nhụ Tử, niên hiệu Sơ Thỉ, hai năm, từ năm Mậu Thìn. Năm Quý Hợi, Cao Ly dời đô về thành Quốc nội cũng gọi là thành Bất nhi.

* Đời Tân Thất, niên hiệu Kiến Quốc, năm năm, từ năm Kỷ Tỵ; niên hiệu Thiên Phượng, sáu năm, từ năm Giáp Tuất.

- Nước Cao Ly.

Đời vua thứ ba là Đại Hổ Thần vương, tên là Vô Tuất, còn gọi là Vị Lưu, họ Giải, con thứ ba của Lưu Ly vương, lên ngôi năm Mậu Dần, tại vị hai mươi sáu năm.

* Niên hiệu Địa Phượng, hai năm, từ năm Canh Thìn.

- Tân La.

Đời vua thứ ba là Nổ Lễ, còn gọi là Nổ Ni Sất Kim, cha là Nam Giải, mẹ là Vân Đế, vợ là Kim Thị con gái của Từ Yếu vương, lên ngôi năm Giáp Thân, tại vị ba mươi ba năm. Ni Sất Kim hay gọi là Ni Sư Kim.

* Đời vua Canh Thỉ, niên hiệu Canh Thỉ, hai năm, bắt đầu từ năm Quý Mùi.

* Thời Hậu Hán, đời Võ Đế, niên hiệu Kiến Võ, ba mươi mốt năm từ năm Ất Dậu.

- Tân La.

- Cao Ly.

Đời vua thứ tư là Mẫn Trung vương, tên Ấp Chu, họ Giải, là con của Đại Hổ, lên ngôi năm Giáp Thìn, tại vị được bốn năm.

Đời thứ năm là Mộ Bản vương là anh của Mẫn Trung, tên là Ái, còn gọi là Ưu, lên ngôi năm Mậu Thân, tại vị năm năm.

- Bách Tế.

Đời vua thứ hai là Đa Lâu vương là con thứ hai của Ôn Tộ, lên ngôi năm Mậu Tý, tại vị bốn mươi chín năm.

- Nước Giá Lạc.

Còn gọi là Già-da, nay là Kim châu.

Đời vua thứ nhất Thủ Lộ vương, thuộc Noản sinh vào tháng 3 năm Nhâm Dần, lên ngôi ngay tháng này, tại vị một trăm năm mươi tám năm. Do từ trứng vàng sinh ra nên lấy họ Kim, mở đầu năm Hoằng Lịch.

- Nước Cao Ly.

Đời vua thứ sáu là Quốc Tổ vương, tên là Cung, còn gọi là Đại Tổ vương, lên ngôi năm Quý Sửu, tại vị chín mươi ba năm. Theo Hậu Hán truyện thì lúc vương mới sinh, vừa mở mắt đã biết mai sau người kế vị là Thủ Đại vương, là em cùng mẹ.

* Đời vua Võ Đế, niên hiệu Trung Nguyên, hai năm, từ năm Bính Thìn.

- Nước Tân La.

Đời vua thứ tư là Thoát Giải vương, còn gọi là Sất Giải Ni Sất Kim, họ Tích, cha là Hàm Đạt Bà vương nước Hoàn Hạ, còn gọi là Hoa Hạ Quốc vương, mẹ là con của quốc vương nước Tích Nữ, vợ là A Lão phu nhân, con của Nam Giải vương, lên ngôi năm Đinh Tỵ, tại vị hai mươi ba năm thì băng hà, thủy táng tại Mạt [] Sơ Tĩnh Khâu, lập tượng ở Đông Khâu, nay gọi là Đông Khâu Đại vương.

* Đời vua Minh Đế, niên hiệu Vĩnh Niên, mười tám năm, từ năm Mậu Ngọ.

* Đời vua Chương Đế, niên hiệu Kiến Sơ, tám năm, bắt đầu từ năm Bính Tý.

- Nước Tân La.

Đời vua thứ năm là Bà Bà Ni Sất Kim, họ Phác, cha là Nổ Lễ vương, mẹ là con gái của Từ Yếu vương, vợ là Sử Tiếu phu nhân, lên ngôi năm Canh Thìn, tại vị mười hai năm.

- Bách Tế.

Đời vua thứ ba là Kỷ Lâu vương, là con của Đa Lâu vương, lên ngôi năm Đinh Sửu, tại vị năm mươi lăm năm.

* Đời vua Chương Đế, niên hiệu Nguyên Hòa, ba năm, từ năm Giáp Thân; niên hiệu Chương Hòa, hai năm từ năm Đinh Hợi.

* Đời vua Hòa Đế, niên hiệu Vĩnh Nguyên, mười bảy năm, từ năm Kỷ Sửu.

* Đời vua Thương Đế, niên hiệu Nguyễn Hưng, một năm Ất Tỵ

* Đời An Đế, niên hiệu Diên Bình, một năm Bính Ngọ; niên hiệu Vĩnh Sơ, bảy năm, từ năm Đinh Mùi.

- Tân La.

Đời vua thứ sáu là Kỳ Ma Ni Sất Kim, còn gọi là Kỳ Vị, họ Phác, cha là Bà Sa, mẹ là Sử Tiếu phu nhân, vợ là con gái của Ma Đế quốc vương, tên [] Lễ phu nhân, họ Kim. Vua lên ngôi năm Nhâm Tý, tại vị hai mươi hai năm, vào thời vua này đã diệt được nước Âm Chất, nay là nước An Khương và Áp Khương, tức [] Sơn ngày nay.

* Đời An Đế, niên hiệu Nguyên Sơ, sáu năm, từ năm Giáp Dần, niên hiệu Vĩnh Minh, một năm Canh Thân; niên hiệu Kiến Quang, một năm Tân Dậu; niên hiệu Diên Quang, bốn năm, từ năm Nhâm Tuất.

* Đời Thuận Đế, niên hiệu Vĩnh Kiến sáu năm từ năm Bính Dần.

- Nước Tân La.

Đời thứ bảy Dật Thánh Ni Sất Kim vương, cha là anh của Nổ Lễ vương, hoặc gọi là Kỳ Ma vương. Vợ là [] Lễ phu nhân, cha của Nhật Tri Cát Văn vương. [] [] Lễ phu nhân là con gái của Kỳ Ma vương. Mẹ là Y Lợi Sinh phu nhân, hoặc gọi là [] [] vương phu nhân. Vương họ Phác, lên ngôi năm Giáp Tuất, tại vị hai mươi năm.

- Nước Bách Tế.

Đời vua thứ tư là Cái Lâu vương, con của Kỷ Lâu, lên ngôi năm Mậu Thìn, tại vị ba mươi chín năm.

* Đời Thuận Đế niên hiệu Dương Gia, bốn năm từ năm Nhân Tý; niên hiệu Vĩnh Hòa, sáu năm, từ năm Bính Tý; niên hiệu Hán An, hai năm, từ năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Kiến Khang năm Giáp Thân.

* Đời Xung Đế, niên hiệu Vĩnh Gia năm Ất Dậu.

* Đời Chất Đế, niên hiệu Bản Sơ, năm Bính Tuất.

- Cao Ly.

Đời vua thứ bảy là Thứ Đại vương, tên là Toại, em cùng mẹ với Quốc Tổ vương, lên ngôi năm Bính Tuất, tại vị mười chín năm.

* Đời Hoàn Đế, niên hiệu Kiến Hòa, ba năm, từ năm Đinh Hợi; niên hiệu Hòa Bình năm Canh Dần; niên hiệu Nguyên Gia, hai năm, từ năm Tân Mão; niên hiệu Vĩnh Hưng, hai năm, từ năm Quý Tỵ.

- Tân La.

Đời vua thứ tám là A Đạt La Ni Sất Kim.

* Niên hiệu Vĩnh Thọ, ba năm, từ năm Ất Mùi.

- Cao Ly.

Năm Ất Tỵ, Quốc Tổ vương đã một trăm mười chín tuổi; hai anh em đều bị Tân vương giết hại.

* Đời Hoàn Đế, niên hiệu Diên Hy, chín năm, từ năm Mậu Tuất.

- Tân La.

Giao thông với Nhật Bản.

- Cao Ly.

Đời vua thứ tám là Tân Đại vương, tên là Bá Cố, Bá Câu. Lên ngôi năm Ất Tỵ, tại vị mười bốn năm.

- Bách Tế.

Đời vua thứ năm là Tiếu Cố vương, còn gọi là Tố Cổ, là con của Cái Lâu, lên ngôi năm Bính Ngọ, tại vị năm mươi năm.

* Đời Hoàn Đế, niên hiệu Vĩnh Khương, năm Đinh Mùi.

- Tân La.

Lập Di-lặc Đại Viên ở Đông Nham hiện nay.

* Đời Linh Đế, niên hiệu Kiến Ninh bốn năm, từ năm Mậu Thân; niên hiệu Hy Bình, sáu năm từ năm Nhâm Tý; niên hiệu Quang Hòa, sáu năm, từ năm Mậu Ngọ.

- Cao Ly.

Đời thứ tám là Cổ Quốc Xuyên vương, tên là Nam Hổ, hoặc gọi là Y Mô, lên ngôi năm Kỷ Mùi, tại vị hai mươi năm. Quốc Xuyên cũng gọi là Quốc Nhưỡng, là nơi an táng.

* Đời Linh Đế, niên hiệu Trung Bình, năm năm, từ năm Giáp Tý.

- Tân La.

Đời thứ chín là Phiệt Mộc Ni Sất Kim.

* Đời Hồng Nông Vương Hiến Đế niên hiệu Vĩnh Hán năm Kỷ Tỵ; niên hiệu Sơ Bình, bốn năm, từ năm Canh Ngọ; niên hiệu Hưng Bình, hai năm, từ năm Giáp Tuất; niên hiệu Kiến An hai mươi bốn năm, từ năm Bính Tý.

- Tân La.

Đời thứ mười một là vua Nại Giải Ni Sất Kim.

- Cao Ly.

Đời vua thứ mười là Sơn Thượng vương.

- Bách Tế.

Đời vua thứ sáu là Cừu Thủ vương, còn gọi là Quý Tu, con của Tiếu Cổ vương, lên ngôi năm Giáp Ngọ, tại vị hai mươi năm.

- Gia Lạc (Già-da).

Đời thứ hai là Cư Đăng vương, con thứ hai của Thủ Lộ, mẹ là Hứa hoàng hậu, lên ngôi năm Kỷ Mão, tại vị năm mươi lăm năm, họ Kim.

* Thời Tào Ngụy, đời Văn Đế, niên hiệu Hoàng Sơ, bảy năm, từ năm Canh Tý.

* Đời Minh Đế, niên hiệu Đại Hòa, sáu năm, từ năm Đinh Mùi.

- Tân La.

Đời thứ mười một là Trợ Phần Ni Sất Kim.

- Cao Ly.

Đời thứ mười một là Đông Xuyên vương.

* Đời Minh Đế, niên hiệu Thanh Long, bốn năm, từ năm Quý Sửu.

- Bách Tế.

Đời thứ bảy là Sa Ban vương, còn gọi là Sa Phật, Sa Y, là con của Cừu Thủ vừa lên ngôi liền bị phế.

* Đời Minh Đế, niên hiệu Cảnh Sơ, ba năm, từ năm Đinh Tỵ.

* Đời Tề vương, niên hiệu Chánh Thỉ, chín năm, từ Canh Thân.

- Tân La.

Đời thứ mười hai là Triêm Giải Ni Sất Kim, còn gọi là Triêm Giải vương, họ Tích, em đồng mẹ với Trợ Phẩn vương, lên ngôi năm Đinh Mão, tại vị mười lăm năm. Bấy giờ mới bang giao với Cao Ly.

- Bách Tế.

Đời thứ tám là Cổ Nhĩ vương, em cùng mẹ với Tiêu Cố vương, lên ngôi năm Giáp Dần, tại vị năm mươi hai năm.

* Đời Tề vương, niên hiệu Gia Bình, năm năm, từ năm Kỷ Tỵ.

- Cao Ly.

Đời thứ mười hai là Trung Xuyên vương.

* Đời Cao Quý Hương Công, niên hiệu Chánh Nguyên, hai năm, từ năm Giáp Tuất; niên hiệu Cam Lộ bốn năm, từ năm Bính Tý.

- Gia Lạc (Già-da).

Đời thứ ba là Ma Phẩm vương, cha là Cư Đăng vương, mẹ là con gái của Tuyền Phủ Khanh thân phủ, gọi là Mộ Trinh phu nhân, lên ngôi năm Kỷ Mão, tại vị ba mươi hai năm.

* Trần Lưu vương, niên hiệu Cảnh Nguyên, bốn năm, từ năm Canh Thìn.

- Tân La.

Đời vua thứ mười ba là Vị Trâu Ni Sất Kim, còn gọi là Vị Chiêu, Vị Tổ, họ Kim, mới lập. Cha là Cừu Đạo Cát Văn vương; mẹ là Sinh Hồ, còn gọi là Thuật Lễ phu nhân, con gái của Y Phi Cát Văn vương, họ Phác. Vua cưới Quang Minh Nương là con gái của Gia Phần vương, lên ngôi năm Nhâm Ngọ, tại vị hai mươi hai năm.

* Đời Tây Tấn vua Võ Đế, niên hiệu Thái Thủ, mười năm từ năm Ất Dậu.

- Cao Ly.

Đời thứ mười ba là Tây Xuyên vương, tên là Dược Lô, còn gọi là Nhược Hữu, lên ngôi năm Canh Dần, tại vị hai mươi hai năm.

* Đời Võ Đế, niên hiệu Hàm Ninh, năm năm, từ Ất Mùi; niên hiệu Đại Khang, mười một năm, từ năm Canh Tý.

- Tân La.

Đời vua thứ mười bốn là Nho Lễ Ni Sất Kim, còn gọi là Thế Lý Trí vương, họ Tích, cha là Gia Phân vương, mẹ là [] Chiêu phu nhân, họ Phác. Vua lên ngôi năm Giáp Thìn, tại vị mười lăm năm, xây dựng Nguyệt thành.

- Bách Tế.

Đời vua thứ mười chín là Trái Kê vương, con của Cổ Nhĩ, gọi là Trái Thế là lầm lẫn; lên ngôi năm Bính Ngọ, tại vị mười hai năm.

* Đời Huệ Đế, niên hiệu Nguyên Khang, chín năm, từ Tân Hợi.

- Cao Ly.

Đời thứ mười bốn là Phung Thượng vương, còn gọi là Trỉ Cát vương, tên là Tướng Phu, lên ngôi năm Nhâm Tý, tại vị tám năm.

* Đời Huệ Đế, niên hiệu Vĩnh Ninh năm Tân Dậu.

- Tân La.

Đời thứ mười lăm là Cơ Lâm Ni Sất Kim, còn gọi là Cơ Lập vương, họ Tích, là con thứ hai của Gia Phần vương, mẹ là A Nhĩ Hề phu nhân; lên ngôi năm Mậu Ngọ, tại vị mười hai năm.

- Bách Tế.

Đời thứ mười là Phần Tây vương, con của Trái Kê vương, lên ngôi năm Mậu Ngọ, tại vị sáu năm.

- Gia Lạc.

Vua thứ tư là Cư Sất Di vương, còn gọi là Kim Vật, cha là Ma Phẩm, mẹ là Hiếu Cừu, lên ngôi năm Tân Hợi tại vị năm mươi lăm năm.

* Đời vua Huệ Đế niên hiệu Đại An, hai năm, từ năm Nhâm Tuất.

- Cao Ly.

Đời vua thứ mười lăm là Mỹ Xuyên vương, còn gọi là Diệu Phước, tên là Ất Phất, Ưu Phất, lên ngôi năm Canh Thân, tại vị ba mươi mốt năm.

* Đời Huệ Đế, niên hiệu Vĩnh Hưng hai năm, từ năm Giáp Tý.

- Bách Tế.

Đời thứ mười một là vua Tỳ Lưu vương, con thứ hai của Cừu Thủ, em của Sa Ban, lên ngôi năm Giáp Tý, tại vị bốn mươi năm.

* Đời Huệ Đế, niên hiệu Quang Hy năm Bính Dần.

- Tân La.

Năm Đinh Mão đổi quốc hiệu thành Tân la. Tân tức là đức nghiệp ngày càng sáng tỏ, La tức che chở nhân dân bốn phương. Hoặc gọi là đời Trí Chứng Pháp Hưng.

* Đời Hoài Đế, niên hiệu Vĩnh Gia sáu năm, từ năm Đinh Mão.

- Tân La.

Đời thứ mười sáu là Khất Giải Ni Sất Kim, họ Tích, cha là Vu Lão Âm Giác Can, con thứ hai của Sát Giải vương. Khất Giải lên ngôi năm Canh Ngọ, tại vị bốn mươi năm. Vào đời vua này, quân Bách tế mới sang xâm lấn.

* Đời Mẫn Đế, niên hiệu Kiến Hưng, bốn năm, từ năm Quý Dậu.

* Thời Đông Tấn, đời Trung Tông, niên hiệu Kiến Võ năm Đinh sửu; niên hiệu Đại Hưng, bốn năm, từ năm Mậu dần.

* Đời Minh Đế, niên hiệu Vĩnh Xương năm Nhâm Ngọ; niên hiệu Đại Ninh, ba năm, từ năm Quý Mùi.

* Đời Hiến Tông, niên hiệu Hàm Hòa, chín năm, từ Bính tuất.

- Tân La.

Năm Kỷ Sửu mới xây dựng đê Bích Cốt, chu vi [] vạn bảy ngàn không trăm hai sáu bộ, [] [] trăm sáu sáu bộ, ruộng nước mười bốn ngàn không trăm bảy mươi bộ.

- Cao Ly.

Đời vua thứ mười sáu là Quốc Nguyên vương, tên là Lưu, còn gọi Tư Do, Cương Thượng, lên ngôi năm Tân Mão, tại vị bốn mươi năm. Năm Giáp Ngọ xây dựng thành Bình Nhưỡng; tháng tám năm Nhâm Dần dời đô về thành An Thị tức là thành Hoàn Đô.

* Đời Hiển Tông, niên hiệu Hàm Khang, tám năm, từ năm Ất Mùi.

* Đời Khang Đế, niên hiệu Kiến Nguyên, hai năm, từ năm Quý Mão.

- Bách Tế.

Đời vua thứ mười hai là Khế vương, con trưởng của Phần Tây, lên ngôi năm Giáp Thìn, tại vị hai năm.

* Đời Hiếu Tông, niên hiệu Vĩnh Hòa mười hai năm, từ năm Ất Tỵ.

- Tân La.

Đời vua thứ mười bảy là Nại Vật Ma Lập Can, còn gọi là [] vương, họ Kim. Cha là Cừu Đao Cát Văn vương, em của Vị Chiêu Vương, tên

là Vị Cừu Giác Can, mẹ là Hưu Lễ phu nhân họ Kim; lên ngôi năm Bính Thìn, tại vị bốn mươi sáu năm, lăng xây tại Tây nam Chiêm Tinh Đài.

- Bách Tế.

Đời vua thứ mười ba là Cận Tiếu vương, con thứ hai của Tỳ Lưu, lên ngôi năm Bính Ngọ, tại vị hai mươi chín năm.

- Gia Lạc.

Đời thứ năm là Y Phẩm vương, cha là Cư Sất Nhĩ, mẹ là A Chí, lên ngôi năm Bính Ngọ tại vị sáu mươi năm.

* Đời Hiếu Tông, niên hiệu Thăng Bình, năm năm, từ năm Đinh Tỵ.

* Đời Ai Đế, niên hiệu Long Hòa năm Nhâm Tuất; niên hiệu Hưng Ninh ba năm, từ năm Quý Hợi.

* Đời Phế Đế, niên hiệu Đại Hòa, năm năm, từ năm Bính Dần.

* Đời Giản Văn Đế, niên hiệu Hàm An, hai năm, từ Tân Mùi.

- Cao Ly.

Đời vua thứ mười bảy là Tiểu Thú Lâm vương, tên là Khâu Phu, lên ngôi năm Tân Mùi, tại vị mười ba năm.

- Bách Tế.

Năm Tân mùi dời đô về Bắc Phố sơn.

* Đời vua Liệt Tông, niên hiệu Ninh Khang, ba năm, từ năm Quý dậu.

- Bách tế.

Đời thứ mười bốn là Cận Cừu Thủ vương, con của Cận Tiếu Cổ, lên ngôi năm Ất Hợi, tại vị chín năm.

* Đời Liệt Tông, niên hiệu Đại Nguyên, hai mươi mốt năm, từ năm Bính Tý.

- Cao Ly.

Đời thứ mười tám là Quốc Nhưỡng vương, tên là Y Tốc, Ư Chỉ Chi, lên ngôi năm Giáp Thân, tại vị tám năm.

- Bách Tế.

Đời thứ mười lăm là Chẩm Lưu vương, con của Cận Cừu Thủ, lên ngôi năm Giáp Thân, tại vị hai năm.

* Đời An Đế, niên hiệu Long An, năm năm, từ năm Đinh Dậu.

- Cao Ly.

Đời thứ mười chín là Quảng Khai vương, tên là Đàm Đức, lên ngôi năm Nhâm Thìn, tại vị hai mươi mốt năm.

- Bách Tế.

Đời thứ mười sáu là Thần Tư vương, em của Chẩm Lưu vương, lên

ngôi năm Ất Dậu, tại vị bảy năm.

Đời thứ mười bảy là A Tân vương, còn gọi là A Phương, là con của Thần Tư vương, lên ngôi năm Nhâm Thìn, tại vị mười ba năm.

* Đời An Đế, niên hiệu Nguyên Hưng ba năm, từ năm Nhâm Dần.

- Tân La.

Đời thứ mười tám là Thật Thánh Ma-lập-can, còn gọi là Thật Chủ vương, Thật Kim vương, cha tên là Đại Tây Tri Giác Can, em của Vị Trâu vương; mẹ là Lễ Sinh phu nhân, họ Tích, tên Đăng Dã A Can, [] dã; vợ là A Lưu phu nhân; lên ngôi năm Nhâm Dần, tại vị mười lăm năm. Vương là cha của Xi Thuật.

- Bách Tế.

Đời vua thứ mười tám là Điến Chi vương, còn gọi là Chân Chi vương, tên là Anh, con của A Tân, lên ngôi năm Ất Tỵ, tại vị mười lăm năm.

* Đời An Đế, niên hiệu Nghĩa Hy, mười bốn năm, từ năm Ất Tỵ.

- Tân La.

Đời thứ mười chín là Nột-kỳ Ma-lập-can, còn gọi là Nội Chỉ vương, họ Kim, cha là Nại Vật vương, mẹ là Nội Lễ Hy phu nhân họ Kim, con gái của Vị Trâu vương. Vương lên ngôi năm Đinh tỵ tại vị bốn mươi mốt năm.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi là Trường Thọ vương, tên Thần Liên, lên ngôi năm Quý Sửu, tại vị bảy mươi chín năm.

- Gia Lạc.

Đời thứ sáu là Tọa Tri vương, còn gọi là Kim Thổ vương, cha là Y Phẩm, mẹ là Trinh Tín, lên ngôi năm Đinh Mùi, tại vị mười bốn năm.

* Đời Cung Đế, niên hiệu Nguyên Hy năm Kỷ Mùi.

* Đời Tống Võ Đế, niên hiệu Vĩnh Sơ, ba năm từ năm Canh Dần.

- Bách Tế.

Đời thứ mười chín là Cửu Nhĩ Tân vương, con của Điến Chi, lên ngôi năm Canh thân, tại vị bảy năm.

- Gia Lạc.

Đời thứ bảy là Xuy Hy vương, còn gọi là Kim Hỷ, cha là Tọa Tri vương, mẹ là Phước Thọ, lên ngôi năm Tân Dậu, tại vị ba mươi năm.

* Đời Thiếu Đế, niên hiệu Cảnh Bình, năm Quý hợi.

* Đời Văn Đế, niên hiệu Nguyên Gia, hai mươi chín năm, từ năm

Giáp Tý.

- Cao Ly.

Năm Đinh Mão dời đô đến thành Bình Nhưỡng.

* Đời Thế Tổ, niên hiệu Đại Sơ, năm Quý Tỵ.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi là Tỳ Hữu vương, con của Cửu Nhĩ Tân, lên ngôi năm Đinh Mão, tại vị hai mươi tám năm.

- Gia lạc.

Đời thứ tám Xi Tri vương, còn gọi là Kim Xi, cha là Xuy Hy, mẹ là Nhân Đức, lên ngôi năm Tân Mão, tại vị ba mươi sáu năm.

* Đời Thế Tổ, niên hiệu Hiếu Kiến ba năm, từ năm Giáp Ngọ; niên hiệu Đại Minh, tám năm, từ năm Đinh Dậu.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi là Từ Bi Ma-lập-can, họ Kim, cha là Nột Kỳ, mẹ là A Lão phu nhân, còn gọi là Thứ Lão phu nhân, con gái của Thật Thánh vương; lên ngôi năm Mậu Tuất, tại vị hai mươi mốt năm, vợ là con gái của Ba Hồ Cát Văn vương, còn gọi là Vị Sất Hy Giác Can, Vị Hân Giác vương.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi mốt là Cái Hàm vương, còn gọi Cận Cái Hàm vương, tên là Khánh Ty, lên ngôi năm Ất Mùi, tại vị hai mươi năm.

* Đời Đại Tông, niên hiệu Thái Thỉ, tám năm, từ năm Ất Tỵ.

* Đời Hậu Phế Đế, niên hiệu Nguyên Vi, bốn năm, từ năm Quý Sửu.

- Tân La.

Lần đầu bang giao với nước Ngô. Năm Kỷ Mùi, Nhật Bản đem quân xâm lấn, mới xây thành Minh Hoạt để ẩn tránh. Nhật vây thành Lương châu, không lấy được nên phải trở về.

* Đời Thuận Đế, niên hiệu Thăng Minh, hai năm, từ Đinh Tỵ.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi hai là Văn Châu vương, còn gọi là Văn Minh, con của Cái Hàm, lên ngôi năm Ất Mão, dời đô về Hàng châu, tại vị hai năm. Đời thứ hai mươi ba là Tam Cận vương, còn gọi là Tam Khất vương, con của Văn Châu, lên ngôi năm Đinh Tỵ, tại vị hai năm.

* Đời Thái Tổ nhà Tề, niên hiệu Kiến Nguyên bốn năm, từ năm Kỷ Mùi.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi mốt Tỳ-xứ Ma-lập-can, còn gọi là Chiếu Tri

vương, họ Kim, con thứ ba của Từ Bi vương, mẹ là con gái của Vị Hân Giác Can, lên ngôi năm Kỷ Mùi, tại vị hai mươi mốt năm, vợ là con gái của Kỳ Bảo Cát Văn vương.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi bốn là Đông Thành vương, tên là Mâu Đại, còn gọi là Ma Đế, Dư Đại, là em cùng mẹ với Tam Cân vương, lên ngôi năm Kỷ Mùi, tại vị hai mươi sáu năm.

* Đời Võ Đế, niên hiệu Vĩnh Minh, mười một năm, từ năm Quý Hợi.

* Tiền Phế Đế.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi mốt Văn Tư Minh vương, tên là Minh Lý Hiếu, còn gọi là Cá Vân, Cao Vân, lên ngôi năm Nhâm Thân, tại vị hai mươi bảy năm.

- Gia Lạc.

Đời thứ chín là Kim Tri vương, cha là Xi Tri vương, mẹ là Bang Viện, lên ngôi năm Nhâm thân, tại vị hai mươi chín năm.

* Đời Cao Tông, niên hiệu Kiến Võ, bốn năm, từ năm Giáp Tuất; niên hiệu Vĩnh Thái năm Mậu Dần; niên hiệu Vĩnh Nguyên, hai năm, từ năm Kỷ Mão.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi hai là Tri Đính Ma Lập Can, còn gọi là Tri Triết Lão, Tri Độ Lộ vương, họ Kim, cha là Kỳ Bảo Cát Văn vương, em của Nột Kỳ vương; mẹ là Ô Sinh phu nhân, con gái của Nột Kỳ vương, vợ là Nghinh Đế phu nhân Kiệm Giảo Đại Mạc, con gái của Chỉ Đăng Hứa Tác Giác Can, lên ngôi năm Canh Thìn, tại vị mười bốn năm.

* Đời Hòa Đế, niên hiệu Trung Hưng năm Tân Tỵ.

- Tân La.

Các đời ở trên là Thượng cổ, từ đây trở xuống là Trung cổ.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi lăm là Võ Ninh vương, tên Tư Ma, con thứ hai của Đông Thành vương, lên ngôi năm Tân Tỵ, tại vị hai mươi hai năm. Nam Sử Ghi vương tên là Phù Dư Long là lầm lẫn. Vì Long là Thái tử của Bảo Tạng vương (xem Đường sử).

* Đời Cao Tổ nhà Lương, niên hiệu Thiên Giám, mười tám năm từ năm Nhâm Ngọ.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi ba là Pháp Hưng vương, tên Nguyên Tông, họ

Kim. Sách Phủ Nguyên Quy ghi Vương họ Mộ tên Thái, cha là Tri Đính, mẹ là Nghinh Đế phu nhân; Pháp Hưng là thụy hiệu. Tên Thụy bắt đầu có từ đây. Vương lên ngôi năm Giáp Ngọ, tại vị hai mươi sáu năm, lăng tại phía Bắc chùa Ai Công. Vợ là Ba Sửu phu nhân, sau xuất gia có pháp danh là Pháp Lưu, trụ chùa Vĩnh Hưng. Từ đây mới ban hành luật lệnh. Đầu tiên hành mười hạnh, cấm sát sinh, độ làm Tăng ni.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi hai là An Tạng vương, tên là Hưng An, lên ngôi năm Kỷ Hợi, tại vị mười hai năm.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi sáu là Thánh vương tên là Minh Nùng, con của Võ Ninh, lên ngôi năm Quý Mão, tại vị ba mươi mốt năm.

* Đời Cao Tổ, niên hiệu Phổ Thông, bảy năm, từ năm Canh Tý.

- Gia Lạc.

Đời thứ mười là Cừu Xung vương, con của Kìm Tri, mẹ là Thục Nữ, lên ngôi năm Tân Sửu, tại vị bốn mươi hai năm. Nhưng vào năm Đại Thông thứ tư, năm Nhâm Tý dâng đất, sáp nhập vào Tân la.

Như vậy tính từ đời vua thứ nhất là Thủ Lộ vương, lập quốc vào năm Nhâm Dần đến năm Nhâm Tý, tổng cộng là bốn trăm chín mươi năm.

* Niên hiệu Đại Thông hai năm, từ năm Đinh Mùi.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi ba là An Nguyện vương, tên là Bảo Nghinh, lên ngôi năm Tân Hợi, tại vị mười bốn năm.

* Niên hiệu Trung Đại Thông sáu năm, từ năm Kỷ Dậu.

- Tân La.

Đặt niên hiệu là Kiến Nguyên mười lăm năm, từ năm Bính thìn. Từ đây mới bắt đầu lập niên hiệu.

* Niên hiệu Đại Đồng mười một năm, từ năm Ất mão.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi bốn là Chân Hưng vương, tên là Sam Mạch Tông, còn gọi là Lật Mạch Tông, họ Kim, cha là em của Pháp Hưng vương tên Lập Tống Cát Văn vương, mẹ là Chỉ Triệu phu nhân, còn gọi Tức Đạo phu nhân họ Phác; vợ là Trung Điêu phu nhân, con gái của Anh Thất Giác Can, sau bà xuất gia là ni. Vua lên ngôi năm Canh Thân, tại vị ba mươi sáu năm.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi bốn là Dương Nguyên vương, còn gọi là Dương

Can vương, tên Bình Thành, lên ngôi năm Ất Sửu, tại vị mười bốn năm.

- Bách Tế.

Năm Mậu ngọ dời đô về Tứ Thử gọi là Nam Phù Dư.

* Niên hiệu Trung Đại Đồng năm Bính Dần; niên hiệu Đại Thanh, ba năm, từ năm Đinh Mão.

* Đời Giản Văn Đế, niên hiệu Đại Bảo năm Canh Ngọ; thời Hầu Cảnh, niên hiệu Đại Thỷ năm Tân Mùi.

- Tân La.

Đặt niên hiệu Khai Quốc mười bảy năm, từ năm Tân Mùi.

* Niên hiệu Thừa Thánh ba năm, từ năm Nhâm Thân.

* Đời Cảnh Đế, niên hiệu Thiệu Thái năm Ất Hợi.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi bảy là Oai Đức vương tên là Cao, Minh, lên ngôi năm Giáp Tuất, tại vị bốn mươi bốn năm.

* Đời Cảnh Đế, niên hiệu Đại Bình, năm Bính Tý.

* Cao Tổ nhà Trần, niên hiệu Vĩnh Định ba năm, từ năm Đinh Sửu.

* Đời Văn Đế, niên hiệu Thiên Gia, sáu năm, từ Canh Thìn.

- Cao Ly.

Đời vua thứ hai mươi lăm là Bình Nguyên vương, còn gọi là Bình Cương, tên Dương Thành, Động Chi, Cao Dương lên ngôi năm Kỷ Mão, tại vị ba mươi mốt năm.

* Đời Văn Đế, niên hiệu Thiên Khang năm Bính Tuất; niên hiệu Quang Đại, hai năm, từ năm Đinh Hợi.

- Tân La.

Niên hiệu Đại Xương, bốn năm, từ năm Mậu Tý.

* Đời Tuyên Đế, niên hiệu Đại Kiến, mười bốn năm, từ năm Kỷ Sửu.

- Tân La.

Đời Hưng vương, niên hiệu Hồng Tế, mười hai năm, từ năm Nhâm thìn.

Đời thứ hai mươi lăm là Chân Trí vương, tên Kim Luân còn gọi là Xá Luân, họ Kim, cha là Chân Hưng vương, mẹ là một Tỳ-kheo-ni, con gái của Anh Thất Giác Can, gọi là Sắc Điêu phu nhân họ Phác. Vua cưới Như Điêu phu nhân, con gái của Khởi Ô Công, họ Phác, lên ngôi năm Bính Thân, tại vị bốn năm thì suy, nhưng giỏi chinh phạt (Bách tế).

Đời thứ hai mươi sáu là Chân Bình vương, tên là Bạch Tịnh, Luân Vân Đông Ngữ, cha là Thái tử, mẹ là con gái của Lập Tông Cát Văn vương, tên là Vạn Hô, còn gọi là Vạn Ninh phu nhân, Hành Tận Ni. Vua cưới Ma-da phu nhân, họ Kim, tên là Phước Bi [], sau cưới Tăng Mãn phu nhân, họ Tôn. Vương lên ngôi năm Kỷ Hợi, tại vị năm mươi ba năm.

* Đời Tuyên Đế, niên hiệu Chí Đức, bốn năm, từ năm Quý Mão.

- Tân La.

Đời Chân Bình niên hiệu Kiến Phước năm mươi năm, từ Giáp Thân.

* Niên hiệu Trịnh Minh ba năm, từ năm Đinh Mùi.

* Đời Tùy Văn Đế, niên hiệu Khai Hoàng, mười một năm, từ năm Canh Tuất.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi sáu là Anh Dương vương, còn gọi là Bình Dương, tên là Nguyên, Đại Nguyên, lên ngôi năm Canh Tuất, tại vị hai mươi tám năm.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi tám là Đức vương, tên là Quý, còn gọi là Hiến vương, con của Oai Đức vương, lên ngôi năm Mậu Ngọ.

* Đời Tùy Văn Đế niên hiệu Nhân Thọ, bốn năm, từ Tân Dậu.

* Tùy Dạng Đế, niên hiệu Đại Nghiệp, mười hai năm, từ Ất Sửu.

- Bách Tế.

Đời thứ hai mươi chín là Pháp vương, tên là Hiếu Thuận, con của Tuyên Đức vương, lên ngôi năm Kỷ Mùi.

* Đời Tùy Cung Đế, niên hiệu Nghĩa Ninh năm Đinh Sửu.

- Bách Tế.

Đời thứ ba mươi là Võ vương, hoặc gọi là Võ Khang Hiến Bính, lúc nhỏ tên là Nhất Kỳ Sức Đức, lên ngôi năm Canh Thân, tại vị bốn mươi mốt năm.

* Đường Thái Tổ, niên hiệu Võ Đức chín năm, từ năm Mậu Dần.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi bảy là Vinh Lưu vương, tên là Kiến Võ, Kiến Thành, lên ngôi năm Mậu Dần, tại vị hai mươi bốn năm.

* Đời Đường Thái Tông, niên hiệu Trinh Quán, hai mươi ba năm, từ năm Đinh Hợi.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi bảy là Thiện Đức nữ vương, tên Đức Mạn, cha

là Chân Bình vương, mẹ là Ma-da phu nhân, họ Kim. Vì không có con trai, nên lập nữ làm vương, chồng là Ẩm Cát Văn vương; nữ vương lên ngôi năm Nhâm Thìn, tại vị mười sáu năm. Đổi niên hiệu Nhân Bình, mười bốn năm, từ năm Giáp Ngọ.

- Cao Ly.

Đời thứ hai mươi tám là Bảo Tạng vương lên ngôi năm Nhâm dần, tại vị hai mươi bảy năm.

- Bách Tế.

Đời thứ ba mươi mốt là Nghĩa Từ vương, con của Võ vương, lên ngôi năm Tân Sửu, tại vị hai mươi năm.

* Đời Đường Cao Tông, niên hiệu Vĩnh Huy, sáu năm, từ Canh Dần.

- Tân La.

Đời thứ hai mươi tám là Chân Đức vương, tên là Thắng Man, họ Kim, cha là em của Chân Bình vương, tên Quốc Kỳ An Cát Văn vương, mẹ là A-ni phu nhân, họ Phác, con gái của [] [] [] Cát Văn vương, gọi là Nguyệt Minh thì chẳng đúng. Vương lên ngôi năm Đinh Mùi, tại vị bảy năm. Đổi niên hiệu là Đại Hòa, hai năm, từ năm Mậu Thân.

Ở trên là Trung cổ Thánh Cốt, từ đây trở xuống là Hạ cổ Chân Cốt.

Đời thứ hai mươi chín là Thái Tông Võ Liệt vương, tên là Xuân Thu, họ Kim, cha là Long Xuân Trác Văn Hưng Cát Văn vương, con của Chân Trí vương. Long Xuân còn gọi là Long Thọ. Mẹ vương là Thiên Minh phu nhân Thụy Văn Trinh Thái hậu, là con gái của Chân Bình vương. Vua cưới Huấn Đế phu nhân, thụy là Văn Minh Vương Hậu, em của Dữu Công, lúc nhỏ là Văn Cơ. Vương lên ngôi năm Giáp Dần, tại vị bảy năm.

* Đời Đường Cao Tông, niên hiệu Hiện Khánh, năm năm, từ năm Bính Thìn.

- Bách Tế.

Năm Canh thân mất nước, từ đời vua Ôn Tộ lập quốc năm Quý Mão đến đây là sáu trăm bảy mươi tám năm.

* Đời Cao Tông, niên hiệu Long Sóc, ba năm, từ năm Tân Dậu; niên hiệu Lân Đức, hai năm, từ năm Giáp Tý.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi Văn Võ vương, tên là Pháp Mẫn, con của Thái Tông, mẹ là Huấn Đế phu nhân, phi là Từ Nghĩa còn gọi là Từ Nột vương hậu, con gái của Thiện Phẩm Hải Vu. Vương lên ngôi năm Tân

Dậu, tại vị hai mươi năm, lăng xây chùa Cẩm Ân ở Đông Hải.

* Đời Đường Cao Tông, niên hiệu Càn Phong, hai năm, từ năm Bính Dần; niên hiệu Tổng Chương, hai năm, từ năm Mậu Thìn.

- Cao Ly.

Năm Mậu Thìn mất nước, từ đời Đông Minh lập quốc năm Giáp Thân đến đây là bảy trăm lẻ năm năm.

* Đường Cao Tông, niên hiệu Hàm Thuần bốn năm, từ năm Canh Ngọ; niên hiệu Thượng Nguyên hai năm, từ năm Giáp Tuất; niên hiệu Nghi Phượng ba năm từ năm Bính Tý; niên hiệu Điêu Lộ năm Kỷ Mão; niên hiệu Vĩnh Long năm Canh thìn, niên hiệu Khai Diệu năm Tân Tỵ.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi mốt là Thần Văn vương, họ Kim, tên Chánh Minh, tự Nhật Chiêu, cha là Văn Võ vương, mẹ là Từ Nột vương hậu, phi là Thần Mục vương hậu, con gái của Kim Liên Công. Vương lên ngôi năm Tân Tỵ, tại vị mười một năm.

* Đời Cao Tông, niên hiệu Vĩnh Thuần năm Nhâm Ngọ.

* Đời Võ Hậu, niên hiệu Hồng Đạo năm Quý Mùi; niên hiệu Văn Minh năm Giáp Thân; niên hiệu Thùy Cũng bốn năm, từ năm Ất dậu; niên hiệu Vĩnh Xương năm Kỷ Sửu.

* Đời Chu Võ Hậu, niên hiệu Thiên Thọ hai năm, từ năm Canh dần; niên hiệu Trường Thọ hai năm từ năm Nhâm Thìn.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi hai là Hiếu Chiêu vương, tên là Lý Cung, còn gọi là Hồng, họ Kim, cha là Thần Văn vương, mẹ là Thân Mục vương hậu; lên ngôi năm Nhâm Thìn, tại vị mười năm, lăng xây ở phía Đông chùa Vọng Đức.

* Võ Hậu, niên hiệu Diên Tải năm Giáp Ngọ; niên hiệu Thiên Sách năm Ất Mùi; niên hiệu Thông Thiên năm Bính Thân; niên hiệu Thần Công năm Đinh Dậu; niên hiệu Thánh Lịch hai năm, từ năm Mậu Tuất; niên hiệu Cửu Thị năm Canh Tý; niên hiệu Trường An bốn năm, từ năm Tân Sửu.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi ba Thánh Đức vương, tên Hưng Quang, vốn tên là Long Cơ, em cùng mẹ với Hiếu Chiêu; đầu tiên cưới Bội Chiêu vương hậu, thụy là Nghiêm Trinh, con gái của Nguyên Đại A Can; sau cưới Chiêm Vật vương hậu, thụy Chiêu Đức, con gái của Thuận Nguyên Giác Can. Vương lên ngôi năm Nhâm Dần, tại vị ba mươi lăm năm,

lăng xây tại phía Nam đông thôn, còn gọi là Dương Trường Cốc.

* Đời Đường Trung Tông, niên hiệu Thần Long hai năm, từ năm Ất Tỵ; niên hiệu Cảnh Long ba năm, từ năm Đinh Mùi.

* Đường Duệ Tông, niên hiệu Cảnh Vân hai năm, từ năm Canh Tuất.

* Đường Huyền Tông, niên hiệu Tiên Thiên năm Nhâm Tý; niên hiệu Khai Nguyên hai mươi chín năm, từ năm Quý Sửu.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi bốn là Hiếu Thành vương, họ Kim, tên Thừa Khánh, cha là Thánh Đức vương, mẹ là Chiêu Đức Thái hậu, phi là Minh Đức vương hậu, con gái của Chân Tông Giác Can; lên ngôi năm Đinh Sửu, tại vị năm năm, băng hà hỏa thiêu tại chùa Pháp Lưu, tro cốt rải xuống biển Đông.

* Đường Huyền Tông, niên hiệu Thiên Bảo mười bốn năm, từ năm Nhâm Ngọ.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi lăm là Cảnh Đức vương, họ Kim, tên là Hiến Anh, cha là Thánh Đức, mẹ là Chiêu Đức Thái hậu, phi trước là Tam Mao phu nhân bị phế vì không có con kế thừa; hậu phi là Mãn Nguyệt phu nhân, thụy là Cảnh Thùy vương hậu, Thùy có bản ghi là Mục, con gái của Y Trung Giác Can. Vương lên ngôi năm Nhâm Ngọ, tại vị hai mươi ba năm. Đầu tiên an táng tại ngọn đồi phía Tây chùa Khoảnh Chỉ, dùng đá làm lăng, sau cải táng tại Dương Trường Cốc.

* Đường Túc Tông, niên hiệu Chí Đức hai năm, từ năm Bính Thân; niên hiệu Càn Nguyên hai năm, từ năm Mậu Tuất; niên hiệu Thượng Nguyên hai năm, từ năm Canh Tý; niên hiệu Bảo Ứng năm Nhâm Dần.

* Đời Đại Tông niên hiệu Quảng Đức hai năm, từ năm Quý Mão; niên hiệu Vĩnh Thái năm Ất Tỵ.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi sáu Tuệ Cung vương, họ Kim, tên Càn Vận, cha là Cảnh Đức vương, mẹ là Mãn Nguyệt vương hậu, phi trước là Thần Ba phu nhân, con gái của Ngụy Chánh Giác Can, hậu phi là là Xương Xương phu nhân con gái của Kim Tướng Giác Can; lên ngôi năm Ất tỵ, tại vị mười lăm năm.

* Đường Đại Tông, niên hiệu Đại Lịch mười bốn năm, từ Bính ngọ.

* Đường Đức Tông, niên hiệu Kiến Trung bốn năm, từ Canh

thân.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi bảy Tuyên Đức vương, họ Kim, tên Lượng Tướng, cha là Hiếu Phương Hải Can sau truy phong là Khai Thánh Đại vương tức con của Nguyên Điều Giác Can; mẹ là Tứ Chiêu phu nhân thụy là Trinh Ý thái hậu, con gái của Thánh Đức vương; phi là Cụ Túc vương hậu, con gái của Lang Phẩm Giác Can; vương lên ngôi năm Canh thân, tại vị năm năm.

* Đường Túc Tông, niên hiệu Hưng Nguyên năm Giáp Tý; niên hiệu Trinh Nguyên hai mươi năm, từ năm Ất Sửu.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi tám là Nguyên Thánh vương, họ Kim, tên là Kính Thân, còn gọi là Kính Tín. Đường thư ghi: "Kính Tắc", cha là Hiếu Nhương Đại A Can, truy phong là Minh Đức Đại vương, mẹ là Nhân, họ Phác, còn gọi là Tri Ô phu nhân, thụy là Chiêu Văn vương hậu, con gái của Xương Cận Y Kỷ; phi là Thục Trinh phu nhân con gái của Thần Thuật Giác Can; lên ngôi năm Ất Sửu, tại vị mười bốn năm, lăng xây tại chùa Hộc, nay ở chùa Sùng Phước cũng có lăng, hoặc là lập vọng bia.

* Đường Thuận Tông, niên hiệu Vĩnh Trinh năm Ất dậu.

- Tân La.

Đời thứ ba mươi chín là Chiêu Thánh vương, còn gọi là Chiêu Thành vương, họ Kim, tên là Tuấn Ung, cha là Tuệ Trung Thái tử, mẹ là Thánh Mục Thái hậu; phi là Quế Hoa vương hậu, con gái của Túc Minh Công; lên ngôi năm Kỷ Mão liền băng hà.

Đời thứ bốn mươi Ai Trang vương, họ Kim, tên là Trọng Hy, còn gọi là Thanh Minh, cha là Chiêu Thánh, mẹ là Quế Hoa vương hậu, lên ngôi năm Canh Thìn, tại vị mười năm. Ngày 19 tháng 7 năm Kỷ sửu, vua bị hai người chú là Hiến Đức và Hưng Đức Giác Can hãm hại mà băng hà.

* Đường Hiến Tông, niên hiệu Nguyên Hòa mười lăm năm, từ Bính Tuất.

- Tân La.

Đời thứ bốn mươi mốt Hiến Đức vương, họ Kim, tên là Ngạn Thăng, em cùng mẹ với Chiêu Thánh, phi là Quý Thắng Nương, thụy là Hoàng Nga vương hậu, con gái của Trung Cung Giác Can; lên ngôi năm Kỷ sửu, tại vị mười chín năm, lăng tại phía Bắc Tuyền lâm thôn.

* Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh bốn năm, từ năm Tân Sửu.

* Đường Kính Tông, niên hiệu Bảo Lịch hai năm, từ năm Ất Tỵ.

- Tân La.

Đời thứ bốn mươi hai Hưng Đức vương, họ Kim, tên là Cảnh Huy, em cùng mẹ với Hiến Đức vương, phi là Xương Hoa phu nhân, thụy là Định Mục vương hậu, con gái của Chiêu Thánh vương, lên ngôi năm Bính ngọ, tại vị mười năm, lăng ở Tỷ Hỏa Nhưỡng phía Bắc An Khương, hợp táng với Xương Hoa phu nhân.

* Đường Văn Tông, niên hiệu Đại Hòa chín năm, từ năm Đinh mùi; niên hiệu Khai Thành năm năm, từ năm Bính Thìn.

- Tân La.

Đời thứ bốn mươi ba là Hy Khang vương, họ Kim, tên là Khởi Long, còn gọi là Để Ngung, cha là Hiến Trinh Giác Can, thụy là Hưng Thánh Đại vương, còn gọi là Dực Thành, con của Lễ Anh Táp Can; mẹ là Mỹ Đạo phu nhân; còn gọi là Thâm Nãi phu nhân, Ba-lợi phu nhân, thụy là Trinh Thành Thái hậu, con gái của Trung Thành Đại A Can; phi là Văn Mục vương hậu, con gái của Trung Hiếu Giác Can, còn gọi là Trọng Cung Giác Can; lên ngôi năm Bính thìn, tại vị hai năm.

Đời thứ bốn mươi bốn là Mẫn Ai vương, họ Kim, tên là Minh, cha là Trung Cung Giác Can, truy phong là Tuyên Khang Đại vương, mẹ là con gái của Tuệ Trung vương (truy phong), tên là Quý Ba phu nhân, thụy là Tuyên Ý vương hậu; phi là Duẫn Dong hoàng hậu, con gái của Vĩnh Công Giác Can, lên ngôi năm Mậu Ngọ, đến ngày 22 tháng giêng năm Kỷ Mùi thì băng hà.

Đời thứ bốn mươi lăm là Thần Võ vương, họ Kim, tên Hựu Trưng, cha là Quân Trinh Giác Can, truy phong Thành Đức Đại vương, mẹ là Trinh Kiều phu nhân, truy phong Ý Sam thái hậu, tổ phụ là Lễ Anh truy phong Tuệ Khang Đại vương, phi là Trinh Tùng, còn gọi là Trinh Kế thái hậu, con gái của Minh Hải Giác Can; vương lên ngôi tháng tư năm Kỷ Mùi, đến ngày hai mươi ba tháng bảy thì băng hà.

Đời thứ bốn mươi sáu Văn Thánh vương, họ Kim, tên Khánh Ưng, cha là Thần Võ vương, mẹ là Trinh Tùng thái hậu, phi là Chiêu Minh vương hậu, lên ngôi tháng 4 năm Kỷ Mùi, tại vị mười chín năm.

* Đường Võ Tông, niên hiệu Hội Xương sáu năm từ năm Tân Dậu.

* Đường Tuyên Tông, niên hiệu Đại Trung mười ba năm, từ năm Đinh mão.

- Tân La.

Đời thứ bốn mươi bảy Hiến An vương, họ Kim, tên Nghi Tỉnh, em

của Thần Võ vương, mẹ là Hân Minh phu nhân, lên ngôi năm Mậu dần, tại vị ba năm.

* Đường Ý Tông, niên hiệu Hàm Thông mười bốn năm, từ năm Canh Thìn.

- Tân La.

Đời thứ bốn mươi tám Cảnh Văn vương, họ Kim, tên Ứng Liêm, cha là Khải Minh Giác Can, truy phong Hy Ý, còn gọi là Cung Đại Vương là con của Hy Khang vương; mẹ là con của Thần Võ vương, Quang Hòa phu nhân, phi là Văn Tư hoàng hậu, con gái của Hiến An vương, lên ngôi năm Tân Tỵ, tại vị mười bốn năm.

* Đường Hy Tông, niên hiệu Càn Phù sáu năm, từ năm Giáp Ngọ.

- Tân La.

Đời thứ bốn mươi chín là Hiến Khang vương, họ Kim, tên là Chánh, cha là Cảnh Văn vương, mẹ là Văn Tư hoàng hậu, phi là Ý Minh phu nhân còn gọi là Hy Minh vương hậu, lên ngôi năm Ất Mùi, tại vị mười một năm.

* Hy Tông, niên hiệu Quảng Minh năm Canh Tý; niên hiệu Trung Hòa bốn năm từ năm Tân Sửu.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi, Định Khang vương, họ Kim, tên Hoảng là em cùng mẹ với Hiến Khang vương, lên ngôi năm Bính Ngọ và băng hà trong năm này.

* Đường Hy Tông, niên hiệu Quang Khải ba năm, từ năm Ất Tỵ.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi mốt là Chân Thánh nữ vương, họ Kim, tên là Mạn Hiến em cùng mẹ với Định Khang vương, chồng là Ngụy Hoằng Đại Giác Can truy phong là Tuệ Thành Đại vương, lên ngôi năm Đinh Mùi tại vị mười năm. Năm Đinh tỵ nhường ngôi cho Thái tử Hiếu Cung vương, đến tháng 12 thì băng hà, hỏa táng, rải tro cốt tại Tây Biện ở Mâu Lương, còn gọi là Vị Hoàng sơn.

* Đường Chiêu Tông, niên hiệu Văn Đức năm Mậu Thân; niên hiệu Long Kỷ năm Kỷ Dậu; niên hiệu Đại Thuận hai năm, từ Canh tuất.

- Hậu Cao Ly.

Cung Duệ vào năm Canh Tuất niên hiệu Đại Thuận mới vào Bắc Nguyên chiếm Lương Cát Truân, đến năm Bính Thìn đóng đô ở thành Thiết Viễn tức Đông châu ngày nay; đến năm Đinh Tỵ dời đô về quận

Tòng Nhạc.

* Đường Chiêu Tông, niên hiệu Cảnh Phước hai năm, từ Nhâm tý.

- Hậu Bách Tế.

Chân Huyên, đến năm Nhâm Tý đóng đô ở Quang châu.

* Chiêu Tông, niên hiệu Càn Ninh bốn năm, từ năm Giáp Dần.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi hai Hiếu Cung vương, họ Kim, tên là Nghiêu, cha là Hiến Khang vương, mẹ là Hy Tắc thái hậu, lên ngôi năm Đinh tỵ, tại vị mười lăm năm, hỏa táng ở phía Bắc chùa Sư Tử, tro cốt chôn ở Đông sơn thuộc Cừu Tri đê.

* Đường Chiêu Tông, niên hiệu Quang Hóa ba năm, từ năm Mậu Ngọ, niên hiệu Thiên Phục ba năm, từ năm Tân Dậu.

- Hậu Cao Ly.

Xưng Quốc hiệu là Cao Ly vào năm Tân Dậu.

* Đường Cảnh Tông, niên hiệu Thiên Hựu ba năm, từ năm Giáp Tý.

- Hậu Cao Ly.

Năm Giáp Tý đổi quốc hiệu là Ma Chấn, niên hiệu là Võ Thái.

* Đời Chu Lương, niên hiệu Khai Bình bốn năm, từ năm Đinh Mão.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi ba Thần Đức vương, họ Phác, tên Cảnh Huy, vốn tên là Tú Tông, mẹ là Trinh Hoa phu nhân con của Khoảnh Hoằng Giác Can được truy phong thụy là Thành Võ Đại vương, tổ phụ là Nguyên Lân Giác Can là cháu nhiều đời của Đạt-la vương. Cha là Văn Nguyên Y Can truy phong Hưng Liêm Đại vương, tổ phụ là Văn Quan Hải Can, nghĩa phụ là Nhuệ Khiêm Giác Can truy phong Tuyên Thành Đại vương. Phi là Tư Thành vương hậu, còn gọi là Ý Thành, Hiếu Tử. Vương lên ngôi năm Nhâm Thân, tại vị năm năm, hỏa táng chôn tro cốt ở phía Nam Châm Hiện.

* Chu Lương, niên hiệu Càn Hóa bốn năm từ năm Tân Mùi.

* Lương Mạt Đế, niên hiệu Trinh Minh sáu năm, từ Ất Hợi.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi lăm Cảnh Minh vương, họ Phác tên là Thăng Anh, cha là Thần Đức vương, mẹ là Tư Thành vương hậu, phi là Trường Sa Tha, con gái của Đại Tôn Giác Can; Đại Tôn là con của Thủy Tông Y Can, được truy phong là Thánh Hy Đại vương. Vương lên ngôi năm

Đinh Sửu tại vị bảy năm thì băng, hỏa táng tại chùa Hoàng Phước, rải tro cốt ở phía Tây Nhưng sơn, Tỉnh Đẳng.

- Hậu Cao Ly.

Năm Giáp Tuất trở về Thiết Nguyên.

Thái Tổ: Tháng 6 năm Mậu Dần, Cung Duệ qua đời, Thái Tổ tức vị tại kinh đô Thiết Nguyên, qua năm Kỷ Mão thì dời đô về quận Tòng Khâu. Vào năm này vua sáng lập mười ngôi chùa lớn là Pháp Vương, Từ Vân, Vương Luân, Nội Đế Thích, Xá-Na, Thiên Thiền viện (chùa Phổ tế), Văn-thù... Năm Canh thìn lập Du Thị ở dưới Khổng nham, nay tục gọi Lợi Thị là Khổng hạ. Tháng mười lập chùa Đại Hưng; hoặc cho là lập vào năm Nhâm Ngọ, nhưng Nhâm Ngọ lại lập chùa Nhật Nguyệt, hoặc cho là năm Tân Tỵ; năm Giáp Thân lập Ngoại Đế Thích, Thần Chúng viện, Hưng Quốc tự; năm Đinh Hợi sáng lập [] Diệu tự; năm Kỷ Sửu sáng lập Quy Sơn; năm Canh Dần...

* Đời Mạt Đế, niên hiệu Long Đức hai năm, từ năm Tân Tỵ.

* Đời Hậu Đường, niên hiệu Đồng Quang ba năm từ năm Quý Mùi.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi lăm, Cảnh Ai vương họ Phác, tên Ngụy Tùy, em cùng mẹ với Cảnh Minh vương, mẹ là Tư Thành vương hậu, lên ngôi năm Giáp Thân, tại vị ba năm.

* Đường Minh Tông, niên hiệu Thiên Thành bốn năm, từ năm Bính Tuất.

- Tân La.

Đời thứ năm mươi lăm là Kính Thuận vương, họ Kim, tên Phó, cha là Hiếu Tông Y Can, truy phong là Thần Hưng Đại vương, tổ phụ Quan [] Giác Can truy phong là Ý Hưng Đại vương, mẹ là Quế Nga thái hậu con gái của Hiến Khang vương, lên ngôi năm Đinh Hợi tại vị tám năm, đến năm Ất Mùi dâng đất quy phục Thái Tổ; năm Mậu dần niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ ba thì băng hà; lăng xây tại Đông hướng Đông [] [].

* Niên hiệu Trường Hưng bốn năm, từ năm Canh Dần.

* Đời Ai Đế. Đời Mạt Đế, niên hiệu Thanh Thái hai năm, từ năm Giáp Ngọ.

- Tân La.

Từ năm Giáp Tý, niên hiệu Ngũ Phượng đến đây là chín trăm chín mươi hai năm.

* Đời Thạch Tấn, niên hiệu Thiên Phước tám năm, từ Bính

Thân.

- Cao Ly.

Năm Bính Thân, thống nhất ba nước.

- Bách Tế.

Năm Ất mùi con của Chân Huyên là Thần Nhận soán ngôi của cha, tự lập làm vua, đến năm Bính Thân thì mất nước. Từ Nhâm Tý đến đây là bốn mươi bốn năm.

- Thời Tiền Hán gồm các đời vua: Cao Đế, Tuệ Đế, Lã Hậu, Văn Đế, Cảnh Đế, Võ Đế, Chiêu Đế, Tuyên Đế, Nguyên Đế, Thành Đế, Ai Đế, Bình Đế, Nhụ Tử Anh.

- Hậu Hán: Quang Võ, Minh Đế, Chương Đế, Hòa Đế, Thương Đế, An Đế, Thuận Đế, Xung Đế, Chất Đế, Hoàn Đế, Linh Đế, Hiến Đế.

- Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy.

- Đời Lý Đường: Cao Tổ, Thái Tông, Cao Tông, Tắc Thiên, Trung Tông, Duệ Tông, Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông, Văn Tông, Võ Tông, Tuyên Tông, Ý Tông, Chiêu Tông, Cảnh Tông.

- Châu Lương, Hậu Đường, Thạch Tấn, Lưu Hán, Quách Chu.

- Đại Tống.

---------------------------

# TAM QUỐC DI SỰ

## QUYỂN 1

## MÔN 1: KỶ DỊ

### TỰA

Những bậc Thánh xưa, hầu hết đang khi dùng lễ, nhạc để dựng nước, dùng nhân nghĩa để lập giáo, thì chẳng nói đến những thế lực quái dị nhiễu loạn tâm thần; nhưng Đế vương muốn làm hưng thịnh quốc gia, nhận phù mệnh, lãnh đồ lục ắt phải có chỗ khác người, rồi sau đó mới có thể thừa đại biến nắm đại khí mà thành tựu đại nghiệp. Cho nên Hà (sông Hoàng hà) xuất Đồ, lạc (sông Lạc) xuất Thư, mà Thánh nhân lấy đó làm phép tắc; cho đến cầu vồng nhiễu quanh Thần Mẫu mà sinh ra Hy, rồng cảm người nữ mà sinh ra Viêm, Hoàng Nga dạo cả ruộng dâu, bỗng nhiên có thần đồng tự xưng là con của Bạch Đế, hai người giao phối mà sinh Tiểu Hạo. Giản Địch nuốt trứng mà sinh ra Khế; Khương Nguyên dẫm lên dấu chân mà sinh ra Khí, mang thai mười bốn tháng mà sinh ra Nghiêu; rồng giao với Đại Trạch mà sinh ra Phái Công; từ đó về sau, việc xảy ra đâu thể ghi chép hết. Thế thì Thỉ Tổ của ba nước, đều khởi phát từ việc thần dị, đâu đủ để cho là quái dị? Nguyên do ghi chép các việc thần dị ở trong các thiên, chính là tại ý này.

**Cổ Triều Tiên** (Vương Kiệm Triều Tiên)

***Ngụy Thư ghi:*** Cách đây hai ngàn năm năm có Đàn Quân Vương Kiệm, đóng đô ở A-tư-đạt (kinh ghi là Vô Diệp Sơn, cũng gọi là Bạch Khâu, tại thành Bạch Châu, hoặc cho là ở phía Đông Khai thành, nay chính là Bạch Khâu cung), đặt quốc hiệu là Triều Tiên, đồng thời với Cao ly. Cổ ký ghi: Xưa có Hoàn Nhân (Đế Thích) có một người con thứ là Hoàn Hùng luôn luôn nghĩ nhớ đến thiên hạ, tham cầu làm người thế. Đế Thích được tâm ý này, ông liền xuống trần, thấy Tam Nguy Thái Ba có thể làm lợi ích nhân gian, Đế trao cho ba ấn phù của trời và sai đến

nơi ấy quản lý. Hoàn Hùng dẫn ba ngàn bộ hạ xuống cội cây nơi thần đàn trên đỉnh núi Thái Bá (nay gọi là Diệu Hương sơn), nơi đó gọi là Thần Thị, gọi Hoàn Hùng là Thiên Nương. dẫn Phong, Bá là thầy mưa, thầy mây..., làm chủ về ngũ cốc, chủ về mệnh, chủ về bệnh, chủ về hình, chủ về thiện ác, làm chủ hơn ba trăm sáu mươi việc ở nhân gian, ở tại thế gian để coi sóc và giáo hóa.

Bấy giờ có một con gấu và một con cọp đang sống trong hang, thường cầu khẩn Thần Hùng, xin hóa thành người. Thần bèn trao cho một cọng Linh Ngãi, hai mươi củ tỏi, bảo hai con vật hãy ăn vào, trong một trăm ngày chẳng nhìn ánh sáng mặt trời, thì sẽ được hình người. Gấu và cọp liền ăn vào, gấu không nhìn trong hai mươi mốt ngày nên được thân nữ, còn cọp không làm được, nên chẳng được thân người. Người nữ không có ai để hôn phối, nên thường cầu nguyện dưới cây này, mong được có thai; Hoàn Hùng bèn giả hóa hiện để lấy người nữ gấu kia, sau đó có thai và sinh ra một đứa con, đặt tên là Đàm Quân Vương Kiệm. Đường Nghiêu (Cao) tức vị năm mươi năm nhằm năm Canh dần thì lên ngôi đóng đô ở Bình Nhưỡng (nay là Tây kinh) (Đường Nghiêu lên ngôi năm thứ nhất là Mậu Thìn, năm mươi năm sau đúng là năm Đinh Tỵ, chẳng phải là Canh Dần. Ở đây sợ ghi chưa đúng), đầu tiên gọi là Triều Tiên, sau dời đô về A-tư-đạt ở Bạch khâu sơn, còn gọi là Cung (hay là Phương) Hốt Sơn, tức Di-đạt hiện nay. Vương Kiệm ở ngôi được một ngàn năm trăm năm, Chu Võ vương lên ngôi năm Kỷ Mão phong Ky Tử đất Triều Tiên, Đàn Quân bèn dời về Tạng Đường kinh, sau trở về ẩn cư ở A-tư-đạt làm sơn thần, thọ một ngàn chín trăm lẻ tám tuổi.

Đường Bùi Củ truyện ghi: Cao ly vốn là nước Cô Trúc (nay là Hải Châu), nhà Chu phong, Ky Tử đất Triều Tiên. Đời Hán phân làm ba quận, gọi là Huyền Thố, Nhạc Lương, Đới Phương (Bắc Đới phương); Thông điển cũng đồng với thuyết này (Hán thư thì cho là bốn quận Chân, Lâm, Nhạc, Huyền. Nay nói ba quận mà tên cũng khác là vì sao?)

**Ngụy Mãn Triều Tiên**

***Tiền Hán Triều Tiên truyện ghi:*** Đầu tiên, triều đình nhà Yên thường đánh lấy được Chân Phiên Triều Tiên (sử cổ ghi: Thời chiến quốc, nước Yên mới cướp được đất này), đặt quan lại, xây thành trì. Nhà Tần diệt Yên, thì Triều Tiên thuộc Liêu Đông. Nhà Hán lập, cho rằng vùng đất này xa, khó giữ, nên lại tu sửa ải Liêu Đông lấy sông Bái làm

ranh giới (sử cổ cho rằng sông Bái tại quận Nhạc Lương), Triều Tiên lại thuộc về Yên. Yên Vương Lê Quán làm phản nhập Hung Nô, người Yên là Ngụy Mãn lưu vong, tụ tập lại hơn một ngàn người đi về Đông, ra khỏi quan ải, vượt sông Bái và dừng tại vùng đất bỏ hoang của nhà Tần khi xưa, xây thành trên dưới để ngăn chặn, rồi dần dần xâm lấn các vùng lệ thuộc Chân phiên Triều Tiên là Man-di và đất của Yên Tề xưa, người lưu vong là Ngụy Mãn lên làm vua, đóng đô ở Vương Kiệm (Lý ghi: Vương Kiệm là địa danh. Thần Tán ghi: Thành Vương Kiệm ở Nhạc Lương quận, phía Đông sông Bái. Kế đến dùng quân đội chiếm Tiểu ấp khiến cho Chân Phiên, Lâm Truân đều đến xin thần phục, bờ cõi mở ra vài ngàn dặm, truyền ngôi đến cháu là Hữu Cừ (Sử cổ ghi: Chánh tên Hữu Cư) Chân phiên thần quốc. (Sử cổ ghi: Thần tức là Hàn) muốn dâng sớ gặp Thiên tử, nhưng lại bế tắc, không bang giao được. Đến năm Nguyên Phong thứ hai nhà Hán sai sứ là Thiện Hà chiêu dụ Hữu Cừ, nhưng Cừ không chịu phụng chiếu. Hà bèn đến biên giới quan sông Bái, khiến người hành thích Tống Hà một vương trưởng nhỏ của Triều Tiên rồi vượt sông, trở về triều báo cáo, Thiên tử bèn phong Hà làm Bộ đô úy Liêu Đông. Triều Tiên oán hận Hà, nên tập kích giết chết. Thiên tử bèn sai Lâu Hàng tướng quân Dương Phác dẫn năm vạn binh từ ngã Tề Phù, Bột Hải, Tả tướng quân Tuân Trệ từ Liêu đông xuất binh thảo phạt Hữu Cừ, Cừ đem binh án ngữ nơi hiểm yếu, Lâu Hàng bèn dẫn bảy ngàn quân đến thành Vương Kiệm trước, Hữu Cừ thủ thành thấy binh của Lâu Hàng quá ít, bèn xuất kích đánh Hàng đại bại, Lâu Hàng mất quân, trốn vào núi mà thoát chết. Tả tướng quân đánh đội quân phía Tây của Triều Tiên ở sông Bái, cũng không phá được. Thiên tử thấy hai tướng chưa đánh thắng, bèn sai Vệ Sơn nương oai binh đến dụ hàng Hữu Cừ. Hữu Cừ xin hàng sai Thái tử dâng ngựa, Thái tử bèn dẫn theo hơn một vạn binh, sắp qua sông Bái, thì sứ giả là Vệ Sơn và Tả tướng quân nghi Thái tử làm biến nên nói rằng: Thái tử đã quy phục, không nên dẫn binh sang! Thái tử cũng nghi sứ giả có gì trá ngụy, nên chẳng qua sông mà dẫn quân trở về. Sơn báo với Thiên tử, Thiên tử trách phạt Sơn. Lúc ấy Tả tướng quân đã phá được thượng quân trên sông Bái, rồi tiến lên phía trước vây mặt Tây bắc của thành, Lâu Hàng cũng dẫn quân đến đóng ở phía Nam thành. Hữu Cừ trong thành cố thủ, qua mấy tháng mà chẳng thể hạ được. Thiên tử thấy lâu mà không xong bèn sai thái thú Tế về Nam xưa là Công Tôn Toại đến chỉ huy. Toại đến buộc Lâu Hàng tướng quân và quân của ông ấy cùng với Tả tướng quân gấp rút đánh Triều Tiên. Tướng Lô Nhân, Tướng Hàn Đào, Ni Khê, Tương

Sâm và tướng quân Vương Khiêm (Sư cổ ghi: Ni khê là địa danh, chỉ có bốn người) cùng nhau bàn luận muốn hàng. Vua không chịu, Đào, Khiêm và Lô Nhân qua hàng Hán, Lô Nhân chết trên đường chạy trốn. Mùa hạ năm Nguyên Phong thứ ba, Ni Khê, Tương Sâm sai người giết vua là Hữu Cừ rồi ra hàng. Thành Vương kiệm vẫn chưa bị hạ, đại thần của Hữu Cừ là Thành Dĩ làm phản; Tả tướng quân khiến con của Hữu Cừ là Trường, con của Lô Nhân là Tối hiểu dụ nhân dân, mưu sát Thành Dĩ. Do đó định yên được Triều Tiên, gồm bốn quận: Chân Phiên, Lâm Truân, Nhạc Lương, Huyền Thố.

**Mã Hàn**

***Ngụy Chí ghi:*** Ngụy Mãn đánh Triều Tiên, Vương Chuẩn của Triều Tiên dẫn cung nhân quần thần vượt biển về Nam đến đất Hàn lập quốc, đặt quốc hiệu là Mã Hàn. Chân Huyên dâng thư lên Thái Tổ rằng: "Khi xưa, lúc Mã Hàn mới dựng nước, là do Hách Cư Thế hưng khởi. Bấy giờ Bách Tế khai quốc ở Kim Mã sơn. Thôi Trí Viễn ghi: "Mã Hàn tức Cao ly; Thần Hàn tức Tân la." (Theo Bản kỷ thì Tân la khai quốc trước, vào năm Giáp Tý; Cao ly lập quốc sau, vào năm Giáp Thân, nhưng ở đây ghi như thế là vì Vương Chuẩn đã nói vậy. Do đó biết rằng Đông Minh lập quốc đã cùng với Mã Hàn mà làm nhân, cho nên gọi Cao ly là Mã Hàn, người ngày nay hoặc cho đó Kim Mã sơn, cho Mã Hàn là Bách tế đều là lầm lẫn, Cao ly tự có thành ấp riêng, nên gọi là Mã Hàn.)

Nói Tứ Di, Cửu Di, Cửu Hàn, Uế Mạch; trong chân lễ nói phong cho họ Phương cai quản Tứ Di Cửu Mạch.

Một giống người phương Đông tức Cửu Di. Tam quốc sử ghi: "Minh châu là Uế quốc xưa. Bấy giờ Dã Nhân cày ruộng được Uế vương hiến cho." Vả lại Xuân châu và Ngưu thủ châu xưa là Mạch quốc xưa. Hoặc cho rằng: Thành Bình nhưỡng là Mạch quốc; hoặc cho rằng Sóc châu là Mạch quốc.

Hoài Nam tử chú rằng: Di ở phương Đông có chín loại. Luận ngữ Chánh Nghĩa ghi: Cửu Di là Huyền thố, Nhạc lương, Cao ly, Mãn sức, Phù canh, Tố gia, Đông đồ, Oa nhân, Thiên bỉ.

Hải Đông An Hoằng ký nói Cửu Hàn là Nhật Bản, Trung Hoa, Ngô Việt, Thác La, Ứng Du, Mạt Thát, Đơn Quốc, Nữ Chân và Uế Mạch.

**Nhị Phủ**

***Tiền Hán thư ghi:*** Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Thủy Nguyên thứ năm đời Chiêu Đế, lập hai phủ ở ngoại biên, một là Bình Quận lưu địa của Triều Tiên và Huyền Thố quận làm Bình Châu Đô Đốc phủ. Hai là hai quận Lâm Truân và Nhạc Lương đặt là Đông Bộ Đô Úy phủ.

(Nay cho rằng: Theo Triều Tiên truyện thì bốn quận Chân Phiên, Huyền Thố, Lâm Truân và Nhạc Lương; ở đây lại có Bình quận mà không có Chân Phiên, là một quận mà hai tên gọi.)

**Bảy mươi hai nước**

***Thông Điển ghi:*** Nhân dân Triều Tiên phân lập thành hơn bảy mươi nước, mỗi mỗi rộng hơn một trăm dặm. Hậu Hán thư ghi: Vào thời Tây Hán, đầu tiên đặt vùng đất Triều Tiên xưa thành bốn quận, sau lại đặt hai phủ, nhưng pháp lệnh phiền toái, lại phân thành bảy mươi tám nước nhỏ, mỗi mỗi khoảng một vạn hộ dân.

(Mã Hàn ở phía Tây gồm năm mươi bốn tiểu ấp, đều xưng là một nước; Thần Hàn ở phía Đông có mười hai tiểu ấp mỗi mỗi cũng tự gọi là nước; Biện Hàn ở phía Nam gồm mười hai tiểu ấp, mỗi mỗi cũng tự gọi là một nước).

***Nước Nhạc Lương***

Vào thời Tiền Hán mới lập quận Nhạc Lương. Ưng Thiện ghi: “Đó là nước Triều Tiên xưa.”

***Tâm Đường Thư Chú ghi:*** Thành Bình Nhưỡng tức là quận Nhạc Lương thời cổ Hán.

***Quốc sử ghi:*** Năm thứ ba đời vua Hách Cư Thế, người Nhạc Lương đến đầu hàng. Lại năm thứ tư đời Nổ Lễ vương, đời thứ ba vua Cao Ly là Vô Tuất vương, Nhạc Lương bị diệt vong. Người nước này và Đới phương (Bắc đới phương) nhập vào Tân La. Năm thứ hai mươi bảy đời Vô Tuất vương, Quang Võ Đế sai quân chinh phạt Nhạc Lương, chiếm đất làm quận huyện, từ sông Tát trở về Nam thuộc nhà Hán.

(Căn cứ các văn trên thì Nhạc Lương tức thành Bình Nhưỡng là đúng. Hoặc cho rằng dưới Trung Đầu sơn của Nhạc Lương là giới hạn với Mạt thát. Sông Tát tức sông Đại Đồng ngày nay, chưa biết cái nào đúng?)

Vả lại thời Ôn Tộ nước Bách Tế nói rằng: “Phía Đông có Nhạc Lương, Bắc có Mạt thác thì nguy. Vào thời cổ Hán thì quận Nhạc Lương là một huyện, người Tân La cũng gọi là Nhạc Lương. Cho nên nay bản

triều nhân đó mà gọi là Nhạc Lương quận phu nhân.” Vả lại trong Thái Tổ Giáng Nữ Ư Kim Truyện cũng ghi: “Nhạc Lương công chúa”.

**Bắc Đới Phương**

Bắc Đới Phương vốn là Trúc Đàm thành, năm thứ tư (hoặc thứ mười bốn) đời Nổ Lễ vương nước Tân La, người Đới Phương và Nhạc Lương hàng Tân La (Đây là hai quận thời tiền Hán, sau tự xưng là một nước, nay lại đến hàng).

**Nam Đới Phương**

Thời Tào Ngụy mới lập Nam Đới phương (nay là phủ Nam Nguyên); Nam Đới Phương là một vùng biển nước rộng cả nghìn dặm, nên gọi là Hàn Hải (vào năm Kiến An đời hậu Hán, triều đình đặt vùng hoang địa Nam Mã Hàn là Đới Phương quận thuộc Oa Hàn).

**Mạt Thát** (Vật Cát) - Bột Hải

***Thông Điển ghi:*** Bột Hải vốn là Lật Mạt Mạt Thát, đến khi Vĩnh Tộ Vinh lập quốc mới tự đặt tên nước là Chấn quốc. Vào đời Tiên Thiên (con của Huyền Tông) mới bỏ tên Mạt Thát mà xưng là Bột Hải. Năm Khai Nguyên thứ bảy (Kỷ Mùi) Tô Vinh qua đời, thụy là Cao Vương, con trưởng lên kế vị. Minh Hoàng ban cho chế độ kế thừa làm vương, lập riêng niên hiệu, thành một nước mạnh ở vùng Hải đông. Nước này gồm năm kinh, mười lăm phủ, sáu mươi hai châu. Năm Thiên Thanh thứ nhất đời hậu Đường, Khiết Đan đem quân đánh phá, sau đó bị Khiết Đan chế phục.

(Tam quốc sử ghi: Năm Nghi Phượng thứ ba, năm thứ ba đời Cao Tông, tàn quân của Cao Ly tụ tập ở phía Bắc nương vào chân núi Thái Bá, đặt quốc hiệu là Bột Hải. Trong khoảng năm Khai Nguyên thứ hai mươi, Đường Minh Hoàng sai tướng đánh dẹp. Đến năm thứ ba mươi hai đời Thánh Đức vương, năm Giáp Tuất đời Cao Tông, Bột Hải Mạt Thát vượt biển xâm chiếm Đăng châu của nhà Đường, Huyền Tông đánh dẹp được. Tân La Cổ Ký ghi: “Cựu tướng của Cao Ly là Tô Vinh, họ Đại tụ tập tân binh lập quốc ở Nam Thái Bá sơn, đặt tên nước là Bột Hải.” Xét các văn trên thì Bột Hải là tên khác của Mạt Thát, nhưng sử dụng khác nhau mà thôi. Căn cứ theo Chỉ Chưởng Đồ thì Bột Hải nằm ở góc Đông bắc bên ngoài Trường thành).

Cổ đam quận quốc chí ghi: “Bốn phủ Áp Lục, Nam Hải, Phù Du, Lỗi Thành của Bột Hải đều là vùng đất cũ của Cao Ly. Từ quận Tuyền

tỉnh của Tân La (theo Địa lý chí thì Lãnh huyện của Sóc châu có Tuyền tỉnh quận, nay là Dũng châu) đến phủ Lỗi Thành gồm có ba mươi chín trạm."

Tam quốc sử ghi: Những năm cuối cùng của Bách Tế, các nước Bột Hải, Mạt Thát và Tân La phân chia chiếm lấy Bách Tế (theo đây thì Bột và Mạt là hai nước. Người Tân la nói rằng: "Bắc có Mạt thát, Nam có Oa nhân, Tây có Bách tế, đều là mối nguy của đất nước."

Xét Mạt Thát tức là A-sát-la châu. Vả lại Đông Minh ký có ghi rằng: "Đất của Tốt Bản thành tiếp giáp với Mạt Thát (nay là Đông châu). Vào năm thứ mười bốn đời Kỳ Ma vương, Tân La (tức năm Ất Sửu) quân Mạt Thát vào đất Bắc, tập kích Đại Lĩnh, vượt Ni hà." Vào thời Hậu Ngụy gọi là Mạt Thát là Vật cát. Chỉ Chưởng Đồ ghi: "Ấp Tằng và Vật Cát đều là Túc Thận". Về Hắc thủy và Ốc thủy, theo Chỉ Chưởng Đồ của Đông Pha: "Phía Bắc là Thần Hàn có Nam, Bắc Hải thủy. Năm thứ mười đời Đông Minh Đế thì Bắc Ốc Thư bị diệt; năm thứ bốn mươi hai đời Ôn Tộ hơn hai mươi nhà của Nam Ốc thư đến hàng. Vả lại năm thứ năm mươi hai đời Hách Cư Thế, Đông Ốc Thư đến dâng nạp lương thực và ngựa." Thế thì biết có Đông Ốc Thư. Theo Chỉ Chưởng Đồ thì Hắc thủy ở phía Bắc Trường thành, Ốc Thư ở phía Nam Trường thành.

**Y Tây Quốc**

Năm thứ mười bốn đời Nổ Lễ vương, quân Y Tây đánh phá Kim Thành. Theo Vân Môn Tự Cổ Truyện Chú Tự Nạp Điền Ký ghi: "Năm Nhâm Tthìn, niên hiệu Trinh Quán thứ sáu, chùa Linh Vị ở Kim Quận Thôn, Y Tây quận đến nạp ruộng đất." Như thế thì Kim Quận Thôn nay thuộc Thanh Đạo quận, một phần của Y Tông quận thời xưa.

***Ngũ Già Da***

(Theo Già lạc ký tán ghi: Thùy Nhất Tử Anh sinh ra sáu cái trứng, một cái đặt tại thành này về sau là Thủ Lộ vương, còn năm cái kia, về sau làm chủ năm Già-Da; Kim Quan chẳng tính vào năm cái này là đúng. Nhưng Bản Triều Sử Lược, lại tính có Kim Quan mà lại ghi là Xương Ninh, tức lầm lẫn).

Gồm A-La (còn gọi Da), Già-Da (Hàm An ngày nay), Cổ Ninh Già-Da (Hàm Ninh ngày nay), Đại Già-Da (Cao Linh ngày nay), Tinh Sơn Già-Da (Kinh Sơn Huyền ngày nay), Bích Trân Tiểu Già-Da (Cố thành ngày nay).

Bản Triều Sử Lược ghi: Niên hiệu Thiên Phước thứ năm đời Thái Tổ, tức năm Canh Tý, đổi tên năm Già-Da là:

1. Kim Quan là Kim Hải phủ.

2. Cổ Ninh là Gia Lợi huyện.

3. Phi Đại nay là Xương Ninh, e rằng lầm lẫn với Cao Linh.

4 -5. A-la và Tịnh sơn giống như trước, gọi là Tinh sơn, hoặc gọi là Bích Trân Già-da).

***Bắc Phù Dư***

Cổ Ký ghi: Vào ngày tám tháng tư năm Nhâm Tuất, niên hiệu Thần Tước thứ ba, Thiên đế giáng hạ Ngặt Thẳng Cốt Thành (nay là địa phận Y châu của Đại Liêu), cưỡi xe Ngũ long, lập đô xưng vương, đặt quốc hiệu là Bắc Phù Dư, tự xưng là Giải Mộ Sấu, sinh con tên là Phù Lay họ Giai. Sau vương vâng mệnh trời dời đô về Đông Phù Dư, Đông Minh Đế kế thừa ngôi ở Bắc Phù Du mà hưng khởi sự nghiệp đóng đô ở Tốt Bản châu gọi là Tốt Bản Phù Dư, tức Thủy tổ của Cao Ly.

***Đông Phù Dư***

Tướng của vua Giải Phù Lâu Đông Phù Dư là A-lan-phất, một hôm nằm mộng thấy Thiên đế giáng hạ bảo rằng: “Ta sẽ sai con cháu của ta đến lập quốc ở đất này, ngươi nên tránh nơi khác (Điềm Đông Minh hưng khởi), ở vùng Đông hải có một nơi tên là Ca-diếp, là vùng bình nguyên đất đai màu mỡ, nên đến đó lập đô!” A-lan-phất bèn khuyên vua dời đô đến nơi ấy, lấy quốc hiệu là Đông Phù Dư. Phù Lâu đã già mà không có con, một hôm cúng tế núi sông cầu tự, ông đi ngựa đến Uyên Côn, bỗng thấy một tảng đá lớn đối diện chặn dòng chảy, lấy làm lạ, bèn sai người di chuyển tảng đá đi nơi khác, thì thấy một đứa bé thân màu vàng ròng, hình dạng như con ếch (oa), vua vui mừng nói rằng: “Đó là trời ban cho ta có được người kế nghiệp ư?” Liền đem về nuôi dưỡng, đặt tên là Kim Oa, đến lớn thì phong làm Thái tử. Sau khi Phù Lâu mất, Kim Oa kế vị làm vua, sau đó truyền cho Thái tử là Đới Tố. Mãi đến năm Nhâm Ngọ, nhằm vào năm thứ ba đời Địa Hoàng, vua Cao Ly là Vô Tuất đem binh đánh chiếm, giết Đới Tố, Đông Phù Dư đến đây thì mất nước.

***Cao Cú Ly***

Cao Cú Ly tức là Tốt Bản Phù Dư, hoặc nay gọi Hòa châu, Thành châu đều là sai lầm. Tốt Bản châu thuộc cảnh địa của Liêu Đông. Quốc

sử Cao Ly Bản Ký ghi rằng: Thủy Tổ Đông Minh Thánh Đế họ Ngôn, húy Chu Mông. Đầu tiên vua Bắc Phù Dư là Giản Phù Lâu dời quốc đô về Đông Phù Lâu, đến khi Phù Lâu qua đời, Kim Oa kế vị, bấy giờ gặp một người con gái ở sông Ưu Bột phía Đông Thái Bá sơn, Kim Oa hỏi thăm thì người nữ trả lời rằng: "Tôi là con gái của Hà Bá, tên là Liễu Hoa, một hôm cùng với các em ra ngoài dạo chơi, lúc ấy có một người nam, tự xưng là Giải Mộ Sấu, con của Thiên đế dụ dẫn tôi đến ngôi nhà ở bên Áp Lục, dưới chân Hùng Thần sơn để tư thông rồi đi mà chẳng trở lại, (Đàm Quân ký ghi: Vua kết thân với con gái của Hà Bá ở Tây hà mà sinh ra một người con tên là Phù Lâu. Nay xét văn ký này thì Giải Một Sấu tư thông với con gái của Hà Bá mà sinh ra Chu Mông. Đàn Quân Ký lại ghi: Sinh một người con đặt tên là Phù Lâu, vậy Phù Lâu và Chu Mông là anh em khác mẹ). Cha mẹ trách tôi không có mai mối mà dám theo người, bèn đày đến nơi đây." Kim Oa nghe nói làm lạ. Người nữ này ẩn kín trong nhà, mỗi khi có ánh mặt trời chiếu vào thì né tránh, nhưng ánh nắng vẫn cứ di chuyển theo chiếu vào người. Do đó từ thai sinh ra một cái trứng lớn bằng năm tháng, vua ném cho chó heo thì chó heo chẳng ăn, bỏ ngoài đường thì trâu ngựa đều tránh, bỏ ở đồng hoang thì chim thú che đậy, vua sai người bổ ra thì không thể bổ được, cuối cùng trả lại cho người mẹ. Người mẹ dùng vật bọc lại, đặt vào nơi ấm. Thời gian sau có một đứa bé phá vỏ thoát ra. Đứa bé có cốt cách phi phàm, năm lên bảy tuổi đã thông minh lạ thường, tự tạo cung tên, bắn trăm phát trăm trúng. Người trong nước cho rằng thiện xạ là Chu Mông, nên lấy đó làm tên. Kim Oa có bảy người con thường chơi đùa với Chu Mông, nhưng tài nghệ chẳng bằng. Con trưởng là Đới Tố nói với vua rằng: "Chu Mông chẳng phải do người sinh ra, nếu chẳng sớm tính liệu, e rằng sau có hại." Vua chẳng nghe, sai đi nuôi ngựa. Chu Mông biết con ngựa nào hay thì giảm phần ăn khiến cho gầy, con nào tồi thì cho ăn nhiều để mập thêm. Vì thế vua sử dụng con mập, còn con gầy thì ban cho Chu Mông. Khi ấy các người con của vua và các quan bày mưu hãm hại Chu, người mẹ biết được nói rằng: "Người trong nước sẽ hãm hại con. Con đã có tài trí, mưu lược thì đi đâu mà chẳng được, hãy tính nhanh đi!" Chu Mông cùng với Ô, Y kết bạn trốn đến sông Yêm (chưa biết ở đâu), Chu nói với sông rằng: "Ta là con của Thiên đế, cháu của Hà Bá, hôm nay chạy trốn, người truy đuổi sắp đến, phải làm sao?" Liền lúc ấy cá rùa kết thành cầu, ba người qua được bên kia thì cầu tan, kẻ truy đuổi chẳng qua được. Đi mãi đến Tốt Bản châu (địa phận huyện Huyền Thố) thì dừng, đóng đô ở đây, chưa kịp làm cung

điện, chỉ kết nhà tranh trên dòng Phí lưu mà ở, đặt quốc hiệu là Cao Cú Ly, nhân đó lấy họ Cao.

(Vốn họ Giải, nay tự xưng là con Thiên đế, nhờ vào ánh mặt trời mà sinh, nên lấy họ Cao).

Năm mười hai tuổi, nhằm Giáp Thân, niên hiệu Kiến Chiêu đời Hán Nguyên Đế, Cao lên ngôi xưng vương. Thời Cao Ly toàn thịnh, dân số đến hai trăm mười ngàn năm trăm lẻ tám hộ. Châu Lâm truyện quyển hai mươi mốt ghi: “Xưa Thị Tỳ của Ninh Bẩm Ly vương có thai, thầy tướng đến xem nói rằng: “Rất quý, sẽ làm vua!” Vua nói rằng: “Không phải là người nối dõi của ta, nên giết đi!” Tỳ nữ tâu rằng: Khí từ trời nhập thân, nên tôi có thai.”

Đến khi sinh ra, vua cho là điềm chẳng lành, nên bỏ vào chuồng lợn thì lợn ủ ấm, ném vào chuồng ngựa thì ngựa cho bú, mà không chết, cuối cùng làm vua nước Phù Dư. (Tức Đông Minh Đế làm vua Tốt Bản Phù Dư, đó cũng là đô thành riêng của Bắc Phù Dư. Cho nên nói Phù Dư là tên khác của Lâu Vương).

***Biện Hàn - Bách Tế*** (cũng gọi là Nam Phù Dư, tức Tứ Thử Thành)

Năm thứ mười chín đời Hách Cư Thế, thỉ tổ Tân La, nhằm năm Nhâm Ngọ, người Biện Hàn dâng nước hàng phục. Tân Cựu Đường Thư ghi: “Dòng dõi của Biện Hàn ở đất của Nhạc Lương.” Hậu Hán Thư ghi: “Biện Hàn ở phía Nam, Mã Hàn ở phía Tây, Thần Hàn ở phía Đông.” Trí Viễn ghi: “Biện Hàn tức Bách Tế.” Theo Bản Kỷ, Ôn Tộ dựng nước vào năm Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Gia thứ tư, thì sau đời Hách Cư Thế và Đông Minh hơn bốn mươi năm, mà Đường Thư lại nói dòng dõi của Biện Hàn tại đất Nhạc Lương, là vì cho rằng dòng của Ôn Tộ xuất xứ từ Đông Minh vậy. Hoặc có người cho rằng xuất từ Nhạc Lương, lập quốc ở Biện Hàn, đồng thời với các nước Mã Hàn..., trước thời của Ôn Tộ chứ không phải đóng đô ở Bắc Nhạc Lương. Hoặc tạm gọi Cửu Long Sơn Biện Na Sơn, nên cho Cao Cú Ly là Biện Hàn, tức lầm lẫn. Nên theo thuyết của bậc hiền xưa là đúng, Bách Tế vốn có Biện Sơn nên gọi là Biện Hàn. Thời kỳ toàn thịnh, Bách tế có đến một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm hộ dân.

**Thần Hàn** (Tần Hàn)

***Hậu Hán Thư ghi:*** Các bậc kỳ lão của Thần Hàn nói rằng những người vong quốc thời Tần đến nước Hàn, được Mã Hàn cắt đất phía

Đông trao cho, nên cùng nhau mà đến. Vì có tiếng nói giống như tiếng Tần, nên gọi là Tần Hàn, gồm mười hai nước nhỏ, mỗi một nước gồm một vạn hộ. Thôi Trí Viễn ghi: Người Thần Hàn vốn là dân Yên tỵ nạn, lấy tên Trác Thủy để gọi làng ấp mà họ cư trú là Sa trác, Tiệm trác...

(Phương ngôn Tân La đọc trác là đạo, nên nay gọi là Sa lương, Lương cũng đọc là đạo).

Thời kỳ Tân La toàn thịnh, trong kinh thành gồm một trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm ba mươi sáu hộ dân, một ngàn ba trăm sáu mươi phường, năm mươi lăm làng, ba mươi lăm kim nhập trạch (khu vực lớn màu mỡ); Nam trạch, Bắc trạch, Vu trạch, Bản Bỉ trạch, Lương trạch, Trì Thượng trạch (Bản Bỉ bộ), Tài Mại Tỉnh trạch (Tổ tông của Du Tín công), Bắc Duy trạch, Nam Duy trạch (phường dưới chùa Phản hương), Đội trạch, Tân Chi trạch (thuộc chùa Phản hương) Trường Sa trạch, Thượng Anh trạch, Hạ Anh trạch, Thủy Vọng trạch, Tuyền trạch, Dương Thượng trạch (Nam lương), Hán Kỳ trạch (Nam chùa Pháp lưu), Tỷ Huyệt trạch (như trên), Bản Tích trạch (phường trên Phấn Hoàng tự), Biệt Giáo trạch, Nha Nam trạch, Kim Dương Tông trạch (phía Nam chùa Lương quan), Khúc Thủy trạch (phía Bắc xuyên), Liễu Dã trạch, Tự Hạ trạch, Sa Lương trạch, Tỉnh Thượng trạch, Lý Nam trạch (Vu Sở trạch), Tư Nội Khúc trạch, Trì trạch, Tự Thượng trạch (Đại Trúc trạch), Lâm Thượng trạch (phía Đông chùa Thanh long có ao), Kiều Nam trạch, Hạnh Sát trạch (Bản Bỉ bộ), Lâm Thượng trạch, Lý Thượng trạch, Mạng Nam trạch và Tĩnh Hạ trạch.

***Bốn mùa dạo chơi với các trạch.***

Mùa Xuân thì đến Đông Dã trạch, mùa Hạ thì vào Cốc Lương trạch, mùa Thu thì ghé Cửu Trì trạch, mùa Đông thì ở Gia Y trạch. Vào đời vua thứ bốn mươi chín là Hiến Khương Đại vương, trong kinh thành không còn một ngôi nhà tranh, mà toàn là nhà xây tường liên, góc tiếp, người người ca múa đầy đường ngày đêm chẳng dứt.

*Thỉ Tổ Tân La, Hách Cư Thế vương*

*Đất Thần Hàn, xưa có sáu thôn:*

1. Yên xuyên Dương Sơn thôn: Phía Nam chùa Đàm Nghiêm ngày nay, trưởng thôn tên là Yết Bình, đầu tiên giáng hạ ở Biền Nham sơn, đó là tổ của họ Thị ở Cập Lương bộ.

(Lập vào năm thứ chín đời Nỗ Lễ vương, tên là Cập Lương bộ; năm Tiên Phước thứ năm đời Thái Tổ của Bản Triều, nhằm năm Canh Tý đổi tên là Trung Hưng bộ; Ba thế Đông sơn và Bỉ thượng thuộc về

Đông thôn).

2. Đột Sơn Cao Khư thôn, trưởng thôn tên là Tô Phiệt Đô Lợi đầu tiên giáng hạ tại Huynh sơn, là tổ của họ Trịnh ở Sa Lương bộ (lương đọc là đạo, hoặc viết là trách cũng đọc là đạo), nay là Nam Sơn bộ. Cừu Lương Phiệt ma..., Ô Đạo, Bắc Huýnh đức... thuộc về Nam thôn (nay là Nam Sải bộ là do Thái Tổ đặt ra, các thôn sau cũng thế).

3. Mậu Sơn Đại Thọ thôn, trưởng thôn tên là Câu (Cừu) Lễ Mã, đầu tiên giáng hạ ở Y sơn (còn gọi là Tỷ sơn) thuộc Tiềm Lương (còn gọi là trác) bộ, là tổ của họ Tôn ở Mâu Lương bộ, nay gọi là Trường Phước bộ. Phác Cốc thôn... thuộc về Tây thôn.

4. Chủy Sơn Trân Chi thôn (còn gọi là Tân Chi, Tân Tử, Băng Chi), trưởng thôn tên là Trí Bá Hổ, đầu tiên giáng hạ ở Vu Hoa sơn, là tổ của họ Thôi ở Bán Bỉ bộ. Nay gọi là Thông Tiên bộ, như Sài Ba... thuộc về Đông Nam thôn. Trí Viễn là người của Bản Bỉ bộ. Nay ở phía Nam Vị thôn tự phía Nam chùa Hoàng Long có một nền cũ gọi là Thôi Hầu Cổ trạch, thì rõ ràng như thế.

5. Kim sơn Gia Lợi thôn (nay là Kim Cang sơn, phía Bắc chùa Bá Lật), trưởng thôn tên là Kỳ-Đà (còn gọi là Chỉ Tha) đầu tiên giáng ở núi Minh Hoạt, là tổ của họ Bùi ở Hàn Kỳ bộ, nay gọi là Gia Đức bộ; Thượng hạ Tây Tri, Nãi mạo... thuộc về Đông thôn.

6. Minh Hoạt sơn Cao Da thôn, trưởng thôn là Hổ Trân, đầu tiên giáng ở núi Kim Cang, là tổ của họ Tiết ở Tập Tỉ bộ, nay là Lâm Xuyên bộ. Vật Y thôn, nhưng Cừu Ư thôn, Khuyết Cốc (còn gọi là Cát cốc)... thuộc về Đông Bắc thôn.

Xét đoạn văn trên thì tổ của sáu thôn này, tựa như từ trời giáng hạ, đến năm thứ chín đời Nổ Lễ vương mới đổi tên sáu bộ, ban cho sáu họ. Nay tục gọi Trung Hưng bộ là mẹ, Trường Phước bộ là cha, Lâm Xuyên bộ là con, Gia Đức bộ là con gái, kỳ thật chưa được rõ biết. Năm Nhâm Tý niên hiệu Địa Tiết thời Tiền Hán (Cổ bản nói là Kiến Võ Nguyên niên), hoặc nói là Kiến Nguyên năm thứ ba đều là sai lầm). Ngày mồng một tháng ba, tổ của sáu bộ dẫn con, em tập hội bên bờ sông Yên cùng nghị bàn rằng: "Trên chúng ta chưa có một vị vua làm chủ lãnh đạo cai trị, giúp đỡ nhân dân, khiến nhân dân buông lung, chạy theo những ham muốn, cần phải tìm người có đức làm bậc quân chủ, dựng nước, lập đô." Bấy giờ họ trèo lên cao nhìn về hướng Nam, thấy ở một bên La tỉnh dưới núi Dương có một luồng khí lạ như ánh chớp chiếu xuống mặt đất, có hình dạng con ngựa trắng đang quỳ lạy; mọi người bèn kéo nhau đến tìm thì được một cái trứng màu tía (hoặc nói một trứng lớn màu xanh),

ngựa thấy người đến liền hý dài thấu đến trời cao. Mọi người đập vỡ trứng, thấy trong đó có một đồng tử hình nghi đoan chánh xinh đẹp, thì rất kinh nghi. Đồng tử xuống tắm tại suối Đông (chùa Đông Tuyền ở phía Bắc Từ Não Dã) xong, thân thể phát ánh sáng rực rỡ, chim thú đến múa hót, trời đất chấn động, nhật nguyệt trong sáng, nhân đó mà đặt tên là Hách Cừ Thế vương.

(Đó là người ở làng nói vậy; hoặc gọi là Phất Củ Nội vương, tức sáng suốt trị quốc. Thuyết Giả ghi rằng: Đó là do Tây Thuật Thánh Mẫu sinh ra, nên người Trung Hoa tán thán rằng: "Tiên Đào Thánh mẫu mang thai bậc hiền tài lập quốc." Cho đến gà rồng hiện điềm lành, sinh Yên Anh. Vả lại đâu biết rằng chẳng phải do Tây Thuật Thánh mẫu hiện ra? Lên ngôi, lấy hiệu là Cư Sắt Hàm (hoặc gọi là Cư Tây Can. Lúc mới mở miệng, tự xưng là "Yên Trí Cư Tây Can vừa hưng khởi". Nhân lời này mà từ đó về sau lấy đó làm lời tôn xưng vua), mọi người tranh nhau đến chúc mừng và nói rằng: "Nay Thiên tử đã giáng trần, hãy tìm một người nữ có đức để vua cưới làm hoàng hậu. Ngày hôm ấy ở Yên Anh tỉnh (còn gọi là Nga Lợi Anh tỉnh) có một con Kê long hiện đến; bên hông trái sinh ra một đồng nữ (có thuyết nói Kê long hiện ra rồi chết, mọi người mổ bụng ra mới thấy một đồng nữ) dung nhan đẹp đẽ lạ thường, nhưng môi lại giống mỏ gà, đến khi tắm tại con sông phía Bắc Nguyệt thành thì cái mỏ gà ấy tự rơi rớt, nhân đó gọi con sông này là Bát Xuyên. Mọi người xây cung thất ở chân phía Tây Nam sơn phụng dưỡng hai Thánh nhi. Nam sinh ra từ trứng, trứng như trái bầu, mà người làng cho là quả phác, nên đặt họ Phác. Người nữ xuất sinh từ một bên giếng (tỉnh) Yên Anh, nên lấy đó làm tên cho cả hai. Đến năm mười ba tuổi, nhằm năm Giáp Tý, niên hiệu Ngũ Phượng thứ năm, người nam được lập làm vua, người nữ được lập làm hoàng hậu, đặt quốc hiệu là Từ La Phiệt, Từ Phiệt (nay tục gọi chữ kinh là Từ Phiệt là do cố sự này), hoặc gọi là Tư La, Tư Lô. Vì vua sinh ra ở Kê tỉnh; hoặc gọi là Kê Lâm quốc; vì có Kê long hiện thụy mà lấy tên nước như thế. Có thuyết cho rằng vào thời Thoát Giải vương, tìm được Kim Yên Tri, mà gà (kê) gáy trong rừng (lâm) mới đổi quốc hiệu là Kê Lâm, đời sau mới định quốc hiệu là Tân La. Vua tại vị sáu mươi mốt năm, sau khi vua về trời bảy ngày thì thân thể rơi rớt trên đất, hoàng hậu cũng qua đời theo; người trong nước muốn hợp táng, nhưng có một con rắn lớn ngăn cản nên mỗi mỗi được chia làm năm phần táng tại năm lăng gọi là Xà lăng, tức là các lăng ở phía Bắc chùa Đàm Nghiêm. Thái tử là Nam Giải vương lên kế vị.

***Đời thứ Nam Giải vương:***

Tên là Nam Giải Cư Tây Can cũng gọi là Thứ Thứ Hùng, là danh xưng của bậc tôn trưởng, chỉ có vị vua này gọi thế mà thôi; cha của vương là Hách Cư Thế, mẹ là Yên Anh phu nhân, phi là Vân Đế phu nhân (còn gọi là Vân Thê, nay ở phía Tây huyện Nghinh Nhật có thánh mẫu núi Vân Thê, cầu mưa có ứng nghiệm). Vua lên ngôi năm Giáp Tý, niên hiệu Nguyên Thỉ thứ tư đời vua Bình Đế thời tiền Hán, tại vị hai mươi mốt năm, băng hà vào năm Giáp Thân, niên hiệu Địa Hoàng thứ tư. Vua này là em của Tam Hoàng. Theo Tam quốc sử: Tân La xưng vương thì gọi là Cư Thế Can, Thần Hàn thì gọi là vương, hoặc tôn xưng quý nhân, hoặc gọi là Thứ Thứ Hùng, hoặc gọi là Từ Duẫn. Kim Đại Vấn ghi: Thứ Thứ Hùng theo phương ngôn nghĩa là Vu (đồng cốt), người đời dùng đồng cốt để phụng sự quỷ thần, tôn sùng tế tự, cho nên sợ và cung kính việc ấy, do đó gọi bậc tôn trưởng là Từ Duẫn. Hoặc gọi là ni sư Kim, phương ngôn nghĩa là Xỉ lý (tính số răng để định người có đức). Khi Nam Giải vương băng hà, con là Nổ Lễ vương nhường ngôi cho Thoát Giải, Thoát Giải nói rằng: “Tôi nghe nói rằng bậc Thánh trí thì nhiều răng”, bèn cắn bánh để thử, xưa truyền như thế. Hoặc gọi vua là Ma Lập Can (lập hoặc gọi là Tụ), Kim Đại Vấn ghi: “Ma Lập, phương ngôn là quyết (cây cọc, cái que), cây que căn cứ theo thứ bậc mà cắn, thì que của vua là đầu tiên, que của các quan đặt phía dưới, nhân đó mà lập tên.”

***Sử luận ghi:*** Tân La, vua gọi là Cư Tây Can, Thứ Thứ Hùng là một vị, xưng Ni Sư Kim là mười sáu người, xưng Ma Lập Can là bốn người. Vào cuối triều đại Tân La, danh Nho Thôi Trí Viễn đặt ra lịch niên đại các đế vương, từ đó thì gọi là vua nào, chứ không gọi là Cư Thế Can... Đâu thể cho rằng lời ấy thô lậu không đủ để tôn xưng? Nay ghi lại các việc của Tân La thì cũng nên giữ lại các phương ngôn vậy.

Tân La, người được truy phong gọi là Cát Văn vương, chưa rõ vì sao. Vào đời vua này quân Nhạc Lương đến đánh Kim thành, nhưng không thắng phải trở về. Vào năm Mậu Dần, niên hiệu Thiên Phượng thứ năm, bảy nước nhỏ thuộc Cao Ly đến hàng.

***Đời thứ ba Nỗ Lễ vương:***

Tên là Phác Nỗ Lễ Ni Sất Kim (còn gọi là Nho Lễ vương). Lúc đầu vương nhường ngôi cho em rễ là Thoát Giải. Thoát Giải nói rằng: Người có đức thì nhiều răng, nên tính số răng để định, do đó hai vị cùng cắn bánh để nghiệm biết. Cuối cùng vương nhiều răng hơn, nên làm

vua trước, nhân đó mà gọi là Ni Sất Kim. Danh từ Ni Sất Kim bắt đầu từ đây. Năm Quý Mùi, niên hiệu Canh Thỉ nguyên niên, đời Lưu Thánh Công, vương lên ngôi (trong niên biểu ghi tức vị năm Giáp Thân); thay đổi tên của sáu bộ ban đặt sáu họ; soạn Đâu-suất ca, có thán từ và từ mở đầu; chế ra lưỡi cày, tạng băng khố, xe cộ. Năm Kiến Võ thứ mười chín, diệt nước Y Tây, cũng năm này Cao Ly đem quân xâm chiếm.

***Đời thứ tư Thoát Giải vương:***

Tên là Thoát Giải Xỉ Sất Kim (còn gọi là Thổ Giải Ni Sư Kim). Vào thời Nam Giải vương, (Bản xưa ghi: Năm Nhâm Dần đến... là sai lầm. Vì gần thì sau khi Nỗ Lễ vương lên ngôi, không có việc nhường ngôi vị. Trước thì thuộc thời Hách Cư Thế, cho nên biết nói Nhâm Dần là không đúng), có một chiếc thuyền cập vào nước Giá Lạc ở ngoài biển, bấy giờ vua nước ấy là Thủ Lộ vương và nhân dân vui mừng đón tiếp nồng nhiệt, muốn lưu lại, nhưng thuyền lại bay đến phía Đông Kê lâm hạ xuống bến A Trân ở Tây Tri thôn. Lúc ấy gần bên bến A Trân có một cụ già tên là A Trân Nghĩa Tiên là mẹ của Hải Xích Thời Hách Cư vương nói rằng: Trong biển không có núi đá, vì sao chim thước lại tụ tập kêu vang như thế, bèn theo thuyền mà tìm kiếm, thấy chim thước lại tụ tập bên trên một chiếc thuyền, trong thuyền này có một cái hòm dài hai mươi thước, rộng mười ba thước, bà bèn kéo thuyền này buộc vào gốc cây, "Ôi! Chưa biết lành hay dữ?" bà ngữa mặt lên trời mà kêu như thế. Bỗng chốc chiếc hòm này mở ra, bên trong có một nam tử diện mạo đoan chánh và nô tỳ cùng bảy báu chất đầy trong đó. Sau bảy ngày cung cấp, người nam bèn nói rằng: "Ta là người nước Long thành (cũng gọi là nước Chánh Minh, Hoàn Hạ, hoặc Hoa Hạ; nước này nằm cách Nhật Bản một ngàn dặm về phía Đông bắc). Nước ta có hai mươi Long vương từ thai người mà sinh ra, lúc năm tuổi, sáu tuổi thì lần lượt làm vua, dạy dỗ nhân dân tu tập chánh mạng. Lại có tám bậc Tánh cốt, nhưng không chọn lựa, tất cả đều lên ngôi vị. Đến đời phụ vương ta là Hàm Đạt Bà cưới con gái của Tích Nữ quốc vương làm phi; nhưng đã lâu mà chưa có con kế nghiệp, bèn cầu khẩn; bảy năm sau vương phi sinh ra một cái trứng lớn. Vua liền hội quần thần bàn rằng: Người mà sinh ra trứng là việc xưa nay chưa từng có, ắt chẳng phải là điềm lành. Do đó mới đóng một cái hòm đặt ta vào trong đó cùng với bảy báu và nô tỳ, bỏ xuống thuyền, thả nổi trôi trên biển, chúc rằng: Tùy vùng đất có duyên đến được mà lập quốc, thành gia. Sau đó có rồng đỏ bảo vệ thuyền, đưa ta đến đây." Nói xong người nam cầm trượng dẫn theo hai nô tỳ lên Thổ

hàm sơn lập một hang đá, lưu lại bảy ngày, nhìn vùng đất có thể lập nghiệp trong thành, thấy một ngọn núi như ba mặt trời, mặt trăng, địa thế có thể trụ lâu dài, bèn xuống quan sát, đó là đất của Biều Công. Người nam bèn lập một ngụy kế, lén chôn than quặng vào khu đất này. Sáng sớm hôm sau người nam đến nhà Biều Công nói rằng: “Đây là nhà của tổ tiên ta!” Công không chịu, hai bên tranh cãi qua lại không giải quyết được, bèn dẫn đến quan phân xử. Quan nói: “Lấy gì để làm chứng cứ đây là nhà của ngươi?” Người nam nói rằng: “Tôi vốn là một người thợ đúc, vừa mới qua làng bên cạnh, mà người này đến chiếm, xin đào đất lên để nghiệm xét!” Khi đào lên quả thật có than, quặng, bèn chiếm lấy mà ở. Bấy giờ Nam Giải vương biết Thoát Giải là người trí bèn gả Trương công chúa cho, tức là A-ni phu nhân.

Một hôm Thổ Giải lên Đông nhạc, vì đường xa nên khát bèn sai Bạch Y tìm nước; Bạch Y đi lấy nước, về giữa đường bèn nếm trước mới dâng, tự nhiên góc bát dính chặc vào miệng không thể bứt ra được, do đó mà phun nước ra mà thề rằng: “Từ nay về sau, dù gần hay xa cũng đều chẳng dám uống trước.” Lúc ấy bát nước rời khỏi miệng. Từ đó Bạch Y mới kính phục, chẳng còn dám xem thường. Nay ở Đông nhạc có một cái giếng tục gọi là Dao Nãi tỉnh chính là việc này. Đến khi Nỗ vương băng hà, vào tháng sáu năm Đinh Tỵ, niên hiệu Trung Nguyên thứ hai đời Quang Vũ Đế, vương lên ngôi. Vì khi xưa (Tích) nhà ta là lấy nhà của người, nên lấy họ Tích; hoặc cho rằng nhờ chim thước ( ) mở hòm, nên bỏ chữ điểu ( ) còn lại chữ tích ( ) lấy làm họ. Mở (giải) hòm, “thoát” ra khỏi vỏ trứng mà sinh, nên lấy tên là Giải Thoát; tại vị hai mươi ba năm, vào năm Kỷ Mão, niên hiệu Kiến Sơ thứ tư thì băng hà. Đầu tiên an táng Sơ Xuyên khâu, sau thành thần ban chiếu: “Nên cẩn thận mai táng hài cốt của ta.” Nên mọi người khai quật thì thấy đầu lâu có chu vi ba thước hai tấc, xương thân hình dài chín thước bảy tấc, răng kết lại thành một, các đốt xương liên kết nhau, đúng là một bộ xương của một lực sĩ vô địch trong thiên hạ; bèn nghiền nát ra để tạo thành tượng tôn thờ trong cung. Vua lại báo mộng: “Hài cốt của ta đặt tại Đông nhạc”; nên mọi người cải táng nơi đó.

(Có thuyết cho rằng, sau khi vua băng hà, mãi đến đời thứ hai mươi bảy là Văn Võ vương, vào ngày Tân Dậu mười lăm tháng ba năm Canh Thìn, niên hiệu Điều Lộ thứ hai, ban đêm vua nằm mộng thấy ở Thái miếu có một ông già tướng mạo rất uy mãnh nói rằng: “Ta là Thoát Giải, hãy đem hài cốt của ta ở Sơ Xuyên khâu về làm thành tượng, thờ ở Thể Hàm sơn.” Vua nghe theo lời này. Cho nên đến nay vẫn tế tự không dứt,

đó là Đông Nhạc thần.

***Kim Yên Trí đời Thoát Giải vương:***

Ngày mồng bốn tháng tám năm Canh Thân, niên hiện Vĩnh Bình thứ ba (có nơi ghi là Trung Nguyên năm thứ sáu là sai lầm. Vì niên hiệu Trung Nguyên chỉ có hai năm mà thôi), ban đêm Biều Công đi đến ngôi làng phía Tây của Nguyệt thành, thấy một vầng ánh sáng lớn trong Thỷ lâm (còn gọi là Cửu lâm), có đám mây tía từ trên không trung bay xuống đất, trong đám mây có một cái hòm màu vàng ròng, treo trên cành cây, ánh sáng từ hòm phát ra, cũng có gà gáy nơi gốc cây. Mọi người tâu lên vua, vua liền đến, sai người mở hòm ra thấy một đồng nam đang nằm bỗng ngồi dậy, giống như sự việc của Hách Cư Thế khi xưa, nhân lời nói của đứa bé mà đặt tên là Yên Trí. Yên Tri, phương ngôn là từ gọi trẻ con. Vua lại sai người bồng về cung, chim thú liền theo sau, vui mừng nhảy nhót. Vua bèn chọn ngày tốt lập làm Thái tử, sau nhường cho Ta-bà, không lên ngôi. Vì từ hòm bằng vàng mà sinh ra nên lấy họ Kim. Yên Tri sinh Nhiệt Hán, Hán sinh A-Đô, Đô sinh Thủ Lưu, Lưu sinh Úc Bộ, Bộ sinh Câu Đạo (còn gọi là Cừu Đạo), Đạo sinh Vị Trâu, Trâu lên ngôi vua. Họ Kim ở Tân La khởi đầu từ Yên Trí.

***Diên Ô Lang - Tế Ô Nữ:***

Vào năm thứ tư đời A-đạt-la vương, nhằm năm Đinh Dậu, ở bờ biển Đông có Diên Ô Lang và Tế Ô Nữ, vợ chồng sống chung với nhau, một hôm Diên Ô ra biển lấy rong, bỗng nhiên có một tảng nham thạch (có thuyết nói là một con cá) mang đến Nhật Bản. Người Nhật thấy được cho rằng chẳng phải là người thường, bèn lập làm vua (theo Nhật Bản Đế Kỷ thì trước sau không có người Tân La đến làm vua. Có lẽ đây là một Tiểu vương ở vùng biên địa, chẳng phải là vua chánh). Tế Ô sợ chồng không về nên đi tìm, thấy đôi giầy của chồng để lại, Tế Ô cũng leo lên tảng nham thạch ấy, thì cũng được đưa đến nơi trước kia. Người trong nước kinh ngạc, tâu với vua; bỗng nhiên vợ chồng sum họp, Tế Ô được lập làm quý phi. Bấy giờ ở Tân La, mặt trời mặt trăng không phát ánh sáng, quan thiên văn tâu rằng: “Tinh của trời, trăng giáng xuống nước ta, nay đã đi đến Nhật Bản rồi, nên mới có điềm quái dị này!” Vua liền sai sứ cầu hai người trở về. Diên Ô nói: “Ta đến nước này là do trời sai bảo, nay đâu thể trở về!” Tuy thế phi của trẫm có dệt một tấm lụa rất mịn, dùng để tế trời thì có thể được. Vua bèn ban cho tấm lụa này, sứ giả trở về tâu bày rồi y theo lời mà tế trời, sau đó mặt trời mặt trăng

phát ánh sáng như xưa. Vua Tân La cất tấm lụa này vào ngự khố xem như một quốc bảo, gọi là quý phi khố. Nơi tế trời gọi là Nghinh Nhật huyện. Dời đô về Kỳ Dã.

***Vị Trâu vương - Trúc Diệp quân:***

Đời vua thứ mười ba là Vị Trâu Ni Sất Kim (còn gọi là Vị Tổ, Vị Triệu), vua là cháu bảy đời của Kim Yên Trí, là người tài giỏi mà có Thánh Đức, được Lý Giải vương truyền ngôi (nay tục gọi lăng của vua là Thỉ Tổ Đường, bởi vì họ Kim lần đầu tiên làm vua, cho nên các vua họ Kim đời sau đến tận Vị Trâu là Thỉ Tổ, thật đúng vậy), vương tại vị hai mươi ba năm thì băng hà, an táng tại lăng phía Đông chùa Hưng luân). Đến đời vua thứ mười bốn là Nhi Lý vương, quân Y Tây đánh phá Kim thành, quân ta dốc toàn lực phòng ngự, lâu ngày mà chẳng thể đẩy lui được. Bỗng có một đội quân lạ, binh lính đều có giắt lá trúc bên tai đến hỗ trợ quân ta đánh phá được quân giặc. Khi lui quân thì không biết đội quân kia về đâu, chỉ thấy lá trúc tụ ở trước lăng Vị Trâu vương, thì mới biết Tiên vương âm thầm giúp sức. Nhân đó gọi là Trúc Hiện lăng.

Đến đời thứ ba mươi bảy là Tuệ Cung vương, vào tháng tư năm Kỷ Mùi, niên hiệu Đại Lịch thứ mười bốn, bỗng nhiên có một cơn trốt từ lăng mộ Dữu Tín Công phát khởi, trong gió có một người oai vệ như tướng quân, cưỡi tuấn mã, lại có hơn bốn mươi người đầy đủ giáp trụ binh khí đi theo vào trong lăng Trúc Hiện, bỗng chốc trong lăng có âm thanh như tiếng khóc chấn động vang ra, hoặc như tiếng tỏ bày. Tiếng nói phát ra rằng: Bình sinh thần có công giúp vua, cứu nạn, khuông phò xã tắc, nay lại làm hồn phách cứu giúp quốc gia, tấm lòng trừ tai, cứu hoạn không một mảy may thay đổi. Nhưng trước kia vào năm Canh tuất, con cháu của thần vô tội mà bị tru lục, vua tôi chẳng nghĩ đến công lao của thần, nên thần muốn đến nơi khác, chẳng còn phải lao nhọc khổ nữa, xin vương cho phép!" Vương đáp rằng: "Chỉ có ta và ông, nếu chẳng giúp đỡ nước này, thì thứ dân làm sao đây?"

Công lại ra sức cầu xin, ba lần thì ba lần chẳng chấp nhận. Cuối cùng cơn trốt trở về nơi cũ.

Vua nghe thế lấy làm kinh sợ, bèn sai quan bộ công là Kim Kính Tín đến lăng Kim Công tạ lỗi, lại lập ba mươi mẫu công đức ở chùa Linh Thứu để cầu minh phước. Tức chùa do Kim Công lập ra để tạo phước đức, sau khi thảo phạt Bình Nhưỡng.

Nếu chẳng có sự hiển linh của Vị Trâu vương, thì không có sự

phẩn nộ của Cát Văn Công. Công lao hộ quốc của vương rất lớn. Vì thế người trong nước ghi nhớ mãi đức của vương, đồng tế tự với Tam Sơn mà chẳng kém, vượt trên cả Ngũ lăng mà gọi là Đại miếu.

***Nại Vật vương:*** (còn gọi là Na Mật vương)

Kim Đê Thượng.

Năm Canh Dần, nhằm năm thứ ba mươi sáu đời thứ mười bảy Na Mật vương, vua Nhật Bản sai sứ thần đến hiến tâu rằng:

"Quả quân (vua tự xưng) nghe Đại vương thần thánh, nên mới sai sứ thần đến báo tội của Bách Tế với Đại vương, xin Đại vương cho một vương tử sang để biểu thị thành tâm đối với quả quân!"

Vương bèn sai vương tử thứ ba là Mỹ Hải (còn gọi là Vị Sất Hỉ) đi sứ sang Nhật. Mỹ Hải mới mười tuổi, tất cả lời nói, cử chỉ chưa đầy đủ, nên vua sai nội thần là Phác Ta Lãm làm phó sứ điều khiển. Vua Nhật giữ lại ba mươi năm chẳng cho về, mãi đến năm Kỷ mùi đời Nột Kỳ vương năm thứ ba, Trường Thọ vương vua Cao Ly sai sứ đến triều tâu rằng:

"Quả quân nghe em của Đại vương là Bảo Hải thông minh tài giỏi muốn kết thân, nên đặc biệt khiến tiểu thần đến khẩn cầu."

Vua nghe thế cho là may mắn, nhân đó mà kết tình giao hảo. Nên sai em là Bảo Hải cùng với nội thần là Kim Chánh Yết phụ tá sang Cao Ly. Trường Thọ vương cũng giữ lại không cho về. Đến năm thứ mười Ất mùi, vua triệu tập quần thần và hào kiệt trong nước về triều ban ngự yến, sau ba lần dâng rượu, mọi người mới vừa vui vẻ, thì vua bỗng nhiên rơi lệ nói với quần thần rằng: "Khi xưa Tiên vương vì thành tâm lo cho dân, nên mới sai con yêu quý của mình sang làm tin ở Nhật Bản, đến lúc băng hà mà chẳng thấy mặt. Đến đời trẫm lên ngôi, lân bang binh rất hùng mạnh, chiến tranh liên miên; Cao Cú Ly chỉ có một lời kết thân, trẫm tin lời này mà cho người em thân thiết sang làm tin. Cao Cú Ly cũng chẳng cho về. Trẫm tuy sống trong phú quý mà chưa từng có một ngày tạm quên, chẳng khóc. Nếu được thấy hai em, cùng tạ tội trước miếu Tiên vương thì mới báo được ân với nhân dân trong nước! Ai có thể hoàn thành được kế sách này?"

Bấy giờ trăm quan đều tâu là việc này rất khó, ắt phải có người đầy đủ trí dũng mới làm được. Chúng thần cho rằng chỉ có thái thú Siêm La quận là Đê Thượng mới làm được. Vua bèn triệu đến hỏi, Đê Thượng lạy đáp rằng: "Thần từng nghe nói hễ chúa lo thì tôi nhục, chúa bị nhục thì bầy tôi chết. Nếu bàn đến khó dễ rồi mới làm thì gọi là bất

trung, tính chuyện sống chết rồi mới hành thì đó là vô dũng; thần tuy bất tài nhưng cũng phụng mệnh mà làm". Vua vô cùng vui mừng chia rượu mà uống, nắm tay tiễn biệt. Đê Thượng nhận mệnh vua, thẳng đường lên Bắc hải, thay đổi y phục vào Cao Ly, đến nơi ở của Bảo Hải định ngày trốn về. Đầu tiên định ngày mười lăm tháng năm khởi sự, đến cửa khẩu Cao thành mà đợi. Ngày hẹn sắp đến, Bảo Hải cáo bệnh, mấy ngày không vào chầu. Ban đêm lén đi đến bờ biển Cao thành. Vua biết được sai mấy mươi người đuổi theo, đến Cao Thành thì bắt kịp. Nhưng hằng ngày Bảo Hải thường thi ân cho mọi người, nên quân sĩ thương mến, lấy hết đầu tên sắt nhọn rồi mới bắn, vì thế trốn thoát được mà trở về. Vua đã gặp được Bảo Hải, thì lại càng nhớ đến Mỹ Hải, một buồn một vui lẫn lộn, rơi lệ mà nói với các quan rằng:

- Như thân mà có một tay, mặt có một mắt, tuy được một mà mất một, sao chẳng đau xót?

Đê Thượng nghe lời này, thì đến bái biệt, cưỡi ngựa đi thẳng không về nhà. Khi đến bến Lật Phố, người vợ nghe tin liền cưỡi xích mã đuổi theo, đến Lật Phố thì thấy chồng đã lên thuyền, người vợ khẩn thiết kêu gọi mà Đê Thượng chỉ vẫy tay chứ chẳng dừng. Đến Nhật Bản, Đê Thượng đến nói với vua rằng: Vua Kê Lâm vô cớ giết cha anh của tôi, nên tôi phải trốn sang đây!". Vua tin nên cấp cho nhà cửa sinh sống.

Đê Thượng bấy giờ thường cùng với Mỹ Hải ra bờ biển bắt cá bẩy chim đem về cho Nhật Vương. Vua rất vui mừng, không nghi ngờ gì. Đến một hôm trời giáng sương mù dày đặc, Đê Thượng nói: "Bây giờ là lúc nên đi!". Mỹ Hải nói: "Thế thì cùng đi!". Đê Thượng nói: "Nếu thần đi e rằng người Nhật biết đuổi theo. Thần nguyện ở lại ngăn cản sự truy đuổi của họ!". Mỹ Hải nói: "Nay ta và người như cha anh, làm sao có thể bỏ người ở đây mà trở về một mình!". Đê Thượng nói: "Thần có thể cứu được mạng của Ngài, làm yên được lòng của Đại vương, thì đâu cần phải sống nữa?"". Nói xong dâng rượu cho Mỹ Hải. Bấy giờ có người Kê lâm là Khang Cừu Lệ sống ở Nhật Bản cũng cùng trốn theo.

Đê Thượng vào phòng Mỹ Hải, đến sáng ra, mọi người muốn vào phòng để gặp, Đê Thượng bước ra ngăn rằng: "Hôm qua đuổi bắt chim cá nên bị bệnh nặng chưa dậy được, nằm mãi trời đã quá chiều rồi!". Mọi người lấy làm lạ bèn hỏi lại, Đê Thượng nói: "Mỹ Hải đã đi từ lâu rồi!". Quan quân bèn chạy đến tâu với vua, vua sai kỵ binh truy đuổi nhưng chẳng kịp, bèn bắt giam Đê Thượng và hỏi rằng:

- Tại sao ngươi lại lén thả con của vua nước ngươi?

- Thần là bầy tôi của Kê Lâm, chẳng phải là bầy tôi của Nhật

Bản, nay muốn hoàn thành chí nguyện của vua mình, thì đâu dám nói với bệ hạ!

Vua Nhật nổi giận nói rằng: Nay ngươi đã là bầy tôi của ta mà nói là bầy tôi của Kê Lâm, thì ắt sẽ bị đủ năm hình phạt, nếu ngươi nói là bầy tôi của Nhật thì sẽ được ban thưởng bổng lộc!

Đáp rằng: Thà làm heo chó của Kê Lâm, chứ không bao giờ nhận bổng lộc của Nhật Bản!

Vua nổi giận sai lóc da dưới gót chân Đê Thượng, rồi cắt cỏ liêm, cỏ tiết bắt Đê Thượng bước lên trên ấy, (ngày nay trên cỏ liêm, có tiết có vết máu, tục gọi là máu Đê Thượng), khi ấy lại hỏi rằng:

- Ngươi là bầy tôi nước nào?

- Là bầy tôi Kê Lâm!

Vua lại bắt đứng trên que sắt nhọn rồi cũng hỏi là bầy tôi nước nào, Đê Thượng vẫn đáp là làm tôi Kê Lâm.

Nhật Vương biết chẳng thể thuyết phục được, bèn sai người đốt chết trên Mộc đảo.

Mỹ Hải vượt biển trở về, sai Khang Cừu Ly báo trước với người trong nước. Vua nghe được vừa kinh ngạc vừa vui mừng, khiến bá quan ra Khuất Yết nghinh đón. Vua và em là Bảo Hải tiếp đón ở Nam giao, rồi vào cung mở đại yến, đại xá thiên hạ, phong vợ Đê Thượng làm quốc đại phu nhân, con gái làm Mỹ Hải Công phu nhân. Bàn rằng: Khi xưa tôi nhà Hán là Châu Hà bị quân Sở bắt tại Vinh Dương. Hạng Võ nói rằng: “Nếu ngươi làm bầy tôi của ta, thì sẽ được tước Vạn lộc Hầu!”. Châu Hà liền mắng chửi không chịu khuất phục, bị Hạng Võ giết. Sự trung liệt của Đê Thượng ở đây đâu khác gì Châu Hà.

Lúc Đê Thượng mới ra đi, phu nhân nghe tin đuổi theo nhưng không kịp, bèn đến bãi cát (sa) phía Nam chùa Vọng Đức nằm trên đó kêu gào mãi không dứt (trường), nên gọi bãi cát đó là Trường Sa. Hai người thân thuộc đến xốc nách đem về, nhưng bà ngồi duỗi chân không chịu đứng dậy nên gọi nơi đó là Phiệt Tri Chỉ. Thời gian lâu sau, phu nhân không ngăn được lòng nhớ thương, bèn dẫn ba người con gái lên ngọn Si Thuật hướng về Nhật Bản kêu khóc mà chết, làm Si Thuật Thần Mẫu, ngày nay đền thờ vẫn còn.

***Thật Thánh Vương:*** (đời thứ mười tám)

Vào năm Quý Sửu, niên hiệu Nghĩa Hi thứ chín, vua sợ Thái tử Nột Kỳ con của vua trước là người hiền đức, muốn hãm hại, bèn mời quân Cao Ly đến Đại Kiều thành ở Bình Nhưỡng châu (e rằng phía

Nam Bình nhưỡng nay là Dương châu) trá ngụy nghinh đón Nột Kỳ. Người Cao Ly thấy Nột Kỳ là người hiền nên trở giáo đâm chết vua, lập Nột Kỳ lên làm vua rồi ra đi.

***Xạ Cầm Hạp:***

Năm Mậu Dần tức năm thứ mười đời vua thứ hai mươi mốt là Tỳ Xử Vương (còn gọi là Chiêu Trí Vương), một hôm vua xuất cung đến Đình Thiên Tuyền, bấy giờ có một con chim và một con chuột đến kêu vang. Chuột nói tiếng người rằng: "Đi theo con chim này mà tìm!" (có thuyết cho rằng Thần Đức Vương muốn hành hương ở chùa Hưng Luân, giữa đường thấy một bầy chuột đều ngậm đuôi, vua lấy làm lạ trở về chiếm quẻ, sáng hôm sau theo con chim kêu đầu tiên mà tìm. Thuyết này chẳng đúng), vua bèn sai kỵ sĩ đuổi theo, đi về hướng Nam đến Tị thôn (nay là thôn Nhưỡng Tị Tự, tại chân núi phía Đông của Nam sơn), kỵ sĩ mãi xem hai con heo húc nhau nên mất dấu chim. Kỵ sĩ đang ngơ ngác bên đường, bỗng có một ông lão từ ao xuất hiện tay cầm một quyển sách, bên ngoài có đề câu: "Mở ra xem thì hai người chết, không mở ra xem thì một người chết", khiến dâng lên vua. Vua nói: "Để hai người chết, chẳng thà để một người chết!". Nhật quan tâu rằng: Hai người chết là dân, một người chết là vua!". Vua đồng ý mở ra xem thấy trong sách ghi: "Xạ cầm hạp" (bắn hộp đàn). Vua trở về cung thấy hộp đàn liền bắn. Số là vị Tăng hương đăng trong nội điện lại thông gian với cung chủ, hai người liền bị giết chết. Từ đó người trong nước cứ vào các ngày hợi, tý, ngọ thượng tuần tháng giêng thì kiêng kỵ, trăm việc đều chẳng dám làm. Đến ngày mười sáu là ngày kỵ chim, phải cúng tế cơm gạo..., đến nay tục lệ ấy vẫn còn lưu hành. Phương ngôn nói Đát đao, nghĩa là sầu bi mà cấm kỵ các việc. Vua đặt ao nước tên là Thủ Xuất Trì.

***Tri Triết Lão Vương:***

Đời vua thứ hai mươi hai là Tri Triết Lão Vương, họ Kim tên là Trí Đại Lộ, Trí Độ Lộ, thụy là Trí Trừng, thụy hiệu bắt đầu có từ đây. Người làng gọi vua là Ma Lạp Can cũng bắt đầu từ đây. Vua lên ngôi năm Canh Thìn niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ hai (hoặc nói là năm Tân Tỵ tức thứ ba). Âm tàng của vua dài một thước năm tấc, khó tìm người phối ngẫu. Vua sai sứ đi khắp ba đạo tìm cầu. Khi đến Mâu Lương bộ, thấy dưới cây Đông Lão hai con chó tranh nhau ăn một đống phân lớn như cái trống. Sứ hỏi người trong làng, có một bé gái trả lời rằng: "Con

gái của Tướng công ở Bộ này tắm rửa tại Ẩn Lâm đã để lại như thế!". Sứ giả liền tìm đến nhà để kiểm nghiệm, thì thấy cô gái cao bảy thước năm tấc. Sứ bèn dâng tấu văn về triều trình bày đầy đủ, vua bèn khiến xe ngựa đến rước về cung phong làm hoàng hậu, quần thần đều chúc mừng.

Đông Hải thuộc châu A Sắt La (nay là Minh châu) đi hai ngày đường biển thì gặp đảo Vu Lãng (còn gọi là Vũ lăng) chu vi hai mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi bộ. Dân trên đảo cậy có biển sâu, nên kiêu ngạo không thần phục, vua sai tướng Y Tự Phác Y Tông đem binh thảo phạt. Y Tông tạo tượng Sư tử đặt trên chiến hạm để thị uy, nếu chẳng hàng thì thả thú ra đánh phá. Dân trên đảo sợ hãi xin hàng. Vua phong Y Tông làm Châu Bá.

***Chân Hưng Vương:***

Đời thứ hai mươi bốn là Chân Hưng Vương lên ngôi năm mười lăm tuổi, có Thái hậu nhiếp chính. Thái hậu là con gái của Pháp Hưng Vương, được lập làm phi của Tông Cát Văn Vương. Vào cuối đời bà cạo tóc đắp pháp y mà qua đời. Tháng chín niên hiệu Thừa Thánh, quân Bách Tế xâm chiếm Trân thành, bắt ba mươi chín ngàn nam nữ, tám ngàn con ngựa mà về. Trước đó Bách Tế muốn cùng Tân La hợp binh đánh Cao Ly, Chân Hưng Vương nói: Sự hưng vong của một quốc gia là do trời, nếu trời chưa bỏ Cao Ly thì ta đâu dám vọng động?". Lời này đến tai người Cao Ly, người Cao Ly cảm ơn lời này mà giao hảo với Tân La. Còn Bách Tế thì oán, cho nên nay đến đánh phá.

***Đào Hoa Nữ. Tị Kinh Lang:***

Đời vua thứ hai mươi lăm là Xá Luân Vương, thụy là Chân Trí Đại Vương, họ Kim, phi tên là Trị Đao phu nhân, con gái của Khởi Ô Công, lên ngôi năm Bính Thân, niên hiệu Đại Kiến thứ 8 (bản xưa ghi năm Kỷ Hợi, Đại Kiến mười một là lầm), tại vị bốn năm, vì hoang dâm, trị chánh rối loạn nên người trong nước truất phế. Trước đó, ở Sa Lương Bộ có một người con gái dung nhan kiều diễm, người thường gọi là Đào Hoa Nương, vua nghe được, triệu về cung, muốn gần gũi. Đào Hoa tâu: Điều mà người đàn bà giữ gìn là không thờ hai chồng. Người con gái đã có chồng, theo về với chồng rồi, dù có uy của quân vương rốt cuộc cũng chẳng thể đoạt!". Vua lại hỏi rằng: "Nếu giết chết thì sao?". Đào Hoa đáp: "Thà bị chém chết ngoài chợ, chứ nguyện không xa lìa chồng mình!". Vua vui vẻ hỏi rằng: "Vậy không có chồng thì có thể chứ?".

Đào Hoa đáp: "Có thể!".

Vua tha cho trở về. Cũng năm ấy vua bị phế mà qua đời. Hai năm sau chồng của Đào Hoa cũng chết. Vừa giáp tuần, bỗng nhiên một đêm vua như người lúc xưa đến phòng Đào Hoa nói rằng: "Khi xưa nàng có hứa, nay không có chồng, vậy có thể chăng?"

Đào Hoa chẳng dám vội nhận, đến bày tỏ với cha mẹ. Cha mẹ nàng nói rằng: "Lời dạy của vua đâu thể trốn tránh được?" Vì thế cùng với người nữ vào phòng, ở lại bảy ngày, thường có mây năm sắc phủ trên nhà, mùi hương xông đầy thất. Sau đó thì không thấy tung tích gì nữa. Đào Hoa Nương nhân vậy mà có thai, sắp đến kỳ sinh trời đất chấn động, một bé trai ra đời, đặt tên là Tỵ Kinh. Chân Bình Đại Vương nghe việc kỳ lạ, bèn đem về cung nuôi dưỡng. Năm lên mười lăm tuổi trao cho làm chức Chấp Sự. Mỗi đêm Tỵ Kinh thường vượt thành đi xa. Vua sai năm mươi dũng sĩ theo giữ gìn, thấy thường bay qua Nguyệt Thành đến bờ sông Hoang ở phía Tây (phía Tây Kinh thành). Các dũng sĩ nấp trong rừng nhìn thấy Tỵ Kinh thống lãnh quỉ chúng dạo chơi, khi nghe tiếng chuông chùa buổi sáng thì biến hết. Kinh Lang cũng trở về. Quân sĩ tâu sự việc lên vua. Vua triệu Kinh Lang đến hỏi rằng: Ngươi thường dẫn chúng quỉ đi chơi, có thật không?

Đáp rằng: Thật đúng vậy!

Vua hỏi: Vậy ngươi có thể khiến quỷ chúng làm một chiếc cầu bắc qua con lạch phía Bắc chùa Thần Nguyện chăng? (còn gọi là chùa Thần Chúng là sai. Có thuyết cho là con lạch sâu ở phía Đông sông Hoang). Kinh Lang phụng chỉ, sai quỷ chúng luyện đá tạo thành một cây cầu lớn chỉ trong một đêm, gọi là Quỷ kiều. Vua lại hỏi: Trong loài quỷ, vị nào có thể xuất hiện ở nhân gian, phụ giúp triều chánh được?"

Đáp: Có Cát Đạt làm được!

Vua bảo gọi đến. Hôm sau Kinh Lang và Cát Đạt cùng đến, vua ban làm chấp sự, thật trung thành chánh trực vô cùng. Bấy giờ Giác Can Lâm Tông không có con, nên phong Kinh Lang làm Thái tử. Lâm Tông sai Cát Lâm xây một lâu môn ở phía Nam chùa Hưng Luân, ban đêm thường đến đó ngủ nghỉ, nên gọi là Cát Đạt Môn. Một hôm Cát Đạt biến thành con chồn chạy trốn, Kinh Lang sai quỷ bắt giết. Vì thế quỷ chúng nghe danh Tỵ Kinh đều sợ hãi bỏ chạy. Người thời bấy giờ có làm bài Từ rằng:

*Hồn Thánh đế sinh con*
*Nhà đình Tỵ Kinh Lang*
*Bay đuổi các chúng quỷ*

*Nơi đây chẳng được dừng.*

Nhân gian dùng bài ca này để trừ quỷ.

***Trời ban đai ngọc:***

(Tháng năm, năm Đinh Dậu, niên hiệu Thanh Thái thứ tư, Chánh Thừa Kim Phó hiến tặng một đai thắt lưng bằng vàng kết ngọc dài, lớn, có sáu mươi hai khóa, tâu rằng: “Đây là đai do trời ban cho Chân Bình Vương! Thái Tổ nhận lấy, cất vào kho báu trong cung).

Đời thứ sáu mươi hai là Bạch Tịnh Vương, thụy hiệu là Chân Bình Đại Vương, họ Kim, lên ngôi vào tháng tám năm Kỷ Hợi niên hiệu Đại Kiến thứ mười một, thân cao mười một thước. Một hôm vua xa giá đến nội đế Thích cung (còn gọi là Thiên Trụ tự do vua sáng lập), vua bước lên bậc đá, ba bậc đá đều bị gãy. Vua bảo quần thần rằng: “Không được thay đổi các bậc đá này, lấy đây để chỉ cho hậu thế!”. Đây là một trong năm nơi trong thành có đá bị gãy không được thay (bất động thạch). Vào năm thứ nhất, có Thiên sứ giáng xuống điện nói với vua rằng: “Thượng Hoàng sai ta xuống đây truyền ban cho đai ngọc”. Vua quỳ lạy nhận lãnh. Sau đó sứ trở về trời. Phàm có tế tự lớn ở giao đàn hoặc Thái miếu đều có mang đai ngọc này. Sau vua Cao Ly muốn mưu đánh Tân La, quần thần tâu rằng: “Tân La có ba vật báu, nên không thể xâm phạm được: Một là tôn tượng Phật trượng sáu ở chùa Hoàng Long, hai là ngôi tháp chín tầng ở chùa này, ba là đai ngọc trời ban cho Chân Bình Vương”. Do đó ngăn chặn được mưu này.

Người đời có thơ khen rằng:

*Biên ngoại trời ban cho đai ngọc*
*Thắt với long bào thật uy nghi*
*Từ đó thân vua càng thêm nặng*
*Ngày mai phải dùng sắt làm thềm.*

***Thiện Đức Vương biết ba việc sắp xảy ra:***

Đời hai mươi bảy là Đức Mạn (còn gọi là Vạn), thụy là Thiện Đức Nữ Đại Vương, họ Kim, cha là Chân Bình Vương; lên ngôi năm Trinh Quán thứ sáu tức là năm Nhâm Thìn, tại vị mười sáu năm. Vương biết ba việc sắp xảy ra: Đầu tiên Đường Thái Tông gởi cho một bức vẽ hoa Mẫu đơn ba màu là đỏ, tía và trắng và ba thăng hạt. Vương nhìn bức họa liền nói: Hoa này nhất định không có hương”; nhưng vẫn bảo trồng trước sân. Đến lúc cây trổ hoa quả thật như thế. Hai, trong ao Ngọc Môn ở chùa Linh Miếu, loài ếch nhái tụ tập lại kêu suốt ba, bốn ngày, người

trong nước lo sợ hỏi Vương. Vương liền sai Giác Can, Yên Xuyên, Bật Thốn... luyện tập hai ngàn binh, gấp đến Tây Giao tìm Nữ Căn Cốc, có giặc, thì phục binh đánh úp. Hai vị Giác Can, mỗi người lãnh một ngàn binh đến Tây Giao hỏi thăm, quả nhiên dưới Phú Sơn có Nữ Căn Cốc, năm trăm quân Bách Tế đã ẩn núp ở đây, cả hai đồng đến bắt giết hết. Tướng quân của Bách Tế là Vu Chiêu nấp tại Lĩnh Thạch ở Nam sơn, bị bao vây bắn chết. Lại có hậu quân của Bách Tế một ngàn hai trăm người cũng bị giết, không ai trốn thoát. Ba, vua không lo buồn khi nói với quần thần rằng: "Vào ngày đó, tháng đó, năm đó ta sẽ qua đời, an táng ở trong Đao-lợi thiên!" Quần thần không biết nơi nào bèn hỏi rằng: "Đó là nơi nào?" Đáp: Phía Nam Lang sơn.

Đến ngày tháng ấy quả nhiên vương băng hà. Quần thần an táng ở phía Nam Lang sơn. Hơn mười năm sau, Văn Võ Đại Vương xây chùa Tứ Thiên Vương phía dưới lăng của Thiện Đức Nữ Vương. Kinh Phật nói: "Trên Tứ Thiên Vương, có Đao-lợi thiên!" mới biết được linh trí của Bà.

Đương thời quần thần hỏi vương rằng: "Làm sao biết hai việc hoa và ếch?" Vương đáp: "Vẽ hoa mà không có bướm thì biết hoa chẳng có hương. Đó là vua Đường khi quả nhân không có chồng. Ếch hiện dáng giận dữ là tượng của binh sĩ. Ngọc môn tức là nữ căn, nữ thuộc âm, màu trắng, thì ứng với hướng Tây, nên biết binh phục tại phía Tây. Nam căn nhập nữ căn thì ắt chết. Vì thế biết để đánh bắt được."

Bấy giờ quần thần mới khâm phục Thánh trí của Bà. Người tặng hoa ba màu đã biết Tân La có ba nữ vương như thế chăng? Đó chính là Thiên Đức, Chân Đức và Thánh Đức vậy. Vua Đường đã có được lời huyền giải. Việc Thiện Đức sáng lập chùa Linh Miếu có ghi đầy đủ trong Lương Chí Sư Truyện. Biệt Ký ghi: Đời vua này, đã luyện đá xây Chiêm Tinh đài.

***Chân Đức Vương:***

Đời hai mươi tám là Chân Đức Nữ Vương, sau khi lên ngôi đã tự soạn Thái Bình Ca, dệt gấm có đường vân, rồi sai sứ dâng tặng vua Đường.

(Có bản cho rằng vương sai Xuân Thu Công đi sứ xin binh. Vua Thái Tông chuẩn y cho Tô Đình Phương... đây là lời sai lầm. Trước năm Hiện Khánh, Xuân Thu Công đã lên ngôi; năm Canh Thân niên hiệu Hiện Khánh không phải là đời Thái Tông mà là đời Cao Tông. Định Phương đến là vào năm Canh Thân niên hiệu Hiển Khánh. Nên biết dệt

gấm có vân hiến dâng chẳng phải lúc xin binh mà là đời Chân Đức là đúng. Bởi vì đây là lúc xin tha Kim Khâm).

Vua Đường vui mừng ban thưởng và cải phong là Kê Lâm Quốc Vương. Bài văn ghi:

*Đại Đường khai nghiệp lớn*
*Vòi vọi sáng đạo trời*
*Uy võ dứt can qua*
*Văn chương hợp trăm vương*
*Khắp trời ban mưa móc,*
*Phép trị thật rõ ràng.*
*Lòng nhân hòa nhật nguyệt*
*Thuận thời gặp Đường Ngu*
*Nào cờ xí rợp trời*
*Nào trống chiêng dậy đất*
*Man di không tuân mệnh*
*Tên đạn phủ đất trời*
*Thuần phong lặng, tối tăm*
*Xa gần đều an lành*
*Tứ thời soi đuốc ngọc*
*Thất diệu chuyển vạn phương*
*Tứ nhạc làm Tể tướng*
*Thánh đế dụng trung lương*
*Năm, ba thành một đức*
*Sáng mãi đường triều ta.*

Vào triều đại của vương có Yên Xuyên Công, Lâm Tông Công, Thuật Tông Công, Võ Lâm Công (cha của Từ Tạng), Khương Trường Công và Dửu Tín Công; sáu vị này cùng tụ hội về Vu Tri Nham ở Nam sơn luận bàn việc nước. Bỗng có một con hổ lớn chạy vào, các Công đều kinh hãi đứng dậy, nhưng Yên Xuyên Công vẫn làm ngơ không động, nói cười như không có việc gì xảy ra, tay nắm đuôi quật hổ xuống đất chết ngay. Sức mạnh của Yên Xuyên Công như thế, là bậc nhất trong hội này. Nhưng mọi người đều kính phục oai của Dửu Tín Công. Tân La có bốn linh địa, khi sắp có việc lớn, các Đại Thần về đây họp bàn thì việc lớn ắt sẽ thành công. Đó là:

1. Thanh Tòng Sơn ở phía Đông.
2. Vu Tri Sơn ở phía Nam.
3. Bì Điều ở phía Tây.
4. Kim Cang Sơn ở phía Bắc.

Đời vua này mới định lễ tết nguyên đán; mới lập chức Thị lang.

***Kim Dửu Tín:***

Là con của Hổ Lực Y Can, tên Thủ Huyền Giác Can. Trưởng tử của họ Kim gọi là Dửu Tín, em gọi là Khâm Độn, chị là Bảo Cơ, lúc nhỏ tên là A Hải, em gái là Văn Cơ, lúc nhỏ tên là A Chi. Dửu Tín Công sinh vào năm Ất Sửu, đời Chân Bình Vương năm mười bảy. Ông bẩm thọ cái tinh của Thất Diệu, nên trên lưng có hiện các vân Thất Diệu. Ông có rất nhiều điều thần dị. Năm mười tám tuổi, tức năm Nhâm Thân, ông luyện kiếm đạt được yếu thuật, được phong làm Quốc Tiên. Bấy giờ có một người tên là Bạch Thạch chẳng biết từ đâu đến vào làm bộ hạ cho Công đã nhiều năm, Công thường đem việc chinh phạt Cao Ly, Bách Tế ra bàn luận với Bạch Thạch. Bạch Thạch biết mưu tính của Công nên thưa rằng:

- Thuộc hạ xin ngài hãy do thám hai nước ấy trước, rồi sau hãy định liệu như thế nào!

Công vui mừng, đêm đến cùng với Bạch Thạch ra đi, lúc nghỉ ngơi ở Hiện sơn, bỗng có hai người con gái đi theo Công; đến Cốt Hỏa Xuyên nghỉ đêm lại có một người con gái nữa đến nhập đoàn. Lúc Công và ba người con gái vui vẻ chuyện trò, thì một người trao cho Công một quả ngọt, Công nhận lấy và ăn, trong lòng thầm chấp nhận nhau, và bày tỏ tình ý. Người con gái nói rằng:

- Lời của ngài nói, đây xin vâng theo! Xin ngài hãy rời Bạch Thạch, cùng nhau vào rừng để thiếp tỏ bày tình thật! Công bèn để Bạch Thạch lại, cùng với các người con gái vào rừng; các người con gái bỗng hiện thành các vị thần và nói rằng: “Chúng tôi là ba vị thần hộ quốc Nại Lâm, Huyệt Thể và Cốt Hỏa, nay người của nước địch dụ dẫn Công mà Công chẳng biết lại cùng đi. Chúng ta muốn giữ Công lại nên đã cùng đến đây!”. Nói xong liền biến mất.

Công nghe xong kinh hãi, lạy tạ mà trở ra. Đêm ấy tá túc tại Cốt Hỏa Quán, Dửu Công nói với Bạch Thạch rằng: “Đi đến nước khác mà quên giấy tờ quan trọng, chúng ta cần phải trở về nhà để lấy!”. Đến nhà, Công liền bắt trói Bạch Thạch tra hỏi sự tình. Bạch Thạch khai rằng:

Tôi là người Cao Ly (cổ bản ghi người Bách Tế là sai. Vì Thu Nam là quan viên Cao Ly. Hơn nữa việc nghịch hành đạo âm dương là chuyện xảy ra vào thời Bảo Tạng Vương), quần thần nước tôi nói Dửu Tín nước Tân La chính là Thu Nam, một quan Bói toán ở nước tôi (bản

xưa ghi Xuân Nam là sai). Lúc ấy trong nước có một con sông chảy ngược (hoặc gọi là việc thư hùng phản phúc), vua sai Thu Nam bốc quẻ; xong tâu rằng: "Phu nhân của Đại vương nghịch hành đạo âm dương, nên hiện điềm như thế!".

Đại Vương lấy làm kinh sợ, còn Vương phi thì phẫn nộ, cho là lời yêu mị, nói với Vương rằng: "Nên dùng một việc khác để kiểm nghiệm ông ta, nếu nói sai sẽ bị trọng hình". Vua y lời sai người nhốt một con chuột trong hộp, rồi hỏi Thu Nam là vật gì? Tâu rằng: "Trong đó là con chuột, có tám mạng!". Mọi người cho là nói sai, bèn đem xử tội chết. Trước khi chết Thu Nam thề rằng: "Sau khi ta chết nguyện sẽ làm Đại Tướng diệt Cao Ly!". Vua bèn sai người chém đầu. Sau đó mổ chuột thấy trong đó có bảy con chuột con, bấy giờ mới biết lời ấy là đúng. Đêm ấy Đại Vương mộng thấy Thu Nam nhập vào thai Tư Huyền phu nhân ở Tân La, mới bảo quần thần rằng: "Thu Nam mang lòng thề nguyện mà chết, quả nhiên đúng vậy".

Do đó bèn sai tôi đến đây mưu tính.

Công bèn giết Bạch Thạch, sắp đặt thức ăn một trăm vị để cúng tế, ba thần đều hiện thân hưởng thọ.

Tông Tài Mại phu nhân họ Kim khi mất, an táng tại một cái cốc trên Thanh Uyên, do đó mà gọi là Tài Mại cốc. Hằng năm cứ đến mùa xuân thì trai gái của một dòng, thiết yến tại nam giản của cốc này. Bấy giờ cỏ cây tươi tốt, hoa tòng nở đầy động phủ, sau lập am nơi lâm cốc khẩu, đặt tên là Tòng Hoa Phòng. Sau truyền làm chùa Sắc Nguyện. Đến triều Cảnh Minh Vương, đời thứ năm mươi bốn, truy phong Dửu Công là Hưng Võ Đại Vương, xây lăng tại Hương tẩu phong, Đông bắc chùa Mao Chỉ, Tây sơn.

***Thái Tông Xuân Thu Công:***

Đời vua hai mươi chín là Thái Tông Đại Vương, tên là Xuân Thu, họ Kim, con của Long Thọ (Long Xuân) Giác Can truy phong Văn Hưng Đại Vương; mẹ là Thiên Minh phu nhân con của Chân Bình Đại Vương, phi là Văn Minh hoàng hậu Văn Cơ, tức em gái út của Dửu Tín Công. Lúc đầu chị của Văn Cơ là Bảo Cơ nằm mộng thấy lên Tây nhạc xả nước chìm ngập cả kinh thành. Sáng ngày thuật lại với Văn Cơ. Văn Cơ nghe xong nói rằng: "Em mua điềm mộng này!".

Bảo Cơ nói: "Đổi cho vật gì?"

Đáp: "Quần gấm được chăng?"

Người chị đồng ý, Văn Cơ bèn mở vạt áo để nhận điềm mộng.

Bảo Cơ nói: “Điềm mộng hôm nào, ta trao lại cho em!”

Văn Cơ bèn trao quần gấm cho chị.

Khoảng mười ngày sau, nhằm ngày Ngọ tháng giêng là kỵ nhật (xem việc bắn hộp đàn ở trên, là thuyết của Thôi Trí Viễn) Dửu Tín và Xuân Thu chơi Tựu cúc ở trước nhà của Dửu Tín (người Tân La gọi Tựu cúc tức chơi ném châu). Dửu Tín cố ý đạp quần của Xuân Thu, làm rách khuy áo, bèn nói:

- “Xin mời vào nhà tôi để kết lại”. Xuân Thu đồng ý. Dửu Công bảo A Hải đem kim ra, A Hải nói rằng: - “Đâu thể vì một việc nhỏ mà khinh suất gần gũi một quý công tử sao?”

Bảo Cơ bèn từ chối, nên Dửu Công bảo A Chi. Xuân Thu biết ý của Dửu Tín, nên gần gủi, từ đó về sau qua lại nhiều lần. Dửu Tín biết em mình có thai bèn trách rằng: Ngươi chẳng báo cha mẹ mà có thai là làm sao? Liền tuyên bố khắp thiên hạ là muốn thiêu em mình. Một hôm đợi Thiện Đức Vương đến Nam sơn, Dửu Tín Công chất củi trong sân đốt lửa, khói xông lên. Từ xa Vương thấy bèn hỏi là khói gì? Quần thần tâu đó là Dửu Tín Công đốt em gái. Vương hỏi đến nguyên do. Đáp rằng: “Em của Dửu Tín không có chồng mà có thai”. Vua lại hỏi: “Do ai gây ra?”

Bấy giờ Xuân Thu Công đang hầu cận ở trước vua, mặt biến sắc. Vua trông thấy liền nói: “Là ngươi tạo ra phải chăng, mau đến cứu gấp!”

Công vâng mệnh phi ngựa, truyền chỉ ngăn cản. Sau đó tổ chức hôn lễ. Sau khi Chân Đức Vương băng hà, vào năm Vĩnh Huy thứ năm nhằm năm Giáp Dần, Công kế vị, ở ngôi được tám năm, năm Tân Dậu, Long sóc nguyên niên thì băng hà, thọ năm mươi chín tuổi, an táng ở phía Đông chùa Ai Công, có lập bia. Vương và Dửu Tín định mưu thần, chung sức thống nhất Tam Hàn, có công rất lớn với xả tắc, nên miếu hiệu là Thái Tông. Vương có các thái tử là Pháp Mẫn, Giác Can Nhân Vấn, Giác Căn Văn Vương, Giác Can Lão Đán, Giác Can Trí Cảnh, đều do Văn Cơ sinh ra. Đó là minh chứng cho việc mua điềm mộng thời ấy. Các con thứ có Giai Tri Văn Cấp Can, Xà Đắc Lịnh Công, Mã Đắc A Can, và năm người con gái.

Mỗi ngày vương ăn ba đấu gạo cơm, chín con chim trĩ trống, sau khi diệt Bách Tế vào năm Canh Thân, vương không ăn bữa trưa, chỉ ăn sáng và tối mà thôi; nhưng mỗi ngày dùng hết sáu đấu gạo, sáu đấu rượu, mười chim trĩ. Giá cả trong thành, một xấp vải ba mươi thạch hoặc năm mươi thạch, nhân dân gọi là thời đại Thánh. Khi còn ở vị Đông

cung, vì muốn chinh phạt Cao Ly, nên đến Đường Triều xin binh, vua Đường thấy phong cách của Vương cho là thần nhân, cố giữ lại làm thị vệ, nhưng Vương ra sức xin trở về. Bấy giờ ở Bách Tế có Mạt Vương Nghĩa Từ là con trưởng của Võ Vương, hùng mãnh, can đảm, rất có hiếu với cha mẹ, thân thiết với anh em, người đương thời gọi là Hải Đồng Tăng Tử. Đến năm Tân Sửu, niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm, người này lên ngôi, sau đó thì đam mê tửu sắc khiến việc trị chánh rối loạn đất nước đảo điên, quan Tả Bình (một tước của Bách Tế) Thành Trung ra sức can gián mà vua chẳng nghe, còn bắt quan hạ ngục, khốn khổ ốm gầy, trước khi chết Thành Trung viết biểu tâu rằng:

- Trung thần dầu chết cũng không quên vua, nay xin có một lời rồi chết, thần từng xem thời thế biến chuyển sắp tới ắt có chiến tranh. Phàm dùng binh, phải chọn địa thế, nên ở thượng lưu mà nghinh địch, mới có thể bảo toàn. Nếu binh nước khác đến, đường bộ thì chẳng cho vượt qua Nham Hiện (còn gọi là Thẩm Hiện, một yếu địa của Bách Tế). Còn như đường thủy thì chẳng cho vào Kỷ Phiết Phố (tức Trường Nham, còn gọi là Chỉ Hỏa Phố, còn gọi là Bạch Giang). Trấn giữ nơi hiểm yếu để ngăn chặn địch, thì mới được".

Vua chẳng nghe theo. Vào năm Kỷ Mùi, niên hiệu Hiện Khánh thứ tư, tại chùa Ô Hội ở Bách Tế, có một con ngựa đỏ ngày đêm sáu thời nhiễu quanh chùa. Tháng hai các loài chồn vào cung Nghĩa Từ, một con chồn trắng đến ngồi trên bàn sách của Tả Bình. Tháng tư gà mái và chim sẻ giao cấu trong cung Thái tử; tháng năm cá lớn dài ba trượng chết bên bờ sông Tứ Thử (tên sông ở Phù dư), người ăn cá này đều bị chết. Tháng chín cây hòe trong cung cất tiếng khóc như người, ban đêm quỷ khóc trên con đường phía Nam của cung.

Đến mùa Xuân năm Canh Thân, niên hiệu Hiện Khánh thứ năm, nước giếng ở kinh đô có màu máu, ở bờ Tây Hải có nhỏ vọt lên chết vô số, người ăn chẳng hết. Nước sông Tứ Thử đỏ như máu. Tháng tư bỗng nhiên có hàng vạn con ễnh ương tụ tập trên cây. Người dân ở kinh đô tự nhiên bỏ chạy tán loạn như có ai đuổi bắt, kinh sợ té chết trên một trăm người, mất tiền của vô số. Tháng sáu, chư Tăng ở chùa Vương hưng thấy một vật như mái chèo theo nước lụt trôi vào cổng chùa, lại có một con chó lớn như con nai rừng, từ phía Tây chạy đến bờ sông Tứ Thử, hướng vào vương cung mà sủa, bỗng chốc chẳng thấy đâu. Chó trong thành tụ tập trên đường, hoặc là sủa, hoặc là khóc, hồi lâu mà chẳng đi. Lại có một con quỷ vào trong cung la lớn rằng: "Bách Tế mất! Bách Tế mất!". Rồi chui xuống đất. Vua kinh lạ bảo đào đất,

sâu đến ba thước thì thấy một con rùa, trên lưng có hàng chữ: "Bách Tế như mặt trăng tròn, Tân La như trăng mới hiện". Vua hỏi, người bói toán tâu rằng:

- Mặt trăng tròn thì đã mãn, mãn thì sẽ khuyết. Mặt trăng mới hiện thì chưa mãn, chưa mãn thì dần dần sẽ mãn.

Vua nổi giận chém đầu. Hoặc có người lại tâu rằng:

- Mặt trăng tròn tức thịnh, mặt trăng mới hiện tức là suy vi. Nghĩa là quốc gia hưng thịnh, còn Tân La sẽ dần dần suy vi.

Vua vui mừng.

Bấy giờ Thái Tông của Tân La nghe nói ở Bách Tế xuất hiện nhiều điềm quái lạ; nên năm Canh Thân, niên hiệu Hiện Khánh thứ năm, sai sứ là Nhân Vấn sang Đường triều xin viện binh. Đường Cao Tông hạ chiếu sai Tả võ vệ đại tướng quân khinh quốc công Tô Định Phương làm Thần khâu đạo hành sách tổng quản, dẫn Tả vệ tướng quân Lưu Bá Anh tự Nhân Viễn, tả võ vệ tướng quân Phùng Sĩ Quý, tả kiêu vệ tướng quân Bàng Hiếu Công cùng mười ba vạn quân sang chinh phạt (Hương ký ghi một trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm mươi một quân và một ngàn chín trăm chiếc thuyền, mà Đường sử nói chẳng rõ). Tân La quốc vương Xuân Thu làm Ngung Di Đạo Hành Quân Tổng Quản, lãnh quân bản quốc hợp binh. Tô Định Phương dẫn binh từ Thành Sơn vượt biển đến đảo Đức Vật. Tân La Vương sai Kim Dửu Tín dẫn năm vạn tinh binh đến hợp chiến. Nghĩa Từ Vương nghe tin liền hội quần thần tìm kế chống giữ. Quan Tả Bình Nghĩa Trực tâu rằng:

- Binh Đường từ xa vượt biển, không quen sóng nước, quân Tân La cậy vào viện binh của nước lớn, có tâm khinh địch, nếu thấy binh Đường thất bại, ắt sẽ nghi sợ mà chẳng dám tiến binh. Vì thế, trước phải quyết chiến với binh Đường mới được!

Đạt Suất và Thường Vĩnh... nói rằng: Như thế thì chẳng được! Quân Đường từ xa đến, muốn đánh nhanh, nhuệ khí ấy ta khó chống cự. Quân Tân La từ bị bại trước quân ta nay đang mong gặp được ta, thế lực ấy chẳng thể chẳng e ngại. Vì thế hôm nay nên chặn quân Đường, để đợi quân mỏi mệt. Trước chỉ nên đánh quân Tân La để bẻ gãy nhuệ khí, sau đó thừa cơ mà hợp chiến, như thế quân mới an toàn mà bảo vệ đất nước!

Vua còn do dự chưa quyết định theo kế của ai. Bấy giờ có Tả Bình Hưng Thủ bị tội lưu đày ở huyện Cổ Mã Tộ Tri, vua sai người đến hỏi kế sách rằng: "Việc đã cấp bách lắm, bây giờ phải làm sao?"

Hưng Thủ đáp: "Đại khái nên làm theo lời của Tả Bình Thành

Trung!"

Các đại thần chẳng tin nói rằng: Hưng Thủ còn là kẻ bị tội, oán chúa, chẳng yên nước nhà, lời nói của người ấy chẳng thể dùng! Chi bằng khiến quân Đường vào Bạch giang (tức Kỷ Phiệt Phố) hẹp, thuyền chỉ xuôi dòng mà không đi song song được. Lại nhử quân Tân La lên Hiện Sơn, do đường hẹp chẳng thể đi hai ngựa ngang nhau được, bấy giờ tung quân đánh úp, giống như bắt gà trong lồng, cá trong lưới vậy.

Vua y theo kế này. Lại nghe quân của Đường và Tân La đã qua Bạch giang và Nham Hiện, bèn sai tướng quân Hài Bá lãnh năm ngàn quân ra Hoành sơn giao chiến với quân Tân La. Lúc đầu thắng bốn trận, nhưng binh ít lực tàn rốt cuộc đại bại, Hài Bá tử trận. Tân La tiến lên hợp binh, đồn trú tại Tân giang ở Bạch Tân khẩu. Bỗng nhiên có một con chim bay vòng trên doanh trại của Định Phương. Phương sai người giải đoán, nói rằng: "Ắt thương tổn đến nguyên soái!". Định Phương lo sợ muốn dãn binh. Dửu Tín nói với Định Phương rằng:

- Đâu thể vì sự kỳ quái của con chim mà nói Thiên thời; hợp với trời thuận lòng người, đánh dẹp kẻ quá bất nhân, thì đâu có gì là chẳng lành?

Nói xong bạt thần kiếm chém vào con chim, chim bị đoạn đứt rơi xuống trước mặt. Bấy giờ Định Phương xuất binh giao chiến tại Thừa sơn ở Tả nhai, quân Bách Tế đại bại. Vương thống lãnh quân sĩ dong thuyền cưỡi sóng nối đuôi dõng mãnh tiến lên. Đinh Phương dẫn kỵ binh theo đường bộ tiến thẳng đến kinh đô, cách ba mươi dặm thì dừng. Trong thành đem quân ra chống cự, lại đại bại chết trên một vạn binh tướng. Quân Đường thừa thắng công thành. Vua Bách Tế biết việc chẳng xong liền than rằng:

- Hận vì không nghe lời của Thành Trung, để đến nỗi này! Rồi cùng với Thái tử Long (gọi Hiếu là sai) chạy ra phía Bắc. Đinh Phương vây thành. Con thứ của vua là Thái tử tự lập làm vua đôn đốc quân dân chống cự. Con của thái tử là Văn Trung nói với Thái Vương rằng: "Vương và thái tử đã chạy rồi mà chú lại tự lập làm vương, nếu binh Đường chiếm thành, chúng ta làm sao toàn mạng".

Do đó bèn dẫn quân thần xuất thành, dân chúng cũng đi theo. Thái không thể ngăn chặn được. Định Phương sai quân sĩ vượt thành cắm cờ xí quân Đường. Quẩn bách, Thái phải mở cửa thành xin hàng. Bấy giờ Vương, thái tử Long, Vương tử Thái, đại thần Trinh Phước và toàn thành đều hàng. Định Phương dẫn Vương làm Nghĩa Từ, thái tử Long, Vương tử Thái, Vương tử Diễn, tám mươi tám đại thần, tướng quân và mười hai

ngàn tám trăm bảy mươi người dẫn về kinh đô.

Bách Tế gồm năm bộ, ba mươi bảy quận, hai trăm thành, bảy trăm sáu mươi ngàn hộ. Đến đây thì lập năm đô đốc phủ là: Hùng Tân, Mã Hàn, Đông Minh, Kim Liên, Đức An, phong Cừ làm Đô Đốc Thứ Sử để cai trị, sai Lang Tướng Lưu Nhân Nguyện trấn thủ Đô thành, Tả vệ Lang Tướng Vương Văn Độ làm Đô đốc Hùng Tân, vỗ an dân chúng. Định Phương dẫn những người bị bắt trình lên Đế, Đế trách nhưng lại khoan thứ. Nghĩa Từ Vương bị bệnh qua đời, được tặng tước Kim Tử Quang Lộc Đại Phu Vệ Úy Khanh, cho phép cựu thần đến thăm, Đế ban chiếu an táng bên cạnh mộ của Tôn Hạo Trần Thúc Bảo và dựng bia.

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Hiện Khánh thứ bảy, Đường Cao Tông sai Định Phương làm Liêu Đông Đạo Hành Quân Đại Tổng Quản bất ngờ tấn công Đạo Bình Nhưỡng, phá quân Cao Ly ở Phối Giang, đoạt Mã Ấp sơn lập doanh trại, bao vây thành Bình Nhưỡng. Nhưng gặp tuyết rơi quá dày nên phải trở về, được phong làm Lương Châu An Tập Đại Sứ, để bình định Thổ phồn. Nhưng đến năm Càn Phong thứ hai thì Định Phương qua đời, vua Đường thương tiếc truy tặng tước Tả Phiêu Kỵ đại tướng quân U châu đô đốc, thụy là Trang (trên đây là văn của Đường sử).

Còn Tân La Biệt Ký ghi: "Văn Võ Vương tức vị vào ngày Canh Tý, tháng tám mùa Thu năm Ất Sửu niên hiệu Hiện Khánh thứ năm. Vương đích thân thống lãnh đại quân đến thành Hùng Tân, hội cùng Giả Vương của Phù Dư là Long, lập đàn, giết ngựa trắng để kết thề. Trước tế cáo trời thần và linh khí núi sông, sau mới uống máu, làm văn mà thề rằng: "Khi xưa Tiên Vương của Bách Tế mê muội việc nghịch thuận, chẳng dốc lòng giao hảo lân bang, chẳng hòa ái với tình thân hôn ước, mà lại kết nối với Cao Cú Ly, thông đồng với Nhật Bản, cùng làm nhiều điều tàn bạo, xâm phạm Tân La, phá ấp đánh thành, không năm nào an ổn. Thiên tử thương xót đồng loại mất nơi chốn, bá tánh bị khổ sở; nên mới sai sứ đến khuyến dụ kết giao hòa hiếu. Nhưng ỷ vào địa thế hiểm trở, đường sá xa xôi nên khinh mạn đạo trời khiến Hoàng đế phẫn nộ, kính tuân chinh phạt, cờ xí trực chỉ, dùng binh yên định, chắc chắn làm cho cung điện biến thành ao hồ, để răn dạy đời sau; lấp nguồn bạt gốc để huấn dụ đàn hậu tấn. Giữ lòng hòa hiếu, dẹp kẻ phản đồ là cố mệnh của Tiên vương, hưng vong đoạn tuyệt là phép chung của cổ thánh. Dụng tâm theo phép tắc xưa, truyền ghi trong sử sách. Cho nên lập vua trước của Bách Tế làm Nông Chánh Khanh, Phù Sư Long làm Hùng Tân Đô Đốc lo việc tế tự, giữ gìn xã tắc, nương nhờ Tân La, mãi

mãi là đồng minh, trừ bỏ các oán thù xưa để kết tình hòa hiếu. Cung kính vâng theo chiếu chỉ, vĩnh viễn làm phiên thuộc. Vua lại sai sứ là Hữu uy vệ tướng quân Lỗ Thành Huyện Công Lưu Nhân Nguyên đến khuyến dụ và tuyên chỉ. Dùng hôn nhân để kết giao, dùng minh thệ để rõ lòng, giết vật uống máu ăn thề, trước sau đồng lòng dốc sức, họa cùng chia, hoạn đầy giúp ân như anh em. Kính phụng chiếu vua, không dám quên sót. Sau khi đã kết minh, thì cùng giữ gìn lòng trung trinh son sắt, nếu ai phản bội, sinh lòng tráo trở, khởi binh kinh động nhân dân, xâm phạm biên cương thì thần minh soi xét, giáng trăm tai ương, con cháu không thể dưỡng nuôi, xã tắc không người gìn giữ, tế tự vĩnh viễn diệt tắc không còn gì. Vì thế lập sách vàng, khế sắt cất tại Tông miếu, để con cháu đời đời không dám sai phạm.

Thần minh chứng giám, thọ hưởng phước này!"

Uống xong, chôn tiền lụa tại Đàn thệ, cất văn thề trong Thái miếu. Văn này do Đái Phương Đô Đốc Lưu Nhân Quỷ soạn.

(Xét theo Đường sử thì Định Phương đã đưa Nghĩa Từ Vương và Thái tử Long về kinh. Ở đây lại nói hội minh cùng Phù Sư Vương là Thái tử Long, thì biết vua Đường đã tha thái tử Long trở về, lập làm Hùng Tân Đô Đốc. Cho nên văn minh có nói rõ, lấy đây mà nghiệm biết).

***Cổ ký ghi:*** Năm Mậu Dần, niên hiệu Tổng Chương thứ nhất (nếu nói năm Mậu Dần, niên hiệu Tổng Chương thì đó là việc Lý Tích, nhưng văn sau nói là Tô Định Phương thì sai lầm). Nếu là Tô Định Phương thì phải nói là năm Nhâm Tuất, niên hiệu Long Sóc thứ hai đến vây thành Bình Nhưỡng), quân nhà Đường theo lời xin của Tân La mà đến đồn trú tại bên ngoài thành Bình Nhưỡng, đã gởi thơ về triều đình Tân La nên gấp chuyển vận quân lương. Vương bèn họp quần thần và hỏi rằng:

- Vào nơi đóng quân của binh Đường trong nước của địch thì thế thật nguy hiểm, còn người xin quân lương mà mình không chuyển đến thì cũng không được, vậy phải làm sao?

Dửu Tín tâu rằng: Thần sẽ chuyển vận quân lương ấy, xin Đại Vương không nên lo nghĩ!

Bấy giờ Dửu Tín, Nhân Vấn... thống lãnh mấy vạn người chuyển vận hai vạn hộc lương vào Cao Cú Ly rồi trở về. Vua rất vui mừng, muốn khởi binh hội với quân Đường. Dửu Tín trước sai người đến hỏi ngày giờ hội quân. Nguyên soái quân Đường là Tô Định Phương lấy giấy vẽ hình con trâu nghé và chim loan gởi về, người trong nước chưa

hiểu, mới mời Pháp sư Nguyên Hiểu đến giải. Pháp sư nói rằng: "Nên gấp lui binh, vẽ trâu nghé và chim loan là hai con vật khắc nhau". Bấy giờ Dửu Tín liền lui quân, ra lệnh nội trong ngày phải qua sông Bái, ai qua sau bị chém đầu. Do đó quân sĩ tranh nhau qua sông được một nửa, thì quân Cao Ly đến tấn công giết những người chưa kịp qua. Sáng hôm sau, Dửu Tín dẫn binh phản công truy đuổi quân Cao Ly, giết chết trên một vạn người. "Bách Tế Cổ ký ghi: Ở góc phía Bắc thành Phù Dư có một ngọn núi lớn, bên dưới là Giang thủy. Tương truyền, nghĩa Từ Vương và các cung phi biết không tránh khỏi cái chết, mới nói với nhau rằng: Thà tự vẫn, chứ không để chết trong tay người khác!". Nên cùng dẫn đến đây nhảy xuống sông tự vẫn. Do đó mà tục gọi đó là "Đọa Tử Nham". Đây là lời nói ngoa của ngạn ngữ dân gian mà thôi. Chứ Nghĩa Từ Vương mất ở Đường. Đường Sử đã nói rõ.

***Tân La cổ truyện ghi:*** Định Phương đã thôn tính hai nước Cao Ly và Bách Tế, lại mưu đồ đánh chiếm Tân La mà lưu luyến ở đây. Dửu Tín biết ý đồ này nên bày yến tiệc thiết đãi quân Đường rồi hạ độc, khiến tất cả đều chết, rồi đào hố mà chôn. Nay ở Thương Châu có Đường Kiều là hố chôn quân Đường khi xưa.

(Xét Đường sử thì không ghi vì sao chết, chỉ viết là chết mà thôi, vì sao? Vì kỵ ư? Lời dân gian vô căn cứ ư? Nếu trong chiến dịch Cao Ly năm Nhâm Tuất, người Tân La giết tướng Định Phương, thì sau đó năm Mậu Thìn niên hiệu Tổng Chương đâu có việc xin binh diệt Cao Ly. Do đó biết đây là lời dân gian lưu truyền không có căn cứ. Nhưng sau khi diệt Cao Ly năm Mậu Thìn, thì có xảy ra việc không thần phục, nhưng chỉ có đất này mà thôi, chẳng phải đến giết Tô và Lý).

Vương, đem binh yên định Bách Tế sau khi trở về, lại sai các tướng truy bắt tàn quân Bách Tế đồn trú tại Hán Sơn thành ở Thứ Vu. Quân Cao Ly và Mạt Thát đến bao vây, hai bên đánh nhau nhiều trận mà chưa giải vây được. Từ ngày mười một tháng năm đến ngày hai mươi hai tháng sáu quân ta thật nguy cấp, Vương nghe tin họp quần thần nghị bàn, vua hỏi: "Định tướng nào xuất binh?" Còn đang do dự chưa quyết định thì Dửu Tín vội tâu rằng: "Việc gấp lắm rồi, sức người không thể đến kịp, chỉ có sức thần mới cứu được!"

Nói xong Dửu Tín bèn lên núi Tinh Phù lập đàn, luyện thần thuật, bỗng nhiên có một vầng ánh sáng lớn bằng cái hủ, chói lòa từ đàn vọt ra, như ngôi sao bay thẳng về hướng Bắc (do đó gọi là Tinh Phù Sơn. Hoặc có thuyết khác cho rằng: Núi này ở phía Nam Đô lâm, có một ngọn cao vút, trong kinh thành có một người mưu cầu quan tước, mới

sai con của mình thắp một cây đuốc lớn, ban đêm, lên đó học hành. Đêm ấy người kinh thành nhìn lên thấy, đều cho là ngôi sao xấu xuất hiện ở đó. Vua nghe được thì lo sợ, tìm người nhương tinh. Người cha nhận lời, nhưng sáng hôm sau, có quan tâu rằng: Đó chẳng phải là điều quái dị gì lớn, chỉ là điềm con chết cha khóc đó thôi!". Vua chẳng làm phép nhương tinh. Đêm ấy người con xuống núi bị cọp vồ chết). Bấy giờ quân lính trong thành Hán sơn oán thán vì viện binh chẳng đến, chỉ biết nhìn nhau khóc lóc mà thôi. Quân địch lại muốn gấp công thành. Bỗng nhiên có một luồng ánh sáng từ phía Nam xẹt đến tạo sấm sét lớn đánh nát hơn ba mươi nơi đặt máy bắn đá, kích mâu, cung tên của giặc đều bị gãy và té ngã trên đất, hồi lâu mới tỉnh, giặc vội vàng tháo chạy trở về. Quân ta cũng rút lui.

Lúc Thái Tổ mới lên ngôi, có người dâng hiến một con lợn một đầu, hai thân, tám chân, quần thần bàn rằng: "Đây ắt là điềm thôn tính lục hợp!". Đời của Vương mới bắt đầu sử dụng áo, mũ, hốt ngà của Trung Quốc, do Pháp sư Từ Tạng xin vua Đường truyền vào. Thời Thần Văn Vương, vua Cao Tông sai sứ đến Tân La bảo rằng: "Tiên Vương của Trẫm được các hiền thần là Ngụy Trung, Lý Thuần Phong... hiệp tâm đồng đức phò tá, thống nhất thiên hạ, nên mới tôn là Thái Tông Hoàng Đế; còn Tân La các ngươi là một nước nhỏ ở ngoại biên mà lấy hiệu là Thái Tông, đó tức tiếm danh Thiên tử, theo nghĩa là bất trung, hãy gấp thay đổi!"

Quốc Vương Tân La dâng biểu rằng: "Tân La tuy là một nước nhỏ mà được Kim Dửu Tín là Thánh nhân phò tá, thống nhất Tam Hàn, nên phong là Thái Tông!

Cao Tông thấy tờ biểu bèn nghĩ đến Thái tử, bỗng trên hư không có tiếng nói rằng:

- Trời Tam thập tam có vị giáng xuống Tân La đó là Dửu Tín, đã ghi chép rõ trong thư, hãy mở ra mà xem!

Cao Tông vô cùng kinh sợ, lại sai sứ sang cho phép không đổi hiệu Thái Tông.

***Trường Xuân Lang -Bãi Lang:***

Đầu tiên khi giao chiến với quân Bách Tế ở Hoàng sơn thì Trường Xuân Lang và Bãi Lang bị tử trận. Về sau khi đã thôn tính Bách Tế, báo mộng với Thái Tông rằng: Chúng thần khi xưa đã vì nước vong thân, đến nay tuy đã thành xương trắng, nhưng muốn hoàn thành việc bảo vệ đất nước, nên đi theo quân chinh chiến không hề mỏi mệt, ngặt vì sợ oai

của Nguyên Soái Đường là Định Phương nên chỉ theo sau quân mà thôi! Xin Đại Vương ban cho chúng tôi thế lực nhỏ!"

Đại vương kinh lạ, nên vì hai vong hồn này mà sai lập đàn thuyết kinh một ngày ở đình Mâu Sơn, đồng thời lập chùa Tráng nghĩa ở châu Hán sơn để trợ tiến, cầu phước chốn u minh.

■

# TAM QUỐC DI SỰ

## QUYỂN 2

***Văn Võ Vương Pháp Mẫn:***

Vương lên ngôi vào năm Tân Dậu, niên hiệu Long Sóc. Ở vùng biển Nam thuộc Tứ Thử có xác chết một người nữ thân cao bảy mươi ba thước, chân dài sáu thước, âm dài ba thước. Hoặc có người nói thân mười tám thước, đó là năm Đinh Mão, niên hiệu Càn Phong thứ hai.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Tổng Chương, Vương thống lãnh đại quân cùng với Nhân Vấn, Khâm Thuần... đến thành Bình Nhưỡng hội cùng binh Đường diệt Cao Ly, Nguyên Soái quân Đường là Lý Tích bắt Cao Tang Vương (vì tánh cao ngạo nên gọi là Cao Tang. Theo Cao ký trong Đường thư, vào năm Canh Thân, niên hiệu Hiện Khánh thứ năm, Tô Định Phương... chinh phạt Bách Tế, sau mười hai tháng lại đánh Cao Ly thì làm sao hợp với đại tướng quân) về kinh Vương làm Phối Đạo Hành Quân Đại Tổng Quản, Tô Định Phương làm Liêu Đông Đạo Đại Tổng Quản, Lưu Bá Anh làm Bình Nhưỡng Đạo Đại Tổng Quản để đánh Cao Ly. Tháng giêng năm Tân Dậu, Tiêu Từ Nghiệp làm Đại Phù Dư Đạo Tổng Quản, Nhậm Nhã Tương làm Phối Giang Đạo Tổng Quản dẫn ba mươi lăm vạn quân đánh Cao Ly. Tháng tám năm Mậu Tuất, Tô Định Phương... giao chiến với quân Cao Ly ở Phối giang, Phương đại bại. Đến tháng sáu năm Bính Dần, niên hiệu Càn Phong thứ nhất, sai Bàng Đồng Thiện, Cao Khản, Tiết Nhân Quý, Lý Cẩm Hành... làm hậu viện. Tháng chín Bàng Đồng Thiện giao chiến với quân Cao Ly, bị đại bại. Tháng mười hai năm Kỷ Dậu, Đế phong Lý Tích làm Liêu Đông Đạo Hành Đại Tổng Quản thống lãnh quân của sáu tổng quản chinh phạt Cao Ly. Đến ngày Quý Sửu tháng chín năm Mậu Thìn niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, Lý Tích bắt được Cao Tang Vương dẫn về Kinh. Ngày Đinh Dậu tháng mười hai năm ấy đưa tù binh trình lên Đế. Tháng hai năm Giáp Tuất, niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất, Lưu Nhân Quỷ làm Kê Lâm Đạo Tổng Quản, đem binh đánh Tân La; nhưng Hương Cổ Ký ghi: Vua Đường sai Lục Lộ Tướng Quân là Khổng Cung, Thủy Lộ

Tướng Quân là Hửu Tương, cùng với tướng Tân La là Kim Dửu Tín... diệt Cao Ly. Còn ở đây lại nêu Nhân Vấn, Khâm Thuần mà không có Dửu Tín, chưa rõ vì sao?

Bấy giờ các đoàn quân lưu động của nhà Đường đã có nơi trấn thủ, nhưng các tướng này lại bày mưu đánh quân ta. Vương biết được bèn phát binh. Năm sau Cao Tông sai sứ triệu Nhân Vấn đến trách rằng: Nước các ngươi xin binh ta diệt Cao Ly mà nay lại hại quân ta là vì sao?

Bèn hạ chiếu sai Viên Phi thao luyện năm mươi vạn binh, phong Tiết Bang làm Nguyên soái, chinh phạt Tân La. Bấy giờ Nghĩa Tương Pháp sư sang Đường cầu học, đến gặp Nhân Vấn, Nhân Vấn thuật lại việc trên, ngài Nghĩa Tương bèn gấp về báo lại. Vương nghe được vô cùng kinh hãi hội quần thần tìm kế sách phòng ngự. Giác Can Kim Thiện Tôn tâu rằng: Gần đây có Pháp sư Minh Lãng xuống Long cung, được truyền cho bí pháp mà trở về, xin Đại vương ban chiếu thỉnh đến thực hỏi. Minh Lãng nói rằng: Hãy xây chùa Tứ Thiên Vương ở rừng Thần Du phía Nam Long sơn, khai mở đạo tràng thì mới chống giữ được. Bấy giờ có sứ giả ở Trinh châu chạy về cấp báo rằng: Quân Đường đã vào địa phận nước ta, nhưng còn đang đi thuyền trên biển. Vương lập tức triệu ngài Minh Lãng đến báo rằng: Việc đã cấp bách lắm rồi, phải làm sao?

- Lấy lụa năm màu giả tạo thành chùa, lấy cỏ kết thành tượng thần ngũ phương. Chọn mười hai vị Tăng Du-già, ngài Minh Lãng làm thượng thủ tu pháp bí mật Văn Đậu Lâu; bấy giờ quân Đường và quân Tân La chưa giao chiến. Bỗng nhiên cuồng phong thổi đến, biển dâng ba đào nhận chìm tất cả thuyền bè của quân Đường. Sau sáng lập chùa này đặt tên là Tứ Thiên Vương Tự, đến nay đạo tràng vẫn hưng thịnh (quốc sử nói sáng lập vào năm Kỷ Mão niên hiệu Điều Lộ thứ nhất).

Đến năm Tân Mùi, vua Đường lại sai Triệu Hiến làm soái dẫn năm vạn binh sang đánh Tân La. Ngài Minh Lãng cũng thực hành phép này và thuyền của quân Đường cũng chìm như trước.

Bấy giờ Hàn Lâm Thị Lang Phác Văn Tuấn cũng cùng ở trong ngục với Nhân Vấn, được vua Cao Tông triệu đến hỏi rằng: "Nước ngươi có mật pháp gì mà ta hai lần phát đại binh đi mà không có người trở về?"

Văn Tuấn tâu rằng: "Bồi Thần đến Thượng quốc đã hơn mười một năm rồi, không biết việc trong nước mình. Chỉ từ xa nghe được một việc thế này: Vì mang nặng ân đức của thượng quốc, thống nhất Tam Hàn,

muốn báo đáp, nên vua nước Thần mới sáng lập một ngôi chùa tên là Tứ Thiên Vương ở Nam Lang sơn, đã cầu chúc cho hoàng đế thọ vạn niên, và mãi mãi khai pháp tịch mà thôi!"

Vua Cao Tông nghe nói vui mừng, sai lễ bộ thị lang Nhạc Bằng Quý đi sứ sang Tân La để quan sát ngôi chùa này. Vương nghe sứ nhà Đường sắp đến, vì chẳng muốn cho thấy ngôi chùa này, nên lại xây một ngôi chùa khác phía Nam Tứ Thiên Vương tự để tiếp đãi. Sứ đến nói rằng: "Đầu tiên phải dâng hương tại chùa Tứ Thiên Vương, nơi chúc Hoàng đế vạn thọ". Vương bèn dẫn đến ngôi chùa mới lập. Sứ giả đứng trước cổng nói rằng: Đây chẳng phải là chùa Tứ Thiên Vương, mà là chùa Vọng Đức Diêu Sơn.

Vì thế không vào chùa, mọi người bèn tặng cho một ngàn lạng vàng. Sứ trở về tâu rằng: "Tân La lập chùa Tứ Thiên Vương, nhưng chúc Thánh thọ ở chùa mới mà thôi.

Nhân sứ nhà Đường gọi như thế nên đặt tên cho ngôi chùa mới là Vọng Đức tự (có người nói vào đời Hiếu Chiêu Vương là lầm).

Vương nghe Văn Tuấn khéo tâu bày, Đế lại có ý muốn tha về, nên sai Cường Thủ Tiên Sinh soạn biểu xin tha Nhân Vấn, sai Xá nhân Viễn Vũ dâng biểu lên vua Đường. Vua xem xong, cảm động rơi lệ, bèn tha tội cho Nhân Vấn và an ủi rồi tiễn về. Khi Nhân Vấn ở trong tù thì người trong nước vì ông lập chùa, đặt tên là Nhân Duy tự, lập đạo tràng Quan Âm, đến khi được trở về, bị chết trên biển thì đổi làm đạo tràng Di-đà, đến nay vẫn còn.

Đại vương ở ngôi hai mươi mốt năm, đến năm Tân Tỵ, niên hiệu Vĩnh Long thứ hai thì băng hà, di chiếu an táng trên đảo trong biển Đông. Bình sinh Vương thường nói với Pháp sư Trí Nghĩa rằng: "Thân sau của Trẫm nguyện làm Hộ quốc Đại Long để phụng sự Phật pháp, bảo vệ quốc gia!".

Pháp sư nói: "Rồng là quả báo súc sinh thì sao?" Vương đáp: "Trẫm đã chán vinh hoa thế gian từ lâu rồi, nếu được quả báo làm súc sinh, thì hợp với lòng của Trẫm!".

Thời gian Vương tại vị đã lập kho ở Nam sơn, dài năm mươi bộ, rộng mười lăm bộ, tàng trữ gạo thóc, binh khí, gọi là Hữu Thương; lại lập Tả Thương ở trên núi phía Tây Bắc chùa Thiên Ân. Biệt Bản ghi: "Năm Tân Hợi niên hiệu Kiến Phước thứ tám xây thành Nam sơn, chu vi hai ngàn tám trăm năm mươi bộ". Đó là xây dựng vào đời Chân Đức Vương, đến nay mới trùng tu. Lại mới lập thành Phú sơn, ba năm mới xong. Bên sông An Bắc xây Thiết thành. Lại muốn xây thành quách ở

Kinh đô, đã sắp xếp đầy đủ quan lại, bấy giờ Pháp sư Nghĩa Tương gởi thơ nói rằng: "Nếu việc trị chánh của vua sáng tỏ thì tất cả cỏ cây gò núi đều là thành quách; dân chẳng dám vượt qua, khả dĩ trừ được tai họa, tăng được phước đức. Nếu việc trị chánh của vua bất minh thì dù có thành rộng dài, thì cũng không trừ được tai họa".

Vua nghe thế bèn bãi bỏ công việc này. Ngày mười tháng ba năm Bính Dần, niên hiệu Lân Đức, nô tỳ tên là Cát Y sinh ba đứa con. Ngày mồng bảy tháng giêng năm Canh Ngọ, niên hiệu Tổng Chương thứ ba, tỳ nữ của Nhất Sơn Cấp Can còn gọi là Thành Sơn Hà Can ở Hán Kỳ Bộ, một người sinh bốn con, một người sinh ba con, triều đình cấp cho hai trăm thạch để giúp đỡ.

Lại chinh phạt Cao Ly, vì cháu của vua nước ấy trở về nước, lập lại vị chân cốt (vương).

Một hôm vương nói với người em kế là Xa Đắc Công rằng: "Khanh nên làm Tể Tướng, đứng đầu trăm quan, trị an bốn biển".

Xa Đắc Công nói: "Nếu bệ hạ phong cho Tiểu thần làm tể tướng, thì thần xin ngầm đi khắp nước xem xét dân tình hỏi về sự an nhàn hay khổ nhọc của việc phu dịch, thuế má nặng nhẹ, quan lại trong đục, sau đó mới nhận chức."

Vương cho phép, Công bèn mặc áo thâm, cầm đàn tỳ bà, giả hình cư sĩ, xuất phát từ kinh đô, qua Sất La châu (nay là Minh châu), Ngưu Thủ châu (nay là Xuân châu), Bắc Nguyên kinh (nay là Trung châu) đến Võ Trân châu (nay là Hải Dương), đi khắp thôn xóm; quan châu là An Cát thấy một dị nhân bèn mời về nhà, tận tình tiếp đãi, đến đêm An Cát gọi ba thê thiếp lại mà nói rằng: "Người mà hầu hạ vị cư sĩ tá túc đêm nay, sẽ cùng vị ấy suốt đời chung thân!"

Hai người nói rằng: "Đâu chẳng từng chung sống, vì sao lại cùng qua đêm với người khác!"

Một người thiếp khác nói rằng: "Nếu ngài chấp nhận suốt đời chung sống, thì thiếp xin tuân mệnh!"

Công chấp thuận. Sáng sớm hôm sau, Cư sĩ từ giả lên đường, trước khi đi có nói rằng: "Tôi là người ở kinh thành, nhà ở khoảng giữa hai ngôi chùa Hoàng Long và Hoàng Thánh, tôi tên là Đoan Ngọ (tục gọi Đoan Ngọ là Xa Y), chủ nhân nếu đến Kinh đô, xin tìm đến nhà tôi! Nói xong Công trở về kinh đô nhậm chức Tể Tướng. Theo phép của triều đình, thường dùng một vị quan ở các châu về kinh đô nhận chức Thượng Thú. Nay các bộ ghi thiếu người này. Vừa lúc đến lượt An Cát làm Thượng Thú kinh đô. An Cát hỏi nhà của Cư sĩ Đoan Ngọ ở giữa

hai ngôi chùa, nhưng không ai biết. An Cát đứng bên đường một hồi lâu, bỗng nhiên có một ông lão đi qua; nghe An Cát nói, ông lão cũng suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Ngôi nhà giữa hai chùa chính là Đại nội, Đoan Ngọ tức là Xa Đắc Lịnh Công. Lúc mật đi tuần thú các quận bên ngoài, ắt đã có duyên hội ngộ với ông ư?

An Cát trình bày sự thật. Ông lão nói:

Ông đến phía Tây hoàng thành, đứng ngay cửa chánh đợi các cung nữ ra vào mà báo. An Cát nghe theo, báo rằng: "An Cát ở Võ Trân Châu đang đứng ngoài cửa!"

Công nghe được, liền ra cầm tay dẫn vào cung, mời phi của Công ra gặp mặt, thiết đãi yến tiệc có hơn năm mươi món. Công tâu lên Vương, Vương lấy những mẫu ruộng dưới chân Tinh Phù Sơn (còn gọi là Tinh Tổn Hồ Sơn) làm Võ Trân Châu Thượng Thú Nhiễu Mộc Điền, cấm người chặt cây phá hại, mọi người chẳng dám đến gần; trong ngoài đều kính mộ Công. Dưới núi có ba mươi mẫu ruộng gieo cấy được ba thạch giống. Nếu ruộng này được mùa thì Võ Trân Châu cũng được mùa, ruộng này mất mùa thì Trân Châu cũng mất mùa.

***Vạn Ba Tức Địch:***

Đời ba mươi mốt là Thần Văn Đại Vương, húy là Chánh Minh, họ Kim, lên ngôi ngày bảy tháng bảy năm Tân Tỵ, niên hiệu Khai Diệu thứ nhất, vì vua cha là Văn Võ Đại Vương mà sáng lập chùa Cảm Ân ở bên bờ Đông hải (Bài Ký của chùa ghi: Văn Võ Vương muốn trấn dẹp binh Nhật Bản nên mới lập chùa này, nhưng chưa xong thì Võ Vương đã băng hà, làm Hải Long; con của Vương là Thần Văn kế vị xây dựng đến niên hiệu Khai Diệu thứ hai thì hoàn thành; dưới nền của Kim đường có khai một cái hang hướng về phía Đông, đủ để rồng vào chùa uốn lượn, là nơi đặt hài cốt của vua theo di chiếu, gọi là Đại Vương Nham. Chùa tên là Cảm Ân, sau gọi nơi thấy rồng hiện hình là Lợi Kiến đài). Ngày mồng một tháng năm năm Nhâm Ngọ (có bản ghi niên hiệu Thiên Thọ nguyên niên là lầm) quan lo về biển là Ba Trân Tự Phác Túc Thanh tâu rằng: "Trong biển Đông có một ngọn núi nhỏ trôi về hướng chùa Cảm Ân, theo sóng nhấp nhô".

Vua lấy làm lạ bảo quan coi về ngày tháng là Kim Xuân Chất (còn gọi là Xuân Nhật) chiếm một quẻ. Xuân Chất tâu rằng: "Tiên đế nay làm Hải Long trấn giữ Tam Hàn, hơn nữa Kim Công Dửu Tín là một Thái tử của trời Đế Thích giáng làm đại thần, hai vị thánh này đồng

đức, muốn đưa ra vật báu giữ thành; nếu bệ hạ xa giá đến biển Đông ắt sẽ được vật báu vô giá."

Vương vui mừng, đến ngày mồng bảy tháng ấy ngự giá đến Lợi Kiến đài, nhìn về hòn núi kia và bảo người quan sát, thì thấy núi có hình thế như đầu rùa, trên có một cành trúc ban ngày thì phân làm hai, ban đêm thì hợp làm một (có thuyết nói rằng, núi cũng ngày đêm khai hợp như thế). Sứ đến tâu xong, Vương về chùa Cảm Ân nghỉ đêm. Đến giờ Ngọ hôm sau, khi thanh trúc hợp lại làm một thì trời đất chấn động, gió mưa mờ mịt đến ngày mười sáu mới gió lặng sóng yên. Vương ra biển rồi vào núi ấy. Bỗng có một con rồng dâng hiến một đai ngọc màu đen, vương ra nghinh tiếp rồi cùng ngồi mà hỏi rằng: "Núi và cành trúc này lúc phân lúc hợp là thế nào?" Rồng đáp: "Ví như một tay thì không thể vỗ vào nhau để phát ra âm thanh, hai tay vỗ vào nhau thì mới phát ra âm thanh. Cành trúc này là một vật, hợp lại thì mới phát ra âm thanh. Đây là điềm Thánh Vương dùng âm thanh trị vì thiên hạ. Vương nên lấy cành trúc này làm cây Địch mà thổi thì thiên hạ thái bình. Nay Hoàng Khảo của Vương làm Đại Long trong biển, Dửu Tín Công làm Thiên thần, hai vị Thánh đồng tâm mà xuất sinh ra vật báu vô giá này và sai tôi dâng cho vương!"

Vương vừa kinh sợ vừa vui mừng dùng gấm lụa năm màu và vàng ngọc để đáp trả, sai người chặt cành trúc kia. Khi vừa trở lại biển thì rồng và trúc đều biến mất. Đêm ấy Vương ở lại chùa Cảm Ân, qua ngày mười bảy đến bên bờ suối phía Tây chùa Kỳ Lâm để dùng cơm trưa. Thái tử Lý Cung (tức Hiếu Chiêu Đại Vương) đang xử lý triều chánh nghe tin này liền phóng ngựa đến chúc mừng. Từ Tế tâu rằng: "Các hạt ngọc của đai ngọc này đều là các con rồng thật!" Vua nói: "Làm sao ngươi biết được?". Thái tử tâu rằng: "Ném một hạt xuống nước thì rõ". Bèn ném hạt thứ hai bên trái xuống dòng suối, tức biến thành một con rồng lớn bay lên trời, và nơi đó trở thành một cái vực sâu, gọi là Long Uyên. Vua trở về cung, lấy cành trúc ấy làm ống địch, cất giữ trong Thiên Tôn Khố ở Nguyệt thành. Khi thổi ống địch này thì binh liền lui, bệnh tật tiêu trừ, trời hạn thì tuôn mưa, trời mưa thì liền tạnh, gió lặng sóng yên, gọi là Vạn Ba Tức Địch, là quốc bảo. Đến thời Hiếu Chiêu Đại Vương, năm Quý Tỵ niên hiệu Thiên Thọ, nhân điều linh dị Thất Lễ Lang sống lại, nên phong hiệu là Vạn Vạn Ba Ba Tức Địch. Xin xem rõ nơi truyện ấy.

***Đời Hiếu Chiêu Vương:***

Trúc Chỉ Lang (còn gọi là Trúc Mạn Lang, cũng gọi là Trí Quan)

Vào đời vua thứ ba mươi hai là Hiếu Chiêu Vương, có học trò của Trúc Mạn Lang là Đắc Ô Cấp Can, nổi tiếng là phong lưu và thông kinh sử, ngày ngày theo đuổi con đường làm quan, nhưng mười ngày qua chẳng gặp mặt. Trúc Mạn đến hỏi mẹ của Cấp Can rằng: "Con của bà nơi đâu?"

- "Ích Tuyên A Can quan tổng binh Mâu Lương bắt con tôi làm sai dịch ở kho thành Phủ sơn, dẫn đi luôn, vì quá gấp nên chẳng đến cáo từ ông."

- "Con bà nếu vì việc tư mà đến đó thì chẳng cần phải tìm đến hỏi, nay vì việc công mà đi, thì cần phải dẫn trở về."

Nói xong liền chuẩn bị một hộp bánh, một bình rượu, rồi liền cùng đi với Tá nhân (phương ngôn gọi Giai Sất Tri là nô bộc). Học trò của Trúc Chỉ gồm một trăm ba mươi bảy người đầy đủ oai nghi đi theo. Đến thành Phú Sơn hỏi lính canh hiện giờ Đắc Ô Thất ở đâu; lính canh trả lời là đang làm việc tại ruộng của Ích Tuyên. Trúc Chỉ đến ruộng lấy bánh và rượu dâng cho Ích Tuyên xin phép được dẫn Đắc Ô Thất trở về. Ích Tuyên nhất định không cho phép. Bấy giờ có sứ là Lại Khản Trân quản lý việc thâu thuế ở quận Thôi Hòa, thu chuyển ba mươi thạch lúa thuế vào thành, khen ngợi Trúc Chỉ trọng kẻ sĩ có phong cách, chê Tuyên ngu si chẳng biết, nên tặng ba mươi thạch lúa mà mình đã lãnh cho Ích Tuyên để hỗ trợ việc xin về. Nhưng Ích Tuyên vẫn không chịu, lại phải đưa bộ yên cương của một nô bộc nhà Khản Trân, lúc ấy mới ưng thuận. Hoa chúa ở triều đình nghe tin sai người bắt Ích Tuyên đem đi tắm rửa sạch những xấu xa dơ uế. Ích Tuyên bỏ trốn, quan quân bắt con trưởng của Ích Tuyên dẫn đi. Bấy giờ là tháng mười một mùa Đông, trời rất lạnh, tắm tại hồ nước ở thành, nước đóng băng mà chết. Đại Vương nghe được, ban sắc rằng: Dân ở Mâu Lương, nếu làm quan thì bị truất bỏ, không được đến công sở, không được mặc y phục màu đen, nếu làm Tăng thì không được đến chùa Chung Cổ, lại ban sắc cho Sử Thượng, Khẩn Trân, Tử Tôn làm Bình Định Hộ, Tôn rất lấy làm kỳ lạ. Bấy giờ Pháp sư Viên Trắc là bậc cao đức ở Hải Đông, vì là người ở Mâu Lương nên không được trao cho tăng chức.

Thuật Tông Công làm Đô Đốc Sứ Hồ châu, lên đường nhận nhiệm sở, bấy giờ Tam Hàn loạn lạc khắp nơi, nên cấp ba ngàn kỵ mã hộ tống. Đi đến Trúc Chỉ lãnh, ông thấy một cư sĩ đang dọn dẹp bằng phẳng con đường này liền khen ngợi, Cư sĩ cũng khen ông có uy phong lẫm liệt, cả

hai đồng cảm nhận trong lòng như thế. Tông Công đến nhiệm sở, một tháng sau, nằm mộng thấy Cư sĩ bước vào phòng. Cả nhà đồng thấy như thế, ông vô cùng kinh ngạc, nên sáng hôm sau sai người đi hỏi thăm Cư sĩ có được an ổn chăng, được mọi người trả lời là: “Cư sĩ mới chết chưa lâu”. Người trở về thưa lại với Tông Công rằng:

“Ông ấy chết đồng một ngày mà chúng ta mộng thấy!” Tông Công nói: “Chắc Cư sĩ sinh vào nhà ta!”

Ông liền sai người lo sắp đặt an táng Cư sĩ tại ngọn phía Bắc trên Trúc Chỉ Lãnh, tạo tượng Di-lặc bằng đá tôn trí trước mộ.

Sau đêm mộng thì một người vợ của Tống Công có thai, đến khi sinh ra, đặt tên là Trúc Chỉ. Trúc Chỉ còn trẻ mà đã làm quan, từng làm phó soái cho Dửu Tín Công thống nhất Tam Hàn, là Tể Tướng của bốn đời vua Chân Đức, Thái Tông, Văn Võ, Thần Văn, để an định bờ cõi.

Lúc đầu Đắc Ô Cốc mến mộ Trúc Chỉ, nên làm bài ca:

*Khứ ẩm xuân giai lý mễ*
*Mao Đông cư sất sa khốc ốc thi dĩ ưu âm*
*A đông âm nãi sất hảo chi tứ ô ẩn*
*Mạo sử niên số tựu âm đọa chi hành tề*
*Mục yên hồi ư thi thất sử y y*
*Phùng ô chi ác tri tác bình hạ thị*
*Lang dã mộ lý thi tâm vị*
*Hành hồ thi đạo thi*
*Bồng thứ sất hạng trung túc thi dạ âm hữu sất hạ thị.*

***Thánh Đức Vương:***

Đời vua ba mươi ba là Thánh Đức Vương, năm Bính Ngọ, niên hiệu Thần Long thứ hai, mất mùa, nhân dân đói khát. Ngày mồng một tháng giêng cho đến ngày ba mươi tháng giêng năm Đinh Mùi triều đình cứu dân cấp lương thực, mỗi nhân khẩu một ngày là ba thăng làm chuẩn, tính tổng cộng sau khi hoàn tất là ba vạn năm trăm ngàn thạch. Vương lập chùa Phụng Đức để cầu phước cho Thái Tông Đại Vương, lập Nhân Vương Đạo Tràng bảy ngày, đại xá thiên hạ. Vào đời vua này mới có chức Thị Trung (có bản ghi là đời Hiến Thành Vương).

***Thủy Lộ Phu Nhân:***

Vào thời Thánh Đức Vương, Thuần Trinh Công trên đường nhận chức Thái Thú Giang Lăng (nay là Minh Châu), một hôm đi đến biển kia thì dừng lại dùng cơm trưa, ở đây có vách đá cao ngàn trượng như

tấm bình phong ngăn bờ biển. Trên vách đá hoa nở đầy. Phu nhân của Công tên là Thủy Lộ thấy thế mới bảo mọi người rằng:

- Ai lên hái hoa dâng cho ta?

Tùy tùng đáp rằng:

- Người không thể lên đến đó được!

Tất cả đều từ chối, không làm được. Bỗng có một ông lão dắt một con trâu cái đi ngang qua, nghe phu nhân nói hái hoa, bèn ca một bài để tặng. Nhưng chẳng biết ông lão đó là ai. Lại đi thêm hai ngày đường nữa, một hôm ăn cơm trưa tại một cái đình bên bờ biển bỗng nhiên Hải Long bắt phu nhân xuống biển mất tăm, Trinh Công kinh hãi té ngã trên đất, không có kế gì để Hải Long xuất hiện. Bỗng nhiên có một ông lão bảo rằng:

- "Người xưa từng bảo: "Lời nói của nhiều người làm chảy cả vàng ròng". Nay loài bàng sinh trong biển này há chẳng sợ lời nói của nhiều người ư? Ngài nên huy động nhân dân trong vùng tụ tập bên bờ biển, soạn lời ca cho họ xướng, cầm gậy đánh vào bờ biển thì có thể gặp được phu nhân!"

Trinh Công làm theo lời chỉ bảo, thì rồng biển liền ôm phu nhân rời biển trả lại cho Công, Công hỏi phu nhân về việc dưới biển. Phu nhân nói rằng:

- "Cung điện toàn làm bằng bảy báu, thức ăn thơm ngon vô cùng, nhân gian chẳng thể nấu nướng được."

Áo quần của phu nhân, lúc ấy vẫn còn mùi hương lạ, không có ở thế gian này.

Thủy Lộ phu nhân dung nhan tuyệt thế, mỗi khi đi qua núi sâu, sông lớn thường bị thần, vật bắt cóc. Mọi người xướng bài Hải ca rằng:

*Rùa ơi! Rùa ơi! Trả Thủy lộ,*
*Bắt vợ của người tội cực nặng,*
*Nếu ngươi trái nghịch không chịu dâng*
*Ta đây quăng lưới bắt nướng ăn.*
*Hiến Hoa Ca của ông lão.*
*Tử Bố Nham hồ quá hy chấp âm hồ*
*Thủ mẫu ngưu phóng giáo khiển*
*Ngô bị bất dụ tàm bi y tứ đăng*
*Hoa bi chiết sất khả hiến hồ lý âm như.*

***Hiếu Thành Vương:***

Tháng mười năm Nhâm Tuất, niên hiệu Khai Nguyên thứ mười,

mới lập khuyết môn ở quận Mao Hỏa, nay là Thôn Mao Hỏa thuộc phía Đông nam Khánh châu, là nơi hiểm yếu để phòng Nhật Bản, có chu vi sáu ngàn bảy trăm chín mươi hai bộ năm thước, do Nguyên Chân Giác Can đốc suất ba mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi hai dân phu xây dựng. Năm Quý Dậu, niên hiệu Khai Nguyên hai mươi mốt, nhà Đường chinh phạt Bắc Địch, xin quân Tân La, đoàn sứ thần gồm hơn sáu trăm lẻ bốn người đến nước Phiên thuộc.

***Cảnh Đức Vương - Trung Đàm Sư:***

Biểu Huấn Đại Đức

Vương sắm sửa đầy đủ lễ nghi lãnh thọ Kinh Đức... Vương tại vị hai mươi bốn năm, các vị thần năm non ba núi có lúc đến chầu nơi triều đình. Ngày mồng ba tháng ba, vương ngự giá đến lầu Bá Chánh Môn, nói với tùy tùng rằng:

- “Ai có thể mời một vị Tăng mặc ca-sa màu đỏ đi trên đường về đây cho ta gặp mặt chăng?” Vừa lúc ấy có một Đại đức oai nghi sáng rỡ, an tường đang đi đến, các tùy tùng trông thấy và đến mời diện kiến Vương. Vương nói: “Đây không phải là vị Tăng mà ta muốn gặp!” Vị Tăng này lui ra. Lại có một vị Tăng đắp y Bá nạp mang một cái ống tròn làm bằng cây anh, từ phía Nam đi đến, Vương vui mừng nhìn vị Tăng này và sai người dẫn lên lầu; nhìn xem trong ống, thấy toàn là vật dụng để pha trà mà thôi. Vương hỏi:

- Hòa thượng pháp hiệu là gì?

Đáp:

- Là Chí Đàm.

- Hòa thượng từ đâu đến?

- Vào các ngày Trùng Tam, Trùng Cửu, chư Tăng thường nấu trà hiến cúng Di-lặc Thế Tôn ở Tam Hoa lãnh tại Nam sơn. Hôm nay bần Tăng vừa hiến cúng trở về.

- Quả nhân cũng có phần, được một chén trà chứ?

Vị Tăng bèn đun trà dâng Vương, khí vị của trà rất khác thường, mùi hương vi diệu trong chén trà xông lên ngào ngạt. Vương nói:

- Trẫm từng nghe Từ Nảo Ca Tán Kỳ Bà Lang của Sư ý nghĩa rất cao, thật thế chăng?

- Đúng vậy.

- Thế thì Tăng nên vì Trẫm làm Lý An Dân Ca, được chăng?

Vị Tăng tức thời phụng chỉ ca trình vương. Vương rất vừa lòng, phong làm Vương Sư, nhưng vị Tăng cung kính quyết chối từ, không

nhận.

An Dân Ca:

Quân ẩn phụ dã

Thần ẩn ái tứ thi mẫu sử dã

Dân yên cuồng thi hận a hài cổ vi tứ thi tri dân thị ái thi tri cổ như.

Quật Lý Sất đại bi sinh dĩ chi sở âm vật sinh thử bi thực ác chi trị lương la.

Thử địa bị xả khiển chỉ ư đông thị khứ ư định.

Vi thị tri quốc ác chi trì dĩ.

Chi tri cổ như.

Câu sau:

Quân như thần da chi dân ẩn như

Vi nội thị đăng yên quốc ác thái bình luận âm sất như.

Tán Kỳ Bà Lang Ca

Yết ô nhĩ xứ mễ, lộ hiển tà ẩn nguyệt la lý

Bạch Vân âm toại vu phù khứ ẩn an chi hạ

Sa thị bát làng ẩn định lý dã trung

Kỳ lang hỷ mạo sử thị sử sồ tà

Dật ô xuyên lý sất tích ác hy

Lang dã trì dĩ chi như tứ ô ẩn tâm vị tế sất bi toại nội lương tề a da

Bá nữ sất chi thứ cao chi hảo

Tuyết thị mao đông nải hồ thi hoa phán dã.

Ngọc hành của vương dài tám tấc (24 cm), không có con, bèn phế hoàng hậu làm Sa Lương phu nhân, lập Mãn Nguyệt phu nhân làm hậu, thụy là Cảnh Thùy thái hậu, con của Y Trung Giác Can. Một hôm vương ban chiếu triệu Biểu Huấn Đại Đức vào triều nói rằng:

- Trẫm không có phước nên chẳng có người kế thừa, cầu Đại đức xin Thượng đế ban cho!

Biểu Huấn tâu với Thiên đế, rồi trở về tâu lại với Vương rằng:

- Thiên đế nói rằng cầu con gái thì được! Còn con trai thì chẳng thể!. Vương nói:

- Xin chuyển nữ thành nam!.

Biểu Huấn lại lên trời xin Thiên đế. Đế nói:

- Được thì được, nhưng thành nam thì nước loạn.

Huấn muốn trở về hạ giới, thì Đế lại triệu đến nói rằng:

- Người và trời không thể phá phép tắc được, nay Sư lên xuống

giống như qua làng bên cạnh, sẽ tiết lậu thiên cơ, từ nay về sau chớ nên lên nữa!

Huấn trở về nói lại với Vương, Vương nói rằng:

- Tuy nước loạn, có người kế vị đủ rồi!

Đủ ngày tháng vương hậu sinh hạ một Thái tử. Vương vui mừng không xiết. Khi Thái tử tám tuổi thì vương băng hà, Thái tử kế vị, là Tuệ Cung Vương. Vì còn nhỏ nên Thái hậu lâm triều, không định được việc triều chính, giặc cướp nổi lên khắp nơi, không kịp phòng ngự. Lời của Biểu Huấn đã ứng nghiệm.

Vương vốn là nữ mà thành nam, cho nên từ lúc mới một tuổi đến khi lên ngôi đều thích vui đùa với người nữ, thích đeo túi gấm, nô đùa cùng các đạo sĩ, nên trong nước sinh đại loạn. Sau bị Tuyên Đức và Kim Lương Tướng giết chết. Sau Biểu Huấn, Thánh nhân không xuất hiện ở Tân la.

***Tuệ Cung Vương:***

Năm Đại Lịch thứ nhất, phía Đông đại sảnh của dinh quan Khang Châu, đất dần dần sụp biến thành một cái hồ rộng ngang bảy thước, dài mười ba thước; bỗng có năm, sáu con cá chép sống trong hồ này dần dần lớn lên, hồ cũng theo đó rộng thêm.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Đại Lịch thứ hai; Thiên Cẩu (chó trời) rơi ở phía Nam Đông lâu, đầu bằng cái bát, đuôi dài ba thước, màu như lửa cháy đó, trời đất cũng chấn động. Cũng trong năm này, năm khoảnh ruộng ở huyện Kim phố, đã có hạt tự nhiên trở thành bông lúa. Tháng bảy có hai sao rơi trong cung đình, kế đó một sao lại rơi, rồi cả ba chui hết vào lòng đất. Nhà cầu ở phía Bắc cung mọc hai cọng sen, ruộng ở chùa Phụng Thánh cũng sinh hoa sen, hổ đột nhập cấm thành, truy tìm thì không thấy. Trên cây lê nhà của Giác Can Đại Cung, chim sẻ tụ tập vô số. Theo An Quốc Binh Pháp quyển hạ nói: "Thiên hạ có chiến tranh, đại loạn, bấy giờ nên đại xá, tu tĩnh thân tâm". Ngày ba tháng ba Đại Cung Giác Can làm giặc. Chín mươi sáu Giác Can ở kinh đô và các châu quận trong năm đạo đánh giết lẫn nhau. Đại Cung Giác Can nhà cửa tan nát, chuyển gia đình và của cải vào Vương cung. Trường thương (kho) ở Tân thành bị cháy. Nghịch đảng Bảo Xác gồm những người ở Sa Lương, Mâu Lương cũng chuyển đến Vương cung. Loạn lạc trải qua ba tháng mới dứt. Người được khen thưởng rất nhiều, mà người bị giết chết cũng vô số.

Lời của Biểu Huấn nói nước loạn thật ứng nghiệm.

***Nguyên Thánh Đại Vương:***

Đầu tiên Y Thực Kim Chu Nguyên làm Thượng Tể, Vương là Giác Can làm Nhị Tể, một hôm nằm mộng thấy cởi khăn bịt đầu, mà đội nón trắng, cầm đàn hai mươi dây vào trong giếng ở chùa Thiên cung. Tỉnh dậy bảo người giải mộng. Người nói rằng:

"Cởi khăn bịt đầu là điềm mất chức. Cầm đàn hai mươi dây là điềm bị gông cùm. Vào giếng là điềm vào ngục". Lúc ấy Vương nghe nói rất sợ hãi, đóng cửa không giao tiếp và ra ngoài. Bấy giờ A Thực Dư Tam (có bản ghi là Dư Sơn) đến muốn gặp mặt. Vương cáo bệnh chối từ chẳng gặp. A Thực lại thông tri rằng: "Xin được gặp một lần". Vương đồng ý. A Thực nói:

- Ngài kiêng kỵ điều gì?

Vương liền kể lại lời giải mộng trên. A Thực vội lễ bái nói:

- Đây là một điềm mộng lành, nếu ngài lên ngôi vị mà chẳng bỏ tôi, thì tôi sẽ giải điềm mộng này.

Vương lánh vào trong, cấm kẻ tả hữu đến rồi xin A Thực giải mộng. A Thực nói rằng:

- Cởi khăn bịt đầu, tức không còn ai ở trên mình. Đội nón trắng là điềm đội vương miện. Cầm đàn hai mươi dây là điềm truyền được hai mươi đời. Vào giếng Thiên Tỉnh tức là điềm vào cấm cung.

Vương nói:

- Trên còn có Chu Nguyên, làm sao ta đạt được thượng vị?

A Thực nói:

- Xin bí mật cầu thần Bắc Xuyên thì được!

Vương nghe theo, không bao lâu Tuyên Đức Vương băng hà, quần thần muốn lập Chu Nguyên làm Vương, sắp đón vào cung, vì nhà ở phía Bắc sông, hôm ấy bỗng nhiên nước dâng cao không qua được. Vương nhập cung trước lên ngôi, đồ chúng của Thượng tể đều đến ủng hộ, lễ lạy chúc mừng Tân vương, hiệu là Nguyên Thánh Đại Vương, húy là Kính Tín Kim Võ. Đó là sự ứng nghiệm của điềm mộng lành. Chu Nguyên lui về Minh châu. Khi Vương lên ngôi thì Dư Sơn đã qua đời, Vương triệu con cháu của ông vào ban cho quan tước. Vương có năm người con là Tuệ Trung Thái tử, Hiến Bình Thái tử, Lễ Anh Táp Can, Đại Long phu nhân, Tiểu Long phu nhân. Đại Vương biết một cách chân thật, thông đạt cùng tận sự biến diệt, có soạn bài: "Thân không từ não ca" (đã thất lạc). Cha của Vương là Đại Giác Can Hiếu Nhượng được truyền ống sáo Vạn Ba Tức từ Tổ tông rồi truyền đến Vương, nên Vương còn mang nặng ân của Trời cao, khiến cho đức chiếu soi tận nơi

xa. Ngày mười một tháng mười năm Bính Dần niên hiệu Trinh Nguyên thứ hai, vua Nhật Bản là Văn Khánh (theo Nhật Bản Đế Kỷ năm mươi lăm, thì nghi là vào niên đại của Văn Đức Vương; không có vị vua tên Văn Khánh, hoặc có thể là Thái tử của vua), đem binh muốn đánh Tân La, nhưng nghe Tân La có ống sáo Vạn Ba Tức nên lui binh. Sau đó sai sứ dâng cho năm mươi lạng vàng để xin ống sáo này. Vương nói với sứ rằng: "Trẫm đã nghe vào đời Chân Bình Vương có vật này, nhưng nay chẳng biết đâu!" Ngày bảy tháng bảy năm sau vua Nhật Bản lại sai sứ mang một ngàn lượng vàng đến và nói rằng: "Trẫm muốn thấy thần vật này rồi trả lại".

Vương cũng nói như trước mà chối từ, chẳng nhận vàng, mà còn ban cho sứ giả ba ngàn lạng bạc. Tháng tám sứ trở về Nhật, Vương sai người cất ống sáo trong điện Nội Hoàng. Năm Ất Sửu, Vương lên ngôi được mười một năm, thì đoàn sứ thần nhà Đường đến kinh lưu lại một tháng rồi trở về, một ngày sau có hai người con gái vào triều tâu rằng: "Hai thiếp là vợ của hai rồng ở Đông Trì và Thanh Trì (Thanh Trì tức dòng suối ở chùa Đông Tuyền. Tự Ký ghi: Suối này là nơi mà loài rồng ở Đông Hải qua lại nghe pháp; chùa thì do Chân Bình Vương sáng lập, gồm năm trăm thánh chúng, có tháp năm tầng, có dân canh tác ruộng đất). Đường sứ đem hai người ở Hà Tây quốc đến đây chú nguyện biến hai chồng của hai thiếp và một rồng trong giếng chùa Phấn Hoàng thành ba con cá nhỏ, rồi bắt bỏ trong ống mà mang về. Xin bệ hạ khiến hai người kia để chồng chúng tôi lại, làm thần long bảo hộ xã tắc!".

Vua liền đuổi theo đến Hà Dương quán, tự thân ban yến tiệc, rồi bảo hai người Hà tây rằng:

- Vì sao các ngươi bắt ba con rồng của ta đem đến đây? Nếu chẳng khai thật, ắt sẽ bị gia hình!

Bấy giờ hai người kia dâng lên ba con cá nhỏ, Vương sai thả ở ba nơi, mỗi mỗi dậy nước hơn một trượng, vui mừng mà đi. Người Đường khâm phục Vương là một bậc Thánh minh. Một hôm Vương thỉnh Pháp sư Thích Trí Hải trụ chùa Hoàng Long (lời ghi chú hoặc có bản ghi là chùa Hoa Nghiêm, hoặc chùa Kim Cang; vì dùng tên chùa hoặc dùng tên kinh để gọi lẫn lộn nhau) vào cung tụng kinh Hoa Nghiêm năm tuần (năm mươi ngày). Bấy giờ Sa-di Diệu Chánh thường rửa bát bên giếng Kim Quang (nhân Đại Hiền Pháp Sư mà có tên). Bấy giờ có một con Miết rất lớn (ba ba) sống trong giếng. Sa-di thường cho nó thức ăn thừa, nên vui mừng. Pháp hội sắp kết thúc, Sa-di nói với Miết rằng:

- Ta ban ân huệ cho ngươi nhiều ngày rồi, nay ngươi lấy gì báo

đáp đây?

Vài ngày sau Miết nhả ra một hạt ngọc nhỏ tặng Sa-di. Sa-di buộc hạt ngọc vào đầu sợi dây đai. Từ đó về sau, Vương rất yêu quý Sa-di, cho triệu vào nội điện, gần gũi chẳng rời. Bấy giờ có một Táp can phụng chiếu đi sứ sang Đường triều, vị này cũng yêu mến Sa-di, xin Vương cho đi cùng. Vương đồng ý. Khi vào đến Đường triều, Đường đế cũng rất sủng ái Sa-di, đến cả Thừa tướng và các quan đều kính tin. Có một vị quan nói rằng:

- Xem kỹ vị Sa-di này, thì chẳng thấy có một tướng cát tường nào, nhưng lại được mọi người tin kính, ắt là có mang di vật ở bên mình!

Liền sai người khám xét thì được một hạt châu nhỏ ở đầu sợi đai. Đế nói:

- Ta có bốn hạt châu như ý, năm trước mất một hạt, nay thấy hạt châu này, chính là hạt đã mất của ta. Đế bèn hỏi Sa-di, Sa-di trình bày rõ sự việc trước kia. Kiểm nghiệm lại thì thấy ngày Đế mất hạt châu trùng với ngày Sa-di được hạt châu. Đế bèn giữ lại hạt châu và quở trách Sa-di. Từ đó về sau không còn ai kính tin Sa-di này nữa.

Lăng của Vương được lập ở chùa Động Hạc, phía Tây Thổ hàm khâu (nay là chùa Sùng Thiền), có Thôi Trí Viễn soạn văn bia; Vương đã lập chùa Báo Ân, Vọng Đức lâu, truy phong Tổ phụ Huấn Nhập Táp Can làm Thần Anh Đại Vương, Cao Tổ Pháp Tuyên Đại A Can làm Huyền Thánh Đại Vương, cha của Huyền Thánh là Ma Sất Thứ Táp Can.

***Tảo Tuyết:*** (Tuyết rơi)

Cuối đời bốn mươi là Ai Trang Vương, ngày mười lăm tháng tám năm Mậu Tý có tuyết rơi.

Ngày mười bốn tháng ba năm Mậu Tuất, niên hiệu Nguyên Hòa mười ba đời vua thứ bốn mươi mốt Hiến Đức Vương có tuyết lớn (có bản ghi là năm Bính Dần là sai. Niên hiệu Nguyên Hòa chỉ có mười lăm năm, không có năm Bính Dần).

Ngày mười chín tháng năm năm Kỷ Mùi đời bốn mươi sáu Văn Thánh Vương có tuyết lớn; mồng một tháng tám trời đất tối tăm.

***Hưng Đức Vương - Anh Vũ:***

Đời bốn mươi hai là Hưng Đức Đại Vương, lên ngôi năm Bính Ngọ niên hiệu Bảo Lịch thứ hai. Chưa bao lâu có người đi sứ sang Đường, mang về một cặp chim anh vũ. Không lâu sau thì chim mái chết,

chim trống lẻ loi, buồn thương kêu không thôi, Vương bèn sai người treo gương trước nó. Chim trông thấy hình mình trong gương, nghĩ là chim mái, bèn mổ vào gương thì biết là hình của mình, do đó buồn bã kêu mãi mà chết. Vương làm bài ca (đã thất lạc).

***Thần Võ Đại Vương - Diêm Trường - Cung Ba:***

Đời bốn mươi lăm là Thần Võ Đại Vương. Lúc chưa lên ngôi, một hôm nói với giáp sĩ Cung Ba rằng: "Ta có mối thù không đội trời chung, ngươi có thể vì ta trừ khử, để chiếm vương vị, thì ta sẽ cưới con gái ngươi làm phi!". Cung Ba đồng ý, đồng tâm hiệp lực, đem binh đánh về kinh, mưu đồ thành công. Sau khi soán ngôi, Vương muốn cưới con gái của Cung Ba làm phi, quần thần ra sức can gián, cho rằng Cung Ba là kẻ phản trắc, vương lấy em gái người ấy làm phi thì chẳng thể được. Vương nghe theo. Bấy giờ Cung Ba đang ở tại Thanh Hải trấn làm quân nhung (Tổng binh) oán Vương trái lời, muốn mưu loạn. Bấy giờ tướng quân Diêm Trường nghe được tâu rằng:

- Ba là kẻ bất trung, Tiểu Thần xin được trừ diệt!

Vương vui mừng ưng thuận. Diêm Trường lãnh binh đến Thanh Hải trấn báo rằng:

- Tôi có chút oán thù với quốc quân, muốn đến Minh công nương gá để toàn thân mạng.

Cung Ba nghe thế, nổi giận nói rằng:

- Các ngươi can gián vua phế bỏ con gái ta, sao nay còn đến gặp ta?

Diêm Trường lại thưa rằng:

- Đó là do trăm quan can gián, chứ tôi không can dự vào, minh công không nên nghi ngờ!

Cung Ba nghe vậy, liền dẫn vào đại sảnh hỏi rằng:

- Vậy ngài có việc gì mà đến đây?

- Có việc trái nghịch với Vương, nay muốn vào nương dưới trướng Ngài để tránh bị hại!

- Thật hân hạnh!

Cung Ba vui mừng dọn tiệc rượu tiếp đãi. Bỗng nhiên Diêm Trường rút trường kiếm của Ba chém Ba chết, các quân sĩ thuộc hạ của Cung Ba vô cùng kinh khiếp, đều quỳ mọp dưới đất, Diêm Trường bèn dẫn về kinh phục mạng rằng: "Đã chém chết Cung Ba rồi!".

Vương vui mừng khen thưởng, phong tước A Can.

Đời bốn mươi tám Cảnh Văn Đại Vương

Vương húy là Ứng Liêm, năm mười tám tuổi làm Quốc Tiên, đến năm hai mươi tuổi, Hiến An Đại Vương triệu vào cung ban yến tiệc, hỏi rằng:

- Khanh làm Quốc Tiên đi khắp các nơi thấy có điều gì lạ chăng?.

Ứng Liêm đáp:

- Thần thấy có ba hạng người có phẩm hạnh tốt đẹp.

Vương hỏi:

- Xin được nghe khanh nói.

Ứng Liêm đáp:

- Một người là bậc Thượng nhân mà tự khiêm hạ ngồi dưới người; hai, có người giàu có mà tiết kiệm giản dị; ba, có người đầy đủ quyền thế mà chẳng dùng oai lực.

Vua nghe thì biết đây là người hiền, bỗng nhiên rơi lệ nói rằng:

- Trẫm có hai người con gái, mong được nâng khăn sửa túi cho khanh!

Ứng Liêm liền rời chiếu lễ lạy, cúi đầu mà lui về. Sau đó thưa lại với cha mẹ; hai người vừa mừng vừa kinh ngạc hội họp với anh em trong gia đình lại bàn luận, rồi nói rằng: "Công chúa thứ nhất thì dung mạo rất xấu xí, công chúa thứ hai dung nhan tuyệt mỹ, cưới được người ấy thì may mắn lắm!"

Môn đồ thượng thư của Ứng Liêm là Phạm Giáo sư nghe tin đến nhà hỏi rằng:

- Đại vương muốn gả công chúa cho ngài, đáng tin chăng?

- Đúng vậy!

- Ngài cưới người nào?

- Cha mẹ bảo, ta nên cưới công chúa thứ hai.

- Nếu ngài cưới công chúa thứ hai, thì tôi nhất định chết trước mặt ngài. Còn cưới công chúa thứ nhất thì sẽ có ba điều tốt, ngài hãy quyết định đi!

Ứng Liêm nghe theo, không bao lâu Vương sai sứ đến nói rằng: "Hai công chúa đó, nay xin chủ ý của ngài?". Sứ trở về tâu rằng: "Tuân phụng chọn công chúa thứ nhất!".

Hơn ba tháng sau, Vương bị bệnh nặng, triệu quần thần đến bảo rằng: "Trẫm không có con trai, việc an táng nên để cho Ứng Liêm phò mã của công chúa thứ nhất kế thừa". Ngày hôm sau Vương băng. Ứng Liêm theo di chiếu lên kế vị. Bấy giờ Phạm Giáo sư đến nói rằng: "Thần nêu ba điều tốt, nay đều đã đến vậy.

1. Vì cưới công chúa trưởng nên nay được ngôi vương.

2. Xưa kính ngưỡng công chúa thứ hai diễm lệ thì nay cũng có thể dễ dàng lấy được.

3. Lấy công chúa trưởng thì Vương và phu nhân vui lòng.

Vương tri ân lời nói ấy nên ban tước là Đại Đức, thưởng một trăm ba mươi lạng vàng. Sau Vương băng hà, thụy hiệu là Cảnh Văn.

Phòng ngủ của Vương, mỗi bữa tối thường có vô số rắn tụ tập, cung nhân rất kinh sợ, muốn đuổi đi. Vương nói: "Nếu không có rắn thì quả nhân ngủ không yên, không nên cấm!". Mỗi khi ngủ Vương le lưỡi phủ cả ngực, đến khi lên ngôi, tai của Vương bỗng nhiên dài như tai lừa, Vương hậu và các cung nhân đều chẳng biết, chỉ có người thợ bịt khăn trên đầu cho Vương mới biết, nhưng chưa từng nói cho ai nghe. Khi người này sắp chết, vào rừng trúc chùa Đạo Lâm, là một nơi không có người, la lên với các cây trúc rằng: "Tai của vua Ta như tai lừa!". Sau đó gió thổi trúc phát ra âm thanh: "Tai của vua Ta như tai lừa!". Vua ghét, bảo chặt cả rừng trúc rồi trồng cây thù du núi, khi gió thổi vào chỉ phát ra tiếng: "Tai của vua ta dài!" mà thôi (chùa Đạo Lâm, xưa ở bên rừng Nhập đô).

Khi Quốc Tiên mời Nguyên Long, Dự Hân Lang, Quế Nguyên, Thúc Tông Lang, kết bạn vân du đã ngầm có ý muốn làm vua cai trị đất nước, nên làm đề của ba bài ca khiến nô bộc tâm phúc cẩn thận mang đến Đại Cự Hòa Thượng, khiến làm ba bài ca là Huyền Sắc Bảo Khúc, Đại Đạo Khúc, Vấn Quần Khúc, vào tâu với Vương, Vương vui mừng khen thưởng. Ba bài ca đã thất lạc.

***Xử Dung Lang - Vọng Hải Tự:***

Vào đời vua thứ bốn mươi chín là Hiến Khang Đại Vương, nước Tân La từ kinh thành cho đến vùng biển nhà gạch liên tiếp, không còn một ngôi nhà tranh, trên đường người ca hát, đàn sáo chẳng dứt, 4 mùa mưa thuận gió hòa. Bấy giờ Đại vương xa giá đến Khai Vân Phố (nay là Úy Châu, Tây Nam Hạc Thành). Khi vua sắp xa giá hồi cung, tạm nghỉ ở bên bờ biển, bỗng mây đen kéo đến đen kịt, bầu trời tối tăm chẳng thấy đường. Vương lấy làm lạ hỏi tả hữu. Nhật quan tâu rằng: "Đây là do Đông Hải Long vương biến hóa, nên làm các việc tốt thì sẽ giải trừ!". Bấy giờ Vương ban chiếu cho quan Hữu ty vì loài rồng mà xây chùa ở gần đây. Lịnh vừa ban thì mây đen tan biến, do đó mà gọi là Khai Vân Phố. Đông Hải Long vui mừng dẫn bảy rồng con hiện hình trước Vương, khen ngợi đức độ, ca múa tấu nhạc dâng hiến. Khi ấy một

rồng con biến hình người theo vua vào cung phụ giúp vua về việc trị chánh, tên là Xử Dung, Vương gả con gái đẹp của mình cho, có ý muốn lưu giữ. Lại ban cho chức Cấp Can. Vợ Xử Dung rất đẹp khiến cho Dịch Thần luyến mộ, biến thành người vô hình ban đêm đến nhà, trộm ngủ với công chúa. Xử Dung từ bên ngoài trở về, thấy trong phòng ngủ của mình có hai người, liền ca múa mà trở lui. Ca rằng:

Đông kinh minh kỳ nguyệt lương dạ nhập y du hành như khả nhập lương sa tẩm hỷ kiến côn khước ô y tứ thị lương la nhị bi ẩn ngô hạ ư sất cổ nhị bi ẩn thùy chi hạ yên cổ bản hỷ, ngô hạ thị như mã ư ẩn đoạt sất lương ất hà như vị lý cổ.

Bấy giờ Dịch Thần hiện nguyên hình quỳ xuống nói rằng: "Tôi vì đam mê vợ của ngài, nên nay xúc phạm. Nhưng ngài không giận dữ. Vì cảm động trước hành động cao đẹp ấy, nên từ nay về sau, thấy nơi nào có hình của ngài, thì tôi thệ không vào cửa". Do đó người trong nước thường dán hình của Xử Dung nơi cửa để tránh tà được phước.

Vua trở về xem thấy vùng đất tại chân núi phía Đông Linh Thứu sơn là một thắng địa, nên xây dựng một ngôi chùa lấy tên là Vọng Hải, cũng gọi là Tân Phòng. Đó là vì loài rồng mà lập. Vương lại đến Bào Thạch đình, thì Thần Nam sơn hiện hình múa trước kiệu; Vương bèn tự chế vũ điệu, dùng hình tượng để chỉ bày. Tên vị thần này là Tường Thẩm; nên đến nay nhân dân lưu truyền điệu múa này gọi là Ngự Vũ Tường Thẩm hoặc gọi là Ngự Vũ Sơn Thần. Hoặc cho rằng thần đã xuất hiện múa hát, Vương phỏng theo dáng điệu ấy, bảo thợ khắc theo để lưu lại cho đời sau, nên gọi là Tương Thẩm. Hoặc gọi là Sương Nhiêm Vũ, là căn cứ theo hình dáng thần để đặt tên.

Khi Vương đến Kim Cang Lãnh, thì Bắc Khâu Thần hiện hình múa hát, gọi là Ngọc Đạo Cầm. Khi Vương đến dự yến tiệc tại Đồng Thể Điện thì Địa Thần hiện lên ca múa gọi là Địa Bá Cấp Can. Ngữ Pháp Tập ghi: "Bấy giờ Sơn thần nhảy múa, ca rằng: "Tri Lý đa! Đô ba! Đô ba đẳng!" Nghĩa là "Người dùng trí trị quốc thì biết mà bỏ trốn đã nhiều, thành ấp sắp bị phá rồi!" Sơn thần, Địa thần biết nước sắp mất, nên hiện hình ca múa để cảnh tỉnh, nhưng vua quan chẳng biết cho là điềm lành, lại càng thêm đam mê lạc thú, nên nước mất.

***Chân Thánh Nữ Đại Vương - Cừ Đà Tri:***

Đời năm mươi mốt là Chân Thánh Nữ Vương, lên ngôi đã nhiều năm mà nhũ mẫu là Phù Hiếu phu nhân, chồng là Ngụy Hoằng Táp Can, gồm ba, bốn sủng thần chuyên quyền, phá rối triều chánh, giặc giả

nổi lên khắp nơi, người trong nước lo sợ, bèn chép mật ngữ Đà-la-ni rải trên đường, Vương và các quyền thần nhặt được đồng cho rằng: "Đây chẳng phải là do Vương Cư Nhân viết, thì còn ai nữa!". bèn giam Nhân vào ngục. Cư Nhân làm thơ cáo lên trời, trời liền làm chấn động ngục tù để Cư Nhân được tha. Thơ rằng:

*Yên Đan lệ máu, mống xuyên trời*
*Trâu Diễn đau buồn, hạ sương rơi*
*Ta nay tội tù tựa như trước*
*Trời cao sao chẳng hiện cát tường?*

Đà-la-ni ghi: "Nam-mô vong quốc, Sát ni na đế, phán ni phán ni, tô phán ni, can can tam a can, phù y ta bà ha". Người bàn cho rằng: Sát ni sát đế nghĩa là Nữ Chúa, phán ni phán ni tô phán ni là hai vị Tô phán; Tô phán là tên một tước phẩm. Can can tức ba vị A Can; phù y tức Phù Hiếu.

Vào đời vua này, A Thực là con út của Lương Bối Vương đi sứ sang Đường triều, nghe hải tặc Bách Tế nổi dậyở vùng Tân Phù, bèn tuyển chọn năm mươi người đi theo. Một hôm thuyền đến đảo Hạc (phương ngôn gọi là đảo Cốt Đại) bỗng nhiên biển nổi sóng lớn, phải nghỉ lại mười ngày. A Thực sợ hãi, bảo bốc một quẻ. Có người thưa rằng: "Trên đảo có ao thần, cần phải cúng tế mới được!". Bấy giờ A Thực sai người sắm sửa lễ vật tế lễ bên bờ ao, nước trong ao tự nhiên vọt cao hơn một trượng. Ban đêm mộng thấy một ông già đến nói rằng "Bây giờ nên để lại người nào?" Tất cả nói rằng: "Hãy để lại một người thiện xạ ở lại trên đảo, thì gió sẽ thuận!". Khi thức dậy, ông kể lại cho mọi người đồng nghe và nói rằng: "Làm năm mươi cái thẻ gỗ, viết tên của từng người lên đó rồi thả vào nước để đoán chọn". Ông nghe và làm theo. Bấy giờ trong quân có một người tên là Cư Đà Tri, thẻ của người này chìm trong nước, nên phải ở lại đảo. Lúc ấy gió thuận liền khởi thuyền đi không trở ngại.

Cư Đà buồn rầu đứng tại bãi biển trên đảo, bỗng có một ông lão từ dưới ao bước lên nói rằng:

- Ta là thần Tây Hải Nhược, lâu nay thường có một Sa-di, hằng ngày mỗi khi mặt trời mọc thì từ trên trời hạ xuống đây, tụng Đà-la-ni, nhiễu quanh ao ba vòng, thì ta và vợ cùng con cháu nổi hết trên mặt nước, Sa-di bắt con cháu của ta, rồi ăn hết ruột gan; đến nay chỉ còn hai vợ chồng ta và một đứa con gái; sáng sớm mai nó sẽ đến nữa, xin ngài bắn trừ cho!

Cư Đà nói:

- Việc cung tên thì tôi rất rành, xin nghe và làm theo lời ông!

Ông lão cảm tạ rồi lặn xuống nước. Cư Đà mai phục chờ đợi. Hôm sau, mặt trời vừa ló dạng, quả nhiên Sa-di lại đến, tụng chú như trước, vừa muốn bắt rồng để ăn gan thì Cư Đà bắn trúng, Sa-di liền biến thành một con chồn rơi chết trên đất. Bấy giờ ông lão lại xuất hiện cảm tạ, nói rằng:

- Nhờ ân của ngài mà tôi được toàn mạng, xin dâng con gái tôi làm thê thiếp cho ngài!

Cư Đà đáp:

- Được ban cho thì chẳng dám chối từ, xin nhận sở nguyện của ngài!

Ông lão bèn biến con gái thành một cành hoa rồi đặt vào lòng Cư Đà, kế đó sai hai con rồng khiêng Cư Đà đuổi kịp đoàn thuyền sứ, rồi bảo vệ đoàn thuyền vào đất Đường. Người ở đây thấy thuyền Tân La có hai con rồng khiêng đi, thì liền tâu với vua. Vua nói: "Sứ thần Tân La ắt là người phi thường". Do đó ban yến tiệc cho ngồi trên quần thần, đồng thời ban thưởng cho nhiều vàng bạc lụa là. Sau khi về nước, Cư Đà lấy cành hoa ra, cành hoa biến thành người nữ, từ đó hai người chung sống với nhau.

***Linh Miếu Tự:***

Vào năm Nhâm Thân, niên hiệu Quang Hoa mười lăm, đời vua thứ năm mươi hai là Hiếu Cung Vương (đúng là niên hiệu Càn Hóa thứ hai đời Chu Lương), hai phía Đông và Tây bên ngoài cổng chùa Phụng Thánh có hai mươi mốt ổ chim Thước. Năm Ất Hợi, tức năm thứ tư sau khi Thần Đức Vương lên ngôi (Bản xưa ghi là năm Thiên Hựu mười hai, nên ghi là Trinh Minh nguyên niên), tại hành lang trong cung Hiếu Cung Vương có ba mươi bốn tổ chim thước, bốn mươi tổ quạ. Tháng hai trời giáng sương mù, tháng sáu nước sông Trảm Phố và sóng biển xung đột với nhau ba ngày.

***Cảnh Minh Vương:***

Đời năm mươi bốn là Cảnh Minh Vương, vào năm Mậu Dần, niên hiệu Trinh Minh thứ năm, hình con chó trong bức bích họa chùa Tứ Thiên Vương bỗng nhiên cất tiếng sủa, tụng kinh ba ngày để trừ, hơn nửa ngày lại sủa tiếp. Tháng hai năm Canh Thìn, niên hiệu Trich Minh thứ bảy, ảnh tháp chùa Hoàng Long đứng ngược ở sân nhà Kim Mao Xá Tri trong một tháng. Đến tháng mười các dây cung của thần ngũ

phương tại chùa Tứ Thiên Vương đều bị đứt hết. Con chó trên tấm bích họa chạy xuống sân chùa rồi lại trở vào.

***Cảnh Ai Vương:***

Đời năm mươi lăm là Cảnh Ai Vương. Ngày mười chín tháng hai năm Giáp Thìn niên hiệu Đồng Quang thứ hai, chùa Hoàng Long lập một trăm tòa thuyết kinh, cúng dường trai tăng ba trăm vị thiền sư, Đại Vương đích thân đến dâng hương cúng dường. Pháp hội trăm tòa này là khởi đầu cho Thiền giáo giảng chung.

***Kim Truyền Đại Vương:***

Đời năm mươi sáu là Kim Truyền Đại Vương, thụy là Kính Thuận.

Vào tháng chín năm Đinh Hợi, niên hiệu Thiên Thành thứ hai. Chân Huyên của Bách Tế xâm lược Tân La, quân đã đến phủ Cao Tước, Cảnh Ai Vương xin viện binh nơi Thái Tổ ta (Hậu Cao Ly). Thái Tổ sai đem một vạn binh mạnh sang cứu giúp, nhưng cứu binh chưa đến, vào tháng mười một Chân Huyên dẫn quân đánh úp kinh đô, bấy giờ Vương đang cùng với phi tần, tôn thất dự yến tiệc vui chơi tại Bảo Thạch đình, chẳng ngờ binh giặc đến, hoảng hốt chẳng biết làm gì. Vương và phi chạy trốn vào hậu cung, còn thân thích và các Công khanh, đại phu, sĩ nữ... chạy tứ tán, đều bị giặc bắt làm tù binh, không kể quý tiện đều cho làm nô tỳ. Chân Huyên cho quân tự do cướp bóc tất cả tài sản công tư, rồi vào Vương cung sai tả hữu tìm Vương. Bấy giờ Vương và phi cùng mấy người thiếp đang ẩn núp tại hậu cung đều bị giặc bắt dẫn đến quân doanh. Chân Huyên bức tử Vương, cưỡng dâm vương phi, cho thuộc hạ hãm hiếp phi tần, rồi lập người em họ của Vương là Truyền lên ngôi. Như thế Kim Truyền là do Chân Huyên lập làm Vương. Thi hài của Vương trước đặt ở Tây đường, vương cùng quần thần đến khóc than. Bấy giờ Thái Tổ (Cao Ly) cũng sai sứ đến phúng điếu. Đến tháng ba năm Mậu Tý, Thái tổ dẫn năm mươi kỵ binh đến kinh đô Tân La, Vương và trăm quan ra ngoài thành nghinh tiếp, rồi đưa vào cung đàm luận, hết lòng cung kính, thiết yến tiệc ở điện Lâm Hải, vui cùng chén rượu. Bỗng vương nói: “Tôi không được trời phò trợ, nên dẫn đến đất nước tai họa loạn lạc. Chân Huyên làm điều bất nghĩa, làm tan nát xã tắc của tôi. Vì sao lại đau xót như thế!”. Rồi vương rơi lệ, quần thần ai cũng nghẹn ngào. Thái Tổ cũng cảm động tuôn nước mắt, nên lưu lại vài tuần mới trở về, đồng thời Thái Tổ ban nghiêm lệnh cho quân sĩ không được chạm đến tơ hào của dân. Nhân dân trong kinh thành vui mừng nói với nhau

rằng: “Xưa Chân Huyên đến, như gặp sài lang, nay Vương công đến, như gặp cha mẹ”.

Tháng tám, Thái Tổ sai sứ đem vải lụa, yên cương, ngựa tốt tặng vương, đồng thời cũng phân biệt ban cho quần thần tướng sĩ.

Tháng mười năm Ất Mùi, niên hiệu Thanh Thái thứ hai, vì các vùng đất ở bốn phương đều bị người chiếm đoạt, nước yếu thế cô, chẳng thể tự giữ yên, Vương hợp quần thần định kế. Vương nói: Dâng đất hàng Thái Tổ được chăng?

Mọi người còn do dự chưa quyết, thì Thái tử của Vương tâu rằng: “Sự mất còn của một nước ắt do số trời, nên cùng với trung thần nghĩa sĩ cùng nhau thâu phục dân tâm, hết sức mới thôi; đâu thể dễ dàng dâng xả tắc đã ngàn năm cho người khác!”

Vương nói: “Đơn độc nguy cấp như vậy, thế lực mình chẳng thể tự bảo toàn, đã chẳng thể chống cự, lại chẳng thể giữ gìn, khiến cho dân chúng vô tội óc gan lầy đất, thật ta không chịu nổi!”

Vương bèn sai thị lang Kim Phong Hưu viết thư hàng Thái tổ. Thái tử khóc lóc từ biệt Vương, đi thẳng lên núi Giai Cốt lập am tranh, mặc áo gai, ăn rau trái ẩn cư suốt đời. Con út của Vương cạo tóc xuất gia ở Hoa Nghiêm, lập chùa gọi là Phạm Không, sau trụ trì chùa Hải Ấn ở Pháp Thủy.

Thái Tổ nhận được thư, liền đưa Tể tướng Vương Thiết đi nghinh đón. Vương dẫn bá quan quy phục thái tổ, xe đẹp, ngựa quý kéo dài hơn ba mươi dặm, đường sá tắt nghẽn, người xem đông nghịt. Thái Tổ ra ngoài thành nghinh tiếp, ban cho một khu ở phía Đông hoàng cung, gã trưởng nữ là Nhạc Lãng công chúa làm vợ. Vì Vương xa rời nước mình đến sống ở nước người, nên dụ như chim Loan, do đó cải hiệu là Thần Loan Công, đặt thụy là Hiếu Mục, phong làm chức Chánh Thừa, giai vị trên Thái tử, cấp bổng lộc một ngàn thạch, các quan tướng đi theo đều được trọng dụng; đổi Tân La làm Khánh Châu, dùng làm thực ấp cho Loan Công.

Đầu tiên, Vương nạp đất xin hàng, Thái Tổ vui mừng khôn xiết, dùng hậu lễ tiếp đãi rồi nói rằng: “Vương đã dâng đất nước cho quả nhân, ân ấy thật to lớn, xin được kết hôn trong tôn thất, để vĩnh viễn giữ mối giao hảo thông gia”.

Lúc ấy vương nói: “Bá phụ của thần là Ức Liêm (cha của Vương là em của Hiếu Tân Giác Can được truy phong Thần Hưng Đại Vương) có một người con gái sắc đẹp và đức hạnh vẹn toàn, không thể không chọn làm phi!”

Thái tổ bèn cưới, đó là Thần Thành Vương Hậu họ Kim (trong Vương Đại Tông Lục do Đăng Sĩ Lang, Kim Khoan Nghị của bản triều soạn ghi: "Thần Thành Vương Hậu họ Lý. Vốn khi xưa Thái Úy Lý Chánh Ngôn người Khánh châu làm Thái thú ở Hiệp châu, lúc Thái Tổ đến châu này, đã chọn con gái Thái thú làm phi. Hoặc cho là Hiệp Châu quận. Mất vào ngày hai mươi lăm tháng ba tại chùa Huyền Hóa, Nguyện Đường, an táng ở Trinh Lăng, sinh được một người con là An Tông. Có lẽ đây là vị vương hậu ngoài hai mươi lăm phi chính nên không ghi. Việc của Kim thị chưa rõ, nhưng lời bàn của Sử gia cũng cho An Tông là ngoại tôn của Tân La, nên cho điều mà Sử đã truyền là đúng).

Cháu của TháiTổ là Cảnh Tông. Do lấy con gái của Chánh Thừa làm phi, tức Hiến Thừa (Túc) hoàng hậu, phong Chánh Thừa làm Thượng Phụ, năm Mậu Dần, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thì băng hà, thụy là Kính Thuận. Sách phong Thượng phụ ghi:

Lúc Cơ Châu mới khai nghiệp Thánh, trước phong cho Lã Thái (Lã Vọng); khi Lưu Hán vừa sáng Vương triều, cũng đã sắc phong cho Tiêu Hà. Từ khi yên định hoàn vũ, mở rộng cơ nghiệp, đã ba mươi đời, trải qua bốn trăm năm, nhật nguyệt thêm sáng tỏ, trời đất thật thái bình. Tuy do chúa thuận vô vi, nhưng cũng có thần phò tá cai trị, khiến cho đất nước rỡ ràng, thuận lòng dân trị hóa. Vệ quốc công thần Thương Trụ Quốc Nhạc Lương Vương Chánh Thừa Thực ấp Bát Thiên Hỗ Kim Truyền quê tại Kê Lâm, thân làm Vương vị, oanh liệt khí ngút trời mây, văn chương thật trác tuyệt, giàu thì như xuân thu, quý thì ở vị chư hầu, lục thao tam lược đều trọn nơi lòng. Bảy tụng năm giáp nắm tại bàn tay. Thái Tổ ta trước đã kết mối hòa hiếu lân bang, sớm nhận ra oai phong ấy, tức thời nhận làm phò mã, hầu trong đáp lại khí tiết lớn lao. Nay nước nhà đã quy về một mối, quần thần tụ hội nơi Tam Hàn; để hiển rõ thanh danh cao quý, tôn sùng khuôn phép tốt đẹp, nay tăng gia hiệu Thượng Phụ Đô Đốc Lịnh, lại ban hiệu Suy Trung Thận Nghĩa Sùng Đức Thủ Tiết Công Thần. Công huân phong như cũ, thực ấp cộng với trước là một vạn hộ. Quan Hữu ty chọn ngày, sắp đặt đủ lễ nghi để phong tặng; chủ sự thi hành.

Ngày mười tháng mười năm Khai Bảo thứ tám. Đại Khuông Nội Nghị Lịnh kiêm Tổng Hàn Lâm (thần) Cách Tuyên tuân phụng thi hành.

Phụng sắc như trên, công văn đến tuân hành. Ngày mười tháng mười niên hiệu Khai Bảo thứ tám, Thị Trung ký tên, Nội Phụng Lịnh

ký tên, Quân bộ Lịnh ký tên, Quân bộ Lịnh ký tên, Binh Bộ Lịnh không ký tên, Binh Bộ Lịnh ký tên, Quảng Bình Thị Lang ký tên, Quảng Bình Thị Lang không ký tên, Nội Phụng Thị Lang không ký tên, Nội Phụng Thị Lang ký tên, Quân bộ Khanh không ký tên, Quân Bộ Khanh ký tên, Binh Bộ Khanh không ký tên, Binh Bộ Khanh ký tên.

Báo cho Suy Trung Thận Nghĩa Sùng Đức Thủ Tiết Công Thần, Thương Phụ Đô Đốc Lịnh, Thương Trụ Quốc Nhạc Lãng Quận Vương Thực ấp Nhất Vạn Hồ Kim Truyền phụng sắc như trên, lệnh phù đến thì Phụng hành phụng. Chủ sự không ghi tên, Lang Trung không ghi tên, Thư Lịch Sử không ghi tên, Khổng Mục không ghi tên.

Ngày mười tháng mười niên hiệu Khai Bảo thứ tám...

***Sử Luận ghi:*** Thỉ Tổ họ Phác, họ Tích đều từ trứng sinh ra, họ Kim thì từ hòm vàng trên trời mà giáng sinh, hoặc cho là cưỡi xe vàng mà đến, tất cả đều là chuyện kỳ quái không đáng tin. Nhưng thế tục truyền nhau cho là thật. Hôm nay chỉ truy cứu về khởi đầu, thì những chuyện trên biểu thị rằng: Như đối với mình thì cần kiệm, đối với người thì rộng rãi, lập quan thì ước lược, hành sự thì đơn giản; cho đến chí thành quy phục Trung Quốc, sai sứ đi thuyền sang triều cống theo lệ không đoạn dứt. Lại thường cho con em vào triều làm Túc vệ, vào trường học để đọc sách, hầu noi theo phong hóa của thánh hiền, xa rời tập tục hoang sơ, làm một quốc gia có lễ nghi. Lại nhờ vào oai linh quân đội của vua mà bình định Bách Tế, Cao Cú Ly, chiếm quận huyện của họ. Thật có thể nói là hưng thịnh vậy.

Nhưng sau lại tuân phụng Phật pháp, chẳng biết đến điều tệ hại, dẫn đến việc làng mạc thành chùa tháp, dân chúng trốn làm Tăng, binh lính nông dân ngày càng ít dần, khiến cho đất nước ngày càng suy. Bấy nhiêu đó làm sao mà nước chẳng loạn mà mất cho được? Hơn nữa lúc ấy Cảnh Ai Vương chỉ biết vui chơi, đang cùng các cung nữ dạo ở Bão Thạch đình, uống rượu, lơ là việc phòng vệ đến nỗi chẳng biết Chân Huyên đến, chẳng khác gì ngoài cửa Hàn bắt hổ, trên lầu họ Trương ngắm hoa. Như Kính Thuận quy mệnh Thái Tổ, tuy là điều bất đắc dĩ, nhưng cũng có thể cho là tốt đẹp, nếu lúc trước dốc sức chiến đấu, liều chết để giữ, chống lại quân binh của các Vương; như đến khi lực hết thế cùng, thì không chỉ Tông miếu ắt bị vùi lấp, mà còn hại đến dân lành vô tội. Bởi chẳng đợi ban lệnh, mà niêm phong kho phủ, sổ sách quận huyện dâng lên, quy phục Thái Tổ. Việc ấy đã có công với triều đình mà còn có đức lớn với nhân dân nữa. Khi xưa họ Tiền đem Ngô Việt sáp nhập vào Tống, Tô Tử khen đó là trung thần, nay công đức của Tân

La còn hơn thế rất xa.

Thái Tổ ta, con cháu cũng rất nhiều, mà Hiển Tông là ngoại tôn của Tân La đã lên ngôi báu; từ đó những người kế thừa đều là cháu con của họ, đó há chẳng phải là âm đức đó ư?

Tân La đã dâng đất, quốc gia không còn, A Can Thần Hội bãi quan từ châu quận trở về, thấy kinh đô ly tán thì cảm than rơi nước mắt, mà làm một bài ca (nay đã thất lạc).

***Nam Phù Dư - Tiền Bách Tế - Bắc Phù Dư:*** (đã ghi ở trên)

Quận Phù Dư tức kinh đô của Tiền Bách Tế, hoặc gọi đó là Sở Phù Lý Quận. Theo Tam Quốc Sử Ký, mùa xuân năm Mậu Ngọ, năm hai mươi sáu đời Thánh Vương của Bách Tế, Vương nước này đã dời đến Tứ Thử, nay là Cổ Tỉnh Tân. Sở Phù Lý là tên riêng của Phù Dư, đã ghi chú ở trên. Lương Điền Trướng Tịch (sách sổ ghi chép về ruộng đất) thì ghi là ruộng đất quận Sở Phù Lý. Nay nói Phù Dư Quận là vì theo tên gọi thời thượng cổ, vua Bách Tế họ Phù, nên đặt là Phù Dư. Hoặc gọi là Dư Châu, vì bức trướng thêu treo trên tòa cao ở chùa Tư phước phía Tây của quận có ghi: “Tháng năm năm Đinh Dậu niên hiệu Thống Hòa mười lăm, Dư Châu Công Đức Đại Tự Túc Trướng”. Vả lại khi xưa ở Hà Nam đặt chức thứ sử Dư châu, bấy giờ trong bản đồ có ghi hai chữ Dư châu, Lâm châu. Lâm châu nay là quận Quế Lâm, Dư châu nay là quận Phù Dư.

***Bách Tế địa lý chí ghi:*** Hậu Hán thư nói: Tam Hàn gồm bảy mươi tám nước, Bách Tế là một trong số đó.

***Bắc sử ghi ghi:*** “Nước Bách Tế, phía Đông giáp Tân La, phía Tây sát Đông Hải, phía Bắc gặp sông Hán, đó là quận Cư Bạt Thành. Lại ghi: Cố Ma Thành, bên ngoài lại có Ngũ Phương Thành”.

***Thông Điển ghi:*** Bách Tế, phía Nam giáp Tân La, bắc giáp Cao Ly, phía Tây giáp biển lớn.

***Cựu Đường Thư ghi:*** Bách Tế là một chủng tộc riêng của Quyết Dư, Đông bắc giáp Tân La, Tây vượt biển thì đến Việt châu, Nam vượt biển thì đến Nhật Bản, Bắc giáp Cao Ly, nơi vua nước này lập đô có hai thành là Đông và Tây.

***Tân Đường Thư ghi:*** Bách Tế phía Tây giáp Việt châu, Nam giáp Nhật Bản, đều phải vượt biển, Bắc giáp Cao Ly.

***Quốc sử Bản Kỷ ghi:*** Thỉ Tổ của Bách Tế là Ôn Tộ, cha ông là Sồ Mâu Vương, hoặc gọi là Chu Mông, từ Bắc Phù Dư lánh nạn đến Tốt Bản Phù Dư, Vương của châu này không có con trai, chỉ có ba người

con gái, thấy Châu Mông biết là người khác thường nên gả con gái thứ hai cho. Không bao lâu, Vương của Phù Dư băng hà, Chu Mông kế vị, sinh được hai con trai, trưởng là Phí Lưu, thứ là Ôn Tộ. Sợ sau này Thái tử không dung nạp, nên Ôn Tộ dẫn mười vị đại thần như Ô Can, Mã Lê đi về Nam, nhân dân đi theo rất đông, đi mãi đến Hán sơn, lên đồi Phụ Nhi, quan sát vùng đất nào mà có thể an cư được. Phí Lưu muốn đóng đô ở gần bờ biển, mười vị đại thần can gián rằng: Chỉ có đất Hà Nam này, Bắc giáp sông Hán, Đông dựa vào núi cao, Nam nhìn ra Ốc Trạch, Tây có biển lớn ngăn chặn, thật là thiên hiểm, địa lợi, là một vùng đất khó được, đóng đô nơi đây, cũng chẳng phải là hợp lắm ư?

Phí Lưu chẳng chịu, chia dân dẫn trở về đóng đô tại Di Sồ Hốt. Ôn Tộ đóng đô tại Úy Lễ Thành ở Hà Nam, dùng mười vị đại thần làm phụ chánh, đặt tên nước là Thập Tế.

Vào niên hiệu Hồng Gia thứ ba đời Hán Thành Đế. Vì Di Sô Hốt là đất ẩm thấp ngập mặn, không thể sống được nên Phí Lưu trở về, thấy Úy Lễ Thành đã định xong đô ấp, nhân dân an thái, bèn hỗ thẹn mà chết, thần dân đều đến Úy Lễ Thành; từ đó về sau nhân dân vui hòa yên ổn, bèn đổi hiệu là Bách Tế.

Vì tổ tiên Bách Tế cũng như Cao Cú Ly, đồng xuất từ Phù Dư nên đều lấy họ Giải. Đến đời Thánh Vương dời đô về Tứ Thử nay là quận Phù Dư (Di Sồ Hốt, Nhân Châu, Úy Lễ nay là Lăng Sơn). Cổ Điển Ký ghi: Con thứ ba của Đông Minh Vương là Ôn Tộ, vào năm Quý Mão, niên hiệu Hồng Gia thứ ba đời Tiền Hán đã từ Tốt Bản Phù Dư đến Úy Lễ thành lập đô xưng Vương; đến năm Bính Thìn niên hiệu Hồng Gia mười bốn dời đô đến Hán Sơn (nay là Quảng châu). Trải qua ba trăm tám mươi chín năm, đến đời thứ mười ba là Cận Tiếu Cổ Vương chiếm Nam Bình Nhưỡng của Cao Cú Ly rồi dời đô về Bắc Hán Thành (nay là Dương châu). Lại trải qua một trăm năm mươi năm, đến đời hai mươi hai là Văn Chu Vương, năm Ất Mão, niên hiệu Nguyên Huy thứ ba lại dời đô về Hùng Xuyên (nay là Công Châu). Lại trãi qua sáu mươi ba năm, đến đời hai mươi sáu là Thánh vương lại dời đô đến Sở Phủ Lý, đổi quốc hiệu là Nam Phù Dư. Đến đời ba mươi mốt là Nghĩa Từ Vương, đã trải qua một trăm hai mươi năm, vào niên hiệu Hiển Khánh thứ năm nhà Đường, bấy giờ Nghĩa Từ Vương đã tại vị được hai mươi năm, Kim Dửu Tín của Tân La và Tô Định Phương của Đường chinh phạt bình định Bách Tế.

Nước Bách Tế xưa có năm bộ, phân chia thống lãnh ba mươi bảy quận, gồm hai trăm thành, bảy mươi sáu vạn hộ. Nhà Đường phân chia,

đặt đất này làm năm Đô Đốc Phủ là Hùng Tân, Mã Hàn, Đông Minh, Kim Liên và Đức An, vẫn dùng các Tù trưởng của Bách Tế làm Thứ sử Đô Đốc Phủ. Không bao lâu thì Tân La chiếm nước này lập thành ba châu là Hùng, Toàn và Võ cùng với các quận huyện.

Ở chùa Hổ Nham có gộp đá Chánh Sự, mỗi khi quốc gia muốn nghị bàn về chức Tể Tướng, thì viết tên những người được tuyển chọn vào ba hoặc bốn cái hộp niêm phong kỷ, rồi đặt trên gộp đá này, trong giây lát mở ra xem, nếu trên tên của ai có dấu ấn thì người ấy làm Tể tướng. Vì thế có tên là Chánh Sự.

Bên bờ sông Tứ Thử có một gộp đá, Tô Định Phương từng ngồi nơi đây câu cá, có rồng xuất hiện, nên trên đó có dấu vết rồng quỳ, do đó gọi là Long nham.

Trong quận này có ba ngọn núi là Nhật sơn, Ngô sơn và Phù sơn. Khi đất nước toàn thịnh, mỗi núi đều có thần nhân cư trụ, bay qua lại với nhau, ngày đêm chẳng dứt.

Bên bờ sông Tứ Thử có một phiến đá lớn có thể ngồi trên mười người, vua Bách Tế muốn đến chùa Vương Hưng lễ Phật, thì trước đứng trên phiến đá này từ xa bái Phật, thì phiến đá này tự nhiên ấm lên. Do đó mà gọi là Noãn thạch. Hai bên bờ sông Tứ Thử cảnh vật giống như bức họa, vua Bách Tế thường đến đây dự yến tiệc thưởng thức ca múa, nên đến nay gọi là Đại Vương Phố. Thỉ Tổ của Bách Tế là Ôn Tộ, là con thứ ba của Đông Minh, ông có thân hình cao lớn, tánh tình hòa hiếu, giỏi cưỡi ngựa bắn tên. Còn Đa Lâu Vương thì tánh tình khoan dung nhân hậu, có uy thế. Sa Thế Vương (còn gọi là Sa Y Vương), khi Cừu Thủ Vương băng hà thì lên ngôi, nhưng còn nhỏ chẳng thể nắm giữ triều chánh nên bị phế, đồng thời lập Cổ Nhĩ Vương. Hoặc cho rằng năm Kỷ Mùi niên hiệu Lạc Sơ thứ hai Sa Thế Vương băng hà, Cổ Nhỉ mới lên ngôi.

***Võ Vương:***

(Bản xưa ghi là Võ Khang, thì chẳng phải, Bách Tế không có Võ Khang)

Đời thứ ba mươi là Võ Vương, Vương tên là Chương, mẹ cô quả, làm nhà bên bờ ao ở phía Nam (Nam trì) kinh thành sinh sống, nhân tư thông với con rồng dưới ao mà có thai sinh ra Vương. Thuở nhỏ tên là Thự Đồng, khí lượng khó biết, thường đào củ hoài sơn (Thự dự) bán lấy tiền nuôi sống, do đó mọi người gọi là Thự Đồng. Một hôm nghe nói công chúa thứ ba của Chân Bình Vương nước Tân La là Thiện Hoa (còn

gọi là Thiện Hóa) dung nhan tuyệt thế, Thự Đồng bèn cạo tóc đến kinh đô Tân La, đem củ hoài sơn cho các đứa trẻ trong thôn xóm ăn, nên tất cả đều gần gũi thân mật. Thự Đồng bèn làm một bài đồng dao rồi dụ dẫn các đứa trẻ hát lên, loan truyền khắp kinh thành. Bài ca rằng:

*Công chúa Thiện Hoa, chỉ cưới Thự Đồng*
*Thự Đồng ban đêm sẽ đến mang đi.*

(tạm dịch theo ý)

Bài ca-sau đó truyền vào cấm cung, trăm quan cực lực khuyên bảo nên đem công chúa trốn ở một nơi xa. Lúc sắp đi, Vương hậu ban cho một đấu vàng làm lộ phí. Khi công chúa sắp đến nơi ẩn trốn, Thự Đồng xuất hiện lễ bái công chúa giữa đường, xin đi theo làm thị vệ. Công chúa tuy chưa biết Thự Đồng từ đâu đến, cũng vui vẻ tin tưởng chấp nhận. Nhân đó mà đi với nhau, rồi ngầm tư thông. Sau khi biết được tên là Thự đồng, thì mới tin bài đồng dao kia có ứng nghiệm. Cả hai trở về Bách Tế, công chúa đem số vàng mà mẫu hậu đã tặng lúc ra đi đưa cho Thự Đồng để làm kế sinh sống. Thự Đồng hỏi rằng:

- Đây là vật gì?

- Đây là vàng ròng, có thể làm cho giàu có cả đời đấy! Công chúa trả lời.

Thự Đồng nói:

- Từ nhỏ ta đào đất lấy Hoài sơn, nhặt cái này chất như bùn đất, hàng đống.

Công chúa kinh hãi nói:

- Đó là vật báu trong thiên hạ, nay chàng đã biết nơi có vàng, thì nên chuyển vào cung điện cho cha mẹ, được chăng?

Thự Đồng trả lời: Có thể được!

Bấy giờ hai người liền dồn chất vàng thành đống cao lớn như ngọn đồi, rồi đến Pháp sư Trí Mạng ở chùa Sư Tử, núi Long Hoa, hỏi về phương kế chuyển vàng. Pháp Sư nói: “Ta có thể dùng thần lực để chuyển, hãy đem vàng đến đây!”

Công chúa viết thơ, đồng thời chuyển vàng đến trước chùa Sư Tử. Sư dùng thần lực, trong một đêm đã chuyển hết số vàng vào trong cung điện của Tân La. Chân Bình Vương vô cùng kinh dị với thần biến ấy, nên rất tôn kính, viết thơ vấn an luôn. Thự Đồng do đó mà được lòng người, nên về sau lên ngôi vương Bách Tế. Một hôm Vương và phu nhân muốn đến chùa Sư Tử, ngang qua một cái ao lớn dưới chân núi Long Hoa, bỗng nhiên Di-lặc Tam Tôn xuất hiện trong ao, Vương và phu nhân dừng lại đảnh lễ. Phu nhân nói rằng: “Cần phải lập một ngôi

Già lam lớn nơi đây để làm kiên cố thêm sở nguyện.” Vương đồng ý, đến nơi Pháp sư Tri Mạng thưa hỏi về việc lấp ao. Pháp Sư cũng dùng thần lực trong một đêm bạt núi lấp ao thành đất bằng. Vương và phu nhân sai lập Pháp Tượng Di-lặc Tam Tôn, điện tháp, sảnh đường... mỗi mỗi đều ba tòa, đặt tên là Di-lặc Tự (quốc sử ghi là Vương Hưng Tự). Chân Bình Vương sai một trăm thợ giỏi phụ giúp.

Đến nay chùa vẫn còn (Tam Quốc sử ghi: Là con trai của Pháp Vương, mà ở đây truyện ghi chỉ có con gái. Chưa rõ vì sao?)

***Hậu Bách Tế - Chân Huyên:***

Tam Quốc Sử bản truyện ghi: Chân Huyên người huyện Gia Ân, Thượng châu, sinh vào năm Đinh Hợi niên hiệu Hàm Thông thứ tám, vốn họ Lý, sau đổi thành họ Chân, cha tên là A Từ Cá, làm nghề nông. Trong năm Quang Khải, Huyên chiếm cứ thành Sa Phất, tự xưng là tướng quân (Sa Phất nay là Thượng châu), có bốn người con trai đều nổi tiếng ở đời.

Huyên là người kiệt xuất, nhiều tài trí mưu lược; Lý Bi Gia ký ghi: Chân Hưng Đại Vương có người phi là Tư Đao, thụy là Bạch Tung phu nhân. Con của người con thứ ba Cừu Luân Công là Ba Trân Can Thiện Phẩm, con của Thiện Phẩm là Giác Can Chước Trân cưới Vương Giảo Ba Lý sinh ra Giác Can Nguyên Thiện, đó là A Từ Cá. Vợ thứ nhất của A Từ Cá là Thượng Viện phu nhân, người vợ thứ hai là Nam Viện phu nhân, sinh ra năm người con trai và một người con gái. Trưởng tử là Thượng Phụ Huyên, người thứ hai là Tướng quân Năng Ai, người thứ ba là Tướng quân Long Cái, thứ tư là Bảo Cái, thứ năm là Tướng quân Tiểu Cái, một người con gái là Đại Chúa Đao Kim.

***Cố Ký ghi:*** Xưa có một người rất giàu sống tại Bắc Thôn ở Quang Châu, sinh được một người con gái, dung mạo đoan chánh. Một hôm người con gái nói với cha rằng: “Thường có một người con trai mặc áo tím tối đến giao hôn”. Người cha nói: “Lấy sợi chỉ dài xâu vào cây kim rồi ghim vào áo của hắn!”. Người con gái nghe theo. Đến sáng lần theo hết sợi chỉ đến chân tường phía Bắc, thì thấy cây kim đang cắm vào lưng một con giun. Sau đó người con gái có thai, sinh ra một bé trai, năm mười lăm tuổi tự xưng là Chân Huyên. Đến năm Nhâm Tý niên hiệu Cảnh Phước thứ nhất xưng Vương, định đô ở quận Hoàn Sơn, tại vị bốn mươi ba năm, đến năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thanh Thái thứ nhất, con thứ ba của Huyên soán ngôi, Huyên phải chạy qua đầu hàng Thái Tổ, con là Kim Cang lên ngôi. Năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Phước thứ

nhất, giao chiến với quân Cao Ly ở Nhất thiện quận, Bách Tế liên tiếp bại trận, cuối cùng thì mất nước".

Khi Huyên còn ở tuổi ẵm bồng, cha mẹ thường mang theo ra đồng ruộng, cha cày ruộng, mẹ đặt con bên rừng để lo nấu cơm, khi ấy thường có cọp đến cho bú. Người trong làng nghe biết cho là kỳ lạ. Đến lúc tráng niên thì tướng mạo kỳ vĩ, chí khí lỗi lạc bất phàm; theo quân vào kinh đô, đến biển tây nam chặn gối trên mác đợi địch, chí khí mạnh mẽ luôn luôn dẫn đầu quân sĩ, vì có công lao nên được làm phó tướng. Năm Cảnh Phước thứ nhất đời Đường Chiêu Tông, tức năm thứ sáu đời Chân Thánh Vương Tân La. Các tiểu quan được Vương sủng ái ở trong triều trộm lộng quyền hành, làm rối loạn kỷ cương phép nước, lại thêm đói kém, nhân dân lưu tán, trộm cướp nổi lên khắp nơi. Bấy giờ Huyên thầm khởi tâm mưu phản, nên tụ tập đồ chúng bạn bè đánh chiếm các châu huyện phía Tây nam kinh thành, nơi Huyên đến thì mọi người đều hưởng ứng. Trong khoảng từ mười ngày đến một tháng mà quân đã lên đến năm ngàn, bèn chiếm Vũ Trân Châu, tự lập làm vương, nhưng chưa dám công khai xưng vương; tự đề là Tân La Tây Diện Đô Thống Hành Toàn Châu Thứ Sử kiêm Ngự Sử Trung Thừa Thượng Trụ Quốc Hán Nam Quận Khai Quốc Công.

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Long Kỷ thứ nhất (có thuyết nói là năm Nhâm Tý, niên hiệu Cảnh Phước thứ nhất), giặc Bắc Nguyên là Lương Cát hùng mạnh, Cung Duệ đầu quân vào đây. Huyên nghe được, từ xa trao cho Lương Cát làm Tỳ tướng (phó tướng). Một hôm Huyên tuần thú đến Hoàn Sơn Châu nhân dân ra nghinh đón thăm hỏi, Huyên vui mừng vì đã được lòng người, nói với kẻ tả hữu rằng: "Bách Tế khai quốc được hơn sáu trăm năm, do Tân La xin binh, nên Đường Cao Tông sai Tô Định Phương tướng quân đem mười ba vạn quân đi thuyền vượt biển, còn Kim Dửu Tín của Tân La theo đường bộ vượt Hoàng Sơn hợp với binh Đường diệt Bách Tế. Vậy nay ta chẳng dám lập đô để rửa mối hận xưa hay sao?". Từ đó bèn xưng là Hậu Bách Tế Vương, sắp đặt quan tước, chức vị, đó là vào năm Quang Hoa thứ ba nhà Đường, năm thứ tư đời Hiếu Cung Vương của Tân La.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Trinh Minh thứ tư, nhân tâm ở kinh đô Thiết Nguyên bỗng nhiên sinh biến, tôn Thái Tổ ta lên ngôi. Huyên nghe tin sai sứ sang chúc mừng. Thái tổ tặng quạt Khổng tước, mũi tên tre ở Địa lý sơn... Huyên và Thái Tổ về dương thì hòa về âm thì khắc. Huyên tặng ngựa quý cho Thái Tổ. Nhưng đến tháng mười mùa đông năm thứ ba, Huyên dẫn năm ngàn quân kỵ đến Tài Vật Thành (nay chưa

rõ ở đâu), Thái tổ cũng đem tinh binh đến giao chiến. Binh của Huyên mạnh, đánh lâu mà không phân thắng bại, Thái Tổ muốn tạm hòa để dưỡng quân, do đó viết thư xin hòa, cho em ruột là Vương Tín sang làm con tin, Huyên cũng gởi cháu ngoại là Chân Võ sang làm con tin. Tháng mười hai Huyên đánh chiếm hơn hai mươi thành như Cư Tây... rồi sai sứ vào triều Đường xưng phiên hầu. Vua Đường phong Huyên làm Kiểm Hiệu Thái Úy Kiêm Thị Trung Phán Bách Tế Quân Sự, y như trước giữ chức Đô Đốc Hành Toàn Châu Thứ Sử Đông Hải Tây Diên Đô Thống chỉ huy binh mã. Cất đặt các việc, Bách Tế Vương hưởng thực ấp hai ngàn năm trăm hộ. Tháng tư Chân Võ bỗng nhiên qua đời, Huyên nghi do cố sát nên cầm tù Vương Tín, sai người qua đòi lại ngựa đã hiến khi trước, Thái Tổ cười rồi trao lại.

Tháng chín năm Đinh Hợi, niên hiệu Thiên Thành thứ hai Huyên lại đánh chiếm Cận Phẩm Thành (nay là huyện Sơn Dương) và đốt cháy. Vua Tân La cầu cứu Thái Tổ, Thái Tổ sắp xuất quân, thì Huyên đã đánh úp phủ Cao Tước (nay là Úy Châu) tiến thẳng đến Tộc Thủy lâm (còn gọi là Kê lâm ở phía Tây kinh đô), đột nhập kinh thành Tân La. Bấy giờ vua Tân La và phu nhân đang dạo chơi tại Bào Thạch Đình, do đó bị đại bại. Huyên cưỡng ép phu nhân và hãm hiếp, đưa em họ của Vương là Kim Truyền lên ngôi. Sau đó bắt Vương đệ là Hiếu Liêm, Tể tướng là Anh Cảnh, cướp đoạt của cải châu báu, binh khí, thiếu nữ và thợ giỏi về nước. Thái tổ dẫn năm ngàn kỵ binh tinh nhuệ chận Huyên tại chân Công Sơn giao chiến, tướng của Thái Tổ là Kim Nhạc, Sùng Khiêm tử trận, bại quân chạy về Bắc, Thái Tổ chỉ vì thoát thân nên chẳng dám chống cự, khiến cho Huyên càng tung hoành, thừa thắng chuyển đánh cướp thành Đại Mộc (nay là Nhược Mộc), phù Kinh Sơn, Khang Châu; lại công phá thành Phửu Cốc. Lại tướng giữ phủ Nghĩa Thành là Hồng Thuật đã chống cự mà tử trận. Thái Tổ than rằng:

- Ta mất cánh tay phải rồi!

Năm Canh Dần, năm thứ bốn mươi hai (nhằm niên hiệu Trường Hưng thứ 1), Huyên muốn đánh chiếm quận Cổ Xương (An đông) nên dẫn đại quân đến Thạch Sơn hạ trại. Thái Tổ cũng dẫn đại quân đến hạ trại ở Bình sơn, phía Bắc quận, cách Huyên một trăm bộ. Hai bên bày trận, quân của Huyên đại bại, Thế Tổ bắt sống Thị Lang Kim Ốc. Sáng hôm sau, Huyên thâu quân, tập kích thành Thuận châu, thành chủ là Nguyên Phùng không kháng cự nổi bỏ thành chạy trốn. Thái Tổ giận dữ, biếm làm tri huyện Hạ Chí (nay là huyện Phong sơn. Nguyên Phùng là người thành Thuận châu).

Vua quan Tân La vì vận nước suy vi, khó có thể phục hưng được, nên bàn muốn cùng Thái Tổ ta kết mối giao hảo để nhờ cứu giúp. Huyên nghe được, muốn vào kinh đô Tân La để công phá, e sợ Thái Tổ vào trước, nên gởi thư đến Thái Tổ, thư ghi:

- Hôm qua, tướng của Tân La là Kim Hùng Liêm... đến triệu túc hạ vào kinh, đó giống như ba ba đáp ứng tiếng kêu của ba ba, muốn chim sẻ mà mang cánh đại bàng, nhất định sẽ khiến sinh linh lầm than, xã tắc hoang phế! Ta bấy giờ trước cầm ngọn roi của tổ, lia lưỡi búa của Hàn, thề cùng trăm quan lòng sáng như mặt trời, dụ cùng sáu bộ nên lấy nghĩa cao. Chẳng ngờ gian thần chạy trốn, Quốc quân thăng hà. Ta bèn khuyên lập ngoại tôn của Hiến Khang Vương (em của Cảnh Minh Vương) lên ngôi. Mất vua mà còn có vua tại vị! Túc hạ chẳng tin lời trung thật mà lại nghe lời đồn hư, tính trăm mưu ngàn kế rình rập, nhiều lần sâm phạm quấy nhiễu, mà còn chẳng thể thấy được đầu ngựa của ta cắt được lông trâu của ta. Như đầu mùa đông Đô Đầu Sách Sương chịu trói ở trận Tinh Sơn; trong tháng này tả tướng Kim Nhạc phơi thây trước chùa Mỹ Lợi, bị giết đã nhiều mà bị bắt cũng chẳng ít. Mạnh yếu như thế thì thắng bại có thể biết, ta mong túc hạ treo cung nơi lầu Bình Nhưỡng, cho ngựa uống nước nơi Phối giang. Nhưng ngày bảy tháng trước nước Ngô Việt sai sứ là Ban Thượng Thư đến truyền chiếu chỉ của vua nói rằng: "Biết khanh và Cao Ly vốn có tình hòa hiếu từ lâu, đã cùng kết minh thân cận. Nhân hai người làm tin bị chết mà khiến cho mất đi tình hòa thân vốn có, xâm đoạt cương thổ lẫn nhau, can qua chẳng dứt. Nay trẫm truyền sứ thần đến địa phận của khanh, lại chuyển thư đến Cao Ly, mỗi mỗi nên giúp đỡ nương nhau, vĩnh viễn tin tưởng nhau mà chấm dứt can qua...!"

Ta về nghĩa rất tôn trọng Vương, về tình dốc lòng phụng sự Đại quốc, vừa nghe chỉ dụ liền muốn vâng theo. Nhưng suy nghĩ túc hạ cũng muốn bãi binh, chẳng thể khốn khó mà độc chiến, nên nay lục lại chiếu thư gởi trình túc hạ, xin để tâm xem rõ. Nếu như Thỏ hay cho giỏi đều thất bại ắt chuốc lấy lời đàm tiếu, ngao cò tranh nhau thì cũng làm người chê cười. Thế nên lấy đó để răn mình, tự chiêu họa thì không còn cơ hối hận.

Tháng giêng niên hiệu Thiên Thành thứ hai Thái Tổ viết thư phúc đáp rằng:

- Kính nhận một đạo chiếu thư của quốc vương nước Ngô Việt do Thông Sứ Ban Thượng Thư truyền đến, đồng thời nhờ ân túc hạ khuất mình gởi cho một lá thư dài trình bày mọi việc:

Sứ thần ngồi xe đẹp, truyền đến một đạo chiếu thư; lời hay trên lụa trắng ban cho lời chỉ dạy. Tay cầm Thánh chỉ mà tăng phần cảm kích, tay mở thư xem mà lòng khó tránh nổi hiềm nghi. Nay gởi trở về lòng chân thành bày tỏ. Tôi trên được trời sai bảo dưới thì được nhân dân suy tôn, quá to với quyền tướng soái, mong đạt đến vận hội an bang. Bỗng chốc Tam Hàn nguy ách, cửu thổ loạn ly, dân đen phần nhiều làm giặc cướp, vườn ruộng đều trở thành hoang sơ. Bởi mong ngăn dứt được cảnh phong trần kinh sợ, cứu giúp được xã tắc tai ương, bèn tự đến thân gần để kết tình hiếu hảo. Quả thật đã thấy được vài ngàn dặm ruộng đồng xanh tốt, nhân dân lạc nghiệp, binh lính an nhàn nghỉ ngơi được bảy, tám năm. Cho đến năm Quý Dậu đây, đúng vào tháng mười, bỗng nhiên sinh việc, dẫn đến giao binh. Túc hạ đầu tiên khinh địch tiến lên phía trước, như bọ ngựa chống với bánh xe, rốt cuộc biết khó thắng mà rút lui, như loài muỗi mòng vác mang núi lớn, phải vòng tay mà xin bày tỏ, chỉ trời mà tự thệ rằng: “Từ nay về sau vĩnh viễn hiếu hòa. Nếu như phản lời thề thì thần minh tru diệt!”

Ta cũng chuộng chánh nghĩa chấm dứt can qua, cầu đức nhân không lòng sát hại, nên mới giải trùng vây để quân nghỉ dưỡng, không chối từ việc gởi con tin muốn dân an lạc. Đó là ta có đức lớn đối với dân Nam vậy. Đâu ngờ máu thề chưa ráo, lòng hung dữ đã lại khởi lên; ong rết dùng nọc độc để sát hại dân lành, sói lang điên cuồng xâm hủy kinh đô khiến cho Kim thành quẩn bách, Hoàng thất sợ kinh. Bậc trượng nghĩa phò Chu, có ai giống như Hoàn Văn Bá; thừa cơ đoạt Hán chỉ thấy có Vương Mãng Đỗng Trác gian thần. Khiến cho bậc quân vương chí tôn, hạ mình xưng thần với túc hạ. Thế thì tôn ti lẫn lộn, trên dưới đồng lo, cho rằng như chẳng có bậc trung trinh phụ tá, thì xã tắc đâu lại được an khương; ta lòng không dấu ác, chí tha thiết tôn vương, muốn cứu khổn triều đình, khiến phò nguy đất nước. Còn túc hạ chỉ thấy cái lợi nhỏ bé mà đánh mất ân dày của trời đất. Chém chết quân vương, thiêu đốt cung điện, sát hại quần thần, cướp bóc nhân dân; gái đẹp thì bắt để cưỡng dâm, tiền của thì cướp đem về nước. Thật là ác hơn Kiệt, Trụ, bất nhân vượt cả loài cú mèo, ác cảnh (chim, thú ăn thịt cha mẹ). Lòng ta oán túc hạ thật ngút trời, tâm ta chí thành sáng hơn nhật nguyệt. Thề đánh đuổi loài ưng chiên (một loài chim dữ) để tỏ rõ bổn phận khuyển mã, nên lại phát động can qua, hai lần thay đổi tướng soái. Đánh trên bộ thì như sấm vang chớp giật, đánh dưới nước thì như hổ tát rồng bay, đuổi chư tướng ra tận bờ biển, giáp chất như non; bắt Sồ Tổ ở bên thành, thây phơi đầy đồng nội. Lại nơi quận Yên sơn chém Cát Hoán trước ba quân,

thành Mã Lợi (nghi là quận Y sơn) giết Tùy Ngộ bên cờ soái. Ngày chiếm Nhâm Tồn (nay là quận Đại Hưng) vài trăm người như Hình Tích... phải bỏ mạng, lúc phá Thanh Xuyên (một huyện thuộc Thương châu), bốn, năm tướng như Trực Tâm... phải mất đầu. Nơi Đồng Tẩu (nay là chùa Đồng Hoa) thấy tinh kỳ mà tan tác, ở Kính Sơn dâng lễ mà đầu hàng. Khương Châu thì quân từ hướng Nam mà đến La Phủ thì từ phía Tây mà vào, thế tấn công như vậy thì việc thâu phục đâu còn xa, ắt hẹn trên sông để rửa sạch mối hận một ngàn thuyền của Trương Nhĩ, bên bờ Ô giang hoàn thành tâm nhất thống của Hán Vương. Ngừng dứt phong ba, trời trong biển lặng. Được Hoàng Thiên trợ giúp, mạng vận muốn về đâu? Hà huống thừa chiếu chỉ của Ngô Việt Vương, đức nhuần thấm khắp cùng, lòng nhân sâu xa dưỡng sinh muôn loài nơi Cấm thành đã đặc ban chiếu chỉ, hiểu dụ cấm chiến nạn ở Thanh Khâu (Hải Đông), mà dám chẳng tuân mạng ư? Nếu Túc hạ vâng theo thánh chỉ sáng suốt kia, dẹp bỏ tất cả hung đồ, thì không chỉ hợp với lòng nhân của Thượng quốc, mà còn tiếp nối được vận tuyệt của Hải Đông. Nếu chẳng thông đạt mà chống trái thì có hối cũng chẳng kịp!” (Thôi Trí Viễn soạn).

Niên hiệu Trường Hưng thứ ba, Cũng Trực được một mưu thần dõng mãnh có trí lược của Chân Huyên qua đầu Thái Tổ. Chân Huyên bèn bắt hai con trai và một con gái của Cung Trực đốt cháy, cắt đứt gân đùi của họ. Đến tháng chín, mùa thu năm ấy Huyên sai Nhất Cát dùng thủy binh vào bờ sông Lễ Thành của Cao Ly, ở lại ba ngày cướp đốt hơn một trăm chiếc thuyền của ba châu Diêm, Bạch, Chân rồi rút lui.

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Thành Thái thứ nhất, Huyên nghe Thái Tổ đóng binh ở Vận châu (chưa rõ nơi đâu) bèn tuyển chọn binh sĩ tinh nhuệ, ăn cơm sớm rồi đến tấn công, chưa đến đồn doanh thì bị Tướng quân Kiềm Bật dẫn quân kỵ tập kích, chém hơn ba ngàn thủ cấp, Huyên đại bại; từ Hùng Tân trở về phía Bắc hơn ba mươi thành vừa nghe thì đầu hàng. Bộ hạ của Huyên như Thuật Sĩ Tông Huấn, thầy thuốc Chí Khiêm, dõng tướng Thượng Đạt, Thôi Bật... đều hàng Thái Tổ.

Tháng giêng năm Bính Thân, Huyên nói với các người con rằng: “Vào cuối đời Tân La, Lão phu lập Hậu Bách Tế đến nay đã nhiều năm rồi, binh lính nhiều hơn Bắc quân, mà còn chẳng thắng lợi, đó là do trời ban cho đất Cao Ly vậy. Nay nên quy thuận Bắc Vương để bảo toàn mạng sống”.

Ba người con của Huyên là Thần Kiếm, Long Kiếm, Lương Kiếm đều không chịu. Lý Đề Gia Ký ghi: “Huyên có chín người con: Trưởng là Thần Kiếm (còn gọi là Chân Thành), thứ hai là Đại Sư Khiêm Não,

thứ ba Tả Thừa Long Thuật, thứ tư là Đại Sư Thông Trí, thứ năm là Đại A Can Tông Hữu, thứ sáu Khuyết danh, thứ bảy là Tả Thừa Vị Hưng, thứ tám là Đại Sư Thanh Khâu, và một con gái là Quốc Đại phu nhân, tất cả đều do Thượng Viện phu nhân sinh ra". Huyên có rất nhiều con, hơn mười người. Trong đó người con thứ tư là Kim Cang, thân hình cao lớn, nhiều tài trí, Huyên rất yêu mến ý muốn truyền ngôi vị. Các người anh là Thần Kiếm, Lương Kiếm, Long Kiếm biết được nên rất lo buồn. Bấy giờ Lương Kiếm làm Đô Đốc Khương Châu, Long Kiếm làm đô đốc Võ châu, chỉ còn một mình Thần Kiếm ở bên Huyên. Bấy giờ Năng Hoán sai người đến hai châu Lương và Võ để lập mưu; cho đến tháng ba, mùa Xuân năm Ất Mùi, niên hiệu Thanh Thái thứ ba, cùng với Anh Thuận... nhốt Huyên tại Kim Sơn Phật Tự, sai người giết Kim Cang, Thần Kiếm tự xưng Đại Vương. Đại xá trong nước.

Đầu tiên Huyên ngủ chưa dậy, từ xa nghe trong cung đình có tiếng kêu la, Huyên hỏi:

- Tiếng gì vậy?

Đáp rằng:

- Vương nay đã già, mờ mịt với việc trị chánh của triều đình, nay trưởng tử là Thần Kiếm nhận lấy Vương vị của cha, đó là tiếng các tướng sĩ tung hô chúc mừng!

Lát sau chuyển Huyên đến Kim Sơn Phật Tự, cho Ba Đạt và ba mươi tráng sĩ canh giữ; có bài đồng dao rằng: "Đáng thương đứa bé Hoàn Sơn, mất cha lệ tuôn như mưa". Huyên cùng với hai người một nam một nữ trẻ tuổi của hậu cung, một thị tỳ là Cổ Tỉ, một nội nhân là Năng Hựu đều bị cầm tù. Đến tháng tư, chuốc rượu cho ba mươi lính canh say ngũ, Huyên và mọi người được Nguyên Phủ Hương Văn, Ngô Diễm, Trung Chất theo đường biển đón đến Cao Ly. Khi đã đến, vì Huyên lớn hơn mười tuổi nên tôn là Thượng phụ, cho ở Nam Cung, ban cho điền trang thực ấp ở Dương châu, bốn mươi nô tỳ, chín con ngựa. Những người từ nước này đến hàng từ trước như Tín Khang làm Nha tiền. Con rể của Chân Huyên là Tướng Quân Anh Quy, mật nói với vợ rằng: Đại vương khổ nhọc hơn bốn mươi năm trời, công nghiệp sắp thành, bỗng chốc vì cái họa trong nhà mà mất đất, phải chạy sang Cao Ly. Phàm trinh nữ không thờ hai chồng, tôi trung không phò hai chúa. Nếu bỏ chúa mình mà theo phụng sự nghịch tử thì còn mặt mũi nào gặp nghĩa sĩ trong thiên hạ? Hà huống nghe nói vua Cao Ly công minh nhân hậu, cần kiệm, thâu phục được nhân tâm, được trời khai phát chỉ dạy, nhất định sẽ làm chủ Tam Hàn; ta nên gởi thư an ủi vua ta, đồng thời ân

cần thăm hỏi các Vương công, để mong cầu được phước mai sau?

Người vợ nói rằng: Lời phu quân nói rất hợp ý thiếp. Bấy giờ vào tháng hai năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Phước thứ nhất, Anh Quy sai người chuyển ý mình đến Thái Tổ, viết rằng: "Đại vương dựng cờ đại nghĩa, đây xin làm nội ứng để đón Vương vào kinh!"

Thái Tổ vui mừng ban thưởng cho sứ rất nhiều, rồi nói với sứ cảm tạ Anh Quy rằng: Nếu nhờ ân mà thống nhất được, quân tiến không bị ngăn ngại, thì trước đến ra mắt tướng quân, sau thăng đường lễ phu nhân, phụng sự như anh, tôn kính như chị, đồng thời sau nhất định sẽ báo đáp. Xin trời đất quỷ thần nghe chứng cho lời này!

Tháng sáu, Huyên thưa với Thái Tổ rằng: Lão thần sở dĩ quy hàng Điện hạ, vì muốn xin nhờ uy dũng của Điện hạ, diệt trừ các nghịch tử. Cúi mong Đại vương dùng thần binh thảo trừ tặc loạn, thì thần dù chết vẫn không hối tiếc.

Thái Tổ nói: Chẳng phải không muốn chinh phạt, nhưng phải đợi thời cơ!

Trước tiên Thái Tổ sai Thái tử và Chánh tướng quân Thuật Hy lãnh một vạn quân kỵ thẳng đến phủ Thiên An. Đến tháng chín Thái Tổ thống lãnh ba quân đến phủ Thiên An hợp binh rồi tiến đến Nhất Thiện. Thần Kiếm dẫn binh ngược lên đến Giáp Ngọ, hai bên đối diện cách nhau bởi Lợi Xuyên. Vương bày trận theo thế "Cấn" là lưng, diện là "Khôn". Xong Thái Tổ và Huyên ra xem trận, bỗng có một làn mây trắng hình như lưỡi kiếm hiện ra, quân ta cứ theo đó nổi trống mà tiến lên. Các tướng quân của Bách Tế là Hiếu Phụng, Đức Thuật, Ái Thuật, Minh Cát... thấy quân ta thế lực lớn mạnh mà tề chỉnh, bèn cưỡi ngựa giáp quy hàng ngay tại trận. Thái Tổ đến ủy lạo và hỏi tướng soái đóng tại đâu? Hiếu Phụng trả lời rằng: "Nguyên soái Thần Kiếm đóng tại trung quân!"

Thái Tổ bèn sai tướng quân Công Huyên... dẫn ba quân đồng tiến lên giáp công, quân Bách Tế tan vỡ, chạy lên phía Bắc, đến Khôi Hiện ở Hoàng sơn thì Thần Kiếm cùng hai người em và tướng quân Phú Đạt, Năng Hoán, cả thảy hơn bốn mươi người xin hàng. Thái Tổ cho hàng, vỗ yên tất cả, cho phép cùng với vợ con về kinh. Thái Tổ hỏi Năng Hoán rằng:

Người đầu tiên cùng với Lương Kiếm... âm thầm bày mưu cầm tù Đại vương để đưa Thần Kiếm lên ngôi, chính là ngươi. Vậy nghĩa của kẻ làm tôi như thế ư?

Năng Hoán gục đầu không thể đáp được. Bèn chém đầu. Còn

Thần Kiếm tiếm vị là do người bức bách chẳng phải là bản ý, hơn nữa đã ra hàng xin tội, nên đặc biệt tha cho tội chết. Chân Huyên quá lo buồn mà tái phát bệnh ung thư, vài ngày sau thì qua đời tại chùa Phật ở Hàng châu, thọ bảy mươi tuổi.

Thái Tổ ban quân lịnh nghiêm minh, quân sĩ không dám phạm mãy may, châu huyện đều an bình, già trẻ đều tung hô vạn tuế. Thái Tổ nói với Anh Quy rằng:

- Sau khi vua của khanh mất nước, tất cả thần tử không một ai an ủi lo lắng, chỉ độc có vợ chồng khanh từ ngàn dặm đưa thư, để tỏ lòng thành; lại đem đến điều tốt đẹp cho quả nhân. Nghĩa ấy chẳng thể nào quên. Nay ban cho chức Tả Thừa, một ngàn khoảnh ruộng. Cho mượn ba mươi con ngựa trạm để trở về đón gia nhân. Đồng thời phong hai người con làm quan. Chân Huyên dựng nghiệp từ năm Cảnh Phước thứ nhất đời Đường, đến năm Thiên Phước thứ nhất đời Tấn, tổng cộng là bốn mươi bốn năm, diệt vào năm Bính Thân.

***Sử gia luận rằng:*** Tân La số đã cùng, đạo đã mất. Trời không giúp đỡ, dân không có chỗ nương. Bấy giờ giặc giã thừa cơ nổi lên khắp nơi, trong đó mạnh nhất chỉ có Cung Duệ và Chân Huyên mà thôi. Cung Duệ vốn là một vương tử của Tân La mà làm phản, lấy tổ tông đất nước làm thù địch, đến nổi chém cả tượng vẽ của tiên tổ, thật là kẻ bất nhân. Chân Huyên vốn cũng là thần dân của Tân La, hưởng bổng lộc của Tân La mà ôm lòng gây họa, thừa lúc đất nước lâm nguy mà xâm chiếm thành ấp, bắt giam vua quan như cầm thú, thật là loại hung ác trong thiên hạ. Cho nên về sau Cung Duệ bị bầy tôi của mình giết, Chân Huyên bị họa bởi các con của mình. Tất cả đều do tự thân tạo ra, đâu có gì là kỳ lạ? Tuy Hạng Vũ, Lý Mật thật có hùng tài, mà không thể địch với Hán, Đường hưng khởi huống gì Duệ, Huyên là kẻ ác, đâu thể chống cự lại với Thái Tổ ta?

***Giá Lạc Quốc Ký:***

Sự Văn Nhân Tri Châu Kim Quan soạn vào năm Đại Khương, triều Văn Miếu (nay chỉ lược ghi)

Sau khi khai mở, cõi này không có tên nước, cũng không có các danh xưng vua tôi... chỉ có chín can: Ngã Đao Can, Nhữ Đao Can, Bỉ Đao Can, Ngũ Đao Can, Lưu Thủy Can, Thần Thiên Can, Ngũ Thiên Can, Thần Quỷ Can, là các tù trưởng lãnh đạo bách tánh. Tất cả gồm một trăm bộ, bảy mươi lăm ngàn người, phần lớn ở nơi sơn dã, đào giếng lấy nước uống, cày ruộng để lấy lúa dùng. Vào ngày Tỵ thượng

tuần tháng ba năm Nhâm Dần niên hiệu Kiến Võ thứ mười tám đời Hậu Hán Quang Võ, tại Bắc Quy Chỉ (đây là từ gọi các ngọn núi chập chùng uốn lượn giống như mười võ sò úp liền nhau, nên gọi như thế), bỗng nhiên có âm thanh kêu gọi rất khác thường, khiến hai, ba trăm người tụ tập nơi đây. Có tiếng giống như tiếng người, ẩn hình mà phát ra rằng: Ở đây có người không?

Chín Can đồng đáp: Có chúng tôi ở đây.

Âm thanh kia lại phát ra rằng: Nơi ta đang ở là đâu?

Đáp: Là Quy Chỉ.

Hỏi: Hoàng Thiên bảo ta ngự đến nơi này, an định nước mới, lập quân chủ, vì thế nay ta xuống đây! Các ngươi nên đào đỉnh núi, tập họp mọi người lại mà ca rằng:

"Rùa đâu (Quy hà)? Rùa đâu? Rùa đâu? Hiện đầu ra, nếu chẳng hiện, sẽ nướng mà ăn", rồi nhảy múa, thì sẽ đón được Đại Vương".

Chín Can theo lời dạy vui mừng ca múa, không bao lâu thì ngửa mặt lên không mà nhìn, chỉ thấy một sợi dây, màu tía từ trên trời kéo dài xuống đất, tìm đến dưới sợi dây thì được một cái hộp bằng vàng gói trong một tấm vải đỏ, mọi người bèn mở ra xem, thì thấy sáu quả trứng màu vàng ròng tròn như mặt trời, tất cả đều vui mừng, lạy một trăm lạy, rồi gói vào bọc ôm về nhà Ngã Đao Can, đặt trên giường, mọi người mỗi mỗi đều tản mác. Qua một ngày, bình minh hôm sau, mọi người lại tụ tập đến thì sáu trứng đã hóa ra một đứa bé có dung mạo kỳ vĩ, vẫn còn ngồi trên giường, nhân dân lễ bái chúc mừng, hết lòng cung kính, đứa bé lớn theo từng ngày. Mới mười ngày mà đã cao chín thước như Thiên Ất nhà Ân, dung mạo như rồng giống Cao Tổ nhà Hán, mi dáng chữ Bát ( ) như Cao Tổ nhà Đường, mắt có hai con ngươi như vua Thuấn nhà Ngu; ngày mười lăm tháng ấy lên ngôi. Vì mới xuất hiện nên húy là Thủ Lộ, hoặc nói Thủ Lăng (Thủ Lăng là tên thụy sau khi băng hà), đặt tên nước là Đại Giá Lạc. Còn gọi là Già Da quốc, là một trong sáu Già da. Năm người kia mỗi mỗi làm vua một Già da. Nước này phía Đông đến sông Hoàng Sơn, Tây nam giáp biển xanh, Tây bắc giáp Địa Lý Sơn, Đông bắc giáp Nam Già Da sơn, đây là phần cuối của nước. Sai người xây Giả cung để ngự. Chỉ cần bền chắc đơn sơ, không cắt phá cỏ tranh, chiếm đất chỉ ba thước. Qua năm thứ hai, Vương nói với dân rằng: "Trẫm muốn định kinh đô". Bèn đến Tân Đạp Bình (vùng này xưa nay là ruộng hoang, vì mới canh tác nên gọi như thế. Đạp là lời tục gọi). Phía Nam Giả cung, xem thấy bốn phía đều có núi non, Vương nói với kẻ tả hữu rằng: Đất này rất hẹp như là rau đắng, nhưng rất kỳ dị, có thể

là trụ xứ của mười sáu La-hán, huống gì từ một thành ba, từ ba thành bảy. Trụ xứ của bảy Thánh chắc chắc là hợp với nơi đây". Lấy đất mà khai lập bờ cõi, rốt cuộc đã thành sự thật ư?

Vương lập La Thành, chu vi một ngàn năm trăm bộ, trong đó gồm xây cấm cung điện đường, nhà cửa các quan, kho vũ khí, kho lương thực... sau khi xong việc Vương về Giả cung, trưng dụng tất cả trai tráng, dân phu, thợ giỏi. Vào ngày hai mươi tháng này xây dựng tường thành kiên cố, đến ngày mười tháng ba thì xong, còn những cung điện, nhà cửa thì đợi xong nông vụ rồi mới làm. Lại bắt đầu từ tháng mười năm ấy đến tháng hai năm Canh Thìn thì hoàn thành. Sau đó chọn ngày giờ đại cát, Vương ngự giá về cung mới, trị vì vạn dân, siêng năng với quốc sự. Một hôm bỗng có phu nhân của Hàm Đạt Vương nước Hoàn Hạ có thai, đủ tháng sinh ra một cái trứng, trứng hóa thành người đặt tên là Thoát Giải, từ biển mà vào, thân cao ba thước, đầu tròn một thước, vui mừng vào cung cấm nói với Vương rằng:

- Ta muốn đoạt lấy vương vị, nên đến đây!

Vương đáp rằng:

- Trời ban cho ta ngôi vị này, để định yên đất nước, vỗ an muôn dân, chẳng dám trái mệnh trời mà trao ngôi vị, lại chẳng dám trao nước và dân của ta vào tay ngươi!

Thoát Giải nói:

- Như ngài có thể cùng tôi đấu pháp thuật chăng?

Vương nói:

- Được! Có thể!

Trong khoảnh khắc Giải hóa làm chim ưng, Vương hóa làm chim Thứu, Giải lại biến thành chim sẽ, Vương hóa thành chim diêu (chim cắt); bấy giờ chưa dời được tấc bóng. Giải thâu phép trở lại nguyên hình, Vương cũng thế. Giải vòng tay nói rằng:

- Tôi cũng vừa ở nơi đấu phép thuật, ưng bằng thứu, sẽ bằng diêu, tất cả đều không tổn thương. Đó là do lòng nhân từ, ghét sát sinh của bậc Thánh mà như thế. Ta và Vương cũng rất khó tranh vương vị!

Nói xong liền bái từ mà đi. Giải đi đến đầu bến ngoài Lân Giao, muốn đợi đến sáng mai ghé bến theo đường thủy mà đi. Vương sợ Giải ở lại sẽ mưu loạn, nên gấp sai năm trăm chiến thuyền đuổi theo. Giải chạy đến địa phận Kê lâm thì các chiến thuyền trở về.

Bài ký này ghi chép rất khác với Tân La.

Ngày hai mươi bảy tháng bảy năm Mậu Thân, niên hiệu Kiến Võ hai mươi bốn, chín Can vào chầu tâu rằng:

- Từ ngày Đại Vương giáng xuống nơi đây, đến nay mà chưa có phối ngẫu thích hợp, xin cho chúng thần tuyển chọn các cô con gái của mình, ai tuyệt mỹ sẽ được tiến cung làm phu nhân Đại vương!

Vương nói:

- Trẫm xuống đây là do mệnh trời, phu nhân của trẫm cũng phải do trời định! Các khanh chớ nên lo lắng!

Sau đó Vương sai Lưu Thiên Can dẫn thuyền nhẹ, dắt tuấn mã đến đảo Vọng sơn đứng chờ. Vương lại sai Thần Quỷ Can đến Thừa Cổ (Đảo Vọng sơn tức là một hòn đảo nhỏ của Kinh Nam Đảo. Thừa Cổ tức là Liển Hạ Quốc). Bỗng nhiên ở góc Tây nam của biển hiện các cánh buồm lụa, giương cờ đỏ tiến thẳng lên hướng Bắc. Lưu Thiên Can... đốt lửa trên đảo, thì các cánh buồm tranh nhau chạy vào đất đảo, rồi tranh nhau đến nơi đốt lửa. Thần Quỷ Can thấy vậy liền vào cung tâu với Vương, Vương nghe được thì rất vui mừng, sai chín Can giương cánh buồm lan, bạt mái chéo quế ra đảo nghinh đón. Đến nơi đoàn người muốn mời Vương hậu vào cung. Bà nói rằng: "Ta với các khanh bình sinh chưa từng quen biết, đâu dám khinh suất mà đi theo!".

Lưu Thiên... trở về tâu lại lời của Hậu. Vương nói đúng thế, rồi sai quan lên đường, tính từ cung cấm đi về phía Tây nam sáu mươi bộ chọn khu đất bên núi giăng màn làm cung điện chờ đợi. Vương Hậu ở Biệt Phố Tâm bên ngoài núi, ngồi thuyền lên đất liền, dừng nghỉ ở một mõm đá cao, cởi khố lụa đang mặc làm lễ vật, tặng sơn thần. Những người đi theo gồm hai viên thị thần là Thân Phụ và Triệu Khuông, và hai người vợ của hai viên quan này là Mộ Trinh, Mộ Lương, và các tôi tớ tổng cộng hơn hai mươi người, cũng dâng tặng gấm lụa, vải vóc, quần áo, vàng bạc, châu ngọc... nhiều không thể tính kể.

Vương Hậu dần dần đến gần hành cung thì Vương ra nghinh tiếp, đưa vào trướng, thị thần và các người đi theo đều đến yết kiến Vương rồi lui ra. Vương bảo quan Hữu Ty rằng: "Vợ chồng của Thị thần thì sắp đặt mỗi mỗi một phòng, còn các tôi tớ thì sắp xếp năm, sáu người một phòng, ban cho nước thơm, rượu ngon; ngủ thì đệm hoa, chiếu đẹp; đến như y phục cũng toàn là các loại vải lụa đắt tiền, đồng thời tuyển chọn những binh sĩ tài giỏi bảo vệ.

Bấy giờ Vương và Hậu cùng nghỉ tại Ngự Quốc Tẩm, Hậu từ tốn nói với Vương rằng:

- Thiếp là Công chúa nước A Du Đà, họ Hứa, tên là Hoàng Ngọc, năm nay mười sáu tuổi; vào tháng năm này, lúc còn ở tại bản quốc, phụ vương và mẫu hậu nói với thiếp rằng: Cha mẹ một hôm nằm mộng đồng

thấy Hoàng Thiên thượng đế đến nói rằng: “Vua nước Già Lạc là Thủ Lộ, được trời sai xuống làm vương; là thần là Thánh chỉ có người này vậy! Hơn nữa vừa mới lập nước chưa có người phối ngẫu, khanh nên sai công chúa đến đó mà làm Vương hậu!”

Nói xong liền trở về trời. Lúc tỉnh dậy mà lời của Thượng Đế vẫn còn ở bên tai. Do đó con nên mau từ song thân mà lên đường đến nơi ấy!”

Thiếp cũng bồng bềnh trên biển vời vợi tìm cảnh Bồng Lai, đi khắp bầu trời thênh thang mà đến hội Bàn Đào; người đẹp tạ ân long nhan ban cho sự gần gũi này!

Vương liền đáp:

- Trẫm sinh vào thời ít Thánh nhân, biết trước công chúa sẽ từ xa đến, các đại thần có lời xin nạp phi mà trẫm chưa dám nghe theo. Nay Trinh Thục đã tự đến, người hèn mọn như ta đây thật là may mắn lắm!

Nói xong cả hai cùng hợp hoan. Qua hai đêm một ngày thì trở lại đoàn thuyền đã đưa mình đến, ban thưởng cho mười lăm thuyền trưởng và các tay chèo, mỗi người mười thạch lương thực, ba mươi xấp vải cho trở về bản quốc. Ngày mồng một tháng tám Vương và Hậu cùng ngồi chung xe khởi giá về cung; vợ chồng hai thị thần cũng đều theo hầu giá. Những đồ vật của đất Hán, cũng sai người chuyên chở, dần dần tiến vào cung. Bấy giờ đúng vào giờ ngọ. Vương Hậu ở tại trung cung; sắc ban cho vợ chồng các thị thần và những vật dụng tư thuộc phân ra ở hai phòng trống, còn những người tùy tùng khác cho ở một tòa gồm hơn hai mươi gian phòng khách, tính số người mà phân chia sắp xếp. Hằng ngày cung cấp đầy đủ. Còn các của cải mà đã mang theo thì cất giữ trong Nội khố để tiện làm chi phí bốn mùa cho Vương Hậu.

Một hôm Vương nói với các quan rằng:

- Chín Can đều là những người đứng đầu các quan mà vị và danh đều là tên gọi của hàng thứ dân thấp kém, chưa phải là tên gọi các quan vị, ví như truyền ra đến các nước, ắt họ sẽ có ý khinh thị chê cười; do đó nay thay đổi, gọi Ngã Đao là Ngã Cung, Nhữ Đao là Nhữ Hài, BỈ Đao là Bỉ Tạng, Ngũ Đạo là Ngũ Thường, Lưu Thủy và Lưu Thiên không đổi chữ trước, chỉ đổi chữ sau gọi là Lưu Công, Lưu Đức. Đổi Thần Thiên thành Thần Đạo; Ngũ Thiên thành Ngũ Năng, Thần Quỷ thì giữ nguyên. Đổi Huấn làm Thần Quý. Dùng các chức vị lễ nghi của Kê Lâm, đặt các phẩm trật Giác Can, A Sất Can, Cấp Can, còn các quan liêu thấp thì theo cách định đặt của nhà Chu, lễ nghi của nhà Hán mà phân định. Đó là khởi đầu cho các Đạo phân quan lập chức thay cũ

theo mới vậy.

Bấy giờ Vương định nước yên nhà, thương dân như con ruột, giáo chẳng khắc khe mà có uy, chánh chẳng hà khắc mà dân yên trị. Lại có Vương hậu chung sống như trời có đất, nhật có nguyệt, dương có âm. Công lao của Hậu cũng bằng Đồ Sơn giúp nhà Hạ. Đường Hoản hưng thịnh nhà Kiều. Trải qua nhiều năm, một hôm Vương hậu nằm mộng được điềm sinh con trai, nên sau đó sinh hạ thái tử Cư Đăng Công. Vào ngày một tháng ba năm Kỷ Tỵ niên hiệu Trung Bình đời Hán Linh Đế, Vương Hậu băng hà thọ một trăm năm mươi bảy tuổi, người cả nước than khóc như đất trời sụp lở. An táng tại đồi phía Đông bắc Quy Chỉ. Vì muốn cho mọi người chẳng quên ân thương dân như con, nên đặt tên cho thôn có bến thuyền mà lúc Hậu mới ghé lại là Chủ Phố Thôn, gò cao ngồi cởi khố là Lăng Hiên. Vùng biển mà cờ đỏ xuất hiện gọi là Kỳ Xuất Biên. Các thị thần là Tuyền Phủ Khanh Thân Phụ, Tông Chánh giám Triệu Khuông đến nơi đây đã được ba mươi năm, về sau mỗi người sinh được hai người con gái, vợ chồng cách một, hai năm thì qua đời. Còn những kẻ nô bộc từ khi đến nước này trải qua bảy, tám năm mà chưa muốn sinh con, chỉ ôm lòng sầu nhớ cố hương, nên lần lượt mà qua đời, khiến cho nơi ở vắng người. Vương mỗi khi ca bài Quan Chẩm (goá vợ) thì than thở hồi lâu. Mười năm sau, vào ngày hai mươi ba tháng ba năm Kỷ Mão, niên hiệu Kiến An thứ tư đời Hiến Đế, Vương băng hà thọ một trăm năm mươi tám tuổi. Người trong nước cảm thấy như mất trời, buồn đau còn hơn ngày Vương hậu mất. Thần dân và các quan chọn vùng đất bằng phẳng, đông bắc cung điện xây dựng một lăng mộ cao một trượng, chu vi ba trăm bộ để an táng Vương, hiệu là Thủ Lăng Vương Miếu. Từ con của Vương là Cư Đăng Vương đến đời cháu thứ chín là Cừu Xung đều được thờ phụng tế lễ lại miếu này. Mỗi năm vào mồng ba mồng bảy của tháng giêng; mồng năm của tháng năm; mồng năm và mười lăm tháng tám đều có tế lễ lớn liên tục chẳng dứt. Đến ngày ba tháng ba năm Tân Dậu niên hiệu Long Sóc thứ nhất; đời ba mươi của Tân La là Pháp Mẫn Vương ban chiếu rằng: "Trẫm là Cừu Xung Vương cháu chín đời của Nguyên Quân (Thủ Lộ Vương) nước Già Da giáng sinh đến đất nước này, dẫn theo Can là con của Thế Tông và con của Hữu Công (Dữu Công). Con gái của Thứ (Thư) Vân Táp Can là Văn Minh hoàng hậu chính là mẹ ta, cho nên Nguyên Quân người Ấn Xung là Thỉ Tổ mười lăm đời. Tuy nước đã bị mất mà lăng miếu vẫn còn, vậy nên tiếp tục tế lễ ở Tông Diêu (miếu thờ tổ tiên nhiều đời trước). Bèn khiến sứ đến vùng đất ở Tất Ly chọn lấy ba mươi khoảnh

ruộng tốt gần Thái miếu để lo việc tế tự, gọi đó là Vương vị điền, giao cho địa phương quản lý. Cháu mười bảy đời của Vương là Tái Thế Cấp Can vâng lãnh thánh chỉ canh tác ruộng này. Hằng năm dâng rượu, bánh trái, cơm nước trà cùng các phẩm vật khác để tế lễ chẳng bao giờ đoạn tuyệt. Ngày cúng tế thì chẳng bỏ năm ngày mà Cư Đăng Vương đã định đặt trong một năm. Hương thơm hiếu tế lúc bấy giờ là do ta!"

Từ năm Kỷ Mão Cư Đăng Vương lên ngôi lập Tiện Phòng đến đời Cừu Xung, trong thời gian ba trăm ba mươi năm, các lễ nghi nhạc khúc cúng tế ở miếu không có người trái phạm. Đến lúc Cừu Xung mất, vong quốc đến năm Tân Dậu, niên hiệu Long Sóc thứ nhất, gồm sáu mươi năm, tế lễ ở miếu này hoặc giả đã đoạn dứt.

Quý thay! Võ Vương (thụy hiệu của Pháp Mẫn) trước thì thờ phụng Tôn Tổ, hiếu thật là chí hiếu! Nối lại việc tế tự đã đoạn tuyệt, khôi phục khiến thực hành.

Vào cuối đời Tân La có Trung Chí, Giác Can đánh chiếm thành Kim quan làm thành chủ Tướng quân. Lại có Anh Quy A Can mượn uy của Tướng quân đoạt miếu đường làm dâm từ; một hôm nhằm tiết Đoan Ngọ mà A Can tế cáo, bỗng cây xà của từ đường vô cớ gãy rơi xuống đè chết A Can. Bấy giờ Tướng quân tự nghĩ rằng: "Do nhân đời trước ta quá may mắn! Làm nhục nơi Thánh Vương cư ngụ, nơi tế lễ của quốc thành mà bị như thế. Nay ta nên họa chân tượng, hương đèn cúng tế, để đáp lại ân đức kia!"

Tướng quân bèn dùng ba thước lụa tốt phỏng vẽ hình tướng của Vương, treo lên vách ngày đêm đốt đèn chí thành chiêm ngưỡng. Mới được ba hôm, từ hai con mắt của ảnh bỗng nhiên tuôn hai dòng lệ máu đọng lại trên đất cả đấu. Tướng quân kinh hãi lấy chân tượng đem đến miếu mà đốt, rồi triệu cháu chi chánh của Vương là Khuê Lâm đến nói rằng: "Hôm qua có việc chẳng lành, vì sao lại chồng chất như thế! Đó ắt là do oai linh của miếu nổi giận, vì ta họa hình tượng thờ cúng mà không phải là con cháu. Anh Quy đã chết, ta rất kinh lạ; nay ảnh đã cháy, ắt là bị âm linh trách phạt. Khanh là cháu chính của Vương, nên y theo lệ cũ mà tế tự! Khuê Lâm kế tục đời đời cúng tế, đến năm tám mươi tám tuổi thì qua đời; con là Gian Nguyên cũng tiếp tục việc này. Ngày Đoan Ngọ đến miếu tế lễ, bỗng con của Anh Quy là Tuấn Tất phát cuồng chạy đến khiến triệt bỏ những vật tế của Gian Nguyên, rồi đặt vật cúng của mình lên mà tế, chưa xong ba tuần trà hiến cúng thì phát bạo bệnh, đưa về đến nhà, thì chết. Người xưa có câu rằng: "Dân từ thì vô phước, trái nghịch gặp tai ương. Trước có Anh Quy, sau có Tuấn Tất, chính là

cha con người này.”

Lại có một bọn cướp cho rằng trong miếu có nhiều vàng ngọc, muốn đến trộm lấy. Lần thứ nhất, có một lực sĩ thân mang giáp trụ, tay giương cung lắp tên, từ trong miếu bước ra bắn tên như mưa bốn phía, trúng chết bảy, tám tên. Bọn cướp liền bỏ chạy tán loạn. Vài ngày sau lại đến, thì có một con rắn lớn, thân dài hơn ba mươi thước, mắt chiếu sáng như hai luồng điện, từ miếu bò ra, mổ chết tám, chín người; những kẻ may mắn thoát được, thì đều hoảng sợ bỏ chạy té ngã tứ tán. Cho nên biết trong ngoài khu vực lăng nhất định có thần vật bảo vệ. Từ năm Kỷ Mão niên hiệu Kiến An thứ tư, mới tạo dựng đến nay là năm Bính Thìn niên hiệu Đại Khang thứ hai, Thánh Thượng lên ngôi ba mươi mốt năm, gồm tất cả là tám trăm bảy mươi tám năm, phàm những ruộng đất tốt được ban tặng vẫn không thiếu, không lở, cây cối trồng vẫn chẳng khô, chẳng mục, hà huống những mảnh ngọc được sắp đặt trang trí cũng chẳng hư hoại đổ vỡ. Do đó mà xét lời Tân Thế Phủ ghi: “Từ xưa đến nay đâu có nước nào chẳng mất, phần mộ nào chẳng bị phá, chỉ có nước Giá Lạc khi xưa đã bị mất” thì biết có chứng cớ. Nếu miếu Thủ Lộ chẳng bị phá hủy, thì lời của Thế Phủ chưa đủ tin.

Ở đây lại có một việc rất vui nhộn đáng ghi nhớ, ngưỡng mộ. Tức mỗi năm vào ngày hai mươi chín tháng bảy, quan, dân vùng này đều leo lên Thừa Hổ, giăng màn trướng, uống rượu ăn thịt hò hét, mắt nhìn khắp nơi. Những người khỏe mạnh phân chia làm hai bên trái phải, từ hướng Sơn đảo, phi ngựa chạy nhanh tranh nhau ghé vào đất liền; một bên thì làm các con thuyền nhấp nhô trên biển, hướng về phía Bắc tranh nhau mà bơi đến Cổ phố. Đó là sự tích của Lưu Thiên, Thần Quỷ... mong Vương hậu đến, rồi chạy nhanh về tâu lại cho Vương.

Sau khi nước mất, trải qua các đời, gọi vùng đất này với nhiều tên khác nhau. Đời vua ba mươi mốt của Tân La là Chánh Minh Vương lên ngôi năm Tân Tỵ, niên hiệu Khai Diệu thứ nhất, gọi nơi này là Kim Quan Kinh, đặt chức Thái Thú. Sau hai trăm năm mươi chín năm, khi Thái Tổ thống nhất thì gọi là huyện Lâm Hải, đặt chức Bài Ngạn Sứ, được bốn mươi tám năm. Kế đến đổi thành quận Lâm Hải hoặc phủ Kim Hải, đặt Đô Hộ Phủ, được hai mươi bảy năm. Lại đặt quan Phòng Ngự Sử, được sáu mươi bốn năm. Đến năm Thuần Hóa thứ hai thì quan Lượng Điền Sứ Trung Đại Phu Triệu Văn Thiện ở Kim Hải Phủ dâng tấu văn cho rằng ruộng đất thuộc miếu của Thủ Lộ Lăng Vương quá nhiều, nên để lại mười lăm khoảnh như trước, còn lại bao nhiêu phân chia cho dân trong phủ. Bấy giờ Miếu Triều tuyên chỉ rằng: “Trứng

từ trời giáng hạ, hóa làm Thánh quân tại vị rất lâu, đến một trăm năm mươi tám năm. Từ Tam Hoàng đến nay ít có ai sánh được. Sau khi băng hà, từ các đời trước đã cấp cho ruộng đất thuộc lăng miếu, mà nay giảm bớt, thật đáng nghi sợ". Do đó chẳng chấp thuận. Sứ lại dâng tấu văn, thì triều đình đồng ý, cho một nửa số ruộng không được động đến thuộc về miếu, một nửa phân ra cấp cho các hộ trong làng. Tiết Sứ (tức Lương Điền Sứ) lãnh chỉ, phân một nửa thuộc về lăng miếu, một nửa chia cấp cho các hộ lao dịch trong phủ. Việc sắp xong nhưng rất mỏi mệt. Bỗng một đêm nằm mộng bảy, tám quỷ thần cầm dây, mang đao kiếm đến nói rằng: "Ngươi có tội rất nặng, nên đến chém đầu đây!"

Sứ cho rằng thật lãnh thọ hình phạt nên rất khổ sở, kinh hoàng mà giật mình thức giấc, nhân đó mà phát bệnh, nhưng chẳng cho mọi người biết, nửa đêm trốn đi, không quản gì đến bệnh hoạn, vừa qua khỏi quan ải thì chết. Vì thế sổ sách của Lượng điền đô không có đóng dấu. Sau có người phụng chỉ đến kiểm tra lại số ruộng trên thì mới được một kết (mẫu), mười hai phụ, chín thúc, còn thiếu ba kết, tám mươi bảy phụ, một thúc, bèn tra xét chỗ không chính đáng, báo cáo các quan viên trong ngoài phủ. Vua hạ chiếu bổ sung cho đủ mà phân chia.

Lại có một việc mà xưa nay mọi người đều than thở; số là cháu tám đời của Nguyên Quân (Thủ Lộ Vương) là Kim Trất Vương siêng năng việc triều chánh, lại rất tôn sùng chân đạo, vì muốn tạo minh phước cho Tổ mẫu là Hứa hoàng hậu, nên vào năm Nhâm Thìn niên hiệu Nguyên Gia hai mươi chín, ngay trên khu đất Nguyên Quân hoàng hậu hợp hôn, Vương cho xây một ngôi chùa đề là Hoàng Hậu Tự, sai người chọn mười mẫu ruộng tốt gần một bên chùa để làm tư tài cúng dường Tam bảo. Từ khi có chùa này đến năm trăm năm sau, cứ sai chùa Trường Du nạp ruộng vào rừng lấy củi đến ba trăm mẫu. Bấy giờ Tả Tự Tam Cang nằm trong khu vực Đông nam rừng củi chùa Hoàng Hậu, đã bị đổi thành trang trại làm kho cất chứa gạo thóc, và chuồng nuôi trâu ngựa. Thật đáng buồn thay!

Từ Thế Tổ trở xuống trải qua chín đời được lược ghi ở văn sau. bài minh ghi:

*Hỗn độn vừa khai*
*Thái dương mới hiện*
*Loài người tuy có*
*Thánh chúa chưa thành*
*Trung Quốc nhiều đời*
*Đông Hải mới phân*

*Kê Lâm định trước*
*Gia Lạc lập sau*
*Như không chủ tể*
*Ai dắt ngu dân*
*Do đây huyền tạo*
*Cứu giúp sinh linh*
*Trời trao mạng lịnh*
*Sai khiến tinh linh*
*Trứng giáng non cao*
*Hình ẩn sương mù*
*Trong còn tăm tối*
*Ngoài cũng mịt mờ*
*Xem chẳng thấy hình*
*Nghe trời có tiếng*
*Đồng hát mà tâu*
*Cùng múa để trình*
*Đến bảy ngày sau*
*Tất cả yên bình*
*Gió thổi mây tan*
*Trời xanh lồng lộng*
*Ban sáu trứng tròn*
*Từ sợi tơ đỏ*
*Xứ kia cõi nọ*
*Nhà cửa nối liền*
*Xem giống như tường*
*Nhìn đông như nước*
*Năm về các xứ*
*Một trụ thành này*
*Đồng thời đồng chốn*
*Như đệ như huynh*
*Thật đức trời sinh*
*Khuôn phép cho đời*
*Vừa lên vương vị*
*Cõi muốn thanh bình*
*Lầu các theo xưa*
*Phòng ốc đơn giản*
*Vạn dân vừa gắng*
*Chánh trị thi hành*

*Không thiên không lệch*
*Nhất nhất tinh cần*
*Người đi nhường đường*
*Nhà nông nhường cấy*
*Bốn phương yên giấc*
*Vạn thánh thanh bình*
*Bỗng chốc sương khô*
*Chẳng toàn thọ mạng*
*Đất trời biến đổi*
*Triều, dã tang thương*
*Vàng hiện dấu tích*
*Ngọc phát âm thanh*
*Hậu duệ chẳng dứt*
*Phẩm vật ngát hương*
*Ngày tháng đã xa*
*Phép tắc chẳng mất.*
*Cư Đăng Vương.*

Cha là Thủ Lộ Vương, mẹ là Hứa Hoàng Hậu, lên ngôi vào hai mươi ba tháng ba năm Kỷ Mão, niên hiệu Lập An thứ tư, tại vị bốn mươi chín năm, băng hà vào ngày mười bảy, tháng chín năm Quý Dậu, niên hiệu Gia Bình thứ năm. Vương phi là Mộ Trinh, con gái của Tuyền Phủ Khanh Thân Phụ. Sinh thái tử tên là Ma Phẩm. Khai Hoàng Lịch ghi: Họ Kim; vì Thế Tổ khai quốc từ trứng vàng (Kim) mà sinh, nên lấy họ là Kim.

Ma Phẩm Vương, còn gọi là Mã Phẩm, họ Kim, lên ngôi năm Quý Dậu niên hiệu Gia Bình thứ năm, tại vị ba mươi chín năm, băng hà vào ngày hai mươi chín tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất. Vương phi là Hiếu Cừu cháu gái của Tông Chánh Giám Triệu Khuông, sinh thái tử là Cư Sất Nhĩ.

Cư Sất Nhĩ Vương còn gọi là Kim Vật, họ Kim, lên ngôi vào năm Vĩnh Bình thứ nhất, tại vị năm mươi sáu năm, băng hà vào ngày mồng tám tháng bảy năm Bính Ngọ, niên hiệu Vĩnh Hòa thứ hai. Vương phi là A Chí cháu gái của A Cung A Can, sinh thái tử là Y Phẩm.

Y Thi Phẩm Vương, họ Kim lên ngôi vào niên hiệu Vĩnh Hòa thứ hai, tại vị sáu mươi hai năm, băng hà vào ngày mười tháng bốn năm Đinh Mùi, niên hiệu Nghĩa Hi thứ ba. Vương phi tên là Trinh Tín, con gái của Tư Nông Khanh Khắc Trung. Sinh được thái tử là Tọa Tri.

Tọa Tri Vương, còn gọi là Kim Sất, lên ngôi năm Nghĩa Hi thứ

ba, cưới một tỳ nữ làm phi, dùng các người nữ làm quan, nước sinh biến loạn, nước Kế Lâm muốn mưu đồ chinh phạt. Có một vị quan tên là Phác Nguyên Đạo can gián rằng: "Xem di cảo của người xưa cũng còn bao hàm những lời phò giúp, hà huống gì người, như trời tan đất hoại, thì người bảo vệ cơ nghiệp gì?". Vả lại Bốc Sự cũng gieo cho Vương được quẻ "giải": Lời quẻ ghi: "Giải thì hối lỗi, kết bạn đến đây mà thôi! Vương nên xét quẻ dịch này!".

Vương cảm tạ và nói: "Nên đuổi tỳ nữ kia, đày đến đảo Hà Sơn. Sửa đổi việc trị chánh, dùng thưởng pháp để trị an dân. Vương tại vị mười lăm năm; băng hà vào ngày hai mươi tháng năm năm Tân Dậu, niên hiệu Vĩnh Sơ thứ hai. Vương phi là Phước Thọ, con gái của Đại Ninh Đại A Can, sinh thái tử là Xuy Hi.

Xuy Hi Vương còn gọi là Sất Gia, họ Kim, lên ngôi vào năm Vĩnh Sơ thứ hai, tại vị ba mươi mốt năm, băng hà vào ngày ba tháng hai năm Tân Mão, niên hiệu Nguyên Gia hai mươi tám. Vương phi là Nhân Đức, con gái của Tấn Tư Giác Can, sinh vương tử là Trất Trí.

Trất Trí Vương còn gọi là Kim Trất Vương, lên ngôi vào năm Nguyên Gia hai mươi tám. Năm sau vì muốn cầu minh phước cho Vương hậu Hứa Hoàng Ngọc của Thế Tổ, nên đầu tiên xây chùa Vương Hậu trên mảnh đất mà bà cùng với Thế Tổ hợp hôn, ban cho mười mẫu ruộng để lo Tam bảo. Vương trị vì bốn mươi hai năm, băng hà vào ngày bốn tháng mười năm Nhâm Thân, niên hiệu Vĩnh Minh thứ mười. Vương phi là Bang Viện, con gái của Kim Tương Sa Can, sinh thái tử là Kiềm Tri.

Kiềm Tri Vương, còn gọi là Kim Kiềm Tri lên ngôi năm Vĩnh Minh thứ mười, tại vị ba mươi năm, băng hà vào ngày bảy tháng tư năm Tân Sửu, niên hiệu Chánh Quang thứ hai. Vương phi là Thục, con gái của Xuất Trung Giác Can, sinh thái tử là Cừu Xung.

Cừu Xung Vương, họ Kim lên ngôi năm Chánh Quang thứ hai trị vì bốn mươi hai năm. Tháng chín năm Nhâm Ngọ, niên hiện Bảo Định thứ hai, Chân Hưng Vương của Tân La (đời hai mươi bốn) đem binh chinh phạt. Vương thân chinh cầm quân, nhưng quân Tân La đông, quân ta ít nên chẳng thể chống cự được, bèn sai thân thuộc là Thoát Tri Nhĩ Sất Kim ở lại bản quốc, còn Vương cùng với Vương Tử, Thượng Tôn Tốt Chi Công... sang hàng Tân La.

Vương phi là Quế Hoa con gái của Phân Sất Thủy Nhỉ Sất, sinh được ba người con: Một là Thế Tông Giác Can, hai là Mậu Đao Giác Can, ba là Mậu Đắc Giác Can.

Khai Hoàng lục ghi: Năm Nhâm Tý, niên hiệu Trung Đại Thông thứ tư đời Lương, Bách Tế hàng Tân La.

Bàn rằng: Xét Tam Quốc Di Sử, vào năm Nhâm Tý niên hiệu Trung Đại Thông thứ tư đời Lương, Cừu Xung dâng đất hàng Tân La. Nếu tính từ năm Nhâm Dần, niên hiệu Kiến Võ mười tám đời Đông Hán Thủ Lộ lên ngôi, đến năm Nhâm Tý cuối triều Cừu Xung tổng cộng được bốn trăm chín mươi năm. Nếu lấy đây mà khảo cứu, thì dâng đất hàng vào năm Nhâm Ngọ niên hiệu Bảo Định thứ hai đời Nguyên Ngụy, thì thêm ba mươi năm tổng cộng là năm trăm hai mươi năm. Nay hai thuyết vẫn còn.

■

# TAM QUỐC DI SỰ

## QUYỂN 3

## MÔN 3: HƯNG PHÁP

***Thuận Đạo đến Cao Ly đầu tiên:***

(Kế tiếp Thuận Đạo cũng có Pháp Thâm, Nghĩa Uyên, Đàm Nghiêm tiếp tục hưng khởi giáo pháp, nhưng xưa truyền mà không có văn, nên nay cũng chẳng dám ghi. Nên xem rõ ở Tông truyện).

*Cao Ly Bản Kỷ ghi:* Vua Tiểu Thú Lâm lên ngôi đến năm Nhâm Thân là năm thứ hai tức nhằm năm Hàm An thứ hai, Hiếu Võ Đế triều Đông Tấn lên ngôi. Phù Kiên của Tiền Tần sai sứ và tăng nhân Thuận Đạo chuyển tượng Phật và Kinh văn (bấy giờ Phù Kiên đóng đô ở Quan Trung tức Trường An) đến Cao Ly. Đến năm Giáp Tuất, niên hiệu Hàm An thứ tư lại có A Đạo từ Tấn đến; qua năm sau, tức tháng hai năm Ất Hợi lập chùa Tiêu Môn thỉnh ngài Thuận Đạo trụ trì, lập chùa Y Phất Lan thỉnh ngài A Đạo trụ trì. Đó là khởi đầu Phật pháp hoằng hóa tại Cao Ly. Tăng Truyện ghi hai vị Tăng tên Đạo đều đến từ nước Ngụy là sai. Đúng ra là đến từ Tiền Tần. Lại nói chùa Tiêu Môn là chùa Hưng Quốc hiện nay, chùa Y Phất Lan là chùa Hưng Phước hiện nay cũng là lầm lẫn. Vì lúc ấy Cao Ly đóng đô tại thành An Thị, còn gọi là An Định Hốt, phía Bắc sông Liêu; sông Liêu còn gọi là sông Áp Lục, nay gọi là sông An Dân, thì đâu có tên chùa Hưng Quốc ở Tòng kinh. Tán ghi:

*Áp Lục ngày xuân bãi cỏ xanh*
*Bạch Sa cò trắng ngủ yên lành*
*Bỗng tiếng chèo khua xa giật tỉnh*
*Thuyền đâu chẳng thấy, thấy khói lan.*

***Nan-đà sang Bách Tế:***

*Bách Tế Bản Kỷ ghi:* Đời vua mười lăm (Tăng Truyện ghi đời mười bốn là sai) của Cao Ly là Chẩn Lưu Vương lên ngôi vào năm Giáp Thân (tức năm Đại Nguyên thứ chín đời Hiếu Võ Đế nhà Tấn), có vị

Phạm Tăng tên là Ma-la-nan-đà từ Tấn đến, Vương thỉnh vào cung lễ kính. Qua năm sau, tức năm Ất Dậu, lập chùa tại Hán Sơn Xuyên ở Tân đô, độ mười vị tăng. Đây là khởi đầu cho việc Phật pháp truyền bá ở Bách Tế.

Lại A Tân Vương tức vị vào tháng hai năm Đại Nguyên mười bảy, hạ chiếu dạy nhân dân nên sùng tín Phật pháp để cầu phước. Ma-ha-nan-đà, Hán dịch là Đồng Học (những sự tích kỳ dị của vị Tăng này có ghi rõ trong Tăng truyện). Tán rằng:

*Trời đất mới phân mãi đến nay*
*Làm người ca kỹ cũng khó thay*
*Ông ông tự biết trình múa hát*
*Dẫn được người bên ghé mắt nhìn.*

***A Đạo đặt nền móng Phật pháp ở Tân La:***

(A Đạo còn gọi là Ngã Đạo, A Đầu)

*Tân La Bản Kỷ quyển bốn ghi:* Thời Nột Kỳ Vương (đời mười chín) Sa-môn Hắc Hồ Tử từ Cao Ly đến quận Nhất Thiện. Người trong quận là Mao Lễ (còn gọi là Mao Lục) làm một ngôi thất dưới đất thỉnh về an trụ. Bấy giờ nhà Lương sai sứ ban cho y và hương (Cao Đắc Tướng Vịnh Sử thì ghi: Lương sai sứ tăng tên Nguyên Biểu, đưa sang minh đàn và kinh tượng). Vua tôi chẳng biết loại hương gì và sử dụng thế nào, bèn sai người mang hương đi khắp nơi trong nước để hỏi. Hắc Hồ Tử thấy được liền nói: Đây là hương, đốt lên thì mùi thơm lan tỏa, dùng để bày tỏ tâm thành đối với Thần thánh. Thần thánh không đâu hơn Tam bảo. Nếu đốt hương này mà phát nguyện, nhất định có linh nghiệm (Nột Kỳ vào thời Tấn Tống mà nói là Lương sai sứ, e là lầm). Bấy giờ con gái của Vương bị bệnh nặng nguy cấp, Vương sai sứ triệu Hắc Hồ Tử đốt hương phát thệ nguyện, thì bệnh của công chúa thuyên giảm. Vương vui mừng ban thưởng rất nhiều. Bỗng chốc không biết đi về đâu.

Vào đời Tỳ Xứ Vương (hai mươi mốt) có một vị Hòa thượng Ngã Đạo và ba vị thị giả cũng đến nhà Mao Lễ, nghi biểu tựa như Hắc Hồ Tử, ở lại vài năm, sau không bệnh mà thị tịch. Ba vị thị giả ở lại giảng thuyết Kinh Luật, dần dần có người tin phụng (có bản chú nói khác với bia minh và các truyện ký, Cao Tăng Truyện nói là người Tây Trúc, hoặc nói từ nước Ngô đến). Ngã Đạo Bi ghi: Ngã Đạo người Cao Ly; mẹ là Cao Đạo Ninh, trong năm Chánh Thủy, có Quật Ma họ Ngã, người Tào Ngụy đi sứ sang Cao Ly, có tư thông với Đạo Ninh rồi trở về nước. Nhân đó bà có thai sư. Năm lên năm tuổi, mẹ bảo xuất gia, mười

sáu tuổi trở về Ngụy, dò kiếm Quật Ma, rồi làm môn hạ Hòa thượng Huyền Chương. Năm mười chín tuổi lại trở về với mẹ. Người mẹ nói: "Người nước này, nay chưa biết Phật pháp, sau hơn ba ngàn tháng ở Kê Lâm có Thánh Vương ra đời, làm hưng thạnh Phật giáo. Ở kinh đô có bảy nơi xây Già-lam:

1. Đông Thiên cảnh lâm ở Kim Kiều (nay là chùa Hưng Luân, Kim Kiều tức là Cầu Tây Xuyên, tục gọi lầm là Tong Kiều. Chùa được lập vào thời ngài Ngã Đạo, nửa chừng bị hoang phế, đến thời Pháp Hưng Vương mới xây dựng lại. Bắt đầu vào năm Ất Mão đến đời Châu Hưng Vương mới thành)

2. Ở phía Nam Long cung (nay là chùa Hoàng Long, do Chân Hưng Vương sáng lập vào năm Quý Dậu).

3. Tam Xuyên Kỳ (nay là chùa Vĩnh Hưng, xây dựng đồng thời với chùa Hưng Luân).

4. Ở phía Bắc Long Cung (nay là chùa Phấn Hoàng xây dựng vào năm Giáp Ngọ đời Đức Vương).

5. Ở Sa Xuyên Vĩ (nay là chùa Linh Diệu, xây dựng vào năm Ất Mùi đời Thiện Đức Vương).

6. Ở rừng Thần Du (nay là chùa Thiên Vương, xây dựng vào năm Kỷ Mão đời Văn Võ Vương)

7. Ở Tê Thỉnh Điền (nay là chùa Đàm Nghiêm), tất cả đều đất già lam của Phật quá khứ, là nơi dòng nước Pháp chảy mãi.

Con nên qua đó mà truyền bá Phật pháp, hướng về Đông mà nối dòng Phật pháp". Ngã Đạo theo lời chỉ dạy đến nước Kê Lâm, ngụ tại một ngôi làng ở phía Tây Vương Thành, nay là chùa Trang Nghiêm. Bấy giờ là năm thứ hai đời Vị Trâu Vương tức năm Quý Mùi, sư đến cung xin truyền bá Phật pháp. Vì từ trước đến nay chưa từng thấy qua, nên hiềm nghi đến nỗi có người muốn giết, do đó Sư phải trốn đến nhà Mao Lộc (Lộc là viết lầm của chữ Lễ có hình giống nhau). Cổ Ký ghi: Đầu tiên Pháp sư đến nhà Mao Lộc. Bấy giờ trời đất chấn động. Mọi người chẳng biết danh từ Tăng, nên mới gọi là A Đầu Sam Ma; Sam Ma là phương ngôn dùng gọi các vị Tăng, giống như nói Sa-di) ở Tục Lâm (nay là huyện Nhất Thiện) và ở đây ba năm. Một hôm Công chúa Thành Quốc bị bệnh, thuốc men hay cúng tế đều không hiệu nghiệm. Vương sai sứ đi khắp nơi tìm danh y, Sư liền đến triều chữa trị, bệnh của công chúa thuyên giảm. Vương rất vui mừng, hỏi Sư cần điều gì. Sư đáp:

- Bần đạo không mong cầu điều gì, chỉ xin được lập chùa Phật

ở rừng Cảnh lâm, hưng khởi Phật pháp, cầu phước cho nước nhà mà thôi!

Vương chấp thuận, sai người khởi công, theo phong tục nơi này chuộng đơn giản thuần chất, nên lập nhà tranh thất cỏ, an trụ mà diễn giảng, bấy giờ hoa trời rải đầy đất, nên đặt tên là Hưng Luân tự. Em của Mao Lộc là Sử Thị lễ cầu Sư xuất gia làm ni, lập chùa ở Tam xuyên kỳ mà trụ, gọi là Vĩnh Hưng tự. Chưa bao lâu Vị Trâu Vương băng, người trong nước muốn hãm hại, nên Sư trở về nhà Mao Lộc, tự đào phần mộ, đóng cửa tuyệt giao, không còn xuất hiện nữa. Nhân đó mà giáo pháp cũng suy tàn. Đến đời hai mươi ba là Pháp Hưng Vương lên ngôi vào năm Giáp Ngọ niên hiệu Thiên Giám thứ mười ba đời Tiêu Lương, lại đại hưng khởi Phật pháp. Từ đây tính ngược lên đời Vị Trâu Vương là hai trăm năm mươi hai năm. Như vậy là lời của Đạo Ninh sự đoán sau hơn ba ngàn tháng là có ứng nghiệm.

Theo đây thì Bản Kỷ và Bi Ký trái nhau. Ta hãy thảo luận xem.

Hai bộ Lương Cao Tăng Truyện, Đường Cao Tăng Truyện và Tam Quốc Bản Sử đều ghi Phật giáo truyền vào Cao Ly và Bách Tế đầu tiên là trong khoảng niên hiệu Đại Nguyên cuối đời Tấn, thì việc hai vị Tăng Thuận Đạo và A Đạo đến Cao Ly vào năm Giáp Tuất đời vua Tiểu Thú Lâm đã rõ ràng rồi, truyền thuyết này chẳng sai. Nếu cho rằng vào đời Tỳ Xứ Vương mới đến Tân La thì A Đạo phải lưu lại Cao Ly hơn một trăm năm rồi mới sang. Tuy rằng hành nghi đến đi ẩn hiện của bậc Đại Thánh bất thường, nhưng chưa hẳn đều như thế, hơn nữa cũng chưa phải Tân La tin phụng Phật giáo muộn quá như vậy. Còn như đến vào đời Vị Trâu Vương, thì vượt qua trước Cao Ly vào năm Giáp Tuất hơn một trăm năm. Lại bấy giờ Kê Lâm là một nước chưa có văn vật lễ nghi, còn chưa có quốc hiệu, vậy đâu có việc A Đạo đến triều xin tin phụng Phật giáo lại chẳng hợp với việc chưa đến Cao Ly mà đã vượt đến Tân La. Giả sử tạm thời hưng khởi rồi bị phế, thì vì sao ở khoảng giữa vắng lặng không nghe nói đến, lại còn chẳng biết danh từ hương nữa? Một thì quá muộn, một thì quá sớm. Như xét theo thế dần dần tiến về Đông, ắt trước phải đến Cao Ly, Bách Tế rồi cuối cùng mới qua Tân La thì Nột Kỳ Vương và Tiểu Thú Lâm kế tiếp nhau. A Đạo từ giã Cao Ly đến Tân La vào đời Kỳ Nột. Hơn nữa công chúa được cứu chữa đều lưu truyền là việc của A Đạo. Thế thì người có tên là Hắc Hồ chẳng phải là tên thật, chắc đây là chỉ cho con mắt, như người đời Lương gọi ngài Đạt Ma là Bích Nhãn Hồ, người đời Tấn vui gọi ngài Thích Đạo An là Thất Đạo Nhân. Đó là vì hành nghi của A Đạo cao tột, nên người

đời kỵ không dám gọi chánh danh, cũng từ đó người trong nước, mỗi mỗi nghe được một tên rồi cho A Đạo là Hắc Hồ là hai người mà lưu truyền vậy, hà huống ở trên có ghi: "A Đạo có nghi biểu giống với Hắc Hồ", lấy đây mà nghiệm thì biết là một người. Đạo Ninh nói bảy nơi, chính là lấy việc sáng lập trước sau mà dự ngôn, nhưng truyền sai lệch, vì thế nay đặt Sa Châu Vĩ làm thứ năm. Còn nói hơn ba ngàn tháng thì chưa hẳn đúng là sử ghi. Vì từ đời Nột Kỳ Vương đến năm Đinh Mùi đời Pháp Hưng tổng cộng hơn một trăm năm, nếu nói hơn một ngàn tháng thì gần đúng. Nói là họ Ngã, vì đây chỉ là đơn danh nên nghi, thật giả thật khó biết rõ!

Theo truyện Thích Đàm Thủy đời Nguyên Ngụy (Đàm Thủy hoặc gọi là Tuệ Thủy) ghi:

Đàm Thủy người Quan Trung, sau khi xuất gia đã có rất nhiều hành tích kỳ dị. Vào cuối niên hiệu Đại Nguyên đời Tấn Hiếu Võ, Sư mang vài mươi bộ kinh luật đến Liêu Đông hoằng hóa, chỉ dạy giáo Tam Thừa, trao truyền quy giới, đó là khởi đầu Cao Ly được truyền nhập giáo pháp. Đầu niên hiệu Nghĩa Hi, Sư trở lại Quan Trung giáo hóa ba khu vực phụ cận kinh thành (tam phụ). Chân của Sư trắng như mặt, đi trên bùn nước mà chẳng dính ướt. Mọi người đều gọi là Bạch Túc Hòa thượng. Vào cuối đời Tấn Hung Nô phương Bắc là Hách Liên Bột Bột đánh chiếm Quan Trung chém chết vô số người; Sư cũng bị hại, nhưng đao chém chẳng đứt, Bột Bột than thở rồi ban lệnh tha tất cả Sa-môn, không được giết. Bấy giờ Sư lánh vào núi sâu tu hạnh Đầu Đà. Sau đó Thát Bạt Đảo lại đánh phá Trường An, dương oai ở Quan lạc. Bấy giờ các Bác Lăng Thôi Hạo, nhỏ học tập bàng môn tả đạo, ganh ghét Thích giáo, làm đến chức Ngụy Phụ được Đảo tin dùng đã cùng với Thiên Sư Khấu Liêm nói với Đảo là Phật giáo không có ích lợi, mà còn làm tổn hại đến lợi ích của dân, khuyên nên phá dẹp. Đến cuối năm Đại Bình, Sư biết được thời cơ cải hóa Đảo đã đến, bèn vào ngày Nguyên Hội, Sư chống tích trượng đến cấm cung, Đảo sai người chém, nhưng không tổn thương, Đảo tự tay chém cũng không hề hấn gì; lại thả cho cọp nuôi ở Bắc Viên, cọp cũng không dám đến gần. Đảo quá kinh sợ, nên phát bệnh hủi. Thôi và Khấu cũng bị ác bệnh. Đảo cho rằng có tội là do hai tên kia nên ra lệnh tru diệt toàn gia của Thôi và Khấu, lại ban chiếu trong khắp cả nước tin phụng Phật pháp. Sau không biết Sư thị tịch nơi đâu.

Bàn rằng: Đàm Thủy đến Đông hải vào cuối niên hiệu Đại Nguyên, đến đầu niên hiệu Nghĩa Hi lại trở về Quan Trung, tức đã ở

đó trên mười năm, vì sao Đông Sử chẳng ghi. Đàm Thủy là vị Tăng có hành nghi kỳ bí khó lường, giống với A Đạo, Hắc Hồ, Nan Đà. Ba người này nghi là một, ắt đều là đổi tên húy mà thôi. Tán rằng:

*Tuyết phủ Kim Kiều lạnh chẳng tan*
*Xuân sắc Kê Lâm e chưa toàn*
*Khá thương Thanh Đế nhiều tài trí*
*Ẩn mình nơi đất của Mao Lang.*

***Nguyên Tông hưng khởi Phật pháp:*** (cách Kỳ Nột Vương trên một trăm năm)

Yểm Độc diệt thân.

*Tân La Bản Kỷ ghi:* Năm thứ mười bốn đời Pháp Hưng Vương có một vị quan nhỏ tên là Dị Thứ Đốn vì pháp diệt thân, tức là vào năm Đinh Mùi, niên hiệu Phổ Thông triều Tiêu Lương, là năm mà tổ Bồ-đề-đạt-ma đến Kim lăng. Bấy giờ Lãng Trí Pháp Sư mới vừa đến trụ chùa Linh Thứu sơn khai pháp. Như thế thì đại pháp hưng suy, xa gần đều có cảm nhau, nhất thời có thể tin về điều này. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, Sa-môn Nhất Niệm chùa Nam Giản soạn Độc Hương Phần lễ Phật kết xã văn có ghi chép rõ việc này. Nay lược ghi như sau: Xưa Pháp Hưng Đại Vương nơi điện Tử Cực dùng đạo vô vi mà trị, nơi cõi Phù Tang cúi đầu soi xét. Cho rằng khi trước Hán Minh Đế cảm mộng, mà Phật pháp lưu truyền về đông. Quả nhân từ khi lên ngôi đến nay, nguyện vì nhân dân mà tạo nơi tu phước diệt tội. Bấy giờ triều thần (tương truyền là Công Mục, Yết Cung...) chưa biết được ý sâu xa của Trẫm. Chỉ biết tuân theo nghĩa lớn trị quốc, chẳng theo mưu thần tạo tự. Vương than rằng: Than ôi! Quả nhân vì vô đức mà lại kế thừa đại nghiệp, nên trên thì thiếu sự biến hóa của âm dương, dưới thì không được lòng hoan hỷ của lê thứ; những lúc rảnh rỗi việc triều chánh, ta chỉ lưu tâm nơi Thích giáo, ai cùng ta làm bạn đây! Bỗng đâu có một quan Nội Dưỡng họ Phác, tên Yểm Độc (hoặc gọi là Dị Thứ, Y Thứ đều là sự sai biệt của phương ngôn. Dịch là Yểm Độc, Đốn, Đạo, Đổ, Độc... đều là tùy tiện theo người viết, tất cả đều là trợ từ mà thôi. Nay dịch chữ trước không dịch chữ sau, nên gọi là Yểm Độc, Yểm Đỗ...). Cha là Vị Bình, tổ phụ là A Trân Tông, tức là con trai của Tập Bảo Cát Văn Vương (theo Tân La, quan tước gồm mười bảy bậc, bậc thứ tư là Ba Trân Thực cũng gọi là A Trân Thực. Tông là tên; Tập Bảo cũng là tên. Nếu truy phong là Vương thì đều gọi là Cát Văn Vương. Kỳ thật quan viết sử cũng nói chưa rõ. Căn cứ theo A Đạo Bi do Kim Dụng Hành soạn: Bấy giờ có xá nhân hai

mươi sáu tuổi cha là Cát Thăng, Tổ là Công Hán, Tằng Tổ là Khất Giải Đại Vương); Yểm Độc theo trúc bá mà làm chất, lấy nước và gương mà lập chí, tích thiện cho cháu con, mong làm dũng sĩ trong nội cung, trung thần của thánh chúa, cầu được hầu hạ nơi triều đình. Năm hai mươi hai tuổi đang làm xá nhân (ở Tân La có lập Đại Xá và Tiểu Xá, là phẩm trật thấp) thấy diện mạo của Vương đã rõ biết tâm tình, nên tâu rằng:

- Thần nghe nói người xưa từng hỏi kẻ dân dã; thần nguyện chịu tội xin được tâu bày!

Vua đáp:

- Không phải là việc của ngươi!

Xá nhân nói:

- Vì nước quên thân là khí tiết lớn của bầy tôi. Vì vua bỏ mình là nghĩa cả của nhân dân. Thần xin dùng lời giả dối để lan truyền, bệ hạ chém đầu thần trị tội thì vạn dân đều phục, chẳng dám chống trái việc trị hóa.

Vương nói:

- Cắt thịt đánh cuộc với thân để đổi mạng một con chim, làm thương mạng máu chảy để cứu bảy con hổ, lòng trẫm vì muốn lợi ích cho người, đâu thể giết kẻ vô tội. Tuy ngươi tạo công đức, nhưng chẳng bằng vô tội.

Xá nhân tâu:

- Cái mà khó xả bỏ nhất, chẳng gì hơn thân mạng. Nhưng thần chết buổi chiều thì sáng mai Đại giáo lưu hành, mặt trời Phật lại hiện, thánh chúa an khang.

Vương nói:

- Phượng hoàng con, tuy nhỏ đã có tâm vút hư không, Hồng hộc bé tuy mới sinh mà đã ôm thế vượt sóng. Ngươi đã như thế, có thể nói là hạnh của bậc Đại sĩ vậy!

Bấy giờ đại vương giả bộ oai nghiêm, mặt đằng đằng sát khí triệu tập quần thần hỏi rằng:

- Các khanh cho ta muốn tạo lập tinh xá, cho nên ngăn cản phải chăng? (Hương truyện ghi: Độc lấy mệnh vua truyền cho khởi công xây dựng chùa Phật, quần thần đến can gián, Vương bèn nổi giận, gia hình Độc vì đã dối truyền mệnh vua).

Quần thần sợ hãi run rẩy, vẻ mặt khốn khổ thề thốt, tay chỉ đông chỉ tây. Vương bèn gọi xá nhân ra cật vấn. Xá nhân mặt mày thất sắc, không nói được lời nào, Đại Vương nổi giận, ban lịnh chém đầu. Quân sĩ trói lại dẫn đến nha môn, xá nhân thề nguyện xong, đao phủ chém

đầu, từ cổ vọt lên một vòi sữa trắng cao một trượng (Hương truyện ghi: Xá nhân thệ rằng: Bậc Đại Thánh Pháp Vương muốn hưng khởi Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng, nhiều kiếp kết duyên, trời hiện điềm lành, chỉ khắp cho nhân dân. Bấy giờ đầu bay lên hư không rơi xuống đỉnh Kim Cang Sơn).

Lúc ấy trời, bốn phương ảm đạm, chiều tà vì thế mà mịt mờ; đất khởi sáu cách chấn động, mưa hoa vì thế mà bay tan tác. Thánh quân sầu đau lệ ướt long bào, Tể tướng buồn thương mồ hôi thấm mũ, suối ngọt bỗng nhiên khô cạn, rùa cá vẫy vùng; cây thẳng tự dưng gãy đổ, khỉ vượn kêu la; bạn quý ở vương cung tuôn máu lệ nhớ thương, thân bằng nơi hậu cấm dứt ruột gan tiếc nuối... nhìn theo linh cửu khóc la như cha mẹ mất. Tất cả cho rằng Giới Tử Thôi cắt thịt đùi chưa đủ sánh với khí tiết này, Hoằng Diễn mổ bụng cũng đâu so cùng tráng liệt ấy. Đó là nâng dậy lòng tin cho Đan Trì, thành tựu bản tâm của A Đạo. Chính là bậc thánh vậy! Vương bèn ban chiếu an táng tại Tây lĩnh ở Bắc sơn (tức Kim cang sơn. Truyền rằng là nơi đầu bay đến, do đó mà chôn thân. Nay chẳng nói đến là vì sao?). Người trong nước thương tiếc bèn chọn nơi thắng địa để tạo già lam, gọi là Thích Thu Tự. Bấy giờ nhà nhà đến kính lễ, ắt được hiện đời vinh hoa; người người tu đạo, sẽ thấu rõ được lợi ích của pháp.

Năm Giáp Tý, nhằm năm thứ năm đời Chân Hưng Đại Vương, xây dựng chùa Hưng Luân (theo Quốc Sử Hưng Bang Truyện, thì thật ra đến năm mười bốn đời Pháp Hưng Vương, tức năm Đinh Mùi đặt móng, đến năm Ất Mão tức năm thứ hai mươi mốt, đốn phá rừng Thiên Cảnh, bắt đầu khởi công làm kèo cột, cây gỗ trong rừng này cung cấp đủ, có cả bậc thềm, khám đá. Đến năm Giáp Tý, tức năm thứ năm đời Chân Hưng Vương thì hoàn thành. Vì thế ghi là Giáp Tý. Tăng Truyện ghi năm thứ bảy là sai lầm).

Đầu niên hiệu Đại Thanh, nhà Lương sai sứ là Thẩm Hồ mang xá-lợi đến dâng hiến cho chùa. Năm Thiên Thọ thứ sáu, khi sứ nhà Trần là Lưu Trung và vị Tăng Minh Quán tuân chỉ mang kinh điển đến thì thấy chùa viện khắp nơi, tháp miếu vô số, dựng pháp tràng cao vút, treo gương phạm sáng ngời. Thích môn long tượng làm phước điền trong cả nước, pháp Đại Tiểu thừa là mây lành phủ cả non sông. Bồ-tát ở phương kia xuất hiện nơi đời (Bảo vật trần na phù thạch ở chùa Phấn Hoàng chính là đến từ Lạc sơn và Ngũ đài), danh tăng Tây Vực quang lâm nơi cảnh địa. Do đó hợp Tam Hàn mà làm nước, định bốn biển mà làm nhà. Cho nên viết đức danh trên cây Thiên trấn, vẽ thần tích nơi mặt

nước Tinh hà. Như thế há chẳng phải do oai đức của ba bậc thánh dẫn đến hay sao? (tức Ngã Đạo, Pháp Hưng và Yểm Độc). Sau lại có Quốc Thống Tuệ Long Pháp Chủ, Hiếu Viên Kim Tướng Lang, Đại Thống Lộc Phong Đại Thư Tỉnh, Chân Nộ Ba Trân Thực Kim Nghi, xây cất phần mộ xưa, dựng lập bia lớn. Ngày năm tháng tám năm Đinh Dậu, niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười hai, nhằm năm thứ chín đời bốn mươi mốt Hiến Đức Đại Vương, Thiền sư Vĩnh Tú (ở Tân La bấy giờ các sư Du-già đều gọi là Thiền sư) tập hội tại phần mộ này, dâng hương lễ Phật mỗi tháng năm ngày; lại vì kỳ nguyện cho cô hồn mà lập đàn tụng niệm. Hương truyện ghi: Các người già trong làng vào ngày kỵ, thường tụ tập về chùa Hưng Luân". Thì ngày mồng năm tháng này chính là ngày mà xá nhân vì pháp vong thân.

Than ôi! Không có vua này thì không có bầy tôi này, không có bầy tôi này thì không có công đức này. Có thể cho đó là một sự cảm ngộ toàn mỹ, như Lưu Bị gặp Gia Cát, cá gặp nước, rồng gặp mây ư? Pháp Hưng Vương khôi phục Phật pháp đã suy đồi, dựng lập chùa viện, sau khi hoàn thành thì cởi bỏ vương miện đắp ca-sa, cho cung nhân vào chùa làm công quả (Tự Lệ đến nay gọi là Vương Tân. Sau vào thời Thái Tông Vương, Tể phụ Kim Lương Đồ Tín quy hướng Phật pháp, có hai người con gái là Hoa Bảo và Liên Bảo, xả thân làm công quả chùa này. Lại lấy tộc họ của nghịch thần Mao Xích vào chùa làm người giúp việc. Hậu duệ của hai tộc họ này đến nay vẫn còn). Vương trụ trì chùa này, đích thân đảm nhiệm việc hoằng hóa. Chân Hưng Vương kế tục đức nghiệp, tôn trọng thánh giáo, vâng thừa lãnh ngôi Cửu ngũ, thống lãnh trăm quan, hiệu lịnh gồm đủ. Nhân đó ban hiệu là Đại Vương Hưng Luân Tự. Vương trước họ Kim, sau khi xuất gia lấy pháp hiệu là Pháp Vân, tự là Pháp Không (trong Tăng Truyện và các thuyết cũng nói Vương phi xuất gia có pháp danh là Pháp Vân. Chân Hưng Vương là Pháp Vân, phu nhân của Chân Hưng cũng là Pháp Vân; quá nhiều Pháp Vân như vậy, e là có lẫn lộn).

Sách Phủ Quy Nguyên ghi: Họ Mộ, tên là Tần. Vào năm Ất Mão, lúc mới khởi công thì vương phi cũng lập chùa Vĩnh Hưng sau vì mến mộ đức hạnh của Sử Thị mà xuất gia làm ni, pháp hiệu là Diệu Pháp, cũng trụ tại chùa Vĩnh Hưng, qua nhiều năm sau mới thị tịch.

***Quốc Sử ghi:*** Năm Kiến Hưng ba mươi mốt, tượng đắp ở chùa Vĩnh Hưng tự nhiên hư hoại, không bao lâu thì Vương phi của Chân Hưng là Tỳ-kheo-ni qua đời. Xét Chấn Hưng là cháu gọi Pháp Hưng bằng bác, phi là Tư Đao phu nhân họ Phác, là con gái của Anh Thất

Giác Can làng Mâu Lương cũng xuất gia làm Ni, nhưng chẳng phải là người sáng lập chùa Vĩnh Hưng, thì e rằng chữ Châu nên viết là Pháp. Nghĩa là Vương phi của Pháp Hưng là Ba Diếu phu nhân làm ni đã qua đời, mới là người sáng lập chùa Vĩnh Hưng, tạo tượng Phật.

Hai vị Hưng Vương bỏ ngôi vua xuất gia, sử không nói đến, vì chẳng phải là lời dạy kinh bang tế thế.

Lại vào năm Đinh Mùi niên hiệu Đại Thông thứ nhất, vì Lương Võ Đế mà sáng lập chùa Đại Thông ở Hùng Châu Xuyên (Hùng Châu tức là Công Châu, bấy giờ thuộc Tân La. Nhưng e rằng chẳng phải vào năm Đinh Mùi, mà vào niên hiệu Trung Đại Thông thứ nhất là năm Kỷ Dậu mới sáng lập. Bởi vì năm Đinh Mùi mới lập chùa Hưng Luân, không rảnh để lập thêm một ngôi chùa ở quận khác. Tán rằng:

*Thánh trí xưa nay mưu vạn thế*
*Dư luận cỏn con dối được gì*
*Pháp luân đã theo Kim luân chuyển*
*Thuấn nhật vừa nâng Phật nhật cao.*

(khen Nguyên Tông)

*Theo nghĩa khinh thân đã đủ kinh*
*Hoa trời, sữa trắng thật lắm tình*
*Bỗng một nhát đao hồn lìa xác*
*Chùa viện chuông rền động đế kinh.*

(Khen Yếm Độc)

***Pháp Vương cấm sát sinh:***

Đời thứ hai mươi chín của Bách Tế là Pháp Vương, Vương húy là Tuyên hoặc gọi là Hiếu Thuận, lên ngôi năm Kỷ Mùi, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười. Mùa đông năm này, Vương hạ chiếu cấm sát sinh, thả tất cả gia súc mà nhân dân đã nuôi như ưng, chiên (các loại chim dữ), đốt tất cả các dụng cụ săn bắn chài lưới. Qua năm sau, tức năm Canh Thân độ ba mươi vị tăng, lập chùa Vương Hưng ở kinh đô bấy giờ là Thành Tứ Thử (nay là Phù Dư). Khai móng chưa được bao lâu thì thăng hà, Võ Vương kế vị. Cha đặt nền móng, con tiếp tục xây dựng, trải qua vài mươi năm thì hoàn thành đặt tên là Di-lặc Tự. Chùa tựa vào núi, gần bên sông, bốn mùa cỏ hoa khoe sắc, cây cối tốt tươi. Vương thường đi thuyền men theo dòng sông mà vào chùa, để thưởng ngoạn phong cảnh tráng lệ tuyệt mỹ ở đây (ở đây có vài điểm hơi khác với cổ ký. Mẹ của Võ Vương là một người nghèo tư thông với một con rồng dưới ao mà sinh ra Vương. Lúc nhỏ tên là Thự Dự, sau khi lên ngôi thụy hiệu là Võ

Vương, đã cùng với vương phi sáng lập chùa này). Tán rằng:

*Lệnh thả thú rừng huệ khắp ngàn non*
*Cấm giết lợn heo nhân nhuần bốn biển*
*Chớ nói Thánh quân xem nhẹ hạ giới*
*Phương trên Đâu-suất đúng gặp ngày xuân.*

***Bảo Tạng Phụng người già - Phổ Đức dời am:***

*Cao Ly bản ký ghi:* "Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán, tức đời Lý Võ Đức ở Cao Ly, người trong nước tranh nhau tin phụng đạo Ngũ Đấu Mễ. Đường Cao Tổ nghe được, sai đạo sĩ đem tượng Thiên Tôn đến, giảng Đạo Đức Kinh. Vương và người trong nước đều nghe". Đó tức là vào năm Giáp Thân niên hiệu Võ Đức thứ bảy đời Vinh Lưu Vương. Qua năm sau Vương sai sứ đến Đường cầu học Phật và Lão. Vua Đường (Cao Tổ) chấp thuận. Đến khi Bảo Tạng Vương lên ngôi (năm Nhâm Dần, niên hiệu Trinh Quán mười sáu), cũng muốn đồng thời hưng khởi ba giáo. Bấy giờ Sũng tướng là Cái Tô Văn nói với Vương rằng:

- Nho và Thích đều đã hưng thịnh, mà Đạo thì chưa thịnh, nên đặc biệt sai sứ sang Đường cầu học Đạo giáo.

Bấy giờ Hòa thượng Phổ Đức trụ ở chùa Bàn Long xót thương tà đạo sánh ngay với chánh pháp, vận nước sẽ lâm nguy, nên từng đến can gián, nhưng Vương chẳng chịu nghe. Sư bèn vận thần lực làm cho phương trượng bay về hướng nam đến Cô Đại sơn ở Hoàn châu (nay là Toàn châu) mà ẩn cư. Đó là vào tháng sáu năm Canh Tuất niên hiệu Vĩnh Hưng thứ nhất (Bản truyện ghi: Ngày mồng ba tháng ba năm Đinh Mão, niên hiệu Càn Phong thứ hai), không bao lâu thì nước bị diệt (nước bị diệt vào năm Mậu Thìn, niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, cách năm Canh Tuất mười chín năm). Nay ở chùa Cảnh Phước có Phi Lai Phương Trượng chính là việc này (theo Quốc sử), Châu Lạc Công đã đề thơ tại nơi ấy, đồng thời Văn Liệt Công có soạn truyện ký lưu hành ở đời.

*Xét Đường Thư ghi:* Khi Tùy Dạng Đế chinh phạt Liêu Đông, có Tỳ Tướng Dương Mãnh cầm quân thua trận, lúc sắp chết có thề rằng:

- Ta sẽ là Sũng thần để diệt nước ấy!

Đến lúc họ Cái chuyên quyền; lấy Cái làm họ, chính là lấy sự ứng nghiệm của Dương Mãnh. Cao Ly cổ ký ghi: Năm Nhâm Thân niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám, Tùy Dạng Đế dẫn ba mươi vạn quân vượt biển chinh phạt. Tháng mười năm Giáp Tuất, niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười, vua Cao Ly (tức Anh Dương Vương, đời ba mươi sáu, tại vị hai mươi sáu năm) dâng biểu xin hàng; bấy giờ có một người lén dấu một

cái nỏ nhỏ trong người theo đoàn sứ giả dâng biểu đến thuyền của Dạng Đế, Đế mở biểu đọc, thì phát nỏ trúng ngực Đế. Lúc sắp dẫn quân về kinh, Đế nói với tả hữu rằng:

- Trẫm làm chủ thiên hạ, nay thân chinh một nước nhỏ mà một thất bại ắt bị vạn thế cười chê!

Bây giờ Hữu Tướng Dương Mãnh tâu rằng:

- Thần chết sẽ làm một đại thần của Cao Ly mà diệt nước này để báo thù cho Đế vương!

Đế băng hà. Sau Mãnh chết thì sinh sang Cao Ly. Năm mười lăm tuổi đã thông minh thần võ. Võ Dương Vương nghe người hiền tài (Quốc sử nói Vinh Lưu Vương tên là Kiến Võ; hoặc nói Kiến Thành, mà ở đây nói Võ Dương thì chưa rõ) liền triệu vào làm quan; tự xưng là họ Cái tên là Kim, làm đến chức Tô Văn, tức là Thị Trung (Đường Thư nói: Cái Tô Văn tự xưng là Mạc Ly Chi, giống như Trung Thư Lịnh. Theo Thần Chí Bí Từ Tự ghi: Tô Văn Nhân Anh Hoằng Tự Tịnh Chú thì Tô Văn là tên một chức vụ, có văn chứng minh, nhưng truyện ghi: Văn nhân Tô Anh Hoằng Tự thì chưa biết là người nào?). Cái Kim tâu rằng:

- Đỉnh thì phải có ba chân, nước ắt có ba đạo, Thần thấy trong nước chỉ có Nho và Thích, chưa có Đạo giáo, nên phải chịu nguy ách.

Vương đồng ý. Kim lại tấu nên qua Đường mà thỉnh. Thái Tông sai tám đạo sĩ là Tư Đạt... sang (Quốc sử ghi: Năm Ất Dậu, niên hiệu Võ Đức thứ tám, Vương sai sứ sang Đường thỉnh cầu Phật Lão. Đường Đế chấp thuận. Theo đây thì Dương Mãnh chết năm Giáp Tuất, thác sinh đến nước này, bấy giờ mới hơn mười tuổi mà đã là một sũng thần, dụ vua sai sứ; ắt ngày tháng có lầm lẫn. Nay vẫn giữ hai thuyết). Vương vui mừng lấy chùa Phật làm Đạo quán, xếp Đạo sĩ ngồi trên Nho sĩ. Các Đạo sĩ đi khắp nơi trong nước như Danh Sơn Xuyên, Cổ Bình Nhưỡng Thành, Thế Tân Nguyệt Thành, các Đạo sĩ dùng thần chú sai rồng ở Nam Hà xây thành Mãn Nguyệt, cũng do đó mà gọi là Long Yến Đổ. Lại nói lời sấm rằng:

- Long Yến Đổ hãy nói Thiên Niên Bảo Tạng Đổ. Hoặc đục phá linh thạch (tục gọi là Đô Đế Nham, còn gọi là Triều Thiên Thạch, vì khi xưa Thánh Đế thường cưỡi tảng đá này mà về chầu Thượng đế). Cái Kim tâu xây trường thành từ đông sang bắc, từ tây sang nam. Bấy giờ người Nam thì phu dịch, người nữ thì lo cày bừa, phu dịch đến mười bảy năm mới xong. Đến đời Bảo Tạng Vương, Đường Thái Tông dẫn sáu quân sang đánh Cao Ly, nhưng thất bại mà trở về. Đến năm Mậu Thìn, niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, Đường Cao Tông sai Hữu Tướng Lưu

Nhân Quỹ, Đại Tướng Lý Tích và Kim Nhân Vấn của Tân La đem đại quân tiêu diệt Cao Ly, bắt sống Tạng Vương dẫn về Đường. Con thứ của Tạng Vương dẫn hơn bốn ngàn nhà sang đầu hàng Tân La (ở đây có vài điểm hơi khác với Quốc sử nên nêu lên).

Năm Tân Mùi, Hựu Thế Tăng Thông đến Phi Lai Phương Trượng ở chùa Cảnh Phước, Cô Đại Sơn, lễ chân tượng Phổ Thánh Sư, và có làm bài thơ rằng:

*Giáo Niết-bàn Phương Đẳng*
*Từ thầy ta truyền thọ... đến câu:*
*Đáng tiếc sau phi phòng (phương trượng bay)*
*Cổ Đông Minh suy tàn.*

Vua Cao Ly tin thuận Đạo giáo, chẳng tin Phật pháp, Sư bèn vận thần thông khiến phương trượng bay về nam đến núi này. Sau có thần nhân ở Mã lĩnh Cao Ly báo với mọi người rằng:

- Đất nước các ngươi không biết ngày nào diệt vong đây?

Sự tích đã ghi đầy đủ trong Quốc Sử, Bản truyện và Tăng Truyện. Sư có mười một đệ tử xuất sắc: Vô Thượng Hòa Thượng và các đệ tử như Kim Thú... sáng lập chùa Kim Động; Tịch Diệt và Nghĩa Dung sáng lập chùa Trân Khâu. Trí Tẩu sáng lập chùa Đại Thừa, Nhất Thừa và Chánh Tâm Đại Nguyên sáng lập chùa Đại Nguyên. Thủy Tinh sáng lập chùa Duy-Ma; Tứ Đại và Khế Dục sáng lập chùa Trung Đài; Hòa Thượng Khai Nguyên sáng lập chùa Khai Nguyên; Minh Đức sáng lập chùa Yên Khẩu; Khai Tâm và Phổ Minh cũng có truyền thừa, như Bản Truyện đã ghi đầy đủ. Tán rằng:

*Biển Thích mênh mông không bờ mé*
*Trăm sông Nho Lão thảy dồn về*
*Nực cười Ly vương theo bùn đất*
*Chẳng biết biển xanh, uổng Ngọa Long.*

Mười vị Thánh được thờ ở Kim đường chùa Hưng Luân tại Đông kinh

Tượng đất tôn trí ở hướng Canh, vách phía Đông gồm:
Ngã Đạo - Yểm Độc - Tuệ Tú - An Hàm - Nghĩa Tương.
Tượng đất tôn trí ở hướng Giáp, vách phía Tây gồm:
Biểu Huấn - Xà Ba - Nguyên Hiểu - Tuệ Không - Từ Tạng.

***Phiến đá Phật Ca-diếp yên tọa:***

Ngọc Long Tập, Tử Tạng Truyện, Chư Gia Truyện Ký đều nói ở phía Nam Long cung, Đông Nguyệt thành ở Tân La có phiến đá Phật

Ca-diếp yên tọa, đó là đất Già-lam của Phật quá khứ, nay là chùa Hoàng Long, là một trong bảy Già-lam. Theo Quốc Sử, vào tháng hai năm Quý Dậu, niên hiệu Khai Quốc thứ ba, tức năm thứ mười bốn đời Chân Hưng Vương, xây dựng Tân Cung ở phía Đông Nguyệt thành, vì có rồng vàng hiện ở đất này, Vương nghi ngờ, bèn đổi tên là Hoàng Long tự; phiến đá Phật yên tọa ở sau điện Phật. Tôi đã một lần đến xem thấy phiến đá cao năm, sáu thước, chu vi chỉ ba cánh tay, cao và phẳng. Từ khi Chân Hưng Vương sáng lập chùa đến nay, trải qua hai lần hỏa tai, phiến đá có nơi bị nứt nẻ, Tăng chúng trong chùa dùng sắt ràng lại để giữ gìn. Có bài tán rằng:

*Tuệ nhật tắt rồi đã bao năm*
*Chỉ còn Yên Thạch vẫn y nhiên*
*Ruộng dâu mấy lần thành biển rộng*
*Tiếc thay sừng sững vẫn chẳng dời.*

Không bao lâu đại binh Tây Sơn khởi, chùa tháp đều bị tiêu hủy, do đó phiến đá này cũng tan hoại, chỉ còn lại khoảng đất bằng phẳng. Theo kinh A-hàm, Phật Ca-diếp là Đức Phật thứ ba của Hiền kiếp, xuất hiện vào thời kỳ mà con người có tuổi thọ hai vạn năm. Căn cứ theo đây để dùng phép tăng giảm tính toán; vào đầu kiếp Thành con người thọ vô lượng tuổi, dần dần giảm còn tám vạn tuổi là đầu của kiếp Trụ, lại từ đây cứ mỗi một trăm năm thì giảm một tuổi, cho đến thọ mạng còn mười tuổi là một lần giảm. Sau đó theo mạng tăng tám vạn tuổi là một lần tăng. Cứ hai mươi lần tăng hai mươi lần giảm như thế là một kiếp Trụ. Trong kiếp Trụ này có một ngàn vị Phật xuất thế, Đức Bổn Sư Thích-ca là vị thứ tư, bốn tôn vị đều xuất hiện vào lần giảm thứ chín. Từ Đức Thích-ca tuổi thọ một trăm năm đến Phật Ca-diếp tuổi thọ hai vạn là hơn hai trăm vạn năm. Nếu tính đến đời Phật Câu-lưu-tôn, là tôn vị thứ nhất vào đầu thời Hiền kiếp thì biết bao nhiêu vạn năm. Từ Phật Câu-lưu-tôn trở lên đến kiếp Sơ, lúc con người thọ vô lượng tuổi thì biết bao nhiêu? Từ Đức Thích-ca trở về sau đến năm Tân Tỵ niên hiệu Chí Nguyên mười tám là hai ngàn hai trăm ba mươi năm. Từ Phật Câu-lưu-tôn trải qua Phật Ca-diếp đến hôm nay thì biết bao nhiêu là vạn năm. có danh sĩ Ngô Thế Văn của triều ta soạn lịch Đại Ca, từ năm Kỷ Mão niên hiệu Trinh Hựu triều Đại Kim, tính ngược về trước đến hơn bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm, nhằm năm Mậu Dần là Bàn Cổ khai sáng. Lại theo Đại Nhất Lịch Pháp do Kim Hy Ninh chức Diên Hy Cung Lục Sự soạn thì từ lúc khai sáng năm Giáp Tý thời Thượng cổ đến năm Giáp Tý niên hiệu Nguyên Phong là một trăm chín mươi ba vạn bảy ngàn sáu

trăm bốn mươi mốt năm. Theo Toản Cổ Đồ thì từ lúc khai mở trời đất đến khi bắt được lân là hai trăm bảy mươi sáu vạn năm. Theo các kinh nếu tính thời Phật Ca-diếp đến nay làm tuổi thọ của phiến đá này, thì còn cách thời kiếp Sơ khai lập là một đứa bé. Thuyết của ba nhà còn không đề cập đến năm phiến đá mới thành, đối với thuyết khai mở thì rất xa.

***Tháp Dục Vương ở thành Liêu Đông:***

*Tam Bảo Cảm Thông Lục ghi:* Ngôi tháp ở bên thành Liêu Đông Cao Ly, theo Cổ Lão truyện thì khi xưa vua Cao Ly trong một lần đi tuần xét trong nước, khi đến thành này thì thấy mây năm sắc phủ khắp mặt đất, đến tìm trong đám mây thì thấy một vị Tăng đang đứng tay cầm tích trượng, đến gần thì biến mất, ở xa nhìn thì thấy, một bên có ngôi tháp bằng đất ba tầng, phía trên như một cái nồi úp lại, Vương không biết là gì, mới đến tìm vị Tăng, thì chỉ còn thấy một bãi cỏ hoang. Vương sai người đào đất, đào hơn một trượng thì được gậy và giầy, đào thêm thì được phiến đá, trên có Phạm thư. Thị thần tâu rằng: "Đó là tháp Phật!". Vương lại hỏi han nguồn gốc. Thị thần đáp rằng:

- Nước Hán cũng có tháp này. Nhân mộng thấy được Bồ-đề Vương (có bản ghi là Hưu Đồ Vương, xét có lẽ là người vàng) mà sinh tín tâm Phật pháp, nên tạo tháp gỗ bảy tầng, sau đó Phật pháp mới đến mà biết rõ đầu cuối, nay đã giảm chiều cao vì tháp cũ đã hư hoại. Đến khi A-dục Vương thống nhất châu Diêm-phù-đề, thì tạo tháp khắp nơi, không có gì phải kinh ngạc. Trong năm Long Sóc đời Đường, Hữu Sự Liêu Tả Hành Quân Tiết Nhân Quý đến vùng đất mà Tùy Đế chinh phạt khi xưa, thấy nơi đây hoang vắng điêu tàn không người lai vãng mới hỏi người già trong làng thì được trả lời là: "Đây là vùng đất đời trước đã cai trị". Nhân Quý liền vẽ bản đồ đem về kinh đô (đầy đủ tại hòm chữ NHƯỢC). Theo Tam Quốc Địa Lý Chí thì thành Liêu Đông bên ngoài Áp Lục, thuộc U châu của Hán, vua Cao Ly bấy giờ chưa biết là ai, hoặc cho là Đông Minh Vương, nghi chẳng phải. Vì Đông Minh lên ngôi năm Kiến Chiêu thứ hai đời Nguyên Đế thời Tiền Hán, băng hà năm Nhâm Dần, niên hiệu Hồng Gia đời Thành Đế. Bấy giờ ở Hán chưa thấy Kinh Phật thì làm sao các quan lại ở hải ngoại biết được chữ Phạm? Nhưng gọi Phật là Bồ-đề Vương thì tựa như thời Tây Hán, bấy giờ có người biết văn tự Tây Vực nên nói là "Phạm thư". Theo truyện xưa A-dục Vương sai quỷ thần cứ mỗi khu vực gồm chín vạn dân thì tạo một tháp, như thế cõi Diêm-phù-đề có tám mươi bốn ngàn ngôi tháp, trong những

phiến đá lớn cất giữ trong tháp. Ngày nay nơi nơi đều hiện những điềm lành khác nhau. Đó là do Xá-lợi chân thân cảm ứng nên, thật khó nghĩ bàn. Tán rằng:

*Bảo tháp Dục Vương tạo khắp nơi*
*Mưa ướt mây che phủ rêu phong*
*Tưởng tượng đi đường năm nay thấy*
*Bao người chỉ điểm tế mộ thần.*

***Bảo tháp Ta-bà tại thành Kim quan:***

Tháp Bà Sa chùa Hổ Khê tại thành Kim Quan, là do khi xưa nơi này còn là nước Kim Quan, có Hứa hoàng hậu của Thế Tổ Thủ Lộ Vương tên là Hoàng Ngọc, vào năm Giáp Thân niên hiệu Kiến Võ hai mươi bốn đời Đông Hán đã đưa đến từ nước A-du-đà ở Tây Vực. Đầu tiên Công chúa vâng lệnh cha mẹ đi thuyền vượt biển về Đông, nhưng bị thần sóng nổi giận ngăn trở, phải trở về tâu lại vua cha, vua cha bảo phải chở tháp này, vì thế thuyền đi thuận lợi mà ghé đến Nam Nhai, có buồm đỏ, cờ hồng, ngọc châu xinh đẹp. Ngày nay gọi đó là Chủ Phố. Nơi gộp đá cưỡi khố lụa lúc mới đến gọi là Lăng Hiện; nơi cờ hồng mới xuất hiện ở góc biển gọi là Kỳ Xuất Biên. Thủ Lộ Vương đem sính lễ nghinh đón, đồng cai trị đất nước hơn một trăm năm mươi năm. Nhưng Hải Đông lúc bấy giờ chưa có việc tôn pháp, lập chùa, tượng giáo chưa đến, người dân ở đây chưa tin phụng, nên Bản Kỷ không có ghi việc lập chùa. Đến đời thứ tám là Trất Tri Vương năm thứ hai, nhằm năm Nhâm Thìn mới tạo lập chùa ở xứ này. Lại tạo chùa Vương Hậu (vào đời Nột Kỳ Vương, A Đạo; trước thời Pháp Hưng Vương), đến hôm nay chùa dùng để tu phước và trấn giữ Nhật Bản. Việc này có ghi chép đầy đủ ở Bản Ký. Tháp này hình vuông, bốn mặt, năm tầng, được điêu khắc chạm trỗ rất kỳ lạ. Đá có màu hơi đỏ, loang lổ, chất rất giòn, chẳng phải là loại đá ở cõi này. Bản Thảo nói: "Điểm thêm màu máu của mồng gà để chứng nghiệm" chính là việc này.

Kim Quan Quốc còn gọi là Giá Lạc Quốc, đã chép đủ trọn Bản Ký. Tán rằng:

*Buồm đỏ, cờ hồng chở nhẹ tênh*
*Hiển linh ngăn chặn những ba đào*
*Đâu chỉ đến bờ phò Hoàng Ngọc*
*Ngàn năm thôi dứt nạn Nam Oa.*

***Chùa Linh tháp ở Cao Ly:***

*Tăng Truyện ghi:* Thích Phổ Đức Tự Trí Pháp, người ở huyện Long Cương thuộc Tiền Cao Ly (xem đầy đủ ở phần Bản Truyện sau) thường trụ tại Hữu Sáo Phương Thành Bình Nhưỡng, có một Tăng đến thỉnh Sư giảng kinh, Sư cố chối từ không được, bèn đến giảng kinh Niết-bàn hơn bốn mươi quyển, sau khi giảng xong, Sư đến một hang động ở Đại Bảo sơn phía Tây thành thiền quán. Bỗng có một thần nhân đến thỉnh trụ ở đất này, Sư bèn cắm tích trượng trước mặt, rồi chỉ xuống đất mà nói rằng:

- Dưới đất này có ngôi tháp đá tám mặt, bảy tầng.

Đào lên quả nhiên như thế, nhân đó bèn lập tinh xá tên là Linh tháp tự để an trụ.

***Tượng Phật (trượng sáu) chùa Hoàng Long:***

Vào tháng hai năm Quý Dậu, nhằm năm thứ mười bốn đời Chân Hưng Vương (đời hai mươi bốn) Tân La, lúc sắp xây dựng Tử Cung ở phía Nam Long Cung thì có rồng vàng xuất hiện trên vùng đất ấy, nên lại đổi xây chùa Phật, tên là Hoàng Long tự. Đến năm Kỷ Sửu mới khởi công xây tường chung quanh, mười bảy năm mới hoàn thành. Chưa bao lâu, có một chiếc thuyền lớn từ Hải Nam đến, ghé ở Tư Phố huyện Hà Khúc (nay là Cốc Phố, Huyện Úy Châu). Xét điệp văn thấy có ghi: "A Dục Vương ở Tây Trúc dùng năm vạn bảy ngàn cân đồng, ba vạn phân vàng ròng (Biệt truyện ghi: bốn vạn bảy ngàn cân sắt, một ngàn lượng vàng, e rằng có lầm. Hoặc nói ba vạn bảy ngàn cân) dùng để đúc Tôn Tượng Thích-ca Tam Tôn, chưa thành tựu, nhưng chở trên thuyền vượt biển nguyện rằng: Xin đến cõi nước có duyên, thành tựu tôn dung một trượng sáu". Đồng thời thấy trên đó có chở hình mẫu một tượng Phật hai tượng Bồ-tát. Quan huyện dâng biểu lên Vương, Vương sai người chọn khu đất thoáng mát cao ráo ở phía Đông của Huyện thành lập chùa Đông Trúc, an trí tượng mẫu Tam Tôn. Chuyển vàng và sắt vào kinh đô. Tháng ba năm Giáp Ngọ, niên hiệu Đại Kiến thứ sáu (Bài ký của chùa ghi là vào ngày mười bảy tháng mười năm Quý Tỵ) đúc Tôn tượng Thích-ca, một lần liền thành tựu, nặng ba mươi lăm ngàn bảy cân sắt và mười ngàn một trăm chín mươi tám phân vàng. Hai tôn tượng Bồ-tát gồm một vạn hai ngàn cân sắt, một vạn một trăm ba mươi sáu phân vàng, thờ ở chùa Hoàng Long. Năm sau các tượng tuôn nước mắt thấm đến chân, chảy ra đất một thước, đó là điềm Đại Vương băng hà. Hoặc nói tượng đúc thành vào đời Chân Bình là sai lầm. Biệt Bản ghi: Vua

A-dục ngự ở nước Hương Hoa tại Tây Trúc, sinh sau Phật khoảng một trăm năm, hận không được cúng dường chân thân, nên quyên góp biết bao nhiêu là vàng và sắt, ba lần đúc mà chẳng thành công, bấy giờ chỉ có Thái tử là không tham dự. Vua hỏi đến, Thái tử liền tâu rằng:

- Nếu chỉ dùng sức thì chẳng thể thành tựu, đã từng biết chẳng thành!

Vua đồng ý, bèn sai người đặt trên thuyền vượt biển đi khắp nơi; Nam Diêm-phù-đề gồm mười sáu nước lớn, năm trăm nước trung, một vạn nước nhỏ, tám vạn thành ấp đều đã ghé qua, nhưng không đâu đúc thành. Cuối cùng đến nước Tân La, Chân Hưng Vương đúc tại rừng Văn Nhưng thì liền thành công. Tượng có đầy đủ ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Vua A-dục, Trung Quốc dịch là Vô Ưu. Sau Đại Đức Từ Tạng sang Trung Quốc tu học, đến núi Ngũ đài, cảm được Bồ-tát Văn-thù hiện thân, trao cho khẩu quyết và dặn rằng: Chùa Hoàng Long ở nước ngươi là đạo tràng mà Phật Thích-ca và Phật Ca-diếp giảng thuyết, phiến đá các ngài ngồi vẫn còn, nên vua Vô Ưu ở Thiên Trúc gom góp biết bao nhiêu sắt và vàng, nổi trôi trên biển trải qua hơn một ngàn ba trăm năm mới đến nước ấy, đúc thành, tôn trí tại chùa này. Đó là do oai duyên khiến như thế (giống với Biệt Ký đã ghi). Sau khi tượng thành, ba tôn tượng mẫu ở chùa Đông Trúc cũng dời đến chùa Hoàng Long. Tự Ký ghi: Vào năm thứ sáu đời Chân Bình Vương, xây dựng xong Kim Đường. Đời Thiện Đức Vương, đệ nhất trụ trì là Chân Cốt Hoan Hỷ, đệ nhị trụ trì là Từ Tạng Quốc Thống. Kế Quốc Thống là Tuệ Huấn, rồi đến Luật Sư Sương. Từ ngày chiến tranh xảy ra đến nay ba tôn tượng đều bị nấu chảy, chỉ còn một tượng Thích-ca nhỏ mà thôi. Tán rằng:

*Trần thế nơi nào chẳng thật quê?*
*Nhân duyên hương lửa tại nước ta*
*Chẳng phải Dục Vương, đâu làm được*
*Nguyệt Thành tham hỏi chính chốn xưa.*

***Tháp chín tầng chùa Hoàng Long:***

Năm Bính Dần, niên hiệu Trinh Quán thứ mười, nhằm năm thứ năm đời Thiện Đức Vương, đời hai mươi lăm của Tân La, Pháp Sư Từ Tạng sang Trung Quốc tu học. Khi đến núi Ngũ Đài, Sư cảm được Bồ-tát Văn-thù trao cho pháp yếu. Bồ-tát bảo rằng: “Quốc vương nước ngươi thuộc dòng Sát-lợi ở Thiên Trúc, Vương sẽ được Phật thọ ký, nên có nhân duyên riêng biệt, chẳng đồng như các dòng cộng công ở Đông

Di. Nhưng vì núi sông hiểm trở, tánh người thô lậu, tin theo tà giáo. Bấy giờ trời thần sẽ giáng tai họa nhưng có nhiều Tỳ-kheo đa văn trụ trong nước này, nên vua tôi vẫn an ổn, nhân dân khương thái".

Nói xong Bồ-tát liền biến mất. Từ Tạng biết là bậc Đại thánh biến hiện, nên khóc mà lui. Sư đi khắp nơi. Một hôm đến bờ hồ Thái hòa, bỗng có một vị thần xuất hiện hỏi rằng:

- Đến đây vì việc gì?

Đáp:

- Đến cầu Bồ-đề!

Vị thần liền lễ bái và hỏi tiếp rằng:

- Nước của ngài có chướng nạn gì?

Đáp:

- Đất nước của tôi, phía Bắc giáp Mạt Thát, phía Nam gần Nhật Bản, hai nước Cao Ly và Bách Tế thay nhau xâm lấn biên thùy, giặc lân bang tung hoành cướp phá. Đó là họa của nhân dân!

Thần nhân nói:

- Nước của ngài tôn phụ nữ làm Quốc vương thì chỉ có đức mà không có uy, cho nên lân quốc có mưu đồ, nên mau chóng trở về nước.

Từ Tạng Pháp sư hỏi rằng:

- Trở về nước, nên làm gì để được lợi ích?

Thần nhân đáp: Rồng hộ pháp ở chùa Hoàng Long là trưởng tử của ta, vâng mệnh Phạm vương đến hộ trì chùa ấy. Ngài trở về nước nên xây dựng tháp chín tầng trong chùa, thì lân quốc hàng phục, chín Hàn triều cống, xã tắc của Vương vĩnh viễn an bình. Sau khi lập tháp nên tổ chức hội Bát quan trai, đại xá tội nhân, thì giặc bên ngoài chẳng dám đến xâm hại. Ngài lại vì tôi mà lập một ngôi tịnh thất ở bờ nam kinh kỳ, cùng nhau cầu phước cho tôi, tôi sẽ báo đáp ân đức này.

Nói xong, thần nhân tuân phụng Vương mà dâng hiến, rồi bỗng nhiên biến mất (bài ký trong chùa ghi: Nhận lãnh nguyên nhân lập tháp ở trụ xứ của Thiền sư Viên Hương, núi Chung Nam)

Ngày mười sáu tháng(?) Năm Quý Mão, niên hiệu Trinh Quán mười bảy, Từ Tạng mang tất cả kinh, tượng, ca-sa, vải lụa, mà vua Đường ban tặng trở về nước, tâu bày việc xây tháp lên Vương, Thiện Đức Vương liền triệu tập quần thần nghị bàn. Quần thần đều tâu rằng: "Nên mời thợ ở Bách Tế thì mới làm được!"

Vương bèn sai đem lụa quý sang Bách Tế xin thợ giỏi. Bấy giờ có một người thợ tên là A Phi Tri vâng mệnh mà đến, trù liệu tính toán gỗ đá, Y Can Long Xuân (còn gọi là Long Thọ), chỉ huy, đốc suất hai

trăm thợ phụ. Vào ngày dựng trụ, người thợ chính nằm mộng thấy điềm nước Bách Tế của mình diệt vong, bèn sinh tâm nghi ngờ, nên dừng công việc. Bỗng mặt đất chấn động, trong khoảng mờ tối thấy có một vị Tăng và một tráng sĩ từ kim điện bước ra dựng cây trụ, rồi biến mất. Người thợ liền hối cãi, xây dựng đến khi thành tựu. Tháp Sát Trụ Ký ghi: Từ luân bàn trở lên cao bốn mươi hai thước, từ luân bàn trở xuống là một trăm tám mươi ba thước. Pháp sư Từ Tạng phân chia tôn trí một trăm viên xá-lợi được trao ở Ngũ Đài sơn vào cây trụ tháp này. Đồng thời lập giới đàn ở chùa Thông Độ và lập Đại Hòa tự tháp để hợp theo lời cầu xin của rồng ở hồ Thái Hòa (Đại Hòa tự ở phía Nam huyện Hà khúc, nay là Úy châu, cũng do ngài Từ Tạng sáng lập). Sau khi xây tháp xong thì đất trời rộng mở, Tam Hàn hợp nhất, đó há chẳng phải là sự linh ứng của tháp ư? Về sau Vua Cao Ly mưu chinh phạt Tân La, có người nói: Tân La có ba báu vật, không thể xâm phạm được, đó là: Tượng Phật và tháp chín tầng ở chùa Hoàng Long, đai ngọc trời ban cho Chân Bình Vương, vua Cao Ly bèn từ bỏ. Nhà Chu có chín đỉnh, quân Sở không dám dòm ngó, cũng giống như thế; tán rằng:

*Quỷ giúp thần phò chốn đế kinh*
*Tường vàng rực rỡ mái vút cong*
*Lên cao đâu chỉ chín Hàn phục*
*Mới biết càn khôn cũng thái bình.*

Đông Đô Thành Lập ký của An Hoằng, một danh hiền ở Hải Đông có ghi: Đời hai mươi bảy của Tân La, Nữ Vương làm chủ, tuy có đạo mà không có uy, nên chín Hàn xâm lấn gây lao khổ. Từ khi xây tháp chín tầng tại chùa Hoàng Long ở phía Nam Long cung, thì trấn áp được tai họa lân quốc. Tầng thứ nhất là trấn Nhật Bản, tầng thứ hai là Trung Hoa, tầng thứ ba là Ngô Việt, tầng thứ tư là Thác La, tầng thứ năm là Ưng Du, tầng thứ sáu là Mạt Thát, tầng thứ bảy là Đan Quốc, tầng thứ tám là Nữ Địch, tầng thứ chín là Uế Mạch". Theo quốc sử và cổ ký trong chùa, Chân Hưng Vương khởi công xây chùa vào năm Quý Dậu, đến đời Thiện Đức Vương năm Ất Tỵ, niên hiệu Trinh Quán mười chín mới hoàn thành. Đến tháng sáu năm Mậu Tuất, niên hiệu Thánh Lịch thứ nhất, nhằm năm thứ bảy đời Hiếu Chiêu Vương, tháp bị sét đánh hư hoại (Cổ ký của chùa nói là đời Thánh Đức Vương là sai, vì đời vua này không có năm Mậu Tuất). Năm Canh Thân đời ba mươi ba Thánh Đức Vương trùng tu. Tháng sáu năm Mậu Tý đời bốn mươi tám Cảnh Văn Vương tháp lại bị sét đánh hư hoại, cũng trong năm này tháp lại được trùng tu. Đến tháng mười năm Quý Sửu, tức năm thứ năm đời Quang

Tông của bản triều, tháp lại bị sét đánh lần thứ ba, đến năm thứ ba đời Hiện Tông tức năm Quý Dậu, tháp được trùng tu. Năm Ất Hợi, năm cuối đời Hiến Tông, sét đánh lần thứ năm, năm Bính Tý đời Túc Tông thì trùng tu. Đến mùa đông năm Mậu Tuất, năm thứ mười sáu đời Cao Tông, trong chiến loạn Tây sơn, tháp chùa, tượng Đức Thích Tôn, điện đường đều bị tiêu hủy.

- Đại Hồng Chung chùa Hoàng Long
- Tượng Dược Sư chùa Phấn Hoàng
- Đại Hồng Chung chùa Phụng Đức.

Cảnh Đức Đại Vương đời ba mươi lăm của Tân La, vào năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thiên Bảo mười ba đúc Đại Hồng Chung chùa Hoàng Long. Chuông cao một trượng ba tấc, dày chín tấc, nặng bốn trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm tám mươi mốt cân, thí chủ là Tam Mao phu nhân của Hiếu Trinh Y Vương, thợ đúc là Nhất Điển ở Lý Thượng Trạch. Đến triều Túc Tông lại đúc quả chuông mới cao sáu thước tám tấc. Qua năm sau tức năm Ất Mùi, đúc tượng đức Dược Sư bằng đồng ở chùa Phấn Hoàng, nặng ba trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm cân, thợ đúc là Cường Cổ Nãi Vị ở Bản Bỉ Bộ. Lại thâu thập mười hai vạn cân đồng muốn đúc một quả chuông để cầu phước cho Tiên vương là Thánh Đức Vương, nhưng chưa xong thì thăng hà, con là Tuệ Cung Đại Vương Càn Vận, vào tháng mười hai năm Canh Tuất, niên hiệu Đại Lịch sai người gom tập công nhân đúc tạo mới hoàn thành, đặt tại chùa Phụng Đức. Chùa này do Hiếu Thành Vương xây dựng vào năm Mậu Dần, niên hiệu Khai Nguyên hai mươi sáu để cầu minh phước cho Tiên Vương là Thánh Đức Đại Vương. Cho nên bài minh trên chung ghi là:

- "Thánh Đức Đại Vương Thần Chung chi minh."

(Thánh Đức là Hưng Quang Đại Vương cha của Cảnh Đức. Quả chuông này vốn do Cảnh Đức vì Thánh Đức mà thí vàng đúc tạo, nên gọi là Thánh Đức Chung).

Triều Tán Đại Phu Tiền Thái tử Tư Nghị Lang Hàn Lâm Lang Kim Bật Áo phụng sắc soạn. Văn bài minh dài nên không chép vào đây.

***Tượng Phật chùa Linh Diệu:***

Nhân duyên Thiện Đức Vương lập chùa tạo tượng đã ghi đầy đủ trong Lương Chí Pháp Sư Truyện. Năm hai mươi ba đời Cảnh Đức Vương, đổi tượng Thích-ca thành tượng vàng, chi phí hai mươi ba ngàn bảy trăm thạch lúa (Lương Chí Truyện gọi đó là chi phí lúc tượng mới

đúc thành. Nay vẫn giữ hai thuyết).

- Tứ Phật Sơn
- Quật Phật Sơn
- Vạn Phật Sơn.

Phía Đông Trúc lãnh khoảng hơn một trăm dặm, có một ngọn núi cao ngất, vào năm Giáp Thân tức năm thứ bốn mươi sáu đời Chân Bình Vương, bỗng có một tảng đá lớn hình khối vuông, mỗi cạnh một trượng, bốn mặt khắc tứ phương Như Lai, và dùng vải mỏng màu hồng bảo vệ, từ trên trời rơi xuống đỉnh núi. Vương nghe được, xa giá đến chiêm lễ, xây chùa Phật bên cạnh tảng đá, đề là Đại Thừa Tự, thỉnh một vị Tỳ-kheo chuyên tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa trụ trì, quyét dọn, cúng dường tảng đá, ngày đêm hương khói không ngừng. Đặt tên núi là Diệc Đức sơn, Tứ Phật Sơn; sau vị Tỳ-kheo thị tịch cũng an táng nơi ấy, thời gian sau trên mộ có sinh hoa sen.

Một hôm Cảnh Đức Vương xa giá đến chùa Bá Lật, vừa đến chân núi, thì nghe trong lòng đất có âm thanh niệm Phật, Vương sai người đào nơi ấy, thì được một tảng đá lớn, bốn mặt khắc tứ phương Phật, nhân đó mà xây chùa nơi đây, đặt tên là Quật Phật, nay lầm gọi là Quật Thạch. Vương nghe Hoàng Đế Đại Tông nhà Đường sùng kính Phật pháp, bèn sai người dệt tấm thảm lông năm màu, lấy gỗ trầm chiên đàn và minh châu bảo ngọc khắc tạo thành giả sơn cao hơn một trượng đặt lên trên tấm thảm. Trong giả sơn có núi hiểm trở, đá kỳ dị, khe nước, hang động, phân chia làm nhiều khu vực, mỗi khu có hình trạng người ca múa, núi sông các nước. Gió lùa nhẹ vào nhà, bươm bướm chập chờn, yến sẻ bay lượn, lúc ẩn lúc hiện, khó phân biệt được thật hay giả. Trong đó còn tôn trí một vạn đức Phật, tượng lớn thì hơn tấc vuông, tượng nhỏ thì tám, chín phân, đầu tôn tượng hoặc bằng hạt lúa, hoặc bằng nửa hạt đậu; nhục kế bạch hào, mắt mày sáng rỡ, đầy đủ tướng quý và các vẻ đẹp, nhưng chỉ thấy phảng phất không được rõ ràng. Do đó mà gọi là Vạn Phật Sơn. Lại khắc chạm vàng ngọc làm tràng phan bảo cái tinh xảo, hoa quả chiêm-bặc Am-la để trang nghiêm. Lầu các, đền đài, chùa viện tinh xảo, tuy tất cả đều rất nhỏ mà thật sinh động, phía trước có hơn một ngàn tượng Tỳ-kheo đi nhiễu, phía dưới có đặt ba quả chuông vàng đều có gác, có chày kình, gió thổi lay động thì chuông vang. Lúc ấy các hình tăng đi nhiễu đều dập đầu sát đất lễ bái, văng vẳng có tiếng Phạm âm, then chốt là ở nơi các quả chuông. Tuy gọi là Vạn Phật, kỳ thật chẳng thể ghi hết. Sau khi hoàn thành, Vương sai sứ dâng hiến vua Đường. Vua Đường thấy khen rằng: “Cái khéo léo của Tân La, trời tạo cũng

chẳng khéo bằng!”. Rồi đặt quạt Cửu Quang trong hang núi, do đó gọi là Phật Quang. Ngày mồng tám tháng tư, vua lệnh cho Tăng chúng của Lưỡng Nhai vào nội đạo tràng lễ Vạn Phật Sơn, lại thỉnh Tam tạng Bất Không tụng một ngàn biến Tán Mật Bộ Chân Thuyên để chúc mừng. Người xem đều thán phục sự tinh xảo. Tán rằng:

*Trời điểm trăng tròn chiếu bốn phương*
*Một đêm đại địa xuất minh hào (tia sáng)*
*Diệu thủ lại phiền khắc vạn Phật*
*Chân phong cần thổi khắp Tam tài (thiên, địa, nhân).*

***Tượng Phật Di-lặc bằng đá ở chùa Sinh Nghĩa:***

Vào đời Thiện Đức Vương, Thích Sinh Nghĩa thường trụ tại chùa Đạo Trung, một hôm mộng thấy có một vị Tăng dẫn mình lên đỉnh Nam sơn đi dạo, khiến kết cỏ làm dấu. Khi đến một hang động ở phía Nam của núi, vị Tăng nói: “Ta được chôn ở nơi này, xin Sư đào lên an trí trên đỉnh núi”. Khi tỉnh giấc liền cùng mọi người lên núi tìm nơi có đánh dấu, đến hang động đào đất lên thì gặp một tôn tượng Phật Di-lặc, bèn tôn trí trên đỉnh Tam Hoa. Năm Giáp Thìn, nhằm năm thứ mười ba đời Thiện Đức Vương, Sinh Nghĩa lập chùa ở đây để trụ. Về sau gọi là Sinh Nghĩa tự (nay lầm gọi là Tánh Nghĩa tự. Mỗi năm vào ngày mồng ba tháng ba, mồng chín tháng chín, sư Trung Đàm đều có nấu trà dâng cúng tôn vị này).

***Bức bích họa Phổ Hiền chùa Hưng Luân:***

Đời năm mươi bốn Cảnh Minh Vương, ở cửa Nam và hai dãy nhà hai bên trái phải của chùa Hưng Luân bị lửa thiêu chưa kịp xây dựng lại. Bấy giờ có hai vị Tăng là Tỉnh Hòa và Kế Quyên góp tiền của để trùng tu, bỗng ngày mười lăm tháng năm năm Tân Tỵ, niên hiệu Trinh Minh thứ bảy, Đế Thích giáng hạ ở lầu chứa kinh bên trái chùa, lưu lại mười ngày; tất cả điện tháp, cỏ cây đất đá đều phát ra mùi hương lạ, mây năm màu che phủ ngôi chùa, cá rồng ở Nam trì vui mừng, vùng vẫy, bơi lội tung tăng. Người trong nước đều đến xem, khen là việc chưa từng có, nào là vàng ngọc, gấm lụa, lúa thóc đem đến chất thành gò đống, thợ giỏi tự nhiên tìm đến, không bao lâu thì hoàn thành việc trùng tu. Công việc đã xong, Thiên đế sắp trở về, hai vị Tăng tâu rằng: “Nếu Thiên đế muốn về cung, xin được vẽ Thánh dung để chí thành cúng dường, cũng nhân đây xin được lưu lại hình ảnh để vĩnh viễn trấn giữ hạ giới!”.

Đế Thích nói: “Nguyện lực của tôi chẳng bằng Bồ-tát Phổ Hiền

giáo hóa chúng sinh, hãy vẽ hình tượng vị Bồ-tát này, chí thành cúng dường không được phế bỏ”.

Hai vị Tăng theo lời dặn dò, thành kính vẽ tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền trên tường, đến nay vẫn còn.

- Đức Quan Âm ở ba nơi.

- Chùa Chúng Sinh.

*Tân La cổ truyện ghi:* Thiên tử Trung Quốc có một người thiếp yêu, dung nhan tuyệt mĩ vô song, có thể nói những bức họa xưa nay rất ít có bức họa người nữ nào đẹp như thế. Vua bèn sai họa sĩ giỏi vẽ hình người thiếp này (họa sĩ đã mất tên, hoặc cho là Trương Tăng Dạo, người nước Ngô, trong niên hiệu Thiên Giám đời Lương làm quan đến chức Vũ Lăng Vương Quốc Thị Lang Trực Bí Các quản lý về việc vẽ họa; sau thăng Hữu Tướng Quân Thái Thú Ngô Hưng. Như thế thì biết các Thiên tử trong khoảng đời Lương đời Trần, nhưng truyện nói là Đường Đế, vì người Hải Đông thường gọi Trung Quốc là Đường, thật ra chưa biết là vị vua nào? Nay vẫn giữ hai thuyết). Họa sĩ này vâng sắc vẽ xong, nhưng đặt nhầm bút làm ố màu đỏ, khiến phần dưới rốn bị hư, muốn sửa mà chẳng thể làm được. Tâm nghi rằng phần xích chí ắt là do trời sinh nên thôi. Họa thành dâng lên vua. Vua xem và nói rằng: Hình tướng thì rất giống, ngặt vì phần chí dưới rốn là bộ phận kín của con người, làm sao biết được mà vẽ ra. Vua liền nổi giận, sai đem hành hình. Thừa tướng can rằng: Người này tâm tánh ngay thẳng, xin khoan thứ.

Đế nói: Nếu là người hiền, ngay thẳng thì hãy vẽ lại cảnh mà trẫm mộng thấy đêm qua, nếu chẳng sai thì tha tội.

Họa sĩ liền vẽ Đức Quan Âm mười một mặt dâng lên, rất hợp với cảnh mộng. Bấy giờ Đế đã hiểu nên tha cho. Sau khi được tha, người này nói với Bác sĩ Phấn Tiết Ước rằng: Tôi nghe người Tân La kính tin Phật pháp, nên cùng với tôi vượt biển đến nơi ấy cùng làm Phật sự, mở rộng lòng nhân, chẳng phải có lợi ích ư?

Hai người bèn cùng nhau đến nước Tân La, nhân đó vẽ tượng Đại Bi tôn trí ở chùa này. Người trong nước đến chiêm ngưỡng, lễ bái cầu khẩn, đạt được phước lợi rất nhiều. Trong đời Lý Thiện Thành của nước Tân La, ông Thôi Ân Hàm đã lớn tuổi mà chưa có con nối dõi, bèn đến chùa này trước tượng Đại Từ cầu khẩn, sau đó vợ ông có thai sinh ra được một bé trai. Chưa được ba tháng, Chân Huyên của Bách Tế xâm phạm kinh đô, trong thành rối loạn, Ân Hàm bồng con đến thưa rằng: “Quân lân bang chợt đến, sự việc quá gấp, nếu mang nặng con nhỏ thì đều không thể trốn thoát. Nếu thật đây do Đại Thánh ban cho, thì xin

sức Đại Từ dưỡng nuôi che chở, khiến sau này cha con còn được gặp mặt!”.

Ân Hàm khóc lóc buồn than, ba lần khóc ba lần tỏ bày, rồi bọc đứa bé trong tả lót dấu kín dưới nghê tòa, rồi luyến nhìn mà bước ra. Nửa tháng sau, quân giặc rút lui, Ân Hàm đến tìm thì thấy thân thể đứa bé như mới vừa tắm xong dung mạo tươi sáng, mùi thơm của sữa còn phản phất nơi miệng. Ân Hàm bồng về nuôi dưỡng, đến khi lớn lên lại thông minh hơn người, đó là Thừa Lỗ, làm quan đến Chánh Khuông. Thôi Lỗ sinh Lang Trung Thôi Túc, Thừa Túc sinh Lang Trung Tề Nhan. Từ đó kế thừa chẳng đoạn dứt.

Ân Hàm theo kính Thuận Vương sang Cao Ly ta là một dòng họ lớn. Tháng ba niên hiệu Thống Hòa thứ mười, trụ trì chùa này là Tỳ-kheo Thích Tánh Thái, một hôm quỳ trước tượng Bồ-tát bạch rằng: “Đệ tử trụ trì chùa này đã lâu, siêng năng hương khói, ngày đêm chưa từng biếng trễ, ngặt vì chùa này không có ruộng, không biết tính kế gì để chi phí tế sự, nên muốn sang chùa khác, nay đến đây từ biệt ngài”.

Hôm ấy để nguyên y hậu vừa chợp mắt, mộng bỗng thấy một vị Đại Thánh đến nói rằng: Thầy hãy trụ nơi đây không được từ bỏ, ta sẽ hóa duyên sung vào chi phí trai lễ.

Vị Tăng trụ trì vui mừng, thức giấc không có ý định đi đến chùa khác. Mười ba ngày sau, bỗng có hai người dùng ngựa và bò chở đồ vật đến trước cổng chùa; Tăng chúng trong chùa ra hỏi rằng:

- Các vị từ đâu đến đây?

Hai người kia đáp rằng:

- Chúng tôi là người ở Kim châu, hôm trước có một vị Tỳ-kheo đến nói rằng: “Ta trụ tại chùa Chúng Sinh ở Đông Kinh đã lâu, nay vì Tứ sự khó khăn nên đến đây mộ hóa”. Vì thế chúng tôi quyên góp trong làng xóm được sáu thạch gạo, bốn thạch muối chở đến đây!

Chúng Tăng nói:

- Chùa này không có người đi hóa duyên, e rằng các vị nghe lầm rồi!

Hai người kia trả lời:

- Khi nãy vị Tỳ-kheo ấy dẫn chúng tôi đi, đến bên giếng Thần kiến mới nói rằng: “Ở đây cách chùa không xa, Ta đến đó trước đợi các vị!”. Chúng tôi liền theo sau mà đến đây.

Chúng tăng dẫn vào trước pháp đường, hai người chiêm ngưỡng lễ tượng Đại Thánh rồi cùng nói rằng:

- Đây là tượng vị Tỳ-kheo hóa duyên!

Mọi người bấy giờ mới kinh ngạc, tán thán không dứt. Từ đó hằng năm đều dâng cúng gạo muối, không phế bỏ.

Lại một đêm kia lửa cháy ở cửa chùa, mọi người cùng nhau cứu chữa, lên pháp đường thì không thấy Thánh tượng ở đâu, nhìn quanh thì đã thấy đặt ở ngoài sân rồi. Hỏi ai thỉnh ra thì không người nào biết, mới hay là Đại Thánh hiển oai linh. Trong năm Quý Tỵ, niên hiệu Đại Định mười ba, có một vị Tăng tên là Chiêm Sùng đến trụ trì chùa này. Chiêm Sùng không biết chữ, nhưng bản tính thuần hậu siêng năng hương khói. Có một vị tăng khác muốn đoạt chức vị của Chiêm Sùng, nên báo với Sẩn Y Thiên Sứ rằng: Chùa này là nơi cầu ân đức, phước lợi cho quốc gia, cần phải chọn vị nào biết tụng đọc sớ văn làm chủ trì. Thiên Sứ (sứ của vua) đồng ý, muốn thử Chiêm Sùng, bèn trao ngược sớ văn, Chiêm Sùng thuận tay nhận lấy mở ra đọc tụng thông suốt như nước chảy. Thiên Sứ khâm phục trở về ngồi trong phòng, bảo Chiêm Sùng đọc lại, thì cứng miệng không đọc được một lời. Thiên sứ nói: Thượng nhận được Đại Thánh phò trì.

Rốt cuộc không thể đoạt được. Người đồng trụ ở đây với Chiêm Sùng là Xử Sĩ Kim Nhân Phu kể chuyện này với các người già trong làng, đồng thời ghi chép lại để lưu truyền.

***Chùa Bá Lật:***

Ngọn núi phía Bắc Kê lâm gọi là Kim Cang lãnh, phía Nam của núi có chùa Bá Lật, trong chùa có một tôn tượng Đại Bi, không biết tạo từ bao giờ mà rất linh dị. Hoặc cho rằng họa thần của Trung Quốc vẽ tượng Đại Bi chùa Chúng sinh, đồng thời vẽ cả tượng này. Dân gian cho rằng Đại Thánh từng lên trời Đao-lợi, khi trở về bước vào pháp đường, dấu chân in trên nền đá đến nay vẫn chưa mờ. Hoặc cho rằng khi cứu Phu Lễ Lang trở về thì có dấu vết này. Ngày mồng bảy tháng chín năm Nhâm Thìn niên hiệu Thiên Thọ thứ ba, Hiếu Chiêu Vương tôn phụng phu lễ lang con của Đại Huyền Tát San làm Quốc Tiên, trong cả ngàn môn khách chỉ thân thiết nhất với An Thường. Vào tháng ba năm Quý Tỵ niên hiệu Thiên Thọ thứ bốn (tức niên hiệu Trường Thọ thứ hai), Quốc Tiên dẫn đồ chúng vân du Kim Lan, khi đến địa phận Bắc Minh thì bị rợ Địch bắt dẫn đi mất, môn khách đều thất lạc, sau đó trở về, chỉ có một mình An Thường truy tìm tông tích. Ngày mười một tháng ba ấy, Đại Vương nghe tin vô cùng kinh hãi nói rằng: Tiên quân được cây Thần Địch truyền đến đời ta, nay cất chung với Huyền Cầm ở nội khố, khốn nỗi bỗng nhiên Quốc Tiên bị giặc cầm tù, biết làm sao đây?

Bấy giờ có mây lành phủ Thiên Tôn khố, Vương lại càng kinh sợ, sai người kiểm xét, thì trong kho đã mất hai vật báu là đàn và địch. Vương nói:

- Vì sao Trẫm chẳng dự tính, hôm qua mất Quốc Tiên, nay lại mất đàn và địch.

Vương hạ ngục năm người giữ nội khố là Kim Trinh Cao... Đến tháng tư, treo bảng khắp nơi trong nước ghi rằng: "Nếu ai tìm được đàn và địch thì thưởng một năm thuế". Ngày mười lăm tháng năm Lang Nhị Thân đến chùa Bá Lật, nhiều đêm khẩn cầu trước tượng Đại Bi, một hôm bỗng thấy trên án hương có hai bảo vật, và hai người là Lang và Thường đã đến sau tượng. Nhị Thân vô cùng mừng rỡ, hỏi nguyên do. Lang đáp: "Sau khi tôi bị bắt, quân giặc cho làm người chăn dắt của gia đình Cừu La ở đại đô nước ấy, hằng ngày thường thả trâu bò ở đồng Đại Ô La Ni (có bản nói là làm nô dịch cho nhà Đô Cừu, chăn thả súc vật ở đồng Đại ma). Một hôm bỗng nhiên có một vị Tăng dung nghi đoan chánh, tay cầm đàn và địch đến an ủi ta rằng: "Nhớ quê hương ư?" Bất giác tôi quỳ xuống trước mặt vị Tăng mà nói rằng: - "Nhớ quân vương, cha mẹ không thể kể xiết!" Vị tăng nói: "Thế thì nên theo ta trở về!"

Nói xong dẫn ta đến bờ biển gặp An Thường rồi chẻ cây địch ra làm hai phần trao cho ta và An Thường mỗi người một bên và cưỡi trên đó, còn vị tăng thì cưỡi trên cây đàn, cả ba lướt sóng vượt biển trở về, bỗng chốc đến nơi đây. Bây giờ cả ba ghi chép đầy đủ sự việc tấu trình lên vương. Vương vô cùng kinh ngạc, sai người đến đón về. Lang mang đàn và địch vào cung; Vương dùng vàng và bạc đúc năm món giáp khí, gồm hai loại, mỗi loại năm mươi lượng; năm ca-sa ma nạp, ba ngàn tấm lụa, một vạn khoảnh ruộng, tất cả dâng hiến cho chùa để báo đáp từ ân; đại xá thiên hạ, mỗi viên quan được thăng ba cấp, miễn thuế cho dân ba năm. Vị tăng trụ trì chùa này chuyển sang trụ trì chùa Phụng Thánh, phong làm Đại Giác Can (tức Tể Tướng của Tân La), Đại Huyền A San làm Đại Đại Giác Can, mẹ Lang là Long Bảo phu nhân phong làm Cảnh Tỉnh Cung chủ của Sa Lương Bộ; Sư An Thường làm Đại Thống, năm người giữ kho được xá tội, thăng mỗi người năm bậc tước vị. Ngày mười hai tháng sáu sao chổi xuất hiện ở phương Đông, ngày mười bảy xuất hiện ở phương Tây. Quan thiên văn tâu rằng:

- Vì chẳng phong tước cho đàn và địch đã hiện điềm ấy!

Vương bèn phong Thần địch hiệu là Vạn Vạn Ba Ba Tức, sao chổi liền biến mất. Về sau còn rất nhiều điều linh dị nhưng sợ dài dòng không ghi hết. Đời gọi An Thường là môn đồ của Tuấn Vĩnh Lang thì

không chính xác, vì môn đồ của Vĩnh Lang chỉ có Chân Tài, Phồn Hoàn là nổi tiếng, cũng đều là những người khôn lường (xem rõ ở phần Biệt truyện).

***Chùa Mẫn Tạng:***

Người đàn bà nghèo tên là Bảo Khai ở làng Ngu kim có một đứa con tên Trường Xuân theo đường biển đi buôn bán xa lâu ngày không có tin tức gì, người mẹ vào chùa Mẫn tạng (chùa này do Mẫn Tạng Giác Can cải gia vi tự) đến trước tượng Quán Âm cầu nguyện bảy ngày thì Trường Xuân trở về. Người mẹ hỏi nguyên do, Trường Xuân đáp:

- Bị gió lớn trên biển, thuyền hư hoại, những người đồng hành đều chết, mình con ôm được một tấm ván bơi vào bờ biển nước Ngô; người Ngô bắt được sai con cày ruộng. Một hôm có một vị Tăng lạ, giống như người làng mình đến ân cần an ủi rồi dẫn con đi, khi đến một cái đầm sâu phía trước, vị tăng liền kẹp con mà lướt đi, trong lúc mơ màng nghe văng vẳng như có âm thanh quê mình và tiếng khóc, mở mắt ra thì đã đến nơi đây. Vừa quá trưa thì rời khỏi nước Ngô, đến đây thì mới đầu giờ Tuất. Bấy giờ là ngày mồng tám tháng bốn năm Ất Dậu, niên hiệu Thiên Bảo thứ tư, Cảnh Đức Vương nghe tin liền cúng dường ruộng đất, tài vật, vải lụa cho chùa.

***Trước sau cung nghinh xá-lợi:***

Quốc sử ghi: Năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Đại Thanh đời Chân Hưng Vương, sứ nhà Lương là Thẩm Hồ đem sang biết bao nhiêu là viên xá-lợi. Đến năm Quý Mão niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy, đời Thiện Đức Vương Pháp sư Từ Tạng lại đem về xương đầu, răng Phật cùng với một trăm viên xá-lợi và một mảnh ca-sa hồng kết vàng mà Phật đã đắp. Xá-lợi phân làm ba phần; một phần tôn trí tại tháp Đài Hòa, một phần tôn trí tại tháp Hoàng Long, một phần và ca-sa thờ tại giới đàn chùa Thông Độ, phần còn lại chưa biết tôn trí ở nơi nào. Giới đàn có hai tầng, ở tầng trên đặt một lọng đá như một cái vạc úp lại. Tục truyền rằng: Khi xưa ở bản triều có hai vị quan lần lượt đến lễ giới đàn, nâng vạc đá lên để lễ kính xá-lợi. Lần đầu cảm được một con rắn lớn trong hòm bò ra. Lần sau thì thấy một con cóc lớn nhảy vào vạc đá từ đó về sau không ai dám nâng nữa. Gần đây có Thượng Tướng Quân là Kim Công Lợi Sinh và Dữu Thị Lang vào đời Cao Miếu vâng chỉ chỉ huy Giang Đông dẫn quân binh đến chùa, muốn nâng tảng đá lên để chiêm lễ. Chư Tăng trong chùa kể lại việc xưa để can ngăn. Hai vị liền sai quân sĩ ra sức

nâng tảng đá lên thì thấy bên trong có một hòm đá nhỏ, trong hòm đá lại có một ống lưu ly, trong ống có bốn viên xá-lợi. Hai vị truyền lệnh cho mọi người xem và lễ kính. Ống lưu ly có một vết rạn nứt nhỏ. Bấy giờ Dữu Công đang đem theo một hòm thủy tinh, bèn dâng cúng để cất giữ xá-lợi. Ghi chép để biết rồi dời cung đến Giang đô, đó là năm Ất Mùi, năm thứ tư.

Cổ ký nói một trăm hạt xá-lợi phân chia cất giữ ở ba nơi, mà nay chỉ còn bốn hạt. Đó là ẩn hiện tùy người, nhiều hay ít cũng chẳng có gì là kỳ lạ.

Tục truyền rằng: Ngày mà tháp chùa Hoàng Long bị hỏa tai, thì mặt phía Đông của vạc đá mới có vết loang lổ lớn đến nay vẫn còn, đó là vào năm Quý Sửu, niên hiệu Ứng Lịch thứ ba triều Đại Liêu tức là niên hiệu Quang Miếu thứ năm của triều ta, tháp bị hỏa tai lần thứ ba. Vô Y Tử ở Tào Khê có để lại bài thơ rằng:

*Nghe nói Hoàng Long tháp lửa thiêu*
*Cháy mãi một bên không ngừng dứt.*

Chính là việc này. Từ năm Giáp Tý niên hiệu Chí Nguyên đến nay, khi Thiên Triều giúp đỡ bản quốc thì hoàng gia tranh nhau đến chiêm lễ, bốn phương chen nhau đến tham quan, hoặc nâng hoặc chẳng nâng vạc đá, ngoài bốn hạt xá-lợi chân thân, còn có xá-lợi toàn thân nát nhỏ như cát hiện ở bên ngoài vạc đá, mùi hương lạ lan tỏa, cả ngày chẳng dứt. Đó là việc kỳ lạ của một phương vào thời mạt pháp.

Vào năm Tân Mùi niên hiệu Đại Trung thứ năm đời Đường, sứ sang Đường là Nguyên Hoằng đã có thỉnh về răng Phật (chưa biết tôn trí nơi đâu. Văn Tân La nói vào đời Thánh Vương). Sau vào năm Quý Mùi, niên hiệu Đồng Quang thứ nhất, tức là năm thứ sáu đời Thái Tổ triều ta, sứ sang Đường là Y Chất có thỉnh về năm trăm tượng La-hán, nay tôn thờ tại chùa Thần Quang ở Bắc Sùng Sơn. Năm Kỷ Hợi (Duệ Miếu năm thứ mười lăm) niên hiệu Tuyên Hòa thứ nhất, các sứ đi triều cống là Trịnh Khắc Vĩnh, Lý Chi Mỹ... đã thỉnh về răng Phật, nay tôn thờ tại nội điện. Tương truyền, khi xưa Pháp sư Nghĩa Tương sang Đường triều, đến chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, là trụ xứ của Trí Nghiễm Tôn Giả để tham học, gần đó có Tuyên Luật Sư hằng ngày thường được chư Thiên cúng dường, mỗi khi đến giờ thọ trai thì bếp nhà trời dâng thức ăn. Một hôm Luật sư thỉnh ngài Nghĩa Tương thọ trai, ngài Nghĩa Tương đến ngồi nhập định đã lâu, quá giờ mà Thiên sứ cúng vẫn chưa đến, ngài Nghĩa Tương bèn ôm bát không mà trở về, thì Thiên Sứ lại đến. Luật sư hỏi hôm nay vì sao đến trễ. Thiên sứ đáp:

- Thần binh đứng đầy động ngăn chặn, không vào được. Bấy giờ mới biết ngài Nghĩa Tương có thần nhân bảo vệ, thần phục đạo lực cao tột, bèn giữ lại vật cúng, hôm sau lại mời ngài Trí Nghiễm và Nghĩa Tương đến thọ trai, trình bày nguyên do chậm trễ, ngài Nghĩa Tương ung dung nói rằng:

- Ngài đã được Thiên Đế cung kính, tôi từng nghe tại cung của Đế Thích có một trong bốn mươi cái răng Phật, nay chúng tôi muốn thỉnh về nhân gian để tạo phước, có được chăng? Sau đó Luật sư bảo Thiên sứ truyền đạt ý này lên Đế Thích. Đế Thích hẹn bảy ngày sau sẽ chuyển xuống. Ngài Nghĩa Tương lễ kính xong, xin được tôn trí ở đại nội.

Đến đời Huy Tông nhà Tống, triều đình tin theo Tả đạo, bấy giờ người trong nước truyền lời sấm rằng: “Kim nhân bại quốc”, môn đồ của giặc khăn vàng truyền tụng. Nhật quan tâu rằng: “Kim nhân (người vàng) tức là Phật giáo, không có lợi cho quốc gia”. Rồi cùng nhau nghị bàn phá diệt Phật pháp chôn Sa-môn, đốt kinh điển, đóng một chiếc thuyền nhỏ chở răng Phật thả ngoài biển lớn, tùy duyên trôi nổi. Vừa lúc sứ thần của bản triều vào Tống, nghe được chuyện này bèn dùng năm mươi tấm nhung thiên hoa, ba trăm xấp vải tặng cho nội quan áp tải thuyền, để lén trao cho răng Phật, chỉ thả thuyền không trên biển. Sứ đã được răng Phật trở về tâu lại, Duệ Tông vô cùng mừng rỡ, tôn trí trong một điện nhỏ bên trái Thập Viên điện, luôn luôn khóa chắc cửa điện, thắp hương đèn bên ngoài. Đến ngày vua thân hành đến thì mới mở cửa để chiêm lễ. Đến năm Nhâm Thìn, một hôm dời cung, nội quan trong lúc bận rộn đã quên không thâu kiểm lại. Đến tháng bốn năm Bính Thân, Thích Ôn Quang trụ trì chùa Thần Hiếu ở ngự Nguyện Đường xin được lễ kính răng Phật, tâu lên vua, vua sai nội quan tìm khắp trong cung mà không được. Bấy giờ Bá Đài thị ngự sử Thôi Xung sai Tiết Thân gấp đến phòng của các xá nhân điều tra, nhưng không ai biết nơi đâu. Lúc ấy nội quan Kim Thừa Lão tâu rằng:

- Lúc dời cung vào năm Nhâm Dần, hãy xem lại nhật ký của Tử Môn mà suy tìm.

Vua thuận theo. Nhật ký ghi: “Nhập nội thị Đại Phủ Khanh Lý Bạch Toàn nhận hòm răng Phật”. Triệu Lý đến tra hỏi. Lý đáp: “Xin trở về nhà tìm lại nhật ký riêng”. Lý trở về nhà kiểm lại xem thì có ghi: “Xá nhân Tả Phan tên là Kim Thụy Long ký nhận một hòm răng Phật”; đến trình, liền triệu Thụy Long đến hỏi; Thụy Long không trả lời được. Vả lại Kim Thừa Lão tâu rằng:

- Năm Nhâm Thìn đến năm Bính Thân là năm năm, hạ ngục tra

hỏi tất cả các Thượng Thú ở Ngự Phật đường và Cảnh Linh điện!

Vua còn do dự chưa quyết định, thì ba hôm sau, trong đêm bỗng có tiếng một vật gì ném rớt ở trong tường rào nhà Thụy Long, đốt đèn kiểm tra thì thấy hòm chứa răng Phật. Hòm vốn có năm lớp: Lớp thứ nhất trong cùng là trầm hương, lớp thứ hai là vàng ròng, lớp thứ ba là bạch ngân, lớp thứ bốn là lưu ly, lớp thứ năm ngoài cùng là hộp khảm xa cừ; mỗi mỗi lớp hộp đều có bọc lụa, nay chỉ còn hòm lưu ly mà thôi.

Tìm được mọi người đều vui mừng dâng nạp vào nội cung. Quần thần nghị bàn nên chém Kim Thụy Long và Thượng Thú của hai điện. Nhưng Tấn Dương Phủ tâu rằng: Vì Phật sự, chẳng nên làm tổn thương nhiều người, vua bèn tha tất cả, lại sai tạo điện Phật Nha trong sân Thập Viên điện để tôn thờ, phái tướng sĩ canh giữ nghiêm ngặt. Lại chọn ngày tốt thỉnh Thượng Phòng Ôn Quang ở chùa Thần Hiếu và ba mươi đồ chúng vào cung thiết trai cúng dường. Ngày hôm ấy Nhập Trực Thừa Tuyên Thôi Hoằng, Thượng Tướng Quân Thôi Công Diễn, Lý Linh Trường, nội thị, trà phòng... đều đứng trước sân Phật nha điện theo thứ tự quỳ lạy kính lễ. Răng Phật đã được đặt vào hang động, còn xá-lợi chẳng biết sốlượng, Tấn Dương Phủ dùng hòm bạch ngân để cất chứa và tôn thờ. Bây giờ Chúa thượng nói với quần thần rằng: Từ khi mất răng Phật đến nay, trẫm có bốn điều nghi:

1. Nghi hết hạn bảy ngày của Thiên cung mà trở về trời.

2. Nghi trong nước có loạn như thế mà răng Phật là linh vật, ắt dời đến nước có duyên và vô sự.

3. Nghi kẻ tiểu nhân tham tài trộm lấy hòm, lụa rồi vứt bỏ ngoài bờ ao hốc núi.

4. Nghi kẻ trộm lấy vật báu không có kế gì tự trả xá-lợi, mới cất giấu trong nhà.

Nay đúng vào điều nghi thứ bốn. Nói xong bèn khóc lớn, tất cả quần thần đều rơi lệ, rồi hiến lễ chúc thọ Thánh quân đến nỗi có người đốt đỉnh đầu, đốt cánh tay không thể kể hết.

Được sự thật này là vào trước lúc tịnh tu ở Nội điện, lúc bấy giờ Đại Thiền sư Giác Thu ở chùa Kỳ Lâm nói chính mắt trông thấy, bảo tôi ghi chép lại. Đến năm Canh Ngọ gặp phải loạn Xuất Đô, tình thế còn rối ren hơn cả năm Nhâm Thìn, bấy giờ Thiền sư Tâm Giám là Giám chủ Thập Viên điện liều thân ôm giữ bảo vệ xá-lợi chạy thoát quân giặc, đưa vào đại nội. Vua vô cùng vui mừng ban thưởng công lao, rồi cho trụ một danh sát (chùa lớn), đến nay trụ chùa Băng Sơn. Điều này cũng chính nghe Thiền sư Giám kể lại.

Năm Ất Dậu niên hiệu Thiên Gia đời Chân Bình Vương, sứ nhà Trần là Lưu Trung và Thích Minh Quán mang đến hơn một ngàn bảy quyển kinh luận nhà Phật; năm Trinh Quán thứ mười bảy, Pháp Sư Từ Tạng thỉnh về Tam Tạng Kinh Điển gồm hơn bốn trăm hòm tôn trí tại chùa Thông Đô. Năm Đinh Mùi, niên hiệu Đại Hòa thứ nhất đời Hưng Đức Vương, vị Tăng Cao Ly vào tu học là Thích Khâu Đức đã mang đến rất nhiều hòm kinh Phật, Vương và chư Tăng các chùa đều ra trước chùa Hưng Luân nghinh đón. Trong niên hiệu Đại Trung, sứ thần Nguyên Hoằng sang Đường thỉnh về rất nhiều pho kinh điển. Cuối triều đại Tân La, Thiền Sư Phổ Diệu một lần nữa lại sang Ngô Việt thỉnh về một bộ Đại Tạng Kinh, ngài là Tổ Khai Sơn chùa Hải Long Vương. Năm Giáp Tuất, niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống có người đặt bài chân tán rằng:

*Lớn lao thay Sơ Tổ!*
*Uy nghiêm thay chân dung!*
*Lại sang cõi Ngô Việt*
*Thỉnh Đại Tạng hoàn thành*
*Sắc ban hiệu Phổ Diệu*
*Hạ chiếu khắp bốn phương*
*Nếu hỏi đến đức Sư*
*Đồng trăng trong gió mát.*

Trong niên hiệu Đại Định, Hán Nam Quản Ký Bành Tổ Địch có bài thơ rằng:

*Dạo chơi Lan-nhã, trụ không vương,*
*Hà huống Thần Long hộ một phen*
*Rốt ráo danh lam ai được thế*
*Sơ truyền tượng giáo từ nam phương.*

*Lại có lời bạt rằng:* Khi xưa lúc Thiền sư ở Phổ Diệu mới thỉnh Đại Tạng ở Nam Việt, đến khi trở về, sóng gió ở biển khơi bỗng nổi mạnh, thuyền lên xuống trong sóng dữ. Sư nói rằng: "Ắt là Thần Long muốn giữ kinh lại!", bèn chú nguyện chân thành, gồm đưa Thần Long cùng trở về. Lúc ấy gió yên biển lặng. Sau khi trở về, Sư đi khắp các núi sông để tìm nơi tôn trí Đại Tạng, khi đến núi này bỗng nhiên thấy mây lành hiện trên đỉnh, bèn cùng với đệ tử là Hoằng Khánh sáng lập Liên xã. Như thế tượng giáo truyền đến phương Đông thật bắt đầu từ đây. Hán Nam Quản Ký Bành Tổ Địch Tự có Long Vương Đường, thường hiện nhiều điềm linh dị, đó là Thần Long bảo hộ Đại Tạng Kinh theo về dừng trụ tại chùa này đến nay vẫn còn. Vào năm Mậu Tý, niên hiệu Thiên Thành thứ 3, Hòa thượng Mặc sang nước Đường cũng đã thỉnh

Đại Tạng Kinh về nước. Vào thời Duệ Miếu của Bản Triều, Quốc sư Tuệ Chiếu vâng sắc sang Trung Quốc cầu học thỉnh về ba bộ Đại Tạng bản đời Liêu, một bản nay còn cất giữ tại chùa Định Tuệ (chùa Hải Ấn có một bản, nhà Hứa Tham Chánh có một bản). Niên hiệu Đại An thứ hai, nhằm đời Tuyên Tông của triều ta, Hựu Thế Tăng Thống là ngài Nghĩa Thiên sang Tống, thỉnh về các bộ Thiên Thai Giáo Quán, ngoài các kinh sách này ra thì không mang về những gì. Còn tất cả những kinh sách mà các Cao Tăng tín sĩ qua lại hai nước mang theo về thì không thể ghi chép rõ ràng hết được. Thật là Đại giáo ở phương Đông dần dần hưng thịnh, mừng thay! Tán rằng:

*Trăng Trung, gió Hàn còn cách biệt*
*Vườn nai, cây hạc đã hai ngàn*
*Nay truyền hải ngoại nên chúc tụng*
*Đông Chấn Tây Càn chỉ một trời.*

Theo truyện ngài Nghĩa Tương trong bộ Thật Lục này thì đầu niên hiệu Vĩnh Huy sang Trung Quốc tham yết ngài Trí Nghiễm. Nhưng theo Phù Thạch Bản Bi thì ngài Nghĩa Tương sinh vào niên hiệu Võ Đức thứ tám, hai mươi tuổi xuất gia, năm Vĩnh Huy thứ nhất tức năm Canh Tuất, cùng với ngài Nguyên Hiểu kết bạn muốn sang Trung Hoa cầu học, nhưng đến Cao Ly, gặp lúc nước này có loạn nên trở về. Đến năm Tân Dậu, niên hiệu Long Sóc thứ nhất, ngài Nghĩa Tương sang Trung Quốc tham học nơi ngài Trí Nghiễm. Năm Mậu Thìn niên hiệu Tổng Chương thứ năm ngài Trí Nghiễm thị tịch. Năm Hàm Thuần thứ hai, Sư trở về Tân La; năm Nhâm Dần niên hiệu Trường An thứ hai Sư thị tịch thọ bảy mươi tám tuổi. Vậy nghi rằng Sư và ngài Trí Nghiễm thọ trai tại trụ xứ của Tuyên Luật Sư, xin rằng Phật từ Thiên Cung trong khoảng thời gian bảy, tám năm từ năm Tân Dậu đến năm Mậu Thìn. Cao Miếu của bản triều vào Giang Đô là vào năm Nhâm Thìn, vậy nghi hết hạn bảy ngày của Cung trời là sai lầm. Vì một ngày một đêm ở cõi Đao-lợi bằng một trăm năm ở nhân gian, mà từ ngài Nghĩa Tương mới vào Trung Quốc năm Tân Dậu, tính đến năm Nhâm Thìn đời Cao Miếu thì mới có sáu trăm chín mươi ba năm, đến năm Canh Tý mới tròn bảy trăm năm, mà nói là mãn bảy ngày. Nếu tính đến lúc xuất Đô năm Canh Ngọ, niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy thì thành bảy trăm ba mươi năm. Nếu như lời Đế Thích nói sau bảy ngày trả về (?) Thiên Cung, thì khi Thiền sư Tâm Giám gặp loạn phải xuất đô, mang theo bên mình vào đại nội dâng lên vua, e rằng đó chẳng phải là răng Phật thật. Bởi vì mùa xuân năm này trước khi xuất đô, các bậc danh đức của các Tông vân tập tại đại nội để

xin răng Phật và xá-lợi, tuy rất thiết tha thành khẩn mà chẳng được một hạt; thế thì hết bảy ngày răng Phật trả về Thiên Cung là không đúng. Đến năm Giáp Thân, niên hiệu Chí Nguyên thứ hai mươi mốt khi tu bổ Kim tháp chùa Quốc thanh, Quốc Vương và Trang Mậu Vương Hậu đến chùa Diệu Giác, sau khi tập chúng chúc mừng xong bèn thỉnh răng Phật, xâu chuỗi thủy tinh ở Lạc sơn và như ý châu cho quần thần và đại chúng chiêm bái kính lễ. Sau đó đồng đặt vào kim tháp.

Tôi cũng có tham dự hội này, chính mắt trông thấy răng Phật dài khoảng ba tấc, mà không có xá-lợi (Vô Cực ghi).

- Di-lặc tiên hoa
- Mạt Thị Lang
- Sư Chân Từ

Đời thứ hai mươi bốn của Tân La là Chân Bình Vương, họ Kim, tên là Sam Lăng Tông, còn gọi là Thâm Lăng Tông, lên ngôi năm Canh Thân, niên hiệu Đại Đồng thứ sáu đời Lương. Vì mến mộ chí lớn của bá phụ là Pháp Hưng Vương nên một lòng phụng Phật, xây dựng chùa Phật khắp nơi, giúp độ người làm Tăng Ni. Vương có bản tính phong lưu chuộng thần tiên. Chọn những người con gái tuyệt đẹp phong làm Nguyên Hoa, mục đích là tụ tập đồ chúng, tuyển chọn học sĩ dạy cho hiếu để, trung tín và cả việc lớn trị quốc. Vương chọn hai hoa là Nam Mao Nương và Giao Trinh Nương rồi tụ tập ba, bốn trăm người. Giao Trinh ganh tị với Mao Nương, chuốc rượu cho Mao Nương say rồi lén khiêng bỏ vào trong Bắc Xuyên, dùng đá lấp chết. Đồ chúng không biết Mao Nương đi đâu, khóc lóc buồn bã mà tản mác hết. Sau có người biết âm mưu này, làm bài ca rồi dụ các đứa bé trong thôn xóm ra đường ca hát, đồ chúng của Mao Nương nghe được, nên tìm thấy xác Mao Nương trong Bắc Xuyên, rồi giết chết Giao Nương. Từ đó Vương hạ chiếu phế bỏ Nguyên Hoa. Trải qua nhiều năm Vương lại nghĩ rằng muốn làm cho đất nước hưng thịnh, trước cần phải có đạo phong nguyệt, do đó hạ lệnh tuyển chọn những người nam có đức hạnh trong các gia đình hiền lương làm Hoa Lang; đầu tiên tôn Tiết Nguyên Lang làm Quốc Tiên; đây là khởi đầu của Quốc Tiên Hoa Lang, cho nên dựng bia ở Minh châu. Từ đó dạy mọi người bỏ ác tu thiện, kính trên thuận dưới, Ngũ thường lục nghệ, Tam Sư lục chánh* được thực hành rộng rãi trong đời (Quốc sử nói năm Bính Thân, niên hiệu Đại Kiến thứ tám đời Chân Trí Vương mới đặt ra Hoa Lang, e rằng sử ghi lầm). Đến đời Chân Trí Vương có Sa-môn Chân Từ (còn gọi là Viên Từ) thường đến trước tượng Bồ-tát Di-lặc phát nguyện rằng:

- Xin Đức Đại Thánh hóa làm Hoa Lang xuất hiện ở đời, con nguyện luôn gần gũi chiêm ngưỡng tôn dung, phụng sự đầy đủ!

Chân Từ với tâm chí thành cầu khẩn, ngày càng thêm tha thiết. Một đêm nằm mộng thấy một vị Tăng đến nói rằng: “Ngươi đến chùa Thủy Nguyên ở Hùng Xuyên (nay là Công châu) sẽ gặp được Di-lặc Tiên Hoa!”. Chân Từ tỉnh thức lòng vừa sợ vừa mừng, liền lên đường tìm đến chùa này, cứ mỗi bước một lạy, trải qua mười ngày thì đến được. Vừa đến cổng chùa thì thấy một người nhỏ nhắn, chân thật, vui vẻ đón tiếp dẫn qua một cửa nhỏ rồi mời vào phòng khách. Chân Từ vừa đứng dậy vừa chắp tay vái mà nói rằng:

- Xưa nay ngài chưa từng quen biết tôi, vì sao vừa gặp lại đón tiếp ân cần như thế?

Vị kia đáp rằng:

- Tôi cũng là người kinh thành, thấy thầy hành nghi cao vời, từ xa nhọc nhằn mới đến được đây nên như vậy.

Nói xong liền ra khỏi cửa không biết đi đâu. Chân Tạng cho rằng việc ngẫu nhiên, nên không lấy làm lạ lắm. Chỉ thuật lại giấc mộng hôm trước và ý muốn đến đây cho chúng tăng trong chùa biết, rồi hỏi rằng:

- Xin tạm trú ở nơi đây, muốn đợi Đức Di-lặc Liên Hoa phải làm thế nào?

Chúng Tăng trong chùa khinh thường, cho Sư đãng trí, nhưng thấy Chân Từ tỏ vẻ chân thành kính cẩn mà nói rằng:

- Gần đây về hướng Nam có ngọn Thiên sơn, là nơi mà xưa nay các bậc Hiền Thánh cư ngụ, thường có cảm ứng, Sư nên đến đó.

Chân Từ nghe theo, vừa đến chân núi, Sơn thần hóa thành một ông lão ra đón tiếp và hỏi rằng:

- Ngài đến đây làm gì?

Chân Từ đáp rằng:

- Cầu được thấy Di-lặc Tiên Hoa!

Ông lão bèn nói:

- Đã thấy Di-lặc Tiên Hoa nơi cổng chùa Thủy Nguyên khi trước rồi, còn đến đây tìm gì?

Chân Từ nghe nói vậy thì thất kinh toát mồ hôi, vội trở về bản tự. Được hơn một tháng, Chân Trí Vương nghe được bèn triệu đến hỏi nguyên do. Chân Từ đáp:

- Người ấy tự xưng là người kinh đô, thật lời của bậc Thánh chẳng hư dối, vậy nên tìm kiếm trong thành!

Chân Từ phụng chỉ tập họp đồ chúng, đi khắp thôn xóm thăm hỏi tìm cầu. Bấy giờ có một đứa bé hai má hồng hào, mắt mày thanh tú, xinh đẹp đang ung dung dạo chơi nơi gốc cây bên đường ở đông bắc chùa Linh Diệu. Chân Từ vừa trông thấy kinh ngạc tự nói rằng: "Đây hẳn là Di-lặc Tiên Hoa! Rồi đến hỏi rằng:

- Nhà con ở đâu, tên họ là gì?

Đứa bé đáp:

- Tôi tên là Vị Thi, lúc mới sinh ra cha mẹ đều qua đời nên chưa biết họ gì?

Chân Từ liền bồng lên xe đưa về cung diện kiến Vương. Vương rất thương kính, tôn làm Quốc Tiên. Quốc Tiên luôn hòa hiếu với mọi người, lễ nghi cốt cách khác với người thường, phong độ sáng ngời nơi trần thế. Đến năm bảy tuổi bỗng nhiên không biết đi đâu, Chân Từ buồn nhớ không nguôi. Nhưng đã thấm nhuần từ ân, vâng theo sự giáo hóa mà có thể tự cải hối, siêng năng tu đạo; về già không biết Sư thị tịch ở đâu. Người thuyết cho rằng: Chữ Vị với chữ Di đồng âm, chữ (thi) và chữ (lực) tựa đồng hình. Đó là nhờ sự tương cân để so sánh đối chiếu. Bậc Đại Thánh không chỉ cảm tâm chí thành của Chân Từ mà còn có duyên với cõi này, cho nên thường thị hiện như thế. Đến nay mọi người gọi Thần Tiên là Di-lặc Tiên Hoa. Phàm việc gì có quan hệ đến người thì gọi là Vị Thi, đó là di phong của ngài Từ Thị. Cây bên đường nay gọi là Kiến Lang thọ, tục gọi là Tự Như thọ (còn gọi là Ấn Như thọ). Tán rằng:

*Mỗi bước một lễ tìm tôn dung*
*Chốn chốn vung trồng cõi đức công*
*Khắp nơi xuân về không tung tích*
*Nào hay bỗng chốc hiện bên rừng.*

- Hai vị Thánh ở Nam Bạch Nguyệt
- Nỗ Bi Phu Đắc
- Đát Đát Phác Phác

Bạch Nguyệt Sơn Lưỡng Thánh Thành Đạo Ký ghi: Núi Bạch Nguyệt ở về phía Bắc quận Cừu Sử, Tân La (xưa là Khuất Tư quận nay là Nghĩa An quận), cảnh trí thật kỳ tú, núi non uốn lượn chập chùng, kéo dài vài trăm dặm, đúng là một dãy núi lớn. Từ xưa đã tương truyền rằng: Hoàng đế nhà Đường từng sai người đục một cái hồ, cứ trước ngày rằm mỗi tháng ánh trăng trong sáng chiếu soi xuống mặt hồ, trong đó có ánh hiện một hòn núi đá, tựa như hình con sư tử ẩn trong một đóa hoa, bấy giờ vị hoàng đế ấy sai người vẽ lại hình ảnh này, rồi đi khắp

trong thiên hạ tìm kiếm, khi đến Hải Đông thấy núi này có ngọn Sư Tử nham, cách núi này khoảng hai bộ có ba hòn núi khác, gọi là Hoa sơn (núi này một thân mà ba ngọn, nên gọi là Tam Sơn), giống với bức họa, nhưng chưa biết là thật hay giả, mới treo một chiếc giày trên đỉnh Sư Tử nham rồi sai người về tâu lên hoàng đế, thì thấy chiếc giày cũng có hiện trong mặt hồ, Đế cho là điều lạ, mới đặt tên là Bạch Nguyệt Sơn (ảnh hiện trong đêm trăng sáng trước ngày rằm, nên đặt tên như thế), sau đó thì trong hồ không có hiện núi. Cách núi khoảng ba ngàn bộ về phía Đông nam có Tiên Xuyên Thôn, trong thôn có hai người, một người tên là Nổ Bi Phu Đắc (hoặc Đẳng) cha là Nguyệt Tạng, mẹ là Vị Thắng; một người tên là Đát Đát Phác Phác, cha tên là Tu Phạm, mẹ là Phạm Ma (Hương truyện ghi: Trỉ Sơn Thôn là sai lầm tên của người này thuộc phương ngôn. Hai nhà này mỗi mỗi lấy hai nghĩa đằng đẳng và khổ tiết về tâm hạnh của hai người con ấy mà đặt tên). Cả hai đều cốt cách bất phàm, có tâm vượt ngoài thế tục, kết bạn nhau rất thân. Đến năm hai mươi tuổi cả hai đến lễ ngài Pháp Tích Phòng ở ngọn núi phía Đông bắc Thôn cầu xuất gia làm Tăng. Chưa bao lâu nghe nói ở Tăng đạo thôn thuộc pháp Tông Cốc, Tây nam Trỉ Sơn thôn có một ngôi chùa cổ, có thể làm nơi an dưỡng tu tập, nên hai người đến hai động Đại Phật Điền và Tiểu Phật Điền để ở. Phu Đắc ngụ tại Hoài Chân am còn gọi là Hoài tự (nay ở động Hoài Chân còn nền chùa cũ). Phác Phác trụ tại chùa Lưu Ly Quang (nay trên Lê Sơn còn nền chùa cũ). Cả hai đều dẫn theo vợ con kinh doanh sản nghiệp, qua lại giao du tu tâm an dưỡng mà chí xuất trần chưa từng phế bỏ; luôn quán xét thân này vô thường. Nhân đó cả hai nói với nhau rằng:

- Ruộng tốt được mùa tuy thuận lợi, nhưng chẳng bằng vừa khởi niệm thì y thực liền đến, được ấm được no. Vợ con nhà cửa tuy tình đẹp, nhưng chẳng bằng nơi ao sen, hoa tạng cùng ngàn thánh dạo chơi, đồng anh vũ không được kia vui thú huống gì học Phật sẽ được thành Phật, tu chân ắt sẽ chứng chân. Nay chúng ta đã bỏ danh lợi làm tăng thì nên xa lìa sự trói buộc, thành tựu đạo vô thượng, đâu để chìm nổi chốn phong trần, đồng với thế tục được ư?

Do đó cả hai xả bỏ thế gian, vào ẩn cư nơi hang sâu núi thẳm, một đêm kia mộng thấy một luồng ánh sáng trắng từ phía Tây chiếu đến, trong có cánh tay màu vàng ròng đưa ra xoa đỉnh đầu của hai người. Đến khi thức dậy kể lại với nhau thì đều phù hợp, cả hai cảm thán hồi lâu, rồi vào Vô Đẳng cốc (nay là động Nam Tẩu) ở Bạch Nguyệt sơn, Phác Phác đến Sư Tử nham ở Bắc núi lập một am bằng ván mỗi bề tám thước

để cư trụ, cho nên gọi là Bản Phòng. Phù Đắc đến nơi có suối dưới Lỗi Thạch ở Đông của núi mà lập một phương trượng để cư trụ, nên gọi là Lỗi Phòng (Hương truyện ghi, Phù Đắc ở tại động [] [] phía Bắc, nay là tên phức hợp. Còn Phác Phác trụ tại Lỗi Phòng động Pháp Tịnh ở phía Nam; như thế thì trái ngược với ở đây. Lấy đó mà xét thì Hương Truyện lầm). Phù Đắc siêng năng cầu ngài Di-lặc, Phác Phác chuyên lễ niệm Đức Di-đà. Chưa đầy ba năm, vào ngày mồng tám tháng bốn năm Kỷ Dậu, niên hiệu Cảnh Long thứ ba nhằm năm thứ tám đời Thánh Đức Vương, lúc trời sắp tối có một người con gái độ hai mươi tuổi, dung nghi tuyệt mỹ, thân tỏa hương thơm bỗng nhiên đến Bắc am (Hương truyện ghi là Nam am, xin tá túc qua đêm. Nhân đó làm bốn câu thơ rằng:

*Lữ hành trời tối gặp ngàn non*
*Đường hiểm thành xa chẳng xóm làng*
*Nay muốn vào am xin tá túc*
*Hòa thượng Từ bi chớ nổi sân.*

Phác Phác nói rằng: “Lan-nhã, giữ cho thanh tịnh là cần yếu, chẳng phải là nơi để cô tá túc, không thể lưu lại nơi đây”. Nói xong đóng cửa mà vào (Ký ghi: Ta đã bặt dứt các niệm, nay không vì lòng xót thương mà bị thử thách). Cô gái phải đến am phía Nam (truyện ghi là Bắc) cũng xin như thế. Phụ Đắc hỏi:

- Cô ở nơi nào mà đêm hôm nay lại đến đây?

Cô gái đáp:

- Trong lặng đồng như thái hư, nào có đến đi. Chỉ được nghe hiền sĩ có chí nguyện sâu nặng, đức hạnh cao vời bền vững, nên muốn đến trợ giúp thành Bồ đề. Nói xong đọc bài kệ rằng:

*Tối trời gặp ngàn non*
*Bốn phía không xóm làng*
*Trúc tòng bóng đã sẫm*
*Khe động âm còn vang*
*Xin ở, chẳng lạc đường*
*Tôn sư muốn đến bờ*
*Xin theo lời tôi thỉnh*
*Chớ hỏi là người nào!*

Sư Phu Đắc nghe xong kinh hãi nghĩ rằng: Nơi đây không thể để phụ nữ làm dơ uế, nhưng vì tùy thuận chúng sinh, cũng là một trong Bồ-tát hạnh. Huống gì lúc đêm hôm, nơi thâm sơn cùng cốc này ta có thể làm ngơ ư? Do đó mới đón người con gái vào am cho nghỉ ngơi. Đến đêm khuya thức dậy lắng tâm, nhiếp định, ngồi một mình bên ngọn đèn

lờ mờ lâm râm niệm Phật. Trời gần sáng bỗng người con gái gọi rằng:

- Chẳng may tôi vừa đến kỳ sinh sản, xin Hòa thượng chuẩn bị đầy đủ đệm cỏ.

Phu Đắc xót thương, không dám trái lời, bèn đốt đèn ân cần lo liệu. Người nữ đã sinh xong lại xin được tắm rửa. Phu Đắc trong tâm vừa xấu hổ vừa kinh sợ, nhưng lòng xót thương càng tăng thêm chứ không mất, nên lại chuẩn bị than bồn, đặt người nữ ngồi trong đó rồi nấu nước nóng tắm rửa. Không bao lâu nước trong bồn xông mùi thơm ngào ngạt, biến thành nước vàng, Nổ Bi vô cùng kinh sợ. Người nữ bèn nói: "Thầy cũng nên tắm nước này đi!". Nổ Bi miễn cưỡng nghe theo, thì bỗng nhiên thấy tinh thần hào sảng, da dẻ có màu vàng ròng, nhìn qua bên thì thấy hiện một đài sen. Người nữ bảo Nổ Bi ngồi lên đó, rồi bảo rằng: "Ta là Bồ-tát Quan Âm đến giúp Đại sư thành tựu Bồ-đề". Nói xong liền biến mất.

Đêm đó Phác Phác cho rằng Nổ Bi đã phạm giới, nên đến để xét xử. Vừa đến đã thấy Nổ Bi ngồi trên đài sen như Tôn tượng Di-lặc phóng ánh sáng, toàn thân màu vàng Diêm Phù đàn, bất giác Phác Phác dập đầu lễ lạy và hỏi rằng:

- Vì sao mà được như thế?

Nổ Bi thuật lại đầy đủ sự việc đã xảy ra. Phác Phác nghe xong tự than trách rằng:

- Tôi có tội chướng sâu dày, may mắn gặp bậc Đại Thánh mà trái lại chẳng được gặp. Đại Đức là bậc chí nhân, thành tựu trước tôi. Xin chớ quên lời hẹn khi xưa, về sự phải đồng dẫn dắt nhiếp phục.

Nổ Bi nói rằng:

- Còn một ít nước trong bồn, có thể dùng để tắm! Phác Phác liền nghe theo, thì cũng như Nổ Bi, thành Đức Vô Lượng Thọ, hai tôn vị uy nghiêm ngồi đối diện nhau. Nhân dân trong thôn dưới núi nghe tin tranh nhau đến chiêm ngưỡng, khen là việc chưa từng có. Hai vị Thánh cùng thuyết pháp yếu rồi toàn thân thăng lên mây mà đi mất. Vào năm Ất Mùi, niên hiệu Thiên Bảo mười bốn, tức năm mười bốn đời Cảnh Đức Vương của Tân La (Cổ ký ghi: Năm Ất Mùi, niên hiệu Thiên Giám hai mươi bốn, Pháp Hưng Vương lên ngôi. Vì sao lại lầm lẫn trước sau như thế!). Vương nghe được việc này, nên năm Đinh Dậu sai người xây dựng đại Già-lam, đặt tên làm Bạch Nguyệt Sơn Nam tự; ngày năm tháng bảy năm Giáp Thìn, niên hiệu Quảng Đức thứ hai (Cổ ký ghi: Năm Đại Lịch thứ nhất là lầm) thì hoàn thành. Lại tạo tôn tượng Di-lặc thờ ở Kim Đường, đề là: Hiện Thân Thành Đạo Di-lặc Chi Điện, tạo

tôn tượng Di-đà thờ ở Giảng Đường. Vì nước còn lại chẳng đủ, tắm rửa không được chu toàn nên tượng Di-đà cũng có những vết loang lổ, đề là: Hiện Thân Thành Đạo Vô Lượng Thọ điện.

***Bàn rằng:*** Về người nữ này, có thể nói là: "Đáng dùng thân phụ nữ để nhiếp hóa vậy". Kinh Hoa Nghiêm nói Ma Gia Phu Nhân là Thiện tri thức, nương vào mười một cõi sinh Phật là pháp môn giải thoát, như huyễn. Nay người nữ này sinh thì mật ý ở tại đây. Xem lời thơ thì thật là ai oán đáng thương, nhưng lại uyển chuyển có ý thú của bậc thiên tiên. Than ôi! Ví như người nữ kia không biết ngữ ngôn Đà-la-ni tùy thuận chúng sinh, mà có thể như thế ư? Cuối cùng nên nói: "Gió mát một giường chớ nổi sân", nhưng không như thế, bởi vì chẳng muốn đồng với lời nói của thế tục vậy. Có bài tán:

Bắc am:

*Ngoài động thẩm xanh có tiếng kêu*
*Đêm tối mà ai gõ then mây?*
*Nam am gần đó xin tìm đến*
*Chớ dẫm rêu xanh nhớp chốn này.*

Nam am:

*Cùng cốc, đêm đen đến chốn nào?*
*Cửa Nam có mở hãy tạm vào*
*Đêm khuya thức giấc thầm thầm niệm*
*Chỉ sợ khách nghe thức giấc nồng.*

Thánh nương:

*Mười dặm mịt mờ lạc mất tăm*
*Hỏi Tăng đến tạm ngụ qua đêm*
*Ba bồn tắm xong trời sắp sáng*
*Sinh hạ hai con ném về Tây.*

***Tượng Đại Bi Thiên Thủ ở chùa Phấn Hoàng - Đứa bé mù được sáng mắt:***

Vào đời Cảnh Đức Vương, có một người đàn bà tên là Hy Minh ở làng Hán Kỳ sinh một đứa con trai, vừa lên năm tuổi, bỗng nhiên hai mắt bị mù. Ngày kia người mẹ bồng đứa bé vào chùa Phấn Hoàng, đứng trước họa tượng Thiên Thủ, Đại Bi ở tường phía Bắc của Tả Điện, bảo đứa bé xướng lời ca cầu nguyện, thì mắt trở lại sáng như xưa.

(Bài ca)

*Tất bi cổ triệu*
*Nhị thi chưởng âm mao hồ chi nội lương*

*Thiên Thủ Quán Âm sắt tiền lương trung*
*Kỳ sĩ chi bạch ốc thi trí nội hồ đa*
*Thiên ẩn thủ*
*Sất thiền ẩn mục bi*
*Nhất đẳng hạ sất phóng nhất đẳng bi trừ ác chi*
*Nhị vu vạn ẩn ngô la nhất đẳng sa ẩn tứ dĩ cổ chỉ nội hồ sất đẳng tà a dã*
*Ngô lương di tri chi tứ thi đẳng yên*
*Phóng đông hỷ dụng ốc thi từ bi dã căn cổ.*

Tán rằng:

*Ngựa trúc, sáo hành đùa khắp nẻo*
*Một hôm hai mắt bỗng bị mù*
*Chẳng nhờ Đại sĩ ban từ nhãn*
*Luống uổng bao xuân hoa liễu khoe.*

***Hai vị Đại Thánh ở Lạc Sơn - Quán Âm - Chánh Thú - Điều Tín:***

Khi xưa, lúc Pháp sư Nghĩa Tương mới từ Đường trở về, nghe nói chân thân của Đức Đại Bi trụ trong hang động bên bờ biển này, do đó mà đặt tên là Lạc Sơn. Vì Tây Vực có Bảo Đà Lạc Già Sơn, Trung Quốc dịch là Tiểu Bạch Hoa, là trụ xứ của Chân Thân Bạch Y Đại Sĩ, nên mượn địa danh ấy mà đặt tên cho núi này. Ngài Nghĩa Tương trai giới bảy ngày trải tọa cụ trên sông Thần, Long Thiên Bát Bộ theo sau đồng vào hang động tham lễ, từ không trung ban cho một xâu chuỗi thủy tinh, ngài Nghĩa Tương lãnh thọ rồi lui ra, bấy giờ rồng ở Đông Hải cũng hiến một viên Như Ý Bảo Châu, Sư cũng thọ nhận. Lại trải qua bảy ngày trai giới nữa thì thấy được Thánh dung. Đại sĩ dạy rằng: Nơi đỉnh núi, phía trên tòa này có hai cây trúc từ đất vọt sinh, nên tạo điện đường nơi ấy!".

Sư nghe xong liền lên đỉnh núi quả thật có hai cây trúc, bèn lập Kim đường, tạo tượng mà tôn thờ. Điện đường thật hoàn hảo, xinh đẹp, uy nghiêm như trời tạo ra, còn hai cây trúc thì biến mất, mới biết đúng là nơi chân thân an trụ. Do đó mà đặt tên chùa là Lạc Sơn. Sư dùng hai hạt châu đã được ban tặng trấn giữ nơi Thánh điện rồi đi. Sau đó có Pháp Sư Nguyên Hiểu, tiếp tục đến đây muốn được chiêm lễ, đầu tiên sư đến một đám ruộng ở phía Nam thành, thấy một người phụ nữ đang gặt lúa. Sư vui đùa xin lúa, người phụ nữ đùa trao cho sư lúa xấu. Sư lại đến bên một chiếc cầu, thấy có một người nữ đang giặt khăn, Sư bèn

xin nước, người phụ nữ rót nước dơ cho Sư, Sư đổ đi rồi múc nước sông mà uống. Bấy giờ một con chim xanh đậu trên cây tòng trong rừng cất tiếng kêu rằng: "Hòa thượng Hưu Đề Hồ", rồi ẩn mất, chỉ thấy dưới cây tòng có một chiếc giày. Sau đó Sư đến chùa, lại thấy dưới tòa Quan Âm lại có một chiếc giày mà đã thấy trước đó. Bấy giờ mới biết Thánh nữ vừa gặp đúng là Chân thân Đại Sĩ. Vì thế người bấy giờ gọi Quan Âm Tòng.

Sư muốn vào hang động để thấy chân dung, nhưng sóng gió nổi lên không thể vào được, nên phải trở về. Vào niên hiệu Đại Hòa, Quật Sơn Tổ Sư Phạm Nhật sang Đường, lúc đến chùa Khai Quốc thấy có một vị Sa-di mất tai trái đang ở cuối chúng tăng nói với Sư rằng: "Tôi cũng là người cùng quê hương, nhà ở Phường Đức Kỳ, huyện Dực Lĩnh, Minh Châu; khi ngài trở về nước xin đến nhà tôi!"

Không bao lâu Sư đi khắp các Tòng lâm tham học, đắc pháp nơi ngài Diêm Quan (sự tích ghi đầy đủ ở Bản truyện), đến năm Đinh Mão, niên hiệu Hội Xương thứ bảy sư mới trở về nước. Đầu tiên Sư lập chùa Quật Sơn để truyền pháp. Ngày rằm tháng hai năm Mậu Dần niên hiệu Đại Trung thứ mười hai, ban đêm nằm mộng thấy vị Sa-di khi xưa đến bên cửa sổ nói rằng:

- Khi xưa tại chùa Khai Quốc ở Minh châu có ước hẹn với Sư, và đã được hứa khả, vì sao lại quá trễ như thế?

Tổ sư giật mình tỉnh giấc, dẫn vài mươi người đến huyện Dực Lĩnh, tìm hỏi nhà của vị Sa-di. Bấy giờ gặp một người đàn bà sống trong một thôn xóm dưới chân Lạc Sơn, hỏi tên thôn thì đáp là Đức Kỳ. Người này có một đứa con mới tám tuổi, thường đến chơi bên chiếc cầu đá ở phía Nam của thôn này, đứa bé nói với mẹ rằng: "Những đứa bé cùng chơi với con có một đồng tử thân màu vàng ròng!". Người mẹ thuật lại với Sư, Sư vừa mừng vừa sợ, cùng với đứa bé tìm đến bên chiếc cầu kia, thấy trong dòng nước có một tượng Phật bằng đá, sai người vớt lên thì thấy mất một tai trái, giống như vị Sa-di đã gặp khi trước, tức liền biết là tượng Bồ-tát. Nhân đó Sư bèn làm thẻ gieo quẻ chọn đất xây chùa, thì chọn được phía trên của Lạc Sơn là cát địa. Sư liền xây ba gian điện đường để tôn thờ Thánh tượng (Cổ ký chép việc của Phạm Nhật ở trước, việc của Nghĩa Tương và Nguyên Hiểu sau. Nhưng xét ra hai Sư Tương và Hiểu sống vào đời Cao Tông, còn Phạm Nhật sau năm Hội Xương, cách nhau hơn một trăm bảy mươi năm. Cho nên nay biên lại theo thứ tự. Hoặc cho rằng Phạm Nhật là môn đồ của Ngài Nghĩa Tương thì cũng sai lầm).

Sau hơn một trăm năm lửa đồng hoang cháy lan đến núi này, chỉ có hai điện Thánh là không cháy, còn tất cả đều bị thiêu rụi. Từ khi chiến loạn Tây Sơn khởi đến nay, trong khoảng các năm Quý Sửu Giáp Dần, chân tượng hai vị Thánh và hai bảo châu được dời vào thành Tương Châu. Đại binh đến công phá thành rất gấp, lúc thành sắp bị phá, vị thiền sư trụ trì là A Hành (xưa gọi là Hy Huyền) dùng hộp bằng bạc đựng hai bảo châu rồi mang theo người chạy trốn. Một người giúp việc trong chùa tên là Khất Thăng đoạt lại, chôn sâu dưới đất và thệ rằng:

"Nếu tôi không tránh khỏi chết nơi binh loạn, thì hai hạt bảo châu này vĩnh viễn không còn xuất hiện ở nhân gian, vì không ai biết được. Nếu tôi không chết thì sẽ dâng hiến bảo châu cho đất nước!"

Ngày hai mươi hai tháng mười năm Giáp Dần thành bị phá vỡ, A Hành bị chết, nhưng Khất Thăng thì tránh được. Sau khi quân binh rút lui, Thăng đào hai bảo châu lên và nạp cho Giám Thương Sứ Minh Châu là Lang Trung Ký Lục Tuy. Sứ nhận lãnh cất trong kho Giám Thương, mỗi lần thay đổi chức vụ đều có truyền trao. Đến tháng mười một năm Mậu Ngọ, bậc kỳ túc trụ trì chùa Kỳ Lâm là đại Thiền sư Giác Thu tâu rằng: "Hai bảo châu ở Lạc sơn là thần bảo của quốc gia, khi thành Tương châu bị công phá, người giúp việc của chùa là Khất Thăng chôn trong thành. Sau khi quân binh rút lui đã đào lấy lên nạp cho Giám Thương Sứ cất trong kho ở Minh châu. Nay thành Minh châu sợ rằng chẳng thể giữ được, vậy nên chuyển về an trí ở nội phủ."

Chúa Thượng y lời, ngay trong đêm đặc biệt sai mười người dẫn Khất Thăng đến thành Minh châu lấy đem về tôn trí ở nội phủ. Vương ban thưởng cho mười người phụ tá, mỗi mỗi một cân bạc và năm thạch gạo.

Khi xưa, lúc Tân La còn là kinh đô, có chùa Thế Quỳ (nay là chùa Hưng Giáo), trang viện của chùa này ở tại quận Nại Lý thuộc Minh châu (theo Địa Lý Chí, ở Minh châu không có quận Nại Lý, chỉ có quận Nại Thành, tức là quận Nại Sinh, nay là Ninh Việt. Nhưng huyện Lĩnh ở Ngưu Thủ châu có quận Nại Linh, vốn là quận Nại Dĩ, nay là Cương châu. Ngưu Thủ châu nay là Xuân châu. Ở đây nói Nại Lý quận thì chưa biết là quận nào?). Chùa sai vị Tăng tên là Điều Tín làm Tri trang. Tín đến trang xá thấy con gái của châu thú Kim Hân Công thì liền bị mê hoặc đắm say, thường đến trước tượng Đại Bi ở Lạc sơn khẩn cầu được gần gũi. Vài năm sau người con gái ấy có chồng. Tín đến trước điện đường oán than Đức Đại Bi không thỏa mãn lời khẩn cầu của mình, khóc lóc mãi đến chiều tối, tâm tư mỏi mệt, bỗng chốc thiếp đi. Trong

mộng thấy Kim thị khoan thai từ ngoài cửa bước vào, tươi cười nói với Tín rằng: “Tôi sớm biết thượng nhân, gặp một lần lòng đã thương yêu, chưa từng phút giây quên lãng, ngặt vì cha mẹ cưỡng ép theo người nên mới đến đây xin nguyện kết thành vợ chồng.”

Tín vô cùng vui mừng, đồng dẫn về làng, chung sống hơn bốn mươi năm, sinh được năm con. Gia cảnh nghèo túng, cơm cháo không đủ ăn, khốn cùng ý mới dắt díu nhau, lây lất sống khắp bốn phương. Mười năm như thế, lưu lạc khắp xóm làng, áo quần rách nát không đủ che thân. Một hôm vừa đến Giải huyện ở Minh châu thì đứa con lớn nhất mười lăm tuổi vì đói quá nên lăn ra chết. Vợ chồng vô cùng thống khổ, vội chôn bên đường, rồi dắt bốn đứa còn lại đến huyện Vũ Khúc (nay là Vũ huyện), làm một túp lều tranh bên đường. Vợ chồng đã già mà còn bị bệnh, đói khát không thể nhấc nổi tay chân. Vì thế đứa con gái mười tuổi phải đi xin ăn, bị chó cắn đang nằm kêu la trước mặt. Cha mẹ thấy vậy cũng sụt sùi tuôn đôi dòng lệ. Bỗng người vợ lau khô nước mắt, tỉnh táo nói rằng:

“Khi tôi mới gặp anh thì tuổi còn trẻ, nhan sắc xinh đẹp, quần áo lụa là đầy đủ, được một món ngon thì cùng chia, được vài thước vải thì cùng hưởng, tình chẳng hề trái nghịch, ân ái thật khắn khít, có thể nói là duyên tình sâu đậm. Nhưng mấy năm gần đây bệnh tật ngày càng nặng, đói lạnh ngày càng bức bách, nhà nhà một miếng nước cũng chẳng cho, sự sĩ nhục của ngàn người nặng như gò núi. Con, đứa thì lạnh, đứa thì đói mà không kịp chu cấp, vậy đâu rảnh mà nghĩ đến tình vợ chồng vui thú? Cái cười diễm lệ của kẻ hồng nhan như giọt sương trên ngọn cỏ, tình nghĩa chi lan như tơ liễu trước gió. Anh vì có tôi mà bị lụy, tôi vì có anh mà phải phiền. Nghĩ kỹ thì ngày vui khi xưa chính là chỗ gá nương cho sầu khổ. Nào chàng, nào thiếp đến đây là cùng tận; đồng chịu đói khổ như bầy chim, mà nào biết một chim Loan kia có gương, lạnh thì bỏ, nóng thì mang theo, lòng chẳng nhẫn chịu được nữa. Nhưng đến đi chẳng phải do người, ly hợp đều có số mạng. Xin được từ biệt nơi đây!”

Tín nghe nói vậy thì vui mừng đồng ý, mỗi người nuôi hai đứa con. Lúc sắp lên đường, người vợ nói rằng: “Tôi trở về quê cũ, còn anh nên đi về Nam!”

Mới vừa chia tay lên đường thì Tín liền tỉnh giấc. Bấy giờ đèn sắp tàn ánh sáng hiu hắt, đêm lại sắp qua; đến sáng thì đầu tóc đã bạc trắng, chán nản không còn nghĩ đến nhân thế, nhàm chán cuộc đời lao nhọc, như đã nhận đủ trăm năm cay đắng. Tâm tham nhiễm vĩnh viễn tiêu

tan. Bấy giờ Điều Tín hỗ thẹn quỳ trước Thánh tượng chí thành sám hối không thôi. Sau đó đến Giải Hiện nơi chôn đứa con đã thấy trong mộng, thì gặp một tôn tượng Di-lặc bằng đá, Tín liền lau rửa sạch sẽ an trí tại một ngôi chùa gần đó, rồi trở về kinh đô, không làm Tri trang nữa, dùng tất cả tài sản riêng lập chùa Tịnh độ, siêng năng tu tịnh nghiệp. Về sau không biết sư thị tịch ở đâu.

***Bàn rằng:*** Đọc truyện này xong rồi xếp sách lại mà suy nghĩ xem, hà tất phải tin giấc mộng của Sư là thật như thế, nhưng nay đều biết rằng người đời cho là vui thú, rồi hoặc là sung sướng hoặc lao nhọc, chỉ vì chưa giác ngộ mà thôi! Nên làm vài lời thơ mà khuyên rằng:

*Sướng thay bỗng chốc đã nhàn*
*Ngẫm từ sầu khổ phai tàn dung nhan*
*Chẳng cần đợi chín kê vàng*
*Mới bừng giấc mộng nhân gian nhọc nhằn*
*Tu thân, trước ý phải thành*
*Từ trong mộng đẹp ẩn tàng ác mơ*
*Đâu như thu đến giấc hồ*
*Thường hằng say ngủ bên bờ thanh lương.*

***Ảnh Phật ở Ngư sơn:***

*Cổ Ký ghi:* Vạn Ngư tự xưa ở Từ Thành sơn. Lại bên cạnh A Da Tư Sơn (thường gọi là Ma Da Tư, dịch là Ngư) có nước Ha La, khi xưa trứng trời rơi xuống bờ biển, nở ra người, làm vua nước này, tức là Thủ Lộ Vương, bấy giờ trong nước có ao ngọc, trong ao có một con rồng dữ. Còn tại Vạn Ngư sơn có năm nữ La-sát thường giao du với nhau, nên trời thường nổi sấm chớp mưa lớn, trải qua bốn năm như thế, ngũ cốc không gieo trồng được. Vương thi triển cấm chú cũng không được, mới cúi đầu xin Phật thuyết pháp. Sau đó La-sát nữ thọ năm giới không còn làm hại nữa. Cho nên cá rồng ở Đông Hải bèn hóa làm những tảng đá chất đầy động, mỗi mỗi đều phát ra âm thanh như tiếng chuông tiếng khánh (theo Cổ Ký).

Xét vào năm Canh Tý niên hiệu Đại Định mười hai, tức là năm mười một đời Minh Tông mới lập chùa Vạn Ngư. Quan đại thần Bảo Lâm dâng biểu tấu nói trong núi này có những di tích kỳ lạ, có ba điều phù hợp với việc Phật hiện ảnh ở nước Ha La, Bắc Thiên Trúc:

1. Ở ao Ngọc thuộc Lương Châu gần núi này cũng có một con rồng dữ ẩn náu.

2. Có lúc mây từ bờ sông bốc thẳng lên đỉnh núi, trong đó có tiếng

nhạc.

3. Phía Tây bắc của Phật ảnh có một bồn đá không bao giờ cạn nước, là nơi mà đức Phật giặt ca-sa.

Ở trên đều là thuyết của Bảo Lâm. Nay đích thân đến chiêm lễ, cũng thấy hai việc rõ ràng đáng kính tin: 1. Đá trong động; hai phần ba đều có âm thanh như tiếng vàng tiếng ngọc; từ xa nhìn thì có hiện, đến gần thì chẳng hiện, hoặc thấy chẳng hiện. Văn nói về Bắc Thiên Trúc sẽ nói rõ ở sau. Kinh Quan Phật Tam-muội quyển bảy hòm chữ Khả ghi rằng: “Khi Đức Phật đến phía Nam núi A-na-tư trong hang La-sát phía Bắc núi Thanh Liên Hoa ở một bên rồng độc rừng Chiêm-bặc hoa núi Cổ Tiên nước Na-càn-ha-la, bấy giờ trong hang có năm vị La-sát nữ hóa làm rồng nữ qua lại với rồng độc. Rồng độc tuôn mưa đá các La-sát chạy loạn, đói khát bệnh tật, trải qua bốn năm, Vua rất lo sợ, cầu khẩn thần linh nhưng đều vô ích. Lúc bấy giờ có một phạm chí thông minh nhiều trí tâu rằng: “Tâu đại vương! Thái tử của vua Tịnh Phạn nước Già-tỳ-la nay đã thành đạo hiệu là Thích-ca!”. Đại vương nghe thế thì vô cùng hoan hỷ hướng về Phật đảnh lễ và bạch rằng: “Vì sao hôm nay mặt trời Phật đã chiếu soi mà chưa đến nước này?”

Bấy giờ Đức Như Lai bảo các Tỳ-kheo đã được sáu thần thông đi theo mình, thuận lời thỉnh cầu của vua nước Na-càn-ha-la là Phất-bà-phù-đề, lúc ấy từ đỉnh đầu Thế Tôn phóng ánh sáng hóa ra một vạn chữ Thiên và hóa Phật đến nước kia. Các Long vương và La-sát nữ thấy Phật thì liền đảnh lễ và cầu Phật xin thọ giới. Đức Phật liền thuyết Tam quy, Ngũ giới. Long vương nghe xong, quỳ xuống chấp tay thỉnh: “ Xin Phật thường trụ nơi này. Nếu Phật không trụ ở đây, con có ác tâm, không biết làm sao để thành A-nậu Bồ-đề.” Bấy giờ Phạm Thiên Vương lại đến lễ Phật, thỉnh: “Xin Đức Bà-già-bà vì các chúng sinh đời vị lai, không nên chỉ vì một con rồng nhỏ này.” Trăm ngàn Phạm Thiên đều thỉnh cầu như thế. Bấy giờ Long vương dâng đài bảy báu cúng dường Như Lai. Đức Phật bảo Long vương rằng: “Không cần đài này, chỉ cần ngươi cúng cho ta hang đá La-sát mà thôi!”

Long vương vui mừng vâng theo. Thế Tôn an ủi Long vương rằng: “Ta nhận lời thỉnh của ngươi; an trụ trong hang đá này!”

Trải qua một ngàn năm trăm, Đức Phật hóa toàn thân nhập vào đá, giống như tấm gương sáng người soi thấy mặt mày. Các Long vương đều hiện đến, Đức Phật trong đá ảnh hiện ra ngoài, các Long vương đều chấp tay, vui mừng không rời khỏi hang động, luôn thấy Phật. Bấy giờ Thế Tôn ngồi kiết già trong tường đá, khi chúng sinh từ xa nhìn thì hiện

cho thấy, nếu đến gần thì chẳng hiện. Khi chư Thiên cúng dường ảnh, thì ảnh Phật cũng thuyết pháp. Khi Phật bước trên đá thì liền phát ra âm thanh như tiếng vàng ngọc chạm nhau.

*Cao Tăng Truyện ghi:* "Ngài Tuệ Viễn nghe nói ở Thiên Trúc có ảnh Phật; là khi xưa Đức Phật vì Long vương mà lưu lại trong thạch thất ở Cổ Tiên sơn, phía Nam thành Na-kiệt-ha nước Nguyệt chi Bắc Thiên Trúc."

Tây Vực truyện của Pháp Hiển ghi: "Cách phía Nam thành Na-kiệt nước Na-kiệt khoảng nửa do-tuần có một thạch thất, trong đó Đức Phật lưu lại ảnh ở mặt Tây nam của Bắc sơn, từ đây đứng cách xa hai mươi bước mà nhìn thì như thấy được chân hình của Phật, ánh sáng rực rỡ, đến càng gần thì thấy càng mờ. Các quốc vương thường sai họa sĩ mô phỏng vẽ lại, nhưng không giống. Người trong nước truyền rằng: "Một ngàn Đức Phật thời Hiền kiếp có lưu ảnh nơi đây. Cách nơi ảnh hiện khoảng một trăm bước là chỗ mà khi Phật còn tại thế ngồi cạo tóc và cắt móng tay...".

Tây Vực Ký quyển hai, hòm chữ Tinh ghi: "Khi Như Lai còn tại thế con rồng này làm kẻ chăn bò, khi dâng sữa lạc cho vua, không đúng phép tắc nên bị khiển trách, từ đó sinh tâm oán hận, dùng tiền vàng mua hoa cúng dường tháp Thọ Ký, nguyện sinh làm rồng dữ phá nước hại vua này, xong đâm đầu vào vách tường mà chết. Sau đó sinh làm Đại long vương sống ở đây. Vừa khởi tâm ác, Như Lai liền biết, ngài dùng thần thông hiện đến. Rồng thấy Phật, tâm ác liền dứt, thọ giới chẳng sát sinh, thỉnh Phật thường trụ nơi hang động thọ nhận cúng dường của mình. Đức Phật bảo: "Ta sắp tịch diệt, nhưng vì ngươi mà lưu lại hình ảnh. Khi nào ngươi khởi tâm ác thì hãy quán ảnh Ta, tâm độc tự dứt."

Nói xong Như Lai thâu thần vào thạch thất, từ xa mà nhìn thì hiện; đến gần thì không hiện. Lại khiến đặt bảy báu trên đá." Các kinh đều lược ghi như thế, người Hải Đông gọi núi này là A-na-tư lẽ ra nên gọi là Ma-na-tư, dịch là Ngư. Đó là lấy việc ở Bắc Thiên Trúc mà đặt tên.

***Năm vạn Chân Thân ở Đài sơn:***

Theo Cổ Ký của Đài sơn thì núi này nổi tiếng là một trụ xứ của các bậc chân thánh. Đầu tiên từ ngài Từ Tạng. Khi xưa ngài Từ Tạng muốn thấy chân thân của Bồ-tát Văn-thù ở Ngũ đài sơn Trung Quốc, nên vào đời Thiện Đức Vương, nhằm năm Giáp Thân, niên hiệu Trinh Quán thứ mười đời Đường (Đường Tăng truyện nói năm mười hai. Nay theo Tam Quốc Bản Sử) sang Trung Quốc. Đầu tiên Sư đến trụ xứ của

ngài Văn-Thù bên bờ hồ Thái Hòa, chí thành cầu khẩn. Trải qua bảy ngày, một hôm mộng thấy Đại Thánh trao cho một bài kệ bốn câu, khi thức dậy cũng còn ghi nhớ. Nhưng vì bốn câu kệ tiếng Phạm, nên sư mờ mịt chẳng hiểu. Sáng sớm có một vị Tăng đến bên Sư mang theo một ca-sa hồng viền vàng, một bình bát của Phật, và một mảnh xương đầu của Phật hỏi Sư rằng: Vì sao lại buồn bã như thế?

Sư thuật lại việc bốn câu kệ đã được trao trong mộng đều là Phạm âm không thể hiểu được.

Vị Tăng liền dịch rằng:

Ha la bà ta nẳng (liễu tri nhất thiết pháp)
Đạt lệ đá khư dã (Tự tánh vô sở hữu)
Nẳng già tứ già nẳng (Như thị giải pháp tánh)
Đạt lệ lô xá na (Tức kiến Lô-xá-na)

Đọc xong liền trao ca-sa... cho Sư rồi dặn dò rằng: “Đây là đạo cụ của Đức Bổn Sư Thích-ca, ông hãy khéo giữ gìn!”

Lại nói: “Ở địa phận Minh châu ở nước ông có Ngũ Đài sơn một vạn Văn-thù thường trụ nơi đó, ông hãy đến tham kiến.”

Nói xong liền biến mất.

Sư tiếp tục đi khắp các linh tích, sắp muốn trở về Đông, khi đến hồ Thái Hòa thì Long vương hiện thân thỉnh cúng dường bảy ngày và nói rằng: “Lão Tăng truyền kệ khi xưa chính là Bồ-tát Văn-thù.” Cũng có phó chúc việc lập chùa tạo tháp, sự tích chép đầy đủ ở phần Biệt truyện.

Năm Trinh Quán mười bảy Sư đến núi này, muốn chiêm lễ chân thân, nhưng trải qua ba ngày, sắc trời mờ mịt chẳng thấy được nên trở về, trụ tại chùa Nguyên Ninh thì lại thấy Đức Văn-Thù. Sư lại đến Cát Bàn, nay là chùa Tịnh Nham. Về sau có Đầu-đà Tín Nghĩa môn hạ của ngài Phạm Nhật đến tìm nơi mà ngài Từ Tạng đầu tiên nghỉ ngơi để lập am cư trụ. Sau khi Tín Nghĩa tịch thì am cũng hoang phế, một thời gian lâu sau có Trưởng lão chùa Thủy Đa có duyên đến đây lập thành chùa để cư trụ, nay chính là chùa Nguyệt Tinh. Khi Từ Tạng trở về Tân La, thì hai anh em Thái tử Bảo Xuyên và Hiếu Minh của Tịnh Thần Đại Vương (theo Quốc sử thì không có văn nói rõ ba cha con Tịnh Thần, Bảo Xuyên và Hiếu Chiêu nhưng văn sau đây lại ghi: Năm Thần Long thứ nhất hiến đất xây chùa. Thần long là năm Ất Tỵ nhằm năm thứ bốn đời Thánh Đức Vương. Vương tên là Hưng Quang, vốn tên là Cơ Long, con thứ hai của Thần Văn; anh của Thánh Đức Vương là Hiếu Chiêu tên là Lý Cung, còn gọi là Hồng, cũng là con của Thần Văn. Thần Văn

Chánh Minh tự là Nhật Chiếu. Thế thì nói là Tịnh Thần e rằng đọc lầm của Chánh Minh Thần Văn. Hiếu Minh là lầm của Hiếu Chiếu (Chiêu). Ký ghi Hiếu Minh lên ngôi, mà nói là năm Thần Long mở đất lập chùa, thì lời này cũng chẳng rõ ràng. Năm Thần Long lập chùa, tức là thời Thánh Đức Vương) đến phủ Hà Tây (nay là Minh Châu, cũng gọi là quận Hà Tây, còn gọi là huyện Hà Khúc, nay nói là Úy châu là sai) tạm trú tại nhà Thế Hiến Giác Can một đêm, sáng hôm sau qua Đại Lãnh, mỗi mỗi dẫn một ngàn người đến tỉnh Ô Bình du lãm mấy ngày. Bỗng một hôm hai anh em thầm ước hẹn lập chí xuất trần không cho người biết, lén đến Ngũ Đài sơn (Cổ Ký ghi: “Tháng tám năm Mậu Thân niên hiệu Thái Hòa thứ nhất, Vương ẩn trong núi”; e rằng có lầm. Hiếu Chiếu (Chiêu) lên ngôi năm Nhâm Thìn niên hiệu Thiên Thọ thứ ba, bấy giờ là mười sáu tuổi, băng hà năm Nhâm Dần niên hiệu Trường An thứ hai thọ hai mươi sáu tuổi, năm này Thánh Đức lên ngôi, đã hai mươi hai tuổi. Nếu nói năm Thái Hòa thứ nhất là năm Mậu Thân thì trước khi Hiếu Chiếu lên ngôi năm Giáp Thìn bốn mươi lăm năm thuộc đời Thái Tông Văn Võ Vương. Lấy đây mà suy thì biết văn trên ghi sai, không theo được). Thị vệ không biết hai vương tử đi đâu bèn trở về nước.

Hai Thái tử vào núi, bỗng nhiên có hoa sen xanh mọc trên đất. Người anh bèn kết am tranh ở đây cư trụ. Cùng ngày ấy tại chân núi phía Nam của Bắc Đài cách am của Bảo Xuyên về phía Bắc sáu trăm bộ cũng xuất hiện hoa sen xanh, người em liền đến đó lập am cư trụ. Mỗi mỗi đều siêng tu tịnh nghiệp. Một hôm đồng lên ngọn Ngũ Đài chiêm lễ, bỗng thấy chân thân một vạn Quán Âm hiện ở núi Mãn Nguyệt ở Đông Đài. Hiện tại ở núi Kỳ Lân thuộc Nam Đài có tám vị Bồ-tát làm thượng thủ một vạn Địa Tạng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai ở núi Trường Lĩnh thuộc Tây Đài là thượng thủ của một vạn Đại Thế Chí; ở núi Tượng Vương thuộc Bắc Đài, có Đức Thích-ca Như Lai là thượng thủ năm trăm Đại A-la-hán; tại núi Phong Lô thuộc Trung Đài, cũng gọi là Địa Lô sơn có Đức Tỳ-lô-xá-na là thượng thủ của vạn đức Văn-thù. Năm vạn chân thân như thế hai anh em, mỗi mỗi đều chiêm lễ. Mỗi ngày vào lúc sáng sớm, Đại Thánh Văn-thù đến Chân như viện, nay là Thượng Viến, biến hiện thành ba mươi sáu hình loại, có lúc hiện mặt Phật, có lúc hện hình bảo châu, có lúc hiện mắt Phật, có lúc hện tay Phật, có lúc hiện bảo tháp, có lúc hiện vạn đầu Phật, có lúc hiện vạn ngọn đèn, có lúc hiện cầu vàng ròng, có lúc hiện hình trống bằng vàng, có lúc hiện chuông vàng, hoặc có lúc hiện hình thần thông, có lúc hiện hình lầu vàng, hoặc bánh xe vàng, hoặc chày Kim Cang, hoặc hủ vàng, hoặc bông cài tóc

bằng vàng, hoặc hiện ánh sáng năm màu, hoặc viên quang năm màu, hoặc cỏ cát tường, hoặc hiện hình hoa sen, hoặc ruộng vàng, hoặc ruộng bạc, hoặc hình chân Phật, hoặc hình sấm chớp, hoặc hình từ xa đến vọt lên, hoặc hình từ đất vọt lên, hoặc hình chim phượng vàng, hoặc hình ó vàng, hoặc hình sư tử do ngựa sinh, hoặc hình chim phượng do gà sinh, hoặc hình rồng xanh, hoặc hình voi trắng, hoặc hình chim thước, hoặc hình sư tử do trâu sinh, hoặc hình heo dạo chơi, hoặc hình rắn xanh. Hai vị thường lấy nước trong động để nấu trà dâng cúng, đến đêm mỗi mỗi về am của mình để tu tập. Em của Tinh Thần Vương tranh giành vương vị nên người trong nước bèn phế bỏ, rồi sai bốn vị tướng quân vào núi nghinh đón. Đầu tiên đến trước am của Hiếu Minh tung hô vạn tuế, bấy giờ có mây năm màu che phủ các am, người trong nước theo mây mà tìm đến, sắp bày nghi vệ của Thiên tử để mời hai Thái tử về cung. Bảo Xuyên khóc lóc chối từ, nên phải rước Hiếu Minh trở về lên ngôi, cai trị nước được nhiều năm (Ký ghi: Tại vị hơn hai mươi năm rồi băng hà năm hai mươi sáu tuổi là sai lầm, tại vị chỉ mười năm. Vã lại việc em của Thần Văn tranh giành vương vị, Quốc sử không ghi nên chưa rõ), ngày mồng bốn tháng ba năm Ất Tỵ, tức niên hiệu Thần Long thứ nhất (là năm Đường Trung Tông khôi phục đế vị, cũng là năm thứ bốn đời Thánh Đức), mới trùng tu Chân Như Viện. Đích thân Đại vương dẫn bá quan đến núi, xây dựng điện đường, đồng thời đắp tượng Đại Thánh Văn-thù bằng đất để tôn thờ; sai năm vị như Tri Thức, Linh Biện... luôn luôn tụng kinh Hoa Nghiêm, kết Hoa Nghiêm xã, cúng tế vào hai kỳ Xuân Thu mỗi năm. Đồng thời trưng thu một trăm thạch lương thực, một thạch dầu ở các châu huyện gần núi để lo chi phí, và định thành thường quy. Từ viện đi về phía Tây sáu ngàn bộ đến Mâu-ni Hỗ có đất lấy củi ngoài cổ Y Hiện gồm năm trăm mẫu, rừng dẻ hai mẫu, trang viện hai mẫu. Bảo Xuyên uống nước trong linh động ấy, nên về già thân có thể bay lên hư không đến hang Chưởng Thiên, nước Úy Trân, ngoài địa phận sông Lưu Sa thì dừng trụ, chuyên tụng Tùy Cầu Đà-la-ni làm thời khóa sáng tối. Thần của hang động hiện thân nói:

- Tôi là thần coi hang động này đã hai năm, hôm nay mới nghe được chân ngôn tùy cầu, xin được thọ giới Bồ-tát. Thần thọ giới xong, hôm sau hang động cũng biến mất. Bảo Xuyên kinh dị, lưu lại hai mươi ngày rồi trở về hang Thần thánh ở Ngũ Đài. Lại tu tập đúng năm mươi năm, chư Thiên cõi Đao-lợi ba thời đều đến nghe pháp. Chư Thiên trời Tịnh Cư nấu trà cúng dường. Thường có bốn mươi vị Thánh bay lên hư không cách mặt đất mười thước hộ trì. Tích trượng của Sư mỗi ngày ba

thời phát ra âm thanh, nhiễu phòng ba vòng, lấy đó làm tiếng chuông, tiếng khánh, tùy thời tu đạo nghiệp. Bồ-tát Văn-thù rưới nước lên đỉnh đầu của Sư, thọ ký thành đạo. Ngày Bảo Xuyên sắp viên tịch đã ghi lại việc ngày sau nên làm gì để lợi ích cho đất nước: "Nơi đây là mạch núi lớn của Bạch đầu sơn, là nơi chân thân ở mỗi Đài thường niệm. Xanh là thuộc Đông Đài, cuối chân núi phía Nam Bắc Đài, dưới góc phía Bắc nên lập Quán Âm phòng, tôn trí tượng Quán Âm, đồng thời vẽ một vạn tượng Quán Âm trên thanh địa. Đặt năm viên quan lo về phước điền, ban ngày tụng tám quyển kim kinh, Nhân Vương Bát-nhã Thiên Thủ Chú, ban đêm tụng Quan Ấn lễ sám, gọi là Viên Thông xã.

Màu đỏ tại Nam Đài, phía Nam lập Địa Tạng Phòng tạo tượng Địa Tạng tôn thờ. Trên xích địa vẽ tám vị Đại Bồ-tát Thượng Thủ và một vạn tượng Địa Tạng. Đặt năm viên Phước điền Tăng, ban ngày tụng kinh Địa Tạng, Kim Cang Bát-nhã; ban đêm tụng Chiêm Sát lễ sám, gọi là Kim Cang xã.

Màu trắng tại Tây Đài, ở mặt phía Nam lập Di-đà phòng, tạo tượng Vô Lượng Thọ tôn thờ và trên Bạch địa vẽ Vô Lượng Thọ Như Lai làm thượng thủ và một vạn Đại Thế Chí, đặt năm viên Phước điền Tăng, ban ngày tụng tám quyển kinh Pháp Hoa, ban đêm lễ sám Di-đà gọi là Thủy Tinh xã.

Màu đen tại Bắc Đài, phía Nam nên lập La-hán đường, tạo tượng Thích-ca tôn thờ và trên Hắc địa vẽ Thích-ca Như Lai, làm thượng thủ năm trăm La-hán. Đặt năm Phước điền Tăng ban ngày tụng kinh Phật Báo Ân, kinh Niết-bàn; ban đêm hành Niết-bàn lễ sám, gọi là Bạch Liên xã.

Màu vàng tại Trung Đài, trong viện Chân Như tôn trí tượng Văn-thù Bất Động bằng đất, phía sau tường an trí hình vẽ Đức Tỳ-lô-giá-na làm thượng thủ và ba mươi sáu hóa thân trên Hoàng địa. Đặt năm vị Phước điền Tăng ban ngày tụng kinh Hoa Nghiêm và sáu trăm quyển Bát-nhã; ban đêm lễ sám Văn-thù, gọi là Hoa Nghiêm xã. Am Bảo Xuyên đổi thành chùa Hoa Nghiêm, tôn trí Tỳ-lô-giá-na Tam Tôn và Đại Tạng Kinh, đặt năm vị Phước điền Tăng thường xuyên đọc Đại Tạng, ban đêm tụng kinh Hoa Nghiêm thần chúng. Mỗi năm lập hội Hoa Nghiêm một trăm ngày, gọi là Pháp Luân xã, lấy chùa Hoa Nghiêm làm Bản tự của Ngũ Đài kết xã, hộ trì vững chắc, sai các vị Tăng Phước điền thanh tịnh giữ mãi hương đèn. Được như thế thì quốc vương vạn tuế, nhân dân an lạc, văn võ hòa bình, ngũ cốc được mùa. Lại lập Hạ Viện Văn-thù để làm nơi tụ hội của các kết xã, đặt bảy vị Phước điền Tăng ngày đêm thực

hành Hoa Nghiêm Thần Chúng lễ sám.

Tất cả chi phí về tứ sự... của ba mươi bảy vị Phước điềnTăng ở trên đều dùng thuế của tám châu thuộc phủ Hà Tây chu cấp. Quân vương các đời luôn tuân hành không phế bỏ thì may mắn lắm!”

***Minh Châu Ngũ Đài Sơn Bảo Sát Đồ Thái Tử truyện ký:***

Thái tử Bảo Sát Đồ của Tịnh Thần Vương nước Tân La cùng với em là Thái tử Hiếu Minh đến phủ Hà Tây tá túc một đêm tại nhà Thế Hiến Giác Can, sáng hôm sau đến Đại Lãnh, mỗi mỗi dẫn một ngàn đồ chúng đến Tỉnh Ô Bình du ngoạn nhiều ngày. Đến mồng năm tháng tám năm Đại Hòa thứ nhất anh em âm thầm vào ẩn ở Ngũ Đài sơn, thị vệ và mọi người đi theo tìm kiếm chẳng được nên đồng trở về nước.

Anh là Thái Can thấy hoa sen xanh nở ở nền Chân Như viện tại mặt Nam của Trung Đài, bèn đến đó kết thảo am ẩn cư. Người em thấy hoa sen xanh nở ở cuối chân núi phía Nam của Bắc Đài nên cũng đến đó kết thảo am ẩn cư. Hai anh em lễ sám niệm Phật tu hành, thường lên Ngũ Đài chiêm bái. Màu xanh tại núi Mãn Nguyệt Đông Đài có một vạn chân thân Quán Âm thường trụ, tại núi Kỳ Lân Nam Đài có tám vị Đại Bồ-tát làm thượng thủ của một vạn Bồ-tát Địa Tạng thường trụ; màu trắng tại núi Trường Lĩnh Tây Đài có Vô Lượng Thọ Như Lai làm thượng thủ của một vạn Bồ-tát Đại Thế Chí thường trụ; màu đen tại Tướng Vương Sơn Bắc Đài có Thích-ca Như Lai làm thượng thủ của năm trăm Đại La-hán thường trụ. Màu vàng tại Phong Lư sơn Trung Đài, cũng gọi là Địa Lư sơn có Tỳ-lô-giá-na làm thượng thủ và một vạn Văn-thù thường trụ. Tại viện Chân Như, mỗi ngày sáng tối hai lần Đại Thánh Văn-thù đến hóa hiện ba mươi sáu hình tượng. Hai vị Thái tử đồng lễ bái, đồng thời múc nước trong động nấu trà cúng dường một vạn chân thân Văn-thù. Sau người em của Tịnh Thần Vương làm Thái tử tại Tân La vì tranh giành vương vị nên bị tru diệt, do đó quần thần sai bốn vị tướng quân đến Ngũ Đài sơn, quỳ trước Hiếu Minh Thái tử tung hô vạn tuế, tức thời có mây năm màu từ Ngũ Đài hiện dài đến Tân La ánh sáng chiếu bảy ngày bảy đêm, người trong nước đều theo ánh sáng kéo đến Ngũ Đài, muốn đón hai thái tử về kinh. Bảo Sất Đồ Thái tử khóc lóc không chịu về, nên chỉ đón Hiếu Minh về nước lên ngôi, tại vị hơn hai mươi năm. Ngày mồng tám tháng ba năm Thần Long thứ nhất mới lập viện Chân Như...

Bảo Sất Đồ Thái tử thường uống nước trong động, nên nhục thân bay lên hư không đến hang động Chưởng Thiên, nước Úy Trân bên bờ

sông Lưu Sa tu đạo, rồi lại trở về hang Thần Thánh ở Ngũ Đài tu tập năm mươi năm... Ngũ Đài là mạch núi chính của Bạch Đầu sơn, là nơi chân thân của các Đài thường trụ...

***Năm hạng Thánh Chúng ở chùa Nguyệt Tinh, Đài sơn:***

*Cổ Ký của chùa ghi rằng:* Đầu tiên Pháp sư Tinh Từ đến Ngũ Đài muốn thấy được chân thân, nên kết thảo am dưới chân núi mà trụ, qua bảy ngày mà chẳng thấy nên đến núi Diệu Phạm lập chùa Tịnh Nham. Về sau có Cư sĩ Tín Hiếu, hoặc cho là hóa thân của Bồ-tát, còn gọi là Ấu Đồng, nhà ở Công châu, rất có hiếu với mẹ. Một hôm trong bữa ăn không có thịt, người mẹ chẳng chịu ăn cơm, Tín Hiếu phải vào núi rừng tìm thịt, đi nửa đường thấy có năm con hạc, Tín Hiếu bèn bắn một mũi tên, nhưng chỉ làm rơi một cái lông, Tín Hiếu nhặt lông ấy rồi che mắt mà nhìn thì thấy người người đều là súc sinh, vì thế không tìm được thịt. Nên phải cắt thịt đùi dâng mẹ. Về sau Tín Hiếu xuất gia đổi nhà làm chùa, nay là Hiếu Gia viên. Tín Hiếu từ Khánh châu đến Hà Suất, thấy người phần lớn có hình người, nên có ý muốn trụ ở đây. Lúc đi đường thấy một bà lão, bèn hỏi nơi có thể trụ được, bà lão đáp:

- Đến Tây Lĩnh có một hang động hướng về Bắc là nơi có thể trụ được!

Nói xong liền biến mất. Tín Hiếu biết là Bồ-tát Quán Âm chỉ dạy, nên đến tỉnh Ô Bình, vào nơi mà đầu tiên Từ Tạng kết thảo am để cư trụ. Một hôm bỗng có năm Tỳ-kheo đến nói rằng: “Ngài mang đến đây một tấm ca-sa, nay cất đâu rồi?”. Tín Hiếu chẳng hiểu. Năm vị Tỳ-kheo lại hỏi: “Ngài chính là người mang chiếc lông chim phải chăng?”

Tín Hiếu đưa lông chim ra, vị Tỳ-kheo bèn đặt chiếc lông chim vào chỗ bị thiếu trên chiếc ca-sa thì rất vừa vặn, thì ra đó là mãnh vải chứ chẳng phải lông chim. Xong các vị Tỳ-kheo từ biệt Tín Hiếu. Về sau mới biết năm Tỳ-kheo là năm hạng Thánh chúng hóa thân.

Chùa Nguyệt Tinh này, đầu tiên là thảo am của ngài Từ Tạng, kế đến Tín Hiếu trụ, kế đến có Tín Nghĩa đầu đà môn hạ của ngài Phạm Nhật đến lập am cư trụ. Sau cùng có trưởng lão chùa Thủy Đa có duyên đến trụ, mở rộng thành một ngôi chùa lớn.

Năm hạng Thánh chúng, trong tháp đá chín tầng đều là Thánh tích. Thầy địa lý cho rằng: Các danh sơn trong nước, thì nơi đây là bậc nhất, là nơi Phật pháp mãi hưng thịnh.

***Nam Nguyệt Sơn:*** (còn gọi là Cam Sơn Tự)

Chùa Cam Sơn nằm cách kinh thành khoảng hai mươi dặm về phía Đông Nam. Sau vầng hỏa quang của tôn tượng Di-lặc đặt tại Kim Đường ghi: "Ngày mười lăm tháng hai năm Kỷ Mùi, niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy, Trùng A San Toàn Vong Thành vì cha là Nhân Chương Nhất Cát Can, phi là Quán Tiếu Lý phu nhân mà kính tạo một pho tượng Di-lặc bằng đá chùa Cam Sơn. Đồng thời vì Khải Nguyên Y San Đệ Khẩn Thành, em là Huyền Đô Sử, chị là Cổ Ba Lý, vợ trước là Cổ Lão Lý, vợ sau là A Hải Lý, hợp cùng thứ tộc và Hán Nhất Cát San, Nhất Tràng, Tát San Thông Mẫn, Vọng Xá Muội Thủ với Trí... đồng tạo phước thiện này. Vì Vong Tỉ Tiếu Lý phu nhân, người xưa đã thành nơi Đông hải, vụt chốc đã trở về chốn an nhàn (Cổ nhân thành chi Đông Hải, du phải biện tán), (lời này chưa rõ được muốn nói ý gì, chỉ theo văn bản xưa mà ghi lại. Đoạn sau cũng giống như thế).

***Sau vầng hỏa quang của Đức Di-đà Phật có ghi:***

Trùng A San Kim Chí Toàn, từng dâng áo mũ cho vua, lại giữ chức Thị lang, đến năm sáu mươi bảy tuổi thì cáo lão nhàn cư, phụng vì Quốc Chủ Đại Vương Y San Khởi Nguyên, cha là Nhân Chương Nhất Cát Can, vong phi, vong đệ, tiểu xá Lương Thành, Sa-môn Huyền Độ, vong thê Cổ Lộ Lý, vong muội Cổ Ba Lý; lại vì vợ là A Hảo Lý... mà dâng điền trang Cam Sơn để lập Già lam và tạo một pho tượng Di-Đà bằng đá. Phụng vì vong khảo là Nhân Chương Nhất Cát Can, người xưa đã thành nơi Đông hải, bỗng chốc trở về chốn an tĩnh (cổ nhân thành chi Đông hải, du phản biên tán).

(Theo phổ hệ của Vương thì Khải Nguyên là thái tử Khải Nguyên Giác Can, em của Thái Tông Xuân Thu, do Trượng Hy sinh ra. Thành Chí Toàn là con của Nhân Chương Nhất Cát Can. Nói Đông Hải Du Phản e rằng đó là nói Pháp Mẫn táng tại Đông Hải).

***Chùa Thiên Long:***

Phía Nam của Nam sơn ở Đông đô có một ngọn núi cao vút, tục gọi là Cao Vị Sơn, phía Nam của núi có một ngôi chùa, người trong làng gọi là Cao Tự, hoặc gọi là Thiên Long Tự. Thảo Luận Tam Hàn Tập ghi: Trong nước Kê Lâm có hai con sông khách và một con sông nghịch. Hai con sông này nếu không trấn áp được lửa trời, thì dẫn đến Thiên Long bị ngập chìm. Tục truyền rằng Nghịch Thủy là sông Nam lưu ở thôn Mã Đẳng Ô, phía Nam Giả châu. Nguồn của sông này ở chùa Thiên Long. Sứ Trung Quốc là Nhạc Bằng Quy đến thấy và nói rằng:

"Nếu phá chùa này, không bao lâu sẽ vong quốc!".

Tương truyền xưa có một Đàn-việt sinh được hai người con gái tên là Thiên Nữ và Long Nữ. Cha mẹ vì hai người con gái mà lập chùa, nên chùa có tên Thiên Long, cảnh chùa dị thường là nơi trợ giúp việc tu đạo, nhưng cuối thời đại Tân La chùa đã bị tàn phá. Thôi Ân Hàm con của Đại Thánh chùa Chúng Sinh sinh ra Thừa Lỗ, Lỗ sinh ra Túc, Túc sinh ra Thị Trung Tề Nhan. Tề Nhan trùng tu ngôi chùa đã hoang phế, lập đạo tràng Thích-ca Vạn Nhật. Vâng chiếu chỉ của triều đình, lại có tín thư, nguyện văn còn được lưu giữ ở chùa. Tín thư lược ghi:

Đàn-việt là nội sử thị lang đồng với môn hạ của nội sử là Bình Chương Sự Trụ Quốc Thôi Tề Nhan dâng trạng rằng: Chùa Thiên Long ở núi Cao Vị tại kinh đô bị đổ nát đã lâu, đệ tử chỉ vì chúc thánh thượng thọ như đất trời, nhân dân được an thái nên nay mới trùng tu điện đường phòng xá, lầu gác kho lẩm đồng thời tạo vài tôn tượng Phật để thờ phụng, mở đạo tràng Thích-ca Vạn Nhật. Đã vì nước tu sửa, quan gia định đặt chủ trì thì cũng có thể được. Nhưng gặp lúc thời đại đổi thay, tông chúng trong chùa không được an tâm; ghé mắt nhìn xem các chùa viện được ban cấp đủ ruộng nương như chùa Địa Tạng ở Côn sơn hai trăm mẫu, chùa Đạo Tiên ở Tỳ Sắt sơn hai mươi mẫu, Tứ Diện sơn tự ở Tây kinh, mỗi mỗi có hai mươi mẫu, tất cả đều không luận là có chức hay không có chức, mà chỉ cần tuyển chọn bậc tài đức cao vời, giới hạnh tinh nghiêm, được trọng vọng trong chúng, kế thừa trụ trì, tu tập để làm pháp tắc muôn đời, đệ tử nghe phong cách mà hoan hỷ.

Đối với chùa Thiên Long ta đây cũng nên từ trong xã chúng tuyển chọn một vị Đại đức gồm đủ đức tài làm rường cột, định người chủ trì hằng giữ việc tu tập. Ghi chép đầy đủ trong văn thư giao cho Cương Ti. Người chủ trì hôm nay là đời thứ nhất.

Chuyển thư trình lên quan Lưu Thú đồng thời thông báo cho tất cả mọi người trong Đạo tràng được biết.

Ngày sáu tháng sáu niên hiệu Trùng Hi thứ chín, đã ký.

Xét năm Trùng Hi là niên hiệu của Hưng Tông nước Khiết Đan, nhằm năm Canh Thìn, tức năm thứ bảy đời Tỉnh Tông của bản triều.

***Điện Di-đà chùa Mâu Tạng:***

Phía Bắc thôn Ám Cốc cách Kinh thành khoảng hai mươi dặm về Đông bắc có chùa Mâu Tạng do cha của Nguyên Thánh Đại Vương đời 38 là Đại A Can Hiếu Nhương truy phong Minh Đức Đại Vương, vì truy tiến thúc phụ Ba Trận Tự mà sáng lập. Hang động rất kỳ tuyệt, giống

như đẻo gọt thành, khung cảnh mờ ảo diệu kỳ, làm người tự sinh tâm rỗng lặng. Thật là một linh địa lắng tâm vui đạo. Phía trên chùa có điện Di-đà thời xưa do Quế Hoa vương hậu của Chiêu Thành (Thánh) Đại Vương vì đại vương qua đời trước, một mình trong cung huy hoàng tráng lệ, nên vô cùng sầu khổ, rơi máu lệ, xót tâm can. Bà suy nghĩ muốn vì đại vương mà cầu minh phước, nghe nói Tây phương có Đại Thánh Di-đà, nếu ai chí thành quy ngưỡng, thề sẽ dùng phương tiện khéo léo cứu độ, nghinh tiếp. Đây là lời chân thật, há có dối ta ư? Do đó bà xả bỏ trang phục tốt đẹp, dốc hết tài sản của chín phủ, sai các thợ giỏi, tạo một tôn tượng Di-đà và các thần chúng để tôn thờ. Đầu tiên chùa này có một lão Tăng, một hôm nằm mộng thấy một chân nhân ngồi trên gộp đá phía Đông nam thạch tháp, hướng về Tây thuyết pháp cho đại chúng nghe, ý nói đất này ắt là nơi trụ của Phật pháp, nhưng giữ kín không nói cho mọi người biết.

Nơi đây toàn là núi đá hiểm trở, khe suối cách ngăn, các người thợ không để ý đến, và đều cho là không tốt. Đến khi khai dọn đất đai thì mới được một khu vực bằng phẳng có thể xây dựng chùa viện, giống hệt như đất thần, người thấy đều khen là tốt. Đến gần đây điện đường đều bị sụp đổ chỉ còn một ngôi chùa. Tương truyền sau khi Thái Tông thống nhất Tam Hàn thì thường cất giữ binh khí, mâu thương trong cốc, nên có tên như thế.

***Thạch tháp Xá-lợi ở chùa Bá Nghiêm:***

Ngày hai mươi chín tháng mười năm Bính Ngọ, niên hiệu Khai Vận thứ ba Khang Chân Giới Nhậm Đạo Đại Giám Trụ Thiếp ghi: Bá Nghiêm Thần tự tọa lạc tại huyện Thảo Bát (nay là Thảo Khê). Tăng Khản Du Thượng Tòa của chùa này ba mươi chín tuổi nói rằng về khởi đầu của chùa này thì chẳng biết, nhưng theo xưa truyền, vào thời tiền Tân La, Bắc Trạch cúng nền nhà để làm chùa, sau đó bị hoang phế một thời gian lâu. Đến năm Bính Dần, Hòa thượng Sa Mộc Cốc Dương Phù trùng tu và tu trì, ngài thị tịch năm Đinh Sửu. Năm Ất Dậu Cạnh Nhưởng Hòa Thượng ở Hy Vương Sơn đến trụ mười năm, đến năm Ất Mùi thì trở về Hi Dương. Bấy giờ lại có Thần Trác Hòa Thượng từ Bạch Nham Tẩu ở Nam Nguyên đến viện như pháp trụ trì. Lại đến tháng giêng năm Hàm Ủng thứ nhất, vị trụ trì đương thời là Đắc Áo Vi Định Đại Sư Thích Tú Lập đặt mười điều làm thường quy cho viện, tạo lập thạch tháp năm tầng bằng đá, tôn trí bốn mươi hai viên xá-lợi chân thân của Phật. Như đều dùng tư tài lập bảo vật cúng dường hằng năm; đều lập bảo vật cúng

dường ba vị minh thần hộ Pháp kinh Tăng bậc nhất của chùa là Nghiêm Hân, Bá Hân và Cận Khâu (truyền rằng Nghiêm Hân và Bá Hân đổi nhà thành chùa, do đó chùa tên là Bá Nghiêm, sau làm thần hộ pháp); điều cúng dường gạo trong bát gỗ vào ngày mồng một hằng tháng trước tượng Dược Sư ở Kim đường... không ghi hết.

***Chùa Linh Thứu:***

*Cổ ký chùa ghi:* Đời thứ hai mươi mốt là Chủ Thần Văn Vương, chân cốt của Tân La, vào năm Quý Mùi, niên hiệu Vĩnh Thuần thứ hai (bản văn ghi thứ nhất là sai), một hôm Tể tướng Trung Nguyên Công tắm rửa ở Ôn tỉnh Trường sơn quốc (tức huyện Đông Lai) trở về thành, đến rừng Đông Chỉ_ Khuất Tỉnh dịch nghỉ ngơi, bỗng thấy một người thả chim ưng đuổi chim trỉ, trỉ bay đến Kim Khâu thì không còn thấy tung tích, chỉ nghe theo tiếng linh mà tìm, đến bên giếng Bắc của huyện quan Khuất Tỉnh thì chim ưng đậu trên cây, trỉ nấp trong giếng, nước giếng lẫn màu máu. Trỉ mở chiếc cánh phía Tây ôm lấy hai con chim con, chim ưng thấy vậy khởi lòng thương xót chẳng dám cướp lấy. Công thấy thế cũng cảm động, hỏi Bốc sư nói đất này có thể lập chùa. Sau khi về kinh, Công tâu lên Vương, dời huyện này đến nơi khác và lập chùa tại nơi đây, đặt tên là Linh Thứu tự.

***Chùa Hữu Đức:***

Đại Phu Giác Can Thôi Hửu Đức của Tân La dùng phủ đệ của mình làm chùa, đặt tên là Hữu Đức tự. Đến đời cháu là Thôi Ngạn Vi, một công thần của Tam Hàn tôn trí chân ảnh và lập bia.

Thạch Tháp Ký chùa Văn-thù ở Ngũ Đài sơn

Thạch tháp bên sân do người Tân La sáng lập. Tạo hình tuy thuần phác chẳng tinh xảo, nhưng lại rất linh ứng, không thể ghi hết. Trong đó có một việc nghe các cụ già kể lại rằng: Khi xưa ở huyện Liên Cốc, người dân đều dùng thuyền đánh cá ở ven biển, một hôm bỗng thấy bóng một ngôi tháp cứ chuyển theo thuyền, các loài thủy tộc vừa thấy bóng của tháp liền bơi tứ tán, vì thế ngư dân không bắt được con nào. Không nén được lòng tức giận, ngư dân tìm đến chỗ tháp này, cùng nhau đập phá rồi bỏ đi. Vì thế nay bốn góc của tháp đều bị khuyết. Tôi nghe việc này kinh ngạc than thở không thôi. Nhưng lạ một điều là tháp đặt hơi chếch về Đông, mà chẳng chánh giữa. Bấy giờ nhìn lên thấy treo một tấm bảng đề là: Tỳ-kheo Xử Huyền từng trụ nơi đây. Bèn dời đặt ở giữa sân, thì trong hai mươi năm không có một điềm linh ứng. Cho

đến một ngày kia Cầu Cơ đến đây than rằng: Giữa sân chẳng phải là nơi đặt tháp, sao chẳng dời đi? Bấy giờ chúng Tăng mới tỉnh ngộ, di chuyển về nơi cũ, chính là vị trí tháp bây giờ.

Tôi vốn chẳng thích những việc kỳ quái, nhưng thấy oai thần của Phật nhanh chóng hiện thần tích để làm lợi ích chúng sinh như thế, là Phật tử há có thể im lặng không nói ư?

Ngày mười tháng mười năm Bính Tý, niên hiệu Chánh Phong thứ nhất, Bạch Vân ghi.

■

# TAM QUỐC DI SỰ

## QUYỂN 4

## MÔN 5: NGHĨA GIẢI

***Viên Quang sang Trung Quốc cầu học:***

*Đường Tục Cao Tăng truyện mười ba ghi:* Tăng Thích Viên Quang chùa Hoàng Long ở Tân La họ Phác, vốn trụ Tam Hàn là Biện Hàn, Thần Hàn và Mã Hàn, Quang là người Thần Hàn. Gia đình ở Hải Đông, kế thừa tập ấm nhiều đời của Tổ tông. Quang có thần khí khôi vĩ, ưa thích văn chương, theo đuổi huyền nho, nghiên tầm kinh sử. Tuy tài hoa bậc nhất ở Tam Hàn, mà sức uyên bác còn thẹn với trung thổ. Do đó đoạn dứt tình thân bằng, phát chí cao rộng. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đi thuyền đến Kim Lăng, gặp đời Trần, tự hiệu là Văn Quốc, nên được thưa hỏi những điều nghi từ trước, học tập các ý nghĩa rốt cùng. Đầu tiên nghe đệ tử của Trang Nghiêm Mân Công giảng kinh, thì các sách thế gian đã học mà Sư cho là lý đã cùng tận, đến nay khi nghe đến Thích Giáo, thì trái lại đồng như cỏ mục, luống uổng bao công theo danh giáo, thật kinh sợ thế trần. Do đó Sư bèn tâu Trần Đế xin được trở về với Đạo pháp, Đế ban sắc chấp thuận. Không bao lâu Sư thế phát xuất gia, rồi liền thọ Cụ túc giới, đi khắp các đạo tràng, thấu rõ được ý sâu xa, thông đạt các lời vi diệu, chẳng lìa quang cảnh, nên được yếu chỉ của Thành Thật, Niết-bàn, nghiên cứu tất cả thích, luận trong Tam Tạng. Cuối cùng Sư đến núi Hổ khâu ở đất Ngô ẩn tu, bấy giờ niệm định nương nhau, chẳng quên giác quán, dứt bặt các tâm, kết am nơi lâm tuyền; nghiên cứu bốn A-hàm, công phu chuyên nơi bát định. Rõ biết dạy thiện thì dễ hành trì, còn chỉ thẳng thì khó nắm bắt, lại xứng hợp được túc tâm, nên có chí ẩn suốt đời. Do đó bặt dứt việc người, dạo chơi nơi thánh tích, nhiếp tâm rỗng lặng, xa lánh suốt đời. Bấy giờ có một Tín sĩ sống nơi chân núi thỉnh Sư ra thuyết giảng, kiên quyết chối từ nhưng không được. Vì khổ công nài thỉnh nên phải thuận ý. Đầu tiên Sư giảng Thành Thật sau cùng lại diễn Bát-nhã, tất cả đều có những

kiến giải thấu triệt, tiếng tăm vang xa. Đồng thời khéo dùng văn từ hoa mĩ, tổng gom từ nghĩa khiến người nghe vui mừng đạt được tâm yếu. Từ đó tuân theo phép tắc của người xưa lấy việc giáo hóa làm nhiệm vụ. Mỗi khi pháp luân vừa khởi động, thì bỗng chốc pháp vị tuôn khắp sông hồ; tuy truyền bá khắp dị quốc nhưng đều được tắm gội đạo màu, nên chóng trừ các hiềm khích. Do đó danh vang khắp quốc nội, tiếng truyền đến ngoại biên. Người học gian khổ tìm đến đông vô kể. Lại được Hoàng hậu nhà Tùy ngự giá đến giảng trường, nên oai phong càng vang Nam quốc.

Nhưng cuối đời nhà Tùy, quân vào Dương đô, Sư bị loạn binh bắt sắp gia hình, bỗng Đại chủ tướng từ xa thấy chùa tháp bị lửa thiêu nên nhanh đến cứu chữa; đến gần tuyệt nhiên chẳng thấy cháy, chỉ thấy Sư bị trói trước tháp sắp hành hình, Tướng quân lấy làm lạ, liền ra lệnh phóng thích. Đó là Sư sắp gặp nguy ách mà cảm ứng như thế. Sư học thông Đạo ở Ngô Việt, liền muốn giáo hóa ở Chu, Tần. Do đó năm Khai Hoàng thứ chín, Sư đến Đế kinh, gặp lúc Phật pháp mới hội nhập, Nhiếp Luận vừa hưng khởi, Sư liền mang văn tài ra để chấn hưng công nghiệp cao đẹp của người xưa; dùng tuệ giải để tuyên dương đạo màu khắp chốn. Công nghiệp đã thành, Đạo nơi Đông Hải cần kế tục. Người trong nước xa nghe, dâng biểu thỉnh cầu; có sắc chỉ ban thưởng và hỏi thăm, đồng được cho về cố quốc. Sư qua lại nhiều năm, nên khi trở về già trẻ đều mừng rỡ. Quốc vương Tân La họ Kim gặp mặt, chí thành kính ngưỡng, xem như Thánh nhân. Sư vốn tính rỗng lặng, mà tình thương đồng khắp, khi nói miệng thường mĩm cười, không bao giờ sân hận. Nhưng dâng biểu, khải thư, đối đáp vì quốc mệnh thì lời nói xuất phát từ tâm can. Bất cứ việc gì cũng hết lòng tuân phụng, chỉ bày cho Vương về các phương cách trị thế, han hỏi về việc hóa đạo. Về sự, thì khác với hàng công khanh, về tình thì đồng chăm lo việc nước. Sư thường tùy cơ để giáo hóa, làm mô phạm cho đời. Đến lúc tuổi cao, được phép ngồi xe vào cung cấm, y thực thuốc men đều tự tay Quốc vương lo hết, không cho ai giúp đỡ. Dùng phước đức hi hữu, khiến người cảm kích kính ngưỡng là như thế. Trước khi Sư thị tịch, đích thân Vương đến nhận lãnh lời phó chúc di pháp, đồng thời nói về việc cứu giúp nhân dân, ban bố sự an lành khắp Đông Hải. Vào năm Kiến Phước năm mươi tám, Sư cảm thấy không khỏe, trải qua bảy ngày khẩn thiết chỉ dạy rồi ngồi yên thị tịch tại chùa Hoàng Long, thọ chín mươi chín tuổi, nhằm vào niên hiệu Trinh Quán thứ tư (đúng là thứ mười bốn). Lúc thị tịch, có tiếng nhạc vang trong hư không phía Đông bắc chùa, mùi hương lan tỏa

khắp viện, đạo tục vừa buồn vừa vui, biết sự linh cảm của Sư, an táng ở ngoại thành. Nghi thức và vật dụng an táng đồng như Quốc vương.

Về sau có thai nhi chết, phong tục nước này cho rằng: "Nếu chôn thai nhi nơi mộ người có phước đức thì dòng dõi đời đời chẳng tuyệt", do đó người ấy mới lén tự chôn bên phần mộ của Sư. Ngay ngày ấy sét đánh bật xác thai nhi chết ra khỏi mộ. Do đó chẳng làm mất lòng sùng ngưỡng của người đã tôn kính.

Sư có đệ tử là Viên An là bậc có thần trí, căn cơ thông lợi, tánh ưa sự lịch lãm, mến mộ Sư tìm cầu học hỏi, nên lên đến Cửu Đô, xuống phương Đông xem mà chẳng vừa ý, lại về Tây đến Yên Ngụy, sau lại đến Đế kinh, thông thạo tất cả phong tục địa phương, tìm học tất cả kinh luận, nắm vững đại cương, thấu suốt chỉ thú. Về già Viên An trở về định học, nêu cao phép tắc soi sáng thế trần. Đầu tiên trụ tại kinh đô, đạo tục đều nghe danh tiếng, được tiến cử lên Tiêu Vũ tâu thỉnh trụ chùa Tân Lương do Giám Điền xây dựng, cung cấp tứ sự sáu thời chẳng thiếu. Viên An từng nói về thầy của mình như sau: Quốc vương ta có một lần bị bệnh nặng, tất cả ngự y chữa trị đều chẳng thuyên giảm, bèn thỉnh ngài Viên Quang vào cung, an trí tại một nơi riêng biệt, một đêm phân làm hai thời thuyết pháp sâu xa, thọ giới sám hối. Vương tin thuận. Một hôm, vào lúc đầu đêm Vương thấy trên đầu của ngài Viên Quang có tỏa ánh sáng màu vàng ròng, mặt trời tùy thân mà đến. Vương hậu và các cung nữ ở hậu cung đều thấy, do đó càng phát tâm thù thắng; ánh sáng lưu lại phòng bệnh của Vương, không bao lâu thì bệnh của Vương thuyên giảm.

Ngài Viên Quang truyền bá chánh pháp thạnh hành ở vùng Thần Hàn và Mã Hàn, mỗi năm đều giảng hai lần: Khéo giúp thành tựu cho hàng hậu học. Nhưng của cải cúng dường, Sư đều dùng để tạo chùa viện. Còn riêng Sư chỉ có y bát mà thôi (chép tại hòm chữ Đạt).

Lại có Cổ bản cất giữ tại nhà An Dật Hộ Trưởng Trinh Hiếu ở Đông Kinh thì truyền ghi rất khác lạ về Viên Quang Pháp Sư truyện ghi:

Pháp sư họ Tiết, người Kinh đô, đầu tiên học Phật pháp đến năm ba mươi tuổi nghĩ đến việc sống an tĩnh tu đạo, một mình trụ tại núi Tam Kỳ. Bốn năm sau có một Tỳ-kheo đến gần đó lập tịnh thất trụ được hai năm. Tỳ-kheo là người cương mãnh, thích tu chú thuật. Một hôm Pháp sư đang ngồi một mình tụng kinh, bỗng nghe có tiếng nói rằng:

- Lành thay! Lành thay! Sự tu hành của ngài! Phàm người tu hành tuy đông, mà hành trì như pháp thì rất ít. Nay thấy Tỳ-kheo sống bên

cạnh đây, chỉ chuyên tu chú thuật mà không có sở đắc, gây ồn náo não loạn trụ xứ an tĩnh của người, lại còn chướng ngại đường đi của ta, mỗi khi ta qua lại nơi đây, hầu như muốn khởi ác tâm. Pháp sư hãy vì ta mà báo với Tỳ-kheo ấy nên dời đi nơi khác, nếu ở đây lâu, sợ rằng bỗng nhiên ta tạo tội nghiệp!

Sáng hôm sau Pháp sư đến nói với vị Tỳ-kheo rằng:

- Đêm qua tôi nghe Thần nhân bảo rằng ngài nên dời đi nơi khác, nếu chẳng nghe thì sẽ có tai họa!

Vị Tỳ-kheo đáp rằng:

- Người tu hành chí thiết thường bị ma đến mê hoặc, sao Pháp sư lại lo sợ bởi lời của loài ma quỷ?

Đêm ấy Thần nhân lại đến hỏi rằng:

- Việc ta nói đêm qua, Tỳ-kheo kia trả lời thế nào? Pháp sư sợ thần nhân nổi giận nên đáp rằng:

- Rốt cuộc cũng chưa nói xong, nếu dùng lời mạnh mẽ, thì Tỳ-kheo kia đâu dám chẳng nghe!

Thần nhân nói:

- Ta đã nghe hết rồi, Pháp sư đâu cần phải nói thêm, chỉ nên im lặng xem ta làm đây.

Nói xong liền đi, trong đêm ấy bỗng nhiên phát ra một tiếng nổ rất lớn như sấm. Sáng hôm sau thấy núi lở chôn vùi tinh thất của vị Tỳ-kheo kia. Thần nhân lại đến hỏi rằng:

- Pháp sư thấy thế nào?

Pháp sư đáp:

- Trông rất kinh sợ!

Thần nhân nói rằng:

- Ta đã ba ngàn tuổi, thần thuật rất mạnh, đây chỉ là việc nhỏ, đâu có gì phải sợ. Việc mai sau có gì mà ta chẳng biết, chuyện trong thiên hạ, không gì mà ta chẳng thông. Nay ta nghĩ rằng Pháp sư trụ nơi đây thì tuy có hạnh tự lợi, nhưng không có công đức lợi tha, hiện tại chẳng hiểu được cao danh, mai sau không chứng được quả thù thắng. Pháp sư nên sang Trung Quốc học đạo để trở về dẫn dắt quần mê nơi Đông Hải.

Pháp sư đáp:

- Sang Trung Quốc học đạo là sở nguyện của tôi, ngặt vì biển lớn cách ngăn, không thể tự qua được mà thôi!.

Thần nhân liền chỉ bày rõ ràng về phương kế sang Trung Quốc. Pháp Sư y theo lời sang Trung Quốc, ở lại tu học mười một năm, làu thông Tam Tạng, đồng thời học cả Nho thuật.

Năm Canh Thân, nhằm năm hai mươi hai đời Chân Bình Vương (Tam Quốc Sử ghi: Sang năm Tân Dậu sứ đến, Sư theo sứ thần Tân La vào triều cống Trung Quốc mà trở về bản quốc. Sau đó Sư muốn tạ ơn thần, nên đến Tam Kỳ sơn tự, nơi đã trụ khi xưa. Đêm ấy Thần đến gọi tên Pháp sư và hỏi rằng:

- Trong khi qua lại trên biển lớn hay trên đất liền như thế nào?

Pháp sư đáp:

- Nhờ ân to lớn của Thần nên đi, về đều được bình an!

Thần nói:

- Ta cũng xin thọ giới nơi Pháp sư, đồng thời kết hẹn đời đời cứu giúp nhau!

Pháp sư lại nói:

- Có thể thấy được chân dung của Thần chăng?

Thần đáp:

- Nếu Pháp sư muốn thấy hình Ta, sáng ngày mai nhìn về chân trời hướng Đông.

Sáng hôm sau Pháp sư nhìn thấy một cánh tay xuyên qua mây tiếp đến chân trời. Ban đêm thần lại đến hỏi rằng:

- Pháp sư thấy cánh tay của ta chăng?

Pháp sư đáp:

- Thấy rồi! Rất kỳ tuyệt, khác thường.

Nhân đó tục gọi là Tý Trường Sơn. Thần nói:

- Tuy có thân này, nhưng cũng không tránh khỏi sự nguy hại của vô thường. Vì thế không bao lâu ta sẽ xả thân ở núi này, xin Pháp sư đến tiễn đưa vong hồn ta vĩnh viễn đi xa, đợi ngày ước hẹn sẽ đến thăm. Sau đó Sư thấy một con chồn đen như than chỉ còn thoi thóp, bỗng chốc thì chết.

Lúc Pháp sư mới từ Trung Quốc trở về, tất cả quần thần trong triều đều kính trọng tôn làm thầy. Sư thường giảng các kinh điển Đại Thừa. Bấy giờ Cao Ly, Bách Tế, thường xâm phạm biên cương, Quốc vương rất lo sợ, muốn xin binh của nhà Tùy (nên viết là Đường), nên thỉnh Sư soạn bài biểu xin viện binh. Hoàng đế liền thân chinh dẫn ba mươi vạn quân phạt Cao Ly. Từ đó mới biết Sư còn gồm thông Nho thuật. Sư thị tịch năm tám mươi tư tuổi, an táng phía Tây thành Minh hoạt.

***Tam Quốc Sử Liệt Truyện ghi:***

Hiền Sĩ Quý Sơn người Sa Lương Bộ kết bạn với Trửu Hạng là người cùng làng. Hai người nói với nhau rằng: “Chúng ta hẹn cùng đi

với các sĩ nho, nếu trước không chánh tâm giữ thân, thì e rằng không tránh khỏi bị sĩ nhục, nay cần phải hỏi đạo nơi Hiền giả mới được!"

Bấy giờ nghe nói có Viên Quang Pháp sư vừa từ Tùy trở về đang trụ tại Gia Sắt Giáp (hoặc gọi là Gia Tây, Gia Tê đều là phương ngôn. Giáp tục gọi là Cổ Hộ, nên gọi là Cổ Hộ tự là Giáp tự. Nay cách chùa Vân Môn khoảng chín ngàn bộ về phía Đông của Gia Tây Hiên, hoặc gọi Gia Sắt Hiện. Động phía Bắc của Gia Tây Hiện có nền cũ của chùa này), hai người bèn đến cửa thưa rằng:

- Hàng tục sĩ ngu muội chúng tôi không có tri thức, xin ban cho một lời để làm lời răn nhắc suốt đời!

Ngài Viên Quang nói rằng:

- Phật giáo có giới Bồ-tát, nếu phân biệt thì gồm mười điều, các vị là hàng thường nhân e rằng chẳng kham nhận được. Nay ta nói năm giới thế tục là: Một là trung với Vua, hai là hiếu với cha mẹ, ba là giữ tín với bạn bè, bốn lâm trận không được thoái lui, năm là sát sinh có chọn lựa, các vị nên siêng năng thực hành!

Hai người thưa rằng:

- Những điều khác thì đã vâng lãnh nhưng nói sát sinh có chọn lựa thì chưa được hiểu.

Ngài Viên Quang nói:

- Trong một năm có sáu kỳ trai là các tháng mùa xuân và mùa hạ không được sát sinh, đó là chọn thời; các loại súc vật dùng sai khiến như trâu, bò, gà, chó... không được giết; các con vật bé nhỏ, cho rằng không được một miếng thịt, đó là chọn vật; cũng nên tùy theo nhu cầu, không được đa sát. Như trên là giới thiện của thế tục.

Quý Sơn... thưa:

- Từ nay về sau chúng tôi xin giữ trọn vẹn, không dám quên sót.

Về sau hai người gia nhập quân binh, lập được công lớn cho quốc gia. Mùa thu năm Quý Dậu, niên hiệu Kiến Phước ba mươi (tức năm thứ ba mươi lăm đời Chân Bình Vương), Sứ nhà Tùy là Vương Thế Nghi sang, lập đạo tràng trăm tòa tại chùa Hoàng Long, thỉnh các đại đức cao tăng thuyết kinh. Ngài Viên Quang là bậc thượng thủ. Thế Nghi nói:

- Từ khi Nguyên Tông hưng khởi pháp đến nay tuy bến bờ mới lập mà chưa đặt ra bí pháp. Vì thế nên dùng pháp quy giới và sám hối để khai ngộ quần mê!

Vì vậy ngài Viên Quang về trụ xứ của mình tại Gia Tê Giáp dùng Chiêm Sát Bảo làm phép tắc hằng thường. Bấy giờ có một Đàn-việt nữ dâng nạp ruộng vào Chiêm Sát Bảo. Tức một trăm mẫu ruộng ở quận

Đông bình ngày nay.

Theo sử sách còn để lại, ngài Viên Quang tánh thích rỗng lặng, miệng nói thường mĩm cười, không bao giờ lộ sắc giận. Lúc tuổi đã cao, được phép ngồi xe vào cung. Bấy giờ các bậc anh tài, hàng đức nghĩa trong nước, không có ai dám đứng trên Sư. Văn tài của Sư trác tuyệt, khuynh loát cả một góc trời. Sư thị tịch vào năm Trinh Quán, thọ hơn tám mươi tuổi, tháp thờ được xây tại chùa Kim Cốc, núi Tam Kỳ (nay là Nam Động ở phía Tây An Khang, cũng thuộc phía Tây của Minh Hoạt).

*Đường truyện ghi:* Thị tịch ở chùa Hoàng Long ( ) thì chưa rõ ở đâu, nghi là Hoàng Long ( ) mà viết lầm. Giống như Phấn Hoàng ( ) mà viết là Vương Phấn ( ). Căn cứ theo Đường truyện và Hương truyện ở trên thì có họ Phác họ Tiết, xuất gia ở Đông ở Tây giống như nói về hai người. Vì chưa dám quyết định, nên ghi cả hai thuyết nhưng các truyện ký ở trên không ghi các việc Thước Áp, Ly Mục và Vân Môn, mà người trong nước là Kim Thiểm Minh lầm dùng lời truyền tụng rồi nhuận văn ghi truyện sư Viên Quang hợp với sự tích Tổ Bảo Nhưỡng Khai Sơn Vân Môn tự làm một truyện. Về sau người soạn Hải Đông Tăng Truyện lại theo sự lầm lẫn này mà sao chép vào. Cho nên người thời bấy giờ có nhiều nghi hoặc. Nhân luận đến việc này nên ghi lại đầy đủ văn của hai truyện, không thêm bớt một chữ.

Vào đời Trần, Tùy, ở Hải Đông rất ít người hỏi về đường biển, dẫu có thì cũng còn chưa thịnh hành. Sau ngài Viên Quang thì người sang Trung Quốc tham học kế tục ngày càng nhiều. Như thế ngài là người mở đường vậy. Tóm rằng:

*Mở đường hàng hải sang đất Hán*
*Bao người qua lại rót hương thơm*
*Năm xưa lưu dấu nơi non thẳm*
*Gia Tây, Kim Cốc, việc từng nghe.*

***Cây lê của ngài Bảo Nhưỡng:***

Thích Bảo Nhưỡng Truyện không ghi tộc họ và quê quán của Sư, nhưng xét sổ bộ ở Thanh Đạo quận thì có ghi rằng: Mồng một tháng giêng năm Quý Dậu, niên hiệu Thiên Phước thứ tám (năm hai mươi sáu đời Thái Tổ), Lý Thẩm Sứ Thuận Anh, Đại Nải, Mạt Thủy Văn của Thanh Đạo quận gởi công văn ghi rằng: Vân Môn Sơn Thiền Viện Trường Sinh Nam A Ni Cổ, Đông Gia Tây Hiện... Đồng Tẩu Tam Cương Điển Chủ Bảo Nhưỡng Hòa Thượng, Viện chủ Huyền Hội Trưởng Lão,

Trinh Tọa Huyền Lưỡng Thượng Tòa Trực Tuế Tín Nguyên Thiền Sư (công văn trên là căn cứ theo Đô Điền Tướng Truyện của Thanh Đạo quận).

Năm Bính Ngọ niên hiệu Khai Vận thứ ba, gởi một đạo công văn về Trường Sinh Tiêu Tháp của Vân Môn Sơn Thiền Viện rằng: Trường Sinh gồm mười một A Ni Cổ, Gia Tây Hiện, Mẫu Hiện, Tây Bắc Mãi Hiện (còn gọi là Diện Tri Thôn), Bắc Trư, Túc Môn...

Năm Canh Ngọ, Phủ Tấn Dươu gởi công văn cho Án Sát Sứ năm Đạo rằng: Tự Viện Thiền, Giáo ở các Đạo mới sáng lập nên ghi ngày tháng năm, hình thức, nơi chốn khi kiểm xét thành lập sổ bộ thì khiến Đông Kinh làm thư ký còn Lý Thiện kiểm tra việc ghi chép.

Tháng chín năm Tân Tỵ, niên hiệu Vương Phong thứ sáu (niên hiệu của nhà Kim, nhằm năm mười sáu đời Nghị Tông của Tân La), bấy giờ Tỳ Bổ Ký của Cổ Tịch trong quận đã căn cứ theo tin tức của các quan tiền nhiệm là Phó Hộ Trưởng Ngữ Hối, Phó Úy Lý Tắc, Trinh Hộ đã ghi ở trên thuộc quận Thanh Đạo và các lời tục truyền đã ghi chép, đồng thời theo lời kể của Thượng Hộ Trưởng về hưu Kim Lương Tân, Hộ Trưởng về hưu Mân Dục, Hộ Trưởng Đồng Chánh Y, Ứng Tiền Kỳ, Nhân Trân Kỳ và đương thời Thượng Hộ Trưởng Dụng Thành. Bấy giờ Thái Úy Lý Tư Lão, Hộ Trưởng Lượng Tân đã tám mươi chín tuổi, các người còn lại đều đã trên bảy mươi, Dụng Thành thì cũng trên sáu mươi tuổi... Từ thời Tân La đến nay, các tự viện của quận này từ Thước giáp trở xuống là các tự viện bậc trung và tiểu. Trong thời kỳ Tam Hàn bị loạn lạc thì Đại Thước giáp, Tiểu Thước giáp, Sở Bảo giáp, Thiên Môn giáp, Gia Tây giáp đều bị hư hoại; năm Giáp này quy gom về Đại Thước Giáp. Tổ Sư Tri Thức (trên ghi là Bảo Nhưỡng) từ Đại Quốc truyền pháp đến, trên đường trở về, lúc đi trong biển Tây (Tây Hải) Long vương xuất hiện thỉnh xuống Long cung giảng kinh, Long vương cúng dường Ca sa Kim Lan và cho một người con tên là Ly Mục theo làm thị giả, đồng thời dặn rằng:

- Thời nay Tam Quốc loạn lạc, chưa có một bậc quân chủ nào quy y Phật pháp, nếu ngài cùng với con của ta trở về Thước Giáp của bản quốc lập chùa mà trụ thì có thể tránh được giặc, có lẽ cũng không quá vài năm ắt sẽ có Hiền Quân hộ pháp xuất hiện định yên Tam Hàn.

Long vương nói xong liền từ biệt. Tri Thức trở về động này, bỗng thấy có một vị lão tăng tự xưng là Viên Quang ôm một cái rương bước ra trao cho rồi biến mất (ngài Viên Quang sang Trung Quốc vào cuối đời Trần, năm Khai Hoàng trở về Đông, trụ ở Gia Tây giáp, thị tịch ở

Hoàng Long tự, như tính đến năm Thanh Thái thứ nhất thì đã ba trăm năm. Nay buồn than vì các giáp đã hoang phế, nay vui mừng thấy Bảo Nhưỡng trùng hưng nên đến báo). Bấy giờ Bảo Nhưỡng sắp trùng hưng những ngôi chùa hoang phế, nên lên ngọn Bắc Lĩnh mà quan sát, bỗng thấy có một ngôi tháp năm tầng màu vàng, liền xuống tìm, nhưng không thấy dấu tích gì, lại trở lên nhìn thì thấy một vùng đất có bầy chim thước tụ tập kêu vang, thì nhớ lại lời Thước giáp của Long vương khi trước. Bảo Nhưỡng liền tìm hang động, quả nhiên có vô số gạch đá còn để lại, ngài bèn gom lại, xây thành ngôi tháp. Tháp hoàn thành thì không còn viên gạch nào nữa. Do đó mới biết đây là di tích của già lam đời trước. Sau cùng Sư lập chùa để an trụ gọi là chùa Thước giáp. Không bao lâu Thái Tổ thống nhất Tam Hàn, nghe Sư đến nước này lập chùa mà trụ, bèn hợp ruộng đất của năm giáp gồm một trăm mẫu sung vào chùa. Đến năm Đinh Dậu, niên hiệu Thanh Thái thứ bốn ban cho chùa tấm bảng đề là: "Vân Môn Thiền Tự". Để phụng trì sự linh ứng của ca-sa, Ly Mục thường trụ tại một đầm nhỏ cạnh chùa, âm thầm giúp đỡ việc giáo hóa. Bỗng một năm kia trời hạn hán, hoa màu đều bị khô héo, Bảo Nhưỡng sai Ly Mục làm mưa, cả một vùng đều đầy đủ. Thiên đế biết được nên tru diệt, Ly Mục chẳng biết làm sao đến cấp báo với Sư, Sư bèn giấu dưới giường của mình. Bỗng chốc có Thiên sứ đến xin trao Ly Mục, Sư chỉ cây lê, Thiên sứ đánh cây lê rồi trở về trời. Cây lê khô héo, rồng đến vuốt ve thì liền tươi tốt (có thuyết nói do Sư chú nguyện mà sống lại).

Gần đây cây lê này đã ngã trên đất, có người lấy gỗ của nó làm Kiền chùy treo ở Thiện pháp đường và trai đường, cán của chùy có bài minh. Lúc Sư mới từ Đường trở về thì trụ tại chùa Phụng Thánh ở Chùy Hỏa. Gặp lúc Thái Tổ Đông chinh đi ngang qua quận này, sơn tặc tụ tập, reo hò ở Khuyển thành (thành cao có núi hiểm sông sâu. Nay người đời ghét tên ấy nên đổi là Khuyển thành) cao ngạo, không thể đánh được. Thái Tổ xuống núi đến hỏi Sư về thuật chế địch. Sư đáp:

- Phàm chó là con vật chủ về ban đêm, không thể chủ về ban ngày, giữ được phía trước mà bỏ mất phía sau, nên đánh vào hướng Bắc và ban đêm.

Thái Tổ nghe theo, quả nhiên sơn tặc đại bại xin hàng. Thái Tổ khen là mưu thần. Hằng năm chu cấp năm mươi thạch thuế của huyện gần đó cho chùa để lo việc nhang đèn. Vì thế chùa này có thờ chân dung hai vị Thánh và cũng nhân đó mà gọi là Phụng Thánh tự. Sau Sư dời đến Thước giáp sáng lập đại Già-lam và trụ đến suốt đời. Hành

trang của Sư, trong truyện xưa chẳng ghi. Nhưng tục truyền Sư và ngài Bị Hư ở chùa Thạch Quật là huynh đệ. Ba chùa Phụng Thánh, Thạch Quật và Vân Môn ở trên các ngọn núi liền nhau như răng lược, thường qua lại giao du nhau; người đời sau soạn Tân La Dị Truyện lạm ghi việc Thước Tháp, Ly Mục vào truyện ngài Viên Quang, lại ghi việc Khuyển Thành vào truyện của ngài Tỳ Hư (Bị Hư) là sai lầm. Rồi người soạn Hải Đông Tăng Truyện cũng theo đó mà chép thành văn, làm mất đi truyện của ngài Bảo Nhưỡng, gây nghi lầm cho người sau, thật là hư vọng biết bao?

***Lương Chí khiến tích trượng:***

*Thích Lương Chí:* Không rõ quê quán và dòng họ của Sư, chỉ biết thị hiện hàng tích vào triều Thiện Đức Vương mà thôi. Trên đầu tích trượng của Sư thường treo một cái bao vải, tích trượng tự bay đến nhà Đàn-việt, rồi chấn trượng để kêu cửa, gia chủ biết mà cúng dường tài vật, khi bao vải đã đầy vật cúng thì tích trượng tự bay trở về, vì thế gọi nơi Sư trụ là Tích Trượng tự. Những thần dị khó lường của Sư đại loại như thế. Sư còn thông thạo những công việc khác, cũng thần diệu không ai sánh bằng. Lại khéo vẽ viết, linh miếu, đắp tượng Tam Tôn, tượng Thiên Vương, điện tháp. Như tượng Bát Bộ Thần Tướng nơi tháp chùa Thiên Vương, Tam Tôn Phật ở chùa Pháp Lâm, và Kim Cang Thần trái phải cũng ở chùa này đều do Sư tạo, viết bảng chùa Linh Miếu và Pháp Lâm. Sư còn tạc một tháp đá nhỏ, tạo tượng Tam Thiên Phật tôn trí trong đó rồi đặt trong chùa để kính lễ. Tượng Phật ở Linh Miếu, do Sư nhập định dùng cảnh quán của chánh định mà làm mô thức để tạo hình. Vì thế trai gái trong thành đều tranh nhau mang đất đến. Ca rằng: "Lai như lai như lai như, lai như suy phản đa lạ, suy phản đa hỷ đồ lương, công đức tu sất như lương lai như."

Đến nay các công việc xay giả đều dùng việc ấy, vì khởi đầu từ đó. Chi phí để hoàn thành pho tượng là hai vạn ba ngàn bảy trăm thạch (hoặc cho là thuế vào đời Kim). Bàn rằng: Có thể cho Sư là người tài đức vẹn toàn, mà dùng đại phương tiện ẩn nơi tầm thường vậy!.

Tán rằng:

*Trai xong tích trượng nhàn trước cửa*
*An tỉnh phần hương cắm trong lư*
*Tụng kinh đã hết không còn việc*
*Lại tạo chân dung để kính nhìn.*

***Các Sư sang Tây Trúc:***

Cầu Pháp Cao Tăng Truyện (hòm chữ Quảng) ghi: Thích A Ly Na (Da) Bạt Ma người Tân La. Lúc đầu vì cầu chánh giáo nên Sư sớm sang Trung Quốc, sau đó ý muốn chiêm ngưỡng thánh tích ngày càng mạnh mẽ; nên trong khoảng niên hiệu Trinh Quán, Sư rời Trường An đến Ngũ Thiên Trúc trụ tại chùa Na-lan-đà, xem đọc nhiều luật, luận, sao chép kinh điển; thấy khổ vì sự mong cầu đạt tâm không thành tựu; bỗng nhiên vô thường đến, Sư thị tịch tại chùa Na-lan-đà, thọ hơn bảy mươi tuổi; kế thừa ngài Bạt-ma có Tuệ Nghiệp, Huyền Thái, Cầu Bản, Huyền Cách, Tuệ Luân, Huyền Du, và hai vị Sư mất tên, tất cả đều quên thân để phụng pháp. Những vị sang Thiên Trúc quán xét sự giáo hóa thì hoặc là qua đời trên đường đi, hoặc là trụ luôn bên chùa ấy, rốt cuộc chưa có người trở về Kê Quý và Đường Triều. Chỉ có Huyền Thái trở về Đường, nhưng cũng chẳng biết thị tịch tại nơi nào. Người Trung Thiên Trúc gọi Đông Hải là Củ Củ Trá Ê Thuyết La, Củ Củ Trá là Kê, Ê Thuyết Tra là Quý. Cõi ấy tương truyền rằng: Nước kia kính ngưỡng Thần Kê (thần gà) mà lập làm chủ tôn, cho nên thường đội các chiếc lông để trang sức. Tán rằng:

*Thiên Trúc mờ xa núi điệp trùng*
*Thương thay Du sĩ tận lực sang*
*Bao lần trăng tiễn thuyền cô lữ*
*Chưa thấy mây đưa chiếc trượng về.*

***Hai Huệ đồng trần:***

*Thích Tuệ Tú:* Đầu tiên Sư ẩn tích làm môn hạ Hiếu Thế Lang, khi Thế Lang lui về Hoàng Quyển, thì Sư cũng ẩn cư tại Xích Thiện thôn (nay ở huyện An Khang, có Xích Cốc thôn) hơn hai mươi năm. Bấy giờ Quốc Tiên là Cù Sảm Công thường ra ngoài thành tự do săn bắn. Một hôm Tú ra đứng bên trái đường chặn xe của Quốc Tiên mà thưa rằng: “Bần tăng cũng xin theo, có được chăng?” Sảm Công chấp thuận. Tú tung hoành xung đột, đơn thân xông lên trước, Công thấy rất vui mừng. Đến lúc ngồi nghỉ ngơi, liền sai nấu nướng thịt săn để cùng ăn, Tú cũng cùng ăn với mọi người, tuyệt không tỏ vẻ chống trái, lát sau bước đến trước Sảm Công thưa rằng: “Nay có một món rất ngon nơi đây, xin dâng thêm lên được chăng?”. Công đáp: “Được!”. Tú bèn che người rồi cắt thịt đùi của mình đặt lên mâm dâng cho Sảm Công, máu tuôn ướt áo. Công kinh ngạc nói rằng: “Sao phải đến như thế?”

Sư đáp: “Lúc đầu tôi cho rằng Công là người nhân từ, hay khoan

thứ với mình mà cảm thông với muôn vật, cho nên mới đi theo. Nay xét thấy Công chỉ ham giết chóc, dốc tâm hại vật để dưỡng thân mà thôi. Như thế đâu phải là hành động của người quân tử; chẳng phải là đường của tôi!”

Nói xong phủi áo mà đi. Công rất hỗ thẹn, nhìn lại thức ăn trong mâm thì thấy miếng thịt sống vẫn còn, Công rất kinh ngạc trở về tâu với triều đình, Chân Bình Vương nghe được sai sứ đến mời thỉnh, bấy giờ Tú đang nằm ngủ trên giường của đàn bà, Trung Sứ cho là tầm thường, bèn quay trở về. Đi được bảy, tám dặm thì gặp Sư trên đường. Sứ liền hỏi: “Sư từ đâu đến đây?”

Sư đáp: “Dự trai thất tại nhà Đàn-việt trong thành. Vừa xong thì ta liền đến đây.”

Quan Trung sứ thuật lại lời này với Vương. Vương sai người kiểm tra nhà Đàn-việt, thì sự thật đúng như thế. Không bao lâu Sư bỗng nhiên thị tịch, người trong thôn khiêng an táng phía Đông Nhĩ Hiện (còn gọi là Loát Hiện). Trong thôn có người từ phía Tây Nhĩ Hiện đến thì lại gặp Sư trên đường, người ấy bèn hỏi: “Sư đến đâu?”

Sư đáp: “Ta sống ở đây đã lâu, nay muốn đến nơi khác.” Nói xong vái chào rồi từ biệt. Sư đi được khoảng nửa dặm thì vọt lên mây đi mất. Người kia đến phía Đông Nhĩ Hiện thì đám tang chưa xong, bèn thuật lại nguyên do, quật mộ lên xem thì chỉ thấy một chiếc giày cỏ mà thôi. Nay ở phía Bắc huyện An Khương có chùa Tuệ Tú, là nơi Sư đã trụ, tại đây cũng có tháp thờ Sư.

*Thích Tuệ Không:* Sư là con của một nô tỳ trong nhà Thiên Chân Công, lúc nhỏ tên là Ưu Trợ (phương ngôn). Chân Công thường lo sợ bệnh ung nhọt của mình phát tác mà chết, nên người đến thăm hỏi an ủi rất đông. Lúc Ưu Trợ lên bảy tuổi, một hôm hỏi mẹ rằng: “Nhà có việc gì mà khách khứa đông như thế?” Người mẹ trả lời: “Chủ nhân bị ác bệnh sắp chết, con chẳng biết ư?” Trợ nói: “Con có thể giúp được!” Người mẹ kinh ngạc thưa lại với Chân Công. Công cho người gọi đến. Trợ đến ngồi bên giường im lặng không nói một lời, trong giây lát nhọt vỡ mũ lành bệnh, Công cho là việc ngẫu nhiên, không lấy làm lạ. Khi Ưu Trợ đã lớn, lo việc nuôi giữ chim ưng, rất hợp ý Công. Một hôm người em của Chân Công được bổ làm quan trấn nhiệm bên ngoài, xin Công chọn chim ưng đem về trị sở. Một đêm Công nhớ lại việc chim ưng, định sáng bảo Ưu Trợ bắt đến. Ưu Trợ đã biết trước việc này, liền bắt ưng, mờ sáng thì đem đến. Công rất kinh ngạc, lúc ấy mới biết việc cứu chữa ung nhọt ngày trước thật khó lường. Công liền thưa: “Tôi

chẳng biết bậc Chí Thánh đã nương gá vào nhà tôi, nên có những lời ngông cuồng, không kính lễ, làm ô nhục ngài, tội ấy làm sao rửa sạch! Từ nay về sau xin làm Đạo sư dẫn dắt tôi!"

Nói xong liền lễ bái. Linh dị đã hiển lộ, nên Ưu Trợ xuất gia làm Tăng đổi tên là Tuệ Không, thường trụ tại một ngôi chùa nhỏ; mỗi khi say sưa khật khưởng, Sư thường mang một sọt tre (ký) ca múa khắp xóm làng, nên có hiệu là Phụ Ký Hòa thượng, ngôi chùa Sư trụ cũng nhân đó mà gọi là Phu Các tự, vì phương ngôn gọi Ky là Phu cái. Mỗi khi Sư vào trong giếng của chùa thì vài tháng chẳng ra, nên lấy tên Sư đặt tên cho giếng ấy. Khi Sư sắp ra khỏi giếng thì có một vị thần có dáng một đứa trẻ mặc áo xanh vọt lên trước, vì thế chư Tăng trong chùa lấy đó để chờ đợi, Sư từ giếng lên, nhưng y phục chẳng ướt.

Về già Sư dời đến chùa Hằng Sa (nay ở chùa Ngô Ngự, huyện Nghinh Nhật có câu: Hằng sa nhân xuất thế, nên gọi là Hằng sa động). Bấy giờ ngài Nguyên Hiểu soạn các kinh sớ, thường đến Sư để chất vấn những điều nghi, hoặc cùng nhau du hí. Một hôm hai Sư men theo suối bắt cá, ốc để ăn rồi phóng uế trên tảng đá, Sư chỉ và đùa rằng: Phân của người còn cá của ta (nhữ thỉ ngô ngư), do đó gọi là Ngô ngư tự. Có người cho lời này của ngài Nguyên Hiểu là sai). Người đời lầm gọi suối này là Mạo Hỉ xuyên.

Cù Sảm Công, một hôm dạo núi bỗng thấy Sư đã chết từ lâu trên đường núi, thi thể sình chương, thối rữa dòi bọ lúc nhúc, Công than thở hồi lâu rồi trở về thành, thì lại thấy Sư đang say sưa nghêu ngao múa hát trong phố chợ. Lại một hôm Sư mang các sợi dây se bằng cỏ vào chùa Linh Miếu, giăng kết quanh Kim đường, trái phải lầu kinh và phòng xá ở Nam Môn, rồi nói với Cương Ty rằng: "Sau ba ngày mới được lấy các sợi dây này!". Cương Ty lấy làm lạ, nhưng cũng vâng theo. Quả nhiên ba ngày sau, Thiên Đức Vương xa giá đến chùa, Chí Quỷ nổi giận thiêu cháy tháp, chỉ những nơi có sợi cỏ giăng kết thì tránh khỏi.

Thần Ấn Tổ Sư Minh Lãng xây dựng chùa Kim Cang, tổ chức lễ Lạc thành, các bậc long tượng trong Phật môn đều vân tập, chỉ một mình Sư không đến. Lãng Sư đốt hương chí thành cầu khẩn, lát sau thì Sư đến, bấy giờ trời mưa lớn, nhưng áo Sư chẳng ướt, chân chẳng dính bùn đất, Sư nói với ngài Minh Lãng rằng: "Ngài hạ mình, ân cần triệu thỉnh, nên bây giờ Tôi đến đây!"

Những linh tích về Sư rất nhiều. Đến lúc sắp thị tịch, Sư bay lên hư không mà báo; trà tỳ thâu được vô số xá-lợi. Bình sinh Sư từng xem Triệu luận và nói rằng: "Đây là bộ sách khi xưa ta soạn", mới biết Sư

là hậu thân của ngài Tăng Triệu. Tán rằng:

*Săn bắn chốn thảo nguyên, nằm tựa đầu giường,*
*Nơi quán rượu cuồng ca, ngủ yên đáy giếng*
*Quẩy chiếc dép đạp hư không đến chốn nào*
*Một đôi xin tạm biệt sen trong lửa đỏ.*

***Từ Tạng định luật học:***

Đại đức Từ Tạng họ Kim, là con của quan Tô Phán Mậu lâm thời? Chân Cốt ở Thần hàn. Cha ngài làm quan rất thanh liêm, nhưng chưa có con nối dõi, do đó tâm hướng về Tam bảo, tạo tượng Thiên Bộ Quán Âm mong cầu một nam kế nghiệp. Nguyện rằng: "Nếu sinh được một nam sẽ cho xuất gia làm bến bờ cho biển pháp. Một hôm người mẹ nằm mộng thấy ngôi sao rơi vào lòng, nhân đó có thai, sau sinh ra đồng ngày sinh với Đức Thích-ca, đặt tên là Thiện Tông Lang. Sư có trí tuệ trong sáng, văn tài ngày càng trác tuyệt, nhưng lại chẳng nhiễm thế trần, cha mẹ mất sớm, Sư càng nhàm chán vinh hoa nên lìa vợ con, bỏ ruộng vườn, thí làm chùa Nguyên Ninh, vào chốn rừng sâu núi hiểm một mình ẩn tu, chẳng cần tránh cọp sói, tu khô cốt quán. Vì thường bị mỏi mệt, nên Sư cất một ngôi thất nhỏ, trong đó chất đầy gai nhọn chung quanh, rồi để trần ngồi vào giữa, nếu cử động thì bị gai chích, còn đầu thì cột vào dây kéo thẳng lên xà nhà để trừ hôn trầm.

Lúc ấy triều đình vừa khuyết một Thái phụ, vua quan bình nghị chọn Sư, nhưng nhiều lần thỉnh mời, nhưng Sư kiên quyết từ chối. Cuối cùng Vương ra lịnh rằng: "Nếu không trở về thì chém!". Sư bèn nói: "Ta thà trì giới một ngày mà chết, chứ không thể phá giới để được sống một trăm năm."

Sứ về tâu lại, Vương phải cho phép xuất gia. Sư lại vào sâu nơi núi rừng ẩn tu, lương thực không người cung cấp. Bấy giờ thường có một con chim lạ ngậm quả đến cúng dường; Sư chỉ thuận tay mà lấy ăn. Một hôm mộng thấy người trời đến Sư lãnh thọ năm giới. Lúc ấy Sư mới ra khỏi cốc, trai gái trong làng tranh nhau đến cầu thọ giới. Sư thường tự than là mình sinh ở nơi biên địa, muốn đến phương tây nhận sự đại giáo hóa. Năm Bính Thân niên hiệu Nhân Bình thứ ba (tức năm Trinh Quán thứ mười), Sư vâng sắc cùng hơn mười đệ tử là Tăng Thật... sang Đường. Đầu tiên tham bái tại núi Thanh Lương. Núi có chân tượng Đức Văn-thù. Nước ấy truyền rằng: "Tượng do tướng trời của Đế Thích xuống đắp tạo!". Từ Tạng khẩn cầu trước tượng xin thầm cảm ứng. Đến đêm Sư mộng thấy tượng dùng tay xoa đầu mình và trao cho các câu kệ

tiếng Phạm. Lúc thức dậy Sư chẳng hiểu nghĩa bài kệ. Đến sáng bỗng có một vị Tăng lạ đến giải thích (đã ghi ở thiên Hoàng Long Pháp) và nói rằng: "Tuy có học vạn kinh giáo, cũng chẳng hơn các câu văn này!

Nói xong vị tăng trao cho Sư ca-sa và xá-lợi rồi biến mất (lúc đầu ngài Từ Tạng ẩn tích, nên Đường Tăng Truyện chẳng ghi các việc này). Sư biết đã được Đại Thánh thọ ký, nên xuống Bắc Đài đến hồ Đại Hòa rồi vào kinh đô. Vua Thái Tông sai sứ đến phủ dụ mời trụ tại Biệt Viện Thắng Quang, ân tứ rất trọng hậu. Sư ngại nơi đó ồn náo nên dâng biểu xin đến sườn núi phía Đông chùa Vân Tế ở Chung Nam chất đá làm thất, ẩn cư ba năm, người thần đều đến thọ giới, sự linh ứng ngày càng nhiều; sợ dài dòng nên chẳng ghi hết. Không bao lâu Sư lại về kinh, được vua ban sắc thăm hỏi cấp cho hai trăm xấp lụa để làm phí dụng và y phục. Năm Quý Mão, niên hiệu Trinh Quán mười bảy, Thiện Đức Vương của Tân La dâng biểu xin cho Sư được phép trở về. Vua hạ chiếu chấp thuận, đồng thời triệu nhập cung ban cho một áo lụa, năm trăm tấm vải lụa năm màu, Đông cung cũng ban hai trăm tấm, cùng với nhiều lễ vật khác. Sư biết trong nước chưa đủ kinh tượng, nên xin một bộ Đại Tạng Kinh. Đến các vật như tràng phan, hoa cái... có thể làm phước lợi, nên Sư đều mang trở về tất cả. Khi Sư vừa về đến, cả nước đều vui mừng, thỉnh trụ tại chùa Phấn Hoàng (sử Đường ghi là Vương Phấn), cấp cho một ngôi nhà lớn, Vương lại thỉnh Sư vào cung giảng về luận Đại thừa. Sư lại đến chùa Hoàng Long giảng Bồ-tát giới Bản bảy ngày bảy đêm, trời làm mưa cam lộ; mây mù, sương khói che mát cả giảng đường. Tất cả bốn chúng đều kính phục điều thần dị này. Triều đình nghị bàn rằng: "Phật giáo du nhập đến Đông quốc này, tuy đã trải qua trăm ngàn năm, mà đối với việc trụ trì, tu tập, kính lễ còn thiếu phép tắc nghi quỷ. Như chẳng có kỷ cương thì lý không làm sao để ngay thẳng trong sạch. Nay xin ban sắc cho Sư Từ Tạng làm Đại Quốc Thống. Phàm tất cả nghi quy phép tắc của tất cả tăng ni đều ủy thác cho Tăng Thống định đoạt (vào niên hiệu Thiên Bảo đời Bắc Tề, Trung Quốc lập Thập Thống, quan Hữu ty tùy thuận phân chia. Bấy giờ Hoàng Đế phong Pháp sư Pháp Thuận làm Đại Thống, còn chín người còn lại là Thông Thống. Lại vào thời Lương Trần có lập ra Quốc Thống, ChâuThống, Quốc Đô, Châu Đô, Tăng Đô, Tăng Chánh, Đô Duy... tất cả đều thuộc Chiêu Huyền Tào. Tào tức chức quan thống lãnh Tăng ni. Đến đầu đời Đường thì lập mười vị Đại đức. Năm Canh Ngọ, nhằm năm thứ mười một đời Chân Hưng Vương, Tân La tôn Pháp sư An Tạng làm Đại Thư Tỉnh, và lập thêm hai Tiểu Thư Tỉnh. Qua năm sau, tức năm Tân Mùi tôn Pháp sư

Tuệ Lượng người Cao Ly làm quốc thống, cũng gọi là Tự Chủ. Pháp Sư Bảo Lương làm Đại đô duy na và chín vị Châu Thống, mười tám vị Quận thống. Đến ngài Từ Tạng thì lại lập Đại quốc thống một vị. Đây chẳng phải là chức vị thường định, cũng giống như phu lễ lang là Đại A Can, Kim Dửu Tín là Đại Đại Giác Can. Về sau đến năm thứ nhất đời Nguyên Thánh Đại Vương lại lập danh xưng Tăng quan trao cho Pháp Điển, lập một vị Đại Xá, hai vị lại làm Ty Đống. Trong Tăng thì có Tài Hành quản chúng, nếu qua đời thì thay thế chứ không định niên hạn. Ngày nay có hàng Tử Y cũng là biệt chế của chùa Luật.

*Hương Truyện ghi rằng:* "Lúc ngài Từ Tạng đến Đường, vua Thái Tông thỉnh đến điện Thức Càn giảng kinh Hoa Nghiêm, trời tuôn mưa cam lộ, phong làm quốc sư". Đây là lời hư vọng. Đường Truyện và Quốc Sử không có văn này). Ngài Từ Tạng lập hội Tư Da, mạnh mẽ hoằng truyền, khiến Tăng Ni năm bộ mỗi mỗi tăng tấn cựu học. Nửa tháng thì thuyết giới một lần, đến Đông, Xuân thì khảo thí chung, khiến tất cả biết rõ trì phạm, đặt người quản lãnh để duy trì, lại sai tuần sứ đi kiểm tra bên ngoài chùa, khuyên bảo răn dạy Tăng phạm lỗi, trang nghiêm kinh tượng, lấy đó làm quy tắc thường hằng. Một đời hộ pháp hưng thạnh từ đây, như Khổng Phu Tử từ Vệ trở về Lỗ, nhạc chánh, nhã tụng, mỗi mỗi đều có phép tắc. Trong thời gian này, người Trung Quốc thọ giới phụng Phật thì mười nhà hết tám, chín nhà có người xin thế phát xuất gia, ngày càng tăng thêm, bèn xây chùa Thông Độ, lập giới đàn độ bốn chúng (việc lập giới đàn đã nêu ở trên). Sư lại dùng nhà cửa ruộng vườn của mình làm chùa Nguyên Ninh, tổ chức lễ lạc thành giảng một vạn bài kệ kinh Tạp Hoa, cảm được năm mươi hai người nữ hiện thân nghe pháp, Sư sai môn nhân trồng năm mươi hai cây để biểu thị điềm linh dị này, nhân đó Sư có hiệu là Tri Thức Thọ. Sư từng cho rằng áo mão cân đai của nước nhà chẳng giống với Trung Quốc, nên đem ra luận nghị trong triều, mọi người đều đồng ý khen hay vì thế đến năm Kỷ Dậu nhằm năm thứ ba đời Chân Đức Vương vua quan bắt đầu mặc triều phục như Trung Quốc. Qua năm sau tức năm Canh Tuất, vào ngày mồng một tháng giêng thì ban hành niên hiệu Vĩnh Huy. Từ đó về sau mỗi lần có triều kiến, Sư được xếp đứng đầu các quan, đó là vì công của Sư vậy.

Về già Sư rời kinh đô đến quận Giang Lăng (tức Minh châu) lập chùa Thủy Đa để cư trụ. Một hôm mộng thấy một vị chân Tăng, hình giống như người đã gặp ở Bắc Đài thuở xưa đến bảo rằng: "Hôm sau đến gặp ta tại Đại Tòng Đinh" (tại Tòng Đinh đến nay cũng không sinh

gai góc, cũng không có các loài ưng, thước đậu).

Sư kinh sợ tỉnh thức, hôm sau đến Tòng Đinh, quả nhiên cảm được Bồ-tát Văn-thù đến, Sư bèn thưa hỏi pháp yếu. Bồ-tát lại nói: "Hẹn gặp lại tại nơi có sợi dây cuộn tròn tại Thái Bá sơn. Nói xong thì biến mất. Từ Tạng bèn đến Thái Bá tìm kiếm bỗng thấy có một con rắn lớn đang cuộn tròn bên gốc cây thì nói với thị giả rằng: "Đây là nơi có dây leo cuộn tròn (cát bàn)."

Sư bèn lập am ngay tại đó gọi là Thạch Nam viện để trụ, đợi Đại Thánh đến. Một hôm bỗng có một vị cư sĩ đắp tấm y cũ rách, mang một giỏ đan bằng vỏ cây trong đó có một con chó chết đến nói với thị giả của Sư rằng:

- Muốn gặp Từ Tạng nên đến đây vậy!

Thị giả nói rằng:

- Từ khi theo hầu đến nay chưa thấy ai dám ngỗ nghịch phạm húy thầy ta, nay ông là ai mà cuồng ngôn như thế?

Cư sĩ đáp:

- Chỉ cần báo với thầy của ngươi!

Thị giả vào báo, Từ Tạng chẳng biết vội nói:

- Chỉ là kẻ cuồng ư?

Các đệ tử bèn ra nhục mạ đuổi đi. Vị Cư sĩ liền nói:

- Trở về thôi! Trở về thôi! Kẻ có ngã tướng đâu thấy được ta!

Nói xong đổ giỏ xuống đất, con chó chết rơi ra biến thành tòa báu Sư tử, cư sĩ thăng tòa phóng ánh sáng mà bay đi. Từ Tạng nghe nói vội chỉnh trang oai nghi theo luồng ánh sáng lên đến Nam lĩnh, nhưng đã mịt mờ chẳng kịp, bèn tự vẫn mà chết. Trà-tỳ thâu linh cốt thờ trong hang đá ấy.

Sư tạo lập được hơn mười ngôi chùa tháp, mỗi một lần xây dựng thì đều có các điềm lành linh dị hiện đến, cho nên tiền bạc cúng rất nhiều, không bao lâu thì hoàn thành. Còn những đạo cụ, y áo của Sư cùng với chiếc gối mộc áp mà Long vương hồ Đại Hòa dâng hiến và chiếc ca-sa của Thế Tôn thì tôn trí tại chùa Thông Độ.

Lại ở huyện Hiến Dương (nay là huyện Ngạn Dương) có chùa Áp Du. Vì gối mộc áp thường hiện điềm linh dị ở nơi đây, nên đặt tên như thế. Có Sư Thích Viên Thắng sang Trung Quốc tu học trước ngài Từ Tạng, nhưng đồng trở về quê giúp việc hoằng truyền Luật bộ. Tán rằng:

*Đến núi Thánh Lương mộng trở về*
*Bảy thiên, ba tụ nhất thời trao*
*Muốn khiến tục, Tăng thêm hổ thẹn*

*Áo mão triều thần theo Trung Hoa.*

***Ngài Nguyên Hiểu không bị câu thúc:***

Thánh sư Nguyên Hiểu họ Tiết, tổ phụ là Nhưng Bì Công còn gọi là Xích Đại Công, nay ở bên cạnh vực Xích Đại còn miếu thì Nhưng Bì Công. Cha của Sư là Đàm Nại Nải Mạt. Sư sinh nơi cội cây Sa-la, Bấc Lật cốc, thôn Phật Địa, phía Nam quận Áp Lương (nay là quận Chương Sơn). Thôn tên là Phật Địa, hoặc gọi là Phát Trí (tục gọi là Phất Đẳng Ất thôn); cây Sa-la, truyền rằng gia đình của Sư vốn ở phía Tây nam của cốc này, mẹ Sư có thai đã đến ngày sinh, vừa lúc đi ngang qua cây lật (cây dẻ) bên cốc, bỗng nhiên sinh ra Sư, vì việc quá cấp bách không thể về nhà được, nên dùng áo của người chồng treo giăng trên cây để làm nơi ngủ nghỉ. Do đó mà gọi là cây Sa la. Quả của cây này cũng khác thường, đến nay gọi là Sa la lật cổ. Tục truyền rằng, xưa có vị chủ tự cấp cho mỗi người giúp việc chùa một tối hai quả dẻ thức ăn, người này kiện lên quan, quan lấy làm lạ mới kiểm xét hạt dẻ, thì mỗi một hạt dẻ được một bát thức ăn, bèn phán chỉ cấp một hạt mà thôi. Do đó mà gọi là lật cốc.

Sau khi Sư xuất gia thì đổi nhà làm chùa, tên là Sơ Khai, bên cội cây lập chùa gọi là Sa-la. Hành trạng của Sư ghi: Sư là người Kinh đô, từ đời Tổ khảo. Đường Tăng Truyện nói Sư người ở Hạ Tương châu. Xét trong khoảng năm Lân Đức thứ hai, Văn Võ Vương cắt đất của Hạ châu, Thượng châu lập thành Áp Lương châu, thế thì Hạ châu nay là quận Xương Ninh. Quận Áp Lương vốn là một huyện của Hạ châu; còn Thượng ( ) châu thì nay là Thượng ( ) châu, cũng gọi là Tương châu. Thôn Phật Địa nay thuộc huyện Từ Nhân, tức là vùng đất phân chia từ huyện Áp Lương.

Lúc Sư mới sinh đặt tên là Thệ Tràng, em tên là Tân Tràng (Tràng, tục gọi là Mao). Mẹ Sư nằm mộng thấy một ngôi sao rơi vào người mà có thai, lúc sắp sinh Sư có mây năm màu che phủ mặt đất, đó là vào năm Đinh Sửu, niên hiệu Đại Nghiệp mười ba nhằm năm thứ ba mươi chín đời Chân Bình Vương của Tân La. Sư rất thông minh đĩnh ngộ, học tập chẳng từ nơi thầy. Việc trước sau du phương, hoằng hóa, hành tích của Sư đều chép đủ trong Đường Tăng Truyện và Hàng Trạng, ở đây không ghi lại, chỉ thuật một, hai đoạn dị sự ghi trong Hương Truyện mà thôi.

Một hôm Sư làm một người phong điên đi trên đường ca rằng: “Ai cho một cây búa, ta sẽ chặt trụ trời!”. Mọi người đều chẳng hiểu. Bấy

giờ Thái Tông nghe được nói rằng: "Vị Sư này hầu như muốn được quý phụ sinh hiền tử đây! Trong nước mà có người Đại hiền thì lợi ích thật vô cùng!".

Bấy giờ trong Dao Thạch Cung (nay là Học viện) có một công chúa đang cô độc, Vương sai sứ tìm Hiểu dẫn vào. Sứ vâng sắc tìm kiếm, khi từ Nam sơn đến cầu Văn Xuyên (Sa Xuyên, tục gọi là Mâu Xuyên, Văn Xuyên; cầu tên là Du Kiều) thì gặp, Hiểu giả vờ rơi xuống sông làm ướt cả quần áo. Sứ bèn dẫn vào cung thay y phục hong phơi, nhân đó tá túc qua đêm. Sau quả nhiên công chúa có thai sinh ra Tiết Thông. Thông rất thông minh, lầu thông kinh sử, là một trong Thập Hiền của Tân La. Tiết Thông dùng phương ngôn để hội thông danh vật phong tục của Trung Hoa và các Biên quốc, đồng thời giải thích Lục Kinh, văn học. Cho đến nay, những người theo việc giải thích kinh sử ở Hải Đông vẫn truyền thọ không dứt).

Sư đã mất giới mà sinh ra Tiết Thông, về sau mặc áo quần thế tục, tự gọi là Phác Tánh Cư sĩ, chợt gặp người diễn trò đang đùa giỡn với một chiếc hồ lô lớn, hình trạng rất kỳ lạ. Cư sĩ bèn phỏng theo hình dáng ấy mà chế thành một loại đạo cụ, lấy ý nghĩa câu: "Nhất Thiết vô ngại nhân, nhất đạo xuất sinh tử" trong kinh Hoa Nghiêm mà mệnh danh là "Vô ngại", soạn các bài ca lưu hành ở đời. Cư sĩ thường mang theo vật này đi khắp ngàn thôn vạn xóm vừa ca vừa múa, dùng ngâm vịnh giáo hóa để trở về, khiến cho tất cả mọi loài từ hàng dân dã đến kẻ quyền quý và cả khỉ vượn... đều biết danh hiệu Phật-đà, đều xưng tiếng "Nam-mô". Sự giáo hóa của ngài Nguyên Hiểu rất lớn vậy.

Thôn mà ngài đã sinh ra tên là Phật Địa, chùa mà ngài đã xây dựng gọi là Sơ Khai. Còn tự xưng là Nguyên Hiểu là ngầm biểu thị ý nghĩa mới làm sáng tỏ mặt trời Phật. Nguyên Hiểu cũng là phương ngôn, người thời bấy giờ dùng phương ngôn gọi ngài là Nguyên Hiểu, là khởi đầu. Ngài từng trụ chùa Phấn Hoàng, soạn Hoa Nghiêm Kinh Sớ đến phẩm Thập Hồi Hướng thứ bốn mươi thì qua đời. Lại nhân nơi tụng mà phân thân trên một trăm cây tùng, nên mọi người đều cho ngài đã đạt giai vị Sơ địa. Cũng nhân nơi lời dụ dẫn của Long vương, thừa chiếu chỉ của vua mà trên đường đi, soạn Tam-muội Kinh Sớ. Ngài đặt bút nghiên ở khoảng giữa hai sừng trâu để viết, nhân đó mà gọi là Giác Thừa, cũng để hiển bày yếu chỉ Bản Giác Thủy Giác. Pháp sư Đại An sắp xếp phân biệt phẩm kinh và dán thành quyển, cũng là người biết âm điệu xướng hòa với Sư.

Sau khi ngài thị tịch, Tiết Thông nghiền nát di cốt đắp thành chân

tượng tôn thờ nơi chùa Phấn Hoàng, để biểu thị lòng kính ngưỡng suốt đời. Có lần Thông quỳ một bên đảnh lễ, bỗng tượng quay nhìn, đến nay vẫn còn nguyên trạng như thế. Chùa hang mà ngài Nguyên Hiểu từng cư trụ, ở bên cạnh có nền móng nhà của Tiết Thông. Tán rằng:

*Giác thừa mới khai Tam-muội sớ*
*Múa hồ theo gió khắp xóm thôn*
*Trăng sáng Dao cung xuân một giấc*
*Phấn Hoàng đóng cửa ảnh quay đầu.*

***Nghĩa Tương truyền giáo:***

Pháp sư Nghĩa Tương họ Kim, cha là Hàn Tín, năm hai mươi chín Sư vào chùa Hoàng Phước ở kinh đô thế phát xuất gia, không bao lâu lại muốn sang Trung Quốc tham học, nên cùng với ngài Nguyên Hiểu ra khỏi Liêu Đông, lính tuần biên cho là gián điệp, bắt giam nhiều tuần, sau được tha mà trở về (sự việc chép tại Thôi Hầu Bản Truyện và hành trạng của ngài Nguyên Hiểu). Năm Vĩnh Huy thứ nhất, Sư theo sứ Đường vào Trung Quốc. Đầu tiên ngụ tại Dương châu, Châu tướng là Lưu Chí Nhân mời trú tại nha môn, cúng dường đầy đủ. Kế đó Sư đến chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam tham yết ngài Trí Nghiễm. Đêm trước ngài Trí Nghiễm mộng thấy một cây lớn mọc ở Hải Đông, cành lá trải rộng, phủ bóng mát đến tận Thần châu, trên đó có một tổ phượng, Sư leo lên xem thì thấy có một viên ma ni bảo châu, ánh sáng chiếu xa. Tỉnh giấc rất kinh ngạc liền quét dọn già lam để đón. Sư đến, trong lúc dùng lễ nghinh tiếp, ngài Trí Nghiêm từ tốn nói rằng:

- Đêm qua mộng thấy điềm ông đến chỗ ta.

Sư được nhận làm đệ tử nhập thất; Diệu chỉ của Hoa Nghiêm, Sư phân tích đến chỗ u vi, ngài Trí Nghiễm rất vui mừng, gặp được tri âm ắt phát được điều mới lạ. Có thể cho rằng móc sâu, dây ẩn, xanh đỏ hòa hợp làm biến hoại sắc xưa. Không bao lâu sau thừa tướng của bản quốc là Kim Khâm Thuần còn gọi là Nhân Vấn, Lương Đồ bị cầm tù ở Đường, Cao Tông sắp đem đại binh chinh phạt Tân La. Khâm Thuần bí mật bảo Sư về trước báo tin. Vì thế năm Canh Ngọ, niên hiệu Hàm Thuần thứ nhất Sư trở về nước, trình tấn sự việc trước triều. Vương mời Thần Ấn Đại Đức Minh Lãng giả lập Mật đàn để cầu khẩn. Quả nhiên nước nhà tránh được binh loạn.

Năm Nghi Phượng thứ nhất, Sư trở về núi Đại Bá, vâng sắc lập chùa Phù Thạch, xiển dương Đại thừa, có nhiều linh cảm. Bấy giờ ngài Hiền Thủ, môn hạ của Tổ Chung Nam soạn Sưu Truyền Sớ gởi phó bản

sang cho Sư, đồng thời gởi thư khẩn thiết tỏ bày rằng: "Pháp Tạng, tăng nhận chùa Sùng Phước ở Tây kinh, gởi thư đến Hoa Nghiêm Pháp sư ở Tân La Hải Đông: Từ khi chia tay đến nay đã hơn hai mươi năm, lòng chân thành ngưỡng vọng chẳng lúc nào quên, ngặt vì vạn dặm mịt mù, biển non ngăn cách. Hận rằng đời này chẳng được tái hội, đành ôm lòng luyến nhớ, đâu thể nói nên lời. Chắc hẳn do đời trước đồng nhân, nên kiếp này đồng nghiệp, được lãnh thọ báo thân này, gội nhuần bộ kinh lớn quý, lại được Tiên sư trao cho bí điển này, mong nhờ Thượng nhân sau khi trở về cố quốc khai diễn Hoa Nghiêm, tuyên dương pháp giới vô ngại duyên khởi, trùng trùng đế võng, khiến cho cõi Phật ở Tân La lợi ích được rộng lớn, niềm vui càng sâu dày. Thế mới biết sau khi Như Lai diệt độ, người làm Phật nhật sáng soi, pháp luân lại chuyển, chánh pháp trụ lâu chỉ có Pháp sư mà thôi!

Tạng tôi tiến bước thì chẳng thành, quay lui thì đơn độc, nghĩ đến sách này, hổ thẹn gánh vác cho Tiên sư, nên cứ tùy phần mà thọ trì, không dám lìa xa. Chỉ mong nhờ vào công nghiệp này để kết nhân duyên ở tương lai. Nhưng vì chương sớ của Hòa thượng, nghĩa thì phong phú, văn lại giản lược, người đời sau phần nhiều khó thấy được chỗ vào, do đó mới chép những lời hay ý đẹp của Hòa thượng lại rồi soạn thành nghĩa ký. Gần đây nhờ có Pháp sư Thắng Thuyên sao chép lại đem về quê lưu truyền xin Thượng nhân xem đọc, kiểm định dở hay, mong được lời chỉ dạy!

Cúi nguyện đời đời kiếp kiếp ở mai sau, dù xả thân hay thọ thân, cũng đều cùng nhau tại Lô-xá-na, nghe nhận diệu pháp vô tận như thế, tu hành vô lượng hạnh nguyện Phổ Hiền như thế, trừ sạch nghiệp ác. Nếu như một mai kia đọa lạc, cúi xin Thượng nhân chẳng bỏ duyên xưa vào trong các đường dạy cho chánh đạo. Người tin điều này, lúc bấy giờ hỏi còn hay mất, không ghi hết lời!

Ngài Nghĩa Tương bèn khiến mười ngôi chùa truyền giáo, đó là chùa Phù Thạch ở núi Đại Bá, chùa Hải Ấn ở Tỳ-ma-la Già-da tại Nguyên châu, chùa Ngọc Tuyền ở Tỳ Sắt, chùa Phạm Ngư ở Kim Tỉnh, chùa Hoa Nghiêm ở Nam nhạc... Sư còn Pháp Giới Đồ Thư và Lược Sớ, gồm thâu yếu chỉ Nhất thừa, lời giáo giới của ngàn năm vô cùng trân quý, ngoài ra Sư không còn soạn thuật gì. Mùi vị của một vạc, chỉ nếm một miếng thịt cũng đã biết đủ. Năm Mậu Thìn, niên hiệu Tổng Chương sách hoàn thành, cũng năm này ngài Trí Nghiễm thị tịch, cũng giống như Khổng Tử qua đời khi soạn xong bài Hoạch Lân (bắt lân). Người đời tương truyền ngài Nghĩa Tương là hóa thân của Bảo Cái ở

Kim sơn.

Đệ tử của Sư có Ngộ Chân, Trí Thông, Biểu Huấn, Chân Định, Chân Tạng, Đạo Dung, Lương Viên, Tướng Nguyên, Năng Nhân, Nghĩa Tịch, là mười vị Đại đức Thượng thủ đều là Á Thánh, mỗi vị đều có truyện ký. Ngộ Chân từng trụ tại chùa Cốt Nham, ở núi Hạ Kha, mỗi đêm thường duỗi tay thắp đèn ở Phù Thạch thất. Trí Thông soạn Chùy Động Ký, vì tự thân lãnh thọ lời giáo huấn, nên lời lẽ hợp với diệu chỉ. Biểu Huấn từng trụ tại chùa Phật Quốc, thường đến cung trời. Khi ngài Nghĩa Tương trụ chùa Hoàng Phước, thường cùng đại chúng nhiễu tháp, ai cũng đều bước trên hư không mà lên, không cần thềm bậc, cho nên tháp này không xây các bậc thềm, đồ chúng đi trên không cách mặt thềm ba tấc, Sư quay lại nói rằng:

- Người đời thấy thế này thì cho là kỳ lạ, không thể dùng để giáo huấn họ được!

Tất cả đều ghi đủ trong Bản Truyện do Thôi Hầu soạn.

Tán rằng:

*Trèo non, vượt sóng, dãi khói mây*
*Chí tướng khai môn tiếp bảo trân*
*Rực rỡ Hoa Nghiêm soi cố quốc*
*Chung Nam, Thái Bá một mùa xuân.*

***Xà Phước chẳng nói:***

Một ngôi làng phía Bắc Vạn thiện ở Kinh đô có một người đàn bà không chồng mà có thai, sinh ra một bé trai. Năm lên mười hai tuổi mà chẳng nói, chẳng đứng dậy, nhân đó mà gọi là Xà Đồng (ở sau hoặc gọi là Thôn Bốc, Ba, Phục đều có nghĩa là Đồng). Một hôm người mẹ qua đời. Bấy giờ ngài Nguyên Hiểu đang trụ tại chùa Cao sơn thấy Xà Phước đến bèn lễ tiếp, Xà Phước chẳng đáp lại mà nói rằng:

- Con trâu cái chở kinh ngày xưa của ngài và tôi nay đã chết, đồng đến chôn được chăng?

Ngài Nguyên Hiểu đáp:

- Vâng!

Xong bèn đưa về nhà, khiến ngài Nguyên Hiểu Bố tát trao giới. Ngài Nguyên Hiểu đến bên tử thi nói rằng:

- Chẳng sống chừ, mà chết cũng khổ,
Chẳng chết chừ, mà sống cũng khổ.

Xà Phước nói:

- Lời lẽ dài dòng quá! Phải nói: Sống chết đều khổ chứ!

Cả hai bèn chở đến chân núi phía Đông Hoạt Lý sơn. Ngài Nguyên Hiểu nói:

- Chôn cọp trí tuệ ở trong rừng trí tuệ được chăng?

Xà Phước nói kệ rằng:

*Khi xưa Thích-ca Mâu-ni Phật*
*Ta-la song thọ vào Niết-bàn*
*Hôm nay cũng có người như thế*
*Muốn nhập vào Liên hoa tạng giới.*

Nói xong liền nhổ một cọng cỏ, bỗng nhiên bên dưới hiện ra một thế giới rộng lớn sáng tỏ, có bao lơn bảy báu, lầu gác trang nghiêm, ắt chẳng phải là cảnh nhân gian, Xà Phước mang xác mẹ bước vào cõi ấy, sau đó tự nhiên đất hợp lại, ngài Nguyên Hiểu trở về. Sau có người lập chùa ở phía Đông nam Kim Cang sơn đặt tên Đạo Tràng tự, mỗi năm đến ngày mười bốn tháng ba thì thực hành hội Chiêm sát và lấy đó làm lệ thường. Xà Phước ứng hiện ở thế gian chỉ có như thế. Thế tục phần nhiều dùng các chuyện hoang đường để ghi vào, thật đáng cười!

Tán rằng:

*Vực sâu rồng ngũ há được nhàn,*
*Lên đường một đoạn lắm thuyền tan*
*Khổ chừ sống chết nào phải khổ*

***Chân Biểu truyền thẻ:***

Thích Chân Biểu người huyện Vạn Khoảnh (còn gọi là huyện Đậu Nãi Sơn, Na Sơn. Xưa gọi là Đậu Nãi Sơn. Phụ Ninh truyện giải thích rõ việc này. Dân làng nói người huyện Kim Sơn là dùng tên chùa làm tên huyện, lẫn lộn nhau). Hoàn Sơn châu (nay là Toàn châu mục), cha tên là Chân Nãi Mạt, mẹ là Cát Bảo, họ Tỉnh. Năm mười hai tuổi, Sư cầu Pháp sư Thuận Tế ở chùa Kim Sơn xuất gia học đạo. Vị thầy từng nói rằng: "Ta đã qua Đường học tập nơi ngài Tam tạng Thiện Đạo, sau đó vào núi Ngũ Đài, Bồ-tát Văn-thù linh cảm hiện ra trao cho năm giới". Sư hỏi rằng: "Siêng năng tu tập bao lâu thì đắc giới?"

*Ngài Thuận Tế nói:* "Nếu tinh tấn thì không quá một năm." Sư nghe nói thế liền đi khắp các danh sơn rồi trụ tại am Bất Tư Nghị núi Tiên Khê, chuyên tu ba nghiệp, quên thân sám hối cầu đắc giới. Đầu tiên lấy bảy đêm làm kỳ hạn, năm vóc gieo trên đá, chân, đầu gối đều dập nát, máu tuôn trên sườn núi, nếu không có Thánh ứng hiện thì quyết chí lìa bỏ, lại qua kỳ bảy ngày nửa thành mười bốn ngày thì thấy Bồ-tát Địa Tạng hiện thân trao cho tịnh giới, đó là vào giờ Thìn ngày

mười lăm tháng ba năm Canh Thìn, niên hiệu Khai Nguyên hai mươi tám. Khi ấy mới hai mươi ba tuổi. Nhưng ý vẫn muốn gặp Bồ-tát Di-lặc, nên không dám bỏ nửa chừng, bèn đến chùa Linh Sơn (còn gọi là Biên Sơn, Lăng-già Sơn), cần tu như lúc đầu, quả nhiên sau cảm được Bồ-tát Di-lặc hiện thân trao cho kinh Chiêu Sát hai quyển (kinh này đã dịch ở nước ngoài vào khoảng đời Trần Tùy, chẳng phải nay mới có. Bồ-tát Từ Thị đã lấy kinh trao cho) và một trăm tám mươi chín cái thẻ chứng quả vị, đồng thời dạy rằng: “Thẻ thứ chín là dụ cho người mới được diệu giới, thẻ thứ tám là dụ cho tăng tiến được Cụ túc giới, hai thẻ này là xương ngón tay của ta, các thẻ còn lại đều bằng gỗ chiên đàn trầm thủy dụ cho phiền não. Ngươi nên dùng đến để truyền pháp nơi thế gian, làm thuyền bè, bến bờ để cứu người!”

Sư được bậc Thánh thọ ký xong, thì đến trụ tại Kim Sơn, mỗi năm đều có khai đàn, rộng hạnh pháp thí, đạo tràng trang nghiêm, chưa từng có ở thời mạt pháp này.

Việc giáo hóa đã chu toàn, Sư đến châu A Sắc La, cá rùa bắc cầu giữa đảo và bãi biển, thỉnh Sư vào thủy cung giảng pháp truyền giới. Đó là ngày rằm tháng hai năm Nhâm Thìn, niên hiệu Thiên Bảo thứ mười một (nói năm Nguyên Hòa thứ sáu là lầm vì Nguyên Hòa thuộc vào đời Hiến Đức Vương, cách Thánh Đức bảy mươi năm). Cảnh Đức Vương nghe được thỉnh Sư vào cung, Vương thọ giới Bồ-tát, cúng dường bảy mươi bảy ngàn thạch lúa. Tất cả quan dân đều đến cầu thọ giới, phẩm vật cúng dường gồm năm trăm tấm lụa, năm mươi lạng vàng ròng, Sư đều nạp thọ rồi phân phát khắp các tòng lâm để thực hành Phật sự.

Cốt thạch của Sư hiện được thờ tại chùa Bát Uyên, là nơi dạy giới cho loài thủy tộc. Những đệ tử đắc pháp của sư gồm có Vĩnh Thâm, Bảo Tông, Tín Phương, Thể Trân, Trân Hải, Chân Thiện, Thích Trung đều là Tổ của một sơn môn. Vĩnh Thâm thì được chân truyền các thẻ, trụ tại Tục Ly Sơn, là đệ tử nối gia nghiệp. Pháp lập đàn hơi khác với Chiêm Sát Lục Luân, tu tập như bổn quy mà trong sơn môn đã truyền thọ.

*Theo Đường Tăng Truyện:* Vào khoảng niên hiệu Khai Hoàng mười ba, tại Quảng châu có vị tăng thực hành pháp Sám hối, dùng da làm hai cái thẻ viết trên đó hai chữ thiện và ác, bảo người gieo quẻ, nếu gặp được chữ thiện là tốt. Lại hành sám pháp Tự phác để diệt tội, nhưng khiến nam nữ quây quần ôm nhau, vọng cho là hành mật pháp, lan rộng đến Thanh châu. Quan tra xét cho đó là yêu thuật. Những người ấy bèn nói: Pháp Đáp Sám này là y theo kinh Chiêm Sát, còn pháp Phác sám là y theo các kinh, gieo thân đập mạnh xuống đất như núi lỡ. Bấy giờ có

người dâng tấu văn như thế. Triều đình sai nội sử thị lang Lý Nguyên Soạn đến chùa Đại Hưng hỏi các đại đức. Bấy giờ có Đại Sa-môn Pháp Kinh, Ngạn Tông v.v... nói rằng: Kinh Chiêm Sát có hai quyển, trên đầu ghi là Bồ-đề, dịch văn tại nước ngoài. Giống bản gần đây xuất hiện, có người chép lại mà lưu truyền. Kiểm xét trong tất cả các sách đều không có ghi tên người dịch, thời gian dịch và nơi dịch. Pháp Đáp Sám ấy khác với các kinh, thì không nên thực hành theo.

Do đó triều đình ban lệnh cấm truyền bá.

Nay thử bàn xem: Các việc như cư sĩ ở Thanh Châu hay Pháp Đáp Sám cũng giống như các Đại nho dùng Thi, Thư để đào mã mồ. Có thể cho rằng vẽ cọp mà thành chó vậy. Điều mà Phật giáo phải đề phòng chính là các việc ấy. Nếu nói kinh Chiêm Sát không có người, nơi chốn, thời gian dịch ra thì đáng nghi ngờ. Đó cũng là gánh cỏ mà bỏ vàng, đâu thể thấy rõ được văn kinh ấy? Là tất đàn sâu xa bí mật, hay rửa sạch các vết nhơ, kích phát kẻ biếng trễ thì không kinh nào hơn kinh này. Vì thế cũng gọi là Đại Thừa Sám. Lại nói xuất từ trong sáu căn tụ, trong hai bộ Trinh Nguyên và Khai Nguyên Thích Giáo Lục, được xếp vào Chính Tạng. Tuy ngoài Tánh Tông, nhưng lại thuộc về Đại Thừa Tướng Giáo thì cũng tốt vậy. Đâu thể nói là đồng hai pháp sám trên?

Như trong kinh Xá-lợi Phật Vấn, Đức Phật bảo Trưởng giả Ban-nhã-đa-la rằng: "Ngươi có thể trong bảy ngày bảy đêm sám hối tất cả tội lỗi gây tạo từ trước, khiến cho thảy đều thanh tịnh!".

Đa-la vâng lời dạy, ngày đêm khẩn thiết hành trì, đến đêm thứ năm, bỗng nhiên trong thất mưa xuống đủ các vật nào khăn, nào màn, nào chổi, đao, chùy, búa... rơi xuống trước mặt. Đa-la vui mừng hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo rằng đó là tướng lìa trần, là các vật cất trừ, phủi sạch.

Căn cứ theo đây thì đâu khác gì với việc gieo mình được thấy trong kinh Chiêm Sát? Thế mới biết ngài Chân Biểu hành sám được thẻ, nghe pháp thấy Phật, đâu phải là việc hư dối. Nếu kinh này ngụy vọng thì Đức Từ Thị đâu đích thân trao cho Sư, như cấm kinh này thì cấm cả kinh Xá-lợi Vấn ư? Có thể cho rằng Ngạn Tông... chỉ biết chộp lấy vàng mà không thấy người, người đọc nên xét rõ. Tán rằng:

*Mạt thế, hiện thân cứu ngu mê*
*Linh nhạc, Tiên Khê cảm Thánh nhân*
*Chớ cho cần chuyên truyền Đáp Sám*
*Bắc cầu vượt biển độ các rồng.*

***Quan Đông Phong Nhạc Bát Uyên Tẩu Thạch Ký:***

(Ký này do Tự chủ Vinh Sầm Kim soạn, dựng vào năm Kỷ Mùi niên hiệu Thừa An thứ tư)

Luật sư Chân Biểu người ở làng Đại Tỉnh, thôn Na Sơn, quận Bích Cốt, Toàn châu. Năm mười hai tuổi phát tâm muốn xuất gia, cha cho phép, Sư đến Pháp sư Thuận Tế ở chùa Kim Sơn cầu xuất gia. Ngài Thuận Tế trao giới Sa-di, đồng thời truyền giao Cúng Dường Thứ Đệ Bí Pháp một quyển, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo hai quyển rồi dặn dò rằng:

- Ngươi mang giới pháp này đến trước ngài Địa Tạng và Di-lặc khẩn thiết cầu sám hối, thì sẽ được các ngài đích thân trao giới pháp, lưu truyền ở đời.

Sư bèn đi khắp các danh sơn, mãi đến năm hai mươi bảy tuổi tức nhằm năm Canh Tý niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất, Sư nấu hai mươi đấu gạo phơi khô làm lương thực, thẳng đến huyện Bảo An, vào am Bất Tư Nghị ở Biên Sơn, định mỗi ngày dùng năm hộp cơm khô (một hộp bằng một phần mười thăng) và một hộp bố thí cho chuột, ngày đêm siêng năng cần khổ cầu giới pháp trước tượng Đức Di-lặc. Trải qua ba năm mà chưa được thọ ký, Sư phẩn chí gieo mình xuống sườn núi, bỗng có một đồng tử áo xanh xuất hiện đỡ thân đặt lại trên đá. Sư lại lập chí phát nguyện kỳ hạn hai mươi mốt ngày. Từ đó Sư ngày đêm siêng tu, dập mình trên đá sám hối, mới ba ngày mà tay đã gãy lìa, đến đêm thứ bảy Bồ-tát Địa Tạng tay cầm gậy vàng đến gia trì, thì tay liền trở lại như cũ. Bồ-tát lại trao cho Sư ca-sa và bình bát. Sư đã cảm được Đại Thánh ứng hiện, nên càng tinh tấn gia công tu tập, hết hai mươi mốt ngày thì chứng được Thiên nhãn, thấy được tướng Thiên chúng cõi Đâu-suất giáng lâm. Bấy giờ Đại Thánh Địa Tạng và Từ Thị hiện ra trước mặt Sư nói rằng:

- Lành thay, Đại trượng phu! Cầu giới như thế, chẳng tiếc thân mạng!

Sư khẩn thiết sám hối, được Đức Địa Tạng trao cho giới bản; ngài Từ Thị trao cho hai cái thẻ, một ghi số chín, một ghi số tám, đồng thời dạy rằng: “Hai thẻ này là xương ngón tay của ta, biểu thị cho Bản giác và Thỉ giác. Thẻ số chín là Chủng tử pháp nhĩ, thẻ số tám là dụ cho Chủng tử Tân huân thành Phật. Dùng hai thẻ này để biết được báo quả. Sau khi ngươi xả thân này sẽ thọ thân đại quốc vương, kế đó sinh về cõi Đâu-suất!

Nói xong hai Thánh liền biến mất, bấy giờ là ngày hai mươi bảy

tháng bốn năm Nhâm Dần. Sư thọ nhận giáo pháp xong thì muốn lập chùa Kim Sơn, bèn xuống núi đến bến Đại Uyên, bỗng nhiên Long vương xuất hiện dâng ca-sa ngọc, đồng thời dẫn tám vạn quyến thuộc hộ vệ đến Kim Sơn Tẩu. Mọi người trong bốn phương đều đồng đến xây dựng, không bao lâu thì hoàn thành. Lại có Bồ-tát Từ Thị từ cung trời Đâu-suất cưỡi mây xuống trao giới pháp cho Sư. Do đó Sư khuyến mộ tài vật đúc chân tượng Đức Di-lặc, đồng thời vẽ oai nghi giáng hạ truyền giới ở vách phía Nam của Kim đường. Ngày mồng chín tháng sáu năm Giáp Thìn tượng đúc thành, đến ngày mồng một tháng năm năm Bính Ngọ thỉnh tôn trí tại Kim đường, đó là năm Đại Lịch thứ nhất. Một hôm Sư rời Kim đường đến Tục Ly sơn, giữa đường gặp một chiếc xe bò, con bò cứ kéo xe đến trước Sư rồi quỳ xuống mà khóc, người đi trên xe bước xuống hỏi rằng:

- Vì sao con bò này thấy Hòa thượng lại khóc, Hòa thượng từ đâu đến đây?

Sư đáp:

- Tôi là Chân Biểu, làm Tăng ở chùa Kim Sơn. Tôi từng đến am Bất Tư Nghì ở Biên sơn, thân thọ giới pháp và thẻ nơi Bồ-tát Địa Tạng và Di-lặc, nay muốn tìm nơi lập chùa lâu dài tu đạo, cho nên mới đến đây. Các con bò này tuy bên ngoài ngu, nhưng bên trong rất sáng tỏ, biết tôi thọ giới pháp, vì trọng pháp nên quỳ mà khóc.

Người kia nghe thế liền nói rằng: "Loài súc sinh còn có tín tâm như thế, huống gì ta là người mà lại vô tâm ư?". Tức thì cầm liềm cắt tóc. Sư từ bi xuống tóc và truyền giới cho. Sư đi tiếp đến Tục Ly sơn, vào động thấy nơi cỏ cát tường mọc mà biết được, rồi trở về biển ở Kinh châu, đang từ từ bước bỗng có cá, rùa, ba ba từ biển xuất hiện bơi đến trước Sư, rồi xếp như đất liền, Sư bước trên đó mà vào biển, xướng niệm giới pháp rồi trở ra, đi đến quận Cao Thành lập chùa Bát Uyên ở núi Giai Cốt, khai hội Chiêm sát, trụ lại đây bảy năm. Lúc bấy giờ ở Minh châu bị mất mùa, nhân dân đói khát, Sư bèn thuyết giới pháp, mọi người đều phụng trì, tin kính Tam bảo, khi ấy tự nhiên ở bờ biển vùng Cao Thành vô số cá bỗng nhiên chết, nhân dân lấy làm thức ăn nên tránh khỏi chết đói. Sư rời Bát Uyên trở về am Bất Tư Nghị, sau đó trở về nhà thăm cha, hoặc Sư đến trụ tại am Đại Đức ở Chân Môn. Bấy giờ lại có Đại đức Vĩnh Thâm ở Tục Ly sơn và các Đại đức Dung Tông, Phật-đà đến trụ xứ của Luật sư bạch rằng:

- Chúng con chẳng quản đường xa ngàn dặm đến đây cầu giới pháp, xin trao cho pháp môn!

Sư im lặng chẳng đáp. Ba người bèn trèo lên cây đào rồi tự té ngã xuống đất, dõng mãnh sám hối, Sư thấy thế bèn truyền pháp quán đảnh, đồng thời trao cho ca-sa, bát, cúng dường Thứ Đệ Bí Pháp một quyển, Nhật (nghi là Chiêm) Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh hai quyển, một trăm tám mươi chín cái thẻ và hai thẻ số tám và số chín của Bồ-tát Di-lặc; Sư dạy rằng: Thẻ số chín là pháp nhĩ, thẻ số mười là chủng tử Tân huân thành Phật, nay ta đã phó chúc cho các ngươi, hãy mang những món này trở về Tục Ly sơn, nơi có cỏ cát tường mọc mà sáng lập tinh xá, y theo giáo pháp này mà rộng độ trời người, lưu truyền hậu thế!

Vĩnh Thâm... tuân lời dạy trở về Tục Ly sơn, tìm đến nơi có cỏ cát tường mà lập chùa đặt tên là Cát Tường tự. Vĩnh Thâm trụ nơi đây bắt đầu khai pháp hội Chiêm Sát. Riêng Sư cùng với cha mình lại đến Bát Uyên đồng tu tạo nghiệp, phụng dưỡng cha đến cuối đời. Sắp đến giờ, Sư lên trên Đại nham ở phía Đông chùa mà thị tịch. Môn nhân không động đến chân thể mà để như vậy cúng dường cho đến khi hài cốt tan rã mới dùng đất lấp kín, làm u cung. Sau đó mọc lên một cây tòng xanh nơi mộ, trải qua nhiều năm cây tòng khô héo, lại mọc một cây khác, sau từ một gốc ấy lại nứt một cây nữa, đến nay song thọ vẫn còn. Phàm có người muốn kính lễ, đến tìm chân cốt dưới cây tòng thì hoặc là được, hoặc chẳng được. Tôi sợ Thánh cốt bị mai một nên vào tháng chín năm Đinh Tỵ, đến dưới cội tòng thập thâu được ba hộp xương cốt, cho vào trong ống mang lên Đại nham đặt dưới gốc song thọ rồi lập mộ đá an trí.

Đoạn văn trước ghi chép sự tích của Luật sư Chân Biểu có điểm chẳng đồng với Bát Uyên Thạch Ký, nên sách chép thêm phần của Vinh Sầm Kim soạn. Người học đời sau nên khảo xét (Vô Cực ghi).

***Đầu lâu của Thắng Thuyên:***

Thích Thắng Thuyên, chưa rõ Sư xuất thân từ đâu, chỉ biết là Sư theo thuyền đến Trung Quốc, làm môn hạ ngài Hiền Thủ, lãnh thọ được lời huyền, nghiên cứu rõ được diệu chỉ; lại gương tuệ siêu xuất, chiếu rõ điều ẩn, soi xét nghĩa sâu, thông đạt tận nguồn ảo diệu. Sư suy nghĩ rằng muốn được sự cảm ứng ắt phải có duyên, nên trở về cố quốc. Xưa kia ngài Hiền Thủ và ngài Nghĩa Tương là đồng môn, cùng được ngài Trí Nghiễm giáo huấn. Ngài Hiền Thủ y cứ theo lời của thầy dạy mà diễn thuật thành các nghĩa sở khoa chú, nhân Sư trở về quê mà gởi đến ngài Nghĩa Tương. Ngài Nghĩa Tương gởi ngụ thơ. Hiền Thủ soạn gồm có: Thám Huyền Ký hai mươi quyển, trong đó có hai quyển chưa hoàn

thành; Giáo Phần Ký ba quyển, các loại Huyền Nghĩa Chương, Tạp Nghĩa một quyển, Hoa Nghiêm Phạm Ngữ một quyển, Khởi Tín Sớ hai quyển; Thập Nhị Môn Sớ một quyển, Pháp Giới Vô Sai Biệt Luận Sớ một quyển, cũng nhờ Sư sao chép lại mang về nước.

Một hôm có vị Tăng Tân La tên là Hiếu Trung chuyển cho chín phân vàng nói là của Thượng nhân gởi, ngụ ý rằng: Tuy chẳng được thư nhưng cũng cúi mang ân vô tận. Nay phụ lòng vua Tây Quốc, đặc biệt tấm gội thân mình bày tỏ chút lòng thành, kính mong thọ nhận. Kính tỏ!

Sư trở về nước trao thư cho ngài Nghĩa Tương, ngài Nghĩa Tương xem văn của Pháp Tạng như đang nghe lời dạy của thầy là ngài Trí Nghiễm. Xem đọc vài tuần rồi truyền trao cho đệ tử. Diễn rộng văn này là do lời của ngài Nghĩa Tương. Xét rằng giáo nghĩa Viên dung truyền khắp vùng Hải đông thật là do công của Sư.

Về sau có một vị Tăng tên Phạm Tụ, viễn du đến nước kia thỉnh được bản Hoa Nghiêm tân dịch và Hậu phần Hoa Nghiêm Kinh do ngài Trừng Quán tạo nghĩa sớ, đem về nước lưu truyền, đó là vào năm Kỷ Mão niên hiệu Trinh Nguyên. Đây cũng là bậc cầu pháp tiếng tăm vậy! Sư lập chùa ở quận Khai Ninh, Thượng châu, lấy đầu lâu đá làm quyến thuộc, diễn giảng Hoa Nghiêm. Sau đó có một vị Sa-môn người Tân La tên là Khả Quy rất thông minh, rõ đạo lý kế tục truyền đăng có soạn Tâm Nguyên Chương, lược ghi rằng:

- Pháp sư Thắng Thuyên lãnh đồ chúng đá luận nghĩa diễn giảng, nay chính là chùa Cát Hạng. Tất cả gồm hơn tám mươi đầu lâu đá được Cương Ty lưu truyền, có hiện rất nhiều điềm linh dị. Các sự tích khác ghi đủ ở văn bia, như trong Đại Giác Quốc Sư Thật Lục.

***Tâm Địa kế thừa Pháp Tổ:***

Thích Tâm Địa là con của Hiến Đức Đại Vương, chủ đời bốn mươi mốt của Thần Hàn, họ Kim. Bình sinh Sư rất có hiếu để, thiên tánh thông minh. Đến năm mười lăm tuổi, Sư cạo tóc theo thầy, khẩn thiết tu đạo, đầu tiên Sư trụ tại Trung khâu (nay là Công sơn) nghe ngài Vĩnh Thâm truyền thẻ cốt Phật của Luật sư Chân Biểu và lập pháp hội Quả Đính, Sư quyết chí tìm cầu. Sư đến nhưng đã trễ nên không cho tham dự, Sư bèn quỳ trước sân theo chúng sám hối. Trải qua bảy ngày trời bắt đầu đổ tuyết lớn, nhưng trong khoảng mười thước vuông mà Sư đứng, tuyết không rơi đến. Đại chúng thấy việc thần dị như thế, mới dẫn vào pháp đường, nhưng Sư khiêm hạ nói là bị bệnh, nên lui vào phòng ngầm

hướng về điện đường lễ sám, đến nỗi tay và trán đều rướm máu, giống như lúc ngài Chân Biểu hành sám tại Tiên Khê sơn, Bồ-tát Địa Tạng hàng ngày đến thăm hỏi, lúc pháp hội đã mãn, Sư trở về núi, đi nửa đường bỗng phát hiện hai cái thẻ đang dắt trong vạt áo của mình, liền trở lại báo với ngài Vĩnh Thâm. Thâm nói:

- Thẻ cất kỹ trong hòm, đâu thể đến đây?

Bèn lấy hòm xem thì niêm phong vẫn như cũ, nhưng mở ra thì thẻ đã mất. Ngài Vĩnh Thâm rất kinh dị, bèn gói lại mà cất. Sư lại lên đường, lát sau cũng trở lại báo như thế. Ngài Vĩnh Thâm bảo:

- Ý Phật đã định Sư thì Sư nên tuân hành!

Nói xong ngài Vĩnh Thâm truyền trao thẻ Phật cốt cho Sư. Sư đãnh lễ thọ nhận mang về núi. Sơn Thần dẫn hai vị Tiên ra nghinh đón Sư lên đỉnh núi, dẫn đến ngồi trên tảng đá rồi quỳ ở phía dưới mà xin thọ chánh giới. Sư nói:

- Nay muốn chọn nơi tôn trí các thẻ này, nhưng chúng ta chẳng thể định được, mời ba vị cùng tôi lên trên cao ném thẻ mà chọn đất. Tâm Địa cùng với ba vị thần tiên lên đỉnh núi, hướng về phía Tây mà ném, các thẻ bay theo gió. Bấy giờ thần ca rằng:

*Ngại núi xa hư xuống đất bằng chừ!*
*Lá bay tan tác sinh hiểu biết chừ!*
*Tìm được thẻ Phật cốt chừ!*
*Thỉnh đến nơi an tỉnh chí thành lễ thọ chừ!*

Ca xong thì được thẻ tại Lâm Tuyền, liền chọn nơi ấy xây dựng điện đường để an trí. Nay chính là giếng nhỏ ở phía Bắc Thiêm đường (nhà đặt các thẻ xăm) chùa Đồng Hoa. Sau đó Duệ Vương của bản triều nghinh thỉnh các thẻ thánh này vào cung lễ kính, bỗng nhiên mất một thẻ số chín, bèn dùng ngà làm thẻ thế vào rồi đưa về chùa cũ. Đến nay thì đã dần dần biến thành đồng một màu, khó phân biệt được mới cũ, chất liệu chẳng phải ngà chẳng phải ngọc.

*Kinh Chiêm Sát quyển thượng có ghi tên 189 cái thẻ:* thẻ số một là cầu thượng thừa được bất thoái, thẻ số hai là quả sở cầu hiện đời sẽ chứng; thứ ba thứ bốn là cầu Trung Hạ thừa được bất thoái; thứ năm là cầu thần thông được thành tựu, thứ sáu là tu bốn phạm được thành tựu, thứ bảy là tu thiền thế gian được thành tựu, thứ tám là cầu thọ thì được diệu giới, thứ chín đã thọ thì được đầy đủ giới (dùng văn này mà xét thì biết ngài Từ Thị nói mới đắc giới là đời này mới đắc giới, còn cựu đắc giới là quá khứ đã thọ, đời này lại thọ thêm nữa. Chứ chẳng phải là mới cũ của Tu sinh và Bản hữu); thẻ thứ mười là cầu Hạ thừa mà chưa

trụ nơi Tín, kế đến là cầu Trung thừa chưa trụ tín. Cứ như thế đến thẻ một trăm bảy mươi hai đều là nói các việc thiện, ác, được mất trong đời quá khứ và hiện tại. Thẻ thứ một trăm bảy mươi ba là nói sau khi xả thân thì vào địa ngục (là quả vị lai), một trăm bảy mươi bốn là sau khi chết vào súc sinh, như thế cho đến ngạ quỷ, Tu-la, người, nhân vương, Trời, Thiên vương, nghe pháp, xuất gia, gặp Thánh tăng, sinh về cõi Đâu-suất, sinh về Tịnh độ, thấy Phật, trụ Hạ thừa, trụ Trung thừa, trụ Thượng thừa được giải thoát là thẻ một trăm tám mươi chín (ở trên nói trụ Hạ thừa cho đến Thượng thừa được bất thoái, ở đây phân biệt nói trụ Thượng thừa được giải thoát). Tất cả đều là tướng sai biệt của quả báo thiện ác trong ba đời, lấy đây mà chiêm xét, nếu được thẻ tương ứng với hành sự của tâm thì có cảm ứng, nếu không thì chẳng chí tâm, mà gọi là hư dối. Thế thì biết hai thẻ tám, chín là từ một trăm tám mươi chín thẻ mà có. Nhưng đời Tống truyền chỉ có một trăm lẻ tám thẻ đó là thế nào? E rằng đó là lấy tên một trăm lẻ tám phiền não để gọi mà không tìm xét văn kinh vậy.

Theo Vương Đại Tông Lục hai quyển do Văn sĩ Kim Khoan Nghị của Tân La soạn thì ghi rằng: Vào cuối triều Tân La, vị Tăng nước này là Thích Xung đã hiến cho Thái Tổ một tấm ca-sa và một trăm tám mươi chín thẻ giới của Luật sư Chân Biểu, nay chưa biết là các vật này là đồng hay khác với các thẻ mà chùa Đồng Hoa đã truyền. Tán rằng:

*Sinh trưởng trong cung, sớm thoát ly*
*Kiệm cần thông tuệ tự thiên tư*
*Tuyết dày trước điện, thâu thẻ Phật*
*Đến ngọn Đồng Hoa ném chọn nơi.*

***Hiền Du-già - Hải Hoa Nghiêm:***

Tổ Du-già là Đại Đức Hiền trụ tại chùa Nhĩ Trường ở Nam sơn. Chùa có chân tượng Đức Từ Thị một trượng sáu tạc bằng đá. Mỗi khi Đại Hiền nhiễu tượng, thì tượng cũng xoay mặt theo Hiền. Ngài Đức Hiền có tuệ biện rất thông lợi, quyết trạch thật rõ ràng rốt ráo. Phàm luận về Tướng Tông thì chỉ thú rất sâu kín khó phân tích. Như danh sĩ Bạch Cư Dị của Trung Quốc đã từng nghiên cứu đến tận cùng mà chưa đạt được, bèn nói rằng: "Duy Thức rất sâu kín khó phá, nhân minh rất chặc chẻ chẳng thể phân khai, vì thế người học khó lãnh thọ đã từ lâu rồi!". Chỉ có một mình Đại Hiền phân định chỗ sai lầm, dần dần mở bày chỗ sâu kín; khiến cho dễ dàng thâm nhập; hàng hậu học ở Hải Đông đều tuân theo lời chỉ dạy của Sư, đồng thời các học sĩ của Trung Hoa

cũng dần dần lấy đó làm quy tắc. Năm Quý Tỵ niên hiệu Thiên Bảo thứ mười hai, đời Cảnh Đức Vương, vào mùa hạ đại hạn, vua triệu Sư vào nội điện giảng kinh Kim Quang Minh để cầu mưa cam lồ, một hôm thọ trai xong, Sư giở bát hồi lâu, mà chưa hiến tịnh thủy, giám quan cật vấn, người cúng dường đáp:

- Giếng trong cung đã khô cạn, phải đi lấy nước ở xa, cho nên chậm trễ.

Sư nghe được nói rằng: Vì sao chẳng nói sớm!

Đến lúc giảng Kinh, Sư bưng lò hương im lặng, bấy giờ nước từ giếng Tư Tu bỗng nhiên vọt lên cao khoảng bảy trượng bằng cột cờ trước sân, cả cung đều kinh hãi. Do đó gọi là giếng Kim quang. Sư tự gọi là Thanh Khâu Sa-môn. Tán rằng:

*Nam sơn nhiễu Phật, tượng xoay đầu*
*Phật nhật Hải Đông lại hiện ra,*
*Thuyết giáo giếng cung phun nước sạch,*
*Ai biết lò vàng một nén hương.*

Mùa hạ năm sau, nhằm năm Giáp Ngọ, Vương lại thỉnh Đại đức Pháp Hải giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Hoàng Long, Vương đích thân đến dâng hương, ung dung nói rằng: “Mùa hạ năm trước Pháp sư Đại Hiền giảng kinh Kim Quang, nước từ giếng vọt lên cao bảy trượng, còn Đại đức đạo pháp thế nào?”

Sư đáp: “Đó chỉ là việc nhỏ, đâu đáng để xưng tán, dẫu có làm nghiêng đổ biển lớn, dời Đông nhạc, trôi kinh sư cũng chẳng có gì khó.” Vương chẳng tin cho là lời đùa cợt. Đến thời ngọ giảng, Sư nâng lư hương nét mặt trầm tịch, trong chốc lát nghe trong cung có tiếng la khóc, người trong cung chạy ra báo rằng: “Nước ở Đông hải đã đầy tràn, tuôn chảy ngập hơn năm mươi gian trong nội điện. Vua hoảng hốt thất kinh. Sư cười nói:

- Đông hải muốn đổ rồi, nên mạch nước trước tiên dâng cao vậy!

Vương bất giác lễ bái. Hôm sau chùa Cảm ân tâu rằng trưa hôm qua nước biển dâng cao ngập đến bậc thềm trước chánh điện, khoảng bữa ăn thì rút. Vương càng kính tin hơn. Tán rằng:

*Biển pháp sóng xao cùng pháp giới*
*Bốn biển vơi đầy thật dễ thay,*
*Chớ nói trăm ức Tu-di lớn,*
*Đều tại trên đầu ngón tay ta.*

■

# TAM QUỐC DI SỰ

## QUYỂN 5

## MÔN 6: THẦN CHÚ

***Mật Bản phá tà:***

Thiện Đức Vương Đức Mạn bị bệnh đã lâu ngày, tăng Pháp Dịch chùa Hưng Luân vâng chiếu vào chữa trị, nhưng lâu rồi mà không công hiệu. Bấy giờ có Pháp sư Mật Bản đức hạnh vang khắp nước, quần thần xin thay Dịch. Vương bèn thỉnh Sư vào nội cung. Sư ngồi bên ngoài phòng tụng kinh Dược Sư vừa xong, Sư cầm sáu cái vòng phi thân vào phòng ngủ của Vương đâm một con chồn và Pháp Dịch ném ngược ra sân. Bệnh của Vương liền hết. Bấy giờ trên đảnh đầu của Sư có thần quang năm màu, ai nhìn thấy cũng đều kinh sợ.

Lại Thừa tướng Kim Lương Đồ khi còn trẻ, một hôm bỗng nhiên thân thể cứng đơ, miệng không nói được, không cử động được. Thường thấy một con quỷ lớn dẫn bầy quỷ nhỏ đến, trong nhà phàm có thức ăn gì chúng đều nếm hoặc ăn hết; mời thầy cúng, đồng cốt đến thì bầy quỷ tụ tập lại tranh nhau bức hiếp. Lương Đồ tuy rất muốn trừ khử mà miệng không thể nói được. Gia đình thỉnh một vị tăng (đã quên tên) ở chùa Pháp Lưu đến tụng kinh, quỷ lớn bảo bầy quỷ nhỏ dùng chùy sắt đánh vào đầu vị Tăng khiến vị này té trên đất thổ huyết mà chết. Vài ngày sau, người nhà đến thỉnh Pháp Sư Bản. Người ấy trở về nói rằng:

- Pháp sư đã nhận lời mời, sắp đến đây!

Các quỷ nhỏ nghe vậy thì thất kinh nói rằng:

- Pháp sư đến thì sẽ bất lợi, trốn đi cũng đâu thoát.

Quỷ lớn thì ung dung ngạo mạn nói:

- Đâu có ai làm hại được ta!

Bỗng chốc có Đại Lực Thần Tướng ở bốn phương mang giáp vàng cầm trường kích đến bắt trói bầy quỷ dẫn đi, kế đến có vô số thiên thần đến vây quanh chờ đợi, lát sau Sư đến, chẳng đợi khai kinh, bệnh đã hết, miệng nói được, thân cử động được, bèn kể lại tất cả mọi chuyện.

Từ đó Lương Đồ dốc lòng tin Phật, một đời không biếng trễ, lại đúc tạo chân tượng Di-đà chủ tôn tại Ngô đường chùa Hưng Luân, đồng thời dùng nhủ vàng vẽ hai tôn tượng Bồ-tát ở hai bên trái phải Đức Di-đà trong Ngô đường này. Sư thường trụ tại chùa Kim Cốc.

Bấy giờ Kim Dửu Tín kết thân giao với một vị cư sĩ, mọi người chẳng biết cư sĩ là ai. Dửu Tín có một người thân tên là Tú Thiên mang ác bệnh đã lâu, Tín mời cư sĩ chẩn đoán chữa trị. Vừa lúc ấy một bạn cũ cũa Tú Thiên là Sư Nhân Tuệ từ Trung Khâu đến thăm hỏi, thấy Cư sĩ, liền tỏ vẻ khinh mạn nói rằng:

- Xem hình nghi của ông thì biết là kẻ tà nịnh, đâu được để chăm sóc người bệnh.

Cư sĩ liền nói:

- Tôi vâng lệnh Kim Công, thật là việc bất đắc dĩ mà thôi!

Nhân Tuệ nói:

- Ngươi hãy xem thần thông của ta đây!

Nói xong bưng lư, chú hương, bỗng chốc trên đầu hiện mây năm sắc xoay chuyển, hoa trời rơi khắp đất.

Cư sĩ thưa:

- Thần lực của Hòa thượng thật chẳng thể nghĩ bàn, đệ tử cũng có biết đôi chút vụng về, xin Hòa thượng xem thử. Thỉnh ngài đứng ra trước!

Nhân Tuệ nghe theo. Cư sĩ liền khảy móng tay một tiếng tức thời Nhân Tuệ lộn ngược đầu xuống đất, vọt thẳng lên cao một trượng, hồi lâu mới từ từ hạ ngược xuống, đầu chạm đất, toàn thân thẳng đứng, mọi người đến xô đẩy mà vẫn bất động. Cư sĩ bỏ đi mà Tuệ vẫn như thế. Sáng hôm sau Tú Thiên sai người đến báo cho Tín Công, Công nói Cư sĩ đến giải, Nhân Tuệ không dám biểu diễn thần thông để mưu lợi nữa. Tán rằng:

*Tía hồng xen lẫn loạn cả chu (đỏ)*
*Khá thương mắt cá dối ngu phu*
*Chẳng nhờ Cư sĩ cho đàn chỉ*
*Bao nhiêu tài sản bị dối lừa.*

***Tuệ Thông hàng long:***

*Thích Tuệ Thông:* Sử sách không rõ tộc họ, chỉ biết lúc chưa xuất gia, nhà Sư ở tại cửa động Ngân Xuyên (nay là ngôi làng phía Đông chùa Nam Giản) tại chân phía Tây của Nam sơn. Một hôm đến suối ở phía Đông nhà bắt một con rái cá làm thịt ăn, ném xương trong vườn,

sáng hôm sau xương bị mất, bèn theo dấu máu đi tìm, thấy bộ xương trở về hang cũ đang ngồi ôm năm rái con. Lúc ấy Sư rất kinh sợ, cảm thán do dự hồi lâu rồi bỏ tục, xuất gia đổi tên là Tuệ Thông. Đầu tiên Sư sang Trung Hoa, tham học nơi Tam tạng Vô Úy. Ngài Vô Úy nói rằng: "Ngươi là người Man di đâu thể kham làm pháp khí!". Do đó chẳng truyền dạy. Sư không dám tạ từ ra đi, mà ở lại siêng năng làm việc ba năm, nhưng vẫn không chấp nhận. Sư phát phẩn, ra đứng trước sân đầu đội chậu lửa, bỗng chốc đầu xé nổ phát ra một tiếng lớn như sấm, Tam tạng nghe được bước ra xem, dẹp chậu lửa, dùng ngón tay chận nơi bị nứt vỡ rồi tụng thần chú, vết thương liền lại như cũ, chỉ còn lại một vết sẹo giống như chữ vương, nên gọi là Vương Hòa thượng. Ngài Vô Úy cho là một bậc pháp khí bèn truyền ấn quyết.

Bấy giờ nhà Đường có một công chúa bị bệnh, vua Cao Tông thỉnh cầu Tam tạng Vô Úy, ngài Vô Úy cử Sư thay mình đến chữa trị, Sư vâng lời dạy đến một nơi riêng, dùng một đấu đậu trắng chú nguyện vào thau bằng bạc, biến thành thần binh giáp trắng, đuổi không được tà quỷ; Sư lại dùng một đấu đậu đen chú nguyện trong thau bằng vàng, biến thành thần binh giáp đen, khiến thần binh hai màu hợp sức đuổi tà. Bỗng nhiên có một con rồng bay ra. Từ đó bệnh của công chúa tiêu trừ. Rồng oán hận Sư đã đuổi mình nên đến rừng Nhưng lâm ở Tân La hại người rất tàn độc. Bấy giờ Trịnh Cung làm sứ sang Đường, gặp Sư nói rằng:

- Con rồng dữ mà Sư đuổi, nay đến nước ta phá hại rất nhiều, hãy mau trở về trừ diệt!

Năm Ất Sửu, niên hiệu Lân Đức thứ hai, Sư cùng với Cung trở về nước đuổi rồng. Rồng lại oán hận Cung, nên gá làm cây liễu mọc trước cửa nhà Cung, Cung chẳng hay biết gì, chỉ nếm mật của cành cây này mà trở nên vô cùng yêu quý nó. Bấy giờ Thần Văn Vương vừa băng hà, Hiếu Chiêu lên ngôi, ban lịnh dọn dẹp đồi núi, sửa sang con đường mai táng, cây liễu của Trịnh Cung nằm ngay đường, quan quân muốn chặt bỏ, Cung tức giận nói rằng:

- Thà chém đầu ta, chớ chặt cây liễu này!.

Quan quân về tâu lại. Vương tức giận nói với quan Tư Khấu rằng:

- Trịnh Cung cậy nơi Vương Hòa thượng có thần thuật nên mưu đồ phản nghịch, khinh thường Vương mệnh, nói là "Hãy chém đầu mình", như thế thì nên làm theo điều mà hắn thích!

Vương bèn ra lệnh giết Cung, chôn tại nhà. Quần thần bàn rằng:

- Vương Hòa thượng và Cung giao du rất thân mật ắt sẽ có lòng ghen ghét, nên trừ khử trước!. Hiếu Chiêu sai quân lính tìm bắt. Sư đang ở tại chùa Vương vọng thấy quân lính đến, liền lên gác mang theo một cái bình; nghiên, mực đỏ và bút, rồi gọi quân lính nói rằng:

- Các ngươi hãy xem ta làm đây!

Rồi Sư dùng bút chấm mực đỏ vạch ngang một vạch ngay nơi cổ của cái bình, rồi nói tiếp rằng:

- Các ngươi mỗi người hãy xem cái cổ của mình! Mọi người nhìn nhau đều thấy trên cổ của mình cũng có một vạch đỏ, đồng ngạc nhiên mà nhìn. Sư lại nói:

- Nếu ta chém ngay cổ bình này, là chém cổ các ngươi đấy phải chăng?

Quân lính bèn sợ hãi bỏ chạy, về chỉ Vương xem vết mực trên cổ. Vương nói:

- Hòa thượng có thần thông, há sức người mà mưu hại được ư?. Bèn bãi bỏ lịnh ấy. Một hôm con gái của vua bỗng phát bệnh, thỉnh Sư vào cung chữa trị, bệnh lành, Vương rất vui mừng. Nhân đó Sư nói:

- Trịnh Cung bị rồng ác làm xấu nên chịu hình pháp. Vương nghe thế tâm sinh hối hận, tha tội tất cả vợ con thê thiếp của Cung, đồng thời tôn Sư làm quốc sư. Rồng ác đã báo oán nơi Trịnh Cung thì đến núi Cơ trương làm Thần gấu, thì càng độc ác hơn, nhân dân phần nhiều oán thán. Sư đến núi giáo huấn rồng thọ giới chẳng sát sinh, từ đó mới dứt sự tàn hại. Lúc Thần Văn Vương phát bệnh ung nhọt trên lưng, mời Sư vào chữa trị. Sư đến tụng thần chú thì bệnh liền hết. Sư nói:

- Khi xưa lúc bệ hạ làm thân tể quân đã lầm phán quyết một người tốt là Tín Trung làm khổ sai, sau Tín Trung oán hận, đời đời báo oán, ung nhọt hôm nay cũng là do Tín Trung gá vào! Vương nên vì Tín Trung tạo lập Già-lam cầu minh phước để giải oan! Vương y lời, xây dựng một ngôi chùa đặt tên là Tín Trung Phụng Thánh tự. Chùa hoàn thành, trên hư không bỗng có tiếng nói rằng: “Nhờ Vương lập chùa, nên được thoát khổ, sinh về cõi trời, oán thù đã giải!” (có bản ghi việc này tại truyện ngài Chân Biểu là sai lầm), nơi phát ra lời nói ấy ứng với dưới đất, lập Chiết Oán đường. Đường này và chùa nay vẫn còn. Đầu tiên có Mật Bản, sau có Minh Lãng vào Long cung được ấn thần (tiếng Phạm là Đậu-lâu, dịch là Thần ấn). Tổ sáng lập Thần Du Lâm (nay là chùa Thiên Vương) từng cầu đảo trừ giặc lân bang, nay Hòa thượng truyền cốt tủy của ngài Vô Úy, đi khắp các nơi cứu người độ vật, lại dùng Túc mệnh minh mà bảo lập chùa, giải oan. Mật giáo đại chấn bắt đầu từ đây

vậy. Tổng Trì Nham ở Thiên Ma, Chúc Tích Viện ở Mẫu Nhạc đều là hậu duệ của Sư. Hoặc cho rằng thế tục gọi Sư là Tôn Thắng Giác Can, Giác Can là phẩm cấp cao nhất ở Tân La, tức Tể tướng. Chưa nghe nói Sư hiện tích làm quan, hoặc nói bắn được sài lang v.v... đều chưa xác định được. Tán rằng:

*Núi đào khe hạnh ánh tà dương*
*Xuân đến hoa khai rộ bên đường*
*May nhờ lang quân được rái cá*
*Quỷ ma ngoại đạo lánh kinh kỳ.*

***Minh Lãng được thần ấn:***

Theo Kim Quang Tự Bản Kỷ thì Sư vốn sinh ở Tân La, sang Đường học đạo, lúc sắp trở về thì Long vương thỉnh vào long cung truyền trao bí pháp, cúng dường một ngàn lượng vàng (hoặc nói là một ngàn cân). Sư đi dưới mặt đất rồi vọt lên từ đáy giếng của nhà mình. Sư cải nhà làm chùa, dùng vàng mà Long vương đã cúng để trang nghiêm tượng tháp sáng chói rực rỡ phi thường, nhân đó mà đặt tên là Kim Quang (Tăng truyện ghi Kim Vũ là sai).

Sư húy là Minh Lãng, tự là Quốc Dục, con của Sa Can Tài Lương, mẹ là Nam Giản Phu Nhân, hoặc nói mẹ là Pháp Quai Nương, con gái của Tô Phán Mậu Lâm, em gái của ngài Từ Tạng. Gia đình Sư có ba anh em: Thứ nhất là Quốc Giáo Đại Đức, thứ hai là Nghĩa An Đại Đức, thứ ba là Sư. Một hôm người mẹ nằm mộng thấy một hạt châu màu xanh mà có thai sinh ra Sư. Năm thứ nhất đời Thiện Đức Vương, Sư sang Trung Hoa đến năm Ất Mùi, niên hiệu Trinh Quán thứ ba thì trở về. Năm Mậu Thìn niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, tướng nhà Đường là Lý Tích thống lãnh đại binh hợp với binh Tân La diệt Cao Ly. Sau đó giữ lại một số quân đồn trú ở Bách Tế, muốn đánh úp diệt luôn Tân La. Người Tân La biết được, phát binh chống cự, Cao Tông nghe được rất tức giận sai Tiết Bang đem binh thảo phạt. Văn Võ Vương nghe tin rất kinh sợ, thỉnh Sư hành bí pháp để cầu đảo (sự việc đã chép tại truyện của Văn Võ Vương), nhân đây mà tôn là Thần Ấn Tông Tổ. Đến khi Thái Tổ ta sáng lập cơ nghiệp, cũng có lần bị hải tặc đến quấy phá, bèn thỉnh hậu duệ của An Tuệ, Lãng Dung là hai vị Đại đức Quảng Học, Đại Duyên hành pháp cầu đảo để trấn giữ, đó cũng là dòng phái của Sư. Nếu tính từ ngài Long Thọ trở xuống thì Sư là Tổ thứ chín (Tự Ký ghi ba Sư đều là Tổ Luật Tông, chưa rõ vì sao?)

Thái tổ có sáng lập chùa Hiện Thánh làm căn cứ địa của Tông

này. Lại cách Đông nam của kinh thành Tân La hơn hai mươi dặm có chùa Viễn Nguyên tương truyền do bốn vị Đại đức là An Tuệ... cùng với Kim Dửu Tín, Kim Nghĩa Nguyên, Kim Thuật Tông đồng tạo lập. Di cốt của bốn vị Đại đức đều tôn thờ ở ngọn núi phía Đông chùa, nhân đó mà có tên là Tứ Linh sơn Tổ sư Nham. Thế thì bốn vị Đại đức đều là các bậc cao đức thời Tân La.

Theo Trụ Thiếp chú cước chùa Bạch thì con gái của Hộ trưởng Khánh Châu Cự Xuyên Mẫu A là Nữ Mẫu Minh Châu Nữ, con trai của Nữ Mẫu Tích Lợi Nữ là Quảng Học Đại Đức và Đại Duyên Tam Trọng (xưa gọi là Thiện Hội) hai anh em đều là môn đồ của Thần Ấn Tông, năm Tân Mão niên hiệu Trường Hưng thứ 2, theo Thái Tổ về Kinh đô, theo Vương tu tập. Vì thưởng công lao khó nhọc nên Vương cấp tiền bạc cho ngày kỵ cha mẹ của hai vị tại chùa Bạch và nhiều mẫu ruộng...

Thế thì Quảng Học và Đại Duyên là những người theo Thánh Tổ về Kinh, còn An Tuệ... là những vị đã cùng Kim Dửu Tín lập chùa Viễn Nguyên. Linh cốt của Quảng Học và Đại Duyên cũng chuyển về thờ tại đây, chứ chẳng phải bốn vị Đại đức đồng sáng lập chùa Viễn Nguyên, chỉ đi theo Thánh Tổ mà thôi!

---------------------------

## MÔN 7: CẢM THÔNG

***Tiên Đào Thánh Mẫu tùy hỷ Phật sự:***

Vào thời Chân Bình Vương có một Tỳ-kheo-ni tên là Trí Tuệ là người hiền đức đầy đủ giới hạnh, trụ tại chùa An Hưng, muốn tu sửa điện Phật, nhưng không đủ sức. Một hôm mộng thấy một Tiên nữ phong cánh dung nghi rất thùy mị và xinh đẹp, ngọc thúy trang sức trên mái tóc, đến an ủi rằng: “Ta là Thần Mẫu của Tiên Đào Sơn, vui mừng vì biết Sư muốn tu sửa điện Phật, xin cúng mười cân vàng để trợ giúp. Sư lấy vàng nơi tòa ta ngồi, trang nghiêm ba tượng chủ tôn trên tường, vẽ năm mươi ba tượng Phật, sáu bộ loại Thánh chúng, các Thiên Thần và Thần quân năm núi (năm núi của Tân La bấy giờ là Đông Hàm sơn, Nam Trí Dị sơn, Tây Kê Long sơn, Bắc Thái Bá sơn, Trung Phụ Khâu cũng gọi là Công Sơn). Trong mười ngày của hai mùa xuân thu phải tụ họp thiện nam tín nữ, vì tất cả hàm linh mà lập pháp hội Chiêm Sát, và lấy đó làm định kỳ (việc này giống với điềm mộng mà rồng ở hồ Khuất Phất báo cho Đế, thỉnh khai đạo tràng Dược Sư tại Linh Thứu sơn để an

định đường biển).

Trí Tuệ giật mình tỉnh giấc dẫn đồ chúng đến miếu thờ, đào dưới tòa ngồi được một trăm sáu mươi lượng vàng, liền trở về khởi công, tất cả đều y theo lời Thần Mẫu dặn dò. Đến nay việc ấy vẫn còn mà pháp hội đã bị phế bỏ.

Thần Mẫu lúc sinh tiền vốn là con gái của một Hoàng đế Trung Quốc tên là Sa Tô, sớm được thuật thần tiên, đến trụ tại Hải đông đã lâu mà chẳng chịu trở về. Phụ Hoàng buộc thư vào chân diều hâu gởi đi. Công chúa nhận được thư nói rằng: "Tùy nơi nào chim dừng thì lấy đó làm nhà", xong thả chim bay đi, diều (diên) bay một mạch đến núi này thì dừng, Sa Tô bèn đến đó làm Địa Tiên nên gọi là Tây Diên sơn. Thần Mẫu trụ tại núi này đã lâu, trấn giữ quốc gia, hiện rất nhiều điềm linh dị. Từ khi lập quốc đến nay đền thờ này thường là một trong ba ngôi lớn, lộc hưởng tại các núi chung quanh. Đời vua thứ năm mươi bốn là Cảnh Đức Vương rất thích dạy chim ưng, thường lên núi này thả chim, một hôm chim bị mất, vua cầu Thần Mẫu rằng: "Nếu được lại chim, sẽ phong tước cho!". Bỗng chốc chim ưng quay về đậu trên ghế. Nhân đó Vương phong tước cho Thần Mẫu là Đại vương.

Thần Mẫu đầu tiên đến Thần Hàn sinh ra Thánh Tử làm vị vua đầu tiên của Đông Quốc, là chỗ khởi đầu của hai Thánh là Hách Cư và Át Anh. Cho nên gọi là Kê Long, Kê Lâm, Bạch Mã, vì Kê là thuộc về hướng Tây. Thần Mẫu khi ấy thường sai các Tiên Thiên dệt lụa, nhuộm màu sắc, may triều phục tặng cho chồng. Người trong nước lúc đó mới biết sự thần nghiệm của bà. Lại Quốc sử sứ thần nói rằng: Trong khoảng niên hiệu Chánh Hòa, Thức từng đi sứ sang Tống, đến Hựu Thần Quán, có một ngôi điện thờ tượng Nữ Tiên, người bạn trong Quán này là Học sĩ Vương Phủ nói rằng: "Đây là một vị thần của quý quốc, ngài biết chăng? Xưa có một người con gái của Hoàng đế Trung Quốc đi thuyền vượt biển sang Thần Hàn sinh được người con trai, sau làm Thỉ Tổ của Hải Đông, người con gái ấy làm Địa Tiên, thường trụ tại núi Tiên Đào. Đây là tượng của nữ Tiên ấy."

Lại sứ của Đại Tống là Vương Tương đến triều ta tế Đông Thần Thánh Mẫu có câu: "Mang thai sinh bậc hiền khai mở quốc thổ", nay lại dâng vàng phụng Phật, vì tất cả hàm sinh khai pháp hội làm bến bờ. Như thế đâu chỉ học phép trường sinh mà quẩn quanh trong chỗ mờ mịt ư? Tán rằng:

*Đến định Tây Diên mấy mươi thu*
*Gọi kêu Thiên nữ dệt y thường*

*Trường sinh, vô sinh chưa hẳn khác*
*Cố hỏi Kim Tiên lập ngọc hoàng.*

***Tỳ nữ Úc Diện niệm Phật sinh về Tây Phương:***

Vào đời Cảnh Đức Vương, ở vùng Khang châu (nay là Tấn châu; còn gọi là Cương châu thì nay là Thuận an) có khoảng vài mươi Thiện sĩ phát tâm cầu sinh Tây Phương. Trong địa phận châu này có lập chùa Di-đà, thời gian vạn ngày làm kỳ hạn niệm Phật. Bấy giờ nhà của A Can Quý Trân có một nô tỳ tên là Úc Diện thường theo chủ nhân về chùa đứng trước sân theo chúng Tăng niệm Phật. Người chủ ghét tỳ nữ không xứng đáng, nên trước khi đi chùa, bà giao cho Úc Diện phải giả hai thạch lúa trong một đêm. Úc Diện giả đến canh một thì xong liền đến chùa niệm Phật. Lâu ngày quá mỏi mệt, Úc Diện dùng dây xỏ ngang qua hai bàn tay của mình rồi giăng cột vào hai cây trụ hai bên trái phải sân chùa, cứ thế mà chắp tay niệm Phật. Mọi người qua lại sách tấn. Bấy giờ trên hư không chư Thiên xướng lên rằng: “Úc Diện hãy vào Điện đường niệm Phật!”. Đại chúng trong chùa nghe được, khuyên Úc Diện vào. Cô vào cũng tùy thuận phép tắc mà tinh tấn tu tập. Không bao lâu nhạc trời từ phương Tây vọng đến, Úc Diện vọt lên nóc nhà mà ra, đi theo hướng Tây đến ngoài thành, thì xả bỏ thân này, hiện thành chân thân, ngồi trên đài sen, phóng ánh sáng rồi từ từ bay xa, tiếng nhạc trời trên hư không vẫn không dứt. Điện đường ấy ngày nay vẫn còn một lỗ trống, nơi mà Úc Diện đã thoát ra (đó là theo Hương Truyện).

Theo Tăng Truyện thì Đống Lương Bát Trân là do Đức Quán Âm ứng hiện tụ tập đồ chúng gồm một ngàn người, phân làm hai nhóm: một là chúng lao lực, hai là chúng tinh tu. Vị tri sự trong chúng lao lực vì phạm giới nên đọa vào đường súc sinh, làm trâu trong chùa Phù Thạch, thường chở kinh điển, lại nhờ sức của kinh mà chuyển sinh làm nô tỳ trong nhà A Can Quý Trân, tên là Úc Diện. Nhân có việc đến Hạ Kha Sơn một hôm cảm mộng mà phát đạo tâm. Nhà của A Can cách chùa Di-đà của Pháp sư Tuệ Tú sáng lập không xa, A Can thường đến chùa niệm Phật, nô tỳ đi theo đến chùa đứng trước sân niệm Phật... Trải qua chín năm, đến ngày hai mươi mốt tháng giêng năm Ất Mùi, sau khi lễ Phật xong Úc Diện vọt lên nóc chùa mà ra, đi đến Tiểu Tú Sơn thì đánh rơi một chiếc giày, nơi này sau là chùa Bồ-đề; xuống núi thì xả thân này, nơi này sau là chùa Nhị Bồ-đề. Tấm bảng của điện đường này ghi: Úc Diện Đăng Thiên Chi Điện. Khoảng trống trên nóc chùa rộng khoảng năm thước, nhưng mưa lớn tuyết dày vẫn không rơi ướt. Sau có

một hiếu chủ tạo một ngôi tháp bằng vàng đặt trên thừa trần (còn gọi là Tảo Tỉnh, Thiện Hoa Bản) ngay khoảng trống khi trước để ghi nhớ việc kỳ lạ này. Nay tháp và bảng vẫn còn. Sau khi Úc Diện đi rồi, Quý Trân cũng cho rằng nhà mình là nơi dị nhân gá sinh, nên cải làm chùa, đặt tên là Pháp Vương, hiến ruộng cho dân làng. Lâu ngày chùa bị đổ nát chỉ còn nền mà thôi. Về sau có Đại sư Hoài Cảnh, cùng với Thừa Tuyên Lưu Thạc, Tiểu Khanh Lý Nguyên Trường nguyện trùng tu. Đại sư Cảnh tự thân lo việc dọn dẹp cây cối đất đá. Đầu tiên thiếu cây gỗ, một hôm mộng thấy một ông già đến tặng cho một chiếc giày, một sợi gai, một dây sắn, lại đến miếu thần, dùng Phật lý trình bày, xin chặt được một số cây gỗ bên miếu, trải qua năm năm thì xong. Về sau có thêm người giúp việc, nên phát triển thành một danh lam ở miền Đông nam. Mọi người đều cho rằng Đại Sư Hoài Cảnh là hậu thân của Quý Trân.

***Bàn rằng:*** Theo lời truyền xưa trong làng thì Úc Diện là việc xảy ra vào thời Cảnh Đức Vương. Nhưng căn cứ theo truyện của Trưng (nghi là Trân, văn sau cũng thế) thì năm Mậu Tý, niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba là thuộc đời Ai Trang Vương. Sau đời Cảnh Đức Vương là trải qua năm đời theo thứ tự Tuệ Cung, Tuyên Đức, Nguyên Thánh, Chiêu Thánh và Ai Trang, tổng cộng là hơn sáu mươi năm. Nêu Trưng (Trân) trước, Diện (Úc Diện) sau, trái nghịch với Hương Truyện. Nhưng cả hai vẫn còn tồn nghi. Tán rằng:

*Chùa xưa Tây cảnh sáng Phật đăng*
*Giả xong lên điện đã canh hai*
*Tự hứa một lời thành một Phật*
*Dây ấy xuyên tay tức quên hình.*

***Quảng Đức - Trang Nghiêm:***

Vào thời Văn Võ Vương có hai vị Sa-môn tên là Quảng Đức và Trang Nghiêm, kết giao thân thiện, ngày đêm thường ước hẹn nhau rằng: "Người nào trở về nước An Dưỡng trước thì phải báo!". Đức ẩn cư tại ngôi làng phía Tây chùa Phấn Hoàng (hoặc nói chùa Hoàng Long có một cái am ở phía Tây. Chưa biết lời nào đúng), cùng sống với vợ con, lấy việc đan giày cỏ làm kế sống. Trang cất am sống ở núi Nam, cày cấy trồng trọt mà sống. Một hôm vào lúc hoàng hôn, bên ngoài bỗng nhiên có tiếng báo rằng:

- Ta đi về Tây đây, chúc bạn ở lại mạnh khỏe, rồi mau chóng đi theo tôi!

Trang bồi hồi bước ra nhìn theo, trên mây có tiếng nhạc trời, ánh sáng chiếu khắp mặt đất. Sáng ngày đến thăm hỏi nơi ở của Đức, quả thật Đức đã qua đời. Bấy giờ Trang cùng với vợ Đức thâu hài cốt, đồng lo an táng. Việc xong Trang nói với vợ của Đức rằng:

- Nay chồng đã qua đời, có thể cùng ta chung sống được chăng?

Người đàn bà trả lời:

- Có thể!

Trang bèn ở lại; đến đêm khuya, lúc Trang sắp muốn tư thông, người đàn bà trêu rằng:

- Sư cầu Tịnh Độ, có thể cho rằng bắt cá mà leo cây ư?

Trang kinh dị hỏi rằng:

- Đức đã như thế, ta cũng làm như thế, đâu có ngại gì!

Người đàn bà nói:

- Tôi cùng sống với chồng hơn mười năm, nhưng chưa từng có một đêm chung giường, hà huống là có việc xúc chạm ư? Phu quân hàng đêm đoan thân yên tọa, niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc tu mười sáu phép quán. Quán thành thục, lúc trăng sáng chiếu vào nhà thì bước lên vầng ánh sáng ngồi kiết già. Chí thành như thế, tuy muốn chẳng đến Tây mà lại đến; phàm người đi xa ngàn dặm thì một bước đầu là quy tắc. Nay xem ra Sư có thể nói là về hướng Đông, còn Tây thì chưa thể biết được!

Trang hổ thẹn trở về, thẳng đến ngài Nguyên Hiểu khẩn thiết cầu yếu pháp. Ngài Nguyên Hiểu dạy pháp quán "Tranh". Bấy giờ Trang khắc kỷ hối lỗi, chuyên tâm tu quán, về sau cũng được về Tây phương. Pháp tranh quán ghi trong Nguyên Hiểu Bản Truyện và Hải Đông Tăng Truyện. Người đàn bà kia là nô bộc ở chùa Phấn Hoàng, thị hiện một đức trong mười chín đức ứng thân. Ca rằng:

Nguyệt hạ y để diệc

Tây phương niệm định khứ tứ lý khiển

Vô lượng thọ Phật tiền nãi

Nảo sất cát âm (phương âm nói là Báo Nguyên) đa khả chi bạch khiển tứ lập

Thệ âm thâm sử ẩn tôn y hi ngưỡng chi

Lưỡng thủ tập đao hoa hồ bạch lương vãng sinh, nguyện vãng sinh

Mộ nhân hữu như bạch khiển tứ lập a tà

Thử thân khiển dã trí khiển

Tứ thập bát đại nguyện thành khiển tứ khứ.

***Cảnh Hưng gặp Thánh:***

Vào đời Thần Văn Vương có Đại đức tên là Cảnh Hưng, họ Thủy, người châu Hùng Xuyên. Sư xuất gia vào năm mười tám tuổi, làu thông Tam tạng, được trọng vọng một thời. Năm Khai Diệu thứ nhất, lúc Văn Võ Vương sắp thăng hà, dặn dò Thần Văn rằng: "Có thể tôn Pháp sư Cảnh Hưng làm quốc sư, chớ quên lời Trẫm!". Khi Thần Văn lên ngôi, phong Sư làm quốc lão, trụ ở chùa Tam Lang. Bỗng bị bệnh nhiều tháng mà chưa hết. Một hôm có một vị Ni đến thăm, dùng thuyết "gốc bệnh của Thiện Hữu" trong kinh Hoa Nghiêm mà bảo rằng:

- Nay bệnh của Sư là do nơi lắng mà sinh, nếu vui vẻ tươi cười thì bệnh lành.

Nói xong bèn thể hiện mười một diện mạo, mỗi mỗi đều kèm theo nhảy múa hài hước lúc mạnh mẽ, lúc mềm mại biến chuyển kỳ diệu không thể nói hết, tất cả đều có thể làm người vui tươi, do đó bệnh của Sư lành hẳn. Vị Ni ra khỏi nhà đến chùa Nam Cảng (chùa này phía Nam chùa Tam Lang) mà ẩn, cây gậy đặt tại trước bức tranh Đức Quán Âm mười một mặt. Một hôm Sư sắp vào cung, những người đi theo đã tụ tập trước bên ngoài cửa Đông. Ngựa xe rất đông, giày nón la liệt, người đi đường phải tránh. Bỗng có một vị cư sĩ (có nơi nói là một Sa-môn) hình mạo lôi thôi, tay cầm gậy, lưng mang sọt đến ngồi nghỉ trên Hạ mã đái. Mọi người nhìn trong sọt thấy có cá khô, bèn quở trách rằng:

- Ông đã xuất gia sao lại mang vật cấm kỵ?

Vị Tăng kia liền nói:

- Đối với việc các ngươi kẹp miếng thịt sống giữa hai đùi, thì chuyện lưng ta mang cá khô của ba chợ đâu thấm tháp gì?

Nói xong đứng dậy đi. Lúc ấy Sư mới ra khỏi cửa nghe mọi người thuật lại, liền sai người đuổi theo đến ngoài cổng chùa Văn-thù ở Nam sơn thì vị Tăng ném sọt mà ẩn, cây gậy còn đặt trước tượng Thánh Văn-thù, cá khô là vỏ cây tùng. Người ấy trở về kể lại, Sư nghe xong than rằng: Đại Thánh đến khuyên răn ta về việc cưỡi ngựa! Từ đó về sau đến cuối đời Sư không bao giờ cỡi ngựa.

Hương đức và vị hạnh của Sư ghi chép đầy đủ nơi bia chùa Tam Lang do Thích Huyền Bản soạn. Từng thấy lời Bồ-tát Di-lặc trong kinh Phổ Hiền Chương rằng: "Ở đời vị lai ta sẽ sinh vào cõi Diêm-phù-đề, trước độ các đệ tử đời mạt pháp của Phật Thích-ca, chỉ trừ những Tỳ-kheo cưỡi ngựa thì không được thấy Phật". Như thế mà có thể chẳng kinh sợ ư? Tán rằng:

*Thánh xưa dạy dỗ ý rất nhiều*

*Cớ sao con cháu chẳng thiết tha*
*Lưng mang khô cá còn có thể*
*Ngày sau đâu đến được Long Hoa.*

***Chân thân thọ nhận cúng dường:***

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Trường Thọ thứ nhất, Hiếu Chiêu lên ngôi, sáng lập chùa Vọng Đức để cầu phước cho nhà Đường. Đến năm thứ mười bốn đời Cảnh Đức Vương, chùa tháp bị chấn động, năm ấy ở Trung Quốc có loạn An Sử, người Tân La nói rằng:

- Chùa này lập là vì nhà Đường, nên có ứng như thế.

Đến năm Đinh Dậu, năm thứ tám đời Hiếu Chiêu, tổ chức lễ lạc thành, Vương đích thân đến cúng dường. Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo hình tướng thô lậu đơn độc đứng giữa sân thưa rằng:

- Bần đạo cũng mong được thọ trai.

Vương cho phép ngồi ở cuối. Sắp kết thúc pháp hội, Vương vui vẻ hỏi rằng: Trụ tích cất giữ nơi đâu?

Vị Tăng thưa:

- Giữ tại Tỳ Sắt Nham.

Vương nói:

- Từ đây về sau chớ nói với người là đến thọ trai do quốc vương đích thân cúng dường.

Vị Tăng ấy cười nói:

- Bệ hạ cũng chớ nói với người là đã cúng dường chân thân Thích-ca!

Nói vừa xong liền vọt thân lên hư không bay về hướng Nam. Vương kinh hãi chạy lên Đông Cương hướng theo kính lễ, rồi sai người đi tìm, đến cốc Tham tinh ở Nam sơn, hoặc nói ngài đã đặt tích trượng và bát trên tảng đá ở Đại Tích Xuyên rồi ẩn mất. Sứ trở về tâu lại, Vương bèn lập chùa Thích-ca dưới Tỳ Sắt Nham và lập chùa Phật Vô Tại nơi mất bóng hình, phân chia trượng và bát ra tôn thờ. Hai chùa đến nay vẫn còn mà trượng và bát đã mất. Trí Luận quyển bốn ghi: Xưa có Kế Tân Tam tạng, hành pháp A-lan-nhã đến chùa Nhất Vương, gặp lúc chùa đang tổ chức pháp hội, người giữ cửa thấy Tam Tạng y phục thô xấu, nên chặn không cho vào, nhiều lần như thế, vì mặc y phục thô rách nên đều không được vào. Ngài liền lập phương tiện, mượn y áo tốt đẹp mặc vào, người gác cổng thấy vậy thì không ngăn cản nữa. Khi Sư đã được nơi ngồi, được các món ăn ngon, trước tiên Sư cho cái y thức ăn. Mọi người hỏi vì sao làm như thế? Sư đáp: "Ta đã mấy lần đến đây đều

không được vào, nay nhờ y này mà ta được ngồi tòa này, được các món ăn ngon, vì thế nên cho thức ăn cái y này!”.

Việc này xét về sự thì đồng với chuyện ghi ở đây. Tán rằng:

*Đốt hương chọn Phật xem tranh mới*
*Biện cúng trai tăng hỏi người xưa*
*Từ lúc thưởng trăng trên Tỳ Sắt*
*Luôn luôn mây chặn, chậm đến dần.*

***Đâu-suất ca của Sư Nguyệt Minh:***

Ngày mồng một tháng bốn năm Canh Tý, tức năm mười chín đời Cảnh Đức Vương, trên không đồng thời xuất hiện hai mặt trời, kéo dài cả tuần mà chẳng mất, Nhật quan tâu rằng: “Xin thỉnh tăng hóa duyên tạo công đức rải hoa thì có thể cầu dứt được!”. Vương nghe theo, lập đàn tại điện Triều Nguyên, Vương thân hành đến Thanh Dương Lâu mong đón Tăng hóa duyên. Bấy giờ sư Nguyệt Minh đang đi trên bờ ruộng phía Nam, Vương sai người triệu đến, mời lập đàn, làm khải tấu trời. Minh tâu rằng:

- Bần Tăng là môn hạ của Quốc Tiên, chỉ biết Hương ca, chẳng rành âm Phạm”.

Vương nói:

- Đã chọn Tăng hóa duyên rồi, thì dù có dùng Hương ca cũng được!

Sư Nguyệt Minh bèn xướng bài Đâu-suất ca rằng: Kim nhật thử hỷ tán hoa xướng lương ba bảo hồ ẩn hoa lương như ẩn trực đẳng ẩn tâm âm hỷ mạng sất sử dĩ ác chỉ. Di-lặc tòa chủ bồi lập la lương.

Dịch rằng:

*Lầu rồng hôm nay xướng tán hoa*
*Đào hoa tống tiễn phiến mây xanh*
*Ân trọng tâm ngay đang sai bảo*
*Cầu xin Đâu-suất Đại tiên gia.*

Nay tục gọi đây là Tán Hoa ca là không đúng, mà nên nói là Đâu-suất ca, còn có một bài Tán Hoa ca riêng khác, nhưng văn dài dòng không tiện ghi chép. Không bao lâu tướng lạ của mặt trời diệt, Vương vui mừng ban cho một hộp trà ngon và xâu chuổi thủy tinh một trăm lẻ tám hạt. Bỗng có một đồng tử hình nghi xinh đẹp quỳ dâng trà và xâu chuỗi, từ cửa nhỏ phía Tây điện bước ra. Minh cho rằng người trong nội cung, còn Vương thì cho rằng thị giả của Minh, đến khi hai người ngầm nêu ra đều không phải, Vương rất kinh lạ, cho người đi theo, thấy đồng

tử ẩn vào ngôi tháp ở nội viện. Trà và xâu chuổi thì ở trước bức bích họa tượng Di-lặc tại phía Nam. Biết Minh là người chí thành chí đức mới có thể cảm nhờ đến bậc Thánh như thế. Trong triều hay nơi dân dã đều nghe biết, Vương lại càng thêm kính trọng, ban thêm cho một trăm xấp lụa để bày tỏ lòng thành to lớn của mình. Nguyệt Minh Pháp sư từng vì em gái đã mất của mình mà thiết lễ trai tăng, soạn Hương ca để tế lễ, bỗng nhiên có gió mạnh thổi đến làm bay tiền giấy về hướng Tây rồi biến mất.

Ca rằng:

Sinh tử lộ ẩn

Thử hỷ hữu a mễ thứ bi y khiển

Ngô ẩn khứ nội như từ sất đô

Mao như vân khiển khử nội ni sất cổ

Ư nội thu sát tảo ẩn phong vị

Thử hỷ bỉ hỷ phù lương lạc thi diệp như nhất đẳng ẩn chi lương xuất cổ

Khứ nô ẩm xứ mao đông hồ đinh

A dã

Di-đà sát lương phùng hồ ngô đạo tu lương đãi thị cổ như.

Sư thường trụ tại chùa Tứ Thiên Vương, thổi địch rất hay. Những đêm trăng Sư thường đến con đường lớn trước cổng chùa thổi địch, khiến vầng trăng dừng lại, nhân đó gọi con đường ấy là Nhật Nguyệt Minh Lý, Sư cũng nhân đó mà đặt tên là Nguyệt Minh. Sư là môn hạ của Năng Tuấn Đại sư. Người Tân La chuộng Hương ca đã từ lâu, bởi vì đó là một loại thi tụng. Vì thế đã nhiều lần làm cảm động được trời đất quỷ thần, chứ chẳng phải là một. Tán rằng:

*Giấy tiền cúng tế gió thổi bay*
*Tiếng địch đêm trăng giữ hằng nga*
*Chớ nói suất đà trời xa thẳm*
*Hoa nghinh vạn đức một khúc ca.*

***Thiện Luật tái sinh:***

Ở chùa Vọng Đức có một vị tăng tên là Thiện Luật quyên góp tiền bạc để khắc in bộ kinh Bát-nhã sáu trăm quyển, nhưng chưa thành tựu. Bỗng một hôm bị quỷ sứ bắt dẫn về Minh phủ. Diêm Vương hỏi rằng: “Trên nhân gian ngươi làm nghề gì?” Thiện Luật đáp: “Những năm về già bần đạo muốn hoàn thành bộ Bát-nhã Đại Kinh, công chưa hoàn thành mà nay đã đến đây!” Diêm Vương nói: “Tuy số thọ của

ngươi đã hết, nhưng nguyện lớn quý (chưa xong), nên cho ngươi trở lại nhân gian hoàn thành bảo điển."

Nói xong bèn cho trở về. Đi nửa đường gặp một người con gái khóc lóc quỳ lạy thưa rằng: Tôi cũng là người Tân La ở cõi Nam Diêm-phù, nhân vì cha mẹ ngầm lấy một mẫu ruộng nước của chùa Kim cang, nên bị Minh phủ truy xét phạt tội chịu khổ đã lâu. Nay nếu Sư trở về quê xưa, xin bảo cha mẹ tôi mau trả lại ruộng ấy. Khi tôi còn tại thế, có chôn dấu dầu mè dưới giường, và cất giữ vải lụa trong tấm chăn. Xin Sư lấy dầu ra thắp đèn cúng Phật, bán vải lụa lấy tiền in kinh thì Hoàng Xuyên cũng được ân, ngõ hầu cứu thoát khổ nạn cho tôi!" Thiện Luật hỏi: "Nhà của cô ở đâu?"

Đáp: "Ở ngôi làng phía Tây Nam chùa Cửu Viễn thuộc Sa Lương Bộ."

Thiện Luật nghe xong liền đi. Sau đó sống lại. Bấy giờ ở nhân gian, Thiện Luật chết đã mười ngày, thân xác được an táng tại chân núi phía Đông ngọn Nam sơn. Sư ở trong mã kêu gọi ba ngày, các mục đồng nghe được đến báo cho chùa. Các Tăng liền đến đào mộ đem lên, Sư thuật lại sự việc đã xảy ra. Sư hỏi thăm nhà của người nữ kia, quả nhiên đã chết cách mười lăm năm. Thiện Luật tìm thấy dầu và vải vẫn còn nguyên. Sư làm theo lời của người nữ để tạo minh phước. Sau đó người nữ hiện hồn đến báo rằng: "Nhờ ơn của Sư mà tôi đã lìa khổ!"

Người trong làng nghe biết, ai cũng kinh sợ, nên trợ giúp hoàn thành bộ kinh. Kinh hiện nay còn giữ tại Tăng Ty Tạng ở Thúc Đô, hằng năm hai kỳ xuân thu đều có đem ra tụng để trừ tai họa! Tán rằng:

*Khá mừng thầy ta có thắng duyên*
*Hồn du địa phủ lại trở về*
*Mẹ cha nếu hỏi con có khỏe*
*Hãy vì con yêu trả ruộng xưa.*

***Kim Hiện cảm hóa cọp:***

Theo phong tục của Tân La, mỗi năm từ mồng tám đến rằm tháng hai thì nam nữ già trẻ đều chen nhau đến chùa Hưng Luân để tham dự phước hội nhiễu điện nhiễu tháp. Vào đời Nguyên Thánh Vương có một người nam tên là Kim Hiện, đêm đã khuya mà vẫn còn nhiễu tháp không nghỉ, lại cũng có một người con gái vừa niệm Phật vừa nhiễu theo sau. Đồng cảm nhau mà liếc mắt đưa tình, nhiễu xong cả hai cùng dẫn nhau vào nơi kín để tư thông. Người nữ muốn trở về nhà, Kim Hiện đi theo, người nữ không chịu, nhưng Kim Hiện ép cưỡng dẫn, người

nữ đành phải chịu. Đi đến chân núi Tây Sơn thì dẫn vào một ngôi nhà tranh, có một lão bà ra hỏi rằng: "Con dẫn ai theo đấy?"

Người con gái bèn kể lại mọi sự việc. Bà mẹ nói rằng: "Tuy là việc tốt chẳng bằng không có vẫn hơn, nhưng việc cũng đã rồi không thể ngăn cản. Nay hãy ẩn nấp cho kín, sợ ác tâm của anh em ngươi."

Nói xong hai người dẫn Kim Hiện dấu vào một nơi kín đáo. Một lát sau có ba con cọp gầm gừ tiến đến nhà, một con nói tiếng người rằng: "Nhà có mùi tanh, đang lúc đói sao may mắn thế?"

Hai mẹ con bèn nói: "Mũi của các ngươi hôm nay lầm rồi ư? Sao nói cuồng thế?"

Bấy giờ có vị trời nói rằng: "Các ngươi giết hại sinh mạng quá nhiều, nay nên diệt một mạng nhà ngươi để trừng trị cái ác."

Ba con cọp nghe nói tỏ sắc âu lo, người con gái nói rằng: "Ba anh nếu có thể tránh một nơi xa mà tự răn mình, thì tôi sẽ chịu tội thay cho tất cả!"

Ba con cọp vui mừng cúi đầu vẫy đui mà trốn đi. Người con gái trở vào nhà nói với Kim Hiện rằng: "Lúc đầu tôi hổ thẹn khi người quân tử hạ cố đến nhà, nên mới ngăn cản từ chối, nay đã không còn che dấu nữa, xin được bộc bạch nỗi lòng. Tiện thiếp và chàng tuy không đồng loại, nhưng đã có cuộc vui một đêm bồi tiếp, tình giao hảo nghĩa trọng kết duyên. Ba người anh của thiếp vì ác nay trời đã đày xa, tai ương một nhà thiếp đây muốn gánh chịu tất cả. Nếu như bị chết dưới tay của một kẻ tầm thường, chẳng thà phủ phục dưới đao của chàng để báo đáp ân đức? Như thế này, ngày mai thiếp vào chợ phá hại, mọi người trong nước không ai làm gì được thiếp, nhất định Đại vương sẽ dùng tước lộc trọng hậu để chiêu mộ người đến bắt thiếp. Chàng chớ sợ, truy tìm thiếp tại khu rừng phía Bắc của thành, thiếp sẽ đợi ở đó." Kim Hiện nói rằng: "Người giao kết với người là đạo thường tình, còn khác loài mà giao nhau là chuyện lạ thường, nhưng nay đã được bình yên, chắc chắn là do nơi trời thương xót, như thế đâu thể nhẫn tâm lấy cái chết của vợ để được tước lộc kiêu hãnh một đời?" Người nữ bảo rằng: "Chàng chớ nói như thế! Nay thiếp qua đời là hợp với thiên mệnh, cũng là nguyện của thiếp, là niềm vui của chàng, là phước của tộc họ thiếp, nhân dân trong nước vui mừng. Vậy một người chết mà được năm điều lợi như thế, thì có thể chống lại ư? Nhưng sau đó chàng hãy vì thiếp lập chùa, diễn giảng chân kinh trợ giúp cho quả báo tốt đẹp, như thế ân huệ của chàng chẳng lớn lắm sao?"

Nói xong hai người khóc lóc từ biệt. Hôm sau quả nhiên có một

con cọp dữ vào thành phá hoại, không ai dám bắt. Bấy giờ Nguyên Thánh Đại Vương nghe được, đích thân ban lệnh rằng: "Ai giết được cọp sẽ ban hai cấp tước lộc!"

*Kim Hiện đến triều đình tâu rằng:* "Tiểu thần làm được!" Vương ban tước trước để khuyến khích. Hiện cầm đoản đao vào rừng, cọp đã biến thành người con gái đêm trước, vui mừng cười nói rằng: "Hôm qua đã cùng chàng gắn bó vợ chồng, mong chàng không quên. Hôm nay người bị móng vuốt làm tổn thương, nên dùng nước tương chùa Hưng Luân để thoa, khi nghe tiếng bát ốc của chùa này thì chữa trị". Nói xong lấy đao mà Kim Hiện mang theo tự đâm vào cổ mà chết, biến làm thân cọp. Kim Hiện ra khỏi rừng giả vờ nói rằng: "Nay cọp này đã bị giết rồi!"

Kim Hiện không tiết lộ nguyên do chỉ y theo lời dặn mà chữa trị, tất cả vết thương đều lành. Ngày nay người đời cũng còn dùng phương thuật này. Hiện đã có quan tước, bèn xây chùa ở bờ Tây Xuyên đặt tên là Hổ Nguyệt tự, thường giảng kinh Phạm Võng để dẫn dắt cọp nơi cõi u minh, cũng để báo đáp ân sát thân mà thành toàn sự nghiệp cho mình. Lúc lâm chung, Hiện quá cảm xúc vì việc lạ trước kia nên dùng bút viết thành truyện lưu hành ở thế gian. Tôi nghe biết được, nên nhân đó mà gọi là luận Hổ Lâm như ngày nay.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ chín, Thân Đồ Trừng từ Hoàng Quan được bổ nhiệm làm Huyện Úy huyện Thập Phương ở Hán châu. Khi đi đến phía Đông cách huyện Chân phù khoảng mười dặm, thì gặp trời nổi giá rét, tuyết rơi dày, ngựa không thể tiến bước được. Thấy bên đường có một ngôi nhà tranh, bên trong có một lò lửa hồng ấm áp, Trừng bèn soi đèn xuống ngựa bước vào nhà, thấy hai ông bà và một cô gái đang ngồi quanh lò lửa, cô gái khoảng mười bốn, mười lăm tuổi, tuy đầu tóc hơi rối và áo quần dơ dáy nhưng da trắng như tuyết, mặt đẹp như hoa, cử chỉ rất yêu kiều; ông bà thấy Trừng đến thì đứng dậy nói rằng: "Khách đi ngoài tuyết lạnh, mời đến lò sưởi ấm!" Trừng ngồi đã lâu, trời ngày càng tối tăm, gió và tuyết chẳng dứt. Trừng bèn hỏi: "Từ đây đến huyện còn xa, xin được tá túc một đêm?" Cha mẹ cô gái liền nói: "Nếu chẳng chê nhà tranh thô lậu, thì xin tuân mệnh!".

Trừng liền tháo yên cương, trải chăn màn. Người con gái thấy khách vừa nghỉ, thì sửa soạn dung nghi từ bên trong rèm bước ra, tư thái rất nhàn nhã, còn hơn cả lúc mới thấy. Trừng vội thưa rằng: "Cô nương đây ắt là thông minh hơn người, như may mắn chưa hứa hôn, thì tôi đây dám xin có lời dạm hỏi, được chăng?"

Người cha đáp rằng: “Đâu dám, mong quý khách thâu nhận, đây ắt là định phận vậy!

Trừng liền dùng danh phận rể để thi lễ. Sau đó dùng xe ngựa của mình rước về huyện. Trừng làm quan nhưng bổng lộc rất ít, nhờ sức của vợ mà chu toàn, cả nhà ai cũng vui vẻ. Về sau khi sắp về hưu thì người đã sinh được một nam một nữ cũng đều rất thông minh. Bấy giờ Trừng càng thêm kính yêu vợ, từng làm thơ tặng vợ rằng:

Tặng nội thị:

*Làm quan thẹn cùng mai phước*
*Ba năm hỗ với Mạnh Quang*
*Tình này đâu thể ví được*
*Bên sông có đôi uyên ương.*

Người vợ suốt ngày ngâm nga, tựa như đã thầm có người họa nhưng chưa từng nói ra. Sau khi Trừng về hưu thì gia tài cũng đã khánh tận, bèn trở về nhà cũ. Bỗng người vợ buồn bã nói với Trừng rằng: “Xin tặng một bài thơ, tìm tức có bài họa”, bèn ngâm rằng:

*Tình cầm sắt tuy nặng*
*Chí rừng núi rất sâu*
*Thường do thời tiết đổi*
*Cô phụ tâm trăm năm.*

Hai người hỏi tìm được nhà, nhưng lại chẳng có người, nên vợ luyến nhớ, suốt ngày than khóc. Bỗng nhiên người vợ thấy ở góc tường có một tấm da cọp, liền cười nói: “Chẳng biết vật này vẫn còn!”

Bèn lấy xuống mang vào và biến thành cọp gầm gừ vồ bắt rồi phá cửa mà ra. Trừng vô cùng kinh hãi, dắt hai con tìm đường chạy trốn, rồi nhìn về núi rừng mà kêu khóc. Trải qua mấy ngày chẳng biết đi đâu.

Ôi vợ Trừng và Hiện đều khác loài, biến thành người làm vợ thì đồng, nhưng tặng bài thơ cách biệt người, sau đó gầm gừ vồ bắt mà đi thì khác con cọp của Hiện. Cọp của Hiện thì bất đắc dĩ mới làm tổn thương người, nhưng lại chỉ cho phương thuốc hay để cứu người. Loài thú mà có con vì lòng nhân như thế, loài người mà có người chẳng bằng thú là vì sao? Xét rõ toàn bộ sự việc, từ khi cảm người trong khi nhiễu chùa Phật, trời xướng lời trừng ác tự mình nhận chịu thay, truyền phương thuốc thần để cứu người, dặn lập chùa giảng kinh Phật, đó ắt hẳn chẳng là tánh nhân của loài thú, mà chính là bậc Đại Thánh dùng phương tiện ứng cơ hóa vật, cảm được Kim Hiện tỏ tình trong lúc nhiễu tháp, muốn báo đáp lợi ích âm thầm đó, nên hiện đời được phước lợi ư? Tán rằng:

*Sơn gia chẳng nệ ba anh ác,*
*Nàng thưa, đâu vội dám nhận lời.*
*Nghĩa nặng vài điều khinh cái chết*
*Thân hẹn bên rừng hoa vội rơi.*

***Tuệ Tinh Ca của Dung Thiên Sư - Đời Chân Bình Vương:***

Tam Hoa là Thái tử thứ năm Cư Liệt, thứ sáu là Thật Xứ (còn gọi là Đột Xứ) và thứ bảy là Bảo Đồng muốn đến Phong nhạc, bỗng có sao chổi (Tuệ Tinh) xuất hiện phạm vào giữa Đại Hoàng, các Thái tử sinh nghi, muốn bãi bỏ cuộc đi. Bấy giờ Sư Dung Thiên soạn ca rồi xướng lên, thì sao dữ liền diệt, binh Nhật Bản lui về, trở thành niềm vui. Vua mừng rỡ bảo các Thái tử du sơn.

Ca rằng:

Cựu lý đông thi đinh sất

Càn đạt bà hỷ du ô ẩn thành sất bi lương vọng lương cổ

Oa lý sất quân trí lai sất đa phong thiên tà ẩn biên dã tẩu da. Tam hoa hỷ nhạc âm kiến tứ ô thi văn cổ.

Nguyệt trí bát thiết nhỉ số ư tương lai thi ba y

Đạo thi tảo thi tinh lợi vọng lương cổ

Tuệ Tinh dã bạch phản dã nhân thị hửu sất đa.

Câu sau: Đạt a la phù khứ y sất đẳng tà

Thử dã hữu vật tỉ sở âm sất tuệ sất chỉ hữu sất cố.

***Sư Chánh Trí cứu Bảng Nữ:***

Vào đời vua Tân La thứ bốn mươi là Ai Trang Vương, có Sa-môn Chánh Tú trụ tại chùa Hoàng Long. Một hôm vào buổi chiều tối mùa đông, tuyết rơi rất dày, Sư từ chùa Tam Lang trở về. Khi đi đến bên ngoài cổng chùa Thiên Nham thì thấy có một nữ ăn xin sinh con, gặp trời quá lạnh sắp chết. Sư xót thương bèn đến bồng đứa bé, một lúc lâu hơi ấm tỏa ra, Sư cởi y đắp kỹ rồi để trần đi về chùa mình, dùng tranh cỏ che thân ngủ qua đêm. Khuya có vị trời xướng ngay tại triều đình rằng: “Nên phong cho Sa-môn Chánh Tú chùa Hoàng Long làm Vương sư!” Gấp sai người đến kiểm xét, sứ trở về tâu trình lên Vương. Vương chỉnh trang đầy đủ oai nghi thỉnh Sư vào đại nội, phong làm quốc sư.

-----------------------------------

## MÔN 8: ẨN CƯ

***Lãng Trí cưỡi mây - Phổ Hiền Thọ:***

Tại núi Linh Thứu, huyện A Khúc, Áp Lương châu (Áp Lương nay là Lương châu. A khúc còn gọi là Tây, là cầu Phật, Khuất Phất; nay ở Úy châu có đặt Khuất phất nhật, đến nay vẫn còn tên ấy) có một dị tăng, lập am sống đã nhiều năm mà dân làng đều chẳng biết Sư là ai. Sư cũng chẳng nói tên họ, thường giảng kinh Pháp Hoa, có sức thần thông. Niên hiệu Long Sóc thứ nhất có một Sa-di tên là Trí Thông vốn là gia nô của Y Lượng Công, xuất gia năm bảy tuổi, bấy giờ có một con chim đến kêu rằng: "Hãy đến Linh Thứu sơn làm đệ tử Lãng Trí!'. Thông nghe được liền tìm đến núi này, nghỉ ngơi bên gốc cây trong động. Bỗng thấy một người lạ xuất hiện nói rằng:

- Ta là Đại sĩ Phổ Hiền, muốn trao giới phẩm cho ngươi, nên mới đến đây!

Đại Sĩ tuyên giới xong thì biến mất; tâm của Trí Thông hoát nhiên khai ngộ, trí chứng tròn sáng, liền tiếp bước lên đường. Gặp một vị Tăng, Thông hỏi rằng:

- Ngài Lãng Trí trụ nơi nào?

Vị Tăng hỏi lại rằng:

- Hỏi Lãng Trí làm gì?

Sa-di Thông kể lại chuyện chim thần. Vị tăng mĩm cười nói rằng:

- Ta là Lãng Trí đây! Hôm nay trước điện đường của ta cũng có chim đến báo là có Thánh nhi vào làm môn hạ sắp đến rồi, nên ra nghinh tiếp, nên ta đến đây đón vậy! Liền cầm tay mà cảm thán rằng:

- Chim Linh cảnh tỉnh ngươi đến nơi ta, báo cho ta ra nghinh đón ngươi, sao có điềm lành này? Ắt là do âm linh của núi phò trợ. Tục truyền rằng Sơn chủ là Biện Tài Thiên Nữ.

Trí Thông nghe xong, thì khóc mà cảm tạ, đảnh lễ Lãng Trí làm thầy. Không bao lâu, đến lúc sắp truyền giới, Trí Thông nói rằng:

- Con đã được Đại Sĩ Phổ Hiền truyền trao chánh giới, lúc con nghỉ trong động khi trước rồi!

Lãng Trí than rằng:

- Lành thay! Người đã thọ nhận mãn phần giới của Đại sĩ; còn ta từ lúc mới sinh đến nay, sớm tối siêng năng, tha thiết nghĩ đến việc được gặp bậc chí Thánh mà vẫn còn chưa thể minh cảm. Nay người đã thọ, thì ta đây còn cách người rất xa.

Nói xong, trở lại lễ Sa-di Trí Thông. Do đó gọi cây trong động là Phổ Hiền Thọ. Trí Thông hỏi:

- Pháp sư trụ ở đây đã được bao lâu?

Đáp:

- Tôi trụ ở đây vào năm Đinh Mùi đời Pháp Hưng Vương, chẳng biết đến nay là bao nhiêu năm!

Khi Trí Thông đến núi này là vào năm Tân Dậu, năm thứ nhất đời Văn Võ Vương, tính ra đã một trăm ba mươi lăm năm. Sau Trí Thông đến thất của ngài Nghĩa Tương, thăng đường diễn bày yếu nghĩa, trợ giúp cho việc giáo hóa, thật là chủ của Chùy Động Ký.

Lúc ngài Nguyên Hiểu trụ tại chùa Bàn Cao thì thường đến tham yết ngài Lãng Trí; Hiểu soạn Sơ Chương Quán Văn và An Thân Sự Tâm Luận, soạn xong, sai ẩn sĩ Văn Thiện mang đến trình, cuối thiên có câu kệ rằng:

*Sa-di Tây cốc cúi đầu lễ*
*Trước tòa Thượng đức tại núi Đông*
*Thổi hạt bụi thêm vào Linh thứu*
*Gởi giọt nước đưa đến Long uyên.*

(Chùa Bàn Cao ở phía Tây bắc Linh Thứu, nên nói Sa-di Tây cốc là tự xưng mình). Phía Đông của núi có sông Đại Hòa, vì tạo lập ra để trồng cội phước cho rồng ở hồ Đại Hòa Trung Quốc, nên gọi là Long Uyên. Thông và Hiểu đều là bậc Đại thánh mà còn cung kính thờ thầy, đạo hợp có thể biết. Sư thường cưỡi mây đến Thanh Lương sơn Trung Quốc theo chúng nghe giảng, xong rồi trở về. Chư tăng cho rằng Sư trụ gần đó, nhưng chẳng biết chính xác là nơi nào. Một hôm trước đại chúng có người bảo rằng:

- Trừ chúng thường trụ tại đây, còn tất cả những vị trụ ở chùa viện khác, mỗi người hãy mang danh hoa dị thảo nơi mình cư trụ đến cúng dường Đạo tràng!

Sáng hôm sau, Sư (Lãng Trí) mang đến một loại cây lạ dâng cúng. Vị tăng kia nói rằng:

- Cây này tên tiếng Phạm là Đát-đề-già, Trung Quốc gọi là Hách. Chỉ có tại hai núi Linh Thứu ở Tây Trúc và Hải Đông mà thôi. Hai núi này là trụ xứ của Bồ-tát Pháp Vân Địa. Đây ắt là bậc Thánh!

Chư tăng mới truy xét hình nghi, dung mạo mới biết Sư trụ tại Linh Thứu sơn Hải Đông. Do đó mà thay đổi cách đối xử. Sư nổi tiếng khắp trong và ngoài nước, người trong làng gọi nơi Sư trụ là Hách Mộc am; nay còn nền cũ ở tại núi phía Bắc chùa Hách Mộc.

*Linh Thứu Tự Ký ghi:* "Lãng Trí từng nói nền của am này là nền chùa thời Phật Ca-diếp"; đào lên thì được hai cái bầu đèn lớn. Đến đời Nguyên Thánh Vương, Đại Đức Duyên Hội đến trụ nơi đây, soạn truyện ký về Sư lưu hành ở đời. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Địa thứ mười là Pháp vân địa. Nay đám mây mà Sư cưỡi che phủ hang Phật-đà dày ba ngón tay, ắt là giống với việc ngài Nguyên Hiểu phân thành một trăm thân ư?

Tán rằng:

*Tưởng rằng ẩn tích cảm trăm năm*
*Danh cao chưa lộ đến nhân hoàn*
*Đâu cấm chim rừng nhiều miệng lưỡi*
*Cưỡi mây qua lại chẳng tích tông.*

***Duyên Hội ẩn danh - Văn-thù Cổ:***

Cao tăng Duyên Hội từng ẩn cư nơi Linh Thứu thường tụng kinh Pháp Hoa, tu quán hạnh Phổ Hiền, trong ao trước sân thường có vài đóa sen nở, bốn mùa chẳng khô héo (Long tạng điện chùa Linh Thứu hiện nay vốn là nơi ngài Duyên Hội ở trước kia). Quốc chủ là Nguyên Thánh Vương nghe điềm linh dị này, muốn thỉnh phong làm Quốc sư, Sư nghe được bèn bỏ am lánh đi nơi khác. Vừa đi đến khoảng Tây Lĩnh thì gặp một ông lão đang cày ruộng. Ông lão hỏi rằng:

- Sư đi đâu thế?

Đáp:

- Tôi nghe triều đình lầm nghe lời đồn nên định phong cho tôi quan tước, vì thế mới lánh đi!

Ông lão nói:

- Ở đây có thể mua, đâu cần phải đi xa để bán. Có thể Sư mua danh chẳng chán ư?

Hội cho rằng ông già này khinh mạn mình, nên không nghe theo, bỏ đi được vài dặm thì gặp một bà lão bên suối. Bà hỏi Sư rằng:

- Sư đi đâu đó?

Duyên Hội cũng đáp như trước. Bà lão lại hỏi:

- Lúc nẫy có gặp người nào chăng?

Đáp:

- Có gặp một ông già khinh mạn tôi quá, nên tức giận mà đến đây!

Bà lão nói:

- Đó là Đại Thánh Văn-thù, ngài nói mà chẳng chịu nghe sao?

Duyên Hội nghe vậy thì vô cùng kinh hãi, vội quay về chỗ ông lão khi trước dập đầu sám hối rằng:

- Lời của Đại Thánh đâu dám chẳng nghe, nay đã trở về. Còn bà lão bên bờ suối là ai?

Ông già nói:

- Đó là Biện Tài Thiên Nữ.

Nói xong liền biến mất. Duyên Hội trở về am cũ. Không bao lâu Sứ triều đình chiếu mang thỉnh, Hội biết túc nghiệp rồi, nên nhận lãnh, bèn tuân chiếu vào cung, được phong làm Quốc sư (Tăng Truyện ghi: Hiến An Vương phong làm Nhị Triều Vương Sư, hiệu là Chiếu... (nghi mất chữ). Vào niên hiệu Hàm Thông thứ tư, còn ở đây ghi là vào đời vua Nguyên Thánh, chưa biết ai đúng). Sư cảm niệm ân đó nên đặt nơi gặp ông lão là Văn-thù Cổ, nơi gặp bà lão là A Ni Cổ. Tán rằng:

*Phố phường khó ẩn, lánh đã lâu*
*Chùy lộ khỏi bao, dễ cấm đâu?*
*Từ khi sân trước lầm sen nở,*
*Chẳng phải non mây, gốc chưa sâu.*

***Tuệ Hiện tìm an tĩnh:***

Thích Tuệ Hiện người Bách Tế, xuất gia từ nhỏ, siêng năng cần khổ, chuyên tâm tụng kinh Pháp Hoa làm đạo nghiệp, trừ họa hay cầu phước đều có linh ứng. Sư còn gồm học Tam Luận, nghiên cứu thông suốt. Đầu tiên Sư trụ tại chùa Tu Đức ở Bắc Bộ, khi có chúng thì giảng, không có chúng thì trì tụng. Bốn phương đều khâm ngưỡng nên đến tham học rất đông. Vì chán cảnh ồn náo, nên Sư đến núi Đạt Noa cư trụ. Núi này rất hiểm trở, đi đến thật khó khăn gian khổ. Tuệ Hiện tỉnh tọa nơi đây cầu diệt thân, cuối cùng thị tịch trong núi. Bạn đồng học đem nhục thân đặt vào thạch thất, hổ ăn hết chỉ còn lại đầu lâu và lưỡi. Trải qua ba mùa mà lưỡi vẫn còn hồng và mềm. Sau cùng biến thành màu tím và cứng như đá. Đạo tục kính ngưỡng cất giữ trong thạch tháp. Sư thọ năm mươi tám tuổi, đó là nhằm năm Trinh Quán thứ nhất.

Sư không sang Trung Quốc tham học, lặng lẽ ẩn cư đến cuối đời mà danh vang khắp Hoa Hạ, nổi tiếng ở Đường triều. Lại tăng Thích Ba Nhã người Cao Ly đến núi Thiên Thai Trung Quốc, học giáo quán nơi ngài Trí Khải, xem được sự thần dị ấy mà vào núi thị tịch. Đường Tăng Truyện cũng có nêu rất nhiều khuôn phép linh dị khác. Tán rằng:

*Nghiệp quý truyền kinh mệt một phen*
*Năm sau dứt tụng ẩn trong mây*

*Trước gió danh lưu trong sử sách*
*Sau lửa lưỡi còn tỏa hương sen.*

***Tín Trung treo mũ:***

Khi Hiếu Thành Vương chưa lên ngôi, thì thường cùng với Hiền sĩ Tín Trung đánh cờ vây nơi cội bá trong cung đình; Vương cũng đã từng nói rằng: “Nếu ngày sau quên khanh, thì sẽ như cây bá này!”. Tín Trung lạy tạ. Vài tháng sau Vương lên ngôi, ban thưởng cho các công thần. Nhưng quên Trung không ban thưởng. Trung oán làm bài ca dán trên cây bá. Cây bá bỗng nhiên úa vàng. Vương lấy làm lạ sai người ra xem, lấy được bài ca về dâng lên. Vương vô cùng kinh ngạc nói rằng: “Quốc sự nhọc nhằn, hầu như quên mất bạn thân!”. Bèn triệu Trung vào ban cho tước lộc. Cây bá lại xanh như cũ. Ca rằng:

*Vật sất hảo chi bá sử*
*Thu tế thi bất đông nhỉ ốc chi địa mễ.*
*Nhử ư đa chi hành tể giáo nhân ẩn*
*Ngưỡng đến ẩn diệu hỷ cái y tứ hồ ẩn hỷ dã*
*Nguyệt la lý ảnh chi cổ lý nhân uyên chi sất*
*Hành thi láng*
*A sất sa hỷ dĩ chi như chi*
*Nghê sử sa sất vọng a nải*
*Thế lý đô*
*Chi sất dật ô ẩn đệ dã.*

Câu sau bị mất.

Do đó ân sủng Tuệ Hiện ở hai triều. Năm thứ hai mươi hai đời Cảnh Đức Vương (là em của Hiếu Thành Vương), Tín Trung cùng với hai người bạn ước hẹn nhau từ quan, lánh vào Nam nhạc, Vương hai lần chiếu mời mà chẳng đến, lại cạo tóc làm Sa-môn, vì Vương sáng lập chùa Đoạn Tục để trụ, nguyện suốt đời lập chùa để cầu phước cho Đại vương. Vương cho phép, giữ chân dung trên bức tường sau của Kim đường. Phía Nam có một thôn tên là Tục Lâm, nay lầm gọi là Tiểu Hoa (Theo Tam Hòa Thượng Truyện thì có Tín Trung ở chùa Phụng Thánh, lẫn lộn với ở đây. Nhưng tính là vào đời Thần Văn, mà Thần Văn cách Cảnh Đức đã hơn một trăm năm, hà huống Thần Văn và Tín Trung là việc đời trước. Như thế chẳng phải là Tín Trung này, nên phân biệt rõ).

*Lại Biệt Ký ghi:* Vào đời Cảnh Đức Vương có Trực Trưởng Lý Tuấn (Cao Tăng Truyện ghi là Lý Thuần) sớm đã phát nguyện rằng:

"Đến năm năm mươi tuổi cần phải xuất gia xây dựng chùa Phật". Năm Mậu Tý, niên hiệu Thiên Bảo thứ bảy, Tuấn vừa đúng năm mươi tuổi, sửa sang ngôi chùa nhỏ ở Tào Uyên thành một ngôi Đại Tòng Lâm đặt tên là Đoạn Tục Tự, bản thân cũng cạo tóc xuất gia lấy pháp danh là Khổng Hoằng Trưởng Lão, trụ trì hai mươi năm thì thị tịch. Việc này khác với chuyện Tam Quốc Sử đã chép. Cả hai vẫn còn tồn nghi. Tán rằng:

*Công danh chưa trọn, tóc điểm sương*
*Vua tuy ân sủng, nhọc trăm năm*
*Cách bờ có núi, dẫn vào mộng*
*Nguyện thờ Phật pháp chúc Thánh vương.*

***Hai vị Thánh ở Bao Sơn:***

Vào thời Tân La có hai bậc Thánh là Quán Cơ và Đạo Thành chẳng biết hai ngài người xứ nào, đồng ẩn cư ở Bao Sơn (dân làng gọi là Sắt Sơn; Sắt là âm Phạm, dịch là Bao). Quán Cơ lập am tại núi Nam, Đạo Thành cất cốc tại động Bắc, cách nhau khoảng mười dặm, vẹt mây gọi trăng thường qua lại nhau. Khi Đạo Thành muốn mời Quán Cơ thì cây cối trong núi đều cúi rạp về hướng Nam như nghinh đón vậy, Quán Cơ thấy vậy thì sang. Khi Quán Cơ muốn thỉnh Đạo Thành thì cũng như thế, cây cối đều cúi rạp về Bắc, Đạo Thành liền đến; trải qua nhiều năm như thế. Ngài Đạo Thành thường yên tọa trên gộp đá cao phía sau nơi trụ. Một hôm từ trong động theo khe hở của động mà vọt ra ngoài, toàn thân bay lên hư không mà đi xa, chẳng biết đến nơi đâu. Hoặc nói là đến quận Thọ Xương (nay là quận Thọ Thành). Ngài Quán Cơ cũng đoạn tục về châu. Nay lấy tên hai vị Thánh mà gọi hai nơi ấy, vẫn còn những di tích. Đạo Thành nham cao vài trượng, người sau lập chùa dưới hang động. Năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ bảy có vị Tăng pháp danh Thích Thành Phạm, đầu tiên đến trụ chùa này, lập đạo tràng Vạn Nhật Di-đà, siêng năng tu tập hơn năm mươi năm, từng xuất hiện các điềm linh dị. Bấy giờ có Tín sĩ Huyền Phong và hơn hai mươi người, hằng năm thường kết xã nhặt gỗ hương cấp cho chùa. Mỗi khi vào núi nhặt xong thì đoạn cắt, tẩy rửa sạch sẽ rồi treo trên rèm, đến nửa đêm các đoạn gỗ hương này phát ánh sáng như đuốc. Do đó người trong quận nơi cổ đều đeo hương này, chỉ mong được một năm tốt đẹp làm điều chúc mừng. Đó là sự linh cảm của vị Thánh, hoặc cho là nhạc thần (sơn thần) thầm giúp đỡ. Thần tên là Tỉnh Thánh Đại Vương, từng được Phật Ca-diếp thời quá khứ phi chúc; có thệ nguyện

thọ dư báo. Nay đã ghi được sự tích của chín vị Thánh; chưa rõ thế nào. Chín vị là: Quán Cơ, Đạo Thành, Ban Sư, Điệp Sư, Đạo Nghĩa (có nền cũ ở Bá Nham), Tử Dương, Thành Phạm, Kim Vật Nữ, Bạch Ngưu Sứ. Tán rằng:

*Quan lại đùa trăng giỡn suối mây*
*Phong lưu hai lão mấy trăm năm*
*Khói sương mờ động còn hương mộc*
*Chiếc hình cúi người vẫn đón đưa.*

***Bàn:*** Phương ngôn gọi là Mộc, Điệp phương ngôn là Gia ất mộc. Hai Sư này ẩn cư nơi núi rừng rất lâu, tuyệt giao với người đời, kết lá cây làm y phục để chống lạnh nóng, ngăn trừ ướt, che xấu hỗ mà thôi. Cho nên lấy đó làm tên gọi. Từng nghe ở Phong Nhạc cũng có những tên gọi này, mới biết rằng ẩn sĩ thời xưa phần nhiều đều dấu tên như thế, rất khó mà biết dấu tích. Tôi từng đến trú ngụ ở Bao Sơn có ghi lại được những di tích quý giá về hai vị Thánh này. Tán rằng:

*Lá cây làm áo chẳng màng vải tơ*
*Tòng xanh núi đá hoang sơ*
*Tiều về dưới núi lặng tờ chiều sang*
*Đêm khuya ngồi ngắm trăng vàng*
*Nửa bay theo gió tỏa lan khắp trời*
*Đệm cỏ một giấc tuyệt vời*
*Mộng hồn chẳng đến cõi đời hoang tham*
*Mây xa nền cũ hai am,*

***Vĩnh Tài gặp cướp:***

Thích Vĩnh Tài tánh tình rất vui vẻ phóng khoáng, không bị ràng buộc nơi cảnh vật, giỏi về Hương ca. Về già Sư ẩn cư ở Nam nhạc. Khi đi đến Hiện Nham thì gặp hơn sáu mươi tên cướp muốn hại Sư. Lúc sắp bị giết, sắc mặt vẫn không lộ vẻ sợ hãi, vẫn an nhiên chịu chết. Bọn cướp lấy làm lạ hỏi tên, Sư đáp là Vĩnh Tài. Bọn cướp từ trước đã nghe tên Sư, bèn [] [] [], Sư soạn ca rằng:

Tự hỷ tâm mễ

Nhi sử mao đạt chỉ tương lai, thân ẩn nhật viễn ô dật [] [] quá xuất tri khiển

Kim thân tẩu vị khứ khiển tỉnh như

Đản phi hồ ẩn yên phá [] chủ thứ phất [] sử nội ư đô hoàn ư thi lãng dã

Thử binh vật sất sa quá hồ hảo thi viết sa dã nội hồ thốn ni

A da

Duy chỉ y ngô âm chi sất hận ẩn thiện lăng ấn an chi thượng trạch đô hồ ẩn dĩ đa.

Bọn cướp cảm động ẩn ý nơi bài ca nên tặng cho Sư hai xấp lụa hoa, Sư cười cảm tạ rằng: Đã biết tài vật là gốc của địa ngục mới lánh vào núi sâu để qua một đời, thì đâu dám nhận!

Nói xong liền đặt xuống đất. Bọn cướp cảm nhận được lời nói này, liền bỏ đao ném giáo theo Sư cạo tóc xuất gia, đồng ẩn cư nơi Trí dị sơn, không trở về thế tục nữa. Sư tịch năm chín mươi tuổi, vào đời Nguyên Thánh Đại Vương. Tán rằng:

*Chống gậy lên non ý cao thâm*
*Lụa ngọc nào đâu trị được tâm*
*Lục lâm các vị thôi chớ tặng*
*Địa ngục không căn chỉ tấc vàng.*

***Vật Kê Tử:***

Năm Nhâm Thìn, nhằm năm mười bảy đời Nại Giải Vương Tân La có tám nước nhỏ là Bảo La, Cổ Tự (nay là Cố Thành), Sử Vật... đồng ra sức xâm phạm biên cương. Vương sai Thái tử Nại Âm, Tướng quân Nhất Phật... đem quân chống cự, tám nước đều hàng. Bấy giờ Vật Kê Tử công lao đệ nhất, nhưng bị Thái tử tị hiềm, nên chẳng ban thưởng. Hoặc có người hỏi rằng:

- Công lao trong trận này chỉ có ngài mà thôi, nhưng lại không được ban thưởng, ắt là do Thái tử tị hiềm, quốc vương oán ư?

Kê Tử nói:

- Quốc quân là bậc trưởng thượng, đâu thể oán bề tôi được!

Lại nói:

- Thế thì tâu trình lên Vương biết!

Kê Tử đáp:

- Khoe công tranh lợi, tôn mình ép người chẳng phải là hành vi của bậc chí sĩ, phải cố gắng đợi thời mà thôi!

Năm Ất Mùi, Quốc vương của ba nước là Cốt Phố... đem quân đánh Kiệt Hỏa (nghi là Khuất Phất, tức Úy châu ngày nay). Vương đích thân cầm quân chống cự. Ba nước đều bại trận. Kê Tử chém được vài mươi thủ cấp, nhưng mọi người chẳng luận công của Kê Tử. Kê Tử nói với vợ rằng:

- Ta nghe nói đạo Vua tôi rằng: Thấy nguy thì liều mình, gặp nạn thì quên thân, nương vào tiết nghĩa, chẳng kể đến việc sống chết, đó

gọi là trung. Nay việc Bảo La đánh Kiệt Hỏa là cái nạn của nước, cái nguy của vua, mà ta chưa từng có cái dũng liều mình, quên thân, đó quá bất trung. Đã chẳng trung lại còn làm liên lụy đến tổ tiên, thì chính là bất hiếu. Ta đã mất trung, hiếu, thì đâu còn mặt mũi nào mà đứng trong triều đình hay đi ra ngoài phố chợ?

Do đó Kê Tử bèn từ quan mang đàn vào núi Sư Trệ (chưa rõ ở đâu); khi buồn với tánh bệnh của cỏ cây thì gởi gắm vào lời ca, khi vui cùng tiếng khe suối thì gãy đàn soạn nhạc khúc, ẩn cư suốt đời không trở về thế tục.

***Nghinh Như Sư:***

Tăng Thích Nghinh Như ở chùa Thật Tế, không rõ tộc họ, nhưng đức hạnh đều cao vời. Cảnh Đức Vương thiết trai cúng dường, sai sứ thỉnh Sư, Sư tuân chiếu vào cung thọ trai xong, lúc sắp trở về, Vương sai người tiễn đến tận chùa, vừa vào cửa Sư liền biến mất, chẳng biết Sư ở đâu. Sứ về tâu lại, Vương rất kinh ngạc, truy phong Quốc Sư. Từ đó về sau cũng không còn xuất hiện nữa. Đến nay gọi nơi đó là Quốc sư Phòng.

***Năm vị Tỳ-kheo ở núi Bố Xuyên:***

Vào đời Cảnh Đức Vương, ở núi Bố Xuyên cách Áp Lương châu khoảng hai mươi dặm về phía Đông bắc, có một hang động vô cùng kỳ tú giống như người đẻo gọt, trong đó có năm vị Tỳ-kheo không rõ tên họ ẩn cư, chuyên niệm Di-đà cầu sinh Tây Phương đã mấy mươi năm. Một hôm bỗng có thánh chúng từ phương Tây đến nghinh tiếp. Bấy giờ năm vị Tỳ-kheo đều ngồi trên đài sen, bay đi trong hư không. Khi đến ngoài cổng chùa Thông Độ thì lưu lại, nhạc trời trổi vang, chư tăng trong chùa ra xem, năm vị liền thuyết lý vô thường khổ không rồi thoát bỏ sắc thân, phóng ánh sáng rực rỡ đi về phương Tây. Nơi các ngài bỏ thân, chư Tăng trong chùa lập một ngôi nhà gọi là Trí Lâu, đến nay vẫn còn.

***Niệm Phật Sư:***

Tại vùng chân núi phía Đông của Nam sơn có làng Tị Lý, trong làng có một ngôi chùa, vì đặt theo tên thôn nên gọi là Tị Lý tự. Có một vị tăng lạ không cho biết tên họ trụ nơi chùa này, thường xướng niệm danh hiệu Phật Di-đà, âm thanh vang khắp thành, tất cả mười bảy vạn hộ của ba trăm sáu mươi phường đều nghe rõ. Âm thanh niệm Phật của

Sư không cao thấp, cứ trong trẻo một giọng. Vì điều kỳ lạ này mà ai ai cũng kính lễ, gọi ngài là Niệm Phật Sư. Sau khi Sư thị tịch, mọi người dùng đất tạo đắp chân tượng của Sư thờ tại chùa Mẫn Tạng. Ngôi chùa Tị Lý đổi tên là chùa Niệm Phật; ngôi chùa bên cạnh đó đặt là chùa Nhương Tị, tức lấy theo tên của thôn này.

--------------------------------

## MÔN 9: HIẾU THUẬN

***Pháp sư Chân Định:***

Pháp sư Chân Định người Tân La, khi chưa xuất gia, Sư là một sai dịch tên Tốt Ngũ. Nhà rất nghèo không thể cưới vợ. Những lúc rảnh rỗi công việc của quan, Tốt Ngũ làm thuê lấy gạo đem về nuôi mẹ. Tài sản trong nhà chỉ có một cái vạc nhỏ đã gãy chân mà thôi. Một hôm có một vị tăng đến nhà hóa duyên tiền vật để làm chùa viện. Người mẹ bèn cúng dường cái vạc này. Lát sau Tốt Ngũ từ ngoài trở về, người mẹ thuật lại và hỏi rằng: "Ý của con thế nào?". Tốt Ngũ vui mừng hiện rõ nói rằng: "Cúng dường Phật sự thì đâu có gì may mắn bằng? Tuy không có vạc cũng chẳng có gì phải lo".

Tốt Ngũ dùng chậu đất thay nồi nấu cơm cho mẹ ăn. Lúc ở trong hàng ngũ, từng nghe nói pháp sư Nghĩa Tương trụ tại Thái Bá Sơn thuyết pháp làm lợi ích cho mọi người, Tốt Ngũ đã có tâm ngưỡng mộ. Một hôm nói với mẹ rằng: "- Khi báo hiếu xong, con sẽ đến lễ pháp sư Nghĩa Tương cầu xuất gia học đạo." Người mẹ nói rằng: "Phật pháp rất khó gặp, đời người lại trôi qua mau. Con nói báo hiếu xong, thì chẳng phải là đã muộn mất ư? Chi bằng nhân khi ta chưa qua đời, để nghe được Đạo, thì cẩn thận chớ theo thường tình, mau chóng đi ngay mới được." Tốt Ngũ nói rằng: "Lúc mẹ già nua, chỉ có một mình con bên cạnh, mà bỏ mặc để xuất gia, đâu dám nhẫn tâm như thế?" Người mẹ nói: "Ôi! Vì ta mà trở ngại việc xuất gia, ắt khiến ta đọa vào Nê lê mất! Tuy con có dùng ba lao, bảy đỉnh để phụng dưỡng ta, cũng đâu đáng gọi là hiếu. Áo quần, cơm gạo ta ở nơi cửa nhà người cũng có thể giữ được tuổi trời. Nếu muốn báo hiếu ta chớ nên nói như thế!"

Tốt Ngũ im lặng suy nghĩ hồi lâu. Người mẹ bỗng đứng dậy dốc bao đổ hết số gạo để dành, được bảy thăng, trong ngày ấy đem nấu hết, rồi nói: "Sợ con vì lo việc ăn mặc mà chậm đến đó, nên phải ở trước ta đây ăn một phần, còn sáu thăng gói lại mang đi nhanh, đi nhanh lên!"

Tốt Ngũ nuốt lệ cố quyết chối từ, nói rằng:

- Bỏ mẹ xuất gia, việc ấy phận làm con cũng khó mà kham chịu được; hà huống lương thực dành cho mẹ mấy ngày lại mang đi hết, như thế người trong thiên hạ sẽ nói con như thế nào?

Bao lần từ chối, bấy lần khuyên bảo, cuối cùng Tốt Ngũ đành trái ý mình, nửa đêm lên đường. Trải qua ba ngày, đến được Thái bá sơn, lễ ngài Nghĩa Tương cạo tóc xuất gia làm đệ tử, pháp danh là Chân Định. Tu học được ba năm, một hôm nghe tin mẹ qua đời, Sư kiết già nhập định bảy ngày mới xuất. Có người nói rằng: "Vì sợ đau thương cùng tột không thể chịu nỗi, nên mới dùng nước định để rửa sạch". Hoặc cho rằng: "Đó là Sư nhập định quán sát nơi sinh về của mẹ". Hoặc cho rằng: "Đó là Sư theo lý như thật để cầu phước cho mẹ".

Sau khi xuất định, Sư thưa lại với ngài Nghĩa Tương, ngài Nghĩa Tương bèn dẫn môn đồ đến Chùy động ở Tiểu bá sơn kết thảo am, tụ tập ba ngàn người, lập kỳ hạn chín mươi ngày giảng kinh Hoa Nghiêm, có môn nhân là Trí Thông theo lời giảng tóm lược yếu chỉ, biên thành hai quyển gọi là Chùy Động Ký lưu hành ở đời. Sau đó người mẹ báo mộng rằng: "Ta đã sinh về cõi trời!"

***Đại Thành hiếu dưỡng cha mẹ hai đời:***

Người đàn bà nghèo ở thành Mâu Lương (còn gọi là Phù Vân thôn) tên là Khánh Tổ sinh được một con trai. Vì đầu lớn mà đỉnh đầu bằng, nên đặt tên là Đại Thành. Vì gia đình nghèo khó nên phải làm công nơi tiệm buôn nhà Phước An, được gia đình này cấp mấy mẫu ruộng để làm tài sản sinh sống. Một hôm có một vị Khai sĩ tên là Tiệm Khai muốn lập hội Lục Luân ở chùa Hưng Luân, nên đến nhà Phước An quyên góp, An cúng dường năm mươi xấp lụa. Khai sĩ chúc rằng: "Đàn-việt thành tâm cúng dường, thiên thần thường hộ trì, thí một được vạn, gia đình an lạc, thọ mạng dài lâu!".

Đại Thành nghe như thế liền trở về nhà nói với mẹ rằng:

- Con nghe vị tăng kia nói rằng: Thí một được vạn, con nghĩ rằng đời trước chúng ta không tạo phước thiện, nên ngày này mới khốn khổ. Nếu nay lại chẳng bố thí thì đời sau lại càng nghèo khổ hơn. Cúng dường mấy mẫu ruộng thuê ấy vào pháp hội, để mong phước báo mai sau, mẹ thấy thế nào?

Người mẹ đồng ý, do đó cúng tất cả ruộng cho vị tăng. Không bao lâu Đại Thành qua đời. Đêm hôm ấy nơi nhà của Tể tướng Kim Văn Lượng có chư Thiên xướng rằng:

- Đại Thành ở làng Mâu Lương sẽ gá sinh vào nhà ngươi! Mọi người trong nhà đều kinh hãi, sai người đến Mâu Lương kiểm nghiệm, quả thật Thành đã mất. Ngày hôm ấy, đồng thời với lúc trời xướng, thì người có thai sinh ra một bé trai, tay trái nắm chặt, bảy ngày sau mới mở, trong đó có một thẻ vàng, trên khắc hai chữ Đại Thành, do đó cũng đặt tên là Đại Thành. Gia đình Tể tướng lại đón người mẹ trước vào dinh nuôi dưỡng.

Đại Thành lớn lên rất thích săn bắn; một hôm lên núi Thổ Hàm săn được một con gấu, đêm ấy nghỉ lại ở một làng dưới núi này, mộng thấy gấu biến thành quỷ nói rằng: “Vì sao ngươi giết ta, ta sẽ ăn thịt lại ngươi!”. Đại Thành sợ hãi xin dung tha. Quỷ nói rằng: “Có thể vì ta mà lập chùa chăng?”. Thành đồng ý và phát thệ. Tỉnh giấc mồ hôi đã toát ra ướt cả chăn. Từ đó về sau cấm săn bắn. Vì gấu lập chùa Trường Thọ tại nơi săn bắn. Cũng nhân đó mà tâm có cảm, bi nguyện càng tăng cao, bèn vì cha mẹ hiện đời mà lập chùa Phật Quốc, vì cha mẹ đời trước mà lập chùa Thạch Phật, thỉnh hai Thánh sư là Thần Lâm và Chân Biểu trụ trì, mở rộng việc giáo hóa. Báo đáp công dưỡng dục, một thân mà hiếu dưỡng cha mẹ hai đời, thật xưa nay ít nghe nói. Sự ứng nghiệm của cúng dường có thể chẳng tin ư?

Đại Thành định tạc tượng Phật bằng đá, lại muốn dùng tảng đá lớn làm khám thờ, bỗng nhiên tảng đá vỡ làm ba. Đại Thành tức giận rồi thiếp đi. Ban đêm mộng thấy Thiên Thần đến tạo xong rồi trở về trời, mà Đại Thành mới tỉnh giấc. Thành liền đến Nam lĩnh đốt gỗ hương cúng Thiên thần. Do đó núi này gọi là Hương Lĩnh. Nghệ thuật điêu khắc, tạo tạc gỗ đá trên tháp Vân Thê chùa Phật Quốc, không có các chùa nào ở Đông đô hơn được. Đó là những điều mà Hương Truyện đã ghi. Còn Tự Ký trong chùa thì ghi rằng: “Vào năm Tân Mão, niên hiệu Thiên Bảo thứ mười, đời Cảnh Đức Vương, Tể tướng Đại Thành xây dựng chùa Phật Quốc, đến ngày hai tháng mười hai năm Giáp Dần, niên hiệu Đại Lịch đời Tuệ Cung thì Đại Thành qua đời, người trong nước tiếp tục xây dựng mới hoàn thành. Đầu tiên thỉnh vị Đại Đức Du-già Hàng Ma trụ chùa này, kế tục mãi đến nay”. Như thế thì khác với truyện xưa. Chưa rõ là thuyết nào đúng. Tán rằng:

*Mâu Lương xuân qua thí ba mẫu*
*Hương Lĩnh thu về được vạn kim*
*Nhà Huyên trăm năm nghèo chợt quý*
*Sân Hòe nhất mộng trải ba đời.*

***Xá nhân Hướng Đắc cắt thịt đùi dâng cha:***

Vào đời Cảnh Đức Vương, ở Hùng Xuyên châu có xá nhân Hướng Đắc, gặp năm mất mùa, cha của Đắc hầu như sắp chết đói, Hướng Đắc bèn cắt thịt đùi của mình để nuôi cha. Người trong châu huyện tâu việc này lên Vương, Cảnh Đức Vương liền ban cho năm trăm thạch lúa.

***Tôn Thuận chôn con:***

Vào đời Hưng Đức Đại Vương có Tôn Thuận (bản xưa ghi là Tôn Thuấn) người ở làng Mâu Lương, cha là Hạc Sơn. Cha qua đời, Tôn Thuận cùng với vợ chỉ biết đến giúp việc nhà người, kiếm gạo thóc về nuôi mẹ. Người mẹ tên là Vận Ô. Vợ chồng Thuận có một đứa con, thường giành hết phần cơm của mẹ. Thuận rất khó xử. Một hôm bàn với vợ rằng: "Con thì còn có thể có được, mẹ thì khó tìm cầu, nay nó giành phần ăn của mẹ, mẹ đói làm sao chịu nổi. Hãy chôn đứa con để mong cho mẹ được no đủ". Vợ chồng bèn mang con đến phía Bắc Túy sơn (tại Tây bắc thôn Mâu lương), đào huyệt để chôn con, bỗng nhiên nhặt được một cái chuông đá rất kỳ lạ. Vợ chồng kinh ngạc treo chuông lên một cành cây rồi đánh thử. Chuông phát ra âm thanh từ hòa dễ nghe. Người vợ nói rằng: "Được vật lạ, ắt là phước của con, chẳng thể chôn nó". Tôn Thuận cũng cho là thế. Vợ chồng mang đứa con và chuông đá trở về, treo chuông lên xà nhà rồi đánh. Tiếng chuông vang đến cung đình. Hưng Đức Vương nghe được nói với mọi người rằng: "Ngoại thành phía Tây có tiếng chuông lạ, trong mà vang xa, không giống các tiếng chuông khác, các ngươi nhanh đi tìm hiểu xem!".

Người của vua đến kiểm xét nhà của Thuận, rồi trở về tâu lại đầy đủ. Vương nói:

- Ngày xưa Quách Cự chôn con, trời ban cho vạc bằng vàng; ngày nay Tôn Thuận chôn con, đất lại xuất hiện chuông đá. Hiếu xưa, hiếu nay đất trời đồng soi xét.

Nói xong Vương ban cho Thuận một ngôi nhà, hàng năm cấp cho năm mươi thạch lương thực, để tỏ lòng chuộng sự thuần hiếu. Tôn Thuận đổi nhà cũ của mình thành chùa, đặt tên là Hoằng Hiếu, cất giữ chuông đá ở đây. Đến đời Chân Thánh Vương, giặc Bách Tế xâm nhập vào làng, nên chuông đã mất mà chùa vẫn còn. Nơi được chuông gọi là Hoàn Hô Bình, nay lầm gọi là Chi Lương Bình.

***Người con gái nghèo nuôi mẹ:***

Hiếu Tông Lang đến Bào Thạch Đình (hoặc gọi là Tam Hoa

Thuật), môn khách đi theo rất đông, nhưng chỉ có hai người còn ở lại phía sau. Hiếu Tông hỏi nguyên do, hai người ấy nói rằng: Tại ngôi làng phía Đông chùa Phấn Hoàng có một người con gái khoảng trên dưới hai mươi tuổi đang ôm người mẹ mù lòa, cả hai đang than khóc. Hỏi người trong làng, thì được kể rằng: "Người con gái này nhà rất nghèo, đi xin về nuôi mẹ đã nhiều năm. Gặp năm mất mùa đói kém, đi xin cũng rất khó được người giúp đỡ. Cô gái liền bán thân vào nhà người được ba mươi thạch gạo, gởi trong một nhà giàu để làm việc. Chiều tối mang gạo về nhà, nấu đến nửa đêm, sáng sớm thì đến nhà giàu kia làm việc. Trải qua vài ngày như thế, người mẹ nói rằng: "Lúc trước ta ăn cám mà tâm bình ổn, gần đây ăn được cơm ngon mà gan ruột như có gai đâm, mà tâm thì chẳng an. Vì sao thế?"

Người con gái bèn nói ra sự thật. Người mẹ liền thống khổ khóc lóc; người con gái than thở cho mình, chỉ vì muốn phụng dưỡng mẹ mà mất đi nhan sắc. Vì thế mẹ con ôm nhau khóc. Chúng tôi thấy vậy nên dừng lại xem!

Hiếu Tông Lang nghe nói thầm cảm động, gửi tặng một trăm hộc lúa, cha mẹ của Tông gởi một bộ áo quần, một ngàn môn đồ của Tông thu góp cho một ngàn thạch lúa. Sự việc truyền đến cung đình, Chân Thánh Vương ban cho năm trăm thạch lúa, một ngôi nhà. Sai quân lính bảo vệ, đề phòng trộm cướp. Ban biển đề là "Hiếu Dưỡng Chi Lý". Sau hai mẹ con cải nhà làm chùa, đặt tên là Lưỡng Tôn Tự.

---------------------------------

# HẬU BẠT

Ba nước phương Đông ta có hai bản Bản Sử Di Sự, họ Không ấn hành, nên chỉ còn một bản ở phủ ta; nhưng trải qua thời gian lâu xa nên bị rách nát, thiếu khuyết, một hàng chỉ có thể đọc được bốn, năm chữ. Tôi chỉ là kẻ sĩ đời này, xem khắp tất cả kinh sử, những việc trị loạn, hưng suy trong thiên hạ, cùng các sự tích kỳ lạ còn muốn biết rõ; hà huống gì người sống ở nước ấy, mà chẳng biết việc của nước mình, có thể được ư? Do đó muốn khắc lại, nên tôi đã tìm cầu bản hoàn chỉnh khắp nơi, tìm đọc mấy năm mà chẳng có. Bởi vì nó rất ít lưu hành ở đời, mọi người chẳng dễ gì gặp được. Như thế có thể biết, nếu nay không khắc lại thì việc xưa ở phương Đông sẽ thất truyền, người đời sau chẳng thể nào nghe biết, thật đáng than tiếc mà thôi! May thay cho bản văn của tôi! Mục sứ Tinh châu là Quyền Công nghe tôi tìm cầu, nên tìm được một bản hoàn chỉnh gởi đến. Tôi vui mừng lãnh nhận, trình lên Giám Ti An Tướng Quốc, Đô Sự Phác Hầu, mọi người cho là việc tốt. Bấy giờ phân chia khắc bản ở các nơi rồi đem trở về giữ tại bản phủ.

Ôi! Vật đã tồn tại lâu ắt sẽ phế, đã phế thì ắt có hưng; hưng rồi phế, phế rồi hưng đó là lẽ thường. Biết lẽ thường thì có lúc sẽ hưng thịnh. Để vĩnh viễn lưu truyền, thì cũng hy vọng nơi bậc tuệ học đời sau vậy.

Tháng chạp mùa đông năm Nhâm Thân, niên hiệu Chánh Đức triều Minh, Phủ Y Suy Thành Định Nạn Công Thần, Gia Thiệu Đại Phu, Khánh Châu Trấn Binh Mã Tiết Chế Sứ Toàn Bình Quân Lý Kế Phước kính ghi lời bạt.

Hiệu chính:

Sinh viên Lý Sơn Phụ, Thôi Khởi Đồng.

Trung Thuận Đại Phu Hành Khánh Châu Phủ Chế Quan, Khánh Châu Trấn Binh Mã Tiết Chế Đô Úy Lý Lưu.

Phụng Trực Lang Thú, Khánh Thượng Đạo Đô Sự Phác Toàn.

Suy Thành Định Nạn Công Thần Gia Tỉnh Đại Phu Khánh Thượng Đạo Quán Sát Sứ kiêm Binh Mã Thủy Quân Tiết Độ Sứ An Đường.

■